

TRẦN THỌ
(BÙI TÙNG CHI chú giải)

TẬP I

**TAM
QUỐC
CHÍ**

NGUY THƯ

Biên dịch: **Bùi Thông**
Hiệu đính: **Phạm Thành Long**

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Mục lục

- [GIỚI THIỆU](#)
- [Quyển 1 – Vũ Đế Kỳ](#)
 - [TÀO THẢO TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 3 - Minh Đế kỷ](#)
 - [TÀO DUÊ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 4 - Tam Thiếu Đế kỷ](#)
 - [TÀO PHƯƠNG TRUYÊN](#)
 - [TÀO MAO TRUYÊN](#)
 - [TÀO HOÁN TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 5 – Hậu Phi truyện](#)
 - [HẬU PHI TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 6 - Đồng nhi Viên Lưu truyện](#)
 - [ĐỒNG TRÁC TRUYÊN](#)
 - [TRUYÊN VIÊN THUẬT](#)
 - [TRUYÊN VIÊN THIÊU](#)
 - [TRUYÊN LỮ BIÊU](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 7 - Lã Bố \(Trương Mac, Trần Đăng\), Tang Hồng truyện](#)
 - [LÃ BỐ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 8 - Nhi Công Tôn Đào tứ Trương truyện](#)
 - [CÔNG TÔN ĐÔ TRUYÊN](#)
 - [ĐÀO KHIÊM TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG DƯƠNG TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG YÊN TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG TÚ TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG LỖ TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG TÚ TRUYÊN](#)
 - [CÔNG TÔN TOẢN TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 9 - Chư Ha Hầu Tào truyện](#)
 - [HA HẦU ĐÔN TRUYÊN](#)
 - [HA HẦU UYÊN TRUYÊN](#)
 - [TÀO NHÂN TRUYÊN](#)

- [TÀO CHÂN TRUYÊN](#)
- [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 10 - Tuân Úc Tuân Du Giả Hủ truyện](#)
 - [TUÂN ÚC TRUYÊN](#)
 - [TUÂN DU TRUYÊN](#)
 - [GIẢ HỦ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 12 - Thôi Mao Từ Hà Hình Bảo Tư Mã truyện](#)
 - [MAO GIỚI TRUYÊN](#)
 - [TƯ MÃ CHI TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 13 - Chung Do Hoa Hâm Vương Lăng truyện](#)
 - [CHUNG DO TRUYÊN](#)
 - [HOA HÂM TRUYÊN](#)
 - [VƯƠNG LĂNG TRUYÊN](#)
- [Quyển 14 - Trình Quách Đổng Lưu Tường Lưu truyện](#)
 - [LƯU DIỆP TRUYÊN](#)
 - [TRÌNH DUC TRUYÊN](#)
 - [QUÁCH GIA TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 15 - Lưu Tư Mã Lương Trương Ôn Giả truyện](#)
 - [TRUYÊN LƯU PHỨC](#)
 - [TRUYÊN TƯ MÃ LANG](#)
 - [TRUYÊN LƯƠNG TẬP](#)
 - [TRUYÊN TRƯƠNG KÝ](#)
 - [TRUYÊN ÔN KHÔI](#)
 - [TRUYÊN GIẢ QUỲ](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 16 - Nhâm Tô Đỗ Trình Thương truyện](#)
 - [TRUYÊN ĐỖ KỶ](#)
 - [TRUYÊN TRÌNH HỒN](#)
 - [TRUYÊN THƯƠNG TỬ](#)
 - [TÔ TẮC TRUYÊN](#)
 - [NHÂM TUẤN TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 17 - Trương Nhạc Vu Trương Từ truyện](#)
 - [NHAC TIẾN TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG CẤP TRUYÊN](#)
 - [TRƯƠNG LIÊU TRUYÊN](#)
 - [TỪ HOẢNG TRUYÊN](#)
 - [VU CẨM TRUYÊN](#)

- [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 18 - Nhi Lý Tang Văn Lã Hứa Điền nhi Bàng Diêm truyện](#)
 - [BÀNG ĐỨC TRUYÊN](#)
 - [ĐIÊN VI TRUYÊN](#)
 - [HỨA CHỦ TRUYÊN](#)
 - [LÝ THÔNG TRUYÊN](#)
 - [VĂN SÍNH TRUYÊN](#)
 - [TANG BÁ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 19 - Nhâm Thành Trần Tiêu Vương truyện](#)
 - [TRUYÊN NHÂM THÀNH UY VƯƠNG TÀO CHƯƠNG](#)
 - [TRUYÊN TRẦN TƯ VƯƠNG TÀO THỨC - TÀO HÙNG](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 20 - Vũ Văn thế Vương Công truyện](#)
 - [Phần 1](#)
 - [Phần 2](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 22 - Hoàn nhi Trần Từ Vô Lư truyện](#)
 - [TRẦN THÁI TRUYÊN](#)
 - [TRẦN KIÊU TRUYÊN](#)
 - [TRẦN QUẦN TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 24 - Hàn Thôi Cao Tôn Vương truyện](#)
 - [TÔN LỄ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 25 - Tân Bì Dương Phu Cao Đường Long truyện](#)
 - [DƯƠNG PHU TRUYÊN](#)
 - [TÂN BÌ TRUYÊN](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 26 - Mãn Điền Khiên Quách truyện](#)
 - [TRUYÊN MẢN SÙNG](#)
 - [TRUYÊN ĐIỀN DƯ](#)
 - [TRUYÊN KHIÊN CHIÊU](#)
 - [TRUYÊN QUÁCH HOÀI](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 28 - Vương Vô Khâu Gia Cát Đăng Chung truyện](#)
 - [CHUNG HỘI LIẾT TRUYÊN](#)
 - [ĐĂNG NGẢI TRUYÊN](#)
 - [TRUYÊN QUÁN KHÂU](#)
 - [TRUYÊN GIA CÁT ĐẢN](#)
 - [VƯƠNG LĂNG TRUYÊN](#)

- [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 29 - Phương kỹ truyền](#)
 - [TRUYÊN HOA ĐÀ](#)
 - [TRUYÊN ĐỖ QUỲ](#)
 - [TRUYÊN CHU KIẾN BÌNH](#)
 - [TRUYÊN QUẢN LÔ](#)
 - [\[Chú thích \]](#)
- [Quyển 30 - Ô Hoàn Tiên Ti Đông Di truyền](#)
 - [TRUYÊN VỀ CÁC TỘC NGƯỜI Ô HOÀN TIÊN TI](#)
 - [TRUYÊN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG](#)
 - [TRUYÊN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG \(TIẾP\)](#)
 - [\[Chú thích \]](#)

GIỚI THIỆU

Tam quốc chí là một sử liệu chính thức và có căn cứ về thời đại Tam Quốc của Trung Quốc từ năm 189 đến năm 280, do Trần Thọ biên soạn vào thế kỉ thứ 3. Tác phẩm này hình thành từ các mẩu chuyện nhỏ kể về các nước Ngụy, Thục và Ngô của thời đại này, đồng thời là nền tảng cho cuốn tiểu thuyết lịch sử rất phổ biến là Tam quốc diễn nghĩa được viết vào thế kỉ 14.

Trần Thọ từng làm quan cho nhà Thục Hán, sau khi Thục Hán diệt vong đến Lạc Dương làm quan cho nhà Tây Tấn. Trần Thọ đã dựa vào các sử liệu cơ bản như Ngụy thư của Vương Thâm, Ngụy lược của Ngưu Hoạn, Ngô thư của Vi Chiêu... để viết Tam quốc chí, thuật lại lịch sử Trung Quốc từ khởi nghĩa Khăn Vàng vào cuối thời Đông Hán đến khi Tây Tấn thống nhất Trung Quốc, tức từ năm Trung Bình thứ nhất đời Hán Linh Đế (184) đến năm Thái Khang thứ nhất đời Tấn Vũ Đế (280). Tam quốc chí được chia làm 4 phần gồm 66 quyển: Ngụy quốc chí 30 quyển, Thục quốc chí 15 quyển, Ngô quốc chí 20 quyển, ngoài ra còn có 1 quyển Tự lục (lời tựa) nhưng đến nay đã bị thất truyền. Lúc đầu ba tác phẩm Ngụy chí, Thục chí và Ngô chí tồn tại riêng rẽ, đến năm Hàm Bình thứ 6 thời Bắc Tống (1003) hợp nhất đổi tên thành Tam quốc chí.

Trần Thọ là quan nhà Tấn, do đó phải lấy triều đại đã nhường ngôi cho Tấn là Tào Ngụy làm chính thống.

Ngụy chí xếp các Hoàng đế nhà Ngụy vào bản kỷ, Tào Tháo tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng đế nhưng cũng được xếp vào bản kỷ. Có 4 quyển bản kỷ là Vũ Đế kỷ (Tào Tháo), Văn Đế kỷ (Tào Phi), Minh Đế kỷ (Tào Duệ) và Tam Thiếu Đế kỷ (Tào Phương, Tào Mao và Tào Hoán). Các văn thư nói về việc các vua Ngụy xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đều không chép (ngoại trừ chiếu nhường ngôi của Hán Hiến Đế - Hán Hiến Đế thiện nhượng sách văn, các văn thư khác chỉ do Bùi Tùng Chi chú thích).

Thục chí xếp Lưu Bị vào liệt truyện tức Tiên chủ truyện (mặc dù Lưu Bị xưng đế), không gọi trực tiếp tên húy, khi chết dùng chữ băng ngang địa vị với chữ tồ. Các văn thư nói về việc Lưu Bị xưng vương, xưng đế, trị nước và việc tang đều chép đầy đủ (có thể do tình lưu luyến với cố quốc). Hoàng đế thứ hai nhà Thục Hán là Lưu Thiện được xếp vào Hậu chủ truyện.

Ngô chí trong nguyên bản gọi thẳng tên húy các vua Đông Ngô như Tôn Quyền truyện, Tôn Lượng Tôn Hưu Tôn Hạo truyện; cách gọi hiện nay Ngô chủ truyện, Tam tự chủ truyện là do người đời sau sửa lại. Trong phần Ngô

chủ truyện có chép Nam giao tức Hoàng đế vị nói về việc Tôn Quyền tuyên bố xưng đế, còn văn thư dâng đàn tế cáo trời đất thì không chép, chỉ có trong phần chú thích của Bùi Tùng Chi.

Đồng thời để tôn trọng sự thống trị của nhà Tấn, Tam quốc chí không viết liệt truyện về các nhân vật Tư Mã Ý, Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu (do được Tấn Vũ Đế Tư Mã Viêm truy đặt thụy hiệu). Ngoài ra, tác giả cũng lược bỏ nguyên nhân Tào Tháo xử tử nhân vật Khổng Dung.

Vào thời Đông Hán, sử học tiếp nhận ảnh hưởng từ trào lưu đơn giản hóa của kinh học nên xuất hiện trào lưu giản lược hóa các tài liệu lịch sử. Trong bối cảnh đó, đã xuất hiện Tam quốc chí của Trần Thọ với nội dung giản lược về thời đại Tam quốc. Sau khi Trần Thọ mất hơn trăm năm, nhiều sử liệu về thời Tam quốc xuất hiện, Tống Văn Đế thời Nam-Bắc triều thấy nội dung của Tam quốc chí quá sơ lược nên đã ra lệnh cho Bùi Tùng Chi chú thích. Bùi Tùng Chi đã tập hợp các sử liệu để bổ sung các phần mà Tam quốc chí không chép hoặc chép thiếu bằng 6 phương pháp:

1. Dẫn lời bàn luận của nhiều tác gia khác nhau để phân định phải trái.
2. Tham khảo ý kiến của nhiều tác gia khác nhau để xét chân giả, thực hư.
3. Sự việc trong các truyện đều kể rõ mọi đầu đuôi, uẩn khúc.
4. Bổ sung các sự việc còn thiếu cho các truyện.
5. Kể rõ cuộc đời của các nhân vật trong các truyện.
6. Phụ thêm các nhân vật còn thiếu cho các truyện.

Theo thống kê của một số học giả, thì số tư liệu mà Bùi Tùng Chi dùng để chú giải Tam quốc chí là khoảng 240 loại, gấp 3 lần so với nguyên bản Tam quốc chí. Mã Niệm Tổ trong tác phẩm Thủy kinh chú đăng bát chủng cổ tịch dẫn dụng thư mục vị biên cho rằng số tư liệu mà Bùi Tùng Chi sử dụng là 203 loại. Hiện nay, theo thống kê bản hiệu đính Tam quốc chí tại Trung Hoa thư cục đã phát hiện phần chính văn của Trần Thọ có 366657 chữ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi có 320799 chữ. Tống Văn Đế đương thời gọi công việc chú thích của Bùi Tùng Chi là “bất hủ”. Các sử gia đời sau như Tư Mã Quang (thời Bắc Tống) khi biên soạn Tư trị thông giám đã tổng hợp các truyện ký trong Tam quốc chí của Trần Thọ và phần chú thích của Bùi Tùng Chi để miêu tả trận chiến Xích Bích.

Bản Tam quốc chí do Bùi Tùng Chi chú thích là bản thông dụng nhất hiện nay, còn gọi là **Trần chí, Bùi chú** .

Không thể phủ nhận được rằng, những sự kiện lịch sử thời Tam Quốc cùng với các nhân vật của nó trở nên sống động, lưu truyền rộng rãi và có ảnh hưởng sâu đậm ở khu vực châu Á một phần là nhờ ở bộ tiểu thuyết Tam Quốc diễn nghĩa của La Quán Trung. Tuy nhiên cũng phải công nhận là thời đại Tam Quốc với những biến cố long trời lở đất giống như một cái bản lề,

xoay chuyển xã hội Trung Quốc từ thịnh trị của đời Hán sang hỗn loạn của những Bát vương chi loạn, Ngũ Hồ loạn Hoa, Thập Lục quốc. Rất nhiều nguyên nhân của cả thịnh trị lẫn loạn lạc này để lại dấu vết trong thời đại Tam Quốc và được ghi lại trong Tam Quốc chí chú. Như vậy có thể nói Tam Quốc chí chú là một sử liệu hiếm hoi có cả sức cuốn hút lẫn giá trị khảo cứu cao.

QUYỀN 1 – VŨ ĐỀ KỶ

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

TÀO THÁO TRUYỆN

Thái Tổ Vũ Hoàng Đế người Tiêu Quận nước Bái. Họ Tào, húy Tháo, tự Mạnh Đức, vốn dòng dõi Tướng Quốc nhà Hán là Tào Tham.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ có tên sơ sinh là Cát Lợi, tên khi bé là A Man. Ngụy Thư của Vương Trâm chép: (họ Tào) vốn gốc Hoàng Đế. Vào đời Cao Dương, người con của Lục Chung tên là An được ban họ Tào. Khi Châu Vũ Vương đánh Ân, bắt đầu triều Châu, phong cho Tào Hiệp đất Chu. Vào thời Xuân Thu, có tham dự minh hội⁽¹⁾, đến thời Chiến Quốc, bị nước Sở diệt. Con cháu ly tán, vài người dời nhà đến đất Bái. Khi Hán Cao Tổ nổi lên, Tào Tham nhờ công được phong Bình Dương Hầu, con cháu tập tước, vài lần bị dứt nhưng đều được tái lập cho đến ngày nay⁽²⁾ ngôi vị tại Dong thành.

Thời Hoàn Đế, Tào Đằng được dùng làm Trung Thường Thị Đại Trường Thu, phong Phí Đình Hầu.

Tục Hán Thư của Tư-mã Bưu chép: cha Đằng là Tiết, tự Nguyên Vĩ, có tiết hạnh nhiều người khen. Có lần người hàng xóm mất lợn giống như con lợn của Tiết. Hắn bèn đoạt lấy nhưng Tiết không giận. Sau đó, con lợn của hắn tự về nhà, người hàng xóm xấu hổ đem lợn trả và tạ Tiết, Tiết chỉ cười nhận lại lợn. Vì thế, được mọi người khen ngợi. Người con trưởng tự Bá Hưng, kế Trọng Hưng, rồi Thúc Hưng. Đằng, tự Quý Hưng⁽³⁾, từ bé vào cung làm Hoàng Môn Lang. Năm đầu Vĩnh Ninh, Đặng Thái Hậu xuống chiếu sai quan Hoàng Môn Lệnh tuyển trong số Hoàng Môn người nào tuổi tác, tính tình thích hợp để cùng học với Thái Tử. Qua đó, Đằng được chọn. Thái Tử yêu thích Đằng và thường ban Đằng quà rượu hơn hẳn kẻ khác. Đến khi Thái Tử lên ngôi, tức Thuận Đế, cho Đằng làm Tiểu Hoàng Môn, rồi thăng đến Trung Thường Thị Đại Trường Thu. Đằng giữ chức này hơn 30 năm, trải 4 đời vua, trước nay chưa ai được vậy. Đằng thích tiến cử hiền tài và không bôi nhọ ai. Trong số được Đằng tiến cử, từ Trần Lưu có Ngụ Phóng, Biện Thiệu, Nam Dương có Diên Cố, Trương Ôn, Hoàng Nông có Trương Hoán, Dĩnh Xuyên có Đường Khê, thầy đều cầm chức lớn. Đằng cũng không vì thế khoe khoang. Sau, Thái-thủ Thục Quận gửi thư riêng cho Đằng bị Thứ-sử Ích Châu Thứ sử Chung Cảo bắt được. Cảo dâng biểu xin bãi chức Đằng vì Đằng có liên lạc với các quan bên ngoài. Hoàng Đế đáp: “Thư ấy từ bên ngoài gửi vào, có phải do Đằng thảo đâu? Đằng vô tội.” Nên biểu của Cảo bị bỏ qua. Đằng cũng không vì chuyện ấy kết thù oán, vẫn khen ngợi tiết hạnh Cảo như thường. Sau Cảo làm đến Tư Đồ, có nói với mọi người rằng: “Tôi được ngày hôm nay nhờ Tào Thường thị”. Những việc khác Đằng làm cũng tương tự thế. Khi Hoàn đế lên ngôi, vì Đằng là tôi tiên

triều, lòng trung hiếu của Đấng được tôn vinh, rồi phong làm Phi Đình Hầu. Năm Thái Hòa thứ 3⁽⁴⁾, truy tôn Đấng làm Cao Hoàng Đế.

Con Đấng là Tung nổi tước, làm đến Thái Úy, nhưng không ai biết nguồn tích của Tung ra sao⁽⁵⁾. Tung sinh ra Thái Tổ.

Tục Hán Thư: Tung tự Cự Cao, tính đôn hậu, ai cũng tường lòng trung hiếu. Ban đầu làm Tư Lệ Hiệu Úy, rồi Linh Đế thăng lên làm Đại Tư Nông, Đại Hồng Lô, rồi thay Thôi Liệt làm Thái Úy⁽⁶⁾. Hoàng Sơ năm đầu, truy tôn Tung làm Thái Hoàng Đế. Tào Man truyện của người Ngô và Thế Ngữ của Quách Ban cùng chép: Tung là con dòng họ Hạ Hầu và là em bố Hạ Hầu Đôn. Nên Thái Tổ và Đôn là anh em họ.

Thái Tổ khi bé tuy nhanh trí, nhưng ham chơi, lêu lổng, không màng đến sự nghiệp. Mọi người vì thế không cho Thái Tổ sẽ nên tích sự gì.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ khi bé chỉ thích đua chó, săn chim, lêu lổng tới ngày, hay bị người chủ đến mách bố. Thái Tổ bị răn trách. Sau nhân gặp người chủ trên đường, giả lên con động kinh sùi bọt mép. Người chủ hoảng hốt hỏi thăm. Thái Tổ đáp “Trúng phải gió độc rồi!”. Người chủ vội vàng chạy đến báo với Tung. Tung kinh hãi, gọi Thái Tổ đến, thấy Thái Tổ vẫn bình thường. Tung hỏi: “Chú nói mà trúng gió. Có không?” Thái Tổ đáp: “Con có gì đâu. Chú không thích con, nên chỉ thấy những chuyện xấu”. Tung do vậy đâm ra nghi ngờ. Từ đó trở đi, Tung không tin những gì người chủ nói về Thái Tổ nữa, Thái Tổ lại càng táo tợn hơn.

Duy có người nước Lương là Kiều Huyền, người Nam Dương là Hà Ngung lại cho là khác. Huyền bảo Thái Tổ rằng: “Thiên Hạ sắp loạn to, không phải người có tài ‘mệnh thế’ tất không cứu được. Ông chính là người đó!”.

Ngụy Thư viết: Thái Úy Kiều Huyền, vốn nổi tiếng biết coi người, cho Thái Tổ khác thường, nói: “Tôi biết hầu hết danh sĩ thiên hạ, nhưng chưa thấy ai được như ông! Ông ráng giữ lấy mình. Tôi già quá! Vợ con gởi gắm nơi ông đây!” Thanh danh Thái Tổ nhờ đó càng nổi.

Tục Hán Thư viết: Huyền, tự Công Tổ, nghiêm minh và có tài lược, giỏi coi người.

Hán Ký của Trương Phan chép: Huyền khi ở ngôi cao trong ngoài tỏ tư cách, khiêm nhượng với kẻ dưới. Lại không vì quyền quý vương khanh mà kết thân. Vào năm Quảng Hòa Huyền làm Thái Úy, được một thời gian vì bệnh nên thôi, được phong Thái Trung Đại Phu, rồi mất. Nhà nghèo không sản nghiệp, linh cửu không đồ ‘táng khí’ chôn theo. Người đương thời cho là danh thần.

Thế Ngữ chép: Huyền bảo Thái Tổ: “Ông vẫn ít người biết, nên làm quen với Hứa Tử Tương” Thái Tổ đến làm quen, Tử Tương chịu cho, nhờ vậy

người ta biết tiếng.

Sách Dịch Đồng Tục Ngữ của Tôn Thịnh chép: Thái Tổ một lần lên vào nhà Trung Thường Thị Trương Nhượng. Nhượng cảm được, Thái Tổ bèn cầm thủ kích vẫn trung ngoài sân rồi nhảy qua tường bỏ đi. Tài vũ Thái Tổ lại hơn hết mọi người, không ai hại được. Sách nào cũng biết, đặc biệt là binh thư. Gom gộp binh pháp mọi nhà viết lại rõ ràng — gọi là ‘Tiếp Yếu’, còn ghi chú cả 13 chương binh pháp của Tôn Tử, thấy đều còn truyền. Thường hỏi Hứa Tử Trương: “Tôi là người thế nào?” Tử Trương không đáp. Cố hỏi, Tử Trương rằng: “Thời bình người là năng thần, thời loạn người là gian hùng”. Thái Tổ cười to.

Năm hai mươi tuổi, được đề cử Hiếu Liêm, làm chức Ủy một bộ ở Bắc Lạc Dương, rồi đổi qua làm Huyện Lệnh Đồn Khâu.

Tào Man truyện: Ban đầu mới giữ chức Ủy, Thái Tổ sửa sang trị sự. Làm roi 5 màu, dựng hai bên cổng tất cả 10 cây. Ai phạm phải điều cấm, bất kể có là cường hào, đều bị nọc ra đánh đến chết. Được vài tháng, hôm ấy người chú của Tiểu Hoàng Môn Kiến Thạc, sủng thần của vua Linh Đế, đi đêm bị bắt, Thái Tổ sai đập đến chết. Kinh Đô nhờ vậy yên ổn, không ai dám phạm luật. Bọn sủng thần do đó đều ghét, nhưng không ai làm gì được. bèn cùng nhau tiến cử cho đổi qua làm Huyện Lệnh ở Đồn Khâu.

Sau đó làm Nghị Lang.

Ngụy Thư chép: Chồng em họ Thái Tổ là cường hào Tống Kỳ bị giết, phạm thân thích đều bị giải quan. Sau, vì Thái Tổ giỏi cổ học, được mời ra làm Nghị Lang. Đại Tướng Quân Đậu Vũ cùng Thái Phó Trần Phiền mưu diệt hoạn quan, nhưng ngược lại cùng bị giết. Thái Tổ dâng thư nói: do Trần, Vũ cùng những người chính trực bị hãm hại, gian tà đầy triều, kẻ thiện bị chèn ép, lời lẽ thống thiết; nhưng Linh Đế không màng đến. Sau lại có chiếu truyền xuống cả 3 phủ, sắc rằng: Những ai lên tiếng đòi sửa sang chính trị của châu huyện đều bị coi là tung tin nhảm và đáng cách chức. Từ đó các quan Tam Công thích làm những việc sai quấy không còn là chuyện hiếm, hối lộ lại càng thịnh hành. Lời oán về đám cường bạo đã không ai tâu lên, kẻ yếu ráng giữ mình lại đa phần bị hãm hại. Thái Tổ tức lắm. Nhằm năm nhiều chuyện thiên tai khác thường, bèn dâng thư can gián, giải thích (nguyên nhân thiên tai do) các quan Tam Công rất tâu lên những chuyện tránh đụng chạm đến bọn quý thích⁽⁷⁾. Tâu lên, nhà vua ngộ ra, bèn bãi chức cả tam phủ, những người ‘tung tin nhảm’ được phong làm Nghị Lang. Nhưng từ đó về sau việc chính trị ngày càng loạn, cường bạo lộng hành làm nhiều người bị hãm diệt. Thái Tổ biết mình không thay đổi được gì nên không tâu điều gì nữa.

Cuối thời Quảng Hòa, Hoàng Cấn nổi dậy. Bèn được phong làm Kỵ Đô Ủy, dẹp giặc ở Dĩnh Xuyên. Sau đổi làm Tế Nam Tướng. Nước này gồm 10

huyện, vì các quan Trưởng Sử đa phần dựa vào bọn quý thích, tham ô hối lộ lộ hành. Bèn tâu lên xin đuổi 8 người như thế. Lại cấm ngặt các hành vi tà vạy, bọn gian quỉ vì thế trốn đi, trong quận được yên ổn.

Ngụy Thư: Trưởng Sử nhận hối lộ, dựa vào thế quý thích, những quan Trưởng trước không dám động đến. Nghe tin Thái Tổ đến, xin miễn chức cả đám, lớn nhỏ sợ điếng người, bọn gian quỉ bèn chạy sang quận khác. Việc chính trị nhờ thế củng cố, cả quận thanh bình. Trước đây, Thành Dương Cảnh Vương Lưu Chương có công lớn với nhà Hán, được phong quốc (Thành Dương) lập nhà tù, các quận khác của Thanh Châu đều bắt chước theo. Ở Tế Nam lại càng thịnh hành, xây đến hơn 600 nhà tù. Có tên thương gia giả chiếc kiệu 'nhị thiên thạch' cho chúng khuân trên đường, ca hát xênh xang, xa xỉ vô cùng, trong khi dân tình thì nghèo túng. Quan Trưởng Sử lại không dám cấm các hành vi như thế. Thái Tổ đến, lệnh phá hết các nhà tù, cấm tuyệt cả quan cả dân đến tế ở nhà tù. Đến khi nắm quyền chính, bèn diện trừ nạn thờ cúng quỷ thần gian tà, việc thờ cúng huyền hoặc từ ấy mới dứt.

Ít lâu, được vời làm Thái Thú Đông-quận, nhưng không nhận, xưng bệnh về làng.

Ngụy Thư: Khi bọn quyền thần nắm triều chính, quý thích lộ hành. Thái Tổ không thể thay đổi tính nết che chở cho bọn này. Nhiều lần trái lệnh, sợ họa đến nhà, bèn lui gót giữ mình. Tuy làm Nghị Lang, nhưng thường cáo bệnh, xin về làng. Lại cho xây nhà ngoài thành, Xuân Hạ đọc sách, Thu Đông săn bắn, lấy thế làm vui

Được ít lâu, Thứ-sử Ký Châu Vương Phân, cùng Hứa Du người Nam Dương, Châu Tinh người Bái Quốc liên kết hào kiệt, mưu phé Linh Đế, lập Hợp Phì Hầu, tiết lộ với Thái Tổ nhưng Thái Tổ không theo. Việc sau cũng không thành.

Cửu Châu Xuân Thu của Tư-mã Bưu: Khi con Trần Phiền là Dật cùng Thuật sĩ người Bình Nguyên là Trương Giai hội bàn với Phân, Giai nói: "Thiên văn (có điềm) bất lợi cho bọn Hoạn quan. Bọn Hoàng Môn, Thường Thị thấy sẽ bị diệt tộc". Dật rất vừa lòng. Phân nói: "Nếu thế, tôi nguyện trừ bọn này". Bèn cùng Du kết mưu. Khi Linh Đế muốn về thăm nhà cũ ở Hà Gian, Phân nhân đây lập kế, gửi thư cho cướp Hắc Sơn bảo đánh cướp quận huyện để có dịp khởi binh. Bấy giờ ở phía Bắc xuất hiện làn khí đỏ trải suốt từ Đông sang Tây, quan Thái Sử tâu lên: "Đương có âm mưu, không nên bắc hành". Vua bèn dừng lại, hạ lệnh cho Phân bãi binh, sai gọi đến. Phân sợ, tự sát. Ngụy Thư có thuật lời Thái Tổ cự Phân rằng: "Phé lập là chuyện bất tường cho cả thiên hạ. Người xưa phải nắm hết quyền binh trong tay, tính hết các lễ nặng nhẹ, như Y Doãn, Hoắc Quang mới dám nghĩ đến chuyện đó. Y Doãn đã tỏ được lòng trung, lại có thể là Tế Tướng, trên hết

các quan, nắm mọi đường tiến thoái — việc mới thành. Lại đến Hoắc Quang, nhận lời ủy thác gửi nước, ngôi ở ngôi tông thân. Bên trong nhờ có Thái Hậu nắm hết việc chính trị trọng yếu, bên ngoài lại có sự ủng hộ của các quan. Xương Ấp mới lên ngôi, chưa lấy được lòng quý thích, trong triều cũng không có ai ho he để có thể cùng bàn tính riêng. Nếu không gồm hết những yếu tố này, việc há đã thành. Nay các ông chỉ thấy những thành công đời xưa mà không nhận ra khó khăn hiện tại. Các ông thử tính xem, cộng tất cả các ông lại, có đông bằng ‘thất quốc’ không? Cái quý phái của Hợp Phi Hầu, liệu có bằng Ngô, Sở không⁽⁸⁾? Phàm làm chuyện phi thường, khắc kỷ dục vọng, sao các ông tránh được tai họa!”

Người Kim Thành là Biện Chương, Hàn Toại giết Thứ Sử, Thái Thú làm phản, đông đến hơn 10 vạn người. Thiên hạ tao động. Thái Tổ được vời làm Điện Quân Hiệu Úy. Rồi Linh Đế mất, Thái Tử lên ngôi. Đại Tướng Quân Hà Tiến cùng Viên Thiệu mưu diệt Hoạn quan, Thái Tổ không theo. Tiến muốn vời Đông Trác, nhằm tạo thế uy hiếp Thái Hậu.

Ngụy Thư: Tin đến tai, Thái Tổ cười rằng “Quan hoạn xưa nay có bao giờ không có. Chẳng qua gần đây các vua cho chúng nhiều quyền hành, ân huệ quá mới nên nổi. Muốn trị bọn này, cứ giết mấy tên đầu sỏ, chỉ cần một viên ngục quan là đủ, cần gì phải gọi đến các tướng bên ngoài! Bằng như muốn diệt sạch bọn này, việc thế nào cũng lộ ra, tôi nghĩ là sẽ thất bại”

Trác chưa đến, Tiến đã bị giết.

Trác đến rồi, bèn phế vua làm Hoàng Nông Vương và lập Hiến Đế, Kinh Đô đại loạn. Trác xin cho Thái Tổ làm Kiêu Kỵ Hiệu Úy, muốn dùng. Thái Tổ bèn đổi tên họ, bỏ trốn về Đông.

Ngụy Thư: Thái Tổ ngấm Trác cuối cùng sẽ thất bại, không đến gặp mà trốn về quê nhà. Chạy được vài ngày, đến nhà quen cũ là Lữ Bá Xa tại Thành Cao. Xa không có nhà, con cháu và tân khách hợp muốn cướp đoạt cả ngựa và vật dụng. Thái Tổ cầm dao giết sạch cả nhà.

Theo Thế Ngữ: Thái Tổ ghé ngang, nhưng Bá Xa không có nhà, chỉ có 5 người con bèn chuẩn bị lễ ‘tân khách’. Thái Tổ đang trốn Đông Trác, đâm ra nghi ngờ, đang đêm cầm kiếm giết 8 người.

Theo Tạp Ký của Tôn Thịnh: Thái Tổ nghe tiếng dao chặt thịt, nghĩ bọn này âm mưu hại mình, nên trong đêm giết người. Việc lỡ rồi không tỏ ra hối hận gì, nói: “Tôi thà phụ người, không để người phụ mình!”, rồi đi.

Trốn được ra ngoài quan ải, đến Trung Mâu, bị viên Đình-trưởng nghi ngờ, bắt giải lên huyện. Trong xóm có người biết mặt, xin giúp nên được thả.

Thế Ngữ: (Thái Tổ đến) Trung Mâu bị nghi là kẻ bỏ trốn, bắt giải lên huyện. Viên Duyện vốn đã nhận được trát từ Trác, nhưng viên Công Tào biết lòng Thái Tổ, lại nghĩ đương khi loạn, không nên bắt kẻ hùng tuấn, bèn thả

ra.

Rồi Trác giết Thái Hậu và Hoàng Nông Vương. Thái Tổ đến Trần Lưu, bán gia sản, mộ nghĩa binh đánh Trác. Mùa Đông, tháng chạp, bắt đầu khởi quân tại Kỳ Ngô. Đó là nhằm vào năm Trung Bình thứ 6.

Thế Ngữ: Vệ Tư là Hiếu Liêm của Trần Lưu đem gia tài ra giúp Thái Tổ mộ quân, mộ được 5000 người.

Mùa xuân Năm Sơ Bình nguyên niên tháng giêng, Hậu tướng quân Viên Thuật; Ký châu mục Hàn Phúc;

Anh hùng ký chép rằng: Phúc tự Văn Tiết, người ở quận Dĩnh Xuyên. Làm Ngự sử Trung thừa. Đông Trác tiến cử làm Ký châu mục. Lúc bấy giờ ở Ký châu nhân dân giàu có, binh lương đầy đủ. Viên Thiệu đang ở Bột Hải, Phúc sợ Thiệu dấy binh ở đấy, liền phái mấy viên Tòng sự đến phòng giữ, không được manh động. Đông quận Thái thú Kiều Mạo giả danh Tam công ở Kinh sư gửi thư cho các châu quận, kể ra tội ác của Trác, nói rằng “bị bức bách, không thể tự cứu nổi, ngóng đợi nghĩa binh, cứu quốc gia qua cơn hoạn nạn”. Phúc được thư, họp đám Tòng sự của mình hỏi rằng: “Bây giờ ta nên cứu trợ Viên Thiệu, hay giúp đỡ Đông Trác đây?”. Viên Trị trung Tòng sự là Lưu Tử Huệ nói: “Nay ta hưng binh là vì quốc gia, sao lại nói là vì Viên-Đông!” Phúc tự biết mình nói hớ nên hổ thẹn ra mặt. Tử Huệ lại nói: “Việc binh là chuyện hung hiểm, chớ nên cầm đầu, nay hãy nghe ngóng ở các châu khác xem thế nào, chờ họ phát động trước, ta sẽ phụ họa với họ sau. Ký châu so với các châu khác cũng chẳng vì thế mà yếu đi vậy, người khác có công cũng không bảo là Ký châu không giúp đỡ vậy.” Phúc theo lời ấy. Bèn gửi thư cho Thiệu, nói Trác là kẻ ác, mong bên ấy khởi binh. Dự châu thứ sử Khổng Du;

Anh hùng ký chép: Du tự là Công Tự, người ở quận Trần Lưu.

Sách Hán kỷ của Trương Phan chép lời Trịnh Thái thuyết Trác rằng: “Khổng Công Tự là kẻ chỉ thanh đàm cao luận⁽⁹⁾, mà hơi thở dật dờ như người sắp chết vậy.”

Duyện châu Thứ sử Lưu Đại;

Đại là anh em với Lưu Do, chuyện này thấy chép ở Ngô chí.

Hà nội Thái thú Vương Khuông;

Anh hùng ký chép: “Khuông tự Công Tiết, người ở quận Thái Sơn. Vốn coi nhẹ tiền tài hay giúp đỡ người, dốc lòng làm việc nghĩa. Đại tướng quân Hà Tiến vờ vào làm Phù sứ, Khuông đang ở Từ Châu dẫn 500 quân cung thủ theo hướng Tây thẳng tới kinh sư. Đúng lúc Tiến chết, Khuông lại trở về quê. Khi khởi sự, được phong là Thái thú Hà Nội.

Sách Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Khuông thua nhỏ chơi thân với Sái Ung. Đến năm bị quân của Trác đánh bại, bỏ chạy về Thái Sơn, tụ họp được

mấy nghìn quân dũng mãnh, bèn cùng với Trương Mạc hợp binh. Khuông trước tiên giết chết Chấp kim ngô Hồ Mâu Ban. Đám thuộc hạ của Ban không đánh lại được hết sức phân nộ, bèn dựa vào thế lực của Thái tổ, hợp sức giết Khuông.

Bộ hải Thái thú Viên Thiệu; Trần Lưu Thái thú Trương Mạc; Đông quận Thái thú Kiều Mạo;

Anh hùng ký chép: Mạo tự Nguyên Vĩ, cùng dòng dõi với Kiều Huyền. Trước làm Duyện châu Thứ sử, rất có ân uy.

Son dương Thái thú Viên Di;

Di tự Bá Nghiệp, Thiệu coi như anh. Làm chức lệnh ở Trường An. Trương Siêu ở Hà Gian từng tiến cử Di với Thái úy Chu Tuấn, khen Di là “Viên quan mẫu mực ở đời, mẫn cán mà độ lượng. Trung thực sáng suốt mà ngay thẳng, rộng lòng tha thứ; cai quản trăm họ, dân được phong túc, có tài nhìn vật biết được tên, nay được người ấy, người ở nơi xa sẽ theo về cả.” Điều này thấy ghi chép ở Siêu tập.

Anh hùng ký chép: Thiệu sau dùng Di làm Dương châu Thứ sử, bị Viên Thuật đánh bại.

Thái tổ khen “Đã cao tuổi vẫn miệt mài học tập, chỉ có ta và Viên Bá Nghiệp vậy.” Câu này thấy ghi ở sách Điển luận của Văn Đế.

Tề bắc quốc tướng Bão Tín,

việc có Tín tham dự thấy nói ở Tử Huân truyện.

Bảy giờ đồng thời cùng khởi binh⁽¹⁰⁾, sĩ tốt mỗi đạo đều có mấy vạn người, suy tôn Thiệu làm Minh chủ. Thái tổ làm Phấn Vũ tướng quân.

Tháng hai, Trác hay tin binh mã nổi dậy, bèn dời Thiên tử từ kinh đô đến Tràng An. Binh của Trác đóng ở Lạc Dương, đốt cháy cung thất. Bảy giờ Thiệu đóng binh ở Hà Nội, Mạc-Đại-Mạo-Di đóng quân ở Toan Tảo, Thuật đóng binh ở Nam Dương, Du đóng quân ở Dĩnh Xuyên, Phức vẫn ở huyện Nghiệp. Binh lực của Trác rất mạnh, Bọn Thiệu chẳng ai dám tiến đánh trước. Thái tổ nói: “Chúng ta cất nghĩa binh giết kẻ bạo tàn, đại quân đã hội họp, chư quân sao còn phải hồ nghi nữa? Bọn Đông Trác nghe tin ở Sơn Đông khởi binh, ỷ vào vương thất làm trọng, chiếm cứ hai kinh⁽¹¹⁾ hiểm yếu, ngoảnh về phía Đông xem việc thiên hạ; dẫu chúng ta hành động vô đạo, chỉ bởi chúng gây ra họa vậy. Nay chúng thiêu rụi cung thất, bức thiên tử dời đô, hải nội chân động, sĩ dân chẳng biết hướng về đâu, ấy là lúc trời hại chúng nó vậy. Đánh một trận mà yên định được thiên hạ, cơ hội chẳng nên bỏ lỡ vậy.”

Thái tổ dẫn binh về phía Tây, chiếm cứ Thành Cao. Mạo sai tướng của mình là Vệ Tư cầm một cánh quân đi theo Thái tổ. Đến sông Biện Hà ở Huỳnh Dương⁽¹²⁾, gặp tướng của Trác là Từ Vinh, đánh nhau gặp bất lợi, sĩ

tốt chết và bị thương rất nhiều. Thái tổ bị trúng tên, con ngựa đang cưỡi bị thương, người em họ Thái tổ là Hồng nhường ngựa của mình cho Thái tổ, đêm ấy Thái tổ trốn thoát được. Vinh thấy Thái tổ binh lực ít, nhưng đã đánh nhau trọn ngày, lại cho rằng Toan Tảo chưa thể đánh được, cũng dẫn binh quay về.

Thái tổ về đến Toan Tảo, thấy chư quân binh lực đông đến hơn chục vạn người, ngày ngày tụ họp uống rượu, chẳng có ý đồ tiến thủ gì. Thái tổ trách mắng bọn họ, nhân đó bày mưu rằng: “Chư quân hãy nghe kế của ta, để Bọt Hải⁽¹³⁾ dẫn binh sỹ từ Hà Nội đến Mạnh Tân, các tướng ở Toan Tảo tiến lấy Thành Cao, chiếm cứ Ngao Thương, đóng giữ Hoàn Viên-Thái Cốc, chặn hết chỗ hiểm yếu; phái Viên tướng quân⁽¹⁴⁾ xuất lĩnh quân đội ở Nam Dương và quân Đan-Tích⁽¹⁵⁾ tiến vào Vũ Quan, khiến Tam Phụ⁽¹⁶⁾ chấn động. Nay mọi người lại tường cao lũy sâu, không tiến đánh, khiến binh sỹ ngờ vực, việc trong thiên hạ là thế, theo lẽ thuận đánh kẻ nghịch tặc, có thể yên định được vậy. Nay cất binh làm việc nghĩa, lại ôm mỗi ngờ vực chẳng chịu tiến lên, thật mất cả lòng trông ngóng của thiên hạ, thiết tưởng ba quân đều phải xấu hổ vậy!” Bọn Mạc chẳng chịu nghe kế ấy.

Thái tổ binh ít, bèn cùng với bọn Hạ Hầu Đôn đến Dương Châu mộ binh, Thứ sử Trần ôn, Đan dương Thái thú Chu Hân giúp cho số quân hơn bốn ngàn người. Thái tổ quay về đến Long Kháng⁽¹⁷⁾, số đông sỹ tốt làm phản.

Ngụy thư chép: Binh sỹ toan tính làm phản, đang đêm đốt trường của Thái tổ, Thái tổ vung kiếm giết chết mấy chục người, đám còn lại đều bỏ chạy nháo nhào⁽¹⁸⁾, trốn khỏi quân doanh; đám quân sỹ không làm phản chỉ có 500 người.

Về đến Kiến Bình, lại thu được số binh lính hơn 1.000 người, bèn tiến lên đóng quân ở Hà Nội.

Lưu Đại cùng với Kiều Mạo đánh nhau, Đại giết chết Mạo, lấy Vương Lăng lĩnh chức Đông quận Thái thú.

Viên Thiệu cùng với Hàn Phúc âm mưu lập U châu mục Lưu Ngu làm Hoàng đế, Thái tổ cự tuyệt việc ấy.

Ngụy thư chép lời Thái tổ đáp lại Viên Thiệu rằng: “Đổng Trác gây nên tội ác, sự tàn bạo vang bốn bể, chúng ta tụ họp mọi người, hưng nghĩa binh, xa gần chẳng ai không hưởng ứng, ấy là việc nghĩa khiến thiên hạ cảm động vậy. Nay ấu chủ thơ đại, quyền hành ở cả trong tay gian thần, cũng chưa bằng Xương Ấp vong quốc vì biến loạn, một sớm làm việc phế lập⁽¹⁹⁾, ai sẽ là người vô yên thiên hạ đây? Các ông cứ ngoảnh về Bắc, ta xin hưởng về Tây⁽²⁰⁾.

Thiệu từng bắt được một cái ấn ngọc, ngồi cạnh Thái tổ mở tay cho xem,

Thái tổ bởi thế cứ cười thâm.

Ngụy thư chép: Thái tổ cả cười nói: “Ta không nghe lời ông đâu.” Thiệu lại sai người đến thuyết Thái tổ rằng: “Nay Viên công thế thịnh binh cường, có hai con hùng tráng, là anh hào trong thiên hạ, ai có thể hơn được?” Thái tổ không đáp. Bởi thế cho là Thiệu không ngay thẳng, có mưu đồ diệt đi.

Năm thứ nhì, mùa Xuân, Thiệu, Phúc bèn lập Ngu lên làm Hoàng Đế, rút cuộc Ngu cũng không dám nhận.

Tháng 4, mùa Hạ, Trác về đến Tràng An.

Tháng 7, mùa Thu, Viên Thiệu hiệp Hàn Phúc, chiếm lấy Ký Châu.

Giặc Hắc Sơn là Vu Độc, Bạch Nhiễm, Tuy Cố cùng bộ hạ hơn 10 vạn nổi dậy đánh phá Ngụy Quận, Đông Quận, Vương Lăng⁽²¹⁾ không chống cự nổi. Thái Tổ dẫn quân đến Đông Quận phá quân Bạch Nhiễm ở Bộc Dương. Viên Thiệu bèn dâng biểu xin Thái Tổ làm Đông Quận Thái Thú, giữ Đông Vũ Dương.

Năm thứ 3, mùa Xuân, nhân lúc Thái Tổ đóng quân ở Đôn Khâu, [Vu] Độc đánh Đông Vũ Dương. Thái Tổ bèn dẫn quân về phía tây tiến đánh thẳng vào căn cứ của Độc trên núi.

Ngụy Thư chép: Chư tướng cùng muốn kéo quân về cứu (Đông Vũ Dương). Thái Tổ nói: “Tôn Tẫn cứu Triệu bằng cách đánh Ngụy, Cảnh Yểm muốn chạy về Tây An lại đánh Lâm Truy. Nếu giặc nghe ta tiến về hướng tây mà lui, Vũ Dương tự giải vây; bằng không, ta dẹp sào quỵệt thì dám cướp này cũng không lấy được Vũ Dương.” Chúng bèn cùng đi.

Độc nghe tin, bèn bỏ Vũ Dương quay về. Thái Tổ đánh bắt Tuy Cố, sau lại đánh Ô Phù La người Hung Nô ở Nội Hoàng, đều thắng lớn.

Ngụy Thư chép: Ô Phù La là con Thiên Vu Nam Hung Nô. Vào giữa thời Trung Bình⁽²²⁾, cho Ô Phù La dẫn quân đến giúp nhà Hán. Nhằm lúc trong nước có loạn, Thiên Vu bị giết, Ô Phù La cùng binh chúng bèn ở lại Trung Quốc. Nhân lúc thiên hạ loạn lạc, bèn hợp với bọn cướp Bạch Ba của Tây Hà, phá được Thái Nguyên, Hà Nội, cướp phá các quận lân cận.

Tháng 4, mùa Hạ, Tư Đồ Vương Doãn cùng Lữ Bố giết Đồng Trác. Tướng của Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ giết Doãn và đánh Bố. Bố thua, theo lối Vũ Quan bỏ chạy về phía Đông. Bọn Thôi chiếm hết việc triều chính.

Hơn trăm vạn quân Hoàng Cân của Thanh Châu tiến vào Duyệt Châu, giết Nhiệm Thành Tướng Trịnh Toại. Lại tiến đến Đông Bình. Lưu Đại muốn đánh, Bào Tín can rằng: “Hiện tại giặc hơn trăm vạn, ai ai cũng khiếp đảm, sĩ tốt không có chí chiến đấu, không thể đối địch. Tôi thấy quân giặc có cả gia đình theo, lại không mang đồ tiếp tế, toàn phải dựa vào cướp bóc để sinh sống. Nay chỉ bằng nuôi sức quân sĩ, lo cố thủ từ trước. Giặc muốn giằng trận đánh nhau không được, đánh thành lại không đủ sức, thế ắt ly tán. Rồi ta

tuyên quân tinh nhuệ, nhắm vào chỗ hiểm mà đánh thế nào cũng phá được.” Đại không nghe, cùng giặc đánh nhau, quả nhiên bị giết.

Thế Ngữ chép: Đại chết rồi, Trần Cung bèn bảo Thái Tổ: “Châu ngày nay không có chủ, mà vương mệnh lại đoạn tuyệt, Cung xin thuyết phục bọn người trong châu cho ông thế làm quan Mục. Rồi ta có thể dựa vào đó lấy thiên hạ, lập nghiệp bá vương.” Cung bèn nói với các quan Biệt Giả, Trị Trung rằng: “Ngày nay thiên hạ phân chia, Châu không có chủ. Tào Đông Quận có tài mệnh thế, nếu đón về làm quan Mục có để giúp dân được yên ổn.” Bào Tín và mọi người đồng ý.

Thế rồi, Tín cùng Vạn Tiềm cùng đến Đông Quận mời Thái Tổ làm Duyệt Châu Mục. Rồi tiến quân đánh Khăn Vàng ở phía Đông Thọ Trưng. Tín hết sức đánh nhau, đến chết, nhờ thế mới thắng.

Ngụy Thư chép: Thái Tổ dẫn hơn ngàn quân kỵ, bộ đến xem xét chiến trường, tiến vào trại giặc đánh nhau thất lợi, chết hơn trăm người bèn lui về. Giặc lại tiến quân. Khăn Vàng nổi lên đã lâu, cứ thắng luôn, binh lính tinh nhuệ, hung hãn. Thái Tổ chỉ còn ít binh lính cũ, lính mới chưa thao luyện, trong quân ai nấy đều hoảng sợ. Thái Tổ mặc giáp đội mũ sắt đích thân tuần tra tướng sĩ, khuyên nhủ, thưởng phạt công minh; quân chúng nhờ thế phấn chấn lên, theo lệnh tấn công, đẩy lùi quân giặc. Giặc bèn gửi thư cho Thái Tổ rằng: “Trước đây ở Tế Nam, ông hủy hoại đàn tế thần, đó là cùng đúng theo kinh sách của chúng tôi⁽²³⁾. Trước đây sáng suốt, thế mà ngày nay ông lại u mê. Số Hán đã hết, nhà ‘Hoàng’ lên thay. Mệnh trời định thế, ông há có thể chỉ cậy tài cán mà làm trái được sao?” Thái Tổ đọc xong, mắng nhiếc, khuyên hàng. Rồi đặt phục binh, ngày đêm hợp đánh, bắt được nhiều giặc. Giặc bèn bỏ chạy.

Rồi cho tìm thi thể (Bào) Tín nhưng không được bèn khắc hình hài Tín bằng gỗ, lập đàn khóc tế. Truy đuổi Hoàng Cân đến tận Tế Bắc, giặc tưng quá xin hàng. Mùa Đông, thu hàng được hơn 30 vạn quân, nam nữ hơn trăm vạn người, lại chọn lấy những quân tinh nhuệ, gọi là Thanh Châu binh.

Viên Thuật cùng Viên Thiệu có hiềm khích, Thuật cầu viện Công-tôn Toàn, Toàn phái Lưu Bị đóng ở Cao Đường, Thiên Kinh đóng ở Bình Nguyên, Đào Khiêm đóng ở Phát Cán, cùng bức Thiệu. Thái Tổ cùng Thiệu đánh, đều phá được⁽²⁴⁾.

Năm thứ 4, mùa Xuân, đóng quân ở Quyên Thành. Quan Mục Kinh Châu Lưu Biểu cắt đường tiếp vận của Thuật, Thuật dẫn binh đến Trần Lưu đóng ở Phong Khâu. Dư đảng Hắc Sơn và Ô Phù La cùng đến trợ tá. Thuật sai tướng là Lưu Tường đóng ở Khuông Đình. Thái Tổ đánh Tường, Thuật đến cứu. Đồi bên giáp trận, Thuật thua to, mới lui về giữ Phong Khâu. Sau bị vây, vòng vây chưa nổi, Thuật chạy về Tương Ấp, bị đuổi đến Thái Thọ, bị

(Thái Tổ) mở đê cho nước ngập thành, lại chạy đến Ninh Lăng, lại bị đuổi, bèn chạy về Cửu Giang. Mùa Hạ. Thái Tổ lui quân về Định Đào⁽²⁵⁾.

Người Hạ Bì là Khuyết Tuyên tự chúng hơn ngàn người tự xưng Thiên Tử, Từ Châu Mục Đào Khiêm khởi quân hợp tác, chiếm các huyện Hoa, Phí quận Thái Sơn và đánh Nhiệm Thành. Mùa Thu, Thái Tổ đánh Đào Khiêm, hạ hơn 10 thành. Khiêm giữ thành không dám ra.

Năm ấy, Tôn Sách theo lệnh Viên Thuật vượt sông (Trường Giang). Trong vài năm, Sách chiếm được Giang Đông.

Hung Bình nguyên niên (194), mùa Xuân, Thái Tổ tự tiến đến Từ Châu. Trước đây, cha Thái Tổ là Tung sau khi từ quan lui về ở đất Tiêu⁽²⁶⁾. Đến lúc loạn Đông Trác, (Tung) bèn đến quận Lang Da lánh nạn — lại bị Đào Khiêm hại. Do vậy, Thái Tổ quyết đánh báo thù.

Thế Ngữ chép: Lúc Tung còn ở huyện Hoa, quận Thái Sơn, Thái Tổ lệnh Thái Thú Thái Sơn Ung Thiệu hộ tống về Duyện Châu. Quân Thiệu chưa đến. Đào Khiêm mật sai hơn ngàn quân kỵ đến bắt. Người nhà Tung đang đợi Thiệu, không phòng bị. Quân Khiêm đến, giết em Thái Tổ là Đức ngay tại cửa. Tung sợ, cho đục tường sau trốn đi, cho người tiếp ra trước. Người tiếp béo quá, chui không lọt. Tung bèn trốn vào nhà xí, rút cuộc chết cùng người tiếp, cả nhà bị giết. Thiệu sợ, bỏ quan chạy đến với Viên Thiệu. Sau này khi Thái Tổ bình định Ký Châu thì Thiệu chết đã lâu.

Sách Ngô Thư của Vi Diệu chép: Thái Tổ cho đón Tung, đồ tri trọng hơn trăm xe, Đào Khiêm sai Đô Úy Trương Khải dẫn hơn 200 kỵ binh hộ tống. Đến huyện Hoa, Phí ở Thái Sơn, Khải giết Tung cướp tài vật trốn về Hoài Nam. Thái Tổ đổ tội cho Đào Khiêm, cất quân đánh.

Mùa Hạ, sai Tuân Úc, Trình Dục thủ Quyên Thành, rồi kéo quân đánh Đào Khiêm, diệt được 5 thành, đất chiếm đến Đông Hải. Tiến quân đến Đàm⁽²⁷⁾, Khiêm phái Tào Báo, Lưu Bị dẫn binh ở phía Đông thành, muốn bắt Thái Tổ. Thái Tổ tấn công thắng lợi, lại đánh chiếm Tương Bôn. Đi đến đâu đánh giết hoang tàn đến đấy.

Tôn Thịnh chép: Phạt kẻ có tội nhưng phải thương dân, đó là lối người xưa; tội ấy là nơi Khiêm mà tàn sát đến bộ thuộc thì thật là quá đáng.

Nhằm lúc Trương Mạc, Trần Cung đón Lữ Bố cùng làm phản, quận huyện đều theo, duy Tuân Úc, Trình Dục giữ Quyên Thành, Phạm huyện, Đông A cố thủ. Thái Tổ bèn dẫn quân về. Bố kéo quân đánh Quyên Thành nhưng không hạ được, bèn kéo quân về phía tây đóng ở Bộc Dương. Thái Tổ nói: “Trong một ngày Bố chiếm được cả một Châu, thế nhưng không biết giữ Đông Bình, cắt đường Cang Phụ, Thái Sơn chiếm lấy những nơi hiểm yếu ngăn ta, lại đóng đồn ở Bộc Dương, ta đủ biết hẳn chẳng có tài cán gì.”⁽²⁸⁾ Bèn tiến quân tấn công. Bố dẫn binh ra đánh, dẫn đầu kỵ binh đánh vào quân

Thanh Châu. Quân Thanh Châu bỏ chạy, trận quân cả loạn, lại chột có lửa nổi lên, Thái Tổ té ngựa, bị bỏng bàn tay trái. Quan Tư Mã là Lâu Dị phải giúp Thái Tổ leo lại lên ngựa, rồi dẫn đi.

Sách Hiến Đế Xuân Thu của Viên Ung chép: Thái Tổ vây Bộc Dương, nhờ dòng họ lớn trong thành là họ Điền là phản gian, Thái Tổ vào được thành. Sai đốt cửa Đông, mới nghe trong thành không có ý làm phản. Đến lúc đánh nhau, bại trận. Vài tên quân kỵ của Bộc bắt được Thái Tổ nhưng không nhận ra, hỏi: “Tào Tháo ở đâu?” Thái Tổ đáp: “Hắn cưỡi ngựa vàng chạy kia kìa” Bọn kỵ binh bèn thả Thái Tổ đuổi theo người cưỡi ngựa vàng. Cửa thành cháy to, Thái Tổ băng lửa mà chạy.

Khi quân rút về chưa đến trại, vì các tướng chưa thấy mặt Thái Tổ, ai nấy đều sợ. Thái Tổ tự an ủi quân sĩ, lệnh sai dựng công cụ phá thành, rồi lại tấn công, cùng Bộc chống chọi nhau hơn trăm ngày. Nhằm nạn dịch châu châu, bách tính đều đói, Bộc lương thảo cũng hết, bèn kéo quân đi.

Tháng 9, mùa Thu, Thái Tổ về lại Quyên Thành, Bộc đến Thừa Thị, bị người trong huyện là Lý Tiên đánh bại, bèn kéo về phía Đông đóng đồn ở Sơn Dương. Khi ấy, Viên Thiệu sai sứ giả đến thuyết phục Thái Tổ, muốn cùng “liên hòa”⁽²⁹⁾. Thái Tổ vừa mất Duyệt Châu, lương thực cạn, muốn thuận ý. Trình Dục can ngăn, Thái Tổ nghe theo. Tháng 10, mùa Đông, Thái Tổ kéo đến Đông A.

Năm ấy một học lúa giá hơn 5 vạn tiền, người phải ăn thịt lẫn nhau, (Thái Tổ) bèn bãi việc tuyển mộ tân binh. Đào Khiêm mất, Lưu Bị lên thay.

Năm thứ nhì (195), mùa Xuân, đánh Định Đào. Thái Thú Tế Âm là Ngô Tư giữ Nam Thành, chưa bị phá. Lữ Bộc đến, đánh chiếm lấy. Mùa Hạ, Bộc phái Tiết Lan, Lý Phong đồn binh ở Cự Dã. Thái Tổ tiến đánh, Bộc đến cứu Lan, Lan bại, Bộc bỏ chạy, bọn Lan bị chém. Bộc từ Đông Môn với Trần Cung dẫn hơn vạn quân đến muốn đánh nhau, khi ấy Thái Tổ binh ít, bèn phục binh, tung kỳ đánh thành linh nên thắng to.

Ngụy Thư chép: Khi ấy quân chúng đa phần lo gặt lúa, còn chưa đến ngàn quân giữ trại, phòng thủ yếu kém. Thái Tổ bèn sai phụ nữ đứng canh bên bờ thành theo dõi (địch) để biết đường chống đỡ. Phía tây trại là bờ đê lớn, phía nam là cánh rừng rậm. Bộc nghi có phục binh, thuộc hạ lại nói: “Tào Tháo quý quyết, chớ để lọt vào ổ phục kích của hắn.” Bèn dẫn quân về phía Nam hơn 10 dặm đóng đồn. Hôm sau Bộc lại đến, Thái Tổ phục một nửa quân sau bờ đê, bày một nửa quân trước bờ đê. Bộc tiến lên, lệnh khinh binh tiến đánh. Đồi bên giáp trận, phục binh từ sau bờ đê tiến ra, bộ, kỵ cùng đánh, thắng to, bắt được cả trống trận, đuổi quân Bộc đến tận doanh trại mới lui.

Bộc nhân đêm bỏ trốn, Thái Tổ bèn tấn công, chiếm được Định Đào, chia quân bình các huyện. Bộc bỏ chạy về phía Đông, nương nấu với Lưu Bị.

Trương Mạc chạy theo Bồ, sai em là Siêu bảo vệ gia quyến giữ Ung Khâu. Tháng 8 mùa Thu, vây Ung Khâu. Tháng 10 mùa Đông, Thiên Tử phong Thái Tổ làm Duyệt Châu Mục. Tháng 12, Ung Khâu vỡ, Siêu tự sát. Thái Tổ giết cả 3 họ nhà Mạc, Mạc chạy đến Viên Thuật cầu cứu, bị thuộc hạ giết. Duyệt Châu bình định, bèn quay về phía đông thôn tính đất Trần.

Năm ấy, Tràn An loạn Thiên Tử chạy về phía Đông, bại trận ở Tào Dương, vượt Hoàng Hà đến An Ấp.

Kiến An năm đầu, tháng giêng mùa Xuân, quân Thái Tổ đến Vũ Bình. Trần Tướng của Viên Thuật là Viên Tự đầu hàng.

Thái Tổ muốn đón Thiên Tử, chư tướng nghi ngại, riêng Tuân Úc, Trình Dục khuyến khích, bèn sai Tào Hồng dẫn quân đi đón. Vệ Tướng Quân Đồng Thừa cùng tướng của Viên Thuật là Trường Nô dựa thế hiểm chống cự. Hồng không tiến được.

Ở Nhữ Nam, Đinh Xuyên có bọn giặc Khăn vàng là lũ Hà Nghi, Lưu Tích, Hoàng Thiệu, Hà Mạn, binh chúng mỗi đám có đến mấy vạn, ban đầu hưởng ứng Viên Thuật, sau lại phụ giúp Tôn Kiên. Tháng hai, Thái tổ tiến quân đánh dẹp, chém chết bọn Tích-Thiệu, Nghi cùng binh sĩ ra hàng. Thiên tử bái Thái tổ làm Kiến Đức tướng quân, mùa hạ tháng sáu, lại thăng lên Trần Đông tướng quân, phong cho làm Phí Đình hầu. Mùa thu tháng bảy, Dương Phụng-Hàn Tiêm đưa Thiên tử về Lạc Dương, Phụng ra đóng quân ở huyện Lương⁽³⁰⁾.

Hiển đế Xuân Thu chép: Thiên tử mới đến Lạc Dương, ở tạm trong nhà viên Thường thị là Triệu Trung ở phía tây thành. Sai Trương Dương sửa sang cung thất, đặt tên là Dương An điện, tháng tám, Đế dời đến đó ở.

Thái tổ đến Lạc Dương, phòng vệ Kinh đô, Tiêm bỏ trốn. Thiên tử ban cho Thái tổ được giả tiết việt⁽³¹⁾, Lục thượng thư sự.

Hiển đế kỷ chép: Lại lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy.

Bởi Lạc Dương bị tàn phá, Bọn Đồng Chiêu khuyên Thái tổ dời đô về đất Hứa. Tháng chín, xa giá ra lối Hoàn Viên đi về phía đông, lấy Thái tổ làm Đại tướng quân, phong là Vũ Bình hầu. Từ lúc Thiên tử bị dời phía Tây, triều đình ngày càng loạn, đến lúc ấy tông miếu xã tắc chế độ mới gây dựng lại.

Sách Hán kỷ của Trương Phan chép: Ban đầu, Thiên tử khốn cùng ở Tào Dương, muốn xuôi sông Hà chạy về Hà Đông. Quan Thị trung Thái sử lệnh là Vương Lập nói: “Từ mùa xuân năm ngoái sao Thái Bạch xâm phạm vào sao Trấn ở vị trí Ngưu Đầu, vượt quá dải Thiên tân, sao Huỳnh Hoạch lại đi ngược về địa phận Bắc Hà, chớ nên mạo phạm⁽³²⁾.” Bởi thế Thiên tử không vượt sông về Bắc nữa, mà theo lối Chỉ Quan đi về phía đông. Lập lại nói với quan Tông chánh là Lưu Ngải rằng: “Trước đây Thái Bạch đóng ở Thiên

Quan, cùng với Huỳnh Hoặc gặp nhau; Kim-Hoả giao nhau, tượng trời ắt thay đổi. Vận Hán đã hết, ở đất Tấn-Nguỵ hẳn sẽ có người nổi lên vậy.” Sau Lập lại mấy lần nói với Đế rằng: “Mệnh trời có lúc khứ tị(33), ngũ hành thịnh suy bất thường, thay Hoả là Thổ, kế thừa Hán chính là Nguỵ vậy, người có thể yên thiên hạ, chính là Tào thị, thiết nghĩ nên uỷ thác cho Tào công gánh vác công việc.” Công nghe được lời ấy, sai người đến nói nhỏ với Lập rằng: “Ta biết ông trung với triều đình, nhưng đạo trời huyền diệu(34) lắm, ông chớ nên nhiều lời.”

Thiên tử dời về đông, Phụng từ huyện Lương đón muốn bắt lại, không kịp. Mùa đông tháng mười, Công đánh Phụng, Phụng chạy về phương Nam đến chỗ Viên Thuật, Công đánh doanh trại ở huyện Lương, lấy được. Thái tổ phong cho Viên Thiệu chức Thái úy(35), Thiệu xấu hổ vì ngôi thứ của mình ở dưới Công, không chịu nhận. Công bèn cố nài, nhượng chức Đại tướng quân của mình cho Thiệu. Thiên tử bái Công làm Tư không, hành Xa kỵ tướng quân(36). Năm ấy sai bọn Tào Chi-Hàn Hạo cùng luận bàn, bắt đầu gây dựng việc đồn điền.

Ngụy thư chép: Từ lúc xảy ra chiến loạn, ruộng đất bỏ hoang, lương thực thiếu thốn. Chư quân nổi dậy khắp nơi, chẳng có ai tính việc lâu dài, dổi thì đi cướp bóc, no thì phung phí lương thực, lòng người ly tán(37), địch không đánh phá cũng tự tan vỡ chẳng thể thắng được. Viên Thiệu ở Hà Bắc, quân dân ngán mặt ăn lá dâu. Viên Thuật ở Giang Hoài, lấy bò loa(38) để dùng. Người phải ăn thịt lẫn nhau, làng xóm tiêu điều. Công nói: “Cái thuật định quốc là, binh muốn mạnh cần có đủ lương, người Tần bởi thúc đẩy nghề nông mà thâu tóm được thiên hạ, Hiếu Vũ lấy việc khai khẩn đồn điền mà bình định được Tây Vực, đó là sớm ý thức được việc ấy vậy.” Ngay năm ấy Thái tổ chiêu mộ dân khai khẩn ở đất Hứa, thu được hơn trăm vạn斛 lương. Trong các châu quận đặt chức quan trông coi việc đồn điền, tích trữ lương thực tại chỗ. Khi chi phạt tứ phương, không phải khó nhọc về việc vận chuyển lương thảo, lại kiêm quản được việc diệt trừ đám đạo tặc, người trong thiên hạ được yên bình.

Lã Bố tập kích Lưu Bị, chiếm Hạ Bi, Bị chạy lại chỗ Công. Trình Dục thuyết Công rằng: “Tôi xem Lưu Bị có hùng tài mà rất được lòng người, sau này chẳng chịu ở dưới người khác, chẳng bằng sớm liệu đi.” Công nói: “Nay đang là lúc thu dụng kẻ anh hùng, giết một người mà làm mất lòng thiên hạ, chẳng nên.”

Trương Tế từ Quan Trung chạy về Nam Dương. Tế chết, người cháu là Tú thống lĩnh số binh ấy. Năm thứ hai mùa xuân rằm tháng giêng, Công về đến Uyển thành. Trương Tú đến hàng, sau lấy làm hối, lại phản. Công tới đánh, thua trận, bị tên bắn trúng, con trưởng là Ngang, cháu con của em trai Công

là An Dân bị hại.

Ngụy thư chép: Công cưới con ngựa có tên là Tuyết Ảnh⁽³⁹⁾, tên bản trùng vẫn không dùng, bị thương ở ở má và chân, Công bị bắn vào cánh tay.

Sách Thế ngữ chép: Ngang không cưới ngựa, dâng ngựa của mình cho Công, cho nên Công thoát, mà Ngang bị hại.

Công dẫn binh về Vũ Âm, Tú dẫn quân kỵ lại đánh úp, Công tập kích đánh tan. Tú chạy đến đất Nhưỡng, cùng với Lưu Biểu hợp quân. Công bảo chư tướng rằng: “Ta cho bọn Trương Tú hàng, đã bỏ qua không giữ chúng làm con tin, mới để đến nỗi như thế. Ta đã hiểu được vì sao thất bại. Các khanh hãy lấy đó làm gương, từ nay về sau không để thất bại nào như thế nữa.” Rồi kéo quân về Hứa huyện.

Sách Thế ngữ chép: Theo phép cũ, khi Tam công nắm binh quyền vào triều kiến, đều phải bỏ kích bắt chéo tay ở đằng trước. Lúc trước, khi Công đánh Trương Tú, vào hầu Thiên tử, bấy giờ mới khôi phục phép ấy. Từ đó Công không vào triều kiến nữa.

Viên Thuật muốn xưng đế ở Hoài Nam, sai người đến báo với Lã Bố. Bố bắt giữ sứ giả, gửi thư về triều. Thuật nổi giận, đánh Bố, bị Bố đánh tan. Mùa thu tháng chín, Thuật xâm phạm đất Trần, Công đông chinh đánh Thuật. Thuật nghe tin Công đích thân đến, bỏ trại chạy, để các tướng của mình là Kiều Nhụy, Lý Phong, Lương Cương, Nhạc Tụ ở lại; Công đến, đánh tan bọn Nhụy, chém được cả. Thuật vượt sông Hoài. Công quay về Hứa huyện.

Công từ Vũ Âm trở về, các huyện Nam Dương-Chương Lăng lại làm phản vì Tú, Công sai Tào Hồng đến đánh, bất lợi, phải lui về đất Diệp, đã mấy lần Tú-Biểu xâm phạm chỗ ấy. Mùa đông tháng mười một, Công thân nam chinh, đến Uyển thành.

Ngụy thư chép: Đến Dục Thủy, cúng tế vong hồn tướng sỹ⁽⁴⁰⁾, sụt sùi chảy nước mắt, sỹ chúng đều thương cảm.

Tướng của Biểu là Đặng Tể chiếm cứ Hồ Dương. Công vây đánh phá được, bắt sống Tể, quân ở Hồ Dương theo hàng. Lại đánh Vũ Âm, cũng hạ được.

Năm Kiến An thứ ba mùa xuân rằm giáng giêng, Công về Hứa huyện, mới đặt ra chức Quân sư Tế tửu. Tháng ba, Công vây Trương Tú ở huyện Nhưỡng. Mùa hạ tháng năm, Lưu Biểu phái binh cứu Tú, định cắt đứt đường rút quân.

Hiển đế Xuân Thu chép: Phản quân của Viên Thiệu đến nói với Công rằng: “Diên Phong xui Thiệu tập kích đất Hứa, không chế Thiên Tử để ra lệnh cho chư hầu, bốn bề có thể trở tay mà lấy được.” Công bèn giải vây cho Tú.

Công dẫn quân về, binh của Tú kéo lại, quân của Công không tiến được, doanh trại của giặc đóng chặn phía trước. Công gửi thư cho Tuân Úc nói: “Giặc đuổi theo ta, tuy mỗi ngày ta chỉ đi được mấy dặm, song ta đã có kế, đến An Chúng, tất phá được Tú.” Đến An Chúng, Tú cùng với Biểu hợp quân giữ chỗ hiểm, quân của Công trước sau đều thụ địch. Công bèn nhân đêm tối cho đào địa đạo, chui hết các đồ tri trọng qua, rồi đặt kỳ binh. Sáng hôm sau, giặc cho là Công đã bỏ trốn, đem hết quân đuổi theo. Công bèn tung kỳ binh và quân bộ kỵ giáp công, đại phá được. Mùa thu tháng bảy, Công về đất Hứa. Tuân Úc hỏi Công: “Khi trước mình công nói có đã kế sách phá tan quân giặc, sao biết như vậy?” Công nói: “Giặc chặn đường về của ta, giao chiến với quân ta ở nơi tử địa, vì thế ta biết chắc là thắng.”

Lữ Bố lại giúp Viên Thuật sai Cao Thuần đánh Lưu Bị, Công sai Hạ Hầu Đôn đến cứu, gặp bất lợi. Bị bị Thuần đánh bại. Tháng chín, Công đông chinh đánh Bồ. Mùa đông tháng mười, chiếm Bành Thành giết rất nhiều dân ở đó, bắt sống tướng ở đây là Hầu Hải. Tiến quân đến Hạ Bi, Bồ thân dẫn quân kỵ đón đánh. Công đánh tan quân ấy, bắt sống viên kiêu tướng là Thành Liêm. Đuổi đến chân thành, Bồ sợ, muốn hàng. Bọn Trần Cung can ngăn, dâng kế cầu cứu Viên Thuật, khuyên Bồ ra đánh, Bồ lại thua, bèn vào thành cố thủ, Công không hạ được thành. Bấy giờ đánh nhau liên miên, sĩ tốt mỗi mệt, muốn quay về, Công dùng kế của Tuân Du-Quách Gia, khơi nước ở hai sông Tứ-Nghi tràn vào thành. Hơn một tháng, bọn tướng của Bồ là Tống Hiến, Ngụy Tục bắt Trần Cung, mở cửa thành ra hàng, Bồ-Cung bị bắt sống, đều bị giết cả. Ở Thái Sơn có bọn Tang Bá, Tôn Quan, Ngô Đôn, Duẫn Lễ, Xương Hi đều tụ tập binh chúng. Khi Bồ phá Lưu Bị, bọn Bá đều theo Bồ. Lúc Bồ bại trận, bọn Bá đều bị bắt, Công thu hàng và hậu đãi, chia một phần đất đai ở hai châu Thanh, Từ kéo dài đến tận biên ủy thác cho bọn họ, lại chia các vùng Lang Nha, Đông Hải, Bắc Hải ra thành các quận Thành Dương, Lợi Thành, Xương Lự.

Khi trước, khi Công làm Duyệt châu mục, dùng Tất Kham ở Đông Bình làm Biệt giá. Trương Mạc làm phản, bắt hết mẹ già cùng với anh em vợ con Kham; Công nói với Kham, rằng: “Mẹ già khanh ở bên đây, khanh có thể đi.” Kham dập đầu lạy quyết không hai lòng, Công khen ngợi, mà chảy nước mắt. Công trở ra, Kham trốn về. Đến khi Bồ bị diệt, Kham bị bắt sống, chúng đều sợ cho Kham, Công nói: “Người có hiếu với cha mẹ như thế, há chẳng trung với vua ư! Ta cần những người như thế.” Bèn lấy Kham làm Lỗ Tướng⁽⁴¹⁾.

Ngụy Thư chép: Viên Thiệu vốn có hiềm khích với cố Thái úy Dương Bru, quan Đại trường thu Lương Thiệu, quan Thiệu phủ Khổng Dung, muốn Công kẻ tội họ mà giết đi. Công nói: “Ngày nay thiên hạ tan lở chia lìa, anh hùng hào kiệt đều nổi dậy, đùng đến quân sự, ai cũng tâm tức trong bụng,

đều tự lo cho bản thân mình, ấy là lúc kẻ trên người dưới ngờ vực lẫn nhau, dẫu người không đáng bị hiềm nghi, cũng sợ không được tin tưởng; ví như trừ bỏ những người này đi, thì ai không lo sợ nữa? Và lại những kẻ áo vải làm nên, ở thế gian bụi bặm này, kể cả những kẻ tâm thường có lỗi nhược điểm, vẫn có thể tha thứ được! Xưa Cao Tổ tha tội cho Úng Xi mà mọi người an lòng, ông đã quên rồi sao?” Thiệu bên ngoài cho lời ông là đúng, bên trong lại nghĩ khác, thậm chí oán vọng. Thần là Tùng Chi cho rằng Dương Bưu cũng từng vì Ngụy Vũ mà khốn cùng, suýt chết, Khổng Dung cuối cùng cũng chẳng tránh được bị tru diệt, sao lời nói lúc trước với việc làm sau này chẳng như nhau vậy! Biết chẳng phải là khó, khó là ở việc làm, tin chắc rằng như vậy.

Năm thứ tư mùa xuân tháng hai, Công về đến Xương Ấp. Tướng của Trương Dương là Dương Sữu giết Dương, Tuy Cố lại giết Sữu, đem lũ quân ấy theo Viên Thiệu, đóng quân ở Xa Khuyển. Mùa hạ tháng tư, tiến quân đến Hoàng Hà, sai Sứ Hoán-Tào Nhân vượt sông đánh Cố. Cố sai quan Trưởng sử cũ của Dương là Tiết Hồng và Thái thú Hà Nội là Mâu Thượng chống giữ, còn mình thân dẫn binh về Bắc đón Thiệu cầu cứu giúp, cùng với Hoán-Nhân gặp nhau ở Khuyển Thành. Giao chiến, đại phá Cố. Công qua sông, vây Xa Khuyển. Hồng-Thuận dẫn chúng ra hàng, được phong tước Liệt hầu⁽⁴²⁾, Công hồi binh về Ngao Thương. Lấy Ngụy Chung làm Thái thú Hà Nội, phó thác các việc ở Hà Bắc.

Khi trước, Công tiến cử Chung làm Hiếu Liêm. Lúc Duyên Châu làm phản, Công nói: “Chỉ có Ngụy Chung là chẳng bỏ Cô vậy.” Đến khi hay tin Chung bỏ trốn, Công giận nói: “Chung chẳng thể trốn về nam đến đất Việt, trốn về bắc đến đất Hồ, ta chẳng để yên cho mày!” Khi hạ được Xa Khuyển, bắt sống được Chung, Công nói: “Chỉ vì Chung có tài nên dùng vậy!” Rồi cho cởi trói mà dùng người ấy.

Thời ấy Viên Thiệu đã thôn tính xong Công Tôn Toàn, kiêm quản đất đai bốn châu, binh lính hơn mười vạn, sắp tiến quân đánh Hứa huyện, chư tướng cho rằng chẳng thể địch nổi, Công nói: “Ta biết Thiệu là người chí lớn mà ít mưu, ngoài mặt mạnh bạo mà bé mật, hay ghen ghét người mà thiếu uy lực, đông quân mà tổ chức chỉ huy chẳng rõ ràng, tướng kiêu mà chính lệnh bất nhất, đất đai tuy rộng, lương thực dẫu phong túc, chỉ đủ để làm tế vật cho ta vậy.” Mùa thu tháng tám, Công tiến quân đến Lê Dương, sai bọn Tang Bá thâm nhập Thanh Châu, đánh phá đất Tề-Bắc Hải-Đông An, để Vu Cẩm đóng binh ở mé trên Hoàng Hà. Tháng chín, Công về Hứa huyện, chia binh giữ Quan Độ. Mùa đông tháng mười một, Trương Tú dẫn binh đến hàng, được phong là Liệt hầu. Tháng mười hai, Công đóng quân ở Quan Độ.

Viên Thuật từ lúc thua trận ở đất Trần, đã khốn quẫn. Viên Đàm từ Thanh Châu phái người đến đón Thuật. Thuật muốn vượt qua phía bắc Hạ Bi, Công

sai Lưu Bị-Chu Linh đón bắt Thuật. Đúng lúc Thuật bị bệnh chết. Trình Dục-Quách Gia nghe tin Công phá Bì đi, bèn nói với Công rằng: “Không nên thả Lưu Bị.” Công hối, cho người đuổi theo không kịp. Lúc Bị còn chưa đi về Đông, đã ngầm cùng với bọn Đổng Thừa mưu phản, đến Hạ Bì, bèn giết Thứ sử Từ Châu là Xa Trụ, rồi cất binh đóng ở Bái huyện. Công sai Lưu Đại-Vương Trung đến đánh Bị, không thắng được.

Hiển đế xuân thu chép: Bị bảo bọn Đại rằng: “Có sai cả trăm kẻ như chúng bay tới đây, không làm gì nổi ta; Tào Công có đích thân đến, chưa chắc đã làm gì.”

Ngụy Vũ cổ sự chép: Đại tự Công Sơn, người nước Bái. Làm Tư không Trưởng sử theo đi chinh phạt có công, được phong tước Liệt hầu.

Ngụy lược chép: Vương Trung, người ở Phù Phong, lúc trẻ là Đình trưởng⁽⁴³⁾. Loạn Tam Phụ, Trung đói quá phải ăn thịt người, rồi theo đoàn xe đi về phía Nam hướng tới Vũ Quan. Gặp lúc Lâu Tử Bá ở Kinh Châu phái người đi đón khách ở phương bắc; Trung không muốn đi theo, bèn thống suất những kẻ ngỗ ngược đánh bọn kia, cướp lấy số quân ấy, tụ họp được hơn ngàn người đến hàng Công. Được Bái làm Trung lang tướng, theo đi đánh dẹp. Ngũ quan tướng⁽⁴⁴⁾ biết Trung từng ăn thịt người, mỗi khi xuất hành lại cho theo hầu cạnh giá, sai Bài thủ⁽⁴⁵⁾ xếp chông đóng những đầu lâu của kẻ gian treo dưới cổ ngựa của Trung, lấy đó làm trò cười

Thái thú Lư Giang là Lưu Huân dẫn quân đến hàng Công, Công phong làm Liệt hầu.

Năm thứ năm mùa xuân rằm tháng riêng, mưu của bọn Đổng Thừa bị tiết lộ, đều bị tru diệt. Công thân dẫn quân đông chinh Bì, chư tướng đều nói: “Kẻ cùng với Công tranh thiên hạ, là Viên Thiệu. Nay Thiệu sắp tới mà ta lại kéo quân về đông, nếu Thiệu thừa hư đánh úp phía sau ta, biết làm sao?” Công nói: “Kẻ như Lưu Bị, là nhân kiệt vậy, nay chẳng đánh đi, hẳn là mới hoạ về sau vậy. Viên Thiệu đâu có chí lớn, nhưng lộ rõ về trị trệ, hẳn sẽ chẳng động binh vậy.” Quách Gia cũng khuyên Công như vậy, Công bèn sang đông đánh Bì, phá được, bắt sống bộ tướng của Bì là Hạ Hầu Bác. Lưu Bị chạy đến chỗ Thiệu, vợ con bị Công bắt được cả. Tướng của Bì là Quan Vũ đóng binh ở Hạ Bì, Công lại tiến công Hạ Bì, Vũ hàng. Xương Hi theo Bì làm phản, Công lại đánh phá được. Rồi Công trở về Quan Độ, rút cục Thiệu chẳng xuất binh.

Sách Ngụy thị xuân thu của Tôn Thịnh chép: Công nói với chư tướng rằng: “Lưu Bị, là kẻ nhân kiệt vậy, để cho sống sẽ là mối lo lắng cho quả nhân.”

Thần Tùng Chi cho rằng lời của sử quan ghi chép, đã tô vẽ thêm nhiều, vì những điều thuật lại lúc trước trái với sự thật vậy, tác giả sau này lại nảy ý

cải biến đi, làm mất tính chân thực, chẳng là càng sai lạc đi nữa ư! Kể như Tôn Thịnh làm sách, đa phần dùng Tả thị⁽⁴⁶⁾ để thay đổi lời văn lúc trước, như thế hết sức sai lầm. Than ôi, học giả đời sau sẽ tin vào đâu đây? Và lại Ngụy Vũ đương cố gắng khuyến khích người trong thiên hạ, mà dùng những kẻ nói năng sai lầm, quả là điều làm lỗi đến lạ lùng.

Tháng hai, Thiệu phái Quách Đồ-Thuần Vu Quỳnh-Nhan Lương vây đánh Thái thú Đông Quận là Lưu Diên ở Bạch Mã, Thiệu dẫn binh đến Lê Dương, chuẩn bị vượt sông. Mùa hạ tháng tư, Công lên Bắc cứu Diên. Tuân Du khuyên Công rằng: “Nay quân ta ít chẳng thể đối địch, nếu chia bớt được thế lực của họ thì nên làm. Công hãy đến Diên Tân, làm ra vẻ dẫn binh vượt sông đánh vào hậu phương của họ, Thiệu tất quay sang phía tây cứu ứng, rồi sau ta đưa khinh binh tập kích Bạch Mã, đánh úp lúc họ không phòng bị, có thể bắt được Nhan Lương vậy.” Công theo kế ấy. Thiệu nghe tin quân bê kia vượt sông, lập tức chia binh kéo sang phía tây đối phó. Công bèn dẫn hết quân đội mau chóng hành quân đến Bạch Mã, chưa đến nơi, còn cách chừng hơn chục dặm, Lương cả kinh, tới đón đánh. Công sai Trương Liêu-Quan Vũ làm tiên phong, đánh tan, chém được Lương. Bạch Mã được giải vây, Công dò hỏi dân ở đó, dẫn họ men sông đi về phía Tây⁽⁴⁷⁾. Thiệu vì thế liền vượt sông đuổi theo quân của Công, đến phía nam Diên Tân. Công kìm binh đóng lại ở phía Nam sườn núi, sai người lên mặt lũy ngắm xem quân Viên, nói người ấy nói: “Có chừng năm sáu trăm quân kỵ.” Lát sau, lại bẩm rằng: “Quân kỵ khá đông, bộ binh thì chẳng thể đếm xuê.” Công nói: “Không phải báo lại nữa.” Rồi lệnh cho quân kỵ cỡi yên thả ngựa. Lúc ấy, xe chở đồ nặng từ Bạch Mã đang trên đường chuyển đến. Chư tướng cho rằng quân kỵ của địch quá nhiều, chẳng bằng quay về bảo vệ doanh trại. Tuân Du nói: “Đây là đề như địch, sao lại bỏ đi!” Tướng kỵ binh của Thiệu là Văn Xú và Lưu Bị dẫn năm sáu nghìn quân kỵ trước sau ào tới. Chư tướng lại bẩm: “Hãy lên ngựa thôi.” Công nói: “Chưa cần.” Lát sau, kỵ binh kéo đến khá đông, chúng tranh nhau chạy tới chỗ các xe truy trọng. Công nói: “Lên ngựa được rồi.” Chúng mới cùng lên ngựa. Bấy giờ quân kỵ của Công chẳng đến sáu trăm, xông thẳng vào đám địch mà đánh, phá tan địch, chém chết Xú. Lương-Xú đều là danh tướng của Thiệu, hai phen giao chiến, đều bị giết, quân Thiệu chấn động. Công kéo quân về Quan Độ. Thiệu tiến lên giữ Dương Vũ. Quan Vũ bỏ trốn theo Lưu Bị.

Tháng tám, Thiệu lập ba doanh trại ở phía trước, đắp gò đất làm nơi đóng binh lâu dài, đông tây kéo dài mấy chục dặm. Công cũng chia binh lập quân doanh đối địch, cùng giao chiến gặp bất lợi.

Hán Tán xuân thu của Vũ Tạc Xi⁽⁴⁸⁾ chép: Hứa Du khuyên Thiệu rằng: “Công không nên cùng với Tháo giao tranh vội. Hãy kíp chia binh để cầm chân họ, rồi theo lối khác đến nghênh đón Thiên tử, thì việc gây dựng cơ đồ

sẽ xong vậy.” Thiệu không nghe, nói: “Ta đang muốn tiến quân vây hãm chúng.” Du giận.

Bảy giờ quân của Công chẳng đầy một vạn, bị thương đến hai ba phần mười.

Thần Tùng Chi cho rằng Ngụy Vũ lúc mới khởi binh, đã có năm ngàn quân, từ đấy về sau bách chiến bách thắng, số mất mát chỉ hai ba phần mười mà thôi. Chỉ một lần phá giặc khản vàng, quân lính thu hàng hơn ba chục vạn, ngoài ra còn thôn tính đất đai, chẳng thể kể hết được; dẫu chinh chiến bị tổn thương, không thể nói ít ỏi như thế được. Sao có thể lập quân doanh chống giữ nhau, bẻ gãy mũi nhọn của địch mà quyết chiến. Bản kỷ nói rằng: “Quân Thiệu hơn chục vạn, đóng doanh trại đông tây kéo dài mấy chục dặm.” Ngụy Thái Tổ dẫu có tài biến trá khôn lường, mưu lược ở đời chẳng ai hơn được, mà chỉ có mấy nghìn binh, thì kháng cự làm sao đây? Nói về lý lẽ, thiết nghĩ là chẳng đúng. Thiệu đóng quân kéo dài mấy chục dặm, Công có thể chia doanh trại đối địch, thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là một. Thiệu nếu có quân đội đông gấp mười lần, về lý nên phải hết sức vây hãm, khiến cho đường xuất nhập bị cắt đứt, vậy mà Công vẫn sai bọn Từ Hoảng công kích các xe chở lương, Công lại thân xuất kích đánh bọn Thuần Vu Quỳnh, giương cao cờ kéo quân trở về, chừng như không có ai ngăn chặn, rõ ràng binh lực của Thiệu chẳng thể cầm giữ được, thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là hai. Các sách đều nói rằng Công chôn sống tám vạn quân của Thiệu, hoặc có chỗ nói là bảy vạn. Tám vạn người chạy tan nát, chẳng phải là tám nghìn người có thể trói được, mà đại binh của Thiệu đều chấp tay chịu chết, duyên cớ gì có thể chế ngự được họ? Thế thì binh kia chẳng thể quá ít được, đó là ba. Những điều ghi chép ở chỗ này thấy có chút lạ kỳ, không đúng với sự thật. Xét Chung Do truyện kể rằng: “Công cùng với Thiệu cầm giữ nhau, Do ở khu Tư lệ, đưa hơn hai nghìn con ngựa đến cấp thêm cho quân lính.” Bản kỷ cùng với Thế Ngữ đều nói rằng bảy giờ Công có hơn sáu trăm kỵ mã, ngựa của Do mang đến để làm chi?

Thiệu lại tiến binh đến Quan Độ, đắp núi đất, đào địa đạo. Công ở trong lũy cũng làm như vậy, để đối phó lại. Thiệu sai bắn tên vào doanh trại của Công, tên bay như mưa rào mùa hạ, quân của Công đi lại đều phải dùng thuẫn che thân, chúng sợ lắm. Bảy giờ Công thiếu lương, gửi thư cho Tuân Úc, bàn rằng muốn quay về Hứa huyện. Úc cho rằng: “Quân của Thiệu đều tụ tập ở Quan Độ, muốn cùng Công quyết thắng bại. Công lấy quân mỗi một chống giữ quân cường mạnh, nếu chẳng thể khắc chế họ, tất bị họ đè bẹp, đó là cơ hội lớn trong thiên hạ vậy. Vả lại Thiệu, chỉ như kẻ anh hùng áo vải mà thôi, có thể tụ tập người ta mà chẳng thể dùng. Với tài thần vũ minh triết của chúa công lại được mọi người thuận theo phù giúp, sao việc lại chẳng nên!” Công nghe theo.

Tôn Sách hay tin Công cùng với Thiệu cầm giữ nhau, mưu toan tập kích Hứa huyện, còn chưa khởi hành, thì bị thích khách ở đó giết.

Bọn hàng tặc ở Nhữ Nam là Lưu Tích làm phản hưởng ứng Thiệu, đánh cướp huyện Hứa. Thiệu sai Lưu Bị đến trợ giúp Tích, Công sai Tào Nhân đánh phá được Bị. Bị bỏ chạy, binh của Lưu Tích ở đấy bị đánh tan.

Viên Thiệu vận chuyển mấy ngàn xe lương tới, Công dùng kế của Tuân Du, sai Từ Hoảng-Sử Hoán đón đánh, đại phá quân ấy, đốt sạch các xe lương thảo. Công cùng với Thiệu cầm cự nhau mấy tháng liền, dẫu khi giao chiến liên tục chém được tướng địch, nhưng binh sĩ ít ỏi lương thảo cạn sạch, sĩ tốt mỏi mệt. Công bảo quan vận lương rằng: “Chừng mười lăm ngày nữa là ta phá được Thiệu, các người chẳng phải khó nhọc nữa.” Mùa đông tháng mười, Thiệu điều các xe chuyển lương, sai năm người bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh hộ tống, ban đêm nghỉ lại ở cách phía bắc doanh trại của Thiệu bốn chục dặm. Mưu thần của Thiệu là Hứa Du hám tiền, Thiệu không đáp ứng nổi, Du bèn bỏ đi, nhân đó khuyên Công đánh bọn Quỳnh. Tả hữu ngờ vực, Tuân Du-Giả Hủ khuyên Công nên đánh. Công bèn lưu Tào Hồng giữ trại, thân dẫn năm ngàn quân bộ kỵ đi ngay trong đêm, đến sáng thì tới nơi. Bọn Quỳnh trông xa thấy binh của Công ít, liền ra ngoài cửa doanh bày trận. Công tiến đánh gấp, Quỳnh lui vào bảo vệ doanh trại, Công đánh mạnh. Thiệu phái kỵ binh tới cứu Quỳnh. Tả hữu có kẻ nói: “Quân kỵ của địch đã gần lắm rồi, xin chia binh chống cự.” Công giận nói: “Lúc giặc đến sau lưng ta, hãy bằm.” Sĩ tốt đều hết sức tử chiến, đánh tan bọn Quỳnh, chém được cả.

Tào Man truyện chép: Công nghe tin Du tới, đi chân không ra đón, vỗ tay cười nói: “Tử Viễn, khanh tới đây, việc của ta xong rồi vậy!” An tọa xong, Du bảo Công rằng: “Quân họ Viên cường thịnh, ngài còn chờ gì nữa? Nay lương thảo của ngài có được bao nhiêu?” Công nói: “Còn đủ dùng một năm.” Du cười: “E không được thế, ngài nói lại xem!” Công lại nói: “Có thể được nửa năm.” Du nói: “Túc hạ chẳng muốn phá họ Viên ư, sao chẳng nói thật lòng!” Công nói: “Trước là ta nói đùa thấy thôi. Kỳ thật lương chỉ đủ cho một tháng, biết làm sao đây?” Du nói: “Ngài binh cô giữ một chỗ lẻ loi, bên ngoài không quân cứu viện mà lương thảo cạn sạch, ấy là nguy cấp trong ngày vậy. Nay họ Viên đồ truy trọng có hơn vạn xe, đóng ở Cố Thị-Ô Sào, quân canh giữ không đủ nghiêm ngặt; nay ta dùng khinh binh tập kích họ, đến vào lúc bất ngờ, đốt hết kho lương ấy, bất quá ba ngày, quân họ Viên tự bại vậy.” Công rất mừng, liền tuyển quân bộ kỵ tinh nhuệ, đều dùng cờ xí của quân Viên, người ngậm tăm ngựa buộc mõm, đi ngay lúc nửa đêm, sai mỗi người mang theo một bó củi, khi đi trên đường có người hỏi, chúng nói nhỏ rằng: “Viên công sợ Tào Tháo đánh cướp hậu quân, phái binh đến tăng cường phòng bị.” Quân kia nghe thế tin là thật, cho là việc đương nhiên. Khi đến nơi, quân của Công thiết lập vòng vây, nổi lửa dữ dội, trong

doanh đại loạn. Quân Viên bị đánh tan tác, lương thảo của cải đều bị thiêu sạch, chém được thủ cấp bọn Đốc tướng là Lục Nguyên Tiến, Đốc quân kỵ Hàn Cử Tử, Lã Uy Hoàng, Triệu Duệ, cắt mũi tướng quân Thuận Vu Trọng Giản, nhưng Giản không chết, lại bắt được hơn một ngàn sĩ tốt, đều cắt lấy mũi, rồi cắt môi cắt lưỡi trâu ngựa, đem đến chỗ quân của Thiệu. Tướng sĩ họ Viên đều khiếp sợ. Ngay đêm ấy có người bắt lấy Trọng Giản, đưa đến chỗ Công, Công hỏi Giản rằng: “Sao đến nỗi thế này?” Trọng Giản đáp: “Việc thua thắng là bởi ý trời, sao còn phải hỏi han gì nữa?” Công tỏ ý không muốn giết. Hứa Du nói: “Ngày mai hấn soi gương, thế tất sẽ không bao giờ quên được nỗi nhục ngày hôm nay.” Công bèn đem giết đi.

Thiệu mới hay tin Công đánh Quỳnh, bảo với con trưởng là Đàm rằng: “Quân kia tới đánh bọn Quỳnh, ta đánh lấy doanh trại của chúng, bọn họ cố nhiên chẳng có chỗ về vậy.” Bèn sai Trương Cáp-Cao Lãm đánh Tào Hồng. Bọn Cáp nghe tin Quỳnh bị đánh tan, bèn đến hàng Công. Quân của Thiệu vì thế tan vỡ, Thiệu cùng với Đàm bỏ cả quân lính mà chạy, trốn qua sông Hoàng Hà. Quân của Công đuổi theo không kịp, bèn thu sạch các đồ truy trọng, giấy má và đồ trân quý, bắt lấy tù binh.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Công dâng lời lên bệ trên rằng: “Đại tướng quân Nghiệp hầu Viên Thiệu trước kia cùng với Ký châu mục Hàn Phức ủng hộ lập nguyên Đại tư mã Lưu Ngu lên ngôi, khắc ấn thiên tử, phái nguyên trưởng huyện là Tất Du đến chỗ Ngu, giảng giải chuyện thiên mệnh. Thiệu lại gửi thư cho thần nói rằng: ‘Quyên Thành có thể đóng đô, nên gây dựng cơ sở.’ Lại thiện tiện đúc tiền khắc ấn, những kẻ Hiếu Liêm và Kế Lại⁽⁴⁹⁾, đều quy về chỗ Thiệu cả. Em con chú của Thiệu là Tự làm Thái thú Tế Âm từng gửi thư cho Thiệu nói rằng: ‘Nay khắp bốn cõi nghiêng ngửa tang thương, thiên ý thực ở tại nhà ta, thần linh ứng nghiệm, đều ở nơi tôn huynh. Kẻ dưới của Nam huynh muốn Nam huynh tức vị, nhưng Nam huynh có nói, xét về niên kỷ thì Bắc huynh lớn, luận về địa vị thì Bắc huynh cũng hơn. Do đó muốn dâng ngọc tỷ, nào ngờ Tào Tháo chặn đường⁽⁵⁰⁾.’ Tông tộc nhà Thiệu nói đời chịu trọng ân của quốc gia, mà hung nghịch vô đạo đến mức như thế. Thần lập tức sửa soạn binh mã, cùng giao chiến ở Quan Độ, nhờ cậy thiên uy của thánh triều, chém được đầu bọn Đại tướng của Thiệu là Thuận Vu Quỳnh tám người, quân địch tan vỡ. Thiệu cùng với con là Đàm vứt bỏ khôi giáp mà chạy. Số đầu giặc bị chém đến hơn bảy vạn, đồ truy trọng cùng tài vật thu được không đếm xuể.”

Công bắt được các thư từ trong doanh của Thiệu, có cả thư từ của bộ hạ ở đất Hứa cùng thư của những người ở trong quân, đều đem đốt bỏ cả. Các quận ở Ký Châu đa phần đều dâng thành ấp đầu hàng.

Ngụy thị xuân thu chép: Công nói: “Đương lúc Thiệu cường mạnh, Cô còn chẳng thể tự bảo vệ mình, phương chi là chúng nhân!”

Khi trước, thời Hoàn Đế thấy có Hoàng tinh hiện ra ở địa phận đất Sở-Tổng, người ở Liêu Đông là Ân Quỷ giỏi nghề thiên văn, nói là sau năm mươi năm sẽ có bậc chân nhân nổi dậy ở giữa khoảng Lương-Bái, khí thế chẳng thể đương nổi. Đến lúc ấy vừa năm mươi năm, mà Công phá được Thiệu, thiên hạ chẳng ai đối địch được vậy.

Năm thứ sáu mùa hạ tháng tư, Công cất binh ở thượng lưu Hoàng Hà, đánh quân Thiệu ở Thương Đình, phá được. Thiệu quay về, thu thập sĩ tốt li tán, Công bình định các quận huyện làm phản. Tháng chín, Công về Hứa huyện. Lúc Thiệu còn chưa bị triệt phá, sai Lưu Bị đánh cướp ở Nhữ Nam, bọn giặc ở Nhữ Nam là Cung Đô hưởng ứng Bị. Công phái Sái Dương đánh Đô, gặp bất lợi, bị Đô đánh tan ở đây. Công nam chinh Lưu Bị. Bị hay tin Công đến, chạy trốn đến chỗ Lưu Biểu, bọn Đô đều tan vỡ.

Năm thứ bảy mùa xuân rằm tháng giêng, Công đóng quân ở Tiêu huyện, lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh, vì thiên hạ trừ bạo loạn. Người dân ở cố hương của ta, trải qua cảnh chết chóc, ta đi lại hết ngày ở nơi đây, chẳng gặp được người quen nào, khiến ta thấy lòng mình quạnh quẽ thê lương. Từ khi ta khởi binh đến nay, có những tướng sĩ vì chiến chinh ngã xuống không có người kế tự, phải tìm lấy kẻ thân thích làm người nối dõi, ta cấp cho đất đai ruộng rẫy, cấp cho trâu cày, đặt ra trường học để dạy dỗ họ. Cho lập đền miếu, để họ được tế tự tiên nhân, hồn thiêng có linh, trăm năm về sau sao còn phải oán hận gì nữa!” Bèn sắm đồ lễ, khơi một con kênh ở phía bắc sông Tuy, sai người làm cỗ thái lao để tế Kiều Huyền. Rồi tiến quân đến Quan Độ.

Viên lệnh ở huyện Bao Thưởng chép lại bài văn tế như sau: “Nhớ Thái úy Kiều công, chí đức rạng ngời, rộng rãi với người có bụng bao dung. Người trong nước nhớ lời minh huấn, kẻ sĩ ngấm chính lệnh mưu sâu. Dù thân thể không còn hiển hiện, anh linh phảng phất vẫn còn. Bao la thay, rạng rỡ thay! Ta còn nhỏ tuổi, kịp được ngài dạy dỗ chu toàn⁽⁵¹⁾, ta thiên bẩm tâm tối vương gàn, nhờ được bậc quân tử thu nạp bao dung. Mỗi khi ta tiến bộ, đều được ngài ngợi khen, như Trọng Ni thẹn mình không bằng được Nhan Uyên⁽⁵²⁾, hay Giả Phục từng xưng tụng Lý Sinh⁽⁵³⁾ ngày trước. Kẻ sĩ chết vì người tri kỷ, ta nhớ mãi lời ấy không quên. Lại nhớ lời ngài thông dong ước hẹn rằng: ‘Sau khi ngài chết, về lại lối xưa, không có con gà, chén rượu tưới đất, để tế lễ ta, xe qua ba bước, đau bụng chớ trách!’ Dẫu lúc bấy giờ là lời nói đùa, nếu chẳng phải tình thầy bạn chí thân, ai lại dùng lời ấy từ nhau? Nếu chẳng có lời ngài dặn dò, làm sao ta có thể tự sửa được những thiếu sót của ta? Tắm lòng thê thảm, nhớ lại việc xưa. Nay phụng mệnh đông chinh, đóng quân nơi làng cũ, ngoảnh nhìn về mảnh đất cũ mến yêu phương bắc, tâm tưởng hướng về nơi lăng mộ của ngài. Sắm sửa lễ bạc, mong ngài hưởng dụng!⁽⁵⁴⁾”

Thiệu từ sau khi bại quân, phát bệnh thổ huyết, đến mùa hạ tháng năm thì chết. Con nhỏ là Thượng lên thay, Đàm tự xưng là Xa kỵ tướng quân, đóng binh ở Lê Dương. Mùa thu tháng chín, Công đi đánh Đàm, giao chiến liên tục. Đàm-Thượng mấy lần bại trận phải lui binh, cố thủ.

Năm thứ tám mùa xuân tháng ba, Công đánh thành, quân họ Viên xuất chiến, Công tiến đánh, phá tan quân ấy, Đàm-Thượng nhân đêm tối bỏ chạy. Mùa hạ tháng tư, Công tiến quân đến Nghiệp huyện. Tháng năm trở về đất Hứa, lưu Giả Tín đóng binh ở Lê Dương.

Năm Kỷ Dậu, xuống lệnh rằng: “ Binh pháp Tư mã nói ‘Tướng quân tử tuy⁽⁵⁵⁾’,

Ngụy thư nói rằng: tuy, là lui quân vậy.

đã tiến lên một thước, thì không lui về được một tấc. Khi xưa mẹ của Triệu Quát, xin không phải chịu tội với Quát⁽⁵⁶⁾. Thời xưa đã biết rằng kẻ làm tướng, mà quân bị phá ở bên ngoài, thì gia quyến chịu tội ở trong nước. Ta tự mình dẫn quân đi đánh dẹp các nơi, chỉ thưởng công mà không phạt tội, là trái với pháp điển của quốc gia vậy. Nay có lệnh rằng nếu chư tướng xuất chinh, thua quân là đáng phải tội, thất lợi là miễn quan tước.”

Ngụy thư chép lại tờ lệnh năm Canh Thân rằng: “Kẻ bàn luận nói rằng người dụng binh dẫu có tài năng, đức hạnh chẳng đủ để kham nổi trách nhiệm tuyên chọn nhân tài trong quận quốc, lẽ ấy gọi là ‘có thể hợp đạo lý, chưa thể là quyền nghi được.’ Quản Trọng⁽⁵⁷⁾ nói: ‘Khiến cho bậc hiền giả có tài được ăn lộc thì kẻ ấy phải là bậc tôn quý, cho kẻ sĩ dưng mãnh có công được ăn lộc thì kẻ ấy phải biết coi khinh cái chết, trong nước có được hai điều ấy thì thiên hạ trị.’ Ta chưa hề nghe thấy việc người không có tài, kẻ sĩ chẳng phải là dưng, đều được hưởng lộc, mà có thể lập công hưng vượng quốc gia vậy. Cho nên bậc minh quân chẳng phong quan cho kẻ bầy tôi không có công lao, chẳng thưởng cho quân sĩ không ra trận; thời bình trị chuộng đức hạnh, có việc thì thưởng công. Lời bàn luận ấy, tựa như lấy gậy mà chọc con hổ dữ vậy.”

Mùa thu tháng bảy, lệnh rằng: “Từ khi tang loạn đến nay, đã mười lăm năm, những kẻ hậu sinh chẳng thấy được cái cảnh tượng nhân nghĩa lễ nhượng, ta rất lấy làm thương tâm. Nay lệnh cho các quận trong nước đều phải sửa sang trường học, những huyện có năm trăm hộ được đặt chức quan lo việc học hành, tuyển chọn những kẻ tài俊 trong vùng làm người dạy dỗ học trò, sao cho đạo tiên vương chẳng vị phế bỏ, mà lại có ích cho thiên hạ.”

Tháng tám, Công đi đánh Lưu Biểu, quân tới Tây Bình. Công rời huyện Nghiệp đi về Nam, Đàm-Thượng tranh giành Ký Châu, Đàm bị Thượng đánh bại ở đó, chạy đến giữ huyện Bình Nguyên. Thượng vây đánh rất gấp, Đàm sai Tân Bì tới chỗ Công xin hàng cầu cứu. Chư tướng đều nghi ngờ,

Tuân Du khuyên Công ưng cho, Công bèn dẫn quân về.

Ngụy thư chép: Công nói rằng: “Ta đánh Lã Bố, Biều chẳng vào cướp, chiến dịch Quan Độ, Biều cũng chẳng cứu Viên Thiệu, ấy là tên giặc chỉ biết tự giữ mình, nên trừ diệt sau. Đàm-Thượng là lũ gian trá, nhân vì chúng tranh giành nhau. Bởi túng thế Đàm mới trá hàng ta, chẳng qua thế cùng phải bỏ tay vậy, giả sử ta phá được Thượng, thu lấy đất đai ấy, cũng có lợi nhiều lắm.” Bèn hứa giúp Đàm.

Mùa đông tháng mười, Công về đến Lê Dương, cho con trai mình là Chinh kết hôn với con gái Đàm.

Thân Tùng Chi xét: Thiệu chết đến lúc ấy, tính ra cũng chỉ hơn năm tháng mà thôi. Đàm dẫu về sau bị mất tước, chẳng vì Thiệu chịu tang ba năm, mà cưới gả con gái thi hành cát lễ⁽⁵⁸⁾, là trái lễ vậy. Ngụy Vũ hoặc vì quyền nghi mà nói lời ước hẹn; nay nói rằng kết hôn, chưa hẳn là năm ấy đã thành lễ vậy.

Thượng nghe tin Công về Bắc, bèn bỏ Bình Nguyên trở về huyện Nghiệp. Lã Khoáng-Lã Tường ở huyện Đông Bình làm phản Thượng, đóng quân ở Dương Bình, dẫn quân sĩ đến hàng Công, được phong làm Liệt hầu.

Ngụy thư chép: Đàm được giải vây, ngầm lách ấn thụ Tướng quân đưa cho Khoáng. Khoáng nhận ấn đưa cho Công, Công nói: “Ta cố nhiên biết Đàm có toan tính nhỏ mọn vậy. Ý chừng nếu ta đi đánh Thượng, trong thời gian ấy y sẽ cướp lấy dân tụ tập binh chúng, Thượng bị phá, y có thể được tự cường để thừa cơ làm khó ta vậy. Nhưng Thượng bị phá thì ta mạnh, có thể lách đó làm khó ta được sao?”

Năm thứ chín mùa xuân rằm tháng giêng, Công vượt Hoàng Hà, ngăn nước sông chảy vào Bạch Câu để thông đường vận lương. Tháng hai, Thượng lại vây đánh Đàm, lưu Tô Do-Thâm Phối giữ huyện Nghiệp. Công tiến quân đến Hoàn Thủy⁽⁵⁹⁾, Do ra hàng. Đến huyện Nghiệp, Công tiến đánh, đắp thổ sơn, đào địa đạo. Trưởng huyện Vũ An là Doãn Giai đóng binh ở Mao thành, để kiểm soát đường vận lương ở Thượng Đảng.

Mùa hạ tháng tư, Công để Tào Hồng đánh huyện Nghiệp, Công thân cầm quân đánh Giai, phá xong lại trở về. Tướng của Thượng là Tụ Hộc giữ Hàm Đan, Công vây đánh lấy được.

Tụ đọc là Thu, vùng Hà Sóc nay còn có họ này. Hộc, là con của Thu Thu vậy.

Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm, trưởng huyện Thiệp là Lương Kỳ đem cả huyện ra hàng, được ban tước Quan nội hầu.

Tháng năm, phá hủy thổ sơn, địa đạo, đào hào xung quanh, khơi nước sông Chương rót vào trong thành; người trong thành chết đói quá nửa. Mùa thu tháng bảy, Thượng quay về cứu huyện Nghiệp, chư tướng đều cho rằng

“Bình bên kia quay về, người người đều tử chiến, chẳng bằng nên né tránh họ.” Công nói: “Thượng theo đường lớn mà đến, nên phải tránh họ; nếu họ men theo phía tây núi mà tới, ta sẽ bắt được vậy.” Thượng quả nhiên men theo phía tây núi mà lại, tới Phũ thủy lập doanh trại.

Tào Man truyện chép: Công sai quân do thám mấy lần đi dò xét Thượng, chúng đều nói: “Địch đi theo đường phía tây, đã ở Hàm Đan”. Công mừng lắm, hội chư tướng lại bảo: “Cô đã lấy được Ký Châu rồi, các người có biết vì sao chẳng?” Chúng đều nói: “Không biết.” Công nói: “Chẳng bao lâu nữa các người sẽ thấy việc này vậy.”

Ban đêm Thượng phái binh xâm phạm vòng vây, Công đón đánh phá tan, chúng phải bỏ chạy, Công bèn cho vây chặt doanh trại. Không hợp binh được, Thượng sợ, bèn phái cố Thứ sử Dự Châu là Âm Quý cùng Trần Lâm đến xin hàng, Công không cho, vòng vây càng xiết chặt. Thượng bỏ trốn ngay trong đêm, tới giữ Kỳ Sơn, Công truy kích. Bọn tướng của Thượng là Mã Diên-Trương Ý lúc lâm trận đầu hàng, quân Thượng tan vỡ, Thượng chạy trốn vào Trung Sơn. Công thu được hết đồ truy trọng, bắt được cả ấn thụ tiết việt của Thượng, sai bộ hạ của Thượng đã ra hàng đem ra cho người nhà Thượng xem, lòng người trong thành tan vỡ cả. Tháng tám, con của anh trai Thẩm Phối là Vinh đang đêm mở cửa thành Đông Môn rước quân ngoài vào. Phối đón đánh, thua trận, Phối bị bắt sống, đem chém, huyện Nghiệp bình định. Công thân đến tế ở mộ Thiệu, khóc rơi nước mắt; uỷ lạo vợ Thiệu, trả lại những bảo vật cho gia nhân Thiệu, lại ban tặng các đồ vải lụa bông mềm, cấp cho lương thực.

Khi trước, Thiệu với Công cùng khởi binh, Thiệu hỏi Công rằng: “Nếu như việc chẳng xong, thì nên chiếm cứ mặt nào?” Công hỏi: “Ý của túc hạ thì sao?” Thiệu nói: “Ở phía nam ta giữ lấy Hoàng Hà, phía bắc ngăn các xứ Yên-Đại, kiêm gồm dân chúng Nhung-Địch, ngoảnh về nam để tranh thiên hạ, như vậy có thể nên việc chẳng?” Công nói: “Ta dùng trí lực của người trong thiên hạ, lấy đạo lý chế ngự họ, chẳng chỗ nào là không ở được.”

Phó Tử chép: Thái Tổ nói rằng: “Thang-Vũ làm vua, há đều nhờ thế đất hay sao? Nếu nương cậy ở nơi hiểm trở kiên cố, tất chẳng thể thuận theo thời cơ mà biến hoá được vậy.”

Tôn Thịnh nói: Xưa kia bậc tiên vương thi hành thưởng phạt, theo đó mà trừng trị kẻ ác khuyến khích việc thiện, là gương sáng để răn dạy đời sau. Thiệu nhân lúc thế gian nguy biến, bèn nảy mưu đồ phản nghịch, trên bàn đến chuyện thần khí, dưới can thiệp vào cương kỷ quốc gia. Điều tang cư tang, là pháp chế thời xưa vậy, nhưng thương khóc trước mộ kẻ nghịch thần, ban ân vào gia thất kẻ tham tàn, theo đạo lý chính đáng, việc ấy là điên đảo vậy. Giấu oán hận trong lòng để làm thân với người, ấy là điều các bậc hiền trí xưa chê cười, khóc than nơi tang lễ người quen, tình nghĩa không thể giả

dối, kẻ ác vi phạm đạo nghĩa, sao có thể than khóc được! Xưa Hán Cao sai làm khóc than cho họ Hạng, nay Ngụy Vũ lại theo cái sai lầm ấy, há chẳng phải là nghề thâu trăm điều mà hỏng mất một hay không?

Tháng chín, có lệnh rằng: “Hà Bắc mắc cái nạn họ Viên, nên lệnh cho năm nay không phải nộp thuế khoá nữa!” Lại trừng phạt nặng những kẻ cường hào ngang ngược, bách tính hoan hỉ vui mừng. Thiên tử đề Công lĩnh chức Ký Châu mục, Công khiêm nhượng trả lại Duyện Châu.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh của Công rằng: “Có nước thì có nhà, không lo có ít mà lo chẳng được đều, không lo nghèo túng mà lo chẳng được yên. Sự cai trị của họ Viên, khiến cho kẻ cường hào được chuyên quyền phóng túng, kẻ thân thích được nắm giữ đất đai; kẻ hạ dân bần hàn khiếp nhược, đời đời chịu nộp thuế khoá, phải bán mình vào nơi giàu có, chẳng bằng đồ vật để người ta sai khiến; tông tộc nhà Thẩm Phối, là nơi tàng chứa những kẻ tội nhân, kẻ mắc nợ trốn chủ. Những muốn cho trăm họ phải nương cậy vào mình, giáp binh cường thịnh, há có thể được sao! Nay chỉ thu thuế ruộng một mẫu bốn thăng, mỗi hộ chỉ bỏ ra hai xấp lụa, bông loại tốt hai cân mà thôi, kẻ khác chẳng được thiên tiện xướng lệnh. Giao cho thủ tướng trong quận quốc tra xét việc ấy, không để kẻ cho kẻ cường hào ở nơi ấy được thu nhật giấu giếm, mà những dân nghèo được tự quản việc thuế khoá của mình vậy.”

Lúc Công vây huyện Nghiệp, Đàm cướp lấy các xứ Cam Lăng, An Bình, Bột Hải, Hà Gian. Thượng bại, chạy về Trung Sơn. Đàm đánh Trung Sơn, Thượng chạy đến Cố An, Đàm thu lấy binh của Thượng. Công gửi thư cho Đàm, trách đã phụ ước, rồi tuyệt hôn, cho đưa con gái họ Viên về, sau mới tiến binh. Đàm sợ, Công liền đánh lấy Bình Nguyên, Đàm chạy tới giữ Nam Bì. Tháng mười hai, Công tới Bình Nguyên, bình định các huyện.

Năm thứ mười mùa xuân rằm tháng giêng, vây đánh Đàm, phá được, chém Đàm, tru diệt hết vợ con, Ký châu bình định.

Ngụy thư chép: Công vây đánh Đàm, từ sớm đến giữa trưa không phá được; Công bèn thân cầm dùi thúc trống, sĩ tốt phấn chấn, bảy giờ mới phá được thành.

Công hạ lệnh rằng: “Những kẻ lừa theo họ Viên làm điều ác, cho phép hối cải và thay đổi.” Lệnh cho dân chúng không được báo thù riêng, cấm chỉ việc hậu táng, hết thầy phải theo phép nước. Tháng ấy, bọn Đại tướng của Viên Hi là Tiêu Xúc-Trương Nam làm phản đánh Hi-Thượng, Hi-Thượng chạy đến Tam Quận xứ Ô Hoàn. Bọn Xúc dâng cả huyện đầu hàng, được phong làm Liệt hầu. Ban đầu lúc Công mới đánh Đàm, dân bỏ trốn việc đào băng,

Thần Tùng Chi cho rằng lúc Công đánh Đàm, nước ở kênh ngòi đóng băng, Công sai dân đập băng để lưu thông thuyền bè, dân sợ việc sai dịch

mới bỏ trốn.

Công lệnh gọi, chúng không chịu đến hàng. Được ít lâu, dân bỏ trốn lại đến tận cửa quan rập đầu lay. Công bảo rằng: “Ta nghe nói chúng bay trái mệnh, giết chúng bay thì chỉ chém kẻ cầm đầu, chúng bay nên trốn đi, đừng để quan lại bắt được.” Dân nhỏ nước mắt khóc rồi trốn đi; sau thoát được hết.

Mùa hạ tháng tư, bọn giặc ở Hắc Sơn là Trương Yên dẫn hơn vạn binh lính đến hàng, được phong làm Liệt hầu. Bọn người ở Cổ An là Triệu Độc-Hắc Nô giết Thứ sử U châu và Thái thú Trác quận. Tam quận Ô Hoàn vây đánh Tiên Vu Phụ ở Quán Bình.

Tục Hán thư Quận quốc chí chép: Quán Bình, là tên huyện, thuộc quận Ngự Dương.

Mùa thu tháng tám, Công đi đánh dẹp, chém bọn Độc, rồi qua sông Lô Hà cứu Quán Bình, Ô Hoàn chạy trốn ra nơi đất hiểm.

Tháng chín, có lệnh rằng: “Kết đảng để mưu việc riêng, thánh nhân cực ghét. Ta nghe phong tục Ký Châu, cha con ở cùng một nơi mà bất đồng, thì bêu diều lẫn nhau. Xưa kia huynh trưởng của Trục Bất Nghi chết, người đời nói rằng ông ấy bức hiếp chị dâu; môn đệ của Ngũ Bá Ngự ba lần lấy vợ mà vợ đều bị chết, người ta bảo bố ông vụng trộm với con dâu; Vương Phượng thiện tiện quyền nghi, Cốc Vĩnh chê bai là dựa thế anh chồng, Vương Thương nói lời trung thực, Trương Khuông cho là lời nói dối lừa: Ấy đều là việc đổi trắng thay đen, dối trời lừa vua vậy. Nay ta muốn chỉnh đốn phong tục, mà bốn tục xấu kia chẳng bỏ đi được, ta lấy làm xấu hổ lắm.⁽⁶⁰⁾” Mùa đông tháng mười, Công trở về huyện Nghiệp.

Khi trước, Viên Thiệu cho con rể là Cao Cán lĩnh chức Kinh Châu mục, Công hạ được huyện Nghiệp, Cán đầu hàng, Công cho làm Thứ sử. Cán nghe tin Công đi đánh dẹp Ô Hoàn, bèn làm phản ở trong châu, bắt giữ Thái thú Thượng Đảng, cử binh giữ ải Hồ Quan. Công sai Nhạc Tiên-Lý Điển đánh Cán, Cán lui về giữ thành Hồ Quan. Năm thứ mười một mùa xuân rằm tháng giêng, Công thân đi đánh Cán. Cán hay tin ấy, bèn để biệt tướng của mình giữ thành, chạy vào xứ Hung Nô, cầu cứu Thiên Vu⁽⁶¹⁾, Thiên Vu không chịu cứu. Công vây Hồ Quan ba tháng, lấy được. Cán bèn chạy trốn đến Kinh Châu, bị Đô úy Thượng Lạc là Vương Diễm lòng bắt được đem chém đi.

Mùa thu tháng tám, Công đông chinh hải tặc là Quán Thừa, đến Thuận Vu, sai Nhạc Tiên-Lý Điển đánh Thừa, Thừa bỏ chạy ra vùng hải đảo. Công cắt các vùng Tương Bí-Đàm-Thích ở Đông Hải nhập vào quận Lang Nha, xoá bỏ quận Xương Lự.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh tháng mười năm Ất Hợi rằng: “Kẻ cai trị ở đời

ché ngự chúng sinh, phải gây dựng giúp dân, răn bảo ngoài mặt cho họ biết sợ, Kinh Thi nói ‘Thuận theo mưu tính của ta, số đông không có gì phải hối hận’, ấy thật là điều mà bậc quân thần khản khoản cầu mong vậy. Ta gánh vác trách nhiệm nặng nề, thường sợ bỏ qua mất lời trung, mấy năm gần đây, chẳng được nghe kẻ hay, sao ta có thể mở tiệc mừng mà chẳng kể đến cái xấu nữa ru? Từ nay về sau, những kẻ Duyệt phụ thuộc các chức Trị trung-Biệt giá, vào mỗi ngày rằm mọi người đều phải kể ra những lỗi làm của mình, ta sẽ xem xét cho.’”

Ba quận xứ Ô Hoàn thừa lúc thiên hạ loạn lạc, đánh phá U châu, cướp được số Hán dân đến hơn vạn hộ. Viên Thiệu cho lập tù trưởng xứ ấy làm Thiên Vu, lại lấy con gái của gia nhân làm con mình, gả cho Thiên Vu làm vợ. Thiên Vu ở Liêu Tây là Đạp Đốn rất cường thịnh, được Thiệu hậu đãi, vì thế anh em Thượng đến quy hàng, mấy lần xâm nhập nơi đất hiểm gây họa. Công sắp sửa thân chinh đi tiêu phạt, cho đào một con kênh, từ Hồ Đà dẫn nước tới Cô Thủy, gọi là kênh Bình Lỗ; lại từ cửa Đê Hà đào một con kênh xuyên Lộ Hà, gọi là kênh Tuyên Châu, để thông ra bể.

Năm thứ mười hai mùa xuân tháng hai, Công từ Thuần Vu về huyện Nghiệp. Năm Đinh Dậu⁽⁶²⁾, có lệnh rằng: “Ta khởi nghĩa binh dẹp trừ bạo loạn, đến nay là mười chín năm, đánh đâu được đó, há có phải là công lao của mình ta đâu? Mà là công sức của các bậc hiền sĩ đại phu vậy. Nay thiên hạ còn chưa yên định được cả, ta đang muốn cùng các bậc hiền sĩ đại phu chung sức yên định thiên hạ; mà mình ta được hưởng công lao, ta sao có thể yên lòng? Nên gấp rút xét định công của những người ấy để tiến hành phong thưởng.” Bởi thế phong thưởng rất lớn cho hơn hai mươi công thần, đều được làm Liệt hầu. Những người khác cũng được theo thứ tự mà thụ phong, đến cả con cô của những người đã chết vì công việc, nặng nhẹ chẳng hề sơ sót.

Ngụy thư chép lại tờ lệnh của Công rằng: “Xưa Triệu Xa-Đậu Anh⁽⁶³⁾ làm tướng, được ban thưởng nghìn vàng, một sớm đem chia hết cho người, cho nên có thể lập được đại công, thế gian mãi còn lưu tiếng. Ta đọc truyện ấy, chưa từng không ái mộ những người đó. Nay ta cùng với chư tướng và sĩ đại phu cùng theo việc binh nhưng, may được cậy nhờ những bậc hiền nhân chẳng ai tiếc mưu hay, quân sĩ chẳng ai tiếc sức lực, mạo hiểm vào xứ Di bình loạn, mà riêng ta được thưởng công to, hộ áp ba vạn. Đoái nghĩ đến việc Đậu Anh vì nghĩa chia vàng, nay ta chia số thuế má được thưởng cho chư tướng bộ thuộc cùng các lĩnh thú cũ ở đất Trần-Thái, ấy là để báo đáp sự khó nhọc của mọi người, ta chẳng dám thiên tiện nhận ân huệ lớn. Còn con cô của những người óm chết vì việc nước, nên lấy thuế má thóc lúa để chu cấp cho họ. Năm nào thịnh vượng sung túc, thuế má đã thu xong, tướng sĩ cùng với chúng nhân đều được hưởng chung.’”

Công sắp bắc chinh ba quận xứ Ô Hoàn, chư tướng đều nói: “Viên Thượng, chỉ là thằng tù bỏ trốn mà thôi, Di Dịch⁽⁶⁴⁾ tham lam mà chẳng có tình thân, há có thể để cho Thượng sai khiến? Nay thâm nhập vào chinh phạt ở đất ấy, Lưu Bị ắt hẳn sẽ khuyên Lưu Biểu tập kích Hứa huyệt. Vạn nhất có biến, việc chẳng thể hồi được.” Duy chỉ có Quách Gia liệu rằng Biểu tất chẳng thể tin Bị, khuyên Công bắc chinh. Mùa hạ tháng năm⁽⁶⁵⁾, đến Vô Chung. Mùa thu tháng bảy, có mưa lớn, đường ven biển không đi được, Điền Trù xin làm hướng đạo, Công theo lời. Rồi dẫn quân ra ải Lô Long, đường bên ngoài quan ải bị cắt đứt không thông. Công bèn cho đào núi lấp lũng kéo dài hơn năm trăm dặm, xuyên qua Bạch Đàn, vượt Bình Cương, lội qua sông Tiên Ti Đình, nhằm tới phía đông Liễu Thành. Còn cách hai trăm dặm, quân rợ biết được. Thượng-Hi và Đạp Đôn, cùng với bọn Thiên Vu ở Liêu Tây là Lô Ban, Thiên vu ở Hữu Bắc Bình là Năng Thần Đễ dẫn mấy vạn quân ky đón đánh. Tháng tám, quân của Công lên núi Bạch Lang, cùng với quân rợ gặp nhau, bọn chúng rất đông. Xe chở đồ nặng của Công ở phía sau, áo giáp của quân lính thiếu thốn, tả hữu đều sợ hãi. Công trèo lên cao, trông xa thấy quân rợ hàng trận không tề chỉnh, bèn xua binh xuất kích, sai Trương Liêu làm tiên phong, quân rợ tan vỡ, Đạp Đôn cùng bộ hạ bị chém cả, lại thu hàng được hơn hai mươi vạn người Hán và Hồ. Thiên Vu Liêu Đông là Túc Bộc Hoàn cùng với các hào mục ở Liêu Tây-Bắc Bình, đều bỏ người đồng tộc, cùng với Thượng-Hi chạy trốn qua Liêu Đông, binh lính của Thượng còn có mấy nghìn quân ky.

Trước đây, Thái thú Liêu Đông là Côn Tôn Khang cậy mình ở xa không quy phục. Lúc Công phá Ô Hoàn, có người khuyên Công nên chinh phạt, có thể bắt được anh em Thượng. Công nói: “Ta có cách khiến cho Khang chém đầu Thượng-Hi, chẳng phiền đến binh sĩ vậy.” Tháng chín, Công dẫn binh từ Liễu Thành quay về, Khang lập tức chém bọn Thượng-Hi cùng Túc Bộc Hoàn, đem thủ cấp đến chỗ Công. Chư tướng ngờ vực hỏi: “Công quay về mà Khang chém đầu Thượng-Hi mang tới, sao vậy?” Công nói: “Bên kia vốn sợ bọn Thượng, ta đánh gấp thì họ hợp sức chống, ta thông thả thì họ tàn sát lẫn nhau, ấy là cái thế tự nhiên vậy.” Tháng mười một về đến Dịch Thủy, Thiên Vu Phổ Phú Lô ở đại quận Ô Hoàn, Thiên Vu Na Lô ở thượng quận Ô Hoàn dẫn các vương tôn đến chúc mừng.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ trời rất lạnh lại hạn hán, suốt hai trăm dặm không có nước uống, quân lính lại thiếu lương, phải giết mấy nghìn con ngựa để làm lương ăn, đào sâu xuống đất hơn ba mươi trượng mới có nước. Công về đến nơi, tìm gọi những người đã can gián mình lúc trước, mọi người chẳng ai biết có việc gì, người người đều sợ hãi. Công đều hậu thưởng cho, nói: “Cô đi lúc trước, thừa nguy để cầu may, dầu đắc thắng, cũng là trời giúp cho vậy. Lời can gián của các người, ấy là kế vạn toàn, vì

thế đáng được khen thưởng, sau này cứ nói chớ có e ngại gì cả.”

Năm thứ mười ba mùa xuân rằm tháng giêng, Công trở về huyện Nghiệp, cho đào ao Huyền Vũ để luyện tập thủy quân. Nhà Hán bãi chức quan Tam Công, đặt ra chức Thừa tướng, Ngự sử Đại phu. Mùa hạ tháng sáu, lấy Công làm Thừa tướng.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai quan Thái thường là Từ Cầu trao cho ấn thụ. Ngự sử Đại phu không được quản ngôi Trung thừa, để một người giữ chức Trưởng sử.

Tiên hiền hành trạng chép: Cầu tự Mạnh Bình (Mạnh Ngọc), người Quảng Lăng. Tuổi trẻ đã thông đạt đạo lý, gây dựng được khí sắc triều chính. Trải các chức lệnh ở ba quận Nhâm Thành-Nhữ Nam-Đông Hải, ở đâu đều làm phong khí nơi ấy được thay đổi. Cầu bị nhà cầm quyền ở đây triệu gọi, lúc ấy Viên Thuật cướp phá ở đó. Thuật tiếm xưng, muốn trao cho Cầu ngôi vị Thượng công, Cầu nhất định không chịu khuất. Sau khi Thuật chết, Cầu được ngọc tử của Thuật, đem về trả cho triều Hán, được bái làm Vệ úy Thái thường; Công làm Thừa tướng, nhường ngôi vị ấy cho Cầu.

Mùa thu tháng bảy, Công nam chinh Lưu Biểu. Tháng tám, Biểu chết, con là Tông lên thay, đóng ở Tương Dương, Lưu Bị đóng ở Phàn Thành. Tháng chín, Công đến Tân Dã, Tông bèn ra hàng, Bị chạy ra Hạ Khẩu. Công tiến quân đến Giang Lăng, hạ lệnh tha cho dân chúng và quan lại cấp thấp ở Kinh châu, cho phép hồi cải và thay đổi. Rồi luận xét công lao những kẻ ở Kinh Châu theo hàng, phong tước hầu cho mười lăm người, để Đại tướng của Lưu Biểu là Văn Sính làm Thái thú Giang Hạ, sai thống lĩnh binh cũ. Lại dẫn dụ thu dùng được bọn danh sĩ ở Kinh Châu là Hàn Tung-Đặng Ngĩa.

Bài tự ở sách Tứ thể thư thế của Vệ Hằng chép: Người ở Thượng Cốc là Vương Thứ Trọng khéo viết chữ Lệ, là người đặt ra lối viết chữ Khải⁽⁶⁶⁾. Đến đời Linh Đế chuộng thư pháp, thế gian có nhiều người khéo viết, nhưng chữ viết của Sư Nghi Quan là đẹp nhất, ông rất kiêu ngạo về khả năng này, sau khi viết chữ, ông đều thiêu hủy bản nháp. Lương Hộc vì tham muốn sở hữu bản nháp nên tìm cách chuốc rượu Nghi Quan, sau khi ông ta say Hộc ăn cắp bản nháp, rồi chăm chỉ bắt chước thư pháp ấy, sau này Hộc làm quan đến Thượng thư bộ Tuyền⁽⁶⁷⁾. Lúc đó Công muốn làm Lạc Dương lệnh, Hộc lại phái Công làm Bắc bộ úy. Sau Hộc nương nhờ Lưu Biểu. Khi Kinh châu bình định, Công ra sức tìm kiếm Hộc. Hộc sợ, tự trói mình đến cửa, Công phong làm Quân giá Tư mã, lo việc văn thư, để khuyến khích lối viết chữ giản, lấy công chuộc tội. Công thường treo chữ viết của Hộc trong doanh trướng, hoặc ghim trên tường vách để thưởng ngoạn, Công cho rằng phép viết chữ của Hộc còn cao hơn Nghi Quan. Hộc tự Mạnh Hoàng, người An Định. Những đề tự ở cung điện nhà Ngụy, đều do Hộc viết ra cả.

Dật sĩ truyện của Hoàng Phủ Mật chép: Người ở Nhữ Nam là Vương Tuấn, tự là Tử Văn, thời trẻ được Phạm Bàng và Hứa Chương⁽⁶⁸⁾ biết đến, rất thân với người ở Nam Dương là Sầm Thuật. Công cho là kẻ áo vải, đặc biệt yêu mến Tuấn, Tuấn cũng xưng tụng Công có đủ tài để trị đời. Cho đến khi Viên Thiệu cùng với em là Thuật để tang mẫu thân, đem về an táng ở Nhữ Nam, Tuấn cùng với Công đến dự, hội họp ở đó có ba nghìn người. Công ở bên ngoài ngầm nói nhỏ với Tuấn rằng: “Thiên hạ sắp loạn, kẻ đầu sỏ gây loạn hẳn là hai kẻ này. Muốn cứu giúp thiên hạ, vì trăm họ mà thỉnh mệnh, chẳng tru diệt hai kẻ này trước đi, cái loạn ngày nay sẽ phát tác vậy.” Tuấn nói: “Như lời người nói, để cứu vớt thiên hạ, là người chứ còn ai nữa?” Hai người cùng cười. Tuấn là người có vẻ ngoài điềm tĩnh mà trong bụng sáng suốt, chẳng theo mệnh ra làm quan phủ ở châu quận. Công xa cho vời, không chịu đến, lánh đời ở đất Vũ Lăng, hơn một trăm nhà đi theo Tuấn. Để đời đô về Hứa huyện, lại cho vời Tuấn làm Thượng thư, vẫn không chịu đến. Lưu Biểu thấy Thiệu mạnh, ngầm cùng với Thiệu thông đồng, Tuấn bảo Biểu rằng: “Tào công, là kẻ anh hùng trong thiên hạ vậy, tất sẽ gây dựng được bá nghiệp, theo được công nghiệp của Hoàn-Văn⁽⁶⁹⁾. Nay ông bỏ chỗ gần tìm chỗ xa, ví như một sớm có việc nguy cấp, mong kẻ ở nơi mạc bắc xa xôi đến cứu, chẳng cũng khó lắm sao!” Biểu không nghe. Năm Tuấn sáu mươi tư tuổi, được chết lành ở Vũ Lăng, Công nghe tin thương cảm lắm. Lúc bình định Kinh Châu, Công thân tới bờ sông viếng tang, đem cải táng ở Giang Lăng, dâng biểu xin cho là bậc tiên hiền.

Ích châu mục Lưu Chương ban đầu vâng mệnh trung tập lính thú, phái binh cung cấp quân lương. Tháng mười hai, Tôn Quyền giúp Bì vây đánh Hợp Phì. Công từ Giang Lăng đi đánh Bì, đến Ba Khâu, phái Trương Hí đến cứu Hợp Phì. Quyền nghe tin Hí đến, bèn bỏ chạy.

Sách Dị đồng của Tôn Thịnh bình rằng: Xét Ngô chí, Lưu Bì phá quân của Công trước, rồi sau Quyền mới vây đánh Hợp Phì, mà chỗ này chép rằng Quyền đánh Hợp Phì trước, sau mới có việc ở Xích Bích. Hai sách bất đồng, Ngô chí chép đúng.

Công đến Xích Bích, cùng Bì giao chiến, gặp bất lợi. Lúc ấy trong quân có đại dịch, quân sĩ bị chết rất nhiều, Công bèn dẫn quân về. Bì bèn chiếm lấy Kinh Châu⁽⁷⁰⁾ và các quận phía nam sông Trường Giang.

Sơn dương công tái ký chép: Chiến thuyền của Công bị thiêu đốt ở đó, Công bèn dẫn quân theo đường Hoa Dung trở về, gặp bùn lầy, đường không đi được, trời lại có gió lớn, Công sai tất cả binh lính gậy yếu phải vác cỏ lấp những chỗ lầy lội, quân kỵ mới đi qua được. Đám quân sĩ gậy yếu bị người ngựa giày xéo, bị vùi lấp trong bùn lầy, chết rất nhiều. Quân đã qua được, Công rất mừng, chư tướng hỏi việc ấy, Công nói: “Lưu Bì, xứng đáng là đối thủ của ta, chỉ hiềm hành động hơi chậm chạp, nếu y phóng hỏa sớm hơn

một chút, chúng ta đã chết rồi vậy.” Bị có cũng có phồng hoả nhưng không kịp.

Năm thứ mười bốn mùa xuân tháng ba, đưa quân đến Tiêu huyện, đóng thuyền nhẹ, thao luyện thuỷ quân. Mùa thu tháng bảy, từ sông Qua tiến vào sông Hoài, ra Phì thuỷ, đóng quân ở Hợp Phì. Hai mươi ba ngày sau, có lệnh rằng: “Gần đây, quân ta mấy lần đi chinh phạt, hoặc gặp dịch bệnh, quân sĩ tử vong chẳng thể trở về, gia thất oán hận xót thương, trăm họ lưu li, bậc nhân giả há vui được hay sao? ấy là bất đắc dĩ vậy. Nay lệnh cho gia thuộc người đã chết những ai không có sản nghiệp chẳng thể tự mưu sinh, quan huyện không được cắt lương, các trưởng lại phải chiếu cố phủ dụ, sao cho tỏ rõ được ý nguyện của ta.” Lại đặt các chức trưởng lại ở các quận huyện thuộc Dương Châu, cho trồng hoa thực được xen lẫn ruộng cấy. Tháng mười hai, quân quay về Tiêu huyện.

Mùa xuân năm thứ mười lăm, hạ lệnh nói: “Từ xưa vua nhận mệnh và nghiệp trung hưng, có vua từng chưa cùng người hiền quân tử trị thiên hạ sao! Lúc có được người hiền, từng không ra khỏi cổng nhà, há không đến gặp nhau sao? Chỉ e người làm vua không tìm họ mà thôi. Nay thiên hạ chưa định, đây là buổi phải nhanh tìm người hiền. ‘Mạnh Công Xước giúp họ Triệu, họ Ngụy thì tỏ tài năng, không làm Đại phu của nước Đàng, nước Tiết’. Nếu xét chọn kẻ sĩ nhưng dùng sau, vậy thì Tề Hoàn Công lấy gì mà xưng Bá ở đời! Nay thiên hạ không có kẻ mặc áo thô mà mang ngọc và người ngồi câu cá ở bến sông Vị sao? Lại không có kẻ hiệp chị dâu nhận vàng và chưa gặp Vô Tri sao? Các ông hãy giúp ta xét tìm những người trong bọn thấp hèn, nếu có tài thì chọn, ta có được thì tất dùng họ”. Mùa đông, làm đài Đồng Tước.

Ngụy Vũ có sự chép lệnh ngày kỉ hợi tháng mười hai của Công rằng: “Ta lúc đầu cử hiếu liêm, thừa trở tự thấy mình không phải là kẻ sĩ nổi danh nơi hang núi, sợ bị người trong nước thấy cái ngu hèn của mình, muốn làm một chức Quận thú, ra sửa nắn giáo hóa để lập tiếng tốt, khiến cho người đời biết rõ ta; cho nên ngày trước ở tại nước Tế Nam, bắt đầu trừ tàn diệt xấu, tuyển chọn công bằng, trái ý các quan Thường thị. Cho nên bị bọn cường hào giận, ta sợ gây họa cho người nhà, do đó xưng bệnh về quê. Sau khi bỏ quan, tuổi vẫn đang trẻ, ngoảnh xem trong bọn cùng làm quan thì có kẻ tuổi đã năm mươi, còn chưa cho là già. Do vậy tự xét tính, từ khi đó trở về trước đã hai mươi năm, đợi thiên hạ yên, mới cùng bọn cùng làm quan so sánh mà thôi. Cho nên bỏ về quê nhà, ở phía đông huyện Tiêu năm mươi dặm đắp ngôi nhà nhỏ, muốn mùa xuân mùa hạ thì đọc sách, mùa đông mùa xuân thì săn bắn, tìm địa vị ở dưới đáy, muốn lấy nước bùn tự che thân, dứt ý qua lại với tân khách, nhưng không được như ý. Sau bị gọi làm Đô úy, chuyển làm Điển quân hiệu úy, muốn vì nhà nước mà đánh giặc lập công, mong được

phong Hầu làm Chinh tây tướng quân, rồi đó đề chữ trên bia mộ là: ‘Mộ của Chinh tây tướng quân của nhà Hán là Tào Hầu’. Đây là chí của ta vậy. Nhưng lại gặp nạn Đông Trác, bèn dấy nghĩa binh. Bấy giờ tụ quân được nhiều, nhưng thường tự giám bớt, không muốn có nhiều; vì sao như thế? Là vì quân nhiều thì ý nhiều, nếu tranh với địch mạnh thì chỉ chuốc lấy mầm họa, cho nên đánh mấy nghìn trận ở sông Biện, sau đó về đến Dương Châu tuyển quân, cũng không quá ba nghìn người, đây là chí ta có hạn vậy. Sau lĩnh chức ở Duyện Châu, phá hàng hơn ba mươi vạn quân Khăn vàng. Lại gặp lúc Viên Thuật tiếm hiệu ở quận Cửu Giang, kẻ dưới đều xưng thân, đặt tên cửa là cửa Kiến Hiệu, áo mặc đều là loại của thiên tử, hai người vợ cùng tranh làm Hoàng hậu. Mưu chí đã định, có người khuyên Thuật lên ngôi Đế, bỏ cáo thiên hạ, đáp nói: ‘Tào Công vẫn còn, không nên’. Sau ta đánh bắt được bốn tướng của Thuật, bắt được nhiều người của Thuật, bèn khiến cho Thuật thua chạy tan vỡ, phát bệnh mà chết. Kịp lúc Viên Thiệu chiếm miền Hà Bắc, thế quân mạnh mẽ, ta tự biết sức, thực không địch nổi, nhưng nghĩ rằng nhảy vào chỗ chết là vì nước, vì nghĩa mà diệt thân, cũng đủ truyền danh tiếng cho người sau. May mà phá được Thiệu, treo đầu hai con của hắn. Lại nữa Lưu Biểu tự cho là họ hàng của nhà vua, mang giữ lòng gian, chột tiến chột lùi để xem sự biến, chiếm được bản châu, ta lại định được, cuối cùng bình thiên hạ. Thân làm Tể tướng, thế là tôn quý tốt cùng của tôi thân rồi, còn mong gì hơn. Nay ta nói lời này, như là tự đại, nhưng muốn nói hết, không gì né tránh. Nếu nhà nước không có ta, thì không biết sẽ có mấy người xưng Đế, mấy người xưng Vương? Có kẻ thấy ta thế mạnh, tính vốn không tin vào mệnh trời, ta sợ họ bàn riêng với nhau cho rằng ta có chí không khiếm tốn, mưu kế xằng bậy, ta thường đau đầu. Tề Hoàn, Tấn Văn lưu tiếng tốt đến nay là vì thế quân của họ rộng lớn mà vẫn tôn thờ nhà Chu vậy. Luận ngữ chép ‘Thiên hạ chia ba phần thì nhà Chu có đến hai phần trong đó, vậy mà còn thờ nhà Ân, thế thì đức của nhà Chu có thể nói là lớn lắm’. Đây là có thể lấy nước lớn mà thờ nước nhỏ vậy. Xưa kia Nhạc Nghị chạy đến nước Triệu, vua Triệu muốn cùng Nhạc Nghị đánh nước Yên, Nhạc Nghị cúi xuống mà khóc, đáp rằng: ‘Thần thờ Chiêu Vương, cũng thờ Đại vương; nếu thần có lỗi, xin đày đến nước khác, đến chết là cùng, vẫn không nỡ hại lây đến dân chúng của nước Triệu, huống chi người nói tự của nước Yên!’ Vào lúc Hồ Hợi giết Mông Điềm, Điềm nói: ‘Từ thời tổ tiên ta cho đến đời con cháu, được ba đời vua Tần tin cậy; nay thần lĩnh hơn ba mươi vạn quân, sức này đủ để làm phản, nhưng tự biết rằng chết mà giữ nghĩa, không dám làm nhục cái đạo của tổ tiên mà quên ân của Tiên vương vậy’. Ta hề đọc sách về hai người này, chưa từng không thương cảm rơi lệ vậy. Từ ông nội ta cho đến ta, đều tự thân nhận chức trọng, có thể nói là được tin cậy vậy, cho đến con ta là anh em bọn Thực, Hoàn là hơn ba đời rồi. Ta không chỉ đối với với các ông mà nói thế, mà còn nói với vợ con, đều sai phải nhớ

kĩ lời này. Ta bảo họ rằng: ‘Đợi sau khi ta muôn tuổi, các người đều được xuất giá, mong hãy theo ý ta, khiến cho người khác đều biết’. Lời này của ta đều là từ gan ruột. Ta dốc lời thành thật từ gan ruột là vì thấy Chu Công có sách Đẳng kim để tự bày tỏ tấm lòng, cũng lo người khác không biết được nguyên nhân. Nhưng muốn ta giảm bớt quân sĩ và quyền binh mà ta nắm giữ, trả lại tước Vũ Bình Hầu quốc, thực là không được vậy. Vì sao? Là vì nếu ta bỏ binh quyền thì sẽ bị người khác gây họa. Ta chỉ vì nghĩ kế cho con cháu, lại nữa nếu ta thua thì nhà nước cũng sẽ nghiêng đổ, cho nên không được cầu cái danh hảo mà chuốc phải họa lớn. Đây là điều không nên làm vậy. Ngày trước triều đình phong tước Hầu cho ba người con của ta, ta cố nhường không nhận, nay lại muôn nhận lấy, không phải là muốn được vinh hiển, chỉ là muốn để làm phen dậu giúp đỡ ở bên ngoài, định kế vẹn toàn vậy. Ta nghe nói Giới Thôi đẩy tránh tước phong của nước Tấn, Thân Tư trốn né ban thưởng của nước Sở, chưa từng không vứt sách mà than, lấy đó tự răn mình vậy. Nhận lệnh của nhà nước, cầm lưỡi rìu đi đánh dẹp, lấy yếu để thắng mạnh, dùng nhỏ mà bắt lớn; mưu mà ta nghĩ làm chẳng sai lầm, điều mà ta mưu, việc gì chẳng thành? Rút cuộc dẹp bằng thiên hạ, không làm nhục thân mình, có thể nói là trời giúp nhà Hán, không phải là sức của người vậy. Nhưng được phong cả bốn huyện, thực áp vạn hộ, có đức gì mà được nhận! Nhưng bốn cõi chưa yên, không thể nhường chức; còn như đất phong thì có thể nhường. Nay dâng trả hai vạn hộ ở ba huyện Dương Hạ, Chá, Khô, chỉ ăn lộc vạn hộ ở huyện Vũ Bình, tạm mong chia xẻ lời chê giễu, giảm bớt lời trách oán ta vậy”.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười sáu,

Ngụy thư chép: Ngày canh thìn, thiên tử hạ lệnh giảm năm nghìn hộ, chia một vạn năm nghìn hộ của ba huyện mà Công nhường để phong cho ba người con, phong Thực làm Bình Nguyên Hầu, Cừ làm Phạm Dương Hầu, Báo làm Nghiêu Dương Hầu, đều có thực áp năm nghìn hộ.

Thiên tử bãi Thế tử của Công là Phi làm Ngũ quan trung lang tướng, đặt quan thuộc, làm Thừa tướng phó. Người quận Thái Nguyên là bọn Cao Diệu đem huyện Đại Lăng làm phản, sai Hạ Hầu Uyên, Từ Hoảng vây phá chúng. Trương Lỗ chiếm Hán Trung; tháng ba, sai Chung Do đánh hấn. Công sai bọn Uyên ra quận Hà Đông hội quân với Do.

Bấy giờ các tướng ở miền Quan Trung ngờ Do muốn tự đánh úp, Mã Siêu bèn cùng bọn Hàn Toại, Dương Thu, Lí Kham, Thành Nghi làm phản. Sai Tào Nhân đánh chúng, bọn Siêu đóng quân ở Đồng Quan, Công lệnh các tướng rằng: “Quân sĩ miền Quan Tây cứng mạnh, phải giữ chắc lũy, chớ đánh với chúng”. Tháng bảy mùa thu, Công đánh phương tây,

Ngụy thư chép: Người bàn phần nhiều nói: “Quân miền Quan Tây mạnh, tập mâu dài, nếu không chọn kĩ quân tiên phong thì không thể địch nổi”.

Công bảo các tướng rằng: “Đánh là tại ta, không phải tại giặc. Giặc dẫu tập mâu dài, ta sắp làm cho chúng không đâm được, các ông chỉ đứng xem mà thôi”.

đổi cửa quan với bọn Siêu mà đóng quân. Công gấp chống giữ, lại ngầm sai bọn Từ Hoảng, Chu Linh buổi đêm vượt bến Bồ Bản, chiếm phía tây sông mà lập trại. Công từ phía bắc Đồng Quan vượt sông, chưa qua, Siêu cưỡi thuyền đánh gấp. Hiệu úy Đinh Phi nhân đó thả trâu ngựa để dụ giặc, giặc đến lấy trâu ngựa, Công bèn vượt được,

Tào Man truyện chép: Công sắp qua sông, tiền quân vượt trước, bọn Siêu chợt đến, Công vẫn ngồi ở ghé Hồ không đứng dậy. Bọn Trương Cáp thấy việc gấp, cùng dẫn Công vào thuyền, nước sông chảy xiết, lúc vượt, bị trôi bốn năm, dặm, quân kỵ của bọn Siêu đuổi bắt, tên bay như mưa. Các tướng thấy quân vỡ, không biết Công chỗ nào, đều sợ hãi, đến lúc gặp mới vui mừng, có kẻ rơi lệ. Công cười to nói: “Hôm nay suýt bị giặc nhỏ gây khốn”!

men sông để mở đường về phía nam. Giặc rút về giữa ở cửa sông Vị, Công bèn đặt nhiều nghi binh, lên lấy thuyền chở quân vào sông Vị, làm cầu nổi, buổi đêm chia quân làm trại ở phía bờ nam sông Vị. Giặc buổi đêm đến đánh trại, bèn ém quân đánh phá chúng. Bọn Siêu đóng quân ở phía nam sông Vị, sai sứ giả làm tin cắt đất từ sông bờ đến phía tây để xin hòa, Công không theo. Tháng chín, đem quân vượt sông Vị.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ quân Công hễ vượt sông Vị thì liền bị quân kỵ của Siêu đến đánh, không lập được trại, đất lại nhiều cát, không đắp được lũy. Lâu Tử Bá khuyên Công rằng: “Nay trời lạnh, có thể lấy cát đắp thành, dẫn nước rót vào, có thể một đêm thì xong”. Công theo lời, bèn làm nhiều túi lụa để chứa nước, buổi đêm đem quân vượt sông đắp thành, thành vững, do đó quân của Công đều vượt sông Vị hết. Có người ngờ rằng bấy giờ đang tháng chín, nước chưa đóng băng.

Thần là Tùng Chi xét Ngụy thư chép: Công vào tháng chín đến Đồng Quan, tháng nhuận thì lên phía bắc vượt sông, thì lúc đó là tháng sáu nhuận vậy, đến đây có thể có rét đậm chằng!

Bọn Siêu nhiều lần dụ đánh, lại không ứng; cố xin cắt đất, xin đem con đến làm tin, Công dùng kế của Giả Hủ, vờ ưng theo. Hàn Toại xin cùng gặp nhau với Công. Công cử hiếu liêm cùng năm với Toại, lại cùng bằng tuổi với Toại, do đó ngồi ngựa nói chuyện, không màng đến việc quân. Chỉ nói về việc cũ ở kinh đô, vỗ tay vui cười. Đã xong, bọn Siêu hỏi Toại rằng: “Tào Công nói gì”? Toại nói: “Không có nói nói gì “. Bọn Siêu nghi Toại.

Ngụy thư chép: Hôm sau Công lại gặp nói chuyện với bọn Toại, các tướng nói: “Công nói chuyện với giặc, không nên coi thường, nên lấy gỗ làm ngựa để phòng bị”. Công cho là phải, tướng giặc gặp Công, đều lên ngựa mà bái, người Tần, người Hồ xem, trước sau chen chúc, Công cười bảo giặc rằng:

“Các người muốn xem Tào Công chẳng? Cũng giống người vậy, không có bốn mắt hai miệng, chỉ có nhiều mưu trí thôi”! Người Hồ trước sau đến xem. Lại bày hơn năm nghìn quân kỵ giáp sắt làm mười nhóm liền nhau, khí thế hăng hái, giặc thêm sợ hãi.

Hôm khác, Công gửi thư cho Toại, nhiều chỗ xóa bỏ, nhìn như Toại sửa lại; bọn Siêu thêm nghi Toại. Công bèn hẹn ngày hội đánh, trước đem quân nhỏ dụ chúng, đánh hồi lâu, rồi tung quân kỵ mạnh kẹp đánh, đại phá chúng, chém bọn Thành Nghi, Lí Kham; bọn Toại, Siêu chạy đến Lương Châu; Dương Thu trốn đến quận An Định; miền Quan Trung bình. Các tướng hỏi Công rằng: ” Lúc đầu giặc giữ Đồng Quan, đường phía bắc sông Vị để trống, sao không từ Hà Đông đánh quận Phùng Dục mà lại giữ Đồng Quan, sao phải dài ngày vượt lên phía bắc, sao vậy”? Công nói: “Giặc giữ Đồng Quan, nếu ta vào vùng phía đông sông, giặc tất đến giữ các bên sông, vậy thì phía tây sông không vượt được; ta đem nhiều quân đến Đồng Quan, giặc tất đem quân về phía nam, như thế vùng phía tây sông để trống, cho nên hai tướng mới chiếm được phía tây sông; sau đó dẫn quân vượt sông lên phía bắc, giặc không tranh được phía tây sông với ta, là vì có quân của hai tướng ở đấy vậy. Bày xe liên tiếp làm rào, mở đường xuống phía nam,

Thần là Tùng Chi xét: Năm thứ hai thời Cao Tổ, đánh với quân Sở ở vùng Huỳnh Dương, Kinh Sách, đắp đường lối nối liền sông để đến lấy thóc ở Ngao Thương. Ứng Thiệu nói: “Sợ địch cướp xe đồ, cho nên đắp bờ tường thấy như ngô phớ”. Nay Ngụy Vũ Đế không đắp bờ tường, nhưng bày xe liên tiếp làm rào để ngăn hai bên.

đã tỏ thế không thắng được, lại tỏ vẻ yếu kém. Vượt sông Vị làm lũy chắc, giặc đến đánh cũng không ra, do đó làm cho quân giặc kiêu căng; cho nên giặc không lập lũy trại mà xin cắt đất. Ta thuận mà hứa theo. Theo ý của chúng, khiến chúng yên lòng mà không phòng bị, nhân đó nuôi sức quân sĩ, một sớm đánh chúng, đấy gọi là sấm đánh không kịp bịt tai, dùng binh biến hóa, không chỉ một đường vậy”. Lúc đầu, giặc thường đem một cánh quân đến, Công liền có vẻ mừng. Sau khi giặc phá, các tướng hỏi nguyên nhân. Công đáp rằng: “Quan Trung xa xôi, nếu giặc đều giữ chỗ hiểm, nếu đánh chúng thì không phải một hai năm thì không không định được. Nay đều tụ đến, quân chúng tuy đông, nhưng chẳng theo phục nhau, quân không có chủ lớn, vậy nên một trận là diệt được, lập công nhận thưởng, do đó ta mừng”.

Tháng mười mùa đông, đem quân từ Tràng An lên phía bắc đánh Dương Thu, vây quận An Định. Thu hàng, phong lại chức tước, sai võ về dân chúng.

Ngụy lược chép: Dương Thu vào giữa năm Hoàng Sơ chuyển làm Thảo khấu tướng quân, vị Đặc tiến, phong Lâm Kinh Hầu, được trọn đời.

Tháng mười hai, từ An Định về, để Hạ Hầu Uyên đóng quân ở Tràng An.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười bảy, Công về đất Nghiệp. Thiên tử

lệnh Công bái không xưng tên, vào châu không phải đi nhanh, đeo kiếm lên điện, như Tiêu Hà ngày trước. Quân còn lại của Mã Siêu là bọn Lương Hưng đóng quân ở huyện Lam Điền, sai Hạ Hầu Uyên đánh dẹp chúng. Cắt các huyện Thang Âm, Triều Ca, Lâm Lự của quận Hà Nội, các huyện Vệ Quốc, Đồn Khâu, Đông Vũ Dương, Phát Can của Đông Quận, các huyện Anh Đào, Khúc Chu, Nam Hoa của quận Cự Lộc, huyện Nhâm Thành của quận Quảng Bình, huyện Tương Quốc, Hàm Đan, Dịch Dương của đất Triệu nhập vào quận Ngụy.

Tháng mười mùa đông, Công đánh Tôn Quyền.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười tám, đem quân đến Nhu Tu, đánh phá trại phía tây sông của Quyền, bắt được Đô đốc Công Tôn Dương của Quyền, rồi dẫn quân về. Hạ chiếu gộp nhập mười bốn châu, lập lại thành chín châu. Tháng tư mùa hạ, đến đất Nghiệp.

Ngày bính thân tháng năm, thiên tử sai Ngự sử đại phu Si Lự cầm cờ tiết phong Công làm Ngụy

ông,

Tục Hán thư chép: Lự tự Hồng Dự, người huyện Cao Bình quận Sơn Dương. Lúc nhỏ được Trịnh Huyền dạy bảo. Đầu năm Kiến An làm Thị trung.

Giang Biểu truyện của Ngu Phổ viết: Hiến Đế từng gặp riêng Lự và Thiệu phủ Khổng Dung, hỏi Dung rằng: “Hồng Dự có tài gì”? Dung nói: “Nên bảo chính đạo, không nên trao quyền”. Lự cảm hốt nói: “Dung ngày xưa trông coi quận Bắc Hải, chính sự tan nát, dân chúng vỡ lở, quyền của Dung chỗ nào”? Rồi cùng Dung ganh đua hơn kém, dẫn đến không hòa. Công gửi thư hòa giải họ. Lự từ chức Quang lộc đại phu chuyển làm Đại phu.

chiếu nói: “Trẫm vì không có đức, lúc nhỏ gặp tai họa, chạy qua phương tây, dờn đến miền Đường, Vệ. Vào lúc bấy giờ, rồi như tơ vò vậy,

Công Dương truyện chép: “Ông rồi như tua cò” Hà Hưu nói: “Tua cò giống tơ vò. Nói sánh với tua cò, nói là bị kẻ dưới bắt đi đông đi tây”.

ít tề tông miếu, xã tắc không có chủ, bọn ác nhòm ngó, chia cắt Hoa Hạ, dân trong cả nước, trẫm không trị được, liền muốn theo mệnh Cao Tổ mà muốn vùi xuống đất, trẫm sớm dậy tối ngủ, tim gan đau xót, nói: ‘Tổ ơi, cha ơi, các bậc tiên chính ơi,

Lệnh của Văn Hầu chép: “Cũng là tiên chính”.

Trịnh Huyền nói: “Tiên chính cũng là bày tôi thời trước. Nói về công khanh, Đại phu vậy”.

người nào giúp được thân trẫm?’ Bèn mặc cho trời, gửi gắm Thừa tướng giữ gìn xã tắc ta, cứu giúp lúc gian khó, trẫm thật nhờ vào ông. Nay sắp trao điển lễ cho ông, ông nên kính nghe lệnh của trẫm. Xưa kia Đông Trác vừa

gây nạn nước, chur hầu bỏ vị để mưu giúp nhà vua,

Tả thị truyện chép: “Chur hầu bỏ vị để giúp vua”.

Phục Kiền nói: “Nói là chur hầu bỏ vị riêng của mình để giúp Nhà vua”.

ông lại đến giúp, bắt đầu dấy binh, đây là lòng trung của ông đối với triều đình. Sau giặc Khăn vàng thay đổi lẽ trời, lấn ba châu của ta, gây loạn đến dân đen, ông lại cắt trừ chúng để dẹp yên miền đông của Hoa Hạ, đây lại là công của ông. Hàn Tiêm, Dương Phụng chuyên quyền ra oai, ông lại đến đánh, dẹp bỏ nạn ấy, rồi dời đô đến đất Hứa, đặt quan cúng tế, không trái phép cũ, trời đất quý thần do đó cũng giữ lẽ phải, đây cũng là công của ông. Viên Thuật tiếm nghịch, phóng túng ở miền Hoài Nam, sợ hãi uy của ông, ông bày mưu hay, trong trận Kì Dương, treo đầu Kiều Nhụy, oai trùm nam bắc, Thuật vì thế tan vỡ, đây cũng là công của ông. Lại trở giáo đánh phương đông, Lữ Bố bị giết, quay xe đánh lại, Trương Dương gục chết, Khuê Cô chịu tội, Trương Tú cúi phục, đây cũng là công của ông. Viên Thiệu làm loạn lẽ trời, mưu đòi xã tắc, cậy quân của mình, oai lừng cả nước, vào lúc bấy giờ, quân vua nhỏ yếu, thiên hạ run sợ, chẳng ai vững chí, ông lại cầm cờ tiết, sáng trùm Mặt trời, hăng hái lĩnh quân, dùng kế thần vũ, đến cùng bến Quan Độ, giết hết bọn xấu,

Kinh Thi chép: “Đến chỗ cùng trời, đến đồng Mục Dã”.

Trịnh Huyền nói: “Giới là chỗ cùng”.

Hồng phạm viết: “Côn bị giết chết”.

nhà nước tránh khỏi nguy khôn, đây cũng là công của ông. Đem quân vượt sông, dẹp yên bốn châu, Viên Đàm, Cao Cán đều phải treo đầu, giặc biển trốn chạy, giặc Hắc Sơn theo lệnh, đó cũng là công của ông. Người Ô Hoàn ở ba quân, gây loạn suốt hai đời, Viên Thượng dựa theo chúng, chiếm giữ cõi bắc, ông lại buộc ngựa kéo xe, một trận là diệt, đây cũng là công của ông. Lưu Biểu phản nghịch, không nạp cống vật, đem quân đi đánh, uy phong lẫm liệt, tám quận ở đất Bách Việt trối tay quỳ gối, đây cũng là công của ông. Mã Siêu, Thành Nghi đều cùng giúp nhau, chiếm lấy vùng Hà, Đồng, buông thả tự ý, ông lại tiêu trừ chúng ở phía nam sông Vị, dâng vạn cái tai, bèn định vùng biên, vỗ về người Nhung, Địch, đây cũng là công của ông. Người Tiên Ti, Đinh Linh rong ruổi mà đến, người Tiên Vu, Bạch Ốc xin quan nhận chức, đây cũng là công của ông. Ông có công định thiên hạ, thêm có đức sáng, tuôn ra khắp nước, làm đẹp phong tục, chăm dạy lễ giáo, cẩn thận xét ngục, quan lại không dám làm càn, dân không mang lòng ác; tôn thờ nhà vua, nối lại nước đã đứt, đức cũ công trước, không công không thưởng; dẫu Y Doãn lay động trời cao, Chu Công sáng khắp bốn cõi, cũng không được như thế. Trẫm nghe nói bậc vua thời trước đều nêu đức sáng, lấy đất phong để đền đáp, trao dân để phân phong, yêu thích phép cũ, sắm đủ vật lễ là để làm phen dậu của nhà vua, cứu giúp thời loạn. Vào thời Chu Thành

Vương, Quân, Sái không yên, đánh kẻ gây nạn, thưởng người lập công, mới sai Thiệu Khang Công ban lộc cho Tề Thái Công, phía đông đến bờ biển, phía tây đến sông Hà, phía nam đến Mục Lăng, phía bắc đến đất Vô Lệ, bọn Ngũ hầu, Cửu bá, đều được đánh họ, ở đời nắm ngôi Thái sư, để trông coi miền đông; rồi đến thời Trương Vương, người nước Sở không theo công chức, lại lệnh Tấn Văn Công lên làm Hầu bá, ban cho hai cỗ xe to, áo hồ, rìu búa, rượu nếp, cung tên, dấy lên ở miền Nam Dương, cả đời làm minh chủ. Nhà Chu ngày trước không vỡ lở, thực là nhờ vào hai vị ấy. Nay đức của ông sáng rõ, cúi mình thờ trầm, vâng theo mệnh trời, dương mở uy liệt, nói rộng chín cõi, chẳng ai không phục,

Bàn Canh nói: “Vỗ về dân chúng”.

Trịnh Huyền nói: “Tuy, ư vậy, vỗ về dân chúng”.

Quân Thích nói: “Đến tại bờ biển nơi Mặt trời mọc, chẳng ai không phục”.

Suất là theo. Tỉ là sai khiến. Nơi xa bốn cõi, nơi mà Mặt trời chiếu đến, không ai không theo phép tắc và sai được.

công cao hơn cả Y, Chu, mà thưởng ít hơn Tề, Tấn, trăm rất hồ thẹn. Trầm là kẻ yếu kém, chịu nhận ngôi đứng đầu muôn dân, làm việc khó này như lội vực sâu, nếu ông không giúp, trầm không làm được. Nay đem các quận Hà Đông, Hà Nội, Ngụy Quận, Triệu Quốc, Trung Sơn, Thường Sơn, Cự Lộc, An Bình, Cam Lăng, Bình Nguyên của Kí Châu phong ông làm Ngụy Công. Ban cho ông đất đen, tặng ông cờ trắng, đốt bó mai rùa, đắp dựng xã tắc. Xưa vào thời nhà Chu, Tất Công, Mao Công vào làm Ngự tá, Chu, Thiệu làm Sư bảo, ra làm Mục bá, coi việc trong ngoài, ông thực xứng như vậy, vẫn bái làm Thừa tướng lĩnh chức Kí Châu Mục như cũ. Lại ban thêm cho ông lễ ‘cửu tích’, ông hãy kính nghe lệnh trầm. Dùng ông sắp đặt phép tắc, dạy dân noi theo, sai yên chức nghiệp, không ai đổi chí. Ban cho ông cỗ xe lớn, một cỗ xe binh, hai con ngựa đực đen. Ông khuyến khích chức phận, nhà nông gắng cày,

Bàn Canh nói: “Bỏ nghề nông để yên, không gắng làm việc”.

Trịnh Huyền nói: “Hôn là gắng”.

thóc vải chất đầy, nghiệp lớn trời dấy, do đó ban ông áo miện côn, giày đỏ. Ông chất phác khiêm nhường, dân đen làm theo, lớn nhỏ có lễ, trên dưới hòa thuận, cho nên ban ông khúc nhạc ‘hiên huyền’, điệu múa ‘lục dật’. Ông sửa nắn phong tục, truyền khắp bốn cõi, phương xa ngưỡng phục, Hoa Hạ sung túc, do đó ban ông ở nhà đỏ. Ông xét nghĩ sâu xa, biết Đế gặp nạn, trao chức cho người tài, dùng người hiền, đều cử bọn tốt, cho nên ban ông được lên thêm ‘nap bệ’. Ông nắm quyền binh, chính lệnh đúng đắn, tội dù nhỏ nhất, chẳng gì không chặn. Cho nên ban ông ba trăm quân hồ bôn. Ông kính theo lẽ trời, nêu rõ hình pháp,

Lời “kiểu kiền thiên hình” xuất từ Quốc ngữ,

Vì Chiêu chú nói: “Kiểu là tế vậy, kiền là kính vậy, hình là pháp vậy”.

kẻ phạm pháp trái luật, chẳng ai không bị trừng phạt, cho nên ban ông một cái búa rìu. Ông như rồng bay hổ cuộn, nhìn rõ tám hướng, đánh dẹp phản nghịch, vỗ về bốn cõi, cho nên ban ông một cây cung đỏ, trăm mũi tên đỏ, mười cây cung đen, trăm mũi tên đen. Ông lấy sự cung kính làm tính, lòng hiếu kính làm đức, nghiêm minh thành thật, làm trăm cảm động, cho nên ban ông một hũ rượu nếp, cùng muôi ngọc khuê. Nước Ngụy được đặt trăm quan công khanh dưới quan Thừa tướng, đều như chế độ chư hầu Vương thời đầu nhà Hán. Mong thay, kính theo lệnh trăm! Chăm lo dân của người, nêu lập công lao, giữ trọn đức sáng của người để nêu rõ mệnh lệnh của Cao Tổ ta”!

Lời viết trên này là của Thượng thư hữu thừa Phan Úc nhà Hậu Hán. Úc tự Nguyên Mậu, người huyện Trung Mâu quận Trần Lưu.

Ngụy thư chép lệnh của Công rằng: “Việc nhận cứu tích, dựng lập xã tắc, Chu Công là người như thế. Tám vị Vương khác họ của nhà Hán là người áo vải cùng nổi dậy với Cao Tổ, lập nên nghiệp vương, công của họ rất lớn, ta sao sánh được”?

Trước sau nhường ba lần, do đó bọn Trung quân sư Lục Thu Đình Hầu là Tuân Du, Tiền quân sư Đông Vũ Đình Hầu là Chung Do, Tả quân sư Lương Mậu, Hữu quân sư Mao Giới, Bình lỗ tướng quân Hoa Hương Hầu là Lưu Huân, Kiến vũ tướng quân Thanh Uyển Hầu là Lưu Nhược, Phục ba tướng quân Cao An Hầu là Hạ Hầu Đôn, Dương vũ tướng quân Đô đình hầu là Vương Trung, Phấn uy tướng quân Đông Hương Hầu là Lưu Triễn, Kiến trung tướng quân Xương Hương Hầu là Tiên Vu Phụ, Phấn vũ tướng quân An Quốc Đình Hầu là Trình Dục, Thái trung đại phu Đô Hương Hầu là Giả Hủ, Quân sư tế tửu Thiên Thu Đình Hầu là Đông Chiêu, Đô đình hầu Tiết Hồng, Nam Hương Đình Hầu là Đông Mông, Quan nội hầu Vương Xán, Phó Tồn, Tế tửu Vương Tuyển, Viên Hoán, Vương Lang, Trương Thừa, Nhâm Phan, Đỗ Tập, Trung hộ quân Quốc Minh Đình Hầu là Tào Hồng, Trung lĩnh quân Vạn Tuế Đình Hầu là Hàn Hạo, Kiêu kị tướng quân An Bình Hầu là Tào Nhân, Lĩnh hộ quân tướng quân Vương Đô, Trưởng sử Vạn Tiềm, Tạ Hoán, Viên Lộ tâu khuyên rằng: “Ngày xưa từ thời Tam đại, lấy đất phong cho bầy tôi, chịu mệnh trung hưng, ban thưởng cho phụ tá, đều khen công tụng đức, làm phiên dậu cho nhà nước. Vừa rồi thiên hạ vỡ lở, bọn anh hào nổi dậy, làm việc bạo ngược sa đọa. Minh công dân thân nhận lệnh để trừ nạn, giết hai họ Viên tiếm nghịch, diệt bọn giặc Khăn vàng làm loạn, giết sạch kẻ đứng đầu, gột rửa như bản, dải dầu sương tuyết hơn hai mươi năm, từ khi có sách vở đến nay, chưa có ai lập công như thế. Xưa kia Chu Công nói nghiệp của Văn Vương, Vũ Vương, do đó tạo nên nghiệp lớn, gói đầu nắm bút, trông coi chư hầu, trừ hại Thương, Yêm, không quá hai năm, Lữ

Vọng nhân hình thế chiếm hai phần ba, dựa vào sức của tám trăm chư hầu, cầm cờ mao tiết việt, một lúc lướt rập, sau đó lập dựng xã tắc, thu đất lập nước. Tám con của Chu Công đều làm Hầu, Bá, dùng trâu trắng lông đỏ mà cúng tế trời đất, sắp đặt điển chương, đắp dựng cung phủ, vẻ vang lừng lẫy như thế. Rồi đến nhà Hán nổi lên, bấy tôi giúp sức, Trương Nhĩ, Ngô Nhuế, công của họ rất nhỏ nhưng cũng được mở đất xây thành, ngoảnh mặt phía nam xưng Vương. Đấy đều là vua sáng chúa giỏi ở trên, tôi hiền tế thánh giúp ở dưới, do đó có chính lệnh của Tam đại, phép điển của nhà Hán. Nay sánh công thì Chu, Lữ nép bỏ, kể công thì Trương, Ngô ẩn nấu, bàn phép tắc thì trọng hơn Tề, Lỗ, nói về đất thì nhiều hơn Trường Sa; vậy thì tước phong của nước Ngụy phải được cái vẻ vang của lễ cửu tích, huống chi còn có tặng thưởng ngày trước, vẫn được đeo ngọc mà mặc áo thô vậy. Và lại các bọ Hầu, tướng được nhờ đế vương, cũng được thưởng công, đeo dây thao tím mặc áo màu vàng, có đến hàng trăm, cũng do đó mà truyền cho vạn đời, mà chỉ có mình công từ chối ngôi ngôi cao, sẽ khiến cho kẻ dưới không tự yên lòng, trên trái lòng vui của nhà vua, dưới làm mất lòng mong mỏi của kẻ đội mũ đai, bỏ quên nghiệp lớn của người phụ tá, đây là việc nhỏ của kẻ tầm thường, là cái mà bọ Tuân Du rất sợ hãi”. Do đó Công hạ lệnh ra ngoài, nhưng chỉ nhận đất Ngụy Quận. Bọ Tuân Du lại nói: “Xét thấy vừa phong nước Ngụy, triều đình sinh lo, nên hỏi kẻ trăm quan, rồi mới hạ lệnh. Mà mình công trái ý của nhà vua lâu ngày như vậy là không phải là có lễ lớn. Nay đã kính nhận chiếu lệnh, theo lòng mong mỏi của dân chúng, lại muốn từ chối nhiều lần, nhưng chín nhận một, là như tước thưởng của nhà Hán không được ban phong, là điều mà bọ Du xin không được nghe theo vậy. Xưa Tề, Lỗ được phong, thu lấy miền đông, đất đai thu thuế có đến bốn trăm vạn nhà, nền to móng rộng, để lấy đó mà lập công, cho nên lập công giúp đỡ, dựng công phụ tá. Nay nước Ngụy dẫu có tiếng là mười quận, nhưng ít hơn thành Khúc Phụ, tính về số hộ, không bằng một nửa, để làm phiên dậu cho nhà vua, dựng cấm rào che, như vậy vẫn chưa đủ vậy. Và lại nhà vua xét nhà Tần mất vì cái họa không có người giúp đỡ, trách cái nạn nhiều loạn của ngày trước, chọn dùng trung hiền, đắp sửa nền móng, mong mình công kính theo lệnh vua, chớ do dự làm trái”. Công mới nhận lệnh.

Ngụy lược chép thư tạ của Công rằng: “Thần chịu ơn dày của Tiên đế, làm đến chức Lang, bản tính lười biếng nhưng mong vẹn toàn, không dám mong ngôi ngôi cao, coi vẻ vang là thứ yếu. Gặp lúc Đông Trác làm loạn, lẽ ra nên liều chết vì nạn nước, cho nên dám nhận lệnh dẫn thân, đi đầu lĩnh quân sĩ, bèn nắm được dịp may nghìn năm mới có, được sắp đặt quan thuộc. Vào thời hai họ Viên sôi sục xâm hại, bệ hạ và thần cùng lo lắng, ngưỡng về kinh sư, đánh chống giặc mạnh, thường sợ vua tôi sa vào miệng hổ, thực là không tự nghĩ là giữ được đầu cổ. Cậy vào anh linh của tổ tiên, bọ xấu bị diệt trừ, khiến cho kẻ bấy tôi hèn mọn được vang danh nơi ấy. Bệ hạ ban

thêm ân sủng, trao chức Thừa tướng, phong tước cấp lộc, nhiều lớn trọng hậu. Ước muốn lúc bình sinh thực là không dám mong thế. Miệng nói với lòng rằng được yêu thích là tự mình đợi bị phạt tội, chỉ muốn giữ tước Liệt hầu, truyền cho con cháu mà thôi, như thế tự giữ gắm cho đời, mãi không phải lo lắng. Không ngờ bệ hạ dãi bày ý tốt, phong đất ban hưởng cho kẻ bầy tôi hèn kém này, đất sánh với Tề, Lỗ, lễ ngang hàng phiên vương, nếu không phải tôi thân có công thì không được nhận lấy. Thần tấu lên bệ hạ, không chịu nghe theo, mà bệ hạ lại gấp hạ chiếu đến, thực là khiến cho thần cúi xuống ngẩng lên đều bị bức ép. Thần cúi tự xét mình đã nắm vị đại thần, mà làm ngôi Vương nữa thì thân không nên nhận, há dám tự ý? Ý của kẻ ngu này là từ chối, xin được giữ chức lúc đầu. Nay phải nhận đất đai, sắp đặt làm phen dậu, thân không dám trái lệnh, truyền cho đời sau; cha con thân cùng thề trọn đời, đem thân tan mạng hết để đền đáp ơn dày. Oai trời trước mặt, sợ hãi nhận chiếu”.

Tháng bảy mùa thu, bắt đầu dựng tông miếu xã tắc của nước Ngụy. Thiên tử hỏi ba con gái của Công làm quý nhân, người còn nhỏ phải đợi lớn lên ở nước Ngụy.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai sứ cầm cờ tiết theo Thái thường Đại tư nông An Dương Đình Hầu là Vương Áp đem các đồ ngọc, năm vạn thất lụa, lụa đen nhạt, lụa sống đến đất Nghiệp làm lễ hỏi, năm người làm mối, đều lấy làm Nghị lang, làm việc Đại phu, một người làm Phó giới.

Tháng chín, xây đài Kim Hồ, đào kênh dẫn nước sông Chương vào rãnh Bạch Câu để thông vào sông. Tháng mười mùa đông, chia quận Ngụy làm bộ Đông, Tây, đặt quan Đô úy. Tháng mười một, bắt đầu đặt quan Thượng thư, Thị trung, Lục khanh.

Ngụy thị Xuân thu chép: Lấy Tuân Du làm Thượng thư lệnh, Lương Mậu làm Bộ xạ, Mao Giới, Thôi Diễm, Thường Lâm, Tì Dịch, Hà Quý làm Thượng thư, Vương Xán, Đỗ Tập, Vệ Kí, Hòa Trị làm Thị trung.

Mã Siêu tại huyện Hán Dương lại dựa vào người Khương, Hồ gây hại, vua của người Đê là Thiên Vạn làm phản theo Siêu, đóng quân ở huyện Hưng Quốc. Sai Hạ Hầu Uyên đánh chúng.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ mười chín, bắt đầu cày ruộng tịch điền. Người quận Nam An là Triệu Cù, người huyện Hán Dương là Doãn Phụng đánh Siêu, chém bêu đầu vợ con của Siêu, Siêu trốn đến Hán Trung. Hàn Toại chạy đến quận Kim Thành, vào làm bộ tướng của vua của người Đê là Thiên Vạn, đem hơn vạn quân kị Khương, Hồ đánh với Hạ Hầu Uyên, đánh phá được chúng, Toại chạy đến quận Tây Bình. Uyên cùng các tướng đánh huyện Hưng Quốc, làm cỏ huyện này. Bỏ các quận An Đông, Vĩnh Dương.

An Định Thái thú Quán Khâu Hưng sắp đến làm quan, Công răn nói: “Người Khương, Hồ qua lại với Trung Quốc, nên tự làm cho người ta đến

theo, cần thận chớ khiến người ta bỏ đi. Có được người tốt thì khó, phải khuyên bảo người Khương, Hồ làm điều xằng bậy nhân đó để mưu lợi, không nên tự ý làm trái thói tục của họ, nếu tự ý làm thì không có ích”. Hưng đến, sai Hiệu úy Phạm Lăng đến miền Khương Trung, Lăng quả nhiên dạy người Khương, sai họ tự xin làm Thuộc quốc đô úy. Công nói: “Ta biết trước như thế, dầu chẳng phải thánh, nhưng phần lớn đúng thế”.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai quan Thái thường sự Đại tư nông An Đình Hầu là Vương Ấp cùng Tông chính Lưu Ngải đều cầm cờ tiết, năm người môi giới, đem xe nghựa lựa bó, cùng quan Cấp sự, Hoàng môn Thị lang, hai viên Dịch đình thừa, Trung thường thị đón hai quý nhân ở nước Ngụy. Ngày quý hội tháng hai, lại ở tông miếu của Ngụy Công trao ấn thao cho hai quý nhân. Ngày giáp tí, đến cửa Diên Thu thuộc cung của Ngụy Công, đón quý nhân lên xe. Ngụy Công sai Lang trung lệnh, Thiệu phủ, Bác sĩ, Ngự sử thừa Hoàng cứu lệnh, Thừa tướng duyên thuộc theo hầu hộ tống quý nhân. Ngày quý dậu, hai quý nhân đến giữa đình Vị Thương, sai Thị trung Đan Tương Những dẫn quân hộ bộ trước sau đi ngựa trạm đến đón. Ngày át hội, hai quý nhân vào cung, Ngự sử đại phu, quan hai nghìn thạch đem các Đại phu, Nghị lang hội ở giữa điện, hai quan khanh và hai viên Thị trung, Trung lang của nước Ngụy cùng với các công khanh của nhà Hán lên điện dự yến.

Tháng ba, thiên tử sai Ngụy Công giữ ngôi trên các Vương, Hầu, đổi trao cho ấn vàng, thao đỏ, mũ dài dài.

Hiển Đế khởi cư chú chép: Sai Tả trung lang tướng Dương Tuyên, Đình hầu Bùi Mậu cầm cờ tiến đến trao ấn thao cho Ngụy Công.

Tháng bảy mùa thu, Công đánh Tôn Quyền.

Cửu châu xuân thu chép: Tham quân Phó Cán can rằng: “Việc lớn trị thiên hạ có hai, đây là văn và võ; dùng võ thì ra uy trước, dùng văn thì tỏ đức trước, uy đức đủ để giúp nhau, do đó phép vua mới vững. Ngày trước thiên hạ loạn lạc, trên dưới trật bậc, minh công dùng võ mà dẹp trừ. Mười phần yên đến chín. Nay kẻ chưa theo lệnh vua là Ngô và Thục. Ngô có cái hiểm của sông dài, Thục có cái trở của núi cao, khó dùng uy mà ép phục được, chỉ dễ dùng đức mà mà vỗ về. Kẻ ngu này cho rằng nên cất giáp nghê quân, nuôi quân dưỡng dân, chia đất ban phong, luận công tặng thưởng, như thế thì trong ngoài vững lòng, khuyến khích lập công, thế thì thiên hạ sẽ biết phép tắc vậy. Rồi sau dân mở mang trường học để dạy bảo đức hạnh mà nuôi dưỡng người có tiết nghĩa. Công có uy vũ vang lừng bốn cõi, nếu sửa văn để mưu đồ thì khắp dưới vòm trời, không ai không thần phục vậy. Nay đem mười vạn quân đóng ở bến sông lớn, nếu giặc dựa chỗ chắc nắp chỗ sâu, thì quân mã không thể trở hết sức lực, mưu lạ kì không có chỗ dùng được, lúc ấy làm mất uy lớn lại làm cho lòng địch không phục. Mong minh công nghĩ đến nghĩa Ngu Thuấn mùa khiên kích, giữ uy nuôi đức, lấy đạo mà

đánh thắng”. Công không theo, quân bèn chẳng lập công. Cán tự Ngạn Tài, người quận Bắc Địa, cuối cùng làm Thừa tướng thương tào thuộc. Có con là Huyền.

Lúc trước, người quận Lũng Tây là Tống Kiến tự xưng là Hà Thủ Bình Hán Vương, tụ quân ở huyện Bao Hãn, đổi niên hiệu, đặt trăm quan, được hơn ba mươi năm. Sai Hạ Hầu Uyên từ huyện Hưng Quốc đánh Tống Kiến. Tháng mười mùa đông, làm cỏ huyện Bao Hãn, chém Kiến, miền Lương Châu được bình.

Tháng mười một, Hoàng hậu của nhà Hán là Phục Thị buổi đêm gửi thư cho cha là Đồn kị hiệu úy Hoàn, nói là Đế từ khi Đông Trác bị giết đến nay có ý oán giận Công, lời rất xấu xa, nghe tin, phé Hoàng hậu bắt chết, anh em đều bị khép tội.

Tào Man truyện chép: Công sai Hoa Hâm đem quân vào cung bắt Hậu, Hậu đóng cửa nấu trong vách. Hâm phá cửa đập vách, bắt Hậu ra. Đế bấy giờ cùng ngồi với Ngự sử đại phu Si Lự, Hậu bị bắt đi chân trần qua, cầm tay Đế nói: “Không được sống cùng sao”? Đế nói: “Ta cũng không biết tính mạng ra sao”. Đế bảo Lự nói: “Si Công, thiên hạ há có việc như thế chẳng”? Bèn đem Hậu ra giết. Hoàn cùng họ hàng bị giết chết đến mấy trăm người.

Tháng mười hai, Công đến bến Mạnh Tân. Thiên tử sai Công đặt cờ mao đầu, cung điện treo dàn chuông khánh. Ngày át mùi, lệnh rằng: “Kẻ sĩ có đức hạnh chưa hẳn được chọn dùng, kẻ sĩ được chọn dùng chưa hẳn đã có đức hạnh. Trần Bình há có đức hạnh, Tô Tần há giữ tín sao? Thế nhưng Trần Bình dựng nghiệp nhà Hán, Tô Tần giúp nước Yên yếu; do đó nói rằng, kẻ sĩ có cái tốt cái xấu, há bỏ được sao! Quan coi việc phải xét rõ ý này thì kẻ sĩ không bị ngăn chặn, quan lại không bỏ nghiệp vậy”. Lại lệnh rằng: “Hình pháp là tính mạng của trăm họ, vậy mà có quan coi ngục trong quân không cho là như thế; lại nắm giữ sinh mạng của ba quân, ta rất lo lắng. Nay phải chọn rõ kẻ thông hiểu lí lẽ, sai nắm việc hình pháp”. Do đó đặt quan Lí tào duyệt thuộc.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi, thiên tử lập con gái giữa của Công làm Hoàng hậu. Cắt các quận Vân Trung, Định Tương, Ngũ Nguyên, Sóc Phương, mỗi quận cắt một huyện để lĩnh dân, hợp lại lập thành quận Tân Hưng.

Tháng ba, Công đến phương tây đánh Trương Lỗ, đến ải Trần Thương, sắp từ quận Vũ Đô vào đất của người Đê, người Đê chặn đường, bèn sai bọn Trương Cáp, Chu Linh đi trước đánh phá chúng. Tháng tư mùa hạ, Công từ Trần Thương để ra Tản Quan, đến Hà Trì. Vua người của Đê đem hơn mười vạn quân mạnh dựa chỗ hiểm không phục; tháng năm, Công đánh giết chúng. Các tướng ở quận Tây Bình, Kim Thành là bọn Khúc Diễn, Tương

Thạch cùng chém đem đầu Toại đến.

Diễn lược chép: Toại tự Văn Ước, lúc trước cùng với người cùng quận là Biên Chương nổi danh ở miền tây. Chương làm Đốc quân tông sự. Toại nghe lệnh đến kinh sư, Hà Tiến vốn nghe tên tuổi, cùng gặp riêng, Toại khuyên Tiến nên bắt giết bọn hoạn quan, Tiến không nghe theo, bèn xin về. Lúc người Lương Châu là bọn Tống Dương, Bắc Cung Ngọc làm phản, bầu Chương, Toại làm chủ, Chương chốc lát bệnh chết, Toại bị bọn Dương bắt, Toại bắt đắc dĩ bèn đem quân làm loạn, đã ba mươi hai năm, đến đây thì chết, thọ hơn bảy mươi tuổi.

Linh Đế kỉ của Lưu Ngải chép: Chương còn có tên là Doãn.

Tháng bảy mùa thu, Công đến ải Dương Bình. Trương Lỗ sai em là Vệ cùng tướng là bọn Dương Ngang dựa vào giữ Dương Bình, chặn ngang núi đắp thành hơn mười dặm, đánh mà không chiếm được, bèn dẫn quân về. Giặc thấy đại quân rút, quân phòng bị trễ nải. Công lại ngầm sai bọn Giải Phiếu, Cao Tộ từ chỗ hiểm buổi đêm đánh úp, đại phá chúng, chém tướng chúng là Dương Nhâm, rồi đến đánh bọn Vệ, bọn Vệ buổi đêm chạy trốn. Lô tan chạy vào miền Ba Trung. Công đem quân vào huyện Nam Trịnh, thu hết vật báu, kho tàng của Lỗ.

Ngụy thư chép: Quân từ núi Vũ Đô đi nghìn dặm, trèo lên chỗ cao hiểm, quân sĩ mệt mỏi; Công do đó bày hội ăn lớn, quân chẳng ai không quên mệt.

Người vùng Ba, Hán đều hàng. Lại lấy quận Hán Ninh nhập vào quận Hán Trung; chia các huyện An Dương, Tây Thành của quận Hán Trung lập ra quận Tây Thành, đặt quan Thái thú; chia huyện Tích, quận Thượng Dung, đặt quan Đô úy.

Tháng tám, Tôn Quyền vây Hợp Phì, bọn Trương Liêu, Lí Điển đánh phá Tôn Quyền.

Tháng chín, bảy họ lớn của quận Ba là vua người Di tên là Phác Hồ, viên áp hầu của người Tung là Đổ Hoạch đem người Di, Tung ở quận Ba đến nội thuộc.

Tôn Thỉnh nói: “Phác âm ‘phu’, Hoạch âm ‘hộ’”.

Do đó chia quận Ba, lấy Hồ làm Ba Đông Thái thú, Hoạch làm Ba Tây Thái thú, đều phong Liệt hầu. Thiên tử lệnh Công thừa lệnh phân phong quan Thái thú, Tướng quốc của chư hầu.

Hán Ngụy xuân thu của Khổng Diễn chép: Thiên tử dùng Công coi xét ở ngoài, thưởng người có công, bái người nhanh nhẹn, lại lệnh Công được phân phong Mục thú, Tướng quốc của chư hầu, chiếu nói: “Việc lớn của quân đội là việc thưởng phạt, khuyến thiện trừ ác, không nên để lâu, cho nên Tư mã pháp chép: ‘Thưởng không để lâu ngày’, muốn cho dân nhanh thấy được lợi của việc thiện vậy. Xưa vào thời trung hưng, Đặng Vũ vào cửa

quan, thừa lệnh bái Quân tế tửu Lí Văn làm Hà Đông Thái thú, Lai Thiệp lại thừa lệnh phong Cao Tuấn làm Thông lộ tướng quân, xét truyện về những người ấy, đều không xin lệnh trước, xét rõ việc mà phong bái, đây là Thê Tô thân minh, biết rõ tôn ích, đại khái là nêu bày uy phong mà ghi rõ công lớn vậy. Theo nghĩa Xuân thu, Đại phu ra khỏi nước, việc tự ý truyền lệnh, chỉ là tạm làm lợi xã tắc nhà nước mà thôi. Huống chi ông chuyên dùng lệnh của Tế bá, sửa trị chín cõi, dẹp yên Di, Hạ, lại đem quân ra nơi xa xôi, được thua chỉ trong chốc lát, nếu dùng thưởng để đợi chiếu lệnh thì làm lỡ việc, là cái mà trăm không nỡ làm. Từ nay về sau, lúc làm việc tuyển chọn, cho được ý bái phong, được khắc ấn chương ban lệnh, khiến cho người trung nghĩa được khen thưởng, ông chớ nghi ngờ”.

Tháng mười mùa đông, bắt đầu đặt danh hiệu của tước Hầu đến năm chức Đại phu, cùng tước Liệt hầu, Quan nội hầu lúc trước để thưởng người có công.

Ngụy thư chép: Đặt danh hiệu của tước Hầu có mười tám cấp, tước Quan trung hầu có mười bảy cấp, đều đeo ấn vàng thao tía; lại đặt tước Quan nội ngoại hầu có mười sáu cấp, đeo ấn đồng thao đen; năm chức Đại phu có mười lăm cấp, cũng đeo thao đen, đều không nhận tô thuế, cùng cấy thày sáu bậc các Liệt hầu, Quan nội hầu trước kia.

Thần Tùng Chi cho rằng: Việc phong hầu có lẽ có từ lúc này.

Tháng mười một, Lỗ từ miền Ba Trung đem quân còn lại đến hàng. Phong Lỗ và năm người con đều làm Liệt hầu. Lưu Bị đánh úp Lưu Chương, lấy Ích Châu, bèn chiếm miền Ba Trung; sai Trương Cáp đánh hấn.

Tháng mười hai, Công từ Nam Trịnh về, lưu Hạ Hầu Uyên giữ Hán Trung.

Lần đi này, Thị trung Vương Xán làm thơ năm tiếng để khen việc này nói: “Theo quân có vui khổ, hỏi rằng dựa vào gì? Dựa theo oai thần vũ, há để quân mệt lâu? Thừa tướng đánh Quan Hữu, lầy lừng mà trở oai, một trận diệt giặc xấu, lại áp phục Khương, Di, thu miền tây của giặc, dễ như cúi xuống nhật, bày thưởng quá núi cao, rượu thịt tràn khe suối, trong quân đều no nê, người ngựa đều béo tốt, ngời đi lại cười về, ra vào có cửa thà. Mở đất ba nghìn dặm, qua lại nhanh như bay, múa hát vào thành Nghiệp, chiếm được chẳng sai đâu”!

Tháng hai mùa xuân năm thứ hai mươi một, Công về đất Nghiệp,

Ngụy thư chép: Ngày tân mùi, quan coi việc đem đồ thái lao đến, cúng tế ở tông miếu, ngày giáp ngọ bắt đầu tế mùa xuân, lệnh nói: “Người bàn cho rằng lúc tế tông miếu lên điện phải cời giày. Ta nhận mệnh phong, mang kiếm không cời giày mà lên điện. Nay có việc ở tông miếu mà cời giày là trọng Tiên công nhưng tiếm mệnh vua, kính phụ tổ nhưng khinh nhòn nhà

vua, cho nên ta không dám cởi dây lên điện vậy. Lại lúc tế thì tắm rửa, lấy tay tưới nước mà không rửa, rửa cho sạch là kính, chưa nghe nói đến lễ không rửa, lại có câu ‘Tế thần như thần đang ở đây’, cho nên ta tự mình lấy nước mà rửa vậy, lại cúi mình làm tế thần xong, kẻ dưới đều đứng dậy, chốc lát tấu nhạc cả buổi, có vẻ không mắc lỗi với liệt tổ, đợi tế không xong nhanh, cho nên ta ngồi đợi tấu nhạc tế thần xong mới đứng dậy. Nhận thịt tế thần, đem cho Thị trung, đây là cung kính không ăn hết, ngày xưa tự mình coi việc cúng tế, cho nên ta tự thân tế thần, đem hết mang về. Trọng Ni nói: ‘Dẫu trái ý mọi người nhưng ta theo lễ cúi đầu dưới từ đường’. Lời này thành thật thay”.

Ngày nhâm dần tháng ba, Công tự cày ruộng tịch điền.

Ngụy thư chép: Quan coi việc tấu nói: “Bốn mùa giảng võ cho nhà nông. Phép Hán luật Tần là ba mùa không giảng võ, chỉ có tháng mười là thử xe ngựa, đến phía nam cửa Trường Thủy, hội quân sĩ của năm trại mà bày bát trận tiến lui, gọi là ‘thặng chi’. Nay binh đao chưa xếp, quân dân vẫn tập, từ nay về sau, có thể không giảng võ khắp bốn mùa, nhưng đến ngày lập thu thì chọn ngày lành mà hội xe ngựa, gọi là luyện quân, trên hợp với lễ, dưới đúng phép của nhà Hán”. Hạ chiếu cho làm.

Tháng năm mùa hạ, thiên tử phong tước Ngụy Vương cho Công.

Hiển Đế truyện chép chiếu viết: “Đế vương từ xưa, dẫu hiệu xưng thay đổi nhau, các tước bậc không giống, đến như khen thưởng công lao, lập nên công đức, vực sáng dân chúng, truyền cho con cháu, họ khác cùng gần gũi, há có khác sao? Xưa thánh tổ ta chịu mệnh, dựng lập nền móng, tạo Khu Hạ ta, soi phép xưa nay, lập các bậc chức tước, phong hết sông núi để làm phen dậu, khiến họ khác được gần gũi, cùng chia đất đai, giữ nước mà làm vương, do đó giữ gìn được mệnh trời, yên ổn vạn dòng. Trái mấy đời được yên, vua tôi không rối. Thế Tổ trung hưng mà bấy giờ có khó có dễ, do đó giữ được mấy trăm năm, không phong tước cho chư hầu khác họ. Trẫm là kẻ không có đức, kế thừa nghiệp lớn, gặp lúc đất nước vỡ lở, bọn xấu gây hại, từ tây sang đông, cay đắng khổ sở. Thời bấy giờ, chỉ sợ chìm vào nơi gian khó thì làm nhục thánh đức của Tiên đế. Cây anh linh của trời xanh, khiến ông giữ nghĩa giúp thân, oai động thần vũ, giữ trẫm nơi gian khó, giữ vững tông miếu, dân chúng Hoa Hạ giữ khí tiết, chẳng ai không chịu ơn. Ông chăm quá Tắc, Vũ, trung sánh Y, Chu, mà cúi mình tự khiêm nhường, giữ lễ cung kính, cho nên lúc trước mới phong ở nước Ngụy, ban cho ông tông miếu, sợ ông cho là trái mệnh, nghĩ rằng ông cố từ, cho nên mang chí âm thầm, phong ông làm Thượng công, muốn để thuận theo nghĩa lớn, chốc lát đợi thưởng lớn. Hàn Toại, Tống Kiến phía nam kết Ba, Thục, bọn phản nghịch tụ tập, mưu làm hại xã tắc, ông lại làm tướng, rồng bay hổ vỗ, treo đầu tướng giặc, làm cỏ hang ổ của chúng. Lại đến đánh phương tây, trong trận Âm Bình, tự mình

mặc giáp trụ, vào sâu nơi hiểm trở, diệt trừ giặc bạo, cắt bỏ hung ác, dẹp bằng miền tây, cờ tinh dài vạn dặm, thanh giáo lan xa, làm yên Khu Hạ ta. Hơn hẳn cái thịnh của thời Đường Ngu, công lớn của thời Tam đại, thế mạnh của Văn, Vũ, sự giúp đỡ của Đán, Thích, cơ nghiệp của Nhị tổ, công giúp đỡ của bọn anh hào; ôi bậc vua thánh hiền, làm tròn trách nhiệm của mình vẫn ban đất đai để báo đáp công thần, há như trẫm ít đức, dựa vào sự giúp đỡ của ông, mà khen thưởng không đủ, lấy gì để báo đáp thần minh, an ủi vạn cõi? Nay phong ông tước Ngụy Vương, sai dùng cờ tiết làm việc quan Ngụy sử Đại phu, Tông chính Lưu Ngải đem ân chiếu phong xã tắc tông miếu, ban cho bạch mao, hồ vàng từ bậc một đến năm, gậy tre có một đến mười đốt. Ông nhận ngôi vương, được làm Thừa tướng, lĩnh chức Kí Châu Mục như cũ. Mong dâng lại ân chiếu đây thao Ngụy Công. Kính theo lệnh trẫm, thương yêu dân người, lập nên công lớn, để nêu mệnh tốt của tổ tông ta”. Ngụy Vương dâng thư ba lần từ chối, hạ chiếu ba lần không cho. Lại tự tay viết chiếu nói: “Bậc đại thành lấy công đức làm cao đẹp, lấy trung hòa làm giáo huấn, cho nên dựng nghiệp mà tên tuổi lẫy lừng, khiến cho trăm đời được mong, dựng đạo lập nghĩa, khiến cho công lao nên bắt chước, do đó công lao không cùng, tiếng tốt lan xa. Tắc, Khế mang cái thông minh của vua, Chu, Thiệu dựa cái trí lực của Văn, Vũ, dẫu nắm chức thứ yếu, ngẩng than cúi nghĩ, họ há bằng ông sao? Trẫm nghĩ công của người xưa, cao đẹp như thế, xét ông có công trung cần, nhiều lớn như thế, cho nên thường đem búa chẻ phù chặt ngọc, bày lễ ban lệnh, thức ngủ trần trọc. Tự bỏ quên giữ vẫn lại không tu đức. Nay ông nhiều lần trái lệnh trẫm, thành khân cố từ, đây không phải làm đẹp lòng trẫm mà giáo huấn cho đời sau vậy. Nên đề chí nén tiết, chớ lại cố từ”.

Từ hưu thư thế tự chép: Lương Học thay Công làm Bắc bộ úy.

Tào Man truyện chép: Công được Thượng thư Hữu thừa Tư Mã Kiến Công tiến cử. Lúc Công làm vương, gọi Kiến Công đến đất Nghiệp, cùng ăn uống, bảo Kiến Công nói: “Ta ngày nay có nên làm quan Úy nữa không”? Kiến Công nói: “Xưa kia Đại vương được cử, chỉ nên làm Úy thôi”. Vương cười lớn. Kiến Công tên là Phòng, là cha của Tư Mã Tuyên Vương.

Thần Tùng Chi xét Tự truyện của Tư Mã Bưu chép rằng Kiến Công không làm Hữu thừa, ngờ là điều này không đúng, lại nữa Tán thư của Vương Ẩn chép rằng Triệu Vương tiếm lập, muốn tôn tổ làm Đế, Bác sĩ Mã Bình bàn khen Kinh Triệu phủ quân xưa tiến cử Ngụy Vũ Đế làm Bắc bộ úy, giặc không vào cõi, như thế là có lầm.

Thiên vu của người Ô Hoàn ở quận Đại là Phổ Phú Lư cùng hầu vương của mình đến châu. Thiên tử sai con gái của Vương làm Công chúa, ban cho thực ấp. Tháng bảy mùa thu, Thiên vu của Nam Hung Nô là Hô Trù Tuyên đem vương hầu của mình đến châu, dùng lễ khách mà đãi, rồi lưu lại nước

Ngụy, sai Hữu hiền vương là Khứ Ti về coi nước mình. Tháng tám, lấy Đại lí Chung Do làm Tướng quốc.

Ngụy thư chép: Bắt đầu đặt chức Phụng thường Tông chính.

Tháng mười mùa đông, luyện binh,

Ngụy thư chép: Vương tự thân cầm trống vàng để lệnh tiến lui.

rồi đánh Tôn Quyền. Tháng mười một, đến huyện Tiêu.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi hai, Vương đem quân đến Cư Sào, tháng hai, đem quân đến Hách Khê phía tây sông. Quyền đắp thành tại Nhu Tu chống giữ, bèn đánh ép Quyền, Quyền rút chạy. Tháng ba, Vương dẫn quân về, để bọn Hạ Hầu Đôn, Tào Nhân, Trương Liêu ở lại đóng quân ở Cư Sào.

Tháng tư mùa hạ, Thiên tử lệnh Vương bày cờ tinh, ra vào sai người dẹp đường. Tháng năm, làm cung Phán. Tháng sáu, lấy Quân sư Hoa Hâm làm Ngự sử Đại phu.

Ngụy thư chép: Bắt đầu đặt quan Vệ úy. Tháng tám mùa thu, lệnh nói: “Xưa Y Chí, Phó Thuyết xuất từ người hèn kém, Quản Trọng là giặc của Hoàn Công, đều dùng họ mà dựng nghiệp. Tiêu Hà, Tào Tham là chức quan huyện, Hàn Tín, Trần Bình mang tiếng nhục nhã, người ta đều cười họ, nhưng đều làm nên nghiệp vương, tiếng lưu nghìn năm. Ngô Khởi là tướng tham, giết vợ tự làm tin, đem vàng cầu quan, mẹ chết không về, nhưng tại nước Ngụy làm cho người Tần không dám ngó đến phương đông, tại nước Sở thì Tam Tấn không dám đánh phương nam. Nay thiên hạ không có người đức hạnh ở trong dân, và người dưng cảm quay mặt, gặp địch thì gắng đánh; như bọn quan văn phàm tục, tài cao nhưng đôi chí khác, có kẻ nhận làm tướng giữ thành, mang tiếng nhục nhã, người ta cười đức hạnh của họ, có người không có nhân, không hiểu mà có thuật trị quốc dùng binh, tên họ phải được biết đến, chớ có làm mất”.

Tháng mười mùa đông, Thiên tử lệnh Vương đội mũ miện mười hai dải, ngồi xe vàng bạc, sáu ngựa kéo, đặt ngũ thời phó xa, dùng Ngũ quan Trung lang tướng Phi làm Thái tử của nước Ngụy.

Lưu Bị sai bọn Trương Phi, Mã Siêu, Ngô Lan đóng quân ở Hạ Biện; sai Tào Hồng chống chúng.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ hai mươi ba, Thái y lệnh của nhà Hán là Cát Bản cùng bọn Thiếu phủ Cảnh Kỉ, Tư trực Vi Hoảng làm phản, đánh đất Hứa, đốt doanh của Thừa tướng Trương sử Vương Tất,

Ngụy Vũ có sự chép lệnh nói: “Trưởng sử Vương Tất là quan lại từ thời ta chiếm miền Kinh Cức, trung hậu chăm chỉ, lòng như sắt đá, là quan lại tốt của nhà nước vậy; trải qua lâu ngày mà không được mời đến, bỏ ngựa kì kì mà không cười, há lúc gấp gáp lại cầu mời sao? Cho nên vờ đến, cho làm

chức vừa hợp, bái làm việc quan Trưởng sử như trước”.

Tất cùng Đinh Xuyên Điền nông Trung lang tướng Nghiêm Khuông đánh chém chúng.

Tam phụ quyết lục chú chép: Bấy giờ có người quận Kinh Triệu là Kim Y, tự Đức Y, tự cho là nhiều đời là bầy tôi của nhà Hán, từ ngày Nhật Đê đánh Mông Hà La, trung thành nổi rõ, khi tiết nhiều đời. Thấy nhà Hán sắp đổi, nói là cuối có thể dấy lên, lại nói là nên gắng gỏi, bèn cùng bọn Cảnh Kỉ, Vi Hoảng, Cát Bản, con Bản là Mạc, em Mạc là Mục kết mưu. Kỉ tự Quý Hành, lúc nhỏ có tiếng tốt, làm Thừa tướng duệ, Vương rất kính trọng, chuyển làm Thị trung, giữ Thiếu phủ. Mạc tự Văn Nhiên, Mạc tự Trung Nhiên, thấy Y khảng khái có phong thái của Nhật Đê, lại gần gũi với Vương Tất, dó đó li gián họ, nếu giết được Tất, sẽ cậy thiên tử để đánh Ngụy Vương, phía nam giúp Lưu Bị. Bấy giờ thế Quan Vũ mạnh, mà Vương tại đất Nghiệp, để Tất coi binh xét việc ở đất Hứa. Bọn Văn Nhiên đem bọn người khác cùng hơn nghìn người trẻ của nhà mình buổi đêm đốt cửa đánh Tất, Y sai người làm nội ứng, bắn tên trúng vai Tất. Tất không biết kẻ đánh là ai, vì vốn gần gũi với Y, chạy đến nhờ Y, buổi đêm gọi Đức Y, người nhà Y không biết là Tất, nói là bọn Văn Nhiên, đáp lại nói: “Vương Trưởng sử đã chết sao? Việc các người xong rồi!” Tất bèn đi đường khác chạy trốn. Có người nói: Tất muốn đến nhờ Y, người dưới trưởng bảo Tất nói: “Nay việc rút cuộc biết ai đâu mà vào nhờ vậy”? Giúp Tất trốn đến phía nam thành. Vừa trời sáng, Tất vẫn sống, quân của bọn Văn Nhiên tản ra, cho nên thua. Hơn mười ngày sau, Tất rút cuộc bị thương mà chết.

Hiển Đế Xuân thu viết: Bắt được bọn Kỉ, Hoảng, đem chém chúng, Kỉ gọi tên Ngụy Vương nói: “Chỉ hận ta không tự mưu nghĩ, rút cuộc bị bọn trẻ con làm sai!” Hoảng cúi đầu tát má, cho đến lúc chết.

Son Dương Công tái kí chép: Vương nghe tin Vương Tất chết, giận lắm, gọi trăm quan của nhà Hán đến đất Nghiệp, lệnh rằng người đập lửa đứng bên trái, người không đập lửa đứng bên phải. Mọi người cho rằng người đập lửa đều không có tội, đều ở bên trái; Vương cho rằng: “Người không đập lửa là mới là người không giúp kẻ làm loạn, người đập lửa mới là giặc”. Đều giết chúng.

Tào Hồng phá Ngô Lan, chém tướng của hắn là bọn Nhâm Quy. Tháng ba, Trương Phi, Mã Siêu chạy đến Hán Trung, người Đê ở huyện Âm Bình là Cường Đoan chém Ngô Lan, đem đầu đến.

Tháng tư mùa hạ, người Ô Hoàn ở các quận Đại, Thượng Cốc là bọn Vô Thần Đê phản, sai Yên Lăng Hầu là Chương đánh phá chúng.

Ngụy thư chép lệnh của Vương rằng: “Mùa đông năm ngoài trời có chướng lệ nhiều, dân có tang thương, quân dấy ở ngoài, người cày ruộng thiếu, ta rất thương xót. Nay lệnh trai gái quan dân rằng: gái tuổi mười bảy

trở lên mà chưa có chồng con, nếu mười hai tuổi trở xuống mà không có cha mẹ anh em, tay không làm được việc, chân không đi được, và người không có vợ con anh em của cải thì được cấp ăn cả đời. Trẻ nhỏ thì được nuôi đến mười hai tuổi thì thôi; người nghèo khổ không tự làm ăn được thì tùy miệng ăn mà cấp phát. Người già cả chờ nuôi dưỡng từ tuổi chín mươi trở lên, nếu không làm việc được, nếu không làm việc thì ban cho một người giúp nuôi”.

Tháng chín, lệnh nói: “Việc táng thời xưa, đều chọn đất cần cỗi. Ta xem miếu thờ Tây Môn Báo ở trên ở cánh đồng phía tây là Thọ Lăng, dựa vào chỗ cao làm nền, không cấm rào không trồng cây. Theo Chu lễ, quan Trùng nhân coi giữ đất của mộ vua, mộ chư hầu ở bên trái phải, hướng phía trước, mộ khanh đại phu ở bên sau, phép tắc của nhà Hán cũng gọi là Bồi Lăng. Nay những công khanh đại thần liệt tướng có công, được táng theo bên Thọ Lăng, lấy chỗ rộng làm vành mộ, đủ để vừa nhau”.

Tháng bảy mùa thu, luyện binh, rồi đến phía tây đánh Lưu Bị. Tháng chín, đến Tràn An.

Tháng mười mùa đông, tướng giữ huyện Uyển là bọn Hầu Âm phản, bắt Nam Dương Thái thú, cướp chiếm quan dân, chiếm huyện Uyển. Lúc trước, Tào Nhân đánh Quan Vũ, đóng quân ở Phàn Thành, tháng đó sai Nhân vây huyện Uyển.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ tư, Nhân làm cỏ đất Uyển, chém Âm.

Tào Man truyện chép: Bấy giờ người quận Nam Dương khổ vì lao dịch, Âm do đó bắt Thái thú Đông Lí Bao, cùng quan dân làm phản, liên hòa với Quan Vũ. Nam Dương Công tào là Tông Tử Khanh khuyên Âm nói: “Túc hạ được lòng dân, làm việc lớn, gần xa chẳng ai không trông mong; nhưng bắt giữ tướng trong quận, mang tiếng phản nghịch lại vô ích, sao không thả ra. Ta với ông cùng gắng sức, nếu quân của Tào Công đến, quân của Quan Vũ cũng đến vậy”. Âm theo lời, liền thả quan Thái thú. Tử Khanh nhân buổi đêm trèo thành ra ngoài, rồi cùng Thái thú thu dân còn sót vây Âm, lúc quân của Tào Nhân đến, cùng diệt Âm.

Hạ Hầu Uyên đánh với Lưu Bị ở Âm Bình, bị Bị giết. Tháng ba, Vương từ Tràn An ra Tà Cốc, đem quân thông thả đến gần Hán Trung, rồi đến Âm Bình. Bị dựa vào chỗ hiểm chống giữ.

Cửu châu xuân thu chép: Bấy giờ Vương muốn về, ra lệnh nói: “Gân gà”. Quan thuộc không biết nói gì. Chủ bạ Dương Tu lại tự sắm sửa hành trang, mọi người kinh ngạc hỏi Tu nói: “Sao lại biết được”? Tu nói: “Gân gà, vứt nó đi thì đáng tiếc, ăn nó không được, để sánh với đất Hán Trung, biết là Vương muốn về vậy”.

Tháng tư mùa hạ, dẫn quân về Tràn An.

Tháng bảy mùa thu, lấy phu nhân Biện thị làm Vương hậu. Sai Vu Cấm

giúp Tào Nhân đánh Quan Vũ. Tháng tám, nước sông Hán tràn, vùi quân của Cầm, quân chìm, Vũ bắt Cầm, rồi vây Nhân. Sai Từ Hoàng cứu Nhân.

Tháng chín, Tướng quốc Chung Do vì Tây tào duệ Ngụy Phúng phản mà bị bãi chức.

Thế ngữ chép: Phúng tự Tử Kinh, người nước Bái, có tài mê hoặc dân chúng, gây động đất Nghiệp, Chung Do do đó mời gọi. Đại quân chưa về, Phúng ngầm kết đồ đảng. Lại cùng Trường Lạc Vệ úy Trần Y mưu đánh úp đất Nghiệp. Chưa đến hẹn, Y sợ mà báo cho Thái tử, bèn giết Phúng, kẻ chịu tội chết đến mấy chục người.

Gia giới của Vương Sưởng chép: “Người huyện Tế Âm là Ngụy Phúng”. Mà đây chép là người nước Bái, không rõ.

Tháng mười mùa đông, đem quân về Lạc Dương.

Tào Man truyện chép: Vương sửa chữa lại sở Bắc bộ úy, lệnh phải lớn hơn lúc trước.

Tôn Quyền sau sứ gửi thư, xin đánh Quan Vũ để tự chuộc tội. Vương từ Lạc Dương xuống phía nam đánh Quan Vũ. Chưa đến, Hoàng đánh Quan Vũ, phá Vũ, Vũ chạy, Nhân được giải vây. Vương đem quân đến Ma Bản.

Ngụy lược chép: Tôn Quyền gửi thư xưng thần, khen ngợi mệnh trời, Vương đem thư của Quyền ra ngoài cho mọi người biết nói: “Thằng này muốn bắt ta ngồi trên miệng lò chảnh”! Thị trung Trần Quần, Thượng thư Hoàn Giai tâu nói: “Nhà Hán từ thời An Đế đến nay, chính sự gửi cho nhà Công, quốc thống mấy lần dứt, đến thời ngày nay, chỉ có tên gọi, một thước đất một người dân đều không phải của nhà Hán nữa, vận kì lâu ngày đã hết, lịch số cũng đã cùng, không chỉ đến ngày nay. Cho nên giữa thời Hoàn, Linh, những người mưu trí sáng suốt đều nói: ‘Nhà Hán đã hết, nhà Hoàng nổi lên’. Điện hạ ứng hẹn, thiên hạ mười phần mà có đến chín, theo giúp nhà Hán, dân chúng mong ngóng, xa gần khen ngợi, cho nên Tôn Quyền ở xa xưng thần, hợp với trời người, cùng nhau cất tiếng. Kẻ ngu này cho rằng nhà Ngu, Hạ không từ chối ngôi vị, nhà Ân, Chu không tiếc nói thay, sợ trời biết mệnh, không có gì phải nhường nhau”.

Ngụy thị xuân thu chép: Hạ Hầu Đôn khuyên Vương nói: “Thiên hạ đều biết lộc nhà Hán đã hết, nhà khác đang nổi lên. Từ xưa đến nay, người trừ hại cho dân thì được trăm họ theo về, đấy là vua của dân vậy. Nay Điện hạ dùng binh hơn ba mươi năm, công đức sáng rõ với dân chúng, được thiên hạ nương dựa, theo mệnh trời thuận lòng dân, còn nghi gì nữa”! Vương nói: “Có câu nói: ‘Ở nhà ban chính đạo, đây cũng là chính đạo’. Nay mệnh trời tại ta, ta là Chu Văn Vương vậy”.

Tào Man truyện và Thế ngữ đều chép Hoàn Giai khuyên Vương lên ngôi, Hạ Hầu Đôn cho rằng nên diệt Thục trước, Thục mất thì Ngô phục, nếu hai

phương đã định thì sau đó theo vết xe của Thuần, Vũ. Vương nghe theo. Lúc Vương hoǎng, Đôn tiếc lời trước, phát bệnh chết.

Tôn Thịnh bình rằng: “Hạ Hầu Đôn thật là làm nhục quan lại nhà Hán, xin nhận ǎn cho nước Ngụy, Hoàn Giai thật thà, có khí tiết thẳng thắn; xét truyện chép việc này, Thế ngữ chép nhầm vậy”.

Tháng giêng mùa xuân năm thứ ba mươi lăm, đến Lạc Dương. Quyền chém Vũ, đem đầu đến.

Ngày canh tí, Vương băng ở Lạc Dương, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Thế ngữ chép: Thái Tổ từ Hán Trung đến Lạc Dương, dựng điện Kiến Thủy, chặt cây ở miếu Trạc Long thì máu cây chảy ra.

Tào Man truyện chép: Vương sai thợ gỗ là Tô Việt dờn cây lê đẹp, đào lên, gốc bị thương đều chảy máu. Việt bảm lên, Vương tự đến xem mà sợ hãi, cho là không phải điềm hay, trở về bèn sinh bệnh. Truyền lệnh lại rằng: “Thiên hạ còn chưa định yên, tạm không nên theo phép xưa. Táng xong phải đều bỏ áo tang. Các quân tướng đóng giữ đều không được rời khỏi doanh trại. Các quan lại đều theo chức phận. Liệm dùng áo thường mặc, không chứa vàng ngọc vật báu”.

Thụy là Vũ Vương. Ngày đinh mǎo tháng hai, táng ở Cao Lăng.

Ngụy thư chép: “Thái Tổ tự thống lĩnh cả nước, diệt trừ bọn xấu, coi quân dùng binh, đại khái giống phép tắc của Tôn, Ngô, lại tùy việc mà bày kế lạ, lừa địch mà thắng, biến hóa như thần. Tự soạn sách binh pháp hơn mười vạn chữ, các tướng đánh dẹp đều đọc sách xét việc. Làm việc thì tự tay coi xét, kẻ vâng lệnh thì đánh thắng, kẻ làm trái phép thì bị thua. Đối trận với giặc, phong thái thông thả như chẳng muốn đánh, nhưng gặp đến thời cơ thì gắng sức thừa thắng, khí thế mạnh mẽ, cho nên hề đánh là thắng. Giỏi biết nhìn người, khó ai che mắt, đánh Vu Cẩm, Nhạc Tiến ở giữa trận, thu nạp Trương Liêu, Từ Hoǎng trong đám thua chạy, họ đều giúp sức lập công, xếp vào hàng tướng giỏi; còn lại những kẻ xuất thân hèn kém mà cử làm Mục thú, không thể kê hết. Do đó lập nên nghiệp lớn, văn vũ đều đủ, cầm quân hơn ba mươi năm, tay không rời sách, ngày thì giảng sách võ, đêm thì đọc kinh truyện, trèo núi thì làm phú, làm thế thơ mới, mang theo đàn sáo, đều thành khúc nhạc. Tài sức hơn người, tự tay bắn chim bay, tự thân bắt thú dữ, từng một ngày ở huyện Nam Bì bắn bắt được ba mươi sáu con chim trĩ. Lúc dựng cung thất, sửa chữa khí giới, chẳng cái gì không theo phép tắc, đều dốc hết suy nghĩ. Tinh hay tiết kiệm, không ưa xa xỉ, người trong cung không mặc áo gấm thêu, người hầu không đi dày hai màu, dùng trướng đủ để che gió, rách thì may vá, đệm chiếu mềm mại, không thêu thêm viền. Đánh thành chiếm ǎp, thu được vật đẹp, thì đem ban hết cho người có công, thưởng cho người gắng sức, không tham nghìn vàng; nếu không có công mà mong ban

thường, một tơ hào cũng không cho; bốn phương tiến dâng vật gì, đều cùng bày tâu chung hưởng. Thường theo phép tắc tống tang, mặc áo liệm thây, có chỗ phiền nhiễu mà không có ích, phong tục lại làm sai, do đó tự làm áo quan cho lúc chết, chỉ có bốn cái tráp mà thôi.

Phó Tử chép: Thái Tổ xót cái xa xỉ việc lấy chồng, do đó con gái của Công giả cho người khác

đều dùng màn đen, người hầu gái đi theo không quá mười người.

Bác vật chí của Trương Hoa chép: Thời Hán, người huyện An Bình là Thôi Viện, con của Viện là Thực, người quận Hoàng Nông là Trương Chi, em của Chi là Sưởng đều giỏi viết chữ thảo, mà Thái Tổ đứng sau họ. Hoàn Đàm, Thái Ung giỏi âm nhạc, người quận Phùng Dục là bọn Sơn Tử Đạo, Vương Cửu Chân, Quách Khải giỏi đánh cờ vây, Thái Tổ đều sánh ngang họ. Lại thích phép 'dưỡng tính', cũng hiểu phương dược, mời dân kẻ sĩ biết phương thuật, người quận Lư Giang là Tả Từ, người huyện Tiêu là Hoa Đà, người huyện Cam Lăng là Cam Thủy, người huyện Dương Thành là Khích Kiệm chẳng ai không đến, lại quen ăn củ dã cát dài đến một thước, cũng được ít nhiều uống rượu trâm.

Phó Tử chép: Các Vương, Công cuối thời Hán phần nhiều bắt chước áo của nhà vua, buộc khăn lụa làm đẹp, do đó bọn Viên Thiệu, Thôi Báo dẫu là tướng sủy mà đều đội khăn lụa. Ngụy Thái Tổ thấy thiên hạ đồ nát, tài vật thiếu thốn, bắt chước mũ da xừa, cắt lụa gấm để làm mũ kháp, hợp với nghĩa giản dị theo thời nay, lấy màu để phân biệt sang hèn, đến nay vẫn dùng, có thể nói là hình dạng của q đô, tài vật thiếu thốn, bắt chước mũ da xừa, giảm lụa gấm để làm mũ kháp, hợp với phong cách giản dị từng lúc, lấy màu để phân biệt sang hèn, đến nay vẫn dùng, có thể nói là hình dạng của quân dân không phải là hình dạng của vua quan vậy.

Tào Man truyện chép: Thái Tổ là người giản dị không trọng uy nghi, thích âm nhạc, ca kỹ ở bên cạnh, thường từ sáng đến tối. Áo mặc sòn bạc, thân tự đeo túi lớn để đựng vật nhỏ, khăn tay, có lúc đội mũ kháp để gặp tân khách, hề nói chuyện với người khác thì đùa bỡn nói cười, đều không giấu diếm, lúc thì vui cười hơn hờ, đến nổi chạm đầu vào giữa bàn mân, món ăn dính vấy vào khăn đội, đại khái thoải mái như thế. Nhưng giữ phép tắc nghiêm túc, các tướng có người làm sai lệnh của mình thì theo hình pháp mà phạt tội, đến cả kẻ thù oán cũ cũng đều không đổi khác. Người bị tội giết, liền đối mặt khóc thương nhưng cũng không được tha sống. Lúc trước, Viên Trung làm Bái Tướng, từng muốn dùng hình pháp trị tội Thái Tổ, người nước Bái là Hoàn Thiệu cũng coi thường Thái Tổ; lúc tại Duyện Châu, người quận Trần Lưu là Biên Nhượng nói bàn có vẻ xúc phạm Thái Tổ, Thái Tổ bèn giết Nhượng, giết người nhà hắn, bọn Trung, Thiệu đều tránh nạn đến Giao Châu, Thái Tổ sai sứ giả đến chỗ Thái thú Sĩ Tiếp bắt giết họ. Hoàn, Thiệu

ra đầu thú, quỳ tạ ở giữa đình, Thái Tổ bảo nói: “Quỳ mà tha chết được sao”! Rồi giết họ. Thường đem quân đi, qua ruộng lúa mạch, lệnh nói: “Quân sĩ không được phá lúa mạch, kẻ phạm cấm thì tội chết”. Quân kỵ đều xuống ngựa, nắm lúa mạch để lồi giữ nhau, do đó Thái Tổ cười ngựa vào giữa ruộng lúa mạch, sai quan Chủ bạ bàn tội; Chủ bạ theo phép Xuân thu, không phạt lây vào người trên. Thái Tổ nói: “Lập hình pháp mà tự phạm vào, làm sao sai được kẻ dưới? Nhưng ta là tướng quân, không thể tự sát, xin tự phạt”. Do đó cầm kiếm cắt tóc vứt xuống đất. Lại có người thiếp yêu buổi ngày thường theo nằm nghỉ, dặn người thiếp rằng: “Chốc lát gọi ta dậy”. Người thiếp thấy Thái Tổ nghỉ yên, không gọi dậy, lúc tự dậy, liền đánh chết người thiếp đó. Thường đánh giặc, thóc gạo không đủ, bảo riêng Chủ bạ rằng: “Làm thế nào”? Chủ bạ nói: “Nên lấy học nhỏ mới đủ”. Thái Tổ nói: “Được”. Sau trong quân nói là Thái Tổ dối quân, Thái Tổ bảo quan Chủ bạ nói: “Phải mượn cái chết của ông để làm yên lòng quân, không thế thì việc chẳng xong”. Bèn chém Chủ bạ, đem đầu ra cho quân biết, nói: “Dùng học nhỏ, cướp gạo công, chém hẳn ở cửa quân”. Cái tàn ngược biến trá của Thái Tổ, đều đại loại như thế.

Bình rằng: Cuối thời Hán, thiên hạ đại loạn, anh hào cùng nổi dậy, mà Viên Thiệu như hổ vồ bốn châu, mạnh mẽ chẳng ai chống nổi. Thái Tổ tính kế bày mưu, đánh dẹp trong nước, tỏ phép hay của Thân, Thương, bày kế lạ của Hàn, Bạch, chọn dùng người hiền tùy vào tài năng, quyền biến ngang dọc, không hiềm thù cũ, rút cuộc nắm giữ mệnh vua, làm nên nghiệp lớn, riêng Thái Tổ có mưu lược sáng suốt hơn cả. Hoặc có thể nói là người khác thường, bậc hào kiệt hơn đời vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) Hội nghị chư hầu cùng phò nhà Châu, do Quản Trọng cố vấn cho Tề Hoàn Công khởi xướng.

(2) Tức ngày cuốn Tào Man truyện được viết ra.

(3) Quý nghĩa là cuối, Đằng là con út

(4) Đời Minh Đế Tào Duệ - 299

(5) Vì Đằng làm Hoạn quan từ bé, Tung phải là con nuôi.

(6) Toàn chức quan to, chứng tỏ thế lực Đằng lớn lắm.

(7) Quý thích chỉ chung đám cường hào, nhưng trong ngữ cảnh (sau loạn Đàng Cốc) nói đến vây cánh của quan Hoạn và con cháu phe này.

(8) Loạn “7 nước” đời Hán Cảnh Đế.

(9) Bàn những lời cao luận suông.

(10) Về các chức vụ ở trên thì có thể hiểu sơ bộ thế này. Thời nhà Hán có tất cả là 12 châu và khu Tư Lệ (kinh đô), mỗi châu do một viên thứ sử cầm đầu, chức Mục là chức mới đặt ra, quyền lực còn lớn hơn Thứ sử một chút. Còn các chức Thái thú là quản lý một quận (thuộc châu). Riêng chức tướng quốc cũng chỉ tương đương với quận mà thôi. Quốc ở đây hiểu như một đặc khu hành chính nhỏ.

(11) Cư nhị Chu chi hiểm, nhị Chu là hai kinh đô của Tây và Đông Hán.

(12) Trên bản đồ thì chỗ này ghi là Vinh Dương, có lẽ cũng đọc là Huỳnh.

(13) Tức Viên Thiệu.

(14) Tức Viên Thuật.

(15) Không rõ là tên người hay địa danh (?)

(16) Tức ba quận là Kinh Triệu (thủ phủ là Tràng An), quận Phù Phong phía bên phải Tràng An tức Hữu Phù Phong (thủ phủ là Hàm Dương) và quận Phùng Dục ở bên trái Tràng An tức Tả Phùng Dục (trung tâm là Đại Lệ).

(17) Một địa danh ở gần Lạc Dương.

(18) Nguyên văn là ‘phi mỹ’, chạy lướt, chạy vội.

(19) Nguyên văn là ‘nhất đán cải dịch’, tức là một mai việc biến đổi. Ở đây Thiệu bàn việc lập

Lưu Ngu lên làm đế, tức là bàn chuyện phế lập vậy.

(20) Tào Tháo bày tỏ dứt khoát, bọn Thiệu cứ việc ngoảnh về Bắc (Lưu

Ngưu ở U châu), Tháo cứ hướng về Tây (Vua Hán lúc ấy ở Tràng An).

(21) Thái Thú Đông Quận do Lưu Đại đặt.

(22) Đòi Linh Đế.

(23) Nguyên văn: “kỳ đạo nãi dữ trung Hoàng đại át đồng”. Hoàng đại át có nghĩa là “Kinh Vàng”, tức kinh sách của Khăn Vàng.

(24) Đào Khiêm khi ấy trong vòng ảnh hưởng của Viên Thuật chứ không phải dưới quyền Công-tôn Toản. Đoạn này mập mờ để giải thích thêm sau.

(25) Trước đó trong liên minh đánh Đổng Trác, Viên Thuật tiến quân theo ngã Kinh Châu đánh

Lạc Dương từ hướng Nam, đóng quân ở Lô Dương và tiến quân theo lối ải Hoàn Viên. Tướng của Viên Thuật là Tôn Kiên đánh thắng quân Đổng Trác tiến vào Lạc Dương, nhưng vì các sứ quân không có chiến lược đồng bộ, phải lui quân về Dương Nhân (phía nam ải Hoàn Viên). Vì lý do nào đấy, Viên Thiệu xúi Châu Ngang bất ngờ cướp trại Tôn Kiên. Liên minh Quan Đông từ đấy tan vỡ. Đổng Trác lại bổ nhiệm Lưu Biểu làm Thứ Sử Kinh Châu thay Vương Trường (vốn bị Tôn Kiên giết). Lưu Biểu đóng ở Tương Dương dân tụ được uy quyền riêng. Viên Thuật sai Tôn Kiên đánh Lưu Biểu, không ngờ Kiên bị giết, Viên Thuật có thể bèn dẫn quân về phía Đông vào Duyện Châu, lại bị Tào Tháo đánh đuổi phải chạy về Dương Châu là thế.

(26) Quê hương họ Tào

(27) Đàm Thành, thủ phủ quận Đông Hải

(28) Câu này đúng hay không đúng, cũng đạt được mục đích là nâng lòng quân sĩ. Lữ Bố quân thế chỉ đủ giữ Bộc Dương, đến nổi thắng trận vẫn không truy đuổi được thì sao làm được những điều Tháo nói.

(29) Lúc này Tào Tháo và Viên Thiệu còn là đồng minh, Thiệu lại muốn “liên hòa” với Tháo là sao? Thật ra lúc này Tháo kiệt quệ, Thiệu muốn chiêu hàng, tức muốn kéo Tháo về làm tay chân dưới trướng mình.

(30) Khai Phong bây giờ.

(31) Tạm được dùng cờ tiết, búa tầm sét, có quân hổ bôn bên mình, đây là những nghi thức rất cao quý của triều đình.

(32) Chỗ này nói đến thiên văn, sao Thái Bạch là sao Kim (Hôm, Mai), sao Huỳnh hoặc là sao Hoả, Ngưu-Đẩu là cặp Ngưu Lang-Chức Nữ, bên Thiên Tân là chỗ đầu của chòm sao Thiên Nga, nằm trên dải Ngân Hà. Đây nói đến toàn những điều nghịch theo quan niệm của quan Thái sử xưa, ý nói điềm dữ.

(33) Mệnh trời có lúc đến có lúc đi.

(34) Nguyên văn là 'thiên đạo thâm viễn' tức là đạo trời sâu xa, dịch thoát.

(35) Có lẽ là Tào Tháo phải tâu lên Hiến để xin phong chức cho Thiệu. Ý tứ là giảm sự tức tối của Thiệu (binh lực mạnh hơn cả) vì việc mình đón Thiên tử, đó là cái đích ngắm của các chư hầu.

(36) Tháo rất cao tay nhường chức của mình cho Thiệu, tự giáng cấp của mình xuống mấy cấp thành Hành Xa kỵ tướng quân (chỉ coi việc của Xa kỵ tướng quân, thấp hơn Thiệu đến mấy bậc).

(37) Nguyên văn là 'ngoã giải lưu li' có nghĩa như gạch ngói tan tác.

(38) Bò loa là cỏ bò, ốc hén.

(39) Tuyệt ảnh tức là không bóng, nghĩa là ngựa chạy rất nhanh.

(40) Đám binh sỹ chết khi đánh nhau với Trương Tú khi trước.

(41) Tướng ở đất Lỗ.

(42) Tướng hầu này không được cấp đất, chỉ có bổng lộc mà thôi.

(43) Đình trưởng tương đương chức Trưởng thôn.

(44) Là một chức quan.

(45) Là quân lính vác cờ, cầm chiêng trống, theo hầu bên xe ngựa.

(46) Tức là Tả Khâu Minh, tác giả sách Tả thị xuân thu nổi tiếng.

(47) Chỗ này cũng tương tự như Lưu Bị dẫn dân ở Tân Dã, Phàn Thành đi tránh quân Tào sau này. Trong số quân hùng thời Tam Quốc chỉ có Tào Tháo và Lưu Bị biết lo nghĩ cho dân. Xem ra lời bàn của Tháo trong bữa rượu Thanh mai cũng không hẳn là lời vu vơ vậy.

(48) Chỗ này người dịch ngờ rằng nguyên tác chép lầm. Nguyên là chữ Vũ là hai chữ Tập ghép với nhau, mà chữ Vũ này không phải là chữ chỉ họ Vũ, vả lại chỉ thấy tác giả Tập Tạc Xi chứ chưa thấy Vũ Tạc Xi bao giờ.

(49) Kế lại là chức quan nhỏ ở châu quận chuyên lo về sổ bộ, văn thư.

(50) Viên Tự là người nhà họ Viên, là em của Thuật và Thiệu. Nam huynh ở đây là chỉ vào Viên Thuật (Thuật chiếm cứ vùng Hoài Nam), Bắc huynh là trở vào Viên Thiệu (Thiệu chiếm cứ vùng Hà Bắc). Tam Quốc diễn nghĩa nói rằng Thuật là em Thiệu, song theo gia pháp thì Thuật mới là anh (Thuật là con vợ đích từng, Thiệu là con của nàng hầu), tuy nhiên về tuổi tác và địa vị thì Thiệu lớn hơn. Thuật từng lấy ngọc tử của Tôn Sách rồi xưng đế, sau khi cùng quân mới định dâng ngọc tử cho Thiệu để nhường nhờ, bị Tháo sai Lưu Bị chặn đường, sau Thuật cùng quân phát bệnh chết.

(51) Nguyên văn câu này là 'đãi thẳng đường thắt'. Theo sách Luận ngữ là

câu ‘thăng đường nhập thất’, ‘thăng đường’ là học được cái cơ bản, ‘nhập thất là học được cái tinh túy’. Dịch thoát ý câu văn là ‘được ngài dạy dỗ chu toàn.’

(52) Nhan Uyên là trò giỏi của Khổng Tử, Khổng Tử vẫn thường khen Uyên, than rằng mình chẳng bằng được Uyên.

(53) Xưa, Lý Sinh cùng Giả Phục theo học kinh Thượng Thư, Giả Phục khen ngợi Lý Sinh hết lời, tiên đoán sau này Sinh sẽ là rường cột của quốc sau, quả nhiên ứng nghiệm.

(54) Kiều Huyền đây là người được nhắc đến từ đầu truyện, từng đoán rằng Tào Tháo sẽ là người yên định được thiên hạ. Tào Tháo về qua đất cũ, nhớ đến Kiều Huyền vào tế lễ, tỏ ý rằng nhờ những lời của Kiều Huyền mà ông cố gắng có được vinh quang như hiện tại.

(55) Tướng chết thì lui quân.

(56) Triệu Quát là con của Triệu Xa, tướng nước Triệu. Tần đánh Triệu, Liêm Pha là tướng Triệu cự Tần, Tần không thắng được, tướng Tần lập kế nói rằng người Tần chỉ sợ Triệu Quát chứ không sợ Pha, vua Tần lấy Quát thay Pha làm tướng, mẹ Quát can, vua Triệu không nghe, mẹ Quát xin rằng nếu Quát thua quân sẽ không phải chịu tội cùng với Quát, vua Triệu ưng, sau quả nhiên Quát bị tướng Tần là Bạch Khởi đánh tan, giết hết bốn mươi vạn quân Triệu, nước Triệu rung động, mẹ Quát đã có lời từ trước, không phải tội.

(57) Quản Trọng là bầy tôi của Tề Hoàn Công, danh tiếng lẫy lừng khắp Trung Hoa cổ đại thời Xuân Thu, giúp cho nước Tề cường mạnh, làm bá chủ hầu.

(58) Lễ tốt lành, hi sự.

(59) Tức sông An Dương, con sông này chảy từ vùng Sơn Tây xuyên qua vùng Hà Nam.

(60) Chỗ này nhắc đến rất nhiều điển tích cổ, ND chưa tra cứu được.

(61) Thiên Vu là vua xứ Hung Nô. Nguyên xứ Hung Nô có nhiều bộ lạc, mỗi bộ lạc đều có một vị Thiên Vu, Thiên Vu đại loại cũng chỉ là tù trưởng của một bộ lạc mà thôi.

(62) Nguyên văn chỗ này là chữ ‘Đinh tù’, mà chữ Đinh là chỉ Thiên Can theo lịch âm, vậy chữ ‘tù’ chả có nghĩa gì. Lại chiếu theo sự kiện xảy ra thì năm ấy phải là năm Đinh Dậu. Vậy nên tạm dịch là ‘Năm Đinh Dậu.’

(63) Triệu Xa là danh tướng nước Triệu thời Chiến Quốc, Đâu Anh là tướng giỏi thời Tây Hán, được vua ban thưởng cho của cải, đem chia hết cho quân sĩ, vì thế quân sĩ phấn khởi tin phục, sau ra sức đánh giặc lập nổi

công to.

(64) Người Trung Quốc xưa ở vùng Hoa Hạ, gọi các dân tộc thiểu số ở bốn phía xung quanh là Bắc Địch, Tây Nhung, Đông Di, Nam Man.

(65) Nguyên văn câu này là “Hạ ngũ dụng”. Xem ra chữ ‘dụng’ ở đây chả có nghĩa gì, có lẽ nguyên bản chép sai, vì chữ dụng với chữ ‘nguyệt’ chỉ khác nhau có một nét bút. Vậy nên dịch theo câu văn là ‘Mùa hạ tháng năm’.

(66) Lệ và Khải là hai lối viết chữ Hán. Vương Thử Trọng là người đặt ra lối chữ Khải, chân phương, rõ ràng vuông vắn, là sự kết hợp của chữ Lệ và chữ Thảo.

(67) Bộ Tuyền là tiền thân của bộ Lại sau này, Bộ này chủ quản việc bổ nhiệm, bãi miễn, thăng giáng các quan lại trong toàn quốc.

(68) Phạm Bàng và Hứa Chương là những danh sĩ nổi danh cuối thời Linh Đế.

(69) Hoàn Văn tức là Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công, đều làm bá các nước chư hầu đời Xuân Thu.

(70) Chỗ này nói Kinh Châu có lẽ là trị sở của Châu Kinh chứ không phải toàn bộ đất đai châu này.

QUYỀN 3 - MINH ĐỀ KÝ

TÀO DUỆ TRUYỆN

Minh Hoàng Đế huý Duệ⁽¹⁾, tự Nguyên Trọng, là Thái Tử con của Văn Đế⁽²⁾. Thái Tổ⁽³⁾ lúc sinh thời rất yêu thương, thường gọi đến bên cạnh.

Ngụy Thư chép⁽⁴⁾: Đế sinh ra được hơn một năm đã có khí chất hơn người. Vũ Hoàng Đế⁽⁵⁾ lấy làm lạ, nói rằng: "Mày là căn bản ở đời thứ ba của ta đây." Mỗi lần hội họp bày yến tiệc trong triều đều cho Đế ngồi cùng hàng Thị Trung cận thần trong trướng. Đế học rộng biết nhiều, đặc biệt chăm chú vào việc sửa sang hình luật.

Năm mười lăm tuổi, được phong Vũ Đức Hầu. Đến năm Hoàng Sơ⁽⁶⁾ thứ hai làm Tề Công, năm Hoàng Sơ thứ ba làm Bình Nguyên Vương. Bởi vì mẹ bị giáng tội cho nên chưa được lập làm người kế thừa.

Ngụy Lược⁽⁷⁾ chép: Văn Đế thấy Quách Hậu không có con, ra chiếu sai chăm sóc nuôi dưỡng Đế. Đế vì mẹ không được chết lành, trong lòng rất bất bình, sau không bị bãi chức, liền cung kính mà thờ Quách Hậu, sớm tối thường luôn nương tựa thăm hỏi. Quách Hậu cũng thấy mình chẳng có con, bèn càng thêm từ ái. Văn Đế lúc đầu không yêu Đế, có ý muốn lấy người con của Từ Cơ là Kinh Triệu Vương làm người thừa kế, vì vậy rất lâu không lập Thái Tử.

Ngụy Mạt Truyền⁽⁸⁾ chép: Đế thường theo Văn Đế đi săn, (có lần) thấy mẹ con con hươu. Văn Đế bắn chết con hươu mẹ, sai Đế bắn hươu con. Đế không tuân lời nói: "Bệ Hạ đã giết mẹ, thần không nhẫn tâm lại giết cả con." Rời rai lệ khóc. Văn Đế liền ném cung tên, lấy đó là điều cực thiện mà có ý lập làm người kế nghiệp.

Năm Hoàng Sơ thứ bảy, mùa hạ, tháng năm, Văn Đế bệnh nặng bèn lập Đế làm Hoàng Thái Tử. Đến ngày Đinh Tỵ thì lên ngôi hoàng đế, đại xá thiên hạ, Tôn Hoàng Thái Hậu làm Thái Hoàng Thái Hậu, tôn Hoàng Hậu làm Hoàng Thái Hậu. Mọi thần tử đều được gia phong theo thứ bậc.

Thế Ngữ⁽⁹⁾ chép: Đế cùng kẻ sĩ trong triều vốn không có qua lại. Sau khi Đế kế vị, quần thần mong muốn được thấy phong thái. Được vài ngày, Đế chỉ tiếp kiến riêng Thị Trung Lưu Diệp, bàn luận hết cả ngày. Mọi người ở bên ngoài lắng nghe. Đến khi Diệp ra hỏi: "Thế nào?" Diệp nói: "Hàng như Tàn Thủy Hoàng, Hán Hiếu Vũ⁽¹⁰⁾ tài sợ rằng cũng không bằng được."

Sau khi Đế lên ngôi, truy thụy mẹ là Chân Thị Phu Nhân là Văn Chiêu Hoàng Hậu. Ngày Nhân Thìn, lập hoàng đệ là Nhụy làm Dương Bình Vương.

Tháng tám (năm ấy), Tôn Quyền đánh quận Giang Hạ. Thái Thú Văn Sính

kiên cường phòng thủ. Triều đình bàn luận muốn phát quân cứu viện. Đế nói: "Quyền thạo thủy chiến, sở dĩ dám bỏ thuyền lên bộ tấn công, là chỉ trông mong đánh úp lúc không phòng bị mà thôi. Nay cùng với Sính giảng co, hình thế công thủ càng khó khăn hơn, cuối cùng chẳng dám ở lâu đâu." Trước hết sai Trị Thủ Thị Ngự Sử Tuân Vũ ra úy lạo quân dân biên giới. Vũ đến nơi, ở Giang Hạ dẫn quân sở tại cùng binh sĩ bộ kỵ đi theo hơn nghìn người lên núi đốt lửa. Quyền lui quân bỏ chạy.

Ngày Tân Tỵ (tháng ấy), lập Hoàng Tử Duật làm Thanh Hà Vương. Bọn tướng Ngô là Gia Cát Cẩn, Trương Bá quấy phá Trương Dương. Phủ Quân Đại Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương⁽¹¹⁾ đánh dẹp phá được, chém đầu Bá. Chinh Đông Đại Tướng Quân Tào Hưu lại phá được cánh quân phụ (của Ngô) ở Tầm Dương. Luận công ban thưởng các tướng theo thứ tự. Mùa đông, tháng mười, Thanh Hà Vương Duật băng. Tháng mười hai lấy Thái Úy Chung Dao làm Thái Phó, Chinh Đông Đại Tướng Quân Tào Hưu làm Đại Tư Mã, Trung Quân Đại Tướng Quân Tào Chân làm Đại Tướng Quân, Tư Đồ Hoa Hâm làm Thái Úy, Tư Không Vương Lăng làm Tư Đồ, Trấn Quân Đại Tướng Quân Trần Quân làm Tư Không, Phủ Quân Đại Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương làm Phiêu Kỵ Đại Tướng Quân.

Năm Thái Hoà⁽¹²⁾ nguyên niên, mùa xuân, tháng giêng, hợp tế Vũ Hoàng Đế và Trời ở đàn Giao, hợp tế Văn Hoàng Đế và thượng đế ở miếu tổ tông. Phân chia Giang Hạ Nam Bộ, đặt chức Đô Úy ở nam bộ Giang Hạ. Người ở Tây Bình là Khúc Anhs làm phản, giết chết quan Lệnh ở Lâm Khương và quan Trưởng ở Tây Đô. Sai tướng quân Hác Chiêu, Lộc Bàn đánh dẹp chém được. Tháng hai năm ấy, ngày Tân Mùi, Đế cày ruộng tịch điền. Ngày Tân Tỵ, lập miếu thờ Văn Chiêu Hoàng Hậu ở Nghiệp Quận. Ngày Đinh Hợi, tế thần mặt trời ở Đông Giao. Mùa Hạ, tháng tư, ngày Ất Hợi, làm ra đồng tiền Ngũ Thù⁽¹³⁾. Ngày Giáp Thân bắt đầu kiến thiết tông miếu. Mùa thu, tháng tám tế mặt trăng ở Tây Giao. Mùa đông, tháng mười sửa soạn duyệt binh ở Đông Giao. Tháng mười một, lập Mao Thị làm Hoàng Hậu. Gia phong cho đàn ông có chức tước thiên hạ thêm hai cấp, lại ban gạo cho người góa vợ, kẻ góa chồng cô độc không thể tự nuôi sống. Tháng mười hai, phong thêm cho cha của Mao Hậu làm Liệt Hầu. Thái Thú Tân Thành là Mạnh Đạt làm phản. Ban chiếu sai Phiêu Kỵ Tướng Quân Tư Mã Tuyên Vương đi đánh dẹp.

Tam Phụ Lục Quyết⁽¹⁴⁾ chép: Bá Lang người Lương Châu, tiếng tăm chẳng được tốt lành. Sách ấy lại chú rằng: Bá Lang họ Mạnh tên Tha, người ở Phù Phong. Thời Linh Đế, Trung Thường Thị Trương Nhượng một mình nắm giữ triều chính. Bọn Giám Nô của Nhượng quản lý việc nhà cho Nhượng. Tha đường công danh không thành đạt, bèn tận hết gia tài dứt lốt cho bọn Giám Nô này, cùng với chúng kết thân. Gia nghiệp lâu năm vì thế

mà huy hoại hết. Bọn Giám Nô đều hồ thẹn, hỏi xem Tha muốn gì. Tha nói: "Chỉ muốn được các ngài bái chào thôi." Bọn Giám Nô chịu ơn Tha đã lâu, đều hứa đồng ý. Đương thời tân khách đến cầu kiến Nhưộng xuống xe trước công trường đến hàng trăm, có khi đợi cả ngày chưa được qua cửa. Tha đến sau cùng. Bọn Giám Nô chờ lúc Tha đến, đều ra đón xe bái chào, đưa thẳng một mình xe Tha vào trong. Mọi người tất thấy đều giật mình, cho rằng Tha Thân thiết với Nhưộng nên tranh nhau đem đồ trân bảo đến tặng cho Tha. Tha được những thứ ấy, đem hồi lộ Nhưộng hết. Nhưộng rất mừng. Tha lại tặng Nhưộng một bầu rượu bồ đào, liền được bái làm Thứ Sĩ ở Lương Châu. Tha sinh ra Đạt, từ nhỏ đã vào Thục. Sự tích của Đạt ở Thục được chép trong Lưu Phong truyện.

Ngụy Lược chép: Vào năm Diên Khang⁽¹⁵⁾ nguyên niên, Đạt dẫn bộ thuộc hơn bốn nghìn nhà quy thuận Ngụy. Văn Đế lúc bấy giờ mới lên ngôi Ngụy Vương nhưng từ trước đã biết tiếng Đạt, nghe tin Đạt đến rất mừng, bèn sai trọng thần có kiến thức ra quan sát kiểm tra. Những người ấy trở về nói: "Có tài năng làm tướng hiệu" hoặc "Có khí chất bậc công khanh". Vương lại càng thêm kính trọng Đạt, viết thư nghênh đón Đạt rằng: "Gần với mặt trời cũng là có số mạng, chưa đủ để nói là đặc biệt hiển vinh. Sao lại thế? Xưa Y Chí bội Thương mà theo Chu, Bách Lý rời Ngụ mà đến Tần, Nhạc Nghị thương túi da⁽¹⁶⁾ mà thành xác ve, Vương Tuân⁽¹⁷⁾ biết phải trái mà xét đi về đều là những người hiểu rõ việc hưng phế mà công hiến đúng nơi, phân biệt được lẽ tất nhiên của chuyện thành bại. Vì vậy nét đan thanh chép lại hình dung, sử chính đáng ghi lại sự nghiệp. Nghe noi khanh tư chất phong thái tài giỏi thuần hậu, khí chất độ lượng siêu việt trác tuyệt, có thể đảm đương xiên dương thời thế sáng tỏ, cất giữ tên tuổi trong sách vở truyền đời. Nay người chuyên biến hoàn toàn theo đường lối minh bạch mà về dong trong, sẽ được rất an lành vui vẻ. Lòng không cho là đủ hướng về góc tây, ấy là lưu luyến chốn cũ đó, nên mau hạ bút nói lời văn, tỏ lòng vui vẻ thuận tòng. Xưa Ngụ Khanh⁽¹⁸⁾ sang Triệu, gặp gỡ hai lần đã được phong làm tướng, Trần Bình về Hán, một lần thân cận đã lên hàng tham mưu. Cô nay với khanh tình còn quá người xưa vậy nên ban cho ngựa mã để tỏ lòng yêu thương." Lại viết: "Nay trong nước thanh bình yên định, vạn nhà theo về một mối, ba mặt biên thủy không có khói bụi bốc lên, ngoài sân nhà chẳng vang tiếng chó sủa nghi ngờ, vì thế mà giềng lưới buông lơi, cảm chế nơi lỏng, với tình thế không chút đề phòng, công việc bảo vệ chỉ là giả hoã, vốn không đảm đương nhờ cậy được. Khanh chọn lựa đến đây, tất minh bạch ý của Cô. Chớ có sai khiến gia nhân tạo ra hỗn loạn lên đường, làm cho người thân phải chần động phân tán. Còn nếu khanh muốn gặp đến gặp ta, trước tiên hãy ổn định bộ khúc, giữ cho họ có chốn gánh gánh vác vững vàng rồi sau mới thông dong cưỡi ngựa sang đông." Đạt đi đến Tiểu⁽²⁰⁾, lúc yết kiến

thái độ văn nhã, tài năng biện bác hơn đời, mọi người không ai không chú ý. Lại thêm Vương rời cung, cưỡi trên xe nhỏ ra đón, nắm tay võ lưng Đạt mà đùa rằng: "Khanh không phải thích khách của Lưu Bị chứ!" rồi cho ngồi cùng xe. Đạt được thăng làm Tán Kỵ Thường Thị, lĩnh chức Thái Thú ở Tân Thành, giao phó trách nhiệm mặt tây nam. Bấy giờ các quan có người cho rằng đôi đãi như thế là quá, Đạt không thích hợp để uỷ thác công việc một phương. Vương nghe được nói: "Ta đảm bảo nó không có lòng nào khác. Lại ví như có thì chỉ tốn ít cung tên, hao tổn chút lòng trung mà thôi." Đạt được Văn Đế ưu ái, lại thân thiết với Hoàn Giai và Hạ Hầu Thượng. Đến khi Văn Đế băng, Hoàn và Thượng cũng đã chết cả, Đạt tự nghĩ mình chỉ như khách trọ lâu ngày ở chốn biên cương, trong lòng cảm thấy không yên. Gia Cát Lượng nghe biết, muốn ngầm dụ dỗ Đạt, mấy lần gửi thư chiêu mộ. Đạt có viết thư báo đáp Lượng. Thái Thú Ngụy Hưng là Thân Nghi có hiềm khích với Đạt, mật dâng biểu tố cáo Đạt tư thông với Thục. Đế vẫn không tin. Tư Mã Tuyên Vương sai Tham Quân Lương Kỳ đến dò xét, lại khuyên Đạt nên vào châu. Đạt kinh hoàng sợ hãi, bèn làm phản

Can Bảo Tán Kỵ⁽²¹⁾ chép: Đạt lúc mới đến Tân Thành, lên ả Bạch Mã than rằng: "Lưu Phong, Thân Đàm giữ thành chắc nghìn nhà thế này mà để mất."

Năm Thái Hoà thứ hai, mùa xuân, tháng giêng, Tuyên Vương công phá Tân Thành, chém chết Đạt đem đầu về.

Ngụy Lược chép: Tuyên Vương chiêu dụ tướng của Đạt là Lý Phụ và cháu của Đạt là Đặng Hiền. Bọn Hiền mở cổng thành dẫn quân vào. Đạt bị vây mười sáu ngày thì bại, đầu bị đốt đem tro rắc trên bốn con đường lớn ở Lạc Dương.

Cắt các huyện Thượng Dong, Vũ Lăng, Vu của quân Tân Thành để lập quân Thương Dong, ban cho tên huyện như tên quận.

Đại tướng nước Thục là Gia Cát Lượng quấy phá ở biên giới. Kẻ lại thứ dân ba quân Thiên Thủy, Nam An, An Định làm phản phụ họa với Lượng.

Ngụy Thư chép: Lúc bấy giờ triều thần chưa biết đưa ra sách lược gì. Đế nói: "Lượng vẫn dựa vào núi non cách trở, nay lại tự đến, đã hợp với kế sách trong binh thư của bậc trí giả. Vả chăng Lượng tham ba quận, chỉ biết tiến mà không biết thoái, nay nhân cơ hội này tất sẽ phá được." Bèn bố trí binh mã bộ kỵ năm vạn thống lĩnh ra chống Lượng.

Sai Đại Tướng Quân Tào Chân giám sát toàn bộ Quan Hữu, cùng nhau tiến binh. Hữ Tướng Quân Trương Cáp công kích Lượng ở Nhai Đình, đại thắng. Lượng thua trận bỏ chạy, ba quận được bình định. Ngày Tân Mùi, tổ chức ăn mừng ở Trường An.

Ngụy Lược chép lộ bố thiên hạ cũng là công cáo ban xuống Ích Châu của

Đế rằng: "Lư Bị bội ân, tự trốn vào Ba Thục. Gia Cát Lượng quên bỏ đất ông cha⁽²²⁾, vào hòa với bọn giặc còn sót lại, thân người cùng giận, để mang tiếng xấu làm hại chính mình. Lượng ngoài thì mong lập được tiếng làm Cō⁽²³⁾, trong thì mong riêng chiếm đoạt thực quyền. Anh em Lư Thăng⁽²⁴⁾ chỉ ngồi mà giữ thành không. Vì thế Lợi Lang, Đãng Cừ, Cao Định, Thanh Khương không chỗ nào là không tan vỡ, cừ địch với Lượng. Mà Lượng mặc ngược áo cừ đi vác củi⁽²⁵⁾, da bên trong mòn hết thì lông cũng tiết, chặt chân cho vừa giày, đã khắc vào da lại hại đến xương. Nói ngược mà xưng luận thuyết, lại tự coi mình là bậc tài hoa. Mưu việc quân ở nơi đáy giếng, bước chân đi trong vết chân trâu. Từ khi trẫm lên nối ngôi, biên giới ba vùng cùng vô sự mà vẫn còn thương thiên hạ mấy lần gặp việc binh đao. Hơn nữa muốn săn sóc những người già ở trong bốn biên, nuôi lớn trẻ mồ côi mới được sinh ra. Trước đôi thay phong tục ở lễ nhạc, sau tính toán sức mạnh bằng khuyến nông. Tha cho Lượng làm hại ở cõi ngoài chưa lo liệu sửa trị tới. Nhưng Lượng mang cái suy nghĩ táo bạo dốt nát của Lý Hùng⁽²⁶⁾, không nghĩ đến lời khuyên đo lường Đức độ của Kinh Hàm⁽²⁷⁾, truy đuổi quan nhỏ dân đen, nhanh nhẩu ra cướp ở Kỳ Sơn. Vương sư vừa mới ra cứu thì giặc đã vỡ mật hết hơi. Mã Tắc, Cao Tường nhìn thấy đã thua trận bỏ chạy. Hồ tướng thân binh của trẫm đuổi quân bại trận, dẫm lên thây, lội qua máu. Lượng như đứa trẻ, khiếp sợ hùng sư. Quan ta mạnh mẽ tinh nhuệ, phản chấn hăng hái, ái nấy một lòng muốn ruổi dài truy đuổi. Trẫm một mình thống lĩnh đất đai, nghĩ không ai không phải là thần tử của vương thất. Dù vương sư đã đến xứ chỉ có cỏ gai mọc được cũng không muốn khiến cho đất đai nghìn hộ của trung tín lương thần phải chịu lầm than cùng phường ngu tối tà vạy. Cho nên trước tiên bố cáo dạy bảo, để làm rõ thành ý của quốc gia khuyến khích mọi người dời đổi tâm tình, không cản trở việc đánh dẹp giặc dã trong nước. Binh tướng quan lại, kẻ sĩ thứ dân trong Thục bị Lượng áp bức bắt ép, cùng công khanh thụ chức đều nghe mà chịu bó tay."

Mùa hạ, tháng tư, trở về cung ở Lạc Dương.

Ngụy Lược chép: Đương thời có lời đồn rằng Đế đã băng, các đại thần tùy giá đón Ung Khâu Vương Thục lập làm vua. Ở kinh sư từ Biện Thái Hậu đến các công khanh tất thấy đều sợ hãi. Đến khi Đế trở về, mọi người đều ngằm dò xét nét mặt Đế. Biện Thái Hậu vừa mừng vừa thương, muốn tìm người đầu tiên tung ra tin đồn. Đế nói: "Cả thiên hạ cùng nói, làm sao mà tìm được?"

Tha cho tội nhân không đáng tội chết chém trở xuống. Ngày Ất Ty, bàn luận công lao thảo phạt Lượng, phong tước tăng áp cho mọi người. Tháng năm, đại hạn. Tháng sáu, ban chiếu rằng: "Tôn kính đạo Nho, coi trọng sự học, ấy là cái gốc của vương hoá vậy. Tự làm nghiêng lệch các bậc Nho

quan hoặc không có những người ấy, sẽ lấy ai làm rõ truyền rộng đạo thánh hiền? Nay sẽ tuyển chọn các bậc Bác Sĩ, Mậu Tài để giao trách nhiệm Thị Trung, Thường Thị. Lại sắc cho các quận trong nước lấy việc tiến cử người tài mà sửa sang việc học làm trọng.” Mùa thu, tháng chín, Tào Hưu thống lĩnh chư quân tiến vào đất Hoàn, giao chiến với tướng Ngô là Lục Nghị⁽²⁸⁾ ở Thạch Đình, thất bại. Ngày Ất Dậu, lập Hoàng Tử Mục làm Phồn Dương Vương. Ngày Canh Tý, Đại Tư Mã Tào Hưu hoăng. Mùa đông, tháng mười, ban chiếu cho công khanh cận thần mỗi người phải đề cử một người lương tướng. Tháng mười một, Tư Đồ Vương Lãng hoăng. Tháng mười hai, Gia Cát Lượng vây Trần Thương. Tào Chân sai bọn tướng quân Phí Diệu ra chống cự.

Ngụy Lược chép: Trước lúc đó đã sai Tướng Quân Hác Chiêu xây thành Trần Thương. Gặp lúc Lượng tới, vây Chiêu, nhưng không thể chiếm thành. Chiêu tự Bá Đạo, người Thái Nguyên, con người hùng tráng, từ nhỏ đã vào trong quân làm Bộ Khúc Đốc, mấy lần lập được chiến công nên được thăng vào hàng Táp Hào Tướng Quân. Về sau trấn thủ Hà Tây hơn mười năm, người Di sợ mà phục. Lượng vây Trần Thương, sai người cùng làng với Chiêu là Cận Tường đứng ngoài thành thuyết phục. Chiêu ở trên thành đáp lời Tường rằng: "Điều mục luật pháp nước Ngụy, ông đã từng quen. Tôi là người thế nào, ông cũng đã biết. Tôi nhận ơn lớn của quốc gia mà lại coi trọng môn hộ. Ông có lời nào có thể nói được đây, mà dù ông có lời để nói thì tất chỉ có chết rồi tôi mới chịu nghe. Ông về nói cho Gia Cát Lượng biết, có thể mau đánh thành đi." Tường lấy lời Chiêu về báo với Lượng. Lượng lại sai Tường ra thuyết phục Chiêu lần nữa. Bảo rằng quân số không bằng, chưa vây chỗ trống rộng thì đã tự thua. Chiêu bảo Tường rằng: "Lời tôi nói trước đây không thay đổi được. Tôi nhận ra ông nhưng mũi tên không không biết ông đâu." Tường bèn bỏ đi. Lượng tự nghĩ có quân tính đến hàng vạn mà Chiêu binh lực chỉ hơn nghìn, hơn nữa tính rằng quân ở phía đông đi cứu chưa thể mau chóng đến nơi được, bèn tiến binh đánh Chiêu. Lượng đưa xe nặng chở thang mây đến gần thành. Chiêu ở trên thành lấy tên lửa bắn xuống thang mây đón đánh. Thang cháy, người ở trên thang đều bị chết thiêu. Chiêu lại lấy dây buộc đá ném ra quăng vào xe nặng, xe gãy. Lượng bèn cho quân đứng trên Tỉnh Lan⁽²⁹⁾ cao trăm thước bắn vào trong thành, lấy đất lấp hào, muốn trèo thẳng vào trong thành. Chiêu ở trong thành xây tường lớn để chặn. Lượng lại sai đào đất nền, muốn đi lên phía trong tường thành. Chiêu lại đào một đường hào cắt ngang ở trong để ngăn chặn. Hai bên ngày đêm công thủ hơn hai mươi hôm, Lượng không dùng được cách nào thì cứu binh đã tới nơi nên đành phải rút. Có chiếu khen Chiêu giỏi phòng thủ, ban cho tước Liệt Hầu. Đến khi Chiêu trở về, Đế sai đưa đến gặp mặt mà khen ngợi. Vì thế lại bảo Trung Thư Lệnh Tôn Tư rằng: "Quê hương

khánh có người sáng khoái như ông này, làm tướng rục rờ đến vậy, trẫm còn gì phải lo nữa. Chiêu mắc bệnh chết để lại di mệnh dạy con là Khải rằng: "Ta làm tướng mới biết tướng không thể làm. Ta mấy lần đào mộ người lấy gỗ làm chiến cụ cho nhà nước nên lại biết rằng hậu táng chẳng có ích gì cho người đã chết. Con nhất định phải liệm ta bằng quần áo bình thường. Và chẳng người sống còn có chỗ ở, người chết ở tại chỗ nào? Nay đưa mộ ta đi xa, đông tây nam bắc, tùy ở con cả đấy."

Con của anh Thái Thú Liêu Đông Công Tôn Cung là Uyên cướp đoạt địa vị của Cung. Nhân đó lấy Uyên làm Thái Thú Liêu Đông.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Duệ*: Trong các bản dịch *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của những dịch giả tiền bối Phan Kế Bính, Mộng Bình Sơn nhân vật này được gọi là Tào Tuấn, không rõ tại sao.

(2) *Văn Đế*: Tào Phi miếu hiệu là *Ngụy Văn Đế*.

(3) *Thái Tổ*: Tào Tháo được truy tôn *Thái Tổ Vũ Hoàng Đế*.

(4) *Ngụy Thư*: Do *Vương Thâm*, *Tuân Kỳ*, *Nguyễn Tịch* biên soạn, hoàn thành vào cuối thời *Tào Ngụy*.

(5) *Vũ Hoàng Đế*: Tào Tháo.

(6) *Hoàng Sơ*: Niên hiệu của *Tào Phi*, bắt đầu từ năm 220 đến năm 226.

(7) *Ngụy Lược*: Do *Ngư Hoạn* soạn.

(8) *Ngụy Mạt Truyện*: Tác phẩm khuyết danh ghi chép sự kiện thời *Ngụy*.

(9) *Thế Ngữ*: Là sách *Ngụy Tấn Thế Ngữ* do *Quách Tấn Ban* soạn, chép sự tích danh nhân thời *Ngụy Tấn*.

(10) *Hán Hiếu Vũ*: *Hán Vũ Đế*.

(11) *Tư Mã Tuyên Vương*: *Tư Mã Ý*.

(12) *Thái Hoà*: Niên hiệu của *Ngụy Minh Đế Tào Duệ*, bắt đầu từ năm 227 đến năm 233.

(13) *Thù*: Đơn vị trọng lượng thời cổ, sáu *Thù* là một *Truy*, hai mươi tư *Thù* là một *Lượng*.

(14) *Tam Phụ Lục Quyết*: Là sách *Tam Chú Phụ Lục Quyết* do *Triệu Kỳ* soạn vào thời *Tam Quốc*.

(15) *Diên Khang*: Niên hiệu thứ sáu và cuối cùng của *Hán Hiến Đế*, từ tháng ba đến tháng bảy năm 220.

(16) *Túi da*: Nhạc Nghị làm *Đại Tướng* dưới triều *Yên Chiêu Vương*, cầm quân đánh *Tề*. *Yên Chiêu Vương* chết. Con là *Yên Huệ Vương* lên ngôi, mắc mưu phản gián của người *Tề*, thay *Nhạc Nghị* bằng tướng khác. *Nhạc Nghị* bỏ *Yên* theo *Triệu*. *Yên Huệ Vương* sợ *Nhạc Nghị* có tài lại biết rõ tình hình nước mình sẽ gây họa hại, viết thư trách. *Nhạc Nghị* trả lời có đoạn rằng: "...Thần nghe kẻ mở đầu tốt chưa chắc đã có kết quả tốt. Ngày xưa *Ngũ Tử Tư* nói được *Hạp Lư* nghe nên dẫu chân vua *Ngô* đi xa đến tận thành *Sính*. *Phù Sai* thì không thế, cho xác ông ta vào cái túi da ngựa và thả trôi trên sông *Giang*. Vua *Ngô* không hiểu theo lời bàn của *Tử Tư* có thể lập được công, nên dìm xác *Tử Tư* mà không hỏi hân. *Tử Tư* không biết nhìn trước

nhà vua không cùng bàn bạc với mình để đến nổi vào sông Giang mà không được giải thoát. Thân khỏi tội, lập nên công trạng để làm sáng cái dấu vết của tiên vương, đó là cái kế cao nhất của thần. Mặc phải việc gièm pha, nhục nhã làm hỏng mất cái danh của tiên vương đó điều thần rất sợ. Đã chịu cái tội không thể lường được, may được lợi mà thoát khỏi, nhưng thần mang nặng ân nghĩa của tiên vương, thân tuy ở nước ngoài mà lòng vẫn không rời bỏ nước Yên.”

(17) Vương Tuân: Bộ tướng của Ngõi Hiêu, khuyên Ngõi Hiêu không nên xưng đế sẽ gây chuyện đối đầu trực tiếp với Hán Quang Vũ.

(18) Ngu Khanh: Danh sĩ thời Chiến Quốc, người Hàm Đan, sau hai lần yết kiến quốc quân được bái làm Thượng Khanh.

(19) Trần Bình: Mưu sĩ của Hán Cao Tổ.

(20) Tiêu: Tiêu Quận quê gốc của Tào Tháo.

(21) Can Bảo Tấn Kỳ: Do Can Bảo người Giản Giới đời Tấn soạn.

(22) Quê gốc Gia Cát Lượng ở huyện Dương Đô, quận Lang Nha lúc bấy giờ thuộc quyền quản hạt của nước Ngụy.

(23) Ý nói Lượng muốn xưng vương cát cứ độc lập, khuynh loát triều đình Thục Hán.

(24) Lưu Thăng: Đây phải là anh em Lưu Thiện mới hợp lý.

(25) Mặc ngược áo cừu: Người xưa mặc áo lông thú thường xoay mặt lông ra ngoài. Vì vậy có thành ngữ ”mặc ngược áo cừu đi vác củi” chỉ người ngu dốt làm việc bỏ gốc tìm ngọn.

(26) Lý Hùng: Tâm phúc của Công Tôn Thuật. Thuyết phục Thuật xưng đế ở Ba Thục đối chọi với Hán Quang Vũ. Lập luận của Hùng rất giống Long Trung Sách của Lượng.

(27) Kim Hàm: Giữ chức Kỳ Đô Úy dưới trướng Công Tôn Thuật, khuyên Thuật nghĩ đến đức độ của mình chưa đủ thì chưa nên nghĩ đến việc xưng đế.

(28) Lục Nghị: Lục Tốn.

QUYỀN 4 - TAM THIẾU ĐỂ KỶ

TÀO PHƯƠNG TRUYỆN

Tề Vương là Phương, tự Lan Khanh. Minh Đế không có con, bèn nuôi Vương và Tần Vương là Tuân; việc trong cung kín đáo, chẳng ai biết là do ai sinh ra.

Ngụy thị Xuân thu chép: Có người nói là con của Nhâm Thành Vương là Khải.

Năm Thanh Long thứ ba, lập làm Tề Vương.

Năm Cảnh Sơ thứ ba, tháng giêng đầu ngày đình hội, Minh Đế bệnh nặng, bèn lập làm Hoàng thái tử. Hôm đó, lên ngôi Hoàng đế, đại xá. Tôn Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu. Đại tướng quân Tào Sảng, Thái úy Tư Mã Tuyên Vương⁽¹⁾ phụ chính. Hạ chiếu nói: “Trẫm còn nhỏ dại, nối thay nghiệp lớn, đau buồn để tang, không coi được việc. Nay Đại tướng quân, Thái úy vâng theo chiếu lệnh, đến giúp đỡ trẫm, quan Tư đồ, Tư không, Trung tể, Nguyên phụ thống lĩnh trăm quan để giữ yên xã tắc, các người phải cùng công khanh đại phu đốc lòng đốc sức để nêu rõ ý trẫm. Còn các chỗ đang xây dựng cung điện, hạ chiếu sai đều bãi bỏ, những nô tì của quan lại từ sáu mươi tuổi trở lên đều được thả cho ra làm dân thường”. Tháng hai, người Tây Vực đến dâng tặng vải chống lửa⁽²⁾, hạ chiếu sai Đại tướng quân, Thái úy mặc thử để nêu rõ cho trăm quan.

Dị vật chí chép: Nước Tư Diệu có núi lửa tại giữa biển phía nam, trên ấy có lửa trên bãi, mùa xuân mùa hạ tự cháy, mùa thu mùa đông tự tắt. Có cây mọc ở giữa ấy mà không héo, vỏ cây vẫn tươi, vào mùa thu mùa đông lửa tắt thì đều khô héo. Tục người nước này thường vào mùa đông thì lấy vỏ cây ấy để làm vải, màu hơi xanh đen; nếu có bụi bẩn bám vào thì ngâm vào nước lại sạch đẹp vậy.

Phó Tử chép: Vào thời Hoàn Đế của nhà Hán, Đại tướng quân Lương Kỳ lấy vải chống lửa làm áo cộc, thường lúc hội tân khách, Kỳ giương tay tranh chén rượu, làm rơi chén mà làm bẩn áo, vờ giận, cởi áo ra nói: “Đốt nó đi”. Áo bắt lửa, cháy sáng rùng rục như đốt áo thường, vết bẩn mất và lửa tắt, áo lại rục rỡ tươi sáng như than lửa đỏ vậy.

Sưu thần kí chép: Tại gò núi Côn Lôn có núi lửa cháy, trên núi có cây cỏ chim thú, đều sống trên lửa cháy, do đó có vải chống lửa, nếu không phải làm từ vỏ cây trên núi ấy thì cũng là từ lông của chim thú trên núi ấy vậy.

Trước đây vào thời nhà Hán, người Tây Vực tặng loại vải ấy, sau đó lâu ngày ngừng dứt, đến đầu thời nhà Ngụy, người thời ấy ngỡ rằng không có loại vải ấy. Văn Đế cho rằng lửa cháy khốc liệt, không có vật gì sống nổi trong lửa, bèn viết bài luận nói rõ là không có việc ấy, gạt bỏ lời của bậc thức trí. Đến lúc Minh Đế lên ngôi, hạ chiếu cho Tam công nói: “Ngày xưa

Tiên đế viết bài luận, lời văn đúng không sai, nay khắc lên bia đá ở ngoài cửa tông miếu và nhà Thái học, cùng đặt ngang với kinh khắc trên bia đá để mãi tỏ rõ cho người đời sau”. Đến đây sứ giả Tây Vực đến mà tặng vải chống lửa ấy, do đó đục bỏ bài luận ấy, cho nên thiên hạ chê cười.

Thần là Tùng Chi trước đây đi về phía tây đến Lạc Dương, qua xem vật cũ, thấy bia đá khắc bài luận tại nhà Thái học vẫn còn, nhưng ở ngoài cửa tông miếu thì không có. Hỏi những người già, họ nói rằng vào lúc trước nhà Tấn nhận ngôi, liền dùng lại tông miếu của nhà Ngụy, dời bia đá ấy sang nhà Thái học, không phải là dựng bia đá ở hai nơi vậy. Trộm nghĩ lời văn trên bia đá là không đúng.

Lại có Thần dị kinh của Đông Phương Sóc chép: Tại ngoài cõi hoang miền nam có núi lửa, dài ba mươi dặm, rộng năm mươi dặm, trong ấy đều mọc cây không héo, ngày đêm lửa cháy, gặp gió lớn mà không bùng, gặp mưa to mà không tắt. Trong lửa có con chuột, nặng đến trăm cân, lông dài hơn hai thước, sợi lông nhỏ như tơ, dùng làm vải được. Loài ấy sống ở trong lửa, màu đỏ sẫm, lúc ra ngoài thì màu trắng, nếu lấy nước mà tưới lên thì chết ngay, vật lông của nó, dệt để làm vải.

Ngày đình sừ, hạ chiếu rằng: “Thái úy đạo đức ngay thẳng, dốc lòng trung suốt ba đời, phía nam bắt Mạnh Đạt, phía tây phá giặc Thục, phía đông diệt Công Tôn Uyên, công trùm cả nước. Ngày xưa Chu Thành Vương lập ra quan Bảo phó, gần đây nhà Hán tỏ rõ ân sủng cho Đặng Vũ, đây là đề đề cao bậc tuấn nghĩa, tất được tôn sùng vậy. Nay lấy Thái úy làm Thái phó, Trì tiết, lĩnh binh trông coi việc quân như cũ”. Tháng ba, lấy Chinh đông Tướng quân Mãn Sùng làm Thái úy. Mùa hạ tháng sáu, đem quan dân huyện Đông Đạp quận Liêu Đông vượt biển đến định cư ở quận Tề, lấy huyện Tung Thành cũ lập thành huyện Tân Đạp để dân ấy ở. Mùa thu tháng bảy, vua bắt đầu lên triều, nghe các công khanh tấu việc. Tháng tám, đại xá. Mùa đông tháng mười, lấy Trần nam Tướng quân Hoàng Quyền làm Xa kị Tướng quân. Tháng mười hai, hạ chiếu nói: “Liệt Tổ Minh Hoàng Đế vào tháng giêng rời bỏ thiên hạ, khiến cho bây tôi mãi nghĩ nhớ ngày đau buồn ấy, nay dùng lại lịch của nhà Hạ; dấu trái nghĩa thông lịch Tam thống⁽³⁾ của Tiên đế, nhưng lễ chế ấy cũng thay đổi từ lịch cũ vậy. Lại nữa lịch nhà Hạ đối với lịch số lại đúng với số trời, nay lấy tháng kiến dãn làm tháng giêng năm Chính Thủy thứ nhất, lấy tháng kiến sừ làm tháng mười hai sau cùng”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, mùa xuân tháng hai ngày át sừ, bãi Thị trung Trung thư giám Lưu Phóng, Thị trung Trung thư lệnh Tôn Tư làm Tả, Hữu Quang lộc Đại phu. Ngày bính tuất, đem dân của huyện Ván, huyện Bắc Phong của quận Liêu Đông vượt biển chuyển đến các huyện Xương Quốc, Lâm Truy, Tây An của quận Tề, lập các huyện Tân Ván, Nam Phong để dân ấy ở đây.

Từ mùa đông tháng mười hai năm ngoái đến tháng này không mưa. Ngày bính dần, hạ chiếu sai quan coi ngục gấp xét xử công bằng cho người bị oan uổng, phải cẩn thận xem xét, các công khanh quan lại nói lời thẳng dẫu mưu hay, phải dốc hết lòng. Mùa hạ tháng tư, Xa kị Tướng quân Hoàng Quyền hoẵng. Mùa thu tháng bảy, hạ chiếu nói: “Kinh Dịch chép: ‘Tồn trên ích dưới, giảm bớt ham muốn thì không tổn tiền của, không gây hại dân chúng’. Ngày nay trăm họ không no đủ mà phủ quan lại có nhiều vàng bạc vật lạ, dùng để làm gì? Nay đem năm mươi loại, hơn một nghìn tám trăm cân vàng bạc vật ấy ra hủy đúc để làm các đồ dùng cho quân sĩ”. Tháng tám, xa giá đi coi xét vụ trồng lúa ở Lạc Dương, đều ban phụ cây trồng khỏe mạnh cho người cao tuổi.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai, Đế vừa học thông Luận ngữ, sai quan Thái thường đem cỗ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế phối cùng Nhan Uyên. Mùa hạ tháng năm, tướng Ngô là bọn Chu Nhiên vây Phàn Thành quận Tương Dương, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương đem quân chống chúng. .

Tân kị của Can Bảo chép: Tướng Ngô là Toàn Tông cướp Thục Bi, Chu Nhiên, Tôn Luân đem năm vạn quân vây Phàn Thành, Gia Cát Cẩn, Bộ Chát cướp Tổ Trung; Tông đã thua chạy nhưng Phàn Thành bị vây gấp. Tuyên Vương nói: “Mười vạn dân chúng ở Tổ Trung cách tại phía nam sông, xao động không có chủ, Phàn Thành lại bị đánh, nhiều tháng không giải được vây, đây là việc nguy gấp vậy, xin tự đánh cứu”. Người bàn đều nói: “Giặc từ xa đến vây Phàn Thành mà không phá được, bị đê ở dưới thành vững, có cái thế tự vỡ, nên dùng kế lâu dài mà ngăn giặc”. Tuyên Vương nói: “Sách binh pháp có nói: ‘Có sức mà chỉ ngăn giữ địch, đây là tự trói buộc mình; không có sức mà ngăn giữ địch, đây là tự làm úp lạt mình’. Nay bờ cõi dao động, lòng dân nghi hoặc, đây là nỗi lo lớn của xã tắc vậy”. Tháng sáu, đem các quân đánh miền nam, nhà vua đi xe ra tiễn ở ngoài cửa thành Tân Dương. Tuyên Vương cho rằng miền nam nóng ẩm, không nên giữ lâu, sai quân kị nhẹ dụ địch, nhưng không đánh bừa. Do đó lại sai các quân nghỉ ngơi tắm rửa, chọn kẻ khỏe mạnh, buổi đêm đi trước, tự thân rõ hiệu lệnh, tỏ ý dốc hết sức đánh. Bọn Nhiên nghe tin, bèn buổi đêm chạy trốn. Đuổi đến cửa Tam Châu, bắt giết rất nhiều.

Tháng sáu ngày tân sửu, rút quân. Ngày kị mão, lấy Chinh đông Tướng quân Vương Lăng làm Xa kị Tướng quân. Mùa đông tháng mười hai, quận Nam An động đất.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng, đế ban áo rộng cho bày tôi theo cấp bậc. Mùa hạ tháng tư ngày át mão, lập Hoàng hậu Chân thị, đại xá. Đầu tháng năm, Mặt trời có chỗ khuyết⁽⁴⁾ trong chốc lát. Mùa thu tháng bảy, hạ chiếu cúng tế các vị Đại tư mã Tào Chân, Tào Hưu, Chinh nam Đại tướng

quân Hạ Hầu Thượng, Thái thường Hoàn Giai, Tư không Trần Quân, Thái phó Chung Do, Xa kị Tướng quân Trương Cáp, Tả tướng quân Từ Hoảng, Tiền tướng quân Trương Liêu, Hữu tướng quân Nhạc Tiến, Thái úy Hoa Hâm, Tư đồ Vương Lang, Phiêu kị Tướng quân Tào Hồng, Chinh tây Tướng quân Hạ Hầu Uyên, Hậu tướng quân Chu Linh, Văn Sính, Chấp kim ngô Tang Bá, Phá lỗ Tướng quân Lí Điển, Lập nghĩa Tướng quân Bàng Đức, Vũ mãnh Hiệu úy Điển Vi ở miếu đình Thái Tổ. Mùa đông tháng mười hai, nữ vương của nước Oa là Tì Di Hô sai sứ dâng tặng.

Năm thứ năm, mùa xuân tháng hai, hạ chiếu sai Đại tướng quân Tào Sảng đem quân đánh Thục. Mùa hạ đầu tháng tư, Mặt trời có chỗ khuyết. Tháng năm ngày quý tị, giáng kinh Thượng thư thuộc xong, sai quan Thái thường lấy đồ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế cùng Nhan Uyên; ban sách Đại truyện cho Đại tướng quân và người hầu giáng theo cấp bậc. Ngày bính ngọ, Đại tướng quân Tào Sảng dẫn quân về. Mùa thu tháng tám, Tần Vương là Tuân hoảng. Tháng chín, người Tiên Ti xin nội thuộc, đặt Liêu Đông thuộc quốc, lập huyện Xương Lê để người Tiên Ti ở đấy. Mùa đông tháng mười một ngày quý mão, hạ chiếu cúng tế Thượng thư Tuân Du ngày trước ở miếu đình Thái Tổ.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Lúc trước nhà Ngụy cúng tế mà không màng đến Tuân Úc, có lẽ là những năm cuối của người này có người bàn khác, lại vì chức vị không phải là đại thần của nhà Ngụy vậy. Đến như đề cao Trình Dục mà hạ thấp Quách Gia, đặt Chung Do trước mà sắp Tuân Du sau thì chưa rõ cái ý ấy. Từ Tha mưu phản thì Hứa Chử cảnh giác, rất là trung thành sánh với Nhật Đê thời xưa, và lại ở trận Đồng Quan, nếu không có Chử giúp thì không thắng được, công lao của Chử hơn cả Điển Vi, nay tế Vi mà không màng đến Chử, đây lại có chỗ chưa đạt vậy.

Ngày kị dậu, đặt lại nước Tần thành quận Kinh Triệu. Tháng mười hai, Tư không Thôi Lâm hoảng.

Năm thứ sáu, mùa xuân tháng hai ngày đinh mão, quận Nam An động đất. Ngày bính tí, lấy Phiêu kị Tướng quân Triệu Nghiễm làm Tư không; mùa hạ tháng sáu, Nghiễm hoảng. Tháng sáu ngày đinh mão, lấy Thái thường Cao Nhu làm Tư không. Ngày quý tị, lấy Tả quang lộc Đại phu Lưu Phóng làm Phiêu kị Tướng quân, Hữu quang lộc Đại phu Tôn Tư làm Vệ tướng quân. Mùa đông tháng mười một, hợp tế ở miếu Thái Tổ, bắt đầu tế mười một tôn thần giúp vua mà ngày trước bàn luận. Tháng mười hai ngày tân mão, hạ chiếu sai các bậc học giả học thử Dịch truyện mà quan Tư đồ Vương Lang ngày trước soạn. Ngày át Hợi, hạ chiếu nói: “Hôm sau hội họp bày tôi, cho quan Thái phó được ngồi kiệu lên điện”.

Năm thứ bảy, mùa xuân tháng hai, U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đánh nước Cao Câu Li. Mùa hạ tháng năm, đánh rợ Uế, Mạch, đều phá chúng,

mấy chục nước rợ Hàn, Na Khê đều đem bộ lạc xin hàng. Mùa thu tháng tám ngày mậu thân, hạ chiếu nói: “Ta đến chợ thấy những kẻ bị bán làm nô tì cho quan lại, đều bảy mươi tuổi, có kẻ bị bệnh tật tàn tụy, đây gọi là nỗi khổ cực của dân thường vậy. Lại nữa quan lại thấy họ sức kiệt mà bán họ lần nữa, tiến lùi chẳng được, nay sai hết về làm dân thường. Nếu có kẻ không tự mưu sống được thì quận huyện phải cấp phát cho họ”.

Thần là Tùng Chi xét: Đế vừa lên ngôi, có chiếu rằng: “Những nô tì của quan lại từ sáu mươi tuổi trở lên đều được thả cho ra làm dân thường”. Đã có chiếu ấy, thì nên theo phép thường. Trong khoảng bảy, tám mươi tuổi mà lại bán kẻ bảy mươi tuổi, vả lại những nô tì bảy mươi tuổi cùng người ốm yếu bệnh tật, đều không phải là người nên bán, vậy mà vẫn bán ở chợ, đây đều là việc khó giải thích.

Ngày kỉ dậu, hạ chiếu nói: “Ta đáng đến ngày mười chín sẽ tự đi cúng tế, nhưng buổi chiều đi ra đã thấy đang sửa đường, gặp mưa mà vẫn sửa, lại sai dân phu làm. Ta thường nghĩ trăm họ sức ít mà làm nhiều, ngày đêm lo lắng. Đường đi chỉ nên hện lúc mà sửa thông, vậy mà ta nghe nói lại sai bắt cả già trẻ đi làm, làm việc nhiều lắm, vất vả lưu li, dẫn đến than oán. Ta há ngồi yên trên xe mà đi cúng tế ở tông miếu được chăng? Từ nay về sau, xét rõ đổi việc này”. Tháng mười hai mùa đông, giảng Lễ kí xong, sai quan Thái thường lấy đồ thái lao tế Khổng Tử ở miếu Tích Ung, tế cùng Nhan Uyên.

Hán Tấn xuân thu của Tập Tạc Xi chép: Năm đó, tướng Ngô là Chu Nhiên vào Tô Trung, bắt chém mấy nghìn người; hơn vạn nhà quan dân ở Tô Trung vượt sông Miện. Tư Mã Tuyên Vương bảo Tào Sảng rằng: “Nếu sai quân về, giặc tất lại đến cướp, nên giữ quân ở lại”. Sảng nói: “Nay không lo giữ mé nam sông Miện mà chỉ giữ dân ở lại mé bắc sông Miện, đây không phải là kế hay vậy”. Tuyên Vương nói: “Không đúng. Vật gì hễ đặt ở chỗ yên thì được yên, đặt ở chỗ nguy thì nguy, cho nên sách binh pháp nói: ‘Thành bại là do hình đất, an nguy là thế đất, hình thế đất là cái cốt yếu để phòng giữ, không thể không xét kĩ’. Nếu để cho hai vạn quân giặc chắn ngang sông Miện, hai vạn quân chống nhau với các quân ta ở phía nam sông Miện, một vạn quân lại đi cướp Tô Trung thì quân sẽ làm gì để cứu”? Sảng không nghe, bèn sai về. Sau đó Nhiên đánh úp phá chỗ ấy. Viên Hoài nói với Sảng rằng: “Dân miền Ngô Sở yếu kém lại ít sức, bậc anh tài hiền năng không sinh ra ở chỗ ấy, sánh về sức thì không đủ để chống nhau với người Trung Quốc, nhưng từ đời trước đến nay vẫn thường gây hại cho Trung Quốc, đại khái là lấy Giang Hán làm ao, lấy thuyền chèo làm vũ khí, thấy lợi thì lên bộ cướp bóc, không lợi thì vào sông, đánh chúng thì đường xa, do đó Trung Quốc nhiều đời không đánh được họ vậy. Tôn Quyền từ mấy chục năm trước đến nay thường đánh cướp mé bắc sông Giang, luyện tập quân giáp, sửa sang phòng bị, nhiều lần ra đánh lén, dám đi xa khỏi sông,

đến nơi đất bằng, đây là điều mà người Trung Quốc từng nghe thấy vậy. Người dùng binh quý ở việc quân no chống quân đói, lấy quân nhân thắng quân mới, đem quân không muốn đánh lâu, đi không muốn đến nơi xa, giữ thì chọn nơi vững, gắng sức thì thích mạnh. Ngày nay nên bỏ miền sông Hoài, sông Hán về phía nam, rút lui mà tránh giặc. Nếu giặc vào được miền giữa, đến lán biên giới thì theo điểm yếu của chúng mà dùng điểm mạnh của người Trung Quốc mà đánh vậy. Nếu giặc không dám đến thì biên giới được yên, không có nỗi lo bị cướp phá vậy. Khiến cho nước giàu quân mạnh, lòng người hợp nhất thì đánh được nước giặc không còn xa nữa vậy. Nay thành Tương Dương lẻ loi ở phía nam sông Hán, nếu giặc men sông Hán mà đi lên thì ta chặn ngang mà làm cho đường lối chẳng thông, lúc ấy một trận là thắng, không cần đánh mà giặc tự chịu phục, cho nên đặt quân ở đây thì không ích cho nước, bỏ chỗ ấy cũng không bị lán. Từ quận Giang Hạ về phía đông, các quận miền Hoài Nam, từ thời ba vị Tiên đế đến nay, có khi nào bỏ chỗ ấy mà khiến cho giặc dễ đến gần bờ cõi để cướp bóc chẳng? Nếu dời dân về miền Hoài Bắc, rời xa chỗ ấy thì dân chúng an vui, há bị kinh sợ sao”? Rút cuộc không dời.

Năm thứ tám, mùa xuân đầu tháng hai, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa hạ tháng năm, chia mười huyện phía bắc sông Phần của quận Hà Đông lập ra quận Bình Dương. Mùa thu tháng bảy, Thượng thư Hà Yến tấu rằng: “Người giỏi trị nước tất phải tu thân mình trước, người tu thân phải cẩn thận hành động. Hành động đúng thì thân mình đúng, thân mình đúng thì không sai khiến thì kẻ dưới tự làm đúng; hành động không đúng thì thân mình không đúng, thân mình không đúng thì dẫu sai khiến thì kẻ dưới cũng không theo. Cho nên làm bậc quân tử, làm việc với người tất phải chọn người đúng đắn, coi xét phải nhìn rõ sự việc, bỏ tiếng nhạc dâm dật mà không nghe, xa kẻ nịnh nọt mà chẳng gần, do đó lòng ác không sinh thì đạo chính mới được mở rộng vậy. Vua kém thời suy, không biết lợi hại, rời xa quân tử, gần gũi tiểu nhân, trung thần bỏ đi, kẻ ác theo gần, loạn sinh nơi gần, như chuột trong vách; xét rõ sáng tối, lẽ ấy đúng đắn, cho nên bậc thánh hiền lắm lời cho là nỗi lo lớn nhất. Thuấn răn Vũ nói: ‘Gần lắm, gần lắm’!, ý nói cẩn thận chọn kẻ gần gũi vậy. Chu Công răn Thành Vương rằng: ‘Bạn sao, bạn sao’?, ý nói cận thân kết bạn với nhau vậy. Kinh Thi chép: ‘Một người có vui, triệu dân được nhờ’. Cho nên từ nay về sau, những người châu hầu ở điện lớn và dạo chơi nơi vườn sau đều là đại thần đi theo, nên nhân lúc ăn chơi mà xem nghĩ lời lẽ, xét hỏi chính trị, giảng dạy kinh nghĩa, làm phép tắc cho muôn đời”. Mùa đông tháng mười hai, Tán kị Thường thị Giám nghị Đại phu Khổng Nghệ tấu rằng: “Lễ như cung điện của Thiên tử, có cái phép tắc phải mài giũa, không nên tô trát màu mè, do đó nên noi theo lễ xưa. Nay thiên hạ đã yên, vua tôi phận rõ, Bệ hạ không nên lười nhác, nên tỏ lòng công bằng, xét rõ thưởng phạt để sai khiến trăm quan. Nên cắt bỏ việc cưới ngựa ở nơi vườn

sau, ra ngoài phải ngồi kiệu cưỡi xe, đây là cái phúc của thiên hạ, cũng là lòng mong mỏi của tôi thân vậy”. Yên, Nghệ đều vì chính trị thiếu sót nên dâng tấu can gián.

Năm thứ chín, mùa xuân tháng hai, bái chức Vệ tướng quân cho Trung thư lệnh Tôn Tư; ngày quý tị, bái chức Phiêu kỵ Tướng quân cho Trung thư giám Lưu Phóng. Tháng ba ngày giáp ngọ, bọn Tư đồ Vệ Trăn đều từ chức, ban tước Hầu cho về nhà, bái vị Đặc tiến. Tháng tư, lấy Tư không Cao Nhu làm Tư đồ, lấy Quang lộc Đại phu Từ Mạc làm Tư không, đều cố từ không nhận. Mùa thu tháng chín, lấy Xa kỵ Tướng quân Vương Lăng làm Tư không. Mùa đông tháng mười, gió lớn nhổ cây xô nhà.

Năm Gia Bình thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày giáp ngọ, xa giá đến lăng Cao Bình.

Ngụy thế phả của Tôn Thịnh chép: Lăng Cao Bình tại núi Đại Thạch phía nam sông Lạc, cách thành Lạc Dương chín mươi dặm.

Thái phó Tư Mã Tuyên Vương tấu xin bãi chức Đại tướng quân Tào Sảng, em Sảng là Trung lĩnh quân Hi, Vũ vệ tướng quân Huân, Tán kỵ Thường thị Ngạn, ban tước Hầu cho về nhà. Ngày mậu tuất, quan coi việc tấu xin bắt Hoàng môn Trương Đương giao cho sở quan Đình úy, xét thật lời khai, vì cùng mưu với Sảng lại không theo phép tắc. Lại nữa bọn Thượng thư Đình Mật, Đặng Dương, Hà Yên, Tư lệ Hiệu úy Tất Chấp, Kinh Châu Thứ sử Lí Thắng, Đại tư nông Hoàn Phạm đều mưu gian qua lại với Sảng, giết ba họ. Chép tại Tào Sảng truyện. Ngày mậu ngọ, đại xá. Ngày đinh mùi, lấy Thái phó Tư Mã Tuyên Vương làm Thừa tướng, cố từ lại thôi.

Hán Ngụy xuân thu của Không Diễn chép: Hạ chiếu sai Thái thường Vương Túc lệnh bái Thái phó làm Thừa tướng, tặng ấp vạn hộ, bày tội tâu việc không được xưng tên, nên theo việc cũ của Hoắc Quang. Thái phó dâng thư từ chối rằng: “Thần vâng mệnh gửi gắm, lo nghĩ chức nặng, cậy nhờ oai trời, bề gãy hung gian, chuộc tội là may, công không đáng bàn. Lại nữa Tam công là bậc mà vua thánh xưa lập ra, chép rõ ở lễ thường. Đến như quan Thừa tướng, bắt đầu từ thời Tần Chính, nhà Hán noi theo, chẳng đổi thay nữa. Nay vị Tam công đều đủ, nếu bái cho sủng thần là trái với phép cũ, đổi phép tắc của bậc thánh nhân, noi theo con đường của nhà Tần nhà Hán. Dầu ở người khác, thần cũng phải đứng đắn, huống chi thần ngay nay lại không cố tranh giành, người bàn khắp bốn phương sẽ nói thần thế nào!” Gửi thư lên hơn mười lần, bèn hạ chiếu thôi, lại ban lễ cứu tích. Thái phó lại nói: “Thái Tổ có đức cao công to, được nhà Hán coi trọng, cho nên ban lễ cứu tích, đây là việc lạ qua các đời, không phải là điều mà vua tôi đời sau nên bàn vậy”. Lại cố từ không nhận.

Mùa hạ tháng tư ngày ất sửu, đổi niên hiệu. Ngày bính tí, Thái úy Tường Tế hoẵng. Mùa đông tháng mười hai ngày tân mão, lấy Tư không Vương

Lăng làm Thái úy. Ngày canh tí, lấy Tư lệ Hiệu úy Tôn Lễ làm Tư Không.

Năm thứ hai, mùa hạ tháng năm, lấy Chinh tây Tướng quân Quách Hoài làm Xa kị Tướng quân. Mùa đông tháng mười, lấy Đặc tiến Tôn Tư làm Phiếu kị Tướng quân. Tháng mười một, Tư không Tôn Lễ hoăng. Tháng mười hai ngày giáp thìn, Đông Hải Vương là Lâm hoăng. Ngày ất mùi, Chinh nam Tướng quân Vương Sưởng vượt sông Giang, đánh úp quân Ngô, phá chúng.

Năm thứ ba, mùa xuân tháng giêng, Kinh Châu Thứ sử Vương Cơ, Tân Thành Thái thú Trần Thái đánh quân Ngô, phá chúng, bắt hàng mấy nghìn người. Tháng hai, đặt huyện Di Lăng thuộc Nam Quận để đưa người hàng phục đến ở. Tháng ba, lấy Thượng thư lệnh Tư Mã Phu làm Tư không. Tháng tư ngày giáp thân, lấy Chinh nam Tướng quân Vương Sưởng làm Chinh nam Đại tướng quân. Ngày nhâm thìn, đại xá. Ngày mậu ngọ, nghe tin Thái úy Vương Lăng mưu phế Đế, muốn lập Sở Vương là Bru, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương bèn sang đông đánh Lăng. Tháng năm ngày giáp dần, Lăng tự sát. Tháng sáu, ban Bru tự sát. Mùa thu tháng bảy ngày nhâm tuất, Hoàng hậu Chân thị băng. Ngày tân mùi, lấy Tư không Tư Mã Phu làm Thái úy. Ngày mậu dần, Thái úy Tư Mã Tuyên Vương hoăng, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Cảnh Vương⁽⁵⁾ làm Phủ quân Đại tướng quân, Lục thượng thư sự. Ngày ất mùi, táng Hoài Chân hậu ở lăng Thái Thanh. Ngày canh tí, Phiếu kị Tướng quân Tôn Tư hoăng. Tháng mười một, quan coi việc tấu xin các công thần cúng tế ở miếu Thái Tổ, lại theo cấp bậc, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương tước cao, ở hàng nhất. Tháng mười hai, lấy Quang lộc huân Trịnh Xung làm Tư không.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng ngày quý mão, lấy Phủ quân Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương làm Đại tướng quân làm Đại tướng quân. Tháng hai, lập Hoàng hậu Trương thị, đại xá. Mùa hạ tháng năm, thấy hai con cá ở trên kho vũ khí.

Hán Tấn xuân thu chép: Lúc trước, Tôn Quyền đắp đê Đông Hưng để ngăn nước hồ Sào. Sau đó đánh miền Hoài Nam, đê vỡ không sửa lại. Năm đó Gia Cát Khác đem quân đến bờ phải trái trên đê đắp ụ, hai bên đắp hai tòa thành, sai Toàn Doan, Lưu Lượng giữ thành rồi dẫn quân về. Gia Cát Đản nói với Tư Mã Cảnh Vương rằng: “Dẫn dắt người mà không để cho người dẫn dắt, đây là nói về bên ấy vậy. Nay nhân lúc bên ấy có rối loạn ở trong, sai Văn Thù đến gần Giang Lăng, sai Trọng Cung hướng đến Vũ Xương để ngăn giữ dòng trên của nước Ngô, sau đó chọn quân khỏe đánh hai thành, bên ấy tất đến cứu, lúc ấy mới đánh bắt lớn được”. Cảnh Vương nghe theo.

Mùa đông tháng mười một, hạ chiếu sai bọn Chinh nam Đại tướng quân Vương Sưởng, Chinh đông Tướng quân Hồ Tuân, Trấn nam Tướng quân

Quán Khâu Kiệm đánh quân Ngô. Tháng mười hai, Đại tướng quân của nước Ngô là Gia Cát Khác đánh chống, đại phá quân ấy ở Đông Quan. Không lợi mà về.

Hán Tấn Xuân thu chép: Quán Khâu Kiệm, Vương Sưởng nghe tin quân phía đông thua, đều đốt trại mà chạy. Triều đình bàn muốn bãi giáng các tướng, Cảnh Vương nói: “Ta không nghe lời Công Hưu mới dẫn đến thế. Đây là lỗi của ta vậy, các tướng tội gì”? Đều tha cho. Bảy giờ Tư Mã Văn Vương làm Giám quân, lĩnh các quân, chỉ giảm tước của Văn Vương mà thôi. Năm đó, Ung Châu Thứ sử Trần Thái xin sai quan dân Tinh Châu đốc sức đánh rợ Hồ, Cảnh Vương nghe theo. Chưa tụ quân mà người hai quận Nhạn Môn, Tân Hưng cho rằng sắp đi đánh xa, bèn lo sợ mà làm phản. Cảnh Vương lại tạ lỗi triều đình rằng: “Là lỗi của ta, không phải tội của Huyền Bá”! Do đó người Ngụy vừa mừng vừa thẹn, mọi người nghĩ lời đáp ấy.

Tập Tục Xỉ nói: “Tư Mã Đại tướng quân đổ lỗi thua hai trận cho mình, vậy mà xóa lỗi lại nghiệp vững, có thể nói là có trí vậy. Khiến cho dân quên trận thua ấy lại cúi nghĩ lời đáp, dầu muốn không theo mà làm được sao? Nếu mà giấu thua khen công, đổ lỗi cho mọi người, thường nắm công lao về mình mà giấu lỗi sai thì trên dưới mất lòng, hiền ngu chán nản, lúc ấy Sở lại thua mà Tấn lại thắng vậy, lỗi càng nhiều vậy! Người làm chủ dân, nếu theo cái lí ấy mà trị nước thì triều đình không có yếu kém, thân mình chẳng mang xấu, dầu công mất nhưng vẫn nổi danh, quân thua mà vẫn thắng trận, dầu trăm trận thua mà vẫn đứng vững. Huống chi là nặng hơn”!

Năm thứ năm, mùa hạ tháng tư, đại xá. Tháng năm, Thái phó của nước Ngô là Gia Cát Khác vây huyện Tân Thành quận Hợp Phì, hạ chiếu sai Thái úy Tư Mã Phu chống lại.

Hán Tấn xuân thu chép: Bảy giờ Khương Duy cũng ra vây huyện Địch Đạo. Tư Mã Cảnh Vương hỏi Ngu Tùng rằng: “Nay đông tây có việc, hai miền đều gấp, mà ý các tướng ngăn chặn, làm thế nào”? Tùng nói: “Ngày xưa Chu Á Phu giữ vững ở Xương Ấp mà quân Ngô Sở tự vỡ, việc có thể yếu mà mạnh, hoặc có thể mạnh mà yếu, không thể không xét kĩ. Nay Khác đem hết quân mạnh đi, đủ để gây ác, lại đóng giữ ở Tân Thành là muốn đánh một trận mà thôi. Nếu đánh thành không được, dù đánh chẳng xong, quân sĩ mỗi mệt, thế tất tự chạy, lúc ấy các tướng không cần đi thẳng, đây là cái lợi của ngài vậy. Khương Duy có quân mạnh mà cũng chỉ giữ quân ứng theo Khác, đang mong ăn lúa mạch của nước ta, không phải là giặc có cái rễ sâu vậy. Và lại nếu ta đốc sức ở phía đông thì phía tây tất để trống, cho nên đến thẳng chỗ ấy hơn. Nay nếu sai quân miền Quan Trung đi gấp mà đến, ra chỗ không ngờ thì giặc phải chạy vậy”. Cảnh Vương nói: “Hay”! Bèn sai Quách Hoài, Trần Thái đem hết quân miền Quan Trung đến giải vây huyện Địch

Đạo; lệnh bọn Quán Khâu Kiệm ém quân tự giữ, bỏ Tân Thành cho quân Ngô. Khương Duy nghe tin Hoài đem quân đến, lương quân mình thiếu, bèn rút về đóng ở quận Lũng Tây.

Mùa thu tháng bảy, Khác rút về.

Bấy giờ Trương Đặc giữ Tân Thành.

Ngụy lược chép: Đặc tự Tử Sản, người Trác Quận. Lúc đầu làm Nha môn tướng, theo giúp Trần đông Vương quân Gia Cát Đản, Đản không cho là tài vậy, muốn sai về làm Hộ quân. Gặp lúc Quán Khâu Kiệm đánh Đản, bèn sai Đặc đóng giữ huyện Tân Thành quận Hợp Phì. Đến lúc Gia Cát Khác vây thành, Đặc cùng bọn Tướng quân Nhạc Phương lĩnh ba quân có ba nghìn người, quan binh bệnh tật và bị chết quá nửa, mà Khác đắp ụ đất đánh gấp, thành sắp vỡ, khó giữ được. Đặc bèn bảo quân Ngô rằng: “Nay ta chẳng còn lòng dạ đánh nữa rồi. Nhưng theo phép tắc của quân Ngụy thì bị đánh hơn trăm ngày mà không có quân đến cứu, dấu hàng, người nhà không bị tội vậy. Từ khi gặp địch đến nay, đã hơn chín mươi ngày rồi. Trong thành này vốn có hơn bốn nghìn người, mà kẻ chết trận đã qua nửa, thành dấu vỡ nhưng còn có nửa không muốn hàng. Ta sẽ về bảo với chúng, kẻ tên chia kẻ thiện ác, sáng hôm sau sẽ đem tên đến, ta lại đem án thao để làm tin”. Bèn ném án thao của mình cho quân Ngô. Quân Ngô nghe lời mà không dám nhận án thao. Cũng chẳng đánh. Chốc lát, Đặc về, bèn buổi đêm lấy gỗ ván trong nhà để vá sửa các chỗ thiếu trên thành làm hai lớp. Hôm sau, bảo quân Ngô rằng: “Ta chỉ còn cách liều chết mà đánh thôi!” Quân Ngô cả giận, vào đánh thành, không hạ được, bèn dẫn về. Triều đình khen công, bái thêm chức Táp hiệu Tướng quân, phong Liệt hầu, lại chuyển làm An Phong Thái thú.

Tháng tám, hạ chiếu nói: “Trung lang tướng người quận Tây Bình là Quách Tu trước kia, giữ tiết tở đức, dốc lòng không đổi. Lúc đầu tướng Thục là Khương Duy cướp chiếm quận Tây Bình, thân bị bắt giữ. Năm ngoái Đại tướng quân Phí Y của giặc xưa lĩnh quân sĩ, ngầm mưu đánh phá, đi qua Hán Thọ, mời gọi tân khách, Tu ở trong hội cầm đao đâm Y, dũng hơn Nhiếp Chính⁽⁶⁾, công quá Giới Tử⁽⁷⁾, có thể nói là diệt thân lập nhân, bỏ sống lấy nghĩa vậy. Do đó truy tặng ban sủng để nêu rõ lòng trung nghĩa, ban lộc cho dòng dõi, cũng để khuyến khích mai sau. Nay truy phong Tu làm Trường Lạc Hương Hầu, thực ấp nghìn hộ, thụy là Uy Hầu, con được nối tước, bái thêm chức Phụng xa Đô úy, ban nghìn nén bạc, nghìn thất gấm để tỏ rõ ân sủng, truyền mãi cho đời sau”.

Ngụy thị xuân thu chép: Tu tự Hiếu Tiên, vốn có đức hạnh, nổi danh miền tây. Khương Duy bắt được Tu, Tu chẳng chịu phục. Lưu Thiện lấy làm Tả tướng quân, Tu muốn đâm Thiện nhưng không được ở gần gũi, thường nhân lúc chúc mừng mà đến bái châu, bị tả hữu của Thiện ngăn cấm, việc bèn

chẳng xong, cho nên chỉ giết được Y vậy.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Những kẻ bỏ mạng sống mà giữ tiếng nghĩa tất phải có lí vậy. Có kẻ cảm ân nhớ đức, bỏ mạng chẳng tiếc, có kẻ vì mưu lợi hại mà gắng sức để hẹn ứng. Vậy mà chiếu này khen như Nhiếp Chính, Giới Tử, e rằng chẳng giống, chỉ là làm điều xằng bậy mà thôi. Nhà Ngụy đối với nước Thục, dẫu là nước địch nhưng không có mối thù Triệu Tương Tử giết Trí Bá, không có mối nguy của Yên Đan; vả lại Lưu Thiện là vua tầm thường, Phí Y là Tướng quốc bậc trung, sự còn mất của hai người kia vốn chẳng quan hệ đến sự hưng vong. Quách Tu tại nước Ngụy là đàn ông của miền tây, lúc đầu bị quân Thục bắt, đã không thể giữ tiết không chịu nhục, lại với nhà Ngụy chẳng có cái trách nhiệm bổng lộc, không phải gặp thời được vua sai khiến, cũng chẳng có cơ gì mà bỏ thân vì người khác. Về nghĩa chẳng đáng khen, về công cũng chẳng có, đấy là: “Bẻ cành liễu mà rào vườn rau”, cho là xằng bậy để nói về việc này vậy.

Từ khi Đế lên ngôi cho đến năm đó, quận, quốc, huyện, áp phần nhiều giảm bỏ, chốc lát lập lại, tính ra không thể kể hết.

Năm thứ sáu, mùa xuân tháng hai ngày kị sử, Trần đông Tướng quân Quán Khâu Kiệm dâng thư nói: “Ngày trước Gia Cát Khác vây huyện Tân Thành quận Hợp Phì, trong thành sai tên quân là Lưu Chính ra thành truyền tin tức, bị giặc bắt được, xét hỏi tin truyền, bảo Chính rằng: ‘Gia Cát Công muốn giúp mi, mi nên nói rõ’. Chính mắng rằng: ‘Chó chết, thế đáng tin sao! Ta nếu chết tất làm quý của nước Ngụy, không cần cứu sống, đuổi cút mi đi vậy. Nếu muốn giết ta thì nhanh giết đi’. Rút cuộc chẳng nói lời khác. Lại sai tên quân là Trịnh Tượng ra thành truyền tin tức, có kẻ bảo với Khác, Khác sai quân kị men theo dấu vết, bèn bắt được Tượng đem về. Bốn, năm người trói đầu Tượng lại, đem ra ngoài thành, sai bảo Tượng hô lớn rằng: ‘Đại quân đã về Lạc Dương, không bằng sớm hàng’. Tượng không theo lời ấy, lại hô lớn hướng vào trong thành rằng: ‘Đại quân ở gần ngoài vòng vây, tráng sĩ gắng sức!’ Giặc lấy dao đâm miệng Tượng, khiến chẳng nói được, Tượng bèn hô lớn, khiến cho người trong thành nghe biết. Chính, Tượng là tên quân mà giữ nghĩa lập tiết được như thế, con em nên được ban thưởng”. Hạ chiếu nói: “Ban tước cao để nêu rõ khen công to, thưởng lớn để sủng ái tráng sĩ. Chính, Tượng vâng mệnh thông sứ, qua vòng vây kín, xông vào đao nhọn, quên thân giữ tín, không may bị bắt, vẫn giữ chí cứng cỏi, nêu rõ thế lớn của sáu quân, làm yên lòng quân giữ thành, gặp nạn chẳng sợ, độc lòng truyền lệnh. Ngày xưa giải Dương bắt Sở⁽⁸⁾, dẫu chết chẳng đổi lòng, Lộ Trung đại phu của nước Tề⁽⁹⁾ lấy cái chết để thành nghiệp, ngày nay Chính, Tượng, không đáng khen sao? Nay truy tặng Chính, Tượng tước Quan nội hầu, đều bỏ làm lính, sai con nối tước như việc bộ khúc chết thì lo liệu”.

Ngày canh tuất, bọn Trung thư lệnh Lí Phong cùng cha của Hoàng hậu là

Quang lộc Đại phu Trương Tập mưu phé đôi đại thân, muốn lấy Thái thường Hạ Hầu Huyền làm Đại tướng quân. Việc lộ, những người liên quan đều bị kẻ tội giết. Ngày tân hợi, đại xá. Tháng ba, phé Hoàng hậu Trương thị. Mùa hạ tháng tư, lập Hoàng hậu Vương thị, đại xá. Tháng năm, phong cha của Hoàng hậu là Phụng xa Đô úy Vương Quý làm Quảng Minh Hương Hầu, báí Quang lộc Đại phu, vị Đặc tiến, phong vợ là Điền thị làm Tuyên Dương Hương Quân. Mùa thu tháng chín, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương mưu muốn phé Đế, báo cho Hoàng thái hậu.

Thế ngữ và Ngụy thị xuân thu đều chép: Mùa thu ấy, Khương Duy cướp miền Lũng Hữu. Bấy giờ An đông Tướng quân Tư Mã Văn Vương⁽¹⁰⁾ giữ ở Hứa Xương, gọi về đánh Duy, đến kinh sư, Đế ở quán Bình Lạc để đón quân đi qua. Trung lĩnh quân Hứa Doãn cùng tả hữu cận thân mưu nhân lúc gọi Văn Vương về mà giết đi, dùng quân mình để đánh lui Đại tướng quân. Đã gửi chiếu thư ở trước. Văn Vương vào, Đế đang ăn hạt giẻ, ca kĩ là bọn Vân Ngộ hát rằng: “Gà đầu xanh, gà đầu xanh”. Gà đầu xanh là con vịt vậy. Đế sợ không dám phát. Văn Vương dẫn quân vào thành, Cảnh Vương nhân đó mưu phé Đế.

Thần là Tùng Chi xét: Hạ Hầu Huyền truyện và Ngụy lược chép là mùa xuân năm đó Hứa Doãn liên quan với Lí Phong. Phong đã bị giết, liền giáng Doãn làm Trấn bắc Tướng quân, chưa báí, đem thu hết tài vật giao cho quan Đình úy, đày đi quận Lạc Lăng, lại đuổi theo giết đi. Do đó mùa thu ấy Doãn không còn làm Trung lĩnh quân mà bày mưu kia.

Ngày giáp tuất, Thái hậu lệnh nói: “Hoàng đế là Phương tuổi đời đã lớn, không mưu vạ việc, say mê gái đẹp, chìm đắm nữ sắc, ngày càng can rõ, phóng túng bừa bãi; đón người nhà sáu cung giữ ở phòng trong, bỏ bậc luân lương, loạn tiết trai gái; hiếu thuận kém xấu, lỗi làm thêm nặng, không đáng nói theo mệnh trời cúng tế tông miếu. Sai quan Thái úy Cao Nhu vâng chiếu, dùng lễ vật to lớn tế ở tông miếu, sai Phương về làm vua phiên ở đất Tề để nhường ngôi quý”.

Ngụy thư chép: Hôm đó, Cảnh Vương vâng lệnh của Hoàng thái hậu, hạ chiếu sai công khanh đại thân lên triều bàn nghị, bày tội biến sắc. Cảnh Vương rơi lệ nói: “Hoàng thái hậu lệnh như thế, các ngài há theo nhà vua sao”? Đều nói: “Ngày xưa Y Doãn đuổi Thái Giáp để yên nhà Ân, Hoắc Quang bỏ Xương Ấp để định nhà Hán⁽¹¹⁾, sắp đặt xã tắc để giúp bốn cõi, hai người ấy ở thời xưa, mình công là ở thời nay, việc của ngày nay, xin theo lệnh của minh công”. Cảnh Vương nói: “Các ngài trông chờ Sư này nhiều thế, Sư há né tránh sao”? Do đó bèn cùng với bày tội gửi tấu ở cung Vĩnh Ninh rằng: “Giữ chức Thượng thư lệnh Thái úy Trương Xã Hầu thân là Phu, Đại tướng quân Vũ Dương Hầu thân là Sư, Tư đồ Vạn Tuế Đình Hầu thân là Nhu, Tư không Văn Dương Đình Hầu thân là Xung, Chinh tây An đông

Tướng quân Tân Thành Hầu thân là Chiêu, Quang lộc Đại phu Quan nội hầu thân là Ung, Thái thường thân là Yển, Vệ úy Xương Ấp Hầu thân là Vĩ, Thái phó thân là Ngực, Đình úy Định Lăng Hầu thân là Phồn, Đại hồng lư thân là Chi, Đại tư nông thân là Tường, Thiếu phủ thân là Bao, Vĩnh Ninh Vệ úy thân là Trinh, Vĩnh Ninh Thái bộc thân là Hoàn, Đại trưởng thu thân là Mô, Tư lệ Hiệu úy Đình Xương Hầu thân là Tăng, Hà Nam Doãn Lan Lăng Hầu thân là Túc, Thành môn Hiệu úy thân là Lự, Trung hộ quân Vĩnh An Hầu thân là Vọng, Vũ vệ Tướng quân An Thọ Hầu thân là Diễn, Trung kiên Tướng quân Bình Nguyên Hầu thân là Đức, Trung mâu Tướng quân Xương Vũ Đình Hầu thân là Dục, Đôn kị Hiệu úy Quan nội hầu thân là Cai, Bộ binh Hiệu úy Lâm Tấn Hầu thân là Kiến, Xạ thanh Hiệu úy An Dương Hương Hầu thân là Ôn, Việt kị Hiệu úy Tuy Dương Hầu thân là Sơ, Trường thủy Hiệu úy thân là Siêu, Thị trung thân là Tiểu Đồng, thân là Nghĩ, thân là Phong, Bác Bình Hầu thân là Biều, Thị trung Trung thư giám An Dương Đình Hầu thân là Đản, Tán kị Thường thị thân là Khiết, thân là Nghi, Quan nội hầu thân là Chi, Thượng thư Bộc xạ Quang lộc Đại phu Cao Lạc Đình Hầu thân là Dục, Thượng thư Quan nội hầu thân là Quán, thân là Hồ, Trưởng Cáp Hương Hầu thân là Lượng, thân là Tấn, thân Khiên, Trung thư lệnh thân là Khang, Ngự sử Trung thừa thân là Kiềm, Bác sĩ thân là Phạm, thân là Tuấn cúi đầu nói: ‘Bọn thần nghe nói rằng Thiên tử là người bao bọc chúng vật, vỗ yên vạn nước, ngày xưa ba vị tổ⁽¹²⁾ oanh liệt, sáng trùm sáu cõi. Từ khi Hoàng đế lên ngôi, nối thay nghiệp lớn, tuổi đời đã lớn, nhưng chẳng mưu vạn việc, say mê gái đẹp, chìm đắm nữ sắc, bỏ bê học tập, vứt bỏ kẻ sĩ, hằng ngày cùng ca kỹ là bọn Quách Hoài, Viên Tín ở điện Kiến Thủy, Phù Dung cởi áo vui chơi, sai cùng bọn quan Bảo lâm⁽¹³⁾ gây loạn, tự đem cung nữ đứng xem. Lại ở trên quán Quảng Vọng, sai bọn Hoài, Tín ở dưới quán bày trò yêu phụ của người Liêu Đông, vui chơi quá mức, người đi trên đường liếc mắt, Đế ở trên quán lấy làm làm cười vui. Ở đài Lăng Vân sai bọn ca kỹ bày màn trướng, đưa gái đẹp trong cung ra, Đế lại đến ngồi xem, gọi Hoài, Tín sai vào trướng cùng uống rượu. Bọn Hoài, Tín bèn uống rượu, gái đẹp đều say, lộn xộn chẳng phân. Sai quan Bảo lâm là bọn Lí Hoa, Lưu Huân cùng bọn Hoài, Tín làm trò, lúc ấy Thanh Thương Lệnh là Lệnh Hồ Cảnh quát Hoa, Huân nói: ‘Cung nữ các người, tả hữu trên dưới đều có chức vị, sao lại làm thế?’ Hoa, Huân liền gièm vu Cảnh. Đế thường thích lấy roi đánh người, cho đó giận Cảnh, đánh Cảnh không tránh đánh đầu mắt, Cảnh bảo Đế rằng: ‘Tiên đế trị nhà rất nghiêm, nay Bệ hạ hằng ngày đem cung nữ vui chơi vô độ, lại cùng bọn ca kỹ làm trò cởi áo làm loạn, không nên để cho Hoàng thái hậu nghe biết. Cảnh không sợ chết, chỉ bày kế cho Bệ hạ thôi’. Đế nói: ‘Ta làm Thiên tử, không được tự ý sao? Thái hậu sao ngăn ta được!’ Sai lấy sắt nung đốt Cảnh, thân Cảnh bị bỏng. Sau khi Chân hậu

bằng, Đế lập Vương quý nhân làm Hoàng hậu. Thái hậu lại muốn tìm người ngoài giúp, Đế giận bảo bọn Cảnh rằng: ‘Nhà Ngụy trước sau lập Hoàng hậu, đều theo ý mình thích thôi, Thái hậu tất trái ý ta, biết ta sẽ vâng theo không vậy?’ Sau đó rút cuộc đả Trương Hoàng hậu nhạt nhẽo. Thái hậu gặp lúc Cáp Dương Quân chết, Đế hằng ngày ở vườn sau, sai bọn ca kỹ hát nhạc làm vui, không ai đến can ngăn. Thanh Thương Thừa là Bàng Hi can Đế rằng: ‘Hoàng thái hậu là người rất có hiếu, nay gặp nỗi lo nhiều, nước loãng cũng chẳng nuốt được vào miệng, Bệ hạ nên đi đến an ủi, không nên làm trò vui ở đây’. Đế nói: ‘Ta tự ở đây, ai ngăn được ta sao?’ Do đó Hoàng thái hậu về cung phía bắc, giết Trương mỹ nhân và Ngu Uyển, khiến cho Đế oán giận, bảo bọn Cảnh rằng: ‘Thái hậu giết bừa người mà ta yêu thích, đây chẳng còn ân tình mẹ con nữa’. Đi đến chỗ cũ khóc lóc, sai người đi riêng vội đi thu liệm thây táng rất hậu, không cho Thái hậu biết việc ấy. Hễ thấy cung nữ trong hậu cung có sắc đẹp thì giữ lại giao cho Thanh Khương Lệnh, rồi Đế đến bụi tre ở vườn sau bày trò vui, hoặc cùng nội quan cầm tay cùng đi dạo. Hi bảm rằng: ‘Nội quan không nên cùng cầm tay với vua như thế’. Đế giận, lại lấy roi đánh Hi. Hằng ngày dạo chơi ở vườn sau, hễ có thư từ ở ngoài đưa vào, Đế không đọc xem, tả hữu nói: ‘Đưa ra’. Đế cũng chẳng muốn xem. Thái hậu sai Đế thường thử giảng học ở trên điện lớn, Đế không muốn, lại ép bắt đi, Đế bỏ ra; lúc Thái hậu đến hỏi, liền vờ sai quan Hoàng môn đáp rằng: ‘Đang học’. Bọn Cảnh, Hi sợ hãi, không dám can ngăn, lại cùng nịnh nọt. Đế buông thả bừa bãi, làm hỏng luân thường, loạn tiết trai gái, thuận hiếu càng kém, đức xấu thêm sâu. Bọn thần lo lắng thiên hạ nghiêng lật, xã tắc vỡ đổ, lúc ấy dẫu diệt thân bỏ mạng cũng chẳng đền hết tội. Nay Đế không nên nói theo mệnh trời, bọn thần xin noi theo việc cũ của Hoắc Quang, thu ấy ấn thao của Đế. Đế vốn là Tề Vương mà được nhận ngôi lớn, nên cho về làm vua phiên ở đất Tề. Sai quan Tư đồ thần là Nhu cầm cờ tiết cùng quan coi việc đem đồ thái lao tế cáo ở tông miếu. Bọn thần liều chết báo lên”. Tấu cho làm.

Hôm đó chuyển sang ở cung riêng, bảy giờ mới hai mươi ba tuổi. Sứ giả cầm cờ tiết đi hộ tống, dựng cung Tề Vương ở cửa Trùng Môn thuộc quận Hà Nội, phép chế đều theo lễ của nước phiên.

Ngụy lược chép: Cảnh Vương sắp phế Đế, sai Quách Chi vào bảm Thái hậu, Thái hậu ngồi đối mặt với Đế. Chi bảo Đế rằng: “Đại tướng quân muốn bỏ Bệ hạ, lập Bành Thành Vương là Cừ”. Đế bèn đứng dậy bỏ ra. Thái hậu không vui, Chi nói: “Thái hậu có con mà không dạy dỗ được, nay ý Đại tướng quân đã quyết, lại xua quân ở ngoài phòng bị khác thường, chỉ chờ chiếu lệnh, còn nói gì nữa!” Thái hậu nói: “Ta muốn gặp Đại tướng quân, tự miệng ta nói”. Chi nói: “Sao lại gặp được? Chỉ nên nhanh lấy ấn thao đi”. Thái hậu chùng ý, bèn sai Nội quan bên cạnh đưa cho. Chi ra báo

cho Cảnh Vương, Cảnh Vương rất mừng. Lại sai sứ giả trao ấn thao Tề Vương cho Đế, sắp đi đến cung phía tây. Đế vâng mệnh, bèn ngồi xe Tề Vương, từ biệt với Thái hậu, rời lệ, bắt đầu từ điện Thái Cực ra phía nam, bày tôi ra tiền có mấy chục người, Thái úy Tư Mã Phu chẳng tự kìm được bùi ngùi, người khác cũng đều rời lệ. Sau khi Tề Vương ra, Cảnh Vương lại sai sứ giả hỏi ấn thao, Thái hậu nói: “Bành Thành Vương là chú út của ta vậy, nay đến lập, ta biết làm sao! Nên để Minh Hoàng Đế dứt người nối tự sao? Ta thấy Cao Quý Hương Công là cháu cả của Văn Hoàng Đế, con em của Minh Hoàng Đế, với lễ thì dòng út có cái nghĩa lớn của dòng lớn, nên bàn rõ ngay đi”. Cảnh Vương lại sai gọi bày tôi, đem lệnh của Thái hậu báo cho biết, bèn định đón Cao Quý Hương Công. Bảy giờ quan Thái thường đã phát chiếu ra hai ngày, đợi ấn thao ở huyện Ôn. Việc đã định, lại hỏi ấn thao, Thái hậu nói: “Ta gặp Cao Quý Hương Công, thừa nhỏ đã biết, ngày nay ta rụt muốn đem ấn thao trao cho người ấy”.

Ngày đình sừ, lệnh nói: “Đông Hải Vương là Lâm, là con của Cao Tổ Văn Hoàng Đế. Trong các con của Lâm, có tình thân với nhà nước, Cao Quý Hương Công là Mao có khí độ lớn lao, nay lấy làm người nối tự của Minh Hoàng Đế”.

Ngụy thư chép: Cảnh Vương lại cùng tấu với bày tôi ở cung Vĩnh Ninh rằng: “Bọn thần nghe nói rằng đạo làm người là gần gũi người thân thì tôn kính tổ tiên, tôn kính tổ tiên thì tôn kính họ hàng. Theo lễ, nếu dòng cả không có người nối tự thì chọn người hiền của dòng thứ; làm dòng dõi cho người, làm con cho người vậy. Con của Đông Hải Định Vương là Cao Quý Hương Công, là cháu của Văn Hoàng Đế, nên được nối dòng lớn để nối tự làm dòng dõi của Liệt Tổ Minh Hoàng Đế. Cả nước được nhờ, muôn cõi may mắn! Bọn thần xin gọi ngài đến cung Lạc Dương”. Tấu cho làm. Sai bọn Trung hộ quân Vọng, Thái thường Hà Nam Doãn là Túc cầm cờ tiết cùng Thiếu phủ Bao, Thượng thư Lượng, Thị trung Biểu vâng lệnh đem xe đến đón Công ở Nguyên Thành.

Ngụy thế phả chép: Vào lúc nhà Tấn nhận ngôi, phong Tề Vương làm Thiệu Lăng Huyện Công. Năm Thái Thủy thứ mười thì hoẵng, bảy giờ bốn mươi ba tuổi, thụy là Lệ Công.

TÀO MAO TRUYỆN

Cao Quý Hương Công tên là Mao, tự Ngạn Sĩ, là cháu của Văn Đế, con của Đông Hải Định Vương là Lâm vậy.

Năm Chính Thủy thứ năm, được phong tước Cao Quý Hương Công ở huyện Đàm. Thừa nhỏ ham học, sớm khôn lớn. Vào lúc Tề Vương bị phế, công khanh bàn đón lập công. Tháng mười ngày kỉ sửu, công đến ở quán Huyền Vũ, bày tô tấu xin đến ở điện trước, công cho là chỗ cũ của Tiên đế, bèn tránh sang vách phía tây; bày tô lại xin theo phép lấy xe mà đón, công không nghe. Ngày canh dần, công vào đến thành Lạc Dương, bày tô đón bái ở phía nam cửa cung phía tây, công xuống kiệu muốn đáp bái lại, quan đón khách xin nói: “Theo lễ không cần bái đáp lại”. Công nói: “Ta là bày tô vậy”. Bèn đáp bái lại. Đến cửa dừng xe, xuống kiệu. Tả hữu nói: “Theo phép cũ thì ngồi kiệu mà vào”. Công nói: “Ta được Hoàng thái hậu gọi, chưa biết làm sao”! Bèn đi bộ đến sảnh phía đông của điện Thái Cực, gặp với Thái hậu. Hôm đó lên ngôi Hoàng đế ở điện trước Thái Cực, trăm quan đứng theo hàng đều vui mừng.

Ngụy thị xuân thu chép: Công thông minh tài giỏi, đức hạnh sáng rõ. Bãi châu xong, Cảnh Vương hỏi người khác rằng: “Nhà vua là chúa thế nào”? Chung Hội đáp nói: “Văn như Trần Tư Vương, võ tựa Thái Tổ”. Cảnh Vương nói: “Nếu như lời khanh thì đây là phúc của xã tắc vậy”.

Hạ chiếu nói: “Ngày xưa ba vị tổ đức thánh võ thần, vâng mệnh trời mà nhận ngôi. Vào lúc Tề Vương nối vị, phóng túng vô độ, đức hạnh đảo ngược. Hoàng thái hậu mưu nghĩ xã tắc làm trọng, thu nạp mưu kế của quan Tể tướng, chọn người thay ngôi trông, trở mệnh lớn vào một mình ta. Ta thân còn nhỏ dại mà được đứng trên hàng Vương công, ngày đêm vẫn lo lắng, sợ không nổi giữ được phép lớn của tổ tiên, e không mở mang được sự nghiệp trung hưng, run run rẩy rẩy như sắp vào hang hóc. Nay bày tô công khanh làm kẻ giúp đỡ đui tay, làm người vươn sức giữ vững bốn phương, đều tích đức lập công, trung với nhà vua; nay xin nhờ vào bày tô có đức từ thời tổ tiên ngày trước, thân cận tả hữu, dùng để giữ gìn nhà vua, giúp trăm còn non kém, cùng giúp coi việc. Trăm nghe nói cái đạo của nhà vua là đức phải ngang với trời đất, thâm nhuâm khắp bốn cõi, phải dùng lòng nhân ái trước để phân rõ tốt xấu rồi mới ở trên truyền giáo hóa, ở dưới triệu dân nghe theo. Trăm dầu không có đức, đường lớn còn mờ, nhưng vẫn mong nghĩ cùng được đi đến con đường ấy. Kinh Thư chẳng nói: ‘Yên dân phải ban ân, dân đen tất ghi nhớ’ sao”? Đại xá, đổi niên hiệu. Giảm xe kiệu áo quần, lệnh người của hậu cung phải theo phép tắc, lại bỏ các đồ vật hoa lệ tinh xảo không có ích và các thợ đẽo, ca kĩ ở trong phủ Thượng phương.

Năm Chính Nguyên thứ nhất, mùa đông tháng mười ngày nhâm thìn, sai quan Thị trung cầm cờ tiết chia ra khắp bốn phương, xem xét phong tục, vỗ về quân dân, xét hỏi những kẻ bị oan uổng hoặc làm trái việc quan. Ngày quý tị, ban búa vàng cho Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương, vào châu không cần đi nhanh, tấu việc không xưng tên, được đeo kiếm lên điện. Ngày mậu tuất, rông vàng hiện ở trong giếng ở đất Nghiệp. Ngày giáp thìn, sai quan coi việc bàn luận công lao của việc phế lập, phong tước, tăng ấp, bãi quan, ban thưởng đều theo cấp bậc.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng giêng ngày ất sửu, Trần đông Tướng quân Quán Khâu Kiệm, Dương Châu Thứ sử Văn Khâm phản. Ngày mậu tuất, Đại tướng quân Tư Mã Cảnh Vương đánh chúng. Ngày quý mùi, Xa kị Tướng quân Quách Hoài hoăng. Tháng nhuận ngày kị hợi, phá Khâm ở huyện Lạc Gia. Khâm chạy trốn, bèn sang Ngô. Ngày giáp thìn, An Phong Hoài tân Đô úy chém Kiệm, chuyển đầu đến kinh đô.

Thế ngữ chép: Đại tướng quân đem Thiên tử đi đánh Kiệm, đến huyện Hạng; Kiệm đã bị phá, Thiên tử về trước.

Thân là Tòng Chi xét các sách đều không thấy chép việc này. Đến lúc Gia Cát Đản phản, Tư Mã Văn Vương mới ép Thái hậu và Đế cùng đi mà thôi. Lúc trước phát chiếu dẫn việc hai vị tổ của nhà Hán và Minh Đế tự thân đi đánh để mà so sánh với lúc trước, biết rằng từ thời Minh Đế về sau mới có việc ấy vậy. Xét thấy Trương Phan, Ngu Phổ, Quách Ban đều là quan chép sử của nhà Tấn, riêng Phan, Ban xuất thân là trưởng quan, Phổ lại làm Bà Dương Nội sử. Phan soạn sách Hậu Hán kỉ, dẫu còn chưa xong nhưng thấy lời văn đáng xem. Phổ chép sách Giang Biểu truyện, xem qua cũng thấu suốt. Riêng Ban soạn Ngụy Tấn Thế ngữ lại thiếu sót chẳng theo phép tắc, là thô sơ nhất, vì bấy giờ việc lạ cho nên được ban hành ở đời. Bọn Can Bảo, Tôn Thịnh phần nhiều chọn lấy lời văn trong đây để chép sách Tấn thư, do đó có sai sót như thế, các chỗ đều có sai lầm.

Ngày nhâm tí, lại hạ lệnh tha tội cho quân dân miền Hoài Nam bị Kiệm, Khâm dụ dỗ. Lấy Trần nam Tướng quân Gia Cát Đản làm Trần đông Đại tướng quân. Tư Mã Cảnh Vương hoăng ở Hứa Xương. Tháng hai ngày đinh tị, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Đại tướng quân, Lục thượng thư sự.

Ngày giáp tí, bọn Đại tướng Tôn Tuấn của nước Ngô đem quân phao tin là có chực vạ đến Thọ Xuân, Gia Cát Đản đánh chống phá được chúng, chém Tả tướng quân Lưu Tấn của nước Ngô, bao tin thắng trận đến kinh đô. Tháng ba, lập Hoàng hậu Biện thị, đại xá. Mùa hạ tháng tư ngày giáp dần, phong cha của Hoàng hậu là Biện Long làm Liệt hầu. Ngày giáp tuất, lấy Chinh nam Đại tướng quân Vương Sưởng làm Phiếu kị Tướng quân. Mùa thu tháng bảy, lấy Chinh đông Đại tướng quân Hồ Tuân làm Vệ tướng quân,

Trần đông Đại tướng quân Gia Cát Đản làm Chinh đông Đại tướng quân.

Tháng tám ngày tân hợi, Đại tướng quân Khương Duy của nước Thục ra cướp huyện Địch Đạo, Ung Châu Thứ sử Vương Kinh đánh với Duy ở Thao Tây, Kinh thua to, về giữ thành Địch Đạo. Ngày tân mùi, lấy Trường thủy Hiệu úy Đặng Ngải làm An tây Tướng quân, hợp sức với Chinh tây Tướng quân Trần Thái cùng chống Duy. Ngày mậu thìn, lại sai Thái úy Tư Mã Phu đi sau. Tháng chín ngày canh tí, nghe giảng kinh Thượng thư vừa xong, ban thưởng cho người giảng kinh là bọn Tư không Trịnh Xung, Thị trung Trịnh Tiểu Đồng đều theo cấp bậc. Ngày giáp thìn, Khương Duy rút về. Mùa đông tháng mười, hạ chiếu nói: “Trẫm vì đức mỏng, không ngăn chặn được giặc cướp mới khiến cho giặc Thục hung hăng vào biên thùy. Ở trận Thao Tây dẫn đến thua vỡ, tướng sĩ chết chóc kể đến hàng nghìn, có người bỏ mạng trên chiến trường, hồn oan chẳng về, có kẻ bị tay giặc bắt giữ, lưu lạc nơi xứ lạ, ta thật là thương xót, vì thế mà đau lòng. Nay sai các quan Điền nông, An phủ Di Hộ quân và quan lại quận ấy cứu giúp người nhà của tướng sĩ, không thu thuế lao dịch một năm; những người gắng sức chết trận đều theo phép cũ mà truy tặng, chớ có bỏ sót”.

Tháng mười một ngày giáp ngọ, thấy bốn quận miền Lũng Hữu và quận Kim Thành nhiều năm gặp địch, có kẻ trốn phản theo giặc, người thân thích còn ở lại quê cũ chẳng yên lòng, đều tha thứ cho. Ngày quý sửu, hạ chiếu nói: “Lúc trước ở trận phía tây sông Thao, tướng lại quân dân có kẻ chết ở trong trận, có người bị chìm dưới sông Thao, chẳng nhặt được xương cốt, vớt ở đồng rẫy, ta vẫn đau xót. Nay báo cho Chinh tây, An tây Tướng quân đều sai quân bản bộ đến chỗ cũ cùng bờ sông thu nhặt thây tang, liệm mà chôn cất để an ủi người con sống”.

Năm Cam Lộ thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày tân sửu, rồng xanh hiện trong giếng nước ở huyện Chỉ. Ngày ất tị, Bái Vương là Lâm hoẵng.

Ngụy thị xuân thu chép: Tháng hai ngày bính thìn, Đế bày tiệc mời bày tôi ở phía đông điện Thái Cực, cùng bọn Thị trung Tuân Nghi, Thượng thư Thôi Tán, Viên Lượng, Chung Dục, Cấp sự trung Trung thư lệnh Ngu Tùng giảng giải điển lễ, bèn nói về các việc hay của bậc Đế vương. Đế ngưỡng mộ vua Thiệu Khang của nhà Hạ, nhân đó hỏi bọn Nghi rằng: “Vào thời nhà Hạ đã suy, sắp sửa nguy diệt, Thiệu Khang thu tập dân Hạ, lập lại công của vua Vũ. Sau này Hán Cao Tổ nổi dậy ở miền Lũng Thục, thống lĩnh hào kiệt, phá diệt Tần, Hạng, bao trùm cả nước, hai vị vua ấy có thể nói là tài hạ mưu hay, là bậc hiền tài hơn đời vậy. Xét công đức của họ, ai đáng đứng đầu”? Bọn Nghi đáp nói: “Người làm vua nhận ngôi quý của thiên hạ là người được trời trao cho, phải là bậc thánh đức ứng vận, rồi mới vâng mệnh dựng nghiệp. Đến như noi theo người xưa, trung hưng nghiệp cũ, nguyên nhân tạo nên, khó dễ cũng khác nhau. Công đức của Thiệu Khang dấu hay đẹp nhưng

chỉ là vị vua trung hưng cùng dòng như Thế Tổ thôi vậy. Còn như Cao Tổ, bọn thần cho là hơn”. Đế nói: “Đế vương thời xưa, công đức ngôn hạnh đều có cao thấp, không hẳn người dựng nghiệp đều hay hơn, người nối thay đều giỏi vậy. Thang, Vũ, Cao Tổ đều vâng mệnh trời, dùng người thánh hiền, vâng theo chức phận. Thiếu Khang, Ân Tông là những vị vua giỏi trung hưng, Hạ Khải, Chu Thành dựng thời văn thịnh, luận về đức hạnh, so với Hán Cao Tổ thì ta thấy cái hay mà chưa nghe được việc tốt; vì gặp thời khác nhau nên công danh cũng khác nhau mà thôi. Thiếu Khang sinh vào thời sau khi diệt vong, bị giáng làm nô lệ của chư hầu, tránh nạn nơi núi cao, chỉ mong thoát thân, vậy mà có thể ban đức mà tổ mưu, rút cuộc diệt được nước Quá, nước Qua, dựng lại được cơ nghiệp của vua Vũ, tế nhà Hạ cùng trời xanh, không làm mất vật cũ, nếu không phải nhân đức lớn lắm thì há lập được công ấy? Hán Cao Tổ nhân thế cả nước vỡ lở, nắm lấy cơ hội một thời, trở bày trí lực để lập thành công nghiệp, như việc động tĩnh lại phần nhiều làm trái phép của thánh nhân; làm con thì mấy lần làm nguy hại cha mẹ, làm vua thì bắt trói tướng giỏi, làm cha thì không bảo vệ được con; sau khi thân chết thì xã tắc nghiêng ngả, nếu gặp thời khác vào thời của Thiếu Khang mà xét thì chưa hẳn đã dựng lại được cơ nghiệp của vua Vũ vậy. Do đó mà nói, đáng lấy vua Thiếu Khang của nhà Hạ đứng đầu mà Hán Cao Tổ đứng sau vậy”. Ngày đình tị hôm sau, giảng giải đã xong, bọn Nghị, Lương tấu bàn rằng: “Tam đại dựng nước, chia đất mà trị, cho nên vào lúc suy kém không có thể cả nước vỡ lở, do đó ban đức mà vỗ về, khó dùng sức mà ép buộc được. Kịp đến thời Chiến quốc, lớn bé xâm chiếm lẫn nhau, bỏ đức hạnh mà dùng trí lực, cho nên nhà Tần kém đức mà dùng sức tranh giành. Thiếu Khang vua giỏi ban nhân đức vậy. Hán Cao Tổ là bậc tài dùng trí lực vậy. Nhân và trí khác nhau, hai vua khác nhau. Thi, Thư kể về vua Trung Tông, Cao Tông của nhà Ân, xếp vào bậc đại nhã, công đức của Thiếu Khang hay đẹp hơn cả hai vị kia, là bậc đại nhã đã rõ ràng vậy. Thiếu Khang là hơn, đúng như ý vua”. Bọn Tấn, Dục, Tùng tấu bàn rằng: “Thiếu Khang dấu tích đức chứa nhân nhưng trên nói cái ân trách truyền lại của vua Vũ, trong có sức đỡ của Ngu, Nhung, ngoài có sức giúp của Mi, Nghệ. Lại nữa Hàn Trác siểm nịnh, không tích đức với dân; Kiêu, Ê chẳng hiền, bị trong ngoài ruồng bỏ, do đó mà có nước, cũng có nguyên nhân ấy. Đến như Hán Cao Tổ, nổi lên từ phận áo vải, thống lĩnh quân dân ô hợp mà lập nên nghiệp Đế vương. Luận về đức thì Thiếu Khang hơn, bàn về công thì Cao Tổ hơn, nói về Thiếu Khang thì dễ mà bình về Cao Tổ lại khó”.

Mùa hạ tháng tư ngày canh tuất, ban áo mũ cổn miện, sau đó là giày đỏ cho Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương.

Ngày bính thìn, Đế đến nhà Thái học, hỏi các nhà Nho rằng: “Thánh nhân nghĩ điềm của thần minh, ngưỡng nhìn xem xét, bắt đầu lập ra tám quẻ, sau

lại chồng lên lập thành sáu mươi tư quẻ, lập từng hào để đoán số, như ý nghĩa của nó, không gì không đầy đủ. Vậy mà nhà Hạ có kinh Liên sơn, nhà Ân có kinh Quy tàng, nhà Chu có kinh Chu dịch, các sách dịch kia có nguyên cơ làm sao”? Bác sĩ Thuần Vu Tuấn nghiên cứu về kinh dịch đáp rằng: “Bào Hi noi theo bản đồ của Toại Hoàng mà lập ra tám quẻ, Thần Nông suy thành sáu mươi tư quẻ, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn đều hiểu cái biến dịch của nó, Tam đại tùy thời mà bàn rõ lời bói các quẻ. Cho nên dịch là biến chuyển vậy, đặt tên là Liên sơn như khí sinh ở trong núi, nối liền trời đất vậy; Quy tàng là vạn vật chẳng gì không nấu ở trong dịch vậy”. Đế lại nói: “Nếu đúng Bào Hi noi theo Toại Hoàng mà tạo ra kinh Dịch, cơ sao Khổng Tử không nói là Toại Nhân thị diệt thì Bào Hi thị lên thay”? Tuấn không đáp được. Đế lại hỏi rằng: “Khổng Tử chép lời thoán, tượng; Trịnh Huyền chép lời chú, dấu thánh hiền chẳng giống nhưng lời mà họ giải thích kinh nghĩa cùng là một vậy. Nay lời thoán, tượng không liên quan với lời văn của kinh mà lời chú lại liên quan, sao vậy”? Tuấn đáp nói: “Trịnh Huyền hợp lời thoán, tượng và lời văn của kinh, muốn khiến cho người học dễ tìm xét thôi vậy”. Đế nói: “Nếu Trịnh Huyền hợp lại, đối với người học thì tiện lợi, vậy thì Khổng Tử sao không hợp lại cho người học được dễ hơn”? Tuấn đáp nói: “Khổng Tử sợ lời văn của mình lẫn lộn với lời của Văn Vương, cho nên không hợp lại, thánh nhân không hợp lại là vì khiêm nhường vậy”. Đế nói: “Nếu thánh nhân không hợp lại là vì khiêm nhường, vậy thì chỉ riêng Trịnh Huyền không khiêm nhường sao”? Tuấn đáp nói: “Nghĩa của lời kinh sâu rộng, ý của thánh nhân xa kín, thần không thể hiểu rõ hết được”. Đế lại hỏi rằng: “Hệ từ chép: ‘Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn bỏ áo quần mà thiên hạ yên ổn’. Đây là vào thời Bào Hi, Thần Nông không có áo quần vậy. Nhưng thánh nhân giáo hóa thiên hạ, sao lại khác lạ với thời ấy”? Tuấn đáp nói: “Vào thời Tam hoàng, người ít mà cảm thú nhiều, cho nên chỉ lấy lông da của cảm thú thì thiên hạ cũng đủ dùng. Đến thời Hoàng Đế, người đông mà cảm thú thưa, cho nên làm ra quần áo để hợp với thời buổi thay đổi vậy”. Đế lại hỏi: “Càn là trời, mà lại chọn các vật bằng kim loại, ngọc, ngựa già, vật nhỏ cùng một nhóm là sao”? Tuấn đáp nói: “Thánh nhân chọn lấy hình tượng, hoặc gần hoặc xa, gần thì chọn ở các vật, xa thì chọn ở trời đất”.

Giảng kinh Dịch xong, lại sai giảng kinh Thượng thư. Đế hỏi rằng: “Trịnh Huyền nói: ‘Theo phép cũ là theo đạo trời, ý nói phép tắc của vua Nghiêu giống với đạo trời vậy’. Vương Túc nói: ‘Vua Nghiêu xét kỹ phép cũ mà làm theo’. Hai người giải không giống nhau, người nào là đúng”? Bác sĩ Dữu Tuấn đáp nói: “Bậc nhà Nho ngày trước giải theo ý mình, đều có khác nhau, thần không đủ tài để phân định. Nhưng theo sách Hồng phạm chép: ‘Ba người tranh luận thì theo lời của hai người cùng ý’. Giả, Mã cùng Túc đều cho rằng: ‘Xét kỹ phép cũ’. Do đó theo sách Hồng phạm thì lời của Túc là hơn”. Đế nói: “Trọng Ni nói: ‘Riêng đạo trời là lớn, chỉ Nghiêu noi theo’.

Nghiêu là bậc đại hiền noi theo đạo trời, xét kỹ phép cũ, mình chẳng phải thế vậy. Nay đọc sách giải nghĩa để làm rõ đức thánh, lại bỏ ý lớn mà khen ý nhỏ, đây há phải là ý của người soạn sách sao”? Tuấn đáp nói: “Thần học theo lời thầy, chưa hiểu ý lớn, đến như chọn lựa, xin theo ý của thánh nhân”. Sau đó giảng đến việc tứ nhạc tiến cử Côn, Đế lại hỏi rằng: “Bậc đại trượng phu thì đức hợp với trời đất, ý sáng sánh cùng nhật nguyệt, suy nghĩ không gì là không trọn vẹn, ý sáng không nơi nào không rõ. Vậy mà nay Vương Túc nói: ‘Ý của Nghiêu không hiểu rõ được Côn, cho nên chỉ dùng thử’. Như thế thánh nhân chưa sáng suốt hết thấy sao”? Tuấn đáp rằng: “Dẫu thánh nhân hiểu rộng nhưng vẫn có chỗ chưa thấu cả, cho nên Vũ nói: ‘Biết người là sáng suốt, riêng biết vua thì khó’. Nhưng cuối cùng vẫn đòi dùng bậc thánh hiền, tỏ rõ công tích, cũng trở thành thánh nhân vậy”. Đế nói: “Người biết được trước sau, đây là thánh nhân. Nếu không biết trước, sao đáng gọi là thánh nhân? Vũ nói: ‘Riêng biết vua thì khó’, nhưng cuối cùng vẫn đòi dùng bậc thánh hiền, có thể nói là biết người, cái mà thánh nhân khó biết, không phải là không nói hết. Trong kinh chép: ‘Biết người là sáng, có thể trao chức’. Nếu vua Nghiêu ngờ Côn, mà dùng thử chín năm, làm quan sai sót, sao đáng gọi là sáng suốt”? Tuấn đáp nói: “Thần đọc xem kinh truyện, thấy rằng thánh nhân dẫu làm việc cũng không thể không sai sót, cho nên vua Nghiêu sai sót mới có loạn ‘tứ hung’, Chu Công sai sót mới có loạn ‘nhị thúc’, Trọng Ni sai sót mới có việc của Tể Dư”. Đế nói: “Nghiêu thử dùng Côn, chín năm chẳng xong, nước sông tràn ngập, dân chúng chìm đắm. Đến như Trọng Ni sai sót mới có việc của Tể Dư, trong đức ngôn hạnh, nặng nhẹ không giống vậy. Còn như Chu Công có loạn của Quản, Thái, kinh Thượng thư cũng chép, đều là việc mà Bác sĩ thông hiểu vậy”. Tuấn đáp nói: “Đây đều là điều mà bậc thánh hiền thời trước nghi ngờ, thần học ít không xét kỹ được”. Rồi giảng đến việc “có người góa vợ ở trong dân tên là Ngu Thuấn”, Đế hỏi rằng: “Vào thời vua Nghiêu, nước ngập gây hại, ‘tứ hung’ ở triều đình, đây là lúc nên nhanh chọn bậc hiền thánh để giúp dân vậy. Thuấn vào lúc đã lên ngôi vua, đức thánh chói sáng, nhưng lâu ngày trước kia không được chọn dùng, sao vậy”? Tuấn đáp rằng: “Nghiêu than thở tìm người hiền, muốn nhường ngôi của mình, tứ nhạc nói: ‘Nếu dùng người đức kém thì chỉ làm nhục ngôi vị’. Do đó Nghiêu sai tứ nhạc chọn tìm người quê mùa, sau đó tiến cử Thuấn. Nguồn gốc của việc tiến cử Thuấn thực là do từ Nghiêu, đây là thánh nhân muốn dân chúng dốc hết lòng vậy”. Đế nói: “Nghiêu đã nghe nói về Thuấn mà không dùng ngay, lại nữa bảy giờ trung thần cũng chẳng tiến cử, bèn sai người đi tìm kiếm trong thôn ấp rồi mới tiến cử, đây gọi là chẳng nhanh chóng dùng người hiền để giúp dân vậy”. Tuấn đáp rằng: “Thần kém cõi không thể hiểu kịp được”.

Do đó lại sai giảng sách Lễ kí, Đế hỏi rằng: “Trong sách nói: ‘Vua trên lập đức, coi việc đền đáp là thứ yếu’. Trị nước sao lại có giáo hóa đều khác, sao

lại đều sửa chính trị mà lo lập đức, làm mà chẳng cần báo đáp sao”? Bác sĩ Mã Chiêu đáp nói: “Vua trên lập đức là nói về thời Tam hoàng, Ngũ đế dùng đức mà dạy dân, đền báo là thứ yếu, đây là nói về thời Tam vương dùng lễ mà trị dân vậy”. Đế nói: “Hai thời ban bố giáo hóa dày mỏng không giống nhau, vua trên có chỗ hay đẹp sao? Thời thế khiến nên như thế chẳng”? Chiêu đáp rằng: “Thực là do thời có lợi cho nghiệp văn đức, cho nên giáo hóa có thời dày mỏng không giống vậy”.

Tán chư công tán của Phó Sương chép: Đế thường cùng bọn Trung hộ quân Tư Mã Vọng, Thị trung Vương Vương Thẩm, Tán kị Thường thị Bùi Tú, Hoàng môn Thị lang Chung Hội ngồi bàn ở phía đông điện, cùng luận về văn nghĩa. Đặt hiệu Tú là ‘Nho lâm trượng nhân’, Thẩm là ‘Văn tịch tiên sinh’, Vọng, Hội cũng có hiệu. Tính Đế nóng vội, mời gọi là muốn đến nhanh. Bọn Tú làm quan trong cung, cho nên đến đúng lúc, còn Vọng ở ngoài, sai riêng quan Cấp sự đi xe nhẹ, đem năm lính hổ bôn, mỗi khi có hội họp, Vọng liền rong ruổi mà đến.

Tháng năm, đất Nghiệp và quận Thượng Cốc, thành Lạc Dương đều nói là có sương ngọt sa xuống. Mùa hạ tháng sáu ngày bính ngọ, đổi niên hiệu là Cam Lộ. Ngày át sửu, rồng xanh hiện ở trong giếng ở vùng huyện Nguyên Thành. Mùa thu tháng bảy ngày kị mao, Vệ tướng quân Hồ Tuân hoẵng. Ngày quý mùi, An tây Tướng quân Đặng Ngải đại phá Đại tướng Khương Duy của nước Thục ở huyện Thượng Quy, hạ chiếu nói: “Quân chưa trở hết sức mà giặc xấu bị bẻ gãy, chém đầu bắt sống đến hàng vạn, gần đây thắng trận chẳng bằng trận này. Nay sai sứ giả ban thưởng cho tướng sĩ, mở hội yến lớn, ăn uống cả ngày để nêu rõ ý trẫm”.

Tháng tám ngày canh ngọ, bãi Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương thêm chức Đại đô đốc, tấu việc không nói tên, trao búa vàng. Ngày quý dậu, lấy Thái úy Tư Mã Phu làm Thái phó. Tháng chín, lấy Tư đồ Cao Nhu làm Thái úy. Mùa đông tháng mười, lấy Tư không Trịnh Xung làm Tư đồ, Thượng thư Bộc xạ Lô Dục làm Tư không.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai, rồng xanh hiện trong giếng ở huyện Ôn. Tháng ba, Tư không Lô Dục hoẵng.

Mùa hạ tháng tư ngày quý mao, hạ chiếu nói: “Quan dân huyện Cao Hiên quận Huyền Thố phản loạn, quan Huyện trưởng là Trịnh Chiêu bị giặc giết. Người dân trong huyện là Vương Giản vác công tang của Chiêu vào buổi sáng sao còn trên trời, đi xa đến sở phủ của châu, trung tiết đáng khen. Nay bãi Giản làm Trung nghĩa Đô úy để tỏ rõ đức hạnh”.

Ngày giáp tí, lấy Chinh đông Đại tướng quân Gia Cát Đản làm Tư không.

Tháng năm ngày tân mùi, Đế đến miếu Tích Ung, mở hội sai bày tội làm thơ phú. Bọn Thị trung Hòa Du, Thượng thư Trần Khiên làm thơ thô xấu, quan chủ việc tấu xin bãi chức, hạ chiếu nói: “Ta dẫu kém tối, vẫn ưa văn

chương, nghe rộng thơ phú để biết được mất, nhưng lại còn rườm rà, lời lẽ thô kém. Nay tha cho bọn Du. Quan coi việc phải ra lệnh từ nay về sau, bây tôi đều phải học theo phép cũ, xét rõ kinh truyện, nên theo ý trẫm”.

Ngày át Hợi, Gia Cát Đản không chịu vâng mệnh, phát binh phản, giết Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm. Ngày bính tí, hạ lệnh tha tội cho quân dân quan tướng miền Hoài Nam bị Đản lừa dụ. Ngày đinh sửu, hạ chiếu nói: “Gia Cát Đản tạo việc hung loạn, khiến cho miền Dương Châu vỡ lật. Ngày xưa Kinh Bô phản bội thì Hán Cao Tổ tự đi đánh, Ngôi Hiêu trái mệnh thì Hán Quang Vũ đến đánh miền tây, cho đến lúc Liệt Tổ Minh Hoàng đế tự thân đánh Ngô, Thục, đều là vì nêu cao thế lớn, tỏ rõ oai vũ vậy. Nay nên đem Hoàng thái hậu cùng trẫm tạm đi đánh giặc, nhanh phá giặc ác để dẹp yên miền đông”. Ngày kỉ mão, hạ chiếu nói: “Gia Cát Đản liên kết phản nghịch, ép bức người trung nghĩa, Bình khấu Tướng quân Lâm Vĩ Hưu là Bàng Hội, Kị đốc Thiên tướng quân Lộ Phiên cùng các tướng tả hữu phá cửa ra ngoài, trung tráng dũng liệt, nên đáng khen ngợi. Nay phong Hội tước Hương hầu, phong Phiên tước Đình hầu”.

Tháng sáu ngày át tị, hạ chiếu nói: “Sứ trì tiết, Đô đốc các quân miền Hạ Khẩu, Trấn quân Tướng quân Sa Tiệp Hầu là Tôn Nhất của nước Ngô là họ hàng của giặc, làm đến bậc Thượng tướng nhưng sợ oai trời biết phận mình, xét kĩ họa phúc, sửa lỗi đem binh đi xa theo về nước lớn, dẫu Vi Tử bỏ nhà Ân, Nhạc Nghị trốn nước Yên cũng không hơn được. Nay lấy Nhất làm Thị trung, Xa kị Tướng quân, Giả tiết, Giao Châu Mục, Ngô Hầu, Khai phủ tịch chiêu Nghi đồng tam ti, theo lễ ‘bát mệnh’ đối với Hầu bá thời xưa mà ban cho mũ áo cón miện, giày đỏ để tỏ rõ ý nồng hậu”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Nhất sợ bị ép mà theo hàng, việc này không đáng khen, đây là người noi theo phép cũ, đại khái là muốn được nổi danh vậy. Vào thời bấy giờ, chưa thấu cái lí ngưỡng mộ phép xưa, chưa rõ cái phép tùy tài năng mà ban thưởng, đáng chỉ để đền cái tình theo hàng mà thôi. Đến như ban lễ ‘bát mệnh’ nồng hậu, lễ ngang với bậc Tể tướng, cũng chẳng quá sao? Đối với việc chiêu dụ kẻ xa, cũng chẳng hợp lí vậy. Vì sao? Nếu khiến cho tướng lại bên ấy không có ý nghi hoặc, rút cuộc chẳng vui với ân sủng, sinh lòng phản bội, vì phản mà then, có cái nhục nào hơn? Nếu bên ấy lo họa sắp đến, nếu chẳng trốn thì chẳng thoát được, thì tất phải tránh cái chết để mong được sống, lúc ấy chẳng mong gì vào vinh lợi nữa. Vậy thì chức cao lộc dày mà làm gì? Đầu thời nhà Ngụy có Mạnh Đạt, Hoàng Quyền, vào thời nhà Tấn có Tôn Tú, Tôn Khải; Đạt, Quyền được ban tước, còn thấp hơn Nhất, Tú, Khải lại khác lễ, thật là khác lạ! Đến lúc bình Ngô xong lại bãi giáng mấy bậc, không cho quyền cao, đây há chẳng phải do cái lỗi sai lúc trước sao?

Ngày giáp tí, hạ chiếu nói: “Nay xa giá đến ở huyện Hạng, lệnh Đại tướng

quân vâng mệnh phạt kẻ có tội, đi trước đến bên sông Hoài. Ngày xưa Tướng quốc Đại tư mã đánh dẹp đều đem quan Thượng thư cùng đi, nay nên theo phép cũ”. Liền sai Tán kị Thường thị Bùi Tú, Cấp sự Hoàng môn Thị lang Chung Hội đều đi cùng Đại tướng quân. Mùa thu tháng tám, hạ chiếu nói: “Ngày xưa Yên Thích Vương mưu phản, bọn Hàn Nghị can gián mà chết, nhà Hán cất nhắc con của họ. Ngày nay Gia Cát Đản tạo việc hung loạn, Chủ bạ Tuyên Long, Bộ khúc đốc Tần Khiết giữ vững tiết nghĩa, cố vào can ngăn, bị Đản giết chết, đây gọi là chẳng có thân thích như Tử Can mà bị giết chóc vậy. Nay lấy con của Long, Khiết làm Kị đô úy, lại thêm ban thưởng, nêu rõ gần xa để đề tiếng trung nghĩa”.

Tháng chín, đại xá. Mùa đông tháng mười hai, bọn Đại tướng Toàn Đao, Toàn Dịch của nước Ngô đem quân đến hàng.

Năm thứ ba mùa xuân tháng hai, Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương hãm thành Thọ Xuân, chém Gia Cát Đản. Tháng ba, hạ chiếu nói: “Ngày xưa thắng giặc thì thu nhật thủy mà đắp thành gò đồng là để phạt kẻ phản và nêu rõ võ công vậy. Giữa năm Nguyên Đinh thời Hán Hiếu Vũ, đổi huyện Đồng Hương thành huyện Văn Hi, huyện Tân Hương thành huyện Hoạch Gia là để ghi nhớ lúc nước Nam Việt bị diệt. Đại tướng quân tự thân lĩnh sáu quân, đóng giữ ở Khâu Đầu, trong trừ bọn xấu, ngoài phá giặc cướp, công trùm triệu dân, tiếng lừng bốn cõi. Chiếm đất của địch, nên có tên mới, nay đổi tên Khâu Đầu thành Vũ Khâu để nêu rõ oai vũ dẹp loạn, để đời sau không quên, cũng đắp hai gò đồng để tỏ nghĩa vậy”.

Mùa hạ tháng năm, bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, thực ấp tám quận, lại tặng lễ ‘cửu tích’, Văn Vương trước sau nhường chín lần lại thôi.

Tháng sáu ngày bính tí, hạ chiếu nói: “Ngày xưa bọn giặc trên núi ở quận Nam Dương gây rối, muốn bắt giữ Thái thú Đông Lí Bao làm con tin, quan Công tào là Ứng Dư tự thân giăng lại Bao, bèn thoát được nạn. Dư khôn cùng bỏ mạng, bỏ thân cứu chủ. Nay sai quan Tư đồ bá cháu của Dư là Luân làm quan, sai phải báo đền khí tiết”.

Sở quốc tiên hiền truyện chép: Dư tự Tử Chính, bản tính thẳng thắn, chỉ ưa nhân nghĩa. Năm Kiến An thứ hai mươi ba làm quan Công tào trong quận. Bấy giờ Ngô, Thục không phục, bờ cõi nhiễu loạn. Tướng giữ thành Uyển là Hậu Âm vỗ về dân trong núi, giữ thành làm phản. Dư cùng quan Thái thú Đông Lí Bao đang ở vào buổi rồi ren, chạy loạn mà ra. Âm liền sai quân kị đuổi bắt, cách thành mười dặm sắp đuổi kịp, giặc liền bắn Bao, tên bay hỗn loạn. Dư vươn thân phía trước để hứng mũi tên, bị thương bảy chỗ, nhân đó bảo bọn giặc đuổi theo rằng: “Hậu Âm cuồng trá, làm việc hung nghịch, đại quân sắp đến, sẽ bị đánh diệt. Các anh vốn là người tốt, chẳng có ý ác, hãy mau theo thiện, sao lại chịu để cho hấn sai khiến? Ta đem thân

để thay chủ, đã bị thương nặng, nếu ta chết mà chủ được sống, chết cũng chẳng tiếc”. Rồi ngẩng mặt lên trời khóc lóc, máu lệ chứa chan. Giặc thấy người này trung nghĩa, liền tha cho Bao mà không giết. Sau khi giặc đi, Du cũng bỏ mạng. Chinh nam Tướng quân Tào Nhân đánh dẹp Âm, kể công trạng của Du, cùng lấy rượu rảy xuống đất mà cúng tế. Thái Tổ nghe tin, than thở hồi lâu, hạ lệnh Kinh Châu kể rõ tình cảnh của người nhà lên, ban cho nghìn học lúa. Bao sau đó làm quan Tư mã của Vu Cấm, được chép trong Ngụy lược - Du thuyết truyện.

Ngày tân mão, bàn luận công lao đánh dẹp miền Hoài Nam, phong tước ban thưởng đều theo cấp bậc.

Mùa thu tháng tám ngày giáp tuất, lấy Phiếu kị Tướng quân Vương Sưởng làm Tư không. Ngày bính dần, hạ chiếu nói: “Chăm sóc người già, nêu cao giáo hóa là nguyên nhân phong tục thời Tam đại truyền mãi không mất vậy. Phải có quan Tam lão, Ngũ canh để chăm lo kính thuận cho họ, nghe lời răn dạy của họ mà chép vào sử xanh, lúc ấy thì sáu cõi mới liền nối, thiên hạ ngưỡng theo giáo hóa vậy. Nên xem xét người có đức hạnh để chọn làm quan ấy. Quan nội hầu Vương Tường tu nhân giữ nghĩa, thật thà nhã nhặn, Quan nội hầu Trịnh Tiểu Đồng ôn hòa hiếu thuận, giữ lễ không đổi. Nay lấy Tường làm Tam lão, Tiểu Đồng làm Ngũ canh”. Xa giá đem trăm quan đi, theo phép cũ.

Hán Tấn xuân thu chép: Để xin hỏi với Tường, Tường đáp nói: “Thời xưa vua sáng thì sắm đủ lễ nhạc, lại tỏ rõ lòng thành thật, lòng thành thật tỏ rõ thì phát ra ở lời nói việc làm. Là người quân tử thì làm việc hợp với trời đất; trời cũng chẳng làm trái, hướng chi là đối với người”? Việc về Tường thấy chép ở Lữ Kiên truyện.

Tiểu Đồng là cháu của Trịnh Huyền vậy. Huyền biệt truyện chép: Huyền có người con làm quan thuộc của Khổng Dung, cử Hiếu liêm. Vào lúc Dung bị vây, đi đến, bị giặc giết hại. Có con nhỏ đang trong bụng mẹ, vào năm đinh mão thì sinh; mà Huyền cũng sinh vào năm đinh mão cho nên đặt tên là Tiểu Đồng.

Ngụy thị xuân thu chép: Tiểu Đồng đến chỗ Tư Mã Văn Vương, Văn Vương có tờ sớ kín nhưng chưa che giấu. Vừa đi nhà xí về, bảo Tiểu Đồng rằng: “Khanh thấy tờ sớ của ta không”? Đáp nói: “Không”. Văn Vương nghi ngờ mà bỏ rượu độc giết, bèn chết.

Trịnh Huyền chú Văn Vương thế tử chép: Quan Tam lão, Ngũ canh đều có một người, đều là người già đã đã từ quan về nghỉ vậy.

Chú Nhạc kí chép: Đều là người già hiểu biết ‘tam đức’, ‘ngũ sự’ vậy. Minh đường luận của Sái Ung chép: Chữ ‘canh’ đáng lẽ chép là chữ ‘sru’. Chữ ‘sru’ là chữ nói về bậc già cả, chữ này giống với chữ ‘canh’, người viết chữ chép nhầm thành chữ ‘canh’. Chữ ‘tâu’ có chữ ‘nữ’ bên chữ ‘sru’,

người ngày nay cũng cho là chữ ‘canh’, do đó biết rằng phải là chữ ‘suru’ vậy.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Sái Ung nói rằng chữ ‘canh’ phải là chữ ‘suru’, thật là có lí, vậy mà các nhà Nho chẳng ai tin theo, chưa biết ai đúng.

Năm đó, rông xanh, rông vàng vẫn hiện trong giếng ở các huyện Đôn Khâu, Quán Quân, Dương Hạ.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng giêng, rông vàng hai lần hiện trong giếng ở đất huyện Ninh Lăng.

Hán Tấn xuân thu chép: Bấy giờ rông vẫn hiện, mọi người cho là điềm lành. Đế nói: “Rông là đức của vua vậy. Trên chẳng hiện ở trời, dưới chẳng hiện ở ruộng mà lại nhiều lần hiện ở giếng, đây chẳng phải là điềm lành vậy”. Lại làm bài thơ Tiềm long để tự chê giễu, Tư Mã Văn Vương xem mà ghét Đế.

Mùa hạ tháng sáu, Tư không Vương Sưởng hoăng. Mùa thu tháng bảy, Trần Lưu Vương là Tuấn hoăng. Mùa đông tháng mười ngày bính dần, chia quận Tân Thành lập lại quận Thượng Dung. Tháng mười một ngày quý mao, Xa kị Tướng quân Tôn Nhân bị người hầu gái giết.

Năm thứ năm, mùa xuân đầu tháng giêng, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa hạ tháng tư, hạ chiếu quan coi việc theo phép cũ, lại bãi Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, thêm lễ ‘cử tích’.

Tháng năm ngày kị sửu, Cao Quý Hương Công chết, bảy giờ hai mươi tuổi.

Hán Tấn xuân thu chép: Đế thấy oai quyền ngày càng rời, không kìm nổi giận. Bèn gọi Thị trung Vương Thẩm, Thương thư Vương Kinh, Tấn kị Thường thị Vương Nghiệp đến bảo rằng: “Lòng dạ của Tư Mã Chiêu, người đi ngoài đường còn biết. Ta không thể ngồi mà chịu nhục nữa, ngày nay sẽ cùng các khanh tự ra đánh hắn”. Vương Kinh nói: “Ngày xưa Lỗ Chiêu Công không nhịn được họ Quý mà thua chạy mất nước, bị thiên hạ chê cười. Nay quyền thế của họ ở trước cửa, cũng đã lâu ngày. Ở bốn phương và triều đình đều vì họ mà liêu chết, không màng đến cái lí thuận hay nghịch, đây chẳng phải là do ở một ngày vậy. Và lại quân vệ thiếu vắng, binh giáp yếu kém, Bệ hạ làm sao dùng được? Và lại nếu một sớm như thế, chẳng phải muốn trừ bệnh mà bệnh càng nặng sao! Họa nạn khó lường, chỉ nên giữ điều lành thôi”. Đế bèn đem tám lệnh trong người ra ném xuống đất, nói: “Ta quyết làm rồi. Dẫu bị chết, há sợ gì? Huống chi không hắn là tất chết”! Do đó vào bầm Thái hậu. Thẩm, Nghiệp chạy trốn báo cho Văn Vương, Văn Vương sắp đặt phòng giữ. Đế bèn đem mấy trăm lính hầu gõ trống mà ra. Em họ của Văn Vương là Đôn kị Hiệu úy Trụ vào, gặp Đế ở cửa Chi Xa phía đông, tả hữu mừng Trụ, quân của Trụ bỏ chạy. Trung hộ quân Giả Sung lại

chặn đánh Đế ở dưới cửa khuyết phía nam, Đế tự cầm kiếm. Quân muốn rút, Thái tử Xá nhân Thành Tế hỏi Sung rằng: “Việc gấp rồi, nên làm sao”? Sung nói: Nuôi chứa các người, làm ở ngày nay. Việc ở ngày nay, còn hỏi gì nữa”? Tế liền đến đâm Đế, mũi đao thấu qua lưng. Văn Vương nghe tin, cả kinh, tự lăn xuống đất nói: “Thiên hạ sẽ nói ta thế nào”? Thái phó Phu chạy đến, ôm thây Đế mà khóc rất thảm thương, nói: “Giết Bệ hạ là tội của thân vậy”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Sách của Tập Tạc Xi dẫu soạn sau cùng nhưng chép việc này có chỗ sai khác, cho nên dẫn lời của Tập trước để tỏ rõ cái khác khác với các sách còn lại ở sau.

Thế ngữ chép: Vương Thâm, Vương Nghiệp ruổi đi báo cho Văn Vương, vì Thượng thư Vương Kinh thẳng thắn chẳng nói ra, do đó Thâm, Nghiệp đến báo ý.

Tấn chư công tán chép: Thâm, Nghiệp sắp ra, gọi Vương Kinh. Kinh không theo, nói: “Các người tự làm đi”!

Tấn kỉ của Can Bảo chép: Thành Tế hỏi Giả Sung rằng: “Việc gấp rồi, làm thế nào”? Sung nói: “Công nuôi chứa các người là để làm việc ngày nay vậy. Còn ngờ gì”? Tế nói: “Được”. Bèn cầm kích đến đâm.

Ngụy thị xuân thu chép: Buổi đêm ngày mậu tí, Đế tự đem bọn Những tông Bộc xạ Lí Chiêu, Hoàng môn Tông quan Tiêu Bá xuống đài Lăng Vân, mặc giáp lĩnh quân, muốn nhân lúc hội họp mà tự ra đánh Văn Vương. Gặp lúc trời mưa, quan coi việc tâu xin lùi đến hôm sau, rồi gặp bọn Vương Kinh, đem tờ chiếu làm bằng lụa màu vàng trong người ra nói: “Ai sẽ chịu nhục, sai sẽ không chịu nhục vậy! Ngày nay sẽ quyết làm việc này”. Vào bẩm Thái hậu, bèn cầm kiếm lên xe, lĩnh lính hầu trong cung Thương Đầu và lính túc vệ trong điện gỗ trống, ra từ cửa Vân Long. Giả Sung từ ngoài đi vào, quân của Đế tan vỡ nhưng Đế vẫn xưng là Thiên tử, cầm kiếm vung đánh, quân sĩ chẳng ai dám đến gần. Sung khích lệ tướng sĩ, em của Đốc kị Thành Tốt là Thành Tế cầm mâu đến đâm, Đế băng ở trong quân. Bảy giờ trời tối sầm, mưa to sầm sét.

Ngụy mạt truyện chép: Giả Sung gọi viên Đốc kị Thành Tế dưới trướng đến bảo rằng: “Nếu việc của họ Tư Mã thua vỡ thì các người còn được trọn vẹn không? Sao không ra đánh”? Hai anh em Tốt bèn đem quân dưới trướng đi ra, ngoảnh bảo rằng: “Nên giết không? Hay nên bắt”? Sung nói: “Giết đi”. Quân giao tranh, Đế nói: “Bỏ giáo xuống”? Quân sĩ của Đại tướng quân đều bỏ giáo. Anh em Tế nhân đó đến đâm Đế, Đế ngã xuống xe.

Hoàng thái hậu lệnh nói: “Ta chẳng có đức, chẳng giúp được nhà. Ngày xưa đón lập con của Đông Hải Vương là Mao, cho làm người nối tự của Minh Đế, thấy hắn ưa văn chương thơ phú, mong có thể thành tài, nào ngờ tính tình bạo ngược, ngày càng thêm sâu. Ta nhiều lần trách mắng, hắn bèn

sinh oán giận, bày lời ác xấu vô đạo để gièm vu ta, rút cuộc ngăn dứt hai cung. Lời mà hắn nói, không đáng nghe theo, chẳng được trời đất che chở vậy. Ta đã hạ lệnh ngầm sai Đại tướng quân là không nên cho hắn cúng tế tông miếu, đây là sợ xã tắc nghiêng lật, chết rồi chẳng còn mặt mũi mà gặp Tiên đế vậy. Đại tướng quân thấy hắn còn nhỏ, bảo là nên thay lòng theo thiên, ân cần kĩ càng. Nhưng thằng ấy vẫn ngang ngược, làm việc thêm xấu, lấy nỏ từ xa bắn vào cung của ta, ta đang chúc mừng thì trúng vào cổ, mũi tên rơi trước mặt. Ta bảo cho Đại tướng quân là không thể không phết hắn, trước sau nói mấy chục lần. Thằng ấy nghe tin, tự biết tội nặng, bèn mưu phản nghịch, hồi lộ cho tả hữu của ta, khiến cho ta uống thuốc độc, lại ngầm bày rượu độc, cùng nhau bày kế. Việc bị phát lộ, liền muốn nhân hội họp mà đem quân vào cung phía tây để giết ta, ra bắt Đại tướng quân, gọi Thị trung Vương Thẩm, Tán kị Thường thị Vương Nghiệp,

Thế ngữ chép: Nghiệp là người quận Quảng Lăng, sau này làm Trung hộ quân của nhà Tấn.

Thượng thư Vương Kinh đến, đem tờ chiếu bằng lụa màu vàng trong người ra cho họ xem, nói là hôm nay sẽ làm việc ấy. Ta bị nguy hại hơn cả trúng treo dây. Ta đã già góa, há tiếc mấy tuổi thừa nữa sao? Chỉ thương cho ý muốn của Tiên đế chẳng thành, xã tắc nghiêng lật mà đau lòng vậy. Cậy vào oai linh của tổ tiên, Thẩm, Nghiệp liền báo cho Đại tướng quân, do đó phòng giữ nghiêm ngặt trước. Nhưng thằng ấy lại đem tả hữu ra khỏi cửa Vân Long, gõ trống như sấm, tự thân cầm kiếm cùng tả hữu túc vệ xông vào trong trận, bị đao nhọn đâm chết. Thằng ấy đã làm việc trái nghịch bất đạo mà lại tự hãm vào họa lớn, cũng khiến cho ta đau lòng không nói nên lời. Ngày xưa Xương Ấp Vương của nhà Hán bị tội phết làm dân thường, nay thằng ấy cũng nên đem lễ dân thường mà táng hắn. Nay báo cho người trong ngoài đều biết được việc làm của thằng ấy. Lại nữa Thượng thư Vương Kinh thấy việc ác nghịch mà không bẩm báo, nay bắt Kinh cùng người nhà đến sở quan Đình úy xét tội”.

Ngày canh dần, Thái phó Phu, Đại tướng quân Văn Vương, Thái úy Nhu, Tư đồ Xung cúi đầu nói: “Xét thấy mới đây Cao Quý Hương Công bạo ngược vô đạo, tự chuốc họa lớn, noi theo việc cũ xét tội Xương Ấp Vương của nhà Hán mà dùng lễ dân thường để táng. Bọn thần giữ chức mà không thể cứu trừ được loạn họa, không ngăn được gian nghịch, vâng lệnh mà lo lắng, ruột gan đau nhói. Theo nghĩa Xuân thu thì bậc làm vua không nên cho ra ngoài, mà kinh Thư lại nói: ‘Tương Vương ra ở tại nước Trịnh’, không thể thờ mẹ, cho nên bị phết ngôi vua vậy. Ngày nay Cao Quý Hương Công phóng túng vô độ, suýt làm đổ xã tắc, tự chuốc lấy vỡ lật, bị thần người ruồng bỏ, nay táng theo lễ dân thường, đây thực phép cũ vậy. Nhưng bọn thần xét thấy Điện hạ rất là nhân từ, dẫu theo phép tắc nhưng vẫn nên thương

xót. Lòng dạ bọn thần thật không nở làm thế. Cho rằng nên đem lễ bặc Vương mà táng”. Thái hậu nghe theo.

Hán Tấn xuân thu chép: Ngày đình mỗ, táng Cao Quý Hương Công ở bến bãi sông Triền cách phía tây bắc thành Lạc Dương ba mươi dặm. Đem mấy cỗ xe đi, không bày cờ thêu, trăm họ tụ nhau mà đứng xem, nói: “Đây là Thiên tử lúc trước bị người ta giết vậy”. Có kẻ ôm mặt mà khóc, không nén được thương cảm.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Nếu chỉ đem mấy cỗ xe, không bày cờ thêu, sao lại là theo lễ bặc Vương mà táng được? Đây đại khái là sai lầm, gọi là rất không đúng lễ nghi vậy.

Sai Sứ trì tiết, Trung hộ quân, Trung mâu Tướng quân Tư Mã Viêm lên phía bắc đón người nối tự của Thường Đạo Hương Công tên là Hoàng làm dòng dõi của Minh Đế. Ngày tân mỗ, bày tội tấu bảm Thái hậu rằng: “Điện hạ đức thánh chói sáng, vỗ yên sáu cõi mà vẫn xưng ‘lệnh’ giống với nước phiên. Xin từ nay về sau các thư lệnh của Điện hạ đều xưng là ‘ché’, ‘chiếu’ như việc cũ thời trước”.

Ngày quý mỗ, Đại tướng quân cố từ chức Tướng quốc, tước Tấn Công, lễ ‘cử tịch’. Thái hậu hạ chiếu rằng: “Có công thì không giấu, đây là phép lớn theo sách Chu dịch vậy. Cái hay của người tài là điều mà bậc hiền thánh xưa ưa thích. Nay nghe theo lời ấy, hạ chiếu tỏ ra ngoài để nêu rõ cái đức khiêm nhường của ngài”.

Ngày mậu thân, Đại tướng quân Văn Vương dâng sớ nói: “Cao Quý Hương Công đem lĩnh quân sĩ đi theo xe, cầm đao gỗ trông hướng đến chỗ thần ở; thần sợ binh đao giao tiếp, liền sai tướng sĩ không được tự làm thương hại, nếu ai trái lệnh thì theo quân pháp mà xử. Em của Kị độc Thành Tốt là Thái tử Xá nhân Tế tự ý xông vào trận làm hại công, bèn dẫn đến mất mạng; liền bắt Tế xử theo quân pháp. Thần nghe nói rằng tiết tháo của bấy tôi là dấu chết cũng chẳng hai lòng, giữ nghĩa thờ vua, không dám trốn nạn. Lúc trước việc xấu chột đến, họa cùng phát dẫn, thần thực là dám dẫn thân đến chết, dấu thân bị giết vậy. Nhưng nghĩ nếu thân mình mất thì Hoàng thái hậu nguy nan, xã tắc nghiêng ngả. Thân lạm giữ quyền lớn, phận tại giúp nước, sợ rằng thân chết thì tội trạng càng nặng. Muốn noi theo cái quyền của Y, Chu để dẹp nạn của xã tắc, liền sai ngựa chạy nhanh báo lệnh, không được ép gần xe kiệu, nhưng Tế vội xông vào trận, dẫn đến biến loạn. Thần vẫn đau xót tiếc nuôi, ruột gan rã rời, không biết có mảnh đất nào mà tự chui xuống? Xét theo luật kẻ phản nghịch vô đạo thì cha mẹ vợ con đều bị chém. Tế hung ác ngang ngược, phạm loạn phép cấm, tội chẳng dung tha. Liền sai quan Thị ngự sử bắt người nhà của Tế giao cho quan Đình úy, xét xử tội trạng”.

Ngụy thị xuân thu chép: Anh em Thành Tế không trị tội ngay, lúc bị cởi

trần lên điện, nói lời khinh nhờn; (Đại tướng quân Văn Vương) liền tự lấy cung bắn, bèn chết.

Thái hậu hạ chiếu nói: “Trong năm loại tội, chẳng gì lớn bằng tội bất hiếu. Người có con bất hiếu, vẫn dạy mà trị tội. Thằng ấy há còn được làm vua của muôn người sao? Ta là đàn bà không đạt được nghĩa lớn ấy để cho Tể không được sửa lỗi phản nghịch vậy. Nhưng ý Đại tướng quân rõ ràng, nói lời đau xót, cho nên nghe theo lời tấu. Nên bố cáo gần xa khiến cho đều được biết gốc ngọn”.

Thế ngữ chép: Lúc trước vào giữa năm Thanh Long, Thạch Bao bán sắt ở Trường An, được gặp Tư Mã Tuyên Vương, Tuyên Vương biết người này. Sau đó chọn làm Thượng thư lang, làm Thanh Châu Thứ sử, Trấn đông Tướng quân. Giữa năm Cam Lộ vào châu, sắp về, vào từ biệt Cao Quý Hương Công, ở lại cả ngày. Văn Vương sai người xin lệnh đi qua. Văn Vương hỏi Bao rằng: “Sao ở lại lâu”? Bao nói: “Là vì không phải người tầm thường vậy”. Hôm sau đi đến Huỳnh Dương, mấy ngày sau thì xảy ra biến loạn.

Tháng sáu ngày quý sửu, hạ chiếu nói: “Thời xưa vua đặt tên chữ, khó phạm mà đổi tên. Ngày nay tên húy của Thường Đạo Hương Công rất khó tránh, triều đình bàn bạc nên đổi sửa, tấu lên”.

TÀO HOÁN TRUYỆN

Trần Lưu Vương tên là Hoán⁽¹⁴⁾, tự Cảnh Minh, là cháu của Vũ Đế, con của Yên Vương là Vũ vậy.

Năm Cam Lộ thứ ba, phong Thường Đạo Hương Công ở huyện An Thứ. Cao Quý Hương Công chết, công khanh bàn đón lập công. Tháng sáu ngày giáp dần, vào đền Lạc Dương, gặp Hoàng thái hậu, hôm đó lên ngôi Hoàng đế ở điện trước Thái Cực, đại xá, đổi niên hiệu, ban tước và lụa gạo cho mọi người theo thứ bậc

Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, mùa hạ tháng sáu ngày bính thìn, bái Đại tướng quân Tư Mã Văn Vương làm Tướng quốc, phong Tấn Công, tăng thực ấp hai quận, cùng thực ấp lúc trước là đầy mười quận, ban lễ ‘cửu tích’ như chiếu lệnh lúc trước; trong các con em những ai chưa phong Đình hầu thì ban cho nghìn vạn xâu tiền, vạn thất gấm, Văn Vương cố từ, lại thôi. Ngày kỉ mùi, phu nhân của Hán Hiến Đế ngày xưa là Tiết⁽¹⁵⁾ hoẵng, Đế đến tại vườn Hoa Lâm, sai sứ giả cầm cờ tiết truy thụy cho phu nhân là Hiến Mục Hoàng hậu. Lúc táng, đem xe áo theo như phép chế ngày trước của nhà Hán. Ngày quý Hợi, lấy Thượng thư Hữu bộc xạ Vương Quán làm Tư không; mùa đông tháng mười, Quán hoẵng.

Tháng mười một, Yên Vương dâng biểu chúc mừng ngày đông chí, xưng thần.

Tháng mười hai ngày giáp thân, rồng vàng hiện trong giếng ở huyện Hoa Âm. Ngày giáp ngọ, lấy Tư lệ Hiệu úy Vương Tường làm Tư không.

Năm thứ hai, mùa hạ đầu tháng năm, Mặt trời có chỗ khuyết. Mùa thu tháng bảy, người rợ Hàn, Uế, Mạch ở ngoài quận Lạc Lãng đều đem thân thuộc đến châu công. Tháng tám ngày mậu dần, Triệu Vương là Cán hoẵng. Ngày giáp dần, lại phong Đại tướng quân lĩnh tước Tấn Công, thêm chức Tướng quốc, sắm lễ ‘cửu tích’ như chiếu lúc trước; lại cố từ, bèn thôi.

Năm thứ ba, mùa xuân tháng hai, rồng xanh hiện trong giếng ở huyện Chỉ. Mùa hạ tháng tư, người quận Liêu Đông báo là vua của nước Túc Thận sai sứ giả phiên dịch vào công, dâng ba mươi cây cung dài ba thước năm tấc, cây tên làm bằng gỗ cây hồ dài một thước tám tấc, ba trăm cây tên đá, hai mươi bộ áo giáp làm bằng xương da và sắt tạp, bốn trăm tấm da chồn. Mùa đông tháng mười, Đại tướng quân Khương Duy của nước Thục vào cướp miền Thao Dương, bị Trấn tây Tướng quân Đặng Ngải chống lại, phá Duy ở huyện Hầu Hòa, Duy trốn chạy. Năm đó, hạ chiếu tế Quân sư tế tửu Quách Gia ngày xưa ở miếu đình Thái Tổ.

Năm thứ tư, mùa xuân tháng hai, lại phong Đại tướng quân lĩnh tước, vị như chiếu lúc trước, lại cố từ bèn thôi.

Mùa hạ tháng năm, hạ chiếu nói: “Thục là nước bé tí, đất hẹp dân ít, vậy mà Khương Duy ngỗ ngược điều dùng quân dân nước ấy, chưa từng bỏ chí; năm ngoái sau khi phá được quân giặc, nay vẫn trồng trọt ở Đạp Trung, cắt xén rợ Khương, lao dịch không nghỉ, dân chẳng chịu nổi. Đánh yếu phá kém là cách hay của việc quân, đất người mà không bị người đất là phép đầu của nhà binh vậy. Kẻ mà người Thục dựa cậy là chỉ có Duy mà thôi, nhân lúc hấn rời xa khỏi hang ổ mà đem quân đánh thì dễ. Nay sai Chinh tây Tướng quân Đặng Ngải đốc lĩnh các quân đến các xứ Cam Tùng, Đạp Trung để bắt lấy Duy, sai Ung Châu Thứ sử Gia Cát Tự đốc lĩnh các quân đến các xứ Vũ Đô, Cao Lô, đầu đuôi đánh dẹp. Nếu bắt Duy thì nên cùng đi hai phía đông tây, tất quét dẹp được đất Ba Thục vậy”. Lại sai Trấn tây Tướng quân Chung Hội theo đường Lạc Cốc đi đánh Thục.

Mùa thu tháng chín, Thái úy Cao Nhu hoẵng. Mùa đông tháng mười ngày giáp dần, lại lệnh Đại tướng quân nhận tước vị như chiếu lúc trước. Ngày quý mão, lập Hoàng hậu Biện thị. Tháng mười một, đại xá.

Từ khi Đặng Ngải, Chung Hội đem quân đánh Thục, đến đâu thắng đó. Tháng ấy, vua Thục là Lưu Thiện đến chỗ Ngải hàng, đất Ba Thục đều bình. Tháng mười hai ngày canh tuất, lấy Tư đồ Trịnh Xung làm Thái bảo. Ngày nhâm tí, chia Ích Châu lập ra Lương Châu. Ngày quý sửu, tha tội cho quân dân Ích Châu, lại miễn nửa tô thuế trong năm năm.

Ngày ất mão, lấy Chinh tây Tướng quân Đặng Ngải làm Thái úy, Trấn tây Tướng quân Chung Hội làm Tư đồ. Hoàng thái hậu băng.

Năm Hàm Hi thứ nhất, mùa xuân tháng giêng ngày nhâm tuất, đem xe cũ đến bắt Đặng Ngải. Ngày giáp tí, đi đến Trường An. Ngày nhâm thân, sai sứ giả đem tiền ngọc tế ở núi Hoa Sơn. Tháng ấy, Chung Hội phản ở đất Thục, bị quân sĩ đánh; Đặng Ngải cũng bị giết. Tháng hai ngày tân mão, tha tội cho quân sĩ ở Ích Châu. Ngày canh thân, táng Minh Nguyên hoàng hậu. Tháng ba ngày đinh sửu, lấy Tư không Vương Tường làm Thái úy, Chinh bắc Tướng quân Hà Tăng làm Tư đồ, Thượng thư Tả bộc xạ Tuân Nghị làm Tư không. Ngày kỉ mão, phong tước Vương cho Tấn Công, thực ấp mười quận, cùng lúc trước là hai mươi quận.

Ngày đinh hợi, phong Lưu Thiện làm An Lạc Công. Mùa hạ tháng năm ngày canh thân, Tướng quốc Tấn Vương tấu xin đặt lại tước ‘ngũ đẳng’. Ngày giáp tuất, đổi niên hiệu. Ngày quý mùi, truy phong Vũ Dương Tuyên Văn Hậu làm Tấn Tuyên Vương, Vũ Dương Trung Vũ Hậu làm Tấn Cảnh Vương. Tháng sáu, Trấn tây Tướng quân Vệ Quán dâng tấu nói quân Ung Châu ở huyện Thành Đô thu được một cái ấn ngọc bích, có khắc chữ ‘thành tín’, noi theo nghĩa ‘tặng cây lúa’ của Chu Thành Vương⁽¹⁶⁾, đem cho trăm quan xem, rồi cất ở phủ Tướng quốc.

Tôn Thỉnh nói: “Ngày xưa Công Tôn Thuật tự thấy nổi lên ở Thành Đô,

bèn đặt hiệu là Thành. Hai chữ trên cái ấn ngọc có lẽ là do Thuật khắc vậy”.

Lúc đầu, từ lúc sau khi bình Thục, giặc Ngô đóng đồn ép gần Vĩnh An, bèn sai các quân miền Kinh, Dự hai đầu đến cứu. Tháng bảy, giặc đều rút lui. Tháng tám ngày canh dần, sai Trung phủ quân Tư Mã Viêm giúp làm việc Tướng quốc, theo nghĩa phong tước Lỗ Công cho dòng dõi⁽¹⁷⁾.

Ngày quý tị, hạ chiếu nói: “Tên phản nghịch là Chung Hội ngày trước liên kết phản loạn, tụ tập kêu gọi tướng sĩ, dùng oai quân cướp phá, bắt đầu bày mưu gian, nói lời ngang ngược, ép bức quân sĩ, đều sai bàn nghị, trong bọn quân lính chẳng ai không sợ hãi. bấy giờ Tướng quốc Tả tư mã Hạ Hầu Hòa, Kị sĩ tào thuộc Chu Phủ đi sứ tại Thành Đô, Trung lĩnh quân Tư mã Giả Phụ, Lang trung Dương Tú đều bàn việc quân của Hội; nhưng Hòa, Tú, Phủ đều giữ tiết chẳng phục, chống lời ác của Hội, gặp nạn không lùi, lời lẽ trung liệt. Phụ bảo tướng rời Hội là Vương Khởi rằng: ‘Hội gian nghịch hung bạo, muốn giết hết tướng sĩ’, lại nói: ‘Tướng quốc đã đem ba mươi vạn sang tây đánh Hội’, muốn để phô trương thanh thế, kích động lòng quân. Khởi ra, đem lời Phụ mà tuyên cáo cho các quân, do đó tướng sĩ thêm mang lòng hăng hái. Ban tặng vinh sủng là để nêu rõ kẻ trung nghĩa vậy. Nay phong Hoà, Phụ tước Hương hầu, Tú, Phủ tước Quan nội hầu. Khởi tuyên truyền lời của Phụ, cáo lệnh tướng sĩ, nên được thưởng lớn. Nay lấy Khởi làm Bộ khúc tướng”.

Ngày quý mão, lấy Vệ tướng quân Tư Mã Vọng làm Phiếu kị Tướng quân. Tháng chín ngày mậu ngọ, lấy Trung phủ quân Tư Mã Viêm làm Phủ quân Đại tướng quân.

Ngày tân mùi, hạ chiếu nói: “Giặc Ngô chính trị bạo ngược, tô thuế chẳng cùng. Tôn Hưu sai sứ là Đặng Câu đến lệnh Giao Chỉ Thái thu điều động dân trong quận ấy, phát để làm lính. Do đó tướng Ngô là Lữ Hưng nhân lòng dân oán giận, lại thừa cơ quân ta đã dẹp bằng Ba Thục, liền liên kết hào kiệt, giết trừ bọn Câu, xua đuổi quan Thái thú, trưởng lại, vỗ về quân dân để đợi lệnh của nhà nước. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam nghe tin Hưng bỏ nghịch theo thuận, cũng dốc lòng ứng theo, hợp sức với Hưng. Hưng gửi thư đến các châu quận miền nam, tỏ bày kế lớn, đem quân đến quận Hợp Phố, báo rõ họa phúc; sai bọn Đô úy Đường Phổ đến huyện Tiên Thặng, dâng thư cho Nam Trung Đô hộ quân Hoắc Dặc tự bày tỏ. Lại nữa quan lại quận Giao Chỉ đều dâng tấu nói là ‘Hưng gây dựng sự nghiệp, lớn nhỏ đều vâng mệnh. Trong quận có giặc trên núi, dẫu ra vào các quận nhưng đều sợ kế lạ của Hưng, đều có ý rời bỏ. Nay tùy thời mà làm, chọn Hưng đốc lĩnh các quân của quận Giao Chỉ, Thượng đại tướng quân, An Định Huyện Hầu, xin ban tặng khen thưởng để vỗ về miền biên giới’. Lại có lòng thành thật, tỏ rõ ở lời nói. Ngày xưa Nghi Phủ theo nước Lỗ, được kinh Xuân thu khen hay; Đậu Dung theo nhà Hán, được đãi lễ lớn. Nay oai nước lừng xa, vỗ về sáu cõi, đang cất nhắc

xứ lạ, thống nhất bốn miền. Hưng ngoảnh đầu theo giáo hóa, đem quân cúi phục, dốc nghĩa nơi vạn dặm, sẽ đến bái chức, ban cho vinh sủng, phong tước vị cao. Nếu khiến cho Hưng vui mừng cảm kích thì người phương xa nghe tin ấy tất càng hăng hái. Nay lấy Hưng làm Sứ tri tiết, đốc lĩnh các quân của Giao Châu, Nam trung Đại tướng quân, phong An Định Huyện Hầu, được tùy lúc thích hợp mà làm việc, làm trước tấu sau”. Chiếu lệnh chưa đến thì Hưng đã bị kẻ dưới giết.

Mùa đông tháng mười ngày đình hội, hạ chiếu nói: “Ngày xưa vua hiền chúa sáng đẹp loạn giúp đời, định công phong thưởng, văn võ khác hàng nhưng cùng chung oanh liệt. Cho nên có vua chỉ múa khiên để dạy dỗ kẻ không phục, có vua chỉ bày quân lữ để uy hiếp kẻ bạo ngược. Còn như việc yêu dân giữ nước, ban ân chúng dân, phải tu sửa văn giáo trước, tỏ rõ phép tắc, bắt dặc dĩ mới dùng binh, đây là điều giống nhau của bậc có đức dày vậy. Lúc trước võ yên Hoa Hạ, nay không rảnh rỗi, bèn khiến cho giặc gây gổ nhiều đời. May nhờ oai linh của tổ tiên, tể phụ trung vũ, trùm khắp bốn phương, dẹp định miền Dung, Thục mà chẳng cần đánh lâu, một trận là thắng. Mới rồi miền Giang Biểu suy kém, chính trị tối tăm. Nay miền Ba Hán đã định, khiến cho bên ấy lẻ loi không có cứu giúp, các miền Giao, Kinh, Dương, Việt lướt theo hướng về. Nay tướng ngự ở quận Giao Chỉ là Lữ Hưng đã lĩnh ba quận, ở nơi vạn dặm mà theo lệnh; hầu tướng ở quận Vũ Lăng là bọn Trương Nghiêm liên kết năm huyện xin làm tôi thần; dân miền núi ở các quận Dự Chương, Lư Lăng đều dậy binh phản Ngô, lấy danh là Trợ bắc Tướng quân. Lại còn Tôn Hưu bệnh chết, ngôi vua chuyển đổi, trong nước phản nghịch, đều có lòng riêng. Tướng ngự là Thi Tích, là danh thần của giặc vẫn nghi ngờ mà tự chán ghét, bị kẻ khác ghét hiềm. Quân phản thân rời, chẳng ai có chí vững, từ xưa đến nay chưa có điềm nguy diệt như thế. Nếu sáu quân rầm rộ, sang nam vượt Giang, Hán thì miền Ngô Cối tất công già dặt trẻ để đón quân ta, đây là cái lí chắc chắn vậy. Nhưng phát động quân lớn vẫn có tổn hao, chỉ nên dụ cáo oai đức, tỏ rõ nhân tín, báo cho biết cái lợi của việc theo phục hòa thuận. Ngày xưa Tướng quốc Tham quân Từ Thiệu, Thủy tào duyên Tôn Úc ở tại Thọ Xuân đều bị quân ta bắt giữ. Thiệu vốn là quan Nam Lăng Đốc của ngự, tài năng cứng cỏi, Úc vốn là họ hàng của Tôn Quyền, trung lương được khen. Nay sai Thiệu về miền nam, lấy Úc làm phó để nêu rõ lệnh vua, đều đem việc thực mà khuyên dụ người Ngô, tuyên cáo khắp chốn. Nếu bên ấy hiểu biết thì không cần tổn kế đánh dẹp, đây là kế hơn cả, là phép cũ thời xưa vậy. Nay lấy Thiệu làm Tán kỵ Thường thị, bái Phụng xa Đô úy, phong Đô đình hầu; lấy Úc làm Cấp sự Hoàng môn thị lang, ban tước Quan nội hầu. Những người nhà trai gái và vợ ban cho bọn Thiệu ở đây, đều cho tự đi theo để nêu rõ ân đức của nhà nước, không cần sai về để tỏ lòng thành tín”.

Ngày mậu ngọ, sai Phủ quân Đại tướng quân Tân Hương Hầu là Viêm làm Thế tử của Tấn Vương. Năm đó, bãi quan Đồn điền để cân bằng việc lao dịch, các quan Điền nông đều được làm Thái thú, quan Đô úy đều được làm Lệnh trưởng; chiêu mộ người Thục dời vào Trung Quốc, cấp cho thóc lúa dùng trong hai năm, lại miễn thuế hai mươi năm. Các huyện An Du, Phúc Lộc đều nói có cây lúa tốt mọc.

Năm thứ hai, mùa xuân tháng hai ngày giáp thìn, người huyện Câu Nhẫn bắt được rùa thần đến dâng, đem vào ở phủ Tướng quốc. Ngày canh tuất, vì lính hồ bôn là Trương Tu ngày xưa ở tại Thành Đô ruồi ngựa đến các trại cáo dụ Chung Hội phản nghịch, dẫn đến bỏ mạng, bèn ban cho em Tu là Kỳ lĩnh tước Quan nội hầu. Mùa hạ tháng tư, huyện Nam Thâm Trạch nói là có sương ngọt sa xuống. Nước Ngô sai sứ là Kỉ Trắc, Hoàng Cầu đến xin hòa.

Tháng năm, hạ chiếu nói: “Tướng quốc Tấn Vương bày đặt mưu thần, đức bọc bốn cõi, võ công lấy lòng thì oai trùm xứ lạ, lan truyền giáo hóa thì các nước bên cạnh chẳng rời bỏ. Võ về miền Giang Biều, văn nghĩ giúp đỡ, bỏ võ chuộng nhân, nêu bảo oai đức. Văn đức truyền đến đâu thì đều ngưỡng theo hướng về, sai sứ dâng nạp để tỏ rõ ý thuận, đem vật báu đồ lạ đến mà tỏ lòng vui mừng. Vậy mà Vương vẫn khiêm nhường như thế, đều sai trả về, chẳng phải là vì võ về mà khiến cho người ta theo phục, mà là theo một lòng thành thật vậy. Nay các đồ mà Tôn Hạo dâng đến mà Vương chớ về thì đều đem đến chỗ vương để hợp với phép cổ”. Vương cố từ lại thôi. Lại sai Tấn Vương đội mũ miện có mười hai dải, dùng cờ tinh của Thiên tử, ra thì có quân phòng vệ, vào thì sai quân dẹp đường, ngồi xe nạm vàng bạc, có sáu con ngựa kéo, sắm năm cỗ xe đi bảo vệ, đặt cờ mao cờ xí, tám đội nhạc múa, treo chuông khánh ở trong cung. Lại phong phi của vương làm Vương hậu, Thế tử làm Thái tử, các con trai, con gái, cháu của vương đều được ban tước như phép cũ. Ngày quý mùi, đại xá. Mùa thu tháng tám ngày tân mão, Tướng quốc Tấn Vương hoẵng. Ngày nhâm thìn, Thái tử Viêm của Tấn Vương được phong nối tước, trông coi trăm quan, sắm sửa chiếu lệnh, đều như lúc cũ. Tháng đó, huyện Tương Vũ tấu có người lớn hiện, cao hơn ba trượng, vết dân dài ba thước hai tấc, tóc trắng, mặc áo cộc vàng, khăn vàng, cầm gậy, gọi người dân là Vương Thủy đến bảo rằng: “Thời nay yên bình”. Tháng chín ngày át mùi, đại xá. Ngày mậu ngọ, lấy Tư đồ Hà Tăng làm Thừa tướng của Tấn Vương. Ngày quý Hợi, lấy Phiếu kị Tướng quân Tư Mã Vọng làm Tư đồ, Chinh đông Đại tướng quân Thạch Bao làm Phiếu kị Tướng quân, Chinh nam tướng quân Trần Khiên làm Xa kị Tướng quân. Ngày át Hợi, táng Tấn Văn Vương. Tháng nhuận ngày canh thìn, các nước Khang Cư, Đại Uyển sai sứ đến dâng ngựa tốt, đem vào phủ Tướng quốc để tỏ rõ công lao võ về vạ nước phương xa.

Tháng mười hai ngày nhâm thìn, lịch trời mãi dứt, lịch số chuyển sang nhà

Tấn. Hạ chiếu công khanh bày tôi sắm bày lễ nghi đắp đàn ở chỗ ngoài phía nam thành, sai sứ giả dâng ấn thao của Hoàng đế, truyền ngôi cho Vương nối tự của nhà Tấn, theo như việc cũ của nhà Hán truyền ngôi cho nhà Ngụy. Ngày giáp tí, sai sứ giả đem chiếu đến. Bèn đổi phong ở huyện Kim Dung, rồi lại dựng quán ở đất Nghiệp, bấy giờ hai mươi tuổi.

Ngụy thế phả chép: Phong Đế làm Trần Lưu Vương. Đến năm Đại An thứ nhất, vào lúc năm mười tám tuổi thì băng, thụy là Nguyên Hoàng Đế.

Bình rằng: Ngày xưa vì thiên hạ lập người nối tự, chỉ có người hiền mới được lập. Đời sau nối ngôi, lập con cả để thay; nếu con cả không được nối ngôi thì nên chọn người có đức sáng trong họ hàng gần gũi như thời Văn, Tuyên của nhà Hán vậy, đấy là phép chuẩn thường không đổi. Vậy mà Minh Hoàng Đế không theo phép ấy, chỉ theo tình ý riêng, nuôi nâng trẻ con, trao cho ngôi cao, chẳng có người đỡ giúp, tất làm loạn họ tộc, rút cuộc Tào Sảng bị giết, Tề Vương nối ngôi. Cao Quý Hương Công thông minh sớm lớn, ưa hỏi kinh truyện, đại khái cũng có phong thái của Văn Đế vậy, nhưng vội vàng phóng túng, tự dẫn vào họa lớn. Trần Lưu Vương cung kính ngoảnh mặt về phía nam để cho tể phụ coi việc, làm theo phép cũ, nhường mà truyền ngôi, bèn được phong ở nước lớn, được nhà Tấn xem như khách, sánh với Sơn Dương⁽¹⁸⁾ lại còn được ban sủng vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Tư Mã Tuyên Vương*: chỉ Tư Mã Ý, được phong làm Tuyên Vương. Các sách thời Tấn kị húy cho nên gọi là Tư Mã Tuyên Vương.

(2) *Vải chống lửa*: vải chống lửa tức vải không bị lửa đốt cháy rụi, xuất từ miền Tây Vực. Theo *Liệt Tử chép*: Thời Mục Vương của nhà Chu đánh rợ Tây Nhung, rợ Tây Nhung cũng dâng vải này.

(3) *Lịch Tam thống*: chỉ lịch dùng qua ba đời nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu thời xưa.

(4) *Mặt trời có chỗ khuyết*: tức hiện tượng nhật thực, Mặt trăng che lấp một phần hay toàn phần của Mặt trời.

(5) *Tư Mã Cảnh Vương*: chỉ Tư Mã Sư, được phong làm Cảnh Vương. Các sách thời Tấn kị húy cho nên gọi là Tư Mã Cảnh Vương.

(6) *Nhiếp Chính*: Nhiếp Chính, người áp Chi nước Hàn thời Chiến quốc, là hiệp khách nổi tiếng. Có chép ở *Sử kí - Thích khách liệt truyện*.

(7) *Giới Tử*: Giới Tử tức Phó Giới Tử, người quận Bắc Địa thời Tây Hán. Theo *Hán thư - Phó Giới Tử truyện chép*: Vào thời Vũ Đế, các nước ở Tây Vực là Quy Từ, Lô Lan giúp người Hung Nô giết sứ giả của nhà Hán, đến giữa năm Nguyên Phong, sai Giới Tử đi sứ đến các nước ấy, trách mắng họ, chịu nhận lỗi, lại đem quan quân giết sứ giả của người Hung Nô đang trên đường từ nước Ô Tôn. Về báo việc được bái làm Trung lang. Lần sau, xin đi giết vua các nước ấy, rồi đem quân sĩ cùng vàng bạc, gấm lụa đến, vào uống rượu cùng vua của nước Lô Lan, nhân lúc say rượu, đâm chết vua của nước ấy, đem đầu về cửa khuyết. Do đó được Vũ Đế phong tước Hầu, thực ấp bảy trăm hộ.

(8) *Giải Dương bắt Sở*: chỉ việc thời Hán Cảnh Đế có loạn bảy nước miền Ngô Sở, sai Thái úy Chu Á Phu đi đánh dẹp, giải vây vùng Dương Châu, phá quân của vua nước Sở vậy.

(9) *Lộ Trung đại phu của nước Tề*: Lộ Trung đại phu, họ Lộ, làm Trung đại phu của Tề Vương. Theo *Sử kí - Tề Trác Huệ Vương thế gia chép*: Bảy giờ Ngô Vương là Lưu Tị, Sở Vương là Lưu Mậu làm phản kéo quân về phía tây, vua các nước Giao Tây, Giao Đông, Truy Xuyên, Tế Nam đều ứng theo, riêng Tề Vương giữ thành không theo, quân ba nước Giao Tây, Giao Đông, Truy Xuyên vây thành, Tề Vương sai Lộ Trung đại phu báo cho Thiên tử, Thiên tử bảo là: “Cố giữ thành, quân ta đã phá được quân Ngô, Sở rồi”. Bèn về báo cho Tề Vương, vòng vây gấp, không vào thành được, tướng của ba nước cùng thề ước với Lộ Trung đại phu nói: “Nếu nói quân Hán bị phá,

nước Tề nên theo ba nước thì không bị giết”. Nhưng đến dưới thành, Lộ Trung đại phu từ xa thấy Tề Vương, bèn nói: “Quân Hán đã phát trăm vạn quân, sai Thái úy Chu Á Phu đã phá quân Ngô Sở, đang dẫn quân đến cứu nước Tề, nên giữ vững đừng hàng”! Tướng của ba nước bèn giết Lộ Trung đại phu.

(10) *Tư Mã Văn Vương*: chỉ Tư Mã Chiêu từng được phong làm Văn Vương. Các sách thời Tấn kỵ húy cho nên gọi là Tư Mã Văn Vương.

(11) *Y Doãn đuổi Thái Giáp để yên nhà Ân*, Hoắc Quang bỏ Xương Ấp để định nhà Hán: Y Doãn giúp nhà Ân, sau khi vua Thang chết, cháu nội là Thái Giáp nối ngôi nhưng yếu kém, Y Doãn bèn đày Thái Giáp đến ấp Đồng cho tự sửa mình, ba năm sau lại đón về làm vua. Hoắc Quang là đại thần của Chiêu Đế của nhà Hán, Chiêu Đế chết, lập Xương Ấp Vương lên thay, Xương Ấp dâm loạn, lại phế đi mà lập Tuyên Đế.

(12) *Ba vị tổ*: chỉ Thái Tổ là Tào Tháo, Văn Đế là Tào Phi, Minh Đế là Tào Duệ.

(13) *Bảo lâm*: Bảo lâm là chức nữ quan trông coi các cung nữ trong cung.

(14) *Trần Lưu Vương tên là Hoán*: tức Thường Đạo Hương Công tên là Hoàng, đổi tên là Hoán, sau khi truyền ngôi cho nhà Tấn, được phong làm Trần Lưu Vương.

(15) *Phu nhân của Hán Hiến Đế ngày xưa là Tiết*: chỉ con gái của Thái Tổ Tào Tháo là Tào Tiết, từ thời Tháo làm Thừa tướng, gả Tiết cho Hiến Đế của nhà Hán.

(16) *Nghĩa ‘tặng cây lúa’ của Chu Thành Vương*: vào thời Chu Thành Vương có cây lúa lạ mọc lên ở bờ ruộng, hợp thành một bó, cho rằng lúa tốt biểu thị thiên hạ yên ổn, là do đức của Chu Công dẫn đến vậy. Do đó Chu Thành Vương đem tặng cho Chu Công.

(17) *Nghĩa phong tước Lỗ Công cho dòng dõi*: Chu Công là em của Vũ Vương của nhà Chu. Vào lúc giúp Vũ Vương đánh vua Trụ, được phong làm Lỗ Công nhưng chưa đến nước. Sau này phụ chính cho Thành Vương, bái con của Chu Công làm Lỗ Vương.

(18) *Son Dương*: chỉ vua Hiến Đế của nhà Hán, sau khi truyền ngôi cho nhà Ngụy, được phong làm Sơn Dương Công.

QUYỂN 5 – HẬU PHI TRUYỆN

Vũ Tuyên Biện Hoàng hậu, Văn Chiêu Chân Hoàng hậu, Văn Đức Quách Hoàng hậu, Minh Diệu Mao Hoàng hậu, Minh Nguyên Quách Hoàng hậu.

HẬU PHI TRUYỆN

Kinh Dịch chép: “Trai giữ vị ở ngoài, gái giữ vị ở trong; trai-gái giữ vị là nghĩa lớn của trời đất vậy”. Những bậc vua hiền ngày xưa, chẳng ai không định rõ phép tắc trông coi Hậu phi, thuận theo đức của trời đất, cho nên hai vị phi tần gả đến bên Quy⁽¹⁾ thì đạo của nhà Ngu được thịnh, Nhâm-Tự kết theo họ Co⁽²⁾ thì nhà Chu yên ổn, việc hưng phế được mát, đều bởi nguyên nhân ấy. Kinh Xuân thư chép rằng thiên tử được lấy mười hai vợ, chư hầu được lấy chín vợ, xét về tình lý, đây là phép tắc chẳng đổi vậy. Nhưng đời cuối phóng túng, mặc ý xa xỉ, khiến cho trai-gái kết oán, nhiều động khí hòa, riêng sắc đẹp được tôn sùng, không chuộng tính hiền thực, cho nên giáo hoá đổ nát mà phép tắc huỷ hoại, há chẳng tiếc sao! Than ôi, bậc có nước có nhà, nên lấy đó làm tấm gương lâu dài vậy!

Theo phép chế của nhà Hán, bà nội của Đế gọi là Thái hoàng thái hậu, mẹ của Đế gọi là Hoàng thái hậu, phi của Đế gọi là Hoàng hậu, ngoài ra ở nội cung có hơn mười bốn bậc. Nhà Ngụy dựa theo pháp chế nhà Hán, danh hiệu của mẫu hậu, đều như phép cũ, từ phu nhân xuống dưới, mỗi đời lại có thêm bớt. Thái Tổ dựng nước, bắt đầu mệnh đặt ra Vương hậu, dưới có năm bậc: có Phu nhân, có Chiêu nghi, có Tiệp dư, có Dung hoa, có Mĩ nhân. Văn Đế thêm Quý tần, Thục viện, Tu dung, Thuận thành, Lương nhân. Minh Đế tăng thêm Thục phi, Chiêu hoa, Tu nghi; bỏ chức Thuận thành. Giữa năm Thái Hoà mới lập lại Phu nhân, tăng ngôi vị ở trên bậc Thục phi. Từ bậc Phu nhân trở xuống có cả thảy mười hai bậc: Quý tần, Phu nhân, ngôi vị đứng sau Hoàng hậu, tước không ai sánh được; ngôi Thục phi ngang quan Tướng quốc, tước sánh Vương chư hầu; Thục viện ngang quan Ngự sử đại phu, bằng tước Huyện công; Chiêu nghi ngang tước Huyện hầu; Chiêu hoa ngang tước Hương hầu; Tu dung ngang tước Đình hầu; Tu nghi ngang tước Quan nội hầu; Tiệp dư ngang quan ‘bồng hai nghìn thạch’; Dung hoa ngang quan ‘bồng hai nghìn thạch’; Mĩ nhân sánh ngang quan ‘có bồng hai nghìn thạch’; Lương nhân ngang quan ‘bồng nghìn thạch’.

Vũ Tuyên Biện hoàng hậu, người huyện Khai Dương quận Lang Da, là mẹ của Văn Đế vậy. Vốn là con nhà ca xướng,

Ngụy thư chép: Hậu sinh vào ngày kỉ tị tháng mười hai năm Diên Hi thứ ba (năm 161 Công nguyên) thời nhà Hán ở huyện Bạch Đình quận Tề, khi sinh ra có đám khí màu vàng che mái nhà cả ngày. Cha của Hậu là Kinh Hầu thấy lấy làm lạ, đem việc này hỏi thầy bói là Vương Đán, Đán nói: “Đây là điềm lành vậy.”

năm hai mươi tuổi, Thái Tổ ở huyện Tiêu lấy làm thiếp. Sau đó theo Thái Tổ đến Lạc Dương. Kịp lúc Đông Trác làm loạn, Thái Tổ ẩn nấu sang miền

đông tránh nạn. Viên Thuật truyền tin xấu về Thái Tổ, bấy giờ tả hữu đến Lạc Dương của Thái Tổ đều muốn quay về, Hậu ngăn họ lại nói: “Việc lành dữ của Tào Công chưa biết được, hôm nay về nhà, nếu ngày mai lại đến thì còn mặt mũi nào gặp lại nhau nữa? Nếu đúng là hoạ đến, chết cùng khổ chi!” Bèn nghe lời Hậu. Thái Tổ nghe chuyện liền khen Hậu. Đầu năm Kiến An, Đinh phu nhân bị phế, liền lấy Hậu làm vợ cả. Những người con không có mẹ, Thái Tổ đều cho Hậu nuôi dưỡng.

Ngụy lược chép: Thái Tổ lúc đầu lấy Đinh phu nhân, lại có Lưu phu nhân sinh ra Tử Tu và Thanh Hà trưởng công chúa⁽³⁾. Lưu thị chết sớm, Đinh thị nuôi dưỡng Tử Tu. Sau khi Tử Tu chết ở huyện Nhưống⁽⁴⁾, Đinh thị thường nói: “Ông làm chết con ta, không nghĩ ngợi ư?” Rồi khóc lóc không kìm nén được. Thái Tổ giận phu nhân, đuổi về nhà, muốn phu nhân phải nhún mình. Về sau Thái Tổ đến gặp phu nhân, phu nhân đang dệt vải, người ngoài truyền tin rằng: “Công đến”. Phu nhân vẫn đập khung cửi như cũ. Thái Tổ đến nơi, vỗ lưng phu nhân nói: “Theo ta cùng lên xe về thôi!” Phu nhân chẳng ngoảnh lại, cũng không đáp. Thái Tổ lui ra, đứng ở ngoài cửa, lại nói: “Không còn gì nữa sao!” Cũng không đáp, Thái Tổ nói: “Đã quyết thật rồi!” Bèn cùng dứt tình, Thái Tổ muốn người nhà gả chồng cho phu nhân, người nhà không dám. Khi trước, Đinh phu nhân đã làm vợ chính, có thêm Tử Tu, Đinh thị xem mẹ con Hậu chẳng ra gì. Đến lúc Hậu lên làm vợ cả, chẳng nghĩ đến cái xấu cũ, nhân lúc Thái Tổ ra ngoài, thường bốn mùa sai người cấp tiền của, lại đi riêng đón phu nhân, mời vào ngồi ở ghế giữa còn mình ở dưới, đón đến đưa đi như việc ngày xưa. Đinh thị tạ rằng: “Người bỏ đi như ta, phu nhân sao xem như thường được vậy?” Về sau Đinh thị mất, Hậu xin Thái Tổ liệm táng, hứa theo, rồi táng ở phía nam thành huyện Hứa. Sau này Thái Tổ bệnh nặng, tự nghĩ chẳng khỏi, than rằng: “Ta trước sau làm việc theo ý mình, trong lòng chưa từng có gì đáng trách. Nhưng nếu chết rồi mà có linh, Tử Tu nếu có hỏi rằng: ‘Mẹ ta ở đâu?’ Ta nói sao để đáp lời đây”!

Ngụy thư chép: Hậu tính tiết kiệm, chẳng chuộng hoa lệ, không dùng châu ngọc gấm thêu, đồ dùng đều sơn đen. Thái Tổ từng thu được mấy viên ngọc đẹp, cho Hậu tự chọn lấy một viên, Hậu chọn lấy một viên hạng trung, Thái Tổ hỏi nguyên do, đáp rằng: “Lấy vật hạng trên là tham, lấy vật hạng dưới là dối, cho nên lấy vật hạng trung vậy”.

Văn Đế làm Thái tử, quan trưởng tả hữu mừng Hậu rằng: “Tướng quân được bái làm Thái tử, thiên hạ chẳng ai không vui mừng, Hậu nên dốc hết kho tàng ban thưởng.” Hậu nói: “Vương tự cho là Phi tuổi lớn, cho nên lập người nối tự, ta chỉ thoát khỏi cái lỗi không dạy dỗ được là may lắm rồi, sao lại nên thưởng lớn cho mọi người đây!” Quan trưởng quay về, đem nói hết với Thái Tổ: Thái tử mừng nói: “Giận không biến sắc, mừng chẳng thất tiết,

việc ấy rất khó làm vậy”.

Năm (Kiến An) thứ hai mươi bốn, (năm 219 Công nguyên) Bái làm Vương hậu, sách rằng: “Phu nhân Biện thị, nuôi nấng các con, có đức của bậc mẫu nghi. Nay Bái vị Vương hậu, các Thái tử chư hầu đứng quanh, các quan chúc thọ, các tử tội ở trong nước được giảm tội một bậc”. Năm (Kiến An) thứ hai mươi lăm, (năm 220 Công nguyên) Thái Tổ băng, Văn Đế lên ngôi Vương, tôn Hậu làm Vương thái hậu, lúc lên ngôi Đế, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh Thọ Cung.

Ngụy thư chép: Hậu vì đồ dùng chẳng đủ, giảm bớt thức ăn, các đồ vật vàng bạc tài vật đều bỏ đi. Đông A Vương là Thực, là con út của Thái hậu, Hậu yêu mến nhất. Về sau Thực phạm pháp, bị quan coi việc tâu lên, Văn Đế sai con của em trai Thái hậu là Phụng xa đô úy Biện Lan cùng công khanh bắu với Thái hậu, Thái hậu nói: “Ta không ngờ thằng ấy lại làm ra như thế, mi về nói với Đế, chẳng nên vì ta mà có tình phá hỏng phép nước”. Lúc tự đến gặp Đế, cũng chẳng nói xin tha.

Thần là Tùng Chi xét: Văn Đế nằm mơ mình mài đồng tiền, muốn xóa chữ trên tiền nhưng nó lại càng sáng, đem ra hỏi Chu Tuyên. Tuyên đáp rằng: “Ấy là việc nhà của bệ hạ, dù ý muốn như vậy, nhưng Thái hậu không nghe.” Thế thì Thái hậu có ý rồi, chẳng đúng như lời nói mà sách này chép vậy.

Ngụy thư lại chép: Thái hậu hễ theo quân đi đánh, thấy các bậc tuổi cao đầu bạc, liền dừng xe gọi hỏi, ban cho vải lụa, đối mặt nhỏ lệ nói: “Ta hận rằng cha mẹ ta chẳng còn bên ta lúc này.” Thái hậu hễ gặp người thân bên ngoại, chẳng dùng đồ trang sức, thường nói: “Ta ở chỗ phải tiết kiệm, chớ nên mong ta ban thưởng cho, chỉ nghĩ là đủ rồi. Nhà ngoại lấy làm lạ cho rằng ta đối đãi họ quá bạc bẽo, nhưng ta tự có phép thưởng ấy rồi. Ta thờ Vũ Đế bốn, năm mươi năm nay, làm việc tiết kiệm lâu ngày, chẳng tự biến thành xa xỉ được, ai phạm vào tội đã cấm, ta sẽ tăng thêm tội trạng lên một bậc nữa, chớ mong ban tặng tiền gạo.” Đế dựng nhà cho người em của Thái hậu là Biện Bình, dựng nhà xong, Thái hậu đến nhà mời người thân thích bên ngoại, làm cỗ ở dưới bếp, không có đồ ăn ngon khác. Tả hữu của Thái hậu ăn cơm rau, không có thịt cá. Hậu tiết kiệm như thế.

Minh Đế lên ngôi, tôn Thái hậu làm Thái hoàng thái hậu.

Giữa năm Hoàng Sơ, Văn Đế muốn truy phong cho cha mẹ của Thái hậu, Thượng thư Trần Quần tâu rằng: “Bệ hạ lấy thánh đức ứng thời vận nhận mệnh trời, dựng nghiệp thay pháp, phải làm khuôn mẫu lâu dài cho đời sau. Xét các lời văn trong sách cũ, không có phép tắc nào cho đàn bà được nhận tước chia đất. Theo phép thường, đàn bà theo theo tước của chồng. Nhà Tần làm trái với phép thường, nhà Hán cũng theo phép đó, chẳng phải là phép cũ của của bậc Đế vương ngày xưa vậy”. Đế nói: “Lời bàn này là đúng, việc ấy

chớ có thi hành. Hãy soạn chiếu lệnh cất giầu vào nơi đài gác, làm khuôn mẫu mãi mãi cho đời sau”. Đến mùa xuân năm Thái Hòa thứ tư, (năm 230 Công nguyên) Minh Đế mới truy thụy cho ông nội của Thái hậu là Quảng là Khai Dương Cung Hầu, cha là Viễn hiệu là Kính Hầu, bà nội của Thái hậu là Chu thị được phong làm Dương Đô Quân và Cung Hầu phu nhân, đều tặng ấn thao. Tháng năm năm ấy, Hậu băng. Tháng bảy, hợp táng ở Cao Lăng.

Khi trước, em trai của Thái hậu là Bình vì có công được phong làm Đô hương hầu, năm Hoàng Sơ thứ bảy được tiến phong làm Khai Dương Hầu, thực áp hai trăm hộ, bái Chiêu liệt tướng quân.

Ngụy lược chép: Lúc đầu, người em trai của Biện Hậu là Bình, vào năm Kiến An được làm Biệt bộ tư mã, sau thường đối mặt Thái Tổ nói lời oán thán, Thái Tổ đáp rằng: “Được làm em vợ của ta, chẳng phải là nhiều rồi sao?” Về sau lại muốn Thái Tổ cấp cho tiền lụa, Thái Tổ lại nói: “Những gì mi trộm được, chẳng phải đủ rồi sao?” Cho nên đến lúc Thái Tổ băng, chức quan của Bình không đổi, tiền cũng chẳng thêm.

Bình chết, con là Lan nối tự. Lan thời trẻ có tài học, làm Phụng xa đô úy, Du kích tướng quân, bái thêm chức Tán kị thường thị.

Ngụy lược chép: Lan dâng một bài phú khen Thái tử có đức đẹp, Thái tử bảo rằng: “Phú, là phụ giúp cho những lời nói và sự việc, tưng, là hình dung về cái đức cao đẹp tràn đầy, cho nên tác giả không dùng những câu từ sáo rỗng, kẻ nhận nó tất phải xứng đáng thực sự. Bài phú này của Lan, há ta được thế thật sao? Trước kia Ngô Khâu Thọ Vương làm phú về Bảo đỉnh, bọn học trò của Hà Vũ ngợi ca, bởi thế mới ban cho vàng bạc, việc Lan nói tuy ta không tin, nhưng về nghĩa cũng đủ để khen. Nay ban cho một cái đầu trâu.” Bởi thế sau này cũng được kính trọng thân thiết.

Lan chết, con là Huy nối tự.

Ngụy lược chép: Vào thời Minh Đế, Lan thấy bên ngoài có hai điều khó, mà Đế lưu ý đến cung thất, nên thường nhân việc đó đi theo hầu hạ, mấy lần tha thiết can gián. Đế tuy không theo lời, nhưng cũng vui lòng với lời khẩn khoản thành thật ấy. Về sau Lan khổ về rượu mắc bệnh giải khát, lúc ấy Đế tin nữ đồng cốt dùng nước phép chữa bệnh, sai người mang nước ban cho Lan, Lan không chịu uống. Đế hạ chiếu hỏi Lan có ý gì? Lan nói trị bệnh của mình phải dùng phương thuốc, sao lại tin vào đồng cốt như thế? Đế biến sắc, nhưng Lan rút cuộc không chịu phục. Sau cơn khát nặng dần cho đến chết. Bởi thế người đương thời thấy Lan hay nói thẳng, bảo rằng vì đã trách lỗi Đế trước mặt nên Lan phải tự sát, nhưng thật là chẳng đúng.

Lại chia trước của Bình, phong em của Lan là Lâm làm Liệt hầu, làm đến Bộ binh hiệu úy. Con của Lan là Long có con gái làm Hoàng hậu của Cao Quý Hương Công, Long vì là cha của Hậu mà được làm Quang lộc đại phu, vị Đặc tiến, phong Tuy Dương Hương Hầu, vợ của Long là Vương thị làm

Hiển Dương Hương Quân. Truy phong cho vợ trước của Long là Lưu thị làm Thuận Dương Hương Quân, tức mẹ ruột của Hậu vậy. Con gái của Lâm lại làm Hoàng hậu của Trần Lưu Vương, lúc ấy Lâm đã chết, phong cho vợ của Lâm là Lưu thị làm Quảng Dương Hương Quân.

Văn Chiêu Chân Hoàng hậu, người huyện Vô Cực quận Trung Sơn, là mẹ của Minh Đế, hậu duệ của quan Thái bảo Chân Hàm thời nhà Hán, nhà nhiều đời làm quan ăn lộc hai nghìn thạch. Cha là Dật, làm Thượng Sái Lệnh. Năm Hậu lên ba tuổi thì mất cha.

Ngụy thư chép: Dật lấy người quận Thường Sơn là Trương thị, sinh ba con trai năm con gái: con trai cả là Dự, chết sớm; con thứ là Nghiễm, cử hiếu liêm, làm Đại tướng quân duyện, Khúc Lương Trưởng; con thứ nữa là Nghiêu, cử hiếu liêm; con gái cả là Khương, con gái thứ nữa là Thoát, rồi đến Đạo, đến Vinh, con út là Hậu. Hậu sinh vào ngày đinh dậu tháng mười hai năm Quang Hòa thứ năm thời nhà Hán. Hễ ngủ say, người trong nhà thấy phảng phất như có người trùm cái áo ngọc lên người Hậu, thường cùng lấy làm lạ. Dật chết, ban hiệu là Mộ, họ hàng nội ngoại càng cho là lạ. Về sau, thầy tướng là Lưu Lương xem tướng Hậu và các con, Lương chỉ vào Hậu nói: “Người con gái này quý hiển chẳng nói hết được.” Hậu từ nhỏ đến lớn, không thích đùa bỡn. Năm lên tám tuổi, ở ngoài nhà có kẻ đứng trên ngựa diễn trò, người nhà và các chị gái lên lầu ngắm xem, riêng Hậu không đi. Các chị lấy làm lạ mới hỏi, Hậu đáp rằng: “Đó há phải điều mà con gái xem sao”? Năm Hậu chín tuổi, thích viết chữ, nhìn chữ liền biết, nhiều lần dùng nghiên bút của các anh, các anh bảo Hậu rằng: “Mi nên tập việc của con gái. Đụng vào sách vở học tập, muốn làm Bác sĩ nữ chẳng?” Hậu đáp rằng: “Nghe nói các vị đàn bà thời xưa, không có ai không học những việc thành bại của đời trước, lấy đó để răn mình. Chẳng biết chữ, làm sao biết được việc ấy”. Về sau thiên hạ binh loạn, thêm cảnh thiếu đói, trăm họ đều bán vật báu châu ngọc vàng bạc, bấy giờ nhà Hậu cất trữ rất nhiều lúa, cũng có mua thứ đó.

Năm Hậu hơn mười tuổi, bầm mẹ rằng: “Nay đang thời loạn mà lại mua nhiều vật báu, làm kẻ thất phu thì vô tội, người đeo ngọc là có tội. Lại nữa tả hữu đều đói thiếu, chẳng bằng đem lúa phát chẩn cho họ hàng làng xóm, để mở mang ân huệ.” Cả nhà khen hay, liền theo lời Hậu.

Ngụy lược chép: Năm Hậu mười bốn tuổi, anh giữa là Nghiễm mất, để tang qua kì, thờ chị dâu rất cung kính, chăm chỉ các việc, chăm sóc con của Nghiễm, thương yêu hết mực. Mẹ của Hậu bản tính nghiêm khắc, đối đãi các nàng dâu như đạo thường, Hậu mấy lần can mẹ rằng: “Anh con không may chết sớm, chị dâu còn ít tuổi mà vẫn giữ tiết, ngoảnh có một đứa con, theo nghĩa lớn mà nói, việc đối đãi phải như nàng dâu, yêu mến nên coi như con gái.” Mẹ cảm lời Hậu mà rơi lệ, liền sai Hậu và chị dâu cùng ở, ngủ nghỉ

đứng ngồi cùng theo nhau, tình cảm càng thân thiết.

Giữa năm Kiến An, Viên Thiệu cho con giữa là Hi lấy Hậu. Hi ra quản U Châu, Hậu ở lại chăm sóc mẹ chồng. Kịp lúc Kí Châu bình, Văn Đế thu nạp Hậu ở huyện Nghiệp, Hậu được sủng ái, sinh ra Minh Đế và Đông Hương công chúa.

Ngụy lược chép: Hi ra quản U Châu, Hậu ở lại chăm sóc mẹ chồng. Kịp lúc thành Nghiệp bị phá, vợ của Thiệu và Hậu cùng ngồi ở trên nhà lớn. Văn Đế vào nhà Thiệu, thấy vợ của Thiệu và Hậu, Hậu sợ, nép đầu trên đầu gối mẹ chồng, vợ của Thiệu tự trói hai tay. Văn Đế bảo rằng: “Lưu phu nhân sao lại làm như thế? Để cho người đàn bà mới ngẩng đầu lên”! Người mẹ bèn nâng mặt Hậu ngẩng lên, Văn Đế tới xem, thấy vẻ mặt phi phàm, khen ngợi Hậu. Thái Tổ nghe được ý ấy, bèn cho đón lấy.

Thế ngữ chép: Thái Tổ hạ huyện Nghiệp, Văn Đế vào phủ của Viên Thượng trước, thấy có người đàn bà tóc xoã mặt lấm, đứng khóc bên cạnh vợ của Thiệu là Lưu hậu, Văn Đế hỏi về người ấy, Lưu thị đáp rằng: “Là vợ của Hi”. Rồi ngoảnh sang vén búi tóc, lấy khăn lau mặt cho, vẻ mặt tuyệt trần. Việc đã qua, Lưu thị bảo Hậu rằng: “Chẳng lo chết nữa rồi”! Rồi được nạp, sủng ái.

Ngụy thư chép: Hậu càng được sủng ái lại càng tự khiêm tốn, ở hậu cung có ai được sủng ái thì Hậu lại khuyên khích, người không được sủng ái thì Hậu an ủi, hễ nhân lúc nhàn rỗi, thường khuyên Đế, nói “Ngày xưa Hoàng Đế con cháu đầy đàn, đó là bởi vợ lẽ đông đảo, mới có được cái lộc ấy vậy. Xin tìm rộng ở bậc Thục viên để có nhiều dòng nói tự”. Ý Đế khen lời ấy. Về sau Đế muốn đuổi Nhâm thị, Hậu xin với Đế rằng: “Nhâm thị đã là họ lớn ở quê nhà, đức độ sắc đẹp bọn thiếp chẳng bằng được, sao lại đuổi đi”? Đế nói: “Nhâm thị tin hẹp hòi, chẳng hoà thuận, trước sau giận ta không chỉ một lần, thế nên đuổi đi thôi.” Hậu rơi lệ cố xin rằng: “Thiếp nhận cái ân tri ngộ, điều mà mọi người đều biết, hẳn sẽ cho rằng Nhâm thị bị đuổi là do thiếp vậy. Sợ rằng người trên bị chê cợt là vì tình riêng, kẻ dưới mắc cái tội vì được sủng ái, xin hãy lưu ý cho!” Đế không nghe, bèn đuổi ra. Tháng bảy năm thứ mười sáu, Thái Tổ đi đánh miền Quan Trung, Vũ Tuyên Hoàng hậu đi theo, lưu lại ở bến Mạnh Tân, Đế ở lại giữ huyện Nghiệp. Bảy giờ Vũ Tuyên Hoàng hậu thân thể có chút không khỏe, Hậu không đến thăm hỏi được, lo lắng, đêm ngày khóc lóc; tả hữu ruồi ngựa đến hỏi rồi về báo, Hậu vẫn chưa tin, nói: “Phu nhân ở nhà, bệnh cũ hễ phát thì qua nhiều ngày. Nay bảo là bệnh đỡ, sao mau vậy? Đó là muốn an ủi ý ta thôi!” Vẫn lo lắng. Sau khi nhận được thư của Vũ Tuyên Hoàng hậu gửi về, nói là bệnh đã khỏi lại, Hậu mới vui vẻ. Tháng giêng năm thứ mười bảy, đại quân về huyện Nghiệp, Hậu vào hầu Vũ Tuyên Hoàng hậu, từ xa thấy người ngồi trong màn thì mừng rỡ, tả hữu cảm động. Vũ Tuyên Hoàng hậu thấy Hậu như thế, cũng

khóc, liền bảo Hậu rằng: “Cô vợ mới nói là bệnh ta nặng như lúc trước sao? Ta chỉ bệnh nhẹ chút thôi, hơn chục ngày là khỏi, không tin hãy coi sắc mặt ta!” Rồi than rằng: “Đấy mới thực là nàng dâu hiếu thuận vậy!” Năm thứ hai mươi mốt, Thái Tổ đánh miền đông, Vũ Tuyên Hoàng hậu, Văn Đế cùng Minh Đế, Đông Hương công chúa đều đi theo, bấy giờ Hậu bị bệnh ở lại huyện Nghiệp. Tháng chín năm thứ hai mươi hai, đại quân về, tả hữu hầu bên Vũ Tuyên Hoàng hậu thấy vẻ mặt của Hậu rất đày đặng, lấy làm lạ hỏi Hậu rằng: “Hậu chia biệt với hai con đã lâu, cái tình với con cái, không nghĩ đến sao, nhưng vẻ mặt của Hậu lại càng đày đặng, sao vậy?” Hậu cười đáp chúng rằng: “Bọn chúng đi theo phu nhân, ta háam lo sao!” Hậu sáng suốt lấy lễ tự giữ như thế.

Tháng giêng năm Diên Khang thứ nhất, (năm 220 Công nguyên) Văn Đế lên ngôi Vương; tháng sáu, đánh miền nam, Hậu ở lại huyện Nghiệp. Tháng mười năm Hoàng Sơ thứ nhất, (năm 220 Công nguyên) Đế lên ngôi. Sau khi lên ngôi, Sơn Dương Công dâng hai người con gái cho nhà Ngụy; Quách Hậu, Lý quý nhân, Âm quý nhân đều được sủng ái, Hậu càng thất ý, có lời oán. Đế cả giận, tháng sáu năm thứ hai, sai sứ giả bắt Hậu phải chết, táng ở huyện Nghiệp.

Ngụy thư chép: Con coi việc tấu xin dựng cung Trường Thu, Đế có ấn thư đón Hậu, chiếu đến tại phủ, Hậu dâng biểu rằng: “Thiếp nghe nói các triều đại trước hưng thịnh, được hưởng nước lâu dài, truyền lộc cho dòng dõi, không gì là không do từ Hậu phi. Cho nên phải xét tuyển kĩ người ấy, để sửa dựng chính giáo ở bên trong. Bệ hạ mới lên ngôi, thực là nên tiến cử người hiền thực để thống quản sáu cung. Thiếp tự thấy mình ngu lậu, chẳng gánh vác nổi việc cúng tế, lại thêm bệnh tật, sao dám giữ ngôi vị ấy.” Ấn thư ba lần gửi đến nhưng Hậu ba lần từ chối, lời lẽ khẩn thiết. Bấy giờ tiết trời nóng nực, Đế muốn đợi sang thu trời mát mẻ lại đón Hậu. Vừa lúc Hậu bị ốm nặng, ngày đinh mão tháng sáu mùa hạ, băng ở huyện Nghiệp. Đế đau xót than thở, sách tặng ấn thao Hoàng hậu.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Theo nghĩa Xuân thu, trong nhà có việc ác lớn thì tránh, có việc ác nhỏ thì không chép. Việc Văn Đế không lập Chân thị, lại còn giết hại, đã có xét rõ. Người chép sử nhà Ngụy nếu cho đó là việc ác lớn thì nên giấu đi mà không chép, nếu cho đó là việc ác nhỏ thì chẳng nên dùng lời văn giả dối, vậy mà dùng lời văn rộng tuếch đến như thế, khác với những điều mà ta thấy ở sử cũ. Do đó mà nói, sách khen điều hay của các vị Hoàng hậu Biện thị, Chân thị đều khó mà xét được sự thật. Họ Trần gạt bỏ, chọn việc đáng tin vậy.

Minh Đế lên ngôi, quan coi việc tấu xin truy thụy cho Hậu, Đế sai Tư không Vương Lãng cầm cờ tiết đem sách mệnh làm cỗ thái lao cúng tế ở lăng, lại dựng lập miếu riêng.

Ngụy thư chép bản tấu của Tam công rằng: “Cái đạo của hiếu kính là dốc lòng với người thân, do đó bốn cõi theo giáo hoá, trời đất cũng xét rõ, đây gọi là người sinh ra thì phải dốc sức nuôi dưỡng họ, chết thì phải làm cho linh hồn được vẻ vang, khen tụng để tỏ hết đức cao đẹp, nêu lên tên tuổi rạng rỡ. Nay bệ hạ có đức sáng của bậc thánh nhân, nối thay nghiệp lớn, lòng hiếu ngời ngời, thấu cả thân minh, gặp cảnh đau buồn, thường vẫn khiêm nhường. Tiên đế dời táng ở lăng gò, lễ nghi đã sắm, còn với Tiên hậu, thụy chưa vẻ vang. Cúi nghĩ Tiên hậu khiêm cung chiếu sáng cả chỗ u tối, phẩm hạnh sáng tỏ đến mức không cần nói mà giáo hoá lan truyền khắp nước, đức xứng với những lời khen ở bài Nhị nam⁽⁵⁾, cho nên mới được thần linh báo điềm lành, đòi đòi làm Hậu của nhà Đại Ngụy. Dù đã sớm đi xa, sau vạn năm nữa, vẫn mãi rạng rỡ, công lao của Hậu không nêu mà còn. Xét phép đặt thụy: thông đạt sáng suốt gọi là ‘Chiêu’, đức sáng có công cũng gọi là ‘Chiêu’. ‘Chiêu’ là sáng nhất, sáng mãi không mờ vậy. Nên tôn hiệu là Văn Chiêu Hoàng hậu”. Tháng ấy, Tam công lại tấu: “Từ đời xưa tổ tiên của nhà Chu là Hậu Tắc, lại dựng miếu riêng để tế Khương Nguyên. Ngày nay Văn Chiêu Hoàng hậu là Hoàng hậu của muôn đời, đức thánh đạo hay, há đếm được chẳng! Hậu coi việc tế tự của nhà vua, lại dốc lòng khiêm cung, cố từ ngôi cao, đến lúc hóa thần mà chẳng có miếu thờ để hưởng lễ, đây chẳng phải là báo đền đức cao, tỏ rõ đạo hiếu kính vậy. Xét theo phép cổ, nên theo như Chu lễ, lập riêng miếu thờ cho Hậu”. Đều được cho làm.

Tháng ba năm Thái Hòa thứ nhất, (năm 227 Công nguyên) lấy một nghìn hộ dân ở làng An Thành huyện Ngụy Xương quận Trung Sơn để truy phong cho Dật, thụy là Kính Hầu. Cháu cả là Tượng nối tước. Tháng tư, mới dựng tông miếu, đào đất được cái ấn ngọc, vuông một tấc chín phân, có khắc chữ là “Thiên tử thương nhớ mẹ hiền”. Minh Đế vì thế động lòng, lấy cổ thái lao tế ở miếu. Lại thường nằm mơ gặp Hậu, do đó phân rõ cao thấp những người thân thích bên họ ngoại đều theo thứ bậc, ban thưởng đến hàng vạn; lấy Tượng làm Hồ bôn trung lang tướng. Tháng ấy, mẹ của Hậu mất, Đế mặc áo tang đến viếng, trăm quan đứng quanh. Tháng mười một năm thứ tư, vì lăng cũ của Hậu ở chỗ thấp, Đế sai Tượng làm Thái úy cầm cờ tiết đến huyện Nghiệp, bảm cáo hậu thổ⁽⁶⁾; tháng mười hai, đổi táng ở lăng Triều Dương. Tượng về, chuyển làm Tán kị thường thị. Mùa xuân năm Thanh Long thứ hai, (năm 234 Công nguyên) truy thụy cho anh của Hậu là Nghiễm làm An Thành hương Mục Hầu. Mùa hạ, giặc Ngô cướp Dương Châu, lấy Tượng làm Phục ba tướng quân, Trì tiết, coi xét các tướng đánh miền đông, về, lại làm Xạ thanh hiệu úy. Năm thứ ba thì chết, truy tặng chức Vệ tướng quân, đổi phong ở huyện Ngụy Xương, thụy là Trinh Hầu; con là Sướng nối tự. Lại phong cho em của Sướng là Ôn, Vĩ, Diễm đều làm Liệt hầu. Năm thứ tư, đổi phong tước cũ của Dật, Nghiễm đều là Ngụy Xương Hầu, thụy như cũ.

Phong vợ cả của Nghiễm là Lưu thị là Đông Hương Quân, lại truy phong cho vợ cả của Dật là Trương thị là An Hỉ Quân.

Mùa hạ năm Cảnh Sơ thứ nhất, (năm 237 Công nguyên) quan coi việc bàn định bảy miếu. Mùa đông, lại tấu rằng: “Đế vương dựng nghiệp, đã có vua vâng mệnh trời, lại có Hậu phi hiền thực hợp với thần linh, do đó tạo thời hưng thịnh để thành nghiệp lớn. Xưa kia họ Cao Tân bói biết rằng con của bốn người phi đều có được thiên hạ, thế rồi Đế Chí, Đào Đường, Thương, Chu thay nhau⁽⁷⁾. Người nhà Chu truy tôn Hậu Tắc, thờ cùng trời cao, xét kỹ nguồn gốc của nhà vua, vốn có từ Khương Nguyên, lập riêng cung miếu, đời đời dâng tế, Chu lễ chép rằng: ‘Tấu nhạc có phép tắc, ca hát có vần điệu, múa như sóng cuộn, để dâng lên bà tổ’. Nhà thơ ca tụng việc ấy rằng: ‘Dân chúng thừa trước là từ bà Khương Nguyên’. Ấy là nói đến cái gốc của phép vua, gốc của sinh dân. Lại chép: ‘Miếu thờ thanh tĩnh, rộng rộng cao cao, Khương Nguyên hiền hách, đức chẳng che mờ’. Kinh Thi, kinh Lễ khen cái thịnh của họ Cơ, lời lẽ hay đẹp như thế. Đại Ngụy ứng vận, nối theo nhà Ngu, vẫn tôn sùng phép vua, ba đời nổi hưng, kể số miếu thờ sánh với nhà Chu. Ngày nay Vũ Tuyên Hoàng hậu, Văn Đức Hoàng hậu đều được thờ cúng đến muôn đời, còn như Văn Chiêu Hoàng hậu nhận điềm lành của thần linh, nuôi dưỡng vua hiền, cứu giúp dân lành, đức trùm đất trời, mở mang dòng dõi, là gốc mà đạo hóa hưng thịnh vậy. Nên dựng miếu thờ cũng như miếu lớn thờ Khương Nguyên vậy. Thế mà chưa nêu lên được phép tắc bắt hủ, sợ là cái nghĩa luận công báo đức, vạn đời có thiếu sót, đây là không phải nêu rõ cái đạo hiếu cho đời sau vậy. Miếu của Văn Chiêu đáng được đời đời dâng tế tấu nhạc, giống như miếu tổ, soạn sách lễ mãi không mục để truyền phong tục thánh thiện”. Vì thế lời bàn định về bảy miếu đều được khắc vào sách vàng, cất ở rương vàng.

Đề nghị đến họ ngoại không thôi. Sướng còn nhỏ, cuối năm Cảnh Sơ, lấy Sướng làm Xạ thanh hiệu úy, thêm chức Tán kị thường thị, lại dựng riêng một toà nhà lớn, xa giá tự đến thăm nhà. Lại nữa ở vườn sau ngôi nhà ấy dựng miếu thờ mẹ của Tượng, gọi cái làng có miếu thờ ấy là làng Vị Dương, đề tưởng nhớ đến họ ngoại. Tháng giêng năm Gia Bình thứ ba, (năm 251 Công nguyên) Sướng chết, truy tặng chức Xa kị tướng quân, thụy là Cung Hậu; con là Thiệu nối tự. Năm Thái Hoà thứ sáu, (năm 232 Công nguyên) con gái yêu của Minh Đế là Thục chết, truy phong thụy cho Thục là Bình Nguyên Ý công chúa, cho lập miếu thờ. Dem người cháu họ đã chết của Hậu là Hoàng cùng hợp táng, truy phong cho Hoàng tước Liệt hầu, lấy em họ của phu nhân Quách thị là Đức làm con nối tự, nối dòng dõi họ Chân, phong Đức làm Bình Nguyên Hầu, nối tước của công chúa.

Tôn Thịnh nói: “Về lễ, đàn bà đã không có phép tắc phong tước, huống chi là trẻ con, vậy mà phong cho ấp lớn sao? Đức từ họ khác thì thay nối họ

khác, chẳng có công lao không phải thân thích mà cho nối tước của mẹ mình, đây là trái tình sai phép, như thế quá lắm vậy. Trần Quân dẫu nói lời chống đối, Dương Phụ nêu việc cũng thế, nhưng đều chẳng nêu được đến tận cùng cái lẽ của bậc vua thời xưa, chẳng tỏ được phép tắc phong ấp nối tước, chẳng có lời trung trinh, cũng là thiếu sót vậy! Kinh Thi chép: ‘Sư doãn⁽⁸⁾ hiển hách, dân đều trông vào’. Giữ chức Tế tướng mà qua loa vậy sao”!

Tân chư công tán chép: Đức tự Ngạn Tôn. Tư Mã Cảnh Vương làm phụ chính, gả con gái cho Đức. Vợ chết sớm, Văn Vương lại gả con gái cho Đức làm vợ cả, tức Kinh Triệu trưởng công chúa vậy. Hai vị Cảnh Vương-Văn Vương muốn tự liên kết với Quách Hậu, cho nên cho kết hôn nhiều. Đức dẫu không có tài học nhưng cung kính hoà mục. Chân Ôn tự Trọng Thư, cùng Quách Kiến và bọn Đức đều là họ hàng của Hậu, vì thế mà được sủng ái. Đầu năm Hàm Hi, phong Quách Kiến làm Lâm Vị huyện công, Đức làm Quảng An huyện công, thực ấp đều là một nghìn tám trăm hộ. Ôn vốn phong tước Hầu, bái làm Phụ quốc đại tướng quân, thêm chức Thị trung, lĩnh chức Xạ thanh hiệu úy; Đức làm Trấn quân Đại tướng quân. Năm Thái Thủy thứ nhất, nhà Tân nhận ngôi trời, bái thêm cho ba người Kiến, Đức, Ôn vị Đặc tiến. Đức là người thật thà, lại là anh rể của Thế Tổ, vì thế được quý hiển ở đời. Đức tuổi già đổi sang làm quan Tông chính, chuyển làm Thị trung. Giữa năm Thái Khang, Đại tư mã Tề Vương là Du phải đi xa làm phiên vương, Đức và Tả vệ tướng quân Vương Tế cùng can gián, người bấy giờ đều khen họ. Thế Tổ vì thế trọng Đức, do đó cử Đức làm Đại hồng lư, bái thêm chức Thị trung, Quang lộc đại phu, rồi bệnh mất, tặng chức Trung quân đại tướng quân, Khai phủ, Thị trung như cũ, thụy là Cung Công, con là Hỉ nối tự. Hỉ là trong sạch có đức đẹp, làm qua chức Trung thư lang, Hữu vệ tướng quân, Thị trung, vị đến chức Phụ quốc đại tướng quân, bái thêm chức Tán kị thường thị. Hỉ thân thiện với thân thích của nhà vua, nhưng qua sự biến của Triệu Vương là Luân và Tề Vương là Quýnh, không tham dự hội mưu, cũng do mình tài kém, nhưng cũng vì lạng im mà bị bãi quan.

Giữa năm Thanh Long, lại phong cho con của anh họ Hậu là Nghị và ba người em của Tượng đều được Liệt hầu. Nghị nhiều lần dâng sớ bày tỏ chính sự lúc bấy giờ, làm đến chức Việt kị hiệu úy. Giữa năm Gia Bình, lại phong cho hai người con của Sướng làm Liệt hầu. Cháu gái của anh Nghiêm của Hậu làm Hoàng hậu của Tề Vương; cha của Hậu đã mất, phong cho mẹ của Hậu làm Quảng Lạc Hương Quân.

Văn Đức Quách Hoàng hậu, người huyện Quảng Tông quận An Bình. Tổ tiên nhiều đời làm trưởng lại.

Ngụy thư chép: Cha là Vĩnh, làm đến Nam Quận Thái thú, thụy là Kính Hầu. Mẹ là Đông thị, tức Đường Dương Quân, sinh ba con trai hai con gái:

con trai cả là Phù, làm Cao Đường Lệnh; con gái thứ là Dục; con gái thứ nữa là Hậu; em trai của hậu là Đô, em trai là Thành. Hậu sinh vào ngày ất mỗ tháng ba năm Trung Bình thứ nhất thời nhà Hán, sinh ra có tướng khác thường.

Hậu thừa trẻ thì cha là Vĩnh cho là lạ, nói: “Đây là vua của đám đàn bà vậy”. Bèn lấy tên ‘Nữ Vương’ làm tên tự. Sớm mất cha mẹ, tang loạn li tán, vào ở nhà của Đồng Đê Hầu. Vào thời Thái Tổ làm Ngụy Công, được vào Đông cung. Hậu có trí xảo, nhiều lần có bày kế sách. Văn Đế được nối tự, Hậu có mưu vậy. Thái tử lên ngôi Vương, Hậu làm phu nhân; kịp lúc lên ngôi Đế, làm quý phi. Cái chết của Chân Hậu là do Hậu được sủng ái vậy. Năm Hoàng Sơ thứ ba, (năm 222 Công nguyên) sắp lên ngôi Hậu, Văn Đế muốn lập làm Hậu, Trung lang Sạn Tiềm dâng sớ nói: “Vào thời xưa bậc Đế vương thống trị thiên hạ, không chỉ nhờ bên ngoài giúp, mà cũng cậy bên trong đỡ, yên hay loạn do từ đó, thịnh hay suy cũng bắt nguồn từ đây. Cho nên Tây Lăng⁽⁹⁾ kết hôn Hoàng Đế, Anh-Nga đến bến Quy, đều vì hiền minh mà lưu tiếng thơm thời trước. Kiệt bị đày đến Nam Sào, họa từ Mạt Hi; Trụ bày hình cột dầu để làm vui lòng Đát Kỷ. Cho nên bậc thánh triết cẩn thận lập vợ cả, phải chọn nhà quyền quý thời trước, lựa người hiền thực để trông coi sáu cung, cúng tế tông miếu, dạy bảo lễ giáo. Kinh Dịch chép: ‘Đạo nhà chính thì thiên hạ định’. Đây là phép hay của bậc Đế vương thời trước, nêu gương cho trong và ngoài vậy. Kinh Xuân thư chép tông nhân Hán Hạ nói rằng: ‘Không dùng lễ lập nàng hầu làm phu nhân’. Tề Hoàn Công thề lệnh ở Quỳ Khâu cũng nói: ‘Không lấy nàng hầu làm vợ’. Nay hậu cung được sủng ái, thường theo xe ngựa; nếu vì được yêu mà lên ngôi Hậu, khiến kẻ thấp hèn thành tôn quý, thì thần sợ rằng đời sau ‘dưới lẩn trên suy’, mở dẫn vô phép, loạn từ trên nổi lên vậy”. Văn Đế không nghe, bèn lập làm Hoàng hậu.

Ngụy thư chép: Hậu dâng biểu tạ rằng: “Thiếp không có tiết nhưn nhường của Hoàng-Anh, lại chẳng có cái đạo sửa trị của Khương-Nhâm, thực là không đáng để trao ngôi cao trông coi các phu nhân, gánh việc lớn ở hậu cung”. Hậu tự ở Đông cung, đến lúc lên ngôi vị, dầu có quý sủng nhưng ý càng cung kính, chăm sóc Vĩnh Thọ Cung, nổi tiếng có hiếu. Bảy giờ những quý nhân khác cũng được sủng ái, Hậu dạy bảo khích lệ họ. Các quý nhân ở hậu cung có lúc mắc lỗi lầm, thường xét kỹ họ, nếu đáng trách phạt thì liền kể rõ góc ngọn cho Đế biết, Đế có lúc vì thế cả giận, lại vì họ mà cúi đầu xin tha tội, cho nên sáu cung không oán. Tính tiết kiệm, không ưa âm nhạc, thường ngưỡng mộ cách làm người của Minh Đức Mã Hoàng hậu thời nhà Hán.

Hậu sớm mất anh em, lấy anh họ là Biểu nối thay nghiệp của Vĩnh, bái làm Phụng xa đô úy. Người thân bên họ ngoại của Hậu là Lưu Bùi kết hôn

với người nước khác, Hậu nghe tin, răn rằng: “Những người thân thích lấy vợ, nên chọn người ngang hàng với quê quán nhà cửa, không được cậy thế mà bắt ép người khác kết hôn”. Con của chị Hậu là Mạnh Vũ về quê nhà lấy vợ bé, Hậu ngăn lại. Bèn lệnh các nhà rằng: “Ngày nay đàn bà ít, phải gả cho tướng sĩ, không được nhân cơ hội mà lấy làm vợ bé. Nên đều tự cẩn thận, không được làm sai”.

Ngụy thư chép: Hậu thường răn bảo Biểu, bọn Biểu nói: “Người thân thích của nhà Hán ít kẻ tự trọng vẹn, đều do kiêu căng, nay ta không nên cẩn thận sao”!

Năm (Hoàng Sơ) thứ năm, (năm 224 Công nguyên) Đế đánh miền đông, Hậu lưu lại tại đài Vĩnh Thủy thành Hứa Xương. Bấy giờ mưa dầm hơn trăm ngày, nhiều thành lâu bị đổ, quan coi việc tâu xin dời chuyển. Hậu nói: “Ngày xưa Sở Chiêu Vương ra chơi, Trinh Khương lưu lại ở Tiệm Đài, nước sông dâng, sứ giả đến đón mà không có tín phù, bèn không đi mà chết chìm. Nay Đế ở nơi xa, ta chưa có cái nạn ấy mà lại dời chuyển, sao được”? Bày tôi chẳng ai dám nói nữa. Năm thứ sáu, Đế lại sang đông đánh Ngô, đến quận Quảng Lăng, Hậu lưu lại ở Tiêu cung; bấy giờ Biểu ở lại bảo vệ, muốn ngăn nước bắt cá. Hậu nói: “Nước để thông đường vận chuyển, lại đang thiếu cây gỗ, bọn nô bộc không ở trước mắt, lại muốn lấy riêng tre gỗ của công để ngăn mương rạch. Nay làm Phụng xa còn chưa xong, há bắt cá được sao”?

Minh Đế lên ngôi, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh An Cung. Năm Thái Hòa thứ tư, (năm 230 Công nguyên) chiếu phong Biểu làm An Dương Đình Hầu, lại ban tước Hương hầu, tăng ấp cả năm trăm hộ lúc trước, chuyển làm Trung lữ tướng quân. Lậy con của Biểu là Tường làm Kị đô úy. Năm đó, Đế truy thụy cha của Thái hậu là Vĩnh làm An Dương hương Kính Hầu, mẹ là Đồng thị làm Đô Hương Quân. Chuyển Biểu làm Chiêu đức tướng quân, ban thao tía vàng, vị Đặc tiến; bái con thứ hai của Biểu là Huân làm Kị đô úy. Kịp lúc mẹ của Mạnh Vũ chết, muốn táng rộ, dựng miếu thờ, Thái hậu ngăn lại, nói: “Từ thời tang loạn đến nay, phần mộ không đâu không bị đào bới, đều là do táng rộ vậy. Lăng Thú Dương nên lấy làm phép chuẩn”. Mùa xuân năm Thanh Long thứ ba, (năm 235 Công nguyên) Hậu băng ở Hứa Xương, dựng lăng theo chế lệnh; ngày canh dần tháng ba, táng ở phía tây lăng Thú Dương.

Ngụy lược chép: Minh Đế đã thay lập, suy xét cái chết của Chân Hậu, cho nên Thái hậu lo lắng mà băng. Vào lúc Chân Hậu sắp mất, đem Đế gửi cho Lí phu nhân. Kịp lúc Thái hậu băng, Lí phu nhân bèn nói là Chân Hậu bị vu họa, không được thu liệm, xén tóc trùm mặt, Đế đau xót rơi lệ, sai liệm táng Thái hậu, đều như việc cũ của Chân Hậu.

Hán Tấn xuân thu chép: Lúc trước Chân Hậu bị giết là do Quách Hậu

được sủng ái, đến lúc liệm, sai xén tóc trùm mặt, lấy vỏ trấu nhét vào miệng, rồi lập Quách Hậu, sai nuôi Minh Đế. Minh Đế biết, lòng thương mang hận, nhiều lần khóc hỏi cái chết của Chân Hậu. Quách Hậu nói: “Tiên đế tự bắt giết, sao lại trách hỏi ta? Vả lại mi là người con, đáng căm thù người cha đã mất, vì mẹ cũ mà giết uống máu hậu sao”? Minh Đế giận, bèn ép giết Hậu, sai người liệm như việc cũ của Chân Hậu.

Ngụy thư chép sách lệnh điều ai rằng: “Nghĩ về ngày nhâm thân tháng ba năm Thanh Long thứ ba, Hoàng thái hậu tế cung bắt đầu được liệm, đem táng ở lãnh phía tây lăng Thủ Dương. Kẻ làm con chịu tang Hoàng đế là Duệ cầm sách thư đưa tiễn tổ tiên, tự mình cúng tế, gõ đầu đấm ngực, kêu khóc ngất than, đau vì linh hồn bay về trời, buồn theo xe trên đường, ánh ‘tam quang’ cũng che lấp, đưa hậu về nơi suối vàng yên nghỉ. Than ôi thương thay! Ngày xưa hai vị phi gả cho họ Ngu vì thế mà phép vua sáng rõ, ba người mẹ gả cho nhà Chu thì nêu cao tiếng tốt, đã nhận nhiều phúc lành, lại hưởng lộc lâu dài. Thương ôi mẹ hiền, sửa dựng giáo hóa, rồng bay cực đỉnh, hóa hợp thánh hoàng, không lo tuổi đời, bệnh nặng thân băng. Con nhỏ xót xa, côی cút tự buồn, hồn dẫu rời xa, ngẫm nghĩ nhớ mong! Than ôi thương thay”!

Đế phong Biểu làm Quan Tân Hầu, tằng năm trăm hộ, gồm cả nghìn hộ lúc trước. Chuyển Biểu làm Phụ mã đô úy. Năm thứ tư, xét đổi phong Vĩnh làm Quan Tân Hầu, vợ là Đông thị làm Đường Dương Quân. Truy phong thụy anh của hậu là Phù làm Lương Lí đình Đái Hầu; Đô làm Vũ Thành đình Hiếu Hầu; Thành làm Tân Nhạc đình Định Hầu, đều sai sứ giả đem sách lệnh đến, dùng đồ thái lao cúng tế. Biểu hoẵng, con là Tường nói tự, lại chia tước của Biểu phong cho em của Tường là Thuật làm Liệt hầu. Tường hoẵng, con là Chiêu nói tự.

Minh Trác Mao Hoàng hậu, người quận Hà Nội. Giữa năm Hoàng Sơ được tuyển vào Đông cung, bấy giờ Minh Đế làm Bình Nguyên Vương, tiền dâng được sủng ái, ra vào cùng ngồi xe kiệu. Kịp lúc lên ngôi Đế, lấy làm quý phi. Năm Thái Hòa thứ nhất, lập làm Hoàng hậu. Cha của Hậu là Gia, bá làm Kị đô úy, em của Hậu là Tăng, bá làm Lang trung.

Trước đây, Minh Đế làm Vương, mới lấy người quận Hà Nội là Ngu thị làm phi, lúc Đế lên ngôi, Ngu thị không được lập làm Hậu, Thái hoàng hậu là Biện Thái hậu vỗ về Ngu thị, Ngu thị nói: “Họ Tào ưa tự lập kẻ thấp hèn, không có ai có nghĩa mà được chọn vậy. Nhưng Hậu coi việc ở trong, vua nghe chính sự ở ngoài, cái đạo ấy dựa vào nhau mà thành; nếu không sửa nắn được thì chưa có ai được trọn vẹn cả. Cũng vì thế mà mất nước diệt tự thôi”! Ngu thị bèn bị đuổi về Nghiệp cung. Bá Gia làm Phụng xa đô úy, bá Tăng làm Kị đô úy, ban sủng hậu hĩnh. Chốc lát, phong Gia làm Bác Bình Đình Hầu, chuyển làm Quang lộc đại phu, chuyển Tăng làm Phụ mã đô úy.

Gia vốn là thợ làm xe, chột được tôn quý, Minh Đế sai bày tội hội người nhà ăn yến, đáng về cử chỉ của họ rất thô kệch, nói liền tự bảo là ‘Hầu thân’, người thấy cho là đáng cười.

Tôn Thịnh nói: “Bạc Đế vương thời xưa đều phải tìm vợ hiền để nêu cao đức tốt, nể phép vua như trong bài Quan thư⁽¹⁰⁾, sửa phong tục như ở bài Lân chi⁽¹¹⁾. Kịp đến thời ba vị vua cuối, làm loạn nổi tự, nghĩa tình chìm đắm, quyền rơi vào kẻ được sủng ái, quý và hèn không phân rõ, dưới lán trên suy, hưng suy thịnh phế, đều do ở đó. Nhà Ngụy từ thời Vũ Vương cho đến thời Liệt Tổ⁽¹²⁾, lập ba Hoàng hậu đều xuất thân từ nhà hèn kém; gốc đã thấp kém, sao mà lâu dài được? Kinh Thi chép: ‘Vải thưa vải mỏng, gió thổi lạnh ghê’⁽¹³⁾. Là nói về việc ấy chằng”!

Sau lại bãi Gia vị Đặc tiến, bãi Tăng chuyển làm Tán kị thị lang. Năm Thanh Long thứ ba, Gia hoẵng, truy tặng chức Quang lộc đại phu, đổi phong An Quốc Hầu, tăng áp năm trăm hộ, gồm cả nghìn hộ lúc trước, thụy là Tiết Hầu. Năm thứ tư, truy phong mẹ của Hậu là Hạ thị làm Dã Vương Quân.

Vào lúc Đế sủng ái Quách Nguyên hậu, càng ít sủng ái Hậu. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, (năm 237 Công nguyên) Đế chơi ở vườn sau, gọi từ bậc Tài nhân trở lên dự yến bày nhạc, Nguyên Hậu nói: “Nên mời Hoàng hậu”. Đế không nghe, bèn cấm tả hữu, sai không được nói ra. Hậu biết được, hôm sau Đế gặp Hậu, Hậu nói: “Hôm qua ăn chơi ở vườn bắc có vui không”? Đế cho là tả hữu tiết lộ việc này, giết mất hơn mười người, lại bắt Hậu phải chết, nhưng vẫn ban thụy, táng ở Mẫn Lăng. Chuyển Tăng làm Tán kị thường thị, sau lại chuyển làm Vũ lâm hủ bộ trung lang tướng, Nguyên Vũ điền nông.

Minh Nguyên Quách Hoàng hậu, người quận Tây Bình, nhà nhiều đời là hào tộc ở miền Hà Hữu. Giữa năm Hoàng Sơ, bản quận phản loạn, bèn bắt vào cung. Minh Đế lên ngôi, rất được sủng ái, bãi làm phu nhân. Chú ruột là Lập làm Kị đô úy, chú họ là Chi làm Hồ bộ trung lang tướng. Đế bệnh nặng, bèn lập làm Hoàng hậu. Tề Vương lên ngôi, tôn Hậu làm Hoàng thái hậu, gọi là Vĩnh Ninh Cung, truy phong thụy cha của Thái hậu là Mẫn làm Tây đô Định Hầu, lấy con của Lập là Kiến thay tước ấy. Phong mẹ của Thái hậu là Đỗ thị làm Cáp Dương Quân. Chuyển Chi làm Tán kị thường thị, Trường thủy hiệu úy,

Ngụy lược chép: Trong những người họ Quách, Chi là người thẳng thắn nhất. Lúc trước tự có công khác mà được phong Hầu.

chuyển Lập làm Tuyên đức tướng quân, đều phong Liệt hầu. Anh của Kiến là Đức ra chăm sóc Chân thị. Đức và Kiến đều làm Trấn hộ tướng quân, đều phong Liệt hầu, cùng nắm quân Túc vệ. Gặp lúc ba vị vua nhỏ đại⁽¹⁴⁾, tể tướng nắm quyền, tranh cướp quyền lớn, đều bầm báo với Thái

hậu trước rồi mới làm việc. Vào lúc bọn Quán Khâu Kiệm, Chung Hội làm loạn, đều mượn lệnh của Hậu để làm lời lẽ vậy. Tháng mười hai năm Cảnh Nguyên thứ tư (năm 263 Công nguyên) thì băng; tháng hai năm thứ năm, táng ở phía tây lăng Cao Bình.

Tấn chư công tán chép: Kiến tự Thúc Thủy, có tài năng mà cứng cỏi, giữa năm Thái Thủy thì bệnh hoẵng; con là Hồ nổi tự, làm Cấp sự trung.

Bình rằng: Người nhà của Hậu phi nhà Ngụy, dẫu nói là tôn quý nhưng không có cơ hội nắm quyền như thời nhà Hán suy kém, do tể tướng chuyên quyền cả. Soi xét phép cũ, như thế là tốt rồi. Lại nhớ lời bàn của Trần Quân, lời luận của Sạn Tiềm cũng đủ để làm tấm gương cho các vị vua, truyền phép tắc cho đời sau vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) Hai vị phi tần gả cho họ Quy: chỉ hai con gái của vua Nghiêu là Nga Hoàng và Nữ Anh gả cho vua Thuấn họ Ngu ở bên Quy.

(2) Nhâm-Tự kết theo họ Cơ: Nhâm tức Thái Nhâm, con gái của họ Chí Nhâm, Tây Bá là Cơ Quý Lịch lấy làm phi, sinh ra Chu Văn Vương; Tự tức Thái Tự, con gái của họ Hữu Sơn, Chu Văn Vương lấy làm phi, sinh ra Chu Vũ Vương.

(3) Tử Tu và Thanh Hà trưởng công chúa: Tử Tu tức Tào Ngang tự Tử Tu cùng với Thanh Hà trưởng công chúa là anh em cùng cha mẹ là Vũ Đế Tào Tháo và Lưu phu nhân. Thanh Hà trưởng công chúa không rõ tên, gả cho Hạ Hầu Mậu.

(4) Tử Tu chết ở huyện Nhuông: theo Vũ Đế kỉ, Tử Tu chết trận ở thành huyện Uyển.

(5) Nhị nam: chỉ hai bài thơ Chu nam và Thiệu nam trong kinh Thi.

(6) Hậu thổ: chỉ thần đất.

(7) Xưa kia họ Cao Tân bói biết rằng con của bốn người phi đều có được thiên hạ, thế rồi Đế Chí, Đào Đường, Thương, Chu thay nhau: Đế Khốc họ Cao Tân bói cho con của bốn người vợ rằng: vợ cả là bà Khương Nguyên sinh ra Hậu Tắc là tổ của nhà Chu; vợ thứ hai là bà Giản Địch sinh ra Tiết, là tổ của nhà Thương; vợ thứ ba là bà Trần Phong sinh ra Đế Nghiêu nhà Đào Đường; vợ thứ tư là bà Tu Tí, sinh ra Đế Chí.

(8) Sư doãn: chỉ quan Tế tướng, còn gọi là Sư phó, Thái sư.

(9) Tây Lăng: chỉ bà Luy Tổ, là con gái của họ Tây Lăng, gả cho Hoàng Đế.

(10) Quan thư: một bài thơ trong kinh Thi.

(11) Lân chỉ: một bài thơ trong kinh Thi.

(12) Liệt Tổ: chỉ Ngụy Minh Đế, thụy là Liệt Tổ Minh Hoàng Đế.

(13) Kinh Thi chép: 'Vải thưa vải mỏng, gió thổi lạnh ghê': ý nói vợ kẻ hèn kém thì nhà cũng suy kém như vải thưa thì gió thổi vào thì lạnh.

(14) Ba vị vua nhỏ dại: chỉ ba vị vua cuối của nhà Ngụy là Tào Phương, Tào Mao, Tào Hoán.

QUYỂN 6 - ĐỒNG NHỊ VIÊN LƯU TRUYỆN

Đông Trác, Lý Thôi, Quách Dĩ, Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Biểu.

ĐÔNG TRÁC TRUYỆN

Đông Trác tự Trọng Dĩnh, người quận Lũng Tây huyện Lâm Thao.

Anh hùng ký chép: Cha Trác là Quân Nhã, làm chức quan nhỏ là Huyện úy ở huyện Luân Thị quận Dĩnh Xuyên. Có ba người con trai: Con trưởng là Tử Trạc, tự Mạnh Cao, chết sớm; con thứ là Trác; em Trác là Mân tự Thúc Dĩnh

Trác thuở nhỏ thích làm hiệp khách, thường du ngoạn ở Khương Trung, kết giao với hết thầy những kẻ hào kiệt ở đó. Sau này Trác về cấy ruộng, mà những kẻ hào kiệt vẫn đến chơi, Trác dẫn về cùng, giết trâu cày cùng nhau ăn uống vui vẻ. Bọn hào kiệt cảm cái tình ấy, quay về thu gom, được hơn nghìn đầu súc vật các loại đem tặng Trác.

Ngô thư chép: Quận triệu Trác đến làm Lại, sai giám sát đả đạo tặc. Rợ Hồ thường kéo ra cướp bóc, nhiều lần bắt bớ dân lành, Thứ sử Lương châu quyết định vời Trác đến cho làm Tòng sự, sai lĩnh quân kỵ lùng bắt thảo phạt chúng, đại phá giặc, chém được mấy nghìn tên. Thứ sử Tinh châu là Đoàn Quỳnh tiến cử Trác vào công phủ, Tư đồ Viên Ngỗi vời Trác đến làm Duyện.

Năm cuối đời Hoàn Đế nhà Hán, vì Trác là con nhà lành ở sáu quận Lương Châu nên được cử làm Vũ Lâm lang. Trác có vũ lực, sức khoẻ ít ai bì, hai vai đeo hai túi tên, bắn cung cả hai tay. Được làm Quân tư mã, theo Trung lang tướng Trương Hoán chinh chiến ở Tinh châu có công, được bái làm Lang trung, ban cho chín nghìn xấp lụa, Trác đem chia hết cả cho quân sĩ. Rồi được thăng làm Quảng Vũ lệnh, Bắc bộ Đô úy Thục quận, Mậu kỹ Hiệu úy Tây Vực, rồi bị bãi chức. Sau lại được vời đến bái làm Thứ sử Tinh châu, Thái thú Hà Đông, rồi thăng làm Trung lang tướng, đánh dẹp Hoàng Cân, thua quân đáng tội.

Anh hùng ký chép: Trác mấy lần đánh dẹp người Khương-Hồ, trước sau hơn trăm trận.

Bọn Hàn Toại khởi sự ở Lương Châu, Trác được phục chức Trung Lang tướng, chống cự Toại ở phía Tây. Ở Vọng Viên Hiệp Bắc, Trác bị mấy vạn người Khương-Hồ vây hãm, lương thực thiếu thốn. Trác vờ làm ra vẻ muốn bắt cá, cho đắp một cái đập để ngăn nước lại thành cái ao, khiến nước đọng đầy mấy chục dặm, lại lẳng lặng lần theo đập đất ấy vượt qua quân bên kia rồi tháo đập nước. Lúc quân Khương Hồ hay tin liền đuổi theo, nước quá sâu, không qua được. Bấy giờ sáu cánh quân ở trên Lũng Tây, thì năm cánh quân bại trận, mình quân của Trác được toàn vẹn trở về, đóng ở Phù Phong. Trác được bái làm Tiên tướng quân, phong tước Hương hầu, rồi được vời về làm Tinh châu mục.

Linh Đế kỷ chép: Năm Trung bình thứ năm, cho vời Trác vào làm Thiếu

phủ, sắc mệnh cho quan lại tướng sĩ trong quân doanh của Trác đều thuộc quyền Tả tướng quân Hoàng Phủ Tung, đến làm việc ở dinh sở. Trác dâng lời rằng: “Luong châu nhiễu loạn, kinh nghệ⁽¹⁾ chưa bị diệt, ấy là lúc kẻ bầy tôi phải gắng hết sức mình để báo đền. Nay quan binh đang hăng hái, mến ân nghĩa nghĩ cách mà báo đáp, mọi người đều níu giữ xe của thân lại, bày tỏ những lời khẩn khoản xót xa, thần chưa thể lập tức lên đường. Thần xin được tạm coi việc Hành Tiên tướng quân, hết lòng yên ủi sĩ tốt, gắng sức ra trận.” Năm thứ sáu, lấy Trác làm Tinh châu mục, lại mệnh cho quan binh làm thuộc hạ Hoàng Phủ Tung. Trác lại dâng lời: “Thần chấp chương việc binh hung đã mười năm, sĩ tốt lớn nhỏ, quen nhau đã lâu, quyến luyến cái ân nuôi dạy của thần, một mai có mệnh, thần nguyện vì quốc gia mà gắng sức, nay xin được làm tướng ở trong châu, ra sức ở nơi biên thùy.” Trác lại trái chiếu mệnh, vừa đúng lúc Hà Tiến triệu Trác về.

Linh Đế băng hà, Thiếu Đế lên tức vị. Đại tướng quân Hà Tiến cùng với Tư lệ Hiệu úy Viên Thiệu mưu tru diệt bọn yêm hoạn, Thái hậu không nghe. Tiến bèn cho triệu Trác sai dẫn binh tới kinh sư, lại mật lệnh cho quan Thượng thư rằng: “Bọn Trung thường thị Trương Nhượng trộm cầu được ân sủng, gây loạn làm vẩn đục khắp bốn cõi. Xưa kia Triệu Ưng phát động quân đội ở Tấn Dương, để đánh đuổi kẻ ác ở cạnh quân vương. Thần xin được khua triêng gióng trống kéo đến Lạc Dương, lập tức đánh dẹp bọn Nhượng.” Ý Thiệu muốn lấy việc đó để uy hiếp bức bách Thái hậu. Song Trác chưa đến nơi, Tiến đã chết.

Tục Hán thư chép: Tiến tự Toại Cao, người Nam Dương, là anh em khác mẹ với Thái hậu. Tiến vốn là con nhà đồ tể, cha là Chân, sau khi Chân chết, Tiến đem em gái cậy nhờ Hoàng môn được vào chốn dịch đình, được ân sủng, năm Quang Hoà thứ ba được lập làm Hoàng hậu, Tiến bởi thế được quý hiển. Năm Trung bình nguyên niên, Hoàng cân nổi dậy, triều đình bãi Tiến làm Đại tướng quân.

Diễn lược chép lại bài biểu của Trác rằng: “Thần cúi xuống nghĩ rằng thiên hạ sở dĩ có kẻ ngỗ nghịch không ngừng, đều là do bọn Hoàng môn Thường thị Trương Nhượng khinh mạn đạo trời, thao túng vương mệnh, cha con anh em hấn đều chiếm châu giữ quận, mọi thứ tìn ra khỏi cửa, bạc vàng gửi đến, mấy trăm vạn mảnh đất màu mỡ ở các quận ở kinh kỳ đều thuộc về bọn Nhượng, khiến cho oán khí bốc cao, yêu tặc bùng lên. Thần trước đây phụng chiếu đánh dẹp Vu Phu La, tướng sĩ đói khát, chẳng thể vượt sông, chúng đều nói muốn đến kinh sư trước tiên tru diệt bọn yêm hoạn để trừ cái hại cho dân, sau tới nơi phú quý cầu lấy của cải. Thần tuy cơ an uỷ phủ dụ, mãi mới được yên. Thần nghe nói muốn nước ngừng sôi, chẳng gì bằng đập lửa rút củi, ung nhọt vỡ dù đau, còn hơn nuôi nó trong bắp thịt, lúc chết đuổi mới gọi thuyề, hỏi sao cho kịp.”

Bọn Trung Thường thị Đoàn Khuê đoạt lấy Đé dẫn chạy ra bên đò Tiểu Bình, Trác liền dẫn binh đi đón Đé ở Bắc Mang, rồi hồi giá về cung.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Đé bị bọn Hoàng môn cướp đi vào ngày Canh Ngọ tháng tám, phải đi bộ ra Cốc môn, rồi chạy tới thượng lưu Hoàng Hà. Bọn Hoàng môn phải lao đầu xuống sông chết cả. Bấy giờ Đé được mười bốn tuổi, Trần Lưu Vương mới chín tuổi, anh em đi bộ một mình trong đêm lẫn về cung, đến tờ mờ sáng, cứ theo ánh đóm đóm mà đi, qua mây dậm, được một nhà dân dùng xe chở đi. Nỗ lực vất vả kể sao cho hết, các công khanh thuộc hạ và Trác cùng đón được Đé ở dưới sườn núi Bắc Mang.

Hiển Đé xuân thu chép: Trước đó có câu đồng dao rằng: “Hầu chẳng ra hầu, vương chẳng ra vương, nghìn xe vạn kỵ chạy ra Bắc Mang”. Trác bấy giờ vừa mới đến, đóng quân ở Dương Uyển. Nghe nói Đé đang về, bèn dẫn binh sĩ đi đón Đé.

Diễn lược chép: Đé trông xa thấy quân của Trác thì chảy nước mắt. Các quan bảo Trác rằng: “Có chiếu lui binh.” Trác nói: “Các quan là đại thần của quốc gia, chẳng thể phù giúp được vương thất, đến nỗi khiến cho quốc gia phải chao đảo ngả nghiêng, sao lại có chuyện lui binh được!” Bèn cùng kéo hết cả vào trong thành.

Hiển đế kỷ chép: Trác và Đé nói chuyện, Đé chẳng nói được câu nào, Trác bèn đổi sang nói chuyện với Trần Lưu Vương, hỏi họa loạn do đâu mà nổi lên; Vương đáp, từ đời xưa đến giờ, chẳng có điều gì là còn mất cả. Trác cả mừng, bèn có ý phế lập.

Anh hùng ký chép: Trung bộ duyệt Hà Nam là Mẫn Công giúp Đé cùng Trần Lưu Vương thượng lộ đến trấn Lạc Xá thì dừng lại. Đé một mình một ngựa, Trần Lưu Vương cùng với Công ngồi chung một ngựa, từ trấn Lạc Xá đi về phía Nam. Công khanh trăm quan phụng đón ở dưới sườn núi Bắc Mang, cố Thái úy Thôi Liệt đi trước dẫn đường. Trác dẫn mấy nghìn quân bộ kỵ đến nghênh đón, Liệt cho người ra bắt tránh đi, Trác chửi Liệt rằng: “Ta đi sớm tới ba trăm dặm đến đây, sao nói rằng tránh ra, ta chẳng thể chặt được đầu ngươi hay sao?” Rồi tiến lên diện kiến Đé nói rằng: “Bệ hạ đã lệnh cho bọn Thường thị tiểu hoàng môn tác loạn như vậy, phải nhận lấy cái họa bại vong, mối lo ấy chẳng nhỏ đâu?” Lại đi tới chỗ Trần Lưu Vương, nói: “Ta là Đông Trác đây, để ta bế xuống nào.” Bèn bế vương từ trong lòng Công.

Anh hùng ký lại chép: Một bản khác ghi rằng Vương không cho Trác bế, Trác và vương mỗi người một ngựa mà đi.

Bấy giờ em của Tiên là Xa kỵ tướng quân Hà Miêu đã bị quân sĩ của Tiên giết, thuộc hạ của Tiên và Miêu không biết theo ai, đều đến cả chỗ Trác.

Anh hùng ký nói rằng: Miêu, là anh cùng mẹ với Thái hậu, mẹ Miêu trước

kia xuất giá lấy con trai họ Chu . Tướng thuộc hạ của Tiến là Ngô Khuông, tố cáo là Miêu cùng với Tiến không đồng tâm, lại ngờ là Miêu cùng với hoạn quan có âm mưu thông đồng, bèn ra lệnh trong quân rằng: “Kẻ giết Đại tướng quân, chính là Xa kỳ vậy.” Rồi dẫn binh cùng với em của Trác là Mân chung sức vây đánh giết chết Miêu ở dưới cửa khuyết Chu tước.

Trác lại sai Lã Bố giết chết Chấp kim ngô Đinh Nguyên, thu gom binh sĩ ấy, cho nên binh quyền ở kinh đô chỉ ở tay Trác.

Cửu châu xuân thu chép: Trác mới vào Lạc Dương, quân bộ kỵ chẳng quá ba nghìn người, tự hiềm rằng binh ít ỏi, chẳng khiến cho xa gần phục; được chừng bốn năm ngày, Trác bèn cử đến đêm thì sai binh ra khỏi cửa thành, sáng hôm sau lại xếp thành hàng trận gỗ trống đi vào, báo với mọi người rằng “binh phía tây lại vào đến Lạc Trung”. Mọi người chẳng hề hay biết, cho rằng không thể thắng nổi binh của Trác.

Trước đó, Tiến phái Kỵ đô úy ở Thái Sơn là Bảo Tín đi mộ binh ở các vùng phụ cận, vừa về đến nơi, Tín bảo Thiệu rằng: “Trác nắm giữ đám binh mạnh, có chí khác, nay ta chẳng sớm lo toan đi, sau này sẽ khó kiềm chế được; Lúc Trác mới đến đây hãy còn mỗi một, ta tập kích có thể bắt được.” Thiệu sợ Trác, không dám phát động binh lính, Tín bèn quay về quê.

Đạo ấy đã lâu trời không mưa, Đế xuống chiếu bãi miễn chức Tư không của Lưu Hoàng cho Trác lên thay, không lâu lại thăng Trác làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt và quân hổ bôn. Sau Trác phế Đế làm Hoàng Nông vương. Lại cho tìm giết Vương và Hà thái hậu. Lập con nhỏ của Linh đế là Trần Lưu Vương, đó là Hán Hiến Đế.

Hiến đế kỷ chép: Trác mưu toan phế Đế, hội quần thần ở chón triều đường, bàn rằng: “Trên hết là đạo trời đất, thứ đến đạo quân thần, đó gọi là trị. Nay hoàng đế ám nhược, chẳng thể phụng thừa tông miếu, làm chủ thiên hạ được. Ta muốn chiếu theo việc của Y-Hoắc ngày trước⁽²⁾, lập Trần Lưu Vương, ý ấy thế nào?” Thượng thư Lưu Thực nói: “Xét kinh Thượng thư khi Thái Giáp lên ngôi đã bắt mình, Y Doãn mới đuổi ra Đổng Cung. Xương Ấp lên ngôi vương có hai mươi bảy ngày, mắc hơn nghìn tội, cho nên Hoắc Quang mới phế bỏ đi. Nay Kim thượng đang còn trẻ tuổi, hành vi chưa có gì sơ thất, chẳng thể so với việc ngày trước được.” Trác giận, rời khỏi chỗ ngồi, muốn giết Thực, quan Thị Trung là Sái Ung khuyên giải, Thực được thoát. Tháng chín ngày Giáp Tuất, Trác lại mở đại hội quần thần nói: “Hà thái hậu bức bách Vĩnh lạc thái hậu⁽³⁾, khiến người lo lắng mà chết, làm rối loạn cái lễ mẹ chồng nàng dâu, không có đức hiếu thuận. Thiên tử còn thơ ấu, yếu mềm chẳng thể làm vua. Xưa kia Y Doãn đuổi Thái Giáp, Hoắc Quang phế Xương Ấp, việc đã nêu rõ trong điển tịch, mọi người cho rằng thế là đúng. Nay Thái hậu nên như Thái Giáp, Hoàng đế nên như Xương Ấp. Trần Lưu vương là bậc nhân hiếu, nên lập tức tôn lên làm Hoàng đế.”

Hiển đế khởi cư chú chép lại tờ sách mệnh ấy rằng: “Đức Hiếu Linh hoàng đế chẳng thọ lâu dài ở ngôi cao tông, sớm lìa bỏ thân dân. Hoàng đế lên nối nghiệp cha, hải nội nghiêng mắt ngóng trông, nhưng Đế thiên tư khinh bạc, uy nghi chẳng kính cẩn, lúc cư tang lười biếng khinh nhờn, ác đức đã rõ, nét xấu vang danh, tổn nhục thân khí, vậy bản tông miếu. Hoàng thái hậu không đáng bậc mẫu nghi, thống quản làm chính sự rối loạn. Việc Vĩnh Lạc thái hậu đột ngột băng hà, mọi người còn ngờ hoặc. Đạo tam cương, giếng trời đất, đã bị khiếm khuyết, đó là tội lớn vậy. Trần Lưu Vương tên Hiệp, thánh đức cao đẹp lạ thường, khuôn phép đúng mực, rộng lòng với kẻ dưới thẳng thắn với người trên, có dáng vẻ của vua Nghiêu; cư tang xót thương, nói năng chính đáng; còn nhỏ mà rất có khí phách, thành ý đủ đầy. Danh thơm tiếng tốt, thiên hạ nơi nơi đều biết rõ, xứng đáng kế thừa hồng nghiệp, làm rạng rỡ truyền thống vạn đời, có thể lên kế thừa tông miếu. Nay phé Đế làm Hoảng Nông Vương. Hoàng thái hậu phải trao trả quyền chính.” Thượng thư đọc sách mệnh xong, quần thần chẳng ai nói năng gì, Thượng thư Đinh Cung nói: “Trời gây họa cho nhà Hán, tang tóc loạn lạc ngày càng nhiều. Xưa kia Sái Trọng phé Hốt lập Đột⁽⁴⁾, việc quyền biến ấy thời Xuân Thu đã có. Nay các đại thần cân nhắc nên vì xã tắc, thực hợp lòng trời thuận ý người, xin hô vạn tuế.” Trác thấy Thái hậu bị phé, cho công khanh lôi xuống dưới cởi bỏ y phục, đến lúc chết, Thái hậu chỉ mặc áo trắng mà thôi.

Trác được phong là Tướng quốc, tước My hầu, khi vào triều lạy không phải xưng danh, được mang kiếm lên thượng điện, tiếp đó lại phong mẹ Trác làm Trì dương quân, thiện tiện bày trí quan nha, phủ thừa. Trác lĩnh binh kéo đến, đúng lúc hoàng thất đại loạn, được chuyên quyền phé lập, nắm giữ quốc khố giáp binh, những đồ quốc gia trân bảo, uy chấn thiên hạ. Trác sinh tính tàn nhẫn bất nhân, dùng đến nghiêm hình bức hiếp mọi người, những ai nhếch mắt lờm nguýt hay có hiềm khích tất bị báo thù, mọi người chẳng ai đứng ra gánh đỡ.

Ngụy thư chép: Trác đòi hỏi không cùng, nói với tân khách rằng: “Ta làm tướng, quý hiển không thể hơn được.”

Anh hùng ký chép: Trác đang muốn ra oai, lúc quan Thị ngự sử thấy long tông nhiều nhưng đến chỗ Trác bảm bạch, không cởi bỏ kiếm ra, Trác bèn đứng ngay dậy đánh rồi giết đi, kinh sư chấn động. Trác cho đào áo quan của Hà Miêu, vớt thi thể ra ngoài, bảm xác vớt bỏ ở ven đường. Lại bắt mẹ Miêu là Vũ Dương quân đem giết đi, vớt thi thể vào trong vườn thú Chỉ Lạc, chẳng ai dám thu nhặt.

Trác từng phái quân đến Dương thành. Bây giờ vừa đến ngày xã tháng hai⁽⁵⁾, dân các nơi kéo về miếu thổ địa, tất cả nam nhân đều bị lính của Trác bắt đem ra chặt đầu, đóng lên xe trâu, lại cho chở hết phụ nữ cùng với tài vật

về, đem các đầu bị chặt ấy buộc ở càng và trục xe, các xe nối càng nhau quay về Lạc Dương, kêu rằng đánh giặc đại thắng, mọi người hô vang vạn tuế. Rồi cho mở cổng thành, thiêu đốt hết các đầu ấy, đem phụ nữ cho binh lính làm tì thiếp. Đến như việc gian loạn với cung nhân công chúa Trác cũng làm. Sự hung nghịch đến mức như thế.

Ban đầu, Trác tin dùng bọn Thượng thư Chu Bí, Thành môn Hiệu úy Ngũ Quỳnh, trọng dụng tiến cử bọn Hàn Phúc, Lưu Đại, Khổng Trụ, Trương Tư, Trương Mạc cho họ ra ngoài làm tướng cai quản các châu quận. Nhưng khi bọn Phúc đến nhận chức, đều tập hợp binh tướng để đánh lại Trác. Trác nghe tin, cho rằng bọn Bí, Quỳnh nhất ý thông đồng nhau có ý đồ hại mình, đều đem ra chém đi

Anh hùng ký chép: Bí tự Trọng Viễn, người ở Võ Uy. Quỳnh tự Đức Du, người ở Nhữ Nam .

Hậu Hán thư của Tạ Thừa chép: Ngũ Phu tự Đức Du, còn trẻ đã có khí tiết lớn lao, làm Môn hạ Thư tá ở quận. Viên trưởng ấp của Phu có tội, quan Thái thú sai Phu tới truyền mệnh, ra lệnh cho bọn thủ hạ là Đốc bưu bắt lấy. Phu không chịu vâng mệnh, nằm phục xuống đất ngẩng mặt lên can rằng: “Vua dù không ra vua, bầy tôi không thể không là bầy tôi được, mình phủ sao lại bắt cho Phu phải vâng lời, để ra lệnh cho người ngoài đến bắt ấp trưởng của mình được? Xin hãy trao việc ấy cho người khác.” Thái thú ngạc nhiên nhưng chấp thuận lời ấy. Về sau Đại tướng quân Hà Tiến cho vời Phu vào làm Đông tào chức, ít lâu lại thăng làm Thị trung, Hà Nam doãn, Việt kỵ Hiệu úy. Đông Trác gây loạn, trăm quan run sợ. Phu mặc chiếc áo giáp nhỏ, lúc vào triều giấu búi đao trong mình đến gặp Trác, muốn dò xét để thừa dịp đâm chết Trác. Lúc nói chuyện xong Phu cáo từ ra về, Trác đưa ra đến giữa cửa nách, Phu nhân đó rút đao đâm Trác. Trác rất khỏe, lùi lại không bị trúng đao, lập tức bắt lấy Phu. Trác hỏi: “Người muốn làm phản sao?” Phu kêu to rằng: “Mày chẳng phải là vua của tao, tao không phải bầy tôi của mày, sao nói là làm phản? Mày làm loạn nước cướp quyền của chủ, tội ác ngập đầu, hôm nay là ngày ta chết, cho nên đến giết thẳng gian tặc đi vậy, hận là chẳng xé xác được mày ở chốn triều đường để tạ thiên hạ.” Trác bèn giết Phu.

Tạ Thừa chép Phu sinh ở bản quận, thì là ở cùng chỗ với Quỳnh, mà xem ra cái việc chết lại khác với cái chết của Phu, chẳng biết Phu là tên khác của Quỳnh, hay Ngũ Phu là một người khác? Điều ấy chưa được rõ ràng vậy⁽⁶⁾.

TRUYỆN VIÊN THUẬT

Viên Thuật tự Công Lộ, là con của Tư không Phùng, em họ của Thiệu vậy. Vì hào hiệp mà nổi tiếng. Cử hiệu liêm, bái làm Lang trung, làm qua các chức ở trong ngoài, sau đó làm Chiết xung hiệu úy, Hồ bôn trung lang tướng. Vào lúc Đông Trác muốn phế đế, lấy Thuật làm Hậu tướng quân; Thuật cũng sợ cái họa từ Trác, chạy ra quận Nam Dương. Kịp lúc Trường Sa Thái thú Tôn Kiên giết Nam Dương Thái thú Trương Tư, Thuật chiếm được quận ấy. Nam Dương có mấy trăm vạn dân hộ, nhưng Thuật xa xỉ phóng túng, trưng thu vô độ, trăm hộ bị khổ. Rồi gây hiềm với Thiệu, lại không bằng lòng với Lưu Biểu mà liên kết với Công Tôn Toàn ở phía bắc; Thiệu cũng không hòa với Toàn mà liên kết với Lưu Biểu ở phía nam. Anh em họ trắc trở, bỏ gàn theo xa như thế.

Ngô thư chép: Bấy giờ người bàn cho là Linh Đế vô đạo khiến cho thiên hạ phản loạn, vua nhỏ trẻ dại, bị tặc thần dựng lập, lại không biết là do bà mẹ nào sinh ra. U châu mục là Lưu Ngu vốn có đức trọng, bợn Thiệu muốn lập Ngu để làm yên thời cuộc, sai người báo cho Thuật. Thuật thấy nhà Hán suy kém, ngầm mang chí khác, cho nên ngoài mặt mượn lời bàn của mọi người để chống lại ý của Thiệu. Thiệu lại gửi thư cho Thuật rằng: “Trước đây cùng với Hàn Văn Ước mưu dựng đạo lâu dài, muốn cả nước được thấy lại bậc chúa trung hưng. Nay miền tây mượn tiếng là có vua nhỏ nhưng không phải là dòng dõi chính thống, công khanh trở xuống đều hòa theo Trác, sao đáng tin được! Chỉ cần sai quân đến đóng giữ nơi quan ải, tất khiến cho chúng đều tự chết khôn ở miền tây thôi. Ta lập vua mới ở miền đông, mới mong thái bình, sao còn ngờ chi! Lại nữa người nhà bị giết, há chẳng nên nghĩ đến mối thù của Ngũ Tử Tư mà ngoảnh mặt về phía bắc (7) sao? Trái mệnh trời là không hay, mong hãy nghĩ kỹ”. Thuật đáp nói: “Vua nhỏ thông minh, có khí chất của Chu Thành Vương. Tên giặc Trác nhân buổi nguy loạn mà ép buộc trăm quan, đây là mối nguy nhỏ của nhà Hán mà thôi. Nay loạn vẫn chưa dứt mà lại dấy loạn nữa? Lại nói là ‘không phải là dòng dõi chính thống’, há chẳng xằng bậy sao! Từ thời tổ tiên đến nay, dẫu thời loạn nói nhau nhưng vẫn lấy trung nghĩa làm đầu. Thái phó nhân từ rộng lượng, dẫu biết giặc Trác tất gây họa hại nhưng vì tỏ tín nghĩa mà không nỡ bỏ đi vậy. Người nhà bị diệt, chết chóc lưu li, ta may được người gần xa đến cứu giúp, nếu không nhân lúc này, trên đánh giặc ác, dưới báo thù nhà mà lại mưu việc ấy, là điều không nên vậy. Lại nói: ‘Người nhà bị giết, nên ngoảnh mặt về phía bắc’, đây là việc mà Trác làm, há vì nhà nước sao? Mệnh vua là trời vậy, không nên thù trời, huống chi là mệnh vua đây! Ta chỉ giữ lòng son, có chí diệt Trác, không biết ý khác”.

Dẫn quân vào quận Trần Lưu; Thái Tổ cùng Thiệu hợp sức đánh, đại phá

quân của Thuật, Thuật đem quân còn sót chạy đến quận Cửu Giang, giết Dương Châu Thứ sử Trần Ôn, lĩnh châu ấy;

Thần là Tùng Chi xét: *Anh hùng kí* chép: “Trần Ôn tự Nguyên Đễ, người quận Nhữ Nam. Lúc trước làm Dương châu Thứ sử, tự bệnh chết. Viên Thiệu sai Viên Di lĩnh châu, nhưng thua chạy đến nước Bái, bị quân sĩ giết. Viên Thuật lại dùng Trần Vũ làm Dương châu Thứ sử. Vũ tự Công Vĩ, người quận Hạ Bì. Vũ đã lĩnh châu thì Thuật thua ở Phong Khâu, xuống phía nam đến huyện Thọ Xuân; Vũ chống Thuật mà không thu nạp. Thuật lui về giữ huyện Âm Lăng, rồi hợp quân đánh Vũ, Vũ sợ chạy về Hạ Bì”. Như thế thì Ôn không bị Thuật giết, không giống với truyện gốc.

lấy bọn Trương Huân-Kiều Nhụy làm Đại tướng quân. Lí Thôi vào Trảng An, muốn kết Thuật làm ngoại viện, lấy Thuật làm Tả tướng quân, phong Dương Trạch Hầu, Giả tiết, sai Thái phó Mã Nhật Đê nhân đi tuần mà bái phong; Thuật đoạt cờ tiết của Nhật Đê, giữ lại không cho đi.

Tam phụ quyết lược chú chép: Nhật Đê tự Ông Thúc, là con trong họ của Mã Dung. Thừa trẻ chăm theo nghiệp của Dung, vì có tài học mà được tiến cử, cùng bọn Dương Bru-Lô Thực-Sái Ung làm Điền hiệu trung thư, làm đến vị Cửu khanh, bèn nắm vị Tam công. *Hiến Đế xuân thu* chép: Thuật đến chỗ Nhật Đê mượn cờ tiết để xem, nhân đó cướp không trả, chuẩn bị hơn nghìn người trong quân, sai đốc thúc mọi người. Nhật Đê bảo Thuật rằng: “Các vị tổ tiên nhà khanh đời trước mời gọi kẻ sĩ như thế sao mà thúc dục như thế? Cho là quan lại của phủ quan sẽ đến sao!” Xin Thuật cho đi, nhưng Thuật giữ lại không thả; bèn cho là làm mất cờ tiết mà mang nhục, căm giận mà chết.

Bấy giờ có Bái Tướng người quận Hạ Bì là Trần Khuê, là con em của Thái úy Cầu trước kia vậy. Thuật cùng với Khuê là con cháu của Tam công, thừa trẻ có giao du, gửi thư cho Khuê rằng: “Ngày xưa nhà Tần làm lở chính sự, do đó anh hùng trong thiên hạ tranh giành mà chiếm lấy, kẻ đủ cả trí dũng rút cuộc được theo phục. Nay việc đời nhiều loạn, lại có thể vỡ lở vậy, thực là buổi bậc anh tài ra tay cứu vớt. Ta thân quen với túc hạ, há chịu làm tả hữu cho họ sao? Nếu làm việc lớn, ông thực là tim bụng của ta vậy”. Bấy giờ con giữa của Khuê là Ứng ở tại Hạ Bì, Thuật liền bắt Ứng làm con tin, mưu muốn Khuê theo về. Khuê đáp thư nói: “Ngày xưa thời vua cuối của nhà Tần, phóng túng hung bạo, gây hại thiên hạ, truyền độc dân đen, kẻ dưới không chịu nổi, cho nên vỡ lở. Nay đây là thời cuối nhưng chưa có cái loạn hà khắc mà mất nước của nhà Tần vậy. Tào tướng quân thân vũ hợp thời, dựng lại hình pháp, sắp dẹp bằng hung nghịch, quét sạch cả nước, đúng có điềm ứng vậy. Ta cho là túc hạ nên gắng sức cùng lòng, giúp đỡ nhà Hán. Vậy mà ngầm mưu không theo, chỉ là tự thân chuốc họa thôi, há chẳng đau lòng sao! Nếu mê lầm mà biết chuyển ý thì vẫn tránh được. Ta vốn là người

quen cũ cho nên nói hết sự tình, dẫu nghịch với tai nhưng như có tình cốt nhục. Còn nếu muốn ta riêng ý hòa theo thì dẫu chết cũng không làm vậy”.

Mùa đông năm Hưng Bình thứ hai, (năm 195 Công nguyên) thiên tử thua ở Tào Dương. Thuật hội quan thuộc bảo rằng: “Nay họ Lưu suy yếu, cả nước loạn lạc. Nhà ta bốn đời làm Công phụ, được trăm họ theo về, ứng mệnh trời thuận ý dân, các khanh có ý thế nào”? Mọi người chẳng ai dám đáp. Chủ bạ Diêm Tượng bước lên nói: “Ngày xưa nhà Chu từ thời Hậu Tắc đến thời Văn Vương, tích đức chứa công, thiên hạ chia ba phần mà có hai phần, nhưng vẫn thờ nhà Ân. Nhà mình công dẫu nhiều đời rạng rỡ nhưng chưa có cái thịnh của nhà Chu. Nhà Hán dẫu suy nhưng chưa có việc bạo ngược như vua Trụ của nhà Ân vậy”. Thuật im im không vui; theo lời diêm báo của người quận Hà Nội là Trương Phủ, bèn tiếm hiệu,

Diễn lược chép: Thuật vì họ Viên xuất từ họ Trần, mà họ Trần lại là dòng dõi của vua Thuần, cho là hành thổ thay hành hỏa, là ứng vận nối thay. Lại thấy có lời sấm rằng: “Thay nhà Hán là Đồ Cao vậy”. Tự cho là tên tự ứng với chữ ấy, bèn đặt hiệu xưng là họ Trọng.

lấy Cửu Giang Thái thú làm Hoài Nam Doãn, đặt công khanh, cúng tế ở ngoài phía nam bắc thành, rất là xa xỉ. Hậu cung có mấy trăm người đều mặc gấm lụa, thức ăn ngon dư thừa,

Cửu châu xuân thu chép: Con gái của Tư lệ Phùng Phương là người đẹp trong nước, tránh loạn đến Dương châu, Thuật lên thành thấy mà vui lòng, bèn lấy làm vợ, rất sủng ái. Các vợ ganh sủng của thị, bảo thị rằng: “Tướng quân thích người có chí tiết, nên lúc nào cũng khóc lóc buồn rầu, tất được kính trọng lâu dài”. Phùng thị cho là phải, sau đó gặp Thuật liền rơi lệ, Thuật cho là có ý chí, thêm thương thị. Các bà vợ khác nhân đó cùng thắt cổ giết thị, treo ở cột nhà xí. Thuật cho thị không vừa ý mà chết, bèn liệm táng rất hậu.

mà quân sĩ đói rét, miền Giang-Hoài trống rỗng, người dân ăn thịt nhau. Trước kia Thuật bị Lữ Bố phá, sau lại bị Thái Tổ đánh bại, bỏ bộ khúc của mình là bọn Lôi Bạc-Trần Lan ở núi Tiềm, lại bị họ chống lại, lo sợ không biết làm thế nào. Mưu trao hiệu đế cho Thiệu, muốn đến Thanh châu theo Viên Đàm, trên đường bệnh chết.

Ngụy thư chép: Thuật trao hiệu đế cho Thiệu nói: “Nhà Hán làm mất thiên hạ lâu rồi, thiên tử bị bắt ép, chính sự vào tay nhà khác. Bọn anh hùng tranh đua, chia cắt đất đai, đây chẳng khác gì thế bầy nước cuối thời nhà Chu, rút cuộc bị kẻ mạnh chiếm lấy vậy. Lại nữa họ Viên ta vâng mệnh đáng được làm vua, diêm báo hiện rõ. Nay ông nắm cả bốn châu, (8) có trăm vạn dân hộ, bàn về sức mạnh thì chẳng ai sánh được, luận về đức thì chẳng ai cao bằng. Tào Tháo muốn cứu suy giúp yếu, há cứu nổi lại được mệnh đã diệt sao”? Thiệu ngầm cho là đúng. *Ngô thư* chép: Thuật đã bị bọn Lôi Bạc chống lại, ở lại ba

ngày, quân sĩ hết lương, bèn về đến Giang Đình, cách Thọ Xuân tám mươi dặm. Hỏi thuộc hạ, còn có ba mươi đấu lúa mạch. Bấy giờ trời nóng, muốn có sương mát, lại không có mát. Ngồi trên giường lâu, than thở hồi lâu, lại quát lớn rằng: “Viên Thuật mà đến nỗi này sao”! Do đó đảo ngã xuống giường, thổ ra hơn đấu máu mà chết.

Vợ con dựa vào quan thuộc cũ của Thuật là Lư Giang Thái thú Lư Huân; kịp lúc Tôn Sách phá Huân, bèn bị bắt giữ; con gái của Thuật vào cung của Tôn Quyền, con trai là Diệu được bái làm Lang trung. Con gái của Diệu lại gả cho con trai của Quyền là Phấn.

TRUYỆN VIÊN THIỆU

Viên Thiệu tự Bản Sơ, người huyện Nhữ Dương quận Nhữ Nam. Ông tổ là An, làm quan Tư đồ của nhà Hán. Từ đời An đến bốn đời sau đều nắm vị Tam công, do đó thế nghiêng thiên hạ.

Hán thư của Hoa Kiệu chép: An tự Thiệu Công, ham học lại có oai danh. Vào thời Minh Đế làm Sở quận Thái thú, trị tội của Sở Vương, tự xét xử hơn bốn trăm nhà, đều được cứu giúp, An bèn trở thành danh thần. Vào thời Chương Đế làm đến quan Tư đồ, sinh Thục quận Thái thú là Kinh. Em của Kinh là Xưởng làm Tư không. Con của Kinh là Thang, làm Thái úy. Thang có bốn con trai: con cả là Bình, em của Bình là Thành, làm Tả trung lang tướng, đều chết sớm; em của Thành là Phùng, em của Phùng là Ngôi, đều giữ vị Tam công. *Ngụy thư* chép: Từ đời An về sau đều rộng lượng thương yêu mọi người, không có kén chọn; tân khách vào nhà mình, không kể hiền ngu đều được như ý mình, cho nên được thiên hạ theo về. Thiệu là con thứ của Phùng, và là anh khác mẹ của Thuật, ra làm con nối dõi của Thành. *Anh hùng kí* chép: Thành tự Văn Khai, khỏe mạnh có khí hiệp, bọn quý thích cường hào từ Đại tướng quân Lương Kí trở xuống đều kết bạn với Thành, nói ra thì không gì không theo. Cho nên người kinh sư làm câu ngạn là: “Việc chẳng tày, hỏi Văn Khai”.

Thiệu có dáng vẻ oai phong, biết nhún nhường kẻ sĩ, cho nên nhiều kẻ sĩ nường về, Thái Tổ thừa trẻ cũng giao du với Thiệu. Từ chức Đại tướng quân duệ làm Thị ngự sử,

Anh hùng kí chép: Thiệu sinh thì vừa lúc cha chết, hai người chú thương Thiệu. Thừa trẻ cho làm Lang, đến tuổi ‘nhược quán’ thì cử làm Bộc Dương Trưởng, có tiếng tốt. Gặp lúc mẹ mất, để tang xong, lại nghĩ để tang cha, ở tại nhà mồ cả thấy sáu năm. Lễ tang xong, ẩn cư ở Lạc Dương, không tùy tiện qua lại với tân khách, nếu không phải là kẻ nổi danh cả nước thì không gặp nhau. Lại ưa du hiệp, làm bạn rong ruổi với bọn Trương Mạnh Trác, Hà Bá Cầu, Ngô Tử Khanh, Hứa Tử Viễn, Ngũ Đức Du. Không vâng lệnh quan gọi. Trung thường thị Triệu Trung bảo các Hoàng môn rằng: “Viên Bản Sơ ngồi nơi hay đẹp, vậy mà không vâng lệnh gọi lại nuôi dưỡng kẻ đáng tội chết, không biết thằng này muốn làm điều gì đây”? Chú ruột của Thiệu là Ngôi nghe tin, trách mắng Thiệu nói: “Mi sẽ phá nhà ta thôi”! Do đó Thiệu bèn đến vâng lệnh của Đại tướng quân.

Thần là Tùng Chi xét: *Ngụy thư* chép: “Thiệu là con thứ của Phùng, ra làm dòng dõi cho bác ruột là Thành”. Như lời mà sách này chép thì như đúng là con mà Thành sinh. Người ta để tang người sinh ra mình, *Lễ kí* thì không có chép, huống chi là con nuôi mà lại làm lễ như thế! Hai sách chép không rõ ai

đúng.

dần dần chuyên làm Trung quân hiệu úy, làm đến Tư lệ hiệu úy.

Linh Đế băng, anh của Thái hậu là Đại tướng quân Hà Tiến cùng Thiệu mưu đánh bọn hoạn quan,

Tục Hán thư chép: Thiệu sai khách là Trương Tân khuyên Tiến rằng: “Bọn quan Hoàng môn-Thường thị nắm quyền lâu ngày, lại nữa Vĩnh Lạc Thái hậu cùng bọn Thường thị chuyên qua lại mưu lợi, tướng quân nên chính đôn thiên hạ, trừ hại giúp đất nước”. Tiến cho là phải, bèn kết mưu với Thiệu.

Thái hậu không theo. Tiến bèn gọi Đồng Trác, muốn để ép Thái hậu. Bọn quan Thường thị-Hoàng môn nghe tin, đều đến chỗ Tiến tạ tội, xin vâng theo sắp đặt. Bấy giờ Thiệu khuyên Tiến nên nhân đó mà quyết làm đi, nhưng đến ba lần mà Tiến không nghe, sai Thiệu lệnh những quan võ có mưu lược coi xét bọn hoạn quan. Lại sai em của Thiệu là Hồ ôn trung lang tướng Thuật chọn hai trăm quân hồ ôn hòa vào trong cung, thay các quan Hoàng môn cầm quân giữ nhà cửa. Bọn Trung thường thị Đoàn Khuê giả truyền lệnh của Thái hậu, gọi Tiến vào bàn nghị, rồi giết Tiến, trong cung bèn loạn.

Cửu châu xuân thu chép: Lúc trước Thiệu khuyên Tiến rằng: “Hoàng môn-Thường thị nhiều đời lớn mạnh, oai trùm cả nước, khi trước Đậu Vũ muốn giết chúng mà trái lại bị chúng hại, chỉ là vì nhân lời nói bị tiết lộ mà đem quân của năm doanh gây biến vậy. Quân của năm doanh sinh trưởng ở kinh sư, sợ phục người trong cung, vậy mà họ Đậu trái lại dùng sức mạnh của họ, rút cuộc họ phản chạy theo bọn Hoàng môn, cho nên tự chuốc lấy thua diệt. Nay tướng quân dựa vào sự tôn quý của cậu vua, hai phủ đều nắm quân khỏe, quan tướng bộ khúc của mình đều là kẻ sĩ anh hùng, vui lòng dốc hết sức, việc ở trong lòng bàn tay, cũng là trời cho gặp thời vậy. Nay vì thiên hạ mà trừ diệt tham ô, công lao hiển hách, lưu danh đời sau, dẫu Thân Bá của nhà Chu há đủ để sánh được? Nay nhà vua ở điện trước, tướng quân nên mượn chiếu thư mà lĩnh quân giữ gìn, nhưng chớ vào cung”. Tiến nghe lời ấy, sau lại nghi ngờ; Thiệu sợ Tiến đổi ý, ép Tiến nói: “Nay giao kết đã xong, hình thế đã lộ, tướng quân sao lại không sớm quyết đi? Việc dùng thì sinh biến, họa sẽ đến sau đây”! Tiến không theo, rút cuộc thua bại.

Thuật đem quân hồ ôn đốt cửa Thanh Tỏa ở điện Gia Đức thuộc nam cung, muốn để ép bọn Khuê chạy ra; bọn Khuê không ra, bắt đế và em của đế là Trần Lưu Vương chạy đến bến Tiểu Bình. Thiệu bèn chém viên Tư lệ hiệu úy là Hứa Tương mà bọn hoạn quan sắp đặt, rồi xua quân bắt bọn hoạn quan, không kể lớn bé đều giết cả. Có kẻ không có râu mà bắt làm sắp giết, đến lúc tự cởi lộ thân thể mới được tha. Hoạn quan có kẻ tự giữ làm việc thiện mà vẫn bị họa. Thiệu bừa bãi như thế, đến hơn hai nghìn người bị giết. Gấp đuổi bọn Khuê, bọn Khuê đều nhảy xuống sông mà chết. Đế được về

cung.

Đồng Trác gọi Thiệu, bàn muốn phế đế, lập Trần Lưu Vương. Bấy giờ chú ruột của Thiệu là Ngô làm Thái phó, Thiệu bèn giả hứa theo, nói: “Việc lớn này nên ra bàn với Thái phó”. Trác nói: “Tông thất họ Lưu không đáng để lập lại”. Thiệu không đáp, cầm đao vái chào rồi đi.

Hiển Đế xuân thu chép: Trác muốn phế đế, bảo Thiệu rằng: “Hoàng đế tối tăm, không phải là vua của nước có vạn cỗ xe. Trần Lưu Vương vẫn hơn, nay ta muốn lập hắn. Người ta đã ít khôn thì lớn lên vẫn ngu, cũng biết được ra sao, chỉ biết tạm như thế; Khanh không thấy Linh Đế sao? Nghĩ đến thế cũng khiến cho người ta tiếc giận”! Thiệu nói: “Nhà Hán trị thiên hạ hơn bốn trăm năm, ân trạch thấm nhuần, triệu dân theo phục đã lâu. Nay đế dẫu nhỏ dại nhưng chưa có điều không tốt truyền ra thiên hạ. Ngài muốn phế trượng lập thứ, sợ rằng mọi người không theo lời ngài vậy”. Trác bảo Thiệu nói: “Trẻ con! Việc của thiên hạ há chẳng do ta quyết? Nay ta làm việc, ai dám không theo? Người bảo sức của Đồng Trác ta không mạnh sao”! Thiệu nói: “Kẻ mạnh trong thiên hạ, há chỉ có Đồng Công”? Rồi dẫn đao ngang chào mà đi ra. Thần là Tùng Chi cho rằng: Bấy giờ Thiệu chưa gây hiềm khích với Trác nên mới bàn mưu với Trác. Nếu chỉ vì bàn nghị không cùng ý mà bị mắng là ‘trẻ con’, lại cầm đao vái chào đi ra? Lại nữa lúc Thiệu đáp lại, rất là ngang bướng, vậy mà Trác há nhẫn nhịn mà không gây hại sao? Và lại như lời ấy của Thiệu, tiến đã chẳng chính đáng, lùi lại trái với đạo khiêm tốn, lại tỏ rõ ý hào sảng để chạm vào răng nhọn của hổ rồng, nếu có chí lập công nghiệp thì lí nào như thế? Như lời chép này, rất là xằng bậy vậy.

Thiệu đã ra, rồi trốn đến Kí châu. Bọn Thị trung Chu Bí, Thành môn hiệu úy Ngũ Quỳnh, Nghị lang Hà Ngung đều là kẻ sĩ nổi danh, Trác tin họ nhưng họ ngầm giúp Thiệu, bèn khuyên Trác rằng: “Phế lập là việc lớn, không phải là việc người thường bàn đến. Thiệu không biết việc lớn, sợ hãi mà chạy ra, đây là chẳng có chí khác vậy. Nay nếu vội bắt hắn thì hắn tất gây biến. Họ Viên tạo ân bốn đời, quan lại tân khách quen biết có khắp ở thiên hạ, nếu họ thu hào kết để tụ dân chúng thì anh hùng nhân đó mà nổi lên, lúc ấy ngài chẳng có miền Sơn Đông nữa. Không bằng tha cho hắn, bái làm một viên Quận thú, vậy thì Thiệu mừng vì được tha tội, tất chẳng lo nữa”. Trác cho là phải, bèn bái Thiệu làm Bột Hải Thái thú, phong làm Kháng hương hầu.

Thiệu liền dấy binh ở quận Bột Hải, sắp đến đánh Trác. Chép tại *Vũ Đế kỉ*. Thiệu tự hiệu làm Xa kị tướng quân, chủ minh, [\(9\)](#) cùng Kí châu mục là Hàn Phúc lập U châu mục là Lưu Ngụ làm đế, sai sứ giả đem thư đến chỗ Ngụ, Ngụ không dám nhận. Sau đó Phúc đem quân đến huyện An Bình, bị Công Tôn Toàn đánh bại. Toàn bèn dẫn quân vào Kí châu, mượn danh là đánh Trác, nhưng trong là muốn đánh úp Phúc, do đó Phúc mang lòng không tự

yên.

Anh hùng kí chép: Phùng Ki khuyên Thiệu rằng: “Tướng quân làm việc lớn mà phải trông người ta cấp lương, nếu không chiếm một châu thì không tự giữ được”. Thiệu đáp nói: “Kí châu quân mạnh, quân ta lại đói thiếu, nếu chẳng đánh được thì chẳng còn chỗ đứng”. Ki nói: “Nên qua lại với Công Tôn Toàn, sai hấn xuống phía nam đánh lấy Kí châu. Công Tôn Toàn đến thì Phức tất sợ, nhân đó nói lợi hại, bày kế họa phúc, Phức tất trao nhường. Ở vào lúc ấy, tất chiếm được chức”. Thiệu theo lời ấy, vừa lúc Toàn đến.

Gặp lúc Trác sang phía tây vào cửa quan, ⁽¹⁰⁾ Thiệu đem quân về Diên Tân, nhân lúc Phức kinh hoảng, bèn sai người quận Trần Lưu là Cao Cán, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Kham đến khuyên Phức rằng: “Công Tôn Toàn thừa thắng xuống phía nam mà các quận ứng theo hấn; Viên Xa kị dẫn quân về hướng đông, không biết được ý ngài ra sao? Trộm nghĩ đây là mối nguy của tướng quân”. Phức nói: “Phải làm thế nào”? Kham nói: “Công Tôn Toàn dẫn quân Yên-Đại, khí mạnh của hấn khó mà chống nổi. Họ Viên là hào kiệt một thời, tất chẳng chịu đứng dưới tướng quân. Kí châu là nơi của cải đầy nhiều của thiên hạ, nếu hai kẻ kia hợp sức đem quân đánh đến ở dưới thành, lúc ấy chỉ đứng đợi nguy vong vậy. Họ Viên là người quen của tướng quân, lại là đồng minh. Nay bọn ta muốn bày kế giúp tướng quân, chẳng bằng đem Kí châu nhường cho họ Viên. Họ Viên được Kí châu thì Toàn không tranh được với họ Viên nữa, họ Viên tất khen đức của tướng quân. Kí châu vào tay người thân quen, lúc ấy tướng quân có tiếng là nhường người hiền, thân mình cũng yên vững như núi Thái Sơn vậy. Mong tướng quân chớ nghi”! Phức vốn khiếp sợ, bèn theo kế ấy. Trưởng sử Cảnh Vũ, Biệt giá Mẫn Thuần, Trị trung Lí Lịch can Phức rằng: “Kí châu đâu là nơi biên giới, nhưng có trăm vạn quân mặc giáp, thóc đủ cấp mười năm. Viên Thiệu quân cùng thế lè, trông vào ta cung cấp, như trẻ con ở trên lòng bàn tay, nếu ngăn dứt móm bú mà đứng lên giết đi cũng được, sao lại muốn đem cả châu này trao cho hấn”? Phức nói: “Ta là quan thuộc cũ của họ Viên, vả lại tài không bằng Bản Sơ, lượng đức mình mà nhường người, đây là điều mà người xưa quý trọng, các ông sao còn ngăn trở”! Tông sự Triệu Phù-Trình Hoán xin đem quân chống Thiệu, Phức lại không nghe. Rồi nhường cho Thiệu,

Cửu châu xuân thu chép: Phức sai Bộ đốc tông sự Triệu Phù-Trình Hoán đem vạn cây nỏ cứng đi đóng đồn ở bờ bắc sông Hoàng Hà; bọn Phù nghe tin Phức muốn đem Kí châu cho Thiệu, bèn từ bến Mạnh Tân đi nhanh xuống phía đông. Bấy giờ Thiệu còn ở cửa sông Thanh thuộc huyện Triều Ca, bọn Phù từ phía sau đến, đem mấy trăm chiếc thuyền, hơn vạn quân, buổi đêm diễu binh gõ trống đi qua trại của Thiệu, Thiệu rất ghét họ. Bọn Phù đến, bảo Phức rằng: “Viên Bản Sơ quân chẳng còn một đấu lương, đều đã tan rã, đâu có Trương Dương-U Phù La mới theo nhưng chưa chịu giúp

sức, không đáng đối địch vậy. Bọn Tòng sự ta xin tự đem quân chống hẳn, trong vòng một tuần tất phá vỡ được hẳn; tướng quân chỉ cần vào phòng nằm cao gối thôi, sao phải lo sợ”! Phúc không theo, bèn nhường chức, ra ở tại nhà cũ của Triệu Trung, sai con đem ấn thao Kí châu mục đến Lê Dương cho Thiệu.

Thiệu bèn lĩnh chức Kí châu mục.

Tòng sự Thư Viện Thư, đọc là ‘tư’. khuyên Thiệu rằng: “Tướng quân vào tuổi nhược quán vào châu, đến nay nêu danh khắp cả nước; kịp đến buổi phế lập thì tỏ rõ trung nghĩa; một ngựa chạy ra thì Đồng Trác lo sợ; vượt sông Hoàng Hà lên phía bắc thì quận Bột Hải cúi đầu; dấy quân của một quận mà nắm được binh của Kí châu, oai lừng miền bắc sông Hoàng Hà, danh lừng ở thiên hạ. Dầu giặc Khăn vàng gây loạn, giặc Hắc Sơn bạo ngược nhưng nếu xua quân về phía đông thì Thanh châu tất định; lại về đánh giặc Hắc Sơn thì Trương Yên cũng diệt được; rồi dẫn quân lên phía bắc, Công Tôn Toàn chắc thua; uy hiếp rợ Nhung-Địch thì người Hung Nô tất theo. Lúc ấy bao trùm miền bắc sông Hoàng Hà, hợp lấy đất của bốn châu, thu nạp bọn anh hùng, phát trăm vạn quân sĩ mà đón nhà vua ở tây kinh, dựng lại tông miếu ở Lạc Dương, hiệu lệnh thiên hạ để đánh kẻ chưa phục; lấy đó mà tranh giành, ai còn chống nổi? Như thế đến mấy năm, lập công không khó”. Thiệu mừng nói: “Đấy là ý ta vậy”. Liền cử Viện làm Giám quân, Phấn uy tướng quân.

Hiển Đế kỉ chép: Thư Viện là người quận Quảng Bình. Thừa trẻ có chí lớn, nhiều mưu lược; làm Biệt giá trong châu, cử mậu tài, làm quan Lệnh qua ba huyện, lại làm Biệt giá của Hàn Phúc, cử bái làm Kị đô úy. Viên Thiệu lấy được Kí châu, lại gọi đến. *Anh hùng kỉ* chép: Bấy giờ là vào năm Sơ Bình, mà Thiệu tự Bản Sơ, tự cho là năm hợp với tên tự của mình, tất dẹp trừ được họa loạn vậy.

Trác sai Chấp kim ngô Hồ Mẫu Ban, Tướng tác đại tượng Ngô Tu đem chiếu thư dụ Thiệu, Thiệu sai Hà Nội Thái thú Vương Khuông giết họ.

Hán mạt danh sīlục chép: Ban tự Quý Bi, người quận Thái Sơn. Thừa trẻ cùng với tám kẻ là người huyện Sơn Âm là Độ Thượng, người huyện Đông Bình là Trương Mạc đều khinh tiền trọng nghĩa, cứu giúp kẻ sĩ, người đời gọi là ‘bát trụ’. *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Ban là em rể của Vương Khuông. Đồng Trác sai Ban đem chiếu thư đến quận Hà Nội khuyên cởi bỏ nghĩa quân. Khuông vâng lệnh của Viên Thiệu, bắt Ban vào ngục, muốn giết Ban để răn chúng. Ban gửi thư cho Khuông nói: “Từ xưa đến nay, chưa có chư hầu nước nhỏ đem quân hướng đến kinh sư. *Lưu Hương truyện* chép: ‘Đánh chuột còn sợ hồng đồ’. Huống chi Trác ở trong cung cấm, lấy thiên tử làm tấm che; vua nhỏ ở trong cung mà nên đánh sao? Ta với Thái phó Mã Công, Thái bộc Triệu Kì, Thiếu phủ Âm Tu đều nhận chiếu lệnh. Các quận miền Quan Đông dầu thực là ghét Trác nhưng vẫn phải vâng phép vua,

không nên làm nhục. Vậy mà túc hạ lại bắt ta vào ngục, muốn để té cờ, đây là việc làm của kẻ rất hung bạo vô đạo vậy. Ta với Đồng Trác nào có thân thích chi để cùng gây xấu mà túc hạ mở lời hồ sởi, tuôn xả nọc rắn, ghét Trác mà giận sang ta, sao lại tàn khốc như thế! Chết là điều mà người khó tránh, chỉ nhục vì bị thằng cuồng gây hại. Nếu người chết có linh, sẽ tố cáo túc hạ với trời xanh vậy. Ôi, hôn nhân là then chốt của họa phúc, hôm nay đã rõ là thế. Trước kia một lòng, hôm nay gây thù. Kẻ sắp chết này có hai người con, là cháu rể của ông, sau khi thân ta chết đi, chớ cho chúng đến bên xác cốt của ta”. Khuông nhận được thư, ôm hai con của Ban mà khóc. Ban bèn chết ở trong ngục. Ban từng gặp Thái Sơn Thái thú và hà bá, [\(11\)](#) việc này chép tại sách *Sưu thần kí*, lời văn nhiều nên không chép ở đây.

Trác nghe tin Thiệu có được miền Quan Đông, bèn giết hết họ hàng của Thiệu là bọn Thái phó Viên Ngôi; lúc bấy giờ, nhiều kẻ hào hiệp theo Thiệu, đều muốn vì Thiệu mà báo thù ấy; châu quận nội dậy, chẳng ai không mượn danh của Thiệu; Phúc lo sợ, từ chỗ Thiệu bỏ đi, đến nương dựa Trương Mạc.

Anh hùng kí chép: Thiệu lấy người quận Hà Nội là Chu Hán làm Đô quan tòng sự. Lúc trước Hán bị Phúc không giữ lễ, cho nên mang lòng oán hận, bèn có muốn mời đón Thiệu, tự phát binh trong thành quách giữ nhà Phúc, xách đao lên phòng, Phúc chạy lên lầu, bắt được con lớn của Phúc, đánh gãy hai chân; Thiệu cũng bèn bắt Hán, giết đi. Phúc vẫn lo sợ, cho nên từ chỗ Thiệu mà bỏ đi.

Sau đó Thiệu sai sứ đến chỗ Mạc, có việc bàn nghị, nói bên tai với Mạc; Phúc đang ngồi ở trên, cho là bị họ mưu hại, không lâu sau đó đi đến nhà xí mà tự sát.

Anh hùng kí chép: Công Tôn Toàn đánh giặc Khăn vàng ở Thanh châu, đại phá chúng, về đóng quân ở huyện Quảng Tông, thay đổi quan Thú-lệnh, bọn quan lại ở Kí Châu không ai không trông mong ứng theo, mở cửa đón nghênh. Thiệu tự đến đánh Toàn, gặp đánh ở phía nam Giới Kiều hai mươi dặm. Quân bộ của Toàn có hơn ba vạn người bày trận hình vuông, quân kị ở hai bên, tả hữu đều có hơn năm nghìn quân kị; quân ‘bạch mã nghĩa tòng’ [\(12\)](#) làm trung quân, cũng chia làm hai cánh, tả sang hữu, hữu sang tả, cờ xí mũ giáp sáng rợp trời đất. Thiệu sai Khúc Nghĩa đem tám trăm quân làm tiền phong, lấy nghìn cây nỏ cứng lướt theo, Thiệu tự dẫn mấy vạn quân bộ bày trận ở sau. Nghĩa lâu ngày ở Lương châu, hiểu quen cách đánh trận của người Khương, quân sĩ đều kiêu dũng. Toàn thấy quân địch ít, liền xua quân kị muốn vào dày xéo; quân của Nghĩa đều nép dưới khiên không động, chưa đến mấy chục bước thì cùng lúc đều đứng dậy, tung bụi hô lớn, đi lên xông xáo, lúc ấy nỏ lớn cũng bắn, trúng liền tắt ngấm, vào trận chém hơn nghìn thủ cấp là quân của viên Kí châu Thứ sử Nghiêm Cương mà Toàn sắp đặt; quân của Toàn tan vỡ, bộ kị bỏ chạy, không còn về trại được. Nghĩa đuổi đến Giới

Kiều, hậu quân của Toản quay lại đánh ở trên cầu, Nghĩa lại phá chúng, rồi đến trại của Toản, nhổ phá cửa trại, quân còn lại trong trại đều tan chạy. Thiệu ở phía sau, chưa đến cầu mấy chục dặm, xuống ngựa cỡi yên, thấy Toản đã vỡ, không thềm phòng bị, chỉ đặt mấy chục cây nỏ cứng ở dưới trướng, hơn trăm quân cầm kích lớn đi theo. Chợt có hơn hai nghìn quân kỵ của Toản chạy đến, liền vây Thiệu mấy vòng, tên bắn như mưa; Biệt giá tòng sự Điền Phong đỡ Thiệu muốn lui vào tường trổng, Thiệu cỡi mũ trụ ném xuống đất nói: “Đại trượng phu nên đánh đến chết, vậy mà vào giữa tường vách, há cũng sống được”? Nỏ cứng lại bắn loạn, giết thương rất nhiều. Quân kỵ của Toản không biết đây là Thiệu, cũng từ từ rút lui; kịp lúc Khúc Nghĩa đến đón, bèn tan chạy. Toản hể đánh với địch thường cưỡi ngựa trắng, đã đuổi theo là khó thoát, nhiều lần bắt được giặc mạnh, giặc tự bảo nhau rằng: “Nên tránh quân cưỡi ngựa trắng”. Vì quân địch kiêng dè, bèn chọn mấy nghìn con ngựa trắng, lựa quân cưỡi ngựa bắn tên, gọi là quân ‘bạch mã nghĩa tòng’. Có người nói rằng những người rợ Hồ khỏe mạnh thường cưỡi ngựa trắng, Toản có mấy nghìn quân kỵ khỏe, phần nhiều cưỡi ngựa trắng, cho nên gọi thế. Thiệu đã phá Toản, dẫn quân xuống phía nam đến bến Bạc Lạc; đang cùng hội họp với các tướng tân khách, nghe tin quân ở quận Ngụy làm phản, cùng với giặc Hắc Sơn là bọn Vu Độc đánh thành Nghiệp, giết chết Thái thú Lật Thành, Giặc có hơn mười đội, có đến mấy vạn quân, tụ hội ở trong thành Nghiệp. Những tân khách đang ngồi có người nhà ở thành Nghiệp đều sợ hãi thất sắc, có kẻ đứng dậy kêu khóc, Thiệu về mặt không đôi, vẫn tự yên. Có tên giặc là Đào Thăng vốn là viên quan nhỏ ở huyện Nội Hoàng, có ý tốt, đem riêng quân bản bộ qua thành phía tây đi vào, đóng giữ cửa châu, không cho quân giặc khác đi vào, lấy xe chở người nhà của Thiệu và các đồ mũ áo ở trong châu, tự mình hộ vệ, đưa đến huyện Xích Khâu mới về. Thiệu đến, bèn đóng quân ở Xích Khâu, lấy Đào Thăng làm Kiến nghĩa trung lang tướng. Lại dẫn quân vào hang Thương Nham ở núi Lộ Tràng thuộc huyện Triều Ca để đánh Vu Độc, vây đánh năm ngày, phá hấn, chém Độc và viên Kí châu mục mà triều đình ở Tràng An sắp đặt là Hồ Thọ. Rồi men theo núi đi lên phía bắc, đánh phá bọn giặc Tả phát trượng bát, đều chém chúng. Lại đánh bọn giặc Lưu Thạch-Thanh ngư giác-Hoàng long-Tả hiệu- Quách Đại Hiền-Lí Đại Mục-Vu Đẻ Căn, đều giết cả đòn lữ, kẻ chạy trốn mới thoát, chém mấy vạn thủ cấp. Thiệu lại về đóng quân ở thành Nghiệp. Năm Sơ Bình thứ tư, thiên tử sai Thái phó Mã Nhật Đê, Thái bộc Triệu Kỳ hòa giải miền Quan Đông. Kỳ đi riêng đến miền bắc sông Hoàng Hà, Thiệu ra đón ở ngoài trăm dặm, vâng nhận lệnh vua. Kỳ ở trại của Thiệu, gửi thư báo cho Toản, Toản sai sứ gửi thư cho Thiệu rằng: “Triệu Thái bộc lấy đức của Chu Thiệu, nhận lệnh sang đông, tuyên dương ân trạch, tỏ ý hòa mục, sáng như vén mây thấy mặt trời, còn gì vui như thế? Ngày xưa Giả Phục-Khâu Tuân cũng tranh quân sĩ, muốn gây hại nhau, gặp ý rộng lượng

của vua Quang Vũ, tự cùng báỉ gặp, cùng kiêu cùng đi, người thời ấy cho là vinh. Ta tự xét là kẻ nơi biên giới, được hòa cùng với tướng quân là điều phúc. Đây thực là lòng chú ý của tướng quân, là điều may của Toàn vậy”. Khúc Nghĩa sau đó cậy công mà kiêu căng, Thiệu bèn giết đi.

Trước đây, thiên tử được lập vốn không phải là ý của Thiệu; lúc ở tại miền Hà Đông, Thiệu sai người quận Dĩnh Xuyên là Quách Đồ đi sứ. Đồ về khuyên Thiệu đón thiên tử đóng đô ở thành Nghiệp, Thiệu không nghe.

Hiển Đế truyện chép: Thư Viện khuyên Thiệu rằng: “Nhà tướng quân nhiều đời làm tướng quốc, trung nghĩa giúp đời. Nay triều đình chao đảo, tông miếu vỡ đổ. Xem châu quận, ngoài mượn việc dấy nghĩa binh, trong đánh diệt nhau, chưa có ai có ý cứu dân. Vả lại ngày thành châu mới định, nên đón nhà vua đến dựng đô ở thành Nghiệp, kẹp thiên tử mà lệnh chư hầu, nuôi quân mã để đánh kẻ không phục; lúc đây còn ai chống được”! Thiệu mừng, muốn nghe theo. Quách Đồ-Thuần Vu Quỳnh nói: “Nhà Hán suy bại đã lâu ngày rồi, nay nếu dựng lại, cũng chẳng khó sao? Lại nữa ngày nay anh hùng chiếm lấy châu quận, trăm họ dao động, đây gọi là nhà Tần làm mất con hươu, kẻ bắt được trước tất làm vua. Nếu đón thiên tử để tự thân cận thì có việc thì phải dâng biểu, phải vâng lệnh thì quyền ít, nếu trái ý thì chống lệnh; đây chẳng phải là kẻ hay”. Viện nói: “Nay đón triều đình là rất có nghĩa, lại là kế lớn hợp với thời vậy. Nếu không sớm làm đi thì tất có người làm trước. Nắm quyền chớ để mất cơ hội, lập công cốt tại nhanh nhạy, tướng quân hãy làm đi”! Thiệu không làm được. Xét sách này nói là kế của Thư Viện, đây là trái với truyện gốc.

Kịp lúc Thái Tổ đón thiên tử đóng đô ở đất Hứa, thu đất Hà Nam, miền Quan Trung đều theo phục; Thiệu tiếc, muốn sai Thái Tổ dời thiên tử đóng đô ở huyện Quyên Thành để tự thân cận, Thái Tổ chống lại. Thiên tử lấy Thiệu làm Thái úy, phong tước Nghiệp Hầu;

Hiển Đế xuân thu chép: Thiệu nhục vì thứ bậc ở dưới Thái Tổ, giận nói: “Tào Tháo mấy lần suýt chết, ta liền cứu mới sống. Nay lại phản ân, kẹp thiên tử để sai ta chẳng”! Thái Tổ nghe tin, liền đem chức Đại tướng quân nhường cho Thiệu.

Thiệu nhường tước Hầu không nhận. Chốc lát, Thiệu đánh phá Toàn ở thành Dịch, thu quân của Toàn.

Diễn lược chép: Từ đây Thiệu ít dâng công cho thiên tử, sai riêng Chủ bạ Cảnh Bao bắỉ kín rằng: “Vận hỏa suy kiệt, họ Viên là dòng dõi của vận thổ, (13) nên theo ý trời”. Thiệu vì Bao bắỉ kín việc này cho quan thuộc trong phủ quân. Người bàn đều cho là Bao xằng bậy, đáng giết; Thiệu bèn giết Bao để tự giải thích. *Cửu châu xuân thu* chép: Thiệu mời gọi người quận Bắc Hải là Trịnh Huyền mà không có lễ, Triệu Dung nghe tin, nói: “Người hiền là người quân tử mong gặp. Người làm vua còn không dám làm mất ý vui của

vạn dân, huống chi là đôi với quân tử đây? Nếu làm mất ý mong của quân tử thì khó mà có được quân tử vậy”. *Anh hùng kí* chép bài hát *Đông Trác* ca, lời rằng: “Đức hạnh không sót thiếu, biến cố khó xem thường, Trịnh Khang Thành uống rượu mà ngã xuống đất tắt thở, Quách Cảnh Đồ cũng mất mạng ở vườn dâu”. Như lời văn này thì Huyền không bị bệnh mà chết. Các sách khác không thấy chép, cho nên chép bài này ra đây.

Lấy con cả là Đàm ra làm Thanh châu Thứ sử, Thư Viện can Thiệu rằng: “Tất gây mầm họa”. Thiệu không nghe, nói: “Ta muốn sai các con đều giữ một châu vậy”.

Cửu châu xuân thu chép lời can gián của Thư Viện rằng: “Người đời nói rằng một con thỏ chạy trên đường mà vạn người đuổi bắt, nếu một người bắt được nó thì những người tranh bắt đều dừng lại, đã phân định vậy. Vả lại tuổi thọ do ở hiền năng, đức hạnh do ở bói đoán, đây là phép cũ vậy. Mong trên nghĩ lời răn thành bại của đời trước, dưới xét cái nghĩa bắt thỏ phân định”. Thiệu nói: “Ta muốn sai bốn đứa con đều giữ lấy một châu để xem tài của chúng”. Viện lui ra, nói: “Họa bắt nguồn từ đây sao”! Đàm mới đến Thanh châu, làm Đô đốc, chưa làm Thứ sử; châu ấy từ sông Hoàng Hà về phía tây, đại khái chỉ đến chỗ không quá quận Bình Nguyên mà thôi. Bèn lên phía bắc diệt Điền Khải, sang phía đông đánh Khổng Dung, giễu binh đến bờ biển. Bảy giờ trăm họ không có ai làm chủ, mừng rỡ đi theo. Nhưng tin dùng bọn tiểu nhân, ưa nghe lời ngon ngọt, xa xỉ phóng túng, không biết rằng việc trồng lúa vất vả. Hoa Ngạn-Khổng Thuận là bọn tiểu nhân gian nịnh mà tin dùng làm tim bụng; bọn Vương Tu chỉ làm quan nhỏ mà thôi. Nhưng lại biết đối đãi tân khách, kính trọng kẻ sĩ. Sai em vợ lĩnh quân ở trong, để cho cướp bóc, ngoài chốn phố chợ còn cướp lấy ở chốn đồng ruộng; sai riêng hai tướng quân mộ binh ở các huyện, kẻ hối lộ thì được tha, không thì bị lấy. Nhiều người nghèo yếu, đến nỗi phải chui nấp trong đồng gò, bèn xua quân bắt trời như bắt cầm thú. Ấp có vạn hộ dân mà chép vào sổ bạ không đầy mấy trăm hộ, thu thuế nạp tô không đến một phần ba. Sai gọi người hiền, nếu họ không đến hay không đến hẹn quân dịch mà ở yên nơi thôn ấp cũng không bị phạt tội thêm.

Lại lấy con giữa là Hi làm U châu Thứ sử, con rể là Cao Cán làm Tinh châu Thứ sử. Thiệu có mấy chục vạn quân, lấy Thẩm Phối-Phùng Kì coi việc quân, Điền Phong-Tuân Kham-Hứa Du làm mưu sĩ, Nhan Lương-Văn Sửu làm tướng sủng, chọn mười vạn quân, một vạn quân kị khỏe, mưu đánh đất Hứa.

Thế ngữ chép: Thiệu có năm vạn quân bộ, tám nghìn quân kị. Tôn Thịnh bình rằng: “Xét Ngụy Vũ Đế bảo Thôi Diễm rằng: ‘Vừa xét sổ hộ của châu này, có thể thu đến ba mươi vạn quân’. Do đó mà suy, riêng quân của Kì châu đã như thế, huống chi cả U châu-Tinh châu và Thanh châu đây? Thiệu

phát đại binh, tất gom hết quân mà dùng, phải đến mười vạn quân vậy”. *Hiển Đế truyện* chép: Thiệu muốn đem quân đánh miền nam, Thư Viện-Điền Phong can rằng: “Phát quân nhiều năm, trăm họ mỗi mệt, kho tàng không chứa, tô thuế càng nhiều, đây là nỗi lo sâu nặng của nhà nước vậy. Nên sai người báo tin vui cho thiên tử trước, rồi chăm chỉ trồng tọt mà cho dân nghỉ ngơi, nếu chẳng làm được thì dâng biểu tấu họ Tào chặn đường thờ vua của ta rồi mới tiến quân đến Lê Dương, dần dần chiếm miền Hà Nam, làm thêm thuyền bè, sửa sang khí giới, chia sai quân kị khỏe đi đánh lấy nơi biên giới, khiến cho nên ấy không được yên mà ta lại được ổn. Như thế trong ba năm thì ngồi mà định được vậy”. Thảm Phôi-Quách Đồ nói: “Theo phép dùng binh, ‘thập vạn ngũ công’ ⁽¹⁴⁾ thì mới đánh địch được. Nay dựa vào thần vũ của mình công, xua quân mạnh của miền Hà Bắc để đánh họ Tào thì dễ như trở bàn tay. Nay không lấy thì sau khó đánh được”. Viện nói: “Cứu nạn dẹp bạo gọi là quân nghĩa; cậy đông dựa mạnh, gọi là quân kiêu. Quân nghĩa thì không ai địch, quân kiêu tất diệt trước. Họ Tào đón thiên tử đóng đô ở đất Hứa; nay ta phát quân xuống phía nam, về nghĩa là trái. Và lại kế hay hơn cả là không tại ở hiệp yếu. Họ Tào đã đặt pháp lệnh, quân sĩ thành thạo, không phải như Công Tôn Toàn ngồi chịu vây đâu. Nay bỏ kế vẹn toàn mà dấy quân không có danh nghĩa, thần trộm lo cho mình công”! Bọn Đồ nói: “Vũ Vương đánh Trụ, không gọi là không có nghĩa, huống chi đem quân đánh họ Tào mà gọi là không có danh nghĩa sao? Và lại mình công tỏ sức thần võ, tướng sĩ hăng hái, người ta tự theo, vậy mà không sớm hợp thời định nghiệp lớn, đây là ý làm vậy. Nếu trời cho mà không lấy thì chỉ chước lấy họa, đây là nguyên nhân vua Việt làm bá vương mà Ngô mất nước vậy. Kế của quan Giám quân chỉ như giữ lấy tù ngục mà không phải là cái quyền biến của người biết thời cơ”. Thiệu nghe theo. Bọn Đồ nhân đó gièm Viện với Thiệu rằng: “Viện coi xét trong ngoài, oai lừng ba quân. Nếu bên ấy cường thịnh thì lấy gì mà ngăn được? Tôi không nắm quyền ngang với vua thì hung, vua nắm quyền ngang tôi thì vong, đây là điều mà sách *Hoàng thạch* kị vậy. Và lại nắm quân ở ngoài thì không nên coi việc ở trong”. Thiệu nghi ngờ, bèn chia quan chủ việc quân làm ba vị Đô đốc, sai Viện và Quách Đồ-Thuần Vu Quỳnh đều nắm một cánh quân, rồi hợp mà xuống đánh miền nam.

Lúc trước, Thái Tổ sai Lưu Bị đến Từ châu chống Viên Thuật; kịp lúc Thuật chết, Bị giết Thứ sử Xa Trụ, dẫn quân đóng đồn ở nước Bái. Thiệu sai quân kị giúp Bị. Thái Tổ sai Lưu Đại- Vương Trung đánh Bị, không thắng. Năm Kiến An thứ năm, (năm 200 Công nguyên) Thái Tổ tự sang phía đông đánh Bị. Điền Phong khuyên Thiệu đánh úp mặt sau của Thái Tổ nhưng Thiệu vì con bệnh mà không theo; Phong ném gậy xuống đất nói: “Đây là thời cơ khó gặp, vì con nhỏ bệnh mà làm mất cơ hội, tiếc thay”! Thái Tổ đến, đánh phá Bị, Bị sang chỗ Thiệu.

Ngụy thị xuân thu chép văn của Thiệu hịch gọi châu quận rằng: “Thường nghe vua sáng mưu cứu nguy để dẹp loạn, tôi trung mưu trừ nạn để lập quyền. Ngày xưa nhà Tần cường bạo mà vua lại yếu kém, Triệu Cao nắm quyền, chuyên chế triều đình, tự gây oai phúc, rút cuộc có mối họa ở cung Vọng Di, để tiếng xấu nhục đến nay. Kịp đến thời Lữ Hậu-Lộc-Sản chuyên chính, nắm giữ quyền lệnh, coi xét hình pháp, lấn trên hiếp dưới, người cả nước đau lòng. Do đó Giáng Hầu-Chu Hư tỏ oai trở giận, diệt trừ nghịch loạn, tôn lập Thái Tông, thế nên mới nêu dạy đạo hóa, sáng rõ ràng rõ; đây là tấm gương sáng của bậc đại thần lập quyền vậy. Ngày nay Tư không Tào Tháo, ông nội là Đổng viên làm Trung thường thị, cùng với bọn Tả Quán-Từ Hoàng gây tai nghiệt, phóng túng hung ác, tàn ngược dân chúng. Cha là Tung, xin làm con nuôi, nhân đó mua chức, xe vàng bánh ngọc chở tiền vào nhà bọn quyền quý, cướp vị Tam công, đảo lộn triều đình. Tháo nổi tính xấu, không có đức lành, cậy mạnh hiếp yếu, ưa loạn gây họa. Khi trước mặc phủ (15) thống lĩnh bọn anh hùng quét trừ bọn hung nghịch, kế đó gặp buổi Đông Trác hiếp quan hại nước, do đó vung kiếm gõ trống, phát lệnh ở miền đông, thu nạp bọn anh hùng, bỏ xấu chọn dùng. (16) Cho nên cùng bày mưu với Tháo, cho rằng hắn có tài ứng khuyến, nên dùng làm nanh vuốt. Thế nhưng hắn lại ngu dốt nghĩ kém, khinh thường hiệu lệnh, dẫn đến thua vỡ, nhiều lần mất quân. Mặc phủ liền lại chia quân khỏe bù đắp sửa sắm cho hắn, cử làm Đông Quận Thái thú, Duyện châu Thứ sử, cho mặc da hổ, cho lĩnh quân mạnh, trao gửi quyền oai, mong rằng sẽ thắng quân Tần một trận. Vậy mà Tháo lại thừa cơ giày xéo, phóng túng hung bạo, giết chóc dân chúng, tàn hại người hiền. Cửu Giang Thái thú Biên Nhung trước kia là bậc anh tài hơn đời, nổi danh thiên hạ, vì nói thẳng cứng cỏi, bàn chẳng a dua, thế mà thân bị giết treo đầu, vợ con cũng bị họa di diệt. Từ đây kẻ sĩ tức giận, dân oán càng nhiều, một người giương tay thì cả châu ứng lời, cho nên Tháo bị người Từ châu đánh phá, bị Lữ Bố đoạt lấy đất, vất vương ở miền đông, không có chỗ đứng chân. Mặc phủ nghĩ đến cái nghĩa gốc mạnh cảnh yếu, lại không khếp hắn vào bọn phản loạn, cho nên lại trao cờ cấp quân, ra lệnh đánh dẹp, gõ trống vang lừng, quân Bồ thua vỡ, cứu hắn khỏi cái họa chết người, lập lại chức quan cho hắn; đây là mặc phủ không có đức với dân ở Duyện châu mà lại có công giúp Tháo vậy. Sau kịp lúc nhà vua về lại miền đông, bọn giặc gây loạn. Bấy giờ Kí châu đang có việc ở biên ải phía bắc, ta chưa ra khỏi châu được, cho nên sai Tông sự trung lang Từ Huân đến dụ lệnh Tháo, sai phải đắp sửa tông miếu, giúp đỡ vua nhỏ. Nhưng hắn lại tự ý chuyên quyền, ép vua dời đô, ức hiếp trăm quan, làm loạn kỉ cương, ngồi trên tam đài, nắm giữ chính sự, phong tước tùy ý, xử phạt tùy miệng. Kẻ mà mình thích thì cho năm họ rạng rỡ, kẻ mà mình ghét thì bắt ba họ diệt cả. Bọn nào dám bàn luận thì bị giết trước mặt, bọn nào bàn nghị để trong lòng thì bị giết ngầm ngầm,

do đó người đi đường chỉ liếc mắt, trăm quan ngậm miệng, các quan Thượng thư đến châu hội, công khanh làm quan chỉ có chỗ đứng mà thôi. Thái úy Dương Bưu từng nắm vị Tam công, chức cao cả nước, do đó Tháo ganh hiềm, khép cho tội lỗi, kéo ra đánh đập, đủ năm hình phạt, tự ý càn rỡ, không theo phép tắc. Lại nữa Nghị lang Triệu Ngạn, nói thẳng can gián, lời bàn đáng làm, cho nên triều đình nghe theo, vui lòng ban thưởng, nhưng Tháo muốn cướp đoạt quyền bính, cấm ngăn bàn nghị, liền bắt giết đi, không cần báo lên. Lại nữa Lương Hiếu Vương là em ruột của tiên đế, lăng mộ tôn quý, từng bách trên đó còn phải kính nghiêm, thế mà Tháo tự đem quan tướng quân sĩ đến đào bới, phá quan lộ thây, cướp lấy vàng ngọc, khiến cho triều đình rơi lệ, quân dân đau xót. Lại nữa đặt quan Phát khâu trung lang tướng, Mô kim hiệu úy, (17) qua đầu bới đó, không xương cốt nào không phơi lộ. Thân tự nắm vị Tam công mà lại làm việc bạo ngược, phá dân hại nước, tuôn độc thân người như thế. Lại thêm chính sự phiền hà, (18) bày cách ngăn ngừa, như giăng lưới chặn đường, đào hồ ngăn lối, giương tay thì mắc lưới, động chân thì vướng bẫy, cho nên miền Duyện-Dự không có dân yên vui, miền kinh đô có tiếng oán than thở. Xem qua sách vở xưa nay chép về những bày tội vô đạo tàn ngược, như Tháo là quá lắm. Mạc phủ đang phạt tội kẻ gian ngoài cõi, chưa kịp dạy hấn, có ý rộng lượng, mong hãy sửa lỗi. Thế nhưng Tháo mang lòng lang sói, ngầm mưu gây họa, lại muốn bẻ gãy cột trụ, làm cho nhà Hán suy yếu, diệt trừ người trung lương, chuyên làm việc kiêu hùng. Năm ngoái ta gióng trống lên miền bắc đánh Công Tôn Toàn, ngăn quân hung nghịch, chống giữ một năm; Tháo nhân lúc quân ta chưa phá được giặc, ngầm gửi thư qua lại, muốn mượn cơ giúp quân ta để đến đánh úp, cho nên dẫn quân đến sông Hoàng Hà. Đang chèo thuyền sang bờ bắc thì gặp lúc người đi đường tiết lộ, lúc ấy Toàn cũng bị diệt, cho nên mũi nhọn cùn nhọn, mưu kế không thành. Hấn giữ Ngao Thương, dựa sông Hoàng Hà làm chỗ vững, lại muốn lấy cánh tay bọ ngựa để chặn bánh xe lớn. Mạc phủ vâng oai linh của nhà Hán, chiếu rọi vũ trụ, mang trăm vạn cây kích dài, phát tướng khỏe như Trung Hoàng-Dục-Hoạch, (19) tỏ thế nỗ cứng cung bền, từ Tinh châu qua núi Thái Hàng, từ Thanh châu vượt sông Tế-Lũy, đại quân bơi sông Hoàng Hà đến đánh trước, từ Kinh châu xuống thành Uyển-Diệp mà đánh mặt sau, sấm động hồ vồ, cùng đến hang giặc như phóng lửa bùng để đốt cỏ khô, mức nước biển lớn mà dập than cháy, có gì chẳng tiêu diệt được đây? Ngày nay nhà Hán suy yếu, kỉ cương đứt gãy. Tháo đem trăm vạn quân khỏe vây giữ cung cấm, ngoài xưng là bảo vệ, nhưng trong thực là bắt giữ. Ta sợ hấn gây họa tiếm nghịch từ đó mà ra. Đây là buổi trung thần phải gan óc lấy đất, là thời tráng sĩ nên lập công vậy. Chẳng đáng gắng sao"! Đây là lời văn của Trần Lâm.

Thiệu đem quân đến Lê Dương, sai Nhan Lương đánh Lưu Diên ở huyện

Bạch Mã. Thư Viện lại can Thiệu rằng: “Lương tính nóng vội, dầu kiêu dũng nhưng không nên dùng một mình”. Thiệu không nghe. Thái Tổ cứu Diên, đánh với Lương, phá chém Lương.

Hiển Đế truyện chép: Thiệu sắp đi đánh, Thư Viện họp họ hàng của mình, chia của cải để cho họ, nói: “Quyền còn thì oai không nơi nào không đến, quyền mất thì không giữ được một tấm thân. Thương thay”! Em là Tông nói: “Quân mã của Tào Công khó địch được quân ta, anh sao lại sợ”! Viện nói: “Dựa vào cái mưu sáng của Tào Duyệt châu, lại kẹp thiên tử để làm thế riêng, quân ta dầu đã thắng Công Tôn Toàn nhưng quân thực là yếu kém, lại nữa tướng kiêu chủ căng thì quân thua bại, là do ở đây. Dương Hùng có nói: ‘Sáu nước ngu si, giúp họ Doanh diệt họ Cơ’, là nói về ngày nay vậy”.

Thiệu vượt sông Hoàng Hà, đóng lũy ở phía nam Diên Tân, sai Lưu Bị Văn Sứ dụ đánh, Thái Tổ đánh phá chúng, chém Sứ; đánh nữa, bắt được đại tướng của Thiệu, quân của Thiệu cả kinh.

Hiển Đế truyện chép: Thiệu sắp vượt sông, Thư Viện can rằng: “Thắng thua biến hóa, không thể không rõ. Nay nên đóng đồn ở bên Diên Tân, lại chia quân đến Quan Độ. Nếu thắng được thì trở về không muộn. Nếu đánh gặp khó thì quân chẳng về được”. Thiệu không nghe. Viện sắp vượt sông, than rằng: “Trên thì tỏ chí lớn, dưới thì ham lập công, sông Hoàng Hà mênh mông, ta không quay về được chẳng”! Bèn lấy cờ bệnh từ chối, Thiệu giận, liền cắt quân bản bộ của Viện trao cho Quách Đồ.

Thái Tổ về Quan Độ. Thư Viện lại nói: “Quân bắc dầu đông nhưng không khỏe mạnh bằng quân nam; nhưng quân nam lương thiếu ít mà đồ dùng lại không bằng quân bắc; quân nam lợi lờ đánh nhanh, quân bắc lợi ở đánh lâu. Nên thông thả chờ đợi để ngày tháng dây dưa”. Thiệu không theo, các đội liên tiếp tiến lên, đến gần Quan Độ, gặp đánh, quân của Thái Tổ không được lợi, rút về giữ lũy. Thiệu làm khiên lớn, đắp gò đất, bắn tên vào trong lũy, quân trong lũy đều che khiên, quân Thái Tổ cả sợ. Thái Tổ bèn làm xe bắn đá, bắn lâu của Thiệu, đều phá được, quân của Thiệu gọi là ‘xe sấm sét’.

Ngụy thị xuân thu chép: Vì thời xưa có bắn đá, lại nữa kinh truyện có chép: “Quái động thì đánh trống”. Giải thích rằng: “Quái là bắn đá vậy”. Do đó làm xe bắn đá.

Thiệu đào hầm đất, muốn đánh úp trại của Thái Tổ. Thái Tổ liền dựng lũy dài ở trong để chống lại, lại sai quân mạnh đánh úp xe vận lương của Thiệu, đại phá chúng, đốt sạch lương thóc. Thái Tổ chống nhau với Thiệu lâu ngày, trăm họ thiếu đói, nhiều người phản theo Thiệu, quân sĩ thiếu lương. Kịp lúc Thiệu sai bọn Thuần Vu Quỳnh đem hơn vạn quân lên phía bắc chở lương, Thư Viện khuyên Thiệu rằng: “Nên sai tướng là Trương Kỳ đi riêng làm một đội để chặn Tào Công đi cướp”. Thiệu lại không theo. Quỳnh đóng quân ở Ô Sào, cách chỗ quân của Thiệu bốn mươi dặm. Thái Tổ bèn để Tào Hồng ở lại

giữ, buổi đêm tự đem năm nghìn quân bộ kỵ lên đi đến đánh Quỳnh; Thiệu sai quân kỵ cứu Quỳnh, nhưng thua chạy. Thái Tổ phá bọn Quỳnh, chém hết chúng. Thái Tổ về, chưa đến trại, tướng của Thiệu là bọn Cao Lâm-Trương Cáp đem quân bản bộ đến hàng. Quân của Thiệu vỡ lở, Thiệu cùng Đàm cưỡi ngựa rút qua sông. Quân còn lại giả hàng, Thái Tổ chôn sống hết chúng.

Hán kỉ của Trương Phan chép: Giết quân của Thiệu cả thầy tám vạn người.

Thư Viện không kịp qua sông, bị quân bắt được, đưa đến chỗ Thái Tổ.

Hiển Đế truyện chép: Viện kêu to rằng: “Viện này không hàng, để quân địch bắt thôi”. Thái Tổ có quen với Viện, đón bảo Viện rằng: “Thân phận khác biệt, cho nên ngăn cách. Không ngờ hôm nay lại bắt nhau thế này!” Viện đáp nói: “Kí châu không có sách lược mà chuốc lấy thua vỡ. Viện trí lược đều khôn nên mới bị bắt vậy”. Thái Tổ nói: “Bản Sơ không có mưu, không dùng kế của ông. Nay tang loạn nhiều năm, nhà nước chưa yên, ta nên cùng cứu giúp”. Viện nói: “Chú ruột, mẹ, em treo mạng ở nhà họ Viên. Nếu được ngài mở ân, dẫu chết cũng là phúc”. Thái Tổ than rằng: “Ta sớm có được ông thì thiên hạ chẳng đáng lo”.

Thái Tổ đãi hậu Viện, sau lại mưu về chỗ họ Viên, bị giết.

Lúc trước, Thiệu xuống phía nam, Điền Phong khuyên Thiệu rằng: “Tào Công giỏi dùng binh, biến hóa không lường. Quân dẫu ít nhưng không nên khinh thường. Không bằng chống giữ lâu ngày. Tướng quân dựa vào cái vững của sông núi, nắm quân của bốn châu, ngoài kết anh hùng, trong sửa việc nông, rồi kén chọn quân tinh nhuệ, chia làm quân lạ, chọn chỗ hờ mà ra đánh để lấy miền Hà Nam, cứu hữu thì đánh bên tả, cứu tả thì đánh bên hữu, khiến cho quân địch mệt mỏi vì rong ruổi, dân không được ở yên; lúc ấy ta chưa mệt mà địch đã khôn, chưa đến hai năm thì có thể ngồi mà đánh thắng vậy. Nay bỏ kế chắc thắng mà lại quyết được thua ở một trận, nếu chẳng như ý thì hồi chẳng kịp nữa”. Thiệu không theo. Phong cố can, Thiệu giận lắm, cho là ngăn trở quân sĩ, bắt trói lại. Quân của Thiệu đã thua, có người báo Phong rằng: “Ông tất được coi trọng”. Phong nói: “Nếu quân có lợi thì ta được sống. Nay quân thua, ta tất chết thôi”. Thiệu về, bảo tả hữu nói: “Ta không nghe lời Điền Phong, quả nhiên bị chê cười”. Bèn giết Phong.

Tiên hiền hành trạng chép: Phong tự Nguyên Hạo, người quận Cự Lộc, có kẻ nói là người quận Bột Hải. Phong bản tính kiệt kiệt, quyền biến nhiều mưu. Thừa trẻ mất người thân, để tang rất đau buồn. Kì tang dẫu qua nhưng vẫn không cười. Học rộng biết nhiều, nổi danh trong châu. Lúc đầu được mời đến phủ Thái úy, cử mậu tài, chuyển làm Thị ngự sử. Bọn hoạn quan chuyên quyền, kẻ anh hiền bị hại, Phong bèn bỏ quan về nhà. Kịp lúc Viên Thiệu khởi nghĩa, nói lời nhún nhường tặng tiền nhiều để mời Phong đến, Phong vì nhà vua nhiều nạn, có chí cứu giúp, liền vâng lệnh của Thiệu, cho

làm Biệt giá. Khuyên Thiệu đón thiên tử, Thiệu không nghe, sau Thiệu dùng mưu của Phong mà dẹp Công Tôn Toàn. Phùng Kỉ ngại tính thẳng thắn của Phong, nhiều lần gièm Phong với Thiệu, Thiệu bèn ngờ Phong. Vào lúc quân của Thiệu thua, vỡ lở trốn về phương bắc, quân sĩ mất cả, quân đều đấm ngực mà khóc nói: “Nếu để Điền Phong ở đây thì không đến nỗi thế này”. Thiệu bảo Phùng Kỉ nói: “Người Kỉ châu nghe tin quân ta thua đều đang giận ta, riêng Điền Biệt giá lúc trước can ngăn ta, không giống với mọi người, nếu ta gặp hắn cũng thẹn”. Kỉ lại nói: “Phong nghe tin tướng quân rút về, liền vỗ tay cười lớn, vui vì lời mình đúng”. Do đó Thiệu có ý giết Phong. Trước đây, Thái Tổ nghe nói Phong không theo quân, mừng nói: “Thiệu tất thua thôi”. Kịp lúc Thiệu chạy trốn, lại nói: “Nếu mà Thiệu dùng kế của Điền Biệt giá thì còn chưa biết thế nào”! Tôn Thịnh nói: “Ta xem mưu của Điền Phong-Thư Viện, dẫu là Lương-Bình há hơn được thế? Cho nên vua quý phải người tài, tôi phải chọn vua; vua dùng người trung lương thì nghiệp bá vương mới lập được. Tôi thờ vua ngu tối thì chỉ chuốc họa nguy vong. Được mất vinh nhục thường do ở đây. Phong biết Thiệu sắp thua, thua thì mình tất chết, vui lòng xông vào miệng hổ để tỏ hết lòng trung, tráng sĩ đối với việc ấy, chẳng nghĩ thân mình được sống vậy. Đối với bày tôi của chư hầu, về nghĩa thì có thể bỏ đi hoặc theo về, huống chi là Phong không phải là bày tôi thân cận của Thiệu đây! Kinh *Thi* chép: ‘Ta từ bỏ người, đến chỗ yên vui’, ý nói bỏ nơi loạn là cũng phải đạo vậy”.

Thiệu ngoài thì rộng rãi, có khí độ, vui buồn không lộ ra mặt nhưng trong lại nghi kị, đều đại loại như thế.

Nhiều thành ấp ở Kỉ châu làm phản, Thiệu lại đánh dẹp được. Từ sau khi quân thua bèn sinh bệnh. Năm (Kiến An) thứ bảy, (năm 202 Công nguyên) lo lắng mà chết.

Thiệu sủng ái con nhỏ là Thượng, có vẻ đẹp, muốn lấy làm nối tự mà chưa nói ra.

Diễn lược chép: Đàm là con cả lại có ân huệ, Thượng là con út mà có dáng đẹp. Vợ của Thiệu là Lưu thị yêu Thượng, nhiều lần khen tài của Thượng, Thiệu cũng khen dáng vẻ của Thượng, muốn cho nối dõi, chưa kịp nói ra thì Thiệu chết. Lưu thị tính ganh kị, Thiệu chết, thân liệm chưa xong thì năm người thiếp được Thiệu sủng ái đã bị Lưu thị giết cả. Cho là người chết cũng biết, sẽ lại gặp Thiệu ở dưới đất, liền cắt tóc bôi mực lên mặt để hủy dáng vẻ của họ. Thượng lại giết sạch người nhà của những người đã chết kia.

Thẩm Phối-Phùng Kỉ tranh quyền với Tân Bình-Quách Đồ, Phối-Kỉ kết với Thượng, Bình-Đồ kết với Đàm. Mọi người vì Đàm là con cả, muốn lập Đàm. Bọn Phối sợ Đàm lập thì bọn Bình sẽ hại mình, bèn theo ý cũ của Thiệu, rồi lấy Thượng thay vị của Thiệu. Đàm đến, không được lập, tự hiệu

làm Xa kị tướng quân. Do đó Đàm-Thượng hiềm khích. Thái Tổ lên phía bắc đánh Đàm-Thượng. Đàm dẫn quân đến Lê Dương; Thượng cấp cho Đàm ít quân, lại sai Phùng Kỉ đến chỗ Đàm; Đàm xin thêm quân, bọn Phối bàn không cho, Đàm giận, giết Kỉ.

Anh hùng kí chép: Kỉ tự Nguyên Đồ. Trước đây, Thiệu bỏ Đồng Trác chạy ra, cùng với Hứa Du và Kỉ đến Kí châu. Thiệu vì Kỉ thông đạt có kế sách, rất tin dùng Kỉ, cùng Kỉ dấy binh. Sau đó lại dùng Thẩm Phối, Phối không hòa với Kỉ. Có kẻ gièm Phối với Thiệu, Thiệu hỏi Kỉ, Kỉ nói: “Phối bản tính cứng cỏi, có khí tiết của người xưa, không nên nghi ngờ hắn”. Thiệu nói: “Ông chẳng ghét hắn sao”? Kỉ đáp nói: “Ngày trước tranh giành là vì tình riêng, nay thần nói là vì việc nước”. Thiệu khen lời, rút cuộc không bỏ Phối. Do đó Phối càng thân thiện với Thiệu.

Thái Tổ vượt sông Hoàng Hà đánh Đàm, Đàm gấp báo cho Thượng. Thượng muốn chia quân cứu Đàm, nhưng sợ Đàm chiếm lấy quân của mình, bèn sai Thẩm Phối giữ thành Nghiệp, còn Thượng tự đem quân giúp Đàm, chống nhau với Thái Tổ ở Lê Dương. Từ tháng hai đến tháng chín, (năm Kiến An thứ tám) đánh lớn ở dưới thành, Đàm-Thượng thua chạy vào giữ thành. Thái Tổ lại vây thành, Đàm-Thượng bèn buổi đêm chạy trốn. Đuổi đến thành Nghiệp, thu gặt lúa mạch ở đấy, lại phá thành Âm An, rồi dẫn quân về đất Hứa. Kịp lúc Thái Tổ xuống phía nam đánh Kinh châu, dẫn quân đến quận Tây Bình; Đàm-Thượng bèn phát quân đánh nhau, Đàm thua trốn đến quận Bình Nguyên. Thượng gấp đánh Đàm, Đàm sai Tân Bì đến chỗ Thái Tổ xin cứu, Thái Tổ bèn về cứu Đàm; Tháng mười, (năm Kiến An thứ tám) Thái Tổ đến Lê Dương.

Ngụy thị xuân thu chép thư của Lưu Biểu gửi Đàm rằng: “Trời xanh giáng hại, họa nạn nhiều đây. Tiên công mất đi khiến cho người khắp bốn cõi đau lòng. Kịp lúc con hiền nối dõi, mọi người trông mong, đều muốn tỏ rõ tài sức để thờ minh chủ; dẫu đến lúc mất vẫn còn mong như thế. Sao lại để ruồi xanh bay ở cán cờ, vi vu lượn qua hai trại, khiến cho đùi tay chia làm hai phần, lưng bụng cắt làm thân khác! Ngày xưa từ thời Tam vương-Ngũ bá đến thời Chiến quốc, cha con giết nhau, đã có thế ấy. Nhưng nếu muốn lập thành nghiệp vương, hoặc muốn định công bá, hoặc muốn làm rạng rỡ tổ tiên, hoặc muốn giữ gìn dòng dõi thì chưa có ai bỏ người thân mà chia cắt gốc rễ của mình, mà chỉ chăm chỉ lập công, truyền lộc cho đời sau vậy. Như Tề Tương Công trả thù mối thù của chín đời, Sĩ Cái lập nên công của Tuân Yên, cho nên kinh *Xuân thu* khen nghĩa của họ, bậc quân tử quý cái tín của họ. Bá Du đã oán với vua Tề không bằng tiên công oán Tháo vậy; Tuyên Tử nối nghiệp không bằng ngài nối nghiệp vậy. Vả lại quân tử tránh nạn thì không đến đất địch, há quên cái oán của thái công mà bỏ đi cái tình của người thân, làm gương cho vạn đời, để lại nỗi nhục của đông đồng minh sao!

Em ngài ở Kí châu kiêu căng đã thế rồi; ngài nên nhẫn chí nhịn nhục để làm việc giúp nước; dẫu bị phu nhân ghét cũng không bằng Trịnh Trang Công bị Khương thị ghét. Anh em ngài hiềm khích cũng không bằng Trọng Hoa hiềm ganh với Tượng vậy. Thế mà Trịnh Trang Công vẫn có buổi bày nhạc ở hầm đất, Tượng được phong ở ấp Hữu Tị. Mong hãy vứt bỏ oán trước, nghĩ kĩ nghĩa cũ, lập lại tình anh em như xưa”. Lại gửi thư cho Thượng rằng: “Ta biết loạn do ở Tân-Quách, gây họa cho anh em, nhớ việc cũ của Át Bá-Thực Thâm quên cái nghĩa để tang chép trong bài *Thường khang* mà gây loạn can qua, thầy phôi máu chảy, ta đọc đến đây mà nghẹn ngào, dẫu còn mà như mất vậy. Ngày xưa Hiên Viên đánh trận ở cánh đồng Trác Lộ; Chu Vũ Vương phát quân đánh ở ấp Thương-Yêm, đều là vì trừ diệt tai hại mà dựng nghiệp vương, không phải là tranh mạnh yếu, chẳng phải là tỏ lòng vui giận vậy. Cho nên dẫu diệt người thân mà vẫn không cho là lo, giết anh em mà không tổn nghĩa. Nay hai ngài mới nổi nghiệp lớn, noi theo phép cũ, tiến thì có nỗi lo nghiêng đổ của nhà nước, lùi thì có mối thù oán giận của tiên công, phải nên làm việc giữ nghĩa, cứu giúp nhà nước. Vì sao? Kim-mộc-thổ-thủy-hỏa lấy cứng mềm giúp nhau, rồi mới được hòa hợp, cho dân lấy dùng. Nay anh ngài ở Thanh châu bản tính nóng nảy, làm lẫn phải trái. Ngài khí độ rộng rãi, khoan dung có thừa, nên lấy lớn giúp bé, lấy tốt giúp kém, nên diệt trừ Tào Tháo trước để rửa mối hận của tiên công; sau khi việc này xong mới ban kế phải trái, cũng chẳng hay hơn sao! Nếu suy nghĩa sâu xa, nhún mình giữ lễ, nên xua quân ruổi dài cùng giúp nhà vua; nếu mê làm không sửa, trái mà không đổi thì rợ Hồ còn có lời trách hỏi, huống chi là đồng minh? Lúc ấy ai còn gắng sức giúp ngài đánh dẹp đây? Đây là Hàn Lô-Đông Quách [\(20\)](#) tự gây khốn mà bị người làm ruộng bắt được vậy. Nhảy nhót đứng trông, mong được nghe tin hòa mục. Nếu là lành thì họ Viên sẽ hưng vong với nhà Hán chẳng? Nếu là xấu thì đồng minh mãi không còn đứng trông vậy”. Đàm-Thượng không nghe. *Hán Tấn xuân thu* chép thư Thâm Phôi gửi Đàm rằng: “Theo nghĩa kinh *Xuân thu*, vua của một nước chết với xã tắc, trung thần chết vì mệnh vua. Nếu có mưu gây loạn tông miếu, phá vỡ nhà nước thì đã có kỉ cương phép vua, dẫu thân sơ đều xử như nhau vậy. Cho nên Chu Công rơi lệ mà xử ngục Quản-Sái, Quý Hữu nức nở mà chuốc độc cho chú mình. Vì sao? Nghĩa nặng người nhẹ, đây là việc bất đắc dĩ vậy. Ngày xưa Vệ Linh Công bỏ Khoái Hội mà lập Khoái Triếp là vì Khoái Hội vô đạo, vào ấp Thích để soán ngôi, do đó Vệ Linh Công đánh hẳn. *Xuân thu truyện* chép: ‘Theo nghĩa của Thạch Mạn Cô cũng chông lại được Khoái Hội’. Cho nên Khoái Hội rút cuộc bị phạt tội phản nghịch mà Thạch Mạn Cô có tiếng là trung thần. Cha con còn thế, huống chi là anh em đây? Ngày xưa tiên công phế bỏ tướng quân là vì lấy người hiền thay anh, lập tướng quân ta làm người nổi tự, trên cáo tổ tiên, dưới chép vào sách, tiên công gọi tướng quân là cháu, tướng quân cũng gọi tiên công là chú, người

gần xa trong nước, ai chẳng biết việc này? Vả lại tiên công đã qua đời, tướng quân ta tạm để tang ở nhà cỏ, mà tướng quân cũng trai giới ở phòng mình, thân phận ra vào đều đã rõ ràng. Bấy giờ nghịch thần là Phùng Ki xằng bậy vẽ rắn thêm chân, nói lời siểm nịnh, gây loạn tình thân, do đó tướng quân tỏ nổi giận đùng đùng, đánh không mấy chốc thì tướng quân cũng vâng mệnh theo ý, bày thêm hình phạt. Từ đó về sau, ung nhọt bị phá, cốt nhục không có chút gây hiềm, những bày tôi từng nghi ngờ đều giữ được toàn mạng sống. Cho nên rợ Hồ mạnh bạo cũng kén tướng giỏi, sửa sang binh khí, lựa chọn quân sĩ, dốc hết tiền của trong kho tàng, vét sạch lương lực trong bờ cõi để cung cấp cho tướng quân mà không đòi hỏi gì cả. Vua tôi hòa thuận cùng dưới cờ trống, đánh như nhận bay, thuê đến cho chủ, dẫu kho tàng nghiêng lật, tàn hại dân chúng nhưng trên dưới gắng chịu, không dám nói là khô. Sao thế? Nghĩ đến tám lòng son trung thành, dốc kế sách còn để trong bụng ngực, như răng môi, trục xe không mong được thưởng. Bảo là vì tướng quân mà cùng lòng hợp ý, cong thẳng một thể, tất sẽ trở oai tỏ thế, chống giặc giữ nhà. Thế mà kẻ hung ác siểm nịnh, vu vạ không cùng, dụ dẫn lợi lộc, đến nỗi khiến cho tướng quân chốc lát đổi ý, quên lòng nhân hiếu thuận, nghe mưu của bọn sói lang, gièm lời phé lập của tiên công, trái ngôi vị lúc để tang mới đây, phản lễ của phép tắc, không xét khí tiết thuận nghịch, mưu đổi chủ của Kí châu, muốn làm người nổi nghiệp của tiên công. Rồi phát quân cướp bóc, phá thành giết quan, thây phơi đầy đồng, dân ngã đầy nội, có kẻ phải cắt tóc rách da, chặt đứt tay chân, oán thán nỉ non ở cõi âm, đau đớn kêu gào ở bụi gai. Lại còn mưu đánh thành Nghiệp, hứa tặng tiền của đàn ba cho người Tần-Hồ, hẹn cùng chia đất. Có kẻ nghe nói tướng quân cáo lệnh quan quân rằng: ‘Ta còn có mẹ già, chỉ muốn cho bà ấy được thân thể trọn vẹn mà thôi’. Nghe nói đến đây, chẳng ai không kinh ngạc thất sắc, đau lòng rơi lệ, khiến cho thái phu nhân cũng buồn rầu căm giận ở phòng buồng, chủ tớ quan quân trong châu ta nằm nghỉ cũng than thở, không có chỗ đặt tay chân; nghĩ rằng nếu muốn lặng im suy nghĩ để nghe mưu nắm việc thì sợ trái với khí tiết chết vì mệnh vua trong kinh *Xuân thu*, gây thêm nỗi lo không cùng của thái phu nhân, tổn cơ nghiệp nhiều đời của tiên công. Vả lại ba quân hăng hái, mọi người đều mang oán, tướng quân ta bắt đắc dĩ mới đánh trận ở huyện Quán Đào. Bấy giờ ngoài là chống nạn, trong thực là chịu tội, đã không được tha mà lại đều tỏ hai ba ý, vào trận thì phản loạn. Tướng quân ta tiến lùi đều không có công, đầu đuôi gặp địch, bèn dẫn quân bỏ trốn, không dám từ biệt. Cũng vì tướng quân tỏ lòng nhân của người thân, ban cái ân dùng đuổi cho nên vướng vào vũng lầy, không có chỗ nương thân. Thú khôn thì tất đấu, dốc hết sức mình, mà quân sĩ của tướng quân tan lờ thua vỡ, đấy không phải là do sức người, mà còn là ý trời vậy. Từ đó lại mong tướng quân đổi ý sửa tính, cúi mình giữ lễ, lập lại tình thân anh em như xưa; vậy mà vẫn tự ý oán giận, đánh phá nhà cửa, đứng lên nhảy nhót, liên kết giặc ngoài, thổi

gió vào lửa, tăng thêm độc hại, khói lửa mù mịt, máu chảy nghìn dặm, nghiêng thành nguy dân, gây thêm oán hờn; dầu muốn chẳng đánh, há được ngừng sao! Cho nên bèn dẫn quân sang miền đông, giữ gìn bờ cõi, dầu đến gần lũy nhưng chưa lấn đất đai, chỉ đứng trông chờ tinh, than mãi không thôi! Bọn Phôi là bầy tôi của tiên công, vâng theo lệnh phé lập. Vậy mà bọn Đồ hại nước loạn nhà, phải phạt theo phép thường. Cho nên phát quân của châu nhỏ này để dẹp trừ cái bệnh của tướng quân. Nếu mà trời có ý giúp, sớm tỏ rõ hình phạt thì tướng quân ta cúi mình kêu gọi ở trên bàn tay của tướng quân, bọn Phôi cũng cởi trần lộ thân mà chịu phạt lấy rìu chém. Nếu chẳng sửa lỗi, có ý hại nước, không treo đầu Đồ thì quân ta chẳng dừng. Mong tướng quân nghĩ kỹ việc nên làm để được theo về”. *Diễn lược* chép: Đàm nhận được thư mà thở dài, lên thành mà khóc. Nhưng đã bị Quách Đồ ép, cũng đem quân nhiều lần đánh đấu, rút cuộc đánh không nghi.

Thượng nghe tin Thái Tổ lên phía bắc, bèn bỏ quận Bình Nguyên mà về thành Nghiệp, tướng của Thượng là Lữ Khoáng-Lữ Tường phản theo Thái Tổ. Đàm lại ngầm khẩn ân tướng quân trao cho Khoáng-Tường. Thái Tổ biết Đàm dối, bèn gả hôn để làm hấn yên lòng, rồi dẫn quân về. Thượng sai Thẩm Phôi-Tô Do giữ thành Nghiệp, lại đánh Đàm ở quận Bình Nguyên. Thái Tổ tiến quân đi đánh thành Nghiệp, đến sông Hoàn cách thành Nghiệp năm mươi dặm; Do muốn làm nội ứng, mưu lộ, đánh với Phôi ở trong thành, thua chạy ra theo Thái Tổ. Thái Tổ bèn đến đánh thành, đào hầm đất, Phôi cũng dựng lũy ở trong để chống lại. Tướng của Phôi là Phùng Lễ mở toang cửa thành, cho hơn ba trăm quân của Thái Tổ vào, Phôi biết được, từ trên thành lấy đá to ném phá cửa lũy trong thành; lúc cửa lũy đóng lại, những người đi vào đều bị giết chết. Thái Tổ lại vây thành, đắp lũy xung quanh dài bốn mươi dặm, đào rãnh nước, tỏ ý như vượt qua. Phôi thấy mà cười việc ấy, không ra tranh lợi. Thái Tổ một đêm đào rãnh nước, sâu rộng hai trượng, dẫn nước sông Chương chảy vào thành; từ tháng năm đến tháng tám, người trong thành chết đói quá nửa. Thượng nghe tin thành Nghiệp nguy cấp, đem hơn vạn quân về cứu thành, men theo vùng núi phía tây mà đến, sang phía đông đến đình Dương Bình, cách thành Nghiệp bảy mươi dặm, đến gần sông Phũ, đốt lửa lên để cho người trong thành biết, người trong thành cũng đốt lửa để đáp lại. Phôi đem quân ra phía bắc thành, muốn cùng Thượng phá vòng vây. Thái Tổ đón đánh Phôi, Phôi thua rút về, Thượng cũng thua chạy, dựa vào sông Khúc Chương để dựng trại, Thái Tổ bèn vây trại ấy; chưa gặp, Thượng sợ, sai Âm Quy-Trần Lâm ra xin hàng, Thái Tổ không nghe. Thượng chạy về cửa Lạc Khâu; Thái Tổ lại gấp đến vây Thượng, tướng của Thượng là bọn Mã Diên vừa vào trận liền xin hàng, quân của Thượng tan vỡ, Thượng trốn đến quận Trung Sơn. Thái Tổ thu hết đồ xe nặng, lấy được ấn thao, tiết việt và đồ áo của Thượng đem cho người nhà của Thượng biết, do đó người trong thành vỡ lở. Con anh của Phôi là Vinh giữ của đông thành, buổi đem

mở cửa cho quân của Thái Tổ vào, đánh với Phối ở trong thành, bắt sống Phối. Phối nói lời tráng liệt, cuối cùng chẳng chịu phục, người xem chẳng ai không than thở, bèn chém Phối.

Tiên hiền hành trạng chép: Phối tự Chính Nam, người quận Ngụy. Thừa trẻ trung liệt khảng khái, có khí tiết không thể đổi. Viên Thiệu lĩnh Kí châu, tin dùng làm tim bụng, cho làm Trị trung biệt giá, coi quản phủ tướng. Trước đây, Đàm bỏ đi, đều gọi người nhà của Tân Bì-Quách Đồ đi theo nhưng riêng người nhà của Tân Bì không chịu đi. Kịp lúc con anh của Phối mở cửa thành đón quân ngoài vào, bấy giờ Phối ở trên lầu tại góc đông nam thành, nhìn thấy quân của Thái Tổ vào, giận Tân-Quách phá hỏng Kí châu, bèn sai người đi nhanh đến nhà ngục trong thành Nghiệp, bắt giết người nhà của Trọng Trị. Bấy giờ Tân Bì ở trong quân, nghe tin cửa thành mở, chạy nhanh đến nhà ngục, muốn cứu người nhà của anh mình, nhưng người nhà của anh đã chết. Hôm đó bắt sống Phối, đem đến dưới trướng, bọn Tân Bì chặn lại lấy roi ngựa đánh vào đầu Phối, mắng Phối rằng: “Thằng nô kia, hôm nay mi chết chắc rồi!” Phối ngoảnh lại nói: “Bọn chó! Cũng vì bọn mi phá Kí châu, ta hận không giết được bọn mi vậy! Vả lại bọn mi hôm nay giết được ta sao?” Chốc lát, Tào Công dẫn vào gặp, bảo Phối rằng: “Có biết ai mở cửa thành của khanh không?” Phối nói: “Không biết được”. Nói: “Tù cháu khanh là Vinh vậy”. Phối nói: “Thằng nhỏ kia không đáng được dùng nên mới thế!” Tào Công lại bảo rằng: “Khi trước ta đến vây thành, sao lại nỏ bắn nhiều thế?” Phối nói: “Chỉ hận còn ít!” Tào Công nói: “Khanh trung với cha con họ Viên, cũng là không được không như thế”. Có ý muốn cho hắn sống. Phối đã không chịu phục, lại nữa bọn Tân Bì kêu khóc không thôi, bèn giết Phối. Trước đây, người Kí châu là Trương Tử Khiêm hàng trước, vốn không hòa với Phối, cười bảo Phối rằng: “Chính Nam, khanh sao bằng được ta?” Phối lớn tiếng nói: “Mi là tên giặc phản hàng, Thảm Phối là tôi trung, dầu chết nhưng há sống như mi sao?” Sắp chịu chết, quát bọn lính cầm giữ sai phải để đầu hướng về phía bắc, nói: “Chủ ta ở miền bắc”. *Sơn Âm Công tái kí* của Nhạc Tư và *Hiến Đế xuân thu* của Viên Diệp đều chép: Quân của Thái Tổ vào thành. Thảm Phối đánh ở trong cửa, đã thua, trốn ở trong giếng, bắt được Phối ở giếng. Thần là Tùng Chi cho rằng: Phối là tráng sĩ một thời, là tôi chịu chết của họ Viên, há vào ngày vận cùng mà trốn mình ở trong giếng? Việc này khó tin, nhưng kể ra cũng dễ như thế. Không biết bọn Tư-Diệp là người thế nào, chưa phân biệt được đúng sai mà lại khinh thường viết bút mực, xằng bậy bày ra điều quái lạ để chép vào sách mình. Cách chép như thế, đây là nói gièm mà không chịu nghe nhìn, khiến cho người đời sau nghi ngờ. Đây là việc có lỗi với sách vở, là điều mà kẻ soạn sách không nên làm vậy.

Cao Cán đem cả dân Kí châu hàng, lại lấy Cán làm Thứ sử.

Vào lúc Thái Tô vây thành Nghiệp thì Đàm cướp lấy các nơi Cam Lăng-An Bình-Bột Hải-Hà Gian, đánh Thượng ở Trung Sơn. Thượng chạy đến huyện Cố An theo Hi; Đàm thu hết quân của Thượng. Thái Tô đến đánh Đàm, Đàm bèn đánh lấy quận Bình Nguyên, chiếm huyện Nam Bì, tự đóng trại ở huyện Long Thấu. Tháng mười hai, (năm Kiến An thứ chín) Thái Tô đem quân đến cửa trại của Đàm, Đàm không ra, buổi đêm lên trốn đến Nam Bì, rồi đến quận Thanh Hà mà đóng trại. Tháng giêng năm (Kiến An) thứ mười, (năm 205 Công nguyên) Thái Tô đánh lấy trại, chém bọn Đàm và Đò. Hi-Thượng bị tướng của mình là Tiêu Xúc-Trương Nam đánh, trốn đến chỗ người Ô Hoàn ở quận Liêu Tây. Xúc tự hiệu làm U châu Thứ sử, thống lĩnh các quan Lệnh trưởng-Thái thú của các quận phản họ Viên theo họ Tào, bày mấy vạn quân, giết ngựa trắng để thề, lệnh rằng: “Kẻ trái lệnh thì chém”! Mọi người chẳng ai dám nói, đều lấy máu uống thề. Đến chỗ Biệt giá Hàn Hành, Hành nói: “Ta nhận ân dày của cha con họ Viên, nay sắp phá diệt, nếu có trí mà chẳng cứu được, có dũng mà không chết cùng, thì về nghĩa là sai vậy. Nếu ngoảnh mặt về phía bắc theo họ Tào thì ta chẳng làm được”. Mọi người ngồi đều vì Hành mà thất sắc. Xúc nói: “Đã làm việc lớn thì nên giữ nghĩa lớn, việc thành hay không chẳng phải do ở một người, nên theo ý của Hành để khuyến khích việc thờ chủ”. Cao Cán phản, bắt Thượng Đãng Thái thú, đem binh giữ cửa Hồ Khẩu; Thái Tô sai Nhạc Tiến-Lí Điền đánh hấn, không thắng. Tháng mười một, Thái Tô đánh Cán, Cán bèn giữ tướng của mình là Hạ Chiêu-Đặng Thăng giữ thành, rồi tự đến chỗ Thiên vu của của người Hung Nô xin cứu, không được, một mình cùng mấy quân kị chạy trốn, muốn xuống phía nam đến Kinh châu; Thượng Lạc Đô úy bắt chém Cán.

Diễn lược chép: Thượng Lạc Đô úy Vương Diễm bắt được Cao Cán, xét công phong Hầu; vợ của Diễm khóc ở trong phòng, cho là Diễm giàu có rồi sẽ lấy thê thiếp mà bỏ sủng ái mình vậy.

Năm (Kiến An) thứ mười hai, (năm 207 Công nguyên) Thái Tô đến quận Liêu Tây đánh người Ô Hoàn. Thượng-Hi cùng người Ô Hoàn đem quân đón đánh, thua chạy đến quận Liêu Đông, bị Công Tôn Khang dụ bắt chém, đem đầu đến.

Diễn lược chép: Thượng là người có sức khỏe, muốn đoạt lấy quân của Khang, mưu với Hi rằng: “Nay đến đây, Khang tất gặp nhau. Ta muốn cùng anh bắt lấy hấn. Có được quận Liêu Đông vẫn tự mở rộng được vậy”. Khang cũng tự mưu nói: “Nay không bắt Hi-Thượng thì không biết nói gì với nhà nước”. Bèn đặt quân tinh nhuệ ở trong chuồng ngựa, rồi mời Hi-Thượng. Hi-Thượng vào, quân phục của Khang xô ra, đều bắt trói bọn Thượng, cho ngồi đất bằng. Thượng lạnh, xin ngồi chiếu, Hi nói: “Đầu sọ sắp rời đến chỗ vụn dăm rồi, xin chiếu chi nữa”! Bèn chém đầu. Đàm tự Hiến Tư. Hi tự Hiến Dịch. Thượng tự Hiến Phủ. *Ngô thư* chép: Thượng có em trai tên là Mãi,

cùng với Thượng chạy đến Liêu Đông. *Tào Man truyện* chép: Mãi là em của anh Thượng. Chưa rõ.

Thái Tổ khen khí tiết của Hàn Hành, nhiều lần mời mà không đến, chết ở nhà.

Tiên hiền hành trạng chép: Hành tự Tử Bội, người quận Đại. Trong sạch lại nhã nhặn. Thừa trẻ mất cha mẹ, kính thuận anh chị, họ hàng khen là hiếu đễ.

TRUYỆN LƯU BIỂU

Lưu Biếu tự Cảnh Thăng, người huyện Cao Bình quận Sơn Dương. Thừa trể nổi danh, gọi là ‘bát tuấn’.

Hán kỉ của Trương Phan chép: Biếu với người cùng quận là bọn Trương Ân, Tiết Úc, Vương Phóng, Tuyên Tĩnh, Công Tự Cung, Điền Lâm gọi là ‘bát giao’, hoặc gọi là ‘bát cố’. *Hán mạt danh sĩ lục* chép: Biếu với người quận Nhữ Nam là Trần Tường tự Trọng Lân, Phạm Bàng tự Mạnh Bác, người nước Lỗ là Khổng Dục tự Thế Nguyên, người quận Bột Hải là Phạm Khang tự Trọng Chân, người quận Sơn Dương là Đản Phu tự Văn Hữu, Trương Kiệm tự Nguyên Tiết, người quận Nam Dương là Sầm Chí tự Công Hiếu gọi là ‘bát hữu’. *Hậu Hán thư* của Tạ Thừa chép: Biếu theo học người cùng quận là Vương Sướng. Sướng làm Nam Dương Thái thú, có đức tiết kiệm. Bấy giờ Biếu mười bảy tuổi, can gián rằng: “Xa xỉ không lấn người trên, tiết kiệm không ép kẻ dưới, đây là đạo trung dung, cho nên Cừ Bá Ngọc thẹn vì riêng mình được khen là bậc quân tử. Nếu phủ quân không ngoảnh xem lời dạy sáng suốt của Khổng Tử mà lại ngưỡng mộ tiết tháo thấp kém của Di-Tề thì không lấy gì rạng rỡ với đời được!” Sướng đáp rằng: “Ít có người bỏ tiết kiệm vậy; vả lại để nắn sửa phong tục”.

Biếu thân cao hơn tám thước, dáng vẻ hùng vĩ. Từ chức Đại tướng quân duệ làm Bắc quân trung hầu. Linh Đế băng, thay Vương Duệ làm Kinh châu Thứ sử. Bấy giờ quân miền Sơn Đông nổi dậy, Biếu cũng hợp quân binh ở Tương Dương.

Chiến lược của Tư Mã Bưu chép: Vào buổi Lưu Biếu vừa làm Kinh châu mục, hào tộc ở miền Giang Nam lớn mạnh, Viên Thuật đóng đồn ở Lỗ Dương, chiếm hết quân của quận Nam Dương. Người quận Ngô là Tô Đại làm Trường Sa Thái thú, Bôi Vũ làm Hoa Dung Trưởng, đều phát quân làm loạn. Biếu vừa đến, một ngựa vào Nghi Thành, lại mưu tính với người huyện Trung Lô là Khoái Lương-Khoái Việt, người quận Tương Dương là Sái Mạo. Biếu nói: “Hào tộc rất mạnh, mà dân lại không theo, Viên Thuật nhân đó mà đánh, nay họa sắp đến rồi! Ta muốn hịch gọi quân nhưng sợ không tụ, phải làm thế nào”? Lương nói: “Dân không theo là vì chưa đủ lòng nhân vậy. Theo mà không trị được là vì tín nghĩa không đủ vậy. Nếu có lập đạo nhân nghĩa thì trăm họ đi theo như nước chảy xuống chỗ thấp, lúc ấy còn lo chi trăm họ không theo mà phải hỏi kế sách phát binh đây”? Biếu ngoảnh hỏi Việt, Việt nói: “Trị bình phải làm việc nhân nghĩa trước, trị loạn phải tỏ rõ quyền mưu trước. Quân không cốt nhiều, cốt ở lòng người vậy. Viên Thuật dưng cảm mà không quyết đoán, Tô Đại-Bôi Vũ đều là kẻ võ dũng, không đáng lo. Bọn hào tộc phần nhiều tham bạo, bị kẻ dưới căm ghét. Có kẻ mà Việt vốn nuôi dưỡng, sai đem lợi để dụ, tất đem dân đến; lúc ấy ngài chỉ giết

kẻ vô đạo, võ về mà dùng họ thì người cả châu sẽ có ý yên lòng. Lại nghe nói ngài có đức lớn thì sẽ dất công mà đến vậy. Quân hội dân tụ, rồi xuống miền nam lấy thành Giang Lăng, lên phía bắc giữ thành Tương Dương, vậy thì truyền hịch mà võ yên tám quận Kinh châu. (21) Bọn Thuật đầu đến cũng không làm chi được vậy”. Biểu nói: “Lời của Tư Như như lời bàn của Ung Quý. Kế của Di Độ như mưu của Cửu Phạm vậy”. Rồi cho Việt sai người dụ bọn hào tộc, có năm mươi lăm người đến, đều chém chúng. Đánh úp bắt lấy quân của chúng, có kẻ liền nhận làm bộ khúc. Riêng hào tộc ở quận Giang Hạ là bọn Trương Hồ-Trần Sinh đem quân giữ quận Tương Dương; Biểu lại sai Việt cùng Bàn Quý đi một ngựa đến dụ hàng chúng, rút cuộc miền Giang Nam đều bình.

Vào lúc Viên Thuật ở tại Nam Dương, liên hợp với Tôn Kiên muốn đánh lấy châu của Biểu, sai Kiên đánh Biểu. Kiên bị trúng tên lạc mà chết, quân thua, rút cuộc Thuật không thắng được Biểu. Lí Thôi-Quách Dĩ vào Trảng An, muốn kết Biểu làm ngoại viện, bèn lấy Biểu làm Trần nam tướng quân, Kinh châu mục, phong tước Thành Vũ Hầu, Giả tiết. Thiên tử đóng đô ở đất Hứa; Biểu đầu sai sứ giả công nạp nhưng liên kết với Viên Thiệu ở miền bắc. Trị trung Đặng Hi can ngăn Biểu, Biểu không nghe,

Hán Tấn xuân thu chép: Biểu đáp Hi rằng: “Trong không bỏ công nạp, ngoài không phản minh chủ, đây là đạt nghĩa với thiên hạ vậy. Sao quan Trị trung lại cho là lạ”?

Hi bèn lấy cơ bệnh mà lui về, không làm quan thời Biểu. Trương Tế dẫn quân vào cõi Kinh châu, đánh thành Nhuỡng, bị trúng tên lạc mà chết, quan thuộc ở Kinh châu đều chúc mừng, Biểu nói: “Tế vì khôn cùng mà đến đây, tướng giữ thành vô lễ mới dẫn đến giao tranh, đây không phải là ý ta. Nay ta chỉ nhận lời thương tiếc chứ không nhận lời chúc mừng”. Liền sai người thu nạp quân của Tế, mọi người nghe tin đều mừng, bèn theo phục. Trường Sa Thái thú Trương Tiện phản Biểu,

Anh hùng kí chép: Trương Tiện là người quận Nam Dương. Lúc đầu làm quan Trưởng ở các quận Linh Lăng-Quế Dương Trưởng, rất được lòng người miền Giang-Tương, nhưng tính cứng cỏi không hòa thuận. Biểu đời đời người này bạc bẽo, rất không giữ lễ. Do đó Tiện mang lòng oán, bèn phản lại Biểu.

Biểu vây hãm nhiều năm không thắng. Kịp lúc Tiện chết, người quận Trường Sa lại lập con của hắn là Dịch; Biểu lại đánh bắt Dịch, xuống phía nam thu miền Linh-Quế, (22) lên miền bắc chiếm miền sông Hán, có đất vuông mấy nghìn dặm, hơn mười vạn quân mặc giáp.

Anh hùng kí chép: Bọn giặc trong châu đã hết, Biểu bèn mở lập quan lại dạy học, câu tìm nhà Nho, sai bọn Kì Vô Khai-Tổng Trung soạn sách *Ngũ*

kinh chương cú, còn gọi là sách *Hậu định*.

Thái Tổ đang chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ; Thiệu sai người xin giúp, Biều hứa theo mà không đến, cũng không giúp Thái Tổ, muốn giữ miền Giang-Hán để xem sự biến của thiên hạ. Tông sự trung lang Hàn Tung, Biệt giá Lưu Tiên khuyên Biều rằng: “Nay hào kiệt tranh giành, hai kẻ mạnh chống nhau, kẻ mạnh trong thiên hạ cũng có tướng quân. Nếu tướng quân muốn muốn tranh thắng thì nên thừa lúc bọn họ mệt mỏi mà đánh cũng được vậy; nếu không tranh thì chọn lựa quân bản bộ, lúc ấy tướng quân năm mươi vạn quân, ngồi yên mà đứng xem cũng được. Nếu trông người hiền mà không giúp được, xin hòa mà cũng không xong, hai kẻ kia tất đều oán tướng quân, tướng quân chẳng còn đứng giữa được nữa. Tào Công là người sáng suốt, người hiền tài trong thiên hạ đều theo về, thế chắc thắng được Viên Thiệu, sau đó dẫn quân hướng đến miền Giang-Hán, sợ rằng tướng quân không chống được vậy. Cho nên bày kế giúp tướng quân, không bằng đem cả châu theo phục Tào Công, Tào Công tất trọng đức của tướng quân; sẽ hưởng phúc lộc lâu dài, truyền cho dòng dõi; đây là kế vạn toàn vậy”. Viên đại tướng của Biều là Khoái Việt cũng khuyên Biều, Biều do dự, bèn sai Tung đến chỗ Thái Tổ để xem thật giả. Tung về, kể rõ oai đức của Thái Tổ, khuyên Biều sai con vào làm tin. Biều ngờ Tung phản nói giúp Thái Tổ, cả giận, muốn giết Tung, xét hỏi người đi theo Tung, biết Tung không có ý khác mới tha.

Phó Tử chép: Lúc trước Biều bảo Tung rằng: “Nay thiên hạ đại loạn, chưa biết lúc nào yên. Tào Công giữ thiên tử đóng đô ở đất Hứa, ông hãy giúp ta đi xem xét”. Tung đáp nói: “Thánh nhân hiếu tiết, thứ đó là giữ tiết. Tung chỉ biết giữ tiết vậy. Đã thờ chủ là giúp chủ, tôi chủ đã định danh thì giữ danh đến chết; nay trao mệnh làm tin, vâng lệnh của ngài, dầu nhảy vào lửa bỏng thì chết cũng không từ. Tung xem thấy Tào Công là người rất sáng suốt, tất giúp được thiên hạ. Tướng quân nên trên thuận thiên tử, dưới nên phục Tào Công, tất được hưởng lợi đến trăm đời, đất Sở thực là cũng được nhờ; sai Tung đi cũng đáng. Nay chưa bày sẵn kế, Tung đi sứ đến kinh sư, nếu thiên tử trao một chức quan cho Tung thì Tung là tôi thân của thiên tử và chỉ là quan thuộc cũ của tướng quân mà thôi. Ở cạnh vua thì giúp vua, vậy thì Tung vâng lệnh của thiên tử; về nghĩa không được chết vì tướng quân vậy. Mong tướng quân nghĩ kỹ, chớ phụ Tung”. Biều bèn sai đi, đúng như Tung nói, thiên tử bái Tung làm Thị trung, chuyển làm Linh Lăng Thái thú, khi trở về khen đức của triều đình và Tào Công. Biều cho là Tung mang lòng khác, hội gặp mấy trăm quan thuộc, bày quân gặp Tung, nổi giận, cầm cờ tiết muốn chém Tung, mắng rằng: “Hàn Tung dám mang lòng khác chẳng!” Mọi người đều sợ, muốn sai Tung tạ lỗi. Tung không tạ, bảo Biều rằng: “Tướng quân phụ Tung chứ Tung không phụ tướng quân!” Nói rõ lời trước. Biều

giận không thôi. Vợ Biều là Sái thị can ngăn nói: “Hàn Tung là người trọng vọng của đất Sở; vả lại hắn nói lời thẳng thắn, nếu giết hắn thì không biết nói lẽ ra sao”. Biều bèn không giết mà chỉ bắt giam.

Biều dẫu vẻ ngoài nho nhã nhưng long nhiều nghi kỵ, đều đại loại như thế. Lưu Bị đến chỗ Biều, Biều hậu đãi hắn nhưng không dùng được.

Hán Tấn xuân thu chép: Vào lúc Thái Tổ mới đánh Liễu Thành; Lưu Bị khuyên Biều đánh úp đất Hứa nhưng Biều không theo. Kịp lúc Thái Tổ về, Biều bảo Bị rằng: “Ta không nghe lời ông cho nên làm mất cơ hội lớn này”. Bị nói: “Nay thiên hạ chia cắt, can qua nhiều ngày, cơ hội xảy đến, há có cuối cùng sao? Nếu trao cho dòng dõi được thì việc ấy cũng không đáng tiếc”.

Năm Kiến An thứ mười ba, (năm 208 Công nguyên) Thái Tổ đánh Biều, chưa đến nơi thì Biều bệnh chết.

Trước đây, Biều và vợ sủng ái con út là Tông, muốn cho nối tự, Tông lại có Sái Mạo-Trương Doãn giúp làm phe đảng, Biều cho con cả là Kỳ ra làm Giang Hạ Thái thú, mọi người bèn cử Tông làm người nối tự. Kỳ và Tông bèn gây hiềm khích.

Diễn lược chép: Biều bệnh tật, Kỳ về thăm bệnh. Kỳ tính hiếu dễ, Mạo-Doãn sợ Kỳ gặp Biều thì cha con thương nhau sẽ có lời trao gửi, bảo Kỳ rằng: “Tướng quân sai ngài đến võ về quận Giang Hạ, làm phen dậu phía đông, gánh việc rất nặng; nay bỏ quân mà đến tất bị trách giận; tấm lòng thương cha sẽ làm cho cha thêm bệnh, đây không phải là hiếu kính vậy”. Bèn ngăn ở cửa nhà, không vào gặp được; Kỳ rơi lệ mà đi ra.

Việt-Tung và Đông tào duệ Phó Tôn khuyên Tông theo Thái Tổ; Tông nói: “Nay ta cùng các ông giữ cả đất Sở, giữ nghiệp của tiên công để xem thiên hạ, sao lại không được thế”? Tôn đáp nói: “Thuận nghịch có thể lớn, mạnh yếu có thể sẵn; là bây tôi mà chống nhà vua là nghịch vậy. Lấy đất Sở mới lập mà chống nhà nước, thế này chẳng đáng vậy; giúp Lưu Bị mà địch Tào Công lại chẳng đáng; ba điều ấy đều kém. Nếu muốn chống mũi nhọn của quân nhà vua, đây là thế tất vong. Tướng quân tự nghĩ so với Lưu Bị thế nào”? Tông nói: “Ta không bằng hắn”. Tôn nói: “Nếu giúp Lưu Bị cũng không ngăn được Tào Công thì dẫu giữ đất Sở cũng không đủ để tự yên vậy; nếu giúp Lưu Bị đủ để ngăn Tào Công thì Bị cũng không chịu đứng dưới tướng quân vậy. Mong tướng quân chớ nghi. Thái Tổ đem quân đến Tương Dương, Tông đem châu hàng, Bị chạy đến Hạ Khẩu.

Phó Tử chép: Tôn tự Công Đễ, học nhiều hiểu rộng, có tài nhìn người. Phủ Tam công gọi, bái làm Thượng thư lang, sau đó làm khách ở Kinh châu, có công khuyên dụ Lưu Tông, ban tước Quan nội hầu. Vào thời Văn Đế, bái làm Thị trung, giữa năm Thái Hòa thì chết. Tôn ở tại Kinh châu, xem rằng

Bàng Thống là anh hùng một nửa, bàn là Bùi Tiềm sẽ nêu rõ đức lành; rút cuộc Thống theo Lưu Bị, được sủng đãi sau Gia Cát Lượng; Tiềm làm đến Thượng thư lệnh, đều có tiếng tăm. Đến thời nhà Ngụy, có Ngụy Phúng nổi tiếng tài trí, Tôn bảo là hấn tất phản, rút cuộc như lời Tôn. Con em của Tôn là Hồ, có truyện chép riêng. *Hán Tấn xuân thu* chép: Vương Uy khuyên Lưu Tông rằng: “Tào Tháo có tướng quân đã hàng, Lưu Bị đã chạy, tất trở nài không phòng bị, khinh thường mà tiến lên; nếu cấp mấy nghìn quân khỏe cho Uy, chặn đánh ở chỗ hiểm thì bắt được Tháo vậy. Bắt được Tháo thì oai lừng thiên hạ, ngồi mà vô chộp. Trung Nguyên dẫu rộng nhưng lướt dài mà định, không chỉ lập được một công thắng trận và giữ gìn được hôm nay mà thôi. Đây là cơ hội khó gặp, không nên để lỡ”. Tông không nghe. *Sưu thần kí* chép: Đầu năm Kiến An, trẻ con ở Kinh châu hát rằng: “Trong năm thứ tám-thứ chín thì bắt đầu suy, đến năm thứ mười ba thì chẳng còn chi”!. Ý nói là từ năm Trung Bình về sau thì riêng Kinh châu được trọn vẹn, đến thời Lưu Biểu làm châu mục, dân được yên vui, đến năm Kiến An thứ tám-thứ chín thì bắt đầu suy. Bắt đầu suy là chỉ buổi vợ của Lưu Biểu chết, các tướng đều loạn vỡ vụn. Năm thứ mười ba thì chẳng còn chi là nói Biểu chết, nhân đó thua vỡ vụn. Bấy giờ ở huyện Hoa Dung có một người con gái chột kêu gào nói: “Kinh châu sắp có tang lớn”. Lời nói mê lầm, quan huyện cho là nói bậy, bắt vào ngục hơn một tháng, ở trong ngục lại chột khóc nói: “Hôm nay Lưu châu mục chết”. Huyện Hoa Dung cách sở châu mấy trăm dặm, liền sai người ngựa đi xem sao, thì đúng Biểu chết, quan huyện bèn thả ra. Rồi lại hát ngâm rằng: “Không ngờ Lí Lập là người tôn quý”. Sau đó không lâu, Thái Tổ bình Kinh châu, lấy người quận Trác là Lí Lập, tự Kiến Hiền làm Kinh châu Thứ sử.

Thái Tổ lấy Tông làm Thanh châu Thứ sử, phong tước Liệt hầu.

Vũ Đế có sự chép lệnh rằng: “Đất Sở có cái hiểm của sông núi miền Giang-Hán, ngang bằng với đất Tần, mà Kinh châu là đất cũ. Lưu Trấn nam dùng dân ở đất ấy lâu rồi. Sau khi thân mất, các con lại tranh giành, dẫu khó giữ trọn nhưng vẫn kéo dài. Thanh châu Thứ sử là Tông ý chí cao khiết, trí tuệ sâu rộng, khinh vinh trọng nghĩa, lợi mỏng đức dày, coi thường cơ nghiệp vạn dặm, lơ là binh sĩ ba quân, dốc tấm thân trung chính, giữ danh dự tiếng tốt, trên nêu rõ tiếng cao của tiên công, dưới nắm chặt lộc lớn không mục; dẫu Bào Vĩnh bỏ Tinh châu, Đâu Dung rời năm quận cũng chưa đáng để sánh vậy. Dẫu phong tước Liệt hầu ở một châu cũng tiếc vinh sủng ấy chưa xứng cho người này; mà lại gửi sớ xin về châu cũ. Chúc quan Giám dẫu quý nhưng bổng lộc chưa nhiều. Nay nghe theo lời xin, bãi Tông làm Giám nghị đại phu, Tham đồng quân sự”.

Phong tước Hầu cho mười lăm người bọn Khoái Việt. Việt làm Quang lộc huân;

Phó Tử chép: Việt là dòng dõi của Khoái Thông vậy. Mưu sâu trí đầy, kiệt hiệt có oai hùng. Đại tướng quân Hà Tiến nghe danh mà gọi làm Đông tào duệ. Việt khuyên Tiến giết bọn hoạn quan, Tiến do dự không quyết. Việt biết Tiến tất thua, xin ra làm Nhữ Dương Lệnh, giúp Lưu Biểu đánh dẹp trong châu, Biểu được lớn mạnh. Hạ chiếu bái làm Chương Lăng Thái thú, phong tước Phàn đình hầu. Kinh châu bình, Thái Tổ gửi thư cho Tuân Úc rằng: “Không mừng có Kinh châu, chỉ mừng có Khoái Dị Độ thôi”. Năm Kiến An thứ mười chín thì chết. Sắp chết, gửi thư cho Thái Tổ, trao gửi người nhà. Thái Tổ báo thư rằng: “Chết mà lại sống, sống mà chẳng thẹn. Ta ít cử ai, chỉ làm nhiều thôi. Hồn mà có linh, cũng sẽ nghe lời này của ta”.

Tung làm Đại hồng lư;

Tiên hiền hành trạng chép: Tung tự Đức Cao, người huyện Nghĩa Dương. Thừa trẻ ham học, nghèo mà chẳng đổi tiết. Biết đời sắp loạn, không vâng lệnh của Tam công, cùng mấy người bạn cùng quận ẩn cư ở trong núi phía tây huyện Lịch. Kịp lúc giặc Khăn vàng nổi lên, Tung tránh nạn đến miền nam, Lưu Biểu cho làm Biệt giá, chuyên làm Tòng sự trung lang. Biểu ra ngoài thành cúng tế trời đất, Tung can ngăn mà không nghe, bèn có ý làm trái. Đi sứ đến đất Hứa, việc chép tại lời chú ở trước. Vào lúc Kinh châu bình, Tung bệnh tật, đến tại sở quan nhận ấn thao Đại hồng lư.

Hi làm Thị trung; Hi là người quận Chương Lăng.

Tiên làm Thượng thư lệnh; những người còn lại đều làm đến quan to.

Linh Lăng tiên hiền truyện chép: Tiên tự Thủy Tông, học rộng nhớ lâu, ưa học đạo Hoàng Lão, thuộc lầu sách vở của nhà Hán. Làm Biệt giá của Lưu Biểu, đem thư đến đất Hứa, gặp Thái Tổ. Bảy giờ tân khách đều hội, Thái Tổ hỏi Tiên rằng: “Lưu châu mục sao lại cúng tế ở ngoài thành”? Tiên đáp nói: “Lưu châu mục lấy tiếng là bụng ngực của nhà Hán, nắm vị mục bá mà gặp buổi phép vua chưa yên, bọn xấu chặn đường, muốn châu dâng lụa ngọc mà không đến được, gửi biểu sớ mà chẳng tới được nhà vua, cho nên cúng tế trời đất, nêu rõ lòng thành”. Thái Tổ nói: “Bọn xấu là ai”? Tiên nói: “Dối mắt đều thấy”. Thái Tổ nói: “Nay ta có kẻ sĩ hùm gấu, mười vạn bộ kị, vâng lệnh đánh dẹp, ai dám không phục”? Tiên nói: “Nhà Hán suy kém, dân chúng tiều tụy, đã không có kẻ sĩ trung nghĩa giúp đỡ thiên tử vỗ yên bốn cõi khiến cho vạn nước phục đức mà lại đem quân giết chóc, nói là chẳng ai bằng mình, đây chỉ là bọn Xi Vu-Trí Bá xuất hiện ngày nay vậy”. Thái Tổ im ỉm, bái Tiên làm Vũ Lăng Thái thú. Vào lúc Kinh châu bình, Tiên mới vào làm Thượng thư của nhà Hán, sau lại làm Thượng thư lệnh của nước Ngụy. Con rể người cùng quận của Tiên là Chu Bất Nghi, tự Nguyên Trực, người huyện Linh Lăng. *Tiên hiền truyện* chép: Thừa bé Bất Nghi có tài lạ, thông minh nhanh nhẹn, Thái Tổ muốn gả con gái cho, Bất Nghi không dám nhận. Thái Tổ sủng ái con là Thương Thư, sớm có tài trí, bảo là sánh được

với Bất Nghi. Kịp lúc Thương Thu chết, ý Thái Tô kị Bất Nghi, muốn giết đi. Văn Đế can ngăn cho là không nên. Thái Tô nói: “Người này không phải là người mà mi ngăn chặn được”. Bèn sai thích khách đi giết. *Văn chương chí* của Chí Ngu chép: Bất Nghi chết vào lúc mười bảy tuổi, soạn bốn bài văn luận. *Thế ngữ* chép: Sau khi Biều chết hơn tám mươi năm, đến giữa năm Thái Khang thời nhà Tấn, người ta đào mộ của Biều, thấy hình người Biều và vợ như lúc sống, mùi trà lan mấy dặm.

Bình rằng: Đông Trác lang sói tàn ác, bạo ngược bất nhân, từ khi có sách chép đến nay gần như chưa có ai như thế.

Anh hùng kí chép: Ngày xưa có người lớn xuất hiện ở huyện Lâm Thao thì đúc người đồng; Trác sinh ở huyện Lâm Thao thì người đồng vỡ; (23) đời có Trác thì xảy ra đại loạn, sau đại loạn thì Trác thân diệt, nguyên nhân như thế đó.

Viên Thuật xa xỉ phóng túng, không đáng vinh hiển mà tự nắm lấy.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Kiệt-Trụ vô đạo, Tàn-Mãng (24) bạo ngược, đều trải qua nhiều năm rồi việc ác mới rõ ràng. Đông Trác tự nắm quyền bính, làm việc hỏng tổn, kể bằng ngày tháng, chưa đến ba năm mà họa chất cao như núi, độc tuôn bốn cõi. Cái tính tàn ngược của hắn đến sói lang cũng không bằng. Chép rằng: “Từ khi có sách chép đến nay gần như chưa có ai như thế”, lời này là đúng. Nhưng đã bình rằng: “Tàn ác” mà lại nói “Bất nhân”, tàn ác, bất nhân, lời này là nặng nề. Viên Thuật không có công chút gì, chẳng có đức lành tí tẹo nào mà xằng bậy ở thời ấy, tự ý tôn lập, khiến cho nghĩa sĩ than thở, thần người cùng khinh ghét. Dẫu có cung kính tiết kiệm thì cũng không tránh khỏi vỡ lật vậy. Thế mà chỉ bình rằng: “Xa xỉ không đáng” thì không đủ để thấy cái tính xấu của hắn.

Viên Thiệu-Lưu Biều đều có oai danh khí độ, nổi tiếng trên đời. Biều nhảy nhót ở miền nam sông Hán; Thiệu bay võ ở miền bắc sông Hoàng Hà, nhưng đều ngoài thì rộng rãi mà trong thì nghi kị, ưa mưu kế mà không quyết đoán, có người tài mà chẳng dùng được, thấy người hiền mà chẳng nạp được, phé trương lập thứ, bỏ lễ mà yêu sủng, dẫn đến dòng dõi tranh giành, xã tắc nghiêng lật; đây chẳng phải là không may vậy. Ngày xưa Hạng Vũ làm trái mưu của Phạm Tăng mà vui lập nghiệp vương; nay Thiệu giết Điền Phong, còn lắm hơn Vũ vậy!

[CHÚ THÍCH]

(1) Kinh nghệ tức là cá voi và cá kình, những con cá lớn rất mạnh mẽ ở ngoài biển xa. Ý Trác muốn nói là những kẻ cầm đầu nổi dậy ở phương xa chưa diệt được.

(2) Y Doãn và Hoắc Quang đều là những đại hiền thần đời Thương Chu, nổi danh trong lịch sử Trung Hoa.

(3) Trỏ việc Đổng thái hậu bị Hà thái hậu bức chết.

(4) Ngày xã tháng hai còn gọi là ngày xuân xã, theo tục lệ xưa Trung Hoa là ngày Mậu sau ngày lập xuân năm ngày. Mùa thu cũng có ngày thu xã, tức là ngày Mậu sau ngày lập thu năm ngày.

(5) Việc này xảy ra ở nước Trịnh, thời Xuân Thu.

(6) Chỗ này Bùi Tùng Chi trích dẫn một việc xảy ra vào cùng thời gian, ở hai cuốn sách khác nhau, về hai cái chết rất khác nhau của cái người có tên tự là Đức Du, ở cùng quê, một người có tên là Ngũ Phu, một người có tên là Ngũ Quỳnh, và không hiểu được đó là một người hay là hai người khác nhau.

(7) Nên nghĩ đến mối thù của Ngũ Tử Tư mà ngoảnh mặt về phía bắc: ý nói chủ của Thuật là Thái phó Viên Ngôi bị Đổng Trác giết hại, Thiệu khuyên Thuật nên báo thù, ngoảnh mặt về phía bắc theo mình để đánh Đổng Trác.

(8) Bốn châu: chỉ bốn châu mà Viên Thiệu chiếm lấy là: U châu, Kí châu, Tinh châu, Thanh châu.

(9) Chủ minh: chỉ việc đứng đầu hội thề. Bảy giờ hào kiệt của miền Sơn Đông hội thề để đánh Đổng Trác, tôn Thiệu làm chủ minh.

(10) Trác sang phía tây vào cửa quan: chỉ việc Trác dời đô từ Lạc Dương sang phía tây vào cửa quan Hàm Cốc mà đến thành Tràn An.

(11) Hà bá: chỉ thần sông.

(12) Quân 'bạch mã nghĩa tòng': tức quân theo nghĩa cưỡi ngựa trắng.

(13) Vận hỏa suy kiệt, họ Viên là dòng dõi của vận thổ: ý nói nhà Hán của họ Lưu thuộc vận hỏa đã suy kiệt, họ Viên thuộc vận thổ sẽ nối thay.

(14) 'Thập vây ngũ công': ý nói theo binh pháp thì quân nhiều hơn địch mười lần mới vây, nhiều hơn địch năm lần mới đánh.

(15) Mạc phủ: chỉ phủ trưởng của Viên Thiệu. Lúc đầu Thiệu tự hiệu làm Xa kị tướng quân, chủ minh, lập ra phủ trưởng để thống lĩnh quân hào kiệt của miền Sơn Đông đi đánh Đổng Trác.

(16) Bỏ xấu chọn dùng: ý nói thời loạn cần dùng người, dẫu người xấu thì cũng gạt bỏ tiếng xấu cũ của người đó mà chọn dùng.

(17) Phát khâu trung lang tướng, Mô kim hiệu úy: là những chức quan do Tào Tháo đặt ra, coi việc đào mộ cổ để lấy vàng bạc châu báu ở trong mộ.

(18) Chính sự phiến hà: chỉ chính sự rườm rà, khắc bạo.

(19) Trung Hoàng-Dục-Hoạch: Trung Hoàng là Trung Hoàng Bá, Dục là Hạ Dục, Hoạch là Ô Hoạch, đều là những dũng sĩ thời cổ, có sức khỏe hơn người.

(20) Hàn Lô-Đông Quách: Hàn Lô tức Hàn Tử Lô, là một con chó nổi tiếng khỏe mạnh; Đông Quách là Đông Quách Thuần, là con thỏ nổi tiếng khôn ngoan. Theo Chiến quốc sách kể câu chuyện rằng: Hàn Lô đuổi Đông Quách ba vòng quanh, năm lần trèo lên núi, hai con ra sức chạy, cuối cùng đều mệt mỏi mà chết ở dưới núi. Lúc đó có người làm ruộng thấy mà bắt được mà không khó khọc gì. Ý nói hai bên đều mệt thì bên thứ ba được lợi vậy.

(21) Tám quận Kinh châu: vào thời Lưu Biểu làm Kinh châu Thứ sử, Kinh châu gồm tám quận là: Nam Quận, Nam Dương, Giang Hạ, Chương Lăng, Trường Sa, Vũ Lăng, Quế Dương, Linh Lăng.

(22) Miền Linh-Quế: chỉ hai quận Linh Lăng và Quế Dương.

(23) Ngày xưa có người lớn xuất hiện ở huyện Lâm Thao thì đúc người đồng; Trác sinh ở huyện Lâm Thao thì người đồng vỡ: Hán thư - Ngũ hành chí chép: Vào năm thứ hai mươi sáu (năm 221 Trước công nguyên) thời Tần Thủy Hoàng, có mười hai 'người lớn' cao năm trượng, chân rộng sáu thước, mặc áo Di-Địch, xuất hiện ở huyện Lâm Thao, cho nên Tần Thủy Hoàng phá binh khí để đúc thành tượng mười hai người lớn kia, đặt ở thành Hàm Dương. Quan trung kí chép: Đổng Trác phá mười tượng người đồng, chỉ còn lại hai tượng.

(24) Tần-Mãng: Tần là nhà Tần, Mãng là Vương Mãng, chính trị thời nhà Tần và Vương Mãng đều bạo ngược rườm rà.

QUYỀN 7 - LÃ BỐ (TRƯỜNG MẠC, TRẦN ĐĂNG), TANG HỒNG TRUYỆN

Lã Bố, (Trường Mạc, Trần Đăng) Tang Hồng

LÃ BỐ TRUYỆN

Lã Bố tự Phụng Tiên, người quận Ngũ Nguyên huyện Cửu Nguyên. Bởi vũ dũng có sức khoẻ nên được làm Cấp sự⁽¹⁾ ở Tinh Châu. Thứ sử Đinh Nguyên làm Kỵ Đô úy, đóng quân ở Hà Nội, dùng Bố làm Chủ bộ, lấy tình thân mà đối đãi.

Anh hùng ký chép: Nguyên tự Kiến Dương⁽²⁾. Vốn xuất thân nơi nghèo khó, là người thô lậu, có vũ dũng, khéo cưỡi ngựa bắn cung. Lúc làm Lại ở huyện Nam, khi đi công cán chẳng từ chối việc khó nhọc, có tinh thần cảnh giác và ứng biến nhanh, khi đuổi theo quân cường khấu, thường xông lên trước. Ít đọc sách, thiếu khả năng làm Lại.

Linh Đế băng hà, Nguyên dẫn binh đến Lạc Dương. Cùng Hà Tiến mưu tính diệt bọn hoàng môn, được bái làm Chấp kim ngô. Tiến chết, Đồng Trác vào kinh đô, định làm loạn, muốn giết Nguyên, thu gom hết binh lính. Trác thấy Bố được Nguyên tin tưởng, bèn dụ Bố sai giết Nguyên. Bố bèn chém Nguyên đem đầu đến chỗ Trác, Trác lấy Bố làm Kỵ Đô úy, rất yêu mến tin tưởng, ước thệ làm cha con.

Bố giỏi việc cung ngựa, sức vóc hơn người, có danh hiệu là Phi tướng. Ít lâu được thăng làm Trung lang tướng, tước Đô Đình hầu. Trác tự biết mình vô lễ với người, sợ họ mưu hại mình, khi đi đứng thường lấy Bố làm hộ vệ. Nhưng Trác tính tình cô chấp mà nóng nảy, lúc cáu giận chẳng nghĩ đến nguy hiểm, có lần thất ý vì một việc nhỏ, tiện tay rút cây kích ném Bố. Bố có sức khoẻ đánh dạt cây kích đi, ngoảnh về phía Trác tạ lỗi, Trác cũng có ý nguôi giận. Tuy vậy Bố vẫn ngầm oán Trác. Trác thường sai Bố trấn giữ trong cửa nách, Bố và thị tì của Trác tư thông, sợ việc bị phát giác, trong lòng bất an.

Kinh Thi viết: “Không có sức không gan góc, mà có chức tước là loạn ngôi thứ.⁽³⁾” Chú: “Quyền, là sức vậy”.

Trước đây, Tư đồ Vương Doãn nhân vì Bố là người cùng châu quận lại rất tráng kiện, nên đãi Bố rất hậu. Về sau Bố đến chỗ Doãn, dãi bày việc Trác có lần định giết mình. Bấy giờ Doãn và quan Phó xạ Tôn Thụy đang ngầm bàn mưu tru diệt Trác, nên yêu cầu Bố làm nội ứng. Bố nói: “Nhưng có cái tình cha con thì ta phải làm thế nào!” Doãn nói: “Ngài là họ Lã, vốn chẳng phải là cốt nhục. Nay vừa lo cái chết chẳng xong, sao bảo là có tình cha con?” Bố bèn nghe theo, tự tay cầm dao đâm chết Trác. Việc đã nói ở Đồng Trác truyện. Doãn cho Trác làm Phấn vũ tướng quân, cho Giả tiết, Nghi bí tam ti⁽⁴⁾, tước Ôn hầu, cùng nắm quyền chiều chính. Bố từ sau khi giết Trác, căm ghét người ở Lương châu, người Lương châu đều oán giận. Bởi thế bọn Lý Thôi bèn liên kết kéo về vây đánh Trường An. Bố không chống nổi, bọn

Thôi liền kéo vào Trường An. Trác chết được sáu tuần, Bồ cũng thất bại. Bồ bèn dẫn mấy trăm quân kỵ chạy ra Vũ Quan, muốn đến chỗ Viên Thuật.

Anh hùng ký chép: Quách Dĩ ở phía bắc thành. Bồ mở rộng cửa thành, dẫn binh tới chỗ Dĩ, nói: “Người hãy tạm lui binh, chỉ mình ta và người quyết thắng phụ”. Dĩ và Bồ bèn đơn đả độc đấu, Bồ dùng mâu đâm trúng người Dĩ, quân kỵ của Dĩ ở phía sau liền tiến ra cứu Dĩ, Dĩ và Bồ hai bên đều bãi binh.

Thần Tùng Chi xét Anh hùng ký chép: Các sách nói, Bồ giết Trác vào ngày hai mươi ba tháng tư, ngày mồng một tháng sáu thua chạy, mùa ấy lại không có tháng nhuận, vậy chẳng thể đến sáu tuần được.

Bồ tự nghĩ mình đã giết Trác là báo thù được cho Thuật, muốn tỏ cái ơn ấy ra. Thuật ghét Bồ là kẻ phản phúc, cự tuyệt không thu dụng. Bồ về bắc đến chỗ Thiệu, Thiệu cùng Bồ đánh Trương Yên ở Thường Sơn. Yên có hơn vạn tinh binh, mấy nghìn quân kỵ. Bồ có con ngựa hay gọi là Xích Thố.

Tào Man truyện chép: Người bấy giờ có câu rằng: “Người thì có Lã Bồ, ngựa thì có Xích Thố.”

Bồ thường cùng cùng bọn tướng thân cận là Thành Liêm-Ngụy Việt xung phong hãm trận, sau phá được quân của Yên. Nhưng lúc xin cấp thêm binh, tướng sĩ lại hay cướp bóc, Thiệu sợ mà ghét. Bồ biết được ý ấy, tới gặp Thiệu xin đi. Thiệu sợ Bồ quay lại hại mình, bèn phái tráng sĩ nhân đêm tối đến giết Bồ, không xong. Việc bại lộ, Bồ chạy về Hà Nội, cùng Trương Dương hợp binh.

Anh hùng ký chép: Bồ tự nghĩ mình có công với họ Viên, kiêu căng khinh mạn chư tướng bộ hạ của Thiệu, cho rằng chỉ tạm giữ chức, không đủ quý hiển. Bồ xin về Lạc huyện, Thiệu giả vờ cho Bồ lĩnh chức Tư lệ Hiệu úy. Bề ngoài nói là đang sắp xếp, trong bụng muốn giết chết Bồ. Sáng hôm sau lên đường, Thiệu phái ba chục giáp sĩ đi theo, nói là đưa tiễn Bồ. Bồ ở trong góc trướng, vờ sai người ở trong trướng gảy đàn tranh. Quân của Thiệu nằm nghỉ, Bồ không biết làm sao lại ra khỏi trướng, mà binh kia không phát giác được. Nửa đêm binh lính xông lên, đến chém loạn vào giường của Bồ, cho là Bồ đã chết. Sáng hôm sau, Thiệu tra hỏi, mới biết Bồ vẫn còn sống, bèn đóng cửa thành lại. Bồ liền bỏ đi.

Thiệu lệnh cho binh lính đuổi theo, chúng đều sợ Bồ, chẳng ai dám tiếp cận.

Anh hùng ký chép: Dương cùng chư tướng thuộc hạ, đều vâng mệnh Thôi-Dĩ cho yết bảng để tìm Bồ, mưu toan giết đi. Bồ nghe tin, bảo với Dương rằng: “Bồ ta, và ngài là người cùng châu. Ngài giết Bồ, là ngài kém. Chẳng bằng đem bán Bồ, có thể được Dĩ-Thôi ban cho tước hậu.” Dương vì thế ngoài mặt hứa với Thôi-Dĩ, trong bụng lại thật tình bảo hộ Bồ. Dĩ-Thôi lo

lãng, bèn đổi ý xuống đại chiếu thư, phong cho Bô làm Thái thú Dĩnh Xuyên⁽⁵⁾.

[CHÚ THÍCH]

(1) Theo một số tài liệu liên quan thì Lã Bố khi đó làm sai dịch, chuyên việc tuyển mộ lính thú ở Tinh Châu.

(2) Nguyên văn câu này là 'Nguyên tử Kiến Dương', chữ 'tử' có nghĩa là con cái, gốc gác; chữ 'tự' có nghĩa là tên tự, hai chữ này viết chỉ khác nhau một nét, có thể bản gốc viết lầm chữ này?

(3) Vô quyền vô dũng, chức vị loạn giai. Chữ 'quyền' ở đây là quyền cước, là cái nắm tay.

(4) Tức là cho nghi trọng, gần được như ngôi Tam công.

(5) Không hiểu vì sao truyện về Lã Bố lại dừng ở đây, khi những tình tiết về nhân vật này vẫn còn dài?

QUYỀN 8 - NHỊ CÔNG TÔN ĐÀO TỬ TRƯỞNG TRUYỆN

*Công Tôn Toàn, Đào Khiêm, Trương Dương, Công Tôn Độ, Trương Yên,
Trương Tú, Trương Lỗ*

CÔNG TÔN ĐỘ TRUYỆN

Công Tôn Độ tự Thăng Tế, vốn là người huyện Tương Bình quận Liêu Đông. Cha Độ là Diên, tránh quan (1) mà đến ở quận Huyền Thố, dùng Độ làm quan của quận ấy. Bấy giờ con của Huyền Thố Thái thú Công Tôn Vực là Báo, mới mười tám tuổi, chết sớm. Độ thuở nhỏ có tên là Báo (2), lại cùng tuổi với con của Vực, Vực gặp mà yêu quý Độ, sai thầy đến dạy học, giúp cưới vợ cho. Sau cử Hữu đạo (3), bái làm Thượng thư lang, dần chuyển làm Kí Châu Thứ sử, nói lời sai trái mà bị bãi chức. Người cùng quận là Từ Vinh làm Trung lang tướng của Đồng Trác, tiến cử Độ làm Liêu Đông Thái thú. Độ vốn là quan nhỏ của quận Huyền Thố, bị người quận Liêu Đông coi thường. Lúc đầu, người của thuộc quốc (4) là Công Tôn Chiêu làm Tương Bình Lệnh, gọi con Độ là Khang làm Ngũ Trưởng. Độ đến nhận chức, bắt Chiêu, đánh chết ở chợ Tương Bình. Thỏ hào họ lớn trong quận là bọn Điền Thiệu không có ân giao kết, đều dùng hình pháp mà giết hết hơn trăm nhà, trong quận rúng động. Đến phía đông đánh nước Cao Câu Li, đến phía tây đánh người Ô Hoàn, uy lừng ngoài nước. Năm Sơ Bình thứ nhất, Độ biết Trung Quốc rối loạn, bảo với quan thân cận là bọn Liễu Nghị, Dương Nghị nói: “Lộc nhà Hán sắp hết, nay cùng các ông mưu làm Vương thôi”.

Ngụy thư viết: “Độ nói với bọn Nghị, Nghị rằng: ‘Có sách bói nói Tôn Dăng đáng làm Thiên tử, Thái thú họ Công Tôn, tự Thăng Tế, Thăng là Dăng vậy’”.

Bấy giờ ở xã Diên Lí thuộc huyện Tương Bình có khối đá lớn, dời hơn một trượng, dưới có ba khối đá nhỏ làm chân. Có người bảo Độ nói: “Đấy là điềm đã mũ (5) thời Hán Tuyên Đế, mà tên áp giống với tên tiên quân. Xã là đất đai, ý nói đáng có đất đai, mà ba chân là phụ tá vậy”. Độ thêm vui. Hà Nội Thái thú Lí Mẫn ngày trước là người có tiếng trong quận, ghét việc mà Độ làm, sợ bị Hại, bèn đem người nhà chạy vào biển. Độ cả giận, đào mộ cha của hắn, xẻ quan đốt thầy, giết họ hàng của hắn.

Tấn Dương thư viết: “Con Mẫn đến cứu Mẫn, ra cửa ải, qua hai mươi năm không lấy vợ. Người trong chùa là Từ Mạc trách hắn nói: ‘Bất hiếu chẳng gì lớn bằng không có người nối dõi, sao lại suốt đời không lấy vợ vậy!’ Bèn lấy vợ, sinh con là Dận rồi đuổi vợ đi, thường dùng lễ chịu tang, không thôi lo buồn, được mấy năm thì chết. Dận sinh ra không biết cha mẹ là ai, đến lúc biết, ăn rau chịu tang người thân cũng ba năm. Vì không biết ông nội còn hay mất, cũng tự mình cúng tế. Do đó mà có tiếng tăm, làm quan đến chức Tư đồ”.

Thần là Tùng Chi xét: Truyện gốc nói Mẫn đem người nhà vào biển, mà đây lại nói Mẫn lạc nhau với con, chưa rõ nguyên nhân.

Chia quận Liêu Đông lập ra quận Liêu Tây, quận Trung Liêu, đặt chức Thái thú. Vượt biển lấy các huyện quận Đông Lai, đặt chức Doanh Châu Thứ sử. Tự lập làm Liêu Đông Hầu, Bình Châu Mục, truy phong cha là Diên làm Kiến Nghĩa Hầu. Lập miếu thờ hai vị tổ của nhà Hán⁽⁶⁾, thừa lệnh đắp đàn tế ở phía nam thành Tương Bình, cúng tế trời đất, cày ruộng tịch điền⁽⁷⁾, luyện binh, cưỡi xe màn loan, dùng chín cờ xí, lập quân kỳ mao đầu, vũ lâm. Thái Tổ xét bái Độ làm Vũ uy Tướng quân, phong Vĩnh Ninh Hương Hầu, Độ nói: “Ta làm chủ quận Liêu Đông, sao lại là huyện Vĩnh Ninh”! Giấu ẩn thao ở kho vũ khí. Độ chết, con là Khang thay tước, lấy tước Vĩnh Ninh Hầu phong cho em là Cung. Năm đó là năm Kiến An thứ chín.

Năm thứ mười hai, Thái Tổ đánh người Ô Hoàn của ba quận, ⁽⁸⁾ làm cỏ Liễu Thành. Bọn Viên Thượng trốn đến Liêu Đông, Khang chém đem đầu Thượng đem đến. Lờn này tại Vũ Đế kỉ. Phong Khang làm Tương Bình Hầu, bái làm Tả Tướng quân. Khang chết, con là bọn Hoảng, Uyên còn nhỏ, quân sĩ lập Cung làm Liêu Đông Thái thú. Văn Đế lên ngôi, sai sứ đến bái Cung làm Xa kị Tướng quân, Giả tiết, phong Bình Quách Hầu, truy tặng Khang làm Đại Tư mã.

Trước đây, Cung mắc bệnh suy sụp trở thành người yếm⁽⁹⁾, gầy yếu không coi được việc. Năm Thái Hóa thứ hai, Uyên ép đoạt chức của Cung. Minh Đế lên ngôi, bái Uyên làm Dương liệt Tướng quân, Liêu Đông Thái thú. Uyên sai sứ xuống phía nam giao kết với Tôn Quyền, trao đổi hàng hóa.

Ngô thư chép Uyên dâng biểu gửi Quyền nói: “Phần trộm nghĩ rằng mình gặp buổi trời đất quay ngược, mắc phải vận không hay; con đường đến chỗ Nhà vua chưa yên, nghiêng ngã rối loạn. Từ thời tiên nhân đến nay, thờ qua Hán, Ngụy, nhân theo cơ hội, giúp nước giữ tiết cho nên đời sau được thay chức tước, giữ nơi biên giới, nhưng vẫn biết rằng phù lệnh chưa có chỗ theo về. Thường cảm kích ân dày, nhiều lần sai sứ đi, lại nghĩ rằng bây tôi không được giao kết với kẻ ngoài cõi, cho nên có ý giữ chắc, ngăn chặn sứ giả lúc trước. Về nghĩa dẫu là không có tin ước nhưng há dám quên ân lớn của nhà nước sao! Bệ hạ võ về giữ nước nhỏ này, trước sau sai bọn Bùi Hiệu úy, Cát Đô úy đến, nhận được chiếu lệnh ấy, thấy chiếu chỉ nồng hậu, lại thêm ý tốt, phân biệt sáng tối, tự thân xét rõ, lời ấy vẫn văng vẳng bên tai. Thần ngày thì ngâm đọc, đêm thì ngủ mộng, suốt đời ghi nhớ lấy, tự thấy chỉ mình không biết đủ. Thời nay nhiễu loạn, trời đất tắc nghẽn, can quan không ngừng, dân chúng lìa tan. Ngáng xem mệnh trời mà ngâm ngùi, đứng riêng một góc mà trông mong bậc Thiên tử. Nay nhà Ngụy không giữ được ý tốt, không khen tặng dòng dõi của công thần, lại sai người gièm vu người có chí tốt, nghe lời sai trái của U Châu Thứ sử, Đông Lai Thái thú, rồi phát quân trong châu đánh phá quận của thần. Đây là thần không phản Ngụy, mà là Ngụy cắt đứt thần vậy. Thần nghe nói rằng bây tôi có cái nghĩa phục và bỏ,

như Điền Nhiêu rời nước Tề, Nhạc Nghị bỏ nước Triệu⁽¹⁰⁾, đây là vì không được thờ vua, cho nên chỉ giúp vua có đạo thôi; Trần Bình, Cảnh Huống, cũng vì thấy thời loạn mà theo về nhà Hán, chăm chỉ giúp vua. Cúi xét thấy đức của Bệ hạ không có hai trên đời, đời nay ít có, cho nên người ta tự kính ngưỡng mà theo về, người phương xa ngưỡng trông nơi hiểm trở như nhìn chỗ gân gùi vậy. Thực mong Bệ hạ bày mưu thần mà lập nên nghiệp lớn, sửa soạn thế mạnh của sáu quân, thu lấy đất Hà, đất Lạc⁽¹¹⁾, làm vua thánh thay ngôi. Vậy thì thiên hạ may lắm”! Ngụy lược viết: “Nhà nước biết Uyên có hai lòng, lại sợ quan dân quận Liêu Đông bị Uyên lừa dối, bèn hạ chiếu đến Liêu Đông, nhân đó bảo họ nói: ‘Bảo cho quan lại, tướng sủng, dân chúng của quận Huyền Thố, quận Liêu Đông được biết rằng: Giặc phản Tôn Quyền gặp lúc loạn lạc, cậy vào công lao của tiên nhân cướp chiếm châu quận, trở thành bọn xấu, tự giữ miền Giang Biểu, bôi bẩn gây bệnh. Trẫm mong hấn biết sửa đổi, cho nên cắt đất phong Vương, sai phải ngoảnh mặt về phía nam xưng thần⁽¹²⁾, bái đến chức Thượng tướng, lấy lễ cửu tích mà đối đãi. Quyền tự chấp tay, hướng bắc cúi đầu, được sủng ái của bầy tôi, được vinh hoa của phiên thần, chưa có ai được như Quyền vậy. Vậy mà mang lòng chó sói, ra lệnh gây nạn, rút cuộc phản nghịch quên ân phản chủ, lừa trời dối thần, lại dám tiếm hiệu. Cậy vào cái hiểm trở của miền Giang Biểu, quân Nhà vua chưa đến đánh được. Từ đó đến nay, sai thuyền đi xa, vượt qua biển lớn, thu nhiều tài vật, dụ dỗ dân biên giới. Dân biên giới không biết cho nên giao kết với hấn. Từ bậc trưởng lại trở xuống, chẳng ai chịu dừng. Lại sai sứ là bọn Chu Hạ đưa trăm chiếc thuyền, dọc ngang nơi bờ biển, buôn bán tấp nập. Đã không ngăn cấm, lại cho tặng ngựa khỏe, lại sai Túc Thư theo Hạ kết thân. Ấp có mười nhà vẫn có người trung tín, người vui vua vào chỗ xấu, đây là điều mà sách Xuân thu ghi chép. Nay các quận Liêu Đông, Huyền Thố vâng theo nhà nước, những người đeo dải xanh dây đỏ có đến hàng trăm hàng nghìn người, đội khăn lụa rủ dải tua, đều đeo ấn thao, vậy mà không nói lời giúp đỡ bày kế tốt. Rùa ngọc vỡ trong hộp, hổ tê ra khỏi rương⁽¹³⁾, đây là lỗi của ai vậy? Nhà nước vì các ông mà hổ thẹn thay! Xưa Hồ Đột có nói: ‘Cha dạy con làm phụ tá, thì lấy gì mà thờ vua? Phải dốc hết sức, xong rồi mới thôi’. Mà nay lại hùa theo mưu xấu, đi theo kẻ gian, há chỉ có cái giáo hóa của cha anh không được rõ, mà không phải vì cái việc làm của con em mà thôi sao! Như cỏ dại hại lúa, theo gió mà đốt lửa, thì cây củ đều bị cháy, há được lợi riêng sao? Và lại việc này rõ là dễ thấy, không phải soi vào việc được thua của thời xưa mà sách truyền ghi chép. Miền Giang Nam, miền Hải Bắc⁽¹⁴⁾ có cái hiểm của đất đai dài vạn dặm, vua tôi miền Liêu Đông không có cái hại đáng lo lắng, lợi thì có chỗ không lợi, quý thì có chỗ không quý, đây là tự chán ghét chỗ yên vui mà tìm lấy cái họa diệt vong, vớt tiết tháo trung tiết mà coi trọng cái tiếng phản

ngịch vậy. Quân trưởng của người Man Mạch vẫn biết yêu lễ nghĩa, lấy đó mà thờ vua, mà cũng khó làm sao! Vả lại Túc Thư không có tội, bị ép sai vào Ngô, nhận lệnh làm sứ giả không có nghĩa, từ biệt với người nhà trước, khóc lóc mà đi. Rồi đến ngày bọn Chu Hạ chết, chất thây ở núi Thành Sơn, Thư dẫu thoát chết nhưng hồn bay phách lạc. Cái gì bức ép mới dẫn đến như thế? Nay trung thần liệt tướng đều căm giận quận Liêu Đông làm trái đạo thờ vua, đều muốn cưỡi thuyền vượt qua biển Bột Hải, hẹn nhau xông xáo. Trẫm là cha mẹ của thiên hạ, nghĩ rằng thiên hạ mới định, đã không muốn gây can qua mỗi mệt, lội sông đi xa, hao tổn ở đây, lại buồn lo bọn dân đen nơi biên giới vẫn mê muội như thế, cho nên sai bọn Trung lang Vệ Thân, Thiệu Mạc đem chiếu thư đến báo cho biết trước. Nếu làm kẻ trung lương, làm đui tay thì nên giữ tiết tháo để giúp vua, chống ác theo thiện để lập công lớn, vậy thì phúc nào to hơn? Nếu lo sợ mình từng làm việc ác nghịch đơ bản mà không dám nói ra, mang lòng sợ hãi và những người khác từng cùng sứ giặc qua lại thì đều tha thứ cho, cho các người sửa đổi”.

Quyền sai bọn Trương Di, Hứa Yển đem vàng ngọc châu bảo đến tặng, lập Uyên làm Yên Vương. Uyên cũng sợ Quyền ở xa không dựa cậy được, lại tham tài vật, dụ dỗ sứ giả, đều chém đem đầu bọn Di, Yển đến dâng,

Ngụy lược chép biểu của Uyên nói: “Thần trước kia sai Hiệu úy Túc Thư, Lang trung lệnh Tôn Tông dùng lời hay lẽ hậu đến để dụ giặc Ngô. May nhờ đạo trời giáng phúc giúp Đại Ngụy, khiến cho bọn giặc sai lầm u mê, làm trái lời bàn của bầy tôi, không nghe lời can gián mà lại tin theo lời thần, sai thuyền đi xa, đem nhiều quân sĩ, đến đây bãi phong. Thần đã bắt gọn, được như ý mình, dẫu lo có tội, nhưng tự thấy vẫn may lắm. Quân giặc vốn có vạn người, thêm bọn Thư, Tông có bảy, tám nghìn người nữa đi đến bến Đạp⁽¹⁵⁾. Bọn sứ giả là Trương Di, Hứa Yển cùng bọn Trung lang tướng Vạn Thái, Hiệu úy Bùi Tiềm của bọn ngụy⁽¹⁶⁾, đem hơn bốn trăm quan quân đem chiếu thư cùng tài vật đến quận của thần. Bọn Thái, Tiềm đi riêng đem tài vật đến tặng, muốn nhân đó mua ngựa. Tướng quân Hạ Đạt, Ngụ Tư lĩnh quân còn lại ở trên thuyền. Thần vốn muốn nhân lúc trời lạnh mà bắt lấy bọn Di nhưng quân sĩ của Di rất đông, chúng thấy thần không chịu theo lệnh của Ngô bèn có ý nghi ngờ. Thần sợ chúng gây loạn trước, muốn sống mà liềm thân, cho nên thần liền cho quân đến vây lại, chém đầu bọn Di, Yển, Thái, Tiềm. Bọn quan lại dẫn quân đông đi theo, đều là quân sĩ nhỏ bé, xông đông xáo tây, không được như ý, đều cúi đầu xin hàng, cho nên thần không nỡ giết chết, liền nhận làm tù binh, cho vào đội ngũ ra nơi biên giới. Lại sai riêng bọn Hàn Khởi đem ba quân đi nhanh đến bến Đạp, sai bọn Trưởng sử Liễu Viễn bày lễ chủ khách để dụ bọn Đạt, Tư; ba quân ẩn nấp để đợi ở dưới, lại đem đàn ngựa cùng tài vật đến muốn mua bán. Bọn Đạt, Tư nghi ngờ không xuống thuyền, sai năm, sáu người mua bán xuống trước, muốn trao mua.

Bọn Khởi đánh trống vang lừng, tên bay tán loạn, đánh chém hơn ba trăm thủ cấp, kẻ bị thương rơi xuống nước mà chết chìm đến hơn hai trăm người, những kẻ còn lại phân tán vào hang núi, phải đến hàng hoặc trốn náu đói rét mà chết, không tại trong số đó. Thu được ấn bạc, ấn đồng, binh khí, hàng hóa, không thể kể hết. Lại kính sai Tây tào duệ Công Tôn Hành đem chở các đồ cờ tiết, ấn thao, phù lệnh, cửu tích, tài vật của giặc Quyên cùng thủ cấp, ấn thao, cờ tiết của bọn Di đến dâng”. Lại nói: “Túc Thụ, Tôn Tổng trước đây đi sứ đến Ngô, giặc Quyên hỏi các việc lớn nhỏ trong nhà thần, bọn Thụ, Tổng nói thần có ba con, con là Tu cho ở em thần. Quyên dám gian xảo, lại tự tiện bãi phong. Nay kính đem ấn thao, phù lệnh đến dâng lên. Thần dẫu không có phong thái người xưa biết rửa tai, sợ bị giặc Quyên bôi trát dơ bẩn, nay dẫu đã theo ý trời mà đánh hẳn, nhưng vẫn còn giận”. Lại nói: “Cha thần là Khang, lúc trước giết sứ giả của Quyên, gây kết thù oán. Nay lại lừa dối, sai sứ đến dụ, khiến cho Quyên xiêu lòng, nước rộng lộc kiệt, sứ giả đi xa, sai quan lớn đến ở ngàn dặm, sắm sửa lễ nghi uy động cả phương nam. Quyên lại đổi đãi Thụ, Tông rộng rãi ân cần, vua tôi trên dưới đều vui vẻ tận tình. Vậy mà thần khiến cho bốn sứ giả bị giết, treo đầu ở chốn vạn dặm, quân sĩ tan vỡ, chết gục chỗ bờ nước, hồ thẹn vượn xa, đau nhức ngút trời. Cái xót giận của Quyên còn khắc vào xương thịt. Nếu trời làm yếu nghiệp của hẳn, khiến cho hẳn tổn hại, Quyên sẽ đau lòng phát ra mà chết. Nếu số vận chưa hết, hẳn tất gây độc, lâu ngày tất làm việc cướp hại. Các đồn trại miền Từ Châu cùng các quận Thành Dương tiếp gần với nhau, nếu năm sau có quân thuyền của hẳn đến cửa biển, nếu có tin tức, hãy nhanh báo cho thần, thần sẽ phòng bị”. Lại nói: “Nhà thần chịu ân, vừa sâu vừa nặng, từ lúc thần thay coi làm việc đến nay, nhiều năm được yêu quý, được đổi đãi đặc biệt không kể hết, chức phận phải rong ruổi, nên đem hết sức đến chết mới thôi. Vậy mà thần ngu dốt, mưu kế mờ mịt, không bắt sống được giặc để rồi dẫn đến bị nghi ngờ. Sớ biểu trước đây nói rõ thế cuộc ngày nay, thực là thần muốn dẹp trừ quân giặc, khiến cho chúng tự cắt đứt, cũng thật là không dám phản lại cái ân của nhiều đời mà nương theo bọn giặc vậy. Vậy mà bị người ta ghét, lại thêm bị vu gièm, giả gây việc quân, rút cuộc khiến cho thần bị nghi ngờ như việc có hổ giữa chợ, khiến cho thay ân đổi sủng, gây phát oán giận, dẫn đến chìm đắm, lâu ngày lo lắng. May nhờ ân dày, lại được khen thêm, khiến cho thần được sửa lỗi, cởi bỏ được nỗi lo, như oai trời sâu xa, không bị xử sai, sớm được rũ bỏ, xóa bỏ nỗi ngực trước kia, nhân đó mà tự sáng tỏ, lập được công nhỏ này. Thần đã vui vì việc xong, lại được tự trông coi, buồn vì việc trước, như việc xấu này, vẫn để lại nỗi sợ, chưa dám tự yên. Mong Bệ hạ kính theo lòng nhân giữ trọn vạn vật ngày xuân, dẹp bỏ hiểm nghi, vứt ném ý xét nét, xét việc nay mà làm rõ việc trước, xét tấm lòng của thần, khiến cho thần mãi được ôm bọc, được giữ chức phận đến lúc xuống chín suối”. Lại nói: “Thần được nhận vinh hoa, ân tình chưa

trả, mà lại có tội lỗi, tự lấy làm tiếc giận, tội đáng giết chết làm răn bảo cho mọi người. Làm sai phép thường, giả kết thân với Ngô, cũng là vì cùng khôn, chưa lập công chuộc tội mà oai trời đã giáng hình phạt đến, sợ rằng mãi bị vùi lấp không được tẩy rửa. Cho nên dám tự sửa lỗi hơn một năm trước, sai sứ đến dụ Ngô, biết chúng tất đến, Quyền đến xin ở quận, năm tháng thêm dài, trước không nói ra một lời ứng đáp, nay Quyền sai sứ đến tất không nghi ngờ, cho nên đánh một trận là được như ý muốn, quan thuộc quân sĩ, tụ tập đầy đủ, hàng hóa đem đến, nghiêng nước xiêu ngói, dẫn đến bị bắt, tan lìa diệt vong có đến hơn nghìn người, từ đó họa trừ không quay lại. Đây thực là bẻ mũi nhọn sắc bén của bọn gian, phá cái mạnh kiêu ngạo của giặc ác, tỏ rõ cho thiên hạ biết, phá tổn cơ nghiệp của chúng, đủ để làm chúng hổ thẹn vậy”.

do đó Minh Đế bãi Uyên làm Đại Tư mã, phong Lạc Lãng Công, Trì tiết, lĩnh quận như trước.

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Trung lĩnh quân Hạ Hầu Hiến nói: “Công Tôn Uyên năm xưa dám trái lệnh vua, bỏ dứt cống nạp, thực là mang hai lòng. Lại cậy chỗ hiểm trở mới theo Tôn Quyền. Do đó ngộ ngược, buông thả ở ngoài cõi. Túc Thư tự thân đến xem kho phủ quân sĩ của giặc Quyền, biết chúng yếu kém không đủ để nương dựa, cho nên quyết ý chém sứ giả của giặc mà thôi. Lại nữa người Cao Câu Li, người Uế Mạch gây thù với Uyên, cướp bóc với nhau. Nay ngoài thì mất chỗ dựa với Ngô, trong thì bị người Hồ cướp bóc, trong lòng biết nhà nước có thể đi theo đường bộ, không thể không lo lắng được. Nhân lúc này, nên sai sứ giả đến kể rõ họa phúc. Phụng xa Đô úy Tông Hoàng vào thời Vũ Hoàng Đế bắt đầu nhận đi sứ, mở thông đường lối. Văn Hoàng Đế lên ngôi, muốn thông sứ giả, sai Hoàng đem vợ con về quê quán, ban cho xe, ngựa, bốn trăm thất lụa. Hoàng đã nhận ân, xin chết vì nước, không có ý quay về, xin giữ vợ con ở lại, tự thân nhận đi sứ. Công Tôn Khang bèn xưng phiên thần. Vì Hoàng có ý nhận đi sứ, ban tước Quan Nội Hầu. Tính Hoàng cứng cỏi, dóc lòng vì nước, ngày đêm chăm chỉ, nghĩ tự lập công. Vốn là con cháu nhà quan, thuở nhỏ học hỏi, hiểu rộng sách truyện, phân nhiều thông suốt, miệng nói nhanh nhẹn, lời lẽ không tầm thường, nói rõ lợi hại, đủ để lay động ý người khác, rõ ràng để để xét việc, tài đủ để làm việc, lời đủ để được tin. Nếu theo kế ấy, dẫu Lịch Sinh khuyên Tề Vương hàng, Lục Giả khuyên Úy Đà phục cũng không hơn được thế. Muốn đi đường xa, không bằng thả ngựa kì kì ⁽¹⁷⁾ ra; muốn chữa bệnh mình, không bằng mời Biển Thước đến. Mong xét ý ngu này”.

Sứ giả đến, Uyên bày binh giáp làm thế trận, ra gặp sứ giả, lại nhiều lần sai tân khách trong nước nói lời xấu.

Ngô thư viết: “Ngụy sai sứ giả là Phó Dung, Nhiếp Quỳ đến bãi Uyên làm Lạc Lãng Công. Kế lại của Uyên từ Lạc Dương về, bảo Uyên nói: ‘Sứ giả là

Tả Tuấn Bá, đều chọn kẻ dũng mãnh, không phải người thường'. Uyên do đó nghi ngờ. Dung, Quỳ đến, trú trong nhà học. Uyên đem quân bộ kỵ vây họ trước, rồi vào nhận phong. Dung, Quỳ cả kinh, do đó về Lạc Dương báo tình trạng”.

Năm Cảnh Sơ thứ nhất⁽¹⁸⁾, lại sai bọn U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đem ấn thư đến gọi Uyên. Uyên bèn phát binh, làm phản ở thành Liêu Toại, đánh với bọn Kiệm. Bọn Kiệm không được lợi mà về. Uyên bèn tự lập làm Yên Vương, đặt trăm quan hữu tư. Sai sứ giả cầm cờ tiết, mượn ấn Thiên vu⁽¹⁹⁾ của người Tiên Ti mà phong báỉ dân biên giới, dụ gọi người Tiên Ti vào xâm nhiễu miền bắc.

Ngụy thư viết: “Uyên biết cuộc biến ấy không chỉ do từ Kiệm, bèn phòng bị. Sai sứ đến tạ lỗi Ngô, tự xưng Yên Vương, xin làm nước giúp nhau. Nhưng vẫn sai quan thuộc tự bày tỏ với Ngụy nói: ‘Bọn thần bảy trăm tám mươi chín người là bọn Đại Tư mã Trương sử Quách Hân, Tham quân Liễu Phổ nói: Nhận chiếu thư ngày kị mao tháng bảy năm nay, cúi đọc kính cẩn mà hồn phách tán lạc, không biết tính mạng của đáng vứt bỏ ở đâu! Bọn Hân cúi thân tự nghĩ mình là kẻ nhỏ bé sâu kiến, không được dùng đến, may gặp cơ hội ngàn năm, được nhận ân đức tươi đẹp của tổ tiên Công Tôn Uyên đến nay, ân trạch thấm đẫm, vinh hoa dồi dào. Dẫu mình không có công một tác một thước mà vẫn nhận được đầy nhiều; bèn được khen ngợi, viết tên lên phủ quan, lại đều là kẻ chậm chạp mà được nương dựa vào rông ngựa, được đeo thao xanh dải tím, bay lướt tầng mây, cảm kích ân mà báo đền, dẫu chết cũng không lùi bước. Bọn thần nghe nói rằng vua sáng ở trên phải nghe lời thẳng chọn lời hay, bày tội ở dưới không được giấu diếm, cho nên bọn thần xin tự bày tỏ, liệu chết để giải oan. Quận tại biên giới, xa xôi khó phục, ba châu trước kia chuyển chở tổn phí, đến để cung cấp đồ dùng thêm nhiều, làm Trung Quốc hao tổn. Nhưng vẫn hiên ngang giữ gìn biên giới, đuốc lửa⁽²⁰⁾ vẫn trông nhau, văn thư vẫn qua lại, buổi ngày vẫn đóng cửa thành, trên đường không có người đi, binh lính của châu quận vẫn phải tản ra lao dịch, Vậy mà ông nội của Uyên là Độ mới đến nhận chức ở quận, tiếp nhận chỗ hoang tàn, mở ánh sáng của Mặt trời Mặt trăng, bày mưu thần vũ, tụ tập dân ô hợp, quét đất mà dựng nghiệp, oai lừng lấy cả dân khác, đức trạch bao bọc cả muôn vật. Đất Liêu Đông không bị phá hoại, thực là cậy vào Độ vậy. Khổng Tử nói: ‘Nếu không có Quán Trọng⁽²¹⁾ thì ta phải búi tóc cài vạt áo bên trái rồi’. Nếu không có Độ thì quận sớm đã thành gò hoang và dân chúng đã bị bắt đi hết rồi vậy. Truyền lại phong tục, còn mãi không mất. Độ đã hoẵng mát, quan dân cảm mến, vui chọn con là Khang lên, tôn mà vâng theo Khang. Khang thay dựng công to, dũng mãnh có mưu lược hay, văn sáng võ mạnh, nhân đức bao bọc biên giới; lại có lòng hướng về nhà vua, cung kính thành thật giúp nước dẹp loạn, tranh giành lập công, công to việc

lớn đều ở phủ Vương. Độ, Khang gặp lúc Vũ Hoàng Đế sáng suốt, cùng bày kế hay, giúp đỡ nhà Hán, cúi mình thần phục, cung kính thờ Ngụy. Đây là quận nhỏ mà công lớn, sợ mà kính phục, lại ngưỡng mộ phong thái cao đẹp, trông mong đức tốt vậy. Vũ Hoàng Đế cũng xiêu lòng tiếp nhận, đôi đôi không tệ, công lao không kể to nhỏ, nhưng thường không bị quên. Lại lệnh cho Khang nói: ‘Đất đai của miền Hải Bắc cắt cho phủ quân, con cháu đời sau đều được có nó’. Trời cao đất dày thực là ban đức âm. Bọn thần lớn nhỏ đều vui lòng ở dưới, vâng lệnh cẩn thận, không dám làm trái. Uyên sinh ra vốn có dáng vẻ đẹp đẽ, thưở nhỏ chịu dạy bảo hiếu thuận, học văn luyện võ, trung thành ngay thẳng; dân chúng kính ngưỡng, chẳng ai không yêu. Uyên kính theo tổ tiên, trông coi muôn dân, lấy lễ mà dựng nước, lập dựng giáo hóa, thấy việc trước mắt, ràng buộc phương xa, giữ nghĩa giúp vua, xem chỗ nguy như chỗ yên, người đời khen là kẻ trung lương, không làm xấu tên tuổi. Tôn Quyền mộ nghĩa ấy, nước không xa hơn vạn dặm, nhiều năm sai sứ đến, muốn tự giúp đỡ, dầu đã bị giết hết, nhưng cũng không ghi nhớ oán cũ, vẫn qua lại lữ lượt, xin được gần gũi. Uyên giữ tiết vốn có không mưu lợi riêng, giữ chí vững như đá, lại càng chắc chắn. Nhưng vẫn sợ lòng son chưa được giữ rõ, lại dùng lời lẽ nhún nhường đến bày tỏ, dụ sứ giả của Quyền đến, treo đầu cắt tai chúng để tỏ rõ không có hai lòng với nhà vua vậy. Ngô dẫu ở phương xa, nhưng lợi ở đường thủy, dương buồm là đến, không gì ngăn cách nhưng Uyên không nghĩ về mối thù sâu cũ, vẫn ghi nhớ tiết tháo của bầy tôi, cắt đứt cái vui của giặc Ngô mạnh, tỏ rõ ý thờ Ngụy, có thần minh soi sáng, trời cao làm chứng. Bộ hạ soi sáng tốt đẹp, công võ đầy đủ, hiệu lệnh rộng rãi, yêu quý hơn cả Tề, Lỗ, ban xuống bầy tôi, đều được nhận phúc lớn. Thật là dựa ân trời ban, phải nên trọn vẹn trước sau, dốc hết sức đui tay, để giữ mãi tước lộc. Vậy mà không ngờ một sớm lại bị phá vỡ, Mong có ý an ủi, nghĩ về công trước kia mà lo buồn không thôi, đau đầu vì bị rũ bỏ, khiến cho cả quận kêu than, vỗ ngực khóc chảy máu. Những kẻ mà ba quân đánh dẹp là người Man, Di, Nhung, Địch⁽²²⁾, kẻ kiêu ngạo không phục, do đó mới dùng võ, chưa từng nghe nói kẻ giữ nghĩa mà lại bị đánh giết vậy. Theo phép tắc của bậc vua hiền thì ở cõi hoang phục có chỗ không theo chức phận, thì tu văn sửa đức, nếu lại không đến thì mới đánh dẹp. Uyên có lòng cung kính, cẩn thận giữ chức, chăm làm thờ vua, có thể nói là gắng gỏi vậy. Dốc hết trung tiết mà lại bị họa hại, hát khúc Tiểu biện, viết tập Li tao⁽²³⁾, đều là do đó vậy. Có kẻ nịnh nọt, nói lời ngon ngọt, vẫn nên xét rõ, chỉ sợ không biết người tốt; lời gièm giống lời thẳng, làm mê loạn vua hiền, phải xem lời văn thế nào, khiến cho biết được nguyên nhân của nó. Nếu vua tin là có tội thì cũng nên có tam hữu⁽²⁴⁾, xét công mà giảm phạt, nên bàn bạc đến tám lần. Vậy mà ngậm đem quân đến đánh úp, đại quân lên đến, vung đao ruổi ngựa, vào đánh đất Liêu Đông. Dầu là chó ngựa còn sợ chết, huống chi là người!

Do đó quan dân liêu chết, chống lại quân của nhà vua. Uyên dẫu bị oan uổng, đang bị họa hại nhưng vẫn cậy vào ân dày, trong lòng buồn bã cho rằng tất do gian thần sắp đặt, tự ý ngang ngược, lại bảo bọn thần nói: ‘Năm Kiến Quang thứ nhất thời Hán An Đế, Liêu Đông thuộc quốc Đô úy Bàng Phán nhận chiếu thư ngàu ất mùi tháng ba có lệnh là bắt lấy U Châu Thứ sử Phùng Hoán, Huyện Thố Thái thú Diêu Quang. Nhưng thực ra không có chiếu thư ngày ất mùi ấy, bèn sai Thị Ngự sử U Châu Mục xét hỏi gian thần làm trái. Nay quan Thứ sử gièm vu tự ý làm trái lệnh sao?’ Bọn thần bàn cho rằng: ‘Thứ sử dấy binh, thiên hạ nhiễu động, đây không phải tự ý mà là có chiếu lệnh’. Uyên lại ngẩng mặt than thở, tự làm khổ thân không có tội. Nghĩ kỹ rằng đất đai nuôi người cũng là vì có cái công to của tổ tiên, lại muốn vớt mũi cỏ thao, chạy trốn vào rừng núi. Bọn thần níu lại, thề theo đến chết, đóng giữ cửa phủ, không nghe theo ý của Uyên. Nhưng bọn dũng sĩ của bảy trại, người Man Di của năm bộ lạc đều mong được ăn no, không cùng lòng mưu tính, dương tay hô lớn, mở cửa trốn ra. Dân cày ngoài thành đều vớt cuốc cày, chặt củi làm gậy, sửa bàn làm khiên, chạy nhanh đến cứu nạn, quân đội đã thành, dẫu nhảy vào nước sôi lửa bỏng, chết không cần sống. Uyên dẫu bị vớt bỏ, dẫu oán nhưng không giận, liền lệnh cho quân không được làm bừa, rồi tự tay viết thư báo lên, lời lẽ rất tha thiết. Nhưng quan quân hăng hái, không thể giải tán, đều đánh hết mình, đến chết không tiếc. Uyên sợ quan quân không theo mệnh lệnh, bèn tự thân đi đôn đốc, tự đến phân giải, chỉ làm thế mới ngăn được. Cũng vì cái ân cho một bát cơm thì bốn người xin chết vì người cho cơm, huống chi nhiều đời nhà Uyên vốn có tín ước với trăm họ, ân lớn với lòng dân. Từ lúc Tiên Đế mới dấy binh kịp đến Bệ hạ, ban cho Uyên ân sủng, vì Uyên công to đức dày, hết lòng khen ngợi, Uyên nói lời lẽ tốt đẹp đến ở triều đình, dẫu là trẻ con sắp mặc áo đi giày cũng nhắm đọc văn hay, mở miệng là đọc được. Như chôn rồi đào lên, đây là điều mà người xưa láy làm thẹn. Tiểu Bạch, Trùng Nhĩ [\(25\)](#) là chư hầu thời suy loạn mà vẫn ngưỡng mộ tín ước để làm nên nghiệp Bá. Kinh Thi khen Văn Vương làm cho muôn nước tin phục, sách Luận ngữ khen Trọng Ni bỏ ăn mà giữ tín. Giữ tín là tu đức, cũng quan trọng lắm vậy. Nay Ngô, Thục cùng xưng Đế, lập ra thế chân vạc, thiên hạ đong đưa, chưa nói làm một, bọn thần thương vì Bệ hạ mà lo việc ấy. Uyên giữ cái vững của thành vàng, nắm lấy dân chúng hòa mục, nước giàu quân mạnh, có thể lấy đó mà dùng. Nguyên dóc lòng vì nước, dẫu chết giữ đạo hay, đem hết trung nghĩa để làm phen dâu của chín châu. Ngày nay hai tên giặc dòm ngó, chưa biết khi nào định, mà không phòng bị, mà nếu Uyên bị hại, hiếp yếu tránh mạnh là không phải là cái đạo của bậc Vương vậy. Bọn thần dẫu ngu hèn cũng trộm nghĩ đây là nỗi hổ thẹn. Nếu không có trời thì cái tốt xấu của quận thân, vẫn chưa biết được; nếu nói có trời cũng đáng lo vậy! Bọn thần nghe nói rằng làm tôi trong nhà, hai đời thì làm chủ trong nhà, ba đời thì làm vua trong nhà. Bọn

thần sinh ở cõi biên giới, xuất thân ở giữa chốn xa xôi, không được nhà Ngụy giúp nều, suốt đời lệ thuộc vào họ Công Tôn, nguyện đền áo cái ân sinh sôi và ban tặng ấy. Xưa Khoái Thông nói thẳng, Hán Cao Tổ tha tội; Trịnh Đam nói lời kính thuận, Tấn Văn Công tha chết. Bọn thần ngu dốt, không có tiết tháo lớn những cũng giữ ý nói thẳng, tỏ rõ tim gan, lời nói trái tai rờng lân⁽²⁶⁾, tội đáng muôn chết. Chỉ mong Bệ hạ mở ý võ về, xét rõ lời gièm vu, khiến cho bọn thần ở nơi xa mãi được giữ gìn”.

Mùa xuân năm thứ hai, sai Thái úy Tư Mã Tuyên Vương đánh Uyên. Tháng sáu, quân đến Liêu Đông.

Hán Tấn Xuân thu viết: “Công Tôn Uyên tự lập, xưng niên hiệu là năm Chiêu Hán thứ nhất. Nghe tin quân Ngụy đến đánh, lại xưng thần với Ngô, xin quân đánh phía bắc để tự cứu. Người Ngô muốn giết sứ giả của Uyên, Dương Bát nói: ‘Không nên, đây là tỏ cái giận của kẻ thất phu mà tổn cái kế của bậc Bá Vương vậy. Không bằng nhân đó mà võ về hẳn, sai quân tinh nhuệ ngầm đến xem thành bại. Nếu Ngụy đánh Uyên không thắng thì quân ta đi xa đến cũng tỏ được ân kết với người ngoài, nghĩa trùm cả vạn dặm, nếu quân mãi không giải, đầu đuôi ngăn cách thì ta đánh quận bên cạnh của chúng, cướp nhanh rồi về, cũng đủ để tỏ ý phạt của trời, lại rửa được nỗi nhục lúc trước’. Quyền nói: ‘Hay’. Bèn sai quân đi ra. Bảo sứ giả của Uyên nói: ‘Xin đợi hỏi sau, đang phải viết thư, sẽ cùng nhau gởi gửi, cùng chung còn mất, dầu ngăn cách với Trung Nguyên, nhưng ta cũng vui lòng’. Lại nói: ‘Chỗ mà Tư Mã Ý đến không ở lại được, sẽ lo xa vì các người vậy’.

Uyên sai tướng là bọn Ti Hành, Dương Tộ đem mấy vạn quân bộ kỵ đóng ở thành Liêu Toại, đắp lũy vây quanh hơn hai mươi dặm. Quân Tuyên Vương đến, Uyên sai Hành đón đánh. Tuyên Vương sai tướng là bọn Hồ Tôn đánh phá chúng. Tuyên Vương lệnh đào lũy, dẫn quân về phía đông nam, bị nguy cấp ở phía đông bắc, liền đi nhanh về huyện Tương Bình. Bọn Hành sợ thành Tương Bình không giữ được, nhân buổi đêm chạy trốn. Các quân đi đến núi Thủ, Uyên lại sai bọn Hành đem liều chết mà đánh, lại đánh, đại phá chúng, rồi đem quân đến dưới thành, làm lũy vây quanh. Gặp mưa dầm hơn hai mươi ngày, sông Liêu dâng cao, đưa thuyền từ cửa sông Liêu đến thẳng dưới thành. Mưa tạnh, đắp đất làm gò, sửa khiên làm máy bắn đá mà bắn vào trong thành. Uyên nguy khốn, lương hết, người ăn thịt nhau, người chết rất nhiều. Bọn Tướng quân Dương Tộ hàng. Buổi đêm ngày bính dần tháng tám, có sao băng dài đến mấy chục trượng từ phía đông bắc núi Thủ rơi xuống phía đông nam thành Tương Bình. Ngày nhâm ngọ, quân Uyên vỡ, cùng con là Tu đem mấy trăm quân kỵ phá vây chạy về phía đông nam, đại quân nhanh đánh chúng, đến chỗ mà sao băng rơi xuống, chém cha con Uyên. Thành phá, chém mấy nghìn bọn Tướng quốc trở xuống, đem đầu Uyên đến Lạc Dương. Các quận Liêu Đông, Đái Phương, Lạc Lãng, Huyền

Thổ đều bình.

Trước đây, nhà Uyên có điếm gở, có con chó đội mũ quần áo đỏ chạy lên nhà, lại lúc đun bếp nấu chết một đứa trẻ con trong nồi. Chợ phía đông bắc thành Tương Bình mọc ra miếng thịt, dài tròn đến mấy thước, có đầu mắt môi miệng, không có tay chân mà dao động được. Thầy bói nói: “Có hình mà không thành thân, có thân mà không có tiếng, nước này sắp diệt vong”. Từ năm Trung Bình thứ sáu Độ bắt đầu đến Liêu Đông kịp đến Uyên là ba đời, cả thầy năm mươi năm thì diệt.

Ngụy lược viết: “Lúc đầu anh Uyên là Hoảng làm con nuôi của Cung ở tại Lạc Dương, nghe nói Uyên cướp lấy chức của Cung, nói là Uyên không giữ được đến cùng, nhiều lần dâng biểu, muốn xin nhà nước đánh Uyên. Đế vì Uyên đã nắm quyền, cho nên nhân đó mà vỗ về thôi. Lúc Uyên phản, bèn dùng hình pháp bắt trói Hoảng. Hoảng có lời nói lúc trước, dẫu may không bị tội chết, nhưng trong là tình máu thịt, biết Uyên phá thì đến lượt mình. Đầu Uyên đến, Hoảng tự xét tất chết, cùng con mình ôm nhau khóc lóc. Bấy giờ nhà vua muốn cho họ sống, nhưng quan Hữu tư cho là không nên, bèn giết họ”.

ĐÀO KHIÊM TRUYỆN

Đào Khiêm tự Cung Tổ, người quận Đan Dương.

Ngô thư viết: “Cha Khiêm trước làm Dư Diêu Trưởng. Khiêm thuở nhỏ cô⁽²⁷⁾, bắt đầu không chịu gò bó ở trong huyện. Năm mười bốn tuổi, vẫn buộc lụa làm khăn, cưỡi ngựa tre mà chơi, trẻ con trong ấp đều đi theo. Thương Ngô Thái thú Cam Công ngày trước là người cùng quận ra đường gặp Khiêm, thấy dáng vẻ ấy mà cho là lạ rồi kêu lại, dừng xe nói chuyện, rất vui, nhân đó hứa gả con gái cho. Phu nhân của Cam Công nghe tin, giận nói: ‘Thiếp nghe nói đưa trẻ nhà họ Đào vui chơi không ngừng, sao lại hứa gả con gái cho hắn?’ Cam Công nói: ‘Hắn có dáng vẻ kì lạ, lớn lên tất làm được công lớn’. Bèn gả con gái cho”.

Thuở nhỏ ham học, làm học trò, nhận lời châu gọi, cử Mậu tài⁽²⁸⁾, làm Lu Lệnh,

Ngô thư viết: “Tính Khiêm thẳng thắn, có tiết tháo cao đẹp, thuở nhỏ xét Hiếu liêm⁽²⁹⁾, bái làm Thượng thư lang, làm Thư Lệnh, Quận thú⁽³⁰⁾ Trương Bàn là người bậc trên cùng quận, làm bạn với cha Khiêm, muốn nhận Khiêm làm người thân nhưng Khiêm xấu hổ vì chịu cúi thân, cùng quân sĩ về thành, nhân đó lấy việc công mà đến gặp, có lỗi bãi quan, nhưng Bàn thường cho mời riêng vào gặp, cùng Khiêm ăn yến, có người ngăn không cho ở lại. Thường cùng múa⁽³¹⁾ với Khiêm, Khiêm không đứng dậy, cố ép Khiêm, lúc múa lại không chuyển. Bàn nói: ‘Không chuyển được sao?’ Đáp nói: ‘Không chuyển được, chuyển thì hơn người’. Do đó không vui, rút cuộc hiềm khích. Khiêm làm quan trong sạch, không bị xét hỏi, tế sao Linh, có được năm trăm tiền, muốn đem dẫu đi. Khiêm trao lại chức rồi bỏ đi”.

chuyển làm U Châu Thứ sử, gọi về bái làm Nghị lang, làm Tham quân sự của Xa kị Tướng quân Trương Ôn, đến miền tây đánh Hàn Toại.

Ngô thư viết: “Gặp lúc người Khương miền tây cướp biên, Hoàng Phủ Tung làm Chinh tây Tướng quân, dâng biểu xin cấp cho tướng võ. Gọi bái Khiêm làm Dương vũ Đô úy cùng Tung đánh người Khương, đại phá chúng. Sau có Biên Chương, Hà Toại làm loạn, Tư không Trương Ôn nhận lệnh đánh dẹp; lại xin Khiêm làm Tham quân sự, đãi đãi rất hậu nhưng Khiêm coi thường cách làm việc của Ôn, trong lòng không phục. Đến lúc quân rút về, trăm quan mở hội lớn, Ôn cùng Khiêm uống rượu, người của Khiêm làm nhục Ôn. Ôn giận, đày Khiêm đến ở biên giới. Có kẻ khuyên Ôn nói: ‘Đào Cung Tổ vốn vì có mưu lược mà được ông kính trọng, một sớm uống rượu mắc lỗi, không được tha thứ, đày đến chỗ bắt mao, đức dày không trọn, kẻ sĩ trong bốn phương há còn chỗ trông mong! Không bằng giải oán bỏ giận, lập lại phận trước, do đó đức tốt mới truyền xa’. Ôn khen lời ấy, bèn sai người

đến đưa Khiêm về. Khiêm đến, có người lại bảo Khiêm nói: ‘Túc hạ khinh thường Tam công, tội do mình làm, nay được tha miễn, chẳng ai có đức dày hơn thế; nên dùng lời nhún nhường để tạ lỗi’. Khiêm nói: ‘Được’. Lại bảo Ôn nói: ‘Đào Cung Tổ nay tự xét kỹ lỗi mình. Ta lỗi với Thiên tử xong sẽ đến cửa nhà ông. Ông theo ý đó để an ủi Khiêm’. Bấy giờ Ôn ở cửa cung gặp Khiêm, Khiêm ngẩng nói: ‘Khiêm tự tạ lỗi với triều đình, há vì ông sao’? Ôn nói: ‘Tật xấu của Cung Tổ vẫn chưa bỏ chẵn’? Bèn bày rượu mời Khiêm, đãi Khiêm như trước”.

Gặp lúc quân Khăn vàng⁽³²⁾ Từ Châu nổi dậy, lấy Khiêm làm Từ Châu Thứ sử, đánh quân Khăn vàng, đánh đuổi chúng. Thời loạn Đông Trác, châu quận đầy binh, Thiên tử đóng đô ở Trường An, bốn phương cắt đứt, Khiêm sai sứ đi lên đến công nạp, chuyển làm An đông Tướng quân, Từ Châu Mục, phong Lật Dương Hầu. Bấy giờ trăm họ vùng Từ Châu giàu có, thóc lúa đầy đủ, nhiều dân phiêu dạt theo đến đó. Nhưng Khiêm lại làm trái đạo dùng người; Quảng Lăng Thái thú Triệu Dục người quận Lang Nha là danh sĩ của Từ Châu, vì thẳng thắn mà bị đuổi;

Hậu Hán thư của Tạ Thừa viết: “Lúc Dục ba mươi tuổi, mẹ có bệnh, trải qua ba tháng, Dục buồn rầu tiêu tụy, đến nỗi không chớp mắt, cảm thóc ra đốt, cầu đảo khóc ra máu, người làng khen là hiếu. Đến chỗ kể sĩ ở ẩn người huyện Đông Hoàn là Kì Quán Quân xin đọc sách Công Dương truyện, học hết các nghề. Qua nhiều năm ẩn chí, không nhìn ra khỏi ruộng vườn, người thân người xa ít khi gặp mặt. Bấy giờ vào thăm hỏi cha mẹ, chốc lại lại về. Cao thượng ngay thẳng, giữ lễ mà lập thân, cung kính trong sạch, chẳng ai bằng chí ấy; làm việc tốt để giáo hóa, trừ việc ác để sửa tục. Châu quân mời gọi, thường xưng bệnh không theo Tướng quốc Đan Mô, Trần Tôn cùng gọi, cũng không đến; có người cả giận, nhưng rút cuộc cũng không đổi ý. Cử làm Hiếu liêm, làm Cử Trưởng, tuyên dương ngũ giáo, sửa chữa chính trị. Gặp lúc giặc Khăn vàng làm loạn, cứng cỏi cả năm quận, châu huyện phát binh, do đó sửa soạn trước. Từ Châu Thứ sử Ba Kì xét công hàng đầu, đáng được thưởng thêm. Dục xét cho là then trả chức về nhà. Từ Châu Mục Đào Khiêm bắt đầu gọi làm Biệt giá Tông sự, xưng bệnh trốn tránh. Khiêm nhiều lần sai Dương Châu Tông sự Phạm Tuyên người quận Cối Kê đến gọi, Dục giữ ý không chuyển; môn dùng hình phạt để ra oai, sau đó mới đến. Cử làm Mậu tài, chuyển làm Quảng Lăng Thái thú. Bọn giặc Trách Dung từ Lâm Hoài bị đánh, chạy vào đất quận, Dục đem quân đánh chống, thua vỡ bị giết”.

bọn Tào Hoàn là kẻ tiểu nhân gian ác mà Khiêm lại tin dùng. Hình pháp không yên, nhiều người hiền lương bị hại, do đó dân loạn. Người huyện Hạ Bì là Khuyết Nghi tự xưng Thiên tử, lúc đầu Khiêm cùng chúng liên hợp cướp bóc, sau bèn giết Nghi, thu lấy quân của hắn.

Năm Sơ Bình thứ tư⁽³³⁾, Thái Tổ đánh Khiêm, đánh lấy hơn mười thành,

đến đánh lớn ở Bành Thành. Quân Khiêm thua chạy, chết đến mấy vạn quân, nước sông Tứ vì thế mà không chảy được. Khiêm lui về giữ huyện Đàm. Thái Tổ vì lương thiếu mà dẫn quân về.

Ngô thư viết: “Cha Tào Công bị giết ở quận Thái Sơn, đổ lỗi cho Khiêm. Muốn đánh Khiêm nhưng sợ cái mạnh của Khiêm, bèn ra lệnh châu quận bãi binh một lúc. Chiếu nói: ‘Nay trong nước rối loạn, châu quận dấy binh, quân dân mệt mỏi, nạn giặc chưa thôi, tướng lại có kẻ không tốt, nhân đó đánh bắt, ức hiếp dân đen, nhiều người bị hại; tiếng đồn lan xa, rúng động thành ấp, trong tường vách sợ bị gây bạo, kẻ hiền lành trở thành bọn xấu, đây có khác gì lấy củi đập cháy, quạt lửa ngăn nước sôi đâu! Nay dân bốn phương lưu tán, gửi thân xứ lạ, phơi xương trắng nơi đồng núi, bỏ con trẻ nơi rãnh ao, ngoảnh về quê cũ mà than thở, hướng về đồng ruộng mà khóc lóc, đói rét khôn khó, cũng đã nhiều lắm rồi! Dầu tiếc cái sai lầm trước đây, lo nghĩ giáo hóa ở ngày nay, nhưng liên tiếp điều binh, chĩa mũi nhọn nơi đồng bằng, sợ nếu một sớm cởi bỏ, đến chiều lại gặp giặc, do đó chia quân đóng đồn, muốn dừng mà không dám bỏ vậy. Nay hạ chiếu đến, các chỗ bãi quân giáp, sai trở về trồng trọt, chỉ giữ các quan chức ở lại để cung cấp cho sở quan, tỏ rõ an ủi gần xa, đều khiến nghe biết’. Khiêm nhận thư, bèn dâng thư nói: ‘Thần nghe nói võ về kẻ phương xa, không dùng đức không làm được; dẹp nạn trừ loạn, không dùng binh không giúp được. Cho nên đồng Trác Lộc, Phán Tuyên, Tam Miêu có quân của Ngũ Đế⁽³⁴⁾, có trận đánh các nước Hồ, Quý Phương, Thương, Yểm của bậc Vương⁽³⁵⁾, vào thời xa xưa, chưa có ai không dương oai để dẹp loạn, dùng võ để ngăn bạo vậy. Thần trước đây vì giặc Khăn vàng làm loạn, chịu mệnh ruổi dài, không kịp nghỉ ngơi. Dầu có lệnh răn giới, cậy vào uy linh, kính theo ý trời, hễ đánh là thắng, nhưng giặc ác đông đảo, lại không sợ chết, cha anh ngã mất, con em lại nổi, gây binh nhiều năm, đến nay còn hại. Nếu vâng mệnh cởi giáp, nước yếu tự hỏng, bỏ võ bị là giúp loạn, làm tổn uy mà lợi cho giặc. Nếu ngày nay bãi binh, ngày sau nạn tất đến, trên vốn là vâng mệnh giao phó của triều đình, nhưng dưới lại làm cho bọn xấu thêm sinh sôi qua ngày tháng, đây không phải là việc cứu giúp kẻ yếu ngăn chặn kẻ xấu vậy. Thần dầu ngu dốt, lòng rộng rãi không rõ, nhưng mang ơn lo nghĩ báo đền, không nỡ làm thế. Liền lĩnh bộ khúc, ra lệnh phòng bị. Ra cắt trừ giặc, chỉ tỏ rõ sức, ban bố ân đức, vâng theo chức phận, đã lập công nhỏ để chuộc tội lỗi’. Lại nói: ‘Hoa Hạ sôi sục, đến nay chưa ngừng, bao mao⁽³⁶⁾ chẳng vào, cống nạp thiếu ít, ngũ dậu lo lắng, không có ngày yên. Nghĩ rằng phải đến cống nạp, lễ vật được thông, rồi mới vớt đao cởi giáp, đây là ý muốn của thần vậy. Thần trước đây phát trăm vạn học thóc đã vùi dưới nước sông, nay lại sai quân chở đến’. Tào Công nhận được thư dâng, biết không bãi binh, bèn đến đánh ở Bành Thành, giết nhiều dân chúng. Khiêm đem quân đến đánh, Thanh

Châu Thử sử Diên Khải cũng đưa quân cứu Khiêm. Công dân quân về”.

Thần là Tùng Chi xét: Thời ấy Thiên tử ở tại Trường An, Tào Công còn chưa nắm chính trị. Chiếu thư bãi binh, không phải do họ Tào ban ra.

Năm Hưng Bình thứ nhất⁽³⁷⁾, lại đánh miền đông, lấy được các huyện của quận Lang Nha, Đông Hải. Khiêm sợ, muốn chạy về quận Đan Dương. Gặp lúc Trương Mạo phản đón Lữ Bố, Thái Tổ về đánh Bồ. Năm đó, Khiêm bệnh chết.

Ngô thư viết: “Khiêm chết lúc sau mười ba tuổi, bọn Trương Chiêu làm văn điệu cho Khiêm nói: ‘Tốt thay sứ quân, ⁽³⁸⁾ ông hầu Tướng quân⁽³⁹⁾, tỏ rõ đức dày, giỏi võ giỏi văn, tính vốn thẳng thắn. Cui Thư và Lu⁽⁴⁰⁾, thân ái với dân; trông U và Từ⁽⁴¹⁾, để lại cam đường⁽⁴²⁾. Dạy dỗ Di, Mạch⁽⁴³⁾, nhờ ông mới lành. Giặc cướp ngu xuẩn, không ông chẳng yên. Được vua ngợi khen, ban cho tước mệnh, làm Mục làm Hầu, mở đất Lật Dương. Rồi làm Thượng tướng, nhận hiệu An đông, trừ nạn dẹp loạn, xã tắc tôn sùng. Tuổi thọ không dài, bổng chốc đã hoãng, kẻ yếu mất dựa, dân biết khốn cùng. Chưa được tuần ngày, năm quận vỡ tan, người ta buồn đau, còn ai ngóng trông? Nghĩ theo chẳng kịp, ngẩng than khoảng không. Than ôi thương thay’!

Hai con của Khiêm là Thương, Ứng đều không làm quan”.

TRƯƠNG DƯƠNG TRUYỀN

Trương Dương tự Trĩ Thúc, người quận Vân Trung. Vì có vũ dũng mà cấp cho Tinh Châu, làm Vũ mãnh Tông sự. Cuối thời Linh Đế, thiên hạ loạn, Đế lấy quan Tiểu Hoàng môn Cảnh Thạc mà mình sủng ái làm Tây viên Thượng quân Hiệu úy, đóng quân ở kinh đô, muốn để ngăn chống bốn phương, mời bọn hào kiệt trong thiên hạ làm tì tướng. Thái Tổ cùng bọn Viên Thiệu đều làm Hiệu úy, thuộc vào Thạc.

Linh Đế kỉ viết: “Lấy Hồ Côn Trung lang tướng Viên Thiệu làm Trung quân Hiệu úy; Đồn kị Hiệu úy Bao Hồng làm Hạ quân Hiệu úy; Nghị lang Tào Tháo làm Điển quân Hiệu úy; Triệu Dung, Phùng Chi làm Trợ quân Hiệu úy; Hạ Mâu, Thuần Vu Quỳnh làm Tả hữu Hiệu úy”.

Tinh Châu Thứ sử Đinh Nguyên sai Dương đem quân đến chỗ Thạc, làm Giả Tư mã. Linh Đế băng, Thạc bị Hà Tiến giết. Dương lại được Tiến sai khiến, về châu cũ mộ quân, được hơn nghìn người, nhân đó ở lại quận Thượng Đảng, đánh giặc trên núi. Tiến thua, Đổng Trác làm loạn, Dương bèn sai thuộc tướng đánh Thượng Đảng Thái thú ở cửa Hồ Quan, không thắng, liền cướp lấy các huyện, quân đến mấy nghìn người. Quân miền Sơn Đông⁽⁴⁴⁾ nổi dậy, muốn đánh Trác. Viên Thiệu đến Hà Nội, Dương hợp quân với Thiệu, lại cùng Thiên vu của người Hung Nô là Ư Phù La đóng đồn ở sông Chương. Thiên vu muốn phản, Thiệu, Dương không theo. Thiên vu bắt Dương cùng bỏ đi, Thiệu sai tướng là Cúc Nghĩa đuổi đánh ở phía nam huyện Nghiệp, phá chúng. Thiên vu lại bắt Dương đến Lê Dương, đánh phá quân của Độ liêu Tướng quân Cảnh Chỉ, quân lại hăng, Trác lấy Dương làm Kiến nghĩa Tướng quân, Hà Nội Thái thú. Thiên tử đến ở tại quận Hà Đông, Dương đem quân đến huyện An Ấp, bái làm An quốc Tướng quân, phong làm Tấn Dương Hầu. Dương muốn đón Thiên tử về Lạc Dương, các tướng không nghe; Dương về huyện Dã Vương. Năm Kiến An thứ nhất, Dương Phụng, Đổng Thừa, Hàn Tiêm ép Thiên tử về kinh cũ⁽⁴⁵⁾, lương thiếu. Dương đem lương đón ở trên đường, bèn đến Lạc Dương, bảo các tướng nói: “Nay Thiên tử làm việc cùng thiên hạ, may có Công khanh đại thần, Dương mới ngăn được nạn bên ngoài, sao lại coi việc ở kinh đô”? Bèn về Dã Vương, liền bái làm Đại Tư mã.

Anh hùng kỉ viết: “Tinh Dương nhân hòa, không dùng uy phạt. Kẻ dưới mưu phản, phát lộ, đối mặt mà khóc lóc, liền tha không hỏi”.

Dương vốn thân với Lữ Bố. Thái Tổ đến vây Bố, Dương muốn cứu hãn, không được, bèn đem quân đến ở huyện Đông Thị làm thế cứu giúp từ xa. Tướng của Dương là Dương Sữu giết Dương để theo về Thái Tổ. Tướng của Dương là Khuê Cố lại giết Sữu, lĩnh hết quân của Sữu, muốn lên phía bắc

hợp với Viên Thiệu. Thái Tổ sai Sử Hoán chặn đánh, phá quân Cố ở thành Khuyển, chém Cố, thu hết quân ấy vậy.

Diễn lược viết: “Cố tự Bạch Thố, đã giết Dương Sừ, đem quân đóng đồn ở huyện Xạ Khuyển. Bấy giờ có người khuyên răn Cố nói: ‘Tên chữ của Tướng quân là Thố mà tên huyện ấy là Khuyển, thỏ gặp chó thì tất kinh hãi, nên nhanh dời đi’. Cố không nghe, bèn chết trận”.

TRƯƠNG YÊN TRUYỆN

Trương Yên, người huyện Chân Định quận Thường Sơn. Vốn họ Trữ. Quân Khăn vàng nổi dậy, Yên tụ họp người trẻ làm bọn cướp, đánh phá ở giữa vùng đầm núi, lại về Chân Định, có đến hơn vạn người. Người huyện Bác Lăng là Trương Ngưu Giác cũng dấy binh, tự xưng là Tướng quân Tòng sự, họp với Yên. Yên tôn Ngưu Giác làm súp, cùng đánh huyện Anh Đào, Ngưu Giác bị tên lạc đâm trúng, bị thương sắp chết, sai quân theo Yên, lệnh nói: “Phải lấy Yên làm súp”. Ngưu Giác chết, quân theo Yên, do đó đổi thành họ Trương. Yên dũng mãnh nhanh nhẹn hơn người, cho nên trong quân gọi là ‘Yên bay’. Sau đó quân sĩ thêm đông, bọn cướp vùng quận Thường Sơn, Triệu Quận, Trung Sơn, Thượng Đảng, Hà Nội đều qua lại, bọn súp nhỏ của chúng là Tôn Khinh, Vệ Đương đều đem quân của mình theo Yên, có đến trăm vạn người, hiệu là Hắc Sơn. Linh Đế không dẹp được, các quận phía bắc sông Hà bị chúng gây hại. Yên sai người đến kinh đô xin hàng, bái Yên làm Bình nạn Trung lang tướng.

Cửu châu Xuân thu viết: “Lúc Trương Giác làm phản, bọn giặc Hắc Sơn, Bạch Ba, Hoàng Long, Tá Hiệu, Ngưu Giác, Ngũ Lộc, Đê Căn, Khổ Tù. Lưu Thạch, Bình Hán, Đại Hồng, Tư Lệ, Duyên Thành, La Thị, Lô Công, Phù Vân, Phi Yên, Bạch Tước, Dương Phượng, Vu Độc đều dấy binh, kẻ lớn thì hai, ba vạn người, kẻ nhỏ thì không dưới vài nghìn người. Linh Đế không đánh được, bèn sai sứ giả đến bái Dương Phượng làm Hắc Sơn Hiệu úy, lĩnh hết bọn giặc của các núi, được cử Hiếu liêm, Kế lại. Sau lại thêm đông, không thể kể hết”.

Diễn lược viết: “Bọn tướng súp của giặc Khăn vàng, Hắc Sơn vốn là những kẻ không đội mũ lọng, tự gọi tên nhau, nói người cười ngựa trắng là Trương Bạch Kị, nói người nhanh nhẹn là Trương Phi Yên., nói kẻ nói tiếng lớn là Trương Lô Công, còn người râu rậm thì tự xưng là Vu Đê Căn, người mắt to tự xưng là Lí Đại Mục”.

Hán kỉ của Trương Phan viết: “Lại có ba bộ là Tá hiệu, Quách Đại điền, Tá tì trượng bát”.

Sau đó, Đồng Trác dời Thiên tử đến Trường An, quân thiên hạ nhiều lần nổi dậy, Yên bèn đem quân mình liên kết với bọn hào kiệt. Viên Thiệu tranh Kí Châu với Công Tôn Toản, Yên sai tướng là bọn Đỗ Trường giúp Toản, đánh với Thiệu, bị Thiệu đánh thua, quân sĩ dần dần lìa tan. Thái Tổ đến định Kí Châu, Yên sai sứ đến xin giúp quân của Nhà vua, bái làm Bình bắc Tướng quân, đem quân đến huyện Nghiệp, phong làm An Quốc Đình Hầu, thực ấp năm trăm hộ. Yên hoẵng, con là Phương thay. Phương hoẵng, con là Dung thay.

Tân Huệ Đế khởi cư chú của Lục Khải viết: “Môn hạ Thông sự Lệnh sử Trương Lâm là cháu mấy đời của Phi Yến. Lâm cùng Triệu Vương là Luân làm loạn, chưa đến một năm, làm đến Thượng thư lệnh, Vệ Tướng quân, phong tước Quận Công. Rồi bị Luân giết”.

TRƯƠNG TÚ TRUYỆN

Trương Tú, người huyện Tô Lê quận Vũ Uy, là con trong họ của Phiêu kị Tướng quân Tế vậy. Bọn Biên Chương, Hàn Toại làm loạn ở Lương Châu, người quận Kim Thành là Cúc Thắng đánh úp giết Tô Lê Trưởng là Lưu Tuấn. Tú làm quan trong huyện ấy, ngầm đợi giết Thắng, người trong quân khen là có nghĩa. Rồi gọi họp bọn tuổi trẻ làm hào kiệt trong ấp. Đồng Trác thua, Tế cùng bọn Lí Thôi đánh Lữ Bố, trả thù cho Trác. Lời này tại truyện Đồng Trác. Tú theo Tế, vì có công mà dần dần chuyển làm Kiến trung Tướng quân, phong Tuyên Uy Hầu. Tế đóng đồn ở quận Hoàng Nông, quân sĩ đói khổ, xuống phía nam đánh huyện Nhưống, bị tên lạc đâm chết. Tú lĩnh quân của Tế, đóng đồn ở huyện Uyển, họp với Lưu Biểu. Thái Tổ đánh miền nam, bọn Tú đem quân hàng. Thái Tổ lấy vợ của Tế, Tú hận việc này. Thái Tổ nghe nói Tú không vui. Ngầm bày kế giết Tú. Kế lộ, Tú ngầm đánh úp Thái Tổ. Quân Thái Tổ thua, hai con⁽⁴⁶⁾ chết. Tú về giữ huyện Nhưống.

Phó Tử viết: “Tú có người thân là Hồ Xa Nhi, dũng mãnh đứng đầu quân. Thái Tổ thích sự dũng mãnh ấy, tự tay tặng cho vàng. Tú nghe tin liền ngờ Thái Tổ muốn dùng tá hữu giết mình, bèn phản”.

Ngô thư viết: “Tú hàng, dùng kế của Giả Hủ, xin dời quân đến chỗ đường cao, đường đi qua giữa trại của Thái Tổ. Tú lại nói: ‘Xe ít mà nặng, xin được sai quân đều mặc giáp’. Thái Tổ tin Tú, đều nghe theo. Tú bèn sửa quân vào trại, đánh Thái Tổ. Thái Tổ không phòng bị, cho nên thua”.

Năm đó Thái Tổ đánh Tú, không thắng. Thái Tổ chống Viên Thiệu ở Quan Độ, Tú theo kế của Giả Hủ, lại đem quân hàng. Lời này tại truyện Giả Hủ. Tú đến, Thái Tổ cầm tay Tú cùng vui ăn yến, cho con trai là Quân lấy con gái của Tú, bái làm Dương vũ Tướng quân. Ở trận Quan Độ, Tú gắng đánh có công, chuyển làm Phá Khương Tướng quân. Đi theo phá Viên Đàm ở Nam Bì, lại tăng thực ấp lên hai nghìn hộ. Bấy giờ hộ khẩu trong thiên hạ giảm sút, mười giảm còn một, các tướng được phong chưa có ai được nghìn hộ, mà chỉ có Tú nhiều. Theo đi đánh người Ô Hoàn ở Liễu Thành, chưa đến, hoǎng, thụ là Định Hầu.

Ngụy lược viết: “Ngũ quan tướng⁽⁴⁷⁾ nhiều lần nhân đó xin gặp, nổi giận nói: ‘Ông giết anh ta, còn đem mặt nào mà nhìn người ta nữa’! Lòng Tú không tự yên, bèn tự sát.

Con là Tuyên thay, có tội mưu phản với Ngụy Phúng, giết, nước bỏ.

TRƯƠNG LỖ TRUYỀN

Trương Lỗ tự Công Kì, người huyện Phong nước Bái. Ông nội là Lãng, làm khách ở quận Thục, học đạo ở trong núi Hộc Minh, viết thành sách đạo để mê hoặc trăm họ, người theo học đạo phải đem năm đấu gạo, cho nên người đời gọi là ‘giặc gạo’. Lãng chết, con là Hành truyền đạo của Lãng. Hành chết, Lỗ lại truyền đạo ấy. Ich Châu Mục là Lưu Yên lấy Lỗ làm Đốc nghĩa Tư mã, cùng Biệt giá Tư mã Trương Tu đem quân đánh Hán Trung Thái thú Tô Cố, Lỗ bèn đánh úp giết Tu, lấy quân của Tu. Yên chết, con là Chương thay lập, thấy Lỗ không theo, giết hết người nhà của mẹ Lỗ. Lỗ bèn ở tại Hán Trung, lấy đạo quỷ để dạy dân, tự xưng là ‘Su quân’. Người đến theo học Lỗ, lúc đầu đều đặt tên là ‘Quý tốt’, truyền đạo ấy cho người tin mình, gọi là ‘Tế tửu’, đều được lĩnh quân, nhiều kẻ làm Duyên đầu Đại Tế tửu. Đều dạy thành tín không được lừa dối, người có bệnh phải tự nói ra lỗi của mình, đại khái giống với quân Khăn vàng. Các ‘Tế tửu’ đều làm nhà nghĩa giống trạm dịch của ngày nay. Lại đặt cơm thịt nghĩa treo ở nhà nghĩa, người đi đường thu lấy dùng đủ; nếu nhiều quá, đạo quỷ liền khiến người đó mắc bệnh. Kẻ phạm pháp thì ba lần tha, sau có lỗi mới xử phạt. Không đặt ra Trương lại, đều lấy ‘tế tửu’ trông coi, dân yên ổn lại vui vẻ. Chiếm giữ miền Ba, Hán⁽⁴⁸⁾ gần ba mươi năm.

Diễn lược viết: “Giữa năm Hi Bình, giặc quái nổi dậy, quan Tam phụ⁽⁴⁹⁾ có Lạc Diệu. Giữa năm Quang Hòa, phương đông có Trương Giác, quận Hán Trung có Trương Tu. Lạc Diệu dạy dân biết làm phép ‘ấn thân’, Giác dạy đạo ‘thái bình’, Tu dạy đạo ‘năm đấu gạo’. Đạo ‘thái bình’ là thầy đạo cầm gậy chín đốt làm phép chú, dạy người bệnh gõ đầu mà suy nghĩ lỗi lầm, nhân đó đem nước bùa cho uống, người bị bệnh trợn ngày mà tự khỏi thì nói người đây tin đạo, có người không khỏi thì nói là không tin đạo. Đạo của Tu đại khái giống với đạo của Giác, lại có thêm ‘nhà lãng’, sai người bệnh ở trong đó mà suy nghĩ lỗi lầm của mình. Lại sai người làm ‘Gian lệnh Tế tửu’. Tế tửu coi việc dùng năm nghìn chữ của Lão Tử, sai đều tập đọc, gọi là ‘Gian lệnh’. Lập ra ‘Quý lại’, làm chủ việc xin cầu đảo cho người bệnh. Cách cầu đảo là, là viết họ tên của người bệnh lên giấy, nói rõ tội lỗi, làm ra ba bản, một bản trong đó ném lên trời, rớt trên núi, một bản chôn dưới đất, một bản bỏ chìm dưới sông, gọi là chữ viết tay của ba quan. Sai người nhà của người bệnh đem ra năm đấu gạo để trả, cho nên gọi là giặc năm đấu gạo. Thực là không có ích cho chữa bệnh, nhưng là say mê, mà dân thường ngu dốt, thay nhau thờ nó. Sau đó Giác bị giết, Tu cũng chết. Lúc Lỗ ở tại Hán Trung, nhân có dân tin mà truyền đạo của Tu, lại sửa thêm đạo ấy. Thầy đạo làm ‘nhà nghĩa’, lấy gạo thịt đặt ở trong ấy mà níu chân người đi đường; lại dạy cách tự ấn thân, có kẻ mắc lỗi nhỏ, nếu đi đường được trăm

bước thì tha tội; lại dựa vào nguyệt lệnh⁽⁵⁰⁾, mùa xuân mùa hạ thì cầm giết, lại cầm uống rượu. Người ở trọ đi lại ở đất ắt, không ai dám không theo”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Trương Tu phải là Trương Hành, nếu không phải là cái sai của Diên lược thì là cái lầm của truyện này.

Cuối thời Hán, sức chẳng đánh được, bèn ban ân báỉ Lỗ làm Trấn dân Trung lang tướng, lĩnh chức Hán Trung Thái thú, dâng công mà thôi. Dân rong quận có kẻ lấy được cái ấn ngọc, bày tội muốn tôn Lỗ làm Hán Trung Vương. Viên Công tào của Lỗ là Diêm Phổ người quận Ba Tây can Lỗ nói: “Dân vùng Hán Xuyên có đến mười vạn nhà, của nhiều đất tốt, bốn mặt hiểm vững; trên giúp Thiên tử thì được như Hoàn, Văn⁽⁵¹⁾ thứ nữa cũng được như Đậu Dung⁽⁵²⁾ cũng chẳng làm mất vinh hoa. Nay nếu thừa lệnh sắp đặt, cái chân bị chặt, chẳng trở ngại cho sự thịnh vượng sao? Xin đừng xưng Vương, chớ lại chước họa trước đây”! Lỗ nghe theo. Hàn Toại, Mã Siêu làm loạn, hàng vạn nhà dân của miền Quan Tây⁽⁵³⁾ từ hang Tí Ngộ trốn đến đây.

Năm Kiến An thứ hai mươi⁽⁵⁴⁾, Thái Tổ lại từ cửa Tán Quan ra quận Vũ Đô đánh Lỗ, đến cửa Dương Bình. Lỗ muốn đem cả quận Hán Trung hàng, em Lỗ là Vệ không chịu, đem mấy vạn quân giữ cửa cố giữ. Thái Tổ đánh phá Vệ, rồi vào đất Thục.

Ngụy danh thần tấu chép biểu của Đông Chiêu nói: “Vũ Hoàng Đế nghe lời bàn của Lương Châu Tòng sự và những kẻ hàng trong quận Hán Trung nói rằng Trương Lỗ dễ đánh, mặt núi nam bắc dưới thành Dương Bình xa nhau, không nên giữ. Tin cho là đúng. Lúc đặt chân đến, không như lời mà mình nghe nói, mới than rằng: ‘Người khác suy đoán, chẳng bằng ý người ta’. Đánh các đồn trên núi Dương Bình, đã không lấy được ngay, mà quân sĩ chết thương rất nhiều. Ý của Vũ Hoàng Đế chán nản, lại muốn sai quân chặn núi rồi về, sai Đại Tướng quân Hạ Hầu Đôn, Tướng quân Hứa Chử gọi quân trên núi rút về. Gặp lúc tiền quân chưa về, buổi đêm tối tăm, vào nhảm trại giặc, giặc lại tan chạy. Bọn Thị trung Tân Bì, Lưu Diệp ở sau quân, bảo bọn Đôn, Chử nói: ‘Quan quân đã chiếm được đồn hiểm của giặc, giặc đã tan chạy’. Vẫn chưa tin theo. Đôn đi xem trước, rồi về báo cho Vũ Hoàng Đế, tiền quân đến đánh dẹp, may mà thắng được. Việc gần đây là việc mà quan quân biết”. Lại có biểu của Dương Kị nói: “Vũ Hoàng Đế bắt đầu đánh Trương Lỗ, đem mười vạn quân đi, tự thân đến xem, bày đặt kế sách, nhân đó gặt lúa của dân để làm lương cho quân. Trương Vệ đến giữ, không đủ để nói đến. Đất hiểm dễ giữ, dầu có quân mạnh tướng khỏe nhưng khó dùng được. Đồi trận ba ngày, muốn đem quân về, nói: ‘Ta dùng quân ba mươi năm, một sớm chống giữ với người ta, thế nào’? Kế ấy đã định, trời ban lộc cho Đại Ngụy, quân giữa của Lỗ tự vỡ, nhân đó bình đất ấy”.

Thế ngữ viết: “Lỗ sai Ngũ quan duyên đến xin hàng, em là Vệ lên núi đắp

thành Dương Bình để chống, quân của Nhà vua không lên được. Lỗ chạy đến Ba Trung. Lương quân hết, Thái Tổ sắp về. Tây tào duệy Quách Kham người Đông Quận nói: ‘Không nên. Lỗ đã hàng, giữ sứ giả ở lại không về. Vệ dẫu không cùng ý, nhưng cũng đánh được. Xua quân vào sâu, đã đi phải thẳng, lui sẽ khó thoát’. Thái Tổ do dự. Buổi đêm có mấy nghìn con nai hoang bỗng nhiên xông vào làm vỡ trại Vệ, quân cả kinh, buổi đêm bọn Dương Tô gặp nhâm với quân Vệ, bọn Tô bèn thôi tù và đánh trống tụ quân. Vệ sợ, cho rằng đại quân bị đánh lén, bèn hàng”.

Lỗ nghe tin thành Dương Bình đã vỡ, muốn cúi đầu xin hàng, Phó lại nói: “Nay bị ép đến, công tất nhỏ; không bằng nhờ vào Đổ Quán⁽⁵⁵⁾ đến chỗ của Phác Hồ⁽⁵⁶⁾ chống nhau, rồi mới trao thân, công tất lớn”. Do đó bèn đến miền núi phương nam mà vào giữa đất Ba. Tả hữu muốn đốt hết kho lúa vật bảo, Lỗ nói: “Ta vốn muốn theo về nhà nước, nhưng ý chưa được. Nay lại chạy tránh mũi nhọn là không có ý xấu vậy. Kho lúa vật bảo nên để cho nhà nước”. Bèn đóng kín rồi đi. Thái Tổ vào Nam Trịnh, rất khen Lỗ. Lại vì Lỗ vốn có ý tốt, sai người khuyên dụ. Lỗ đem hết người nhà ra hàng, Thái Tổ đón bái Lỗ làm Trấn nam Tướng quân, dùng lễ khách mà đối đãi, phong Lãng Trung Hầu, thực ấp có vạn hộ. Phong năm con của Lỗ và bọn Diêm Phó đều làm Liệt hầu.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Trương Lỗ dẫu có ý tốt, nhưng bị thua rồi mới hàng, nay lại sủng ái phong cho vạn hộ, năm con đều làm Liệt hầu, thế là quá rồi.

Tập Tạc Xỉ nói: “Lỗ muốn xưng Vương, nhưng Diêm Phó can ngăn mới thôi, nay phong Phó làm Liệt hầu. Thường phạt là để ngăn chặn cái xấu và khuyến khích cái tốt vậy. Nếu việc ấy để làm làm rõ được muôn vật thì không cần xét gần xa hay sáng tối rồi. Nay Diêm Phó can Lỗ chớ xưng Vương, mà Thái Tổ truy phong Phó, người đời sau ai không nhớ theo! Chặn đầu nguồn thì dòng cuối tự ngừng. Điều này nói về việc đó vậy! Nếu lại không làm rõ như thế mà lại coi trọng công lao sáng chói, tặng thưởng hậu hĩnh cho kẻ sĩ chết trận thì dân ham lợi vào lúc có loạn, tục lại tranh nhau đánh giết, lúc đó can qua không ngừng vậy. Thái Tổ phong như thế, có thể nói là biết được cái gốc của thường phạt, dẫu Thang, Vũ⁽⁵⁷⁾ ở tình huống ấy, cũng không hơn được”.

Ngụy lược viết: “Giữa năm Hoàng Sơ, tặng tước ấp cho Phó, đúng với lễ nghi. Hơn mười năm sau bệnh chết”. Tấn thư viết: “Tây Nhung Tư mã Diêm Toản là cháu của Phó vậy”.

Cho con là Bành Tổ lấy con gái của Lỗ. Lỗ hoẵng, thụy là Nguyên Hầu. Con là Phú thay.

Ngụy lược viết: “Lưu Hùng Minh là người huyện Lam Điền. Thuở nhỏ

làm nghề hái thuốc săn bắn, thường ở dưới núi Phục Xa, hễ đến sớm tối, đi lại giữ sương mây, vì biết đạo không lầm, mà người thời ấy nói rằng Hùng Minh biết làm ra sương mây. Quách, Lí làm loạn, nhiều người theo Hùng Minh. Giữa năm Kiến An, nương dựa châu quận, châu quận tiến cử làm Tiểu tướng. Bọn Mã Siêu phản, không chịu theo, Siêu phá Hùng Minh. Sau lại đến chỗ Thái Tổ, Thái Tổ cầm tay mà nói: ‘Ta đang vào cửa ải, nằm mộng gặp người thần, là khanh chăng!’ Bèn đãi hậu hĩnh, tiến cử làm Tướng quân, sai khiến đón đồ đảng của Hùng Minh. Đồ đảng không muốn hàng, bèn cướp để phản, bọn trốn tránh đều đến nương dựa, có đến mấy nghìn quân, chiếm giữ cửa đường ải Vũ Quan. Thái Tổ sai Hạ Hầu Uyên đánh phá chúng, Hùng Minh chạy về phía nam đến Hán Trung. Hán Trung phá, khôn cùng không có chỗ chạy, mới lại ra hàng. Thái Tổ nắm râu Hùng Minh nói: ‘Giặc già, bắt được người thật rồi!’ Trao lại chức, dời đến quận Bột Hải. Bảy giờ lại có Trình Ngân, Hầu Tuyền, Lí Kham đều là người quận Hà Nội, vào thời loạn năm Hưng Bình đều có hơn nghìn nhà dân. Năm Kiến An thứ mười sáu, cùng hợp với Mã Siêu. Siêu thua chạy, Kham chết giữa trận, Ngân, Tuyền về phía nam vào Hán Trung, đến chỗ Thái Tổ hàng, đều trao lại chức”.

Bình nói: Công Tôn Toản giữ thành, ngồi đợi diệt vong. Độ tàn bạo không có tiết tháo, Uyên thay nghiệp mà gánh họa, đây là gốc rễ làm con cháu đổ vỡ vậy. Đào Khiêm thời loạn lo buồn mà chết. Trương Dương cúi đầu làm bầy tôi, đều chiếm giữ châu quận, chẳng qua cũng là kẻ thất phu, vốn không có gì để bàn vậy. Yển, Tú, Lỗ rời bọn cướp, làm Liệt hầu, bỏ vút nguy vong, giữ được miếu thờ, thì như thế cũng tốt hơn rồi.

TRƯƠNG TÚ TRUYỆN

Trương Tú, người quận Võ Uy huyện Tô Lệ, là cháu của Phiêu kỵ tướng quân Trương Tế. Biên Chương-Hàn Toại làm loạn ở Lương châu, người ở Kim Thành là Khúc Thắng đánh úp giết trưởng huyện Tô Lệ là Lưu Tuyên. Tú làm Huyện lại, rình lúc sơ hở giết Thắng, người trong quận cho là người nghĩa hiệp. Về sau Tú chiêu mộ tập hợp những người trẻ tuổi, làm hào kiệt ở trong ấp. Đồng Trác bại vong, Tế cùng bọn Lý Thôi đánh Lã Bố, vì Trác báo thù. Đã nói ở Đồng Trác truyện. Tú đi theo Tế, làm Quân công, ít lâu được thăng làm Kiến trung tướng quân, tước Tuyên Uy hầu. Tế đóng quân ở Hoàng Nông, sĩ tốt đói quá, xuôi nam đánh đất Nhưỡng, bị trúng tên chết. Tú lĩnh quân ấy, đóng ở huyện Uyển, cùng với Lưu Biểu hợp binh. Thái tổ nam chinh, quân đến Dục Thủy, bọn Tú đem binh ra hàng. Thái tổ thu nạp vợ Tế, Tú hận vì việc ấy. Thái tổ nghe nói Tú không hài lòng, bí mật tính kế giết Tú. Mưu kế bị lộ, Tú ngầm tập kích Thái tổ. Thái tổ thua quân, hai con bị chết⁽⁵⁸⁾. Tú lui về giữ đất Nhưỡng, Thái tổ vây đánh gần một năm, không đánh nổi.

Phó tử chép: Tú có người thân là Hồ Xa Nhi, dũng mãnh đứng đầu trong quân. Thái tổ yêu mến những kẻ mạnh tợn như thế, tự tay lấy vàng bạc cấp cho họ. Tú nghe nói bèn ngờ rằng Thái tổ muốn nhân việc ấy cho tá hữu đâm chết mình, liền phản.

Ngô thư chép: Tú ra hàng, dùng kế của Giả Hủ, xin dời quân của mình vào trung quân, khu vực ấy là do Thái tổ đóng giữ. Tú lại nói: “Xe cộ của ta thiếu mà nặng nề, xin hãy bắt binh sĩ đều phải mặc áo giáp.” Thái tổ tin tưởng Tú, đều nghe theo. Tù liền sai binh sĩ chuẩn bị hành trang tiến vào trại, đánh úp Thái tổ. Thái tổ chẳng phòng bị gì, cho nên bị thất bại.

Thái tổ cự Viên Thiệu ở Quan Độ, Tú theo kế của Giả Hủ, lại đem mọi người tới hàng. Đã nói ở Giả Hủ truyện. Tú đến nơi, Thái tổ cầm tay Tú, cùng vui vẻ yến tiệc, cho con là Quân lấy con gái Tú, bái Tú làm Dương vũ tướng quân. Chiến dịch Quan Độ, Tú ra sức chiến đấu có công, được thăng làm Phá Khương tướng quân. Theo đi đánh Viên Đàm ở Nam Bì, lại được tăng thực ấp cả thảy là hai nghìn hộ. Thời ấy, số hộ khẩu trong thiên hạ giảm sút, mười nhà chỉ còn có một, các tướng được phong thưởng không đầy một nghìn hộ, mà riêng một mình Tú được nhiều. Tú theo đi đánh Ô Hoàn ở Liễu thành, chưa đến nơi thì chết, được ban thụy hiệu là Định hầu.

Ngụy lược chép: Ngũ quan tướng⁽⁵⁹⁾ mấy lần nhân vì Tú xin gặp, nổi giận nói: “Người giết anh trai ta, làm sao ta kiên trì nhẫn nại nhìn vào mặt người được đây!” Tú trong lòng bất an, bèn tự sát.

Con Tú là Tuyên nối tự, bị buộc tội cùng với Ngụy Phúng mưu phản bị tru

diệt, đất phong bị tước bỏ.

CÔNG TÔN TOẢN TRUYỆN

Công Tôn Toản tự Bá Khuê, người huyện Lệnh Chi quận Liêu Tây. Lệnh âm lang định phiên. Chi âm kì nhi phiên. Làm Môn hạ Thư tá trong quận. Có dáng vẻ đẹp, tiếng nói lớn, Hầu Thái thú kính trọng, gả con gái cho Toản, Diễm lược viết: “Tính Toản nhanh nhẹn, hễ bàn việc gì không chịu nói trước, thường tổng kết các việc lại sau cùng, không có chỗ sai sót, quan Thái thú khen tài của Toản”.

Sai đến nhà Lư Thực ở Trác Quận đọc sách kinh, rồi làm quan trong quận ấy. Lưu Thái thú làm việc mắc lỗi bị gọi đến phủ Đình úy, Toản làm người đánh xe, tự thân chăm sóc. Đến lúc Lưu Thái thú dời đến quận Nhật Nam, Toản sắm sửa gạo thịt, ở tại huyện Bắc Mang cúng tế người trước, nâng chén rượu chúc nói: “Trước làm người con, nay làm bầy tôi, nay đến quận Nhật Nam. Quận Nhật Nam khí chướng, chỉ sợ không về được, nay cùng người quen từ biệt ở đây”. Lại bái lạy rùm rụp rồi đứng dậy, bấy giờ người ta thấy vậy chẳng ai không than thở. Lưu lại được tha về. Toản vì cử Hiếu liêm mà làm quan Lang, bái làm Liêu Đông thuộc quốc Trưởng sử. Thường dẫn mấy chục quân kị đi ra biên giới, thấy mấy trăm quân kị người Tiên Ti, [\(60\)](#) Toản bèn lùi về giữa ngôi đình trống, hẹn quân kị đi theo nói: “Nay nếu không xông ra tất chết hết vậy”. Toản liền tự cầm mâu, đao có hai lưỡi nhảy ra đâm quân Hồ, [\(61\)](#) giết chết mấy chục người, cũng giết được nửa quân kị đi theo trong bọn chúng, bèn thoát được. Người Tiên Ti sợ hãi, sau không dám vào lại biên giới. Chuyển làm Trác Lệnh. Giữa năm Quang Hòa, giặc vùng Lương Châu nổi dậy, phát ba nghìn quân đột kị của vùng U Châu, lấy Toản làm Đô đốc trông coi, sai đem quân đi. Quân đến giữa huyện Kế, người quận Ngư Dương là Trương Thuần dụ người Ô Hoàn [\(62\)](#) ở quận Liêu Tây là bọn Khâu Lực Cư làm phản, cướp bóc giữa huyện Kế, tự xưng Tướng quân,

Cửu châu Xuân thu viết: “Thuần tự hiệu Di thiên Tướng quân, An Định Vương”. bắt quan dân, đánh các thành của quận Hữu Bắc Bình, thuộc quốc Liêu Đông, chỗ đi qua đều phá hoại. Toản dẫn bộ tướng đuổi đánh bọn Thuần có công, chuyển làm Kị Đô úy. Người Ô Hoàn của thuộc quốc là Tham Chí Vương đem dân chúng đến chỗ Toản hàng. Chuyển làm Trung lang tướng, phong Đô Đình Hầu, đến đóng đồn ở thuộc quốc, đánh phá nhau với người Hồ năm, sáu năm. Bọn Khâu Lực Cư cướp bóc bốn châu Thanh, Từ, U, Kí, bốn quận bị gây hại nhưng Toản không ngăn được.

Triều đình bàn bạc thấy người quận Đông Hải là Tông chính Lưu Bá An vốn có đức nghĩa, trước làm U Châu Thứ sử, ân tín sáng rõ, người Nhung Địch nương dựa, nếu được sai đến vỗ về thì không cần đem quân đánh mà định được, bèn lấy Lưu Ngu làm U Châu Mục.

Ngô thư viết: “Ngu là dòng dõi của Cung Vương quận Đông Hải. Gặp thời nhiễu loạn, lại đang lúc vua rời xa, làm quan ở huyện làm Hộ tào lại. Có tài tu thân coi việc, gọi làm quan của quận, cử Hiếu liêm làm quan Lang, làm đến U Châu Thứ sử, chuyển làm Cam Lâm Tướng, rất được lòng người Nhung Địch ở miền đông. Sau có bệnh xin về nhà, thường cúi mình ân thân, vui vẻ cùng bạn bè phe nhóm trong châu huyện cứu giúp người không có tiền của, không vì chức vị mà tự phân biệt, người làng xóm đều cùng theo về. Bấy giờ người làng xóm có kẻ kiện tụng, không đến phủ quan, tự đến nhờ Ngu phân giải; Ngu lấy tình lí mà xét xử, người lớn bé đều kính trọng, không cho là tiếc. Từng có kẻ bị mất trâu mà màu lông thân thể giống nhau với trâu của Ngu, nhân đó cho là của mình, Ngu bèn đem cho kẻ đó; sau đó người chủ trâu kia tìm được trâu của mình mới đem trả tạ lỗi. Gặp lúc nước Cam Lãng bị loạn, quan dân chọn làm Cam Lãng Tướng. Nước Cam Lãng được dẹp yên. Gọi đến bái làm Thượng thư lệnh, Quang lộc huân, lại vì là họ hàng của vua mà có lễ nghi, đổi làm Tông chính”. Anh hùng kí viết: “Ngu làm Bác Bình Lệnh, xét việc công bằng, ngay thẳng cao thượng, trong huyện không có giặc cướp, không gây tai hại. Bấy giờ huyện bên gần cõi có châu châu gây hại, lan đến huyện Bác Bình, bấy qua nhưng chẳng vào ruộng”. Ngụy thư viết: “Ngu ở tại U Châu, tiết kiệm trong sạch, lấy lễ nghĩa mà dạy dân. Thời Linh Đế, cung phía nam bị đổ, những quan lại của các châu quận đều đem tiền đến giúp sửa cung, có kẻ đem đến một vạn một nghìn tiền, có kẻ có đến hai nghìn, hai vạn tiền. Nhà giàu lấy tiền riêng mà góp giúp, có kẻ đem tiền của dân mà sắm sửa đóng góp, những kẻ nghèo mà trong sạch thì không có đem góp, có kẻ phải tự sát. Linh Đế thấy Ngu trong sạch, hạ lệnh tha cho không cần góp tiền”.

Ngô đến, sai sứ đến giữa người Hồ, nói rõ lợi hại, sai đòi chém đem đầu Thuần đến. Bọn Khâu Lực Cư nghe tin Ngô đến, vui mừng, đều sai người đến xưng tự thần phục. Toàn lo Ngô lập công bèn ngầm sai người giết chết sứ giả của người Hồ. Người Hồ biết được, ngầm đến báo cho Ngô biết. Ngô dâng sớ xin bãi các quân đang đóng ồn, vẫn giữ Toàn đem vạn quân kị bộ đóng đồn ở quận Hữu Bắc Bình. Thuần liền bỏ vợ con, chạy vào chỗ của người Tiên Ti, bị môn khách là Vương Chính giết, đem đầu đến chỗ Ngô. Phong Chính làm Liệt Hầu. Ngô vì công liền được bái làm Thái úy, phong làm Tương Phần Hầu.

Anh hùng kí viết: “Ngu nhường chức Thái úy, nhân đó tiến cử Vệ úy Triệu Mô, Ích Châu Mục Lưu Yên, Dự Châu Mục Hoàng Uyển, Nam Dương Thái thú Dương Độc, đều dùng làm Công”. Gặp lúc Đồng Trác đến Lạc Dương, chuyển Ngu làm Đại Tư mã, bái Toàn làm Phấn vũ Tướng quân, phong làm Kế Hầu.

Quân nghĩa miền Quân Đông nổi dậy, Trác bèn cướp Đế đến miền tây,

mời Ngu làm Thái phó, đường lối chặn cách, tín lệnh không đến được. Viên Thiệu, Hàn Phúc bàn cho rằng vua nhỏ bị gian thần ngăn chặn, thiên hạ không có lòng theo về. Ngu là họ hàng nhà vua có tiếng tăm, dân chúng trông mong, bèn tôn Ngu làm Đế. Sai sứ đến báo cho Ngu, Ngu rút cuộc không chịu nhận. Bọn Thiệu lại khuyên Ngu lĩnh chức Thượng thư, thừa lệnh phong bá, Ngu lại không nghe, nhưng vẫn liên hòa với bọn Thiệu.

Cửu châu Xuân thu viết: “Bọn Thiệu, Phúc sai Lạc Lãng Thái thú Trương Kỳ người huyện Cam Lâm trước kia đem lời bàn đến chỗ Ngu, sai phải xưng hiệu. Ngu lớn tiếng mắng Kỳ nói: ‘Người dám nói lời này ra sao! Cái đạo trung hiếu đã không thông. Ta nhận ân nước, thiên hạ nhiều làm mà chưa được nhận lệnh để trừ bỏ nỗi xỉ nhục nhà nước, mong có các kẻ sĩ trung liệt của các châu quận đều hợp sức về phía tây, đón nghênh vua nhỏ, vậy mà dám tự tiện bày mưu phản nghịch, dám chuốc nơu bần cho trung thần chẳng!’”. Ngô thư viết: “Phúc gửi thư cho Viên Thuật nói rằng Đế không phải là con của Linh Đế, muốn noi theo việc cũ của Giáng, Quán (63) giết bỏ vua nhỏ, đón lập Đại Vương; khen Ngu có công đức sửa trị, vùng Hoa Hạ không có hai người như thế, họ hàng nhà vua đều chẳng ai sánh bằng. Lại nói: ‘Xưa Quang Vũ Đế là dòng dõi đời thứ năm của Định Vương, làm Đại Tư mã trông coi miền Hà Bắc, bọn Cảnh Yêm, Phùng Dị đều khuyên nên lên ngôi vị, rút cuộc thay Cảnh Thủy Đế. Nay Lưu Công là dòng dõi của Cung Vương, cũng trải qua năm đời, lấy Đại Tư mã trông coi miền U Châu, việc này cũng giống với Quang Vũ Đế’. Bấy giờ có bốn ngôi sao hội ở sao Cơ, sao Vĩ, Phúc nói đây là điềm báo trước có người thần sắp dựng nghiệp ở tại đất Yên. Lại nói rằng có người đàn ông quận Tế Âm lấy được cái ấn ngọc, trên đó có khắc chữ rằng: ‘Ngu làm Thiên tử’. Lại thấy hai Mặt trời xuất hiện ở tại quận Đại, cho rằng Ngu nên thay ngôi. Thiệu lại gửi thư riêng cho Thuật. Bấy giờ Thuật trong lòng có ý không thần phục, cho rằng nhà nước có vua lớn tuổi sẽ không có lợi, bèn ngoài mặt mượn cớ là việc công để đáp chống lại ý ấy. Thiệu cũng sai người báo riêng cho Ngu biết, Ngu cho rằng nước có chính thống, là bây tôi không nên nói lời ấy, cố từ chối không theo; lại muốn mưu trốn vào chỗ người Hung Nô để tự cắt đứt, bọn Thiệu mới thôi. Do đó Ngu làm theo chức phận, càng thêm cung kính; các đồ cống nạp mà người Hồ, người Khương đem đến nhưng vì đường lối không thông, bèn đều chuyển chở đến ở kinh sư”.

Con Ngu là Hòa làm Thị trung ở tại Trường An. Thiên tử muốn về miền đông, sai Hòa lừa trốn Trác, ngấm ra khỏi cửa Vũ Quan đến chỗ Ngu, sai Ngu đem quân đến đón. Hòa đi thẳng đến chỗ Viên Thuật, nói rõ ý của Thiên tử. Thuật cho rằng Ngu có thể vin dựa có lợi, liền giữ Hòa lại không cho đi, hứa sẽ đem quân cùng đi đến miền tây, lệnh Hòa gửi thư cho Ngu. Ngu nhận được thư của Hòa, bèn sai mấy nghìn quân kỵ đến chỗ Hòa. Toàn

biết Thuật có chí khác, không muốn sai quân đi, can ngăn Ngu, Ngu không nghe. Toàn sợ Thuật nghe tin mà giận mình, bèn sai em họ của mình là Việt đem nghìn quân kị đến chỗ Thuật để tự kết thân, lại ngầm xui Thuật bắt giữ Hòa, cướp quân của hắn. Do đó Ngu, Toàn thêm hiềm khích. Hòa trốn Thuật đến miền bắc, lại bị Thiệu giữ lại.

Bấy giờ Thuật sai Tôn Kiên đóng đồn ở Dương Thành chống Trác, Thiệu sai Chu Ngang đánh lấy đất ấy. Thuật sai Việt cùng Kiên đánh Ngang, không thắng, Việt bị tên lạc đâm trúng mà chết. Toàn giận nói: “Em ta chết, họa này do ở Thiệu”. Bèn đem quân ra đóng ở bên sông Bàn Hà, sắp đến trả thù Thiệu. Thiệu sợ, lấy ấn thao Bội Hải Thái thú của mình đeo trao cho em họ là Phạm, sai đến quận, muốn dựa giúp nhau. Phạm bèn đem quân Bội Hải giúp Toàn, phá quân Khăn vàng vùng Thanh Châu, Từ Châu, thế quân thêm mạnh; đem quân đến Giới Kiều.

Diễn lược chép biểu của Toàn kể tội lỗi của Thiệu nói: “Thần nghe nói từ thời Hoàng Hi (64) đến nay bắt đầu có việc vua trên tội dưới, đem giáo hóa để dạy dân, dùng hình pháp để ngăn cấm cái ác. Nay Xa kị Tướng quân Viên Thiệu mượn có vết xe ngày trước, cướp đoạt chức của người khác, có ý gây loạn, làm việc như bản. Trước làm Tư lệ Hiệu úy, gặp lúc nhà nước vỡ lở, Thái hậu thừa lệnh, họ hà phụ chính, Thiệu lại chuyên làm việc xấu, không làm việc ngay thẳng, rồi sai Đinh Nguyên đốt cháy bên Mạnh Tân, mời gọi Đồng Trác đến, tạo thành cái gốc của họa loạn. Đây là tội thứ nhất của Thiệu vậy. Trác đã vào Lạc Dương thì vua bị bắt làm tin, Thiệu lại không quyết đoán để giúp vua trên, mà lại bỏ mất tiết tháo, rút chạy bỏ trốn, làm nhục tước mệnh, phản vua bất trung, đây là tội thứ hai của Thiệu vậy. Thiệu làm Bội Hải Thái thú, kén chọn quân mã, lúc đánh Đồng Trác, không báo cho vua trên, mà sai sứ đến cửa nhà quan Thái phó, khiến cho mẹ con của Thái bộc một sớm mà chết, vậy là bất nhân bất hiếu, đây là tội thứ ba của Thiệu vậy. Thiệu đã dấy binh, trải qua ba năm, không cứu nạn nước, tự tiện đặt phong, lại nhiều lần chuyên lương thảo không kịp lúc, cướp cắt làm giàu, thu lấy tiền của, trăm họ kêu than, chẳng ai không giận, đây là tội thứ bốn của Thiệu vậy. Hàn Phúc bức ép, lập ra ngôi rỗng, làm trái ân chiếu, khắc vàng chạm ấn ngọc, hễ gửi văn thư, đựng kín trong túi đen, viết nói: ‘Một tờ chiếu thư, ấn của Kháng Hương Hầu’. Kháng khẩu lãng phiêu. Xưa vừa gặp loạn, rồi lại lên ngôi, nay cái mà Thiệu làm, vẫn như lúc trước, đây là tội thứ năm của Thiệu vậy. Thiệu sai Thôi Cự Nghiệp ngóng xem trăng sao, đưa tiền hối lộ, cùng nhau ăn uống, hẹn kì hội hợp, đánh cướp quận huyện, đây há phải là việc mà bậc đại thần nên làm sao? Đây là tội thứ sáu của Thiệu vậy. Thiệu cùng Hồ nha Đô úy Lưu Huân trước cùng dấy binh, Huân vẫn tự chuộc lỗi, lại hàng phục Trương Dương, vậy mà vì cái giận nhỏ mà gây hại cho Huân, tin dùng lời nịnh bợ, giết hại người có công, đây là tội thứ bảy của Thiệu

vậy.

Thiệu lại dùng Thượng Cốc Thái thú Cao Yên, Cam Lăng Tướng Diêu Công ngày trước, đòi hỏi tiền của họ, tiền không góp đủ, hai đều bị lấy mạng, đây là tội thứ tám của Thiệu vậy. Theo nghĩa của sách Xuân thu, con phải quý mẹ, mẹ Thiệu thân làm vợ lẽ, Thiệu thực là hèn kém, không đáng làm dòng dõi của người ta, về nghĩa là không hợp, vậy mà lại giữ chức cao vị to, làm xấu tước Vương, chức nhục họ Viên, đây là tội thứ chín của Thiệu vậy. Lại nữa Trường Sa Thái thú Tôn Kiên ngày trước lĩnh chức Dự Châu Thứ sử, xua đuổi Đông Trác, tẩy rửa lăng miếu, công chẳng ai lớn bằng; vậy mà Thiệu sai Chu Ngang cướp lấy chức của người ta, cắt đứt đường vận lương của Kiên, sai không được vào, khiến cho Trác không bị giết, đây là tội thứ mười của Thiệu vậy. Thần lại thường nhận được thư của Hậu Tướng quân Viên Thuật, nói rằng Thiệu không phải là anh em của Thuật. Tội lỗi của Thiệu, dầu tre của núi Nam cũng không ghi hết. Xưa nhà Chu của họ Cơ suy kém, Thiên tử dời đô, chư hầu phản loạn, do đó Tề Hoàn Công lập hội thề Kha Đình, Tấn Văn Công mở hội ở Tiễn Thổ, đánh Kinh Sở để tỏ tinh hoa, phạt Tào, Vệ để kể rõ tội vô lễ của họ. Thần dầu hèn kém, tiếng tăm không bằng người hiền thời trước, nhưng chịu nhận ân đức của triều đình, gánh vác việc lớn, chức vụ ở tại chốn can qua, nhận lệnh đánh kẻ có tội, sẽ cùng các tướng đem quân của châu quận đánh bọn Thiệu. Nếu việc thắng lợi, kẻ có tội bị phạt, nối tiếp cái trung thành của Hoàn Công, Văn Công, tình thế đánh trận thế nào xin trước sau báo lên”. Bèn đến đến đánh với Thiệu, Thiệu không thắng. Lấy Nghiêm Cương làm Kí Châu Mục, Điền Khải làm Thanh Châu Mục, Đan Kinh làm Duyệt Châu Mục, đặt các quận huyện. Thiệu đem quân đến huyện Quảng Xuyên, lệnh tướng là Cúc Nghĩa lên trước đánh với Toản, bắt sống Cương. Quân Toản thua chạy đến quận Bột Hải, cùng Phạm về huyện Kế, ở phía đông nam thành lớn đắp thành nhỏ, gần nhau với Ngu, càng căm giận nhau.

Ngu sợ Toản gây loạn, bèn đem quân đánh úp Toản. Ngu bị Toản đánh thua, chạy ra huyện Cư Dung. Toản đánh chiếm huyện Cư Dung, bắt sống Ngu, đem Ngu về huyện Kế. Lúc Trác chết, Thiên tử sai sứ giả là Đoàn Huấn đến tặng thực ấp cho Ngu, sai trông coi sáu châu; Toản chuyển làm Tiền Tướng quân, phong làm Dịch Hầu. Toản vu cho Ngu muốn xưng tôn hiệu, ép Huấn chém Ngu.

Ngụy thị Xuân thu viết: “Trước đây, Lưu Ngu liên hòa với người Nhung Dịch, Toản cho rằng người Hồ Di khó ngăn chặn, nhân lúc chúng không thần phục mà đánh, nay thưởng thêm tiền, tất càng thêm coi thường nhà Hán, được tiếng tăm một thời mà để lại nỗi lo lắng lâu dài. Do đó cái mà Ngu ban thưởng thì Toản liền cướp lấy. Ngu nhiều lần xin gặp, Toản xưng bệnh không đến. Đến lúc thua trận, Ngu muốn đánh Toản, báo cho Đông Tào

duyện Ngụy Du người quận Hữu Bắc Bình. Du nói: ‘Nay thiên hạ dần dất theo về chỗ ông. Mưu thân là móng vuốt, không thể không có. Toản có tài cả văn vũ đủ để nương ựa, dầu có ít lỗi xấu nhưng cũng nên dung chứa hẳn’. Bèn thôi. Một năm sau, Du bệnh chết. Ngu lại bàn với quan thuộc, ngầm lệnh đem quân đánh úp Toản. Bộ tướng của Toản phân tán ở ngoài, Toản sợ thua, đào cửa đông thành muốn chạy. Quân của Ngu không có đội ngũ lại không luyện tập đánh trận, lại yêu dân chúng, bèn ra lệnh không được đốt phá. Do đó Toản bèn đốt lửa, nhân đó đem quân tinh nhuệ xông xáo, quân của Ngu tan vỡ, chạy đến thành Cư Dung. Toản đến đem người nhà đi về, giết hại người trong châu phủ, bọn kẻ sĩ đội mũ tài giỏi đều bị giết hết”. Diên lược viết: “Toản phôi Ngu ở cớ mà khấn rằng: ‘Nếu là người ứng mệnh trời thì ngày nay có mưa xuống cứu người’. Bấy giờ đang giữa mùa hạ, cả ngày không mưa, bèn giết Ngu”. Anh hùng kí viết: “Lúc Ngu bị giết, Thường Sơn Tướng là Tôn Cán, quan Duyện là bọn Trương Dật, Trương Toản cảm kích lòng trung nghĩa của Ngu, cùng nhau đến chỗ Ngu, liên mồm mắng Toản, sau đó cùng chết”. Toản cử Huân làm U Châu Thứ sử. Toản bèn kiêu ngạo, làm việc lỗi quên việc hay, phần nhiều gây hại.

Anh hùng kí viết: “Toản lĩnh hết trong ngoài, trong bọn con em đang tuổi đội mũ có kẻ tuấn tú bèn sai đến đất khôn khéo, có người hỏi nguyên nhân, đáp nói: ‘Nay để cho con em trong nhà đang tuổi đội mũ và bọn kẻ sĩ tài giỏi được giàu có thì đều phải tự mình làm lấy công việc, không cần người khác ban tặng vậy’. Những kẻ buông thả được yêu quý phần nhiều là những kẻ yếu kém, như ba người bọn thầy bói số là Lưu Vĩ Đài, người bán lụa là Lí Di Tử, nhà buôn là Lạc Hà Đương, cùng họ thề làm anh em, tự gọi mình là Bá, gọi ba người là Trọng, Thúc, Quý, giàu có đều đến hàng ức tiền, hoặc lấy con gái của họ mà gả cho con trai của mình, thường khen bọn Khúc Chu, Quán Anh để thề”.

Tòng sự của Ngu là bọn Tiên Vu Phụ, Tề Chu, Kị Đô úy Tiên Vu Ngân là người quận Ngự Dương đem quân của châu muốn trả thù Toản, lấy người nước Yên là Diêm Nhu vốn có ân tín, cùng tôn Nhu làm Ô Hoàn Tư mã. Nhu chiêu dụ người Ô Hoàn, người Tiên Ti, thu được mấy vạn người Hồ, người Hán, đánh nhau với bộ tướng của Toản là Trâu Đan ở phía bắc huyện Lộ, đại phá được, chém Đan. Viên Thiệu lại sai Cúc Nghĩa và con của Ngu là Hòa đem quân cùng Phụ hợp đánh Toản. Quân Toản nhiều lần thua, bèn chạy về huyện Dịch giữ chắc.

Anh hùng kí viết: “Trước đó có câu hát của bọn trẻ con rằng: ‘Cõi phía nam nước Yên, vùng phía bắc nước Triệu, miền giữa không lớn bằng đá mài, chỉ có ở giữa đó mới tránh loạn được’. Toản lấy quân ở huyện Dịch mà chống đỡ, lại đắp thành giữ vững. Bộ tướng khác của Toản bị địch vây, không cứu được. Nói với bộ tướng ấy rằng: ‘Cứu một người, khiến cho sau

này các tướng chỉ dựa vào quân cứu mà không gắng sức đánh; nay không cứu chỗ ấy thì sau này các tướng sẽ ghi nhớ phải tự gắng sức'. Do đó lúc Viên Thiệu bắt đầu đánh miền bắc, các trại ở đất miền nam của Toản tự lo chống giữ không thể giữ vững, lại biết Toản sẽ không đến cứu, cho nên các tướng có kẻ tự giết thuộc hạ của mình, hoặc có người bị quân Thiệu phá, khiến cho quân Thiệu đánh thẳng đến cửa mình". Thần là Tùng Chi cho rằng: Lời mà bọn trẻ con hát không có gì là không ứng nghiệm; đến như lời văn này, tựa như không có chỗ sai, như lời văn hát, có lẽ là Toản trước sau cố giữ huyện Dịch, không nghĩ mưu xa. Mà Toản nhân cái uy phá quân Khăn vàng, ý chí vươn xa, bèn đặt Thứ sử của ba châu, mưu diệt họ Viên, do đó mà thua vậy. Đắp lũy bao quanh mười vòng, ở trong lũy đắp thành, đều cao năm, sáu trượng, làm lâu ở trên đó; giữa lũy đắp thành, có thành cao mười trượng, tự ở đó, chứa ba trăm vạn斛 lúa. Anh hùng kí viết: "Các tướng của Toản ai ai cũng làm lâu cao, có đến nghìn cái lâu. Toản làm cửa sắt, trú ở trên lâu, rời xa tả hữu, để vợ lẽ hầu bên trao dẫn văn thư".

Toản nói: "Người xưa nói việc thiên hạ nên vậy cò mà yên định, ngày nay xem ra không bằng ta xét việc, không bằng dùng binh đi, chăm làm ruộng cấy chứa thóc lúa thôi. Theo binh pháp thì trăm tòa lâu đã không đánh được, nay ta có lâu cao nghìn tầng, ăn hiết thóc lúa ở đây cũng đủ biết hết việc thiên hạ rồi". Muốn dựa vào đây để làm quân Thiệu mỗi một. Thiệu sai tướng đánh chỗ ấy, nhiều năm không thắng được.

Hán Tấn Xuân thu viết: "Viên Thiệu gửi thư cho Toản nói: 'Ta với túc hạ đã có ước thề trước kia, tự mình thề đẹp loạn, thân ái hơn cả Di, Thúc, chức phận rõ như màu xanh màu đỏ, gọi là sức kéo cùng bánh xe, cùng gót chân như Tề, Tấn, nên cởi ấn bỏ dây thào, lấy miền bắc nối vào miền nam, chia sẻ màu mỡ để cùng làm việc, đây không phải là thể hiện tấm lòng son đỏ của ta chăng? Há để túc hạ vút nghĩa lớn của kẻ sĩ mà chuốc lấy vết chân của tai vạ? Dùng mà nghĩ lại, đã gây oán dễ, ngầm sai quân mã cướp bóc Dự Châu. Lúc trước nghe nói quân mã ở tại miền nam, tự thân đánh trận, sợ bị tên lạc đâm trúng, đao loạn dọc ngang, đắp thêm cái họa của túc hạ, lại tăng thêm cái lỗi của ta vậy. Cho nên gửi thư tha thiết, mong đã sửa lỗi. Vậy mà túc hạ vẫn tự buông thả, ra oai lừa dối, nói là có thể thu được lưới trời, diệt được bọn anh hùng, do đó khiến cho em họ mất mạng ở chốn can qua. Lời ấy vẫn còn văng vẳng bên tai. Mà túc hạ từng không đánh cái gốc của tai họa, xét lỗi của mình, tạm muốn tỏ cái giận không cùng của mình mà không nghĩ đến cái ranh giới của nghịch thuận, giữ oán mà gây hại cho dân, hại lây đến cả thân ta. Lại ruồi ngựa căng cung đến đánh đất đai của ta, giết hại dân chúng, xương trắng phanh phoi. Ta thật bất đắc dĩ phải dàn trận ở Giới Kiều. Bây giờ thể quân của túc hạ lấy lưng, ngựa khỏe hí vang, mà quân ta vừa hợp lại, khí giới không bén, khỏe yếu lẫn lộn, quân ít ý nhiều, may nhờ trời giúp,

đánh nhỏ mà thắng lớn, bèn rút chạy lên miền bắc, nhân đó đắp lũy chứa thóc, đây chẳng phải oai trời giúp đỡ, tỏ rõ đức dày có lẽ nghi sao? Chí của túc hạ còn chưa thỏa, lại mưu lập lại chút tro tàn, đem cái sâu hại của mình để đốt cháy quận Bột Hải. Ta lại không được yên, phải sai quân đến sông Long. Đem quân dụ trước, đại quân chưa qua sông mà gan mật túc hạ đã tan rã, không đánh mà thua, quân sĩ rối loạn, tướng sĩ cùng trốn. Đây lại là việc làm của túc hạ khiến cho ta mắc lỗi vậy. Từ đó về sau, oán ghét thêm sâu, không dùng được mỗi hận, mới dẫn đến chất thây thành gò, đầu cỏ đầy đồng, ta thương xót cho kẻ không có tội, chưa từng không cảm khái rơi nước mắt vậy. Từ khi nhận được thư của túc hạ, ý tứ nhún nhường, có lời sửa lỗi trước lo việc sau này. Ta đã vui vì được kết thân trở lại, vả lại thương cho triệu dân không được yên, hề thường dẫn quân xuôi phía nam cũng kính theo ý thư.

Một lúc không hay mà văn vũ hịch chưa từng không qua lại. Ta do đó mà đau lòng nhức óc, không được yên thân. Như việc chọn tướng của ba quân, dùng được các tướng, nên ra lệnh lạnh lùng như sương giá, vui vẻ như trời mưa, thì việc tốt xấu được mất có thể yên lòng mà ngồi xem. Vậy mà túc hạ giữ hai ba ý, mưu tính mạnh yếu, gấp gáp thì cúi thân, thông dong thì buông thả, làm thì không có đầu mối, nói không có chứng lí, là kẻ sĩ mà làm như thế sao! Do đó đã giết hại kẻ già yếu, cỡi U Châu cắn giận, quân sĩ phản loạn mà người thân rời bỏ, lẻ loi không có phe đảng. Lại nữa người Ô Hoàn, người Uế Mạch đều là cùng châu của túc hạ, họ khác tục với ta, đều hăng hái cứng cỏi, tranh làm tiên phong cho ta; lại có người Tiên Ti khắp tây đông, nhắc gót đến nương dựa ta. Đây chẳng phải đức của ta có thể vẫy gọi họ, là túc hạ đuổi họ đến chỗ ta sao? Nay đang lúc nguy khó, ở chỗ hiểm của can quan, vậy mà trong thì làm trái lời thề đồng minh, ngoài thì làm mất lòng của người Nhung Địch, dấy binh trong châu, muốn làm Bá một vùng, tai họa đã ở trước cửa, cũng chẳng khó sao! Trước lấy quân cứng khỏe của núi tây mà đem đi đánh dẹp, hội quân thừa của Cúc Nghĩa, chỉ là quân sợ đánh mà trốn lệnh mà thôi, cho nên dừng đại quân, chia quân càn quét, quân này là quân đi trước của ta thôi vậy, lại ở Giới Kiều nhỏ cờ phá lũy, đây quân đi trước chống địch thôi vậy. Mới nghe nói túc hạ khắc vàng đeo thao đồ, tự xưng là nguyên súy, phải càng thêm hăng hái để trả nỗi nhục của Mạnh Minh, (65) cho nên chiến sĩ dẫn lĩnh, nghẹn cổ mà nhìn cờ tinh, sao lại ẩn hình dấu bóng, lặng yên không động để đợi bị tiêu diệt, cùng nhau tham tiếc? Như có chí muốn bình thiên hạ, lập công ít có trên đời, sai khiến quân sĩ, sửa sắm quân mã, mà không đánh kẻ phản, không thu kẻ phục, uy phong đều võ, lấy gì lập công? Nay kinh cũ đã lấy lại, lưới trời vừa vá, kẻ có tội đã chết, kẻ trung liệt coi việc, vùng Hoa Hạ sửa sang, mong ở việc hòa thân, sắp bỏ can quan, thả tán trâu ngựa, vậy mà túc hạ còn giữ một đất cón con, giữ cái mái

nhà giữa quân, vui lòng để lại tiếng xấu vỡ mục, làm mất cái đức đẹp lâu dài? Hăng hái mà mưu tính như thế không phải là kẻ hay vậy. Nay cởi bỏ thù hận, sửa lại kết thân. Như lời hèn này, mong trời cao nghe được’. Toàn không đáp, lại thêm phòng bị. Bảo Quan Tĩnh nói: ‘Ngay nay thiên hạ tranh giành, rõ là không có ai giữ nhau nhiều năm được dưới thành của ta đâu. Viên Bản Sơ muốn như ta sao!’”.

Năm Kiến An thứ tư, (66) Thiệu đem hết quân vây Toản. Toản sai con xin cứu với giặc núi Hắc Sơn, lại muốn tự đem quân kị xông thẳng ra ngoài, dựa vào núi phía tây nam, thu lấy quân của núi Hắc Sơn, quân cũng khỏe ở Kí Châu, chặn ngang đường sau của Thiệu. Trưởng sử Quan Tĩnh khuyên Toản nói: “Nay tướng sĩ của Tướng quân đã như đất lở vỡ vụn, những kẻ còn chống giữ nhau được, trông lại chỉ thấy người già yếu ở đây, cũng vì Tướng quân là chủ thôi. Tướng quân giữ vững lâu ngày, Viên Thiệu tất phải tự lui; sau khi tự lui, quân của bốn phương tất thu lại được. Nay nếu Tướng quân bỏ chỗ này mà đi, quân không còn chỗ giữ thì đất Dịch nguy cấp chỉ ngồi đợi nữa mà thôi. Tướng quân làm mất gốc rễ, lẻ loi nơi đồng cỏ, sao thành công được”! Toại bèn thôi không ra.

Anh hùng kí viết: “Quan Tĩnh tự Sĩ Khởi, người quận Thái Nguyên. Vốn là quan lại khắc nghiệt, nịnh nọt mà không có mưu lớn, rất được Toản tin yêu”. Quân cứu đến, muốn trong ngoài đánh Thiệu. Sai người gửi thư cho con, hẹn đem quân đến, đốt lửa làm hiệu.

Diễn lược viết: “Toản sai Hành nhân là Văn Tắc đem thư đến báo cho con là Độc nói: ‘Mưu của họ Viên giống như quỷ thần, trông kèn kêu ở giữa đất thì bắc thang treo lên lầu ta. ngày cùng tháng tận, không được yên ổn. Ngươi nên phá quân Trương Yển trước, sau đó đem quân kị đến nhanh, quân đến phải đốt lửa hiệu lên phía bắc, lúc đó ta từ trong đánh ra. Nếu không, sau khi ta chết, thiên hạ rộng lớn, người muốn tìm đất yên chân, còn có được sao!’”. Hiến Đế Xuân thu viết: “Toản nằm mơ thấy thành Ké vỡ, biết tất thua, bèn ngầm sai người gửi thư cho Độc. Quân dò rình của Thiệu lấy được, sai Trần Lâm đổi thư viết: ‘Nghe nói thời xưa vào lúc nhà Chu suy, thầy phơi máu chảy, cho rằng là không hay, há đúng ngày nay thân ta đang ở buổi ấy sao!’”. Lời khác trong đó giống với lời mà Diễn lược chép. Quân dò rình của Thiệu lấy được thư ấy, theo như hẹn đốt lửa. Toản cho là quân cứu đến, bèn ra sắp đánh. Thiệu đặt quân phục, đánh phá quân Toản, lại về giữ. Thiệu đào đường hầm, đục phá lầu thành, dần dần vào thành giữa. Anh hùng kí viết: “Viên Thiệu chia bộ tướng đào đất làm đường, đào hang xuyên dưới lầu thành của Toản, Toản dần dần đưa gỗ đến đóng cọc, cắm chân hơn nửa, lại đốt cột mà Toản đóng, lầu liền nghiêng đổ”.

Toản tự biết sẽ thua, giết hết vợ con của mình rồi tự sát. Hán Tấn Xuân thu viết: “Quan Tĩnh nói: ‘Ta nghe nói quân tử vùi thân vào chỗ nguy, phải

cùng gánh nạn, há chỉ sống một mình sao’! Bèn ruồi ngựa xông vào quân Thiệu mà chết. Thiệu đem hết đầu họ đến đất Hứa”.

Tiên Vu Phụ đem quân mình vâng mệnh vua. Lấy Phụ làm Kiến trung Tướng quân, trông coi sáu quận của U Châu. Thái Tổ chống nhau với Viên Thiệu ở Quan Độ, Diêm Nhu sai sứ đến chỗ Thái Tổ nhận việc, chuyển làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Mà Phụ tự đến chỗ Thái Tổ, bái làm Tá độ liêu Tướng quân, phong Đình Hầu, sai về giữ gìn châu cũ.

Ngụy lược viết: “Phụ theo Thái Tổ đến ở Quan Độ. Viên Thiệu thua chạy, Thái Tổ mừng, ngoảnh bảo Phụ nói: ‘Nếu năm trước Bản Sơ đưa đầu Công Tôn Toản đến, ta tự thấy giạt mình, mà nay đánh thắng hắn, đây là ý trời, cũng là sức của hai ba ông’”. Thái Tổ phá huyện Nam Bì, Nhu đem bộ khúc cùng ngựa khỏe của người Tiên Ti đến cấp cho quân, theo đi đánh người Ô Hoàn ở ba quận, có công phong làm Quan Nội Hầu.

Ngụy lược viết: “Thái Tổ rất yêu Diêm Nhu, thường bảo Nhu nói: ‘Ta xem khanh như con, cũng muốn khanh xem ta như cha vậy’. Nhu do đó tự gửi thân ở các quan tướng, coi như anh em”. Phụ cũng đem quân mình đi theo. Văn Đế lên ngôi, bái Phụ làm Hộ nha Tướng quân, Nhu làm Độ liêu Tướng quân, đều tiến phong làm Huyện hầu, [\(67\)](#) chức Đặc tiến. [\(68\)](#)

[CHÚ THÍCH]

(1) *Tránh quan: tránh sự đuối bắt của quan lại hoặc tránh làm quan ở kinh sư mà xin đi làm quan ở nơi xa để tránh loạn họa.*

(2) *Độ thuở nhỏ có tên là Báo: thuở nhỏ tên là Báo, sau đổi tên là Độ. Chỗ này có vẻ khó hiểu.*

(3) *Cử Hữu đạo: tiến cử người có đạo đức tốt lành ra làm quan.*

(4) *Thuộc quốc: các nước nhỏ phụ thuộc quận Liêu Đông.*

(5) *Đá mũ : phiến đá lớn nằm trên ba phiến đá nhỏ giống hình người đội mũ.*

(6) *Hai vị tổ của nhà Hán: Cao Tổ Lưu Bang lập nên nhà Tây Hán và Quang Vũ Lưu Tú trung hưng lập nên nhà Đông Hán.*

(7) *Ruộng tịch điền: là ruộng của Đế Vương hoặc vua chư hầu. Vào mùa xuân đầu năm vua tự mình cày cấy để khuyến khích người dân chăm làm nông.*

(8) *Người Ô Hoàn của ba quận: người Ô Hoàn thuộc ba quận biên giới phía đông bắc thời Hán, gồm quận Liêu Đông, quận Liêu Tây và quận Hữu Bắc Bình.*

(9) *Người yếm: người không còn khả năng sinh con.*

(10) *Điền Nhiêu rời nước Tề, Nhạc Nghị bỏ nước Triệu: Điền Nhiêu là một người tài giỏi của nước Lỗ thời Xuân thu, không được Lỗ Ai Công dùng, bèn bỏ sang nước Yên làm đến Tướng quốc năm triều chính, giúp nước Yên giàu có yên bình. Nhạc Nghị của nước Triệu thời Chiến quốc, giỏi dùng binh. Triệu Cũ Linh Vương gặp nạn, bỏ sang nước Yên, cùng quân các nước Triệu, Sở, Hàn, Ngụy, Yên đánh bại quân Tề, nổi tiếng khắp chư hầu.*

(11) *Đất Hà, đất Lạc: vùng đất ven sông Hoàng Hà và sông Lạc là trung tâm của Trung Quốc*

(12) *Ngoảnh mặt về phía nam xưng thần: Đế Vương Trung Quốc thời xưa lúc lên triều đình bàn bạc cùng bày tỏ đều ngoảnh mặt về phía nam. Trung Quốc ở phía bắc bán cầu, Mặt trời hơi chéch về phía nam, thói quen ngoảnh mặt về phía nam là đón ánh nắng Mặt trời.*

(13) *Rùa ngọc vỡ trong hộp, hồ tề ra khỏi rương: ý nói tai họa từ trong phát ra, nuôi ong tay áo.*

(14) *Miền Giang Nam, miền Hải Bắc: Miền Giang Nam là miền phía nam sông Trường Giang, là đất Đông Ngô mà Tôn Quyền chiếm giữ. Miền Hải Bắc là miền phía bắc biển Bột Hải, là đất Liêu Đông mà Công Tôn Uyên*

chiếm giữ

(15) Bến Đạp.: là bến sông ở miền Liêu Đông, nơi thuyền bè qua lại trao đổi hàng hoá.

(16) Ngụy: không phải chính thống. Chính quyền Tào Ngụy xem Thục, Ngô là ngụy.

(17) Ngựa kì kì: ngựa khoẻ mỗi ngày có thể chạy nghìn dặm.

(18) Năm Cảnh Sơ thứ nhất: năm 237 Công nguyên thời Ngụy Minh Đế.

(19) Thiên vu: tên gọi chung của vua Tiên Ti, Ô Hoàn, Hung Nô thời xưa.

(20) Đuốc lửa : là đuốc lửa ở các chòi canh hoặc trại quân nơi biên giới để báo hiệu khi có địch đến đánh.

(21) Quản Trọng : Quản Trọng là Tướng quốc của Tề Hoàn Công thời Xuân thu, giúp nước Tề lớn mạnh đánh dẹp người Sơn Nhung phía bắc, giữ vững phong tục của Trung Quốc.

(22) Man, Di, Nhung, Địch: Theo Lễ kí: phía nam Trung Quốc gọi là người Man, phía đông gọi là người Di, phía tây gọi là người Nhung, phía bắc gọi là người Địch. Ý nói người ở bốn phương ngoài Trung Quốc.

(23) Khúc hát Tiểu biện, bài thơ Li tao: Tiểu biện là tên bài hát trong kinh Thi nói về một đứa trẻ than oán trời đất vì bị cha xua đuổi. Li tao là bài thơ của Khuất Nguyên thời Chiến quốc, nói về nỗi lòng buồn bực của Khuất Nguyên về chính trị yếu kém của nước Sở thời bấy giờ mà bị lưu đày ở miền Kinh Tương.

(24) : là phép xử án có từ thời nhà Chu. Có ba tình huống được tha thứ tội lỗi.

(25) Tiểu Bạch, Trùng Nhĩ : Tiểu Bạch là Tề Hoàn Công, Trùng Nhĩ là Tấn Văn Công đều là chư hầu nổi tiếng thời Xuân thu.

(26) Rồng lân: con rồng và con lân là biểu tượng của Đế Vương thời xưa

(27) Cô: thuở nhỏ mất cha mẹ.

(28) Mậu tài: tức Tú tài, một hình thức chọn người tài làm ra làm quan có từ thời Hán.

(29) Hiếu liêm: một hình thức chọn người hiếu thuận và ngay thẳng ra làm quan có từ thời Hán.

(30) Quận thú: tức quan Thái thú đứng đầu quận.

(31) Múa: thời Hán có lễ nghi múa giao lưu. Lúc ăn yến, chủ yến múa rồi khách mời múa lại.

(32) Quân Khăn vàng: quân nổi dậy đội khăn vàng cuối thời Hán.

(33) Năm Sơ Bình thứ tư: tức năm 193 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.

(34) Ngũ Đế: năm vị Đế thời cổ. Ý nói Hiên Viên đánh Xi Vưu ở đồng Trác Lộc, đánh Du Vông ở đồng Phản Tuyên. Vua Thuấn đánh Tam Miêu ở vùng hồ Động Đình, hồ Bà Dương.

(35) Bạc Vương: ý nói vua Vũ Đinh của nhà Ân đánh Quỷ Phương, và các vua của nhà Chu đánh vua Trụ nhà Ân và các nước Yểm, Hồ.

(36) Bao mao: cỏ tinh mao bỏ vào cái bao để cúng tế.

(37) Năm Hưng Bình thứ nhất: tức năm 194 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.

(38) Sứ quân: tên gọi tôn kính với người đứng đầu châu quận, ý chỉ Từ Châu Thứ sử Đào Khiêm.

(39) Tướng quân: tướng cầm quân, ý chỉ Xa kị Tướng quân Trương Ôn.

(40) Thụ và Lư: hai huyện Thụ và huyện Lư là nơi Khiêm làm quan Lệnh.

(41) U và Tì : hai châu U Châu và Tì Châu là nơi Khiêm làm quan Mục và Thứ sử.

(42) Cam đường: là cây cam đường. Xưa Thiệu Bá thời Chu xử tội ở dưới cây cam đường, đều đầu vào đất, người đời sau ghi nhớ, ý chỉ ân đức của quan lại đối với dân.

(43) Di, Mạch: Di là tên gọi chỉ người phương đông và người ngoài Trung Quốc. Mạch là tên gọi một nhóm người phía đông bắc Trung Quốc.

(44) Miền Sơn Đông: tức miền phía đông của núi Thái Hàng.

(45) Kinh cũ: tức thành Lạc Dương.

(46) Hai con: tức con trai cả là Tào Ngang và con của chú là Tào An Dân.

(47) Ngũ quan tướng: tức Tào Phi lúc chưa lên ngôi được bái làm Ngũ quan Trung lang tướng, nói gọi là Ngũ quan tướng.

(48) Miền Ba, Hán: tức quận Ba và quận Hán Trung.

(49) Tam phụ: là ba viên quan trông coi vùng xung quanh của kinh đô.

(50) Nguyệt lệnh: tức lịch ghi chép từng đặc điểm khí hậu, muôn vật trong từng tháng.

(51): Hoàn, Văn: Hoàn là Tề Hoàn Công, Văn là Tấn Văn Công, đều là nổi tiếng chư hầu thời Xuân thu.

(52) Đâu Dung: bầy tôi nhà Đông Hán. Thời loạn Vương Mãng, chiếm giữ miền phía tây sông Hoàng Hà, sau đó theo về Hán Quang Vũ Đế.

(53) Miền Quan Tây: miền phía tây của cửa Hàm Cốc.

(54) Năm Kiến An thứ hai mươi: tức năm 215 Công nguyên thời Hán Hiến Đế.

(55) Đỗ Quán: Đỗ Quán là thủ lĩnh của người Khương.

(56) Phác Hồ: là thủ lĩnh của người Khương.

(57) Thang, Vũ: Thang là Thành Thang của nhà Ân; Vũ là Vũ Vương của nhà Chu.

(58) Chỗ này có lẽ Trần Thọ chép nhầm? Trận này Tào Tháo chết một con trưởng là Tào Ngang và cháu là Tào An Dân.

(59) Tức là Tào Phi, lúc chưa được lập làm Thái tử, Tào Phi nhận chức ấy.

(60) Người Tiên Ti: một nhóm người miền bắc Trung Quốc thời xưa.

(61) Người Hồ: tên gọi chung của người di mục thảo nguyên miền bắc Trung Quốc thời xưa.

(62) Người Ô Hoàn: một nhóm người miền bắc Trung Quốc thời xưa.

(63) Giáng, Quán: Giáng là Giáng Hầu Chu Bột, Anh là Quán Anh hai bảy tôi thời Hán diệt họ Lữ đón Đại Vương lên ngôi.

(64) Hoàng Hi: họ Phục Hi thời cổ.

(65) Mạnh Minh: tức Mạnh Minh Thị, tướng của nước Tần thời Xuân thu, nhiều lần thua quân Tấn, rồi quyết chí đánh thắng quân Tấn, rửa nỗi nhục thua trận.

(66) Năm Kiến An thứ tư: tức năm 199 Công nguyên, thời Hán Hiến Đế.

(67) Huyện hầu: tước hầu có thực ấp một huyện.

(68) Đặc tiến: chức quan thời Hán, trao cho người có địa vị đặc biệt trong các Liệt hầu, chức dưới hàng Tam công.

QUYỂN 9 - CHỮ HẠ HẦU TÀO TRUYỆN

*Hạ Hầu Đôn, Hạ Hầu Uyên, Tào Nhân, Tào Hồng, Tào Hưu, Tào Chân,
Hạ Hầu Thượng*

HẠ HẦU ĐÔN TRUYỆN

Hạ Hầu Đôn tự Nguyên Nhung, người Tiêu huyện nước Bái, là con cháu dòng dõi của Hạ Hầu Anh⁽¹⁾. Năm mười bốn tuổi, theo học thầy, có người làm nhục thầy, Đôn giết kẻ ấy, bởi thế có tiếng là người cứng cỏi. Lúc Thái Tổ mới khởi sự, Đôn thường làm Tỳ tướng, theo đi chinh phạt. Khi Thái Tổ làm Hành Phấn vũ tướng quân, lấy Đôn làm Tư mã, được giữ riêng một cánh quân ở đóng Bạch Mã, sau được thăng làm Chiết xung Hiệu úy, lĩnh chức Thái thú Đông Quận.

Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, lưu Đôn trấn thủ Bộc Dương. Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, gia quyến Thái Tổ ở Quyên Thành, Đôn đem số ít quân vận tư trang nhẹ tới đó, vừa hay gặp Bố, cùng giao chiến. Bố lui về, vào thành Bộc Dương, tập kích quân chở đồ truy trọng của Đôn. Rồi phái tướng đến trá hàng, chung sức bắt giữ Đôn, đòi của cải, trung quân của Đôn kinh hoàng chấn động. Tướng của Đôn là Hàn Hạo lập tức thống suất số binh lính trong doanh trại của Đôn, triệu quan lại cùng chư tướng đến, bắt thuộc hạ đều phải mặc nguyên áo giáp không được kinh động, các doanh trại mới được yên. Sau đó Hạo đến dinh sở của Đôn, hét gọi kẻ bắt con tin ra chất vấn rằng: “Bọn hung nghịch chúng bay, dám bắt giữ bức hiếp Đại tướng quân, có còn muốn sống nữa chăng! Ta vâng mệnh đi đánh dẹp bọn phản tặc, có thể đảm nhiệm công việc của một vị tướng quân, đâu có buông tha cho chúng mày được?” Rồi khóc hỏi Đôn rằng: “Ta nên thực thi quốc pháp thế nào đây?” Xong lập tức triệu binh sĩ tới đánh bọn bắt con tin. Bọn chúng sợ hãi vội vã rập đầu xuống, nói “Tôi chỉ muốn xin lấy ít đồ tư trang rồi bỏ đi thôi!” Hạo trách mắng mấy đứa, đều đem chém cả. Đôn được thoát, Thái tổ nghe chuyện, bảo Hạo rằng: “Khanh làm thế là để khuôn phép cho vạn đời vậy.” Rồi xuống lệnh, từ nay về sau kẻ nào bắt giữ con tin, mọi người phải hợp sức mà đánh, không phải hỏi han gì. Bởi thế việc bắt bớ con tin dứt tuyệt hẳn.

[Tôn Thịnh nói: Xét Quang Vũ bản kỷ, năm Kiến Vũ thứ chín, bọn cướp bắt mẹ và em của Âm quý nhân, quan lại vì không tiếp cận được bọn cướp bắt con tin, bọn cướp bèn giết con tin. Thế thì cái việc hợp sức đánh bọn cướp, là phép từ xưa vậy. Từ đời Thuận đế, An đế đã bỏ phép ấy, chính giáo trị trệ hủ bại, bọn bắt con tin chẳng kiêng kỵ gì bậc vương công, mà Hữu ti cũng chẳng ai tuân theo phép nước, Hạo mới khôi phục lại việc chém bọn ấy, cho nên Ngụy Vũ mới khen ngợi.]

Thái tổ từ Từ Châu về, Đôn đi theo đánh Lã Bố, bị lạc tên bắn trúng, bị thương ở mắt trái.

[Ngụy lược chép: Bây giờ Hạ Hầu Uyên và Uyên và Đôn đều làm tướng

quân, trong quân gọi Đôn là manh Hạ Hầu⁽²⁾. Đôn ghét bọn ấy, cứ soi gương là tức giận, lập tức đập gương xuống đất.]

Đôn được lĩnh chức Thái thú Trần Lưu, Tế Âm, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, phong tước Cao An hương hầu. Bảy giờ trời đại hạn, nạn hoàng trùng⁽³⁾ nổi lên, Đôn liền cho chặn sông Thái Thọ làm thành hồ chứa, tự thân đi vác đất, làm gương cho tướng sĩ, khuyến khích trồng lúa, dân được nhờ cái lợi ấy. Sau Đôn được chuyển sang giữ chức Hà Nam doãn. Thái tổ bình Hà Bắc, Đôn làm Đại tướng quân⁽⁴⁾ dẫn quân ở phía sau. Phá xong huyện Nghiệp, Đôn được thăng làm Phục Ba tướng quân, cai quản Hà Nam như trước, cho được tùy cơ ứng biến xử lý công việc, không phải câu nệ khuôn phép.

Năm Kiến An thứ mười hai, Thái tổ xem xét công lao trước sau của Đôn, tăng thêm thực ấp cho Đôn một ngàn tám trăm hộ, cộng cả trước đây là hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ hai mươi một, lúc theo đi đánh Tôn Quyền ở Hợp Phì, Thái tổ sai Đôn đốc xuất hai mươi sáu đội quân, đóng ở Cư Sào. Đôn được Thái tổ tặng cho một đội kỹ nhạc ca xướng, có lệnh rằng: “Nguy Giáng vì cái công hoà với rợ Nhung, mà còn được nhận một đội nhạc Kim Thạch⁽⁵⁾, huông chi là là tướng quân của ta!”. Năm thứ hai mươi bốn, Thái tổ đóng quân ở Ma Pha⁽⁶⁾, triệu Đôn đến cho ngồi cùng xe, tỏ ra đặc biệt coi trọng, được ra vào tận chỗ Thái tổ nằm, chư tướng chẳng có ai sánh được. Đôn được bái làm Tiền tướng quân, đốc trách chư quân từ Thọ Xuân trở về, cho dời đến đóng binh ở Triệu Lăng.

[Ngụy thư chép: Bảy giờ chư tướng đều nhận chức quan của Ngụy, riêng mình Đôn là quan của nhà Hán, Đôn bèn dâng sớ trần tình rằng mình chẳng thích hợp với cái lễ của kẻ không phải là thần tử nhà Ngụy. Thái tổ nói: “Ta nghe nói Thái thượng là tấm gương của kẻ bày tôi, chúng ta đều giữ chức phận thần tử. Làm thần tử của chúa thượng, là bậc cao quý, chức quan mọn của nhà Ngụy, sao đủ để người phải khuất thân nhỉ?” Đôn cố xin, Thái tổ bèn bái Đôn làm Tiền tướng quân⁽⁷⁾.]

Đôn tuy ở trong quân lữ, vẫn đi đón thầy về dạy dỗ. Bản tính Đôn thanh bạch cần kiệm, những của cải dư thừa thường đem chia cho mọi người, không đủ thì lấy ở cửa quan, chẳng vun vén sản nghiệp riêng. Khi chết được ban thụy là Trung hầu. Con của Đôn là Sung nối tự, lúc Đế đoái nghĩ đến công lao của Đôn, muốn cho tất cả con cháu của Đôn nhận tước hầu, chia cho Đôn thực ấp một ngàn hộ, ban cho bảy con và hai cháu của Đôn đều được làm Quan nội hầu. Em của Đôn là Liêm cùng với một người con của Đôn là Mậu lúc trước đã được phong là Liệt hầu. Khi trước, Thái tổ đem con gái mình gả cho Mậu, tức là Thanh Hà công chúa vậy. Mậu trải các chức vụ Thị trung thượng thư, An Đông Trấn Tây tướng quân, được ban Giả tiết.

[Ngụy lược chép: Mậu tự Tử Lâm, là con thứ của Đôn. Văn Đế lúc còn nhỏ chơi thân với Mậu, khi tức vị, cho Mậu làm An Tây tướng quân, được cầm cờ tiết, nối chức Hạ Hầu Uyên làm Đô đốc Quan Trung. Mậu vốn không có vũ lược, nhưng khéo chơi cờ. Đến năm Thái Hoà thứ hai, Minh đế Tây chinh, có người bẩm bạch chuyện về Mậu, Đế triệu gọi Mậu về triều làm Thượng thư. Thời Mậu ở Quan Trung, có nuôi rất nhiều ca kỹ nàng hầu, công chúa bởi thế bất hoà với Mậu. Sau này các em của Mậu không lễ phép, Mậu mấy lần quở trách nghiêm ngặt, mấy người em sợ bị trừng trị, bèn cùng vu hãm Mậu tội phi báng, khiến công chúa phải tấu lên, lập tức có chiếu bắt Mậu. Đế có ý muốn giết đi, đem ra hỏi quan Trường Thủy Hiệu úy quận Kinh Triệu là Đoạn Mặc, Mặc cho rằng “đấy hẳn là công chúa Thanh Hà và Mậu bất hoà, nên mới nảy ra lời gièm pha vu vạ, hy vọng là Bệ hạ chẳng nên tìm thêm sự thật nữa. Vả lại Phục Ba⁽⁸⁾ có công cùng với tiên đế yên định thiên hạ, việc này nên nghĩ đi nghĩ lại cho kỹ.” Đế hiểu ra, nói: “Ta cũng cho là thế.” Rồi phát chiếu tra hỏi kẻ làm tờ biểu cho công chúa, quả nhiên là do các em của Mậu là Tử Tang và Tử Giang vu vạ.]

Sung chết, con Sung là Dị nối tự, Dị chết, con là Thiệu nối tự.

[Tân Dương thu chép: Năm Thái Thủy nhị niên, Cao An hương hầu là Hạ Hầu Tá chết, Tá là cháu của Đôn vậy, tuyệt tự. Chiếu viết: “Đôn, là nguyên công của nhà Ngụy⁽⁹⁾, công lao được ghi vào tre lụa. Xưa kia Đinh Kiên⁽¹⁰⁾ không có người tế tự, còn có người thương cảm ông ấy, huông chi trầm vâng mệnh trời lên ngôi ở nước Ngụy, mà có thể quên được công thần của mình ru? Nên chọn người họ hàng của Thiệu gần gũi với Đôn mà phong tước cho họ.]

Hàn Hạo, là người quận Hà Nội. Người ở nước Bái là Sử Hoán cùng với Hạo đều hiển danh là trung dũng. Hạo làm đến chức Trung hộ quân, Hoán làm đến chức Trung lĩnh quân, đều được cai quản quân cấm binh, phong làm Liệt hầu.

[Ngụy thư chép: Hàn Hạo tự Nguyên Tự. Thời Hán mạt binh lính nổi dậy, các huyện ở gần rừng núi, có nhiều giặc cướp, Hạo tụ tập quân lính phòng giữ trong huyện. Thái thú Vương Khuông cho Hạo làm Tông sự, đem binh đi cự Đông Trác ở Minh Tân. Thời ấy cậu của Hạo là Đỗ Dương làm Hà Âm lệnh, bị Trác bắt giữ, sai đi chiêu dụ Hạo, Hạo không theo. Viên Thuật nghe chuyện ấy, khen Hạo, cho làm Kỵ Đô úy. Hạ Hầu Đôn nghe tiếng Hạo, xin được cùng tương kiến, rất lấy làm lạ, cho lĩnh binh theo đi chinh phạt. Bấy giờ có cuộc họp lớn nghị bàn chuyện hơn thiệt, Hạo cho rằng phải gấp rút làm đồn điền. Thái tổ khen ngợi, thăng Hạo lên làm Hộ quân. Thái tổ muốn đi đánh Liễu Thành, Lĩnh quân Sử Hoán cho rằng thâm nhập vào nơi xa xôi, không phải là kế vẹn toàn, muốn cùng với Hạo cùng đưa lời can. Hạo nói: “Nay ta binh thế cường thịnh, uy danh vang động bốn bể, giao chiến là

thắng, đánh là lấy được, chẳng đâu là không đến được, không làm như thế thì việc trừ tai họa trong thiên hạ, sẽ là mối lo sau này. Vả lại Công là bậc thần vũ, khi hành động kế sách không hề sai sót, ta với ông là trung quân của chúa, không nên ngăn trở mọi người.” Rồi theo đi phá Liễu Thành, được đổi chức quan là Trung hộ quân, đặt ra chức Trưởng sử, Tư Mã. Lại theo đi đánh Trương Lỗ, Lỗ ra hàng. Kẻ bàn luận thấy Hạo trí dũng mưu lược đủ để phủ dụ người ở biên ải, muốn lưu lại làm Đô đốc chư quân, trấn thủ Hán Trung. Thái tổ nói: “Ta sao có thể không có Hộ quân được?” Rồi cho cùng theo về. Hạo thân gần và được tin tưởng như thế. Lúc Hạo chết, Thái tổ rất thương xót. Hạo không có con nối, Thái tổ cho con nuôi của Hạo là Vinh được nối tự.]

[Sử Hoán tự Công Hưu, lúc trẻ tự mình làm việc nghĩa hiệp, rất có hùng khí. Lúc Thái tổ mới nổi dậy, cho làm tân khách đi theo, rồi làm Trung quân Hiệu úy, theo đi chinh phạt, thường giám sát chư tướng, rất thân tín, sau chuyển sang làm Trung lĩnh quân. Năm Kiến An thứ mười bốn chết.

Con Hoán là Tĩnh nối tự.]

HẠ HẦU UYÊN TRUYỆN

Hạ Hầu Uyên tự Diêu Tài, là em họ Đôn. Thời Thái tổ còn ở nhà, từng vướng vào chuyện quan sự ở huyện, Uyên nhận trọng tội thay cho, Thái tổ tính kế cứu Uyên, Uyên được thoát tội.

Ngụy lược chép: Bảy giờ vùng Duyện, Dự đại loạn, Uyên vì túng thiếu, đem bỏ đứa con trai nhỏ của mình, mà nuôi nấng đứa con gái nhỏ cô cút của người em đã chết⁽¹¹⁾.

Thái tổ khởi binh, lấy Uyên làm Biệt bộ tư mã, Ky đô úy đi theo bên mình, sau thăng làm Thái thú Trần Lưu, Dĩnh Xuyên. Lúc Thái tổ và Viên Thiệu giao chiến ở Quan Độ, Uyên làm Hành Đốc quân Hiệu úy. Thiệu bị phá, Thái tổ sai Uyên đôn đốc việc quân lương ở các châu Duyện, Dự, Từ; Thời ấy quân lương thiếu thốn, Uyên đem quân lương tiếp tế, binh lính nhờ đó mà phấn chấn lên được. Xương Hi làm phản, Thái tổ phái Vu Cấm đến đánh, chưa thắng được, Thái tổ lại phái Uyên và Cấm cùng hợp sức, sau đánh được Hi, thu hàng hơn một chục đồn binh, Hi đến chỗ Cấm đầu hàng. Uyên quay về, được bái làm Điển quân Hiệu úy.

Ngụy thư chép: Uyên làm tướng, tức tốc xông vào nơi gian khó, thường ra chỗ địch không phòng bị, cho nên trong quân có câu rằng: “Điển quân Hiệu úy Hạ Hầu Uyên, ba ngày đi năm trăm dặm, sáu ngày đi ngàn dặm.”

Giặc Hoàng Cân ở Tế Nam, Lạc An là bọn Từ Hoà, Tư Mã Câu tấn công thành trì, giết hại trưởng lại, Uyên dẫn quân lính ở các quận Thái Sơn, Tê, Bình Nguyên ra đánh, đại phá giặc, chém Hoà, bình định các huyện, thu lấy lương thảo ở các huyện ấy để cấp cho quân sĩ. Năm Kiến An thứ mười bốn, Thái tổ lấy Uyên làm Hành lĩnh quân. Thái tổ đi đánh Tôn Quyền trở về, sai Uyên đốc xuất chư tướng đánh kẻ làm phản ở Lưu Giang là Lô Tự, Tự bị phá, Uyên lại làm Hành chinh tây Hộ quân, đốc xuất Từ Hoảng đánh giặc ở Thái Nguyên, tấn công hạ được hơn hai mươi đồn lũy, chém đầu lĩnh của giặc là Thương Diêu, giết sạch quân ở trong thành. Rồi theo đi đánh bọn Hàn Toại, tác chiến ở Vị Nam, lại đốc xuất Chu Linh bình định Du Mi, Khiên Đê. Lại cùng với Thái tổ hội quân ở An Định, Dương Thu quy hàng.

Năm thứ mười bảy, Thái tổ quay về huyện Nghiệp, dùng Uyên làm Hộ quân tướng quân, thông suất bọn Chu Linh, Lô Chiêu đóng quân ở Trường An, đánh phá sơn tặc là Lưu Hùng, thu hàng quân đội của Hùng. Lại vây dư đảng của của Toại, Siêu là bọn Lương Hưng ở huyện Hộ, dẹp xong, chém Hưng, được phong tước Bác Xương đình hầu. Mã Siêu vây Thứ sử Lương Châu là Vi Khang ở huyện Ký, Uyên tới cứu Khang, chưa đến nơi, Khang đã thua trận. Uyên còn cách Ký huyện hơn hai trăm dặm, Siêu đến nghênh chiến, quân của Uyên bắt lợi. Khiên Đê làm phản, Uyên dẫn quân quay về.

Năm thứ mười chín, bọn Triệu Cù, Doãn Phụng mưu tính đánh Siêu, Khương Tự khởi binh ở Lô Thành để hưởng ứng. Bọn Cù quỷ quyệt lừa Siêu, khiến Siêu xuất binh đánh Tự, rồi ở hậu phương giết sạch vợ con Siêu. Siêu vội chạy vào Hán Trung, rồi quay lại vây Kỳ Sơn. Bọn Tự cáo cấp cầu cứu Uyên, chư tướng nghị bàn nên đợi Thái tổ tiết chế. Uyên nói: “Công ở huyện Nghiệp, đi rồi quay về là bốn ngàn dặm, nhận được hồi báo, bọn Tự tất đã bại, chẳng bằng ta đánh gấp đi.” Rồi hành quân, sai Trương Cáp đốc xuất năm nghìn quân bộ kỵ ở phía trước, theo đường hẻm Trần Thương tiến vào, Uyên tự mình đốc lương ở phía sau. Cáp đến gần Vị Thủy, Siêu dẫn mấy nghìn quân Đê, Khương đón đánh Cáp. Chưa giao chiến, Siêu bỏ chạy, Cáp tiến quân thu lấy khí giới của quân Siêu. Uyên đến nơi, các huyện đều đã ra hàng. Hàn Toại ở Hiến Thân, Uyên quay ra tập kích Toại, Toại bỏ chạy. Uyên thu lấy quân lương của Toại, rồi truy kích đến tận thành Lược Dương, còn cách Toại hơn hai mươi dặm, chư tướng muốn tấn công, có người nói rằng nên tấn công rợ Đê ở Hung Quốc. Uyên cho rằng binh của Toại tinh nhuệ, thành Hung Quốc bền vững, đánh không thể lấy ngay được, chẳng bằng đánh các tộc Khương ở Trường Li. Những người Khương ở Trường Li đa phần ở trong quân của Toại, tất sẽ quay về cứu gia tộc mình. Nếu Toại để người Khương độc thủ thì cô thế, đi cứu Trường Li thì quan binh phải giao chiến ở ngoài đồng, như thế hẳn ta có thể bắt sống được. Uyên bèn lưu bộ tướng giữ đồ truy trọng, đem khinh binh bộ kỵ đến Trường Li, tấn công đốt doanh trại của rợ Khương, chém và bắt sống được rất nhiều địch. Những người Khương ở trong quân của Toại, đều quay về bộ lạc. Toại quả nhiên đến cứu Trường Li, cùng với quân của Uyên đối trận. Chư tướng thấy quân của Toại đông, sợ lắm, muốn làm hào lũy liên kết các doanh trại rồi mới giao chiến. Uyên nói: “Quân ta di chuyển cả ngàn dặm, nay lại làm công sự, thì sĩ chúng sẽ mỏi mệt, chẳng thể giữ được lâu. Giặc tuy đông, cũng dễ đối phó thôi.” Bèn thúc trống xuất binh, đại phá quân của Toại, đoạt được cờ chỉ huy của địch, rồi quay về Lược Dương, tiến quân vây Hung Quốc. Đê vương là Thiên Vạn chạy trốn đến chỗ Mã Siêu, dư đảng tộc Khương ra hàng. Uyên quay sang đánh các huyện Cao Bình, Đồ Các, binh sĩ các nơi ấy đều bỏ chạy tán loạn, Uyên thu được lương thảo trâu ngựa của họ. Uyên được ban Giả tiết.

Khi trước, Tống Kiến ở Phu Hãn nhân lúc Lương Châu loạn lạc, tự xưng là Hà thủ bình Hán vương. Thái tổ sai Uyên thống suất chư tướng thảo phạt Kiến. Uyên đến nơi, vây Phu Hãn, hơn một tháng hạ được, chém Kiến và các quan lại từ Thừa tướng trở xuống. Uyên biệt phái bọn Trương Cáp đi bình định Hà Quan, qua Hoàng Hà xâm nhập Tiểu Hoàng Trung, các tộc Khương ở Hà Tây ra hàng cả, vùng Lũng Hữu bình định. Thái tổ xuống lệnh rằng: “Tống Kiến tác loạn hung nghịch hơn ba mươi năm, Uyên một lần cất binh mà diệt được, là hổ bộ ở vùng Quan Hữu, đi đến đâu không có ai là đối thủ.

Trọng Ni có câu rằng: ‘Ta chẳng so sánh với người được⁽¹²⁾.’ Năm thứ hai mươi, tăng thêm thực ấp cho Uyên ba trăm hộ, gồm cả lúc trước là tám trăm hộ. Sau Uyên quay về đánh rợ Khương, Đê ở Vũ Đô, Hạ Biện, thu được hơn vạn hộ lương của người Đê. Thái tổ Tây chinh Trương Lỗ, bọ Uyên dẫn chư tướng, vương hầu ở Lương Châu đến chúc hạ, cùng với Thái tổ hội họp ở Hưu Đình. Thái tổ mỗi lần hội kiến các vua người Khương, Hồ, lại lấy Uyên ra dọa họ. Khi Lỗ ra hàng, Hán Trung bình định, Thái tổ cho Uyên giữ chức Hành Đô hộ tướng quân, thống suất bọ Trương Cáp, Từ Hoảng bình định Ba Quận. Thái tổ về huyện Nghiệp, lưu Uyên trấn thủ Hán Trung, lại bái Uyên làm Chinh tây tướng quân. Năm thứ hai mươi ba, Lưu Bị đóng quân ở ải Dương Bình, Uyên thống suất chư tướng chống cự Bị, cầm giữ nhau liền năm. Năm thứ hai mươi bốn tháng giêng, Bị trong đêm nổi lửa quanh công sự phòng ngự của Uyên⁽¹³⁾. Uyên sai Trương Cáp che chắn vòng vây ở phía Đông, tự mình dẫn khinh binh chống đỡ ở phía Nam. Bị quay sang khiêu chiến Cáp, quân của Cáp bắt lợi. Uyên phân một nửa binh của mình tương trợ Cáp, vì bị Lưu Bị tập kích, Uyên ra giao chiến bị chết. Uyên được ban thụy hiệu là Mẫn hầu.

Trước đó, Uyên dù mấy lần chiến thắng, Thái tổ thường răn rằng: “Làm tướng thì phải có lúc khiếp sợ, chẳng thể chỉ cậy vào cái dũng. Tướng phải lấy dũng làm gốc, hành sự phải dùng trí mưu; chỉ biết dùng cái dũng, thì địch nổi một kẻ thất phu mà thôi.”

Vợ của Uyên, là em vợ Thái tổ. Con trưởng của Uyên là Hành, lấy con gái của em trai Thái tổ là Hải Dương Ai hầu, ân sủng cực trọng. Hành được tập tước, sau đổi phong tước An Ninh đình hầu. Năm Hoàng Sơ trung, ban tước cho con thứ của Uyên là Bá, năm Thái Hoà trung, ban cho bốn em của Bá, đều được nhận tước Quan nội hầu. Bá, năm Chính Thủy trung làm Thảo thực hộ quân Hữu tướng quân, được tấn phong tước Bác Xương đình hầu, vốn nhận sự hậu đãi của Tào Sảng. Nghe tin Sảng bị tru diệt, Bá nghi ngờ, bỏ trốn vào Thục. Vì Uyên là cựu huân⁽¹⁴⁾ nên xá tội cho con của Bá, dời đến ở quận Lạc Lãng.

Ngụy lược chép: Bá tự Trọng Quyền. Uyên vì bị người Thục giết hại, nên Bá thường nghiến răng căm giận, có ý muốn báo thù Thục. Năm Hoàng Sơ trung Bá làm Thiên tương quân. Chiến dịch Tỷ Ngộ, Bá được gọi đến làm tiên phong, tiến vào vòng vây ở Hưng Thế, hạ trại ở Khúc Cốc Trung. Người Thục trông xa biết đó là Bá, coi thường phát binh tấn công. Bá thủ chiến ở trong trại, chờ quân cứu đến, rồi sau được giải vây. Về sau Bá làm Hữu tướng quân, đóng quân ở Lũng Tây, ở đó nuôi dưỡng sĩ tốt, hoà với rợ Nhung, được họ vui vẻ giúp đỡ. Đến năm Chính Thủy trung, Bá thay Hạ Hầu Nho làm Chinh thực hộ quân, thống suất thuộc hạ đi đánh phương Tây. Bấy giờ Chinh tây tướng quân Hạ Hầu Huyền, đối với Bá là chú cháu, nhưng

Huyền với Tào Sảng là em bên họ ngoại. Lúc Tư mã Tuyên vương giết Tào Sảng, bèn cho triệu gọi Huyền, Huyền đi về Đông. Bá nghe tin Tào Sảng bị giết mà Huyền lại bị trưng tập, cho rằng hoạ tất tới với mình, trong lòng đã lo sợ; lại vì trước đây Bá và Thứ sử Ung Châu là Quách Hoài bất hoà, nhưng Hoài được thay Huyền làm Chinh tây, Bá càng thấy bất an, nên chạy trốn vào Thục. Rảo bước xuôi Nam tới Âm Bình thì lạc đường, vào tận Cốc Trung, lương hết, giết ngựa ăn rồi đi bộ, bàn chân bị tróc thịt, nằm dưới phiến đá, cầu cạnh người đi đường chỉ lối, song không ai mách cho. Người Thục hay tin, bèn sai người đến nghênh đón Bá. Ngày trước, năm Kiến An thứ năm, thời người em họ của Bá được mười ba, mười bốn tuổi, ở bản quận, đi ra ngoài kiếm củi, bị Trương Phi bắt được. Phi biết người ấy là con gái nhà lương thiện, bèn lấy làm vợ, sinh được một người con gái, làm Hoàng hậu của Lưu Thiện. Cho nên lúc Uyên mới mất, vợ của Phi xin an táng cho Uyên. Lúc Bá vào Thục, Thiện cùng tương kiến, vui vẻ bảo rằng: “Phụ thân của khanh bị hại trong lúc hành quân thôi, không phải là tự tay tiền nhân⁽¹⁵⁾ của ta đâm chết đâu.” Rồi trở vào đưa con nhỏ của mình bảo Bá rằng: “Đây là cháu ngoại của họ Hạ Hầu đấy.” Bá được ban tước rất hậu.

Em của Bá là Uy, làm quan đến Thứ sử Duyện châu.

Thế ngữ chép: Uy tự Quý Quyên, dốc lòng làm việc nghĩa. Trái chức Thứ sử ở hai châu Kinh, Dự, rất quý hiển. Con là Tuấn, làm Thứ sử Tinh Châu. Con thứ là Trang, làm Thái thú Hoài Nam. Con của Trang là Trạ, tự là Hiếu Nhã, uyên bác về văn chương, làm quan đến Nam Dương tướng, Tán kỵ thường thị. Trang, là anh rể của Cảnh Dương hoàng hậu nhà Tân. Bởi thế cả nhà được thịnh vượng một thời.

Em Uy là Huệ, làm Thái thú Lạc An.

Văn chương tự lục chép: Huệ tự Trĩ Quyên, lúc ấu thơ vì tài học được xưng tụng, khéo chấp nối tấu chương. Trải qua chức Tán kỵ hoàng môn thị lang, cùng với Chung Dục⁽¹⁶⁾ mấy lần biện bác, việc được nhiều người biết. Huệ được thăng làm Yên tướng⁽¹⁷⁾, Thái thú Lạc An.

Em Huệ là Hoà, làm Hà Nam doãn.

Thế Ngữ chép: Hoà tự Nghĩa Quyên, biện bác rành mạch, có tài thảo luận. Trải các chức Hà Nam doãn, Thái thường. Con thứ ba của Uyên là Xưng, con thứ năm là Vinh.

Theo Tôn Trạ vi kỳ tự chép: “Xưng tự Thúc Quyên. Từ lúc còn là đứa trẻ ranh đã thích tập hợp bọn trẻ con, tự mình làm thủ lĩnh, đùa bỡn làm trò quân lữ bầy chiến trận, đứa nào kháng cự liền dùng roi nghiêm trị, bọn chúng chẳng đứa nào dám phản kháng. Uyên ngầm cho nó là lạ, cho nó đọc Hạng Vũ truyện và binh thư, nó không chịu, nói: ‘Tài năng thì tự có được

thôi, sao có thể học người khác được?’ Năm Xứng mười sáu tuổi, Uyên với nó đi săn, thấy một con hổ đang chạy, Xứng ruổi ngựa đuổi theo, cảm không nổi, nó bắn một mũi tên mà con hổ ngã. Tiếng đến tai Thái tổ, Thái tổ cầm tay nó mừng rỡ nói: ‘Ta dùng được mày rồi.’ Hoà cùng với Văn Đế giao du từ khi áo vải, mỗi khi yến hội, khi thế lẩn át cử tọa, kẻ biện sĩ chẳng thể khuất phục được. Những người cao danh đương thế đa phần tự nguyện theo. Năm mười tám tuổi Huệ chết. Em của Xứng là Vinh, tự Áu Quyền. Thuở ấu thơ đã thông tuệ, bảy tuổi có thể chấp nối văn tự, đọc sách ngày mỗi nghìn chữ, liếc mắt qua lập tức nhớ được ngay. Văn Đế nghe tiếng cho mời Vinh đến. Tân khách có hơn trăm người, mọi người viết danh thiếp, các danh thiếp ghi quê quán và danh tính của họ, người đời gọi đó là ‘tước lí thứ’, khách bảo cho Vinh biết, Vinh liếc mắt một lần, nói được hết tên tuổi và danh tính của họ, chẳng sai trật một người nào. Đế rất lấy làm lạ. Trận thua quân ở Hán Trung, Vinh mới mười ba tuổi, tả hữu kéo Vinh chạy trốn, Vinh không chịu, nói: ‘Vua đang ở chỗ gian khó, sao lại trốn cái chết được!’ Rồi vùng kiếm chiến đấu, sau chết trong trận.”

Hành chết, con là Tích nối tự, làm Hồ bôn trung lang tướng. Tích chết, con là Bao nối tự.

TÀO NHÂN TRUYỆN

Tào Nhân tự Tử Hiếu, là em họ của Thái tổ vậy.

[Ngụy thư chép: Tổ phụ của Nhân là Bao, làm Thái tú Dĩnh Xuyên. Cha là Sĩ, làm Thị trung, Trường Thủy hiệu úy.]

Nhân thời trẻ thích cung ngựa, săn bắn. Sau khi hào kiệt các nơi nổi dậy, Nhân cũng ngầm tụ tập với những người trẻ tuổi, được hơn nghìn người, đi khắp vùng Hoài, Tứ, sau đi theo Thái tổ làm Biệt bộ Tư mã, Hành Lệ phong Hiệu úy. Thái tổ phá viên Thuật, Nhân chém được khá nhiều giặc. Rồi theo đi đánh Từ Châu, Nhân thường đốc xuất kỵ binh, làm quân tiên phong. Được biệt phái đi đánh tướng của Đào Khiêm là Lã Do, phá được, quay về cùng với đại quân họp ở Bành Thành, đại phá quân của Khiêm. Sau theo đi đánh các huyện Phí, Hoa, Tức Mặc, Khai Dương, Khiêm phái biệt tướng đến cứu các huyện, Nhân dùng kỵ binh đánh phá được. Thái tổ đi đánh Lã Bố, Nhân được biệt phái đi đánh Câu Dương, hạ được thành, bắt sống tướng của Bố là Lưu Hà. Thái tổ bình định Hoàng Cân, nghênh đón Thiên tử định đô ở huyện Hứa, Nhân mấy lần lập công, được bái làm Thái thú Quảng Dương. Thái tổ quý trọng sự dũng lược của Nhân, không để giữ ở quận, cho làm Nghị lang đốc quân kỵ⁽¹⁸⁾. Thái tổ đi đánh Trương Tú, Nhân được biệt phái đi đánh chiếm huyện Bàng, bắt sống được hơn ba nghìn dân nam nữ huyện ấy. Quân của Thái tổ quay về, bị Tú truy đuổi, quân bắt lợi, sĩ tốt mất chí khí, Nhân động viên khích lệ khiến tướng sĩ rất phấn chấn, Thái tổ khen ngợi Nhân, sau phá được Tú.

Thái tổ cùng Viên Thiệu cầm giữ nhau ở Quan Độ đã lâu, Thiệu phái Lưu Bị đánh chiếm các huyện Thủy Ân, Cường, dân chúng các huyện nổi dậy hưởng ứng Bị. Từ huyện Hứa về phía Nam, quan dân bất an, Thái tổ rất lo lắng. Nhân nói: “Phương nam thấy đại quân ta đang có nguy cấp trước mắt, về tình thế chẳng thể cứu ứng được nơi này, Lưu Bị đem binh mạnh áp sát, họ phản bội lại là đương nhiên. Song Bị mới thống lĩnh binh của Thiệu, chưa thể dùng bọn họ ngay được, đánh là có thể phá được vậy.” Thái tổ khen lời ấy, bèn sai Nhân dẫn quân kỵ đánh Bị, quân Bị tan vỡ phải bỏ chạy, Nhân thu lại được hết các huyện làm phản rồi quay về. Thiệu phái biệt tướng là Hàn Tuân cướp bóc cắt đứt Tây lộ, Nhân tập kích Tuân ở núi Kê Lạc, đại phá Tuân. Bởi thế Thiệu không dám chia quân ra nơi đó nữa. Nhân lại cùng bọn Sử Hoán cướp xe tải lương của Thiệu, thiêu sạch lương thảo.

Hà Bắc đã định, Nhân theo đi vây Hồ Quan. Thái tổ xuống lệnh rằng: “Lấy được thành trì, ta cho khanh được diệt hết địch quân.” Liên một tháng trời không hạ được. Nhân nói với Thái tổ rằng: “Vây thành phải để cho họ lồi thoát, thế nên phải mở cho họ đường sống. Nay Công tuyên cáo họ phải

chết cả, người ta sẽ cố giữ. Vả lại thành vững mà lương nhiều, đánh thì sĩ tốt thương vong, giữ thì dằng dai lâu ngày; bây giờ đồn binh dưới chân toà thành vững, đánh bắt cái kẻ tử thủ, chẳng phải là kẻ hay vậy.” Thái tổ theo lời, thành ra hàng. Vì thế lúc biên xét công lao trước sau của Nhân, phong cho Nhân tước Đô đình hầu.

Lúc theo đi bình Kinh Châu, Thái tổ cho nhân làm Hành Chinh nam tướng quân, lưu lại đóng quân ở Giang Lăng, cự tướng Ngô là Chu Du. Du dẫn mấy vạn người đến đánh, mấy nghìn quân tiên phong vừa đến, Nhân trèo lên thành trông ra, lập tức tuyển ba trăm người, phái bộ tướng là Ngu Kim đón đánh. Giặc đông, quân của Kim ít, vì thế bị vây hãm. Quan Trường sử là Trần Kiêu cùng ở trên thành, trông xa thấy bọn Kim sắp nguy cấp, tả hữu đều thất sắc. Nhân chí khí rất phần nộ, bảo tả hữu mang ngựa đến, bọn Kiêu cùng níu giữ Nhân lại. Rồi bảo Nhân rằng: “Giặc đông thế thịnh, chẳng thể đương nổi. Ví như bỏ mất mất mấy trăm người có gì là cay đắng, mà tướng quân phải đem thân đến đó!” Nhân không chịu, rồi mặc áo giáp lên ngựa, dẫn mấy chục quân kỵ mang cờ chỉ huy ra khỏi thành. Còn cách quân giặc hơn trăm bước, gôn sát chiến hào, bọn Kiêu cho rằng Nhân phải chống giữ bên hào, tạo hình thế ứng cứu Kim, song Nhân lại vượt qua hào tiến thẳng về phía trước, xông vào vòng vây của địch, bọn Kim được giải thoát. Số binh sĩ còn lại chưa ra được, Nhân bèn quay trở lại đột phá, đưa hết binh của Kim ra, giết được mấy chục người, quân giặc phải lui về. Bọn Kiêu mới thấy Nhân ra, đều sợ hãi, lúc thấy Nhân trở về, bèn than rằng: “Tướng quân thật là người nhà trời vậy!” Ba quân đều phục cái dũng của Nhân. Thái tổ càng khen ngợi Nhân hơn, đổi phong cho Nhân tước An Bình đình hầu.

Thái tổ đánh dẹp Mã Siêu, lấy Nhân làm Hành An tây tướng quân, đốc xuất chư tướng cự thủ ở Đồng Quan, phá Mã Siêu ở Vị Nam. Tô Bá, Điền Ngân làm phản, Thái tổ lấy Nhân làm Hành Kiêu kỵ tướng quân, đô đốc bảy cánh quân đánh dẹp bọn Ngân, phá được. Lại lấy Nhân làm Hành Chinh nam tướng quân, ban cho Giả tiết, đóng quân ở Phàn Thành, trấn giữ Kinh Châu. Hầu Âm làm phản ở Phàn Thành, mấy nghìn người cướp bóc dân chúng ở huyện Bàng, Nhân thống suất chư quân đánh phá Âm, chém đầu Âm, rồi quay lại đóng quân ở Phàn Thành, Nhân lập tức được bá làm Chinh nam tướng quân. Quan Vũ đánh Phàn Thành, bấy giờ nước sông Hán mênh mông, bảy cánh quân của bọn Vu Cấm bị chìm đắm, Cấm hàng Vũ. Nhân có mấy nghìn nhân mã giữ thành, một số đoạn tường thành mỏng bị nước tràn ngập. Vũ cưỡi thuyền đến sát thành, vây chặt mấy vòng, liên lạc trong ngoài bị cắt đứt, lương thực sắp hết, cứu binh không đến. Nhân khích lệ tướng sĩ, thề giữ đến chết, tướng sĩ đều cảm động không ai hai lòng. Từ Hoảng đến cứu, nước cũng đã giảm chút ít, Hoảng từ phía ngoài tập kích Vũ, Nhân được dịp ra khỏi vòng vây. Vũ phải lui binh.

Nhân thời còn trẻ không sửa đổi hạnh kiểm, khi trưởng thành làm tướng, nghiêm chỉnh vâng theo pháp lệnh, thường đặt điều lệnh cho tá hữu, chiếu theo đó mà làm việc. Yên Lăng hầu là Chương bắc chinh ô Hoàn, Văn đế ở Đông cung, viết thư răn bảo Chương rằng: “Làm tướng vâng theo phép nước, chẳng phải là giống như Chinh nam⁽¹⁹⁾ đó sao?” Lúc lên tức vương vị, bái Nhân làm Xa kỵ tướng quân, đô đốc các việc quân sự ở các châu Kinh, Dương, Ích, được tấn phong tước Trần hầu, thêm thực ấp hai nghìn hộ, gồm cả trước đó là ba nghìn năm trăm hộ. Lại truy tặng cho cha của Nhân là Sí thuy là Trần mục hầu, để cho mười nhà canh giữ mộ. Sau cho triệu Nhân về đóng ở huyện Uyển.

Tôn Quyền phái tướng là Trần Thiệu đánh lấy Trương Dương, triều đình hạ chiếu cho Nhân đánh dẹp. Nhân cùng với Từ Hoảng công phá Thiệu, rồi tiến vào Trương Dương, sai tướng quân Cao Thiên Đẳng dời dân chúng nương nấu ở phía nam sông Hán về bắc sông Hán, Văn Đế phái sứ giả đến lập tức bái Nhân làm Đại tướng quân. Lại hạ chiếu cho Nhân dời đến đóng quân ở Lâm Dĩnh, thăng làm Đại tư mã, cho thống lĩnh chư quân giữ Ô Giang, rồi về đóng quân ở Hợp Phì. Năm Hoàng Sơ thứ tư chết, được ban thụy hiệu là Trung hầu.

[Ngụy thư chép: Bảy giờ Nhân được năm mươi sáu tuổi.]

[Phó Tử nói: Cái dũng Tào Đại tư mã, Bôn, Dục⁽²⁰⁾ chẳng hơn được. Trương Liêu cũng được kể vào hàng ấy.]

Con của Nhân là Thái nối tự, làm quan đến chức Trấn đông tướng quân, được ban Giả tiết, rồi chuyển phong tước Ninh Lăng hầu. Thái chết, con là Sơ nối tự. Lại phân phong cho em của Thái là Giai và Phạm, đều làm Liệt hầu, còn Ngưu Kim làm quan đến chức Hậu tướng quân.

Em của Nhân là Thuần, ban đầu làm Nghị lang tham dự việc quân giúp Tư Không.

[Anh hùng ký chép: Thuần tự Tử Hoà. Năm mười bốn tuổi cha mất, cùng với người anh sinh đôi là Nhân ở riêng. Thuần nối nghiệp cha, giàu có nhiều tiền của, đây tớ người hầu có mấy trăm, Thuần ra kỹ cương quản lý nghiêm khắc, chẳng mất đạo lý, người làng đều cho là có tài. Thuần thích học vấn, kính ái kẻ kẻ sĩ có học, học sĩ nhiều người theo về, bởi thế xa gần đều xưng tụng. Năm mười tám tuổi, làm Hoàng môn thị lang. Năm hai mươi tuổi, theo Thái tổ đến Trương Ấp mộ binh, sau thường theo đi chinh chiến.]

Thuần đốc xuất quân kỵ hổ báo theo đi vây Nam Bì. Viên Đàm ra đánh, sĩ tốt chết rất nhiều. Thái tổ định đình chỉ tấn công, Thuần nói: “Nay đi nghìn dặm đánh địch, tiến chẳng thể thắng được, lui tất mất uy thế; vả lại quân cô lập thâm nhập đất địch, khó cầm giữ được lâu. Bên kia thắng mà kiêu căng, ta bại mà cảnh giác, lấy cái cảnh giác đối phó với cái kiêu căng, hẳn có thể

thắng được.” Thái tổ khen lời ấy, liền gấp rút đánh, Đam bại trận. Thuần chỉ huy quân kỵ thủ hạ chém được thủ cấp của Đam. Lúc bắc chinh ba quận, quân bộ kỵ của Thuần bắt được Thiên Vu⁽²¹⁾ là Đạp Đốn. Vì có công lao trước sau, Nhân được phong tước Cao Lăng đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ. Khi theo đi đánh Kinh Châu, truy đuổi Lưu Bị ở Trường Bản, bắt được xe truy trọng và hai con gái của Bị, thu gom được binh tốt tàn mạt của Bị. Lại tiến đến thu hàng Giang Lăng, rồi theo về Tiêu huyện. Năm Kiến An thứ mười lăm chết. Văn Đế lên tức vị, truy thụy cho Thuần là Uy hầu.

[Ngụy thư chép: Quân kỵ hô báo do Thuần đốc xuất, đều là những kẻ kiêu dũng trong thiên hạ, hoặc là lấy từ chỗ trăm người bù bổ vào, Thái tổ cho là khó chọn được người thống lĩnh. Thuần được tuyển làm người đốc trách, vô về phủ dụ rất được lòng người. Lúc xong việc, hữu ti bầm bạch tuyển người thay thế, Thái tổ nói: “Thuần được chọn rồi, sao có thể chọn lại được! Ta không tin Đốc quân của mình sao?” Rồi không tuyển lại.]

Con Thuần là Diễn nối tự, làm quan đến chức Lĩnh quân tướng quân, năm Chính Nguyên trung được tấn phong tước Bình Lạc hương hầu. Diễn chết, con là Lượng nối tự.

TÀO CHÂN TRUYỆN

Tào Chân tự Tử Đan, là con cháu trong họ tộc của Thái tổ. Thái tổ khởi binh, cha của Chân là Thiệu chiêu mộ binh lính, bị châu quận giết hại.

Ngụy lược chép: Chân gốc họ Tân, được họ Tào nuôi dưỡng. Có người nói rằng cha của Chân là Bá Nam ngày trước có giao hiếu với Thái tổ. Năm Hưng Bình mạt, bè lũ bộ đảng của Viên Thuật đánh cướp nhà Thái tổ, Thái tổ chạy ra, bị bọn cướp đuổi theo, liền trốn vào nhà họ Tân, Bá Nam mở cửa chứa chấp. Bọn cướp hỏi Thái tổ ở đâu, đáp rằng: “Chính là ta đây.” Liền bị hại. Vì thế Thái tổ nghĩ đến công lao, cho Chân đổi sang họ của mình.

Ngụy thư chép: Thiệu vì rất một lòng trung thành mà có tài trí, được Thái tổ tin tưởng thân gần. Năm Sơ Bình trung, Thái tổ hưng nghĩa binh, Thiệu chiêu mộ binh lính, theo Thái tổ đi khắp nơi. Bấy giờ Thứ sử Dự Châu là Hoàng Uyển muốn hại Thái tổ, Thái tổ tránh được nhưng riêng Thiệu bị hại

Thái tổ thương Chân mồ côi sớm, đem về nuôi dưỡng cùng với các con mình, cho ở cùng với Văn Đế. Chân có lần đi săn, bị con hổ đuổi, Chân ngoảnh lại bắn hổ, nghe tiếng dây cung thì hổ đã ngã ngựa. Thái tổ khen Chân là bậc chí dũng, sai năm quân kỵ hổ báo. Chân đánh dẹp giặc Linh Khâu, hạ được, được phong tước Linh Thọ đình hầu⁽²²⁾. Sau lấy Chân làm Thiên tướng quân dẫn binh tập kích biệt tướng của Lưu Bị ở Hạ Biện, phá được, Chân được bái làm Trung kiên tướng quân. Chân theo đến Trường An, lĩnh chức Trung lĩnh quân. Bấy giờ, Hạ Hầu Uyên chết ở Dương Bình, Thái tổ lo lắng. Lập tức dùng Chân làm Chinh Thục hộ quân, đốc xuất bọn Từ Hoảng đánh phá Biệt tướng của Lưu Bị là Cao Tường ở Dương Bình. Thái tổ thân đến Hán Trung, triệt quân trở về, sai Chân đến Vũ Đô nghênh đón bọn Tào Hồng về đóng đồn ở Trần Thương. Văn Đế tức vương vị, lấy Chân làm Trấn tây tướng quân, ban cho Giả tiết, đô đốc các việc quân sự ở hai châu Ung, Lương. Xét công lao trước sau, tấn phong Chân làm Đông hương hầu.

Bọn Trương Tiến làm phản ở Tửu Tuyền, Chân phái Phí Diệu đến đánh dẹp phá xong, chém được bọn Tiến. Năm Hoàng Sơ thứ ba về kinh đô, dùng Chân làm Thượng quân Đại tướng quân, thống lĩnh các việc quân sự trong ngoài, ban cho Giả tiết việt. Chân cùng với bọn Hạ Hầu Thượng đi đánh Tôn Quyền, đánh đồn Ngưu Chử, phá được. Chân được đổi phong làm Trung quân Đại tướng quân, gia thêm chức Cấp sự trung. Năm Hoàng Sơ thứ bảy, Văn Đế ốm nặng, Chân cùng với bọn Trần Quân, Tư mã Tuyên vương nhận di chiếu phụ chính. Minh Đế lên tức vị, tấn phong Chân làm Thiệu Lăng hầu, thăng lên làm Đại tướng quân.

Thần Tùng Chi xét: Cha của Chân tên Thiệu. Phong cho tước Thiệu Lăng hầu, nếu chẳng phải là sách chép lầm, thì là việc chẳng thể nào luận nổi.

Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, ba quận Nam An, Thiên Thủy, An Định làm phản hưởng ứng Lượng. Đé phái Chân đốc chư quân đóng ở huyện Mi, phái Trương Cáp đánh tướng của Lượng là Mã Tắc, đại phá Tắc. Bọn Dương Điều ở An Định bức hiệp quan lại dân chúng chiếm cứ thành một tháng trời, Chân tiến quân vây thành. Điều bảo mọi người rằng: “Đại tướng quân tự đến, ta xin hàng sớm cho xong.” Bèn tự trói mình ra thành. Ba quận đều bình. Chân thấy Lượng đã bị trùng trị ở Kỳ Sơn, lần ra xuất quân thết theo lối Trần Thương, bèn sai tướng quân Hác Chiêu, Vương Sanh⁽²³⁾ thủ giữ Trần Thương, tu sửa thành ấy. Mùa xuân năm sau, quả nhiên Lượng vây Trần Thương, vì đã có phòng bị nên địch không thể thắng nổi. Chân được tăng thực ấp, cộng cả lúc trước là hai nghìn chín trăm hộ. Năm thứ tư, Chân được triệu về Lạc Dương, thăng chức Đại tư mã, cho được mang kiếm lên thượng điện, vào triều không phải rảo bước. Chân cho rằng “Thực liên tục xuất quân xâm phạm biên cảnh, nên lập tức thảo phạt. Cho mấy đạo quân cùng tiến vào, có thể thắng được.” Đé theo kế ấy. Chân đem binh tiến sang Tây đánh dẹp, Đé thân đến tiến đưa. Chân vào tháng tám xuất phát từ Trường An, theo đường Tý Ngọ ở phía Nam tiến vào. Từ Mmã Tuyên vương ngược sông Hán, hẹn hội quân ở Nam Trịnh. Chư quân hoặc từ đường Tà Cốc, hoặc từ Vũ Uy tiến vào. Gặp lúc mưa dầm hơn ba mươi ngày, ngờ rằng đường sạn đạo bị đứt tuyệt, có chiếu cho Chân kéo quân về.

Chân thời trẻ cùng với người trong họ là Tào Tuân, người làng là Chu Tán đều thờ Thái tổ. Tuân, Tán chết sớm, Chân thương xót họ, xin chia thực ấp của mình phong cho con của Tuân và Tán. Có chiếu rằng: “Quan Đại tư mã trước đây là Thúc Hượng nhân từ phủ dụ con cô, nhất định chia phần cho Án Bình theo ước hẹn ngày trước⁽²⁴⁾. Bậc quân tử phải là người cao thượng, trăm đồng ý chia thực ấp của Chân cho con của Tuân và Tán, ban cho tước Quan nội hầu, mỗi người được phân một trăm hộ.” Chân mỗi khi xuất chinh, cùng tướng sĩ chung lao khổ, đồ ban thưởng trong quân không đủ, Chân liền đem gia tài ra chia cho quân sĩ, sĩ tốt đều nguyện theo mệnh. Chân bị bệnh quay về Lạc Dương, Đé thân hành đến tận nhà thăm bệnh. Chân chết, được ban thụy hiệu là Nguyên hầu. Con Chân là Sảng nối tự. Đé đoái nghĩ đến công lao của Chân, xuống chiếu rằng: “Đại tư mã hành vi trung trinh tiết tháo, phò tá chính sự cho nhị tổ⁽²⁵⁾, trong chảng cậy ân sủng của kẻ thân thích, ngoài chảng kiêu căng với kẻ sĩ nghèo hèn, có thể gọi là người có tài giữ vững được địa vị, có công mà khiêm nhường, ấy là đức tốt vậy. Vì thế phong cho tất cả năm con của Chân là Hi, Huấn, Tắc, Ngạn, Ngai đều được làm Liệt hầu.” Khi trước Văn Đế chia thực ấp của Chân hai trăm hộ, ban cho em của Chân là Bân là Liệt hầu.

[CHÚ THÍCH]

(1) Là võ tướng, công thần của Hán Cao Tổ.

(2) Hạ Hầu mù.

(3) Châu châu phá hại mùa màng.

(4) Đây không phải là hàm Đại tướng quân của triều đình, chỉ là Đại tướng cầm một cánh quân do Tào Tháo phong cho.

(5) Rợ Nhung quấy rối biên ải nước Tấn, Ngụy Giáng làm tướng, ký hoà ước với rợ Nhung, hai bên không xâm phạm bờ cõi của nhau, vua Tấn thưởng cho Ngụy Giáng một đội quân nhạc.

(6) Trong nguyên tác chữ Hán, chỗ này, sau chữ ‘Thái tổ đóng quân’, Trần Thọ có thêm mấy chữ ‘kích phá Lã Bố quân’, để trong dấu ngoặc tròn, chẳng hiểu hàm ý ra sao, có phải chẳng là những quân sĩ này là đám quân sĩ tham gia khi đánh Lã Bố ngày trước? Xin không dịch vì thấy chẳng có nghĩa gì.

(7) Chỗ này, thực ý của Đôn là muốn làm quan nhà Ngụy để bày tỏ lòng trung với Tào Tháo mà thôi, xem ra Đôn thật sự là kẻ tầm thường.

(8) Đôn từng giữ chức Phục Ba tướng quân.

(9) Nguyên công tức là công thần đời đầu tiên, khai quốc công thần.

(10) Không biết tích này là thế nào?

(11) *Thiên hạ đại loạn, mất mùa đói kém, Uyên đem vứt bỏ con mình, để có đủ lương thực nuôi con cô của người em, nghĩa khí ít người bằng.*

(12) *Trọng Ni tức thầy Khổng Tử. Khổng Tử được Nhan Hồi, khen Hồi rằng mình chẳng bằng Nhan Hồi được, Tào Tháo khen như thế là tán tụng cái tài của Uyên vậy.*

(13) *Câu này nguyên văn là ‘Bị dạ thiêu vi lộc giác’. Cái chữ ‘lộc giác’ nghĩa đen là cái sừng hươu, có thể tạm hiểu là, ngày xưa, khi lập doanh trại, người ta dùng cây gỗ vót nhọn cắm xuống đất để cản trở quân địch tấn công.*

(14) *Cựu huân tức là cựu thần có công lao.*

(15) *Tiền nhân tức là cách gọi kính trọng người cha đã chết của mình.*

(16) *Chung Dục, là con Chung Do, anh Chung Hội.*

(17) *Tướng ở đất Yên, tướng ở đây là kiêu như chức Thừa tướng.*

(18) *Thiên tử phong cho Nhân chức quận thú, Tào Tháo quý tài của Nhân, nghĩ rằng để làm quận thú thì lãng phí tài năng.*

(19) *Tào Nhân làm Chinh Nam tướng quân, làm việc theo pháp lệnh, Tào*

Phi khuyên Tào Chương rất nên làm giống như Tào Nhân.

[\(20\)](#) *Mạnh Bôn, Hạ Dục, đều là những dũng tướng nổi danh thời Xuân Thu.*

[\(21\)](#) *Thiên vu là chúa một bộ tộc Hung Nô.*

[\(22\)](#) Không biết giặc Linh Khâu là giặc gì? Ít thấy Tam Quốc nhắc đến tên thứ giặc này. Hay là bọn giặc trú ở gò Khâu, vì sau khi đánh hạ quân giặc, Chân được phong tước Linh Thọ đình hầu?

[\(23\)](#) Trần Thọ bắt nhất trong ghi chép hoặc lầm lẫn tên người, hay người chép sách chép lầm, theo nhiều sử liệu ghi chép về đoạn này thì viên tướng ở Trần Thương với Hác Chiêu chính là Vương Song.

[\(24\)](#) Thúc Hượng là quan đại phu nước Tấn; An Bình tức An Bình Trọng, là quan đại phu nước Tề, không hiểu sự tích này ra sao?

[\(25\)](#) Tào Tháo, Tào Phi.

QUYỀN 10 - TUÂN ÚC TUÂN DU GIẢ HỦ TRUYỆN

Tuân Úc, Tuân Du, Giả Hủ

TUÂN ÚC TRUYỆN

Tuân Úc tự Văn Nhược, người quận Dĩnh Xuyên huyện Dĩnh Âm. Tổ phụ là Thục, tự Quý Hoà, làm Lãng Lãng lệnh. Thời nhà Hán khoảng những năm đời Thuận-Hoàn, nổi danh đương thời. Có tám người con, hiệu là Bát Long. Cha Úc là Côn, làm tướng ở Tế Nam. Chú là Sảng, làm Tư không.

Tục Hán thư chép: Thục có tài cao, Vương Sương-Lý Ứng đều coi là thầy, là hầu tướng ở Lãng Lãng, có danh hiệu là Thần Quân.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Thục học rộng cao siêu khôn lường, cùng với Lý Cố-Lý Ứng có cùng chí hướng kết giao thân thiết, đề bạt Lý Chiêu làm tiểu lại, là bạn người chú của Vua là Độ từ thuở ấu thơ, được Hiến lương phương chính cho vời đến, xét hỏi đến các việc cấp thiết về Lương thị, rồi bỏ nhiệm ra ngoài làm hầu tướng ở Lãng Lãng, chết khi làm quan. Có tám người con là: Kiệt, Côn, Tĩnh, Đảo, Sân, Sảng, Túc, Phu. Sảng tự Từ Minh, lúc nhỏ đã hiếu học, năm mười hai tuổi, lầu thông kinh Xuân Thu-Luận Ngữ, rất thích nghiên ngẫm kinh sách điển cố, chẳng chịu vâng mệnh làm quan, đến tận năm ba mươi tuổi. Đông Trác nắm chính sự, lại cho vời Sảng, Sảng định bỏ trốn, quan địa phương liền giữ lại. Chiêu xuống đến quận, lập tức bãi làm Bình Nguyên tướng. Khi đi đến Uyển Lãng, lại cho người đuổi theo bãi làm Quang Lộc huân. Coi xét việc được ba ngày, có sách mệnh bãi làm Tư Không. Sảng phát lên từ kẻ áo vải, sau chín mươi lăm ngày mà ngôi vị đến chức Tam công. Trước đây Thục ở phía tây làng Hào, huyện lệnh Uyển Khang nói rằng ngày xưa họ Cao Dương có tám người con tài giỏi, nên gọi làng ấy là làng Cao Dương. Tĩnh tự Thúc Từ, cũng là người rất có đức, danh vọng gần như Sảng, chung thân đi ở ẩn.

Dật sử truyện của Hoàng Phủ Mật kể: Có người hỏi Hứa Tử Tương, rằng Tĩnh với Sảng ai hiền hơn? Tử Tương nói: “Hai người đều là ngọc báu vậy, Từ Minh sáng rọi ở ngoài, Thúc Từ thấm nhuận ở bên trong.”

Thời Úc còn niên thiếu, Hà Ngung ở Nam Dương cho là người khác thường, nói rằng: “Đây là người có tài vương tá vậy.”

Diễn lược chép: Trung thường thị Đường Hành muốn đem con gái người vợ cả phó thác cho người ở Nhữ Nam là Công Minh, Công Minh không lấy, mới chuyển qua cho Úc. Cha Úc là Côn hâm mộ gia thế Hành, cho Úc lấy người ấy làm vợ. Úc bàn luận và chê việc ấy.

Thần Tùng Chi xét: Hán kỷ nói rằng Đường Hành chết năm Diên Hi thứ bảy thời Hoàn Đế, tính ra Úc lúc đó mới có hai tuổi, tất cái ngày hôn sự của Úc, Hành chết đã lâu rồi. Nói rằng Côn hâm mộ gia thế Hành là chẳng đúng vậy. Thần Tùng Chi lại cho rằng Côn là một người trong Bát Long, tất chẳng thể cầu thả được, mà có gì bức bách nhau đâu, sao nói rằng Úc hâm

mộ gia thế Đàng vậy? Xưa kia Trịnh Hốt khước từ Tề hầu bị khuyên trách, Tuân Sinh cự tuyệt Hoắc hầu được ngợi khen, trách ở chỗ đánh mất nước viện trợ, khen ở chỗ biết lo xa, đã không có cái hại từ việc đoạn tuyệt thâm giao, cho nên mỗi bên cứ theo chí mình mà làm. Đến chuyện yêm thụ lộng hành, bốn bề nín thở; Tả Quán-Đường Hành, cái sống cái chết ở miệng. Thế nên bây giờ ngạn ngữ có câu rằng “Tả hồi thiên, Đường độc toạ”, là nói đến cái uy quyền tuyệt đối có một không hai vậy. Thuận theo thì lục thân an lành, ngược tất đại họa đến ngay; thật là lấy sinh tồn đối diệt vong, đội sỉ nhục để mong một ngày an toàn. Xưa Trương Hủ gả con gái cho họ Vương, không hề tổn hại đến tiết tháo thanh cao, Côn chấp thuận cuộc hôn nhân ấy, có hại gì đâu!

Năm Vĩnh Hán nguyên niên, Úc được tiến cử làm Hiếu Liêm, bái làm Thủ cung lệnh. Đồng Trác làm loạn, tìm người ra ngoài bổ nhiệm làm lại. Phong cho Úc làm Kháng Phụ lệnh, Úc liền bỏ quan về quê, bảo với các vị phụ lão rằng: “Dĩnh Xuyên, là đất tứ bề thụ địch, khi thiên hạ có biến, thường là chỗ binh đao tranh giành, nên kíp bỏ mà đi, không ở lại lâu được.” Người trong làng đa phần nhớ đất cũ còn do dự, gặp lúc người đồng quận là Ký châu mục Hàn Phúc sai quân kỵ đến đón Úc, tuyệt chẳng có ai đi theo, một mình Úc dẫn người trong họ đến Ký Châu. Nhưng Viên Thiệu đã cướp được ngôi vị của Phúc, lấy lễ thượng tôn đối đãi Úc. Em trai Úc là Kham cùng người đồng quận là Tân Bình-Quách Đồ, đều nhậm chức ở chỗ Thiệu. Úc liệu rằng Thiệu sau này chẳng thể thành đại sự, thời ấy Thái Tổ làm Phấn vũ Tướng quân, ở Đông Quận, năm Sơ Bình thứ hai, Úc bỏ Thiệu theo Thái Tổ. Thái Tổ rất hài lòng nói: “Người là Tử Phòng của ta vậy.” Liền lấy làm Tư mã, năm ấy Úc hai mươi chín tuổi. Bây giờ, Đồng Trác oai lấn thiên hạ, Thái Tổ đem việc ấy hỏi Úc, Úc nói: “Trác bạo ngược quá lắm, ắt hẳn sau sẽ loạn, không thể giúp y được.” Trác sai bọn Lý Thôi ra khỏi cửa Đông, cướp giết suốt dọc đường, đến tận Dĩnh Xuyên-Trần Lưu mới quay về. Những người làng của Úc ở lại khi trước đa phần bị cướp bóc giết hại.

Năm sau, Thái Tổ lĩnh chức Duyệt châu mục, sau làm Trấn đông Tướng quân, Úc thường làm Tư mã đi theo. Năm Hưng Bình nguyên niên, Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, Úc ở lại gánh vác công việc. Lúc Trương Mạc-Trần Cung cướp lấy Duyệt châu tạo phản, ngầm nghênh đón Lã Bố. Bố đến nơi, Mạc bèn sai Lưu Dực đến bảo Úc rằng: “Lã tướng quân lại giúp Tào sứ quân đánh Đào Khiêm, nên mau chóng cung cấp lương thực cho quân lính.” Chúng đều nghi hoặc. Úc đoán Mạc làm loạn, lập tức chinh đốn quân binh cắt đặt sẵn sàng, rồi cho người đi gấp đến triệu Thái thú Đông quận là Hạ Hầu Đôn, mà các thành ở Duyệt châu đều hưởng ứng Lã Bố. Thời ấy tất cả quân của Thái Tổ đang đánh Đào Khiêm, binh giữ nhà ít ỏi, mà tướng lĩnh quan lại đa phần cùng với Mạc-Cung thông mưu. Đôn đến, ngay đêm ấy giết

những kẻ mưu phản liền mấy chục người, bụng chúng mới yên. Thứ sử Dự Châu là Quách Công dẫn binh chúng mấy vạn người đến dưới thành, có người nói Công cùng với Lã Bố đồng mưu, chúng đều sợ. Công xin gặp Úc, Úc muốn đi. Bọn Đôn nói: “Tướng quân, cả châu chỉ còn chỗ này yên ổn, đi tất nguy, không nên.” Úc nói: “Công cùng với bọn Mạc, chẳng phải có kết giao từ trước vậy, nay họ thốt nhiên đến, mưu kế hẳn chưa định; nhân lúc họ chưa định kế ta đến thuyết họ, dù họ chẳng để ta sử dụng, cũng có thể khiến họ ở trung lập, nếu ta nghi ngờ họ trước, họ sẽ tức giận mà định kế vậy.” Công thấy Úc không có ý sợ hãi, mới bảo rằng Quyên thành chưa bị vây đánh, rồi dẫn binh quay về. Úc lại cùng Trình Dục bày kế, sai người đi thuyết Phạm huyện và Đông A, sau giữ toàn vẹn được ba thành, để đợi Thái Tổ. Thái Tổ từ Từ Châu quay về đánh Lã Bố ở Bộc Dương, Bố chạy về phía đông. Năm thứ hai mùa hạ, Thái Tổ đóng quân ở Thừa Thị, năm ấy đói lớn, người phải ăn thịt lẫn nhau.

Đào Khiêm chết, Thái Tổ muốn đoạt lấy Từ Châu, toan quay về dẹp Bố. Úc nói: “Xưa Cao Tổ giữ Quan Trung, Quang Vũ chiếm cứ Hà Nội, đều là rễ sâu bèn gốc để khắc chế thiên hạ, tiên đủ để thắng địch, lui đủ để giữ vững, cho nên dầu có nguy khốn bại trận mà về sau nên đại nghiệp. Tướng quân vốn lấy Duyện châu để khởi sự, khó nhọc bình định đất Sơn Đông, trăm họ chẳng ai không quy tâm bội phục. Và lại vùng Hà-Tế, là yếu địa trong thiên hạ, nay tuy hoang tàn tan lổ, cũng đủ yên ổn để tự giữ mình, nơi ấy cũng là Quan Trung-Hà Nội của tướng quân vậy, chẳng thể bỏ mà không bình định trước vậy. Nay hãy phá Lý Phong-Tiết Lan, nếu chia binh về đông đánh Trần Cung, Cung tất chẳng dám ngoảnh về tây, ta nhân lúc địch sơ hở đưa binh đến thu lấy lúa mạch đã chín, tiết kiệm lương ăn tích trữ thóc gạo, một lần cử sự mà Bố có thể phá được vậy. Bố đã bị phá, về sau liên kết với Dương châu ở phía Nam, cùng đánh Viên Thuật, chiếm lấy vùng Hoài-Tứ. Nếu bỏ Bố mà sang đông, lưu nhiều binh ở lại thì chẳng đủ binh để dùng, lưu ít binh ở lại tất toàn dân phải giữ thành, chẳng có người kiếm củi cắt cỏ. Bố thừa hư đến cướp, dân tâm nguy khốn, chỉ có Quyên thành, Phạm huyện, Vệ huyện có thể an toàn, ngoài ra chẳng thể tự giữ được, thế là không có Duyện châu nữa vậy. Nếu Từ châu không bình định được, tướng quân sẽ về đâu? Và lại Đào Khiêm dầu đã chết, Từ châu cũng không dễ gì mất được. Bên kia thua trận năm trước bị trừng trị, vì sợ hãi mà cầu kết với nhau, trong ngoài kết hợp. Nay phương đông đã vào mùa thu lúa mạch, ắt hẳn họ sẽ chắc thành bền lũy để đợi tướng quân, tướng quân đánh chẳng hạ được thành, đánh cướp mà không có lương thảo, bất quá chừng mười ngày, tất mười vạn quân chưa bị đánh mà tự nguy khốn vậy. Trước kia đánh Từ châu, quân uy hình phạt rất nặng, con em họ nhớ đến cái nhục của cha anh, tất người ta sẽ cố tự thủ, không có ý hàng, nên có thể phá được họ, nhưng chẳng thể lấy được cả Từ châu vậy. Làm cái việc ấy là bỏ chỗ này đi lấy chỗ kia, đem cái

lớn đôi lấy cái nhỏ, đem yên đôi lấy nguy vậy, cái thế quyền biến nhất thời, không lo đến gốc chẳng thể bền chắc được. Nay ba phương chẳng ai là không tư lợi, xin tướng quân nghĩ kỹ cho.” Thái tổ mới thôi. Thu lúa mạch xong, lại cùng với Bồ giao chiến, lại chia binh đi bình định các huyện. Bồ thua trận bỏ chạy, Duyệt châu mới bình được.

Thần Tùng Chi cho rằng vào thời ấy Từ châu chưa bình định, người Duyệt châu lại làm phản, mà nói rằng binh chúng đông mười vạn, dầu chỉ là lời bàn ước phỏng, song ở chiến dịch Quan Độ, chẳng đã kể rằng binh không đủ một vạn đây thôi.

Tào Man truyện kể rằng: Bởi kinh sư gặp loạn Đông Trác, nhân dân phiêu dạt về đông, đa phần nương náu ở quanh vùng Bành Thành. Gặp lúc Thái tổ đến, chôn sống giết chóc mấy vạn nam nữ ở cửa sông Tứ, khiến nước chẳng chảy được. Đào Khiêm thống suất mọi người ở đây đóng giữ Vũ Nguyên, Thái tổ không tiến được. Bèn dẫn quân theo phía nam sông Tứ tấn công các huyện Thủ Lự-Tuy Lãng-Hạ Khâu, đều đánh giết sạch cả; đến con gà con chó cũng diệt hết, nơi thôn ấp không còn bóng người qua lại.

TUÂN DU TRUYỆN

Tuân Du tự Công Đạt, là cháu của Úc. Tổ phụ là Đàm, là Thái thú Quảng Lăng.

Tuân thị gia truyện⁽¹⁾ chép: Đàm tự Nguyên Trí. Anh là Dục, tự Bá Tu.

Hán kỷ của Trương Phan khen Dục, Đàm đều có tài hơn người. Dục cùng với bọn Lý Ứng, Vương Sương, Đỗ Mật có danh hiệu là Bát tuấn, ngôi vị đến Bái tướng. Cha của Du là Di, làm Tòng sự trong châu. Di với Úc là anh em con chú con bác ba đời.

Du mồ côi từ nhỏ. Khi Đàm chết, có kẻ lại cũ là Trương Quyền xin coi giữ mộ phần của Đàm. Năm Du mười ba tuổi, hoài nghi việc ấy, bảo với người chú là Cù rằng: “Kẻ lại ấy có sắc diện phi thường, ngờ rằng là kẻ gian tà!” Cù ngộ ra, bèn tìm cách tra hỏi, quả nhiên là tên giết người bỏ trốn. Bởi thế lấy làm lạ về Du.

Ngụy thư chép: Năm Du được bảy, tám tuổi, Cù từng say rượu, hiểu lầm Du; về sau Du ra ngoài rong chơi, thường lánh mặt không muốn cùng với Cù tương kiến. Sau này Cù nghe chuyện ấy, mới kinh sợ vì Du sớm hiểu biết đến như thế.

Tuân thị gia truyện chép: Con của Cù là Kỳ, tự Bá Kỳ, cùng với người chú họ là Âm đều nổi danh. Những lời Kỳ cùng với Khổng Dung luận về nhục hình⁽²⁾, lời Âm cùng với Khổng Dung luận về những điều hơn kém của thánh nhân, đều chép ở Dung tập⁽³⁾. Kỳ làm quan đến Thái thú Tế Âm; Âm về sau được vời làm Hữu đạo, rồi làm đến chức Thừa tướng Tế tửu.

Hà Tiến cầm quyền chính, cho vời những người có danh ở trong nước ra làm quan như bọn Tuân Du được hơn hai mươi người. Du đến nơi, được bái làm Hoàng môn Thị lang. Loạn Đông Trác, binh Quan Đông nổi dậy, Trác dời đô về Trường An. Du cùng với bọn Nghị lang là Trịnh Thái, Hà Ngung, Thị trung là Chung Tập, Việt kỵ Hiệu úy là Ngũ Quỳnh bàn tính rằng: “Đông Trác vô đạo, còn hơn cả Kiệt, Trụ⁽⁴⁾, thiên hạ đều oán hận, dẫu rằng có binh mạnh, thật ra chỉ là kẻ thất phu mà thôi. Nay chúng ta trực tiếp đâm chết y để tạ tội với trăm họ, rồi sau đó chiếm cứ vùng Hào, Hàm⁽⁵⁾, phù tá quân vương, lấy đó để hiệu triệu thiên hạ, ấy là việc làm của Hoàn, Văn⁽⁶⁾ vậy.” Việc sắp nên thì bị phát giác, Ngung, Du bị bắt hạ ngục, Ngung lo sợ tự sát. Còn Du vẫn nói năng ăn uống tự nhiên, khi Trác chết, Du được thoát.

Ngụy thư nói rằng Du sai người đến thuyết phục Trác nên được thoát, điều ấy với bốn truyện bất đồng.

Hán kỷ của Trương Phan chép: Ngung tự Bá Cầu, thời trẻ cùng với bọn

Quách Thái, Giả Bưu du học ở Lạc Dương, bọn Thái đều thích phong cách của Ngung. Ngung nổi danh ở nhà Thái học, vì thế các danh thần ở trong triều là bọn Thái phó Trần Phồn, Tư lệ Lý Ung đều rất muốn giao kết với Ngung. Lúc tai hoạ bè đảng nổ ra, Ngung cũng có tên trong danh sách, bởi thế phải đổi danh tính trốn tránh ở vùng Nhữ Nam, giao kết với các hào kiệt ở đất ấy. Ngung đã cho Thái tố là người kỳ lạ, lại nhận biết được Tuân Úc, Viên Thiệu rất hâm mộ Ngung, giúp cho chạy trốn đến chỗ bạn bè. Bảy giờ sẽ đại phu trong thiên hạ đã phân gặp cái hoạ bè đảng, mỗi năm Ngung một mình tới Lạc Dương vài ba bận, cùng với Thiệu mưu tính, cứu giúp những kẻ sĩ cùng quân thoát khỏi hoạ hoạn. Nhưng Viên Thuật cũng là kẻ hào hiệp, cùng với Thiệu tranh dành danh vọng. Ngung chưa lần nào đến chỗ Thuật, Thuật rất căm giận Ngung.

Hán mạt danh sĩ lục chép: Thuật từng ngòi với mọi người kể ra ba tội của Ngung, rằng: “Vương Đức Di trước đây là người hiểu biết, tài tuấn lão luyện, danh vọng đức độ thanh cao, mà Bá Cầu xem thường ông ấy, đó là một tội. Hứa Tử Viễn là kẻ hung dâm, tính hạnh bất thuần, mà Bá Cầu thân gần với hắn, đó là hai tội. Quách, Giả là bọn nghèo hèn khốn khổ, không có tiền nông sản nghiệp gì, mà Bá Cầu cười ngửa béo, mặc áo cừu nhẹ, sáng choang ở trên đường, đó là ba tội vậy⁽⁷⁾.” Đào Khâu Hồng⁽⁸⁾ nói: “Vương Đức Di là người đại hiền nhưng ít khi cứu giúp người ta, Hứa Tử Viễn dẫu bất thuần nhưng lặn lội cứu người trong hoạn loạn chẳng chút chậm chân. Bá Cầu tiến cử việc thiện thì lấy Đức Di làm đầu, nói đến việc cứu giúp người ta thì cho Tử Viễn là nhất. Và lại Bá Cầu từng vì Ngu Vĩ Cao mà tự tay báo cừ, làm việc nghĩa mà thanh danh rung động⁽⁹⁾. Mà kẻ thù gia tài cự vạn, ngựa hay trăm con, lại muốn sai Bá Cầu mang trâu ốm, ngựa còi, nằm phục kích nơi đạo lộ, như thế khác nào vạch trần ngực ra mà đón ngọn dao sắc của kẻ thù vậy.” Thuật vẫn có ý bất bình. Sau cùng với người ở Nam Dương là Tôn Thừa gặp nhau ở dưới cửa khuyết, Thuật nổi giận nói: “Hà Bá Cầu, là kẻ ác đức, ta phải giết nó đi.” Thừa nói: “Hà sinh là kẻ sĩ anh tuấn, túc hạ khéo đãi ngộ hắn, sẽ được nổi danh là biết dùng kẻ sĩ trong thiên hạ.” Thuật mới thôi. Về sau lệnh cấm hạp bè đảng được cởi bỏ, Ngung được vời vào phủ làm Tư không. Mỗi khi thuộc hạ ở Tam phủ⁽¹⁰⁾ hạp bàn, sách lược mưu kế của Ngung đều hơn người khác, kẻ bàn luận đều tự cho là mình không bằng được. Ngung được thăng làm Bắc quân Trung hậu, Đồng Trác lấy làm Trưởng sử. Sau này Tuân Úc làm Thượng thư lệnh, phái người đi đưa tang thúc phụ mình là Tư không Sảng, cho đặt thi thể Ngung vào đó, đem táng bên cạnh mộ Sảng.

Du bỏ chức quan về quê, lại được vời vào Công phủ, tiến cử làm Cao đệ, rồi đổi ra làm Nhâm Thành tướng, Du không chịu đi nhậm chức. Nhân vì thấy đất Thục Hán hiểm trở mà yên ổn, nhân dân phong thịnh, Du bèn xin

làm Thái thú Thục Quận, bởi đường đất cách tuyệt không đến được, mới lưu trú lại đất Kinh Châu.

Thái tổ đón Thiên tử về huyện Hứa, gửi thư cho Du rằng: “Hiện nay thiên hạ đại loạn, ấy là lúc bậc trí sĩ phải lao tâm vậy, mà ngươi lại vào Thục Hán ngóng đợi thiên hạ có biến, chẳng là bỏ phí mất thời gian hay sao?” Lập tức cho triệu Du tới làm Thái thú Nhữ Nam, rồi về triều làm Thượng thư. Thái tổ nghe nói Du là người có danh vọng, cùng nhau nói chuyện rất hợp ý, bảo với Tuân Úc, Chung Do rằng: “Công Đạt, là người phi thường vậy, ta có được ông ấy để cùng bàn kế sách, việc thiên hạ có gì phải lo nữa đây!” Rồi lấy Du làm Quân sư. Năm Kiến An thứ ba, theo Thái tổ đi đánh Trương Tú. Du nói với Thái tổ rằng: “Tú liên hoà với Lưu Biểu, hai kẻ nương dựa vào nhau tự cho mình là cường mạnh, mà quân đội của Tú trông đợi vào lương thảo của Biểu, Biểu không thể cung cấp nổi, thế tất phải chia lìa nhau. Chi bằng ta dụng kế hoãn binh chờ đợi, có thể dụ dỗ chúng mà yên được vậy; nếu ta đánh gấp, thế tất chúng phải cứu giúp lẫn nhau.” Thái tổ không nghe, rồi tiến binh đến đất Nhưỡng, giao chiến với Tú. Tú nguy cấp, Biểu quả nhiên đến cứu. Việc quân gặp bất lợi. Thái tổ bảo Du rằng: “Ta chẳng nghe lời người mới đến nổi thế này.” Lại sắp đặt kỳ binh giao chiến tiếp, đại phá được quân của Tú.

Năm ấy, Thái tổ từ huyện Uyển đi đánh Lã Bố, đến Hạ Bi, Bố thua trận lui về cố thủ, Thái tổ vây đánh không thắng nổi, giao chiến liên miên, sĩ tốt mỏi mệt, Thái tổ muốn dẫn quân về.

Ngụy thư chép: Kẻ bàn luận nói rằng Biểu, Tú còn ở phía sau mà quay về đánh Lã Bố, thì sẽ rất nguy hiểm. Du cho rằng Biểu, Tú mới bị phá, thế tất chẳng dám vọng động. Bố là kẻ kiêu mãnh, lại nương cậy vào Viên Thuật, nếu để hẳn tung hoành ở vùng Hoài, Tứ, bọn hào kiệt tất hưởng ứng hẳn. Nay thừa lúc hẳn mới làm phản, mọi người chưa cùng một bụng, đến đánh có thể phá được. Thái tổ nói: “Hay.” Lập tức hành quân, Bố bị Lưu Bị đánh bại, bọn Tang Bá liền hưởng ứng Thái tổ.

Du cùng Quách Gia thuyết Thái tổ rằng: “Lã Bố là kẻ hữu dũng vô mưu, nay giao chiến ba trận đều thua cả, nhuệ khí đã suy rồi vậy. Ba quân lấy tướng soái làm đầu não, tướng đã suy thì quân thì quân không có ý chí phấn đấu. Trần Cung có trí mưu nhưng chậm chạp, nay chí khí của Bố chưa hồi phục, mưu kế của Cung chưa định, ta tiến đánh gấp, có thể bắt được Bố vậy.” Thái tổ bèn khơi nước sông Nghi, sông Tứ rót vào thành, thành tan lở, bắt sống được Bố.

Sau theo đi cứu Lưu Diên ở Bạch Mã, Du hoạch định kế sách chém Nhan Lương. Chuyện đã nói ở Vũ kỹ. Thái tổ lấy được thành Bạch Mã rồi quay về, đưa các xe truy trọng men sông Hoàng Hà về phía Tây. Viên Thiệu vượt Hoàng Hà truy kích, thốt nhiên gặp Thái tổ. Chư tướng đều kinh hoảng,

khuyên Thái tổ quay về bảo vệ doanh trại, Du nói: “Đây là cơ hội để bắt địch, sao lại bỏ đi nhỉ!” Thái tổ liếc nhìn Du cười. Rồi đem đồ truy trọng ra nhử bọn giặc, giặc tranh nhau chạy đến lấy, vỡ trận. Thái tổ liền tung quân bộ kỵ ra đánh, đại phá được giặc, chém được tướng quân kỵ của địch là Văn Xú, Thái tổ sau cùng với Thiệu cầm cự nhau ở Quan Độ. Lương nuôi quân sắp hết, Du nói với Thái tổ rằng: “Thiệu cho vận lương sớm tới đây, tướng của Thiệu là Hàn (Tuân Thái) dũng mãnh nhưng khinh địch, ta đánh có thể phá được vậy.” Thái tổ hỏi: “Có thể sai ai đi được?” Du đáp: “Từ Hoảng có thể đi được.”

Thần Tông Chi xem mọi thư tịch, Hàn (Tuân Thái) hoặc chép là Hàn Mãnh, hoặc gọi là Hàn Nhược, chưa rõ người đấy là ai

Thái tổ lập tức sai Hoảng cùng Sử Hoán đón đánh phá tan quân giặc, thiêu huỷ đồ truy trọng của địch. Vừa hay gặp Hứa Du đến hàng, nói rằng Thiệu phái bọn Thuần Vu Quỳnh dẫn hơn vạn binh đến tiếp ứng cho quân vận lương, tướng kiêu căng quân sĩ biếng nhác, có thể chặn đánh được. Mọi người đều nghi ngờ. Duy có Du và Giả Hủ khuyến khích Thái tổ. Thái tổ bèn lưu Du và Tào Hồng ở lại phòng giữ. Thái tổ thân chinh dẫn quân đi phá địch, chém hết được bọn Quỳnh. Tướng của Thiệu là Trương Cáp, Cao Lãm thiêu huỷ thuyền bè xe cộ đến hàng, Thiệu rút cục phải vứt bỏ quân đội chạy trốn. Trương Cáp đến hàng, Hồng nghi ngờ không dám tiếp nhận, Du bảo Hồng rằng: “Mưu kế của Cáp chẳng được dùng, mới phẫn nộ mà tới hàng, ngài còn nghi ngờ gì nữa?” Hồng bèn thu nhận Cáp.

Năm thứ bảy, Du theo đi đánh Viên Đàm, Viên Thượng ở Lê Dương. Năm sau, Thái tổ đi chinh phạt Lưu Biểu, Đàm và Thượng tranh đoạt Ký Châu. Đàm phái Tân Bì tới xin hàng cầu cứu, Thái tổ định đồng ý, đem việc ấy ra hỏi thuộc hạ. Thuộc hạ đa phần cho rằng Biểu cường mạnh, nên đánh dẹp trước đi, Đàm, Thượng chẳng đáng phải lo lắng. Du nói: “Giờ đang là lúc thiên hạ có nhiều việc, mà Lưu Biểu ngồi yên giữ lấy vùng Giang, Hán, như thế có thể biết được y không có chí khí tiến thủ bốn phương vậy. Họ Viên chiếm giữ đất đai bốn châu, binh sĩ mặc giáp chực vạn, Thiệu lấy khoan hoà hậu đãi mọi người thu được nhân tâm, ví thử hai con của Thiệu hoà mục với nhau giữ lấy Nghiệp Thành, thì việc thiên hạ khó mà yên ngay được. Nay anh em họ ghét nhau, thế hẳn là cả hai chẳng thể vẹn toàn được. Nếu như để cho họ hợp sức với nhau làm một, binh lực của họ hợp lại thì chúng ta khó mà mưu đồ được. Nhân lúc họ loạn ta đánh lấy, việc thiên hạ có thể định được vậy, cơ hội này không thể để lỡ được.” Thái tổ nói: “Hay.” Vì thế mới đồng ý hoà với Đàm, rồi quay về đánh tan Thượng. Sau này Đàm làm phản, Du theo Thái tổ đi chém Đàm ở Nam Bì. Ký châu bình định, Thái tổ dâng biểu lên Hoàng đế khen ngợi Du rằng: “Quân sư Tuân Du, phụ tá thân từ thuở ban đầu, không lần chinh chiến nào không đi theo, công lao thắng

địch trước nay, đều là mưu của Du vậy.” Đế liền phong Du làm Lăng Thụ đình hầu. Năm thứ mười hai, Đế hạ lệnh xét công lao khi trước để tiến hành phong thưởng, Thái tổ nói: “Người trung trinh chính trực có kế sách bí mật, phủ dụ kẻ trong người ngoài, ấy là Văn Nhược⁽¹¹⁾. Công Đạt là người thứ hai vậy.” Đế tăng thêm thực ấp cho Du bốn trăm hộ, cộng cả trước đó là bảy trăm hộ, thăng chức Du lên Trung quân sư. Nước Ngụy mới kiến lập, lấy Du làm Thượng thư lệnh.

Ngụy thư chép: Thái tổ từ Liễu Thành trở về, đi qua nhà Du, kể lại những mưu kế và công lao trước nay của Du, rằng: “Ngày mà thiên hạ được an định rồi, Cô nguyện sẽ cùng với các bậc hiền sĩ đại phu cùng chung hưởng yên vui. Xưa kia Cao tổ cho Trương Tử Phòng được tự chọn lấy ba vạn hộ làm thực ấp⁽¹²⁾, nay Cô cũng muốn ban cho người được tự chọn đất phong của mình.

Du là người rất kín đáo lại khéo phòng hoạ hoạn, từ khi theo Thái tổ đi chinh phạt, thường ở trong màn trướng bày mưu tính kế, người đương thời kể cả con em của Du tuyệt chẳng ai biết hai người bàn tính những gì.

Ngụy thư chép: Con trai của cô ruột Du là Tân Thao từng hỏi Du về việc Du khuyên Thái tổ lấy Ký Châu. Du nói: “Tá Trị⁽¹³⁾ vì Viên Đàm mà xin hàng, vương sư vì vậy mà bình định được đất ấy, ta có biết gì đâu?” Từ đấy Thao cùng họ hàng nội ngoại chẳng ai dám lần nữa hỏi Du về việc quân quốc đại sự nữa.

Thái tổ thường khen Du rằng: “Công Đạt ngoài mặt tỏ ra là mình ngu dốt mà bên trong có nhiều mưu kế, vẻ ngoài hèn nhát mà trong tâm dũng mãnh, bên ngoài tỏ vẻ yếu đuối mà trong bụng cương cường, chẳng hề khoa trương, không khoe công lao, bậc trí nhân mới có thể sánh cùng, người ngu chẳng thể nào theo kịp được, dẫu Nhan Tử, Ninh Vũ⁽¹⁴⁾ cũng không sao hơn được vậy.” Thời Văn Đế thời còn làm Đông cung Thái tử, Thái tổ bảo rằng: “Tuân Công Đạt, chính là người đáng bậc sư biểu, mà phải hết lòng kính lễ người ấy.” Du có lần bị ốm, Thế tử đến thăm bệnh, một mình quỳ lạy trước giường, Du được kính trọng khác thường đến như thế. Du và Chung Do có quan hệ thân thiết, Do nói: “Ta mỗi khi có hành động gì khó, nghĩ đi nghĩ lại, tự nhận thấy mình không có cách gì làm nổi; đem ra bàn tính với Công Đạt, lập tức thu được những ý kiến khác thường.” Trước sau Công Đạt vạch ra mười hai kế sách lạ kỳ, chỉ có mình Do biết được. Do biên soạn thành sách, còn chưa xong, thì chết, cho nên người đời chẳng ai thấy được những kế sách kỳ lạ ấy

Thần Tông Chi xét: Sau khi Du mất mười sáu năm, Chung Do mới chết, chép lại những kế sách lạ của Du, nào có khó gì? mà tuổi đến tám mươi rồi, còn nói là chưa soạn xong, khiến cho kỳ mưu kế sách tông chinh của Du chẳng được truyền lại ở đời, đáng tiếc thay!

Du theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, mất ở giữa đường. Thái tổ mỗi khi nhắc đến Du lại rơi nước mắt.

Ngụy thư viết: Bảy giờ là năm Kiến An thứ mười chín, Du được năm mươi tám tuổi. Xét về tuổi tác thì Du hơn Úc sáu tuổi.

Ngụy thư chép lại lời của Thái tổ rằng: “Cô cùng với Tuân Công Đạt ruổi rong hơn hai mươi năm trời, tuyệt đối không hề thấy có chút lỗi lầm nào.” Lại nói: “Tuân Công Đạt thực sự là hiền nhân vậy, có thể nói là đã ‘đạt đến mức ôn lương cung kiệm nhường được⁽¹⁵⁾.’ Khổng tử từng khen rằng ‘Án Bình Trọng⁽¹⁶⁾ khéo giao kết với người khác, ta kính trọng ông ấy đã lâu’. Công Đạt gần được như người ấy vậy.

Phó Tử nói: Có người hỏi ta về các bậc quân tử đại hiền gần đây, ta đáp rằng: “Tuân lệnh quân là bậc nhân đức, Tuân quân sư là bậc trí mưu⁽¹⁷⁾, những người ấy có thể gọi là bậc quân tử đại hiền gần đây vậy. Tuân lệnh quân lấy nhân để lập đức, sáng suốt tiến cử hiền tài, khi thi hành không hề siểm nịnh ai, mưu việc thì tùy cơ ứng biến. Mạnh Kha nói rằng ‘Cứ năm trăm năm lại có bậc vương giả nổi lên, khi ấy tất sinh ra bậc danh tiếng giúp đời’, người ấy là Tuân lệnh quân đó chăng⁽¹⁸⁾! Thái tổ từng khen ‘Tuân lệnh quân tiên việc thiện, chưa tiến cử được không chịu thôi, Tuân quân sư trừ ác, chưa trừ bỏ xong không chịu dừng’.

Con trưởng Du là Tập, có phong độ của Du, chết sớm. Con thứ Du là Thích nối tự, không có con, tuyệt tự. Năm Hoàng Sơ trung, phong cho cháu của Du là Tôn Bưu làm Lãng thụ Đình hầu, hưởng thực ấp ba trăm hộ, sau chuyển phong làm Khâu Dương đình hầu. Năm Chính Thủy trung, truy thụy hiệu cho Du là Kính hầu.

GIẢ HỦ TRUYỆN

Giả Hủ tự Văn Hoà, người quận Vũ Uy huyện Cô Tang. Thuở nhỏ người đời chẳng ai biết đến, chỉ người ở Hán Dương là Diêm Trung cho là người khác thường, nói rằng Hủ có cái tài lạ của Lương-Bình⁽¹⁹⁾.

Đến kỳ xét Hiếu liêm Hủ được làm chức Lang, vì bị ốm nặng bèn từ quan, quay về phía tây tới đất Khiên, trên đường đi gặp lúc rợ Đê làm phản, mấy chục người đi cùng đều bị bắt giữ ở đó. Hủ nói: “Ta là của cháu ngoại Đoàn công, mày đem giầu ta đi, gia đình ta tất đem tiền chuộc đến cho mày.” Bấy giờ Thái úy Đoàn Quýnh, trước đó ít lâu là tướng ở biên ải, uy chân tây thổ, Giả Hủ mượn danh để dọa rợ Đê. Rợ Đê quả nhiên không dám hại, cho người đưa đi, những người khác đều chết cả. Hủ quả thật chẳng phải là cháu ngoại của Đoàn, quyền biến để xong việc, hết thầy đại loại như thế.

Đổng Trác vào Lạc Dương, Hủ được lấy làm Thái úy duyện rồi Bình tây Đô úy, lại thăng lên làm Thảo lỗ Hiệu úy. Con rể của Trác là Trung lang tướng Ngưu Phụ đóng quân ở Thiểm tây, Hủ ở đó giúp việc quân. Trác bại vong, Phụ cũng chết, mọi người rất sợ hãi, bọn Hiệu úy Lý Thôi-Quách Dĩ-Trương Tế muốn giải tán, sắp sửa quay về quê. Hủ nói: “Nghe nói người trong thành Trường An bàn định muốn giết hết người Lương Châu, mà các ông bỏ mọi người ra đi một mình, thì một người đình trưởng cũng có thể bắt được các ông vậy. Chẳng bằng thống lĩnh mọi người ở phương tây, thu nhặt binh sĩ ở đó, vây đánh Trảng An, vì Đổng công mà báo hận, may mà nên việc, phụng sự quốc gia để chinh phạt thiên hạ, nếu chẳng xong việc, bỏ chạy cũng chưa muộn vậy.” Chúng cho là phải. Thôi bèn ở phía tây đánh Trường An. Việc này có ở truyện về Trác.

Thần là Tùng Chi cho rằng trong truyện có lời khen ngợi rằng: “Hành động nhân nghĩa, lợi khắp thiên hạ!” Đương nhiên là lời nói bất nhân, tác dụng tương phản. Nhân nghĩa, công đức rất khó thực hiện mà mầm loạn dễ thành, do đó mỗi họa một khi đã phát động thì gây hại trăm đời vậy. Vào lúc đó kẻ cầm đầu phát động họa loạn đã ra tay thì rất khó chế phục. Chiến loạn tứ phương, quốc gia phân liệt, tai ương xuất hiện liên tục. Bang quốc có nguy cơ bị diệt vong, lê dân chịu muôn điều oan khốc. Há chẳng vì lời nói suông của Giả Hủ chăng? Tội ác của Hủ, không gì to hơn! Những trận động loạn từ xưa đến nay, chưa từng thảm liệt như loạn Đổng Trác vậy!

Về sau Hủ Tả Phùng Dục, bọn Thôi định xét công cho tước hầu, Hủ nói: “Cái kế cứu mệnh ấy, có chi đáng kể!” Rồi cố từ không nhận. Chúng lại cho làm Thượng thư Bộc xạ, Hủ nói: “Thượng thư Bộc xạ, là chức trưởng trong quân, thiên hạ đều mong mỏi, tiếng tăm của Hủ chẳng đủ nặng, không thể khiến người ta phục. Thả kẻ ám muội như Hủ vào chốn vinh lợi, sao mà ra

quốc triều được!” Chúng bèn đổi bái Hủ làm Thượng thư, giữ việc tuyển cử, Hủ nhiều lần giúp đỡ cho, bọn Thôi vừa quý mến mà kiêng sợ.

Hiển Đế kỷ chép: Quách Dĩ-Phàn Trù cùng với Thôi lia bỏ nhau, mấy lần muốn đánh nhau. Hủ liền lấy đạo lý trách cứ, chúng đều nghe lời Hủ.

Ngụy thư chép: Hủ giữ việc tuyển cử, nhiều lần chọn người trước đây có danh tiếng cho làm lệnh phó, kẻ bàn luận việc ấy đều khen Hủ.

Lúc mẹ mất Hủ từ quan, được bái làm Quang lộc đại phu. Bọn Thôi-Dĩ đánh nhau ở trong thành Tràng An.

Hiển Đế kỷ chép: Bọn Thôi cùng với Hủ bàn định, đón Thiên tử vào trong doanh trại. Hủ nói: “Không nên. Bức hiếp Thiên tử, là việc phi nghĩa vậy.” Thôi không nghe. Trương Tú bảo Hủ rằng: “Chón ấy chẳng nên ở lâu, sai ngài chẳng bỏ đi?” Hủ nói: “Ta đã nhận quốc ân, nghĩa chẳng thể phản bội. Ngài hãy tự đi, ta chẳng thể đi vậy.”

Thôi lại mời Hủ làm Tuyên Nghĩa tướng quân.

Hiển Đế kỷ chép: Lúc bảy giờ Thôi triệu mấy nghìn người Khương-Hồ tới, trước tiên lấy lụa màu của vua cấp cho chúng, lại hứa ban cho đàn bà con gái ở trong cung, muốn sai chúng đánh Quách Dĩ. Người Khương-Hồ liền kéo lại chọc tường nhòm vào cửa của nhà vua, nói: “Thiên tử ở trong đó sao! Lý tướng quân hứa cho ta cung nhân mỹ nữ, nay đều ở đây ư?” Đế lo lắng, sai Hủ tính kế giúp cho. Hủ bèn ngầm gọi các đầu lĩnh người Khương-Hồ đến cho ăn uống, hứa sẽ phong tước lớn, vì thế chúng đều bỏ đi. Bởi thế mà thế lực của Thôi suy yếu đi.

Bọn Thôi lại dàn hoà, Thiên tử thoát được ra ngoài, đại thân theo giúp đỡ, ấy là nhờ vào công sức của Hủ.

Hiển Đế kỷ chép: Thiên tử đã về phía đông, nhưng Lý Thôi lại đuổi theo, vương sư đổ nát. Quan Tư đồ là Triệu Ôn, Thái thường Vương Vĩ, Vệ úy Chu Trung, Tư lệ Vinh Thiệu đều làm Thôi không vừa ý, Thôi muốn giết đi. Hủ bảo Thôi rằng: “Đấy đều là những đại thân của Thiên tử, sao ngài lại muốn hại họ?” Thôi mới dừng việc ấy.

Thiên tử đi rồi, Hủ dâng trầu thụ. Bảy giờ tướng quân Đoàn Ồi đóng ở Hoa Âm,Ồi với Hủ là người đồng quận, Hủ bỏ Thôi đi theo Ồi.

Diễn lược nói lúc bảy giờỒi ở Hoa Âm, làm ruộng, chẳng phải là giặc cướp. Thiên tử về đông, Ồi đón ở trên đường dâng cống chu cấp quà cáp.

Hiển Đế kỷ chép: Sau này Đế lấy Ồi làm Đại hồng lư Quang lộc đại phu, năm Kiến An thứ mười bốn, được chết lành.

Hủ có tiếng là người trong sạch, quân lính của Ồi rất ngưỡng vọng. Ồi trong bụng sợ bị Hủ đoạt quyền, mà bề ngoài lại cung phụng Hủ lễ nghĩa rất đầy đủ, Hủ càng thấy bất an hơn.

[CHÚ THÍCH]

(1) Truyện nhà họ Tuân.

(2) Những hình phạt phạm đến da thịt người ta.

(3) Dung tập là những sách vở, thư từ do Khổng Dung làm ra, người đời sau thống kê, ghi chép lại, gom thành một tập sách.

(4) Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương đều là những vị vua tàn bạo nổi danh trong lịch sử Trung Hoa.

(5) Tức là núi Hào và cửa Hàm Cốc.

(6) Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công, những người làm bá chủ chư hầu đời Xuân Thu.

(7) Vương Đức Di không rõ là ai? Còn Hứa Tử Viễn tức Hứa Du, người hiến kế đốt lương ở Ô Sào trong trận Quan Độ giúp Tào Tháo đánh bại Thiệu; Quách, Giả ở đây là chỉ Quách Thái, Giả Bru, là những người bạn học với Hà Ngung. Viên Thuật ở đây cho rằng mấy người ấy là bạn học, nhưng Quách, Giả nghèo túng đói rét, còn Ngung lại ăn no mặc ấm không san sẻ với bạn bè, đó là tội.

(8) Đào Khâu Hồng, tự Tử Lâm, người Bình Nguyên rất giỏi biện bác, nổi danh cùng với Khổng Dung ở Bắc Hải, Trần Lưu ở Biên Nhung.

(9) Người bạn của Ngung là Ngu Vĩ Cao có thù cha chưa báo được, Ngung đến thăm, Vĩ Cao khóc lóc kể sự tình. Ngung cảm nghĩa khí, vì Vĩ Cao báo thù, tự tay giết kẻ kia, đem đầu đến tế trước mộ cha của Vĩ Cao.

(10) Tức là ba phủ, Tư Không, Tư Đồ, Tư Mã.

(11) Là Tuân Úc vậy.

(12) Hán Cao tổ đánh thắng Hạng Vũ, cho phép đệ nhất mưu sĩ của mình là Trương Lương tự chọn lấy ba ngàn hộ làm thực ấp. Trương Lương không nhận, bỏ đi ở ẩn.

(13) Tá Trị là tên tự của Tân Bì, bản Tam quốc diễn nghĩa của cụ Phan Kế Bính dịch tên nhân vật này là Tân Tỷ.

(14) Nhan Tử là Nhan Hồi, một trong mười hai đại đệ tử của Khổng Tử, nổi tiếng là bậc tài hoa; còn Ninh Vũ, chưa rõ là ai.

(15) Có đủ các đức tính tốt đẹp, đó là ôn hoà, thuần hậu, khiêm cung, cần kiệm, nhún nhường.

(16) Bình Trọng là tên tự của Án Anh. Án Anh là tể tướng nổi danh nước Tề thời Chiến Quốc, nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa với rất nhiều điển tích

hay, một trong số đó là câu chuyện Hai quả đào giết ba dũng sĩ.

(17) Tuân lệnh quân là trở vào Tuân Úc, Tuân quân sư là trở vào Tuân Du. Úc lo việc triều chính, hết lòng tìm kiếm đề bạt những kẻ hiền tài phụng sự quốc gia; Du theo đi tòng chinh, vạch mưu định kế, quyết thắng kẻ địch, đều là hiền tài rường cột của đất nước.

(18) Mạnh Kha tức là thầy Mạnh Tử, từng đưa ra chứng lý rằng: Từ đời Nghiêu, Thuấn đến vua Thành Thang nhà Thương là trên năm trăm năm; từ Thành Thang đến vua Văn Vương nhà Chu là trên năm trăm năm; Từ Văn Vương đến thầy Khổng Tử lại chừng năm trăm năm. Thế tức là cứ trong khoảng năm trăm năm thế gian lại sinh ra bậc hiền tài.

(19) Trương Lương, Trần Bình, đều là những mưu sĩ nổi danh của Hán Cao Tổ.

QUYỂN 12 - THÔI MAO TỬ HÀ HÌNH BẢO TƯ MÃ TRUYỆN

*Thôi Diễm, Mao Giới, Từ Dịch, Hà Quy, Hình Ngung, Bảo Huân, Tư Mã
Chi*

MAO GIỚI TRUYỆN

Mao Giới tự Hiếu Tiên, người quận Trần Lưu huyện Bình Khâu. Thời trẻ làm huyện lại, vì thanh liêm công chính nên được ngợi khen. Lúc đi tránh loạn ở Kinh Châu, chưa đến nơi, nghe nói Lưu Biểu chính lệnh không nghiêm, bèn qua huyện Lỗ Dương. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Giới đến làm Trị trung tòng sự. Giới nói với Thái tổ rằng: “Nay thiên hạ tan vỡ chia lìa, quốc chủ bị di dời, sinh dân bỏ nghiệp, mất mùa đói kém lưu vong, Công gia⁽¹⁾ không năm nào có của tích trữ, trăm họ không có chí an cư, khó mà giữ được lâu. Nay Viên Thiệu, Lưu Biểu, tuy sĩ dân đông đảo cường thịnh, đều không lo tính đường xa, chưa gây dựng được cái gốc rễ nền móng vậy. Kẻ dấy binh có chính nghĩa thì thắng, giữ được địa vị bởi có tài lực, nên phụng mệnh thiên tử để ra lệnh cho kẻ không làm thần tử, chấn chỉnh việc canh tác lương thực, tích trữ quân nhu của cải, như thế thì cái nghiệp bá vương có thể thành vậy.” Thái tổ cung kính thu nhận lời ấy, chuyển Giới làm Mạc phủ Công tào.

Thái tổ làm Tư không Thừa tướng, Giới từng làm Đông tào duyện, cùng với Thôi Diễm đều chủ trì việc tuyển cử. Những người được họ tuyển cử, đều là kẻ sĩ trong sạch chính trực, còn dù là kẻ có danh lớn mà phẩm hạnh không đoan chính giữ bốn phận, nhất định không được tiến cử. Diễm lấy sự cần kiệm để mọi người noi theo, bởi thế kẻ sĩ trong thiên hạ tuyệt chẳng ai không lấy tiết tháo và liêm khiết để tự cố gắng, dẫu là kẻ bầy tôi địa vị tôn quý được ân sủng, thì xe ngựa y phục chẳng dám vượt khuôn phép. Thái tổ than rằng: “Dùng người như thế, khiến cho người trong thiên hạ tự sửa mình, ta sao làm được như vậy!” Lúc Văn đế làm Ngũ quan tướng, đích thân đến chỗ Giới, phó thác thân quyền của mình nhờ Giới giúp. Giới đáp rằng: “Lão thần nhờ năng lực giữ chức phận, may mắn được miễn trách tội, nay lại nói giúp để thăng quan cho người ta là có lỗi, thế nên thần chẳng dám vâng mệnh.” Đại quân về huyện Nghiệp, kẻ bàn luận muốn hợp nhất cơ cấu hành chính⁽²⁾. Giới xin yết kiến nói không nên thi hành, người bấy giờ đều sợ Giới, đều muốn giảm bớt chức Đông tào. Bèn cùng bầm bạch rằng: “Từ trước đây chức Tây tào là trên, chức Đông tào là dưới, nên giảm bớt Đông tào.” Thái tổ hiểu rõ nội tình, xuống lệnh rằng: “Mặt trời mọc ở phương đông, mặt trăng tròn đầy ở phương đông, phàm khi người ta nói đến phương vị, cũng lại nói đến phương đông trước, vì sao lại triệt tiêu chức Đông tào?” Bèn giảm bớt chức Tây tào. Khi trước, Thái tổ bình Liễu Thành, ban phát các đồ vật lấy được ở đó, đặc biệt đem tám bình phong sắc trắng không thuê thừa và ghé tựa bằng gỗ mộc không chạm khắc ban cho Giới, nói: “Ngài có phong độ của cổ nhân, cho nên ta ban cho ngài vật dụng của cổ nhân.” Giới giữ ngôi vị quý hiển, thường mặc áo vải ăn cơm rau, võ về nuôi nấng con cô

của anh rất hậu, những đồ được ban thưởng đem phát chẩn giúp đỡ người nghèo khó trong họ tộc, trong nhà không có đồ đạc của cải dư thừa. Giới được thăng làm Quân sư. Nước Ngụy mới kiến lập, Giới làm Thượng thư bộc xạ, lại chủ trì việc tuyển cử.

Tiên hiền hành trạng chép: Giới chính trực thành thực, công bằng liêm chính, ở ngôi quan trong sạch kính cẩn. Lúc chủ trì việc tuyển cử, đề bạt người thanh liêm thật thà, bài xích kẻ phù phiếm rỗng tuếch và giả dối, tiến cử người khiêm tốn đức hạnh, đề nén kẻ a dua bè đảng. Các trưởng quan cai trị dân mà công tích chẳng rõ ràng nhưng của riêng giàu có đủ đầy, thì đều bị cách truất phế bỏ đình chỉ chức vụ, rất lâu sau không được tuyển dụng. Vì thế bốn bề tập hợp về, tuyệt chẳng có ai không cố gắng rèn phẩm hạnh. Thậm chí có Trưởng quan về nhà, mặt mũi lấm lem y phục xộc xệch, thường đi xe nhỏ xấu không che trướng. Quan lại cấp thấp vào phủ, mặc triều phục của lính bộ binh. Người người bắt chước nhau về sự thanh liêm, ăn cơm chan với nước sôi, nhà nhà noi gương nhau về tiết tháo, dùng nước rửa giặt giải mũ, người tôn quý thì không lụy vào việc dơ bẩn, kẻ bản tiện tuyệt không tìm cách gian dối về tiền của, quan lại thanh liêm ở trên, tục dân rộng rãi ở dưới, dân chúng đến nay còn khen ngợi Giới.

Bảy giờ ngôi Thái tử chưa định, nhưng Lâm Tri hầu Thực được sủng ái, Giới ngầm can rằng: “Gần đây Viên Thiệu vì đích thứ bất phân, dòng tộc bị chết nước bị diệt. Phế lập là việc lớn, đó chẳng phải là việc làm thích hợp.” Lúc quần thần hội họp, Giới đứng lên thay áo, Thái tổ trở mắt nhìn rồi hiểu ý nói: “Thời xưa bảo kẻ làm việc này là người giữ chức quan Ti trực⁽³⁾ của quốc gia, thế là Chu Xương⁽⁴⁾ của ta vậy.”

Thôi Diễm đã chết, Giới trong bụng không hài lòng. Sau có kẻ mách việc của Giới nói: “Giới ra ngoài gặp một kẻ tạo phản bị thích chữ vào mặt, vợ con người ấy bị tất cả bị bắt làm nô tì ở nhà quan, Giới nói rằng: ‘Khiến cho trời không mưa là việc đó vậy’.” Thái tổ cả giận, bắt Giới giao cho nhà ngục. Quan Đại lý là Chung Do cật vấn Giới rằng: “Các bậc đế vương từ xưa là thánh minh, cứ kẻ có tội là liên lụy đến vợ con. Kinh Thượng thư nói rằng: ‘ Binh sĩ ở bên trái xe binh nếu như không dùng cung tên bắn giết quân địch, binh sĩ ở bên hữu xe binh nếu như không dùng giáo mác đâm giết địch nhân, sẽ bị giết đến cả vợ con⁽⁵⁾.’ Kẻ giữ chức Tư khấu, sẽ bắt bớ tới gia thuộc, con trai phải vào chỗ tội nhân làm đũa ở, con gái phải vào nơi giã gạo thổi cơm. Theo pháp luật nhà Hán, tất cả vợ con của tội nhân phải làm nô tì, bị thích chữ vào mặt. Phép của nhà Hán cho thi hành hình phạt thích chữ bôi mực vào mặt, là bảo tồn pháp điển thời cổ đại. Nay kẻ ấy đúng thực là nô tì vì tổ tiên có tội, dầu trải trăm đời, còn bị thích chữ vào mặt làm sai dịch ở phủ quan, thứ nhất là để khoan thứ cho sinh mệnh của dân lành, thứ hai là để tha thứ cho các lỗi lầm của kẻ có tội. Thế thì vì sao lại chống lại với ý của thần

minh, mà vờ đại hạn đến được? Xét theo lẽ thường, chính sự hà khắc thì thiên khí lạnh lẽo, chính sự hoà hoãn thì thiên khí ấm nóng, chính sự khoan hoà thì dương khí cực thịnh, đó là lý do sinh ra hạn hán⁽⁶⁾. Ngài nói ra lời ấy, thì cho rằng hình pháp là hà khắc, hay là khoan hoà vậy? Nếu là hà khắc thì đang là lúc có mưa dầm, vì sao lúc này trái lại có hạn hán? Vua Thành Thang là bậc thánh ở đời, mà đồng ruộng có lúc cỏ không mọc, Chu Tuyên là vị vua giỏi, có lúc gặp đại hạn tai ác⁽⁷⁾. Đại hạn kéo đến, đã ba mươi năm nay, mà quy lỗi cho việc có hình phạt thích chữ vào mặt, là vì việc cai trị chẳng? Người nước Vệ đánh nước Hình, hưng binh mà có mưa, tội ác không có gì là chứng nghiệm cả, lấy gì để ứng lòng trời? Ngài đưa lời trách chê phỉ báng, lưu truyền chôn dân gian, tiếng tăm không hay, truyền đến tai thánh thượng. Lời ngài nói ra ấy, về tình thế chẳng phải là nói một mình, lúc ngài gặp người bị khắc chữ vào mặt, tất cả là có mấy người thấy? Kẻ nô tì bị khắc chữ vào mặt kia, ngài có quen biết họ chẳng? Ngài gặp họ vì duyên có gì, mà đưa lời cảm thán đối với họ? Lúc ấy vì ai mà ngài nói lời cảm thán? Kẻ nghe được lời ngài cảm thán đáp lời thế nào? Hôm ấy là ngày tháng nào? Ở chỗ nào? Việc đã phát lộ, ngài không được giấu diếm lừa dối, hãy kể đủ sự thực để đối chứng với cáo trạng⁽⁸⁾.” Giới nói: “Thần nghe nói Tiêu Sinh phải tự ải, vì bị khốn với Thạch Hiến⁽⁹⁾; Giả Tử bị đuổi ra ngoài cõi, vì Giáng, Quán dèm pha⁽¹⁰⁾; Bạch Khởi được ban kiếm phải tự sát ở Đổ Bưu⁽¹¹⁾; Triều Thác bị giết ở Đông Thị⁽¹²⁾; Ngũ Viên tuyệt mệnh ở Ngô Đô⁽¹³⁾. Đối với mấy người ấy, hoặc bị người trước đổ ky, hoặc bị người sau làm hại. Thần từ thời trẻ giữ chức tuyên cử, chuyên cần với chức quan, giữ chức vụ cơ mật thiết yếu, nắm đại quyền sắp xếp nhân sự. Người ta đem việc riêng phó thác cho thần, thần không vì quyền thế mà không còn tiết tháo, người vì có oan ức nói với thần, không vì việc nhỏ mà không suy xét rõ ràng. Nhân tình thì háms lợi, ta dùng pháp luật cấm chỉ, hành vi háms lợi bị cấm chỉ, thì kẻ có quyền thế phá hoại phép tắc. Sinh ra việc đổi trắng thay đen, nói rằng thần làm ra lời báng bỏ triều đình, người nói thần báng bỏ triều đình, thế tất chẳng phải vì nguyên nhân gì khác. Trước kia Vương Thúc, Trần Sinh tranh giành quyền chính ở chôn vương đình, Phạm Tuyên Tử xử trí công bằng⁽¹⁴⁾. Đã yêu cầu cả hai người đưa ra chứng cứ, phải trái đều thích hợp, đúng sai có đủ, kinh Xuân Thu khen ngợi việc ấy, vì thế chép lại. Thần chẳng nói ra lời ấy, không có thời gian và nhân chứng gì. Nói rằng thần nói lời ấy, tất phải có chứng cứ. Xin hãy lấy lời tranh biện của Tuyên Tử, mà tìm lấy Vương Thúc để đối chất. Nếu thần mà có lời quanh co, ngay trong ngày xin lập tức chịu hình, lúc xử hình là khi ban tặng; ban kiếm đến, ấy là cái ân huệ được ban thưởng. Xin được cẩn trọng để đối đáp cáo trạng.” Bấy giờ Hoàn Giai, Hoà Hiệp dâng lời cứu Giới. Giới cuối cùng bị cách chức, chết ở nhà.

Tôn Thịnh nói: Ngụy Vũ vì dùng hình mà mất chính vậy. Dịch nói “Việc tố tụng hình ngục phải sáng suốt”, truyện nói “Đề bạt người chính trực phế bỏ kẻ ác”, việc tố tụng hình ngục sáng suốt thì trong nước không có dân oán, đối xử với kẻ gian người ngay thích đáng thì dân chúng không có ai không phục, không trừng trị kẻ sàm ngôn nói lời phù phiếm, thì lời dèm pha ton hót như nước ngầm dần, có thể sửa sang được bốn bề, thì chỉ có sự trong sạch và sáng sủa mà thôi. Xưa kia Hán Cao hạ ngục Tiêu Hà, khi tha ra lại tin dùng, Giới một lần bị trách tội, vĩnh viễn bị ruồng bỏ, sự độ lượng của hai vị nhân chủ, há chẳng khác nhau sao⁽¹⁵⁾!

Thái tổ ban cho áo quan, tiền, lụa, phong cho con của Giới là Cơ làm Lang trung.

TU MÃ CHI TRUYỆN

Tư Mã Chi tự Tử Hoa, người quận Hà Nội huyện Ôn. Thời trẻ là học trò, đi tránh loạn ở Kinh Châu, thốt nhiên gặp bọn giặc ở núi Lỗ Dương, những kẻ đi cùng đều bỏ người già yếu mà chạy, Chi còn một mình ở lại che chở cho mẹ già. Giặc đến nơi, chĩa mũi dao nhọn vào người, Chi lạy rạp đầu nói: “Mẹ già tôi, chỉ còn nhờ ở các ông!” Giặc nói: “Kẻ này là hiếu tử vậy, ta giết là bất nghĩa.” Vì thế thoát bị hại, Chi lấy xe hươu đẩy mẹ đi. Ở phương nam hơn chục năm, tự mình cấy ruộng giữ khí tiết.

Thái tổ bình Kinh Châu, cho Chi làm trưởng huyện Gian. Bấy giờ thiên hạ mới gây dựng, nhiều kẻ không vâng theo vương pháp. Lưu Tiết là Chủ bộ ở quận, đại tộc cũ, là kẻ hào kiệt hiệp khách, có hơn nghìn tân khách, ra ngoài thì làm đạo tặc, về quận lại nhiễu loạn sở trị. Được ít lâu, Chi phái khách của Tiết là bọn Vương Đồng tòng binh, quan duyệt sứ ngăn cản bắm: “Nhà Tiết trước nay chưa từng cung cấp kẻ lao dịch nào, nếu đến lúc có kẻ trốn tránh, tất làm đình trệ công việc.” Chi không nghe, gửi thư cho Tiết nói: “Ngài là Đại tông(1), hơn nữa lại là chân tay của quận, nhưng tân khách thường không giúp việc lao dịch, đã có nhiều người oán vọng, ngờ là tiếng tăm sẽ truyền lên trên. Nay tôi sai bọn Đồng tòng binh, mong ngài phát lệnh phái họ đi đúng lúc.” Quân binh đã tập hợp ở quận, nhưng Tiết che giấu đồng bọn, nhân đó ra lệnh cho Đốc bưu nói dối là điều động quân binh đi làm nhạc khí, quan Duyệt sứ cùng khốn, xin đi thay Đồng. Chi bèn truyền hịch đến Tế Nam, trình bày đầy đủ tội của Tiết. Thái thú Hác Quang vốn kính trọng và tin tưởng Chi, lập tức dùng Tiết thay Đồng tòng binh. Dân Thanh châu gọi Chi là người “cho Chủ bộ đi tòng binh.” Chi được thăng làm Quảng Bình lệnh. Chinh lỗ tướng quân Lưu Huân, vì được quý hiển nhận ân sủng mà kiêu căng ngang tàng, Chi lại là tướng cũ ở quận, tân khách đệ tử trong địa giới mấy lần phạm pháp. Huân gửi thư cho Chi, không ghi rõ danh tính, nhưng phó thác công việc nhờ vả nhiều người ở đấy, Chi không đáp thư của Huân, nhất nhất đều xử theo phép. Về sau Huân vì không tuân phép tắc bị kẻ tội rồi giết, những kẻ giao du với Huân đều bị bắt tội, nên Chi vì thế được khen ngợi.

Ngụy lược chép: Huân tự Tử Đài, người quận Lang Nha. Năm Trung Bình mạt, làm trưởng huyện Kiến Bình nước Bái, cùng với Thái tổ là bạn cũ. Sau làm Thái thú Lư Giang, vì bị Tôn Sách đánh phá, tự quy phục Thái tổ, được phong tước Liệt hầu, sau làm Tán ngũ nghị trung. Anh của Huân làm Thứ sử Dự Châu, bị bệnh chết. Con của anh trai là Uy, lại lên thay làm chức ấy. Huân vì cậy là cùng với Thái tổ có giao hảo cũ, ngày càng kiêu căng ngạo mạn, mấy lần phạm pháp, lại phỉ báng người ta. Vì có người ở địa phương bắm bạch nỗi oan, Huân bị bắt trị tội, uy danh quan tước đều mất hết.

Chi được thăng làm Đại lí chính. Có người lấy trộm tấm lụa sớng của quan phủ đem giấu ở nóc nhà xí công cộng, viên lại ngờ là nữ thợ dệt lấy, liền bắt giao cho nhà ngục. Chi nói: “Kẻ thi hành hình phạt mà nhầm lẫn, thì cái nhầm lẫn ấy là hà khắc và tàn bạo. Nay hãy có tang vật trước rồi sau tra hỏi để lấy cung, như thế chẳng hơn là đánh đòn người ta, sợ là người ta không có tội mà bị phạt vậy. Kẻ không có tội vì bị phạt mà nhận, thì chẳng thể lấy đó để phán quyết tội trạng được. Vả lại đơn giản thì người ta dễ theo, là sự giáo hoá lớn nhất với người ta. Chẳng bỏ qua kẻ có tội, là cách để trị lý người đời vậy. Nay ta tha thứ cho kẻ hiềm nghi, là dùng sự rộng rãi để người ta phục tùng đạo nghĩa, chẳng cũng nên sao!” Thái tổ theo lời bàn ấy.

Chi lần lượt làm Thái thú các huyện Cam Lăng, Bái, Dương Bình, ở đâu cũng có thành tích. Năm Hoàng Sơ trung, được về triều làm Hà Nam doãn, đề nèn kẻ mạnh nâng đỡ kẻ yếu, kẻ có việc riêng cầu kiến thì không làm. Gặp lúc có người trong sở quan định đem việc nhờ vả Chi, song không dám nói ra, lại nhờ bác vợ của Chi là Đồng Chiêu. Chiêu cũng sợ Chi, chẳng đưa lời. Chi truyền dạy quần hạ rằng: “Bậc quân vương có thể đặt ra pháp lệnh, cũng chẳng thể khiến cho quan lại nhất định không vi phạm được. Quan lại có thể vi phạm giáo lệnh, nhưng chẳng thể để cho quân vương nhất định không biết. Quân vương đặt ra pháp lệnh mà vi phạm, thì là bậc quân vương kém cỏi; quan lại phạm giáo lệnh mà bậc quân vương biết, thì là cái hoạ quan lại vậy. Quân vương kém cỏi ở trên, cái hoạ quan lại ở dưới, đó là nguyên do việc chính sự chẳng có đạo lý. Thế nên hai bên đều phải cố gắng vậy!” Vì thế quan lại dưới trướng của Chi tuyệt chẳng có ai không gắng gỏi. Môn hạ của viên Tuần hành từng nghi ngờ người nhà phạm tội ăn trộm cái trâm, can phạm nói là không đúng, Tào duệ bắt kẻ ấy vào ngục. Chi dạy rằng: “Phạm là đồ vật giống nhau thì khó phân biệt, bởi nó chẳng phải là vật điều khắc trang trí, lại ít khi làm cho người ta bị mê hoặc. Nếu quả thật người ấy phạm tội, Tuần hành sao nữa quá tiếc một cái trâm, mà coi rẻ cái tình thương đồng loại thế ru! Nên thôi đi, chớ thảm vận người ta nữa.”

Minh đế lên tức vị, ban cho Chi tước Quan nội hầu. Được ít lâu, nữ mẫu của Đặc tiến Tào Hồng làm việc xấu, cùng với kẻ hầu của Lâm Phần công chúa đi tế tự thần linh ở Vô Giản, bị hạ ngục.

Thần Tùng Chi xét: Vô Giản, là tên núi, ở phía đông bắc Lạc Dương

Biện Thái hậu phái Hoàng môn đến phủ quan truyền lệnh, Chi không tiếp lệnh, lập tức ra lệnh cho cai ngục ở Lạc Dương tra khảo hai người đến chết, rồi dâng sớ rằng: “Phạm là phán xử tử hình tội phạm, đều phải trước tiên dâng biểu tấu rồi đợi tin báo lại. Trước đây có chế thư cấm tuyệt việc tế tự gian tà để đoan chính phong tục, nay kẻ phạm tội đang đợi yêu hình(2), lời cung khai mới định, quan Hoàng môn là Ngô Đạt đến chỗ thần, truyền lệnh của Thái hoàng thái hậu. Thần chẳng dám thông qua, sợ có kẻ cứu hộ, tội vạ

truyền tin lên thánh thượng, như thế là bất đắc dĩ, vì phải bảo hộ cho phạm nhân. Bởi sự việc chẳng kết thúc sớm được, ấy là cái tội của thần, thế nên thần mạo phạm quy tắc chế độ thông thường, lập tức ra lệnh cho quan huyện tra khảo tội nhân đến chết, vì thiện tiện thi hành hình phạt giết người, thần kính cần đợi thánh thượng trừng trị.” Để tự tay phê đáp thư rằng: “Ta coi biểu tấu, đã rõ được chân tâm của khanh, là muốn vâng theo chiếu thư, lấy sự quyền biến mà hành sự, thực đúng đắn vậy. Như thế là khanh vâng theo thành ý chiếu thư, sao lại phải tạ tội nữa? Sau này Hoàng môn quan có qua, chớ được tiếp kiến.” Chi giữ chức quan mười một năm, mấy lần nghị bàn về những điều bất tiện của quy tắc và pháp chế. Ở giữa chôn công khanh, cứ chiếu đạo lý mà thi hành. Gặp lúc các vương vào châu, Chi cùng với người khác ở kinh đô giao kết, bị bãi chức quan.

Về sau Chi nhận chức Đại tư nông. Trước đó các thuộc hạ của Điền nông cùng quan lại và thứ dân làm hỗn loạn việc buôn bán để mưu sinh, cầu lấy cái lợi. Chi tấu rằng: “Phương pháp cai trị của bậc đế vương, là chuộng cái nghiệp cơ bản mà đè nén nghề buôn, chuyên chú nghề nông trọng thị lương thực. Theo vương chế thì: ‘Không có của cải tích trữ ba năm, quốc gia không phải là quốc gia vậy.’ Quản tử khu ngôn(3) cho rằng tích lũy lương thực là việc cần kíp. Hiện nay hai kẻ địch(4) chưa bị diệt, việc quân không ngừng nghỉ, cái thiết yếu của quốc gia, chỉ ở lương thực và lụa vậy. Vũ hoàng đế đặc biệt đặt ra chức quan coi đồn điền, chuyên chú vào việc nông tang. Năm Kiến An trung, kho dựn trong thiên hạ sung túc đầy tràn, trăm họ nhà nhà giàu có đủ đầy. Từ năm Hoàng Sơ đến nay, nghe nói các Điền nông tự mưu sinh, đều mưu tính cho thuộc hạ của mình, thật không phải là điều thích hợp với đại thể quốc gia vậy. Bậc đế vương lấy bốn bề làm nhà, đó là lý do mà kinh truyện nói rằng: ‘Trăm họ chẳng giàu có, đức vua giàu có với ai!’ Giàu có là ở ruộng đất, ở cái chỗ chẳng mất thiên thời mà dùng hết được cái sức của đất. Nay thương lữ kinh doanh mưu cầu cái lợi, tuy có được cái lợi gấp bội một cách rõ ràng, nhưng về đại kế nhất thống, đó là cái tổn thất không lường được, chẳng bằng khai khẩn thêm một mẫu ruộng để thu thêm lợi. Người nông dân theo việc cấy cày, từ tháng giêng gieo trồng, bừa đất làm cỏ hái lá dâu, gắng sức đốt lửa khai hoang gieo mạ, phát cỏ san đất trồng lúa, tháng mười mới xong. Rồi sửa sang kho dựn, làm xe đòn, chuyển nộp tô thuế, sửa sang đường đất cầu cống, dùng bùn trát kín ngăn phòng ốc, thế là hết một năm, không có ngày nào chẳng làm việc nhà nông vậy. Nay các quan Điền nông đều nói ‘Người ở lại làm ruộng kẻ ra ngoài buôn bán là cái kế căn bản của nghề nông, thu dụng được hết các lực lượng, tình thế không thể không làm như vậy. Vừa chẳng để hoang phế ruộng vườn, mà chúng ta không dư thừa lực lượng.’ Thần ngu muội cho rằng chẳng nên dùng lại việc buôn bán tạp nham làm nhiều loạn nông nghiệp, chuyên chú vào việc nông tang là điều cốt yếu, đó là cái kế làm lợi cho quốc gia vậy.” Minh đế nghe

theo.

Mỗi khi quan trên cho triệu kiến hỏi han, Chi thường hội kiến với Duyệt sử trước, để phán đoán nguyên do và ý tứ của quan trên, cứ theo hiện trạng mà đối đáp kín kẽ, đều như những điều đã tính lúc trước. Chi bản tính thành thật chính trực, chẳng kiêu căng khoe khoang phẩm giá. Lúc cùng với tân khách đàm luận, có lần chẳng vừa ý, liền đối diện phê bình cái kém của họ, rồi lui về không nói gì khác nữa. Chi chết khi đương chức, trong nhà không có tài sản thừa, những người nhận chức Hà Nam doãn từ khi nước Ngụy kiến lập đến nay chưa có ai bằng được Chi.

Chi chết, con là Kỳ nối tự, từ chức Hà Nam thừa chuyển sang chức Đình úy chính, rồi thăng làm Trần Lưu tướng. Ở quận Lương có kẻ bị bắt làm tù phạm giam trong ngục, có rất nhiều người liên quan án đó, mấy năm không xử được. Có chiếu thư dời nhà ngục đến vùng thuộc huyện của Kỳ, huyện xin Kỳ chuẩn bị hình cụ ở trong nhà ngục. Kỳ nói: “Nay tù phạm có mấy chục, đã cung từ xảo trá khó lường, vả lại đã quá mỏi mệt về độc hình, tình trạng ấy dễ hiểu vậy. Há nên để chúng ở mãi trong nhà ngục nữa!” Lúc Kỳ đến nhà tù, cật vấn xong xuôi, tuyệt chẳng ai dám giấu diếm man trá gì, một buổi mà xử xong, vì thế được thăng vượt cấp làm Đình úy. Thời ấy Đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền, bọn Thượng thư Hà Yến, Đặng Dương làm vây cánh phụ tá. Người ở Nam Dương là Khuê Thái từng dùng ngôn từ ngỗ ngược biểu thị ý kiến, bị bắt trói giam ở chỗ Đình úy. Dương thăm vấn tù phạm, sắp buộc Thái vào trọng hình. Kỳ trách Dương rằng: “Người là đại thần cơ mật trọng yếu, phò tá cho vương thất, đã chẳng thể giúp đỡ giáo hoá để hình thành đức chính, sánh với cái cao đẹp của cổ nhân, mà lại buông thả lòng căm phẫn theo ý riêng của mình, xử oan cho người vô tội. Khiến cho trăm họ ghê sợ trong lòng, chẳng phải là thế sao?” Dương vì thế hổ thẹn giận dữ mà lui về. Kỳ e sợ rằng về sau sẽ bị bắt tội, liền xung có bệnh từ quan. Ở nhà chưa đến một năm thì chết, năm ấy ba mươi lăm tuổi. Con là Triệu nối tự.

Triệu, năm Thái Khang thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu, Thượng thư, thấy nói ở Bách quan chí (Bách quan danh).

[CHÚ THÍCH]

(1) Công gia ở đây là nói ‘nhà của Minh công’, tức nói đến vùng Dự Châu nơi Tào Tháo đang cai quản.

(2) Nguyên văn câu này là ‘nghị sở tịnh tịnh’, chữ ‘tĩnh’ ở đây là danh từ, chỉ một cơ cấu hành chính thời cổ, lúc đó Mao Giới làm Đông tào duyệt, Thôi Diễm là Tây tào duyệt, mọi người bàn định muốn hợp nhất hai chức này, tức là giảm đi một cơ quan hành chính.

(3) Cầm đầu việc can gián vì lợi ích quốc gia.

(4) Chu Văn Vương Cơ Xương, người đặt nền móng cho Vũ Vương lập nên nhà Chu, Chu Xương từng can gián vua Trụ nhà Ân.

(5) Nguyên văn cả câu này là ‘Tả bất cộng tả, hữu bất cộng hữu, dư tắc nô lục nữ.’ Theo phép xưa, khi ra trận xe binh đi trước, quân bên tả cầm cung nỏ, quân bên hữu cầm giáo mác dài, khi xung phong, bên tả bắn tên, bên hữu đâm chém kẻ địch. Câu này quá khó, xin tạm hiểu nghĩa mà dịch như vậy.

(6) Câu này có nguồn gốc từ kinh Thượng thư, đại ý nói rằng chính trị hà khắc thì trời đất lạnh lẽo, chính trị khoan hoãn thì đất trời ấm nóng, dương khí cực thịnh. Chung Do đưa lí luận này để nói rằng việc lời nói về hình pháp nặng nhẹ kia theo lý là chẳng đúng, ngầm có ý như kết tội Mao Giới.

(7) Thành Thang là vua sáng nghiệp nhà Thương, là đáng minh quân, Chu Tuyên vương là vị vua giỏi thời nhà Chu, dưới thời cai trị của hai vua này đều từng bị những đợt hạn hán nặng nề. Chung Do đưa ra lập luận này để chứng minh rằng hình pháp nặng hay nhẹ chẳng liên quan gì đến chuyện nắng hạn cả.

(8) Rút cục là bảy câu hỏi của Chung Do với Mao Giới thực chất là lời mớm cung, chỉ đường cho Giới thoát tội. Thực chất thì Mao Giới, Thôi Diễm và Chung Do là những người bạn rất tốt với nhau.

(9) Tiêu sinh tức Tiêu Vọng Chi, cháu sáu đời của Tiêu Hà, sống ở nửa cuối thời Tây Hán, người quận Đông Hải huyện Lan Lăng, sau chuyển về ở Đỗ Lăng. Ông là đại thần dưới hai triều vua Tuyên Đế và Nguyên Đế, nổi danh là Kinh học gia. Vì không hợp với Đại tướng quân Hoắc Quang nên không được trọng dụng. Sau khi Hoắc Quang chết một thời gian, ông được thay chức của Bính Cát làm Ngự sử đại phu. Hoắc thị mắc tội bị diệt tộc, ông càng được trọng dụng. Lúc Hung Nô làm loạn, ông can gián vua, chủ hoà. Để xuất chinh, thắng trận, ông bị giáng chức làm Thái tử Thái phó. Tuyên Đế lên ngôi, ông lại được trọng dụng, nắm quyền lớn trong triều, làm

đến chức Thừa tướng. Ông xung khắc với bọn hoạn quan, bị hai tên hoạn quan là Hoảng Cung và Thạch Hiến bức hại, vu cáo ông là ‘xung tụng người thuộc bè đảng, gièm pha tố cáo đại thần, huỷ hoại tình thân, có ý chuyên quyền.’ Ông bị bắt, hạ ngục, sau phải uống thuốc độc tự vẫn, lúc ấy sáu mươi tuổi.

(10) Giả tử tức Giả Nghị, sống vào đầu thời Tây Hán, người Lạc Dương, là chính luận gia, văn học gia, nổi danh từ năm mười tám tuổi, được Ngô Công tiến cử, năm hai mươi tuổi làm Bác Sĩ, chưa đầy một năm được đặc cách thăng làm Thái trung đại phu. Ông đề xuất cải cách chính trị, kế thừa pháp chế thời Tần, nhưng phế bỏ các bại tục, cách tân chế độ, bị các đại thần là Giáng hầu Chu Bột, Dĩnh Âm hầu Quán Anh, Đông Dương hầu Trương Tương Như, Ngự sử đại phu Phùng Kính căm ghét. Năm hai mươi ba tuổi, ông bị biếm chức làm Thái phó cho Trường Sa Vương. Sau bị triệu về Trường An làm Thái phó cho Lương Hoài Vương. Lương Hoài Vương bị ngã ngựa chết, ông lo lắng thành bệnh, năm ba mươi ba tuổi chết.

(11) Bạch Khởi là danh tướng của Tần Chiêu Vương, công lao trùm cả nước Tần, đánh Triệu thắng trận ở Trường Bình, giết Triệu Quát chôn sống bốn mươi vạn quân Triệu, đã kiến nghị vây đánh Hàm Đan, Thừa tướng là Phạm Thư ghen ghét với Khởi can vua Tần, vua Tần không nghe kế của Khởi. Sau nước Triệu dùng Liêm Pha làm tướng, đánh lại nước Tần, tướng Tần là Vương Lăng không đánh được. Vua Tần cử Khởi làm đại tướng ra trận, Khởi từ chối cho rằng lúc ấy không thể đánh được nữa, vua Tần cố ép, Khởi nhất định từ chối, vua Tần giận, cử Vương Hạp làm tướng, bị thua, Khởi nói với tân khách là ‘đã biết trước như thế mà’, Phạm Thư nhân đó gièm pha Khởi với vua Tần, vua Tần nổi giận, tước quan lộc và thực ấp của Khởi, đày ra Âm Mật, khi đến Đỗ Bưu, vua Tần ban cho kiếm tự sát mà chết.

(12) Triều Thác là người thời Tây Hán, quê ở quận Dĩnh Xuyên, sống vào đời vua Hán Văn Đế. Ông có văn tài xuất chúng, từng nhận các chức vụ là Thái tử xá nhân, Bác sĩ, Thái tử gia lệnh, được Thái tử là Lưu Khải tôn xưng là ‘túi khôn’. Thời Hán Cảnh Đế, ông làm Ngự sử đại phu, từng nhiều lần chủ trương tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương, giảm thế lực của chư hầu đại phương, trọng nghề nông, quý thóc lúa. Nhân vì cái loạn thất quốc, ông bị giết bằng hình phạt chém ngang lưng ở Đông Thị, Tây An. Truyện về ông thấy ở các thiên sách trong Hán thư là ‘Hoá thực chí’, ‘Viên Áng, Triều Thác truyện’.

(13) Ngũ Viên tức Ngũ Tử Tư, người nước Sở cuối thời Xuân Thu, văn võ toàn tài, cha là Ngũ Xa có tiếng chính trực, bị Sở Bình Vương giết, ông trốn qua nước Ngô, giúp Thế tử Quang lên ngôi, tức vua Hạp Lư. Sau khi góp công xây dựng nước Ngô thành cường quốc, ông đem quân về diệt nước Sở,

đào mả Sở Bình Vương, dùng roi đồng đánh mấy trăm cái vào thi thể Sở Bình vương khiến xương tan thịt nát. Hạp Lư chết, Phù Sai lên thay, tin dùng gian thần Bá Hi, không trọng dụng Ngũ Viên, lại tha cho vua Việt là Câu Tiễn. Nước Việt hùng mạnh, Phù Sai cứ vui chơi với người đẹp là Tây Thi, quên cả chính sự. Ngũ Viên can gián nhiều lần, làm Phù Sai giận, liền ban cho Ngũ Viên thanh kiếm, Ngũ Viên tự sát ở Ngô Đố. Sau này nước Ngô bị vua nước Việt là Câu Tiễn diệt, Phù Sai phải tự vẫn.

(14) Vương Thúc, Trần Sinh, Phạm Tuyên Tử là bày tôi của Chu Linh Vương (Cơ Tiết Tâm) nhà Chu thời Xuân Thu, ND chưa tra cứu được điển tích này.

(15) Tiêu Hà là công thần bậc nhất của Lưu Bang, sau khi kiến lập nhà Hán, Lưu Bang giết các công thần, Tiêu Hà vốn là vị quan thanh liêm đầu triều, Lưu Bang rất nghi kỵ. Có người khuyên Lưu Bang nên tỏ ra tham lam để làm hại đến thanh danh liêm khiết của mình để Hán vương yên lòng, Tiêu Hà không nghe. Có lần Tiêu Hà đã đề đạt nguyện vọng của dân lên Lưu Bang về việc dùng đất hoang trong vườn thượng uyển để khai khẩn, trồng lúa. Lưu Bang nghe nói tức giận, cho rằng Tiêu Hà ăn hối lộ của dân nên mới nghĩ ra việc phá vườn thượng uyển, bèn ra lệnh bắt giam ông, sau được các quan ngăn lại, Tiêu Hà được tha. Sau khi Lưu Bang chết, Tiêu Hà phục vụ con của Lưu Bang, được thăng tước Hầu. Ở đây Tôn Thịnh so sánh Hán Vương và Ngụy Vũ, có ý mỉa mai Ngụy Vũ là thiếu chính đạo và hẹp hòi.

QUYỂN 13 - CHUNG DO HOA HÂM VƯƠNG LÃNG TRUYỆN

Chung Do, Hoa Hâm, Vương Lãng

CHUNG DO TRUYỆN

Chung Do tự Nguyên Thường, người huyện Trường Xã quận Dĩnh Xuyên vậy. [1] Tùng cùng cha họ là Du cùng đến Lạc Dương, trên đường được người giúp, nói: “Đứa trẻ này có tướng quý, nhưng bị khô vì nước, phải gắng cận thận”! Đi chưa đến mười dặm, qua cầu, ngựa sợ, rơi xuống nước suýt chết. Du ngẫm lời người giúp lúc trước, càng quý Do, lại cung cấp tiền của, sai phải chăm học. Cử làm Hiếu liêm. [2] Bỏ làm Thượng thư lang, Âm Lăng Lệnh, lấy cớ bệnh xin bỏ. Từ chối Tam phủ, làm Đình úy chính, Hoàng môn Thị lang. Bấy giờ, Hán Đế ở tại kinh sư miền tây, bọn Lí Thôi, Quách Dĩ làm loạn trong thành Trường An, cắt đứt với miền Quan Đông. Thái Tổ lĩnh chức Duyệt Châu Mục, bắt đầu sai sứ dâng thư. [3] Bọn Thôi, Dĩ cho rằng người miền Quan Đông muốn tự lập Thiên tử, nay Tào Tháo dẫu có lệnh sai, không phải là thật vậy. Bèn giữ sứ giả của Thái Tổ lại, chống lại ý ấy. Do khuyên bọn Thôi, Dĩ nói: “Nay anh hùng đang cùng nổi dậy, đều ra lệnh chuyên chế, chỉ có Tào Duyệt Châu là có lòng với nhà vua, mà làm trái ý tốt của người ta thì không phải là điều mà người muốn đến giúp trông mong vậy”. Bọn Thôi, Dĩ theo lời Do, báo đáp nòng hậu, do đó lệnh sai của Thái Tổ mới được thông. Thái Tổ đã nhiều lần nghe Tuân Úc khen Do, lại nghe nói Do khuyên bọn Thôi, Dĩ như thế, càng thêm nghĩ đến. Sau đó Thôi hiệp Thiên tử, Do và Thượng thư Hàn Bàn cùng mưu tính. Thiên tử ra khỏi Trường An, Do có công vậy. Bại làm Ngự sử Trung thừa, chuyển làm Thị trung Thượng thư Bộc xạ, lại xét công trước phong làm Đông Vũ Đình Hầu.

[1] Tiên hiền hành trạng viết: “Chung Hạo tự Quý Minh, hiền lành cẩn thận, học rộng luật thơ, dạy hơn nghìn học trò, làm quan Công tào trong quận. Bấy giờ Thái Khâu Trưởng là Trần Thực làm Tây Môn Đình trưởng, chỉ có Hạo rất kính trọng. Thực ít hơn Hạo mười bảy tuổi, thường dùng lễ đối đãi người cùng chức phận. Lúc từ quan ở phủ công, sắp đi, Thái thú hỏi nói: ‘Ai thay được ông?’ Hạo nói: ‘Ông phủ muốn có được người mình chọn thì Tây Môn Đình trưởng là dùng được’. Thực nói: ‘Ông Chung thường không có ý xét cử người khác, không biết sao chỉ biết ta?’ Hạo làm Tư đồ duyện, có việc công đi ra, trên đường gặp bùn lầy, người dẫn đường ghét Hạo cầu cạnh, bỏ cách xa xe công, Hạo gắng tựa vào đòn xe nói: ‘Ngày nay quan Tư đồ chỉ làm một mình mà thôi!’ Trở về lên gác, rung chuông cũng không giúp, bèn lệnh họp các quan thuộc, Hạo dương tay cũng không ngoảnh theo. Bấy giờ các quan thuộc trong phủ đều hạch tội mình xin ra ngoài, Hạo làm Tây tào duyện, liền mở cửa phủ báo cáo cho bọn đã ra ngoài hiểu nói: ‘Kẻ dưới không thể nói thẳng với vua thì như quan Tư lệ coi việc này mực mà làm mất lễ với quan Tế tướng, lại không được tin dùng, các ông cả đời còn dùng ở chỗ nào nữa?’ Các quan thuộc do đó đều thôi. Đô quan

đến phủ Tây tào duyệt, hỏi qua việc bỏ phủ, Hạo mời Đô quan ra gặp các quan thuộc để cho họ hiểu, mới thôi. Trước sau chín lần từ chối ba phủ, gọi chuyên làm Nam Hương, Lâm Lu Trưởng, không đến nhận chức. Bấy giờ những kẻ quan trước đây trong quận được người trong nước theo về, có Thương Ngô Thái thú người Định Lăng là Trần Trĩ Thúc, Lê Dương Lệnh người Dĩnh Âm là Tuân Thục và Hạo. Thiếu phủ Lí Ung thường trọng ba người này, nói: ‘Ông Tuân trong sạch hiểu biết nhưng khó làm nên, chỉ có ông Trần, ông Chung đức cao là có thể làm thầy’. Cô của Ung là vợ của em Hạo, sinh con là Cận, cùng tuổi với Ung, đều có tiếng tăm. Cận lại ham học theo người xưa, có đức hạnh nhún nhường. Thuở còn nhỏ bé, cha Ung là Thái úy Du nói: ‘Cận giống tính con nhà ta, nước có đạo thì không bỏ, nước không có đạo thì bị hình pháp bãi bỏ vậy’. Lại đem em gái của Ung gả cho Cận. Cận từ chối làm quan trong châu, chưa từng chịu đến nhận chức. Ung bảo Cận nói: ‘Mạnh Kha cho rằng người ta không ưa làm điều ác là không phải trong lòng người ta, đấy không phải người vậy. Và lại người ta há thường không có trắng đen sao!’ Cận từng đem lời Ung nói với Hạo, Hạo nói: “Cha của Nguyên Lễ đang giữ chức, các quan lớn đang mạnh, cháu của Hàn Công do đó mà được nhờ vậy. Quốc Vũ Tử ưa mời người có lỗi, cho rằng đấy là gốc của oán thù, ngày nay tựa như thời ấy! Giữ thân giữ nhà là đạo của người vậy’. Cận chết sớm, Ung dẫu lập được công lao, chức chỉ đến hàng Khanh tá, mà rút cuộc gặp họa tổn thân. Hạo lúc sáu mươi tuổi thì chết tại nhà. Hai con Hạo là Địch, Phu, đều giữ người nhà không làm quan. Do là cháu của Địch vậy”.

[2] Hậu Hán thư của Tạ Thừa viết: “Người quận Nam Dương là Âm Tu làm Dĩnh Xuyên Thái thú, lấy người hiền chọn kẻ giỏi làm việc, chọn Ngũ quan duyệt Trương Trọng là người thẳng thắn, xét Công tào Chung Do, Chủ bạ Tuân Úc, Chủ kí duyệt Trương Lễ, Phủ tào duyệt Đỗ Hữu, Hiếu liêm Tuân Du, Kế lại Quách Đồ làm quan để làm rạng rỡ triều đình”.

[3] Thế ngữ viết: “Thái Tổ sai Tòng sự Vương Tất đến xin Thiên tử ban lệnh”.

Bấy giờ các tướng miền Quan Trung là bọn Mã Đằng, Hàn Toại đem quân mạnh tranh với nhau. Thái Tổ đang theo việc ở miền Sơn Đông, cho rằng miền Quan Hữu đáng lo. Bèn dâng biểu cử Do làm Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy, cầm cờ tiết trông coi các quân miền Quan Trung, giao cho Do việc sau này, sai riêng không phải gò bó theo phép chế. Do đến Trường An, gửi thư cho bọn Đằng, Toại, kể rõ họa phúc, bọn Đằng, Toại đều sai con vào hầu. Thái Tổ ở tại Quan Độ chống nhau với Viên Thiệu, Do đem hơn hai nghìn con ngựa cấp cho quân. Thái Tổ gửi thư cho Do nói: “Lấy được ngựa mà ông gửi đến, rất hợp lúc nguy cấp. Miền Quan Hữu yên ổn, triều đình không phải ngoảnh về mối lo ở miền tây là công của túc hạ vậy. Xưa Tiêu

Hà giữ vững miền Quan Trung, lương đủ cấp quân, cũng chỉ như người”. Sau đó Thiên vu của Hung Nô làm loạn ở Bình Dương, Do đem các quân vây hãm, chưa thắng; mà quan mà Viên Thượng đặt là Hà Đông Thái thú Quách Viện lại đến quận Hà Đông, quân rất đông. Các tướng bàn muốn bỏ chỗ này đi, Do nói: “Họ Viên đang mạnh, mà Viện đến thì người miền Quan Trung tất ngằm qua lại với hắn, nay họ chưa phản hết cũng vì uy danh của ta thôi. Nếu bỏ chỗ này đi thì tỏ rõ cái yếu trước họ, thì dân chỗ này ai chẳng cướp đoạt? Nếu ta muốn về, đến được nữa sao! Đây là chưa đánh mà thua trước vậy. Và lại Viện cứng rắn ham thắng, tất dễ cho quân ta, nếu vượt sông Phần làm trại, đến chỗ hãm chưa vượt sông mà đánh, có thể thắng lớn vậy”. Trương Kí khuyên Mã Đằng hội đánh Viện, Đằng sai con là Siêu đem quân tinh nhuệ đón đánh. Viện đến, quả nhiên coi thường vượt sông Phần, quân can ngăn, không theo. Vượt sông chưa quá nửa, Siêu đánh, đại phá quân Viện, [4] chém Viện, bắt Thiên vu hàng. Lờ tại truyện Trương Kí. Sau đó người quận Hà Đông là Vệ Cố làm loạn, cùng bọn Trương Thịnh, Trương Diễm và Cao Hàn đều cướp bóc, Do lại đem các tướng đánh phá chúng. [5] Từ lúc Thiên tử dời đến phương tây, người Lạc Dương ít ỏi, Do dời dân miền Quan Trung đến, lại thu nạp bọn trốn tránh phản loạn để đưa vào, trong mấy năm nhà dân dần dần đông đủ. Thái Tổ đánh miền Quan Trung, lấy được đồ dùng, cử Do làm Tiền quân sư.

[4] Chiến lược của Tư Mã Bưu viết: “Viên Thượng sai Cao Hàn, Quách Viện đem mấy vạn quân đến, cùng Thiên vu Hung Nô cướp quận Hà Đông, sai sứ đến mưu cùng bọn Mã Đằng, Hàn Toại liên hòa, bọn Đằng ngằm hứa theo, Phó Hàn khuyên Đằng nói: ‘Người xưa có nói rằng: Người thuận đạo thì lành, trái đức thì chết. Tào Công theo lệnh Thiên tử đánh kẻ bạo loạn, hình pháp rõ ràng, nhà nước sửa trị, trên dưới nghe lệnh, có nghĩa tất thưởng, không có nghĩa tất phạt, có thể nói là người thuận đạo vậy. Họ Viên làm trái lệnh vua, xua rợ Hồ vào lấn Trung Quốc, dẫu rộng rãi nhưng lắm nghi ngờ, có lòng nhân mà không quyết đoán, quân dẫu mạnh mà làm mất lòng thiên hạ, có thể nói là kẻ trái đức vậy. Nay Tướng quân đã thờ người có đạo, nếu không đem hết sức mình, ngằm trông hai bên, muốn ngồi xem được thua, ta sợ rằng được thua đã định thì bị lời trách tội, Tướng quân là người bị trách tội trước vậy’. Do đó Đằng sợ. Hàn nói: ‘Người có trí thì chuyển họa thành phúc. Nay Tào Công tranh với Viên Thiệu, mà Cao Hàn, Quách Viện chỉ giữ được quận Hà Đông, Tào Công dẫu có kế vạn toàn cũng không thể ngăn được quận Hà Đông không bị nguy cấp vậy. Tướng quân nên dẫn quân đánh Viện, trong ngoài đánh hãm, thế quân ta tất nổi. Tướng quân đánh một trận là cắt đứt cánh tay của họ Viên, giải nguy cho một vùng. Tào Công tất kính trọng Tướng quân, công lao của Tướng quân dẫu thế trúc dải lụa cũng không thể chép hết. Xin Tướng quân xét lời này!’ Đằng nói: ‘Xin theo lời dạy’. Do đó sai con là Siêu đem hơn vạn quân tinh nhuệ, lại đem

quân của bọn Toại cùng Do hội đánh bọn Viện, đại phá quân Viện”.

[5] Ngụy lược viết: “Chiếu gọi Hà Đông Thái thú Vương Áp, Áp vì thiên hạ chưa định, lòng không muốn được gọi đến, mà quan dân cũng vương vấn Áp, bọn quan thuộc trong quận là Vệ Cố cùng Trung lang tướng Phạm Tiên đều đến chỗ Do cầu xin cho Áp. Lại có chiếu đã bãi Đỗ Kỳ làm Thái thú, Kỳ đã vào quận. Do không nghe lời bọn Tiên, dục Áp trao ấn phù. Áp đeo ấn thao, đi tắt từ miền Hà Bắc đến đất Hứa mà về. Bấy giờ Do ở tại Lạc Dương, tự cho rằng uy cấm bị mất phép trông coi, bèn dâng thư tự hạch tội mình nói: ‘Thần lúc trước dâng thư nói là Trấn bắc Tướng quân lĩnh chức Hà Đông Thái thú tước An Dương Đình Hầu Vương Áp ngày trước khéo bác bỏ việc thống trị, làm trái việc công, việc nên hạch tội, xét rõ đúng sai. Nhận chiếu thư đòi hỏi. Đã xét đúng tội rồi, lại được tha thứ. Thần lại nói rằng quan dân lớn nhỏ đều ngoảnh mặt trông mong, nói là Áp nên về chống Thái thú Đỗ Kỳ, nay lại đều hối tiếc, cùng đón Kỳ nhận chức. Xét kỹ lời văn, thần cho là sáo rỗng, được mời cất nhắc vào hầu gần vua, xét thao phép tắc là nên kính nhận chức vụ, trông coi miền xa. Đã không có đức thẳng để ban ơn cho muôn dân, lại không có uy cao để xét kẻ không cung kính, sứ giả đến mà Áp làm trái chiếu thư, quan thuộc trong quận là Vệ Cố bức ép quan dân, dùng lời kêu kiện, rải khắp đường trạm, làm mất lễ nghi, không theo lệnh vua. Nay dấu đã hối tiếc nhưng tiếng xấu còn lưu, đây đều là vì Do dùng hình pháp không nghiêm. Thần lại bệnh tật, qua năm trước sau, sức khỏe càng yếu, không làm hết sức mà hưởng lộc dày, ngày dài nhận chức, tội rõ đáng phạt. Xét kỹ Thị trung giữ chức Tư lệ Hiệu úy, tước Đông Vũ Đình Hầu thần là Chung Do, may nhờ ân lớn, dùng cái tài nhỏ lẻ mà vẫn được cất nhắc, theo làm người gần gũi, mang lệnh trông coi. Biết rõ chiếu thư lo lắng các trưởng lại làm việc yếu kém, vậy mà xét kẻ dưới không đúng tội, bệnh lâu ngày lắng đọng, chức phận hư hỏng, hình pháp không làm. Áp dấu trái việc, nên theo hình pháp đúng đắn, đã gửi văn thư hạch tội không hợp lý, dẫn đến làm cho Áp phải đi xa đến cửa khuyết. Làm lỡ lệnh vua, làm hại đến nanh vuốt. Mà Cố bức ép quan dân, chống Kỳ hơn tháng. Nay đã hối tiếc, phạm pháp làm lỡ chính sự, trong cõi giận dữ, tội cũng vì Do dùng hình pháp tối tăm. Lại nữa Do bệnh lâu, không đáng giữ chức này nữa, không phải Do là đại thần nên làm chức này. Do khinh thường phép tắc, không sợ chiếu lệnh, không cùng lòng với nhà nước, làm bày tôi không dốc lòng trung, không sợ hãi cái gì, thật là không cung kính. Lại không vâng theo chiếu thư, vâng chiếu lại không cẩn thận. Lại che lấp sự sáng suốt của các quan thuộc cấp dưới. Liên đem văn thư theo lời bàn của Công tào Tông sự Mã Thích đến, xin bỏ mũ đi chân trần, nép mình chịu tội’. Hạ chiếu không nghe”.

Nước Ngụy mới dựng, làm Đại lí, chuyên làm Tướng quốc. Văn Đế ở tại Đông Cung, ban chỗ ngũ thực cho Do, khắc chữ lên đó là: “Lấy lòng ở

Ngụy, làm tôi giúp Hán, ấy Chung Tướng quốc, thực là tim bụng, ngày đêm cung kính, chẳng khi nào yên, làm thầy trăm quan, khuôn mẫu phép tắc”. [6] Được mấy năm, vì liên lụy với việc Tây tào duệ Ngụy Phúng mưu phản, hạ chiếu bãi quan. [7] Văn Đế lên ngôi Vương, lại làm Đại lí. Đến lúc lên ngôi vị, đổi làm Đình úy, tiến phong Sùng Cao Hương Hầu. Chuyển làm Thái úy. Bảy giờ cùng Tư đồ Hoa Hâm, Tư không Vương Lăng đều là danh thần đời trước. Văn Đế bãi châu, bảo tả hữu nói: “Ba ông này là người lớn của một thời, người đời sau khó mà theo kịp vậy”! [8] Minh Đế lên ngôi vị, tiến phong làm Định Lăng Hầu, tặng thêm ấp có năm trăm năm trăm hộ, cùng một nghìn tám trăm hộ trước kia, chuyển làm Thái phó. Do có bệnh đầu gối, đứng bái không tiện. Bảy giờ Hoa Hâm cũng tuổi cao bệnh tật, châu gặp đều dùng xe kiệu chở, quân hồ bồn khiêng lên điện rồi ngôi. Từ đó Tam công có bệnh bèn theo việc cũ này.

[6] *Ngụy lược viết: “Do làm Tướng quốc, đem khuôn đúc đỉnh chõ ngũ thực cho Thái tử đúc nên, chõ thành, Thái tử gửi thư cho Do nói: ‘Xưa có ba cái vạc của Hoàng Đế, có chín vật bảo của nhà Chu, đều lấy một cái đựng món ăn, năm món ăn sao ngon bằng chõ này? Nấu chín món ăn trong cái vạc là để cúng tế Thượng Đế, để nuôi bậc thánh hiền, làm rõ đức xin phúc, không phải vì cái đẹp của nó. Cho nên không phải là người hiền thì không ai làm được; cho nên không có vật này thì chẳng ai có đức dày. Cái chõ đẹp thời nay, lại càng thêm đẹp. Thi Thần nhà Chu, Khảo Phụ của nước Tống, Khổng Khôi của nước Vệ, Ngụy Khảo của nước Tấn, đấy là bốn bầy tôi đều có công đức được khắc trên chuông vạc. Nay giữ việc coi xét nước Đại Ngụy để truyền giáo hóa thánh hiền, đức hạnh lớn lớn, nước ấy đầy nhiều. Thực là điều mà quan Thái thường nên ghi lại, là cái chén đựng đồ tế nên khắc lên. Cho nên khắc chữ lên đây, ghi lại ở miệng chõ để khen ngợi cái tốt đẹp, khiến cho không mục”. Thi Thần Chi xét Hán thư Giao tự chỉ viết: “Thời Hiếu Tuyên Đế, người huyện Mĩ Dương đào được cái vạc, Kinh Triệu Doãn Trương Xương dâng lời bàn nói: ‘Xét vạc có khắc văn nói là: ‘Vương lệnh cho Thi thần làm quan ở Tuần Ấp này. ban cờ chuông, qua ngọc, áo thêu cho người. Thi thần chấp tay cúi đầu nói: ‘Dám không theo Thiên tử để tỏ rõ lệnh tốt sao’. Đấy là cái mà nhà Chu khen tặng cho đại thần, con cháu của đại thần khắc ghi công lao của tổ tiên, cất nó ở miếu quan vậy’”. Văn khắc Khảo Phụ thấy ở Tả thị truyện, văn khắc Khổng Khôi thấy ở Lễ kí, việc này rõ nên không chép. Quốc ngữ viết: “Trận đánh thắng nước Lộ ngày xưa, quân Tần đến mưu đánh bại người Tấn, Ngụy Khảo đem thân mình đuổi quân Tần ở ấp Phụ Thị, tự thân ngăn được Đỗ Hồi; công lao được khắc ghi trên chuông của Cảnh Công, đến ngày nay không truyền cho dòng dõi, con cháu không thể không hưng vậy”. Đấy là bốn người mà Thái tử nói đến. Ngụy lược viết: “Sau Thái Tổ đánh quận Hán Trung, Thái tử ở tại bến Mạnh Tân, nghe nói Do có ngọc quyết, muốn lấy để nói can ngăn Tào Công. Ngâm*

sai sai Lâm Truy Hầu sai người đến khuyên Do. Do liền đưa ngọc quyết đến. Thái tử gửi thư cho Do nói: ‘Ngọc để sánh với đức của quân tử, cho người làm thơ thêm đẹp. Ngọc thùi cực của nước Tấn, ngọc hưng phan của nước Lô, ngọc kết lục của Tống, ngọc hòa phác của nước Sở, giá hơn nghìn vàng, quý trọng như đô thành, có tiếng từ xưa, còn tiếng đến mai sau. Cho nên ngọc thùi cực có ở nước Tấn thì bắt được vua hai nước Ngưu, Quốc; ngọc hòa bích vào nước Tần thì Tương Như giữ khí tiết. Trộm thấy sách ngọc đúng là ngọc đẹp trắng như cắt mỡ, ngọc đen thì như sơn bóng, ngọc đỏ thì như mào gà, màu vàng thì như lúa chín. Lại nghe nói về ngọc, nhưng chưa thấy hình. Dầu đức không phải quân tử, nghĩa không bằng người làm thơ, đức hạnh núi cao là chỗ ngưỡng mộ. Nhưng bốn vật bảo ở xa, từ thời Tần, Hán chưa nghe nói có cái tốt. Cho nên tìm nó nhiều năm, chưa gặp được cái thật, muốn có riêng nhưng không được, đói khát chẳng màng. Gần đây được người quận Nam Dương là Tông Huệ Thúc nói ông trước đây có ngọc quyết. Nghe nói mà mừng rỡ, cười cùng vỗ tay. Nay tự gửi thư đến nói, sợ lời nói chưa xét, cho nên lệnh em trong phủ là Tử Kiến nhờ Tuân Trọng Mậu đưa thư này đến cõi biên. Lại không nở lấy, được thấy thư đến, liền từ đất Nghiệp cưỡi ngựa đến. Ngọc quyết vừa đến, bung đặt vào cái tráp, sáng rõ lóa mắt. Thẹn vì thân mình thô lậu mà được thấy vật bảo hiếm có trên đời, không phiền phải đi sứ một lần, không mất cái giá đi khắp các thành vậy, đã thấy được Chương Đài của Tần Chiêu Vương, lại không tiếc vì dùng lời nói dối mà lấy được, vật đẹp thêm nhiều, dám không nhận lấy!’ Do đáp thư nói: ‘Ngày trước kính nhận chức cùng được ban ngọc quyết, nay đã già cả, vẫn biết vật cũ. Tên nó là phù thái, tất về chỗ của nó. Cho rằng nắm việc có vật bảo này, cho nên bị coi thường, dùng chưa dâng nạp. May có ý muốn đeo, thực là vui mừng. Vào thời họ Hòa ngày xưa, ân cần trung hậu, cho nên Do đợi lệnh, vẫn mang lòng thẹn’”.

[7] Ngụy lược viết: “Tôn Quyền xưng thân, chém đưa đầu Quan Vũ đến, Thái tử gửi thư cho Do, Do đáp thư nói: ‘Người cùng quận với thân là Tư không Tuân Sảng ngày trước nói rằng người ta nên theo tình lí, người yêu ta thế mà yêu được! Người ghét ta thế mà ghét! Nghĩ về Tôn Quyền, lại đã tốt đẹp’. Thái tử lại gửi thư nói: ‘Được thư, biết miền nam có việc vui. Đến như lời bàn hay của Tuân Công về cái tốt đẹp của Tôn Quyền, cầm thư mà cười vui, không thể rời tay. Nếu Quyền lại sáng suốt, nên dùng lời bàn nguyệt đán của Hứa Thiệu để bắt bí. Quyền dạo chơi hai nước, trông mong vào Tuân, Hứa cũng đã đủ rồi’”.

[8] Dị lâm của họ Lục viết: “Do có lúc mấy tháng không hội châu, ý nghĩ khác thường, có người hỏi nguyên nhân, nói: ‘Thường có người đàn bà đến, xinh đẹp khác thường’. Người hỏi nói: ‘Tất là vật quý, nên giết đi’. Sau người đàn bà lại đến, không như trước nữa, đứng ở ngoài cửa. Do hỏi vì

sao, nói: ‘Ông có ý giết ta’. Do nói: ‘Không đâu’. Lại ân cần mời, mời vào. Ý Do tiếc, có lòng không nỡ giết, nhưng vẫn đánh người đàn bà ấy thương ở đời. Người đàn bà liền đi ra, lấy bông mềm lau máu suốt đường. Ngày sau sai người đi tìm dấu vết, đến một ngôi mộ lớn, trong cây có một người đàn bà đẹp, hình dáng như người sống, mặc áo lụa trắng, áo cánh gấm đỏ, bị thương ở đùi trái, lấy bông trong áo cánh lau máu. Chủ ta là Thanh Hà Thái thú nói như thế. Thanh Hà là họ Lục nói vậy”.

Trước đây, Thái Tô hạ lệnh sai bàn kẻ bị tội chết nên xử cắt xẻo không. Do cho rằng: “Xử tội xẻo thịt thời xưa, thánh nhân đã nói, nên dùng trở lại để thay cho tội chết”. Người bàn cho rằng không phải là cái đạo làm cho dân vui, bèn thôi. Đến lúc Văn Đế ban thưởng bầy tôi, chiếu nói: “Đại lí muốn lập lại tội xẻo thịt, đây thật là hình pháp của thánh nhân. Các công khanh nên cùng bàn xem”. Bàn chưa xong, vừa lúc có việc quân, lại thôi. Giữa năm Thái Hòa, Do dâng sớ nói: “Đại Ngụy nhận lệnh, nối dõi Ngu, Hạ. Hiếu Văn Đế thay hình pháp, không hợp đạo xưa. Tiên Đế đức cao cho nên được trời giúp, dựng nên điển chế, chỉ thông suốt một phần. Cho nên đời sau vẫn nên sửa mới, nghĩ lập phép xưa, thành phép thời nay. Nhiều năm dùng quân, vẫn chưa được dùng. Bệ hạ suy nghĩ ý của hai Tiên đế, chỉ chém chân để có thể cấm làm ác, ghét bắt người không có tội phải chết, khiến cho luật hình được làm rõ, cùng bầy tôi bàn bạc. Trước đây người đáng chặt chân phải là bị xét vào tội chết, nên lập lại tội này. Kinh Thư viết: ‘Hoàng Đế xét hỏi dân chúng, người góa bụa xét tội người Miêu’. Đây là nói vua Nghiêu nên đánh dẹp Xi Vưu, cái tội của người Miêu, trước đã được người bàn trong dân chúng xét hỏi vậy. Như việc bắt vào ngục thời nay, đến hỏi các quan Tam hòe, Cửu cực, bầy tôi, muôn dân, đều nói dùng hình pháp thời Hiếu Cảnh Đế, kẻ có tội phải nên vót ở chợ, muốn chém chân phải thì ưng cho. Kẻ bị tội thích chữ, cắt mũi, chém chân trái, thiến, cũng như hình pháp của thời Hiếu Văn Đế, tội nhẹ thì cắt tóc, đánh đòn. Kẻ phạm pháp thường từ hai mươi tuổi đến bốn, năm mươi tuổi, dẫu chém chân của chúng thì vẫn được nuôi sống. Nay người phạm pháp trong thiên hạ ít hơn thời Hiếu Văn Đế, tính ra mỗi năm cả thảy có ba nghìn người. Trương Thương bỏ xử xẻo thịt cho nên mỗi năm phải giết đến vạn người. Thần muôn lập lại tội xẻo thịt để mỗi năm cứu sống ba nghìn người. Tử Cống hỏi rằng có thể giúp dân thế nào để được gọi là có lòng nhân? Khổng Tử nói: ‘Sao phải chỉ ở lòng nhân, vậy cũng là thánh sao, như vua Nghiêu, vua Thuấn vẫn có chỗ kém đây’! Lại nói: ‘Lòng nhân xa sao? Ta muốn lòng nhân, lòng nhân đến vậy’. Nếu làm theo lòng nhân, dân sẽ yên mãi”. Thư tấu xong, hạ chiếu nói: “Thái phó học rộng tài cao, dốc lòng coi việc, lại xét hình pháp sâu xa. Việc lớn này, nên cùng công khanh trăm quan bàn bạc”. Tư đồ Vương Lăng bàn cho rằng: “Do muốn dễ giảm các tội chết để tăng thêm hình phạt chặt đứt chân, đây là ngôi nằm mà dựng lên, hóa thay chết thành người sống vậy. Theo ý ngu của thần, vẫn chưa hợp

ý nhỏ khác. Năm cách xử tội đã ghi vào hình luật, tự nó có cách giảm một bậc tội chết rồi, không xử chết thì giảm. Dùng được đã lâu, không đợi phải mượn búa đục xa xôi ở hình pháp xẻo thịt, sau đó có các bậc tội vậy. Người có lòng nhân thời trước không nỡ dùng cách xử xẻo thịt đau đớn, cho nên bỏ mà không dùng. Từng dùng đến nay, đã qua mấy trăm năm. Nay lại dùng nó, sợ rằng giảm hình pháp chưa thành văn trong mắt muôn dân thì lời xét hỏi về tội xẻo thịt đã lan ra trước rồi, đây không phải là cách kêu gọi người xa đến vậy. Nay xét cái mà Do muốn giảm bớt tội chết, khiến cho giảm tội chết bằng các tội cắt tóc, chặt chân, e rằng là dễ dãi, quay lại với nhiều năm soạn lập. Trong dấu có ân cho sống thay chết không kể hết, nhưng ngoài không có tiếng chặt chân thay cho tiếng gào sợ thôi”. Hơn trăm người bàn, phần nhiều giống với Lãng. Để cho là Ngô, Thục chưa bình, lại thôi. [9]

[9] Viên Hoàn nói: “Lòng dân vui cả thì không thể vẹn cả, đây là vật dùng có lợi thì treo ở ngoài mà lòng ham muốn động ở trong vậy. Cho nên có hành động tranh giành đến lầy, mong tìm việc dễ dãi. Đến lầy không thôi, không đủ được lòng ham muốn, là cái lòng tìm cầu may mắn sinh ra thế. Mong tìm cái không may, không phải là cái mà người ta muốn, là cái tính gian trá giận dữ gây nên vậy. Các bậc Đế Vương ngày trước biết như thế, nếu muốn dẹp cái xấu, có người phải dùng đức hóa trước để dạy bảo lòng chúng; nếu lòng chúng không đổi thì mới dùng hình phạt. Kinh Thư viết: ‘Trăm họ không thân, năm đức không được kính, người phải giữ chức Tư đồ để sửa sang năm lễ nghi. Người Man Di phạm người Hạ, làm ác gây oán, người phải làm kẻ sĩ, dùng năm loại hình phạt’. Vậy thì có đức, đặt hình phạt, xem xét mà dùng được. Thời Tam đại thay nhau, nghĩa đã rõ rồi. Chu lễ viết: ‘Kẻ bị thích chữ thì sai giữ cửa, kẻ bị cắt mũi thì giữ ải, kẻ bị thiên thì giữ trong cung, kẻ bị chặt chân thì giữ vườn’. Phép dùng xử xẻo thịt có thể bàn vậy. Tuân Khanh cũng nói rằng kẻ giết người thì xử chết, kẻ làm thương người thì xử phạt. Là phép giống nhau Đế Vương xưa nay, chưa biết nó có thời nào. Kẻ giết người thì xử chết, mà kẻ giết nhau thì không, tội chết có thể phạt không giết, không thể khiến cho thiên hạ không giết vậy. Kẻ làm thương người thì phạt, kẻ làm hại muôn vật không ngừng, là đáng tội thích chữ, cắt mũi, nếu sợ thì không phạt, nếu thả ra mà không đổi thì bắt xử chết. Cho nên làm ra hình pháp ở tại vùng thay đổi được. Lễ giáo thì không phải, làm rõ thiên ác, cho nên có ý ngầm khuyến khích, cốt ở việc chưa giết vậy; làm rõ cái nhục nhã là để khiến cho lòng chúng thấy then, trị tội cốt ở việc chưa làm bị thương vậy. Cho nên lỗi nhỏ thì không cần ghi vào, tội nhẹ thì không cần xử phạt. Kẻ bị xét tội chết là không thể dùng giáo hóa được nữa, cho nên dấu giết một người sống, xử phạt một người nhưng là trừ cái hại của thiên hạ, há có tổn hại sao! Nếu theo cái đạo này thì phong hóa mới dần dần tốt được, hình phạt mới dần dần ít, lí lẽ đúng thế. Nếu không thay được ý của chúng lại dùng hình phạt, dân làm mất tiết nghĩa, rơi vào vòng hình

lười phạt, làm cho đời yên ổn, há làm được sao? Vua Thành, Khang của nhà Chu há dựa vào hình pháp ba nghìn chữ mà làm đẹp cái hình pháp làm lẫn sao? Cho nên đức hóa dần dần đổ vỡ, dẫn đến như thế cũng có nguyên nhân vậy. Đầu thời Hán bỏ cái xấu của hình phạt tàn khốc, dùng hình pháp nói lỏng, các công khanh đại phu được cùng nhau nói chửi cái lỗi của người khác. Văn Đế lên ngôi, lại thêm hình phạt thích mực đen. Trương Vũ nhận hối lộ, ban vàng để làm hẩn biết thẹn; Ngô Vương không thần phục, dùng lễ để răn bảo cái lỗi của hẩn. Cho nên quan dân vui vẻ theo nghiệp của mình, phong hóa chất phác, dứt hình ngục bốn trăm năm. Những kẻ sau khi được tha chết, không quá năm năm, đã cởi gông cùm, lại được người đời bàn khen. Cho nên dân không cho làm ác là thẹn thì nhiều dối cướp, do đó bọn phạm càng nhiều mà loạn lại không dẹp được vậy. Nếu kẻ nào bỏ lễ giáo, phạt đúng tội đó, làm sai một điều cũng bị đao chém, bị diệt thân không được sống đến già, người xung quanh vẫn chửi rửa kẻ đó, huống chi là người cùng làng ấp? Huống chi là triều đình? Nếu thế thì bọn Túc Sa, Triệu Cao không làm được điều ác của chúng vậy. Người xưa xét lời nói, xem việc làm mà kể rõ thiện ác. Vậy thì phép tắc của quân tử là dùng hình phạt xử chết đã có từ lâu rồi. Nếu chẳng may lỗi làm thì tám lần bàn mới tha thứ vậy. Như nỗi oan của Biện Hòa, Thái sử Tư Mã Thiên là do hình pháp lỗi làm dẫn đến vậy. Nếu bỏ đao áy thì không bỏ được hình phạt nặng nề, huống chi là hình phạt xẻo thịt? Hán thư viết: ‘Phạt chém chân trái và giết chết phải tự báo trước, quan lại phạm tội nhận hối lộ, giữ của công mà trộm lấy nó thì đều vớt ở chợ’. Đây là Ban Cố nói về kẻ đáng sống mà chuốc lấy cái chết vậy. Nay không nỡ làm cái thảm khốc của việc khắc chém, lại làm yên dịu cái đau đớn của việc giết chóc, đây là việc sửa trị trước tiên nên làm, cũng là cái mà nhà nước nên thay đổi vậy”.

Năm Thái Hòa thứ tư, Do hoăng. Đế mặc áo trắng đến điều, đặt thụy là Thành Hầu. [10] Con là Dục thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Dục, phong em Dục là Diễn và con là Thiệu, cháu là Dự làm Liệt hầu.

[10] Ngụy thư viết: “Quan Hữu ti bàn đặt thụy, cho rằng Do trước kia làm Đình úy, giảng giải hình pháp, làm rõ nghi ngờ, dân không than oán, như Vu, Trương ở thời Hán vậy. Chiếu nói: ‘Thái phó công cao đức dày, làm đến Sư, Bảo, bàn nên tặng thụy, thường dựa vào đấy trước, đức sánh với Đình úy Vu, Trương’. Bèn tặng thụy là Thành Hầu”.

Dục tự Trĩ Thúc. Mười bốn tuổi làm Tấn kị Thị lang, nói cười nhanh nhẹn, có phong độ của cha. Đầu năm Thái Hòa, Thừa tướng của Thục là Gia Cát Lượng vây huyện Kì Sơn. Minh Đế muốn đánh phương tây, Dục dâng sớ nói: “Bây kẻ cốt ở chỗ triều đình, đánh trận cốt ở chỗ màn trướng, không nên hạ thấp cái oai trên của cung điện mà cố ham thắng ở ngoài chỗ nghìn dặm, xe vua nên giữ gìn ở Trung Quốc để làm thế oai cứu giúp bốn phương. Nay

đại quân đánh phương tây, dầu có cái oai gấp đôi, nhưng cái tốn phí của miền Quan Trung không phải chỉ có một phần. Vả lại đang buổi nắng to mà đem quân đi, người đi thêm mệt, thực không phải là lúc bậc tôn quý ngồi xe đi vậy”. Chuyển làm Hoàng môn Thị lang. Bảy giờ dựng cung thất lớn ở Lạc Dương, xe vua lại đến ở thành Hứa Xương, thiên hạ phải về châu ở thành Hứa Xương. Mà thành Hứa Xương chật hẹp, bèn dựng điện da len ở phía nam thành, sắp đặt đủ cá rồng liên tiếp, dân mệt vì lao dịch. Do can, cho rằng: “Nước cạn cũng có lúc, kho tàng trống rỗng, nếu đều như thế, phải chờ năm đầy đủ”. Lại dâng sớ nói: “Nên lập lại việc mở mang đất hoang miền Quan Nội, khiến cho dân được gắng sức làm nông”. Việc bèn được làm. Giữa năm Chính Thủy, làm Tán kị Thị lang Thường thị. Đại Tướng quân Tào Sảng lúc giữa mùa hạ đem quân đánh Thục, quân Thục chống giữ, quân không đi được. Sảng đang muốn thêm quân, Do gửi thư nói: “Trộm nghĩ rằng, bày kế ở triều đình thì không cần đến tên đạn; quân của Đế vương đi mà không cần đánh. Cho nên dùng can qua để chinh phục người Miêu, lui chân về để gthu nạp tướng giặc, không nên phải như Ngô Hán đến ở cửa Giang Quan, đuổi Hàn Tín ở đáy Tinh Hình vậy. Thấy được thì đi, biết khó thì lui là phép tắc thời xưa. Mong ông hiểu rõ”! Sảng không có công mà về. Sau vì trái ý Sảng, chuyển chức Thị trung, ra làm Ngụy Quận Thái thú. Sảng đã bị giết, vào làm Ngự sử Trung thừa, Thị trung Đình úy. Mặc cho cha, vua đã chết thì con, tôi vẫn được nói lời chê bai, được nối làm tước Hầu thì vợ của mình không được lấy chồng nữa, đây là việc mà Do làm trước vậy.

Giữa năm Chính Nguyên, Vô Khâu Kiệm, Văn Khâm phản, Dục cầm cờ tiết đến miền Dương Châu, Dự Châu ban bố chiếu lệnh, khuyên dụ quân dân, trở về làm Thượng thư. Gia Cát Đản phản, Đại Tướng quân Tư Mã Văn Vương bàn tạt đến huyện Thọ Xuân đánh Đản. Gặp lúc Đại tướng của Ngô là Tôn Nhất đem quân đến hàng, có kẻ cho rằng: “Nước Ngô mới có người phản, tất không thể đem quân đi. Quân miền đông đã nhiều, nên xét hỏi kỹ”. Dục cho rằng: “Bàn việc đánh địch, nên lấy ta mà xét người. Nay Đản đem đất Hoài Nam dâng cho nước Ngô, mà quân mà Tôn Nhất dẫn đi không đến nghìn người, nay không quá ba trăm người. Quân mà nước Ngô làm mà không có bao nhiêu. Nếu chưa giải vây cho huyện Thọ Xuân thì trong nước Ngô chuyển thành yên, không nên không đi vậy”. Đại Tướng quân nói: “Hay”. Bèn đem Dục đi. [11] Đất Hoài Nam đã bình, làm Thanh Châu Thứ sử, thêm chức Hậu Tướng quân, chuyển làm Đô đốc Từ Châu chư quân sự, Giả tiết, lại chuyển làm Đô đốc Kinh Châu. Năm Cảnh Nguyên thứ tư, hoẵng, truy tặng chức Xa kị Tướng quân, thụy là Huệ Hầu. Con là Tuấn thay. Em Dục là Hội, tự có truyện viết.

[11] Thần Tông Chi cho rằng Gia Cát Đản đem đất Hoài Nam dâng cho Ngô, Tôn Nhất đem ba trăm người đến hàng Ngụy, nói là Ngô có phản, lời

này không có lí. Lời bàn của Dục, há đủ hay sao!

HOA HÂM TRUYỆN

Hoa Hâm tự Tử Ngự, người huyện Cao Đường quận Bình Nguyên. Cao Đường là nơi đô hội nổi tiếng của đất Tề, các đồ mũ áo không có cái gì là không có trong chợ. Hâm làm quan, xong việc công lại ra phủ về nhà đóng cửa lại. Bàn luận giữ công bằng, không làm tổn thương người khác. [12] Người cùng quận là Đào Khâu Hồng cũng được người đời biết đến, tự cho rằng mình sáng suốt hơn Hâm. Bấy giờ Vương Phân cùng bọn hào kiệt mưu bỏ Hiến Đế. Lời này chép tại Vũ Đế kỉ. [13] Phân ngầm gọi Hâm, Hồng cùng đặt kế, Hồng muốn đi, Hâm ngăn Hồng nói: “Bỏ hay lập là việc lớn, là cái mà Y, Hoắc cho là khó làm. Và lại tính Phân mềm yếu không được mạnh mẽ, việc này tất chẳng xong mà họa sẽ ập đến họ hàng. Ông đừng nên đến”! Hồng nghe lời Hâm mà thôi. Sau này Phân quả đúng thua, Hồng mới chịu phục. Cử làm Hiếu liêm, làm chức Lang trung, có bệnh, bỏ chức. Linh Đế băng, Hà Tiến phụ chính, gọi người quận Hà Nam là Trịnh Thái, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du và bọn Hâm đến. Hâm đến, làm Thượng thư lang. Đồng Trác dời Thiên tử đến ở Trường An, Hâm xin ra làm Hạ Khuê Lệnh, có bệnh lại không đi, bèn từ huyện Lam Điền đến quận Nam Dương. [14] Bấy giờ Viên Thuật ở tại đất Nhưông, giữ Hâm lại. Hâm khuyên Thuật đem quân đánh Trác, Thuật không nghe theo. Hâm muốn bỏ đi, gặp lúc Thiên tử sai Thái phó Mã Nhật Đê đi về vùng Quan Đông, Nhật Đê cho Hâm làm quan Duyệt. Đi về miền đông đến Từ Châu, rồi hạ chiếu bái Hâm làm Dự Chương Thái thú, làm việc trong sạch không phiền nhiễu, quan dân cảm kích mà yêu mến Hâm. [15] Tôn Sách lấy đất Giang Đông, Hâm biết Sách giỏi dùng binh, bèn buộc khăn chờ đón. Sách cho Hâm là bậc trên, dùng lễ khách trên đãi Hâm. [16] Sau đó Sách chết. Thái Tổ ở tại Quan Độ, dâng biểu xin Thiên tử gọi Hâm. Tôn Quyền không muốn sai đi, Hâm bảo Quyền nói: “Tướng quân nhận lệnh vua, mới giao kết với Tào Công, chức phận chưa vững, sai kẻ hèn này đến để tỏ rõ làm lòng thành của Tướng quân, há không có ích sao? Nay giữ kẻ hèn này lại rồi rồi, đây là giữa một vật không dùng được, không phải là kế hay của Tướng quân vậy”! Quyền ưng, bèn sai Hâm đi. Bọn bạn bè, tân khách tiễn Hâm đến hơn nghìn người, tặng cho mấy trăm lượng tiền, Hâm đều không cầm lấy của ai, ngầm đều ghi nhớ, đến lúc sắp đi, đều tụ các vật lại, bảo các tân khách nói: “Ta vốn không từ chối lòng thành của các ông, mà nhận lại nhiều. Nghĩ rằng ngồi xe một mình đi xa sẽ mang lấy tội lấy nhiều ngọc, mong tân khách nghĩ kĩ”. Mọi người đều giữ vật mà mình tặng lại mà phục đức của Hâm.

[12] *Ngụy lược viết: “Hâm cùng người quận Bắc Hải là Bình Nguyên, Quận Ninh đều du học, ba người thân nhau, bấy giờ người đời gọi ba người là ‘một con rồng’, Hâm là đầu rồng, Nguyên là bụng rồng, Ninh là đuôi*

rông”. Thân là Tùng Chi cho rằng: Bình Căn Củ có tiếng tốt đạo hay, không phải thẹn với Hoa Công, Quán Ấu An lại có đức ở ẩn, lại e rằng không đáng là đuôi rồng. Ngụy lược viết như thế, chưa phải là đúng trước sau vậy.

[13] Ngụy thư viết là Phân có tiếng cao ở thiên hạ.

[14] Hoa kiêu phả tự viết: “Hâm thuở trẻ có đức cao tiếng tốt. Tránh loạn kinh tây, cùng kẻ chung chí hướng là sáu người bạn Trịnh Thái, lên đi ra khỏi cửa Vũ Quan, trên đường gặp một ông già đi một mình, xin cùng đi, đều thương cảm ưng cho. Chỉ có Hâm nói: ‘Không nên. Nay đang ở trong lúc nguy hiểm, họa phúc hoạn hại không chỉ có một. Không quen mà nhận người ta, không biết người ta thế nào. Nếu đã nhận người ta, nhờ có lúc tiến hoặc lui, bỏ người ta được sao’. Mọi người không nỡ, rút cuộc cùng đi. Ông già ấy đi trên đường rơi xuống giếng, đều muốn bỏ người này. Hâm lại nói: ‘Đã cùng đi rồi, nếu bỏ người ta là bất nghĩa’. Cùng nhau đem người này lên rồi mới chia tay. Mọi người đều khen ngợi Hâm”.

[15] Ngụy lược viết: “Dương Châu Thứ sử Lưu Do chết, dân trong châu muốn bầu Hâm làm chủ. Hâm cho là vì thời thế mà tự ý ra lệnh là không hợp đạo của bầy tôi. Dân giữ ý nhiều tháng, cố ý bắt làm, nhưng cũng không theo”.

[16] Ngô lịch của Hồ Xung viết: “Tôn Sách đánh quận Dự Chương, sai Ngu Phiên dụ Hâm trước. Hâm đáp nói: ‘Hâm ở lâu tại miền Giang Biểu, thường muốn về miền bắc; nay Tôn Cối Kê đến, tại lại được đi vậy’. Phiên về báo Sách, Sách bèn đem quân đến. Hâm đội khăn vải đón Sách, Sách bảo Hâm nói: ‘Ông phủ đức lành tiếng cao, xa gần đều nghe; Sách tuổi thơ dại, nên dùng lễ của bậc con em’. Bèn cúi bái Hâm”. Hoa kiêu phả tự viết: “Tôn Sách lấy được Dương Châu, quân đông đến gần quận Dự Chương, cả quận sợ hãi. Quan thuộc xin ra ngoài thành đón, Hâm nói: ‘Không được’. Sách bèn đến, lại xin đem quân ra, lại không nghe. Vừa lúc Sách đến, cả phủ đều làm gác, xin đi tránh Sách. Lại cười nói: ‘Nay tự đem quân đến, sao lại vội tránh?’ Chốc lát, thuộc hạ báo nói: ‘Tôn Tướng quân đến’. Xin gặp, bèn đến cùng ngồi với Hâm, nói chuyện hồi lâu đến đêm mới đi. Kẻ sĩ nghe nói đều thở dài và lòng mới tự yên vậy. Sách bèn giữ lễ con em, dùng lễ khách trên. Bảy giờ kẻ sĩ, đại phu tránh loạn đến tại miền Giang Nam rất đông, đều đến dưới chỗ Hâm, người người trông mong. Hễ Sách hội họp, người ngồi trên chẳng ai dám nói ra trước, Hâm bảy giờ đứng dậy thay áo, rồi bàn luận sôi nổi. Hâm uống rượu tốt, đến hơn một thạch mà không say, mọi người dòm xét, thường thấy Hâm sửa mũ áo là cho là lạ, người Giang Nam gọi Hâm là ‘ông Hoa ngồi một mình’”. Giang Biểu truyện của Ngu Phổ viết: “Tôn Sách ở tại huyện Tiêu Khâu, sai Ngu Phiên dụ Hâm. Phiên đã đi, Hâm mời Công tào Lưu Nhất vào bàn. Nhất khuyên Hâm giữ ở thành, sai người đem hịch đón quân. Hâm nói: ‘Ta đâu là được Lưu Thứ sử sắp đặt, tin dùng, vẫn là

quan cầm phù tiết vậy. Nay theo lời ông, sợ rằng lúc chết vẫn còn bị trách tội'. Nhất nói: 'Vương Cảnh Hưng đã được nhà Hán dùng, vả lại thời nay quân dân Cối Kê đông mạnh, vẫn được tha thứ, ông phủ còn lo gì'? Do đó buổi đêm viết hịch đón, sáng sớm ra thành, sai quan lại đến đón. Sách bèn đem quân đến, gặp nhau với Hâm, dùng lễ khách trên mà đãi, dùng lễ bạn bè mà tiếp". Tôn Thịnh nói: Ôi cách làm việc hay là nên xét lời hẹn tôi hay rõ trước để định chức phận, thời xấu thì bao bọc để giữ thân mình, thời tốt thì làm việc nghĩa để đạt cái đạo của mình. Hâm đã không bị giết, không tỏ rõ phong thái rời xa, lại làm mất cái tiết tháo trung thành của bầy tôi, cho nên lòng ngã theo lời của bọn Nho xấu, giao kết với bọn xằng bậy, bị một thằng trẻ con cướp chức, làm giảm tiết tháo ở thời ấy. Xưa Hứa, Thái mất chức vị, không được liệt làm chư hầu; việc của Châu Công, Thục Lai xưa, đến nay người đất Lỗ vẫn cho là nhục nhã. Huống chi là Hâm, lỗi nào lớn hơn!

Hâm đến, bái làm Nghị lang, tham mưu việc quân cho quan Tư không, vào làm Thượng thư, chuyên làm Thị trung, thay Tuân Úc làm Thượng thư lệnh. Thái Tổ đánh Tôn Quyền, cho Hâm làm Quân sư. Nước Ngụy đã dựng, làm Ngự sử Đại phu. Văn Đế lên ngôi Vương, bái làm Tướng quốc, phong An Lạc Hương Hầu. Lúc lên ngôi Đế, đổi làm Tư đồ. [16] Hâm vốn tính khắc khổ, bỗng lộc được ban tặng đều đem cấp cho bạn cũ, họ hàng, trong nhà không chứa đủ một thạch, một đảm gạo. Công khanh thường đều được ban thì cho vào miệng ăn, chỉ có Hâm đem ra cho người khác. Đế than thở. [17] Hạ chiếu nói: "Quan Tư đồ là bậc già cả của nhà nước, là người trông coi các điều hòa âm dương. Nay các quan lớn ăn món ngon, mà quan Tư đồ ăn món nhạt, thật không còn gì nói". Ban riêng cho áo của vua, cùng làm quần áo cho vợ con trai gái của Hâm. [18] Tam phủ bàn rằng: "Cử làm Hiếu liêm, cốt ở đức hạnh, không bó buộc ở việc thử kinh truyện". Hâm cho rằng: "Từ thời nhiễu loạn đến nay, sáu cõi đổ vỡ, nay đang lúc dựng lại để sửa lại đạo lí. Kẻ làm trái phép chế dẫn đến thịnh thành suy. Nay nghe nói cử Hiếu liêm không dùng cách thử kinh truyện, sợ rằng nghề học do đó mà bị bỏ. Nếu có kẻ tài lạ, nên gọi đến dùng. Chỉ lo không có người như thế, lo gì không tìm được người như thế"? Đế theo lời này.

[16] Ngụy thư viết: "Văn Đế nhận ngôi, Hâm lên đàn cùng bàn, nhận ấn thao của Hoàng đế để làm xong lễ nhận lệnh". Hoa kiệu phả tự viết: "Văn Đế nhận ngôi, bầy tôi từ bậc Tam công trở xuống đều nhận tước vị; Hâm bảy giờ tỏ sắc mặt trái ngược, chuyển làm Tư đồ mà không thêm tước vị. Ngụy Văn Đế lâu ngày không vui, đem việc này hỏi Thượng thư lệnh Trần Quần nói: 'Ta theo mệnh trời nhận ngôi, trăm quan bầy tôi chẳng ai không vui mừng, lộ vẻ trên mặt, vậy mà Tướng quốc và ông không vui, sao thế'? Quần đứng dậy rời chiếu quỳ lạy nói: 'Thân cùng Tướng quốc từng thờ nhà Hán, lòng đâu vui mừng, nếu tỏ ra mặt thì cũng sợ Bộ hạ tặng đúng tước vị

lại bị ghét vậy'. Để cả mừng, bèn thêm kính trọng”.

[17] Tôn Thịnh nói: “Thịnh nghe nói thưởng dùng vật tốt, phạt nên dùng oai, phải cốt ở người chủ, quyền bính nên rộng thứ, gốc từ người làm vua. Tử Lộ biểu riêng, Trọng Ni đập vỡ bát ăn; họ Điền làm cướp, sách Xuân thu chê cười. Trở thành lời khen hay chê ấy, đã đúng rõ nghĩa vậy. Kẻ bị phạt tội thì hình pháp chờ sẵn, nhà được ban tặng thì vật ban tặng được ban cho, nếu có thương xót thì cũng không nên đối đãi lệch lạc. Hâm giữ phạm đùi tay, cùng chức quan đứng đầu thì nên nói rõ với triều đình để biểu dương lộc trời, vậy mà yên lặng nhận ban tặng, chỉ mình làm quân tử, đã phạm vào điều cấm của việc ban phúc, lại trái với cái nghĩa của việc phải từ chối, có thể nói đây là cái lòng nhân của kẻ thất phu, không phải là đạo thẳng vậy”. Ngụy thư viết: “Tĩnh Hâm tử mĩ, làm việc cẩn thận, thường cho rằng bầy tôi khi bàn việc, các việc như can gián phải hợp đạo mới quý, lúc có lời bàn cũng không dám nói rõ ra, cho nên việc của Hâm phần nhiều không được chép”. Hoa kiệu phả tự viết: “Hâm thờ ơ với tiền của, các vật được ban tặng trước sau đều các quan được ban tặng cũng không ai sánh kịp, nhưng cuối cùng không có tiền của dư thừa. Trần Quân thường than nói: ‘Nhu Hoa Công có thể nói là thông thoáng mà không tốt, trong sạch mà ngay thẳng vậy’”. Phó Tử nói: “‘Dám hỏi quân tử của thời nay là ai’? Đáp nói: ‘Viên Lang trung tích đức tiết kiệm, Hoa Thái úy tích đức giữ thuận, theo kịp được cái trí của họ nhưng không theo kịp sự trong sạch của họ vậy. Đem lòng trung thờ vua, lấy lòng nhân giúp kẻ dưới, Ân Anh, Hành Phi lấy gì hơn được’”?

[18] Ngụy thư viết: “Lại ban cho năm mươi nô tì”.

Giữa năm Hoàng Sơ, hạ chiếu công khanh cử người quân tử đức hạnh, Hâm cử Quản Ninh, Đế dùng xe đến đón về. Minh Đế lên ngôi, tiên phong Bác Bình Hầu, thêm áp năm trăm hộ cùng một nghìn ba trăm hộ lúc trước, lại bái làm Thái úy. [19] Hâm xưng bệnh xin lui, nhường chức cho Ninh. Đế không nghe. Sắp đến hội châu, bèn sai Tán kị Thường thị Mậu Tập đem chiếu dụ đến nói: “Trẫm vừa coi xét việc, mỗi ngày có vạn việc, sợ rằng xét đoán không rõ. Nhờ vào bầy tôi có đức, giúp đỡ cho trẫm, mà ông thường xưng bệnh từ chức. Vua xét chủ chọn, không chỉ ở lúc hội châu, trao vinh bỏ lộc, không xét đến chức vị, là cái mà người xưa có rồi. Xem thấy Chu Công, Y Doãn thì không như thế. Giữ tiết trong sạch, người ta thường làm thế, không mong ông làm thế. Ông nên gắng đến hội châu để ban ân cho một người. Sẽ đặt mấy cái chiếu, lệnh trăm quan đến ngồi để đợi ông đến, sau đó trẫm mới ngồi”. Lại hạ chiếu cho Tập nói: “Đợi Hâm dậy rồi mới về”. Hâm bắt đặc dĩ phải dậy.

[19] Liệt dị truyện viết: “Thời Hâm còn đi học, từng ở trọ ngoài nhà người ta. Vợ của chủ nhà buổi đêm sinh con. Chốc lát, có hai viên quan đến

cửa, lại thay nhau gõ cửa, bảo nhau nói: ‘Công ở đây’. Chờ đợi hồi lâu, một viên quan nói: ‘Số sách phải ch, sao lại đứng đây?’ Bèn đi đến hỏi Hâm, cùng đi vào. Cũng cùng ra, cùng nói: ‘Nên cho mấy tuổi?’ Một người nói: ‘Cho ba tuổi’. Ngày sau, Hâm đi. Sau đó muốn xét lại việc này, đến ba năm, bèn đến xem tin tức của đứa bé, quả đã chết. Hâm lại tự biết mình làm Công”. Thần là Tùng Chi cho rằng: Xét sách Tấn Dương thu cũng nói về việc Ngụy Thư thuở nhỏ có ở trọ cũng như thế. Cho rằng về lí không có hai người đều có việc này, cũng vì người bảo nhau không giống nhau. Sao tin Liệt dị truyện?

Giữa năm Thái Hòa, sai Tào Chân từ hang Tí Ngọ đi đánh Thục, xe vua về phía đông đến Hứa Xương. Hâm dâng sớ nói: “Thời binh loạn đến nay, trải qua hai đời. Đại Ngụy theo trời nhận lệnh, Bệ hạ có đức cao rộng rãi, nên mở rộng cơ nghiệp một thời, nối theo vết tích của Tam vương. Nay dầu có hai tên giặc dựa vào chỗ hiểm mà chống lệnh, nhưng giáo hóa ngày càng sửa tốt thì người phương xa trông mong, sẽ cống địu nhau mà đến. Binh bất đắc dĩ mới dùng, nên dừng lại mà điều động tùy lúc. Thần thực mong Bệ hạ dốc lòng sửa đạo việc trước, đánh dẹp là việc sau. Vả lại nghìn dặm vận lương, không phải là cái lợi của việc dùng binh; vào sâu chỗ hiểm, không chỉ có cái công đánh trận. Nghe nói việc kêu gọi lao dịch năm nay có phần làm lỡ việc cày cấy. Người trị nước lấy dân làm nền, dân lấy việc cày cấy làm gốc. Nếu Trung Quốc không có nỗi lo đói rét, trăm họ không có lòng rời đất đai, thì thiên hạ may lắm, cái xấu của hai kẻ địch có thể ngồi mà đợi vậy. Thần nắm chức Tể tướng, bệnh già lâu ngày, mệnh chó ngựa sắp hết, sợ không còn được bái gặp dưới ô lọng, không dám không dốc hết lòng của bầy tôi, mong Bệ hạ xét kĩ”! Đế báo nói: “Ông nghĩ kế sâu xa cho nhà nước, trăm rất khen ngợi. Giặc dựa vào sông núi, hai vị tổ tiên khó nhọc ở đời trước vẫn không đánh dẹp được, trăm há dám tự cao, quyết diệt được giặc sao! Các tướng cho rằng không thể lấy được trong một chốc, không phải vì tự làm khó giặc, đây là đem quân để dò xét cái xấu của giặc thôi. Nếu thời cơ chưa đến thì đem quân lính về, cũng để soi xét việc trước, là điều răn dạy mà trăm kính theo không quên”. Bấy giờ mùa thu mưa to, hạ chiếu Chân dẫn quân về. Năm Thái Hòa thứ năm, Hâm hoẵng, thụy là Kính Hầu. [20] Con là Biểu thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Hâm, phong em Hâm là Tập làm Liệt hầu. Biểu giữa năm Hàm Hi làm Thượng Thư. [21]

[20] Ngụy thư viết: “Hâm bấy giờ bảy mươi lăm tuổi”.

[21] Hoa kiều phả tự viết: “Hâm có ba người con. Biểu tự Vĩ Dung, hơn hai mươi tuổi làm Tấn kị Thị lang. Bấy giờ các quan Lang cùng bàn việc Thượng thư. Việc Thượng thư đến, có chỗ không thuận, cho nên bỏ sót không xem, đến lúc người đưa thư đi, liền vào bàn bạc sâu xa. Chỉ có Biểu không cho là đúng, việc đến có chỗ không thuận, liền cùng Thượng thư bàn

hết các ý, người chủ việc cố giữ ý mình, bất đắc dĩ sau đó cùng dâng tâu bàn bạc. Bọn Tư không Trần Thái, Trần Quân do đó khen Biểu. Làm quan cho nhà Tấn, trải qua các chức Thái tử Thiếu phó, Thái thường. Xưng bệnh về nghỉ, bái làm Quang lộc Đại phu. Tính thanh đạm, thường lo đạo lí của thiên hạ suy kém. Bọn Tư đồ Lí Dận, Tư lệ Vương Mật, Vương Hoảng thường khen nói: ‘Nhu người này, không thể quý trọng được, không thể coi thường được, không thể gàn gũi được, không thể xa lánh được’. Con giữa là Bác, làm qua chức Nội sử của ba huyện, làm việc có tiếng tăm. Con út là Chu, làm Hoàng môn Thị lang, Thường Sơn Thái thú, học rộng có văn vẻ. Tuổi trung niên mắc bệnh, chết tại nhà. Biểu có ba người con. Con cả là Dực, tự Trường Tuấn”. Tấn chư công tán viết: “Dực có văn vẻ, làm qua các chức Thượng thư lệnh, Thái tử Thiếu phó, truy tặng chữ Quang lộc Đại phu Khai phủ. Kiêu tự Thúc Tuấn, có học giỏi, soạn sách Hậu Hán thư, người đời khen là quan tốt. Làm Bí thư giám, Thượng thư. Đạm tự Huyền Tuấn, được biết tên tuổi nhất, làm Hà Nam Doãn. Dực có ba người con. Côn tự Kính Luân, trong sạch tiết kiệm, làm Thượng thư. Hội tự Kính Thúc. Người đời khen ngợi Hội ngay thẳng. Hằng tự Kính Tắc, thông suốt sánh với Côn, làm Thượng thư; Hội làm Hà Nam Doãn; Hằng làm Tả Quang lộc Đại phu Khai phủ; con Đạm là Dật, tự Ngạn Hạ, có tài chí ở thời ấy, làm Giang Châu Thứ sử”.

VƯƠNG LÃNG TRUYỆN

Vương Lãng tự Cảnh Hưng, người quận Đông Hải. Vì học thông kinh truyện được bá làm Lang trung, làm chức Tri Khâu Trưởng. Thầy là Thái úy Dương Tứ, Tứ hoẵng, bỏ việc quan đến chịu tang. Cử làm Hiếu liêm, tránh phủ của Tam Công, không đến. Từ Châu Thứ sử Đào Khiêm xét Lãng làm Mậu tài. Bảy giờ Hán Đế ở tại Trường An, quân Quan Đông nổi dậy, Lãng làm quan Trị trung của Khiêm, cùng bọn Biệt giá Triệu Hiến khuyên Khiêm nói: “Nghĩa của sách Xuân thu là giúp chư hầu chẳng bằng giúp nhà vua. Nay Thiên tử qua ở kinh tây, nên sai sứ giả đến nghe lệnh của nhà vua”. Khiêm bèn sai Hiến đem thư đến Trường An. Thiên tử khen ý ấy, bá Khiêm làm An đông Tướng quân, lấy Hiến làm Quảng Lăng Thái thú, Lãng làm Cối Kê Thái thú. [22] Tôn Sách qua sông Giang chiếm đất. Quan Công tào của Lãng là Ngu Phiên cho rằng sức mình không chống được, không bằng tránh đi. Lãng tự cho thân mình là quan của nhà Hán, nên giữ thành ấp, bèn đem quân đánh với Sách, thua vỡ, vượt biển đến huyện Đông Dã. Sách lại đuổi đánh, đại phá quân Lãng. Lãng bèn đến chỗ Sách. Sách cho là người nho nhã, nhún nhường mà không làm hại. [23] Dầu rơi vào cảnh khôn khó, sớm chẳng mong đến tối, lại thu nạp người thân, bạn bè, chia của nhiều cát cho kẻ ít, làm việc nghĩa rất sáng rõ.

[22] Lãng gia truyện viết: “Quận Cối Kê trước đây té Tần Thủy Hoàng, đẽo gỗ làm tượng, cùng đặt trong miếu với Hạ Vũ. Lãng đến làm quan, cho rằng là vua không có đức, không nên được tế, do đó bỏ tế. Ở tại quận bốn năm, có ân với dân”.

[23] Hiến Đế Xuân thu viết: “Tôn Sách đem quân đến đất Mân Việt đánh Lãng. Lãng lên thuyền vượt biển, muốn chạy đến Giao Châu, bị quân đuổi riết, bèn đến chỗ quân để hàng. Sách lệnh sứ giả báo cho Lãng nói: ‘Hỏi giặc phản Cối Kê Thái thú Vương Lãng trước đây rằng: Lãng nhận ơn nhà nước làm quan, sao lại không làm việc đền đáp ân đức mà lại đem quân ngăn chặn? Đại quân đánh dẹp, đến trừ bọn xấu, vậy mà không tự giúp đỡ, lại tự đảng quân, đóng giữ trong quận. Quân ta đi đánh, lại không thuận theo. Đuổi bắt lại hàng, có lẽ giả lừa để giữ vẹn đầu cổ, người phải đến nếu không đem hết tình trạng báo lên’. Lãng nói là thân bị bắt giữ, đáp sứ giả nói: ‘Lãng vì tài lẻ, làm lỡ ân vua, nhận chức không nhường, gây nên tội trói. Trước bị đánh dẹp, sợ chết nên tránh. Nhân đây sửa quân, gửi mạng qua ngày. Đại quân theo đuổi, sợ hãi đến hàng. Người theo bệnh tật, chết mất gần hết. Đi cùng mẹ già, cưỡi một thuyền nhỏ. Tên lạc vừa bắt, bỏ thuyền chịu bắt, cúi đầu trán tự chui vào ở nơi trận đánh. Lãng sợ hãi không thôi, tự xưng là kẻ giặc hàng. Trước đây mê lầm, vừa thẹn vừa sợ. Lãng ngu dốt hèn kém, sợ oai tự hãi. Lại không ngay thẳng, không sớm theo về. Cho

nên bị phá vỡ, sau đó trao mạng làm kẻ lệ thuộc. Thân mang tội lớn, chết vẫn còn tội. Lấy dây buộc cổ, xỏ chân vào gông, gào thét thành lời, báo khắp đông tây”’.

Thái Tổ gửi thư gọi, Lãng từ huyện Khúc A men theo sông mà đi, nhiều năm mới đến. [24] Bái làm Giám nghị Đại phu, tham dự việc quân của quan Tư không. [25] Nước Ngụy vừa dựng, làm Quân tế tửu, lĩnh chức Ngụy Quận Thái thú, chuyển làm Thiếu phủ, Phụng thường, Đại lí. Làm việc khoan thứ, hình phạt giảm nhẹ. Chung Do xét rõ hình pháp lúc ấy, đều được khen là giỏi xét ngục. [26]

[24] Lãng được gọi mà chưa đến. Khổng Dung gửi thư cho Lãng nói: “Đường đời ngăn trở, tình người cắt đứt, nhớ mong ân lớn. Trước thấy biểu thư, biết được bắt chước vết tích Thành Thang, Vũ Vương kể tội mình, tự ném mình nơi miền ông như hình phạt của Côn, xem chưa xong hết, nước mắt đầm đìa. Vua trên nhân từ rộng rãi, quý người có đức, tha thứ người mắc lỗi, Tào Công phụ chính, người hiền được đứng vững. Gửi thư cho thuộc hạ, ân cần nông hậu. Biết ông chèo thuyền vượt biển, đậu tại Quảng Lãng, không ngờ gấu vàng xông khỏi vực Vũ. Cười nói có lúc, hãy yêu thân mình”. Hán Tân Xuân thu viết: “Tôn Sách vừa bắt được Lãng, nhún nhường Lãng. Sai Trương Chiêu hỏi riêng Lãng, Lãng thề không chịu cúi, Sách giận nhưng không dám làm hải, giữ lại tại Khúc A. Năm Kiến An thứ ba, Thái Tổ gửi thư gọi Lãng về, Sách sai Lãng đi. Thái Tổ hỏi nói: ‘Tôn Sách lấy gì để có được như thế?’ Lãng nói: ‘Sách dùng cảm đứng đầu trên đời, có hùng tài chí lớn. Trương Tử Bó là người mong mỏi của dân, ngoảnh mặt về phía bắc làm Tướng quốc. Chu Công Cản là hào kiệt của vùng Giang Hoài, dương tay mà làm Tướng quân của Sách. Một khi thành công, cái mà hấn mưu tính không nhỏ, cuối cùng trở thành giặc lớn của thiên hạ, không chỉ là bọn trộm cướp mà thôi”’.

[25] Lãng gia truyện viết: “Lãng thuở nhỏ kết bạn với danh sĩ nước Bái là Lưu Dương. Dương làm Cử Lệnh, ba mươi tuổi thì chết, cho nên người đời sau ít nghe nói. Trước đây, Dương vì nhà Hán suy yếu, biết Thái Tổ có hùng tài, sợ liên lụy cho nhà Hán, ý muốn trừ Thái Tổ nhưng việc chẳng xong. Đến lúc Thái Tổ lên ngôi quý, tìm người nối dõi của Dương rất gấp, con của Dương sợ hãi, không có chỗ náu. Họ hàng của Dương dẫu nhiều nhưng chẳng ai dám giấu. Lãng bèn nhận nuôi nhiều năm, đến lúc từ Cối Kê về, lại nhiều giải thích. Thái Tổ lâu ngày bèn tha cho. Người nhà của Dương do đó được trọn vẹn”’.

[26] Ngụy lược viết: “Thái Tổ hỏi mọi người, chợt Lãng nói: ‘Không bắt chước được ông xưa kia ở tại Cối Kê cắt lúa mà ăn’. Lãng ngẩng mặt mà than nói: ‘Làm được thật khó!’ Thái Tổ hỏi: ‘Là sao?’ Lãng nói: ‘Như Lãng ngày trước, không nhún mà nhún; như mình công ngày nay, có thể nhún mà

không nhún vạy'. Thái Tổ vì Tôn Quyền xưng thần bèn hỏi Lãng, Lãng đáp nói: 'Tôn Quyền trước đây gửi thư vờ cúi mình xin đánh giặc để chuộc lỗi cũ, sau lại xưng thần là để tỏ rõ mình không có hai lòng. Nha thú cúi gói, ton hót làm vui, tất đem ngọc châu, vàng bạc, vật lạ đến. Tình thấy ở lời nói, chuộc lỗi thấy ở việc làm. Nếu vùng Tam Giang Ngũ Hồ được nước Ngụy thống trị, dân miền Tây Ngô Đông Việt trở thành dân của nhà nước. Nếu miền Yến, Dĩnh đã nhỏ, cử Kinh Môn tự mở, thu lấy miền Ba, Thục thì hình thế đã thành thì được nghỉ ngơi vui vẻ sẽ theo nhau đến dồn dập vạy. Có ngày nhận lệnh, vỗ tay khen ngợi. Cái giấu trong tình, lời nói không thể tỏ ra được”.

Văn Đế lên ngôi Vương, chuyên làm Ngự sử Đại phu, phong An Lãng Đình Hầu. Dân số day dân giảm hình phạt nói: “Dấy binh đến nay hơn ba mươi năm, bốn cõi nghiêng ngã, vạn nước mệt mỏi. Nhờ vào tiên vương tiêu trừ giặc mạnh, giúp đỡ kẻ yếu lẽ, bèn khiến cho Hoa Hạ lại có ruộng mới. Tụ tập triệu dân theo về nước Ngụy, khiến cho trong cõi biên giới mà gà gáy chó sủa cũng vang khắp bốn cõi, dân chúng hơn hở, vui được thời yên ổn. Nay giặc phương xa chưa phục, trận can qua chưa thôi, nên lệnh bù đắp để vỗ về người phương xa, chọn nhiều quan lại tốt để truyền bá ân đức, bờ ruộng phải sửa, bốn dân hăng hái sẽ vượt qua thời xưa mà làm giàu có thời nay. Kinh Dịch chép phép tắc, kinh Thư chép hình pháp, một người có việc tốt thì triệu dân được vui, đây là nói về hình pháp cẩn thận vậy. Xưa Tào Tướng quốc cho rằng hình ngục là dùng tạm, là quan coi ngục rộng rãi vậy. Người bị ngục có được cái tình của họ thì kẻ trong tù không bị chết oan; đình tráng được gắng sức làm ruộng thì dân không bị mất mùa đói kém; người già bệnh được trông vào kho lẫm thì không có kẻ bị chết đói; cưới hỏi chọn lúc thì trai gái không cái giận chờ đợi; nuôi thai trọn vẹn thì người mang chưa không lo bị thương; học trò được học thì bọn trẻ con không lo không được dạy; tráng đình mà không bị lao dịch thì trẻ con không có cái lo bỏ nhà; người tóc bạc không đi lính thì người già không lo bị mỏi mệt. Thuốc hay để chữa bệnh, nói lỏng lao dịch để dân vui vẻ theo nghề nghiệp, dùng hình oai để ngăn bọn cứng đầu, dùng ân đức để giúp kẻ yếu, cấp phát để giúp người nghèo. Sau mười năm người đến tuổi cài trâm tất đầy ngõ. Sau hai mươi năm người đến tuổi đi lính tất đầy đồng vạy”.

Lúc Văn Đế lên ngôi, đổi làm Tư không, tiến phong Lạc Bình Hương Hầu. [27] Bấy giờ Đế hay ra đi săn, có hôm đến chiều tối mới về cung. Lãng dâng nói: “Chỗ của vua ở thì ngoài có quân bảo vệ xung quanh, trong thì có cửa cấm liên tiếp, sắp đi thì sắp đặt quân rồi mới ra cung, đề phòng trước sau rồi mới xuống thêm, bày cửa vòng rồi mới lên kiệu, dẹp đường rồi mới dẫn di, che trùm rồi mới kéo xe, có chỗ nghỉ yên rồi mới dừng xe, đây đều là để tỏ rõ sự tôn nghiêm, làm việc cẩn thận, kính theo giáo hóa vậy. Gần đây

xe vua đi rã bắt hồ, xé bóng mới đi, đèn chiều mới về, đây là làm trái phép thường của việc đề phòng, không phải là sự cẩn thận của bậc Đế vương có vạn cỗ xe vậy”. Đế báo nói: “Xem số, dẫu Ngụy Giáng nói lời trong chương Ngu châm đề ngâm can Tân Trác Công, Tương Như kể việc thú dữ đề khuyên Hán Vũ Đế vẫn chưa đủ để sánh. Nay đang lúc hai tên giặc chưa trừ, tướng súy đánh chỗ xa, cho nên vào chỗ đồng ruộng để tập luyện võ bị. Đến như lời răn bảo đến tôi mới về, trăm đã hạ chiếu quan Hữu tư làm theo”. [28]

[27] Ngụy danh thần tấu chép tấu giảm bớt của Lãng nói: “Có chiếu hỏi cái được và mất là nói về việc ở kinh đông vậy. Như việc cúng tế ở Phần Dương, Vân Dương thuộc kinh tây đã có năm trăm trong một nghìn người, tế ở đài Thông Thiên, vào cung A Phòng phải trai giới trăm ngày, nuôi vật tế năm năm, phải có ba nghìn con trâu, có bảy nghìn thanh ngọc; lấy gấm để thêu chiếu tế, chọn gái trẻ để múa hát; rót rượu phải ba qua ba giờ mới xong, phải có ba nghìn bốn trăm người hát nhạc chuẩn bị ở sau, số người đẹp trong cung phải có gần nghìn người, các con em học sĩ sâu rộng phải có hơn bảy nghìn người; trong chuồng phải có hơn sáu vạn con ngựa kéo xe, ngoài đồng thì có ba vạn người chăn ba vạn con ngựa và mỗi người chăn mười con; có sáu trăm quan Chấp kim ngô cưỡi ngựa, lính chạy bộ theo sau; quan Thái thường đi theo nghìn cỗ xe, quan Thái quan được ban cho sáu nghìn nô tì; có ba nghìn quan trị dân trong thành Trường An, trong bốn quan được cấp bổng hai nghìn thạch gạo thì có hai mươi lăm quan xử tội xét phạt. Cho vào coi việc, uy nghi lắm liệt, truyền lộc đến ba đời, là quá cả lễ nghi. Nguyên nhân xa xỉ là đại khái phần nhiều bắt chước nhà Tần. Đã trái với gốc chân thật kính cẩn, lại tô vẽ lên các thứ giản dị, lại làm mất vẻ cái chất vốn có mà làm tổn văn phong, tránh cái hay mà theo cái ham muốn riêng. Nay là thời rục rờ hưng thịnh, nên noi theo thời vua Nghiêu, vua Thuấn, giảm bớt các việc xa xỉ mà làm tiết kiệm, bỏ các hiệu lệnh rườm rà, làm rõ hình pháp cẩn thận, nên đáng mong chờ chăng? Như việc tế bằng vật thái lao một ngày ở tông miếu, các quận đều lập ra phép cúng tế ở tông miếu, các bọn quan Thừa tướng, Ngự sử, Đại phu cùng quan thuộc đều phải như thế, đã nhiều lần đổi vào trước thời Ai Đế, Bình Đế rồi, đã không làm từ sau thời Quang Vũ Đế. Thần xét kỹ cái mà nên sửa trong tấu văn, tế trời đất cho đến tế Ngũ Đế, Lục tông, tông miếu, xã tắc, đã noi theo các nước thời trước. Như tế trời đất thì quét đất mà tế, còn lại thì đều lập đàn và làm rào xung quanh. Nhà Minh Đường là chỗ để tế Thượng Đế, đài Linh Đài là chỗ để xem thiên văn, vườn Tích Ung là để sửa âm nhạc, nhà Thái Học là để tụ tập học sĩ, miếu Cao Mồi là để xin điềm lành, lại là chỗ để xem xét công việc, biểu dương giáo hóa. Xét dân thời xưa, các việc tế lễ chúc mừng đều làm ở phía nam của nước, đều làm cột nhà cao như nhà Hạ, đủ để làm lễ bắn tên cúng tế, nhìn khắp cảnh vật. Tế tại bảy chỗ ngoài thành dẫu trọng ở chất phác nhưng vẫn đều có cửa miếu đứng ngoài, đủ để tránh mưa gió. Hãy

nên bãi quân năm đầy đủ để dân sửa việc chính trị. Thời xưa quân của năm doanh, quân Hồ bôn, quân Vũ lâm cho đến các quân Vệ binh cùng tụ họp, dầu gần vạn người, trong đó có kẻ là con em lười biếng của nhà buôn, có người lại là người đàn độn của nhà cày ruộng; dầu có chỗ được tự ý ra lệnh, không cần giảng quân trận, đã không luyện tập những điều sơ qua, lại ít ganh đua, dầu là có tên tuổi nhưng thực là không xứng, khó để đề phòng những lúc nguy cấp. Có tin nguy cấp rồi sau mới mộ quân, quân đi rồi mới chõ lương, hoặc là quân đã đóng đồn lâu ngày mà không làm việc trông tọt, không sửa khí giới, không có cát chứa, nếu một vùng có việc nguy cấp thì ba mặt đều nhiễu loạn, đây cũng là cái mất gần đây của nhà Hán và là việc có thể xét thấy được vậy. Ngày nay Chư Hạ đã yên mà vùng Ba Thục vẫn ở ngoài bản đồ. Dầu chưa được tan trận và cởi giáp, buộc ngựa mà xếp quân, nên làm cho nhiều năm được mùa, đem quân gửi vào làm việc cày cấy. Quan quân lớn nhỏ đều chăm chỉ trông tọt, dùng thì lập làng ấp ở đồng rộng, đi thì lập đội ngũ ở sáu quân, giảm bớt lao dịch nặng nề, tăng thêm áo cơm. Kinh Dịch nói: ‘Dùng khen thưởng để sai dân thì dân quên mệt; dùng khen thưởng để sai dân đi vào chỗ khó khăn thì dân quên cái chết’ là nói về ngày nay vậy. Cát chứa lương thực, nuôi dưỡng thế lực, tuy ngôi chỗ sáng sủa mà không điều quân nhưng người Man cõi ngoài tất cúi đầu đến cầu xin được sai khiến vậy. Nếu có hiệu quả chúng sợ oai thì không đánh mà định được thì còn hơn là đem quân đánh nhau mà lại lập được uy danh, vừa tiếp mũi đao mà đã lập công ở phương xa vậy. Nếu bọn gian ác không đổi, vẫn mê làm không theo, vẫn muốn gây ác cho dân thì đợi Đại Ngụy ra lệnh báo cho quân đã được nuôi biết rồi mới thông thả đem quân hát trước mùa sau mà đánh dẹp, xông vào bọn giặc cầm ngược cây giáo bỏ mũi tên chịu hàng như chặt cành khô củi mục, không đủ để làm sao”!

[28] Vương Lãng tập chép vào thời Lãng làm Đại lí dân số khen Chủ bạ Trương Đăng người Triệu Quận nói: “Xưa làm Chủ bạ của huyện ấy, gặp giặc Hắc Sơn vây quận, Đăng cùng huyện trưởng là Vương Tuấn đem bảy mươi hai quan quân đi nhanh đến cứu, đánh nhau với giặc, quan quân tan chạy, Tuấn sắp bị hại, Đăng bèn lấy tay ngăn một tên giặc để giữ mạng Tuấn. Lại có quan Thú trưởng là Hạ Dật, bị quan Đốc buru xử oan, Đăng tự mình xét xử, giải oan tội của Dật. Có nghĩa giúp hai người kia, nên khen thưởng hơn”. Thái Tổ vì có nhiều việc gấp, chưa rỗi cát nhắc. Đến đầu năm Hoàng Sơ, Lãng lại cùng Thái úy Chung Do thay nhau tiến cử, đều nói Đăng làm việc chăm chỉ. Hạ chiếu nói: ‘Đăng có lòng trung nghĩa rõ ràng, làm việc chăm chỉ. Chức vị dầu nhỏ nhưng làm việc ngay thẳng. Mời đến cùng ăn với trẫm phải là những quan lại này. Nay lấy Đăng làm Thái quan lệnh’”.

Trước đây vào cuối năm Kiến An, Tôn Quyền bắt đầu sai sứ đến xưng

thần, lại đem quân đánh với Lưu Bị. Hạ chiếu bàn: “Có nên đem quân giúp Ngô đánh lấy Thục không”? Lãng bàn nói: “Quân của Thiên tử ở tại vùng núi Hoa, núi Đại, thực nên ngồi chỗ sáng mà chiếu oai trời, không động như núi. Nếu sai Quyền tự mình chống nhau với giặc Thục, đánh nhau lâu ngày, trí sức ngang nhau, quân không đánh nhanh, lúc đó đem quân để giúp thế oai rồi mới nên chọn tướng giữ chỗ trọng yếu, đánh vào chỗ yếu của giặc, chọn lúc mới điều quân, chọn đất rồi mới đi thì một trận là không có lo gì khác. Nay quân của Quyền chưa động thì đem quân giúp Ngô không bằng gọi họ trước. Và lại nước mưa đang nhiều, không phải là lúc điều quân đem đi”. Để theo kế này. Giữa năm Hoàng Sơ, chim bồ nông đậu ở đầm Linh Chi, hạ chiếu Công khanh tiến cử người quân tử đức hạnh. Lãng cử Quang lộc Đại phu Dương Bru, rồi xưng bệnh, nhường chức cho Bru. Để bèn cho Bru sắp đặt quan quân, chức đến bậc Tam công. Hạ chiếu nói: “Trẫm tìm người hiền với ông mà chưa được, ông lại bỗng nhiên xưng bệnh, không đi thì không tìm người hiền được, lại làm mất con đường tiến thân của người hiền, tăng thêm việc ngả theo Tam công. Không những thế lại có kẻ ở chỗ Tam công nói lời không tốt, làm trái với đạo quân tử vậy! Ông chớ có từ chối nữa”! Lãng bèn dậy.

Tôn Quyền muốn sai con là Đăng vào hầu, lại không đến. Bấy giờ xe vua dòi đến thành Hứa Xương, đóng quân làm ruộng, muốn đem quân đánh phía đông. Lãng dâng sớ nói: “Xưa người Nam Việt giữ tính thiện, Anh Tề vào hầu, trở thành người nối dõi, trở về làm vua của nước mình, người Khang Cư kiêu ngạo, tính chẳng nhún nhường, quan Đô hộ tấu bàn cho rằng nên sai con đến hầu để bỏ cái không có lễ nghi. Và lại cái họa của Ngô Vương Tị là có mầm từ việc sai con vào hầu, Ngôi Hiêu làm phản cũng không ngoài trông con mình. Vừa rồi nghe nói Quyền có nói sai con đến mà chưa đến. Nay sáu quân phòng nghiêm, thần e rằng người kia không theo chiếu chỉ, nay làm nhà nước giận việc ở lại của Đăng, cho nên vì việc này mà dấy quân. Đem quân đi thì Đăng mới đến, đây là cách điều động lớn nhất, là cách gọi đến nhỏ nhất, vẫn chưa đủ để cho là hay. Nếu bên ấy kiêu ngạo, quyết không có ý đem con vào hầu thì sợ rằng bên ấy bàn bạc chưa thông, đều đang lo lắng. Thần ngu cho rằng nên lệnh gọi các tướng về để sai giữ các trại của từng người. Ngoài thì tỏ rõ oai phong, trong thì mở rộng việc trồng trọt, làm cho chắc chắn như núi, lặng lẽ như ao sâu, thế vững không lay được, kẻ hay không thể đoán được”. Bấy giờ Đế đã phát quân rồi đem đi, con của Quyền không đến, xe vua đến sông Giang rồi về. [29]

[29] *Ngụy thư viết: “Xe vua đã về, hạ chiếu Tam công nói: “Ba đời làm tướng là điều mà nhà có đạo kiêng kỵ. Dùng quân bừa bãi, thời trước đã có gương răn. Huống chi năm nay nước cạn, quân dân tổn hao, lại có việc nhiều ở trước mắt, lao dịch hơn ngày trước, đến không diệt được giặc, lui về*

không an ủi dân. Nhà dột ở trên, người dưới biết được, vẫn mê làm không tinh ngộ, đây là thế mất đạo không con xa nữa, là có lỗi mà không sửa, nói thế chẳng sai vậy. Nay nên nghỉ ngơi, đứng vững như núi cao, ẩn giấu như chín vực sâu, dẹp trừ vort bỏ ở ngoài cõi. Xe vua nay hẹn đến giữa tuần tháng này đến đất Tiêu, các quân của đất Hoài, đất Hán đều phải quay về, không đến tháng chạp phải về phía tây”.

Minh Đế lên ngôi, tiến phong Lan Lăng Hầu, thêm năm trăm ấp, cùng một nghìn hai trăm ấp trước đây. Sai đến đất Nghiệp xem xét lãng của Văn Chiêu Hoàng hậu, thấy trăm hộ có kẻ không được no đủ. Bấy giờ đang xây dựng cung điện, Lăng dâng sớ nói: “Từ khi Bệ hạ lên ngôi đến nay, thường hạ chiếu ban ân, trăm hộ chẳng ai không hơn hờ. Thần cúi nhận lệnh đi lên phía bắc, qua lại trên đường, nghe nói dân phải lao dịch, những người nên được tha bỏ và giảm bớt lao dịch rất nhiều. Mong Bệ hạ sáng chiếu luôn ghi nhớ để mưu tính ngăn giặc. Xưa Đại Vũ sắp muốn dẹp trừ cái họa lớn của thiên hạ, cho nên trước tiên lam cung điện nhỏ, tiết kiệm cơm áo, do đó có hết chín châu, giúp đỡ năm cõi. Câu Tiễn muốn mở rộng đất Ngự Nhi, [30] giết Phù Sai ở thành Cô Tô, cũng vì bó buộc thân mình cùng người nhà, tiết kiệm tiền nhà để giúp nước, do đó bao bọc cả miền Ngũ Hồ, cuốn tròn miền Tam Giang, ra oai với Trung Quốc, làm Bá với Hoa Hạ. Văn Đế, Cảnh Đế của nhà Hán cũng muốn mở mang nghiệp lớn của tổ tiên, tăng thêm công trạng, cho nên giảm bớt xây đài trăm vàng, tiết kiệm may áo lụa dày, trong thì giảm Thái quan và không nhận đồ cống nạp, ngoài thì bớt lao dịch và chăm lo việc cày cấy, cho nên người đời được yên ổn, ít phải dùng hình phạt. Vũ Đế có thể phát dương thế quân, chiếm đất ngoài nước, thực là nhờ vào cái đầy đủ cất chứa của tổ tiên, cho nên mới lập nên công lớn. Hoắc Khứ Bệnh là tướng tài bậc trung, vẫn vì Hung Nô chưa diệt, không xây nhà cửa, tỏ rõ vồ về người xa giúp kẻ gần, lo việc ngoài và giảm việc trong. Từ đầu thời Hán cho đến thời trung hưng, đều là sau khi nghỉ ngơi can qua rồi mới xây cung Phượng Khuyết lo lớn, biểu dương công đức. Nay đang ở trước điện Kiến Thủy đủ để bày hội châu, sau cung Sùng Hoa đủ để sắp đặt nội quan, các vườn Hoa Lâm, đầm Thiên Uyên đủ để mở đạo chơi, nếu hãy làm nên các cửa ngoài cung cũng đủ để người phương xa đến hội châu, sửa thành ao cũng đủ để ngăn vượt qua, tạo thành chỗ hiểm của đất nước, còn các việc khác hãy đợi đến năm đầy đủ. Phải chăm chỉ trông trợ cày cấy, lo việc tập luyện võ bị thì nước không có cái lo lâu dài, dân chúng nghỉ ngơi, dân khỏe quân mạnh, quân giặc không thần phục, chưa đủ để bắt buộc, chưa có được vậy”. Chuyền làm Tư đồ.

[30] Ngự Nhi là tên đất biên giới của nước Ngô.

Bấy giờ thường mất Hoàng tử, mà người ở hậu cung quán xá lại ít. Lăng dâng sớ nói: “Xưa Chu Văn Vương mười lăm tuổi sinh ra Vũ Vương, rồi

sinh được mười người con để mở rộng dòng dõi của họ Cơ. Vũ Vương đã già mới sinh ra Thành Vương, do đó Thành Vương có ít anh em. Hai bậc Vương kia đều có đức thánh, không làm việc lỗi, còn như con cháu của họ thì không được nhiều. Có lẽ nuôi dưỡng có sớm muộn, sinh đẻ có ít nhiều vậy. Bệ hạ đã có đức sánh với hai vị thánh ấy, vào thời Xuân thu Văn Vương nuôi Vũ Vương, mà con là Phát chưa cử lên ở phòng kín của chôn hậu cung, các phiên vương chưa sinh ra ở phòng rộng chôn dịch đình. Ví như Thành Vương vẫn chưa là muộn, ví như Bá Ấp thì vẫn không là sớm. Theo lễ nhà Chu có hai mươi nội quan ở trong cung, nhưng các kinh truyện thường nói là đều có không quá hai mươi người. Đến vào thời Tần, thời Hán, đều có đến hàng trăm, hàng nghìn người rồi. Dầu có thêm vào thì bấy giờ vợ mang bầu cũng rất ít, rõ ràng gốc của ‘trăm con trai’ thực là một ý, không những ở tại việc rộng vậy. Lão thần kính cần mong nhà nước phải làm có được như hai lăm người con của Hiên Viên, nếu không cũng phải có như mười con của Chu Văn Vương, coi đó là điều lo nghĩ. Vả lại con nhỏ thường được trùm chăn ấm áp, ấm áp thì không được hợp cho thân thể yếu ớt, do đó khó giữ gìn, lại dễ bị ho cảm. Nếu thường khiến cho con nhỏ mặc áo mỏng, không mặc áo quá dày thì tất làm cho thân thể vững như vàng đá, thì tuổi thọ lâu như núi Nam Sơn vậy”. Đế báo nói: “Lời lẽ trung trinh thẳng thắn, chứa tình yêu sâu xa. Ông đã nghĩ ngợi lo lắng, lại tự tay cầm bút viết, tỏ rõ âm đức, trăm vui vẻ không kể hết. Con nói đôi trăm chưa lập, do đó ông lo lắng, nói lời rất khẩn thiết, thật là hợp lẽ”. Lãng viết sách Dịch, Xuân thu, Hiếu kinh, Chu quan truyện, Tấu nghị kí luận, đều truyền cho đời. [31] Năm Thái Hòa thứ hai hoẵng, thụ là Thành Hầu. Còn là Túc thay. Trước đây, Văn Đế phân ấp hộ cho Lãng, phong một người con làm Liệt hầu, nhưng Lãng xin phong cho con của anh là Tường.

[31] Ngụy lược viết: “Lãng vốn tên là Nghiêm, sau đổi tên là Lãng”. Ngụy thư viết: “Lãng có tài cao học rộng mà tính nghiêm túc khẳng khái, có uy nghi, nhún nhường tiết kiệm, từ cười hỏi đến nghi lễ không nhận lễ vật gì. Thường mĩa mai người đời thích khoe tên tuổi mà không cứu giúp người nghèo hèn, cho nên dùng tiền của trước tiên là cấp chẩn”.

Túc tự Tử Ung. Mười tám tuổi theo Tống Trung đọc sách Thái huyền, rồi lại chú giải sách ấy. [32] Giữa năm Hoàng Sơ làm Tán kị Hoàng môn Thị lang. Năm Thái Hòa thứ ba, cho làm Tán kị Thường thị. Năm thứ tư, Đại Tư mã Tào Chân đánh Thục, Túc dâng sớ nói: “Sách trước có chép rằng: ‘Cấp lương nghìn dặm, lính có vẻ đói, hái củi nấu ăn, quân không đủ no’. Đây là nói lúc hành quân trên đường bằng vậy. Lại hướng chi là vào sâu nơi hiểm trở, đục đường mà đi, thì vất vả phải đến trăm lần. Nay lại có thêm mưa dầm, dốc núi gập ghềnh, quân vội mà không lên được, lương xa mà khó chở, thực là cái kị lớn của lúc hành quân vậy. Nghe nói Tào Chân đem quân đi đã hơn

một tháng mà đi vừa nửa hang núi, dân phu sửa đường, quân sĩ cùng sửa. Đây là giặc gặp thế ần nấp để đợi quân mỏi mệt, là cái sợ của nhà binh vậy. Nói về thời trước thì có Vũ Vương đánh Trụ, ra cửa ải rồi lại về; bàn về thời nay thì có Vũ Đế, Văn Đế đánh Tôn Quyền, đến sông Giang không qua được. Đây há không phải là người biết rõ quyền biến, thuận trời, biết thời sao! Triệu dân vì biết Hoàng thượng vì mưa dầm khó đi, dừng mà nghỉ ngơi, ngày sau có việc, rồi mới dùng họ, đây gọi là dùng an ủi để sai dân vào chỗ khó khăn, dân quên cái chết vậy”. Do đó bèn bãi binh. Lại dâng sớ nói: “Nên theo lễ cũ, phát tang vì đại thần, dâng quả ở tông miếu”. Việc đều được làm. Lại dâng sớ bày việc sửa chính trị nói: “Trừ chức quan không có việc làm, giảm bổng lộc của chức quan làm việc không nhanh nhẹn, dùng cái phí tổn của cấp lương, thu các chức quan nhàn rỗi; khiến cho quan lại phải có nhiệm vụ, làm đúng việc của mình, làm việc mới được nhận bổng lộc, muốn có lộc phải gắng sức làm, đây là phép thường thời xưa, ngày nay nên làm theo. Quan ít mà lộc dày thì tiền phí của công ít, chỉ làm quan được khuyến khích, đều phát huy tài sức, chẳng ai dựa dẫm nhau. Xét lời tấu mà nói, lấy công để thử, xem họ có tài hay không, đều xét ở trong lòng của Đế. Cho nên thời Đường, Ngu đặt quan phân chức, ra lệnh Công khanh đều theo đúng việc của mình rồi mới chọn người giỏi làm quan Nạp ngôn, nay còn chép trong sách Thượng thư, đây là để đề ra và thu nhận lệnh của Đế mà thôi. Thời Hạ, Ân không thể rõ hết. Chương Cam thế viết: ‘Người coi sáu việc’, đây là nói Lục khanh cũng là người coi việc. Quan chức của nhà Chu thì đầy đủ rồi, năm ngày đợi châu, các Công khanh Đại phu đều đến, quan Tư sĩ xét chức vị của họ. Ghi chép về họ nói: ‘Ngồi mà bàn việc, gọi là Vương công; đề ra mà làm, gọi là Sĩ Đại phu’. Đến đầu thời Hán, dựa theo thời trước, Công khanh đều tự mình lên châu bàn việc, cho nên Cao Tổ tự thân thu nạp Chu Xương phản loạn, Vũ Đế có thể nghe Cáp Âm dâng tấu. Tuyên Đế sai Công khanh năm ngày châu một lần, Thành Đế bắt đầu đặt năm quan Thượng thư. Từ đó suy kém, lễ châu bèn bỏ sót. Nên lập lại lễ nghi năm ngày đợi châu, khiến cho Công khanh, Thượng thư đều đề ra công việc. Khiến cho lễ đã bỏ được lập lại, tỏ rõ nghiệp thánh, đây thực gọi là tiếng đẹp mà tốt lành vậy”.

[32] *Cha Túc là Lãng gửi thư cho Hứa Tĩnh nói: “Túc sinh ở quận Cối Kê”.*

Giữa năm Thanh Long, Sơn Âm Công hoẵng, là vua Hán vậy. Túc dâng sớ nói: “Xưa nhà Đường nhường ngôi cho nhà Ngu, nhà Ngu nhường ngôi cho nhà Hạ, đều để tang ba năm rồi mới lên ngôi Thiên tử. Do đó hiệu Đế không xấu, lễ vua vẫn còn. Nay Sơn Âm Công kính nhận mệnh trời, thuận theo lòng mong mỏi của dân, truyền ngôi cho nhà Đại Ngụy, lui giữ ngôi khách. Công vâng lệnh nhà Ngụy, không dám không dốc hết lòng. Nhà Ngụy đối đãi Công kính trọng nhưng không thần phục. Nay đến lúc hoẵng, theo

phép mặc áo liệm phải có các đồ xe ngựa chở đi, đều giống với bậc Vương, cho nên người gần xa trông mong, cho là tốt đẹp. Vả lại nhà Hán dùng hiệu của Đế hoàng, hiệu là Hoàng đế, có tên gọi khác là Đế, không có tên gọi khác là Hoàng, vậy thì Hoàng là tên gọi có vẻ khinh thường vậy. Cho nên vào thời Cao Tổ, mỗi đất không có hai Vương, cha của Cao Tổ vẫn sống mà vẫn gọi là Hoàng, nói rõ không phải là cái kị của hai Vương. Huống chi ngày nay để tặng hiệu lúc chết, nên gọi là Hoàng đế ghép với tên thụy”. Minh Đế không ưng gọi là Hoàng, bèn truy tặng thụy là Hán Hiếu Hiến Hoàng Đế. [33]

[33] Tôn Thịnh nói: “Người hóa hợp với thần gọi là Hoàng, người đức hợp với trời gọi là Đế. Cho nên Tam Hoàng đặt hiệu, Ngũ Đế nói theo. Vậy thì xưng gọi là Hoàng là cao đẹp hơn Đế vậy. Túc cho là khinh thường, cũng chẳng làm sao”! Thần là Tùng Cho cho rằng: Thời xa xưa nói là Hoàng Hoàng Hậu Đế, sau đó nói về Tam, Ngũ, Tiên Hoàng Hậu Đế, đúng như lời Thịnh. Nhưng các vị Đế của nhà Hán, đều tôn cha là Hoàng, nhưng thực là tôn quý nhưng không có ngôi vị thực, ngôi cao mà không có dân, nếu sánh với ngôi Đế, há chẳng phải là coi thường sao! Nhà Ngụy noi theo lễ của nhà Hán, tên hiệu không đổi. Hiếu Hiến Đế băng, há không xét kỹ lễ nghi thời xưa? Lời mà Túc nói có lẽ là theo phép chế nhà Hán mà nói thôi. Nói Túc là lầm, là cột nhà Hán, không phải là trách Túc vậy.

Sau đó Túc làm Thường thị, lĩnh chức Bí thư giám, kiêm chức Sùng văn quan Tế tửu. Giữa năm Cảnh Sơ, xây nhiều cung điện, dân bỏ việc cày cấy, chẳng theo tín ước, giết chóc vợi vãi. Túc dâng sớ nói: “Đại Ngụy nhận ngôi cao của trăm Vương, dân sống chẳng mấy, can qua chưa dừng, nay đúng là lúc nên cho dân nghỉ ngơi để làm yên lòng gần xa vậy. Việc cất chừa và cho dân nghỉ ngơi là cốt ở việc giảm lao dịch và chăm trông rọt. Nay cung điện chưa thành, công nghiệp chưa xong, mở phát vận chuyển, thay nhau cung ứng, cho nên đình phu mệt mỏi vì gắng sức làm, người cày cấy rời khỏi ruộng đồng, người trồng lúa ít ỏi, người ăn lúa lại nhiều, lúa cũ đã hết, lúa mới lại chẳng có, đây là cái họa lớn của nhà nước, không phải là kế lớn của việc dự bị vậy. Nay có ba, bốn vạn người làm thì điện Cửu Long đủ để yên thân, trong đó đủ để đặt sáu cung. Điện Hiến Dương lại sắp dựng xong, chỉ có điện Thái Cực về phía trước là việc còn lớn, nay lại đang buổi rét đậm. Mong Bệ hạ ban ân đức, hạ chiếu hiền, thương xót cái khó nhọc của dân phu, nghĩ đến việc không được cung cấp của triệu dân, làm cho quân sĩ được ăn nhờ vào kho lúa, không phải dùng lúc gấp gáp, chọn ra đình tráng, lựa giữ vạn người, lệnh hẹn một kì mà thay nhau, đều biết lúc nghỉ có ngày thì chẳng ai không vui lòng làm việc, khó nhọc cũng không oán vậy. Tính ra một năm có ba trăm sáu mươi vạn phu, cũng không cho là ít. Những việc đáng phải một năm làm xong, phải gần ba năm. Chia sai người còn lại, khiến

cho họ đều cày cấy, đây là lễ không ép đến đường cùng vậy. Kho có thóc dư, dân có sức thừa; lấy đó để xây dựng, công nào chẳng xong? Lấy đó giáo hóa, giáo hóa nào chẳng nên? Giữ tín với dân là điều quý lớn của nhà nước vậy. Trọng Ni nói: ‘Từ xưa đều có cái chết, dân không tin thì không xong’. Một nước Tấn nhỏ nhỏ, một Trùng Nhĩ còn con, muốn dùng dân của mình, trước phải giữ tín, cho nên dân nguyện giúp đỡ, tin tưởng mà theo về, có thể đánh một trận mà làm Bá, đến nay vẫn được khen. Trước đây xe vua đang đến Lạc Dương, phát dân làm doanh, quan Hữu tư lệnh làm doanh xong thì bãi. Đã xong, lại tiện sai dân làm, không lệnh như hẹn. Đây là quan Hữu tư ham cái lợi trước mắt mà không lo nghĩ cho thể diện của nhà nước vậy. Thần ngu cho rằng từ nay về sau, dấu là sai khiến dân, phải tỏ rõ lệnh, khiến cho đúng hẹn. Nếu có việc đến nữa, vẫn phải sai lại thì không được lỗi tín. Còn các hình phạt mà Bệ hạ tự xử đoán, đều là quan có tội, kẻ đáng chết vậy. Nhưng dân chúng không biết, đây gọi là vội vã vậy. Cho nên mong Bệ hạ hạ lệnh đó cho quan lại mà làm rõ tội của họ, cân nhắc tội chết của họ, khiến cho không có vết như ở cung cấm và không có nỗi nghi ngờ ở gần xa. Vả lại mạng người là rất quý, sinh thì khó mà giết thì dễ, khí hết thì không sống được, cho nên bậc thánh hiền quý mạng người. Mạnh Kha nói: ‘Giết một người không có tội để lấy thiên hạ là việc người có lòng nhân không làm’. Thời Hán có kẻ phạm vào xe ngựa của nhà vua khiến cho mọi người sợ hãi, Đình úy Trương Thích Chi tâu xét tội phạt trả tiền, Văn Đế cho là cách xét tội ấy quái lạ dễ dãi, nhưng Thích Chi nói: ‘Đang lúc này, Nhà vua sai giết kẻ đó là xong. Nay giao cho Đình úy. Đình úy là cái cân bằng của thiên hạ. Nếu chỉ để lệch một bên, mà thiên hạ dùng hình pháp đều là cân nhắc nặng nhẹ, thì dân có chỗ nào để đặt chân tay?’ Thần cho rằng làm mất lẽ phải không phải là cái mà bậc trung thần nên bày tỏ vậy. Đình úy là quan của Thiên tử, vẫn không nên làm mất cân bằng, vậy mà thân của Thiên tử, há lại để sai làm sao? Cái trọng ấy là vì mình, nhưng lại coi thường vua, đây là rất bất trung vậy. Chu Công nói: ‘Thiên tử không bừa; nói thì có sách sử chép lại, người thợ đọc lại, kẻ sĩ nói lại’. Nói mà không bừa, huống chi là làm? Cho nên lời nói của Thích Chi không nên không xét, điều răn của Chu Công không nên không theo”. Lại nói: “Các loài chim thú không dùng được, các đồ tốn phí của người lao dịch, rơm lúa, đều nên bãi bỏ”.

Đế từng hỏi nói: “Thời Hán Hoàn Đế, Bạch Mã Lệnh là Lí Vân dâng thư nói: ‘Đế là lẽ phải vậy. Nhưng Đế không muốn lẽ phải’ Nay sao không chết được”? Túc đáp nói: “Đây chỉ là nói tiết tháo nghịch hay thuận. Ý gốc của nó là đều muốn dốc hết lòng, mong sửa vá đất nước. Vả lại cái uy của Đế hơn cả sấm sét, giết một kẻ thất phu không khác giết một con kiến, lấy gì để tỏ rõ là nghe theo lời nói thẳng, mở rộng ân đức ra thiên hạ? Cho nên thần cho rằng giết kẻ đó không phải là đúng vậy”. Đế lại hỏi nói: “Nguyên nhân Tư Mã Thiên bị hình phạt là trong lòng có ý oán giận, viết Sử kí không chê

bai Hiếu Vũ Đế, khiến cho người ta phải nghiến răng?”. Đáp nói: “Tur Mã Thiên chép sử, không chép cái đẹp trông rỗng, không che dấu cái xấu. Lưu Hưóng, Dương Hùng kính phục Tur Mã Thiên giỏi viết lách, khen là có cái tài của viên quan tốt, gọi là chép thật. Hán Vũ Đế nghe nói Tur Mã Thiên chép Sử kí, lấy quyển Hiếu Cảnh bản kĩ và bản kĩ về mình để xem, do đó cả giận, đẽo mà vứt đi. Đến nay hai Bản kĩ ấy không còn chép thật nữa. Sau lại gặp việc của Lí Lăng mới bắt Thiên vào ngục thiên. Đây là người ta oán giận Vũ Đế, mà không oán giận Thái sử Tur Mã Thiên vậy”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, ra làm Quảng Bình Thái thú. Có việc lại gọi về, bái làm Nghị lang. Chốc lát, làm Thị trung, chuyển làm Thái thường. Bấy giờ Đại Tướng quân Tào Sảng chuyên quyền, tin dùng bọn Hà Yến, Đặng Dương. Túc cùng Thái úy Tưởng Tế, Tư nông Hoàn Phạm bàn về chính trị thời này, Túc nghiêm mặt nói: “Bọn này là bọn Hoảng Cung, Thạch Hiễn, lại nói lời gian dối”! Sảng nghe nói, răn bảo bọn Hà Yến nói: “Nay nên cùng cẩn thận! Công khanh đã sánh các ông là kẻ xấu thời nay rồi”. Vì bị bắt lỗi ở tông miếu mà bãi chức. Sau làm Quang lộc huân. Bấy giờ có hai con cá dài một thước tụ ở nhà kho chứa khí giới, quan Hữu tư cho là điềm lành. Túc nói: “Cá sống ở vực mà nhảy lên nhà kho, các loài có vảy mất chỗ ở vậy. Tướng ngoài biên sắp có biến loạn bỏ áo giáp chằng”? Sau đó quả đúng có trận thua miền Quan Đông. Dời đến làm Hà Nam Doãn. Năm Gia Bình thứ sáu, giữ cờ tiết, kiêm chức Thái thường, vâng lệnh hộ xe vua, đón Cao Quý Hương Công ở Nguyên Thành. Năm đó có khí trắng rợp trời, Đại Tướng quân Tur Mã Cảnh Vương hỏi nguyên nhân với Túc, Túc đáp nói: “Đây là cờ của Xi Vưu vậy, miền đông nam có loạn chằng? Ông nên tu thân để làm yên trăm họ thì thiên hạ vui vẻ theo về người có đức, kẻ gây loạn tất diệt vậy”. Mùa xuân năm sau, Trấn đông Tướng quân Vô Khâu Kiệm, Dương Châu Thứ sử Văn Khâm phản, Cảnh Vương hỏi Túc nói: “Hoặc Quang cảm kích lời nói của Hạ Hầu Thắng, bắt đầu trọng kẻ sĩ học đạo Nho, có vẻ tốt vậy. Giữ nước yên vua, kẻ sách ở đó sao”? Túc nói: “Xưa Quan Vũ đem quân của Kinh Châu bức hàng Vu Cấm ở bến sông Hán, bèn có chí lên phía bắc tranh thiên hạ. Sau đó Tôn Quyền đánh úp bắt được tướng sĩ người nhà của Quan Vũ, quân sĩ của Vũ một sớm tan vỡ. Nay cha mẹ vợ con của tướng sĩ vùng Hoài Nam đều ở tại Trung Châu, nếu nhanh đem quân giữ gìn, khiến cho chúng không đi được thì tất có cái thế vỡ lở của Quan Vũ vậy”. Cảnh Vương nghe theo, bèn phá Kiệm, Khâm. Sau chuyển làm Trung lĩnh quân, thêm chức Tán kị Thường thị, tăng thêm ba trăm hộ, cùng hai nghìn hai trăm hộ trước. Năm Cam Lộ thứ nhất hoẵng, học trò đến điều tang đến mấy trăm người. Truy tặng chức Vệ Tướng quân, thụy là Cảnh Hầu. Con là Uẩn thay. Uẩn hoẵng, không có con trai, nước dứt. Năm Cảnh Nguyên thứ tư, phong con của Túc là Tuân làm Lan Lăng Hầu. Giữa năm Hàm Hi, lập ra năm thứ bậc, vì Túc công lớn ở triều trước, đổi phong Tuân làm Thừa Tử. [34]

[34] *Thế ngữ viết: “Tuân tự Lương Đại, có hiểu biết, tại triều đình ngay thẳng. Làm qua các chức Hà Nam Doãn, Thị trung, chỗ nào cũng được khen. Lại có lòng vì việc công, có tiết tháo kính cẩn. Lich Lệnh là Viên Nghi lấy ngựa khỏe tặng, biết Nghi tham tiền, không nhận. Nghi cuối cùng vì tham tiền mà vỡ nghiệp. Lập đạo học của hai nhà, tôn sùng năm sách kinh, đều do Tuân dựng nên. Chết vào lúc hơn bốn mươi tuổi, tặng chức Xa kỵ Tướng quân. Con gái của Túc gả cho Tư Mã Văn Vương, tức Văn Minh Hoàng hậu, sinh ra Tấn Vũ Đế, Tề Hiến Vương Du”. Tấn chư công tán viết: “Anh em Tuân có tám người. Những người thành đạt có: Kiên tự Cung Tổ, có công lao được khen, làm đến Thượng thư. Em là Khải tự Quân Phu, thuở nhỏ có tài sức nhưng không tiết kiệm, kết giao với Vệ úy Thạch Sùng, đều xa xỉ có tiếng trên đời, cuối cùng làm Hậu Tướng quân. Con của Kiên là Khang, Long làm quan cũng thành đạt, được người đời sau kính trọng”.*

Trước đây, Túc thích cái học của họ Giả, họ Mã mà không ưa cái học của họ Trịnh, chọn tự các sách khác nhau mà giải thích các sách Thượng thư, Thi, Luận ngữ, Tam lễ, Tả thị và soạn định Dịch truyện của cha là Lãng viết, đều đặt ở nhà học. Các sách mà Túc viết bàn về điển chế, giao tế, tông miếu, úy kị, khinh trọng, cả thảy hơn trăm chương. Bảy giờ người huyện Lạc An là Tôn Thúc Nhiên [35] chịu học ở nhà của Trịnh Huyền, người đời khen là bậc Nho lớn của miền đông. Gọi làm Bí thư giám, không đến. Túc tự luận chứng của thánh nhân để hỏi vặn Huyền, Thúc Nhiên bèn bác bỏ mà giải thích cho Túc hiểu, cùng viết Chu dịch, Xuân thu liệt, ba truyện Mao thi, Lễ kí, Xuân thu, các chú giải Quốc ngữ, Nhĩ nhã, lại có sách chú giải hơn mười chương. Từ thời đầu nhà Ngụy gọi kẻ sĩ người quận Đôn Hoàng là Chu Sinh Liệt, [36] bọn Đại Tư nông người quận Hoàng Nông là Đồng Ngộ thời Minh Đế cũng thay nhau chú giải kinh truyện, đều truyền cho đời. [37]

[35] *Thần Tùng Chi xét: Thúc Nhiên giống tên của Tấn Vũ Đế, cho nên chỉ nói tên chữ.*

[36] *Thần Tùng Chi xét: Người này họ Chu Sinh, tên Liệt. Luận ngữ tập giải của Hà Yến có nói các chú gi ải khác của Liệt thấy ở sách Trung kinh bạ thời Tấn Vũ Đế.*

[37] *Ngụy lược viết: “Ngộ tự Quý Trục, tính chất phác mà hiếu học. Giữa năm Hưng Bình, vùng Quan Trung nhiễu loạn, cùng anh là Quý Trung nương dựa Tướng quân Đoàn Ôi, chọn lúa vác đi bán, lại thường mang giữ sách kinh, lúc rỗi thì tập đọc. Anh Ngộ cười nhưng Ngộ không đổi. Đến đầu năm Kiến An, rường mới vừa lập lại, quận cử làm Hiếu liêm, rồi chuyển làm Hoàng môn thị lang. Bảy giờ Hán Đế giao chính trị cho Thái Tổ, Ngộ ngày đêm hầu giảng, được Thiên tử tin yêu. Đến năm thứ hai mươi hai, trăm quan trong đất Hứa làm trái chế lệnh, Ngộ dẫu không cùng mưu nhưng vẫn bị chọn đến đất Nghiệp, chuyển làm quan nhữn g tán. Thường theo Thái Tổ*

đánh phương tây, đi đường từ bến Mạnh Tân qua mộ của Hoàng Nông Vương. Thái Tổ do dự muốn vào thăm, ngoảnh hỏi tả hữu, tả hữu chẳng đáp, Ngô bèn đem chương Việt sách ra giảng nói: ‘Nghĩa của sách Xuân thu là vua của một nước lên ngôi chưa được một năm mà chết thì chưa thành vua. Hoàng Nông Vương lên ngôi đã ngắn, lại bị bầy tôi bạo ngược ngăn ché, bị giáng đến nước phiên, không nên đến thăm’. Thái Tổ bèn qua. Giữa năm Hoàng Sơ, ra làm Quận thú. Thời Minh Đế, vào làm Thị trung, Đại Tư nông. Được mấy năm thì bệnh chết. Trước đây, Ngô thích đọc sách Lão Tử, viết chú giải sách Lão Tử. Lại thích đọc Tả thị truyện, lại chép bằng mực đỏ để phân biệt cái khác. Người đời có kẻ theo học, Ngô không chịu dạy mà nói: ‘Nay phải đọc trăm chương trước’. Lại nói: ‘Đọc trăm chương sách thì tự thấy nghĩa của nó’. Người theo học nói: ‘Khó nổi không có nhiều ngày’. Ngô nói: ‘Nên chọn lúc tam dư’. Có người hỏi ý của tam dư, Ngô nói: ‘Mùa đông hằng năm có ngày rỗi, buổi đêm hằng ngày có giờ rỗi, lúc mưa dầm có giờ rỗi vậy’. Do đó ít học trò theo học Ngô, không có ai được truyền cho chữ mực đỏ”. Thế ngữ viết: “Con của Ngô là Tuy, làm đến Bí thư giám, cũng có tài học. Công thần của Tề Vương Quýnh là Đông Ngái, tức con của Tuy vậy”. Ngụy lược cho rằng bảy người bọn Ngô và Giả Hồng, Hàm Đan Thuần, Tiết Hạ, Ngô Hi, Nhạc Tường là nhà Nho, lời đề tựa nói: “Từ đầu năm Sơ Bình đến cuối năm Kiến An, thiên hạ vỡ lở, lòng người lìa tan, rường mối đã suy, đạo Nho càng suy hơn. Đến từ sau năm Hoàng Sơ thứ nhất, vua mới lập lại, bắt đầu xóa tẩy bụi bẩn của đạo học, đắp vá cái tổn khuyết của bia đá, sắm sửa quan chép sách trong hàng quan Bác sĩ, dựa vào lịch giáp át của nhà Hán để xem xét. Báo rõ cho châu quận biết, người muốn theo học đều sai đến nhà Thái học. Nhà Thái học bắt đầu mở, có hàng trăm học trò, đến giữa năm Thái Hòa, năm Thanh Long, trong ngoài nhiều việc, lòng người tránh đến. Dầu tính không giải thích cái đạo học nhưng nhiều người xin đến nhà Thái học. Bọn học trò đến nhà Thái học có đến hàng nghìn người, mà tài học của bọn Bác sĩ đều là sơ sài, không có gì dạy học trò. Học trò vốn cũng bị gọi đi lao dịch, lại không thể học tập. Đông đến xuân qua, hàng năm như thế. Lại dầu có kẻ giỏi nhưng ở trong đài gác rất cao, lại thêm không nghĩ đến nghĩa lớn, mà hỏi cách viết chữ chấm mực sơ qua mà thôi, trăm người học cùng mà người hiểu biết chưa đến mười người. Do đó kẻ sĩ có chí học bèn ngày càng suy kém, mà kẻ học tìm cái hư rộng đều hùa theo nhau. Giữa năm Chính Thủy có chiếu bàn ở đài Viên Khâu, mời gọi học sĩ. Bảy giờ quan Lang cùng quan Tư đồ lĩnh hơn hai vạn quan lại, dầu đã chia ra nhưng gặp ở kinh sư chỉ còn gần vạn người, mà người đem sách và bàn bạc không có mấy người. Lại bảy giờ các quan Công khanh trở xuống trong triều đình có hơn bốn trăm người, trong đó người biết cầm bút viết chưa đến mười người, phần nhiều theo nhau ăn no rồi lui về. Ô hô! Nghề học rơi rụng lại đến nước ấy. Cho nên trong lòng thường canh cánh

quý trọng mấy vị ấy, ở các chỗ ngoài vùng hoang phục mà vẫn giữ chí thật thà vậy”. Giả Hồng tự Thúc Nghiệp, người huyện Tân Phong quận Kinh Triệu. Ham học có tài, mà đặc biệt giỏi đọc Xuân thu Tả truyện. Đầu năm Kiến An, làm quan ở quận, cử làm Kế duyệt, theo lời châu gọi. Bấy giờ trong châu các quan từ hàng Tham quân trở xuống có hơn trăm người, chỉ có Hồng cùng người quận Phùng Dực là Nghiêm Bao là có tài học cao nhất. Hồng qua làm quan Lệnh của ba huyện, chỗ đến liền dỡ bỏ chuồng ngựa, tự thân dạy học trò. Sau đó Mã Siêu phản, Siêu bắt được Hồng, đem đến huyện Hoa Âm, sai viết hịch bố cáo. Hồng bắt đắ dĩ phải viết hịch. Tư đồ Chung Do ở tại miền đông, biết lời hịch này, nói: ‘Đấy là Giả Hồng viết vậy’. Sau Siêu thua chạy, Thái Tổ mời Hồng làm Quân mưu duyệt. Vẫn vì trước đây giúp Siêu viết hịch bố cáo cho nên không theo về. Cuối cùng mới ra làm Âm Tuyên Trưởng. Giữa năm Diên Khang, chuyển làm Tướng quốc của Bạch Mã Vương. Ưa nói cười đùa. Vương Bru cũng yêu thích văn học, thường kính trọng Hồng hơn cả Tam khanh. Được mấy năm thì bệnh chết, chết lúc hơn năm mươi tuổi. Người đời tiếc Hồng không làm quan có lươn đến hai nghìn thạch. Và Nghiêm Bao cũng làm quan qua hai huyện, giữa năm Hoàng Sơ, vì có tài cao mà được làm Bí thư thừa, nhiều lần tâu văn phú, Văn Đế cho là lạ. Ra làm Tây Bình Thái thú, chết lúc làm quan. Tiết Hạ tự Tuyên Thanh, người quận Thiên Thủy. Học rộng có tài. Quận Thiên Thủy trước đây có bốn họ là Khương, Diêm, Nhậm, Triệu thường được bầu chọn ở trong quận, mà Hạ là con nhà họ lẻ, không chịu giáng phục. Bốn họ muốn cùng trị tội Hạ, Hạ bèn trốn tránh, đi về phía đông đến kinh sư. Thái Tổ vốn biết tiếng Hạ, gặp đấi Hạ rất có lễ. Sau bốn họ lại sai người bắt Hạ về, đi qua quận Dĩnh Xuyên, bắt lấy trời vào ngục. Bấy giờ Thái Tổ đã ở tại Kí Châu, nghe nói Hạ bị quận ấy bắt làm tin, vỗ tay nói: ‘Hạ không có tội. Bọn trẻ con vùng Hán Dương chắc muốn giết hấn thôi!’ Bèn báo cho quận Dĩnh Xuyên sai phải thả Hạ ra, gọi đến làm Quân mưu duyệt. Văn Đế lại khen tài của Hạ, giữa năm Hoàng Sơ làm Bí thư thừa. Đế hể cùng Hạ bàn luận sách truyện, chưa từng không hết ngày vậy. Hể gọi mà không nói tên, chỉ gọi là Tiết Quân. Nhà của Hạ rất nghèo, Đế lại thấy áo Hạ mỏng, cởi áo bào mà mình mặc ban cho Hạ. Sau đó Chinh đông Tướng quân Tào Hưu đến châu, bấy giờ Đế đang cùng Hạ bàn luận, mà ở ngoài phòng Hưu đã đến, Đế dẫn vào. Ngồi yên, Đế ngoảnh nhìn Hạ mà nói với Hưu nói: “Ông này là Bí thư thừa Tiết Tuyên Thanh người quận Thiên Thủy, nên cùng nói chuyện”. Hạ được đấi như thế. Rồi muốn dùng Hạ, gặp lúc Văn Đế băng. Đến giữa năm Thái Hòa, từng vì việc công mà dời Lan Đài. Lan Đài là đài tự làm vậy, là sở của Bí thư thừa, nói là Hạ không thể dời vậy, nếu dời thì bị tội. Hạ báo nói: “Lan Đài là đài ở ngoài, Bí thư là gác trong, đài và gác là một vậy, sao lại không dời cho nhau được”? Lan Đà dời mà không có cách gì bắt bẻ được. Từ đó về sau, bèn cho là thường. Mấy năm sau bệnh chết, lệnh con

của Hạ không về quận Thiên Thủy. Ngồi Hi tự Tử Nha, người quận Kinh Triệu. Thuở nhỏ ham học. Giữa năm Sơ Bình, Tam phụ loạn, Hi đến phía nam làm khách ở Kinh Châu, không vì nhiều loạn, mang giữ sách kinh, hễ lúc rỗi chọn lựa thì đem ra tập đọc. Thái Tổ định Kinh Châu, gọi làm Quân mưu duyên. Giữa năm Hoàng Sơ, làm Lang trung của Tiêu Vương. Vương vốn nghe nói Hi là nhà Nho, thường để lòng theo học. Hi cũng cung kính để dạy Vương, do đó được ban tặng hậu. Xung bệnh về, bãi làm Lang trung. Hơn tám mươi tuổi, xưng già về nhà, người đến học Hi rất đông. Hi đã rõ kinh, lại giỏi xem sao, thường ngưỡng xem thiên văn, than thả bảo Ngự Hoạn nói: “Can quan trong thiên hạ vẫn còn chưa dirt như thế sao”? Hoạn lại thường theo hỏi Tả thị truyện, Hi đáp nói: “Muốn biết cái tinh vi chẳng gì bằng đọc kinh Dịch, phép tắc của người đời chẳng gì bằng đọc kinh Lễ, biết nhiều cây cỏ sông núi chẳng gì bằng đọc kinh Thi, sách Tả thị chẳng qua là sách đánh nhau thôi, không đủ gọi là ý hay”. Hoạn nhân đó theo hỏi kinh Thi, Hi giảng nghĩa của bốn nhà Tề, Hàn, Lỗ, Mao, không ràng buộc với câu văn, có chỗ như đọc qua. Lại soạn ra phần chú giải các kinh có mấy chục vạn chữ; chưa kịp sửa chữa thì bị điếc, mấy năm sau bệnh chết vậy. Việc về Hàm Đan Thuần chép tại truyện Vương Xán, việc về Tô Lâm chép tại truyện Lưu Thiệu, Cao Đường Long, việc về Nhạc Tường chép tại truyện Đỗ Kỳ. Ngự Hoạn nói: “Việc học vốn do ở người, tựa như nhuộm màu xanh vào tơ trắng sao! Cho nên dẫu là Trọng Ni vẫn nói: ‘Ta không phải sống mà biết hết được’. Huống chi là bọn có phẩm hạnh tầm thường! Và lại người đời có kẻ không quý ở việc học cũng vì có người thấy nói ‘nhâm đọc ba trăm kinh Thi nhưng không đối đáp được ở bốn phương’ vậy. Ta cho rằng đây là hạng dưới thôi, không đáng bằng sách Trung dung trở lên, là những sách vốn có chất hay, lại thêm có văn nữa! Mấy người hiền ngày nay, ta cũng biết qua vậy. Xét tài làm việc của họ, thực là không có nhiều. Nhưng giữ việc học không ngừng thì trên được Đế Vương khen, dưới là nhà Nho nổi tiếng của nhà nước, đây không phải là do học sao? Do đó thấy rằng, việc học là lâu dài há có ngừng nghỉ sao”?

Bàn nói: Chung Do thông đạt lí lẽ, Hoa Hâm trong sạch đức thuận, Vương Lăng văn học dồi dào, thực đều là bậc anh hoa của một thời vậy. Nhà Ngụy vừa lập, bắt đầu từ ba vị này mới hưng thịnh đấy! Vương Túc thẳng thắn nghe nhiều, có thể kế thừa cha! [38]

[38] Lưu Thực cho rằng: Túc thẳng thắn thời kẻ trên mà ưa kẻ dưới nịnh bợ mình, đấy là một cái trái ngược. Tính thích vinh quý mà không tìm cái tùy tiện, đấy là hai cái trái ngược. Tham tiếc tài vật mà tu thân không như bản, đấy là ba cái trái ngược.

QUYỂN 14 - TRÌNH QUÁCH ĐÔNG LƯU TƯỜNG LƯU TRUYỆN

Trình Dục, Quách Gia, Đông Chiêu, Lưu Diệp, Tường Tế, Lưu Phóng

LƯU DIỆP TRUYỆN

Lưu Diệp (Hoa) tự Tử Dương, người ở huyện Hoài Nam quận Thành Đức. Là dòng dõi Lăng Vương đời Hán Vũ Đế. Cha là Phổ, mẹ là Tu, sinh được Hoán và Diệp. Năm Hoán lên chín tuổi, Diệp được bảy tuổi, thì mẹ ốm nặng. Lúc lâm chung, trời trăng lại với Hoán và Diệp rằng: “Người hầu của cha các ngươi, hay nói lời sàm nịnh làm hại đến tính mệnh. Sau khi ta chết, sợ rằng trong nhà có loạn mất. Mai sau chúng mày có thể trừ bỏ nó đi, thì ta ắt không phải hối hận vậy.”

Năm Diệp được 13 tuổi, bảo với anh là Hoán rằng: “Lúc mẹ mất đã có lời dẫn dạy, rất nên nghe theo.” Hoán nói: “Sao có thể làm vậy.” Diệp liền vào nhà lấy dao giết chết người hầu nọ, rồi đi thẳng tới bái lạy trước mộ mẫu thân. Khi đại giá của Phổ trở về, người nhà đem chuyện bẩm với Phổ. Phổ giận, sai người đuổi theo Diệp. Diệp về nhà lạy tạ rằng: “Lúc mất mẫu thân đã có lời dẫn dạy, đã vâng mệnh mà chẳng hỏi ý của cha cứ tự tiện thi hành, xin được chịu phạt” Phổ trong lòng lấy làm lạ, bèn không trách cứ gì nữa. Hứa Thiệu ở Nhữ Nam có tiếng là biết người, đang tránh loạn ở đất Dương Châu, khen rằng Diệp là người có tài giúp đời.

Kẻ sĩ ở Dương Châu đa phần là những kẻ ít có lòng hào hiệp mà lại giáo quyệt, như bọn Trịnh Bảo, Trương Đa, Hứa Kiên đều là hạng người ấy. Bảo rất kiêu căng mà quả quyết, tài lực quá người thường, khắp vùng ấy đều kinh sợ. Bảo tính độc xuất cả trăm họ người Việt ⁽¹⁾ đến Giang Biều, nhân thấy Diệp có danh tiếng là bậc cao môn, muốn cưỡng bức Diệp đến để bàn định mưu ấy. Diệp bất giờ mới hơn hai mươi tuổi, trong lòng lấy làm lo lắng, lại chưa có nơi để nương cậy. Gặp lúc Thái tổ sai sứ đến Dương châu, hỏi xét nhân tài xứ ấy. Diệp lại diện kiến, bàn luận chuyện thế sự, lưu lại ở đó mấy ngày. Bảo quả nhiên đem mấy trăm người dắt trâu khiêng rượu đến dò xét ý tứ sứ giả, Diệp lệnh cho tiểu đồng cùng với người nhà ngồi đợi ở ngoài cửa, cho bày sẵn cơm rượu; cùng với Bảo ở trong nhà yên ẩm. Lại ngầm chọn những người khoẻ mạnh, định lấy tiếng ném chén làm hiệu để chém Bảo. Bảo vốn không ham rượu, lại rất tinh ý, không thể ném chén làm hiệu được. Diệp liền tự rút bội đao ⁽²⁾ chém chết Bảo, cắt lấy thủ cấp rồi bảo với đám quân đi theo, rằng: “Thái tổ đã có lệnh, ai dám động thủ, cũng xử đồng tội với Bảo.” Chúng đều kinh hoảng, chạy trốn về quân doanh. Trong doanh trại của Bảo có đến mấy ngàn tinh binh, Diệp sợ chúng làm loạn, bèn cưỡi ngựa của Bảo, đem theo mấy đứa tiểu đồng, đến thẳng doanh trại của Bảo, gọi mấy người đứng đầu đến, bảo rõ những điều hoạ phúc, chúng đều khầu đầu mở cửa trại đón Diệp. Diệp phủ dụ yên ủi đầu vào đấy, tất cả đều bội phục, tiến cử Diệp lên làm chủ soái.

Diệp thấy Hán thất đã suy vi, chỉ riêng đám binh thuộc của mình, chẳng giúp được gì về binh lực, bèn đem đám thuộc hạ ấy theo về với Thái thú Lu Giang là Lưu Huân. Huân lấy làm lạ về việc ấy, Diệp nói: “Bảo không tuân theo phép nước, mọi người tố cáo rằng Bảo chỉ lấy việc cướp bóc làm lợi, kẻ hèn này vốn vô tư, chỉ muốn chinh đôn lại vương pháp, nhân vì có lòng oán giận đã lâu, việc chỉ có như thế mà thôi”.

Bấy giờ Huân nắm giữ binh cường ở khắp vùng Giang Hoài. Tôn Sách ghét lắm, nhưng lại tỏ vẻ nhún nhường sai sứ đến tặng cho vàng lụa rất hậu, còn gửi thư cho Huân thuyết rằng: “Bọn tông dân ở Thượng Liễu, đã mấy lần lừa dối hạ quốc, tôi hận việc ấy đã mấy năm nay. Muốn đến đánh, nhưng đường đất chẳng tiện, có ý nhờ nước lớn đánh dẹp nơi ấy. Thượng Liễu là vùng rất giàu có, lấy được đất ấy có thể khiến trong nước thêm giàu có vậy, xin được xuất binh làm ngoại viện.” Huân tin lời, lại được Sách tặng cho vàng bạc vải lụa, rất lấy làm vui thích. Người khắp trong ngoài đều đến mừng, chỉ riêng có Diệp là không. Huân hỏi việc ấy thế nào, Diệp đáp rằng: “Đất Thượng Liễu tuy nhỏ, nhưng thành trì rất kiên cố vững chắc, đánh khó mà lay chuyển, chẳng thể trong vòng một tuần (3) mà lấy ngay được, như thế ắt binh ở ngoài mệt mỏi, mà trong nước lại hư tổn. Ví như Sách thừa cơ tập kích ta, tất hậu phương chẳng thể giữ được. Tướng quân đã tiến vào đất địch, chẳng thể quay về ngay. Nếu tướng quân xuất binh, họa ắt đến ngay đó.” Huân không nghe. Rồi hưng binh đánh Thượng Liễu, Sách quả nhiên tập kích phía sau, Huân cùng đường, liền bỏ chạy đến chỗ Thái tổ.

Thái tổ đến Thọ Xuân, bấy giờ ở vùng biên cảnh đất Lu Giang có bọn sơn tặc là Trần Sách, quân lính đông đến mấy vạn người, cậy hiểm mà giữ. Trước đây Thái tổ sai thiên tướng đến đánh dẹp, không thắng được. Thái tổ hỏi thuộc hạ xem có thể đánh được không, chúng đều thưa rằng: “Núi cao chót vót, vực sâu hiểm trở, là những nơi dễ giữ mà khó đánh; dầu có đánh thắng thì cái được chẳng đủ bù cái mất, lấy được chỗ ấy cũng chẳng có ích gì.” Diệp nói: “Bọn Sách chỉ là lũ giặc cỏ, nhân lúc loạn lạc mà chiếm cứ nơi hiểm trở, ương ngạnh không chịu khuất phục, nếu không phải người có tước mệnh đủ để thị uy khó mà thu phục được. Ngày trước bởi thiên tướng binh lực ít, mà Trung Quốc còn chưa được yên, cho nên Sách dám nương náu ở nơi hiểm mà cố thủ. Nay thiên hạ đã tạm yên ổn, phủ dụ là việc sau, trừ địch là việc phải làm gấp. Kẻ sợ chết thường chạy theo mỗi lợi, kẻ ngu dốt cũng làm như vậy. Xưa Quảng Vũ quân giúp Hàn Tín vạch kẻ sách, ấy là uy danh đã đủ để trước hư trương thanh thế sau mới đánh dẹp mà thu phục được nước lân bang. Huống chi với đức lớn của mình công, đánh dẹp phía Đông thì phía Tây kinh sợ, đại binh đến nơi, lệnh truyền ra chỉ trong ngày, quân doanh chỉ cần mở cửa là quân địch tự tan vỡ.” Thái tổ cười nói: “Lời khanh nói cũng giống với ý của ta vậy!”. Rồi sai mãnh tướng đi trước, đại quân

theo sau, đến nơi đánh ngay được Sách, quả đúng như điều Diệp đã tính. Thái tổ quay về, lấy Diệp làm Tư không Thương tào duyện.

Phó Tử chép: Thái tổ cho triệu gọi Diệp cùng với Trương Tế, Hồ Chát ... tất cả là năm người, đều là danh sỹ ở Dương Châu tới. Qua mỗi nơi xá đình (4) mấy người ấy lại bàn chuyện, chưa từng bỏ sót buổi nào, đều bàn những chuyện quan trọng cả; bên trong nhắc đến chuyện các bậc tiên hiền ở nước mình (5), việc chống giặc giữ đất, việc tiến lui trong lúc hành quân thế nào, bên ngoài liệu địch mà biến hoá, liệu lường hình thế quân địch thật giả ra sao, học thuật chiến tranh thế nào, sớm tối thao thao bất tận. Duy có Diệp một mình nằm trong xe, thuy chung không nói một lời. Tế lấy làm lạ bèn hỏi Diệp, Diệp đáp rằng: “Đối với bậc minh chủ chẳng phải là người không thông thạo những việc ấy, cái sự sáng suốt có thể học mà được hay sao?” Lúc diện kiến Thái tổ, Thái tổ quả nhiên hỏi đến những bậc tiên hiền ở Dương Châu, hình thế giặc giã trong cõi. Bốn người kia tranh nhau thưa, lần lượt nói những điều đã bàn lúc trước, lại kiến giải đúng như thế, Thái tổ với mỗi người đều rất hài lòng, còn Diệp trước sau vẫn không nói lời nào cả. Bốn người kia đều cười. Sau cùng thấy Thái tổ thôi không hỏi gì nữa, Diệp bèn ví von những lời xa xôi để Thái tổ động tâm, Thái tổ hiểu ngay được ý tứ. Diệp nói đến ba lần. Thái tổ có vẻ thích thú với những lời nói xa xôi nên mới hỏi đến Diệp về các việc cần sự suy xét tinh tế, mỗi lời Diệp đáp đều thấy ở đó sự khéo léo, chẳng phải là những lời tạp nhạp lúc ngồi bàn chuyện phiếm. Thái tổ dò xét kỹ càng hết cả, rồi mới đi nghỉ, cho dùng bốn người kia làm lệnh, riêng Diệp thì lấy làm tâm phúc tin dùng; mỗi khi có việc, thường hỏi đến Diệp, có lúc một đêm gọi đến Diệp tới cả chục lần.

Thái tổ đánh Trương Lỗ, chuyển Diệp sang làm Chủ bộ. Lúc đến được Hán Trung, gặp núi cao khó vượt, quân lương lại thiếu thốn. Thái tổ nói: “Xứ này quả là nơi hiểm ác của quốc gia, sao có thể đánh lấy được đây? Quân ta lương thảo không đủ, chẳng bằng nên mau chóng lui binh.” Muốn dẫn quân quay về, lệnh cho Diệp đốc suất hậu quân, sai các đạo quân lần lượt rút lui. Diệp tính rằng Lỗ có thể đánh được, lại thấy đường vận lương không thông, dầu bỏ đi, quân lính chẳng thể toàn vẹn được hết cả, liền thưa rõ ý ấy với Thái tổ rồi bẩm rằng: “Chẳng bằng ta đánh đến cùng.” Thái tổ bèn tiến binh, sai quân lính bắn cung loạn xạ vào doanh trại của Lỗ. Lỗ bỏ chạy, Hán Trung bình định (6).

Diệp lại tiến lên nói rằng: “Khi trước Minh công chỉ có 5.000 bộ tốt, mà bắt giết Đổng Trác, phía Bắc phá Viên Thiệu, phía Nam dẹp Lưu Biểu, thu được chín châu trăm quận, tám hướng mười phương, uy chấn thiên hạ, người ở cõi ngoài phải kinh sợ. Nay lại lấy được Hán Trung, người Thục nghe tiếng gió mà kinh hoàng, sợ đến vỡ mật, quân ta thuận thế tiến lên, xứ Thục có thể truyền hịch mà định được. Lưu Bị vốn là bậc nhân kiệt trên đời, dùng

mưu mẹo cướp lấy đất Thục, mới được ít ngày, người Thục còn chưa phục. Ta mới phá xong Hán Trung, lòng người Thục rung động, thế lực ắt suy giảm. Minh công là bậc sáng suốt, nhân lúc này hãy thuận thế dẫn binh đánh dần lên không thể không thành công. Nếu chúng ta trì hoãn ít bữa, Gia Cát Lượng sáng suốt giúp việc trị quốc, Quan Vũ-Trương Phi dùng trăm ba quân làm tướng, lòng dân xứ Thục đã yên, chiếm lấy nơi hiểm giữ chắc chỗ trọng yếu, lúc ấy sẽ chẳng thể đánh lấy được nữa vậy. Việc hôm nay không làm, ắt để mối lo về sau vậy.” Thái tổ không nghe, dẫn đại quân quay về.

Phó Tử chép rằng: “Bảy ngày sau, có người Thục đến hàng thưa rằng: “Người trong đất Thục một ngày mấy chục lần kinh sợ. Lưu Bị dẫu đã chém một số người mà vẫn không thể dẹp yên được.” Thái tổ mới gọi Diệp vào hỏi rằng: “Nay còn có thể đánh được chăng?” Diệp thưa: “Nay xứ Thục đã tạm yên, chưa thể đánh được.”

Diệp từ Hán Trung trở về, được làm Hành quân Trưởng sử, kiêm đốc trách quân đội. Năm Diên Khang nguyên niên, Thục tướng Mạnh Đạt dẫn binh đến hàng. Đạt có phong tư tài mạo, Văn Đế rất yêu mến, lấy Đạt làm Thái thú Tân Thành, thêm chức Tán kỵ Thường thị. Diệp cho rằng “Đạt vốn không có lòng lo việc chu toàn, chỉ cậy tài hay thuật giỏi, hẳn chẳng biết đến việc cảm kích ân huệ mà lo việc nghĩa. Tân Thành tiếp giáp với hai xứ Ngô-Thục, ví như có biến, sẽ là mối lo cho quốc gia vậy.” Văn Đế thuy chung không chịu đồng ý, kết cục về sau Đạt làm phản gây hại cho nước.

Phó Tử chép: Khi trước, lúc Thái tổ còn sống, Ngụy Phung là người có danh vọng lớn, từ bậc khanh tướng đến người dưới đều khuyh tâm giao kết. Sau khi Mạnh Đạt bỏ Lưu Bị theo về với Văn Đế, mọi người bàn luận phân nhiều xưng tụng rằng hai người ấy liệu việc sánh được với Nhạc Nghị thuở trước. Diệp một lần diện kiến Phung, Đạt rồi bảo mọi người rằng Đạt ắt sẽ làm phản, rút cục quả như lời ấy.

Năm Hoàng Sơ nguyên niên, lấy Diệp làm Thị trung, ban cho tước Quan nội hầu. Đế xuống chiếu hỏi quần thần xem liệu Lưu Bị có vì Quan Vũ mà xuất binh báo thù nước Ngô chẳng. Mọi người bàn luận đều nói rằng: “Thục là tiểu quốc, danh tướng chỉ có mỗi Vũ, Vũ chết quân tan, người trong nước lo sợ, tất không dám xuất quân báo thù.” Riêng Diệp nói rằng: “Nước Thục tuy nhỏ hẹp, nếu Bị muốn dấy binh lực mạnh để đánh, thế tất sẽ dùng nhiều quân binh để lấy số đông bù lại. Và lại Quan Vũ cùng với Bị, nghĩa là quân thần, ân tình còn hơn cả anh em [\(7\)](#); Vũ chết đi Bị chẳng thể không hưng binh báo thù, cái tình chung thuy ấy chẳng thể nào chia cắt nổi.” Về sau Bị quả nhiên xuất binh đánh Ngô. Ngô mang cả nước theo về Ngụy, phái sứ giả đến xưng thần. Triều thần đều đến chúc mừng, duy chỉ có Diệp cho rằng: “Nước Ngô cách biệt bởi Giang-Hán giữ lấy cõi ngoài, vốn không có lòng thần phục đã lâu. Bệ hạ tuy đức sánh được với Hữu Ngu, nhưng mới chỉ khiến họ sợ,

mà cái tình chưa đủ để cảm động đến họ. Kẻ gặp lúc khó mới chịu thân phục người, ắt chẳng phải là thật bụng vậy. Thế tất bên kia đang bị bên ngoài bức bách mà bên trong khôn quẩn, mới phải phái sứ giả đến đây, ấy cũng là bởi vì cái thế đã cùng, mới phải làm như thế. Người ta nói rằng ‘một ngày thả địch, tai hoạ mấy đời’, chẳng nên không suy xét kỹ càng vậy.”

Bị thua quân lui về, Ngô không chịu sai người đưa lễ vật đến, Đế muốn hưng binh thảo phạt, Diệp cho rằng “Họ mới đắc chí, trên dưới một lòng, lại cách trở sông hồ, khó mà đánh được.” Đế không nghe.

Phó Tử chép: Tôn Quyền sai sứ đến xin hàng, Đế nhân thế hỏi Diệp. Diệp thưa rằng: “Quyền vô cớ đầu hàng, ắt trong nước có việc nguy cấp. Năm trước Quyền tập kích giết chết Quan Vũ, lấy mất bốn quận Kinh Châu, Bị căm giận, ắt hưng đại binh đến đánh. Bên ngoài có kẻ địch mạnh, nội bộ tất bất an, lại sợ Trung Quốc nhân cơ hội này đến đánh, nên mới cúi mình đến xin hàng, một là mong rằng Trung Quốc đừng khởi binh, hai là bày tỏ với Bị rằng họ có Trung Quốc là ngoại viện, khiến cho kẻ địch mạnh kia phải nghi ngờ. Quyền vốn khéo việc dùng binh, biết cơ mưu quyền biến, thế tất chẳng ở bên ngoài lễ ấy. Nay thiên hạ chia ba, Trung Quốc mười phần ta đã có tám. Ngô-Thục mỗi phe giữ lấy một châu, cậy vào núi cao sông lớn mà cố thủ, gặp nguy cấp thì cứu giúp lẫn nhau, ấy là cái lợi của tiểu quốc vậy. Lúc này họ lại đánh lẫn nhau, đây là trời làm họ mất nước. Chúng ta nên khởi đại binh, vượt sông lớn tập kích vào nước họ. Thục đánh ở bên ngoài, ta đánh bên trong, nước Ngô bất quá chỉ độ mười ngày sẽ mất. Ngô mất rồi tất Thục cô thế. Ví bằng chúng ta chỉ lấy được nửa nước Ngô, Thục cũng chẳng thể bền lâu được, huống hồ Thục chỉ lấy được nơi biên ngoài, ta lấy được cả vùng đất ở phía trong!” (8) Đế nói: “Người ta đã xưng thân chịu hàng mà ta lại đánh họ, tất sẽ ngăn trở lòng muốn hàng của thiên hạ sau này, họ tất lấy thế làm sợ hãi, việc ấy chẳng nên làm! Chẳng bằng cô nhận cho Ngô hàng, nhân đó tập kích phía sau quân Thục thì hơn?” Diệp thưa: “Thục ở xa mà Ngô ở gần, nếu Thục hay tin Trung Quốc đến đánh, họ tất rút quân về, chẳng thể khác được. Nay Bị đang thịnh nộ, cố sức hưng binh đánh Ngô, nếu hay tin ta cũng phạt Ngô, tính rằng Ngô ắt phải mất, tất sẽ hoan hỉ tiến binh cùng với ta tranh giành đất đai nước Ngô, hẳn không đời nào bỏ nổi tức giận mà cứu giúp Ngô, cái thế tất nhiên phải xảy ra như vậy.” Đế không nghe, cứ nhận cho Ngô hàng, rồi bái Quyền làm Ngô vương. Diệp lại tiến lên nói: “Chớ nên. Tiên đế xưa chinh phạt, lấy được tám phần thiên hạ, uy chấn hải nội, Bệ hạ vâng mệnh trời lên nối ngôi, về đức hợp với lễ trời đất, tiếng thơm lan toả bốn phương, việc ấy hiển nhiên là thật, nào phải kẻ hèn thân này nói lời xưng tụng đâu. Quyền đâu có hùng tài, thời Hán mạt cũng chỉ làm chức Phiêu kỵ Tướng quân Nam Xương hầu mà thôi, chức quan nhỏ thì thế yếu. Làm kẻ sĩ dân thì trong bụng vẫn còn uý kỵ Trung Quốc chúng

ta, không dám cưỡng lại hòng toan mưu việc lớn. Thế mà vì bất đắc dĩ mới chịu nhận hàng, lại ban cho tước vương, phong thập vạn hộ hầu (9), thiết nghĩ Bệ hạ chẳng thể ban cho y tước vương được. Bởi kẻ ở ngôi vương, chỉ ở dưới thiên tử một bậc, phẩm trật lễ phục gần như nhau. Nếu như Quyền chỉ có tước hầu, hãn sĩ dân Giang Nam với Quyền chưa thể có được cái nghĩa quân thần. Nay ta tin lời trá hàng, phong cho chức lớn, ở ngôi vị tôn hào, nghĩa quân thần của họ đã định, ấy chính là giúp họ thêm cánh vậy. Quyền đã nhận ngôi vương, sau này đánh được quân Thục, bên ngoài vẫn tỏ ra thần phục Trung Quốc, để cho người trong nước đều biết thế, còn bên trong họ lại không tuân mệnh Bệ hạ khiến Bệ hạ phải tức giận. Bệ hạ dùng dùng nổi giận, tất sẽ hưng binh đến đánh, bấy giờ họ mới bố cáo với dân chúng ở đấy rằng: ‘Ta đem lòng thờ phụng Trung Quốc, chẳng phải vì yêu đồ trân quý của họ trọng vọng ngôi cao mà họ ban cho, vẫn định kỳ tiến cống đều đặn, chẳng dám làm mất cái lễ của kẻ bầy tôi, nay họ vô cớ tới đánh, tất muốn diệt nước ta, bắt hết con trai con gái nước ta về bên ấy làm kẻ hầu người hạ.’ Người dân nước Ngô không thể không tin những lời ấy. Họ đã tin lời thì sẽ cảm kích và oán giận, trên dưới một lòng, sự hăng hái sẽ nhân lên gấp bội phần vậy.” Đế vẫn không nghe. Tức thì bãi Quyền làm Ngô vương. Về sau Quyền cùng với Lục Tốn bàn định đánh cho Lưu Bị đại bại, giết chết binh lính Thục hơn tám vạn người (10), Bị bỏ chạy thoát thân. Quyền bên ngoài tỏ vẻ nhún nhường hơn, mà bên trong lại tỏ ý bất thuận, quả như lời Diệp đã nói.

Năm Hoàng Sơ thứ năm, Đế muốn đánh quân Ngô ở Nghiễm Lăng nơi cửa sông Tứ, lệnh cho chư quân ở hai châu Kinh-Dương cùng tiến. Lại hội cả quần thần, hỏi: “Quyền sẽ tự dẫn binh đến chăng?” Chúng đều nói: “Bệ hạ thân chinh, Quyền lo sợ cuống quýt, tất sẽ cất quân nghiêng nước đến ứng phó. Lại không dám uỷ thác đại quân cho kẻ dưới, thế tất sẽ phải thân chinh đem quân đến.” Diệp nói: “Họ cho rằng Bệ hạ đem muôn vạn chiến thuyền đến, ắt sẽ phải vượt qua sông hồ nơi ấy, ắt hẳn họ sẽ tìm binh một chỗ đón đợi chúng ta, chưa chắc đã chịu tiến lui gì.” Đại giá (11) đi được nửa đường thì đóng lại mấy ngày, Quyền quả nhiên không đến, Đế bèn ban sư. Nói rằng: “Khanh liệu việc đúng lắm. Ta đang nghĩ cách diệt hai kẻ địch kia, chẳng thể chỉ biết đến mình mà thôi.”

Minh đế lên tức vị, Diệp được tiến tước làm Đông Đình hầu, ăn lộc 300 hộ. Chiếu viết rằng: “Tôn kính tổ tiên, ấy là làm tròn đạo hiếu; nhớ về cội nguồn để cung kính đối với người sau, ấy là tuân theo mệnh dạy của người xưa. Như Thành Thang-Văn-Vũ thưở trước gây dựng nên nhà Thương-nhà Chu, lấy Thi-Thư làm nghĩa, truy tôn Tắc, Tiết (12) ca tụng Hữu Ngu - Khương Nguyên (13), làm sáng tỏ đức lớn còn truyền lại đến ngày nay, ấy là chịu mệnh để hưng vượng đạo xưa. Vương thất nhà Ngụy ta vâng theo mệnh

trời, đã phát tích từ Cao hoàng đế, Thái hoàng đế (14), mà công lao của Vũ hoàng đế, Văn hoàng đế thật cao vời. Trước kia Cao hoàng đế hoà mục với người, nhún nhường sửa đức, hành động sáng suốt, thế nên được trời đất cho hưởng phúc lớn, khi mất vẫn để lại cái vẻ vang cho con cháu về sau. Sáng suốt là ở chỗ nhìn xa, sao cho tiếng khen còn truyền mãi, chẳng phải là luận việc trọn đạo hiếu để coi trọng cội nguồn vậy. Nay lệnh cho công khanh ở dưới, cùng bàn bạc về thụy hiệu.”

Diệp bàn rằng: “Thánh đế nhún nhường hiếu thảo muốn tỏ rõ sự sùng kính với tổ tiên, ấy là lòng thành thực chẳng phải cân nhắc làm gì. Nhưng thân sơ có mấy lỗi, xa gần cũng có mấy bậc, sự kính lễ phải có kỷ cương, thế nên tư tình phải rõ ràng, sao cho khuôn phép đã hình thành, là khuôn mẫu cho vạn đời sau vậy. Chu vương sở dĩ truy tôn thượng tổ là Hậu Tắc, bởi đã có công phò tá họ Đường (15), tên tuổi đã được ghi vào điển cố. Đến khi Hán thị mới lên, lấy việc truy thụy hiệu là nghĩa, chẳng qua là vì cha mình mà thôi. Bên trên so với nhà Chu, thì Đại Ngụy ta phát tích từ Cao Hoàng ngày trước; dưới bàn đến Hán thị, thì việc truy thụy hiệu ấy là kính lễ chẳng đến được tổ tiên. Thế nên cần phải đổi thay để lập ra khuôn phép, giờ đây chính là lúc nêu tỏ đạo nghĩa vậy. Lòng trung hiếu Bệ hạ đã nêu, sự chí thành thì không có gì là quá, lời đã nói ra sở dĩ phải cân trọng bởi đó là lễ chế (16) vậy. Đã lấy việc truy tôn là nghĩa, nên bắt đầu từ Cao hoàng đế vậy.” Thượng thư Vệ Trần cùng với Diệp bàn luận, việc ấy được thi hành.

Thái thú Liêu Đông là Công Tôn Uyên cướp ngôi của chú (17), chuyên quyền tự lập, phái sứ giả đến dâng biểu trượng. Diệp thấy họ Công Tôn từ thời Hán mạt vẫn giữ riêng một cõi, nổi đời làm quan tướng, bởi đến được chỗ đó thì đường thủy cách bể, đường bộ cách núi non, mà rợ Hồ ở nơi xa xôi rất khó khống chế, vả lại họ đã giao tiếp với Quyền rất lâu ngày. Nay ví bằng không diệt đi, sau này tất sẽ sinh hoạ. Nếu như đem hai đạo binh vượt nơi hiểm trở, tiến hành thảo phạt, là việc rất khó làm. Chẳng bằng nhân lúc Uyên mới tự lập, có nhiều bè đảng thù nghịch, thừa lúc họ không đề ý, mang số ít quân binh đến, bày tiệc khen thưởng và chiêu mộ quân binh làm tay chân, như thế có thể chẳng cần khó nhọc mà định được cả. Sau này Uyên làm phản bị giết.

Diệp ở triều đình, rất ít giao tiếp với mọi người. Có người hỏi việc ấy, Diệp nói: “Ngụy thất cho tôi ở ngôi thượng tôn, bậc trí giả cần biết mệnh, để kẻ tục nhân khỏi ngờ vực. Lúc nhà Hán còn tôi chỉ là kẻ hèn mọn (18), đến khi nhà Ngụy lên cho tôi là tâm phúc, ít người được bằng vai với mình, không nên đánh mất mình đi vậy.”

Năm Thái Hoà thứ sáu, lúc Diệp bị ốm được bá làm Thái trung Đại phu. Một thời gian sau, được làm Đại hồng lư, ở ngôi vị ấy được hai năm thì tự

nhường cho người khác, lại làm Thái trung Đại phu cho đến lúc chết. Được ban thụy hiệu là Cảnh hầu. Con là Nhật nối tự.

Phó Tử chép: Diệp phụng sự Minh hoàng đế, rất được coi trọng. Đế tính chuyện đem quân đánh Thục, triều thần trong ngoài đều nói 'không nên'. Diệp cùng với Đế bàn định, nói rằng 'nên đánh'; khi ra nói việc ấy với triều thần, lại nói rằng 'không nên đánh'. Diệp là người kín đáo, mỗi lời nói ra đều có sự cân nhắc cả.

Trung lĩnh quân Dương Kỳ, được Đế lấy làm bề tôi thân cận, cũng rất kính trọng Diệp, kiên định chủ trương không nên đánh Thục, lúc Diệp ở trong cung ra, Kỳ hỏi Diệp, Diệp giảng giải cái ý không nên đánh. Sau Kỳ theo hầu bên giá, Đế bàn đến chuyện đánh Thục, Kỳ liền can gián. Đế nói: "Khanh là thư sinh, sao biết được việc binh!" Kỳ nhún nhường tạ rằng: "Thần xuất thân là hạng nho sinh hèn mạt, Bệ hạ đã quá rõ, song việc hợp sức với quân thần ở trong, gây dựng sáu quân cho chúa thượng, thần quả có lòng, chẳng dám không nói hết lời. Thần nói quả chẳng đủ để Bệ hạ tin, song Thị trung Lưu Diệp trước từng bàn mưu với thần, thường nói rằng Thục không nên đánh." Đế nói: "Diệp nói với ta rằng Thục có thể đánh được kia mà." Kỳ nói: "Nên gọi Diệp đến để đối chất." Liền hạ chiếu triệu Diệp đến, Đế hỏi Diệp, Diệp thuy chung không chịu nói. Sau thấy còn có một mình, Diệp trách Đế rằng: "Đánh nước người, đó là mưu lớn, khi thần bàn tính việc lớn với Đại vương, vẫn thường sợ rằng lúc mộng寐 mà tiết lộ việc ấy ra ngoài thần sẽ mắc tội lớn, sao dám nói với người khác việc ấy. Dùng binh, là việc trá nguy, việc binh lúc chưa làm, chẳng phải kín đáo ru. Bệ hạ đã để lộ rõ việc ấy, thần sợ rằng địch quốc đã hay tin rồi vậy." Đế liền tạ lỗi với Diệp, Diệp ra ngoài, trách Kỳ rằng: "Kẻ đi câu định bắt được con cá lớn, tất phải buông dây cho nó chạy, không biết đợi để giữ lấy nó về sau, ắt chẳng thể bắt được nó. Người chủ xướng cần vững vàng, cũng như tính chuyện bắt con cá lớn! Ta tin rằng ngươi là bày tôi thẳng thắn, song mưu việc chưa đủ để khiến người khác nghe, chẳng thể không suy nghĩ chín chắn vậy." Kỳ cũng tạ lỗi với Diệp. Đại khái Diệp có thể liệu tính mọi việc chu toàn như vậy.

Có kẻ nói xấu Diệp với Đế rằng: "Diệp chẳng hết lời trung, chỉ khéo dò xét ý của chúa thượng để nói trước cho hợp ý mà thôi. Bệ hạ thử cùng ngồi nói chuyện với Diệp, cứ lật lại ý của Diệp mà cật vấn, nếu như Bệ hạ nói những ý đó là trái, nhất định Diệp sẽ lựa lời cho hợp với thánh ý. Lại mỗi lần đều hỏi những việc giống nhau, Diệp chẳng có chủ ý riêng ắt không bỏ đi vậy." Đế đem lời ấy ra chứng nghiệm, Diệp quả quyết bày tỏ đúng ý riêng của mình, Đế cứ theo thế mà làm. Diệp liền phát công lên, bỏ ra khỏi Đại hồng lư, lo lắng muốn chết. Đế đến thăm nói: "Lời xảo trá chẳng bằng lời nói thực vụng về, ta tin ngươi rồi."

Diệp là người có mưu kế quyền biến sáng suốt, lúc nhàn tản thì làm việc đức nghĩa, khi có việc lấy sự trung tín làm đầu, các bậc hiền tài cổ xưa cũng không hơn được. Một bụng tài trí, mà chẳng tranh giành với kẻ sĩ cùng thời, bên trong không mở lòng mình với người trên, bên ngoài một mối với tục nhân, lúc chết vẫn chẳng thấy được thiên hạ an bình, há chẳng thương thay!
[\(19\)](#)

Con nhỏ của Diệp là Đào, cũng có tài cao mà bạc mệnh, làm quan đến chức Bình Nguyên Thái

Thú.

Vương Bật truyện chép rằng: Người ở Hoài Nam là Lưu Đào, khéo bàn luận chuyện thiên hạ, lúc đương thời làm Sở thôi [\(20\)](#).

Phó Tử chép: Đào tên tự là Quý Dã, được khen là người khéo, có tài biện bác. Vào thời Tào Sảng nắm quyền đã được tuyển vào Bộ Lang, có người đồ đệ của Đặng Dương được khen là có tài Y, Lã. Lúc bấy giờ người ấy có ý đến Thanh Vân, bảo với một người tên là Huyền rằng: “Trọng Ni chẳng phải là thánh. Làm sao biết được như thế? Bởi vì bậc trí giả mưu toan việc nước; mà phần lớn người trong thiên hạ là những kẻ mê muội, mọi việc đều nằm cả trong lòng bàn tay, thế mà chẳng thể có được thiên hạ.” Huyền rất ngờ lời ấy, không chịu phục mới căn vặn lại. Người ấy bảo Huyền rằng: “Muốn có thiên hạ thì về tư chất, phải biết biến đổi vô thường. Nay như thế xem ra ông ấy cũng chỉ là kẻ khanh tướng khôn cùng mà thôi!” Sảng thất bại, người ấy lui về làng ở, sau đến tạ rằng lời nói ấy là quá.

Sách Tấn kỷ của Kiên Bảo chép rằng: Quán Khâu Kiệm nổi dậy, Đại tướng quân hỏi Đào việc ấy, Đào đáp rằng mình không đoán biết được. Đại tướng quân giận nói: “Khanh bình sinh cùng với ta bàn luận chuyện thiên hạ, đến hôm nay có việc lại chẳng hết lòng ư?” Bèn đuổi ra ngoài làm Bình Nguyên Thái thú, rồi sai người đuổi theo giết chết.

TRÌNH DỤC TRUYỆN

Trình Dục tự Trọng Đức, người Đông quận huyện Đông A. Minh cao tám thước ba tấc, có bộ râu rất đẹp. Lúc Hoàng Cân nổi dậy, viên Huyện thừa là Vương Độ làm phản hưởng ứng giặc, thiêu đốt kho lương. Huyện lệnh trèo tường thành bỏ trốn, quan lại và dân chúng già trẻ nhằm hướng Đông chạy về núi Cù Khâu. Dục sai người dò xét Độ, thấy bọn Độ lấy được toà thành trống rỗng không thể giữ nổi, đã ra khỏi thành đi về phía Tây năm sáu chục dặm rồi dừng lại đóng binh ở đó. Dục bảo một người có danh tiếng trong huyện là Tiết Phòng rằng: “Nay bọn Độ chiếm được thành mà chẳng giữ lấy, cứ xem tình thế thì biết, bắt quá chúng chỉ cướp bóc tài vật, chứ chẳng có giáp bèn khí giới sắc chú tâm đánh giữ vậy. Nay sao bọn ta không thống suất mọi người quay về thành mà cố thủ? Và lại tường thành cao mà dày, lương thực rất nhiều, lúc này nếu tìm được huyện lệnh về, cùng nhau giữ chắc, Độ hẳn chẳng thể ở lâu, đánh có thể phá được vậy.” Bọn Phòng cho là đúng. Nhưng đám lại dân không nghe theo, nói: “Giặc ở phía Tây, chúng ta chỉ ở phía Đông được thôi.” Dục bảo bọn Phòng: “Đám ngu dân chẳng thể bàn việc được.” Rồi ngầm phái mấy người cưỡi ngựa cầm cờ đi về phía đông Thượng Sơn, lệnh cho bọn Phòng đứng ở đằng xa, kêu lớn rằng: “Giặc đã đến”, rồi xuống núi nhanh chân chạy chạy vào thành, đám dân chúng vội vàng chạy theo, sau tìm được huyện lệnh về, bèn cùng nhau giữ thành. Bọn Độ kéo đến đánh thành, không hạ được, liền bỏ đi. Dục thống suất dân chúng mở cửa thành đuổi đánh rất gấp, bọn Độ tan vỡ bỏ chạy. Đông A vì thế được bảo toàn.

Năm Sơ Bình trung, Thứ sử Duyện châu là Lưu Đại cho vời Dục, Dục không đáp ứng. Thời ấy Đại cùng với Viên Thiệu và Công Tôn Toản liên hoà, Thiệu lệnh cho vợ con đến ở chỗ Đại, Toản cũng phái Tòng sự là Phạm Phương đưa kỵ binh đến giúp Đại. Về sau Thiệu và Toản có hiềm khích. Toản đánh phá quân Thiệu, rồi phái sứ giả đến mách với Đại, xui đuổi vợ con Thiệu về, cùng với Thiệu tuyệt giao. Lại lệnh riêng cho Phạm Phương rằng: “Nếu như Đại không đuổi gia quyến Thiệu, người cứ dẫn quân kỵ về. Ta dẹp xong Thiệu, sẽ đem thêm binh đến chỗ Đại.” Đại nghị bàn suốt ngày không quyết được, quan Biệt giá là Vương Úc bạch với Đại: “Trình Dục là người có mưu kế, có thể quyết đoán được đại sự.” Đại bèn cho triệu kiến Dục, hỏi kế, Dục nói: “Nếu bỏ sự viện trợ ở gần của Thiệu mà cầu lấy sự cứu giúp ở xa của Toản, cũng ví như cầu người ở nước Việt đi cứu người chết chìm ngoài bể vậy. Người như Công Tôn Toản, chẳng phải là đối thủ của Viên Thiệu vậy. Nay dẫu phá được quân của Thiệu, nhưng sau cùng sẽ bị Thiệu bắt được. Nếu bám lấy cái quyền thế nhất thời mà chẳng lo mưu tính xa xôi, tướng quân sau cùng sẽ thất bại.” Đại nghe theo. Phạm Phương dẫn

quân kỵ đi, chưa đến nơi, Toàn đã bị Thiệu đánh tan tành. Đại dâng biểu xin cho Dục làm Kỵ đô úy, Dục xưng có bệnh từ chối.

Lưu Đại bị quân Hoàng Cân giết hại. Thái tổ đến Duyện châu, cho vời Dục. Dục muốn đi ngay, có người làng hỏi rằng: “Sao ý ngài trước sau lại trái ngược nhau vậy!” Dục cười không đáp lời. Thái tổ cùng Dục nói chuyện riêng, rất vui lòng, cho Dục giữ chức Thọ Trương lệnh. Thái tổ đi đánh Từ châu, sai Dục cùng Tuân Úc giữ Quyên Thành. Bọn Trương Mạc làm phản nghênh đón Lã Bố, các quận huyện hưởng ứng, chỉ có Quyên Thành, Phạm huyện, Đông A là không lay động. Hàng quân của Lã Bố, nói là Trần Cung tự dẫn binh đến lấy Đông A, lại phái Phiêm Nghi đến lấy Phạm huyện, dân chúng đều sợ hãi. Úc bảo Dục rằng: “Nay Duyện châu làm phản, chỉ còn có ba thành này. Bọn Cung đem trọng binh đến, nếu không đoàn kết nhân tâm, ba thành này tất nổi loạn. Ngài, là người được dân chúng ngưỡng vọng, nên quay về giải thích cho họ, có thể được vậy!” Dục bèn quay về, đi qua Phạm huyện, nói với huyện lệnh là Cận Doãn rằng: “Nghe nói Lã Bố bắt giam mẹ, em trai và vợ con ngài, nếu thực là kẻ hiếu tử thì chẳng thể yên tâm được! Nay thiên hạ đại loạn, kẻ anh hùng đều nổi dậy, tất phải có kẻ kỳ tài hơn đời, mới có thể dẹp loạn trong thiên hạ, bậc trí giả như thế cần phân biệt cho rõ ràng vậy. Được minh chủ thì thịnh, mất minh chủ thì bại vong. Trần Cung làm phản đón Lã Bố mà cả trăm thành đều hưởng ứng, tựa như quy thuận, nhưng ngài hãy xem, Bố sao bằng người ta được! Kẻ như Bố, thô lỗ mà thiếu tình thân, cương gàn mà vô lễ, là kẻ anh hùng thất phu mà thôi. Bọn Cung mượn thế lực ấy mà tụ họp, chẳng thể giúp ngài được. Binh dẫu đông, rút cục không nên việc. Tào sù quân trí mưu hơn đời ai sánh kịp, ngờ là trời đã ban cho ta! Ngài tất giữ được Phạm huyện, ta phòng thủ Đông A, thì cái công của Điền Đan có thể lập được vậy⁽²¹⁾. Có ai lia bỏ lòng trung tín theo kẻ ác mà mẩu tử được đồng vong bao giờ? Chỉ có ngài mới lo toan tương tận được thôi!” Doãn chảy nước mắt nói: “Chẳng dám hai lòng.” Lúc ấy Phiêm Nghi đã ở trong huyện, Doãn bèn tiếp kiến Nghi, đặt phục binh đâm chết Nghi, rồi quay về chỉnh trang binh lính phòng thủ.

Từ Chúng bình rằng: Doãn và Tào công, chưa nên nghĩa quân thân. Mẹ, là người chí thân vậy, cái nghĩa kia nên bỏ. Xưa kia mẹ Vương Lăng bị Hạng Vũ bắt, người mẹ cho rằng Cao tổ tất lấy được thiên hạ, nên tự sát để bền cái chí của Lăng⁽²²⁾. Trong lòng sáng suốt không có gì ràng buộc, rồi sau mới thành sự tích người chết vì tiết tháo. Công tử Khai Phương nước Vệ làm quan ở Tề, lâu năm chẳng về nước, Quản Trọng cho là chẳng có tình thân, chỉ biết yêu vua, không thể cho làm tướng⁽²³⁾. Thế nên tìm kẻ trung thân tất phải là kẻ hiếu tử trong nhà, Doãn nên cứu lấy người chí thân trước đã. Mẹ Từ Thứ bị Tào công bắt được, Lưu Bị liền sai Thứ quay về, Dục vì thiên hạ phải thứ lỗi cho cái tình của người con vậy. Tào công cũng nên

trách phạt Doãn vậy.

Dục lại phái quân biệt kỵ chẹn bến Thương Bình, Trần Cung đến, không qua sông được. Dục đến Đông A, Đông A lệnh là Tảo Chi đã đốc suất khuyến khích dân, giữ chắc huyện thành kháng cự. Lại có quan Tòng sự ở Duyện châu là Tiết Đễ cùng Dục hợp mưu, bảo toàn được ba thành, để đợi Thái tổ. Thái tổ về, nắm tay Dục nói: “Không có tâm lực của tiên sinh, ta đã không còn nơi để về rồi.” Rồi dâng biểu tiến cử Dục làm Đông Bình tướng, đóng ở Phạm huyện.

Ngụy thư chép: Dục thời trẻ tường mộng trèo lên Thái Sơn, hai tay bưng mặt trời. Dục tự nghĩ lấy làm lạ, đem nói với Tuân Úc. Đến lúc Duyện châu làm phản, nhờ Dục giữ vẹn được ba thành. Vì thế Úc đem chuyện Dục nằm mộng bạch với Thái tổ. Thái tổ nói: “Khanh đáng là người tâm phúc nhất của ta.” Dục vốn có tên là Lập, Thái tổ bèn thêm cho chữ ‘thượng’ ở bên trên, đổi tên thành Dục vậy.⁽²⁴⁾

Thái tổ cùng Lã Bố giao chiến ở Bộc Dương, mấy lần gặp bất lợi. Nạn hoàng trùng⁽²⁵⁾ nổi lên, hai bên đều dẫn quân về. Lúc ấy Thiệu sai người đến nói với Thái tổ muốn cùng liên hoà, định mời Thái tổ dời gia quyến đến cư trú ở huyện Nghiệp. Thái tổ mới mất Duyện châu, quân lương hết nhẵn, bèn nghe theo. Lúc đó Dục đi sứ vừa mới về, liền vào yết kiến, nhân đó nói rằng: “Tôi trộm nghe nói tướng quân muốn đưa gia quyến sang huyện Nghiệp, cùng với Thiệu liên hoà, có thực thể chăng?” Thái tổ nói: “Đúng thế.” Dục nói: “Cái ý của tướng quân tôi nghĩ đến mà sợ, không như thế thì sao lại suy tính chẳng thấu đáo như vậy! Viên Thiệu chiếm cứ đất Yên-Triệu, có tâm địa thâm hiểm thiên hạ, mà trí lực chưa đủ để nên việc. Tướng quân tự liệu mình có thể ở dưới người ta chăng? Tướng quân có uy như rồng như hổ, có thể làm cái việc của Hàn-Bành chăng⁽²⁶⁾? Nay Duyện châu tuy hoang tàn, chỉ còn có ba thành. Nhưng quân sĩ có thể chiến đấu, chẳng dưới vạn người. Tướng quân là bậc thần vũ, có Văn Nhượng, có Dục này, thu lấy mà dùng, cái nghiệp bá vương có thể thành được vậy. Xin tướng quân hãy nghĩ kỹ lại xem!” Thái tổ bèn thôi.

Ngụy lược chép lại lời khuyên của Thiệu với Thái tổ rằng: “Khi xưa Điền Hoành, là thế tộc ở nước Tề, anh em có ba người từng làm vương, chiếm cứ đất đai nghìn dặm, nắm giữ trăm vạn chúng dân, cùng với chư hầu đều ngoảnh mặt về nam xưng Cô. Cao tổ đã thu được thiên hạ, mà Hoành cố ý không hàng. Đương lúc bấy giờ, Hoành há có thể làm trái với lương tâm sao!” Thái tổ nói: “Phải rồi. Ta tin rằng kẻ trượng phu như thế sao chịu nhục được.” Dục nói: “Dục này ngu ngốc, chẳng biết nói ngọt, vẫn cho rằng cái chí của tướng quân, chẳng bằng được Điền Hoành. Điền Hoành, chỉ là một tráng sĩ nước Tề thôi, còn xấu hổ vì làm bầy tôi của Cao tổ. Nay nghe nói tướng quân muốn đưa gia quyến đến huyện Nghiệp, sắp ngoảnh mặt về

Bắc mà thờ Viên Thiệu. Người thông minh thân vũ như tướng quân, mà lại chẳng xấu hổ vì là kẻ dưới của Thiệu, tôi trộm vì tướng quân mà xấu hổ vậy.” Những lời sau này cùng với bốn truyện cũng tựa tựa vậy.

QUÁCH GIA TRUYỆN

Quách Gia tự Phụng Hiếu, người huyện Dương Địch quận Dĩnh Xuyên. *Phó Tử chép: “Gia từ thừa nhỏ đã có tâm nhìn xa. Thời Hán mạt thiên hạ nhiễu loạn. Lúc hai mươi tuổi mai danh ẩn tích, bí mật kết giao với những người tuấn kiệt, không giao tiếp với tục nhân, cho nên phần lớn những người cùng thời chẳng mấy ai biết đến, chỉ có những bậc thức giả mới biết được. Năm Gia hai mươi một tuổi, được vời vào phủ Tư đồ.*

Khi trước, Gia đi về Bắc yết kiến Viên Thiệu, thời gian sau có nói với mưu thần của Thiệu là Tân Bình, Quách Đồ rằng: “Bậc trí giả nên chọn chúa mà thờ, sao cho trăm lần mưu việc là trăm lần toàn vẹn mà lại có thể gây dựng được công danh. Viên công đồ muốn bắt chước Chu Công nhún mình cầu kẻ sỹ, mà lại chẳng biết dụng nhân tài. Đòi hỏi nhiều nhưng lại ít chú trọng đến cái thiết yếu, có mưu hay mà không quyết, muốn cùng chung sức để cứu giúp đại nạn cho thiên hạ, yên định bá nghiệp, khó lắm thay!” Rồi bỏ đi.

Trước đó, người ở Dĩnh Xuyên là Hí Chí Tài, là mưu sỹ trù hoạch mọi kế sách dưới trướng, Thái tổ rất tin dùng, song chết sớm. Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc nói rằng: “Từ lúc Chí Tài chết đi, ta chẳng có ai để bàn tính mọi việc nữa. Nhữ Nam, Dĩnh Xuyên là nơi có nhiều bậc kỳ sỹ, liệu có ai có thể cùng bàn định những việc ấy cùng ta nhỉ?” Úc tiến cử Gia. Thái tổ cho triệu kiến, luận bàn chuyện thiên hạ. Thái tổ nói: “Kẻ khiến ta thành đại nghiệp, ắt hẳn là người này đây.” Khi Gia trở ra, cũng vui mừng nói: “Đúng là chân chúa của ta vậy”. Thái tổ dâng biểu lên cho Gia làm Tư không Quân tế tửu⁽²⁷⁾.

Phó Tử chép: Thái tổ bảo Gia rằng: “Bản Sơ giữ Ký Châu nhân dân đông đúc, Thanh Châu-Tĩnh Châu cũng gom vào đó, đất rộng binh cường, người theo giúp cũng chẳng phải là những kẻ kém cỏi. Ta muốn đánh dẹp, e rằng binh lực chẳng thể đối địch, biết làm sao đây?” Gia thưa: “Ngày trước Lưu Bang, Hạng Võ về quân lực chẳng thể đối địch nhau, mình công hãn đã biết. Hán Cao Tổ chỉ nhờ trí mưu mà thắng; Hạng Võ tuy mạnh, rút cục vẫn bị đánh bại. Cứ như ý Gia tôi tính thì, Thiệu có 10 điều bại, mình công có 10 điều thắng, binh Thiệu tuy mạnh, nhưng cũng không đáng ngại. Đó là:

Thiệu ưa lễ nghi phiền phức rườm rà; mình công lại thuận theo lẽ tự nhiên, ấy là thắng về đạo là lẽ thứ nhất.

Thiệu hành động trái lẽ; mình công thuận theo lẽ phải để chỉ huy thiên hạ, thế là thắng về nghĩa là lẽ thứ hai.

Thời Hán mạt chính sự trở nài vì khoan nhu, Thiệu lại lấy khoan hoà mà trị, thế nên chẳng thay đổi được gì; mình công cương quyết lấy sự nghiêm

ngặt mà ràng buộc đưa người ta vào khuôn phép, thế là thắng về trị là lẽ thứ ba.

Thiệu bề ngoài thì khoan hoà song bên trong lại nghi kỵ, dùng người mà trong lòng đầy ngờ vực, chỉ tin dùng con em thân thích; mình công bề ngoài giản dị dễ gần mà bên trong thì sáng suốt khéo léo, dùng người thì không chút ngờ vực, chỉ cần có tài là được dùng, chẳng kể gì đến thân sơ, ấy là thắng về độ là lẽ thứ tư.

Thiệu nhiều mưu kế mà thiếu quyết đoán, thường để lỡ mất cơ hội; mình công thì cứ có kế sách hay là thi hành, ứng biến đến vô cùng, đó là thắng về mưu là lẽ thứ năm.

Thiệu nương cây vào gia thế và địa vị, thích bàn bạc những chuyện cao siêu để thu lấy lời khen, khiến những kẻ sĩ thích nói những lời tán tụng suông theo về rất đông; mình công lấy sự chí tâm đãi người, cứ theo lẽ chân thực mà thi hành, không làm những việc phô trương, lấy sự cần kiệm làm gương cho kẻ dưới, đối với người có công thì không hề bủn xỉn, khiến cho những kẻ sĩ trung chính có tâm nhìn xa và thực tài ở khắp nơi tin tưởng đến dưới cò, ấy là thắng về đức là lẽ thứ sáu.

Thiệu nhìn thấy người khác cơ hàn, vẻ thương xót lộ ra nét mặt, nhưng nếu như chẳng nhìn thấy, thì cũng chẳng hề nghĩ đến, đó chính là lòng nhân của đàn bà; mình công thì đối với những việc nhỏ trước mắt, có lúc bỏ qua, nhưng khi gặp việc lớn, lại lo liệu chu đáo được hết cả⁽²⁸⁾, ban ân huệ cho người ta, còn quá cả kỳ vọng, dẫu có việc không nhìn thấy, nhưng vẫn suy tính được chu toàn, chẳng hề thiếu sót, đó là thắng về nhân là lẽ thứ bảy.

Đại thần của Thiệu tranh giành quyền bính, những lời sàm nịnh mê hoặc không dứt; mình công dùng đạo lý cai quản thuộc hạ, lời dèm pha ton hót không nghe, đó là thắng về minh là lẽ thứ tám.

Thiệu chẳng biết phân biệt phải trái; mình công đối với người chân chính thì dùng lễ đãi ngộ, với người bất chính thì dùng phép để trị, ấy là thắng về văn là lẽ thứ chín.

Thiệu thích phô trương thanh thế, không hiểu điều cốt yếu của binh cơ; mình công lấy ít thắng nhiều, dụng binh như thần, quân nhân được nương nhờ, mà địch nhân phải sợ hãi, ấy là thắng về võ là lẽ thứ mười.”

Thái tổ cười nói: “Cứ như lời khanh nói, cô sao được như vậy.” Gia lại thưa: “Thiệu đang đánh Công Tôn Toàn ở phía Bắc, ta có thể nhân cơ hội này để viễn chinh, tiến sang Đông đánh Lã Bố. Không đánh Lã Bố trước, nếu như Thiệu đến đánh cướp, Bố sẽ dẫn binh chi viện, ấy sẽ là mối nguy hại vô cùng.” Thái tổ nói: “Đúng vậy.”

Rồi đem quân đánh Lã Bố, đánh ba trận đều phá được, Bố lui binh cố thủ. Bấy giờ sĩ tốt đã mỏi mệt lắm, Thái tổ muốn dẫn quân quay về, Gia khuyên

Thái tổ nên đánh gấp, nhân thế bắt được Bó. Lời lẽ như đã chép ở Tuân Du truyện.

Phó Tử chép: Thái tổ muốn dẫn quân quay về, Gia nói rằng: “Xưa kia Hạng Tịch⁽²⁹⁾ đánh nhau hơn bảy mươi trận, chưa từng thua một trận nào, một ngày thất thế mà thân chết nước mắt, ấy là hữu dũng vô mưu vậy. Nay Bó thua trận liên tiếp, khí suy lực tụt, trong ngoài thất thủ. Mà uy lực của Bó chẳng bằng được Hạng Võ, song nổi khôn quẫn lại trầm trọng hơn nhiều, nếu chúng ta thừa thắng tấn công, thế tất có thể bắt được Bó”. Thái tổ nói: “Hay”.

Ngụy thư chép: Lưu Bị thua trận đến nương nhờ, Thái tổ lấy làm Dự châu mục. Có người bảo Thái tổ rằng: “Bị có tư thế kiêu hùng, nay không sớm trừ đi, tất di họa về sau”. Thái tổ đem việc ấy hỏi Gia, Gia thưa: “Không nên. Minh công cầm kiếm nghĩa khởi binh, vì trăm họ trừ quân cường bạo, nêu cao tín nghĩa để chiêu dụ tuấn kiệt, còn lo rằng người thiên hạ chưa tìm đến. Nay Bị có danh tiếng là kẻ anh hùng, nhân vì khôn cùng mới theo về mà lại muốn giết đi, thế là mang tiếng hại người hiền, tất những kẻ trí sĩ trong thiên hạ sẽ lấy thế làm ngờ, còn ai tìm đến nữa, minh công sẽ cùng ai yên định thiên hạ? Dứt được mối lo một người, mà tuyệt lòng mong ngóng khắp bốn bể, cái lẽ an nguy là thế, chẳng thể không xét kỹ được!” Thái tổ cười nói: “Khanh nói thật đúng ý ta vậy”.

Phó Tử chép: Khi trước, Lưu Bị đến hàng, Thái tổ lấy lễ thượng khách đối đãi, cho làm Dự châu mục. Gia nói với Thái tổ rằng: “Bị có hùng tài mà rất được lòng người. Trương Phi-Quan Vũ, đều là những kẻ có sức địch muôn người, mà sẵn lòng chết vì Bị. Gia tôi xét thấy rằng, sau này Bị tất không chịu ở dưới người khác, toan tính trong lòng y khó có thể lường được vậy. Cổ nhân có câu ‘Một ngày thả địch, hậu họa muôn đời’. Nên sớm lo liệu trước đi”. Bấy giờ, Thái tổ vâng mệnh Thiên tử sai khiến thiên hạ, đang muốn chiêu dụ những kẻ anh hùng nêu cao tín nghĩa, không chịu dùng mưu của Gia. Đến lúc Thái tổ sai Bị đi đánh Viên Thuật, Gia cùng với Trình Dục vội đến nắm lấy cương ngựa can Thái tổ rằng: “Thả Bị, ấy là mối họa lớn vậy!” Khi ấy Bị đã đi xa rồi, sau này cát binh làm phản. Thái tổ hận rằng đã không nghe lời Gia lúc trước.

Xét những điều Ngụy thư chép về việc ấy, cùng với những lời Phó Tử chép ở đây thấy trái ngược nhau vậy.

Tôn Sách chiếm được đất đai ngàn dặm, thâu tóm hết cả xứ Giang Đông, nghe tin Thái tổ cùng với Viên Thiệu đương cầm giữ nhau ở Quan Độ, muốn qua sông vượt Giang Bắc tập kích vào Hứa Đô. Quân sỹ của Thái tổ hay tin đều lấy làm kinh sợ. Gia suy đoán rằng: “Tôn Sách mới bình định được Giang Đông, những kẻ bị Sách giết đều là những bậc anh hùng hào kiệt, mà dưới trướng họ có nhiều người sẵn sàng lấy cái chết để báo thù cho chủ. Thế

mà Sách lại rất coi thường không chịu phòng bị. Dầu dưới tay Sách có trăm vạn quân, cũng chẳng khác gì một mình đi giữa Trung nguyên. Ví như có kẻ thích khách mai phục đánh lén, cũng chỉ là một người đánh một người. Thế nên tôi cho rằng, Sách tất sẽ chết bởi tay của một kẻ thất phu mà thôi.” Sách ở Giang Đông chưa được bao lâu, quả nhiên bị môn khách của Hứa Công giết chết.

Phó Tử chép: Thái tổ muốn mau chóng đánh dẹp Lưu Bị, lại sợ rằng nếu xuất quân, bị Viên Thiệu tập kích phía sau, tiến lên thì khó đánh được mà lui thì gặp bất lợi. Việc này đã chép ở Vũ đế kỷ. Thái tổ còn ngờ, đem ý ấy hỏi Gia. Gia khuyên Thái tổ rằng: “Thiệu vốn chậm chạp mà đa nghi, có đến cũng chẳng thể nhanh chóng được. Bị mới cất binh, nhân tâm chưa phục, nếu đánh gấp ắt sẽ khắc chế được. Cái lẽ được mất là vậy, chớ nên bỏ lỡ.” Thái tổ nói: “Hay.” Rồi Đông chinh đánh Lưu Bị. Bị thua trận chạy sang chỗ Viên Thiệu, Thiệu quả nhiên không xuất binh.

Thần Tùng Chi xét Vũ đế kỷ thấy rằng, việc quyết kế đánh Bị, đều bởi Thái tổ tự quyết định. Nói rằng Thái tổ dùng kế của Gia, thế là chẳng đúng. Lại xét truyện này nói rằng Gia liệu được Tôn Sách coi rẻ tính mạng mình, ắt sẽ chết vì tay kẻ thất phu, rõ ràng là sáng suốt liệu việc. Nhưng đó cũng không hẳn là bậc thượng trí, bởi Gia chẳng biết chắc rằng Sách sẽ chết vào năm nào. Nay Tôn Sách chết đúng vào năm định tập kích vào Hứa Đô, ấy cũng chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên vậy.

Sau Thái tổ phá được Viên Thiệu, Thiệu chết, Thái tổ lại đuổi đánh Đàm-Thượng ở Lê Dương, thắng liền mấy trận. Chư tướng muốn thừa thắng tấn công, Gia nói: “Viên Thiệu vốn rất yêu quý hai đứa con này, không quyết được nên lập đứa nào. Lại có Quách Đồ, Phùng Kỳ là mưu thần giúp hai người, thế tất hai bên sẽ giao đấu với nhau, rồi đường ai nấy đi. Ta mà đánh gấp, ắt họ sẽ cùng hợp sức chống giữ, còn nếu ta trì hoãn tấn công thì họ sẽ tranh giành kèn cựa lẫn nhau. Chẳng bằng ta quay về Nam nhằm hướng Kinh Châu làm bộ đánh Lưu Biểu, đợi nội bộ họ sinh biến; họ đã có biến rồi ta sẽ xuất kích sau, như thế có thể chỉ một trận là đánh được.” Thái tổ nói: “Hay.” Bèn quay về đánh phương Nam. Quân đi đến Tây Bình, Đàm-Thượng quả nhiên tranh giành Ký Châu. Đàm bị quân của Thượng đánh bại, chạy về giữ đất Bình Nguyên, sai Tân Bì đến xin hàng. Thái tổ liền quay lại cứu giúp, nhân đó yên định được Nghiệp Thành. Sau Thái tổ lại đánh dẹp Đàm ở Nam Bì, bình định được Ký Châu. Thái tổ phong cho Gia làm Vị dương Đình hầu.

Phó Tử chép: Hà Bắc đã bình, Thái tổ nhiều lần cho triệu gọi các bậc danh sỹ có tên tuổi ở các châu Thanh-Ký-U-Tĩnh đến, lấy họ làm các chức Duyệt coi sóc việc ở vùng đó. Ấy đều là mưu lược của Gia vậy.

Khi Thái tổ đuổi đánh Viên Thượng đến ba quận ở xứ Ô Hoàn, chư tướng

môn hạ đều sợ rằng Lưu Biểu sẽ sai Lưu Bị tập kích Hứa Xương đánh Thái tổ, Gia nói: “Minh công tuy uy chấn thiên hạ, song rợ Hồ ý rằng mình ở nơi xa xôi, ắt chẳng có sự đề phòng. Ta nhân lúc họ không phòng bị, bất ngờ công kích, có thể phá tan được. Và lại Viên Thiệu vốn có ân huệ với người Di, lại để cho anh em Thượng sống ở đó. Mà nay bách tính ở bốn châu⁽³⁰⁾ chỉ vì sợ uy của ta mà theo, chứ ân đức của chúng ta chưa rủ đến họ, nếu chúng ta quay về đánh phương Nam, Thượng sẽ dựa vào sự giúp đỡ của người Ô Hoàn, kêu gọi những kẻ tội trung sẵn sàng chết vì chủ, một khi người Hồ nổi dậy, người Di cũng hưởng ứng theo, khiến cho Đạp Đôn⁽³¹⁾ cũng nảy sinh mưu toan dòm dò, sợ rằng đất Ký châu, Thanh châu không còn là của chúng ta nữa. Còn như Biểu, chỉ ngồi bàn chuyện sông với khách mà thôi, tự biết rằng chẳng đủ tài để dùng Bị, nếu trọng dụng ắt sợ rằng không thể chế ngự được Bị, nếu dùng Bị vào việc nhỏ ắt Bị không chịu làm, thế đâu có bỏ trống nước mà đi chinh phạt nơi xa, minh công cũng không cần gì phải lo lắng cả.” Thái tổ bèn nghe theo.

Đến đất Dịch, Gia nói rằng: “Việc binh quý ở chỗ thần tốc. Nay đi xa ngàn dặm đánh người ta, thế mà lại mang theo nhiều đồ quá nặng nề, khó mà đi nhanh được, vả lại để cho quân kia biết được, ắt có phòng bị; chi bằng bỏ hết những xe chở nặng ở lại, kén chọn khinh binh cùng người hướng đạo để mau chóng tiến quân, bất ngờ đánh úp là hơn.” Thái tổ nghe theo ngầm tiến binh vượt Lô Long Tắc, nhằm thẳng đến sào huyệt của chúa Thiên Vu. Binh rợ nghe tin Thái tổ đến, sợ hãi công quýt cả lên họp nhau lại ứng chiến. Thái tổ phá được quân ấy, chém chết Đạp Đôn cùng đám thủ hạ. Thượng cùng với anh trai là Hy chạy trốn sang đất Liêu Đông.

Gia học vấn tinh thông lại có mưu lược, thấu hiểu sự việc. Thái tổ nói: “Duy chỉ có Phụng Hiếu biết được ý của cô.” Năm Gia 38 tuổi, ở Liễu Thành trở về, bị ốm nặng, Thái tổ hỏi thăm bệnh tình. Lúc Gia chết, Thái tổ đến viếng tang, rất thương cảm, bảo bọn Tuân Du rằng: “Các người tuổi tác đều suýt soát với cô, chỉ có Phụng Hiếu là nhỏ tuổi nhất. Ta tính rằng việc thiên hạ định xong, sẽ giao phó việc sau cho, thế mà đang lúc tráng niên rờ rờ lại chết sớm, chẳng hay đó là số mệnh đã định hay sao!” Bèn viết biểu rằng: “Quân sư Tế tửu Quách Gia, từ lúc theo thần đi chinh phạt, đến nay đã được mười một năm. Mỗi khi có việc, liệu dịch ứng biến. Có lúc kế sách của thần còn chưa định, Gia đã quyết ý xong rồi. Việc binh định thiên hạ, công của Gia rất cao. Nay Gia bất hạnh đoản thọ, sự nghiệp chưa trọn. Nhớ đến công lao của Gia, thật chẳng thể quên. Nên tăng thêm thực ấp cho Gia từ 800 hộ trước đây lên 1.000 hộ.”

Ngụy thư chép lại tờ biểu của Thái tổ viết: “Thần nghe rằng việc khen kẻ trung kính người hiền, không hẳn ấy là người thân, nghĩ đến công lao của người ta mà khen thưởng, ấy là ân điển để lại cho đời sau. Như việc Công

Tôn Thúc nước Sở, vẻ vang đến đời con cháu; như Sầm Bành dù đã chết, tước lộc đến tận ngành chi thứ. Quân sư Tế tửu Quách Gia, là bậc uyên bác trung lương trinh thực, thấu tình đạt lý. Mỗi khi có việc, một lời nói ra ở chốn doanh đình⁽³²⁾, đủ để giải quyết mọi việc, kế sách chẳng hề sai sót. Từ ngày theo trong quân ngũ, nay đã được mười một năm, đi thì cùng xe, ngồi cùng chung chiếu, ở phía Đông bắt sống Lã Bố, ở phía Tây lấy được Tuy Cố, chém được thủ cấp Viên Đàm, yên định Sóc thỏ⁽³³⁾ đất rộng dân đông, lại vượt qua nơi đất hiểm, bình định xong xứ Ô Hoàn, oai danh rung động cả đất Liêu Đông, tiêu diệt cả Viên Thượng. Dẫu đó là nhờ thiên uy của Bệ hạ, nhưng ở đất Dịch làm chỉ huy, đến lúc lâm địch, truyền lệnh răn bảo ba quân, đủ để đánh được kẻ hung nghịch, đó thực sự là công lao của Gia vậy. Đang lúc chuẩn bị biểu dương công lao, song Gia đoán mệnh mà chết sớm. Người trên ở nơi triều đường thương tiếc mà truy điệu bậc lương thân, kẻ dưới tiếc hận phải để tang cho người tài đã khuất. Nay nên truy tặng cho Gia, tăng thêm lộc đủ 1.000 hộ, khen tặng người đã chết, cũng là để cổ súy cho người sau vậy.”

Ban cho Gia thụy hiệu là Trinh hầu. Con là Dịch nối tự. *Dịch tự là Bá Ích.. Sách Ngụy thư khen rằng Dịch thông minh thấu tỏ đạo lý.*

Sau này lúc Thái tổ chinh phạt Kinh Châu trở về, đến Ba Khâu gặp bệnh dịch, thuyền bè bị đốt cả, than thở rằng: “Nếu Quách Phụng Hiếu còn sống, chẳng thể khiến cô đến nông nổi này.”

Phó Tử chép: Thái tổ khóc mà rằng: “Thương thay Phụng Hiếu! Đau đớn thay Phụng Hiếu! Tiếc thay Phụng Hiếu!”

Lúc trước, Trần Quân nói với Thái tổ rằng Gia không chịu sửa đổi hạnh kiểm, mấy lần chê bai Gia ngay ở chốn triều đường, Gia không để ý mà vẫn hành sự tự nhiên theo ý mình, Thái tổ càng quý trọng Gia hơn, khiến cho Quân phải thuận theo, rồi sau cũng rất hài lòng với Gia.

Phó Tử chép: Thái tổ gửi thư cho Tuân Úc, nhớ đến Quách Gia thương cảm nói: “Quách Phụng Hiếu tuổi chưa đến 40, cùng lo việc với ta đã mười một năm, vượt mọi trở ngại gian lao, cùng chung lo lắng. Lại là người rất thấu hiểu lý lẽ, biết rõ thế sự khiến mọi việc không bị ngưng trệ, ta muốn phó thác việc hậu sự cho, đâu ngờ chết sớm, khiến ta đau xót thương cảm khôn cùng. Nay ta dâng biểu lên trên xin tăng thêm thực ấp cho con cháu Gia đủ 1.000 hộ, ấy là để giúp thêm cho người đã chết, mong sao lòng đoái niệm ấy cảm kích sâu sắc đến người khác. Và lại Phụng Hiếu là người hiểu cô hơn ai hết; Người trong thiên hạ hiểu được nhau cũng chẳng có nhiều, vì thế lại khiến ta đau tiếc hơn nữa. Sao mà đau tiếc đến vậy được!” Lại gửi cho Úc một bức thư nữa rằng: “Ta nhớ tiếc Phụng Hiếu, chẳng thể quên được. Người ấy hiểu biết việc binh nhưng, hơn hẳn mọi người. Có nhiều người lo lắng rằng phương Nam đương có bệnh dịch, thường nói rằng: ‘Ta đến

phương Nam , tất chẳng sống để trở về'. Nhưng Gia cùng với ta bàn định kế sách, Gia cho rằng nên định Kinh châu trước. Thế là chẳng những chỉ biết đến kế sách mà còn trung hậu nữa, luôn muốn lập công lao, chẳng kể gì đến tính mệnh. Việc ấy người ta sao có thể quên được, làm sao ta có thể quên người đã khuất được.”

Con Gia là Dịch là Thái tử Văn học, chết sớm. Con là Thâm nối tự. Thâm chết, con là Liệp kế tự.

Sách Thế ngữ chép: Gia là cháu Sưởng, Sưởng tự là Thái Trung, có tài cán, làm Tán kỵ Thường thị.

[CHÚ THÍCH]

(1) Người Việt ở đất Giang, Triết, Mân, Việt.

(2) Thanh đao quý đeo ở bên mình.

(3) Một tuần xưa ở Trung Quốc là 10 ngày.

(4) Ngày xưa, quãng đường quân đi một ngày hoặc một đêm (chừng 30 dặm) gọi là xá. Như thế tức là ý rằng cứ 30 dặm lại có một trạm nghỉ để đưa đón khách. Bọn Diệp đi một ngày lại đến một nhà trạm nghỉ qua đêm.

(5) Nguyên văn là ‘tiên hiền quốc áp’. Những người này ở Dương Châu, quốc áp ở đây là những bậc hiền tài đời trước ở đất Dương Châu vậy.

(6) Đoạn này rất khác với những điều chép trong Vũ đế kỷ, Trương Lô truyện.

(7) Nguyên văn là ‘ân do phụ tử’ nghĩa là ‘ân tình hơn cả cha con’, xét thấy Vũ với Bị tình là anh em kết nghĩa nên dịch là ‘ân tình còn hơn cả anh em’, như thế hợp nghĩa hơn.

(8) Cái trong, ngoài mà Diệp nói ở đây tỏ ý rằng Thục lấy được đất giáp với Thục, Ngô lấy được vùng đất gần Kinh đô nước Ngô, nơi ấy là hạ lưu Trường Giang, đất đai trù phú hơn, giàu có hơn.

(9) Ăn lộc mười vạn hộ.

(10) Chỗ này có vẻ hơi phóng đại lên, vì theo nhiều đoạn liên quan đến các nhân vật khác được kể trong sách này đều nói số quân Thục chinh phạt Ngô không có đến 8 vạn người.

(11) Vua xuất hành gọi là giá, có đại giá và pháp giá. Đại giá tức là vua đi ra ngoài có nhiều xe theo hầu, pháp giá là có ít xe theo hầu.

(12) Tắc là Hậu Tắc, bày tôi vua Thuấn, Tiết là bày tôi vua Thuấn, thủy tổ của nhà Thương.

(13) Khương Nguyên là mẹ của ông Hậu Tắc.

(14) Minh đế Tào Duệ muốn nhắc đến tổ phụ mình. Cao Hoàng đế, Thái Hoàng đế là Tào Đằng, Tào Tung.

(15) Vua Nghiêu có họ là Đào Đường, Tắc trước giúp vua Nghiêu, sau này là bày tôi rất nổi tiếng của vua Thuấn.

(16) Lễ chế là điển lễ của vua, cần phải xem xét cẩn trọng.

(17) Công Tôn Khang chết đi lập em là Công Tôn Cung kế vị, Công Tôn Uyên khi ấy còn nhỏ.

(18) Đến năm Thái Hoà thứ hai, đời Minh đế nhà Ngụy, Uyên giết chú mình

cướp ngôi tự lập.

(19) Một đời lo việc nước, gian khổ giữ cho mình, chết vẫn không thấy thiên hạ yên bình, Bùi Tùng Chi bình chú Tam Quốc dành lời cảm thán cho Lưu Diệp vậy.

(20) Không rõ là chức gì.

(21) Tướng nước Yên là Nhạc Nghị đánh Tề, hạ được bảy mươi hai thành, chỉ còn có hai thành Lâm Tri và Tức Mặc là giữ được, sau Điền Đan lập kế đánh đuổi được quân Yên lấy lại nước Tề.

(22) Vương Lãng là tướng của Hán Cao tổ, Cao tổ tranh thiên hạ với Hạng Vũ, Vũ bắt mẹ của Lãng để Lãng thoái chí ra hàng, mẹ Lãng tự vẫn để con trung với Hán, sau này việc làm của mẹ Lãng được lưu danh thiên cổ.

(23) Công tử Khai Phương là người nước Vệ, sang làm quan ở Tề, mấy chục năm không về, Quan Trọng cho là người không có tình thân, quyết không dùng làm tướng.

(24) Chữ Dục vốn là do chữ Lập và chữ Nhật xếp chồng lên nhau mà thành.

(25) Nạn châu chấu phá hoại mùa màng.

(26) Tức Hàn Tín và Bành Việt, đều theo về với Hán Cao tổ chống lại Hạng Vũ. Sau này Cao tổ thống nhất thiên hạ, lần lượt giết hai người này.

(27) Chức Quân sư tế tửu ở phủ Tư không.

(28) Nguyên văn: dĩ tứ hải tiếp, nghĩa là nghĩ xa khắp bốn bể, dịch thoát ý.

(29) Hạng Võ.

(30) Chỉ bốn châu xứ Bắc Hà.

(31) Đạp Đốn tức là thủ lĩnh quân Ô Hoàn.

(32) Nơi bàn bạc việc quân ở doanh trại chốn sa trường.

(33) Trỏ đất Bắc Hà của Thiệu.

QUYỂN 15 - LƯU TƯ MÃ LƯƠNG TRƯỞNG ÔN GIẢ TRUYỆN

Lưu Phúc, Tư Mã Lãng, Lương Tập, Trương Ký, Ôn Khôi, Giả Quỳnh

TRUYỆN LƯU PHÚC

Lưu Phúc tự Nguyên Dĩnh, người ấp Tương nước Bái. Tránh loạn đến Dương Châu, đầu năm Kiến An, khuyên dụ tướng của Viên Thuật là Thích Kí, Tần Dực đem quân cùng đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ vui mừng, quan Tư đồ⁽¹⁾ gọi làm quan Duyệt. Sau có viên Lư Giang Thái thú Lí Thuật mà Tôn Sách sắp đặt đánh giết Dương Châu Thứ sử Nghiêm Tượng; người quận Lư Giang là bọn Mai Càn, Lôi Tự, Trần Lan tụ tập mấy vạn người tại vùng Giang Hoài, phá hại quận huyện; Thái Tổ đang có cái nạn của Viên Thiệu, sai Phúc coi việc ở miền đông nam, bèn cho làm Dương Châu Thứ sử.

Phúc đã nhận lệnh, đi một ngựa vào sửa thành trồng Hợp Phì, lập làm sở trị của châu, võ về bọn Tự ở phía nam, đều an ủi chúng, thay nhau công nạp. Trong mấy năm, ban bố ân tín, trăm họ vui vì việc của Phúc, dân phiêu tán trèo núi vượt sông đến theo về đến hàng vạn người. Do đó tụ tập học trò, dựng trường học, mở đồn làm ruộng, đắp sửa bờ đê Thước Bi cùng các bờ đê Như Bi, Thất Môn, Ngô Đường để rót nước vào ruộng lúa, do đó quan dân được cất chứa. Lại đắp thành lũy cao, chất nhiều gỗ đá, lại kết hàng nghìn vạn tấm rom cỏ, chứa thêm mấy nghìn hộc dầu cá để phòng bị chiến đấu.

Năm Kiến An thứ mười ba thì chết. Tôn Quyền đem mười vạn quân vây đánh thành Hợp Phì hơn trăm ngày, bảy giờ trời mưa liên miên, thành sắp lở, do đó lấy rom cỏ mà che lấp, đuổi đêm lại đốt dầu cá sáng quắc cả ngoài thành để xem giặc đánh thế nào mà phòng bị, giặc vì thế mà thua chạy. Quân dân Dương Châu thêm ghi nhớ ân của Phúc, cho rằng dẫu Đông An Vu giữ đất Tấn Dương cũng không hơn được vậy. Còn cái lợi của bờ đê, đến nay vẫn dùng.

Con Phúc là Tĩnh, giữa năm Hoàng Sơ làm Hoàng môn Thị lang, chuyển làm Lư Giang Thái thú, hạ chiếu nói: “Cha khanh xưa giúp châu ấy, nay khanh lại đến coi quận này, có thể nói là đã gánh lại vác⁽²⁾ vậy”. Chuyển về Hà Nội, đổi làm Thượng thư, ban tước Quan Nội Hầu, lại ra làm Hà Nam Doãn. Tán kị Thường thị Ứng Cừ gửi thư khen Tĩnh nói: “Vào triều thì giúp bày kế sách, ra ngoài thì gánh việc biên thùy. Ngày dài tháng rộng nghĩ thuật giúp dân, bọn rợ phiên dữ tợn cũng phải bỏ ý dòm ngó. Cúng tế năm vị thần⁽³⁾, dứt được cái hại của nước lụt lửa cháy. Đồ dùng trồng trọt đủ cả, không cái thiếu đói của năm mất mùa. Cái cái dùng của tơ tằm, rom cỏ, không có cái lo lắng về mưa ngập, điềm lạnh hện đến. Không có quan lại những nhiều. Người góa bụa cô đơn được cấp chẵn đầy đủ. Lại thêm suy nghĩ sáng suốt kín kẽ, coi trọng pháp luật mà không uốn gối; có lòng cùng vâng theo lệnh vua, các nơi xa trăm dặm rủ lòng trông mong. Dẫu Triệu, Trương, ba Vương⁽⁴⁾ giúp vua ngày xưa cũng không đủ sánh vậy”. Tĩnh làm

việc đại khái như thế. Lúc đầu việc làm đầu có rắc rối, nhưng rút cuộc lại có lợi cho trăm họ, có phong thái của Phức. Vì có tang mẹ mà bỏ chức, sau làm Đại Tư nông Vệ úy. Tiên phong Quảng Lục Đình Hầu, thực ấp ba trăm hộ. Dâng sớ bày tỏ cái gốc của đạo Nho rằng: “Việc học là phép tắc của việc dẹp loạn, là đạo lớn của thánh nhân vậy. Từ năm Hoàng Sơ đến nay, tôn lập đạo học hơn đã hơn hai mươi năm, vậy mà ít có người thành công, đại khái là do quan Bác sĩ (5) coi nhẹ việc chọn lựa, học trò chỉ lo tránh việc lao dịch, các con em nhà cao lại không biết xấu hổ cho đức hạnh của mình, cho nên không có người học. Đầu có tiếng là tôn đạo học mà không có người tôn đạo học, đầu có đạo ấy mà không có ai hiểu được cái đạo ấy. Vậy nên chọn quan Bác sĩ có khí tiết cao thượng, dùng người có đức hạnh mà làm tấm gương, cho dạy dỗ người khác, trông coi việc dạy dỗ con em của công khanh. Dựa theo phép cũ, sai các con cháu của các quan lại có bổng lộc từ hai nghìn thạch trở lên, đủ từ mười lăm tuổi đều phải vào trường học. Làm rõ thế nào là vinh hay nhục, bày cách cất nhắc và phế truất; những người kính đạo tu hạnh thì cất nhắc để tôn đức; những kẻ phá đạo hủy nghiệp thì phế truất để trừ ác; nêu việc thiện mà không dạy được thì khuyên bảo, không cấm xa hoa cầu cạnh thì đạo sẽ bị bỏ ngừng vậy. Mở mang đạo lớn để vỗ về kẻ chưa thần phục, khiến cho sáu cõi ngưỡng theo, người phương xa đến châu, đây là cái đạo của thánh nhân, cái gốc của chính trị vậy”. Sau lại chuyển làm Trấn bắc Tướng quân, ban Giả tiết, trông coi việc quân miền Hà Bắc. Tĩnh cho rằng: “Phép hay thường gặp, chẳng gì hay hơn phòng bị, khiến cho người rợ chia rẽ”. Bèn mở rộng việc phòng bị biên giới, đóng giữ nơi hiểm yếu. Lại sửa gò cao, đào kênh dài, đắp đê lớn, dẫn nước rót tưới vào phía nam bắc của huyện Kế; khiến cho việc trồng lúa được dễ dàng, người biên giới được nhờ cái lợi ấy. Năm Gia Bình thứ sáu thì hoẵng, truy tặng chức Chinh bắc Tướng quân, tiên phong Kiến Thành Hương Hầu, thụy là Cảnh Hầu. Con là Hi nối tự.

Tân Dương thu viết: Lưu Hoảng tự Thúc Hòa, là em của Hi vậy. Hoảng cùng tuổi với Tân Thế Tổ, ở cùng làng, vì có ân bạn cũ mà thường được rạng rỡ. Từ thời Tĩnh đến đời Hoảng, không làm giảm danh tiếng trên đời, lại có tài chính trị. Cuối thời nhà Tây Tấn, Hoảng làm Xa kị Đại Tướng quân Khai phủ, Kinh Châu Thứ sử, ban Giả tiết, trông coi việc quân của các châu Kinh, Giao, Quảng, phong Tân Thành Quận Công. Lúc ở tại miền Giang Hán, gặp buổi tông thất của Nhà vua gặp nhiều nạn, bèn được lệnh trông coi một vùng, dốc hết tài chí. Cảm hóa thuộc hạ, khuyến khích lễ nghĩa, giảm bớt hình phạt, chăm chỉ cấy cày. Hễ có việc quân, tự tay viết hịch trao cho quận huyện, ung dung chậm rãi, cho nên chẳng ai không cảm phục, rong ruổi ngược xuôi, đều nói: “Thấy một bức thư của Lưu Công, người hiền đã mười phần đã nghe theo rồi”. Bấy giờ Nhà vua ở tại Trường An, lệnh Hoảng được chọn dùng quan lại. Gọi kẻ sĩ quận Vũ Lăng là Ngũ

Triều có đức hạnh cao thượng coi việc, Nha môn tướng Bì Sơ có công ở miền Giang Hán, Hoàng dâng thư tiến cử Triều làm Linh Lăng Thái thú, Sơ làm Tương Dương Thái thú. Hạ chiếu cho rằng Tương Dương là quận lớn, mà tiếng tăm của Sơ lại thấp kém, lấy con rể của Hoàng là Hạ Hầu Trắc làm Tương Dương Thái thú. Hoàng nói: “Người trông coi thiên hạ nên cùng lòng với thiên hạ, người trông coi một nước nên cùng gắng sức với một nước. Ta trông coi mười quận của Kinh Châu, há có mười con rể mới trông coi được sao”? Bèn dâng biểu nói rằng: “Trắc là con rể, theo phép cũ không được coi xét việc này, mà Sơ có công, nên được tin dùng”. Hạ chiếu nghe theo, dân thêm phục cách làm ấy. Quảng Hán Thái thú Tân Nhiễm thấy Thiên tử yếu kém, bốn phương rối loạn, đến theo bày kế phản nghịch cho Hoàng, Hoàng giận mà chém đi, người thời ấy chẳng ai không khen ngợi. Tân chur công tán viết: Bây giờ thiên hạ dẫu loạn, nhưng Kinh Châu vẫn yên ổn. Hoàng có chí như Lưu Cảnh Thăng giữ gìn miền Giang Hán, không theo dựa Thái phó Tư Mã Việt, Việt rất kính nể Hoàng. Sau đó Hoàng bệnh chết. Con là Phan, làm Bắc trung lang tướng.

TRUYỆN TƯ MÃ LANG

Tư Mã Lang tự Bá Đạt, người huyện Ôn quận Hà Nội.

Lời tựa của Tư Mã Bưu viết: Ông nội Lang là Tuấn, tự Nguyên Di, học rộng ưa việc xưa, tài giỏi lại rộng lượng. Thân dài tám thước ba tấc, buộc dây eo đến mười vòng, dáng vẻ hùng vĩ, khác với mọi người, người làng họ hàng đều nương dựa vậy. Làm đến Thái thú Dĩnh Xuyên. Cha là Phòng, tự Kiến Công, tính thật thà thẳng thắn, dẫu ở nơi xa lánh nhưng uy nghi không đổi. Ưa đọc truyện các danh thần trong Hán thư, có viết lời bàn đến mấy vạn chữ, làm quan ở châu quận, trải các chức Lạc Dương Lệnh, Kinh Triệu Doãn, vì tuổi già mà chuyển làm Kị Đô úy, nuôi chí nơi thôn ấp, tự giữ nhà cửa. Các con dẫu đã thành người lớn nhưng không sai đi thì không dám đi, không sai ngồi thì không dám ngồi, không chỉ tay gọi đến hỏi thì không dám nói, giữa cha con nghiêm túc đến như thế. Năm bảy mươi một tuổi thì chết, tức năm Kiến An thứ hai mươi tư. Có tám con trai. Lang là lớn nhất, thứ là Tuyên Hoàng Đế của nhà Tấn vậy.

Năm chín tuổi, có người khách nói thẳng tên chữ của cha Lang, Lang nói: “Coi khinh người thân của người khác là không kính người thân của mình vậy”. Người khách tạ lỗi. Năm mười hai tuổi, thi kinh làm Đồng tử lang, người coi thi vì thân thể mình to lớn, ngờ Lang nhỏ tuổi, gạn hỏi, Lang nói: “Anh em nội ngoại của Lang nhiều đời đều to lớn, Lang dẫu nhỏ yếu nhưng không có ý nhìn lên cao, nếu nói dối tuổi nhỏ để cầu tiếng sớm thành danh, đấy không phải là chí của ta vậy”. Người coi thi cho là lạ. Sau đó quân miền Quan Đông nổi dậy, người nhà của Thứ sử Kí Châu Lí Thiệu ngày trước ở tại huyện Dã Vương, gần núi hiểm, muốn dời đến ở huyện Ôn. Lang khuyên Thiệu nói: “Nhu răng với môi, há chỉ có nước Ngụ với nước Quắc⁽⁶⁾, còn có huyện Ôn và huyện Dã Vương; nay bỏ chỗ ấy mà đến ở đây, đấy là mong tránh cái nạn một sớm mà thôi. Vả lại ông là người có danh vọng của nhà nước, nay giặc chưa đến mà dời đi trước, các huyện ven núi tất kinh hãi, đấy là cái gốc làm dao động lòng dân và mời bọn gian làm loạn, nên lo cho người trong quận”. Thiệu không nghe theo. Quả nhiên dân ven núi làm loạn, có kẻ dời vào thành, có người cướp bóc.

Bảy giờ Đồng Trác chuyển Thiên tử đóng đô ở Trường An, Trác nhân đó ở lại tại Lạc Dương. Cha Lang là Phòng làm Trị thư Ngự sử, muốn dời về phía tây, vì bốn phương rối loạn, bèn sai Lang đem người nhà về huyện cũ. Có người nói Lang muốn chạy trốn, bắt đem đến chỗ Trác, Trác bảo Lang nói: “Người cùng tuổi với đứa con đã chết của ta, sao lại làm trái nhau quá thế”? Lang nhân đó nói: “Minh công có đức cao trên đời, gặp thời loạn lạc, xóa trừ bọn xấu, cất nhắc hiền sĩ, nếu ngày nay dốc lòng suy nghĩ sẽ phục

hung chính trị vậy. Uy đức đã lớn, công lao đã rõ, nhưng binh nạn ngày càng nổi lên, châu quận sôi sục, ở vùng ngoài thành, dân chẳng an nghiệp, vút bỏ của cải, chạy trốn ẩn nấp, dầu ngăn cấm bốn ải, tăng thêm hình phạt, cũng không yên ổn, đây là nguyên nhân Lang dờn về quê vậy. Mong minh công soi xét việc cũ, ban phát ân trạch, như vậy sẽ rạng danh cùng với nhật nguyệt, dầu Y, Chu⁽⁷⁾ cũng không hơn được vậy”. Trác nói: “Ta cũng biết rồi, khanh nói có lí”!

Thần là Tùng Chi xét: Lời đáp của Lang chỉ là kể khen công đức của Trác, không phải khuyên răn mà thôi. Trác không tự xét kĩ mà lại nói: “Ta cũng biết rồi, khanh nói có lí”! Lời khách và chủ như là không không đối đáp nhau vậy.

Lang biết Trác tất thua, sợ bị giữ lại, liền đem tiền của để hối lộ những người coi việc của Trác, xin về quê nhà. Lại bảo người già cả rằng: “Đồng Trác ác nghịch, bị thiên hạ ghét, nay là lúc trung thân nghĩa sĩ chuân bị nổi dậy. Quận này liền kề nhau với kinh đô, phía đông Lạc Dương có huyện Thành Cao, phía bắc là sông lớn, nếu người dấy binh trong thiên hạ chưa tiến được tất dừng lại ở đây. Đây là đất tranh chiếm chưa năm xẻ bốn, khó mà ở yên, không bằng nhân lúc đường đi còn thông mà đem họ hàng đi về phía đông đến ở huyện Lê Dương. Ở Lê Dương có quân đồn đóng, là quê nhà vợ của Triệu Uy Tôn, làm chức Giám doanh Yết giả, lĩnh quân mã, đủ để làm chủ. Nếu sau này có biến, thông thả đứng xem cũng chưa muộn”. Người già cả vương vấn chỗ cũ, chẳng ai nghe theo, chỉ có người cùng huyện là Triệu Tư cùng đem người nhà với Lang đến đây. Mấy tháng sau, các châu quận miền Quan Đông dấy binh đến mấy chục vạn người, đều tụ ở Huỳnh Dương và Hà Nội. Các tướng không cùng thống nhất, thả quân ra cướp bóc, dân chúng chết đến gần nửa. Lâu sau, quân miền Quan Đông tan rã, Thái Tổ chống với Lữ Bố ở Bộc Dương, Lang bèn đem người nhà về huyện Ôn. Năm đó đói to, người dân ăn thịt nhau, Lang cứu chân họ hàng, dạy bảo các em, không vì thời loạn mà bỏ nghiệp.

Năm ba mươi hai tuổi, Thái Tổ gọi đến làm Tư không Duyệt thuộc, cho làm Thành Cao Lệnh, lại vì mắc bệnh mà bỏ chức, chuyển làm Đường Dương Trưởng. Lang làm quan khoan hòa, không dùng roi gậy mà dân không phạm cấm. Lúc trước, có người dân dờn vào trong kinh đô, sau huyện lại sai làm thuyền, người dân sợ Lang không làm nổi, bèn cùng nhau góp tiền riêng về giúp Lang, Lang được yêu mến như thế. Chuyển làm Nguyên Thành Lệnh, vào làm Thừa tướng Chủ bạ. Lang cho rằng thể của thiên hạ vỡ lở là do từ thời nhà Tần bỏ chế độ năm bậc tước, mà quận huyện lại không gom góp chuân bị luyện tập chiến đấu. Nay dầu chưa lập lại được năm bậc tước nhưng có thể sai châu quận cùng sắp đặt quân sĩ, ngoài phòng bị người rợ, trong uy hiếp kẻ không nghe lệnh, đây là kế hơn cả. Lại cho rằng nên lập

lại phép ‘tĩnh điền’⁽⁸⁾. Ngày xưa dân đều nổi đời có ruộng, nay vì thời loạn mà cướp đoạt ruộng ấy, như thế đến nay. Nay nhân lúc sau cơn loạn lạc, dân chúng tản mát, ruộng đất không có chủ, đều làm thành ruộng công, nên mượn cơ hội này mà lập lại phép ấy. Lời bàn này hầu không được làm theo nhưng châu quận được lĩnh quân là do ý của Lang vậy. Chuyển làm Thứ sử Duyện Châu, ban hành đạo chính, trăm họ khen ngợi. Dẫu ở trong quân đội nhưng thường mặc áo cũ ăn cơm thô, tiết kiệm để làm gương cho kẻ dưới. Ưu bàn luận sách kinh việc người, người cùng làng là bọn Lí Dịch có tiếng tăm nổi rõ, Lang thường nhún nhường đứng dưới họ. Sau bọn Dịch thua bại, người đời mới chịu phục Lang. Chung Do, Vương Xán bàn luận rằng: “Không có thánh nhân thì không thể dẫn đến thái bình”. Lang cho rằng: “Bọn Y, Nhan⁽⁹⁾ hầu không phải là thánh nhân nhưng được nhiều đời sau truyền tụng, vẫn dẫn đến thái bình”.

Ngụy thư viết: Văn Đế khen lời bàn của Lang, sai Bí thư ghi lại lời ấy.

Tôn Thịnh nói: “Do đã không có ý hay, Lang cũng chẳng có ý đẹp vậy. Ngày xưa vua Thang dùng Y Doãn thì người bất nhân phải xa rời. Kinh Dịch nói: ‘Thầy họ Nhan là người đại hiền chẳng! Chưa từng không biết cái không tốt, biết rồi chưa từng làm trái’. Theo đó mà nói, thánh nhân so với người đại hiền, đức hạnh như nhau, ý chí giống nhau, giúp đời dạy đạo, lí lẽ chẳng khác, dẫn đến thái bình, há đợi nhiều đời sao? Người giỏi giúp nước được trăm năm, cũng có thể bỏ ác vứt xấu. Lại nói: ‘Không học theo người hiền xưa thì không thể giỏi được’. Bàn về việc nhiều đời trước, phải như thế chẳng! Như người đại hiền ngày nay, vẫn noi theo vậy”.

Năm Kiến An thứ hai mươi hai, cùng bọn Hạ Hầu Đôn, Tang Bá đánh Ngô. Đến Cư Sào, quân sĩ mắc bệnh dịch lớn, Lang tự đi xem xét, cấp phát thuốc chữa, bị bệnh chết, bấy giờ bốn mươi bảy tuổi. Truyền lệnh lại phải lấy bằng áo vải khăn lụa, áo thường mà liệm, người trong châu ghi nhớ.

Ngụy thư viết: Lang sắp chết, bảo tướng sĩ nói: “Thứ sử ta nhận ân dày của nhà nước, coi việc ngoài nơi vạn dặm, chưa báo được công nhỏ mà mắc phải bệnh dịch này, đã không tự cứu được mình, lại phụ lại ân của nhà nước. Sau khi thân chết, phải lấy áo vải khăn lụa, áo thường mà liệm, chớ làm trái ý ta”.

Minh Đế lên ngôi, phong con Lang là Di làm Xương Vũ Đình Hầu, thực ấp trăm hộ. Em Lang là Phu lại lấy con là Vọng làm dòng dõi của Lang. Di hoẵng, con Vọng là Hồng nổi tự.

Tấn thư công tán viết: Vọng tự Tử Sơ, là con cả của Phu. Có tài học, sớm nổi tiếng. Giữa năm Hàm Hi làm đến Tư đồ, vào thời nhà Tấn phong làm Nghĩa Dương Vương, chuyển làm Thái úy, Đại Tư mã. Bấy giờ Phu làm Thừa tướng, cha con ở ngôi cao trọng, từ thời giữa đến nay chưa từng có. Hồng tự Khổng Nghiệp, được phong làm Hà Gian Vương.

Lúc trước Triệu Tư cùng dời đi với Lang, làm quan đến Thái thường, là kẻ sĩ giỏi thời ấy.

Tư tự Quân Sơ, con là Phong, tự Tử Trọng, thời Tấn làm Phiếu kị Tướng quân, phong Đông Bình Lăng Công, đều được chép trong Bách quan danh chí.

TRUYỆN LƯƠNG TẬP

Lương Tập tự Tử Ngu, người huyện Chá quận Trần, làm quan Cương kị⁽¹⁰⁾ trong quận. Thái Tổ làm Tư không, gọi đến làm Chương Trưởng, chuyên qua các chức Thặng Chi, Hải Tây, Hạ Bì Lệnh, chỗ trị có tiếng tăm. Về làm Tây tào Lệnh sử, lại chuyển làm Tây tào thuộc. Tinh Châu vừa theo về, Tập làm Biệt bộ Tư mã, lĩnh chức Tinh Châu Thứ sử. Bấy giờ sau cuộc nổi loạn của Cao Hàn, người Hồ Địch vào cõi, ngang ngược bướng bỉnh, quan dân lại trốn theo làm phản, vào ở trong bộ lạc của chúng, các nhà đầu dấy binh gây việc cướp hại, lại ganh chống lẫn nhau, đóng giữ các nơi. Tập đến nhận chức, vỗ về chiêu nạp, đều lấy lễ kêu gọi bọn cường hào, lại tiến cử họ, sai đến phủ quan; bọn cường hào đã hết, sau đó lấy bọn đình tráng làm quân ‘nghĩa tòng’⁽¹¹⁾; lại nhân đó phát đại quân đi đánh dẹp, chia ra làm dũng sĩ. Sau khi đại quân đã đi, rồi trước sau dời người nhà của họ đến đất Nghiệp, cả thấy mấy vạn người; những kẻ không nghe lệnh thì đem quân đến đánh, chém mấy nghìn đầu, kẻ hàng phục đến vạn người. Thiên vu kính thuận, các phiên vương đều cúi đầu, bọn bộ khúc phải theo chức vụ, cùng ghi tên vào sổ hộ. Do đó biên giới yên ổn, trăm họ ra đồng, chăm chỉ trồng trọt, vâng theo phép cấm. Lại chọn kẻ sĩ, đều là bọn nổi tiếng ở trên đời, lời nói tại truyện về Thường Lâm. Thái Tổ vui mừng, ban tước Quan nội hầu, lại bãi chức như cũ. Bậc già cả khen ngợi, cho rằng từ trước đến nay chưa có ai làm Thứ sử tốt bằng Tập.

Năm Kiến An thứ mười tám, gộp Tinh Châu vào Kí Châu, lại bãi làm Nghị lang, Tây bộ Đô đốc Tòng sự, coi việc Kí Châu, tổng lĩnh bộ khúc cũ. Lại sai người đến quận Thượng Đảng lấy gỗ lớn đem về làm cung điện ở đất Nghiệp. Tập xin đặt hai người nắm chức Đồn điền Đô úy, đều lĩnh sáu trăm người cày, trồng trọt cây túc⁽¹²⁾, đậu ở bên đường để cấp các đồ dùng cho người và trâu. Sau đó Thiên vu vào châu, miền tây bắc không có lo lắng, đây là công của Tập vậy.

Ngụy lược viết: Quan Đại phu của người Tiên Ti là Dục Diên thường gây lo lắng cho người trong châu, lại một sớm đem hơn năm nghìn quân kị trong bộ lạc của mình đến chỗ Tập, xin được mua bán, Tập nghĩ nếu không nghe theo thì sợ hấn giận, nếu nghe theo cho hấn vào châu lại sợ hấn cướp bóc, rồi bèn hứa theo cho hấn đến và hẹn mua bán ở trong thành trống. Lại lệnh cho quận huyện, từ quan Trị trung trở xuống phải đến đó. Mua bán chưa xong, quan trông coi việc mua bán bắt trói một thằng người Hồ. Quân kị của Diên đều kinh ngạc, bèn lên ngựa giương cung vây Tập đến mấy vòng, quan dân lo sợ không biết làm sao. Tập liền thông thả gọi quan trông coi việc mua bán lại, hỏi vì sao bắt trói người Hồ thì đúng là người Hồ xâm phạm người

khác. Tập lại sai người dịch tiếng đến gọi Diên, Diên đến, Tập trách Diên nói: “Người Hồ các người tự phạm phép cấm, quan lại không xâm lấn các người, các người sao lại sai quân kị gây kinh sợ vậy”? Bèn chém Diên, bọn người Hồ còn lại võ mật không dám động. Từ đó không còn cướp bóc. Đến năm thứ hai mươi hai, Thái Tổ đánh lấy Hán Trung, các quân về đến Trường An, nhân đó giữ viên Đô đốc quận Thái Nguyên kiêm phiên vương của người Ô Hoàn là Lỗ Tích ở lại, sai đóng quân ở Trì Dương để phòng giữ huyện Lô Thủy. Tích có người vợ yêu ở tại Tấn Dương. Tích đã nhớ vợ, lại sợ không được quay về, bèn đem năm trăm quân kị của bộ lạc mình làm phản chạy về Tinh Châu, giữ số quân kị còn lại ở giữa hang núi, rồi một mình cưỡi ngựa vào thành Tấn Dương, cướp lấy vợ yêu. Đã ra thành, người trong châu quận biết được, nhưng quan dân lại sợ cái tài bắn tên của Tích, không dám đuổi theo. Tập bèn sai Tòng sự Trương Cảnh chọn người Tiên Ti đuổi theo Tích. Tích cỡi vợ trên ngựa, bọn quân kị theo nhau cũng rút lui, chưa kịp hội với quân mình, liền bị người Tiên Ti bắn chết. Lúc đầu Thái Tổ nghe tin Tích làm phản, sợ hấn gây loạn ở miền bắc; kịp lúc nghe tin đã giết hấn, rất mừng, cho rằng đây là kẻ sách trước sau của Tập, phong làm Quan nội hầu.

Văn Đế lên ngôi, đặt lại Tinh Châu, phục chức Thứ sử, tiến phong Thân Môn Đình Hầu, phụng ấp có trăm hộ, coi việc thường được thiên hạ khen. Năm Thái Hòa thứ hai, gọi về bái làm Đại Tư nông. Tập ở tại châu hơn hai mươi năm nhưng ăn ở nghèo khổ, không có ngọc báu vật đẹp, Minh Đế khen là lạ, đối đáp rất hậu. Năm thứ tư thì hoẵng, con là Thi nổi tự.

Trước đây, người huyện Tế Âm là Vương Tư cùng làm Tây tào Lệnh sử với Tập. Tư vào ngày trực báo việc, làm trái ý Thái Tổ. Thái Tổ cả giận, gọi quan chủ việc đến, muốn xử tội nặng. Bấy giờ Tư ra ngoài, Tập thay đến ứng đáp, sau khi đã bị bắt giữ, Tư bèn đi nhanh về, tự kể tội của mình, tội đáng phải chết. Thái Tổ than Tập không nói cho mình, Tư tự biết tội lỗi, nói: “Sao lại có hai nghĩa sĩ trong quân ta chẳng?”

Thần là Tùng Chi cho rằng: Tập với Vương Tư chỉ là cùng làm quan mà thôi, không có tình thân cốt nhục, chẳng có nghĩa ‘đâm cổ’, vậy mà đem thân đỡ thay Tư, chịu nhận cái họa không lường. Thái Tổ cho là có nghĩa, chẳng phải là làm trái phép tắc của bậc thánh triết thời xưa sao! Thái sử Thiên nói: “Có cái chết nặng như núi Thái, có cái nhẹ như lông hồng”, cho nên quân tử không sống ầu, cũng chẳng chết bừa. Nếu Tư không tự gây tội thì chủ chẳng giận, đây gọi là tự sát ở rãnh nước mà chẳng ai biết vậy. Tập thà chết vì nghĩa, há đúng vậy sao!

Sau đó cùng lúc cử làm Thứ sử, Tư làm Dự Châu Thứ sử. Tư cũng là quan lại tài năng nhưng khắc nghiệt không biết toàn cuộc, làm đến bậc cửu khanh, phong Liệt hầu.

Ngụy lược - Hà lại truyện viết: Tư và Tiết Đễ, Khích Gia cùng theo lời gọi, làm quan bậc nhỏ. Trong ba người, Đễ hơi biết đạo Nho, ở chỗ làm quan nổi tiếng là tiết kiệm. Gia với Tư làm việc cũng giống như thế. Văn Đê hạ chiếu nói: “Tiết Đễ là quan lại biết rộng, Vương Tư, Khích Gia là quan lại trong sạch, đều ban tước Quan nội hầu để báo đền công của các vị”. Tư là người rườm rà nhưng thông thuộc văn thư, kính hiền trọng sĩ, dốc lòng mưu việc, cũng vì thế mà nổi tiếng. Giữa năm Chính Thủy làm Đại Tư nông, tuổi già mắt mờ, nổi giận vô cớ, quan thuộc ngao ngán chẳng biết vì sao. Tính lại ít tin cậy, bây giờ có cha của viên quan thuộc bệnh nặng, ở gần ngoài phủ quan, tự xin nghỉ tạm. Tư ngỡ là không thật, phát câu nói: “Trên đời có người nhớ vợ muôn về quê mà nói dối là mẹ bị bệnh, chẳng lẽ là như thế”! Bèn không cho nghỉ. Ngày sau cha của quan thuộc chết, Tư cũng chẳng tiếc nuối. Người này khắc nghiệt đại loại như thế. Tư lại có tính nóng nảy, từng cầm bút viết chữ, có con ruồi đậu trên cán bút, xua đi lại bay lại, cứ như thế ba lần. Tư giận dữ, tự đứng dậy bắt con ruồi nhưng không được, liền lấy bút ném xuống đất, dẫm nát bút. Bây giờ có người quận Đan Dương là Thi Úy, người quận Lô là Nghê Nghĩ, người quận Nam Dương là Hồ Nghiệp cũng làm Thứ sử, Quận thú, người thời ấy gọi là quan lại khắc nghiệt. Lại có người huyện Cao Dương là Lưu Loại, trải qua các chức mục thú, nổi tiếng ác nghiệt, nhưng chăm chỉ làm việc, không bị bỏ chức. Giữa năm Gia Bình làm Hoàng Nông Thái thú, có hơn hai trăm quan thuộc, không cho nghỉ ngơi, chuyên sai làm những việc không cần thiết. Mắc lỗi không kể nặng hay nhẹ, liền nắm lấy đầu họ, lại dùng gậy đánh túi bụi, lôi ra kéo vào, cứ như thế đến mấy lần. Lại sai người bới đất tìm tiền, ở trong phố phủ đều có hang hố. Lại bề ngoài mượn cớ là tiết kiệm, hễ đi ra liền hạ lệnh quan Đốc bưu không được sai quan thuộc làm sai lễ kính, lại ngầm biết những kẻ không đến chào hỏi liền trong lúc phát giận mà đánh thương họ. Tính lại ít tin cậy, hễ sai quan to đi liền sai quan nhỏ đi theo xem xét, ban ngày thường tự ở giữa vách tường lên xem bọn ngồi tù, buổi đêm lại sai người dò xét các quan thuộc, cũng không cho là đủ tin, lại sai lính hầu và nô tì tự xét hỏi lẫn nhau. Từng đi xem xét, nghỉ tại nhà dân. Nhà dân có hai con chó đuổi một con heo, con heo sợ chạy, chui đầu vào bờ rào, kêu thê hồi lâu. Loại cho là quan lại ở ngoài tự ý ăn uống, không xem xét nữa, liền sai lính hầu kéo Ngũ quan huyện Tôn Bật đi vào, nắm đầu mà trách. Bật nói sự thật, Loại tự hổ thẹn không nói rõ được, nhân đó mượn cớ hỏi sang việc khác. Có người dân là Doãn Xương, đã gần trăm tuổi, nghe tin Loại đi ra, sắp đi qua chỗ mình, bảo cháu nhỏ rằng: “Đỡ ta đón phủ quân, ta muốn bày tỏ ân đức”. Cháu nhỏ đỡ Xương ở bên trái đường, Loại nhìn thấy, quát đứa nhỏ nói: “Đỡ người sắp chết ấy mà đòi gặp ta sao”? Loại đối đãi người khác không có lễ độ, đều đại khái như thế. Tục cũ, dân giấu cọt quan trưởng có ba điều không chịu, gọi là ‘chuyển’, ‘bỏ’, ‘chết’ vậy. Loại ở tại Hoàng Nông, quan dân lo

sợ, bèn đề chũ ở cửa phủ rằng: “Lư phủ quân có ba điều không chịu”. Loại dẫu nghe nói nhưng không chịu tự sửa đổi. Sau đó An đông Tướng quân Tư Mã Văn Vương đánh miền tây, đi qua Hoằng Nông, người Hoằng Nông nói là Loại già cả không nên giữ chức mục thú nữa, bèn gọi về làm Ngũ quan Trung lang tướng.

TRUYỆN TRƯƠNG KÍ

Trương Kí tự Đức Dung, người huyện Cao Lăng quận Phùng Dục. Năm mười sáu tuổi làm chức quan nhỏ trong quận.

Ngụy lược viết: Nhà Kí đơn lẻ, nhưng là người có uy nghi. Thuở nhỏ có luyện viết qua tấu sớ, làm một chức quan nhỏ ở trong quận, vì thế nhà được giàu có. Tự nghĩ nhà nghèo, cho rằng không biết lấy gì để thành công, bèn thường gắng sức viết chữ và bản tấu, chờ các quan lớn có thiếu sót thì liền trao cho họ, do đó mà được biết đến vậy.

Sau làm qua các chức, cử Hiếu liêm, không đến nhận chức. Thái Tổ làm Tư không, gọi nhưng không đến. Cử Mậu tài, bái làm Tân Phong Lệnh, là quan coi việc tốt nhất trong các huyện Tam phụ. Viên Thượng chống Thái Tổ ở Lê Dương, sai quan lại mà mình đặt là Hà Đông Thái thú Quách Viện, Tinh Châu Thứ sử Cao Hàn cùng Thiên vu của người Hung Nô đánh lấy huyện Bình Dương, sai sứ giả về phía tây liên kết với các tướng miền Quan Trung. Tư lệ Hiệu úy Chung Do sai Kí dụ bọn Tướng quân Mã Đằng, Kí nói rõ lợi hại, bọn Đằng nghe theo. Đằng sai con là Siêu đem hơn vạn quân cùng Chung Do hợp đánh Hàn, Viện, đại phá chúng, chém đầu Viện. Hàn và Thiên vu đều hàng. Sau đó Hàn đem quân Tinh Châu làm phản. Người quận Hà Nội là Trương Thịnh đem hơn vạn quân chẳng theo ai, cướp bóc giữa vùng núi Hào, sông Mẫn, người quận Hà Đông là bọn Vệ Cố, Trương Nông, Trương Diễm đều đem quân đến theo hấn. Thái Tổ lấy Kí làm Nghị lang, giúp việc quân cho Do, sai về phía tây gọi các tướng là bọn Mã Đằng đều dẫn quân hợp đánh bọn Thịnh, phá chúng. Chém đầu Cố, Diễm; Hàn trốn đến Kinh Châu. Phong Kí làm Vũ Thủy Đình Hầu. Thái Tổ sắp đánh Kinh Châu, nhưng bọn Đằng chia nhau chiếm miền Quan Trung. Thái Tổ lại sai Kí đi dụ bọn Đằng, sai phải bỏ bộ khúc mà thần phục. Đằng đã hứa theo nhưng lại do dự, Kí sợ gây biến, bèn sai các huyện sắm đủ lương thực, đem hai nghìn thạch lương ra ngoài thành trao cho quân. Đằng bắt đực dĩ phải về phía đông. Thái Tổ cho Đằng làm Vệ úy, con là Siêu làm Tướng quân, lĩnh quân của mình. Sau đó Siêu làm phản, Kí theo Thái Tổ phá Siêu ở Hoa Âm, đến phía tây định miền Quan Hữu. Lấy Kí làm Kinh Triệu Doãn, chiêu tập dân li tán, dựng lại thôn ấp, trăm họ nhớ ơn Kí. Nước Ngụy đã lập, làm Thượng thư, ra làm Ung Châu Thứ sử. Thái Tổ bảo Kí nói: “Cho ông về châu cũ, có thể nói là ‘mặc áo gấm đi vào ban ngày’ vậy”. Theo đi đánh Trương Lỗ, đi riêng từ Tản Quan vào đánh người Đê phản loạn, gặt lúa mạch⁽¹³⁾ của chúng để cấp lương cho quân. Lỗ hàng, Kí khuyên Thái Tổ dời mấy vạn hộ dân quận Hán Trung đến ở tại Trường An và các huyện Tam phụ. Sau đó cùng Tào Hồng phá Ngô Lan ở Hạ Biện, lại cùng Hạ Hầu Uyên đánh Tống Kiến, đi riêng đánh các huyện Lâm Thao, Địch Đạo, bình được

các huyện này. Bảy giờ Thái Tổ dời dân đến ở miền Hà Bắc, dân quận Lũng Tây, Thiên Thủy, Nam An cùng nhau lo sợ, thấp thỏm không yên, Kí dùng người của ba quân làm quan tướng đi xem xét, sai làm nhà cửa, đào rãnh nước, lòng người bèn yên. Thái Tổ muốn rút quân rời Hán Trung, sợ Lưu Bị lên phía bắc vỗ về người Đê quận Vũ Đô để uy hiếp miền Quan Trung, hỏi Kí, Kí nói: “Nên khuyên họ lên phía bắc đến chỗ nhiều lúa gạo để tránh giặc, ai đến trước sẽ thưởng lớn, kẻ đến trước được lợi thì kẻ sau tất nghe theo”. Thái Tổ theo kế ấy, bèn tự đến Hán Trung dẫn dắt các cánh quân, sai Kí đến Vũ Đô, dời hơn năm vạn người Đê đến ở tại quận Phù Phong, Thiên Thủy.

Tam phụ quyết lục chú viết: Kí thuở còn trẻ nhỏ được viên Công tào trong quận là Du Ân xem xét mà khen lạ, dẫn Kí qua nhà, Kí vâng theo. Ân về trước, sai người nhà sắm sửa đồ ăn đãi khách. Lúc Kí đến, vợ Ân cười rằng: “Ông đã lầm chớ! Trương Đức Dung là đứa trẻ nhỏ dại, sao lại coi là khách vậy”? Ân nói: “Nàng đừng cho là lạ, hẳn là người tài của vùng này vậy”. Ân bèn cùng Kí bàn luận kế sách của bậc Bá vương. Ân xong, đem con là Sở gửi gắm cho Kí; Kí từ chối không nhận, Ân cố gửi gắm nhưng Kí đã được Ân dốc lòng trông mong, khó làm trái ý Ân, bèn nghe theo. Lúc trước Ân có hiềm khích với Tư lệ Hiệu úy Hồ Chân, Chân vu khống giết Ân. Ân chết vừa hơn một tháng, Chân cũng mắc bệnh nặng, tự nói với mình rằng: “Đáng tội, đáng tội, đây là Du Công tào hiện quỷ về báo thù”. Do đó bèn chết. Bảy giờ người miền Quan Trung khen rằng: “Sống có cái sáng suốt của người thông minh, chết có cái hồn phách của vị thần linh”. Con Ân là Sở, tự Trọng Doãn, làm Bồ Bản Lệnh. Lúc Thái Tổ bình Quan Trung, quận Hán Hưng thiếu quan, Thái Tổ đem việc này hỏi Kí, Kí khen Sở có tài cả văn võ, bèn dùng làm Hán Hưng Thái thú. Sau chuyển làm Lũng Tây Thái thú. Ngụy lược viết: Sở là người khảng khái, làm qua các chức mục thú, chỗ làm quan đều dùng ân đức để trị, không ưa hình phạt. Giữa năm Thái Hòa, Gia Cát Lượng ra miền Lũng Hữu, quan dân rối loạn. Các quan Thiên Thủy, Nam An Thái thú đều bỏ quận về phía đông, chỉ riêng Sở giữ quận Lũng Tây, kêu gọi quan dân, bảo họ nói: “Thái thú ta không có ân đức, nay quân Thục đến, quan dân các quận đều đã ứng theo chúng, đây là buổi các ông được lập công mà được tặng giàu có vậy. Thái thú là người giữ quận cho nhà nước, về nghĩa đáng nên chết cùng quận, các ông hãy lấy đầu Thái thú ta mà chống giữ”. Quan dân đều khóc lóc, nói: “Xin cùng sống chết với ngài phủ quân, không có hai lòng”. Sở lại nói: “Nếu các ông không muốn, ta bày một kế cho các ông. Nay người hai quận phía đông đã bỏ đi, tất sẽ có giặc đến, nhưng nên cùng giữ vững. Nếu nhà nước phát binh đến cứu, giặc tất bỏ đi, đây là giữ nghĩa một quận mà người được được khen tặng vậy. Nếu quan quân không đến cứu, quân Thục đánh càng gấp, lúc đó các người hãy bắt Thái thú ta đến hàng cũng chưa muộn vậy”. Quan dân bèn giữ thành. Nhưng người quận Nam An giúp quân Thục đến quận Lũng Tây. Sở nghe tin

giặc đến, liền sai Trướng sử Mã Ngung ra cửa thành bày trận, rồi tự treo lên lầu thành dụ tướng Thục nói: “Các ông có thể chặn đường Lũng Hữu, khiến cho quân miền đông không qua được, trong vòng một tháng thì quan dân Lũng Tây không đánh mà tự chịu phục; nếu các ông không chặn được thì tự mệt mỏi mà thôi”. Sai Ngung gõ trống xua quân đánh, quân Thục bèn rút. Hơn mười ngày sau, quan quân đến Lũng Tây, Gia Cát Lượng thua chạy. Người quận Nam An, Thiên Thủy đều vì theo Lượng mà bị phá vỡ, hai Thái thú đều bị xử tội nặng, mà Sở có công được phong làm Liệt hầu, các quan thuộc Trướng sử đều được tặng thưởng. Để khen chính trị của Sở, hạ chiếu gọi vào châu, dẫn lên điện. Sở là người thấp bé mà tiếng nói vang, từ lúc làm quan đến nay, mới đầu không lễ nghi của triều đình, lúc vâng lệnh lên thêm, không biết nghi lễ thế nào, Đế liền sai Thị trung dẫn lên, gọi rằng: “Lũng Tây Thái thú lên điện”! Sở đáng đáp là: “Dạ”, nhưng lại nói to là: “Ừ”. Đế ngoảnh nhìn mà cười, rồi an ủi Sở. Bãi hội, tự xin ở lại làm Túc vệ, liền bãi làm Phụ mã Đô úy. Sở không có học thức nhưng tính ưa âm nhạc, thích rong chơi. Lại nuôi những thầy hát, thầy đánh đàn cầm, đàn tranh, thầy thổi sáo, hễ đi đâu lại đem họ đi theo. Tại sở quan thường đồ xúc xắc, ném quả bầu, đùa giỡn làm vui. Mấy năm sau lại ra làm Bắc Địa Thái thú, hơn bảy mươi tuổi thì chết.

Bảy giờ, người quận Vũ Uy là Nhan Tuấn, người quận Trương Dịch là Hòa Loan, người quận Tử Tuyền là Hoàng Hoa, người quận Tây Bình là Cúc Diển cùng đem quân trong quận làm phản, tự gọi là Tướng quân, lại đánh chống lẫn nhau. Tuấn sai sứ giả đem mẹ và con đến chỗ Thái Tổ làm tin, xin giúp. Thái Tổ hỏi Kí, Kí nói: “Bọn Tuấn ngoài mượn oai của nhà nước, trong mang ý gây loạn, đợi thế lực vững vàng rồi tất làm phản thôi. Nay đang hướng việc vào đất Thục, nên để cho hai bên còn mà đánh nhau, như Biện Trang Tử đi bắt hổ⁽¹⁴⁾, đứng xem mà thu lợi vậy”. Thái Tổ nói: “Hay”. Hơn một năm, Loan bèn giết Tuấn. Người quận Vũ Uy là Vương Bí lại giết Loan. Bảy giờ không đặt Lương Châu, từ các huyện Tam phụ đến miền tây đều thuộc Ung Châu.

Văn Đế lên ngôi, vừa lập Lương Châu, lấy An Định Thái thú Trâu Kì làm Thứ sử. Người quận Trương Dịch là Trương Tiên bắt giữ Quận thú đem quân chống Kì, bọn Hoàng Hoa, Cúc Diển đều đuổi Thái thú cũ, đem quân ứng theo hẳn. Kì đem quân giúp oai thế cho Hộ Khương Hiệu úy Tô Tác, cho nên Tác vì thế mà lập công. Tiên phong Kì làm Đô Hương Hầu. Người Hồ huyện Lô Thủy thuộc Lương Châu là bọn Y Kiện Kĩ Thiếp, Trị Nguyên Đa làm phản, miền Hà Tây lo lắng. Đế cũng lo, nói: “Không phải Kì thì chẳng bình được Lương Châu”. Liền gọi Trâu Kì về, lấy Kì đến thay. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Giả Phục⁽¹⁵⁾ xin đánh giặc Yển⁽¹⁶⁾, vua Quang Vũ cười rằng: ‘Chấp kim ngô đánh giặc Yển, Ta còn lo gì?’ Khanh có mưu lược hơn

người, nay là lúc như thế. Cho khanh được tùy việc mà làm, không cần xin lệnh trước”. Sai bọn Hộ quân Hạ Hầu Nho, Tướng quân Phí Diêu đi theo sau. Kí đến Kim Thành, muốn vượt sông, các tướng giữ ý cho rằng: “Quân ít đường hiểm, không nên vào sâu”. Kí nói: “Đường dầu hiểm nhưng không có cái ngăn trở của núi cao, vả lại người Di Địch rời rạc, không có kế dùng xe để đi, nay Vũ Uy nguy cấp, phải đến nhanh mới được”. Bèn vượt sông. Hơn bảy nghìn quân kỵ của giặc chống giữ ở cửa Chiêm Ân, Kí phao tin là đem quân theo lối Chiêm Ân, lại ngầm từ bên Thư Thứ ra đến Vũ Uy. Người Hồ cho là thần, dẫn quân về Hiền Mĩ. Kí đã chiếm Vũ Uy, Diêu cũng đến, nhưng bọn Nho vẫn chưa đến. Kí vỗ về tướng sĩ, muốn tiến quân đánh người Hồ, các tướng đều nói: “Quân sĩ mỗi mệt, quân giặc cũng nhọn, khó cùng giao tranh”. Kí nói: “Nay quân ta không thấy lương thực đến, phải trông dựa vào lương ăn của địch. Nếu giặc thấy quân ta hợp binh, tất lui vào giữ núi thẳm, đuổi theo thì đường hiểm khôn cùng, rút quân về thì giặc đi ra cướp phá. Như thế quân không được lợi, đây gọi là: ‘Một ngày tha địch, lo đến mấy đời’ vậy”. Rồi đem quân đến Hiền Mĩ, mấy nghìn quân kỵ người Hồ nhân gió lớn muốn phóng lửa đốt trại, tướng sĩ đều sợ. Kí buổi đêm đặt ba nghìn quân tinh nhuệ ẩn nấp, sai Tham quân Thành Công Anh đem hơn nghìn quân kỵ ra dụ đánh, sai phải rút về phía nam, quả nhiên người Hồ tranh nhau đuổi theo, liền phát quân chặn ở sau, đầu đuôi đến đánh, đại phá giặc, chém đầu bắt sống đến mấy vạn người.

Ngụy lược viết: Thành Công Anh là người quận Kim Thành. Cuối năm Trung Bình theo làm người tìm bụng của Hàn Ước. Giữa năm Kiến An, Ước thua chạy theo đường Hoa Âm, về Hoàng Trung, bộ khúc tan rã, chỉ còn Anh đi theo. Điển lược viết: Hàn Toại ở tại Hoàng Trung, con rể là Diêm Hành muốn giết Toại để hàng, nhân buổi đêm đánh Toại, không thắng. Toại than thở rằng: “Bậc trượng phu nguy khốn, họa từ con rể chẳng”? Bảo Anh nói: “Nay người thân làm phản, quân sĩ càng ít, nên đi từ Khương Trung về phía tây nam đến đất Thục thôi”. Anh nói: “Dấy binh mấy chục năm, nay dầu thua võ, sao lại bỏ nhà mình mà đến nương dựa vào người khác được”? Toại nói: “Ta tuổi già rồi, ông muốn làm gì”? Anh nói: “Tào Công không thể đi xa đến, chỉ có họ Hạ Hầu thôi. Nhưng quân của họ Hạ Hầu cũng không đủ để đuổi được ta, lại không thể ở lâu; nên nghỉ ngơi ở Khương Trung để đợi họ rút đi. Kêu gọi người Địch, vỗ về người Khương, Hồ, cũng có thể làm nên được việc vậy”. Toại theo kế ấy. Bấy giờ trai gái đi theo còn mấy nghìn người. Toại vốn có ân với người Khương, người Khương bèn giúp đỡ Toại. Lúc Hạ Hầu Uyên về, sai Diêm Hành ở lại phía sau. Bèn tụ mấy vạn quân người Khương, Hồ đến đánh Hành. Hành sắp chạy, vừa lúc đó thì Toại chết, Anh đến hàng Thái Tổ. Thái Tổ gặp Anh rất mừng, cho làm Quân sư, phong Liệt hầu. Đi theo săn bắn, có ba con hươu chạy phía trước, Tào Công sai Anh bắn chúng, ba phát trúng cả ba, đều sau tiếng cung liền ngã xuống. Tào

Công vỗ tay khen rằng: “Chỉ vì Hàn Văn Ước mà dốc hết lòng, nhưng không thể dốc hết lòng vì ta chăng”? Anh bèn xuống ngựa quỳ nói: “Không dám lừa mình công, nếu chủ cũ của Anh vẫn còn thì thần không đến đây vậy”. Lại khóc lóc nức nở. Tào Công khen lòng thành với người cũ của Anh, bèn lại kính trọng. Vào năm Diên Khanh, Hoàng Sơ, người quận Hà Tây có kẻ mưu phản, hạ chiếu sai Anh giúp quan quân Lương Châu bình miền Lũng Hữu, lúc ấy bệnh chết.

Diễn lược viết: Diêm Hành là người quận Kim Thành, sau lấy tên là Diễm, tự Ngạn Minh, thừa trẻ có tiếng tăm, lúc đầu làm một viên tướng nhỏ, đi theo Hàn Ước. Đầu năm Kiến An, Ước đánh chống nhau với Mã Đằng. Con Đằng là Siêu cũng có tiếng tăm. Hành từng đi giết Siêu nhưng mâu gãy, nhân đó lấy mâu gãy đâm cổ Siêu, suýt giết được Siêu. Đến năm thứ mười bốn, được Ước sai đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ đối đãi hậu, cho làm Kiền Vi Thái thú. Hành nhân đó xin cho cha mình vào làm Túc vệ, rồi đi về phía tây gặp Ước, truyền lệnh của Thái Tổ rằng: “Kính tạ Văn Ước: Lúc khanh mới dấy binh, là vì bị bức ép, ta cũng biết rõ vậy. Nên đến sớm, cùng giúp đỡ nhà nước”. Hành nhân đó khuyên Ước nói: “Hành cũng làm Tướng quân, dấy binh đã hơn ba mươi năm rồi, quân dân mệt mỏi, chỗ này lại hẹp, nên sớm đến nương dựa. Cho nên lúc trước tại đất Nghiệp tự xin đem cha già đến ở kinh sư, xin khuyên Tướng quân cũng nên sai một người con đến để tỏ rõ lòng son”. Ước nói: “Nên đứng xem xét mấy trong mấy năm nữa!” Sau bèn sai con đi, cùng cha Hành về phía đông. Vừa lúc Ước đến phía tây đánh Trương Mãnh, để Hành ở lại giữ trại cũ, nhưng bọn Mã Siêu hợp mưu làm phản, cử Ước làm Đô đốc. Lúc Ước về, Siêu bảo Ước nói: “Lúc trước Chung Tư lệ dùng Siêu để bắt Tướng quân, người miền Quan Đông không tin là đúng như vậy. Nay Siêu mất cha, xem Tướng quân như cha. Tướng quân cũng đã mất con, xem Siêu như con”. Hành can Ước, không nếm hợp mưu với Siêu. Ước bảo Hành nói: “Nay các tướng không mưu mà giống ý, đây là số trời”. Bèn về phía đông đến Hoa Âm. Lúc Thái Tổ ngồi trên ngựa nói chuyện với Ước, Hành đi ở sau, Thái Tổ nhìn bảo Hành rằng: “Đang nghĩ làm người con có hiếu sao”? Lúc bọn Siêu thua chạy, Hành theo Ước về Kim Thành. Thái Tổ nghe tin Hành có ý trước, nên chỉ giết con cháu của Ước tại kinh sư. Lại tự tay viết thư gửi Hành rằng: “Xem việc mà Văn Ước làm khiến người ta chê cười. Ta trước sau gửi thư, không không gì không khuyên răn. Như thế mà con nỡ làm sao! Cha khanh can ngăn, tự được yên ổn vậy. Dầu vậy trong chốn ngục tù, không phải là chỗ nuôi người thân, vả lại quan lại cũng không thể nuôi người già được lâu vậy”. Ước nghe tin cha Hành ở lại, lại sắp cùng bị hại, để lấy lòng Hành, bèn gắng đem con gái út gả cho Hành, Hành bắt đặc dĩ phải lấy. Thái Tổ quả nhiên ngờ Hành. Lúc Ước sai riêng Hành coi quận Tây Bình, bèn đem bộ khúc của mình đánh chống với Ước. Hành không thắng, liền đem người nhà về phía đông đến

chỗ Thái Tổ. Thái Tổ bái làm Liệt hầu.

Đế rất mừng, hạ chiếu nói: “Khanh qua sông lội hiểm, lấy quân mỗi đánh giặc nhàn, lấy quân ít thắng quân nhiều, công lao hơn Nam Trọng⁽¹⁷⁾, chăm chỉ hơn Cát Phủ⁽¹⁸⁾. Công lao này không chỉ phá quân Hồ, mà còn khiến cho miền Hà Hữu mãi yên, ta không còn lo lắng ngoảnh về phía tây nữa”. Chuyển phong làm Tây Hương Hầu, tăng áp hai trăm hộ, cùng bốn trăm hộ trước đây.

Người huyện Tửu Tuyên là Tô Hành làm phản, cùng tù trưởng người Khương là Lân Đái và hơn vạn quân kị người Hồ ở Đình Linh đánh các huyện biên giới. Kí cùng Hạ Hầu Nho đánh phá chúng, Hành và bọn Lân Đái đều hàng. Bèn dâng sớ xin cùng Nho sửa chữa thành, đắp lũy ngăn, đặt đài lửa, gác canh để phòng bị người Hồ.

Ngụy lược viết: Nho tự Tuấn Lâm, là em họ của Hạ Hầu Thượng. Lúc đầu làm Kiêu kị Tư mã của Yên Lăng Hầu Chương. Tuyên Vương làm Chinh nam Tướng quân, đô đốc việc quân Kinh Châu, Dự Châu. Năm Chinh Thủy thứ hai, Chu Nhiên vây thành Phàn, tướng giữ thành là bọn Át Tu xin cứu rất gấp, Nho đến đóng đồn ở Đặng Tái, vì quân ít nên không dám tiến, chỉ gõ trống thổi kèn, đặt quân dẫn đường đi trước, cách Nhiên sáu, bảy dặm, chỉ diễu oai rồi về, bọn Tu đứng thấy từ xa, nhiều lần cũng như thế. Hơn một tháng, vừa lúc Thái phó đến, bèn cùng tiến, bọn Nhiên chạy. Người thời ấy nói Nhu khiếp sợ, có người cho là lấy quân ít tỏ vẻ là quân nhiều, được tiếng là đến cứu. Nho như thế vẫn được gọi về, cho làm Thái bộc.

Người Khương miền tây sợ, đem hơn hai vạn người đến hàng. Sau đó người quận Tây Bình là Cúc Quang giết Quận thú của mình, các tướng muốn đánh chúng, Kí nói: “Chỉ có bọn Quang làm phản, người trong quận không hẳn là cùng phản hết. Nếu tự ý đem quân đến đánh, quan dân và người Khương, Hồ tất cho là nhà nước không phân biệt đúng sai, tất sẽ cùng chống giữ nhau, đây là hổ mọc thêm cánh vậy. Bọn Quang muốn lấy người Khương, Hồ làm quân giúp, nay nên sai người Khương, Hồ đánh phá chúng trước, lại thưởng nhiều cho họ, người nào bắt được giặc đều ban thưởng. Ngoài ngăn chặn thế của chúng, trong chia rẽ người của chúng, tất không cần đánh mà định được”. Rồi phát hịch khuyên dụ người Khương, người bị bọn Quang lừa dối thì tha cho; ai chém đem đầu tướng giặc đến thì được phong thưởng. Do đó bộ khúc của Quang chém đem đầu Quang đến, bọn còn lại đều được ở yên như cũ.

Kí trông coi hai châu hơn mười năm, ân đức nổi rõ, những người được Kí tiến cử như người quận Phù Phong là Bàn Diên, người quận Thiên Thủy là Dương Phụ, người huyện An Định là Hồ Tôn, người quận Tửu Tuyên là Bàn Dục, người quận Đôn Hoàng là Trương Cung, Chu Sinh Liệt, rút cuộc đều có danh tiếng.

Ngụy lược viết: Lúc trước, Kí làm chức quan nhỏ trong quận, viên Công tào Từ Anh từng tự đánh Kí ba mươi roi. Anh tự Bá Tế, là người thuộc họ lớn ở quận Phùng Dục, đầu năm Kiến An làm Bồ Bản Lệnh. Tính Anh kiêu ngạo, tự thấy dòng họ mình hơn Kí, có tiếng tăm đứng đầu ở thôn ấp, do đó làm nhục Kí, dẫu biết Kí quý hiển, nhưng rút cuộc không chịu cầu cạnh với Kí. Kí dẫu đạt chí, cũng không vương bận việc cũ, vẫn muốn thân với Anh. Từng nhân lúc say mà gần gũi Anh, Anh cố ý chống không chịu. Anh do đó bèn không được chọn dùng nữa. Cho nên người thời ấy khen Kí không chấp oán cũ, cũng khen Anh thẳng thắn không chịu cúi mình.

Năm Hoàng Sơ thứ tư thì hoǎng. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Tuân Hoàn Tử⁽¹⁹⁾ lập công ở đất Địch, Tấn Hầu đem ấp nghìn nhà phong cho; Phùng Dị⁽²⁰⁾ dốc sức giúp nhà Hán, vua Quang Vũ phong tước cho hai con của Dị. Cho nên Lương Châu Thứ sử Trương Kí giỏi trị dân nuôi quân, khiến cho người Khương theo về, có thể nói là quan giỏi của nhà nước. Không may mất đi, trăm rất thương tiếc. Nay ban tước Quan nội hầu cũ cho con nhỏ là Ông”. Minh Đế lên ngôi, tặng thụy là Túc Hầu, con là Tập nối tự.

Tập làm Trung thư lang, dần chuyển làm Đông Hoàn Thái thú. Giữa năm Gia Bình, con gái làm Hoàng hậu, gọi về bái làm Quang lộc Đại phu, vị Đặc tiến, phong vợ là Hương làm An Thành Hương Quân. Tập cùng mưu với Trung thư lệnh Lí Phong, bị giết. Lời nói tại Hạ Hầu Huyền truyền.

Diễn lược viết: Tập tự Kính Trọng, giữa năm Thái Hòa làm Ôn Lệnh, có tiếng là tài năng. Gặp lúc Gia Cát Lượng ra đánh, Tập dưng kế hay, hạ chiếu đến hỏi Trung thư lệnh Tôn Tư, Tư cho là có mưu lược, bèn gọi đến bái làm Kị Đô úy, sai đi đánh quân Thục. Quân rút, vào làm Thượng thư lang, vì làm quan giỏi mà được Minh Đế biết đến. Đế cho rằng tài năng của Tập gánh vác được nhiều việc, thử gọi thầy xem tướng đến xem tướng Tập. Thầy xem tướng nói: “Làm không quá chức hai nghìn thạch”. Đế nói: “Sao lại tài như thế mà chỉ làm đến chức hai nghìn thạch”? Lúc tại quận Đông Hoàn, lĩnh mấy nghìn quân sĩ. Tính Tập tham tiền của lại tiếc quyền thế, một ngày vì con gái bị gọi đi rời khỏi quận, về ngôi trong phủ xá, lo lắng cuống cuống. Nhiều lần giúp nhà nước bày mưu kế đánh Ngô, Thục, lại từng đáp Tư Mã Đại Tướng quân⁽²¹⁾ cho rằng Gia Cát Khác dẫu thắng được ở biên giới, nhưng bị giết không lâu nữa. Đại Tướng quân hỏi vì sao, Tập nói: “Oai lán cả chủ, công trùm một nước, muốn không chết mà được chǎng”? Đến lúc Khác từ Hợp Phì về, người Ngô quả nhiên giết Khác. Đại Tướng quân nghe tin Khác chết, bảo mọi người rằng: “Gia Cát Khác có nhiều kẻ phản thay! Gần đây Trương Kính Trọng bàn luận về Khác, cho rằng tất bị giết. Nay quả nhiên đúng thế. Cái trí của Kính Trọng là hơn Khác vậy”. Tập thông gia với Lí Phong, lại ở gần bên với nhau. Bấy giờ Phong có ý phản, con Tập là Mạc đến gặp Phong, có chỗ bàn mưu. Lúc Phong bị bắt, việc liên

lụy với Tập, bèn bắt đem đến chỗ quan Đình úy, ban chết trong ngục, các con Tập đều bị giết. Cháu Tập là Ân, giữa năm Vĩnh Ninh thời Tấn làm Lương Châu Thứ sử, xem ở Tấn thư.

TRUYỆN ÔN KHÔI

Ôn Khôi tự Mạn Cơ, người huyện Kỳ quận Thái Nguyên. Cha là Thứ, làm Trác Quận Thái thú, chết, Khôi bảy giờ mười lăm tuổi, đem tang trở về quê nhà. Nhà có nhiều tiền của, Khôi nói: “Nay thời loạn, giàu để làm gì”? Một sớm chia ra hết, cấp cho họ hàng. Người trong châu khen là cao thượng, sánh với Tuân Việt⁽²²⁾. Cử Hiếu liêm, làm Lãm Khâu Trưởng, Quảng Xuyên Lệnh, Bành Thành Tướng, Lỗ Tướng, làm quan ở đâu cũng được khen. Vào làm Thừa tướng Chủ bạ, ra làm Dương Châu Thứ sử. Thái Tổ nói: “Rất muốn cho khanh ở nơi gần gũi, nhưng cho rằng không bằng cho khanh làm việc lớn của châu ấy. Cho nên kinh Thư viết: ‘Người đui tay giỏi thay! Làm các việc tốt thay’! Như thế há không nên cho Tướng Tế làm Trị trung sao”? Bảy giờ Tế được làm Đan Dương Thái thú, bèn sai Tế về làm việc ở châu, lại bảo bọn Trương Liêu, Nhạc Tiến rằng: “Dương Châu Thứ sử hiểu thấu việc quân, động tĩnh thế nào phải cùng bàn luận”.

Năm Kiến An thứ hai mươi tư, Tôn Quyền đánh Hợp Phì. Bảy giờ đều đóng đồn ở các châu, Khôi bảo Duyệt Châu Thứ sử Bùi Tiềm rằng: “Vùng này dầu có giặc nhưng không đáng lo, chỉ sợ Chinh nam⁽²³⁾ đang có biến. Nay nước sông lên cao mà Tử Hiếu để quân ở đây, không có phòng bị từ xa. Quan Vũ kêu hùng, được lợi mà đến, tất sẽ gây hại”. Do đó có việc ở thành Phàn. Hạ chiếu gọi bọn Tiềm và Duyệt Châu Thứ sử Lữ Công dẫn quân đi, nhưng bọn Tiềm chậm trễ. Khôi ngầm bảo Tiềm nói: “Việc gấp ở Tương Dương tất được báo lên vậy. Triều đình không vội sai tụ quận là vì không muốn làm cho quân ở phương xa dao động. Một hai ngày nữa tất có thư kín thúc dục các ông lên đường, bọn Trương Liêu lại sắp nhận lệnh. Bọn Liêu vốn biết ý của Ngụy Vương, sau khi nhận lệnh tất đến trước, các ông tất chịu trách phạt vậy”! Tiềm nghe lời ấy, để đồ nặng ở lại, rồi sắm sửa đồ nhẹ đi ngay, quả nhiên có lệnh thúc dục. Bọn Liêu đều vâng theo lệnh gọi, đúng như lời mà Khôi nói.

Văn Đế lên ngôi, lấy Khôi làm Thị trung, ra làm Ngụy Quận Thái thú. Được mấy năm, chuyển làm Lương Châu Thứ sử, Trì tiết, lĩnh chức Hộ Khương Hiệu úy. Trên đường đi mắc bệnh chết, bảy giờ bốn mươi lăm tuổi. Hạ chiếu nói: “Khôi có khí chất của cột đá⁽²⁴⁾, theo giúp Tiên đế⁽²⁵⁾, công lao nổi rõ. Lúc trầm lên nắm việc, lại trung với nhà vua, vậy nên cho nắm việc nơi vạn dặm, sai đi coi việc của một vùng. Vậy mà việc chưa xong, trầm rất thương tiếc”! Ban tước Quan nội hầu cho con Khôi là Sinh. Sinh chết sớm, tước mất.

Sau khi Khôi chết, người quận Nhữ Nam là Mạnh Kiến làm Lương Châu Thứ sử, có tiếng tăm, làm đến Chinh đông Tướng quân.

Ngụy lược viết: Kiến tỵ Công Uy, thừa nhỏ cùng du học với Gia Cát Lượng. Sau đó Lượng ra Kỳ Sơn, đáp thư Tư Mã Tuyên Vương, sai Đổ Tử Tụ⁽²⁶⁾ truyền ý thăm hỏi Công Uy vậy.

TRUYỆN GIẢ QUỲ

Giả Quỳ tự Lương Đạo, người huyện Tương Lăng quận Hà Đông. Từ thời trẻ nhỏ, chơi đùa thường sắp đặt đội ngũ, ông nội là Tập cho là lạ, nói: “Người lớn lên tất làm tướng sủng”. Bèn truyền miệng cho mấy vạn chữ trong sách binh pháp.

Ngụy lược viết: Nhà Quỳ là họ lớn, thuở nhỏ thì cô, nhà nghèo, mùa đông thường không có quần mặc, qua ở nhờ nhà anh vợ là Liễu Phu, chưa đến trời sáng, mặc quần của Phu mà đi, cho nên người thời ấy cho là người cởi mở.

Lúc đầu làm quan trong quận, giữ chức Giáng Ấp Trưởng. Quách Viện đánh quận Hà Đông, các thành ấp đi qua đều chiếm được, Quỳ giữ vững, Viện đánh không thắng được, bèn gọi Thiên vu⁽²⁷⁾ đem quân đến cùng đánh gấp. Thành sắp vỡ, người già cả trong thành huyện Giáng giao ước với Viện là không được làm hại Quỳ. Lúc người thành huyện Giáng đã tan vỡ, Viện nghe danh tiếng của Quỳ, muốn dùng làm tướng, đem quân ép buộc Quỳ, Quỳ không chịu theo. Tả hữu dẫn Quỳ đến ép cúi đầu, Quỳ mắng chúng rằng: “Há làm trưởng lại của nhà nước mà lại cúi đầu trước quân giặc”? Viện giận, muốn chém Quỳ. Quan dân thành Giáng nghe tin sắp giết Quỳ, đều lên thành gọi rằng: “Chớ được giết người hiền của bọn ta, nếu không thì bọn ta cùng chết”? Tả hữu khen Quỳ, nhiều người xin tha Quỳ, do đó được tha.

Ngụy lược viết: Viện bắt được Quỳ, Quỳ không chịu lay, bảo Viện nói: “Vương phủ quân⁽²⁸⁾ coi quận nhiều năm, không biết túc hạ là người nào nữa”? Viện giận nói: “Ta phải nhanh chém người”. Các tướng che chở, bèn bắt giam ở Hồ Quan, đóng cũi trong hố đất, lấy bánh xe trùm lên, sai người giữ vững. Sắp muốn giết đi, Quỳ ở trong hố đất bảo người giữ cũi rằng: “Trong này không có trảng sãi sao mà lại khiến cho nghĩa sĩ phải chết ở trong này vậy”? Bấy giờ có người tên là Chúc Công Đạo, không phải là người quen với Quỳ, nhưng vừa lúc nghe lời ấy, thương cảm Quỳ vì thẳng thắn mà bị mang vạ, bèn buổi đêm lên đến dẫn ra, bẻ gông cho thoát, không nói họ tên của mình.

Lúc trước, Quỳ qua huyện Bì Chi, nói: “Người nào chiếm được đất này trước thì thắng”. Lúc bị vây gấp, biết khó thoát, bèn sai người lên ra đem ẩn thảo về quận, lại nói: “Mau chiếm huyện Bì Chi”. Viện đã thu được quân của huyện Giáng, muốn tiến quân. Quỳ sợ Viện chiếm Bì Chi trước, liền bày kế khác để lung lạc mưu sĩ của Viện là Chúc Áo, do đó Viện ở lại bảy ngày. Người trong quận theo lời Quỳ cho nên không bị thua.

Tôn Tư biệt truyện viết: Tư được cử làm viên Kế lại của quận Hà Đông, đến đất Hứa, tiến cử ở phủ Thừa tướng rằng: “Quỳ tại Giáng Ấp, khuyến

khích quan dân không giao tranh với giặc Quách Viện, sức kiệt mà thua, bị giặc bắt giữ, nhưng giữ chí thẳng, từ chối không cúi phục; nói lời trung với dân chúng, ngày nay nổi tiếng là trung liệt, dẫu những người nắm chức cao, tóc trắng thời xưa cũng không hơn được. Người này tài cả văn võ, nên chọn dùng người này”.

Ngụy lược viết: Sau khi Quách Viện thua, Quỳ mới biết người đã thả mình ra là Chúc Công Đạo. Công Đạo là người quận Hà Nam. Sau đó làm việc mắc lỗi, tội đáng chịu phạt. Quỳ xin giúp, sức chẳng giúp thoát nhưng được giảm tội vạ.

Sau cử Mậu tài, làm Mẫn Trì Lệnh. Cao Hàn làm phản, Trương Diễm muốn đem quân đến ứng theo. Quỳ không biết mưu ấy, đến gặp Diễm. Nghe tin nổi loạn, muốn về nhưng sợ bị bắt, bèn bày kế cho Diễm như là người cùng mưu, Diễm tin theo. Bấy giờ sở trị của huyện ở thành Lễ, thành lũy không vững, Quỳ đem quân của Diễm sửa thành. Những người muốn làm loạn đều không giấu mưu của mình, cho nên Quỳ bắt giết hết chúng. Rồi sửa thành chống Diễm. Diễm thua, Quỳ vì có tang ông nội mà bỏ chức, quan Tư đồ gọi đến làm Duyệt thuộc, bái làm Nghị lang, Tham Tư lệ quân sự. Thái Tổ đánh Mã Siêu, đến quận Hoàng Nông, nói: “Đây là chỗ trọng yếu của miền tây”. Cho Quỳ làm Hoàng Nông Thái thú. Gọi đến hỏi mưu kế, rất vui mừng, bảo tả hữu nói: “Nếu những quan lại có bổng hai nghìn thạch đều như Quỳ, ta còn lo gì”? Sau đó phát binh, Quỳ ngờ quan Đôn điền Đô úy che giấu dân trốn tránh. Quan Đô úy cho rằng mình không thuộc quận, nói lời không thuận. Quỳ giận, bắt giữ, mắng kể tội, đánh gãy chân hắn, rồi tha tội. Nhưng lòng Thái Tổ vẫn khen Quỳ, cho làm Thừa tướng Chủ bạ.

Ngụy lược viết: Thái Tổ muốn đánh Ngô nhưng gặp lúc mưa dầm lớn, ba quân phần nhiều không muốn đi. Thái Tổ biết như thế, sợ ngoài có người can ngăn, bèn hạ lệnh rằng: “Nay ta cảnh giác nghiêm ngặt, chưa biết làm gì, ai can ngăn thì giết chết”. Quỳ nghe lệnh, bảo người cùng làm quan là ba viên Chủ bạ nói: “Nay thật là không nên nói ra, nhưng lệnh như thế, không thể không can ngăn”. Bèn bày lời can ngăn cho ba người biết, ba người bắt đắc dĩ phải cùng đề tên, vào bẩm việc. Thái Tổ giận, bắt giữ bọn Quỳ. Sắp đem vào ngục, nắm lấy người báo ý, Quỳ liền nói: “Ta có ý báo”. Rồi chạy đến nhà ngục. Quan coi ngục biết Quỳ làm Chủ bạ, không vội đóng gông. Bảo quan coi ngục nói: “Mau đóng gông ta. Nếu không người tôn quý lại nghi ngờ ta là người gần gũi mà xin ông hoãn chậm. Nay sắp sai người đến dò xét ta đây”. Quỳ đeo gông vừa xong, đúng lúc Thái Tổ sai người trong nhà đến nhà ngục xem xét Quỳ. Rồi lại hạ lệnh nói: “Quỳ không có ý xấu, nay cho phục chức cũ”. Lúc đầu, Quỳ làm học trò, đọc qua những truyện nói về người có nghĩa lớn, chọn lấy những gương đáng học. Ưa đọc Xuân thu Tả truyện nhất, đến lúc làm mục thú, thường tự tay đọc sách ấy, mỗi tháng

thường đọc một thiên. Lúc trước Quỳ ở tại Hoàng Nông, tranh việc công với quan Điện nông Hiệt úy, không được lẽ, bèn phát giận mọc khối u, sau bệnh ngày càng nặng, tự báo muốn xin sai thầy thuốc cắt đi. Thái Tổ tiếc lòng trung của Quỳ, sợ Quỳ không sống được, hạ lệnh nói: “Báo cho quan Chủ bạ biết, ta nghe nói mười người cắt khối u thì có đến chín người chết”. Quỳ vẫn theo ý mình, nhưng khối u ngày càng lớn. Quỳ vốn có tên là Cù, sau đổi tên là Quỳ.

Thái Tổ đánh Lưu Bị, sai Quỳ đến hang Tà Cốc xem hình thế trước, trên đường gặp quan Thủy hành Đô úy đang chở mấy chục xe người tù, Quỳ vì việc quân gấp, liền xử tội chết một người, còn lại đều thả a. Thái Tổ khen việc này, bái làm Giám nghị Đại phu, nắm giữ việc quân với Hạ Hầu Thượng. Thái Tổ băng ở Lạc Dương, Quỳ coi việc tang.

Ngụy lược viết: Bảy giờ Thái tử ở tại đất Nghiệp, Yên Lăng Hầu chưa đến, quan dân có vẻ khổ vì lao dịch, lại có bệnh dịch, do đó trong quân náo động. Bầy tôi sợ thiên hạ có biến, không muốn phát tang. Quỳ bàn rằng không nên giữ kín, bèn phát tang, lệnh người trong ngoài vào viếng, viếng xong, đều phải về chỗ cũ không được nhao động. Mà quân Thanh Châu tự ý đánh trống dẫn nhau đi về. Mọi người cho là nên ngăn cấm chúng, kẻ không nghe thì đến đánh. Quỳ cho rằng: “Nay tang lớn vẫn còn chờ táng, Vương nói tự chưa lập, nên nhân lúc này mà vỗ về chúng”. Bèn tự viết hịch văn, báo cho quan lại địa phương cấp lương thực cho họ.

Bảy giờ Yên Lăng Hầu Chương làm Việt kị Tướng quân, từ Trường An đến viếng tang, hỏi án thao của Tiên vương ở đâu. Quỳ nghiêm mặt nói: “Thái tử ở tại đất Nghiệp, nước có người nổi nghiệp. Án thao của Tiên vương, không phải là cái mà quân hầu nên hỏi vậy”. Bèn đưa quan tang về đất Nghiệp.

Văn Đế lên ngôi Vương, thấy mấy vạn hộ của đất Nghiệp ở dưới kinh đô, phần nhiều không vâng phép cấm, bèn lấy Quỳ làm Nghiệp Lệnh. Hơn một tháng, chuyển làm Ngụy Quận Thái thú.

Ngụy lược viết: Lúc trước, quan thuộc của Ngụy Quận gặp lúc việc quan có phân gấp rút, lúc nghe tin Quỳ sắp đến quận, đều rời phủ quan đến ngoài cửa phủ quận. Lúc chuyển thư đến, Quỳ ra cửa, lại các quan thuộc của quận đều đứng ngoài cửa, gặp Quỳ ở dưới xe, Quỳ chấp tay nói: “Đến sở trị để xem nên làm sao”!

Đại quân ra đánh, lại làm Thừa tướng Chủ bạ Tế tửu. Quỳ từng bị người khác kể tội, Vương nói: “Thúc Hưởng có công, dòng dõi mười đời sau mắc lỗi còn được tha, huống chi Quỳ có công đức mà thân vẫn còn”? Đi theo đến Lê Dương, trong quân có kẻ vượt sông lộn xộn, Quỳ chém người đó, bèn nghiêm chỉnh. Đến huyện Tiêu, lấy Quỳ làm Dự Châu Thứ sử.

Ngụy lược viết: Quỳ làm Dự Châu Thứ sử. Tiến lên nói: “Thần giữ việc ở

triều đình, ra vào sáu năm, triều đình vừa mở mà thân phải ra ngoài. Mong Điện hạ nghĩ kế cho triều dân, chớ làm trái lòng trông mong của thiên hạ”.

Bấy giờ thiên hạ mới lập lại, châu quận phần nhiều chưa được nắn sửa. Quỳ nói: “Châu vốn lấy quan Ngự sử ra xem xét các quận, dựa vào sáu điều của chiếu lệnh mà xem xét trường lại có bổng hai nghìn thạch trở xuống, cho nên họ đều nói là mình có tài xem xét người tài năng, không nói là mình không có đức kinh thuận nhân ái trong sạch vậy. Nay trường lại coi thường phép cấm, giặc cướp làm bừa, trong châu biết nhưng không ngăn được, thiên hạ làm sao mà ngay thẳng được”? Quan Binh tào Tòng sự được Thứ sử cũ cho về nghỉ, Quỳ đến nhận chức mấy tháng mới quay lại; xét hỏi trường lại có bổng hai nghìn thạch trở xuống phóng túng không vâng phép cấm, đều dâng tấu tha cho họ. Đế nói: “Quỳ là quan Thứ sử thật vậy”. Bỏ cáo thiên hạ, nên học theo phép tắc của Dự Châu. Ban tước Quan nội hầu.

Phía nam Dự Châu tiếp với đất Ngô, Quỳ dò xét rõ, luyện binh giáp, sắp đặt thế trận phòng bị, do đó giặc không dám lấn. Ngoài sửa quân đội, trong coi việc dân, ngăn sông Yên, sông Nhữ, làm ao chứa nước mới, lại xẻ núi khơi dẫn nước suối, làm ao nhỏ ở Dặc Dương, lại đào thông kênh vận chuyển dài hơn hai trăm dặm, gọi là ‘kênh Giả Hầu’ vậy. Giữa năm Hoàng Sơ, cùng với các tướng đánh Ngô, phá quân Lữ Phạm ở Động Phố, tiến phong Dương Lí Đình Hầu, thêm chức Kiến uy Tướng quân. Minh Đế lên ngôi, tăng áp hai trăm hộ, cùng bốn trăm hộ trước đây. Bấy giờ Tôn Quyền ở tại Đông Quan, sắp đến phía nam Dự Châu, cách sông hơn bốn trăm dặm, hễ đem quân ra cướp, đến phía tây từ Giang Hạ ra, đến phía đông Lư Giang phát. Nhà nước đánh dẹp, cũng theo đường sông Hoài, sông Miện. Bấy giờ quân của châu ở tại các quận Dĩnh Xuyên, Nhữ Nam, Dặc Dương chỉ giữ đất mà thôi. Quyền không có nỗi lo miền bắc, lúc đông tây có việc gấp, đem quân cứu nhau, cho nên thường ít thua. Quỳ cho rằng nên đi thẳng đến gần sông Giang, nếu Quyền tự giữ thì hai miền không có quân cứu; nếu hai miền không có quân cứu thì lấy được Đông Quan. Bèn chuyển đến đóng quân ở Liêu Khẩu, bày đặt kế đánh giữ, Đế khen là hay.

Tướng Ngô là Trương Yên, Vương Sùng đem quân hàng. Năm Thái Hòa thứ hai, Đế sai Quỳ lĩnh bốn cánh quân của bọn Tiền Tướng quân Mãn Sùng, Đông Hoàn Thái thú Hồ Chất, từ Tây Dương đến thẳng Đông Quan; Tào Hưu đến huyện Hoản, Tư Mã Tuyên Vương đến Giang Lăng. Quỳ đến núi Ngũ Tướng, Hưu lại nói là giặc có kế đến xin hàng, xin vào sâu giúp chúng. Hạ chiếu sai Tuyên Vương đóng quân lại, Quỳ về phía đông cùng đi với Hưu. Quỳ nghĩ giặc không phòng bị Quan Đông mà sẽ đem quân đến huyện Hoản; Hưu vào sâu đánh với giặc, liền thua. Quỳ bèn sắp đặt các tướng, thủy bộ cùng đi, đi được hai trăm dặm, bắt sống được giặc, chúng nói là Hưu thua trận, Quyền sai quân chặn ở Giáp Thạch. Các tướng không biết làm sao, có

người muốn đợi hậu quân. Quỳ nói: “Quân Huru thua ở ngoài, đường nghề ở trong, đi không đánh được, lui về chẳng xong, thế trận an nguy, không kịp qua ngày. Giặc vì biết quân ta không có hậu quân, cho nên đến đây; nay đi nhanh, ra chỗ không ngờ, đây gọi là đánh trước để phá lòng giặc vậy. Giặc thấy quân ta tắt chạy. Nếu đợi hậu quân, giặc đã chặn chỗ hiểm, lúc đó quân mạnh còn ích gì”! Bèn hợp quân các đường cùng đi, đặt nhiều cờ trống làm nghi binh, giặc thấy quân của Quỳ, bèn rút. Quỳ chiếm Giáp Thạch, đem lương quân cấp cho Huru, quân của Huru lại hăng. Lúc đầu, Quỳ không hợp với Huru. Giữa năm Hoàng Sơ, Văn Đế trao Giả tiết cho Quỳ, Huru nói: “Tính Quỳ cứng cỏi, vốn dễ lấn áp các tướng, không nên cho làm Đô đốc”. Đế bèn thôi. Lúc thua ở Giáp Thạch, đã gọi Quỳ về, cho nên quân của Huru không được cứu vậy.

Ngụy lược viết: Huru giận Quỳ đi chậm, bèn trách mắng Quỳ, rồi sai Chủ bạ lệnh cho Dự Châu Thứ sử đến thu nhật khí giới. Tính Quỳ thẳng thắn, bảo Huru nói: “Ta giúp nhà nước làm Dự Châu Thứ sử, không thể đi giúp thu nhật khí giới”. Bèn dẫn quân về. Rồi cùng Huru thay nhau dâng biểu, triều đình dần biết Quỳ thẳng thắn, nhưng vẫn nghĩ Huru là tông thất được tin dùng, hai người không có gì sai vậy.

Ngụy thư viết: Huru vẫn giữ ý trước, muốn đến lúc sau kể tội Quỳ, Quỳ cũng không nói, người thời ấy càng thêm khen Quỳ.

Tập Tục Xỉ nói: “Là người hiền tài, ngoài thì chịu nhún, trong tự hạ thấp, cái tiếng ganh tị, do đâu mà có vậy? Người có tiếng ganh tị, tất tranh cãi với người khác, tự mình có ý tranh được thua vậy. Nếu vì tình riêng mà hại nước diệt dân, người ấy dẫu nghiêng lật, có ích gì với ta? Với ta dẫu không có ích, theo ý người ấy làm gì? Do đó nói rằng, đây là ý thấp kém thôi. Nay chịu nỗi giận riêng lại gánh nỗi lo ấy, xông xáo nguy khốn mà trừ được tai hại, lập nên công lớn với vua hiền, ban ân cho trăm họ, thân vào gần cạnh với Thiên tử, có nghĩa làm lòng kẻ địch hổ thẹn, dẫu hùm sói vẫn còn không biết báo thù, huống chi là với Tào Huru sao? Vậy thì cứu cái nạn ấy là giúp đỡ cho mình, không vướng bận oán cũ, cũng là làm cho người ta chịu phục, nghĩa công đã thành, lợi riêng cũng xong, có thể nói là giỏi vậy. Đối với bọn không biết giúp đỡ, không phải do đó mà giúp đỡ được, chưa có được như vậy”.

Lúc bệnh nặng, bảo tả hữu nói: “Nhận ân dày của nhà nước, chỉ hận không chém được Tôn Quyền để xuống gặp Tiên đế. Việc tang không được làm có chỗ rườm rà”. Hoãng, thụy là Túc Hầu.

Ngụy thư viết: Bảy giờ Quỳ năm mươi lăm tuổi.

Con là Sung nói tự. Quan dân Dự Châu nhớ ơn Quỳ, khắc đá mà dựng miếu thờ. Giữa năm Thanh Long, Đế đánh phía đông, đi xe vào tế Quỳ, hạ chiếu nói: “Buổi chiều qua huyện Hạng, thấy tượng đá Giả Quỳ, nghĩ mà thương xót. Người xưa có nói: ‘Lo gì không lập được công danh, chỉ sợ tuổi

thọ không được dài mà thôi’. Quỳ có tiếng trung liệt, chết vẫn được ghi nhớ, có thể nói là chết mà thân không mục vậy. Nay báo cho thiên hạ biết để khuyến khích mai sau”.

Ngụy lược viết: Năm Cam Lộ thứ hai, Nhà vua đánh miền đông, đóng quân ở huyện Hạng, lại vào dưới miếu thờ Quỳ, hạ chiếu nói: “Quỳ chết còn để lại đức, nhiều đời được thờ. Được nghe tiếng trung, trẫm rất khen ngợi. Ngày xưa Tiên đế đánh miền đông, cũng đến ở đây, tự ban âm đức, khen ý đẹp của Quỳ, trong lòng bồi hồi, càng thêm cảm khái! Cái nghĩa trọng người hiền là phải nhỏ cỏ phần mộ của họ, sửa sang nhà cửa của họ, quét dọn miếu thờ của họ, có chỗ hoen mục thì phải đắp vá lại”.

Sung vào giữa năm Hàm Hi làm Trung hộ quân.

Tấn chư công tán viết: Sung tự Công Lu, giữa năm Cam Lộ làm Đại Tướng quân Trưởng sử. Lúc loạn Cao Quý Hương Công, Tư Mã Văn Vương dựa vào Sung mà được thoát. Là bây tôi có công đầu của nhà Tấn, làm đến Thừa tướng, phong Lỗ Công, thụy là Vũ Công.

Ngụy lược liệt truyện xếp ba người Quỳ và Lí Phu, Dương Phái làm một quyền, nay xếp hai người Phu, Phái kế sau Quỳ vậy. Phu tự Tử Hiến, người quận Cự Lộc. Giữ năm Hưng Bình, người trong quận đói khổ. Bấy giờ Phu là học trò, đang trồng rau giới, muốn lấy đó làm kế sinh sống. Có người đòi lấy, cũng không cho một cây, cũng không tự ăn, cho nên người thời ấy khen là có ý tốt. Sau đó làm quan. Giữa năm Kiến An, Viên Thượng chiếm Kí Châu, lấy Phu làm Chủ bạ, sau Thượng tranh giành với anh mình là Đàm, Thượng đem quân đến Bình Nguyên, giữ Biệt giá Thảm Phối ở lại giữ thành Nghiệp, Phu đi theo Thượng. Lúc Thái Tổ vây thành Nghiệp, Thượng muốn về cứu thành Nghiệp, đi chưa đến, Thượng ngờ trong thành Nghiệp ít quân phòng giữ, lại muốn sai Phối phải biết động tĩnh ở ngoài, bàn với Phu nên làm sao. Phu đáp Thượng nói: “Nay sai tiểu nhân đến, sợ không đủ để biết việc trong ngoài, lại lo không thể làm được. Phu xin tự đến giữ”. Thượng hỏi Phu rằng: “Nên làm thế nào”? Phu nói: “Nghe nói thành Nghiệp rất vững, nhiều người đều biết, ta cho rằng chỉ cần dùng ba quân kị là đủ rồi”. Thượng theo kế ấy. Phu tự chọn ba người tin cậy, không nói đi đâu, đều sai phải sắm lương khô, không được cầm khí khí, đều cấp cho ngựa khỏe. Rồi từ biệt Thượng đến phía nam, đi qua đâu lại dừng ở trạm dịch. Lúc đến Lương Kì, sai người đi theo chặt lấy ba mươi cây gậy, đeo buộc bên ngựa, tự đội khăn bình thượng, dẫn ba quân kị, sắp tới đến dưới thành Nghiệp. Bấy giờ Đại Tướng quân đâu có lệnh cấm nhưng có nhiều người thả trâu ăn cỏ, cho nên Phu nhân buổi đêm đi vào, đánh một hồi trống, tự xưng là Đô đốc, qua vòng vây phía bắc, men theo về phía đông, lại từ phía đông đi vòng quanh, lại men theo về phía nam, mỗi bước đi đều trách mắng tướng sĩ giữ vây, tùy tội nặng nhẹ mà xử phạt. Rồi đến trước doanh trại của Thái Tổ, đi

thẳng về phía nam, từ góc vây phía nam đi về phía tây, đến cửa ngăn, lại trách mắng người giữ vây, bắt trói người ấy. Nhân đó phá vòng vây, đi nhanh đến dưới thành, gọi người trên thành, người trên thành dùng dây kéo lên, Phu được vào. Bọn Phối cả mừng, gõ trống xưng: “Vạn tuế”. Người giữ vây kể tình trạng, Thái Tổ cười nói: “Người này không chỉ vào được mà thôi, lại còn ra được nữa”. Phu làm xong lại muốn về, nhưng nghĩ ngoài thành tất vây gấp, không thể đi liệu, bèn sai người đi theo nên quay về nhanh, lại ngầm mưu kế, bảo Phối nói: “Trong thành ít lương, không nên dùng người già yếu vậy, không bằng đuổi ta ngoài để tiết kiệm lương thực”. Phối theo kế này, bèn nhân buổi đêm giảm bớt mấy nghìn người, đều sai cầm cờ trắng, từ ba cửa thành cùng ra hàng. Lại sai người người đốt lửa, Phu không lâu lại đem người đi theo mặc áo người hàng, theo bọn buổi đêm đi ra. Bấy giờ tướng sĩ giữ vây, nghe tin trong thành ra hàng cả, lửa sáng rừng rực. Chỉ cùng đứng xem lửa cháy, không chịu xem vòng vây. Phu ra cửa bắc, rồi từ góc tây bắc phá vây mà thoát ra được. Đến sáng, Thái Tổ nghe tin Phu đã thoát ra, vỗ tay cười nói: “Đúng như lời ta vậy”. Phu về gặp Thượng, Thượng rất vui mừng. Lúc Thượng không cứu được thành Nghiệp, thua chạy đến Trung Sơn, mà Viên Đàm lại đuổi đánh Thượng, Thượng chạy. Phu và Thượng lạc nhau, bèn đến gặp Đàm, lại làm Chủ bạ của Đàm, về phía đông đến Bình Nguyên. Thái Tổ đến đánh Đàm, Đàm chết trận. Phu trao thành, người trong thành hàng cả. Thượng lo loạn chưa yên. Phu nắm quyền muốn đến gặp Thái Tổ, bèn cưỡi ngựa đến cửa phủ, nói là Chủ bạ của Kí Châu là Lí Phu muốn bàn việc kín. Thái Tổ gặp Phu, Phu rập đầu tạ. Thái Tổ hỏi muốn bàn việc gì, Phu nói: “Nay người trong thành khỏe yếu đánh nhau, lòng đều không yên, Phu cho rằng nên sai những người mới hàng vào làm tin để tuyên bố pháp lệnh”. Tào Công bảo Phu nói: “Ông nên về tuyên bố cho họ biết”. Phu quỳ xin bày mưu, Tào Công nói: “Theo ý ông mà tuyên bố”. Phu về vào thành, truyền lệnh rằng: “Phải đều ở yên, không được xâm lấn nhau”. Trong thành được yên, lại ra báo tin. Tào Công thấy Phu là người tài giỏi dùng được. Nhưng bị gièm pha, cho làm quan nhàn rồi. Lại ra làm Giải Trướng, nổi tiếng là nghiêm túc. Dần làm đến Tư lệ Hiệu úy, bảy giờ hơn bảy mươi tuổi rồi, nhưng tinh thần không yếu, mưu lược không kém hơn trước. Cuối cùng làm Bình Dương Thái thú. Phu vốn là họ Phùng, sau đổi thành họ Lí. Dương Phái tự Không Cừ, người huyện Vạn Niên quận Phùng Dực. Giữa năm Sơ Bình làm Công phủ Lệnh sử, vì giỏi viết văn nên cho làm Tân Trịnh Trướng. Cuối năm Hưng Bình, người dân phần lớn đói khổ, Phái sai dân cất chứa thêm quả dâu khô, thu lấy đậu tươi, lấy phần thừa để cấp cho người không đủ ăn, cứ như thế chứa được hơn nghìn斛, cất giấu ở kho nhỏ. Lúc Thái Tổ làm Duyệt Châu Thứ sử, đi về phía tây đón Thiên tử, đem theo hơn nghìn quân đều không có lương ăn, qua Tân Trịnh, Phái đến gặp, liền cấp cho quả dâu khô. Thái Tổ rất mừng. Lúc Thái Tổ phụ

chính, chuyển Phái làm Trưởng Xã Lệnh. Bấy giờ tân khách của Tào Hồng ở trong huyện, sai gọi nhưng không chịu vâng lệnh, Phái đánh gãy chân họ trước, rồi đem giết. Do đó Thái Tổ cho là có năng lực, chuyển làm Cửu Giang, Đông Bình, Lạc An Thái thú, đều có công tích. Sau có tội tranh giành với quan Đốc quân, bị phạt xén tóc năm năm. Chịu phạt chưa xong, gặp lúc Thái Tổ đi đánh đến huyện Tiêu, nghe nói người huyện Nghiệp có vẻ không vâng phép cấm, liền lệnh chọn người làm Nghiệp Lệnh, nên chọn người nghiêm túc như Dương Phái, do đó Phái trong số đó được làm Nghiệp Lệnh. Đã nhận chức, Thái Tổ gặp Phái, hỏi rằng: “Làm gì để trị huyện Nghiệp?” Phái nói: “Dốc hết lòng sức, ban bố phép cấm”. Thái Tổ nói: “Tốt”. Ngoảng bảo mọi người đang ngồi rằng: “Các ông nên sợ phép cấm”. Ban cho mười người giúp việc, trăm thất gấm để khuyến khích Phái, lại để báo đền vì Phái đã cấp cho quả dâu khô vậy. Phái đi ngay, chưa đến huyện Nghiệp, lúc đó quý tộc trong quân là bọn Tào Hồng, Lưu Huân sợ tiếng oai của Phái, sai người nhà đi nhanh báo cho con em biết, sai phải tự vâng lệnh. Phái làm Nghiệp Lệnh được mấy năm, vì có công nên được chuyển làm Hộ Khương Đô úy. Năm thứ mười sáu, Mã Siêu làm phản, sáu quân đi về phía tây đánh dẹp, Phái theo quân, trông coi việc vượt bến Mạnh Tân. Thái Tổ đã qua bờ nam, quân còn lại chưa qua hết, nhưng quan hoàng môn trong đó qua trước, quên đưa xe đi, lại đi riêng về phía bắc lấy xe, quan lại đi theo xin lấy thuyền nhỏ, lại muốn một mình vượt sông trước, quan lại kêu không chịu, quan Hoàng môn tranh cãi với quan lại, Phái hỏi quan Hoàng môn rằng: “Có lỗi không?” Quan Hoàng môn nói: “Không có lỗi”. Phái giận nói: “Sao biết người không muốn bỏ trốn?” Rồi sai người nắm lấy đầu quan Hoàng môn, cầm gậy muốn đánh, nhưng giằng co chạy thoát được, áo khăn đều rách toạc, tự báo với Thái Tổ. Thái Tổ nói: “Người không chết là may rồi”. Do đó tiếng oai thêm lừng. Lúc Quan Trung bị phá, thay Trương Kí lĩnh chức Kinh Triệu Doãn. Giữa năm Hoàng Sơ, chọn dùng đạo Nho, mà Phái vốn có tài mà được dùng, bèn làm Nghị lang, về nhà rồi ở quê nhà. Phái trước sau làm các chức giữ thành, không làm việc tự ý mưu riêng, lại không chịu cầu cạnh người tôn quý, cho nên sau khi từ quan về nghỉ, nhà không có của thừa. Chữa bệnh ở nhà, thả hết đũa ở ra, cũng không có nô tì. Sau chọn lấy hai khoảnh ruộng hoang ở huyện Tịch Dương quận Hà Nam, dựng một ngôi nhà nhỏ, sống ở trong đấy, vợ con bị đói rét. Lúc Phái bệnh chết, người làng họ hàng anh bạn bè và quan dân giúp chôn táng.

Bình rằng: Từ cuối thời nhà Hán về sau, quan Thứ sử trông coi các quận, thu thuế ở ngoài, không như thời xưa chỉ xem xét các quận mà thôi. Thái Tổ dựng nền, cuối cùng lập nên nhà Ngụy, đầy đều là người được khen ngợi có danh tiếng vậy. Lại đều thâu đạt việc công, cho nên sửa nắn được nơi dậm dậm, truyền lại cho đời sau vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Quan Tư đồ*: chỉ Vương Doãn, bảy giờ làm Tư đồ của Hán Hiến Đế.

(2) *Đã gánh lại vác*: ý nói hai cha con Lưu Phức, Lưu Tĩnh thay nhau gánh vác việc quan ở miền Dương Châu.

(3) *Năm vị thần*: tức năm vị thần trông coi ngũ hành là mộc, hỏa, kim, thủy, thổ.

(4) *Triệu, Trương, ba Vương*: Triệu, Trương là Triệu Quang Hán và Trương Xưởng, ba Vương là Vương Tôn, Vương Chương, Vương Tuấn, đều là những quan lại có tài chính trị thời Hán.

(5) *Bác sĩ*: chức quan trông coi việc dạy học thời Hán, Tam quốc.

(6) *Nước Ngưu với nước Quắc*: nước Ngưu và nước Quắc là hai nước nhỏ thời Xuân thu, có địa thế hiểm yếu, cùng bảo vệ nhau. Vua nước Tấn là Hiến Công mượn đường của nước Ngưu để diệt nước Quắc, rồi diệt nốt nước Ngưu.

(7) *Y, Chu*: tức Y Doãn và Chu Công. Y Doãn giúp vua Thang nhà Thương diệt nhà Hạ. Chu Công phụ chính cho Thành Vương của nhà Chu.

(8) *Phép 'tĩnh điền'*: phép chia ruộng đất thời xưa, chia thành chín khoảnh như hình chữ tĩnh, khoảnh giữa là ruộng công, tám khoảnh xung quanh là ruộng riêng.

(9) *Nhan*: tức Nhan Uyên, một học trò giỏi của Khổng Tử.

(10) *Cương kì*: tên gọi chung cho những quan lại cấp cao trong châu quận thời Hán, Tam quốc.

(11) *Quân 'nghĩa tòng'*: quân theo nghĩa.

(12) *Cây túc*: là một loài cây lương thực, còn gọi là cây lúa tặc hoặc cây kê, giống cây lúa nước, hạt nhỏ, hợp ở vùng ôn đới, đất khô.

(13) *Lúa mạch*: một loài cây lương thực, còn gọi là lúa mì, hợp với đất khô, vùng ôn đới.

(14) *Biện Trang Tử đi bắt hổ*: Biện Trang Tử là quan Đại phu của nước Lỗ, có sức khỏe. Có hai con hổ đang sắp ăn thịt một con trâu, tranh cắn lẫn nhau, con nhỏ bị chết, con lớn bị thương. Biện Trang Tử đi theo con lớn bị thương mà bắt, cuối cùng bắt được cả hai con hổ.

(15) *Giả Phục*: tự Quân Văn, người quận Nam Dương. Thời vua Quang Vũ được bái làm Chấp kim ngô, đi đánh Yên Vương là Doãn Tôn và các tướng ở miền nam chưa thần phục.

(16) *Giặc Yên*: tức Doãn Tôn, thời vua Cảnh Thủy được phong làm Yên

Vương, trông coi huyện Yên thuộc quận Dĩnh Xuyên.

(17) Nam Trọng: là tướng sủy thời Văn Vương của nhà Chu, đem quân lên miền bắc đắp thành đánh dẹp người Nhung.

(18) Cát Phủ: là quan giỏi thời Tuyên Vương của nhà Chu, từng đem quân đánh người rợ Hiêm Duãn ở phía bắc.

(19) Tuân Hoàn Tử: là tướng giỏi của nước Tấn thời Xuân thu.

(20) Phùng Dị: là tướng giỏi của vua Quang Vũ nhà Hán.

(21) Tư Mã Đại Tướng quân: tức Tư Mã Chiêu, bấy giờ làm Đại Tướng quân của nước Ngụy.

(22) Tuân Việt: tự Thần Trọng, người quận Thái Nguyên thời Tây Hán, từng chia tiền của cấp phát cho họ hàng.

(23) Chinh nam: tức Chinh nam Tướng quân Tào Nhân, tự Tử Hiếu, em họ của Tào Tháo, bấy giờ đóng quân ở Tương Dương.

(24) Cột đá: ý nói người có chức cao của nhà nước, như cột chống giữ cho nhà nước được vững vàng.

(25) Tiên đế: tức Ngụy Vũ Đế Tào Tháo.

(26) Đỗ Tử Tự: tức Đỗ Tập tự Tử Tự, người huyện Định Lăng quận Dĩnh Xuyên, xem ở Tam quốc chí - Ngụy thư - Đỗ Tập truyện.

(27) Thiên vu: tức vua của người Hung Nô là Hô Trù Tuyên, bấy giờ đóng đô ở Bình Dương.

(28) Vương phủ quân: tức Hà Đông Thái thú Vương Ấp.

QUYỂN 16 - NHÂM TÔ ĐỒ TRỊNH THƯƠNG TRUYỆN

Nhâm Tuấn, Tô Tắc, Đồ Kỳ, Trịnh Hôn, Thương Từ

TRUYỆN ĐỖ KỶ

Đỗ Kì tự Bá Hầu, người huyện Đỗ Lăng quận Kinh Triệu.

Phó Tử chép: Kì là dòng dõi của Ngự sử Đại phu Đỗ Diên Niên thời nhà Hán(1). Cha của Diên Niên là Chu, từ quận Nam Dương dời đến huyện Mậu Lăng, đến thời Diên Niên lại chuyển đến huyện Đỗ Lăng, con cháu nối theo ở đó.

Thủa nhỏ cô, bị mẹ kế làm khổ, nhưng vẫn giữ đạo hiếu mà nổi tiếng. Năm hai mươi tuổi, làm quan Công tào trong quận, giữ chức Trịnh Huyện Lệnh. Trong huyện có mấy trăm người tù, Kì tự thân đến ngục, cân nhắc nặng nhẹ, thả ra hết mà sai khiến, dầu chưa đúng cả nhưng người trong quận khen Kì tuổi trẻ mà có ý rộng lượng vậy. Cử Hiếu liêm, bái làm Hán Trung Phủ thừa.

Gặp lúc thiên hạ loạn, bèn bỏ quan làm khách ở Kinh Châu, đến giữa năm Kiến An lại về. Tuân Úc tiến cử Kì cho Thái Tổ,

Phó Tử chép: Kì từ Kinh Châu về quê, sau đó đến đất Hứa, gặp Thị trung Cảnh Kỉ, nói chuyện cả đêm. Thượng thư lệnh Tuân Úc ở phòng bên với Kỉ, buổi đêm nghe Kì nói, khen lạ, đến sáng sai người bảo Kỉ nói: “Có kẻ sĩ hay mà không tiến cử, lấy gì mà coi việc”? Rồi gặp Kì, thân Kì như người quen biết cũ, liền tiến cử Kì với triều đình.

Thái Tổ lấy Kì làm Tư không Tư trực, chuyển làm Hộ Khương Hiệu úy, Sứ trì tiết, lĩnh chức Tây Bình Thái thú.

Ngụy lược chép: Thủa trẻ Kì có chí lớn. Ở tại Kinh Châu vài năm, sau khi mẹ kế chết, thấy vùng Tam phụ thông suốt, đem tang mẹ kế về phía bắc, trên đường đi bị giặc bắt cướp, mọi người bỏ chạy, chỉ Quỳ không chạy, giặc xét cướp, Kì xin giặc nói: “Các ngươi muốn lấy tiền mà thôi. Nay ta không có tiền, xét cướp ta làm gì được”? Giặc bèn thôi. Kì đến quê nhà, Kinh Triệu Doãn người quận Hà Đông là Trương Thì, có quen biết Kì, cho làm Công tào. Từng hiềm vì Kì rộng rãi, không chú ý giúp làm các việc, nói là người này xuềnh xoàng, không hợp làm Công tào. Kì nói kín rằng: “Không hợp làm Công tào, nhưng hợp làm Hà Đông Thái thú vậy”.

Thái Tổ đã định miền Hà Bắc, mà Cao Cán lại lĩnh quân Tinh Châu làm phản. Bấy giờ Hà Đông Thái thú Vương Áp bị gọi về, người quận Hà Đông là Vệ Cố, Phạm Tiên ngoài mặt thì lấy danh xin ý của Áp, nhưng trong lòng thì thực là thông mưu với Cán. Thái Tổ bảo Tuân Úc rằng: “Các tướng miền Quan Tây cậy vào chỗ hiểm và quân mã, tất sẽ gây loạn. Vươn ra cướp miền Hào, Mãn(2), phía nam qua lại với Lưu Biểu, nếu bọn Cố nhân thế ấy thì ta sợ chúng gây hại lớn, quận Hà Đông có sông bao núi bọc, bốn bề nhiều biển, là chỗ trọng yếu của thiên hạ thời nay vậy. Ông hãy giúp ta cử người như

bọn Tiêu Hà, Khâu Tuân để giữ đất ấy”. Úc nói: “Đỗ Kì là người ấy vậy”.

Phó Tử chép: Úc khen Kì có dũng đủ để trừ nạn lớn, có trí có thể ứng biến, người này nên được dùng thử.

Do đó liền bãi Kì làm Hà Đông Thái thú. Bọn Cố sai mấy nghìn quân chặn ở bờ sông huyện Thiêm, Kì đến không qua được, Thái Tổ sai Hạ Hầu Đôn đánh chỗ ấy. Chưa đến, có người báo Kì rằng: “Nên lĩnh đại quân đi ngay”. Kì nói: “Quận Hà Đông có ba vạn hộ không phải đều muốn làm loạn. Nay quan quân đuổi đánh gấp, đây là muốn làm việc tốt nhưng không có chủ, tất sợ mà nghe theo Cố. Khi đó bọn Cố được thế, tất liều chết mà đánh. Nếu đánh không thắng chúng thì bốn bề ứng theo chúng, cái thế biến của thiên hạ chưa dừng được vậy; nếu đánh thắng chúng thì cũng chỉ trừ được dân của một quận mà thôi. Vả lại bọn Cố chưa rõ ý cắt đứt mệnh vua, ngoài mặt thì lấy danh là xin ý của chủ cũ, tất không hại chủ mới. Ta nên đi xe đến thẳng, ra chỗ chúng không ngờ tới. Cố là người nhiều mưu kế mà không quyết đoán, tất bị ta lừa. Ta được ở quận một tháng, đem kế mà vỗ về chúng, cũng đủ vậy”. Bèn vờ đi đường theo lối qua bên Đậu

Tân. Đậu, *đọc là ‘đậu’*.

Ngụy lược chép: Lúc trước, thừa trẻ Kì lẫn ép nhau với Vệ Cố, Cố từng coi khinh Kì. Kì từng đánh cờ và tranh nước cờ với Cố, Kì từng bảo Cố rằng: “Trọng Kiên, ta sắp làm quan của quận Hà Đông vậy”. Cố vén áo mắng Kì. Đến lúc Kì nhận chức, mà Cố làm quan Công tào trong quận. Trương Thì ngày trước làm quan ở quận Kinh Triệu, Kì đón quan Tư lệ, hội với Thì ở Hoa Âm. Lúc Thì, Kì gặp nhau, theo phép tắc đều đi ngang. Thì than rằng: “Ngày trước làm Công tào, ngày nay lại làm Quận thú rồi!” Phạm Tiên muốn giết Kì để ra oai với quân.

Phó Tử chép: Tiên nói: “Đã muốn làm hổ mà lại ghét ăn thịt người, đây chẳng phải là làm hổ vậy. Nay không giết, tất để nổi lo về sau”.

Lại xem Kì đi lại, chém hơn ba mươi người từ quan Chủ bạ trở xuống ở dưới cửa thành, Kì vẫn cử động tự nhiên. Do đó Cố nói: “Giết hấn chẳng tổn hại gì, chỉ có để tiếng xấu; vả lại quyền ngăn chế ở tay ta rồi”. Bèn vâng lập Kì làm Thái thú. Kì bảo Vệ Cố, Phạm Tiên rằng: “Vệ, Phạm là họ nổi tiếng của quận Hà Đông, ta trông vào họ mà thôi. Nhưng trên dưới có phép tắc, cùng chung thành bại, nên cùng bàn bạc việc lớn”. Lấy Cố làm Đô đốc, làm việc Quận thừa, giữ chức Công tào; có hơn ba nghìn quan quân tướng lĩnh, đều cho Phạm Tiên trông coi. Do đó bọn Cố mừng, dẫu vâng giúp Kì, nhưng không chú ý. Cố muốn phát đại quân, Kì lo lắng, khuyên Cố rằng: “Muốn làm việc khác thường, không nên làm động lòng người. Nay phát đại quân, lòng người tất loạn, không bằng thông thả để chiêu mộ quân sĩ”. Cố cho là phải, nghe theo, rồi ra lệnh kêu gọi, mấy chục ngày sau mới yên, trong các tướng có nhiều người vâng theo nhưng ít người sai quân đến, lại vào báo bọn

Cố rằng: “Lòng người hướng về nhà, các quan tướng trong quận nên sai về nghỉ ngơi, mau hoãn kêu gọi họ để tránh bị họa”. Bọn Cố ghét việc làm trái ý mọi người, lại nghe theo. Do đó người tốt ở ngoài ngầm giúp thân mình, kẻ ác tản mát, đều về nhà mình, quân sĩ lìa tan. Gặp lúc giặc Bạch kỳ⁽³⁾ đánh huyện Đông Hoàn, Cao Cán vào huyện Hoạch Trạch, người các huyện của quận Thượng Đảng giết trưởng lại, người quận Hoàng Nông bắt giữ quan Thái thú, bọn Cố ngầm điều binh sắp đến. Kì biết người các huyện theo mình, nhân đó đi ra, đem riêng mấy chục quân kì, đến chỗ hẻo lánh chống giữ, quan dân đều đem người trong thành ra giúp Kì, gần mấy chục ngày thu được hơn bốn nghìn người. Bọn Cố cùng với Cán, Thịnh đánh Kì, không thắng, lại cướp các huyện, cũng không được. Vừa lúc đại quân đến⁽⁴⁾, Cán, Thịnh thua, bọn Cố bị giết, phe đảng còn lại đều cho thả ra, sai về làm nghiệp cũ.

Bấy giờ, quận huyện trong thiên hạ đều bị đổ vỡ, quận Hà Đông được định sớm nhất, ít tổn hại. Kì trị quận, ưa dùng ân huệ, không gây khó với dân. Có người dân từng kiện tụng, có kẻ đến báo, Kì tự gặp kê rõ nghĩa lớn, sai về nhà suy nghĩ việc ấy, nếu chưa suy nghĩ hết ý nghĩa thì lại đến phủ hỏi. Các bậc già cả trong thôn ấp tự trách tha lẫn nhau nói: “Có ông như thế, sao lại không vâng giáo hóa”? Từ đấy ít có kiện tụng. Hạ lệnh các huyện, cử người con có hiếu, đàn bà trinh tiết, người cháu kính thuận, tha cho lao dịch, tùy lúc mà an ủi họ. Lại sai dân nuôi trâu cái, ngựa cái, cho đến các loài heo con, gà, lợn, chó, đều có phép tắc. Trăm họ chăm chỉ, nhà nhà no đủ. Kì lại nói: “Dân đã giàu đủ thì không thể không giảng dạy”. Do đó suốt tháng sửa giáp giảng võ, lại dựng nhà học, tự thân cầm sách giảng dạy, do đó trong quận sửa hóa.

Ngụy lược chép: Kẻ sĩ học rộng là Nhạc Tường, do Kì dạy mà nổi danh. Đến nay quận Hà Đông có nhiều nhà Nho là do từ Kì vậy.

Hàn Toại, Mã Siêu làm phản, trong quận Hoàng Nông, Phùng Dục có nhiều người đem quân trong huyện áp đề ứng theo chúng. Quận Hà Đông dẫu liên kê với giặc nhưng dân không có lòng khác. Thái Tổ sang miền tây đánh dẹp đến huyện Bồ Bản, cách sông Vị đối trận với giặc, lương thực cho quân đều trông vào quận Hà Đông. Đến lúc giặc bị phá, còn chứa được hơn hai mươi vạn斛. Thái Tổ hạ lệnh rằng: “Hà Đông Thái thú Đỗ Kì, Không Tử từng nói rằng: ‘Đối với vua Vũ, ta chẳng có gì bàn nữa vậy’⁽⁵⁾. Nay tăng lộc hai nghìn thạch”. Thái Tổ đánh quận Hán Trung, sai năm nghìn người vận lương, người vận lương tự khích lệ nhau rằng: “Người ta sống có một lần chết, không nên phụ phũ quân của chúng ta”. Rút cuộc chẳng một người bỏ trốn, Kì được lòng người như thế.

Đỗ thị Tân thư chép: Bình lỗ Tướng quân Lưu Huân được Thái Tổ tin dùng, quý hiển lừng triều đình, từng đến chỗ Kì xin quả táo lớn, Kì lấy việc

khác từ chối. Sau đó Huân bị tội, Thái Tổ lấy được thư của Huân, than rằng: “Đỗ Kì có thể gọi là người ‘không a dua theo kẻ quyền thế’ vậy”. Khen đức sáng của Kì, hạ lệnh châu quận, nói: “Ngày xưa Trọng Ni đối với Nhan Tử, hề nói không thể không than, khen đã đạt dào tình cảm, lại như con ngựa khỏe đầu đàn ngựa. Nay ta cũng mong mọi người ngưỡng núi cao, trông đường lớn vậy”.

Nước Ngụy đã dựng, lấy Kì làm Thượng thư. Việc yên, lại có lệnh rằng: “Ngày xưa Tiêu Hà định miền Quan Trung, Khấu Tuân bình quận Hà Nội, khanh có cái công ấy, từng muốn trao chức quan can gián cho khanh, nhưng xét thấy quận Hà Đông là quận đũa tay của nước ta, là chỗ giàu có, đủ để ngăn chế thiên hạ, cho nên phiền khanh ở lại giữ lấy quận ấy”. Kì ở tại quận Hà Đông mười sáu năm, thường là quan giỏi đứng đầu thiên hạ.

Văn Đế lên ngôi Vương, ban tước Quan nội hầu, gọi về làm Thượng thư. Đến lúc lên ngôi, tiến phong Phong Lạc Đình Hầu, thực ấp trăm hộ,

Ngụy lược chép: Lúc trước Kì ở tại quận, nhận thư bắt gọi đàn bà. Bấy giờ tại quận khác có nơi cho tự lấy chồng lần nữa, dựa vào thư mà bắt chớ đi, do đó tiếng kêu khóc vang rộ đường đi. Kì chỉ bắt chớ kẻ góa, cho nên ít người bị chớ đi; đến lúc Triệu Nghiễm thay Kì thì bắt chớ nhiều người đi. Văn Đế hỏi Kì rằng: “Lúc trước sao ít người bị chớ đi, nay sao lại nhiều”? Kì đáp nói: “Người mà bị thân chớ đi lúc trước đều là vợ của người chồng đã mất, nay Nghiễm chớ vợ của người chồng còn sống vậy”. Đế và tả hữu nhìn nhau mà mặt biến sắc.

giữ chức Tư lệ Hiệu úy. Đế đánh nước Ngô, lấy Kì làm Thượng thư Bộc xạ, ở lại coi việc. Sau đó Đế đến Hứa Xương, Kì cũng ở lại giữ. Vâng chiếu làm thuyền lâu cho vua, thử thuyền ở sông Đào, gặp gió chìm chết. Đế vì thế rơi nước mắt.

Ngụy thị Xuân thu chép: Lúc trước, Kì từng gặp một đứa trẻ bảo Kì rằng: “Thần Tư mệnh⁽⁶⁾ sai ta đến gọi ngài”. Kì cố xin đứa trẻ, đứa trẻ nói: “Nay sẽ giúp ngài tìm chọn người nối thay”. Nói xong, chợt không thấy nữa. Đến đây là hai mươi năm rồi, Kì mới nói ra. Hôm ấy thì chết, bấy giờ sáu mươi hai tuổi.

Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Minh chăm làm việc quan mà chết dưới sông, Tắc chăm trồng lúa mà chết trên núi.

Vi Chiêu chú giải sách Quốc ngữ có dẫn Mao thi truyện chép: Minh là cháu đời thứ sáu của Tiết⁽⁷⁾ vậy, làm chức quan trông coi về sông nước thời nhà Hạ, chăm làm việc quan mà chết ở dưới sông. Tắc là Khi⁽⁸⁾ của nhà Chu vậy, chăm chỉ trồng lúa, chết ở trên núi bên sông Hắc.

Thượng thư Bộc xạ Đỗ Kì ngày trước thử thuyền ở bến Mạnh Tân, bèn bị chìm đắm, thật là trung vậy. Trẫm rất thương xót”. Truy tặng chức Thái bộc,

thụy là Đái Hầu. Con là Thứ nổi tự.

Phó tử chép: Kì thân thiện với Thái bộc Lí Khôi, An Lạc Thái thú Quách Trí. Con Khôi là Phong giao kết với bọn anh hào, có tài trí nổi danh thiên hạ. Con Trí là Xung trong có tài cán mà ngoài chẳng có phong thái, người trong châu chẳng khen. Kì làm Thượng thư Bộc xạ, hai người đều đem con cháu đến gặp Kì. Rồi về, Kì than rằng: “Hiếu Ý⁽⁹⁾ không có con, không chỉ không có con mà thôi, mà còn không có nhà nữa. Quân Mưu⁽¹⁰⁾ là không chết vậy, con đủ để nối nghiệp được”. Người thời ấy đều cho rằng Kì xét lắm. Nhưng sau khi Khôi chết, Phong làm Trung thư lệnh, cha con anh em đều bị giết, Xung làm Đại Quận Thái thú, rút cuộc nối được nghiệp của cha; người đời lúc ấy mới phục tâu biết nhìn người của Kì. Ngụy lược chép tên cha của Lí Phong là Nghĩa, so với sách này không giống, có lẽ tên Nghĩa là tên khác của Khôi vậy.

Thứ tự Vụ Bá, giữa năm Thái Hòa làm Tán kị Hoàng môn Thị lang.

Đỗ thị Tân thư chép: Thừa trẻ Thứ cùng với người quận Phùng Dục là Lí Phong cùng nối nghiệp của cha, lại cùng thân thiện. Đến lúc thành người lớn, Phong có gắng tu sửa đức hạnh để mong được nổi tiếng, mà Thứ lại xông xênh thẳng thắn, khác biệt với Phong. Phong bèn nổi tiếng một thời, bọn kẻ sĩ ở kinh đô phần nhiều đến chơi với Phong. Nhưng có người quyền quý rằng danh tiếng của Phong quá xa so với thực tế, lại cho rằng Thứ mặc áo sơ đeo ngọc vậy. Do đó mà không Phong ưa thích. Thứ cũng cho là tự nhiên, không gắng tu hạnh để theo thời. Phong đã làm cao ở triều đình, mà Thứ vẫn ở nhà tự vui. Minh Đế thấy Thứ là con của đại thần, gọi đến bái làm Tán kị Thị lang. Được mấy tháng, chuyển làm Hoàng môn Thị lang.

Thứ lấy thành thật làm tính, không trau chuốt vẻ ngoài, thừa nhỏ không được nổi tiếng. Đến lúc vào triều đình, cũng không giao kết riêng, dốc lòng làm việc công. Hễ có việc được mất, thường dẫn phép tắc để nói thẳng, do đó được Thị trung Tân Bì kính trọng.

Bấy giờ từ bậc công khanh trở xuống bàn luận việc tổn ích, Thứ cho rằng: “Quan Thứ sử thời xưa đã vâng theo sáu điều⁽¹¹⁾, giữ tiếng trong sạch, nêu rõ uy phong. Ngày nay chớ cho lĩnh quân để chuyên chú vào việc trị dân”.

Ra làm Hoàng Nông Thái thú, được mấy năm lại chuyển làm Triệu Tướng,

Ngụy lược chép: Thứ ở tại quận Hoàng Nông, khoan hòa có đức độ. Đến lúc chuyển, lấy Mạnh Khang thay Thứ làm Hoàng Nông Thái thú. Khang tự Công Hưu, người quận An Bình. Giữa năm Hoàng Sơ, vì có quan hệ họ ngoại với Quách Hậu, do đó được ban bái lễ thân thích, bèn chuyển làm Tán kị Thị lang. Bấy giờ, quan Tán kị đều là người có đạo Nho anh tài mà được chọn, mà riêng Khang vì là họ hàng mà được ở trong đó, cho nên người thời

ấy đều cùng coi thường Khang, gọi là A Cửu. Khang vốn không có tài cán, nhân lúc chờ đợi làm quan, chuyên đọc rộng sách truyện, sau đó bèn có người xét hỏi, văn nghĩa hay đẹp lại trọng yếu, mọi người liền mới vừa lòng. Giữa năm Chính Thủy, ta làm Hoàng Nông Thái thú, lĩnh chức Điền nông Hiệu úy. Khang đến làm quan, trong sạch theo phép, khen kẻ thiện nhưng lại thương kẻ không có năng lực, giảm bớt tù ngục, theo điều mà dân muốn, nhân đó mà lợi cho dân. Quận lĩnh hơn hai trăm quan lại, bèn giảm cho về nghỉ, thường có bốn người thì sai một người về. Việc không ứ đọng, lúc ra xét án đều răn bảo quan Đốc bưu phải công bằng, không được cho quan thuộc sai người dò xét, sửa nắn lễ kính. Lại không muốn làm phiền nhiều quan dân, thường răn bảo quan quân, khi đi đều cầm liềm, đến đâu cũng cắt cỏ cho ngựa, không ngừng chuyên chở, chắt đầy dưới cây, lại đem người đi theo thường không quá mười người. Quận liền đường đi, các tân khách đi qua, nếu không theo phép chung thì không được cấp phát; nếu là người quen cũ thì cho, tự dẫn vào nhà. Khang mới được bái quan, mọi người đều biết Khang có chí khí, nhưng cho rằng chưa từng làm chức mục thú, e rằng không trở được tài năng vậy. Nhưng tài năng công tích trị dân lại được như thế, quan dân đều khen ngợi. Cuối năm Gia Bình, từ chức Bột Hải Thái thú được gọi về làm Trung thư lệnh, sau lại chuyển làm Trung thư giám.

vì bệnh mà bỏ chức.

Đỗ thị Tân thư chép: Thứ bèn về kinh sư, lập một cái lũy bên suối ở huyện Nghi Dương, nhân đó đắp thêm cao, người lớn nhỏ đều ở đấy. Vào lúc Minh Đế băng, nhiều người vì Thứ mà nói giúp.

Rời nhà làm Hà Đông Thái thú, hơn một năm, chuyển làm Hoài Bắc Đô đốc Hộ quân, lại vì bệnh mà bỏ. Thứ ở đấy, làm việc sơ qua mà thôi, gieo rắc ân huệ, rất được lòng trăm họ vui mừng, nhưng không bằng Kì. Vụt chốc, bái làm Ngự sử Trung thừa. Thứ tại triều đình, vì không được hòa hợp với người thời ấy, cho nên thường làm quan ở ngoài. Lại ra làm U Châu Thứ sử, thêm chức Kiến uy Tướng quân, Sứ tri tiết, Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Bảy giờ Chỉnh bắc Tướng quân Trình Hỉ đóng đồn ở thành Kế, bọn Thượng thư Viên Khản khuyên Thứ rằng: “Trình Giáp Bá⁽¹²⁾ làm quan từ thời Tiên đế, chức cao hơn Điền Quốc Nhượng ở Thanh Châu⁽¹³⁾. Ngày nay làm việc với túc hạ, cùng đóng đồn ở một thành, nên đôi chú ý đối đãi người ấy”. Nhưng Thứ không chú ý đến. Đến làm quan chưa được lâu, có thủ lĩnh của người Tiên Ti đi vào mà không qua quan ải, đem mấy chục quân kỵ đến thẳng phủ châu, người trong phủ châu chém một đứa con nhỏ đi theo của người đó, không dâng biểu tâu lên. Do đó Hỉ kể tội Thứ, giao cho quan Đình úy, đáng tội chết, nhưng vì cha là Kì chăm chỉ làm việc mà chết dưới sông, tha cho làm dân thường, đày đến quận Chương Vũ, bảy giờ là năm Gia Bình thứ nhất. Thứ làm theo ý mình, dấu trung trinh nhưng không biết phòng họa, rút cuộc

dẫn đến nỗi ấy.

Lúc trước, Thứ từ Triệu Quận quay về, người quận Trần Lưu là Nguyễn Vũ cũng từ chức Thanh Hà Thái thú được gọi về, cùng tự bắt sở quan Đình úy, bảo Thứ nói: “Xét thấy ngài có tài giúp được phép vua nhưng lại không chịu cố gắng, có chí làm được quan lớn mà lại không chịu thuận kẻ trên, tài học hiểu được việc xưa nay nhưng ý chẳng chuyên nhất, đấy gọi là có tài ấy mà không dùng được cái tài ấy. Nay nhân lúc nhàn rỗi, nên thử nghĩ sâu xa, lập nên một học thuyết”. Ở tại quận Chương Vũ, bèn chép sách Thê luận có tám chương.

Đỗ thị Tân thư chép: Cho rằng phép lớn của người ta, chẳng gì lớn bằng đạo vua tôi; gốc rễ của việc lập thân, chẳng gì lớn bằng biết ăn nói và tu đức; giúp vua trị dân, chẳng gì bằng vâng phép đúng; trừ nạn bỏ hại, chẳng gì hay bằng dùng binh. Lẽ là sao? Lẽ là thể diện của vạn vật, nếu vạn vật đều có được thể diện thì không gì là không hay, cho nên gọi tên sách là Thê luận. Lại chép một thiên Hưng tính luận, đại khái là giúp cho thân mình vậy.

Năm thứ tư, chết ở chỗ mà mình bị đày.

Năm Cam Lộ thứ hai, người quận Hà Đông là Nhạc Tường đã hơn chín mươi tuổi, dâng thư khen công tích của Kì, triều đình cảm kích, hạ chiếu phong con Thứ là Dự làm Phong Lạc Đình Hầu, thực ấp trăm hộ.

Ngụy lược chép: Nhạc Tường tự Văn Tái. Thừa trẻ ham học. Đầu năm Kiến An, Tường nghe nói Công xa Tư mã lệnh người Nam Quận là Tạ Cai giỏi đọc sách Tả thị truyện, bèn đi bộ từ quận Nam Dương đến gặp Cai học qua các điều cốt yếu, ngày nay có đến bảy mươi hai việc trong sách Tả thị Nhạc thị là do Tường soạn vậy. Học hỏi xong lại về quê cũ. Bảy giờ Đỗ Kì làm Thái thú, cũng rất ham học, cho Tường làm quan Văn học Tế tửu, sai đi giảng dạy, do đó nghiệp học của quận Hà Đông nổi rõ. Đến giữa năm Hoàng Sơ, gọi về bái làm Bác sĩ. Bảy giờ mới dựng nhà Thái học, có hơn mười vị Bác sĩ, phần nhiều tài học thấp kém, lại không thành thạo, không quen giảng giải, dẫn vào cho có người mà thôi. Riêng có Tường thạo cả các môn, có người khó dạy hoặc không dạy được nhưng Tường không tỏ vẻ chán ghét, lấy gậy vẽ trên đất, giảng rõ cho họ, đến nỗi quên ăn quên ngủ, do đó được nổi danh khắp xa gần. Tường học tinh thông, lại giỏi suy xét tính đếm, riêng được nhận lệnh cùng quan Thái sử chế định lịch pháp. Giữa năm Thái Hòa, chuyển bái làm Kì Đô úy. Tường học giỏi nhưng ít tài trị dân, cho nên qua ba đời vua đều không ra làm quan mục thú. Đến giữa năm Chính Thủy, vì tuổi già mà nghỉ về ở nhà, họ hàng trong nước theo về học trò có đến mấy nghìn người.

Các sơ biểu tấu nghị biện bác của Thứ đều đáng xem, có chọn các việc cần thiết với đời chép vào trong truyện⁽¹⁴⁾.

Đỗ thị Tân thư chép: Em Thứ là Lí, tự Vụ Trọng. Thừa nhỏ mà xem học tinh thông, Kì lấy làm lạ, cho nên đặt tên là Lí, được hai mươi một tuổi thì chết. Em là Khoan, tự Vụ Thúc, trong sạch tĩnh lặng, thông minh lại ưa việc xưa. Vì là con nhà danh thần, thừa nhỏ lớn lên ở kinh sư, nhưng dốc chí học rộng, hơn hẳn người đời, có ý muốn xét rõ các việc huyền bí, do đó mà nổi danh, nhiều kẻ sĩ làm quan đến giao kết. Cử Hiếu liêm, bái làm Lang trung, được bốn mươi hai tuổi thì chết. Với ý nghĩa của kinh truyện, đều chép bài biện bác, nhưng chép soạn chưa xong, chỉ có phần chú giải san định Lễ kí và Xuân thu Tả thị truyện đã xong, đến nay còn truyền cho đời. Dự tự Nguyên Khải, là con rể của Tư Mã Tuyên Vương. Tấn thư của Vương Ấn khen Dự có mưu trí sâu rộng, giỏi ở việc trị loạn, thường nói: “Người tu đức thì không ai theo kịp, người mong lập công lập danh chỉ là thứ sau vậy”. Xem qua các sách, nói rằng nghĩa trong sách Công dương truyện, Cốc lương truyện chỉ là lời biện bác đối trá. Lại cho rằng nhà Nho đời trước đã chưa nghiên cứu rõ ý Tả Khâu Minh trong Tả thị truyện, lại làm cho hai truyện thêm rối. Lại thêm bớt lời lẽ, chép lời chú giải Xuân thu Tả thị truyện, lại xét qua các nhà, gọi tên sách là Thích liệt. Lại chép sách Minh hội đồ, Xuân thu trường lịch, tạo thành một phái học riêng, đến lúc già mới xong. Thượng thư lang Chi Ngu rất coi trọng phái học ấy, nói: “Tả Khâu Minh vốn chép truyện thời Xuân thu, nhưng sách Tả truyện bèn tự được lưu truyền riêng biệt; Thích liệt vốn là truyện tự đặt, nhưng ý mới mẻ sánh được với Tả truyện, cho nên cũng được lưu truyền riêng biệt”. Dự có công lớn với nhà Tấn, làm đến chức Chinh nam Đại tướng quân, Khai phủ, phong Đương Dương Hầu, thực ấp tám nghìn hộ. Con là Tích, tự Thế Hồ, làm Thượng thư Tả thừa. Tấn thư công tán chép: Hồ có tài năng. Anh họ Dự là Bân, tự Thế Tương, cũng có tài năng, làm Hoàng môn lang, bị Triệu Vương là Luân giết oan. Con Hồ là Nghệ, tự Hồng Trị. Thừa trẻ có tiếng tăm, làm Đan Dương Thừa, chết sớm. Nguyễn Vũ cũng là người có tài năng rộng lớn vậy. Xét Nguyễn thị phá chép: Cha Vũ là Kham, tự Sĩ Tín, được mời gọi nhưng chẳng đến, chép sách Tam lễ đồ truyền cho đời.

Đỗ thị Tân thư chép: Vũ tự Văn Nghiệp, rộng rãi thông tuệ, là kẻ sĩ nhã nhặn, chỉ làm đến Thanh Hà Thái thú. Em Vũ là Bình, tự Thúc Văn, làm Hà Nam Doãn. Tinh thông thuật chữa bệnh, chép một sách về thuốc. Con Bình là Thản, tự Hoàng Thư, thời nhà Tấn làm Thái tử Thiếu bảo, Bình đông Tướng quân. Em Thản là Kha, tự Sĩ Độ. Duyệt Châu kí của Tuân Xước chép: Thản ra làm mục thú, lúc chết, anh thứ đáng được thay tước, nhưng cha ưa Kha hơn, nói lời truyền cho, bèn nhận tước phong. Bấy giờ còn nhỏ bé, không thể từ chối, đến lúc lớn lên mới hối tiếc, bèn buộc khăn mà ở nhà, sau đó có ra làm quan nhưng chưa từng cởi khăn vậy. Tinh thật thà nhã nhặn, ưa lễ nghĩa không làm trái, dốc ý đọc kinh truyện, nổi tiếng học rộng. Chọn làm Bộc Dương Vương Văn học, chuyển làm Lĩnh quân Trưởng sử,

chết ở sở quan. Bấy giờ Vương Diên làm Lĩnh quân, khóc Kha rất thảm thiết.

TRUYỆN TRỊNH HỒN

Trịnh Hồn tự Văn Công, người huyện Khai Phong quận Hà Nam. Ông tổ là Chúng, cha Chúng là Hưng, đều là nhà Nho có tiếng.

Tục Hán thư chép: Hưng tự Công Công, làm Giám nghị Đại phu. Chúng tự Tử Sư, làm Đại Tư nông.

Anh Hồn là Thái, cùng bọn Tuân Du mưu giết Đổng Trác, làm Dương Châu Thứ sử, chết.

Hán sử của Trương Phan chép: Thái tự Công Nghiệp. Thừa trẻ có tài lược, nhiều mưu kế, biết thiên hạ sắp loạn, bèn ngâm giao kết hào kiệt. Nhà giàu tiền của, có bốn trăm khoảnh ruộng mà thường không đủ ăn⁽¹⁵⁾, nổi danh miền Sơn Đông. Cử Hiếu liêm, ba phủ⁽¹⁶⁾ mời, xe công⁽¹⁷⁾ đến gọi, đều không đến. Vào lúc Hà Tiến phụ chính, gọi dùng kẻ sĩ nổi tiếng, lấy Thái làm Thượng thư Thị lang, thêm chức Phụng xạ Đô úy. Tiến sắp giết bọn quan Hoàng môn,⁽¹⁸⁾ muốn gọi Đổng Trác về giúp, Thái bảo Tiến rằng: “Đổng Trác cường bạo ít nghĩa, chỉ không muốn đủ, nếu mượn hắn giúp triều đình, trao cho việc lớn, đây là khiến cho hắn thỏa lòng làm hại triều đình vậy. Lấy oai đức của mình công, dựa vào chức cao của quan A hành⁽¹⁹⁾, tự ý xét việc, giết kẻ có tội, thực là không cần đợi Trác giúp đỡ vậy. Và lại việc có biến, tấm gương không xa”. Lại bày kể việc quan trọng thời ấy, Tiến không nghe theo, bèn bỏ chức mà đi. Bảo người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du rằng: “Hà Công không dễ phụ chính được vậy”. Sau đó Tiến bị hại, quả nhiên Trác chuyên quyền, phế vua. Quân nghĩa miền Quan Đông nổi dậy, Trác mở hội nghị phát đại quân, quan lại đều sợ Trác, chẳng ai dám làm trái. Thái sợ thế mạnh của Trác, lo càng khó ngăn, bèn nói: “Trị nước tại đức, không tại dùng quân”. Trác không vui nói: “Nếu thế, quân không có ích sao”? Mọi người chẳng ai không biến sắc mặt, vì Thái mà run rẩy. Thái bèn giả nói lí đáp rằng: “Không phải là không có ích, vì miền Sơn Đông không đáng để phát binh vậy. Ngày nay người miền Sơn Đông bần nhau muốn dậy binh, châu quận liên kết với nhau, dân chúng kéo theo, chẳng ai không nổi lên vậy. Nhưng Trung Quốc từ thời vua Quang Vũ đến nay, không còn nghe được tiếng gà gáy chó sủa, trăm họ lâu ngày quên đánh trận. Trọng Ni⁽²⁰⁾ có nói: ‘Đừng dạy dân đánh trận, dạy đánh trận là dạy cho dân bỏ chạy vậy’. Dẫu quân đông nhưng không thể gây hại, đây là một điều. Minh công nổi lên ở miền tây, thừa trẻ làm tướng của nhà nước, quen thuộc việc quân, nhiều lần xông trận, nổi danh thời nay; lấy đó mà uy hiếp dân chúng, dân chúng tất theo phục, đây là hai điều. Viên Bản Sơ⁽²¹⁾ là con em nhà công khanh, sinh ở kinh sư, thân như đàn bà; Trương Mạnh Trác⁽²²⁾ làm quan trưởng ở

huyện Đông Bình, ngôi chảnh vững vàng; Khổng Công Tư⁽²³⁾ bàn luận hay tốt, chỉ biết nói suông, không có tài giúp quân, không có sức dãi dầu sương gió; nếu xông vào đao nhọn, quyết tranh thắng bại, đều không phải là đối địch của mình công, đấy là ba điều. Xét quân sĩ miền Sơn Đông, không có kẻ sức kìm được ngựa căng được dây cung, không có kẻ dũng cảm như Mạnh Bôn⁽²⁴⁾, không có kẻ khỏe sánh với Khánh Kị⁽²⁵⁾, không có kẻ có cái tin ở trận thành Liêu⁽²⁶⁾, không có kẻ bày kế sách như Lương, Bình⁽²⁷⁾; chẳng dùng được quân mạnh, chẳng lập công được, đấy là bốn điều. Lại như quân ấy, chẳng bầu chọn nhau, ngôi vị không lập, đều dựa vào quân đông, người người nhón nháo, đến xem thành bại, không chịu cùng lòng hợp sức, đi đứng lộn xộn, đấy là năm điều. Các quận miền Quan Tây, phía bắc liền quận Thượng Đảng, Phùng Dục, Phù Phong, An Định, từ xưa đến nay, nhiều lần đánh với rợ Hồ, trai gái đều quen cầm kích nắm mâu, kéo cung lắp tên, nếu dùng quân khỏe ấy để đánh quân dân bỏ quên việc đánh trận của miền Sơn Đông, cũng như xưa bầy dê vào hổ sói, quân ấy tất thắng, đấy là sáu điều. Vả lại quân mạnh trong thiên hạ, ngày nay đều không hơn được quân của miền Tinh, Lương, Hung Nô, Đồ Các, Hoàng Trung, Nghĩa Tông, tám bộ rợ Khương miền tây, đều là quân mà trăm họ sợ phục, mà mình công lấy họ làm nanh vuốt thì kẻ dũng mãnh còn run sợ, huống chi là kẻ yếu đuối đây! Đấy là bảy điều. Lại nữa tướng sủng của mình công đều là người tim bụng, lĩnh quân lâu ngày, từ thời đánh trận Tam Nguyên, Giáp Khẩu đến nay, ân tín sáng rõ, kẻ trung thành có thể dùng ở nơi xa, người mưu trí có thể sai đi làm sứ giả, lấy đó mà đánh quân lộn xộn ô hợp của miền Quan Đông, thực là chẳng ngang nhau. Đấy là tám điều. Nếu bên ấy đánh thì có ba điều thua: Đem quân loạn đánh quân trị là thua, đem quân tà đánh quân chính là thua, đem quân nghịch đánh quân thuận là thua. Ngày nay mình nắm sửa việc nước, diệt trừ hoạn quan ác nghịch, giúp đỡ kẻ trung nghĩa; lấy ba điều đức ấy để chống với ba điều thua ấy, vâng lệnh đánh kẻ có tội, còn ai dám chống? Đấy là chín điều. Miền đông có Trịnh Khang Thành⁽²⁸⁾, học rộng xưa nay, do đó bọn nhà Nho đến tụ tập; người quận Bắc Hải là Bính Căn Cử⁽²⁹⁾, trong sạch thẳng thắn, là tấm gương của kẻ sĩ. Nếu các tướng bên ấy noi theo kế sách của hai người ấy, xét rõ cái thế yếu mạnh, các nước Yên, Triệu, Tề, Lương không phải là không mạnh nhưng cuối cùng bị nhà Tần diệt, bảy nước Ngô, Sở⁽³⁰⁾ không phải là không có quân đông nhưng dám qua đất Huỳnh Dương, huống chi ngày nay mình công có đức chính rõ ràng, có kẻ làm đui tay giúp đỡ, vậy mà bên kia muốn làm loạn để tìm lấy cái tiếng bất nghĩa, tất không khen ngợi nhau, không bày mưu ác. Đấy là mười điều. Nếu chọn nghe mười việc ấy thì không có việc đem quân để làm kinh động thiên hạ, khiến cho dân chúng không bị nạn binh đao, không phải tụ tập. Nếu bỏ đức mà chỉ dựa vào quân đội, đấy là khinh cái oai trọng vậy”. Trác bèn

vui, lấy Thái làm Tướng quân, lĩnh các quân đánh miền Quan Đông. Có kẻ bảo Trác rằng: “Trịnh Thái mưu lược hơn người, lại có ý muốn kết mưu với người miền Sơn Đông, nay trao quân mã cho hắn, lại cho đến chỗ phe đảng của hắn, sợ rằng gây lo lắng cho mình công”. Trác lại thu quân mã của Thái, giữ lại làm Nghị lang. Sau lại mưu với Vương Doãn giết Trác, Thái chạy từ cửa Vũ Quan mà thoát được, quay về miền đông. Sau đó Tướng quân Viên Thuật lấy làm Dương Châu Thứ sử, chưa đến sở quan, trên đường chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

Hồn đem con nhỏ của Thái là Mậu tránh nạn đến miền Hoài Nam, được Viên Thuật lấy lễ khách đãi rất hậu. Hồn biết Thuật tất thua. Bấy giờ Hoa Hâm làm Dự Chương Thái thú, vốn thân thiện với Thái, Hồn bèn vượt sông đến nương dựa Hâm. Thái Tổ nghe nói Hồn tu đức, gọi về làm Duyệt thuộc, lại chuyển làm Hạ Sái Trưởng, Thiệu Lăng Lệnh. Bấy giờ thiên hạ chưa định, dân điều phiêu tán, không lo trồng trọt; sinh con không biết làm gì mà sinh sống, do đó đều không đủ nạp thuế. Hồn ở đây thu lấy các đồ sản bắt, bắt phải trồng trọt, lại mở màn ruộng lúa, theo cách gieo hạt. Lúc đầu dân sợ bị tội, sau đó dần dần được đầy đủ, không ai không no đủ; sinh con trai gái, phần nhiều đặt tên chữ là Trịnh. Gọi về làm Thặng tướng Duyệt thuộc, chuyển làm Tả Phùng Dục.

Bấy giờ bọn Lương Hung⁽³¹⁾ bắt hơn năm nghìn người dân làm giặc cướp, các huyện không chống được, đều lo sợ, ở nhờ trong quận. Người bàn đều cho rằng nên dời đến chỗ hiểm, Hồn nói: “Bọn Hung cướp phá, gây hại nơi núi hiểm. Dẫu có kẻ đi theo nhưng đại khái là bị bắt ép mà thôi. Ngày nay nên mở rộng đường lối, ban bố ân tín. Nếu vào chỗ hiểm tự giữ, đây là tỏ cái yếu kém vậy”. Bèn thu tập quan dân, sửa thành quách, làm các đồ phòng giữ. Rồi phát quân đuổi giặc, làm rõ thưởng phạt, cùng nhau giao hẹn, các điều giao hẹn, bảy phần mười là ban thưởng. Do đó trăm họ vui mừng, đều tự muốn đi bắt giặc, bắt được nhiều đàn bà, tiền của. Bọn giặc có kẻ mất vợ con, đều về xin hàng. Hồn trách phạt người bắt lấy đàn bà của họ rồi trả vợ con về cho chúng, do đó giặc tự cướp giết lẫn nhau, phe đảng tan lờ. Lại sai quan dân có kẻ đáng tin, chia ra các hang núi chiêu dụ, do đó giặc theo nhau ra hàng, lại sai quan lại của các huyện đều đem về huyện mình để an tập chúng. Bọn Hung sợ, đem người còn lại tụ ở Phu Thành. Thái Tổ sai Hạ Hầu Uyên đến giúp quận huyện đánh chúng, Hồn lĩnh quan dân đi trước, chém được Hung cùng phe đảng của hắn. Lại có giặc là bọn Cận Phú, bắt đem Hạ Dương Trưởng, Thiệu Lăng Lệnh cùng quan dân vào núi hiểm, Hồn lại đánh phá bọn Phú, bắt lại quan trưởng của hai huyện ấy, lấy các đồ mà bọn giặc cướp được đem về. Vừa lúc có người là Triệu Thanh Long giết Tả Nội Sử là Trình Hưu, Hồn nghe tin, sai tráng sĩ đến chém bêu đầu hắn. Trước sau có hơn bốn nghìn nhà theo phục. Do đó bọn giặc trong núi đều bình, dân yên ổn

làm việc. Chuyển làm Thượng Đẳng Thái thú.

Thái Tổ đánh quận Hán Trung, lấy Hồn làm Kinh Triệu Doãn. Hồn thấy trăm họ mới tụ tập, lập phép dời chỗ ở, sai kẻ mặc áo dày đi cùng nhóm với người áo mỏng, người tin cây đi cùng với người già cả, sai chăm chỉ trồng trọt, nêu rõ phép cấm, vạch rõ kẻ gian. Do đó dân yên ổn trồng trọt, giặc cướp cũng ngừng nghỉ. Lúc đại quân vào Hán Trung, việc chuyển chở lương thực cho quân là quan trọng nhất. Lại sai dân làm ruộng ở Hán Trung, không ai bỏ trốn. Thái Tổ thêm khen ngợi, lại gọi về làm Thặng tướng Duyệt thuộc. Văn Đế lên ngôi, làm Thị ngự sử, bái thêm Phụ mã Đô úy, chuyển làm hai chức Bình Dương Thái thú, Bái Quận Thái thú. Quận ấy âm thấp, nước ngập lụt, trăm họ đói thiếu. Hồn ở tại giữa hai huyện Tiêu, Tương, đào kênh rạch, mở ruộng nước, người trong quận đều cho là không tiện, Hồn nói: “Địa thế thấp trũng, nên khơi dòng nước, mưu cái lợi nuôi cá trồng lúa làm kế lâu dài, đây là cái gốc làm dân no đủ vậy”. Rồi tự thân lĩnh quan dân, tạo lập công việc, trong một mùa đông đều làm xong. Năm đó được mùa to, ruộng lúa đều tăng, thường nạp tô thuế, dân được cái lợi ấy, khắc bia đá khen công, gọi là ‘Trịnh Bi’⁽³²⁾. Chuyển làm Sơn Dương Thái thú, Ngụy Quận Thái thú, cách trị như cũ. Lại thấy trăm họ trong quận khổ vì thiếu cây gỗ, lại dạy dân trồng cây du⁽³³⁾ làm rào, cùng trồng thêm năm loại quả⁽³⁴⁾, cây du đều mọc thành bờ rào, năm loại quả sum suê. Vào đất Ngụy Quận, thôn ấp ngay ngắn như một, dân có được đồ dùng đầy đủ. Minh Đế nghe tin, hạ chiếu khen ngợi, bô cáo thiên hạ, chuyển làm Tướng tác Đại tượng. Hồn trong sạch làm việc công, vợ con không tránh khỏi cảnh đói rét. Lúc chết, lấy con là Sùng làm Lang trung.

Tán Dương thu chép: Con Thái là Mậu, tự Lâm Thúc. Thái thân thiện với Hoa Hâm, Tuân Du. Lúc gặp Mậu, nói: “Trịnh Công Nghiệp chẳng mất dòng dõi vậy”. Lúc đầu làm Lâm Truy Hầu Văn học, dần dần chuyển làm Quang lộc Đại phu. Năm Thái Thủy thứ bảy, lấy Mậu làm Tư không, cố từ chối không nhận, chết ở nhà. Con là Mặc, tự Tư Huyền. Tán chư công tán chép: Mặc nói giữ nghiệp nhà, vì thật thà mà được khen, làm đến Thái thường. Em Mặc là Chát, Thư, Hủ, đều làm quan. Con Mặc là Cầu, thẳng thắn có hiểu biết, làm Thượng thư Hữu bộc xạ, Lĩnh tuyền. Em Cầu là Dự, làm Thượng thư.

TRUYỆN THƯƠNG TỪ

Thương Từ tự Hiếu Nhân, người quận Hoài Nam. Lúc đầu làm quan trong quận. Giữa năm Kiến An, Thái Tổ chiêu dân đóng đồn làm ruộng ở quận Hoài Nam, lấy Từ làm Tuy tập Đô úy. Cuối năm Hoàng Sơ, làm Trường An Lệnh, trong sạch có tài, quan dân sợ mà yêu Từ. Giữa năm Thái Hòa, chuyển làm Đôn Hoàng Thái thú, quận ở tại miền tây, gặp thời loạn mà ngăn cách, hai mươi năm không có quan Thái thú, các họ lớn xung hùng, bèn lấy đó làm tục. Các quan Thái thú trước kia là bọn Doãn Phụng cũng chỉ theo tục cũ mà thôi, không có sửa đổi. Từ đến, ràng buộc kẻ quyền thế, cứu giúp kẻ nghèo khó, rất có lý lẽ. Các họ lớn cũ có nhiều ruộng đất thừa mà dân thường lại không có đất cày bừa; Từ theo số người mà giảm thuế, dần dần khiến cho họ được trồng trọt trên đất của mình. Trước đây việc kiện tụng tù ngục ở các huyện rất nhiều mà các quan huyện không xử được, phần nhiều dòn đong; Từ tự mình xem xét, cân nhắc nặng nhẹ, nếu không đáng tội chết thì phạt đánh đòn, mỗi năm chỉ có không quá mười người bị xử phạt. Lại nữa thường ngày người Hồ ở Tây Vực⁽³⁵⁾ muốn đến dâng nạp, mà bọn cường hào nhiều lần ngăn chặn, lại lấy làm của riêng, lừa dối lấn áp, phần nhiều không được rõ ràng. Do đó người Hồ oán giận, Từ đều vỗ về họ, những người muốn đến Lạc Dương đều cho đi qua quận, những người muốn ở lại quận, sai quan lại xét công bằng, thường đem tiền của đến sở xin gặp và cùng trao đổi, sai quan dân hộ tổng trên đường, do đó người Hồ vui mừng khen ân đức của Từ. Được mấy năm thì chết ở sở quan, quan dân thương cảm như có tang người thân, vẽ hình của Từ để nhớ hình dáng. Lúc người Hồ ở Tây Vực nghe tin Từ chết, đều cùng tụ hội ở dưới sở quan Mậu kí Hiệu úy và Trường lại để phát tang, có người còn lấy dao rạch lên mặt để nêu rõ lòng thành, lại lập miếu thờ cùng cúng tế Từ.

Ngụy lược chép: Người quận Thiên Thủy là Vương Thiên nói thay Từ, dẫn noi theo vết cũ nhưng không bằng được vậy. Sau đó người quận Kim Thành là Triệu Cơ thay Thiên, lại không bằng Thiên. Đến giữa năm Gia Bình, người huyện An Định là Hoàng Phủ Long thay Cơ làm Thái thú. Lúc trước, người quận Đôn Hoàng rất không biết cách làm ruộng, thường dẫn nước vào ngập úng, làm cho rất ướt thấm rồi mới cày. Lại không hiểu rõ cách cày bừa, chỉ dẫn nước vào rồi trồng, công sức của người trâu đã phí mà thu gặt lúa lại ít. Long đến, dạy họ cách cày bừa, lại dạy cách dẫn nước, do đó vụ mùa đầy đủ, giảm được hơn nửa công sức mà gặt lúa được hơn gấp năm lần. Lại nữa tục của người quận Đôn Hoàng là đàn bà mặc váy, buộc dây như ruột dê, dùng một tấm vải. Long lại cấm mặc mà sửa lại, nhưng sửa lại quá mức. Do đó người quận Đôn Hoàng cho rằng Long nghiêm nghị cứng cõi không bằng Từ, còn như chăm chỉ ban ân, mưu lợi cho dân thì cũng chỉ

đứng sau Từ.

Từ thời Thái Tổ cho đến năm Hàm Hi, Ngụy Quận Thái thú người nước Trần là Ngô Quán, Thanh Hà Thái thú người huyện Lạc An là Nhâm Úc, Kinh Triệu Thái thú người quận Tế Bắc là Nhan Phỉ, Hoàng Nông Thái thú người quận Thái Nguyên là Lệnh Hồ Thiệu, Tế Nam Tướng người nước Lỗ là Không Nghệ, có kẻ thương xót tù ngục, có kẻ chăm chỉ ban ân, có kẻ giữ thân trong sạch, có kẻ vạch rõ kẻ gian, đều là quan lại ăn lộc hai nghìn thạch⁽³⁶⁾ tài giỏi.

Hành trạng của Quán, Úc không được thấy.

Ngụy lược chép: Nhan Phỉ tử Văn Lâm, có tài học. Thặng tướng gọi làm Thái tử Tây mã. Đầu năm Hoàng Sơ, chuyển làm Hoàng môn Thị lang, sau đó làm Kinh Triệu Thái thú. Lúc trước, dân quận Kinh Triệu từ sau khi Mã Siêu bị phá, nhiều người dân không chuyên việc trồng trọt, lại qua mấy vị quan ăn lộc hai nghìn thạch đến, chỉ lo việc trước mắt, không lo giúp dân bày kế lâu dài. Phỉ đến làm quan, liền sai các huyện thuộc sửa sang bờ ruộng, trồng cây dâu. Bấy giờ nhiều người dân không có xe, trâu, Phỉ lại dạy dân nhân lúc nhàn rỗi mà đi chặt cây gỗ, sai chuyển đến cho thợ để làm xe. Lại dạy người dân không có trâu, sai nuôi heo chó rồi bán để mua trâu. Lúc đầu dân cho là rườm rà, nhưng trong một vài năm, nhà nhà đều có xe đi, trâu lớn. Lại dựng trường học, chọn dùng quan dân muốn đọc sách, tha cho lao dịch. Lại nữa ở trong phủ mở vườn rau, sai quan lại lúc nhàn rỗi thì vun xới. Lại dạy dân lúc chuyển tô thuế, lấy hai bó rom đều đặt ở chỗ thuận tiện trên xe trâu, vào mùa đông băng giá thì đốt bó rom để làm mực viết. Do đó giáo hóa trời dậy, quan chẳng lấn dân, dân cũng chẳng cầu quan. Quận Kinh Triệu liền tiếp với các quận Phùng Dục, Phù Phong, đường đi của hai quận đã xấu trở, ruộng đất lại cỏ mọc hoang, người dân đói rét, nhưng ở quận Kinh Triệu lại ngay ngắn sáng sủa, giàu đủ thường đứng đầu vùng Ung Châu. Phỉ lại giữ thân trong sạch, chỉ trông vào tiền lương mà thôi, do đó quan dân sợ Phỉ bị chuyển đi vậy. Đến giữa năm Thanh Long, Tư Mã Tuyên Vương lập chợ quân⁽³⁷⁾ ở Trường An, nhưng quan lại trong quân nhiều lần xâm lấn dân trong huyện, Phỉ đem việc báo cho Tuyên Vương. Tuyên Vương bèn cả giận gọi quan trông coi chợ quân đến, sai đánh một trăm gậy ở trước mặt Phỉ. Bấy giờ Trường An Điền nông cùng ngồi với Phỉ, cho rằng Phỉ nên tạ ân, bèn tự đùn đậy Phỉ. Phỉ không chịu tạ, hỏi lâu mới nói: “Phỉ đứng xem mình công làm quan ở địa phương, lại muốn năn sử quân dân, tất không được bao che vậy. Vậy mà quan Điền nông tự ý đùn đậy, muốn sai Phỉ tạ mình công, đây là không phải ý của mình công vậy”. Tuyên Vương bèn trị nghiêm quan quân. Từ đó về sau, trại quân, quận huyện đều đâu vào đấy. Mấy năm sau, chuyển làm Bình Nguyên Thái thú, quan dân khóc lóc chặn đường, xe không đi được, chậm chạp trở nãi,

hơn mười này mới ra được khỏi quận, đi về phía đông đến núi Hào thì mắc bệnh nặng. Lòng của Phi vốn vương vấn quận Kinh Triệu, người nhà đi theo thấy Phi bệnh nặng, khuyên Phi rằng: “Bình Nguyên nên tự cố gắng giữ sức”. Phi nói: “Ý ta không muốn đến Bình Nguyên, các người gọi ta, sao lại không nói là Kinh Triệu vậy”? Rồi chết, đưa tang về Bình Nguyên. Người quận Kinh Triệu nghe tin, đều tự khóc lóc, lập bia ghi công, đến nay vẫn khen Phi. Lệnh Hồ Thiệu tự Khổng Thúc. Cha làm quan thời nhà Hán, làm Ô Hoàn Hiệu úy. Đầu năm Kiến An, họ Viên ở tại Kí Châu, Thiệu bỏ quận cũ đem người nhà đến huyện Nghiệp. Năm thứ chín, lại ra đến ấp Mao Thành huyện Vũ An. Gặp lúc Thái Tổ phá huyện Nghiệp, thấy áo mũ của Thiệu mà nghi ngờ, hỏi rõ tổ tiên mà biết được cha của Thiệu, bèn cởi trói, cho làm Quân mưu duyên. Vẫn làm tế thú⁽³⁸⁾. Sau lại chuyển làm Thặng tướng Chủ bạ, ra làm Hoàng Nông Thái thú. Ở đấy trong sạch như băng tuyết, vợ con ít khi được đến phủ quan; làm việc thiện mà dạy, khoan thứ mà đối đãi, không ưa bắt giam, chẳng ghen ghét kẻ dưới. Bấy giờ, trong quận không có người hiểu kinh truyện, bèn hỏi qua các quan, có người muốn đi xa tìm thầy, liền sai đi, lệnh đến quận Hà Đông gặp Nhạc Tường học kinh truyện, hiểu rõ mới về, nhân đó lập trường học. Do đó việc học ở quận Hoàng Nông dậy lên. Đến đầu năm Hoàng Sơ, gọi về làm Vũ lâm lang, chuyên làm Hồ bôn Trung lang tướng, được ba năm thì bệnh chết. Lúc trước, có người trong họ của Thiệu là Ngu, vào thời còn mặc áo trắng thường có chí lớn, mọi người bảo là Ngu tất làm cho họ Lệnh Hồ được vinh dự, nhưng riêng Thiệu lại cho rằng: “Tính Ngu phóng túng, không lo tu đức mà lại muốn làm cao, tất diệt họ ta”. Ngu nghe được lời Thiệu, trong lòng không vui. Đến lúc Thiệu làm Hồ bôn Trung lang tướng, mà Ngu đã làm qua nhiều chức quan, ở đấy có danh tiếng. Ngu gặp Thiệu, nhân đó ung dung nói đến việc cũ, nói khích Thiệu rằng: “Lúc trước nghe nói đại nhân bảo rằng Ngu không có ích, ngày nay gặp Ngu lại nói thế nào”? Thiệu nhìn kỹ mà không đáp. Nhưng bảo riêng với vợ con mình rằng: “Xem chừng tính hằn vẫn như cũ. Ta xem thấy được, rút cuộc tất thua diệt. Nhưng không biết ta còn sống lâu để ngăn ngừa được không? Chỉ nhờ vào các người vậy”! Sau khi Thiệu chết, hơn mười năm sau, Ngu làm Duyên Châu Thứ sử, quả nhiên mưu phé lập với Vương Lãng, người nhà bị di diệt. Con Thiệu là Hoa, bấy giờ làm Hoàng Nông Quận thừa, vì là họ hàng xa nên không bị khép tội. Xét Khổng thị phả chép: Khổng Nghệ tự Nguyên Tuấn, là dòng dõi của Khổng Tử vậy. Ông nội là Trù, tự Nguyên Củ, làm Trần Tướng. Vào thời Hoàn Đế của nhà Hán dựng miếu thờ Lão Tử ở ấp Lại huyện Khô, vẽ hình Khổng Tử trên vách; Trù làm Trần Tướng, dựng bia Khổng Tử ở trước tranh, nay vẫn còn. Tổ tiên của Nghệ đều làm quan ăn lộc hai nghìn thạch, Nghệ làm Tán kị Thường thị, dâng sớ can gián, lời nói tại Tam thiếu đế kì. Làm đến chức Đại hồng lư. Con là Tuân, tự Sĩ Tín, thời nhà Tấn làm Bình đông Tướng quân Vệ

úy.

Bình rằng: Nhâm Tuấn lúc trước dấy quân nghĩa để theo về Thái Tổ, mở đất trồng lúa, kho tàng thêm đầy, lập nên công lao vậy. Tô Tắc ra oai để dẹp loạn, đã có cái tài của việc trị dân, lại thẩn thẩn ngang ngang, trắng liệt đáng khen. Đỗ Kì khoan hòa coi việc, ban ân cho dân. Trịnh Hôn, Thương Từ có cách giúp đỡ trăm họ. Trông xem đều là các quan Thái thú tài giỏi của nhà Ngụy đấy! Thứ thường nêu rõ việc chính trị thời ấy, luận biện kinh truyện, đại khái đáng xem vậy.

TÔ TẮC TRUYỆN

Tô Tắc tự Văn Sư, người quận Phù Phong huyện Vũ Công. Thời trẻ vì có học vấn và phẩm hạnh nên có tiếng tăm, được đề cử Hiếu liêm và Mậu tài, công phủ cho vời, đều không tới. Sau bắt đầu làm Thái thú Tửu Tuyền, rồi chuyển đến An Định, Vũ Đô, ở đâu cũng có uy danh.

Ngụy thư chép: Tắc là người cương trực, ghét kẻ ác, thường muốn bắt chức làm người như Cáp Âm⁽³⁹⁾.

Ngụy lược chép: Tắc trước đó mang họ Trữ, năm Hưng Bình trung, Tam Phụ có loạn, đói khát cô cùng, đi tránh nạn ở đất bắc. Làm khách trọ ở An Định, nương nhờ kẻ nhà giàu là Sư Lượng. Lượng đãi ngộ Tắc không xứng, Tắc bùi ngùi than rằng: “Cái thời thiên hạ yên định, sẽ chẳng còn lâu nữa, tất ta về làm chức quận thú, sẽ nhún mình tiếp đãi bọn học trò.” Về sau Tắc cùng với bọn Cát Mậu ở Phùng Dục trốn ở trong núi Thái Bạch phía nam quận. Lúc Tắc ra làm Thái thú An Định, thì bọn Sư Lượng đều muốn chạy trốn, Tắc nghe tin, sớm sai người đến phân tích rõ ràng, và dùng lễ báo đáp lại Lượng.

Thái tổ chinh phạt Trương Lỗ, đi qua quận ấy, gặp Tắc rất hài lòng, sai Tắc làm quân hướng đạo. Lỗ bị phá, Tắc phủ dụ yên định được các rợ Đê ở Hạ Biện, thông đường đi Hà Tây, được chuyển sang làm Thái thú Kim Thành. Bảy giờ sau cơn tang loạn, dân chúng lưu li tan tác đói khát cùng cực, số hộ khẩu hao tổn, Tắc vỗ về rất cẩn trọng. Bên ngoài chiêu mộ phủ dụ rợ Khương Hồ, thu được trâu và dê của họ, nuôi dưỡng kẻ bần cùng người già lão, trong vòng tuần trăng, dân lưu tán đều quay về, thu được mấy nghìn nhà. Tắc bèn ban rõ lệnh cấm, kẻ nào phạm phải lập tức giết ngay, người theo lệnh tất có thưởng. Tắc tự mình dạy dân cấy trồng, năm ấy mùa màng bội thu, bởi thế người theo về nương cấy ngày một đông. Lý Việt ở Lũng tây làm phản, Tắc thống suất người Khương Hồ vây đánh Việt, Việt lập tức xin quy phục. Thái tổ băng hà, người ở Tây Bình là Khúc Diễn làm phản, xưng là Hộ Khương hiệu úy. Tắc thống suất quân binh thảo phạt, Diễn sợ, xin hàng. Văn Đế vì cái công ấy, gia thêm cho Tắc chức Hộ Khương hiệu úy, ban cho tước Quan nội hầu.

Ngụy danh thần tấu chép tờ lệnh của Văn Đế hỏi Thứ sử Ung châu là Trương Ký rằng: “Tô Tắc trước đây đảm nhiệm chức vụ Thái thú Kim Thành một thời gian ngắn, đã có công vỗ về bình trị dân Di, nghe nói lại xuất quân sang tây yên định vùng sông Hoàng, gây dựng thanh thế cho Hà Tây, ta rất khen ngợi. Cái công lao của Tắc, có thể ban thêm tước vị và thực ấp được hay chăng? Phong tước là việc quan trọng, cho nên ta đem ra hỏi khanh. Khanh hãy bí mật trình bày ý của mình, và chớ có tuyên bố lộ tin tức ra bên

ngoài.” Ký đáp rằng: “Quận Kim Thành, trước đây bị Hàn Toại giết chóc áp bức, người bị chết kẻ lưu vong, hoặc chạy trốn sang chỗ Nhung Địch, hoặc bị hãm hại trong vòng cướp bóc, số hộ còn lại chẳng đầy năm trăm. Tắc đến nhận chức, bên trong phủ dụ chỗ điêu tàn, bên ngoài tụ họp kẻ ly tán, đến nay số hộ đã có hơn nghìn. Lại có các chủng tộc rợ Khương ở Lương Thiêu, trước đây giúp Toại cùng làm ác, sau khi Toại chết gục, đã vượt ra khỏi thành lũy. Tắc trước sau chiêu dụ vỗ yên, hơn ba nghìn bộ lạc theo đến quận, Tắc đều cấp chân tỏ ân uy, phát huy được hiệu dụng của chức quan. Bọn Khúc Diễn ở Tây Bình khởi xướng tạo gian mưu, Tắc lại xuất quân, soi xét chỗ yếu hại của chúng, Diễn lập tức theo mệnh đưa người đến làm con tin, giặc Lương phá sạch. Tắc đã có công lao cứu giúp dân, lại có tài hoà Nhung Địch, hết sức tiết tháo trung trinh. Gặp được bậc chân chúa thánh minh, kẻ có công lao tất được biên chép lại. Nếu Tắc được ban thêm tước ấp, thực đủ để khuyến khích kẻ trung thần, đã hết lòng gắng sức vì phong tục vậy.”

Về sau Diễn lại câu kết với các quận lân bang làm loạn, Trương Tiến ở Trương Dịch bắt Thái thú Đỗ Thông, Hoàng Hoa ở Tử Tuyền không vâng lệnh Thái thú Tân Cơ, Tiến và Hoa đều tự xưng là Thái thú để hưởng ứng quân phản loạn. Lại có ba tộc người Hồ ở Vũ Uy cùng hợp nhau vào cướp bóc, giao thông bị cắt đứt. Thái thú Vũ Uy là Quán Khâu Hưng cáo cấp với Tắc. Bấy giờ các hào kiệt ở Ung, Lương đều nổi lên cướp bóc ở xứ Khương Hồ theo bọn Tiến, người trong quận đều cho rằng Tiến mạnh chẳng thể đương nổi. Lại thêm tướng quân Hác Chiêu, Ngụy Bình trước đây đều đóng đồn ở Kim Thành, cũng nhận chiếu đánh giặc nhưng không sang phía tây được. Tắc bèn triệu kiến các quan lại đứng đầu trong quận và bọn Hác Chiêu cùng với các đầu lĩnh người Khương Hồ bàn tính rằng: “Nay giặc tuy đông đảo, nhưng đều mới tập hợp, hoặc bị cưỡng bức phải theo, vị tất đã đồng lòng; ta nhân sơ hở mà đánh chúng, người thiện kẻ ác tất chia lìa nhau, chia lìa thì tất quy phục ta, ta thêm quân mà bên kia hao tổn vậy. Khi quân ta đã thật đông, thì khí thế lực tăng gấp bội, ta thống suất quân tiến lên đánh dẹp, phá chúng tất xong vậy. Nếu đợi đại quân đến, cầm giữ nhau lâu ngày, người thiện không quy phục ta, tất hợp tác với kẻ ác, thiện ác đã kết hợp, hình thế khó mà bỗng chốc chia lìa. Dầu đã có chiếu mệnh, ta làm trái mà hợp lẽ quyền biến, chuyên quyền cũng có thể được vậy.” Vì thế bọn Chiêu nghe theo, bèn phát binh cứu Vũ Uy, thu hàng ba tộc người Hồ ở đó, rồi cùng với Hưng đánh Tiến ở Trương Dịch. Diễn nghe tin, đem ba nghìn quân bộ kỵ nghênh đón Tắc, Từ lại đến giúp quân đội, nhưng thật ra muốn làm kế quyền biến. Tắc dụ dỗ cùng tương kiến, nhân đó chém hấn, rồi ra quát mắng quân lính, đảng giặc đều tan chạy. Tắc bèn cùng với chư quân vây Trương Dịch, phá được, chém Tiến và dư đảng của hấn, chúng đều ra hàng. Diễn thua quân, Hoa sợ, buông thả những kẻ bị bắt và xin hàng, Hà Tây binh định. Tắc liền quay về Kim Thành. Được tiến phong tước Đô đình hầu, hưởng thực ấp

ba trăm hộ.

Tắc được trưng triệu về bái làm Thị trung, cùng với Đồng Chiêu là đồng liêu. Chiêu từng gói đầu lên đầu gói Tắc mà ngủ, Tắc đẩy đầu Chiêu ra, nói: “Đầu gói của Tô Tắc, chẳng phải nịnh cái đầu của người ta vậy.” Khi trước, Tắc cùng với Lâm Tri hầu là Thực nghe nói Ngụy thị thay nhà Hán, đều phanh áo ra đau lòng mà khóc, Văn đế nghe nói Thực như thế, nhưng không nghe nói đến Tắc. Khi đế ở Lạc Dương, từng ung dung nói rằng: “Ta ứng vận trời mà thụ thiện, nhưng nghe nói có kẻ khóc lóc, sao vậy?” Tắc cho là mình bị hỏi, râu ria đều vênh cả lên, toan dùng chính luận để đối đáp. Quan Thị trung là Phó Tôn bám móng tay vào Tắc nói: “Chẳng phải là nói ngài vậy.” Vì thế Tắc liền dừng lại.

Ngụy lược chép: Theo lễ xưa, quan Thị trung là kẻ thân cận được coi xét việc sinh hoạt hàng ngày của vua, cho nên tục gọi là ‘Chấp hổ tử’. Ban đầu có người đồng quận với Tắc là Cát Mậu, bấy giờ làm ra làm huyện lệnh huyện Phủ Lịch, được thăng làm Những tán. Mậu gặp Tắc, giễu cợt rằng: “Đường tiến thủ của sĩ đồ chẳng phải dừng lại ở chức Chấp hổ tử.” Tắc cười nói: “Ta chẳng thể bắt chước người cung kính thông thả ruồi xe hươu được vậy.” Khi trước, Tắc ở Kim Thành, nghe nói Hán đế truyền ngôi vị, cho là vua đã băng hà, bèn phát tang; sau nghe nói vua còn sống, bởi vì không xét được rõ ràng, mới có ý lặng yên. Lâm Tri hầu Thực tự thương cảm là có lỗi với ý muốn của Tiên đế, cũng oán giận cảm kích mà khóc. Sau này Văn đế xuất du, nghĩ lại hận Lâm Tri, cho nên bảo tả hữu rằng: “Nhân tâm không hoà, nên lúc ta lên ngôi, trong thiên hạ có kẻ khóc to.” Lúc ấy kẻ bày tội đi theo biết được lời Đế nói, có người phát ngôn ra, nên Tắc cho là nói mình. Tắc muốn xuống ngựa tạ lỗi. Thị trung Phó Tôn trở mắt nhìn Tắc, Tắc bèn tình ngộ.

Một đoạn dưới chưa thể dịch nổi (có bác nào giúp được chăng?)

孙盛曰：夫士不事其所非，不非其所❖❖，趣舍出处，而岂徒哉！
则既策名新❖

❖❖，委质异代，而方怀二心生忿，欲奋 爽言，岂大雅君子去就之分哉？诗云❖

❖“士也罔极，二三其德。”士之二三❖❖❖犹丧妃偶，况人臣乎？

Văn đế hỏi Tắc rằng: “Trước kia người phá Tửu Tuyên, Trương Dịch, thông sứ với Tây Vực, quận Đôn Hoàng dâng biểu một viên ngọc châu lớn dài một tấc, người có thể xin thêm được không?” Tắc đáp rằng: “Nếu bệ hạ làm cho giáo hoá thấm khắp Trung Quốc, ân đức truyền tới nơi sa mạc, dù chẳng cầu thì châu báu cũng tự đến, chẳng đáng quý lắm sao.” Đế lặng yên. Về sau Tắc theo Đế đi săn, chốt chuồng thú bị mở ra, mất một con hươu, Đế cả giận, ngồi trên hồ sàng⁽⁴⁰⁾ rút dao ra, cho bắt hết bọn đóc lại, sắp đem chém chúng. Tắc khấu đầu nói: “Thần nghe rằng bậc thánh vương đời xưa

chẳng vì cạm thú mà hại người ta, nay bệ hạ đang hưng thịnh cái giáo hoá của Đường Nghiêu⁽⁴¹⁾, mà vì việc săn bắn làm vui mà sát hại nhiều quan lại, ngu thần cho rằng không nên. Thần bạo dạn lấy cái chết để cầu xin!” Đế nói: “Khanh, là kẻ bày tội thẳng thắn vậy.” Rồi xá tội hết cho bọn ấy. Nhưng vì thế mà bị Đế kiêng sợ. Năm Hoàng Sơ thứ tư, Tắc bị giáng chức làm Đông Bình tướng. Chưa đến nhận chức, bị bệnh chết ở trên đường, được ban thụy là Cương hầu. Con Tắc là Di nối tự, không có con nối, em là Du được tập tước. Du, năm Hàm Hi trung làm quan Thượng thư.

Du tự Hưu Dự, từng trải qua chức vị Thái thường Quang lộc đại phu, thấy nói ở Tấn bách danh quan. Sơn Đào khải sự⁽⁴²⁾ khen Du là người thực sự trung hậu và có trí mưu.

Thần Tùng Chi xét con của Du là Thiệu, tự Thế Tự, làm thầy của Ngô vương. Vợ của Thạch Sùng⁽⁴³⁾, là con gái của anh trai Thiệu. Thiệu có thơ ở Kim Cốc tập. Em của Thiệu là Thận, làm tả Vệ tướng quân.

NHÂM TUẤN TRUYỆN

Nhâm Tuấn tự Bá Đạt, người quận Hà Nam huyện Trung Mâu. Thời Hán mạt nhiều loạn, xứ Quan Đông đều chấn động. Trung Mâu lệnh là Dương Nguyên lo lắng sợ hãi, muốn bỏ chức quan mà chạy. Tuấn thuyết Nguyên rằng: “Đổng Trác là kẻ đầu sỏ làm loạn, thiên hạ tuyệt chẳng ai dám nhìn thẳng, nhưng chưa có ai nổi dậy trước, không phải là họ không có lòng, mà về hình thế là chưa dám đó thôi. Minh phủ nếu có thể khởi xướng việc này, tất có người hoà nhịp vậy.” Nguyên nói: “Phải tính thế nào?” Tuấn nói: “Nay vùng Quan Đông có hơn mười huyện, có thể lấy được số binh chẳng ít hơn vạn người, nếu quyền nghi làm công việc của Hà Nam doãn, tổng hợp hết các lực lượng mà dùng, không ai không giúp ta vậy.” Nguyên theo kế ấy, lấy Tuấn làm Chủ bộ. Tuấn bèn vì Nguyên dâng biểu xin tạm làm công việc của phủ doãn, sai các huyện giữ vững, rồi phát binh. Vừa đúng lúc Thái tổ khởi sự ở Quan Đông, vào địa giới Trung Mâu, mọi người chẳng biết theo ai, Tuấn một mình cùng với người đồng quận là Trương Phấn nghị bàn, đem cả quận quy phục với Thái tổ. Tuấn lại thu nhặt riêng mấy trăm người trong tông tộc cùng gia binh của tân khách, xin theo Thái tổ. Thái tổ rất hài lòng, dâng biểu xin cho Tuấn làm Kỵ đô úy, đem em họ gả cho Tuấn, rất thân mật và tín nhiệm.

Thái tổ mỗi khi chinh phạt, Tuấn thường ở lại để chu cấp cho quân đội. Thời ấy hạn hán mất mùa, lương ăn cho quân chẳng đủ, Vũ Lâm giám là Tảo Chi người Dĩnh Xuyên kiến nghị lập đồn điền, Thái tổ dùng Tuấn làm Điền nông Trung lang tướng, chiêu mộ bách tính tụ tập làm ruộng ở Hứa Hạ, được trăm vạn hộ lúa, các quận trong nước lần lượt đặt chức Điền quan⁽⁴⁴⁾, trong mấy năm ở địa phương thóc lúa chất chồng, kho đụn đều đầy tràn. Chiến dịch Quan Độ, Thái tổ sai Tuấn chủ trì vận chuyển quân dụng khí giới lương thảo. Giặc mấy lần cướp bóc cắt đứt đường vận lương, vì thế Tuấn lệnh cứ một nghìn xe là một bộ, mười đạo cùng tiến song song, lại bày trận nhiều tầng lớp để bảo vệ lương thực, giặc không dám tiếp cận. Quân lương được đủ đầy, việc bắt đầu ở Tảo Chi mà thành công ở Tuấn.

[Ngụy vũ có sự chép lại tờ lệnh rằng: “Cố Thái thú Trần Lưu là Tảo Chi, thiên tính trung thực tài năng. Ban đầu cùng dấy nghĩa binh, đi đánh dẹp khắp nơi. Sau Viên Thiệu ở Ký châu, cũng thích Chi, muốn có được ông ta. Chi thác thân nương cậy vào ta đã lâu, ta sai lĩnh chức Đông A lệnh. Loạn Lã Bố, Duyện Châu đều làm phản, duy có huyện Phạm và Đông A còn vẹn toàn, bởi chi dùng binh lính hết sức giữ thành. Sau này đại quân thiếu lương, được Đông A dùng kế, đó là cái công của Chi vậy. Đến lúc phá Hoàng Cân yên định huyện Hứa, lấy được cơ nghiệp của giặc. Chi gánh vác việc gây dựng kiến lập đồn điền, bấy giờ kẻ nghị bàn đều nói nên tính trâu thu thóc,

luật lệ ruộng đất đã định. Sau khi thi hành, Chi bậm bạch rằng cho thuê trâu và thu thóc, số thu lớn mà lương thực chẳng tăng, lúc có lũ lụt hạn thiên tai lại giảm, rất không tiện lợi. Lại đưa ra ngôn luận, Cô cũng cho rằng nên như cũ, thu được nhiều chẳng nên thay đổi lại. Chi cũng giữ ý mình, Cô chẳng biết theo ai, sai Chi cùng với Tuân lệnh quân⁽⁴⁵⁾ nghị bàn việc ấy. Bấy giờ cố quân Tế tửu Hầu Thanh nói: ‘Luật lệ lấy quan trâu, để tính quan điền. Như lời Chi bàn, với quan thì tiện, với khách thì bất tiện.’ Thanh nói rộng dài, để lung lạc Lệnh quân. Chi cũng tự tin, cứ đúng kế hoạch mà bậm bạch, giữ phương pháp phân ruộng. Cô liền cho là đúng, sai Chi làm Đồn điền Đô úy, thi hành việc thiết lập điền nghiệp. Đến lúc mùa màng thì thu hoạch lớn, sau này nhân vì có ruộng lớn, đồ quân dụng được phong túc, từ đó diệt sạch bè lũ phản nghịch, yên định thiên hạ, để hưng thịnh vương thất. Chi gây dựng kỳ công, bất hạnh chết sớm, truy tặng cho một quận, còn chưa xứng với công lao. Nay ta suy nghĩ nhiều về việc ấy, Chi nên được thụ phong, để dằng dai đến nay, đó là lỗi lầm của Cô vậy. Con của Chi ở trong, nên gia phong cho quan tước, để tế tự Chi khiến cho việc ấy không hủ nát.]

[Văn sĩ truyện chép: Chi vốn họ Cứ, vì tiên nhân đi tránh loạn, mới đổi thành họ Tảo. Cháu của Chi là Cứ, tự Đạo Ngạn, thời nhà Tấn làm Thứ sử Ký châu. Con của Cứ là Tung, tự là Đài Sản, làm Tán kỵ Thường thị. Đều có tài danh, biên soạn ra nhiều sách vở. Anh của Tung là Diên, tự Huyền Phương, làm Thái thú Tương Dương, cũng là người có văn tài.]

Thái tổ thấy công lớn của Tuấn, bèn dâng biểu phong Tuấn làm Đô đình hầu, thực ấp ba trăm hộ, lại thăng làm Trường Thủy hiệu úy.

Tuấn khoan hậu có độ lượng mà hiểu sự tình, mỗi lần bày tỏ sự việc, Thái tổ phần nhiều cho là phải. Vào giữa lúc mất mùa, Tuấn đi thu thập con côi bị bỏ rơi của bằng hữu về, những kẻ bản khốn trong ngoài họ hàng, chu cấp tiếp giúp cho, tín nghĩa được người đời xưng tụng. Năm Kiến An thứ chín thì chết, Thái tổ sa nước mắt rất lâu. Con Tuấn là Tiên nối tự. Tiên chết, không có con, nước bị trừ bỏ. Văn Đế truy xét công lao của bày tôi, ban cho Tuấn thụy là Thành hầu. Lại người con giữa của Tuấn là Lãm làm Quan nội hầu.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Ngự sử Đại phu Đỗ Diên Niên* thời nhà Hán: chỉ Đỗ Diên Niên tự Áu Công, người quận Nam Dương, thời Chiêu Đế nhà Hán làm Ngự sử Đại phu. Tính khoan hòa, cẩn thận.

(2) *Miền Hào, Mẫn*: miền giữa chỗ có núi Hào và đầm Mẫn.

(3) *Giặc Bạch kị*: chỉ tướng giặc ở núi Hắc là Trương Bạch Kị.

(4) *Đại quân đến*: chỉ đại quân của Hạ Hầu Đôn đến đánh.

(5) *Hà Đông Thái thú Đỗ Kỳ, Không Tử* từng nói rằng: ‘Đối với vua Vũ, ta chẳng có gì bàn nữa vậy’: ý nói công lao của Đỗ Kỳ đã rõ không có gì bàn nữa như vua Vũ thời xưa có công trị thủy vậy.

(6) *Thần Tư mệnh*: Tư mệnh, theo truyền thuyết xưa là thần coi việc sống hay chết của con người.

(7) *Tiết*: Tiết là bầy tôi của vua Thuấn, từng giúp Vũ trị thủy có công, được phong ở ấp Thương, là tổ tiên của nhà Thương. Minh là cháu đời thứ sáu của Tiết.

(8) *Khí*: Khí còn gọi là Tắc hoặc Hậu Tắc, là bầy tôi của vua Thuấn, có công dạy dân trồng trọt, được phong ở ấp Thai, là tổ tiên của nhà Chu.

(9) *Hiếu Ý*: chỉ Lí Khôi tự Hiếu Ý.

(10) *Quân Mưu*: chỉ Quách Trí tự Quân Mưu.

(11) *Quan Thứ sử* thời xưa đã vâng theo sáu điều: thời Vũ Đế nhà Hán, lập mười ba châu, mỗi châu đặt một quan Thứ sử để trông coi, hạ chiếu kể sáu điều rằng: “Điều một, đối với cường hào quý tộc mà giữ ruộng đất trái phép, lấy mạnh hiếp yếu, nên lấy đông ché ít. Điều hai, đối với quan lại có bổng hai nghìn thạch (chỉ quan Thái thú đứng đầu quận) không vâng chiếu lệnh, nên theo phép ché, trị tội kẻ xén công lợi thu riêng, dựa vào chiếu lệnh mà tìm lợi, xâm lấn trăm họ, tụ tập làm việc xấu. Điều ba, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà không xét rõ hình án, tự tiện giết người, giận thì dùng hình, vui thì ban thưởng, phiền nhiễu hà khắc, ép bức dân chúng, bị trăm họ ghét bỏ, núi lở đá vỡ, tổ diêm ngoa xấu. Điều bốn, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà chọn lựa không công bằng, ưa kẻ a dua, bỏ hiền sủng ác. Điều năm, trị tội con em của quan lại có bổng hai nghìn thạch cậy dựa quyền thế, xin làm việc riêng. Điều sáu, trị tội quan lại có bổng hai nghìn thạch mà trái việc công, hùa theo cường hào, qua lại hối lộ, tổn hại phép lệnh”.

(12) *Trình Giáp Bá*: chỉ Trình Hỉ tự Giáp Bá.

(13) *Điền Quốc Nhượng ở Thanh Châu: chỉ Điền Dự tự Quốc Nhượng, bảy giờ trông coi các quân ở Thanh Châu.*

(14) *Chọn các việc cần thiết với đời chép vào trong truyện: trong truyện có chép hai bài sớ của Đỗ Thứ, nhưng người dịch lược bỏ không dịch.*

(15) *Nhà giàu tiền của, có bốn trăm khoảnh ruộng mà thường không đủ ăn: ý nói nhà giàu tiền, có bốn trăm khoảnh ruộng của nhưng giao kết hào kiệt, ban phát cung cấp, cho nên thường không đủ ăn.*

(16) *Ba phủ: Ba phủ chỉ ba phủ của quan Thái úy, Tư đồ, Tư không.*

(17) *Xe công: Xe công chỉ xe ngựa của nhà vua đi đón người khác về kinh sư làm quan.*

(18) *Hoàng môn: Hoàng môn chỉ hoạn quan ở trong cung. Bảy giờ thời Linh Đế nhà Hán, bọn hoạn quan chuyên quyền làm bậy, do đó Tướng quân Hà Tiến mưu giết bọn này.*

(19) *A hành: A hành chỉ chức Tế tướng đứng đầu trăm quan.*

(20) *Trọng Ni: tức Khổng Khâu tự Trọng Ni, chỉ Khổng Tử.*

(21) *Viên Bản Sơ: tức Viên Thiệu tự Bản Sơ.*

(22) *Trương Mạnh Trác: tức Trương Mạc tự Mạnh Trác.*

(23) *Khổng Công Tự: tức Khổng Trụ tự Công Tự.*

(24) *Mạnh Bôn: Mạnh Bôn là dũng sĩ nước Tề thời Chiến quốc, có sức khỏe hơn người*

(25) *Khánh Kị: Khánh Kị là con của vua Ngô là Liêu thời Xuân thu, sức khỏe hơn người.*

(26) *Cái tin ở trận thành Liêu: theo Chiến quốc sách chép rằng: “Lúc trước, tướng nước Yên đánh thành Liêu, có người gièm vu, tướng nước Yên sợ bị giết, bèn giữ vững thành Liêu, không dám về nước. Điền Đan đánh thành ấy hơn một năm, nhiều quân sĩ bị chết, nhưng không hạ được thành Liêu. Lỗ Liên bèn viết một bức thư buộc vào mũi tên rồi bắn vào trong thành, khuyên tướng nước Yên rút quân, tướng nước Yên tin phục, rút quân mà về, giải vây nước Tề.*

(27) *Lương, Bình: chỉ Trương Lương, Trần Bình là mưu thần giúp Hán Cao Tổ dựng nghiệp.*

(28) *Trịnh Khang Thành: tức Trịnh Huyền tự Khanh Thành.*

(29) *Bính Căn Củ: tức Bính Nguyên tự Căn Củ.*

(30) *Bảy nước Ngô, Sở: chỉ bảy nước chư hầu thời vua Cảnh Đế của nhà Hán là Ngô, Sở (楚), Triệu, Tế Nam, Truy Xuyên, Giao Tây, Giao Đông.*

Năm thứ ba thời vua Cảnh Đế, vua Ngô là Lưu Tị mưu phản, liên kết với vua các nước Sở, Triệu, Tế Nam, Truy Xuyên, Giao Tây, Giao Đông ở phía đông, phát hai mươi vạn quân vượt sông Hoài đi về phía tây, lại liên kết với người Hung Nô ở phía bắc, người Đông Việt ở phía nam. Cảnh Đế sai Thái úy Chu Á Phu đi đánh, đóng quân ở Huỳnh Dương, tạm xem động tĩnh, rồi sai chặn đường vận lương của quân Ngô, Sở, cuối cùng phá được, người Đông Việt giết vua Ngô là Lưu Tị, vua sáu nước kia phải tự sát, bảy nước đều bình.

(31) Lương Hưng: Lương Hưng là tướng súy miền Quan Trung, từng liên kết với Mã Siêu, Hàn Toại chống Tào Tháo.

(32) ‘Trịnh Bi’: Trịnh Bi nghĩa là ao do Trịnh Hôn đào.

(33) Cây du: du là một loài cây cao lớn, gỗ chắc, thường mọc ở vùng có khí hậu ôn hòa như ở miền bắc Trung Quốc, Triều Tiên.

(34) Năm loại quả: thời xưa chỉ năm loại cây quả thường được trồng ở miền bắc Trung Quốc là đào, hạnh, mận, táo, giẻ.

(35) Tây Vực: chỉ vùng đất phía tây Trung Quốc, thuộc vùng Tân Cương, Trung Á ngày nay vậy.

(36) Quan lại ăn lộc hai nghìn thạch: chỉ quan Thái thú, hằng năm được cấp bổng hai nghìn thạch lúa.

(37) Chợ quân: chỉ chợ mua bán trong quân đội, do quân đội lập ra để mua bán và trao đổi hàng hóa với dân thường.

(38) Tế thú: chỉ quan lại ở địa phương thời xưa như quan Thái thú, Thứ sử.

(39) Cấp Âm tự Trường Nhụ, người quận Bộc Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam), là danh thần đầu thời Tây Hán, xuất thân từ gia tộc thuộc hàng danh môn, bảy đời làm công khanh đại phu, bản thân từng trải nhiều chức vụ, như Thái tử tể mã, Yết giả, Huỳnh Dương lệnh, Thái thú Đông Hải, sau dự vào hàng Cửu Khanh; là người nghĩa hiệp nổi tiếng, nhân dân rất quý mến.

(40) Hồ sàng là dụng cụ giống như cái ghế xích đu vừa nằm vừa ngồi, có thể gấp lại được.

(41) Thời thịnh trị của vua Nghiêu, vua Thuấn.

(42) Sơn Đào, tự Cự Nguyên, là một người trong Trúc Lâm thất hiền, người thời Tây Tấn, quê ở quận Hà Nội huyện Hoài, rất giỏi học thuyết Lão, Trang, giao du với Kê Khang, Nguyễn Tịch. Khi Tư Mã Ý và Tào Sảng tranh quyền, ông giấu mình không tham gia vào vụ việc. Tư Mã Ý chấp chính, cử ông làm Tú tài, Lang Trung, rồi thăng làm Thượng thư bộ Lang. Thời Tư Mã Viêm, làm Đại hồng lư, rồi Thị trung, Lại bộ Thượng thư, Thái tử Thiếu phó, tả Bộc xạ. Rất có tài bình luận, nên được người đời gọi là ‘Sơn Đào khai sự’.

(43) Thạch Sùng, tự Quý Luân, làm văn học gia thời nhà Tấn, nổi tiếng là người đẹp trai, thời nhỏ có tên là Tề Nô. Năm Nguyên Khang nguyên niên, làm chức Thứ sử Kinh châu, giàu có không ai lường được. Năm Vĩnh Khang nguyên niên, bị vu là đồng đảng của Tư Mã Doãn, bị giết, gia sản bị tịch thu. Lại có một sách khác nói rằng Sùng trải các chức Thái phó, Chinh lỗ tướng quân, Giám quân Từ Châu, trấn thủ Hạ Bi, rồi làm Vệ úy, Sùng siêng nịnh tên quý thích là Giả Mật. Lúc Giả Mật bị bãi miễn chức quan, Sùng cũng bị bãi chức, của cải mất hết.

(44) Quan coi việc trông trọt.

(45) Tức Tuân Úc, xem quyển 10 (Tuân Du truyện)

QUYỂN 17 - TRƯỜNG NHẠC VU TRƯỜNG TỬ TRUYỆN

Trường Liêu, Nhạc Tiến, Vu Cẩm, Trường Cáp, Tử Hoảng

NHẠC TIẾN TRUYỆN

Nhạc Tiến tự Văn Khiêm, là người huyện Dương Bình nước Vệ. Dáng vóc thấp bé, rất có đờm lược, đi theo Thái tổ làm Trưởng hạ lại⁽¹⁾. Thái Tổ phái Tiến về bản quận mộ binh, được hơn một nghìn người, lúc trở về được làm Quân giả Tư mã, Hãm trận Đô úy⁽²⁾. Từng theo đánh Lã Bố ở Bộc Dương, Trương Siêu ở Ung Khâu, Kiêu Long ở đất Khỏ, đều xông pha lên phía trước lập được công lao, được phong làm Quảng Xương Đình hầu. Lại theo đi đánh Trương Tú ở An Chúng, vây Lã Bố ở Hạ Bi, đánh Tuy Cố ở Xạ Khuyển, tấn công Lưu Bị ở đất Bái, được Bái làm Thảo khấu Hiệu úy. Rồi qua sông Hoàng Hà vây đánh Hoạch Gia, khi trở về, lại theo đánh Viên Thiệu ở Quan Độ, gắng sức chiến đấu, chém được tướng của Thiệu là Thuần Vu Quỳnh. Lúc đi theo đánh Đàm-Thượng ở Lê Dương, chém được Đại tướng của bọn họ là Nghiêm Kính, được làm Du kích Tướng quân. Rồi được biệt phái đi đánh Hoàng Cân, phá được, yên định quận Nhạc An. Đi theo vây huyện Nghiệp, huyện Nghiệp đã định, lại theo đi đánh Viên Đàm ở Nam Bì, xông pha lên trước, xâm nhập cửa Đông của quân Đàm. Đàm bại, Tiến lại được biệt phái đi đánh Hung Nô, lại phá được.

Năm Kiến An thứ mười một, Thái tổ dâng biểu lên Hán Hiến đế, khen Tiến cùng với Vu Cấm, Trương Liêu rằng: “Võ lược trùm đời, mưu lược đủ cả, tư chất trung hậu tính tình thuần nhất, biết giữ tiết nghĩa, mỗi khi lâm trận, thường làm tiên phong, ráng sức xông vào nơi gian khó, không chỗ kiên cố nào không hạ được, tự thân thúc trống, tay chẳng được nghỉ ngơi. Mỗi khi được sai phái đi chinh chiến, thống lĩnh toàn quân, võ về ba quân được thuận hoà, vâng mệnh không phạm tội, giờ đương là lúc dẹp địch cần phải cương quyết, không thể để sót công lao. Nay theo phép nước luận công xét thưởng, nên ban cho họ ân huệ về vang.” Liền đó, Cấm được làm Hồ Uy; Tiến được làm Chiết Xung; Liêu được làm Đãng khấu Tướng quân.

Tiến được biệt phái đi chinh phạt Cao Cán, theo đạo lộ phía bắc xâm nhập Thượng Đảng, rồi đi vòng ra phía sau bọn Cán. Bọn Cán về giữ Hồ Quan, Tiến đánh liên tục chém được nhiều địch. Cán cố sức giữ không hạ được, sau Thái Tổ phải thân đến đánh, mới hạ được.

Thái Tổ đi đánh Quán Thừa, binh xa đến nơi, Thái Tổ sai Tiến cùng Lý Điển công kích. Thừa thua to bỏ chạy, trốn đến hải đảo, vùng ven biển mới yên, còn Kinh Châu chưa chịu phục, Thái Tổ sai Tiến đóng quân ở Dương Dịch. Sau Tiến đi theo bình Kinh Châu, đóng quân ở Tương Dương, đánh bọn Quan Vũ-Tô Phi, bọn ấy đều phải chạy cả, người Man Di ở vùng sơn cốc các quận thuộc Nam Quận đều đến chỗ Tiến xin hàng. Tiến lại đánh dẹp trưởng huyện Lâm Tự là Đỗ Phỏ, trưởng huyện Tinh Dương là Lương Đại

của Lưu Bị, đều đại phá được cả. Sau đi theo đánh Tôn Quyền, được ban Giả tiết.

Thái Tổ quay về, lưu Tiến cùng với Trương Liêu-Lý Điển đóng quân ở Hợp Phì, được tăng ấp năm trăm hộ, cộng với lúc trước cả thảy là hai nghìn hộ. Bởi Tiến mấy lần lập công, được thêm năm trăm hộ nữa, phong cho một con trai tước Liệt hầu; Tiến được thăng lên làm Hữu tướng quân.

Năm Kiến An thứ hai mươi ba chết, ban cho thụy hiệu là Uy hầu. Con Tiến là Lâm nối tự, Lâm là người quả quyết, có phong độ của cha mình, làm quan đến Thứ sử Dương Châu. Gia Cát Đản làm phản, ngầm đánh úp giết Lâm, Đế hạ chiếu truy điệu rất thương tiếc, truy tặng cho chức Vệ Úy, ban thụy hiệu là Mẫn hầu. Con Lâm là Triệu nối tự.

TRƯƠNG CÁP TRUYỆN

Trương Cáp tự Tuấn Nghệ, người quận Hà Gian huyện Mạo. Thời Hán mạt ra ứng mộ đánh dẹp Hoàng Cân, làm Quân tư mã, là thuộc hạ của Hàn Phức. Phức bại, Cáp dẫn binh quy hàng Viên Thiệu. Thiệu lấy Cáp làm Hiệu úy, sai chống cự Công Tôn Toản. Toản bị phá, phần nhiều là công lao của Cáp, Cáp được thăng làm Ninh quốc Trung lang tướng.

Thái Tổ cùng với Viên Thiệu cự nhau ở Quan Độ,

Hán Tấn xuân thu chép: Cáp thuyết Thiệu rằng: “Chúa công tuy liên tục thắng, nhưng chớ cùng với Tào công chiến đấu, nên mật sai quân khinh kỵ đánh úp tuyệt đường ở phía nam, tất quân kia tự bại vậy.” Thiệu không theo kế ấy.

Thiệu sai tướng là bọn Thuần Vu Quỳnh đôn đốc việc vận lương ở Ô Sào, Thái tổ tự mình tới đánh gấp. Cáp khuyên Thiệu rằng: “ Binh của Tào công tinh nhuệ, hẳn sẽ đánh tan bọn Quỳnh; bọn Quỳnh bị phá, tất việc của tướng quân phải bỏ đi vậy, nên cấp tốc dẫn binh đến cứu ngay.” Quách Đồ nói: “Kế của Cáp không hay. Chẳng bằng đánh vào bản doanh của họ, thế tất họ phải quay về, thế là chẳng cần cứu mà tự giải vây được vậy.” Cáp nói: “Tào công doanh trại kiên cố, có đánh hẳn cũng chẳng lấy được, nếu như bọn Quỳnh bị bắt, lũ thuộc hạ chúng ta cũng bị bắt hết cả.” Thiệu chỉ phái quân khinh kỵ đi cứu Quỳnh, mà để trọng binh đánh doanh trại Thái Tổ, không hạ được. Thái Tổ quả nhiên phá được bọn Quỳnh, quân của Thiệu tan vỡ. Đồ hổ thẹn, lại dèm pha Cáp rằng: “Cáp mừng vì quân ta bại, lời nói không khiêm tốn.” Cáp sợ, bèn quy hàng Thái Tổ.

Thần Tùng Chi xét Vũ đế kỷ cùng Viên Thiệu truyện đều nói rằng Viên Thiệu sai Trương Cáp-Cao Lãm đánh doanh trại Thái Tổ, bọn Cáp nghe tin Thuần Vu Quỳnh bị phá, bèn đến hàng, sĩ chúng của Thiệu đại hội sau đó. Thế tất là bọn Cáp ra hàng sau đó quân Thiệu tan vỡ. Đến như truyện này, nói là quân Thiệu hội họp trước, sợ lời dèm của Quách Đồ, rồi sau mới quy hàng Thái Tổ, ấy là ba truyện có lầm lẫn bất đồng vậy.

Thái Tổ được Cáp rất mừng, bảo rằng: “Xưa Tử Tư chẳng sớm tỉnh ngộ, bởi thế khiến thân bị nguy, há được như Vi Tử bỏ nhà Ân, Hàn Tín quy nhà Hán đó sao?” Rồi bái Cáp làm Thiên tướng quân, phong tước Đô Đình hầu.

Cáp được trao năm binh sĩ, theo đánh huyện Nghiệp, lấy được. Lại theo đánh Viên Đàm ở Bột Hải, riêng cầm quân vây Ung Nô, đại phá được. Rồi theo đánh Liễu Thành, cùng với Trương Liêu đều được làm tiên phong, bởi có công được thăng làm Bình định tướng quân. Lại biệt phái đi đánh Đông Lai, dẹp Quản Thừa, lại cùng Trương Liêu đánh dẹp bọn Trần Lan-Mai Thành, phá được. Rồi theo phá Mã Siêu-Hàn Toại ở Vị Nam. Vây huyện An

Định, thu hàng Dương Thu. Cùng với Hạ Hầu Uyên đánh dẹp phu tặc Lương Hưng cùng rợ Đê ở Vũ Đô. Lại phá được Mã Siêu, bình Tống Kiến.

Thái Tổ chinh phạt Trương Lỗ, trước tiên sai Cáp đốc suất ba quân đánh dẹp Đê Vương ở Hưng Hoà là Đậu Mậu. Thái Tổ tới Tấn Quan vào Hán Trung, lại sai Trương Cáp đốc suất năm nghìn bộ tốt đi trước mở đường. Tới Dương Bình, Lỗ hàng, Thái Tổ quay về, lưu Cáp cùng với bọn Hạ Hầu Uyên trấn thủ Hán Trung, cự Lưu Bị. Cáp đốc xuất ba quân, thu hàng hai quận Ba Đông-Ba Tây, dời dân ở đó vào Hán Trung. Tiến quân đến Đãng Cừ, bị tướng của Bị là Trương Phi chống cự ở đó, phải rút về Nam Trịnh. Cáp được bái làm Đãng khấu tướng quân.

Lưu Bị đóng quân ở Dương Bình, Cáp đóng quân ở Quảng Thạch. Bị có hơn vạn quân tinh nhuệ, chia làm mười lộ, nhân đêm tối gấp rút tấn công Cáp. Cáp đốc suất thân binh đánh lộn, Bị không thể thắng nổi. Sau đấy Bị tới lũng Tẩu Mã đốt đô ấp ở vùng ngoại vi, Uyên tới cứu hoả, đi được nửa đường gặp quân của Bị, giao chiến, binh khí ngăn phải đánh gần. Uyên bị giết, Cáp quay về Dương Bình.

Ngụy lược chép: Uyên tuy làm Đô đốc, Lưu Bị sợ Cáp mà coi thường Uyên. Lúc giết Uyên, Bị nói: “Kẻ ấy đáng được làm đầu sỏ, dùng người như thế sao làm gì được ta!”

Đang lúc bấy giờ, nguyên soái mới mất, sợ Bị thừa cơ đánh, ba quân đều thất sắc. Tư mã của Uyên là Quách Hoài bèn lệnh cho chúng rằng: “Trương tướng quân, là danh tướng quốc gia, Lưu Bị phải kiêng sợ; hôm nay việc nguy cấp, phi Trương tướng quân chẳng ai có thể vỗ yên được.” Bèn suy tôn Cáp lên làm chủ trong quân. Cáp nhận trách nhiệm, ém binh giữ yên trận địa, chư tướng đều vâng theo sự điều dụng của Cáp, bụng chúng mới yên. Thái Tổ đến Trường An, phái sứ giả đến ban cho Cáp phù tiết. Thái Tổ thân đến Hán Trung, Lưu Bị giữ trên núi cao không dám đánh. Thái Tổ rút lui toàn quân khỏi Hán Trung, Cáp quay về đóng binh ở Trần Thương.

Văn Đế lên tức vương vị, lấy Cáp làm Tả tướng quân, tiến tước Đô Hương hầu. Khi lên ngôi Đế, tiến phong Cáp là Mạo hầu⁽³⁾. Rồi hạ chiếu cho Cáp và Tào Chân đánh rợ Hồ ở Lô Thủy thuộc An Định cùng rợ Khương ở phía Đông, cho triệu Cáp và Tào Chân cùng vào châu ở cунh điện Hứa Xương, phái Cáp về nam cùng Hạ Hầu Thượng đánh Giang Lăng. Cáp đốc xuất chư quân vượt sông, chiếm cồn cát ở trên sông lập doanh lũy.

Minh Đế lên tức vị, phái Cáp về nam đóng ở Kinh Châu, cùng Tư mã Tuyên Vương đánh biệt tướng của Tôn Quyền là bọn Lưu A, truy đuổi đến Kỳ Khẩu, giao chiến, phá được.

Gia Cát Lượng ra Kỳ Sơn. Triều đình đặc tiến tước vị cho Cáp, phái tới đốc xuất chư quân, chống cự tướng của Lượng là Mã Tắc ở Nhai Đình. Tắc

cây hiểm ở phía nam núi, không xuống đóng thành lũy. Cáp cắt đứt đường cấp nước, công kích, đại phá được. Các quận Nam An-Thiên Thủy-An Định làm phản hưởng ứng Lương, Cáp đều đánh phá bình được cả. Chiếu viết rằng: “Tên giặc là Lương dụng quân sĩ Ba Thục, quân binh như cọp gầm hổ rống. Tướng quân đến chỗ binh giặc cứng mạnh vào chôn đao gươm, thắng được kẻ địch ở nơi ấy, trăm rất ngợi khen. Nay ban thêm cho thực ấp một nghìn hộ, cộng cả trước đây là bốn nghìn ba trăm hộ.”

Tư Mã Tuyên Vương nắm giữ thủy quân ở Kinh Châu, muốn theo sông Miện tới Trường Giang đánh Ngô, triều đình hạ chiếu cho Cáp đốc chư quân ở Quan Trung tới nhận mệnh điều dụng. Tới Kinh Châu, lúc ấy là mùa đông nước cạn, thuyền lớn không đi được, bèn quay về đóng quân ở Phương Thành.

Gia Cát Lương lại ra quân, tấn công Trần Thương rất gấp, Đế sai ngựa trạm tới triệu Cáp về kinh đô. Đế thân giá lâm thành Hà Nam, bày tiệc rượu tiễn đưa Cáp, phái ba vạn quân sĩ ở các miền nam bắc giao cho Cáp, lại chia quân Vũ vệ-Hồ bôn đi theo bảo vệ Cáp, nhân đó hỏi Cáp rằng: “Khi tướng quân đến nơi, Lương đã lấy được Trần Thương hay chưa!” Cáp biết Lương ít quân không có lương thực, chẳng thể đánh lâu, thưa rằng: “Bi thần chưa tới nơi, Lương đã chạy rồi vậy; Tính ra thì lương thảo của Lương chẳng còn đủ đến mười ngày.” Cáp tiến quân đêm ngày đến Nam Trịnh, Lương đã lui binh. Triều đình lại hạ chiếu lệnh cho Cáp về kinh đô, bái làm Chinh tây Xa kỵ tướng quân.

Cáp là người hiểu biết quyền biến, khéo việc bày binh bố trận, liệu địa hình chiến cuộc, không kể gì không tỏ, từ Gia Cát Lương trở đi đều phải kiêng sợ. Cáp tuy là võ tướng mà yêu thích những bậc nho sĩ, từng tiễn cử người đồng hương là Ti Trạm làm Kinh Minh Hành Tu, chiếu viết rằng: “Xưa Tuân Tế làm tướng, tâu xin lập ra Ngũ kinh đại phu, ở trong quân doanh, cho các nho sinh tâu nhạc ném thẻ vào hồ. Nay tướng quân bên ngoài thống quản quân lữ, bên trong an định quốc triều. Trăm khen ngợi ý chí của tướng quân, nay cất nhắc Trạm lên làm Bác sĩ.”

Gia Cát Lương lại ra Kỳ Sơn, triều đình chiếu mệnh cho Cáp đốc xuất chư tướng ở phía Tây đến Lược Dương, Lương quay về giữ Kỳ Sơn, Cáp đuổi theo đến Mộc Môn, cùng với quân của Lương giao chiến, bị loạn tên bắn trúng đầu gối, chết, được ban thụy hiệu là Tráng hầu.

Ngụy lược viết: Quân Lương lui về, Tư Mã Tuyên Vương sai Cáp đuổi theo, Cáp nói: “Quân pháp dạy, vây thành tất phải mở lối thoát cho giặc, quân địch chạy chớ nên đuổi theo”. Tuyên vương không nghe. Cáp bắt đắc dĩ, phải tiến binh. Vì quân Thục bố trí mai phục trên núi cao, cung nỏ bắn loạn xạ, Cáp bị trúng tên vào bắp đùi.”

Con Cáp là Hùng nổi tự. Cáp trước sau chinh phạt có công, Minh Đế chia

áp cho Cáp, phong cho bốn con của Cáp làm Liệt hầu. Bốn người con nhỏ khác được ban tước Quan nội hầu.

TRƯƠNG LIÊU TRUYỆN

Trương Liêu tự Văn Viễn, người huyện Mã Ấp quận Nhạn Môn. Nguyên gốc họ Niếp, vì trốn tránh kẻ thù mới phải đổi họ. Thời trẻ Liêu làm quận lại⁽⁴⁾. Thời Hán mạt, Tinh châu Thứ sử là Đinh Nguyên nhân thấy Liêu có võ công hơn người, bèn cho vời đến làm Tòng sự, lại sai cầm quân tới kinh đô. Hà Tiến phái Liêu đến Hà Bắc mộ binh, được hơn một ngàn người. Lúc quay về, Tiến đã bại trận, Liêu đem số binh ấy theo về Đông Trác. Trác thua trận, Liêu lại đem quân theo Lã Bố, được thăng lên làm Kỵ Đô úy⁽⁵⁾. Bố vì bị Lý Thôi đánh bại⁽⁶⁾, Liêu theo Bố nhằm hướng Đông chạy đến Từ châu, được lĩnh chức Lữ tướng⁽⁷⁾, năm ấy Liêu 28 tuổi.

Thái tổ phá Lã Bố ở Hạ Phì, Liêu dẫn mọi người ra hàng, được bái làm Trung lang tướng⁽⁸⁾, ban cho tước Quan nội hầu. Liêu mấy lần lập chiến công, được thăng lên làm Bì tướng quân. Viên Thiệu bị phá, Liêu được biệt phái tới yên định các huyện ở đất Lỗ. Lại cùng với Hạ Hầu Uyên vây Xương Hy ở Đông Hải, vây mấy tháng thì hết lương, đã bàn việc dẫn quân về, Liêu bảo Uyên rằng: “Mấy hôm nay, mỗi lần đi xét vòng vây, thường thấy Hi chăm chú nhìn theo tôi. Lại thấy tên bắn ra ít đi, như thế hẳn Hi có ý do dự, nên chẳng cố sức đánh nhau. Liêu này muốn đến nói chuyện riêng với y, hoặc giả có thể dụ được chăng?” Bèn sai người đến bảo Hi rằng: “Chúa công có mệnh, sai Liêu đến truyền bảo.” Hy quả nhiên xuống cùng với Liêu nói chuyện, Liêu bèn thuyết: “Thái tổ là bậc thần vũ, người ở bốn phương đều mến đức, sớm biết quy phục sẽ được hậu thưởng.” Hi mới đồng ý ra hàng. Liêu lại một mình trèo lên núi Tam Công, vào nhà Xương Hi, lạy vợ con Hi. Hi rất mừng, theo đến chỗ Thái Tổ. Thái Tổ sai Hi trở về, lại trách Liêu rằng: “Thế chẳng phải là khuôn phép của bậc đại tướng vậy.” Liêu tạ rằng: “Uy tín của Minh công sáng rõ bốn bề, Liêu đã vâng theo thánh chỉ, Hi tất chẳng dám làm hại Liêu vậy.”

Liêu theo Thái Tổ đánh Viên Đàm-Viên Thượng ở Lê Dương, có công, được làm Hành Trung kiên Tướng quân. Rồi theo đi đánh Thượng ở huyện Nghiệp, Thượng hết sức cố thủ không sao hạ được, Thái tổ về Hứa huyện, sai Liêu cùng với Nhạc Tiến đánh lấy thành Âm An, dời dân ở đó tới phía nam Hoàng Hà.

Thái tổ lại vây đánh huyện Nghiệp, huyện Nghiệp bị phá, Liêu được biệt phái đến Triệu Quốc-Thường Sơn, chiêu hàng bọn sơn tặc ở ven núi cùng Tôn Khinh ở Hắc Sơn. Rồi tới đánh Viên Đàm, phá được Đàm, lại được phái đi Hải Tân, phá được giặc ở Liêu Đông là bọn Liễu Nghị. Khi về huyện Nghiệp, Thái Tổ thân ra đón Liêu, dắt lên ngồi cùng xe, rồi lấy Liêu làm Đãng khẩu Tướng quân.

Liêu được biệt phái đi đánh Kinh Châu, bình định các huyện ở Giang Hạ, rồi về đóng quân ở Lâm Đình, được phong làm Đô Đình hầu. Lại theo đánh Viên Thượng ở Liễu Thành, thốt nhiên gặp quân Hồ Lỗ, Liêu khuyên Thái Tổ đánh gấp, chí khí rất phấn khích, Thái Tổ thấy Liêu hăng hái, vì thế trao cờ chỉ huy cho Liêu. Liêu liền tiến đánh, đại phá địch, chém chết vua Hung Nô là Đạp Đốn.

Phó Tử chép: Thái Tổ dẫn quân đánh Liễu Thành, Liêu can rằng: “Hứa Xương, là nơi đô hội của Thiên tử. Nay Thiên tử ở Hứa Đô, chúa công Bắc chinh nơi xa, ví như Lưu Biểu phái Lưu Bị tập kích Hứa Đô, nắm lấy Thiên tử hiệu lệnh bốn phương, vị thế của chúa công sẽ mất.” Thái Tổ bàn rằng Biểu ắt không dùng được Bị, rồi cứ đi.

Bảy giờ chưa định được Kinh Châu, Thái Tổ sai Liêu đóng binh ở Trường Xã. Lúc sắp đi, trong quân có người mưu phản, trong đêm lửa bốc cháy tứ tung, toàn quân rối loạn. Liêu bảo tả hữu rằng: “Chớ nên kinh động. Đây không phải là toàn doanh trại đều làm phản, tất có kẻ gây loạn đó thôi, ắt muốn làm rối loạn nhân tâm vậy.” Bèn lệnh cho trong quân, kẻ nào không làm phản phải ngồi yên. Liêu thân dẫn mấy chục quân lính, đứng giữa hàng quân. Chốc lát đã ổn định được, lập tức bắt được kẻ thủ mưu đem giết đi.

Trần Lan-Mai Thành kích động rợ Đê ở sáu huyện làm phản, Thái Tổ phái bọn Vu Cầm-Tang Bá đến đánh Thành, Liêu thúc Trương Cáp-Ngưu Cái tới đánh Lan. Thành vờ hàng Cầm, Cầm trở về. Thành bèn dẫn binh đến chỗ Lan, quay vào Tiềm Sơn. Trong vùng Tiềm Sơn có núi Thiên Trụ, dốc cao hơn hai mươi dặm, đường hẹp lại hiểm trở, chỉ có mỗi cách đi bộ lên, bọn Lan giữ ở trên sườn núi. Liêu muốn tiến binh, chur tướng nói: “Bình ta ít mà đường núi lại hiểm trở, khó mà thâm nhập được.” Liêu nói: “Đây là lúc một sống một chết, phải người dũng mãnh mới tiến lên được.” Rồi tiến đến chân núi hạ doanh trại, vây đánh, chém được thủ cấp Lan-Thành, bắt sống được hết bộ hạ. Thái Tổ luận công của chur tướng, nói: “Trèo lên thiên sơn, xông pha vào nơi hiểm trở, dẹp được Lan và Thành, là công lao của Đãng khấu vậy.” Rồi tặng thực ấp cho Liêu, ban cho Giả tiết.

Thái Tổ đi chinh phạt Tôn Quyền trở về, sai Liêu cùng với bọn Nhạc Tiến-Lý Diễn cầm bảy ngàn binh đóng ở Hợp Phì. Thái Tổ đi đánh Trương Lỗ, giao cho Hộ quân Tiết Để mang đến cho Liêu đến một phong thư dán kín viết: “Giặc đến hãy mở.” Được ít lâu, Quyền đốc xuất mười vạn quân đến vây Hợp Phì, chúng bèn cùng mở thư ra xem, thấy dạy rằng: “Nếu như Tôn Quyền đến, Hai tướng quân Trương-Lý ra đánh; Nhạc tướng quân giữ thành, chớ có tham chiến.” Chur tướng đều nghi ngại. Liêu nói: “Chúa công viễn chinh ở bên ngoài, đợi cứu binh đến, bên kia hẳn đã đánh tan chúng ta, cứ theo như ý chỉ ở thư này thì bên kia chưa kịp hợp binh để đánh ta, ta hãy bẻ gãy thế mạnh của họ, để an lòng quân, rồi sau mới có thể giữ được. Cái

cơ thành bại, chính ở một trận này đây, chư quân sao còn phải hồ nghi nữa?” Lý Điền cũng đồng ý với Liêu. Vì thế Liêu trong đêm tuyên mộ quân cảm tử đem theo, được tám trăm người, cho giết trâu thết đãi tướng sĩ, chờ hôm sau đại chiến. Mới sáng ra, Liêu mặc giáp cầm kích, xông lên phía trước hãm trận, giết chết mấy chục mạng, chém được hai tướng, miệng hô lớn danh tự, vọt vào trong lũy, đến dưới cờ chỉ huy của Quyền. Quyền kinh hoàng, quân lính chẳng hiểu thế nào, bỏ chạy lên gò đất cao, dùng trường kích tự thủ. Liêu quát gọi Quyền xuống đánh nhau, Quyền không dám xuống, nhưng trông xa thấy binh tướng của Liêu ít, bèn xúm lại vây quanh Liêu đến mấy tầng. Liêu chỉ huy quân tả xung hữu đột giữa trùng vây, đánh thẳng về phía trước, vòng vây mở ra, Liêu dẫn mấy chục thủ hạ thoát ra được, một số binh sĩ còn ở trong kêu to lên rằng: “Tướng quân bỏ chúng tôi ư!” Liêu quay lại đột phá vòng vây, đến cứu bọn chúng. Quân mã của Quyền đều dạt cả ra, không ai dám đương. Đánh nhau từ sớm đến tận giữa trưa, người Ngô mất vía, Liêu quay về thủ thành, bụng chúng bảy giờ mới an, chư tướng đều khâm phục. Quyền giữ ở Hợp Phì hơn chục ngày, không lấy được thành, bèn dẫn quân lui về. Liêu đốc xuất ba quân truy kích, suýt nữa bắt được Quyền. Thái Tổ rất ca ngợi Liêu, phong cho Làm Chinh đông tướng quân.

Tôn Thịnh chép: Dối trá cố nhiên là cái đạo của kẻ dùng binh, chính kỳ đấp đổi, nếu như đã sai tướng xuất chinh, phải trao thực quyền, hoặc nhờ vào cái thế đầu đuôi tương ứng, hay dựa vào cái thế ỷ giốc, nếu tướng soái bất hòa, tức là đánh mất tác dụng của tướng soái vậy. Đến như việc thủ giữ Hợp Phì, binh yếu lại không tiếp viện, nếu dùng người dũng mãnh làm tướng tất hiệu chiến gây họa, dùng người nhút nhát tất trong lòng sợ hãi khó giữ thành. Thế mà bên kia đông bên ta ít, tất kẻ địch mang lòng coi thường, trê nải; lấy quân quyết tử bất ngờ đánh cái quân bê trễ, là thế tất thắng vậy; thắng rồi mới thủ, thế tất vững bền. Cho nên Ngụy Vũ⁽⁹⁾ đã chọn tướng lĩnh tính tình tâm chí khác nhau, giao cho mật thư, dạy họ sử dụng cẩn trọng và đúng lúc, việc đến đem ra ứng phó, đúng hợp với phù ước⁽¹⁰⁾. Khéo lắm thay!

Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, Thái Tổ lại đi đánh Tôn Quyền, đến Hợp Phì, tuần hành đến nơi chiến trường xưa của Liêu, than thở hồi lâu. Rồi thêm binh cho Liêu, lưu nhiều quân ở lại, dời đến đóng ở Cư Sào.

Quan Vũ vây Tào Nhân ở Phàn Thành, lúc ấy Tôn Quyền thân phục, Thái tổ cho vời Liêu cùng ba quân đều quay về cứu Tào Nhân. Liêu chưa đến, Từ Hoảng đã phá được Quan Vũ, Nhân được giải vây. Liêu cùng Thái Tổ hẹn hợp quân ở Ma Pha. Quân của Liêu đến, Thái Tổ cưỡi xe ra ướm lạo, Liêu về đóng quân ở Trần Quận. Văn Đế lên tức vương vị, chuyển Liêu làm Tiền tướng quân. Phong cho anh Liêu là Phiêm cùng một người con của Liêu làm Liệt hầu.

Ngụy thư chép: Vương ban cho Liêu bảy ngàn tấm lụa, bảy vạn hộ lúa.

Tôn Quyền lại làm phản, Vương sai Liêu quay về đóng binh ở Hợp Phì, lại thăng cho Liêu tước Đô hương hầu. Rồi cấp cho mẹ Liêu một chiếc xe, đến lúc binh mã đưa gia quyến Liêu đến hợp mặt, Vương ra sắc mệnh đưa mẹ Liêu tới, lại cho người ra nghênh đón. Chư quân tướng lại ở đó đều xúm vào lạy ở bên đường, xem chừng vinh dự lắm.

Văn Đế lên ngôi, phong Liêu làm Tấn Dương hầu, tặng cho thực ấp một ngàn hộ, cộng cả lúc trước là hai ngàn hộ.

Năm Hoàng Sơ thứ hai, Liêu về châu ở cung Lạc Dương, Văn Đế cho người đưa Liêu đến hội kiến ở trước điện, đích thân hỏi han việc phá Ngô. Sau Đế than thở với người ở xung quanh rằng: “Người ấy cũng như Triệu Hồ⁽¹¹⁾ ngày xưa vậy.” Rồi dựng nhà cho Liêu, lại đặc cách xây lầu cho mẹ Liêu ở, những binh sĩ được Liêu ứng mộ đi đánh Ngô, đều được phong là quân hồ bôn.

Tôn Quyền xưng thần. Liêu quay về đóng binh ở Ung Khâu, bị ốm. Đế sai Thị trung Lưu Diệp cùng qua thái y đến xem bệnh, quân hồ bôn hỏi thăm tin tức, chen chúc ở trên đường. Bệnh chưa khỏi, Đế cho người đón Liêu tới hành cung, xa giá tới thăm, Đế cầm tay Liêu, cho ngự y tới săn sóc, hàng ngày trưởng quan đưa đồ ăn của vua tới. Bệnh bớt được một chút, Liêu lại về nơi đóng quân.

Tôn Quyền lại làm phản, Đế sai Liêu ngồi thuyền, cùng với Tào Hưu đến Hải Lăng, tới Đại Giang. Quyền rất sợ hãi, sắc mệnh cho các tướng rằng: “Trương Liêu dù có bệnh, cũng chẳng thể đổi đầu vậy, nên cẩn thận!” Năm ấy, Liêu cùng chư tướng đánh bại tướng của Quyền là Lã Phạm. Liêu bị bệnh nặng, rồi chết ở Giang Đô. Đế sa nước mắt, ban cho thụy hiệu là Cương hầu. Con Liêu là Hồ nối tự.

Năm thứ sáu, Đế nhớ đến công lao của Liêu-Điển ở Hợp Phì, hạ chiếu rằng: “Chiến dịch Hợp Phì, Liêu-Điển dùng tám trăm bộ tốt, đánh tan mười vạn quân địch, tự cố dùng binh, chưa ai được như vậy. Kẻ địch đến nay vẫn còn mất vía, nên nói rằng họ là nanh vuốt của quốc gia vậy.” Vì thế cho Liêu-Điển đều được ăn thực ấp tám trăm hộ, ban cho một con trai tước Quan nội hầu.”

Hồ được làm Thiên tướng quân, chết. Con là Thống nối tự.

TỪ HOẢNG TRUYỆN

Từ Hoảng tự Công Minh, người quận Hà Đông huyện Dương, từng làm Quận lại, theo Xa kỵ tướng quân Dương Phụng đánh dẹp giặc có công, được bái làm Kỵ Đô úy. Lý Thôi-Quách Dĩ làm loạn ở Trường An, Hoảng thuyết Phụng, lệnh cho người đưa thiên tử về Lạc Dương, Phụng theo kế ấy. Thiên tử qua sông Hoàng Hà tới An Ấp, phong Hoảng làm Đô Đình hầu. Lúc đến Lạc Dương, Hàn Tiêm-Đổng Thừa hàng ngày tranh đấu, Hoảng thuyết Phụng nên quy hàng Thái Tổ; Phụng muốn nghe theo, sau lại hỏi. Thái Tổ đánh Phụng ở huyện Lương, Hoảng bèn quy hàng Thái Tổ.

Thái Tổ trao binh quyền cho Hoảng, sai đánh bọn giặc ở huyện Quyển và huyện Nguyên Vũ, phá được, được bái làm Bì tướng quân. Rồi theo đi đánh Lã Bố, thu hàng tướng của Bố là bọn Triệu Thứ-Lý Trâu. Cùng với Sử Hoán chém được Tuy Cố ở Hà Nội. Lại theo đi đánh Lưu Bị, rồi theo đi phá Nhan Lương, vây đánh Bạch Mã, tiến đến Diên Tân, đánh tan Văn Xú, được bái làm Thiên tướng quân. Rồi giúp Tào Hồng đánh cường tặc là Chúc Tí ở Thủy Ấn, phá được, lại cùng với Sử Hoán đánh quân vận lương của Viên Thiệu ở Cổ Thi, có công rất lớn, được phong là Đô đình hầu.

Thái tổ vây huyện Nghiệp, phá Hàm Đan, Dịch Dương lệnh là Hàn Phạm vờ dâng thành hàng rồi lại chống cự, Thái Tổ sai Hoảng tấn công. Hoảng đến, buộc thư vào tên bắn vào trong thành, bày tỏ chuyện được mất. Phạm hỏi, Hoảng tức thì thu hàng. Xong đến nói với Thái Tổ rằng: “Hai người họ Viên⁽¹²⁾ chưa phá được, các thành chưa bị hạ còn nghiêng tai mà nghe ngóng, hôm nay diệt sạch người Dịch Dương, hôm sau bọn họ đều tử thủ, sợ rằng Hà Bắc không yên định ngay được. Xin chúa công nhận cho thành Dịch Dương đầu hàng để các thành khác biết được, tất chẳng còn ai không theo gió mà quy thuận.” Thái Tổ khen lời ấy.

Hoảng được biệt phái đánh Mao Thành, liền cho đặt phục binh ngầm đánh úp, phá được ba đồn binh. Rồi theo phá Viên Đàm ở Nam Bì, đánh bọn phản tặc ở Bình Nguyên, thắng được. Lại theo đi chinh phạt Đạp Đốn, được bái làm Hoàng dã tướng quân. Hoảng lại theo đi đánh Kinh Châu, riêng cầm quân đóng ở Phần Thành, đánh dẹp giặc ở các huyện Trung Lư-Lâm Tự-Nghi Thành. Lại cùng với Mán Sùng đánh Quan Vũ ở Hán Tân, giúp Tào Nhân đánh Chu Du ở Giang Lăng.

Năm thứ mười lăm, đánh dẹp quân làm phản ở Thái Nguyên, vây Đại Lăng, lấy được, chém đầu lĩnh của giặc là Thương Diệu.

Hàn Toại-Mã Siêu làm phản ở vùng Quan Hữu, Thái Tổ sai Hoảng đóng binh ở Phần Âm để phủ dụ xứ Hà Đông, ban cho thịt bò và rượu, lệnh dâng lên mộ của tiền nhân. Thái Tổ đến Đồng Quan, sợ không sang sông được,

cho triệu Hoảng đến hỏi, Hoảng nói: “ Binh của mình công ở cả đây, mà giặc chẳng phục một cánh quân giữ Bồ Phán, rõ là chúng vô mưu vậy. Ta nên qua bên Bồ Phán, sắp xếp quân trước, để cắt đứt đường về, giặc có thể bắt được.” Thái Tổ nói: “ Hay.” Rồi sai Hoảng lấy bốn nghìn quân bộ kỵ vượt sông. Đào hào còn chưa xong, trong đêm tên giặc là Lương Hưng dẫn hơn năm nghìn quân bộ kỵ tới vây đánh Hoảng, Hoảng đánh chúng bỏ chạy, quân Thái Tổ qua được sông. Vì thế phá được bọn Mã Siêu, Thái Tổ lại sai Hoảng giúp Hạ Hầu Uyên bình định rợ Đê ở Du Mi-Khiên Chư, cùng với Thái Tổ hội quân ở An Định. Thái Tổ về huyện Nghiệp, sai Hoảng cùng với Hạ Hầu Uyên bình định dư đảng giặc ở huyện Phu và huyện Hạ Dương, chém Lương Hưng, thu hàng hơn ba nghìn nhà. Sau lại theo Thái Tổ đánh Trương Lỗ. Thái Tổ biệt phái Hoảng đến đánh dẹp rợ Đê ở vùng núi Độc-Cừ Di, đều thu hàng được. Hoảng được thăng là Bình khấu tướng quân. Sau Hoảng giải vây cho tướng quân Trương Thuận. Lại đánh hơn ba chục đồn binh của bọn giặc là Trần Phúc, đều phá được.

Thái Tổ về huyện Nghiệp, lưu Hoảng cùng Hạ Hầu Uyên cự Lưu Bị ở Dương Bình. Bị sai bọn Trần Thúc lập hơn mười doanh trại cắt đứt đường Mã Minh Các, Hoảng chia quân đánh phá, giặc tự gieo mình xuống sông cốc, chết rất nhiều. Thái Tổ được tin, rất mừng, ban cho Hoảng được cầm Giả tiết, khen rằng: “ Đạo lộ ấy, là nơi hiểm yếu của Hán Trung như yết hầu vậy. Lưu Bị muốn cắt đứt đường thông trong ngoài, để thủ giữ Hán Trung. Tướng quân một lần vọng động, phá kế của địch, thật là khéo lắm vậy.”

Thái Tổ thân đến Dương Bình, rút toàn quân khỏi Hán Trung. Lại sai Hoảng trợ giúp Tào Nhân đánh Quan Vũ, đóng binh ở Yên Thành. Gặp lúc sông Hán nước lên to, bọn Vu Cẩm bị chìm. Vũ vây Nhân ở Phàn Thành, lại vây tướng quân Lã Thường ở Tương Dương. Quân sĩ của Hoảng đa phần là tân binh, khó tranh phong cùng với Quan Vũ, bèn tiến đến Dương Lăng Pha đóng quân.

Thái Tổ trở về, phái tướng quân Từ Thương-Lã Kiên đến chỗ Hoảng, lệnh rằng: “ Phải đợi binh mã đến đủ, rồi cùng tiến.” Quân giặc đóng ở Yên thành. Hoảng đến nơi, giả vờ đào hào xung quanh, ý chừng muốn cắt đứt hậu quân của địch, giặc đốt đồn bỏ chạy. Hoảng lấy được Yên thành, hai mặt quân doanh nối liền nhau, Hoảng tiến về phía trước, bọn giặc kéo lại vây vùng Tam Trượng. Còn chưa đánh, Thái Tổ trước sau sai bọn Ân Thụ-Chu Cái đem hai mươi doanh quân⁽¹³⁾ đến chỗ Hoảng. Giặc đóng trại ở Vi Đầu, lại chia quân đóng đồn ở Tứ Trủng. Hoảng đánh tiếng là tấn công vào trại Vi Đầu, nhưng ngầm tấn công Tứ Trủng. Vũ thấy trại Tứ Trủng sắp vỡ, thân dẫn năm nghìn quân bộ kỵ ra đánh, Hoảng đánh lại, địch chạy lui, Hoảng đuổi theo phá vòng vây, đánh tan quân địch, giặc lao đầu xuống sông Miện mà chết. Thái Tổ khen rằng: “ Giặc đào hào kín mít rải chông chà mười phần

trầm trọng, tướng quân hết sức đánh thu được toàn thắng, lại phá vòng vây của địch, chém được nhiều đầu giặc. Ta dụng binh ba hơn mười năm, cũng có nghe đến cái khéo dùng binh của người xưa, mà chưa thấy có ai xông thẳng vào vòng vây của địch như vậy. Vả lại vòng vây ở Phàn Thành-Tương Dương, còn hơn vòng vây ở Thành Cử-Túc Mặc, công lao của tướng quân, còn hơn cả Tôn Vũ-Nhương Tư.”

Hoảng chinh đồn quân quay về Ma Pha, Thái Tổ nghênh đón Hoảng cách đó bảy dặm, bày tiệc rượu mở đại hội. Thái Tổ nâng chén mời Hoảng, lại yên ủi rằng: “Giữ vẹn được Phàn Thành-Tương Dương, là công lao của tướng quân vậy.” Bấy giờ chư quân đều tụ tập ở đó, Thái Tổ đi lần lượt các doanh trại, sĩ tốt đều li tán hàng trận, mà quân doanh của Hoảng chỉnh tề, tướng sĩ xấp hàng bất động. Thái Tổ khen rằng: “Từ tướng quân có thể nói là có phong độ của Chu Á Phu vậy.”

Văn Đế lên tức vương vị, lấy Hoảng làm Hữu tướng quân, tiến phong tước Lục Hương hầu. Lúc lên ngôi Đế, tiến phong Hoảng tước Dương hầu. Đế Hoảng cùng với Hạ Hầu Thượng đánh Lưu Bị ở Thượng Dung, phá được. Lại lấy Hoảng trấn thủ Dương Bình, đối phong tước Dương Bình hầu. Minh Đế lên tức vị, sai Hoảng cự tướng Ngô là Gia Cát Cẩn ở Tương Dương. Tăng thực ấp cho Hoảng hai trăm hộ, cộng cả số trước đây là ba ngàn một trăm hộ. Sau bị bệnh nặng, di mệnh rằng khi mất chỉ dùng thường phục an táng.

Hoảng có tính tiết tiện giản dị mà cẩn thận, khi dẫn quân đi thường cho người dò xét ở đằng xa, lúc trước đánh không thắng, lúc sau lại gắng đánh tiếp, truy đuổi quân địch giành thắng lợi, quân sĩ chẳng được nhận hạ ngời ăn. Hoảng thường than rằng: “Cổ nhân thường lo chẳng gặp được đáng mình quân, nay ta may mắn gặp được, phải lấy việc lập công để báo đáp, đâu vì danh dự cá nhân!” Hoảng trọn đời chẳng chịu nhún mình giao kết cùng người khác.

Năm Thái Hoà nguyên niên Hoảng chết, được ban thụy hiệu là Tráng hầu. Con Hoảng là Cái nối tự. Cái chết, con là Phách nối tự. Minh Đế chia ấp riêng cho Hoảng, phong hai người cháu của Hoảng làm Liệt hầu.

Khi trước, người ở Thanh Hà là Chu Linh là tướng của Viên Thiệu. Thái Tổ đi đánh Đào Khiêm, Thiệu sai Linh đốc xuất ba doanh quân trợ giúp Thái Tổ, đánh nhau lập được công. Thiệu gọi các tướng ấy bãi binh quay về, Linh nói: “Linh này xét người đã nhiều, không thấy ai được như Tào công, người ấy mới là minh chủ vậy. Nay đã gặp, sao lại bỏ?” Rồi ở lại không chịu về. Tướng sĩ ở đây ái mộ Linh, đều theo Linh ở lại. Sau này Linh là tướng giỏi của Thái Tổ, tiếng tăm kém Hoảng một chút, làm quan đến Hậu tướng quân, được phong Cao Đường Đình hầu.

Sách Cửu châu xuân thu chép: Khi trước, người ở Thanh Hà là Quý Ung

làm phản Viên Thiệu ở đất Du theo hàng Công Tôn Toàn, Toàn phái binh bảo vệ Ung. Thiệu sai Linh đánh Toàn. Gia quyến Linh ở trong thành, Toàn mang mẹ và em Linh đặt trên mặt thành, kêu gọi dụ dỗ Linh. Linh hướng vào thành chảy nước mắt khóc không ra tiếng nói: “Kẻ trượng phu đã bỏ thân mình theo người ta, há lại nghĩ đến gia đình ư!” Rồi hết sức đánh lấy được thành, bắt sống được Ung nhưng gia quyến đều chết cả.

Ngụy thư chép: Linh tự Văn Bác. Thái Tổ bình Kinh Châu, sai Linh dẫn năm nghìn tân binh và một nghìn quân kỵ trấn thủ phía nam huyện Hứa. Thái Tổ răn rằng: “Tân binh ở Ký Châu, chớ nên đối xử nghiệt ngã, không lâu sẽ tề chỉnh, dù ý còn tám tức. Khanh trước đây có tiếng là uy nghiêm, nên khéo dùng đạo lý khoan hoà, chẳng được như thế tất có biến.” Linh đến Dương Dịch, Trung lang tướng Trình Ngang quả nhiên làm phản, Linh lập tức chém Ngang, báo rõ tội trạng. Thái Tổ tự tay viết thư cho Linh rằng: “Ở trong quân vốn là chỗ nguy hiểm, bên ngoài phải đối phó với địch quốc, bên trong phòng gian mưu sinh biến khó lường. Xưa kia Đặng Vũ chia quân cùng Quang Vũ hành quân về Tây, gặp cái hoạ Tông Hâm-Phùng Âm, về sau chỉ đem được hai mươi bốn quân kỵ về Lạc Dương, uy vũ há vì thế mà giảm bớt? Lại gửi thư khẩn cầu người có lòng trắc ẩn, sợ rằng làm quá sẽ đem đến nhiều điều tai hại hơn, vị tất đã như lời nói.” Văn Đế lên tức vị, phong cho Linh tước Du hầu, tăng thêm thực ấp. Chiếu viết: “Tướng quân phò giúp Tiên đế, giữ việc binh nhiều năm, uy quá Phương-Thiệu, công vượt Giáng-Quán. Việc hay đã ghi, khen sao cho đủ? Trẫm vâng mệnh trời, làm vua bốn bể, tướng quân công cao, là bấy tôi xã tắc, được cùng trẫm hưởng phúc chung vui, mãi đến muôn đời. Nay phong cho người làm Du hầu. Nhưng được phú quý mà chẳng về cố hương, cũng như mặc áo gấm đi đêm vậy. Bằng như người có chí nguyện ở nơi nào khác, chớ có nói khó là được.” Linh tạ rằng: “Là Cao Đường, thần xin ở chỗ đó.” Vì thế Linh được đổi phong làm Cao Đường hầu, khi chết, được ban thụy hiệu là Uy hầu

Bình rằng: Thái Tổ gây dựng công nghiệp, mà lương tướng lúc đương thời, có năm người đứng đầu. Vu Cấm rất cương nghị trịnh trọng, nhưng chẳng được vẹn toàn. Trương Cáp vì khéo quyền biến được người đời khen, Nhạc Tiến vì kiêu dũng quả cảm mà nổi danh, mà ta xem việc làm của mấy người ấy, không xứng với danh vọng. Ngờ rằng những ghi chép còn bỏ sót, không như Trương Liêu-Từ Hoảng rất đầy đủ rõ ràng vậy.

VU CẨM TRUYỆN

Vu Cẩm tự Văn Tắc, là người quận Thái Sơn huyện Cự Bình. Hoàng Cân nổi dậy, Bão Tín chiêu tập binh lính, Cẩm đi theo. Khi Thái Tổ cai quản Duyên Châu, Cẩm cùng thuộc hạ đều đến theo, được làm Đô Bá, thuộc quyền tướng quân Vương Lãng. Lãng thấy Cẩm kỳ lạ, tiến cử rằng tài của Cẩm gánh vác được việc Đại tướng quân. Thái Tổ triệu kiến và nói chuyện riêng, rồi bái làm Quân tư mã, sai dẫn binh đến Từ Châu, đánh huyện Quảng Uy, lấy được, được bái làm Hãm trận Đô úy. Lại theo đi đánh Lã Bố ở Bộc Dương, cầm riêng quân đánh tan hai doanh trại của Bố ở Thành Nam, lại biệt phái dẫn quân đi đánh Cao Nhã ở Tu Xương. Sau theo đi đánh Thọ Trưng-Định Đào-Li Hồ, vây Trưng Siêu ở Ung Khâu, đều đánh lấy được cả. Lại theo đi đánh dư đảng Hoàng Cân là bọn Lưu Tích-Hoàng Thiệu, đóng quân ở Bản Lương, bọn Thiệu đang đêm tập kích vào doanh trại của Thái Tổ, Cẩm chỉ huy quân đánh tan bọn giặc, chém được bọn Thiệu, thu hàng hết được quân lính. Cẩm được thăng làm Bình lỗ Hiệu úy. Rồi tới vây Kiều Nhụy ở đất Khổ, chém được bọn Nhụy cả thầy bốn tướng.

Cẩm lại theo đến Uyên thành, thu hàng Trương Tú. Tú lại làm phản, Thái Tổ tham chiến bất lợi, quân bại, lui về Vũ Âm. Bảy giờ lòng quân rối loạn, hết thầy đều oán trách Thái Tổ, Cẩm một mình dẫn theo mấy trăm người, vừa đánh vừa lui, dẫu tử thương cũng không lìa bỏ nhau. Quân giặc từ từ đuổi theo, Cẩm thông thả chĩnh đốn đội ngũ, đánh trống mà lui. Chưa đến chỗ Thái Tổ, thấy ở trên đường có hơn chục người bị thương trần truồng bỏ chạy, Cẩm hỏi nguyên do, họ đáp: “Vì bị binh Thanh Châu cướp bóc.” Nguyên trước đây, Hoàng Cân hàng, gọi là binh Thanh Châu, Thái Tổ tha cho, vì thế mới dám nhân cơ hội làm giặc cướp. Cẩm nổi giận, hạ lệnh cho mọi người rằng: “Binh Thanh Châu đã về làm thuộc hạ Tào Công, mà còn quay lại làm giặc ư!” Bèn cho đánh bắt, hạch tội. Binh Thanh Châu vội chạy đến chỗ Thái Tổ tố cáo. Cẩm về đến nơi, trước tiên cho lập doanh lũy, không vào yết kiến Thái Tổ ngay. Có người hỏi Cẩm: “Binh Thanh Châu đã tố cáo ngài, ngài nên mau chóng đến chỗ chúa công biện bạch đi.” Cẩm nói: “Nay kẻ địch đã ở phía sau, sắp đuổi đến không chừng, chẳng sớm phòng bị, lấy gì đánh địch? Vả lại chúa công thông minh, lời gièm pha tố cáo sao lọt được?” Rồi cứ thông thả đào hào an định doanh lũy xong, mới vào bái yết, bày giải rõ sự tình. Thái Tổ hài lòng, bảo Cẩm rằng: “Việc nguy nan ở Vị Thủy, ta thì vội vã, tướng quân ở chỗ loạn lạc lại có thể chĩnh tề, đánh kẻ tàn bạo bèn doanh lũy, làm việc có thứ tự chẳng bị động, dẫu danh tướng ngày xưa, đâu đã hơn được!” Vì thế ghi công trước sau cho Cẩm cả, phong Cẩm làm Ích Thọ Đình hầu.

Cẩm lại theo đi đánh Trương Tú ở đất Nhưỡng, cầm giữ Lã Bố ở Hạ Bi,

rồi biệt phái cùng với Sử Hoán-Tào Nhân đi vây đánh Tuy Cố ở Xạ Khuyển, đánh tan bọn giặc chém được Cố.

Thái Tổ mới đi đánh Viên Thiệu, binh Thiệu đông, Cầm tình nguyện làm tiên phong. Thái Tổ cho là hùng tráng, bèn chia cho hai ngàn bộ tốt, sai Cầm làm tướng, giữ Diên Tân để cự Viên Thiệu, Thái Tổ dẫn quân về Quan Độ.

Lưu Bị chiếm lấy Từ Châu làm phản, Thái Tổ đông chinh Bị. Thiệu tấn công Cầm, Cầm giữ chặt, Thiệu không đánh được. Cầm lại cùng bọn Nhạc Tiến dẫn năm ngàn quân bộ kỵ, đánh vào biệt doanh của Thiệu, theo phía tây nam Diên Tân men sông đến hai huyện Cấp và Hoạch Gia, đốt rụi hơn ba chục đồn trại, mỗi người đều chém và bắt được mấy nghìn người, thu hàng tướng của Thiệu là bọn Hà Mậu-Vương Ma hơn hai chục người. Thái Tổ lại sai Cầm cầm riêng cánh quân đóng ở Nguyên Vũ, đánh vào biệt doanh của Thiệu ở bến Đỗ Thị, phá được. Cầm được thăng làm Bì tướng quân, sau theo về Quan Độ.

Thái Tổ cùng với Thiệu doanh lũy liền kề, mới đắp toà thổ sơn⁽¹⁴⁾ cùng đối trận. Quân của Thiệu bắn vào trong doanh trại của Thái Tổ, sĩ tốt bị thương rất nhiều, quân ở trong kinh hãi. Cầm đốc quân giữ thổ sơn, hết sức chiến đấu, chí khí càng phấn chấn. Thiệu bị phá, Cầm được thăng làm Thiên tướng quân.

Ký Châu bình định. Xương Hi lại làm phản, Thái Tổ phái Cầm đến chinh phạt. Cầm gấp rút tấn công Hi; Hi cùng với Cầm là người quen cũ, đến chỗ Cầm xin hàng. Chư tướng đều cho rằng Hi đã hàng, nên đưa ngay đến chỗ Thái Tổ, Cầm nói: “Chư quân không biết thường lệnh của chúa công sao! Bị vây mới ra hàng chẳng tha được. Kẻ đã vâng mệnh cứ theo phép mà làm, ta phải cân nhắc việc ở trên vậy. Hi tuy là người quen cũ, Cầm có thể thất tiết sao!” Rồi tự đến tham dự hành quyết Hi, sa nước mắt mà chém.” Bấy giờ xe quân của Thái Tổ tới, hay được tin ấy mới than rằng: “Hi hàng chẳng đến chỗ ta lại hàng Cầm, há chẳng phải là số mệnh sao!” Lại càng tôn trọng Cầm hơn.

Thần Tùng Chi cho rằng bị vây mới ra hàng, phép dẫu chẳng tha; bắt giam mà đưa đi, là chưa làm trái mệnh. Cầm từng chẳng vì Hi là bạn cũ vạ nhất mới cầu xin, mà mặc lòng giết người quen, bỏ qua lời bàn của chúng nhân, sau bị bắt mà hàng, chết thêm tiếng xấu, thích đáng làm sao.

Đông Hải đã bình, Cầm được bái làm Hồ oai tướng quân. Sau Cầm cùng với Tang Bá tấn công Mai Thành, bọn Trương Liêu-Trương Cấp đến đánh dẹp Trần Lan. Cầm đến nơi, Thành dẫn binh lính hơn ba ngàn người ra hàng. Đã hàng xong lại phản, bọn chúng chạy đến chỗ Lan. Bọn Liêu cùng với Lan cầm giữ nhau, quân lương thiếu thốn, Cầm vận lương đến xe trước sau chen chúc, Liêu mới chém được Lan-Thành. Cầm được tăng thêm thực ấp hai trăm hộ, cộng cả trước đây là hai ngàn hộ. Bấy giờ Cầm cùng với Trương

Liêu-Nhạc Tiên-Trương Cáp-Từ Hoảng đều là danh tướng, Thái Tổ mỗi khi chinh phạt, đều lúc đi cho làm quân tiên phong, quay về cho đi đoạn hậu; mà Cầm trị quân rất nghiêm chỉnh, lấy được tài vật của địch, vô tư đem nộp, bởi thế được ban thưởng rất hậu. Nhưng bởi lấy phép chế ngự kẻ dưới, nên rất không được lòng quân sĩ.

Thái Tổ thường hận Chu Linh, muốn tước quyền ở quân doanh. Bởi Cầm có uy lớn, Thái Tổ sai Cầm dẫn mấy chục quân kỵ, mang lệnh thư, đến thẳng doanh trại của Linh đoạt lấy quân đội, Linh cùng với bộ tướng chẳng ai dám động đậy; Thái Tổ cho Linh làm bộ hạ dưới trướng Cầm, chúng đều kinh hãi bội phục, mới thấy Cầm đáng sợ như thế nào. Cầm được thăng lên làm Tả tướng quân, ban cho Giả tiết việt, được chia thêm thực ấp năm trăm hộ, phong cho một con trai là Liệt hầu.

Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Thái Tổ ở Trường An, sai Tào Nhân đánh Quan Vũ ở Phàn Thành, lại phái Cầm giúp đỡ Nhân. Mùa thu, có mưa lớn, Hán thủy mênh mông, đất bằng nước cao mấy trượng, bảy cánh quân của bọn Cầm đều chìm chìm. Cầm cùng với chư tướng trèo lên cao trông ra ngọn nước, không có chỗ trốn tránh, Vũ cưỡi thuyền lớn tới đánh bọn Cầm, Cầm bèn hàng, chỉ có Bàn Đức chẳng chịu thất tiết phải chết. Thái Tổ hay tin ấy, thương cảm than thở mãi, nói: “Ta biết Cầm đã ba mươi năm, sao ngờ lúc lâm nguy gặp nạn, lại chẳng được như Bàn Đức ư!” Lúc Tôn Quyền cầm giữ Vũ, bắt hết được binh sĩ, Cầm lại bị bắt về Ngô. Văn Đế lên ngôi, Quyền xưng thần, sai người đem trả Cầm về. Đế sai dẫn Cầm đến gặp, thấy râu tóc bạc trắng, hình dung tiều tụy, dập đầu chảy nước mắt khóc. Đế ulyạo hiểu dụ rằng cũng như việc của Tuân Lâm Phụ-Mạnh Minh⁽¹⁵⁾, rồi phong Cầm làm An Viễn tướng quân.

Ngụy thư chép lại bài chế rằng: “Xưa Tuân Lâm Phụ thua bại ở đất Bật, Mạnh Minh mất quân ở đất Hào, Tàn-Tấn chẳng hề bỏ, cho phục hồi tước vị. Về sau Tấn lấy được đất địch, Tàn làm bá ở Tây Nhung, tiểu quốc mỏng mỏng, còn làm được như thế, huống chi nước vạn thặng không được thế sao? Việc thua quân ở Phàn Thành, là thủy tai ập đến, chẳng phải lỗi đánh trận, nay phục hồi tất cả chức quan của Cầm.”

Lại phái đi sứ Ngô, trước tiên lệnh đi lên Bắc đến huyện Nghiệp yết kiến Cao Lãng⁽¹⁶⁾. Đế sai người sớm vẽ ở trên tường lãng mộ bức họa Quan Vũ thắng trận, Bàn Đức phản nộ, Cầm trong bộ dạng hàng phục. Cầm xem rồi, hổ thẹn mang lòng tức giận phát bệnh mà chết. Con Cầm là Khuê nối tự được phong Ích Thọ Đình hầu. Cầm được ban thụy hiệu là Lệ hầu.

[CHÚ THÍCH]

(1) Một chức quan nhỏ kiểu như Đội trưởng vệ binh.

(2) Giữ quyền của Tư mã, cũng là một chức quan nhỏ trong doanh trại. Đô úy nguyên là chức quan, còn hai chữ Hãm trận kia không hiểu là phẩm hàm kiểu gì.

(3) Huyện Mạo quê hương Cáp, như vậy tước của Cáp lúc này đã là Huyện hầu.

(4) Quận lại là chức quan nhỏ giúp việc ở trong quận, kiểu như thư lại (văn thư), đề lại (chỉ huy mấy anh dân phòng, cò đò)... đại loại như vậy.

(5) Đô úy là một chức quan võ nói chung, Kỳ đô úy là riêng chỉ huy đám quân kỵ (mã).

(6) Việc này xảy ra ngay sau khi Lã Bố giết Đông Trác, rồi Bố bị quân Lương châu do Lý Thôi,

Quách Tỵ cầm đầu đánh cho đại bại phải bỏ chạy.

(7) Chức này có lẽ chỉ là một chức võ tướng trong quân, không biết rõ là quyền hạn thế nào.

(8) Chức Trung lang tướng này về quan hàm thì cao hơn chức Hiệu úy, Đô úy một chút, thấp hơn chức tướng quân.

(9) Túc Tào Tháo.

(10) Đúng như lệnh ở trong thư thì thắng trận.

(11) Có sách nói là Triệu Mục Công.

(12) Đàm và Thượng.

(13) Mỗi doanh quân là năm trăm binh sĩ, như thế tức là một vạn binh.

(14) Núi đất.

(15) Hai người này là dũng tướng của hai nước Tần, Tấn thời Xuân Thu, đi đánh trận bị thua, vẫn được dùng, sau này lập nên công trạng hiển hách.

(16) Tào Tháo chết, Tào Phi lên thay, lúc xưng đế, an táng cha ở Cao Lăng.

QUYỂN 18 - NHỊ LÝ TANG VĂN LÃ HỨA ĐIỀN NHỊ BÀNG DIÊM TRUYỆN

*Lý Diên, Lý Thông, Tang Bá, Tôn Quan, Văn Sinh, Lã Kiên, Hứa Chử,
Điền Vi, Bàng Đức, Bàng Dục, Diêm Ôn*

BÀNG ĐỨC TRUYỆN

Bàng Đức tự Lệnh Minh, người quận Nam An huyện Hoàn Đạo. Thời trẻ làm lại ở châu quận, chức Tòng sự. Năm Sơ Bình trung, theo Mã Đằng đánh dẹp các tộc Khương-Đê làm phản. Máy lần lập được chiến công, ít lâu được thăng lên chức Hiệu úy. Năm Kiến An trung, Thái tổ đánh dẹp Đàm-Thượng ở Lê Dương, Đàm phái bọn Quách Viên-Cao Cán cướp lấy vùng Hà Đông, Thái tổ sai Chung Do đốc suất các chư tướng ở Quan Trung đánh dẹp bọn ấy. Đức đi theo con của Đằng là Siêu chống cự Viên-Cán ở Bình Dương, Đức làm tiên phong, tiến đánh Viên-Cán, đại phá quân địch, đích thân chém đầu Viên.

Ngụy lược chép: Đức chém được một thủ cấp, không biết đó là Viên. Sau khi tan cuộc chiến, chúng nhân đều nói Viên đã chết mà không tìm được thủ cấp. Viên, là cháu ngoại của Chung Do. Về sau Đức từ từ bỏ cái túi xuống thì bên trong có một cái đầu rơi ra, Do nhìn thấy cái đầu ấy liền khóc. Đức tạ lỗi với Do, Do nói: “Viên tuy là cháu ta, nhưng là kẻ quốc tặc. Khanh hà có gì mà tạ ta?”

Đức được bá làm Trung lang tướng, tước Đô đình hầu. Sau này Trương Bạch Kỵ làm phản ở Hoảng Nông, Đức lại theo Đằng đi chinh phạt, phá Bạch Kỵ ở vùng Lương Hào. Mỗi khi xuất chiến, thường xung phong hãm trận đánh lui quân địch, dũng khí trùm ba quân. Sau Đằng được vời về làm Vệ Úy, Đức ở lại làm thuộc hạ của Siêu. Thái tổ phá Siêu ở Vị Nam, Đức theo Siêu trốn vào vùng Hán Dương, giữ Ký thành. Sau lại theo Siêu chạy vào Hán Trung, nương nhờ Trương Lỗ. Thái tổ bình định Hán Trung, Đức theo chúng nhân ra hàng. Thái tổ thấy Đức kiêu dũng, lập tức bá làm Nghĩa tướng quân, phong tước Quan Môn Đình hầu, ăn lộc ba trăm hộ.

Bọn Hầu Âm-Vệ Khai làm phản ở huyện Uyển, Đức dẫn quân bản bộ hợp với Tào Nhân cùng vây đánh huyện Uyển, chém Âm-Khai, rồi xuôi Nam đóng quân ở Phàn thành, đánh Quan Vũ. Các tướng ở Phàn thành thấy anh họ của Đức ở Hán Trung, đều nghi ngờ.

Ngụy lược chép: Anh họ của Đức tên Nhu, bấy giờ ở đất Thục.

Đức thường nói rằng: “Ta đã chịu quốc ân, về nghĩa phải lấy cái chết để báo đáp. Ta muốn thân chinh đi đánh Quan Vũ. Năm nay nếu ta không giết được Vũ, tất Vũ sẽ giết ta.” Sau thân chinh cùng với Quan Vũ giao chiến, bắn trúng vào trán Vũ. Bấy giờ Đức thường cưỡi ngựa trắng, quân của Vũ gọi Đức là Bạch mã tướng quân, mọi người đều kiêng sợ. Nhân sai Đức đóng quân cách phía bắc Phàn Thành mười dặm, gặp lúc trời đổ mưa lớn hơn mười ngày, nước sông Hán mênh mông, dưới chân Phàn Thành đất bằng sâu năm sáu trượng, Đức cùng chư tướng tránh nước ngập ở trên đê. Vũ cưỡi

thuyền đến đánh, lính ở trên thuyền lớn bốn bề cùng bắn tên lên trên đê. Đức không mặc áo giáp che tên, nhưng tên không bắn trúng. Tướng quân Đồng Hành và bộ tướng là Đồng Siêu muốn hàng, đều bị Đức chém chết. Giao chiến từ sáng sớm đến quá trưa, Vũ càng đánh mạnh, tên hết nhẵn, lại dùng đoản binh đánh tiếp. Đức bảo Đốc tướng là Thành Hà rằng: “Ta nghe bậc lương tướng chẳng sợ cái chết để cầu thả thoát thân, kẻ sĩ cứng cỏi chẳng huỷ danh tiết để cầu sống, hôm nay, là ngày ta chết đây.” Rồi càng đánh càng hăng, khí thế càng mạnh mẽ, nhưng nước dần dâng cao, tướng sĩ đều ra hàng. Đức cùng một viên tướng cầm cờ chỉ huy, là hai người khoẻ nhất, cùng giương cung đặt tên, cưỡi một chiếc thuyền nhỏ định quay về doanh trại của Nhân. Nước lớn thuyền bị lật, cung tên rơi mất, chỉ đành bám vào chiếc thuyền trôi trong làn nước, lúc bị Vũ bắt được, Đức đứng thẳng không chịu quỳ. Vũ bảo rằng: “Anh ngươi ở Hán Trung, ta muốn dùng ngươi làm tướng, sao chẳng sớm hàng đi?” Đức chửi Vũ rằng: “Thằng ranh con, sao dám bảo ta hàng! Ngụy vương có trăm vạn giáp binh, uy chấn thiên hạ. Lưu Bị nhà mày chỉ là kẻ tầm thường thôi, há có thể địch nổi sao! Ta thà làm con ma ở nước Ngụy, chẳng thềm làm tướng của lũ nghịch tặc vậy.” Sau cùng Đức bị Quan Vũ giết hại. Thái tổ nghe tin rất đau xót, khóc rỏ nước mắt, rồi phong cho hai con làm Liệt hầu. Văn đế lên tức vương vị, liền sai người tới mộ Bàng Đức ban cho thụy hiệu, có chiếu sách rằng: “Trước kia Tiên Chân bị giết mất đầu, Vương Trục đâm cổ tự vẫn, bỏ thân tuân tiết, đời xưa đã ngợi khen⁽¹⁾. Nghĩ rằng sự quả cảm cương nghị của quân hầu đã sáng rõ, việc vong thân vì quốc nạn đã thành danh, nổi tiếng đương thời, nghĩa cao sánh với tiên nhân, quả nhân thương xót lắm, nay ban cho thụy là Tráng hầu⁽²⁾.” Lại ban cho bốn người bọn Hội⁽³⁾ tước Quan nội hầu, đều được thực ấp trăm hộ. Hội có phong độ dũng liệt của cha, làm quan đến chức Trung úy tướng quân, tước Liệt hầu.

Thục ký của Vương Ân chép: Chung Hội bình Thục, đem theo một đội quan nhạc, rước thi hài Đức về an táng ở huyện Nghiệp, trong mộ đầy đủ thân thủ như lúc sinh tiền.

Thần Tùng Chi xét rằng Đức chết ở Phàn thành, Văn đế lên tức vị, lại phái sứ giả đến chỗ mộ của Đức, thì thi thể của Đức chẳng thể ở Thục được. Thế thì cái thuyết của Vương Ân là hão huyền vậy.

ĐIÊN VI TRUYỆN

Điên Vi, người quận Trần Lưu huyện Di Ngô (4). Tướng mạo khôi ngô, sức lực hơn người, có chí lớn và khí tiết, thường hành hiệp trượng nghĩa. Lưu thị ở Tương Ấp (5) có thù oán với Lý Vĩnh ở Tuy Dương (6), nhờ Vi báo thù giúp. Trước Vĩnh từng làm huyện trưởng huyện Phú Xuân (7), canh công rất nghiêm ngặt. Vi ngồi xe mang gà rượu tới, giả làm khách, cửa mở ra, đem theo chủ thủ vào giết Vĩnh, còn giết cả vợ y, sau đó từ từ đi ra, lấy đôi kích trên xe, bỏ đi. Gần nơi Vĩnh ở, tất cả đều vô cùng sợ hãi. Người đuổi theo có mấy trăm, đều không dám đến gần. Đi được bốn năm dặm, gặp được đồng bạn, nhờ thế không phải đánh nhau nữa mà thoát được đi. Qua việc này hào kiệt khắp nơi đều biết tiếng.

Giữa năm Sơ Bình (8), Trang Mạc dấy binh khởi nghĩa, Vi theo làm lính, ở dưới trướng của Tư mã Triệu Sùng. Cờ trong nha môn vừa dài vừa to, không ai nâng lên được, Vi một tay nhấc lên, Sùng kinh ngạc vì sức mạnh đó. Sau này đi theo Hạ Hầu Đôn, mấy lần chém đầu giặc lập công, được phong làm Tư mã. Thái Tổ thảo phạt Lữ Bố ở Bộc Dương (9). Bố có một nhánh quân khác đồn trú ở phía tây Bộc Dương, cách Bộc Dương chừng bốn năm mươi dặm, Thái Tổ nhân đêm đánh úp, đến khi trời sáng thì phá được. Chưa kịp trở về, gặp cứu binh của Bố phái tới, ba mặt vây công. Lúc đó Bố đích thân dẫn quân đến đánh, từ sáng sớm cho tới lúc mặt trời lặn, đánh nhau mấy chục lần, giằng co quyết liệt. Thái Tổ chiêu mộ người xông lên hãm trận, Vi dẫn đầu, đem theo mấy chục người ứng mộ, tất cả đều mặc hai lớp giáp nặng, vút bỏ thuẫn, chỉ cầm trường mâu trường kích. Lúc đó phía tây lại khẩn cấp, Vi lao vào, cung nỏ của giặc bắn bừa ra, tên bay tới như mưa, Vi coi như không thấy, bảo với mấy người thủ hạ của mình rằng: “Khi nào giặc còn cách mười bước thì bảo ta.” Mấy thủ hạ nói: “Mười bước rồi.” Vi lại nói: “Năm bước thì gọi.” Mọi người đều sợ, vội vã nói: “Địch đến rồi!” Vi tay cầm hơn mười chiếc kích, hô lớn mà lao lên, những người ngăn cản đều không ai không bị đánh ngã. Quân của Bố cuối cùng cũng lui, lúc đó trời cũng vừa tối. Thái Tổ bèn dẫn quân về. Sau chuyện này được phong làm Đô úy, làm tả hữu bên cạnh Thái Tổ. Vi mang theo thân binh mấy trăm người, thường xuyên đi vòng quanh đại trướng. Vi khỏe mạnh giỏi võ, các tướng sĩ dưới quyền cũng đều là được tuyển lựa, mỗi lần chiến đấu thường đi đầu hãm trận. Vì thế được thăng làm Hiệu úy. Tính tình trung thành cẩn thận, thường hầu hạ bên Thái Tổ cả ngày, đêm ngủ ở trướng bên cạnh, hiếm khi về nhà riêng. Thích uống rượu, tửu lượng hơn người, mỗi lần được tham gia yến tiệc đều ăn mạnh uống khỏe, bên cạnh phải có mấy người cung ứng không ngừng mới đủ, Thái Tổ cho là tráng sĩ. Vi thích dùng những loại vũ

khí như song kích lớn và trường đao, trong quân đều thường nói với nhau rằng: “Tráng sĩ dưới trướng có Điền quân, nâng đôi song kích tám mươi cân.”

Thái Tổ chinh thảo Kinh Châu, đến Uyển thành [\(10\)](#), Trương Tú tới đầu hàng. Thái Tổ vô cùng mừng rỡ, khoản đãi Tú và các tướng soái, bày tiệc rượu thịnh soạn. Khi Thái Tổ mời rượu, Vi cầm búa lớn đứng sau, lưỡi búa dài tới cả thước, Thái Tổ tới trước mặt ai, Vi liền giơ búa nhìn chăm chăm vào người đó. Tiệc rượu tàn, Tú và các tướng soái vẫn không dám ngẩng lên nhìn. Mười mấy ngày sau Tú làm phản, đánh úp doanh trại của Thái Tổ, Thái Tổ xuất chiến bất lợi, được khinh kỵ dẫn đi. Vi đứng đánh ở giữa cửa, giặc không thể vào trong, chỉ có thể chia ra theo các cửa khác mà vào. Lúc đó bên Vi còn có hơn mười người, đều liệu mình tử chiến, không ai không phải là một địch mười. Giặc ở trước sau đều đến khá nhiều, Vi dùng trường kích đánh phải đánh trái, đâm vào một cái, mười mấy người liền đổ gục. Người bên cạnh đã tử thương gần hết, Vi cũng bị mấy chục vết thương, vẫn dùng binh khí ngăn tiếp chiến, vật lộn với quân địch. Vi kẹp chết hai tên giặc, giặc không dám tiến đến nữa. Vi lại lao lên phía trước đánh giết quân giặc, giết được mấy người, vết thương nặng thêm, cuối cùng trợn trừng mắt mắng lớn rồi chết. Lúc này giặc mới dám tiến đến phía trước, cắt lấy đầu Vi, đưa cho nhau xem, còn tranh nhau tới gần xem thân thể Vi. Thái Tổ lùi đến Vũ Âm [\(11\)](#), nghe tin Vi chết, rơi nước mắt, chiêu mộ dũng sĩ nhân lúc địch không phòng bị lấy xác Vi về, phát tang cho Vi. Thái Tổ còn đích thân đến trước linh cữu bái tế, phái người đưa linh cữu về Tương áp chôn, phong con là Mẫn làm Lang trung. Mỗi lần xa giá đi qua thường dừng lại bái tế. Thái Tổ nhớ đến Vi, phong Mẫn làm Tư mã, cho ở bên cạnh mình. Văn Đế kế thừa vương vị, phong Mẫn làm Đô úy, ban cho tước Quan nội hầu.

HỨA CHỦ TRUYỆN

Hứa Chủ tự Trọng Khang, người huyện Tiểu nước Tiểu ⁽¹²⁾. Người cao hơn tám thước, eo rộng mười vi ⁽¹³⁾, dung mạo hùng vĩ, dũng lực hơn người. Cuối đời Hán, tụ tập thiếu niên và người trong tông tộc mấy ngàn nhà, cùng xây thành vững chống giặc cỏ. Khi hơn vạn quân giặc của Cát Pha ở Nhữ Nam ⁽¹⁴⁾ tới đánh thành của Chủ, Chủ ít người không địch nổi, sức lực cạn kiệt. Tên cũng dùng hết, bèn lệnh cho nam nữ trong thành đi tìm những hòn đá to bằng cái đầu chày về đặt ở bốn góc. Chủ lấy đá ném ra, kẻ bị trúng đều chết ngay. Giặc không dám tiến nữa. Chủ thiếu lương, bèn giàn hòa với giặc, lấy bò đổi lấy lương thực của giặc, giặc tới lấy bò đi, bò lại chạy trở về. Chủ lao ra trước trận, một tay kéo ngược đuôi bò, đi hơn trăm bước. Giặc đều sợ hãi, không dám lấy bò mà rút đi luôn. Từ đó giặc ở các vùng Hoài ⁽¹⁵⁾, Nhữ ⁽¹⁶⁾, Trần ⁽¹⁷⁾, Lương ⁽¹⁸⁾ đều nghe danh mà sợ hãi.

Khi Thái Tổ đi đánh Hoài, Nhữ, Chủ dẫn quân đi theo Thái Tổ. Thái Tổ thấy Chủ khỏe mạnh liền nói: “Người thực là Phàn Khoái ⁽¹⁹⁾ của ta.” Lập tức phong làm Đô úy, cho làm phụ tá. Các hiệp khách đi theo Chủ cùng đều được phong làm Hồ sĩ. Từng theo đi đánh Trương Tú, đi đầu, chém được hơn vạn thủ cấp, được thăng lên làm Hiệu úy. Từng theo đi đánh Viên Thiệu ở Quan Độ ⁽²⁰⁾. Lúc đó, bọn Từ Tha thường theo hầu (Thái Tổ) có ý làm phản, thấy Chủ thường ở bên hầu hạ, sợ không dám phát. Đợi đến ngày nghỉ của Chủ, chúng giấu đao vào ngực mà đi vào. Chủ về đến nhà thì trong lòng cảm thấy kinh sợ, lập tức quay lại hầu hạ. Bọn Tha không biết, vào trước thấy Chủ thì đều rất kinh ngạc, sắc mặt biến đổi, Chủ phát giác ra, lập tức giết chết bọn Tha. Từ đó Thái Tổ liền coi như thân tín, ra vào cùng đi, không rời nửa bước. Từng vây đất Nghiệp, lập được công lao, được ban tước quan Nội hầu. Từng theo đánh Hàn Toại, Mã Siêu ở Đồng Quan ⁽²¹⁾. Thái Tổ sắp vượt sông lên phía bắc, đến bờ sông, binh qua trước, một mình cùng Chủ và hơn trăm Hồ sĩ lưu lại bờ nam đoạn hậu. Siêu dẫn hơn vạn quân bộ kỵ, lao thẳng tới quân của Thái Tổ, tên bắn tới như mưa. Chủ nói với Thái Tổ: “Giặc đến nhiều, giờ quân đã qua sông hết, nên đi!” Giặc đánh gấp, quân sĩ tranh nhau qua sông, thuyền nặng sắp chìm. Chủ chém kẻ bám vào thuyền, tay trái đưa cái yên ngựa lên che cho Thái Tổ. Người chèo thuyền bị trúng tên chết, Chủ lấy tay phải đẩy thuyền, nhờ đó mới qua sông được. Ngày đó, nếu không có Chủ thì đã nguy hiểm rồi. Sau này Thái Tổ và Toại, Siêu hội đàm riêng, tả hữu đều không được đi theo, duy chỉ mang Chủ. Siêu cậy sức mạnh, muốn lao lên trước đánh Thái Tổ, nghe tiếng Chủ khỏe, nghi tùy tùng kia là Chủ, bèn hỏi Thái Tổ: “Hồ Hầu của ngài có ở đây chăng?” Thái Tổ chỉ vào Chủ, Chủ bèn trợn trừng mắt nhìn Siêu. Siêu không dám động, hai bên

lại trở về trại của mình. Mấy ngày sau chiến đấu, đại phá bọn Siêu, Chử chém được nhiều thủ cấp, được phong làm Võ vệ trung lang tướng. Danh hiệu Võ Vệ chính là có được từ đây. Trong quân thấy Chử sức mạnh như hổ mà lại chất phác, liền gọi là Hổ Sĩ; bởi vì Siêu từng hỏi Hổ Hầu, cho đến giờ khi thiên hạ gọi đến danh hiệu này, đều cho rằng đó là tên của Chử.

Chử tính tình cẩn trọng tuân thủ pháp luật, không thích nói nhiều. Tào Nhân từ Kinh Châu tới triều yết, Thái Tổ chưa ra, đi vào thì gặp Chử ở ngoài điện. Nhân gọi Chử ngồi xuống nói chuyện. Chử nói: “Vương sắp ra rồi.” Lập tức đi vào trong điện, Nhân rất cảm hận. Có người trách cứ Chử: “Chinh Nam⁽²²⁾ là tông thất trọng thần, ông ấy chịu hạ mình gọi ngài, sao ngài lại từ chối?” Chử nói: “Ông ấy tuy là vừa là trọng thần vừa là người thân của Vương, nhưng lại thủ ở bên ngoài. Chử là nội thần, nói chuyện trước đông người thì được, sao có thể nói chuyện riêng?” Thái Tổ nghe vậy thì càng thêm yêu mến, thăng làm Trung kiên tướng quân. Thái Tổ băng hà, Chử khóc ra cả máu. Văn Đế lên ngôi, tiến phong Vạn tuế đình hầu, thăng làm Võ vệ tướng quân, đô đốc trung quân túc vệ cấm binh, cực kỳ sủng ái. Trước đây, những người đi theo Chử được phong làm Hổ sĩ, Thái Tổ cho rằng đều là tráng sĩ, phong hết làm tướng, sau này có tới mấy chục người lập công được thăng làm tướng quân và được phong hầu, được phong làm Đô úy, Hiệu úy có hơn trăm người, đều là kiếm khách. Minh Đế lên ngôi, (Chử) được thăng làm Mâu hương hầu, thưởng cho bảy trăm hộ làm ấp phong, lại phong cho một người con của Chử làm quan Nội hầu. Chử chết, được ban thụy hiệu Tráng hầu. Con là Nghĩa kế thừa chức vị. Anh Chử là Định, cũng lập được quân công và được phong là Chân uy tướng quân, đô đốc quân Hồ Bôn. Năm Thái Hòa⁽²³⁾, vua nghĩ đến lòng trung hiếu của Chử, hạ chiếu biểu dương, lại phong cho hai người con và cháu của Chử tước quan Nội hầu. Đầu năm Thái Thủy⁽²⁴⁾, Nghi bị Chung Hội giết, con là Tông kế chức.

LÝ THÔNG TRUYỆN

Lý Thông tự Văn Đạt, người quận Giang Hạ huyện Bình Xuân.

Ngụy lược chép: Thông có tiểu tự là Vạn Úc.

Thông có tiếng là hào hiệp ở vùng Giang-Nhữ⁽²⁵⁾. Cùng với người trong quận là Trần Cung cùng khởi binh ở Lãng Lãng, dân chúng đều quy phục. Bấy giờ có người tên là Chu Trục, bộ thuộc có hơn hai nghìn nhà, đối với Cung-Thông ngoài mặt thì hoà mục mà trong bụng lại đối địch. Thông có ý đồ giết Trục nhưng Cung lại ngăn ngại. Thông biết Cung không dứt khoát, bèn một mình định kế, hẹn gặp Trục, mời uống rượu rồi giết Trục. Chúng nhân nhiễu loạn, Thông dẫn Cung đi tru diệt bè đảng của chúng, thu tóm hết quân ở các doanh trại. Về sau em vợ Cung là Trần Cáp, giết Cung chiếm lấy binh ấy. Thông đánh tan quân của Cáp, chém đầu Cáp để tế trước mộ Cung. Lại bắt sống đại soái quân Hoàng Cân là Ngô Bá rồi thu hàng đám thuộc hạ ấy. Gặp năm mất mùa lớn, Thông dốc hết gia tài để cứu giúp mọi người, cùng với quân sĩ chia cả cám bã, tranh nhau dùng, bởi thế đạo tặc chẳng dám xâm phạm.

Năm Kiến An sơ, Thông đem binh đến chỗ Thái tổ ở Hứa huyện. Thái tổ bái Thông làm Chấn uy Trung lang tướng, đóng binh ở phía tây địa giới Nhữ Nam. Thái tổ đánh Trương Tú, Lưu Biểu phái binh đến trợ giúp Tú, quân Thái tổ gặp bất lợi. Thông dẫn binh đi thâm đêm đến chỗ Thái tổ, Thái tổ được quân ấy lại đánh tiếp, Thông xông xáo lên trước, đại phá quân Tú. Nhân đó được bái làm Bì tướng quân, phong tước Kiến công hầu. Thái tổ chia Nhữ Nam thành hai huyện, lấy Thông làm Đô úy huyện Dương An.

Bác vợ của Thông phạm pháp, trưởng huyện lãng Lãng là Triệu Nghiễm bắt lấy trưng trị, khép tội tử hình. Bấy giờ quyền sinh quyền sát do mục thú⁽²⁶⁾ quyết định, vợ con Thông gào khóc xin cứu mạng, Thông nói: “Nay ta cùng với Tào công chung sức, về nghĩa thì chẳng thể vì việc riêng mà phớt bỏ việc công được.” Lại khen Nghiễm chấp pháp đúng đắn không a dua bè phái, bèn cùng kết làm thân giao.

Thái tổ cùng Viên Thiệu đang cự nhau ở Quan Độ. Thiệu phái sứ giả đến phong cho Thông làm Chinh nam tướng quân, Lưu Biểu cũng ngầm chiêu dụ, Thông đều cự tuyệt. Thuộc hạ thân thích của Thông khóc nói: “Nay chúng ta trợ trợ một mình ở chỗ nguy, đã mất sự viện trợ lớn, không thể đứng mà đợi được, chẳng bằng theo ngay Thiệu.” Thông vỗ gươm máng chúng rằng: “Tào công là bậc minh triết, tất yên định được thiên hạ. Thiệu tuy cường thịnh, nhưng dùng người không chính đáng, kết cục sẽ bị bắt sống thôi. Ta có chết cũng không hai lòng.” Lập tức chém sứ của Thiệu, đem ấn thụ đến chỗ Thái tổ. Lại đánh quân giặc ở trong quận là bọn Cù Cung-Giang

Cung-Trâm Thành, đều phá tan quân địch, chém thủ cấp đưa đi. Sau bình định được đất Hoài-Nhữ. Được đổi phong tước Đô đình hầu, bái làm Thái thú Nhữ Nam .

Thời ấy bọn giặc là Trương Xích có hơn năm nghìn nhà tụ họp ở Đào Sơn, Thông vây đánh phá được.

Lưu Bị và Chu Du vây Tào Nhân ở Giang Lăng, biệt phái Quan Vũ cắt đứt đường lên bắc. Thông dẫn binh đánh Vũ, lại xuống ngựa nhờ hết công chày⁽²⁷⁾ xông vào vòng vây, vừa đánh vừa tiến lên, nghênh đón quân của Nhân, dũng mãnh đứng đầu chư tướng.

Thông bị ốm chết ở trên đường, bấy giờ mới có bốn mươi hai tuổi. Được truy tặng thực ấp hai trăm hộ, gồm cả trước đó là bốn trăm hộ. Văn đế lên ngôi, ban cho thụy hiệu là Cương hầu. Chiếu viết: “Trước kia gặp cái nạn Viên Thiệu, từ đất Hứa, đất Thái⁽²⁸⁾ về Nam, người người đều có dị tâm. Thông giữ nghĩa chẳng chút đoái hoài, khiến những kẻ hai lòng phải phục tùng, trăm rất ngợi khen. Song bất hạnh mà chết sớm, con là Cơ dù đã được tập tước⁽²⁹⁾, vẫn chưa đủ đền đáp công lao. Anh của Cơ là Tự, trước đóng quân ở Phàn thành, vừa lập được công. Cả đời dốc lòng lao khó, nay cho Cơ làm Phụng nghĩa Trung lang tướng, Tự làm Bình lễ Trung lang tướng, cho hưởng ân huệ khác thường.”

Tân thư của Vương An chép: Con Tự là Bình, tự Huyền Tru, có tài trí, thời bấy giờ rất quý hiếm, làm quan đến chức Thứ sử Tân châu. Bình thường được nói chuyện với Tư Mã Văn Vương, nhân đó răn bảo người nhà rằng: “Có lần ta đang ngồi hầu ở chỗ Tiên đế, thì có ba vị trưởng lại đến cầu kiến. Ta toan từ tạ lui ra, bèn trên bảo: ‘Làm trưởng quan phải trong sạch, phải cẩn thận, phải chuyên cần, tu được ba điều ấy, sao phải lo chẳng cai trị được dân?’ Rồi họ đều được thụ chiếu. Họ đã ra ngoài rồi, bèn trên ngoảnh sang chỗ bọn ta nói: ‘Điều ta vừa dạy các người thấy có chính đáng không?’ Đám người hầu ngồi đó, chẳng ai không tán dương. Bèn trên lại hỏi rằng: ‘Ắt hẳn không đúng lắm, ở chỗ ba điều ấy thì điều nào trước tiên.’ Có kẻ nói rằng: ‘Trong sạch cố nhiên là gốc rễ.’ Ngài lại quay sang hỏi đến ta, ta thưa rằng: ‘Cái đạo của sự trong sạch cẩn thận, là nhờ tu dưỡng mà có được, đó là cái bất đắc dĩ, cẩn thận phải đứng đầu. Kẻ trong sạch không hẳn đã cẩn thận, kẻ cẩn thận tất là trong sạch, cũng như bậc nhân giả hẳn có dũng khí, kẻ có dũng khí chưa hẳn đã có lòng nhân, thế nên Dịch nói bao quát mà không sai lầm, cái chiếu để nằm phải dùng bằng lá cọ trắng, đều là cẩn thận đến cùng cực vậy.’ Bèn trên nói: ‘Lời khanh nói rất lọt tai. Người có thể kể ra xem gần đây có ai là người cẩn thận chẳng?’ Mọi người đều chưa biết đối đáp ra sao, ta bèn nói rằng có Thái úy Tuân Cảnh Thiển, Thượng thư Đông Trạng Liên, Bộc xạ Vương Công Trọng⁽³⁰⁾ đều có thể nói là những người cẩn

thận. Bê trên nói: ‘Những bậc nhân giả ấy, sớm tối khiêm cung ôn hoà, coi việc thì kính cẩn, cũng đều là những người cẩn thận cả. Nhưng người cẩn thận trong thiên hạ, ta nghĩ là chỉ có Nguyễn Tự Tông⁽³¹⁾ vậy! Mỗi lời của người ấy, toàn đề cập đến những điều huyền bí xa xôi, mà chưa từng bình luận về việc đương thời, hay xét đến các nhân vật, chân thực thì có thể bảo là cẩn thận đến cùng cực vậy.’ Ta thường nghĩ đến những lời ấy, cũng đủ thấy đó là những lời răn bảo sáng suốt. Phàm con người ta hành sự, niên thiếu thì lập thân, chẳng thể cẩn thận được, chớ coi rẻ chuyện luận nhân, chớ khinh thường chuyện nói về công việc, như thế thì hối hận sao có lí do để sinh ra, hoạ hoạn không thể từ đâu mà đến được vậy.” Con Bình là Trọng, tự Mậu Tăng. Thuở nhỏ nổi danh, từng làm Lại ở Bộ lang, Thái thú Bình Dương.

Tán chư công tán chép: Trọng vì trong sạch được Chúa thượng khen. Tướng quốc Triệu Vương Luân thấy Trọng được ngưỡng vọng mới lấy làm Hữu tư mã. Trọng thấy Luân có tướng làm loạn, từ chối có bệnh không nhận chức. Luân bức bách không thôi, Trọng bèn không chịu đi lại, đến nỗi đồ bệnh, phải cho người đỡ dậy nhận thụ phong, mấy ngày sau chết, được phong tặng chức Tán kỵ thường thị. Trọng có hai em, Thượng tự Mậu Trọng, Cử tự Mậu Ước, năm Vĩnh Gia trung đều làm Điển quận; Cử làm đến chức Thứ sử Giang Châu. Con Trọng là Thức, tự Cảnh Tắc, làm quan đến chức Thị trung.

VĂN SÍNH TRUYỆN

Văn Sinh tự Trọng Nghiệp, người quận Nam Dương huyện Uyển, là đại tướng của Lưu Biểu, được sai chông giữ phương Bắc. Biểu chết, con là Tông kế nghiệp. Thái tổ đi đánh Kinh châu, Tông dâng cả châu ra hàng, gọi Sinh đến với mình, Sinh nói: “Sinh này chẳng có tài giữ vẹn toàn châu quận, chỉ là kẻ đang chờ bắt tội mà thôi.” Thái tổ qua sông Hán, Sinh bèn đến thẳng chỗ Thái tổ, Thái tổ hỏi rằng: “Sao ngươi đến chậm thế?” Sinh nói: “Ngày trước Sinh chẳng thể giúp được Lưu Kinh châu phụng sự quốc gia, Lưu Kinh châu tuy đã mất, Sinh vẫn còn giữ đất Hán Xuyên, là để bảo toàn địa giới, sống chẳng phụ lại con côi thơ dại, chết không thẹn với người ở dưới đất, nhưng mưu tính bất thành, để đến nỗi như thế này. Thật đau lòng hổ thẹn, không mặt mũi nào mà đến sớm được.” Rồi sụt sùi chảy nước mắt. Thái tổ lấy làm thương cảm bèn nói: “Trọng Nghiệp, ngươi thật là trung thần vậy.” Sau lấy lễ mà đối đãi. Lại trao trả Sinh binh Quyền, sai cùng với Tào Thuần đuổi đánh Lưu Bị ở Trường Bản. Thái tổ muốn yên định Kinh châu, song quận Giang Hạ tiếp giáp với đất Ngô, lòng dân chưa yên định, bèn cho Sinh làm Thái thú Giang Hạ, sai coi giữ quân phương Bắc, uỷ thác các việc nơi biên cảnh, ban cho tước Quan nội hầu.

Tôn Thịnh nói: Phụng dưỡng cha mẹ hay thờ vua, cái đạo trung hiếu chỉ có một mà thôi. Tang Bá thuở nhỏ được khen là hiếu thuận cứng cỏi, Văn Sinh trung thành mà rơi lệ, thế nên Ngụy Vũ chỉ một lần gặp mặt, đã uỷ thác việc quân chinh cho hai người, chẳng phải là trong nháy mắt đã thấy được cái hùng tráng vũ dũng của họ hay sao?

Sinh cùng với Nhạc Tiến đánh Quan Vũ ở Tầm Khẩu, có công, được tấn phong tước Diên Thọ Đình hầu, thêm chức Thảo nghịch tướng quân. Lại đánh quân truy trọng của Vũ ở Hán Tân, thiêu đốt thuyền lương ở Kinh châu. Văn Đế lên ngôi, thăng cho Sinh tước Trường An Hương hầu, ban cho Giả tiết. Lại giúp Hạ Hầu Thượng vây Giang Lăng, Thượng sai Sinh cầm riêng một cánh quân đóng ở Miện Khẩu, chông giữ Thạch Phạm, Sinh tự gánh vác một đội quân, ngăn giặc lập công, được thăng làm Hậu tướng quân, tước Tân Dã hầu. Tôn Quyền thân chinh đem năm vạn quân đến vây Sinh ở Thạch Dương rất gấp, Sinh giữ vững không manh động, Quyền đóng giữ hơn hai mươi ngày phải lui về. Sinh truy kích đánh tan quân địch. Vì thế được tăng thêm thực ấp năm trăm hộ, gồm cả trước đây là một nghìn chín trăm hộ.

Ngụy lược chép: Tôn Quyền từng thân chinh dẫn năm vạn sĩ tốt kéo đến. Thời ấy đang có mưa lớn, tường rào trong thành sụt lở, dân chúng còn tản mát ở ngoài đồng, không kịp tu sửa. Sinh nghe tin Quyền đến, không biết tính sao, bèn nghĩ chẳng bằng cứ ngậm lặng im để quân địch ngờ sợ. Rồi

lệnh cho người ở trong thành không ai được đến gặp, lại tự nằm ở trong nhà không dậy. Quyền quả nhiên nghi ngờ, nói nhỏ với đám thuộc hạ rằng: “Phương bắc có kẻ trung thân như thế, cho nên mới uỷ thác cho giữ quận này, nay thấy ta đến mà chẳng hành động, nếu chẳng có mưu đồ gì, hẳn là họ đã có quân ngoại viện.” Bèn không dám đánh mà bỏ đi. Nguy lược nói như thế, là trái với bốn truyện⁽³²⁾vậy.

Sính ở Giang Hạ mấy chục năm, rất có ân uy, danh chấn địch quốc, quân giặc không dám xâm phạm. Triều đình chia thực ấp của Sính và phong cho con của Sính là Đại làm Liệt hầu⁽³³⁾, lại ban cho cháu họ của Sính là Hậu tước Quan nội hầu. Sính chết, được ban thụy là Tráng hầu. Đại chết trước Sính, con nuôi của Sính là Hưu nối tự. Hưu chết, con là Vũ nối tự.

Năm Gia Bình trung, người ở Tiêu Quận là Hoàn Ngu làm Thái thú Giang Hạ, thanh bạch cần kiệm rất có ân uy, danh tiếng cũng gần được như Sính.

TANG BÁ TRUYỆN

Tang Bá tự Tuyên Cao, người quận Thái Sơn huyện Hoa. Cha là Giới, làm phó cai ngục ở huyện, quan Thái thú sở tại muốn giết người theo ý riêng, Giới giữ phép không theo. Thái thú cả giận, lệnh cho người bắt Giới đến phủ nha, lúc ấy có hơn trăm người đưa tiễn. Bá năm ấy mười tám tuổi, dẫn mấy chục người khách men lối tắt trong núi Bì Tây muốn cướp cha lại, những người đi theo Giới chẳng ai không cảm động, nhân đó Bá cùng cha trốn nạn ra Đông Hải, bởi thế Bá nổi danh là hùng tráng và dũng liệt

Quân Hoàng Cân nổi dậy, Bá theo Đào Khiêm đánh phá giặc, được bài làm Ky đô úy. Rồi thu nhật binh sĩ ở Từ Châu, cùng với bọn Tôn Quan-Ngô Đôn-Doãn Lễ tập hợp quân lính, Bá làm thống lĩnh, đóng binh ở Khai Dương. Thái tổ đi đánh Lã Bố, bọn Bá dẫn binh đến tương trợ Bố. Đến lúc Bố bị bắt, Bá bỏ trốn. Thái tổ cho yết bảng tìm bằng được Bá, lúc gặp mặt rất hài lòng, sai Bá đi chiêu hàng bọn Ngô Đôn-Doãn Lễ-Tôn Quan và anh của Quan là Khang, chúng đều đến chỗ Thái tổ. Thái tổ lấy Bá là Lang Nha tướng, Đôn làm Thái thú Lợi Thành, Lễ làm Thái thú Đông Hoàn, Quan làm Thái thú Bắc Hải, Khang làm Thái thú Thành Dương, cắt hai châu Thanh-Từ, uỷ thác các việc ở đó cho Bá.

Thái tổ tới ở Duyện châu, dùng Từ Hấp-Mao Huy làm tướng. Đến khi Duyện châu có loạn, Hấp-Huy đều làm phản. Về sau Duyện Châu yên định, Hấp-Huy bỏ trốn đến hàng Bá. Thái tổ bảo đến kêu với Lưu Bị⁽³⁴⁾, lại sai người bảo Bá đưa hai kẻ có tội đến. Bá nói với Bị rằng: “Bá này nếu như có thể tự quyết định được, thì đã chẳng phải làm thế này. Bá chịu cái ơn sinh toàn của chủ công, chẳng dám trái mệnh. Nhưng ngài là bậc vương bá có thể trình bày rõ được đạo nghĩa, xin tướng quân hãy giúp cho vài lời.” Bị đem lời của Bá bạch với Thái tổ, Thái tổ than thở, bảo Bá rằng: “Đây là việc làm của cỏ nhân mà người có thể làm được, Cô tha thứ cho người.” Rồi lại cho cả Hấp và Huy làm Quận thú.

Thời Thái tổ đương cùng Viên Thiệu chống giữ nhau, Bá mấy lần đưa tinh binh xâm nhập Thanh châu, nên Thái tổ được chuyên chú vào việc chống Thiệu, chẳng phải nghĩ đến việc ở phương Đông. Thái tổ phá Viên Đàm ở Nam Bì, bọn Bá họp mặt chúc tụng. Bá nhân đó xin phái con em cùng cha anh chư tướng đưa gia quyến đến huyện Nghiệp. Thái tổ nói: “Lòng trung hiếu của các ông, há cứ phải ở chỗ này! Xưa kia Tiêu Hà phái mười hai đệ tử vào hầu, mà Cao tổ chẳng cự tuyệt, Cảnh Thuần đốt nhà khiêng áo quan đi theo, mà Quang Vũ chẳng đón nhận, ta phải làm gì để người đời ý đây!”

Đông châu nhiễu loạn, bọn Bá tuyên nghĩa binh đánh dẹp, Hải Đại ở Thanh Định, Đại Yên ở Công Mạc, đều được phong là Liệt hầu. Bá được

phong làm Đô đình hầu, thêm chức Uy lỗ tướng quân. Lại cùng với Vu Cầm đi đánh dẹp Xương Hi, cùng Hạ Hầu Uyên đánh dẹp dư đảng giặc Hoàng Cân ở Từ châu, có công, được thăng chức Thứ sử Từ châu.

Người ở nước Bái là Vũ Chu làm Hạ Bi lệnh, Bá kính trọng Chu khác thường, thân đến tận lệnh xá. Người đứng đầu bộ Tòng sự làm việc không có khuôn phép, Chu biết được lỗi ấy, liền bắt đem ra xét tội, Bá càng quý trọng Chu hơn.

Bá theo đi đánh Tôn Quyền, xông lên phía trước, lại xâm nhập Sào Hồ, tấn công Cư Sào, đánh được. Trương Liêu đi đánh Trần Lan, Bá được biệt phái đến đất Hoán, đánh tướng Ngô là Hàn Đương, khiến Quyền không cứu được Lan. Đương phái binh đón đánh Bá, Bá tham chiến ở Phùng Long, Đương lại phái binh đón đánh Bá ở Giáp Thạch, Bá lại tham chiến phá tan quân ấy. rồi lui về đóng quân ở huyện Thư. Quyền phái mấy vạn quân đến đóng ở Thư khẩu, chia binh đi cứu Lan, binh kia nghe tin quân của Bá đang ở huyện Thư, liền trốn về. Bá đuổi theo ngay trong đêm, gần sáng, đuổi được hơn trăm dặm, chặn đánh phía trước đang quân giặc. Giặc quần bách, không lên được thuyền, ngã xuống sông rất nhiều. Bởi thế quân giặc không cứu được Lan, Liêu mới phá được bọn ấy.

Bá lại theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu khẩu, cùng với Trương Liêu làm tiên phong, lúc hành quân gặp mưa rào, đại quân chưa tiến kịp, nước sông dâng cao, thuyền địch tiến lên được một chút, tướng sĩ đều bất an. Liêu muốn bỏ về, Bá ngăn lại nói: “Công Minh ở Lợi Độn, sao đành lòng bỏ bọn ta được?” Hôm sau quả nhiên có lệnh. Liêu đến, kể việc ấy với Thái tổ. Thái tổ khen ngợi Bá, bái làm Dương uy tướng quân, ban cho Giả tiết. Về sau Quyền xin hàng, Thái tổ quay về, lưu Bá cùng bọn Hạ Hầu Đôn đóng quân ở Cư Sào.

Văn đế lên tức vương vị, thăng Bá làm Trấn đông tướng quân, tiến tước Vũ An Hương hầu, đô đốc các việc quân sự ở Thanh châu. Đến khi lên ngôi đế, tiến phong Bá làm Khai Dương hầu, lại đổi phong tước Lương Thành hầu. Cùng với Tào Hưu đi đánh giặc Ngô, phá Lã Phạm ở Động Phổ, được vời về làm Chấp kim ngô, ngôi vị Đặc tiến⁽³⁵⁾. Mỗi khi có việc quân, Đế thường hỏi ý Bá.

Ngụy lược chép: Bá có một tên là Nô khấu. Tôn Quan tên là Anh tử. Ngô Đôn là Âm nô. Doãn Lễ là Lô nhi⁽³⁶⁾. Năm Kiến An thứ hai mươi bốn, Bá sai một cánh quân đóng ở Lạc huyện. Lúc Thái tổ mất, quân Thanh châu nơi dinh sở của Bá đóng, cho rằng thiên hạ sắp loạn, cùng nhau thúc trống bỏ đi. Văn đế lên tức vị, lấy Tào Hưu làm Đô đốc Thanh-Từ, Bá bảo Hưu rằng: “Quốc gia chưa hề theo lời Bá! Nếu như Bá có vạn quân bộ kỵ, hẳn có thể hoành hành ở Giang Biểu.” Hưu nói lời ấy với Đế, Đế ngờ là quân của Bá trước đây bỏ đi, nay xem chừng đã lớn mạnh mới tỏ ý như thế! Bèn đi tuần

thứ phía Đông, nhân lúc Bá về triều liền tước đoạt binh quyền của Bá.

Minh đế lên tức vị, tăng thực ấp cho Bá thêm năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là ba nghìn năm trăm hộ. Chết, được ban thụy hiệu là Uy hầu. Con là Ngải nối tự.

Ngụy thư chép: Ngải lúc nhỏ được khen là giỏi nhạc lý, làm Hoàng môn lang, từng giữ chức Quận thú.

Ngải làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu, Thiếu phủ. Ngải chết, được ban thụy là Cung hầu. Con là Quyền nối tự. Bá trước sau nhiều công lao, có ba người con được phong làm Liệt hầu, một người được ban tước Quan nội hầu.

Một con của Bá là Tuấn, tự Thái Bá, thời nhà Tấn làm Tấn kỵ thường thị, được biết đến ở Bách quan danh thời Vũ đế. Bách quan danh này, chẳng biết ai soạn ra, đều có đề mục, có khen vua Thuấn là “tài đỉnh điều sưông, thức tán thì nghi.”*

Còn Tôn Quan cũng làm quan đến chức Thứ sử Thanh châu, được ban Giả tiết, theo Thái tổ đi đánh Tôn Quyền, khi chiến đấu bị thương, chết. Con là Dục nối tự, cũng làm đến chức Thứ sử Thanh châu.

Ngụy thư chép: Tôn Quan tự Trọng Thai, người quận Thái Sơn. Cùng nổi dậy với Tang Bá, đánh dẹp Hoàng cân, được bái làm Kỵ đô úy. Thái tổ phá Lã Bố, sai Bá đi chiêu hàng anh em Quan, đều được đãi ngộ rất hậu. Quan cùng với Bá đều đi chinh phạt, Quan thường xông lên trước, đi chinh chiến bình định đảng tặc ở Thanh-Từ, công lao cũng như Bá, được phong là Lữ Đô Đình hầu. Tôn Khang cũng có công được phong làm Liệt hầu. Quan cùng với Thái tổ gặp gỡ ở Nam Bì, rồi đưa con em tới nhập cư ở huyện Nghiệp, Quan được bái làm Thiên tướng quân, lại thăng làm Thứ sử Thanh châu. Theo đi đánh Tôn Quyền ở Nhu Tu khẩu, được ban Giả tiết. Lúc vây đánh Quyền, vì trúng tên, bị thương ở chân trái, cố sức chiến đấu không nghĩ đến vết thương, Thái tổ an ủi nói: “Tướng quân bị thương rất nặng, mà mãnh khí lại càng phấn chấn, chẳng phải là người vì nước yêu thân sao?” Được chuyển làm Chấn uy tướng quân, vết thương quá nặng, sau chết.

[CHÚ THÍCH]

(1) Tiên Chân là nguyên soái nước Tấn, ra trận bị giặc bắt, không hàng, giặc cắt lấy đầu; Vương Trục là tướng nước Tề, đi đánh trận, bị giặc bắt, không chịu hàng, đâm cổ tự vẫn. Hai người đều nổi danh, được đời sau ca ngợi.

(2) Tráng là mạnh mẽ vậy.

(3) Túc Bàng Hội.

(4): Phía tây nam huyện Ninh Lãng tỉnh Hà Nam ngày nay.

(5): Phía tây huyện Tuy tỉnh Hà Nam nay.

(6): Phía nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam nay.

(7): Huyện Phú Dương tỉnh Triết Giang ngày nay.

(8): Niên hiệu của Hán Hiến Đế.

(9): Phía nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay.

(10): Thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.

(11): Phía tây bắc huyện Tát Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.

(12) Huyện Tiêu đất Tiêu: Huyện Bạc tỉnh An Huy ngày nay.

(13) Vi: Đơn vị đo độ dài, một vi bằng độ dài của vòng khép kín khi hai ngón tay trở và ngón tay cái khép vào nhau.

(14) Phía đông nam huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam ngày nay.

(15) Hoài: Phía nam huyện Nam Lãng tỉnh An Huy ngày nay.

(16) Nhữ: Huyện Nhữ Thành tỉnh Hồ Nam ngày nay.

(17) Trần: Phía đông huyện Khai Phong tỉnh Hà Nam, phía bắc huyện Bạc tỉnh An Huy ngày nay.

(18) Lương: Phía nam huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

(19) Phàn Khoái: Danh tướng của Hán Cao Tổ.

(20) Quan Độ: Phía đông bắc huyện Trung Mậu tỉnh Hà Nam ngày nay.

(21) Đồng Quan: Phía đông nam huyện Đồng Quan tỉnh Thiểm Tây ngày nay.

(22) Chinh Nam: Tào Nhân được phong Chinh Nam tướng quân.

(23) Thái Hòa: Niên hiệu của Ngụy Minh Đế.

(24) Thái Thủy: Niên hiệu của Tấn Vũ Đế.

(25) Quanh vùng Trường Giang và Nhữ Nam .

(26) Châu mục, quận thú.

(27) Nguyên văn ‘hạ mã bạt lộc giác’, nghĩa đen là xuống ngựa nhỏ sừng hươu, tạm luận nghĩa mà dịch.

(28) Tức Hứa Xương và đất thuộc nước Thái thời chư hầu nhà Chu .

(29) Con được thừa kế nối theo tước của cha.

(30) Không biết là những người nào?

(31) Cũng không biết là ai?

(32) Là Văn Sinh truyện do Trần Thọ chép.

(33) Chức hầu không gắn liền với địa danh.

(34) Khi ấy Lưu Bị đang nương nhờ Tào Tháo.

(35) Đây không phải là một chức quan chính thức, chỉ phong cho những người có địa vị đặc biệt, ở trong triều chỉ dưới ngôi Tam công.

(36) Không biết đoạn mà Ngụy lược chép tên mấy người ấy nên cắt nghĩa thế nào, đành tạm hiểu như đây là những biệt danh mà người đương thời đặt cho bốn người ấy, là quân kẻ cướp, là thằng nhãi, là gã mặt đen, là thằng bé đen đúa. Có lẽ là đặt tên theo dáng vóc, nét mặt, hàm ý chê bai.

QUYỂN 19 - NHÂM THÀNH TRẦN TIÊU VƯƠNG TRUYỆN

Tào Chương, Tào Thực, Tào Hùng

TRUYỆN NHÂM THÀNH UY VƯƠNG TÀO CHƯƠNG

Nhâm Thành Uy Vương là Chương, tự Tử Văn. Thừa trẻ giỏi cưỡi ngựa bắn tên, sức khỏe hơn người, tự tay bắt thú dữ, không ngại hiểm trở. Nhiều lần theo đi đánh dẹp, ý chí khảng khái. Thái Tổ từng ngoảnh bảo rằng: “Mi không lo đọc sách theo đạo hóa, mà lại cưỡi ngựa trận đánh kiếm, đây chỉ là cái việc của một tên lính, sao đủ để tôn quý”! Bất Chương đọc Thi, Thư, Chương bảo tả hữu rằng: “Trượng phu phải như Vệ, Hoắc⁽¹⁾, đem mười vạn quân kị rong ruổi trên sa mạc, đuổi rợ Nhung, Địch, lập công dựng tiếng vậy, sao chỉ làm kẻ đọc sách thôi”? Thái Tổ từng hỏi điều mà các con thích làm, sai đều nói rõ chí của mình, Chương nói: “Thích làm tướng”. Thái Tổ nói: “Làm tướng thế nào”? Đáp rằng: “Mặc giáp cầm giáo, gặp nạn không lùi, đi đầu quân sĩ, thương tất theo, phạt tất tin”. Thái Tổ cười rộ. Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, phong Yên Lăng Hầu.

Năm thứ hai mươi ba, người Ô Hoàn ở Đại Quận làm phản, lấy Chương làm Bắc trung lang tướng, làm Kiêu kị Tướng quân. Sắp đi, Thái Tổ răn Chương nói: “Ở nhà là cha con, nhận việc là vua tôi, làm việc vâng theo phép tắc, người phải răn giới lấy”! Chương lên đánh miền bắc, vào đất Trác Quận, rợ Hồ phản đem mấy nghìn quân kị vừa đến. Bấy giờ quân mã chưa tụ xong, chỉ mới có nhìn quân bộ, mấy trăm quân kị, bèn dùng kế của Điền Dự, cố giữ chỗ yếu hại, giặc lại tan chạy. Chương đuổi theo, tự thân xông đánh, bắn quân kị của rợ Hồ, hễ căng dây cung là kẻ đó ngã xuống, trước sau chồng lên nhau. Đánh hơn nửa ngày, trên áo giáp của Chương cắm mấy mũi tên, ý chí thêm hăng, nhân thắng mà đuổi về phía bắc, đến ở huyện Tang Can,

Thần là Tùng Chi xét: Huyện Tang Can thuộc Đại Quận.

nay giặc bắc đã chiếm được, gọi là đô thành Tác Can. cách Đại Quận hơn hai trăm dặm. Các tướng, quan Trưởng sử đều cho rằng vừa vào phương xa, quân mã mệt mỏi, lại vâng phép lệnh, không được đi quá Đại Quận, không nên vào sâu, trái lệnh khinh địch, Chương nói: “Đem quân đi đánh, có lợi ở trước, sao phải theo phép lệnh? Vả lại rợ Hồ chạy chưa xa, đuổi theo chắc phá được chúng. Nếu đuổi tha cho địch thì không phải là tướng giỏi vậy”. Rồi lên ngựa, lệnh trong quân rằng: “Kẻ nào chậm sẽ chém”. Một ngày một đêm đuổi kịp giặc, đánh phá được chúng, chém đầu bắt sống đến mấy vạn người. Chương bèn ban thưởng lớn cho tướng sĩ, tướng sĩ không ai không vui mừng. Bấy giờ đại súy của người Tiên Ti là Kha Tỉ Năng đem mấy vạn quân kị đứng xem yếu mạnh, thấy Chương gắng đánh, đến đâu phá đó, bèn xin hàng phục. Phương bắc đều bình. Bấy giờ Thái Tổ ở tại Trường An, gọi

Chương đi về đến ở đây. Chương từ Đại Quận qua đất Nghiệp, Thái tử⁽²⁾ bảo Chương rằng: “Khanh mới lập công, nay đến phía tây gặp cha, nên đừng cho là mình tự lập công, đối đáp như là không đủ vậy”. Chương đến, theo lời Thái tử, kể công cho các tướng. Thái Tổ mừng, cầm râu của Chương nói: “Thằng râu vàng mới lạ làm sao”!

Ngụy lược chép: Thái Tổ ở tại Hán Trung, lúc ấy Lưu Bị đóng quân ở trên núi, sai Lưu Phong xuống dụ đánh. Thái Tổ mắng rằng: “Thằng con nhà bán dế kia lại sai thằng con nuôi chống ông hấn chằng⁽³⁾! Đợi ta gọi thằng râu vàng đến, sai đánh chúng”. Bèn gọi Chương. Chương ngày đêm đi đường, sang phía tây đến Trường An nhưng Thái Tổ đã rút, lại từ Hán Trung mà về. Râu của Chương màu vàng, cho nên gọi như thế.

Thái Tổ về miền đông, lấy Chương làm Việt kị Tướng quân, ở lại Trường An. Thái Tổ đến Lạc Dương, bị bệnh, sai người gọi Chương, chưa đến, Thái Tổ băng.

Ngụy lược chép: Chương đến, bảo Lâm Truy Hầu là Thục rằng: “Tiên vương gọi ta đến, muốn lập mi vậy”. Thục nói: “Không phải. Không thấy gương anh em họ Viên⁽⁴⁾ sao”!

Văn Đế lên ngôi Vương, Chương cùng chư hầu đến nước.

Ngụy lược chép: Thái tử nối lập, đã táng⁽⁵⁾, sai Chương đến nước. Lúc đầu, Chương tự cho là được Tiên vương dùng có công, do đó bèn mong được trao dùng, nhưng nghe tin sắp bị phân phong, ý rất không vui, không đợi lệnh mà đi trước. Bấy giờ vì huyện Yên Lăng cần cõi, sai trị ở Trung Mâu. Lúc Văn Đế nhận ngôi, nhân đó phong làm Trung Mâu Vương. Sau đó xe lớn đến Hứa Xương, chư hầu lớn nhỏ ở miền bắc đều sợ oai nghiêm của Chương, hễ qua Trung Mâu, không dám không đi nhanh.

Hạ chiếu nói: “Đạo lí của Tiên vương là ban thưởng cho người thân, cùng phong lập anh em, mở nước lập nhà, do đó mới sinh sôi dòng dõi, ngăn nạn ngừa họa. Lúc trước Chương vâng mệnh đánh phía bắc, dẹp yên miền Sóc Phương⁽⁶⁾, công lao to lớn. Tăng áp năm nghìn hộ, cùng một vạn hộ trước đây”. Năm Hoàng Sơ thứ hai, phong tước Công. Năm thứ ba, lập làm Nhâm Thành Vương. Năm thứ tư, châu ở kinh đô, mắc bệnh hoăng ở nhà nghỉ, tặng thụy là Uy.

Ngụy thị Xuân thu chép: Lúc trước, Chương hỏi ẩn thao, muốn có chí khác, cho nên đến châu mà không vào gặp ngay. Chương oán giận mà hoăng.

Lúc táng, ban cho xe loan, cờ rồng⁽⁷⁾, năm trăm lính hộ bôn đi tiền, như việc cũ của Đông Bình Vương của nhà Hán⁽⁸⁾. Con là Khải, chuyển phong ở Trung Mâu. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Nhâm Thành. Năm Thái Hòa

thứ sáu, lại đổi phong ở nước Nhâm Thành, ăn lộc hai nghìn năm trăm hộ của năm huyện. Năm Thanh Long thứ ba, Khải mắc tội sai riêng quan thuộc đến chỗ quan Trung thượng phương⁽⁹⁾ làm đồ vật cấm, trừ lộc hai nghìn hộ. Năm Chính Thủy thứ bảy, đổi phong ở huyện Tế Nam, lộc ba nghìn hộ. Đầu năm Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, liên tiếp tăng ấp, cả thảy bốn nghìn bốn trăm hộ.

Đầu năm Thái Thủy, Khải làm Sùng hóa Thiếu phủ, xem ở Bách quan danh chí.

TRUYỆN TRẦN TƯ VƯƠNG TÀO THỰC - TÀO HÙNG

Trần Tư Vương là Thực, tự Tử Kiến. Năm hơn mười tuổi thuộc lầu kinh Thi, Luận ngữ và biết làm phú có mấy chục vạn chữ, giỏi viết văn. Thái Tổ từng xem lời văn của Thực, bảo Thực rằng: “Mi mượn người khác viết giúp chẳng”? Thực quỳ gối nói: “Nói ra nên luận, bút hạ thành văn, cúi mặt xét xem, sao lại người giúp”? Bấy giờ đài Đồng Tước ở đất Nghiệp vừa dựng xong, Thái Tổ đem hết các con lên đài, đều sai làm phú. Thực cầm bút viết xong, đáng xem, Thái Tổ rất khen lạ.

Ngụy kĩ của Âm Đàm chép bài phú của Thực rằng:

*“Theo cha hiền mà vui chơi chừ,
Lên đài lầu thỏa lòng vui.
Xem cảnh rộng mở phủ lớn chừ,
Là đài mà đức thánh tạo.
Dựng lập cửa cao chót vót chừ,
Hai cửa công chọc trời xanh.
Đứng giữa trời nhìn cảnh đẹp chừ,
Gác cao nối liền cõi tây.
Xem nước sông Chương chảy dài chừ,
Rót qua vườn quả ngọt ngào.
Đón gió xuân thổi mát rượi chừ,
Nghe chim hót tiếng bi thương.
Mây trời vẫn vũ quanh ta chừ,
Lòng ta muốn đã đạt được.
Nêu nhân hóa khắp vũ trụ chừ,
Kinh sư hết thầy cung kính.
Nghĩ Hoàn, Văn⁽¹⁰⁾ dựng thời thịnh chừ,
Há bằng bậc thánh minh này!
Tốt thay! Đẹp thay!
Ân trạch truyền xa.
Mong giúp nhà vua ta chừ,
Đẹp yên bốn cõi.
Cùng quy luật của trời đất chừ,
Sáng như mặt trời mặt trăng.
Mãi tôn quý mà chẳng hết chừ,*

Tuổi thọ sánh với đông vương⁽¹¹⁾” ...

Thái Tổ rất khen lạ.

Tính giản dị, không trọng uy nghi. Không ưa xe ngựa áo quần hoa lệ. Hễ được gọi đến hỏi han, ứng lời mà đôi đáp, do đó rất được sủng ái. Năm Kiến An thứ mười sáu, phong Bình Nguyên Hầu. Năm thứ mười chín, chuyển phong Lâm Truy Hầu. Thái Tổ đánh Tôn Quyền, sai Thục ở lại giữ đất Nghiệp, răn Thục rằng: “Ngày xưa ta làm Đôn Khâu Lệnh, vừa hai mươi ba tuổi. Nghĩ việc mà ta làm thời ấy, đến nay chẳng có gì hối tiếc. Ngày nay mi cũng hai mươi ba tuổi rồi, không nên gắng sức u”! Thục đã có tài mà được đãi sủng, lại có bọn Đinh Nghi, Đinh Dục, Dương Tu giúp làm vây cánh. Thái Tổ do dự, mấy lần muốn lập làm Thái tử. Nhưng Thục theo tính mình mà làm, không tự gắng sức, uống rượu không giảm. Văn Đế dùng thuật để ngăn chế Thục, tự nắn sửa mình, do đó người trong cung giúp đỡ, đều rất vừa lòng, bèn được định lập làm người nối tự. Năm thứ hai mươi hai, ban thêm thực ấp năm nghìn hộ, cả thực ấp lúc trước là vạn hộ. Thục từng ngồi xe đi giữa đường, mở cửa Tư Mã mà ra, Thái Tổ cả giận⁽¹²⁾, quan Công xa lệnh bị xét tội chết, do đó càng thêm ngăn cấm chư hầu, rồi ngày càng ít sủng ái Thục.

Ngụy Vũ cố sự chép lệnh rằng: “Lúc trước ta bảo rằng: “Trong các người con thì Tử Kiến là người cuối cùng có thể nắm việc lớn”. Lại lệnh rằng: “Từ khi Lâm Truy Hầu là Thục đi riêng ra, mở cửa Tư Mã đến cửa Kim Môn, khiến cho ta có con mắt khác nhìn về người con này vậy”. Lại lệnh rằng: “Quan trưởng sử và người dưới trướng của chư hầu có biết ra chọn lập chư hầu là có ý gì không? Từ khi Tử Kiến đi riêng mở cửa Tư Mã mà ra, ta chẳng còn tin cậy vào chư hầu nữa. E rằng ta nuông chiều thì chư hầu lại tự ý làm riêng, cho nên sửa nắn vậy. Đấy chẳng phải là khiến cho các người mãi làm tim bụng của ta sao”!

Thái Tổ đã suy nghĩ đến sự biến trước sau, thấy Dương Tu có vẻ tài lược, lại là cháu ngoại của họ Viên, do đó kể tội mà giết Tu. Trong lòng Thục càng không tự yên.

Diễn lược chép: Dương Tu tự Đức Tổ, là con của Thái úy Bưu⁽¹³⁾ vậy. Tính khiêm nhường mà tài rộng. Giữa năm Kiến An, cử Hiếu liêm, bái làm Lang trung, Thừa tướng⁽¹⁴⁾ cử làm Thương tào thuộc Chủ bạ. Bấy giờ, nhiều việc quân trong nước, Tu biết cả trong ngoài, làm đều vừa ý, từ Thái tử của nhà Ngụy trở xuống đều tranh nhau giao du. Lại bấy giờ Lâm Truy Hầu là Thục vì tài lớn mà được sủng ái, cũng có ý dựa vào Tu, nhiều lần gửi thư cho Tu, thư rằng: “Nhiều ngày không gặp, nhớ ngài mà khổ sở; chỉ muốn cùng gặp vậy. Kẻ hèn này thừa trẻ đã ưa thơ phú, trải đến đến nay đã hai mươi lăm năm rồi, nhưng người viết thơ phú đời nay gọi là có ít ỏi vậy.

Ngày xưa Trọng Tuyên bước riêng ở miền nam sông Hán, Khổng Chương dương cánh ở miền bắc sông Hà, Vĩ Trương nổi danh ở miền Thanh Châu, Công Cán lẫy lừng ở miền bờ biển, Đức Liên phát tích ở đất Đại Ngụy, túc hạ ngạo nghễ ở miền kinh sư⁽¹⁵⁾. Vào thời bấy giờ, người người cho là nắm ngọc châu của rắn thần⁽¹⁶⁾, nhà nhà cho là ôm ngọc đẹp ở núi Kinh⁽¹⁷⁾ vậy. Do đó bậc Vương ta bày lưới trời để bắt lấy, trùm tám sợi để chụp thu, đến nay đã thu cả về nước ta rồi. Như mấy người kia, vẫn chưa thể bay cao hút gót, một bước nghìn dặm vậy. Như cái tài của Khổng Chương, chẳng giỏi thơ phú, vậy mà nhiều lần tự cho là giống phong cách của Tư Mã Trường Khanh⁽¹⁸⁾ ví như vẽ hổ không thành lại vẽ thành chó vậy. Lúc trước ta gửi thư giễu cợt hắn, nhưng hắn gửi thư đáp lại cho rằng kẻ hèn này khen ngợi lời văn của hắn. Như việc Chung Kỳ không nghe làm tiếng đàn⁽¹⁹⁾, đến nay vẫn được khen. Ta cũng không dám khen ngợi bừa bãi, vì sợ người đời sau chê cười ta vậy. Nếu người đời bàn tán thì không thể không nghĩ. Kẻ hèn này thường ưa người khác bàn xét lời văn của mình; có kẻ cho là không hay thì liền sửa đổi. Ngày xưa Đinh Kính Lễ từng làm bài văn nhỏ, muốn kẻ hèn này sửa chữa, kẻ hèn này tự thấy tài năng không hơn được người ta, cho nên từ chối không sửa. Kính Lễ nói: 'Ngài có chỗ nghi ngờ chẳng! Ý hay đẹp của bài văn, ta tự biết được, người đời sau có ai biết được lời văn của ta sao?' Ta thường khen lời nói đúng ấy, lại cho là lời bàn hay đẹp. Ngày xưa lời văn của Ni Phủ⁽²⁰⁾ được người đời sửa chữa; đến như kinh Xuân thu thì bọn Du, Hạ⁽²¹⁾ không sửa một chữ. Xem thế mà nói là không có lỗi làm, đây là điều mà ta chưa thấy qua vậy. Có vẻ đẹp của Nam Uy⁽²²⁾, mới biết bàn luận về người đẹp; có cái sắc của kiếm Long uyên⁽²³⁾ mới bàn được về chặt chém. Cái tài của Lưu Quý Tự không theo kịp những người kia nhưng lại ưa ngâm viết văn chương, suy xét đúng sai. Ngày xưa Điền Ba⁽²⁴⁾ chê cười Ngũ Đế, kẻ tội Tam Vương, mĩa mai Ngũ Bá ở ấp Tắc Hạ, một sớm mà khiến cho nghìn người chịu phục, nhưng Lỗ Liên⁽²⁵⁾ nói một lời mà khiến cho Điền Ba rụt thân ngậm miệng. Lời lẽ của Lưu Quý Tự không bằng Điền Ba. Lỗ Trọng Liên của ngày nay cũng chẳng khó tìm, đáng không than thở sao! Người ta đều có điều mà mình ưa thích, mùi thơm của hoa lan chỉ tôn huệ là thứ mà người đời thích, nhưng lại có người đuổi theo người có mùi hôi; các bài hát Hàm trì, Lục anh⁽²⁶⁾ mà bài hát mà mọi người thích, nhưng Mặc Dịch lại có bài luận biết không thích những bài hát ấy; há cùng giống nhau! Xưa nay thơ phú mà kẻ hèn này thừa trẻ viết nên đều cho người khác đọc qua. Trong nhà ngoài phố bàn tán, tấy có chỗ đáng xem. Như bài hát của kẻ đánh xe cũng có lời hay đẹp, lời văn của kẻ thất phu cũng không dễ mà coi thường vậy. Thơ phú của ta ít nói đạo lý, cho nên không đủ để nêu cao nghĩa lớn, soi sáng đời sau vậy. Ngày xưa Dương Tử Vân⁽²⁷⁾ chỉ là bày tôi cảm kích của

thời trước mà vẫn nói rằng: ‘Người lớn không làm việc ấy’. Ta đâu đức mỏng, chỉ làm phiên thân, vẫn mong được gắng sức giúp nhà nước, ban ân cho dân, lập nghiệp cho muôn đời, truyền lại công vàng đá, há chỉ theo công nghiệp bút nghiên, lấy việc viết văn để làm người quân tử sao? Nếu chỉ ta không thành, đạo ta chẳng lập, cũng muốn chọn chép lời văn của quan lại, biện luận cái được cái mất của phong tục thời nay, tỏ nỗi lòng nhân nghĩa, lập thành học thuyết của một nhà, đâu không cất giữ được ở trong núi cao thì cũng trao cho người cùng yêu thích, bàn luận đến khi đầu bạc, há chỉ bàn luận ở thời nay sao! Ta nói lời này ra chẳng thẹn, mong ngài hiểu cho ta vậy. Sáng mai gặp nhau, trong thư chẳng tỏ hết nỗi lòng”. Tu đáp rằng: “Không hầu mấy ngày mà dài tựa mấy năm, há chỉ chịu nhận ân trạch thăm hỏi, khiến cho ta ngưỡng mộ tình sâu mà thôi đâu! Kẻ hèn này xin nói rõ ý mình, như việc ngâm đọc ngược xuôi, đâu bàn về Nhã, Tụng⁽²⁸⁾ cũng không hơn được ngài vậy. Như bọn Trọng Tuyên vang danh ở miền Giang Biểu, họ Trần rong ruổi ở miền Kí Châu, Từ, Lưu nổi rõ ở miền Thanh, Dự, Ứng Sinh phát tích ở nước Ngụy, họ đều đúng như thế. Còn như Tu đây, chỉ được nghe qua, đức hạnh không rõ, mắt chỉ liếc xem qua văn truyện, sao dám ngạo nghễ mà nhìn người ta? Cúi nghĩ quân hầu thừa trẻ lớn lên trong nhà quyền quý, là thân thể của Đán, Phát⁽²⁹⁾, có cái giáo hóa thánh thiện. Người gần xa trông xem kẻ hèn này đều cho là có thể nêu cao đức lành, chiếu rõ nghiệp lớn mà thôi, không cho là xem qua kinh truyện, chú ý ở văn chương vậy. Nay lại nhận được thư bày kể của ngài, chỉ mới đọc qua mà khiến cho người xem giật mình mà dụi mắt, người nghe cúi đầu mà vánh tai; nếu không phải là người thông thái rộng rãi, vâng theo tự nhiên thì ai có thể nói lên được những lời như thế? Lại từng tự mình nắm việc cầm bút giữ sách, có chỗ chép soạn, thành thạo ý nghĩa trong lòng, múa tay là thành văn, lại thêm không vì thế mà ít chăm chú suy nghĩ. Trọng Ni như mặt trời mặt trăng, không ai hơn được vậy. Tu ngưỡng mộ ngài gần như cũng thế. Cho nên đối đáp mà từ chối, làm bài Thử phú qua ngày mà không dâng lên, là vì thấy vẻ đẹp của Tây Thi lại thẹn cho vẻ mặt của mình vậy. Cúi nghĩ kẻ hèn này làm việc không biết lẽ đúng đắn, thẹn thùng cúi nhận ban tặng, chỉ bày giúp sửa nắn thôi. Kinh Xuân thu viết xong, chẳng ai tăng giảm, còn như sách Lữ thị Xuân thu, Hoài Nam Tử, mỗi chữ đáng nghìn vàng, nhưng vẫn bị người đời truyền ngoa, người ngoài chợ cùng nắm tay sửa lại, đấy là vì bậc thánh hiền nổi bật, cho nên khác hẳn với kẻ tầm thường vậy. Các thơ phú của thời nay và thơ phú của thời xưa không ai bằng Khổng Tử, nhưng phong cách không khác vậy. Tu như Tử Vân, già không hiểu việc, chỉ chép một sách, vẫn tiếc vì ít viết. Như thế, bọn Trọng Sơn, Chu Đán⁽³⁰⁾ đều có lỗi làm sao! Quân hầu quên gương sáng của bậc thánh hiền, nói ra lời sai của kẻ tầm thường, kẻ hèn này trộm cho là chưa sâu xa vậy. Nếu là không quên cái nghĩa lớn giúp

nước, truyền tiếng tăm với nghìn năm, khắc công lên chuông khánh, ghi tên vào tre lụa, đây là do tính nhả nhận bao chứa vậy, há ngăn cản với văn chương được sao? Kẻ hèn này nhận được ân trạch của ngài, chỉ mong đui mù ngâm đọc được thơ phú mà thôi. Dám quên ban ân mà nhục Trang Tử! Còn như Quý Tử nhỏ nhất, sao đáng nói tới”. Họ qua lại với nhau, rất nhiều lần như thế. Sau đó Thục vì phóng túng mà bị ruồng bỏ, nhưng Thục vẫn không ngừng giao kết với Tu, Tu cũng không dám tự dứt. Đến mùa thu năm thứ hai mươi tư, Tào Công vì Tu trước sau nói lời tiết lộ, giao kết chư hầu, bèn bắt giết Tu. Tu sắp chết, bảo người quen cũ rằng: “Ta bị bắt giết vẫn còn muôn vậy”. Ý nói cho là bị tội vì giao kết với Tào Thục vậy. Sau khi Tu chết trăm ngày thì Thái Tổ hoẵng, lập Thái tử, bèn có thiên hạ. Lúc trước, Tu lấy thanh kiếm của Vương Bưu dâng cho Thái tử, Thái tử thường đeo kiếm ấy. Đến lúc lên ngôi cao, ở tại Lạc Dương, ung dung ra khỏi cung, xét nghĩ Tu mắc lỗi nhỏ, vượt kiếm ấy, ngừng xe ngoảnh bảo tả hữu nói: “Đây là thanh kiếm mà ngày xưa Dương Đức Tổ lấy của Vương Bưu vậy. Ngày nay Bưu ở đâu”? Liền gọi Bưu đến gặp, ban lụa gấm cho Bưu.

Văn chương chí của Chí Ngu chép: Tên của Lưu Quý Tử là Tu, là con của Lưu Biểu, làm đến Đông An Thái thú. Viết thơ, phú, tụng có sáu thiên.

Thần là Tùng Chi xét: Lữ thị Xuân thu chép: “Có người có mùi hôi, anh em vợ con của người ấy đều chẳng ai ở cùng, người ấy tự khổ sở mà đến ở trên bờ sông. Người trên bờ sông thích lại thích mùi hôi ấy, ngày đêm đi theo người ấy mà không rời được”. Đây là lời Thục nói: “Đuổi theo người có mùi hôi” vậy. Việc về Điền Ba chép trong Lỗ Liên Tử, cũng thấy ở Hoàng lăm, lời văn nhiều cho nên không chép ra đây.

Thế ngữ chép: Vào năm Tu hai mươi lăm tuổi, vì là nhà quyền quý lại có tài năng cho nên được Thái Tổ coi trọng, cùng anh em Đinh Nghi đều muốn giúp Thục làm người nối tự. Thái tử lo lắng, lấy xe chở cái rương hồng chuyển đến mưu tính với Triệu Ca Trưởng là Ngô Chất. Tu đem việc ấy bẩm lên Thái Tổ, chưa kịp xét hỏi. Thái tử sợ, báo cho Chất, Chất nói: “Lo gì? Ngày sau lại đem rương đặt trong xe kéo đi để khiến cho hấn nghi hoặc, Tu tất thêm bẩm lên, bẩm lên tất suy nghĩ, nếu xét không đúng thì bên ấy bị trách tội vậy”. Thái tử nghe theo, quả nhiên Tu bẩm lên, nhưng không có người trên xe, do đó Thái Tổ nghi ngờ Tu. Tu với Giả Quỳ, Vương Lăng cùng làm Chủ bạ, lại được Thục kết bạn. Hễ sắp đến gặp Thục, lo việc có lỗi, xét nghĩ ý của Thái Tổ, làm sẵn bài văn dạy đáp có hơn mười điều để khuyên kẻ dưới, dạy xong thì đối đáp. Lời dạy chép xong, lời đáp đã vào, Thái Tổ thấy lạ cái nhanh nhẹn ấy, xét hỏi bắt tiết lộ. Thái Tổ sai Thái tử và Thục đều qua một cửa ở thành Nghiệp, nhưng ngầm hạ lệnh không cho ai được qua cửa để xem việc mà Tu làm. Thế tử đến cửa thành, không ra được mà về. Tu khuyên Thục trước rằng: “Nếu quân hầu không ra qua cửa thành

thì quân hầu được nhân ngôi vua, nên chém tướng giữ thành”. Thực nghe theo. Cho nên Tu bèn bị kẻ tội giao kết mà ban chết. Con Tu là Hiêu, con Hiêu là Hoài, đều nổi danh vào thời nhà Tấn. Hiêu vào đầu năm Thái Thủy làm Điện quân Tướng quân, dộc lòng dạ làm việc, chết sớm. Hoài tự Thủy Khâu, cuối thời Huệ Đế làm Kí Châu Thứ sử.

Kí Châu kí của Tuân Xước chép: Hoài thấy phép vua chẳng sửa, bèn buông thả uống rượu, không chú ý làm việc quan, vui chơi qua ngày mà thôi. Thành Đô Vương biết Hoài không sửa mình, nhưng vẫn cho rằng Hoài là kẻ sĩ giỏi, tiếc mà không trách, gọi đến làm Quân mưu Tế tửu. Rồi phủ về nhà, chư hầu miền Quan Đông bàn nghị muốn lấy Hoài sửa năm các việc để tỏ ý chuộng đức kính hiền. Việc chưa làm được thì chết. Con Hoài là Kiệu, tự Quốc Ngạn, Mao tự Sĩ Ngạn, đều là kẻ anh hào đời sau. Hoài thân thiện với Bùi Ngôi, Nhạc Quảng, sai Hoài đến gặp họ. Tính Ngôi thẳng thắn, thích phong thái cao thượng của Kiệu, bảo Hoài rằng: “Kiệu tất làm đến công khanh, còn Mao lại kém hơn vậy”. Tính Quảng trong sạch, ưa cái tiết kiệm của Mao, bảo Hoài rằng: “Kiệu tự làm đến công khanh, nhưng Mao tinh thông hơn”. Hoài than rằng: “Cái hay đẹp của hai con ta là cái hay đẹp của Bùi, Nhạc vậy”. Người bình cho rằng Kiệu dẫu là cao thượng nhưng tiết kiệm không bằng Mao, nói rộng là thế. Phó Sương nói: “Kiệu giống Hoài mà thô sơ”. Em Kiệu là Tuấn, tự Huệ Ngạn, trong sạch hơn cả. Kiệu, Mao đều làm quan có bổng hai nghìn thạch. Tuấn làm Thái phó duyện.

Năm thứ hai mươi tư, Tào Nhân bị Quan Vũ vây, Thái Tổ lấy Thực làm Nam trung lang tướng, giữ chức Chinh lỗ Tướng quân, muốn sai đến cứu Nhân, gọi đến để răn bảo. Thực say rượu không vâng lệnh được, do đó hối hận mà bãi chức.

Ngụy thị Xuân thu chép: Thực sắp đi, Thái tử mời Thực ăn uống, ép cho Thực say rượu. Ngụy Vương gọi Thực, Thực không tự nhận được mệnh lệnh, cho nên Ngụy Vương giận Thực vậy.

Văn Đế lên ngôi Vương, giết Đinh Nghi, Đinh Dục và con trai của họ.

Ngụy lược chép: Đinh Nghi tự Chính Lễ, người quận Bái. Cha là Xung, vốn thân thiện với Thái Tổ, bấy giờ thường cùng ngồi xe đi theo. Thấy nhà nước chưa định, bèn gửi thư cho Thái Tổ rằng: “Thửa trước túc hạ thường bảo rằng mình có chí giúp nước, ngày nay là lúc giúp rồi”. Bấy giờ Trương Dương vừa về quận Hà Nội, Thái Tổ nhận được thư ấy, bèn dẫn quân đón Thiên tử đi về phía đông đến đất Hứa, lấy Xung làm Tư lệ Hiệu úy. Sau đó mấy lần qua chỗ các tướng ăn uống, uống rượu ngon chẳng nghĩ, chấy ruột mà chết. Thái Tổ thấy Xung lúc trước khuyên bảo mình, thường khen đức của Xung. Nghe nói Nghi là kẻ sĩ có tài, dẫu chưa gặp nhưng muốn gả con gái yêu cho Nghi, đem việc hỏi Ngũ quan tướng. Ngũ quan tướng nói: “Về mặt của con gái xinh đẹp mà mắt của Nghi lại xấu xí, chỉ e con gái yêu

không vừa lòng vậy. Thần cho rằng không bằng gả cho con của Phục ba Tướng quân⁽³¹⁾ là Mậu”. Thái Tổ nghe theo. Rồi gọi Nghi làm Duyệt thuộc, đến cùng bàn luận, khen tài năng của Nghi, nói: “Đình Duyệt thuộc là kẻ sĩ giỏi vậy, nếu đung hai mắt của người ấy mù lòa thì ta vẫn gả con gái cho, huống cho chỉ là chợt? Là con ta làm ta làm rồi”. Bấy giờ Nghi cũng hận vì không được lấy công chúa, liền thân thiện với Lâm Truy Hầu, nhiều lần khen tài lạ của Lâm Truy Hầu. Thái Tổ đã có ý muốn lập Thục, mà Nghi lại cùng khen ngợi Thục. Đến lúc Thái tử lập, muốn trị tội Nghi, chuyên Nghi làm Hữu thích gian duyệt, muốn Nghi tự xét tội mình mà Nghi không làm được, bèn gặp Trung lĩnh quân Hạ Hầu Thượng cúi đầu xin giúp, Thượng khóc lóc mà chẳng giúp được. Sau đó bèn nhân có việc khác mà bắt vào ngục, giết Nghi. Dục tự Kính Lễ, là em của Nghi vậy. Văn sĩ truyện chép: Thừa trẻ Dục có tài năng, học rộng biết nhiều. Lúc trước được mời đến phủ công, giữa năm Kiến An làm Hoàng môn Thị lang. Dục từng ung dung bảo Thái Tổ rằng: “Lâm Truy Hầu bản tính nhân hiếu, rộng rãi tự nhiên, lại thông minh hiếu biết, chẳng ai kịp bằng. Lại còn học rộng sâu xa, văn chương hơn người, là bậc quân tử hiện tài thời nay, không kể già trẻ đều muốn giao du với ngài và vì ngài mà chết, thật là người mà trời trao phúc nhà Đại Ngụy, khiến cho bỗng lộc giữ mãi không hết vậy”. Muốn để khuyên bảo Thái Tổ. Thái Tổ đáp nói: “Thục là người ta thích, há đợi Khanh nói ra? Ta muốn lập hẳn làm người nối tự, thế nào”? Dục nói: “Việc này là nguyên nhân khiến cho nhà nước hưng suy, là nguyên nhân khiến cho thiên hạ còn mất, là việc mà kẻ ngu hèn này không dám bàn đến. Dục nghe nói biết tôi chẳng ai bằng vua; biết con chẳng ai bằng cha. Đến như vua không kể sáng tối, cha không kể hiền ngu, lại thường biết được tôi, con của mình chẳng? Có lẽ là do biết được không chỉ một việc một vật, biết hết không phải chỉ một sớm một tối. Huống chi mình công thử ngài mà dùng lời của bậc thánh, tin ngài mà trao việc của người con. Ngày nay nêu rõ lệnh sáng suốt, nói lời tốt lành, có thể nói là trên ứng mệnh trời, dưới hợp lòng người, được việc ở chốc lát, trải qua đến muôn đời vậy. Dục không e bị chết bởi rìu búa, dám nói hết lời”. Thái Tổ khen lời ấy.

Thục và chư hầu cùng đến nước. Năm Hoàng Sơ thứ hai, Giám quốc yết giả là Quán Quân xin đến gặp, về tấu rằng: “Thục say rượu khinh mạn, đánh hiếp sứ giả”. Quan coi việc xin trị tội ấy, Đế vì Thái hậu can ngăn, bèn giáng phong làm An Hương Hầu. Ngụy thư chép chiếu rằng: “Thục là em cùng mẹ của trẫm. Trẫm đối với thiên hạ không chỗ nào không bao bọc, huống chi là Thục? Nể tình cốt nhục, tha mà không giết, đổi phong cho Thục”. Năm đó đổi phong làm Quyên Thành Hầu. Năm thứ ba, lập làm Quyên Thành Vương, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ.

Năm thứ tư, chuyên phong làm Ung Khâu Vương. Năm đó, châu ở kinh

SƯ.

Năm thứ sáu, Đế đánh miền đông, trở về qua Ung Khâu, đến cung của Thực, ban thêm năm trăm hộ.

Năm Thái Hòa thứ nhất, chuyển phong làm Tuấn Nghi Vương. Năm thứ hai, lại về Ung Khâu.

Năm thứ ba, chuyển phong làm Đông A Vương. Mùa đông năm đó, hạ chiếu sai các Vương hẹn đến châu vào tháng giêng năm thứ sáu. Tháng hai năm đó, lấy bốn huyện của quận Trần phong Thực làm Trần Vương, thực áp ba nghìn năm trăm hộ. Thực thường muốn được gọi đến bàn luận chính trị thời ấy, mong cầu dùng thử, nhưng cuối cùng chẳng được. Đã về, buồn bã tuyệt vọng. Theo phép chế thời ấy, đối đãi với nước phiên đã ép bức, lại nữa bọn quan thuộc đều là kẻ buôn bán kém tài, chỉ cấp cho quân sĩ già yếu, lớn cũng chẳng hơn hai trăm người. Lại vì Thực lúc trước có lỗi, các việc đều bị cắt giảm, trong khoảng mười một năm mà ba lần chuyển phong, thường lo lắng không vui, bèn phát bệnh chết, bấy giờ bốn mươi một tuổi.

Thực thường gảy đàn ca hát, có lời rằng:

“Than ôi thân phiêu dạt,

Ở đời sao cô độc!

Rời xa nơi gốc gác,

Ngày đêm chẳng thành thoi.

Đông tây qua chín lối,

Nam bắc vượt bảy bờ.

Bỗng gặp cơn gió nổi,

hỏi ta vào cõi mây.

Vừa lên đến trời cao,

Lại rơi xuống vực sâu.

Gió cuồng kéo ta dậy,

Lại vào cánh đồng này.

Đằng nam rồi mé bắc,

Sang đông lại sang tây.

Dây dưa biết dưa đâu?

Sắp chết mà sống lại.

Trôi nổi khắp tám đằm,

Liên miên qua năm núi.

Rong ruổi chẳng ở yên,

Ai biết ta vất vả?

Muốn làm cây trong rừng,

*Mùa thu cháy theo bãi.
Cháy tàn há chẳng đau?
Chỉ mong rẽ liền gốc”.*

Tôn Thịnh nói: “Lạ thay cho cái cách phong kiến của nhà Ngụy! Chẳng theo phép của Tiên vương, không xét cái thuật giữ phen đậu, làm trái phong tục hòa mục, phản lại cái nghĩa giữ nước. Theo cách phong kiến vào thời đầu của nhà Hán, có chỗ quyền thế ngang với vua trên, dẫu nói là không phải phép nhưng thời thế phải như thế vậy. Như chư hầu của nhà Ngụy lại hèn kém tựa kẻ thất phu, như việc phạt tội bảy nước, cũng đã sửa năm được lỗi làm vậy. Vả lại nhà Ngụy thay nhà Hán vốn không phải là do tích đức, phong tục đã kém, sáu cõi chưa liền mà chặt bẻ cành nhánh, trao quyền cho họ khác, thế như cây mục, nguy như ổ mìn, chẳng lâu thì đứt, đấy chẳng phải do trời diệt vậy. Theo phép ngũ đẳng⁽³²⁾, đấy là phép vạn đời chẳng đổi. Sáu đời hưng vong⁽³³⁾. Tào Quỳnh⁽³⁴⁾ bàn đã rõ rồi”.

Truyền lệnh lại sai táng sơ qua. Lậy con nhỏ là Chí làm chủ giữ nhà, muốn lập Chí vậy.

Lúc trước, Thực trèo lên núi Ngự, đến huyện Đông A, thử dài có ý chết ở đấy, bèn đào làm mộ. Con là Chí nổi tự, chuyên phong làm Tế Bắc Vương. Giữa năm Cảnh Sơ hạ chiếu rằng: “Ngày trước Trần Tư Vương dẫu có lỗi lầm nhưng tự thân tận tâm làm việc để bù đắp lỗi trước. Vả lại từ thừa trẻ đến lúc mất, sách vở không rời khỏi tay, thật là tài năng khó tìm vậy. Các sổ biểu vào giữa năm Hoàng Sơ mà từ công khanh trở xuống bàn nghị với ba phủ Thượng thư, Bí thư, Trung thư, Đại hồng lư từng kể tội Thực đều đã xóa bỏ. Soạn chép thơ, phú, tụng, minh, tạp luận mà Thực trước sau viết nên cả thảy mấy trăm thiên, giúp cất giữ ở trong ngoài”. Chí được tăng thêm ấp, cả lúc trước là chín trăm chín mươi hộ.

Chí biệt truyện chép: Chí tự Doãn Cung, ham học lại có tài. Vào thời Vũ Đế của nhà Tấn làm Trung phủ quân, đón Thường Đạo Hương Công ở đất Nghiệp, buổi đêm Chí gặp nhau với Đế, cùng nói chuyện với Đế từ chiếu đến sáng mai, rất coi trọng Chí. Đến lúc nhận ngôi, đổi phong làm Quyên Thành Công. Hạ chiếu lấy Chí làm Nhạc Bình Thái thú, làm quan qua ở các quận Chương Vũ, Triệu Quận, chuyển làm Tấn kị Thường thị, Quốc tử Bác sĩ, sau lại chuyển làm Bác sĩ Tế tửu. Đến lúc Tề Vương là Du sắp đến làm phiên thần, trọng lễ theo phép của quan lại mà ban thưởng, Chí than rằng: “Há có người tài như thế, thân thích như thế mà không được sửa trị giáo hóa, mà lại cho ra ngoài cõi xa sao”? Lại bày kể để khuyên can, lời lẽ rất khẩn thiết. Đế cả giận, bãi chức của Chí. Sau lại làm Tấn kị Thường thị. Chí gặp lúc mẹ mất, chịu tang hết kì, do đó mắc bệnh, vui giận khác thường, năm Thái Khang thứ chín thì chết, thụy là Định Công.

Tiêu Hoài Vương là Hùng, hoẵng sớm. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy phong hiệu là Tiêu Hoài Công. Năm Thái Hòa thứ ba, lại truy phong tước Vương. Năm Thanh Long thứ hai, con là Ai Vương là Bình nối tự, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ sáu thì hoẵng, không có con, nước trừ.

Bình rằng: Nhâm Thành Vương võ nghệ tráng mãnh, có khí chất của tướng sủy. Trần Tư Vương văn chương hay đẹp, đủ để truyền lại cho đời sau, nhưng không biết giữ gìn phòng xa, dẫn đến bị hiềm ganh. Kinh truyện chép: “Nước Sở cũng làm mất rồi, mà nước Tề cũng không có được”, lời ấy nói đúng về hai người chằng!

Ngư Hoạn nói: “Ngạn ngữ có nói: ‘Nghèo mà chẳng tiết kiệm, hèn mà chẳng khiêm nhường’, đây chẳng phải tính người vốn thế, mà là do thời thế khiến nên như vậy. Cái thế rõ ràng ấy, thật chẳng sai vậy. Nếu mà Thái Tổ ngăn ngừa bọn Thục, vào thời xưa ấy thường khen là hiền, thì sao lại có ý trông đợi được? Chương vẫn mang hận, vẫn không biết làm sao. Còn đối với Thục, sao lại chuốc nạn mà khiến cho Dương Tu vì giao du mà bị hại, Đinh Nghi mong ý mà nhà diệt? Thương thay! Ta hãy đọc xem văn chương của Thục, ý nghĩa có thần. Từ đấy mà xét, tấm lòng dao động của Thái Tổ cũng có cái hay vậy”⁽³⁵⁾.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Vệ, Hoắc*: chỉ Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, thời Vũ Đế nhà Hán làm tướng đánh đuổi rợ Hung Nô chạy dài về phía tây.

(2) *Thái tử*: chỉ Tào Phi là con cả của Thái Tổ Tào Tháo, bấy giờ làm Thái tử.

(3) *Thằng con nhà bán dếp kia lại sai thằng con nuôi chống ông hấn chẳng!*: chỉ con nhà bán dếp là Lư Bị sai con nuôi là Lư Phong đánh chống Tào Tháo.

(4) *Gương anh em họ Viên*: chỉ việc ba anh em Viên Đàm, Viên Hi, Viên Thượng, sau khi cha là Viên Thiệu chết thì ba anh em tranh quyền đánh lẫn nhau, cuối cùng bị Tào Tháo phá diệt.

(5) *Đã táng*: chỉ đã táng Tào Tháo.

(6) *Sóc Phương*: chỉ miền bắc Trung Quốc thời xưa, thời nhà Hán từng lập ra bộ Sóc Phương để trông coi người Hung Nô.

(7) *Xe loan, cò rồng*: xe loan chỉ xe có gắn chuông nhỏ, cò rồng chỉ cò thêu hình rồng, thường dùng cho nhà vua.

(8) *Đông Bình Vương của nhà Hán*: chỉ Lư Vũ là con thứ ba của vua Tuyên Đế nhà Hán, được phong làm Đông Bình Vương.

(9) *Trung thượng phương*: Trung thượng phương là chức quan có từ thời Hán, coi việc làm ra các đồ dùng trong cung điện.

(10) *Hoàn, Văn*: chỉ Hoàn Công của nước Tề, Văn Công của nước Tấn thời Xuân thu, dựng nên nghiệp bá.

(11) *Đông vương*: chỉ Đông Vương Công, theo truyền thuyết là thần đứng đầu các vị tiên nam, thần còn lại là Tây Vương Mẫu đứng đầu các vị tiên nữ.

(12) *Thực từng ngòi xe đi giữa đường, mở cửa Tư Mã mà ra*, *Thái Tổ cả giận*: cửa Tư Mã là cửa ngoài cung của nhà vua, canh phòng rất nghiêm ngặt, Thực tự ý mở cửa ra, do đó Tháo giận vậy.

(13) *Thái úy Bru*: chỉ Dương Bru tự Văn Tiên, người quận Hoàng Nông, làm Thái úy vào thời vua Hiến Đế của nhà Hán.

(14) *Thừa tướng*: chỉ Tào Tháo, bấy giờ làm Thừa tướng.

(15) Ngày xưa Trọng Tuyên bước riêng ở miền nam sông Hán, Không Chương dương cánh ở miền bắc sông Hà, Vĩ Trưởng nổi danh ở miền Thanh Châu, Công Cán lấy lừng ở miền bờ biển, Đức Liên phát tích ở đất Đại Ngụy, túc hạ ngạo nghễ ở miền kinh sư.: Vương Xán tự Trọng Tuyên, người

quận Sơn Âm, cuối thời Hán loạn lạc chạy đến Kinh Châu ở phía nam sông Hán nương nhờ Lưu Biểu. Trần Lâm tự Khổng Chương, người quận Quảng Lăng, sau khi Hà Tiến bị giết, chạy đến Kì Châu ở miền sông Hoàng Hà theo Viên Thiệu. Từ Cán tự Vĩ Trường, người quận Bắc Hải, thời Hán loạn, giữ ở Thanh Châu. Lưu Trinh tự Công Cán, người quận Đông Bình. Ứng Sướng tự Đức Liên, người quận Nhữ Nam. Dương Tu tự Đức Tổ, người quận Hoằng Nông. Đều là những người giỏi văn chương vào thời Hán, Tam quốc.

(16) Ngọc châu của rắn thần: theo truyền thuyết, vào thời Xuân thu, Tùy Hầu thấy một con rắn bị thương, liền lấy thuốc chữa cho nó, sau đó con rắn ấy từ giữa sông ngậm một viên ngọc lớn bơi lên đền ơn. Thường sánh người tài năng như ngọc châu của rắn thần vậy.

(17) Ngọc đẹp ở núi Kinh: chỉ ngọc của Biện Hòa người nước Sở thời Xuân thu phát hiện được ở núi Kinh.

(18) Tư Mã Trường Khanh: chỉ Tư Mã Tương Như tự Trường Khanh, người Thục Quận thời Vũ Đế nhà Hán, giỏi làm thơ, phú.

(19) Chung Kì không nghe làm tiếng đàn: Chung Kì, còn gọi là Chung Tử Kì, người nước Sở thời Xuân thu, tương truyền có một người giỏi âm nhạc là Bá Nha gảy đàn ở bên bờ sông, Chung Kì nghe được, nói: “Tiếng đàn cao vời như núi cao, lại cuộn cuộn như nước chảy”. Bá Nha cho là Chung Kì hiểu tiếng đàn của mình mình.

(20) Ni Phủ: chỉ Khổng Tử.

(21) Du, Hạ: chỉ Tử Du, Tử Hạ, là hai học trò của Khổng Tử.

(22) Nam Uy: Nam Uy, còn gọi là Nam Chi Uy, là người con gái xinh đẹp của nước Tấn thời Xuân thu, vua Văn Công của lấy được Nam Uy, ba ngày không nghe chính trị.

(23) Kiếm Long uyên: Long uyên là tên của một trong năm thanh kiếm báu do Âu Dã Tử thời Xuân thu đúc.

(24) Điền Ba: Điền Ba là người giỏi biện luận, người nước Tề thời Chiến quốc, tương truyền biện luận ở ấp Trử Khâu, nghị bàn ở ấp Tắc Hạ, một ngày thuyết phục mười người.

(25) Lỗ Liên: Lỗ Liên, còn gọi là Lỗ Trọng Liên, Lỗ Liên Tử người nước Tề thời Chiến quốc, giỏi biện luận.

(26) Hàm trì, Lục anh: Hàm trì, Lục anh là tên hai khúc nhạc thời xưa, tương truyền do Đế Chuyên Húc soạn nên.

(27) Dương Tử Vân: chỉ Dương Hùng ()

(28) Nhã, Tụng: Nhã, Tụng là hai chủ đề trong kinh Thi.

(29) Đán, Phát: Đán chỉ Cơ Đán là Chu Công, Phát chỉ Cơ Phát là Vũ Vương của nhà Chu, là con của Văn Vương.

(30) Trọng Sơn, Chu Đán: Trọng Sơn chỉ Trọng Sơn Phủ vốn là nhà nông, sau được tiến cử vào triều làm Tế tướng cho vua Tuyên Vương của nhà Chu. Chu Đán chỉ Chu Công.

(31) Phục ba Tướng quân: chỉ Hạ Hầu Đôn tự Nguyên Nhung, từng được bái làm Phục ba Tướng quân.

(32) Ngũ đẳng: chỉ năm bậc tước là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

(33) Sáu đời hưng vong: chỉ nhà Ngụy thời Tào Tháo đến đời Tào Phi, Tào Duệ, Tào Phương,

Tào Mao, Tào Hoán là sáu đời. Hưng từ thời Tào Tháo mà vong vào thời Tào Hoán vậy.

(34) Tào Quýnh: Tào Quýnh tự Nguyên Thủ, là con của Ngụy Minh Đế Tào Duệ, từng viết bài luận về sự hưng vong của sáu đời nhà Ngụy.

(35) Ta hề đọc xem văn chương của Thực, ý nghĩa có thần. Từ đấy mà xét, tấm lòng dao động của Thái Tổ cũng có cái hay vậy”.: Ý nói văn chương của Thực có thần, đáng xem. Thái Tổ sủng ái, muốn lập làm Thái tử, sau dao động mà ruồng bỏ, sau lại bị Văn Đế hiềm ganh, o đó Thực sinh lòng buồn bã, từ đấy chăm chú thơ phú, ít màng chính trị. Cũng vì thế mà mới có Tào Thực văn chương hay đẹp, tình cảm sâu sắc chẳng!

**QUYÊN 20 - VŨ VĂN THỂ VƯƠNG CÔNG
TRUYỆN**

PHẦN 1

Tào Ngang, Tào Thước, Tào Xung, Tào Cứ, Tào Vũ, Tào Lâm, Tào Cồn, Tào Huyền, Tào Tuấn, Tào Củ, Tào Cán, Tào Thượng, Tào Bru, Tào Cản, Tào Thừa, Tào Chính, Tào Kinh, Tào Quân, Tào Các, Tào Huy, Tào Mậu, Tào Hiệp, Tào Nhụy, Tào Giám, Tào Lâm, Tào Lễ, Tào Ung, Tào Cống, Tào Nghiễm

Vũ Hoàng Đế có hai mươi lăm con trai: Biện Hoàng hậu sinh Văn Hoàng Đế, Nhâm Thành Uy Vương là Chương, Trần Tư Vương là Thực, Tiêu Hoài Vương là Hùng; Lưu phu nhân sinh Phong Mẫn Vương là Ngang, Tương Thương Vương là Thước; Hoài phu nhân sinh Đặng Ai Vương là Xung, Bành Thành Vương là Cứ, Yên Vương là Vũ; Đỗ phu nhân sinh Bái Mục Vương là Lâm, Trung Sơn Cung Vương là Cồn; Tần phu nhân sinh Tế Dương Hoài Vương là Huyền, Trần Lưu Cung Vương là Tuấn, Doãn phu nhân sinh Phạm Dương Mẫn Vương là Củ; Vương chiêu nghi sinh Triệu Vương là Cán; Tôn cơ sinh Lâm Ấp Thương công tử là Thượng, Sở Vương là Bru, Cương Thương công tử là Cản; Lí cơ sinh Cốc Thành Thương công tử là Thặng, Mi Đái Công tử là Chính, Linh Thương công tử là Kinh; Chu cơ sinh Phàn An Công là Quân; Lưu cơ sinh Quảng Tông Thương công tử là Cứ; Tống cơ sinh Đông Bình Linh Vương là Huy; Triệu cơ sinh Lạc Lãng Vương là Mậu.

Phong Mẫn Vương là Ngang, tự Tử Tu. Tuổi ‘nhược quán’⁽¹⁾ cử hiệu liêm, theo Thái Tổ đánh miền nam, bị Trương Tú hại. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy phong thụy là Phong Trác Công. Năm thứ ba, lấy con của Phàn An Công là Quân tên là Uyển làm dòng dõi của Ngang, phong Trung Đô Công; năm đó chuyển phong con cả tên là Công. Năm thứ năm, truy tặng Ngang hiệu là Phong Trác Vương. Năm Thái Hòa thứ ba, đổi thụy Ngang là Mẫn Vương. Năm Gia Bình thứ sáu, lấy Uyển nối tước Ngang làm Phong Vương. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, cùng hai nghìn bảy trăm hộ lúc trước. Uyển hoẵng, thụy là Cung Vương. Con là Liêm nối tự.

Tương Thương Vương là Thước, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ ba, truy phong thụy. Năm Thanh Long thứ nhất, con là Mẫn Vương tên là Tiềm nối tự; năm đó hoẵng. Năm thứ hai, con là Hoài Vương tên là Yên nối tự, thực ấp hai nghìn năm trăm hộ. Năm thứ tư, hoẵng, không có con. Nước trừ. Năm Chính Nguyên thứ hai, lấy con của Lạc Lãng Vương là Mậu là Dương Đô Hương Công tên là Tùng nối dõi của Thước.

Đặng Ai Vương là Xung, tự Thương Thư. Thừa bé thông minh tốt vời, sinh được năm sáu tuổi đã trí tuệ, có cái trí như của người lớn. Bấy giờ Tôn

Quyền từng công voi lớn, Thái Tổ muốn biết cân nặng của nó, hỏi với bầy tôi, đều chẳng ai bày được cách cân. Xung nói: “Đặt voi lên thuyền lớn, rồi khắc chỗ mà mực nước đến, đem vật khác để thay vào thì sẽ biết được vậy”. Thái Tổ cả mừng, liền cho làm ngay. Bấy giờ quân lữ nhiều việc, dùng hình rất nghiêm. Yên ngựa của Thái Tổ ở kho bị chuột gặm, quan coi kho sợ tạt chết, bàn muốn trói đầu chịu tội, vẫn lo không thoát được. Xung bảo rằng: “Đợi ba ngày nữa rồi mới tự bằm”. Do đó Xung lấy dao cắt áo cộc làm như chuột gặm, rồi tỏ vẻ thất ý, mặt có vẻ buồn, Thái Tổ hỏi sao, Xung đáp rằng: “Người đời cho là áo bị chuột gặm thì chủ áo không được tốt. Nay áo cộc bị gặm, cho lên lo buồn”. Thái Tổ nói: “Đây là nói bậy thôi, không sao cả vậy”. Chốc lát thì quan coi kho bằm việc cái yên bị gặm, Thái Tổ cười rằng: “Cái áo trẻ con ở bên còn bị gặm, huống chi là cái yên treo trên cột đây”? Rồi không hỏi nữa. Xung nhân ái hiểu biết, đều đại loại như thế. Hễ ai phải tội chết mà được Xung bày lý lẽ biện luận thì nhờ đó mà được cứu, trước sau có mấy chục người.

Ngụy thư chép: Xung hễ gặp kẻ bị phạt, liền xét kỹ có oan uổng không mà nói lý lẽ. Đến như những quan lại chăm chỉ có lỗi lầm mà bị tội, thường bày bằm Thái Tổ, nên khoan thứ cho họ. Tính ưa xem xét lại nhân ái, dáng vẻ đẹp đẽ, có khác với mọi người, cho nên rất được sủng ái.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Câu nói một ý là “Dáng vẻ đẹp đẽ” mà chia ra nói làm ba lần, cũng là một lỗi chép văn sai vậy.

Thái Tổ nhiều lần đối với bầy tôi mà khen ngợi, có ý muốn truyền vị cho. Năm mười ba tuổi, vào năm Kiến An thứ mười ba thì bệnh chết. Thái Tổ tự đến thăm chăm. Lúc mất, rất buồn. Văn Đế an ủi Thái Tổ, Thái Tổ nói: “Đây là điều không may của ta, lại là điều may của bọn mi vậy”.

Tôn Thỉnh nói: “Theo nghĩa Xuân thu, lập con trưởng làm người nối tự không kể hiền hay không. Xung dẫu còn sống cũng không nên lập, huống chi đã chết mà nói ra lời ấy? Kinh Thi chép: ‘Chớ nói dễ dãi’. Ngụy Vũ Đế nói thế là dễ dãi vậy”.

Nói mà rơi lệ, đem hợp táng với con gái đã mất của Chân thị, tặng ân thao Kị đô úy, sai con của Uyển Hầu là Cừ tên là Tông nối dõi Xung. Năm thứ hai mươi hai, phong Tông làm Đặng Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy tặng thụy Xung là Đặng Ai Hầu, lại thêm hiệu là Công.

Ngụy thư chép lệnh rằng: “Vào ngày bính ngọ tháng tám năm Hoàng Sơ thứ hai, Hoàng đế nói: Nhớ Đặng Ai Hầu người là Xung, ngày xưa trời cao truyền tính đẹp, tặng cái tài thông đạt cho thân người, thành danh ở tuổi trẻ; đáng được hưởng lộc lâu dài, thọ đến trọn đời. Sao lại không may, giữa đời mệnh yếu! Trẫm nói ngôi trời, trị cả bốn cõi, phong tặng người thân để làm phen dậu của nhà nước, nghĩ người không kịp hưởng vinh hiển, lại nữa lễ táng chưa đủ. Trong lòng thương cảm, đau buồn xót xa. Nay chuyển táng ở

Cao Lãng, sai Sứ trí tiết kiêm Yết giả bộc xạ Lang trung Trần Thặng đến truy tặng hiệu là Đặng Công, lấy đồ thái lao cúng tế. Hôn mà có linh, hãy nhận vinh sủng. Than ôi thương thay”!

Ngụy lược chép: Văn Đế thường nói: “Anh ta hiếu liêm, tự biết phận mình. Nếu Thương Thư còn sống thì ta cũng không có thiên hạ”!

Năm thứ ba, thêm tước cho Tông, chuyển phong làm Quán Quân Công. Năm thứ tư, chuyển phong Kỉ Thị Công. Năm Thái Hòa thứ năm, thêm hiệu Xung là Đặng Ai Vương. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, Tông bị khép tội ở phủ Thượng phương làm vật cấm, trừ ba trăm hộ, giảm tước làm Đô hương hầu. Năm thứ ba, lại làm Kỉ Thị Công. Năm Chính Thủy thứ bảy, chuyển phong làm Bình Dương Công. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, cùng một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Bành Thành Vương là Cứ, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Phạm Dương Hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Uyển Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Chương Lãng Vương; năm đó chuyển phong làm Nghĩa Dương Vương. Văn Đế vì miền nam âm thấp, lại vì Hoài thái phi là người quận Bành Thành, bèn chuyển phong làm Bành Thành Vương; lại chuyển phong Tế Âm Vương. Năm thứ năm, chiếu nói: “Đế vương ngày xưa phân phong, tùy thời mà định. Hán Cao Tổ tăng quận mà nhà Tần đặt, đến thời Quang Vũ Đế vì thiên hạ tôn giảm bèn cắt bớt quận huyện. Đến nay cũng thế, ích chẳng gì hơn. Nay đổi phong các Vương, đều làm Huyện vương”. Cứ được đổi phong ở huyện Định Đào. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong các Vương hầu, đều lấy quận làm nước, Cứ lại chuyển phong ở quận Bành Thành. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, Cứ bị khép tội sai người người đến phủ Thượng phương làm vật cấm, cắt bớt hai nghìn hộ.

Ngụy thư chép chiếu thư rằng: “Chiếu lệnh Bành Thành Vương: Quan coi việc tâu nói Vương sai Tư mã Đổng Hòa đem ngọc châu đến phủ Thượng phương trong kinh sư, làm nhiều vật cấm, qua lại với Công quan, ra vào phủ quan, chuyển dời vô độ, khinh lệnh trái phép, dùng luật trói buộc. Trẫm lấy làm ngạc nhiên, trong lòng không yên. Vương ở ngôi trọng của thân thích, nắm vị của phiên thân, điển tịch hằng ngày bày ở trước, sách đọc không nghỉ ở bên; lại vốn tính nhã nhặn trong sạch, cung kính thận trọng, làm việc tu đạo, chăm chỉ không nhác, há quên tu thân thuận ý, quên xét kỹ thiếu sót sao? Nếu có lỗi nhỏ, hoặc bị tiểu nhân gièm pha, sao lại không biết được mà để làm lỗi như thế? Kinh Thư chép: ‘Thánh nhân không lo suy nghĩ cũng sẽ thành kẻ cuồng, kẻ cuồng lo suy nghĩ cũng thành được thánh nhân’. Người xưa răn bảo mà đến như thế, cho nên quân tử suy nghĩ không ngừng về đạo hóa sâu xa vậy. Thường nghĩ là vì tu đức mà bỏ thì đức sáng vậy; mở ý là vì ghen mà thông suốt thì ý yên vậy; giữ hạnh là vì lỗi mà sửa thì hạnh trọn

vậy; ba điều ấy là điều mà Vương nên có. Nay hạ chiếu quan coi việc tha cho Vương, cắt một huyện, hai nghìn hộ để nêu rõ phép tắc ra oai và phạt lỗi. Ngày xưa Hi-Văn soạn kinh Dịch⁽²⁾, chép lời hay đẹp, Trọng Ni luận đức hạnh, nói là có lỗi thì sửa được. Vương nên sửa đức, nêu rõ nghĩa lớn, kính theo chó biếng”.

Năm thứ ba, trả lại hộ áp bị cắt. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm áp, gộp cả bốn nghìn sáu trăm hộ lúc trước.

Yên Vương là Vũ, tự Bành Tổ. Năm Kiến An thứ mười sáu, phong Đô hương hầu. Năm thứ hai mươi hai, đổi phong Lỗ Dương Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Hạ Bì Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Đan Phủ. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Yên Vương. Minh Đế thừa nhỏ ở cùng với Vũ, thường yêu mến Vũ. Đến lúc lên ngôi, ban sủng khác với các Vương hầu. Năm Thanh Long thứ ba, mời vào châu. Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, về huyện Nghiệp. Mùa hạ năm thứ hai, lại mời đến kinh đô. Tháng mười hai mùa đông, Minh Đế bệnh nặng, bái Vũ làm Đại tướng quân, trao cho việc sau. Nhận mệnh được bốn ngày, Vũ cố từ chối; ý Đế cũng đổi, bèn bãi chức của Vũ. Mùa hạ năm thứ ba, về huyện Nghiệp. Giữa năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, tăng thêm áp, gộp cả năm nghìn năm trăm hộ trước kia. Thường Đạo Hương Công tên là Hoán là con của Vũ, vào nối dòng cả.

Bái Mục Vương là Lâm, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Nghiêu Dương Hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong ở huyện Tiêu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Tiêu Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Tiêu. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Quyên Thành. Năm Thái Hòa thứ sáu, chuyển phong ở nước Bái. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm áp, gộp cả bốn nghìn bảy trăm hộ lúc trước. Lâm hoẵng, con là Vĩ nối tự.

Xét Kê thị phả chép: Vợ của Kê Khang là con gái của con Lâm vậy.

Trung Sơn Cung Vương là Cồn, năm Kiến An thứ hai mươi một được phong Bình Hương Hầu. Thừa trẻ ham học, hơn mười tuổi biết làm văn. Hễ đọc sách, quan Văn học tả hữu thường sợ vì chăm chỉ mà sinh bệnh, nhiều lần can ngăn. Nhưng tính vốn thích, không bỏ được vậy. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong làm Đông Hương Hầu, năm đó lại đổi phong làm Phí Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, tiến tước làm Công, quan thuộc đều mừng, Cồn nói: “Ta sinh ở cung sâu không biết cái gian khô của việc trồng trọt, lại phần nhiều kiêu ngạo. Các khanh đã chúc mừng ta, nên giúp sửa lỗi sót nữa”. Hễ anh em chơi vui, riêng Cồn suy đọc kinh điển, quan Văn học phòng phụ nói với nhau rằng: “Ta vâng lệnh xét hành động của ngài, có lỗi phải tấu, có việc tốt cũng nên bậm lên, không được giấu cái tốt vậy”. Bèn cùng tấu khen tính tốt của Cồn. Cồn nghe tin, rất lo lắng, trách lỗi quan Văn học rằng: “Tu thân

tự giữ là đức của người thường, vậy mà các ông lại bầm lên, đây là tang thêm lỗi của ta vậy. Vả lại nếu có tốt thì lo gì không được nghe biết mà lại cùng làm như thế? Đây chẳng phải giúp ích cho ta vậy”. Người này cẩn thận như thế. Năm thứ ba, làm Bắc Hải Vương; năm đó, rồng vàng hiện ở sông Chương phía tây huyện Nghiệp, Cồn dâng thư khen ngợi. Hạ chiếu ban mười cân vàng rồng, chiếu nói: “Ngày xưa Đường Thúc dâng lúa, Đông Bình hiến tưng⁽³⁾, đây đều là cốt nhục khen nhau để nêu rõ tình thân. Vương thông suốt tịch điền, xét kỹ đạo hóa, văn nhã sáng sủa, trẫm rất khen ngợi. Vương nên cẩn thận dưỡng đức để trọn tiếng tốt”. Năm thứ tư, đổi phong làm Phí Vương. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Bộc Dương; năm Thái Hòa thứ hai đến nước, vẫn tiết kiệm, hạ lệnh thê thiếp thuê dệt vải lụa, tập làm việc trong nhà. Mùa đông năm thứ năm, vào châu. Năm thứ sáu, đổi phong ở quận Trung Sơn.

Trước đây, Cồn đến châu, phạm cấm ở kinh đô. Năm Thanh Long thứ nhất, quan coi việc tấu hạch tội Cồn. Chiếu nói: “Vương vốn thận trọng, chợt nhiên đến đây, nên lấy phép thân thích mà bàn việc”. Quan voi việc cố gàn, bèn hạ chiếu bớt hai huyện, bảy trăm năm mươi hộ.

Ngụy lược chép chiếu thư rằng: “Chế chiếu cho Trung Sơn Vương: Quan coi việc tấu nói Vương vừa đến châu, phạm cấm giao du ở kinh sư; trẫm nghĩ cái ân thân thích, bỏ lời bàn của quan lại, nhưng phép tắc là cùng với thiên hạ, không được bãi bỏ. Nay cắt hai huyện bảy trăm năm mươi hộ của Vương. Nên tu thân lập lễ, xứng lòng nhân của thánh nhân, sớm lỗi chiều sửa là đức của quân tử. Vương nên kính theo, chớ có gây lỗi nữa”.

Cồn lo lắng, răn bảo quan thuộc thêm nghiêm; Để khen ý ấy. Năm thứ hai, trả lại huyện bị cắt. Mùa thu năm thứ ba, Cồn bị bệnh tật, chiếu sai Thái y xem bệnh, lính hỏ bồn trong điện mang chiếu thư đến, ban món ăn ngon lạ, lại sai thái phi, Bái Vương là Lâm cùng đêm thăm bệnh. Cồn bệnh nặng, hạ lệnh quan thuộc rằng: “Ta đức mỏng sủng ít, mệnh lớn sắp hết. Ta đã ưa tiết kiệm, mà triều đình soạn lệnh xét hỏi, làm phép tắc của thiên hạ. Vào ngày ta tắt thở, tự liệm và táng, việc hãy theo chiếu thư. Ngày xưa Đại phu của nước Vệ là Cừ Viện táng ở Nghiệp Dương, ta xem mộ ấy thường mong theo ý này, muốn mượn hồn thiêng để che răng tóc, dựng phần mộ của ta, phải đến theo đó. Về lễ, con trai không chết trong tay đàn bà. Nên nhanh làm xong sảnh đường”. Sảnh làm xong, đặt tên là sảnh Toại Chí, ôm bệnh lên kiệu đến ở đấy. Lại lệnh Thế tử rằng: “Mi tuổi nhỏ, chưa được biết tiếng, nếu sớm làm chur hầu thì chỉ biết vui mà không biết khổ, tất tỏ lỗi kiêu căng vậy. Nên dựa vào đại thần, lấy lễ đối đãi họ. Nếu không phải là đại thần, gặp người già cũng phải đáp bái. Kính cần thờ anh, thân ái giúp em; nếu anh em có đức không tốt thì phải quỳ gối can gián. Nếu can gián không được thì khóc lóc mà khuyên; khuyên mà không đổi thì bầm với mẹ. Nếu vẫn không

sửa thì phải tâu lên, xin từ tước phong. So với giữ súng mà chước họa, không bằng nghèo hèn mà trọn thân vậy. Đây cũng gọi là tội lỗi lớn, nếu lỗi nhỏ việc nhỏ, nên che đậy lại. Xét mi còn nhỏ, nên cẩn thận tu thân, trung trinh để giúp triều đình, hiếu kính để thờ thái phi. Ở trong phòng khuê thì vâng lệnh với thái phi; ở ngoài cửa nhà phải vâng lời Bái Vương; ý chớ lười biếng để làm yên lòng ta”. Năm đó hoăng. Hạ chiếu Bái Vương là Lâm ở lại táng, sai Đại hồng lư cầm cờ tiết đến coi việc tang, quan Tông chính tế điều, tặng thưởng rất hậu. Soạn văn chương cả thấy hơn hai vạn chữ, tài không bằng Trần Tư Vương nhưng ham làm văn sánh được cùng. Con là Phu nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Tế Dương Hoài Vương là Huyền, năm Kiến An thứ mười sáu được phong làm Tây Hương Hầu, chết sớm, không có con. Năm thứ hai mươi, lấy con của Bái Vương là Lâm tên là Tấn nhận tước ấp của Huyền, hoăng sớm, không có con. Văn Đế lại lấy em của Tấn là Nhất nối dõi Huyền. Năm Hoàng Sơ thứ hai, đổi phong làm Tế Dương Hầu. Năm thứ tư, tiến tước làm Công. Năm Thái Hòa thứ tư, truy tiến tước cho Huyền, thụy là Hoài Công. Năm thứ sáu, lại tiến hiệu là Hoài Vương, truy thụy Tấn là Tây Hương Ai Hầu. Nhất hoăng, thụy là Trác Công, con là Hằng nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Trần Lưu Cung Vương là Tuấn, tự Tử An. Năm Kiến An thứ hai mươi một, phong Mi Hầu. Năm thứ hai mươi hai, chuyển phong ở huyện Tương Ấp. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Trần Lưu Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Tương Ấp. Năm Thái Hòa thứ sáu, chuyển phong ở quận Trần Lưu. Năm Cam Lộ thứ tư, hoăng. Con là Áo nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn bảy trăm hộ lúc trước.

Phạm Dương Mẫn Vương là Củ, chết sớm, không có con. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, lấy con của Phàn An Công là Quân tên là Mẫn nối dõi Củ, phong Lâm Tấn Hầu. Năm Cảnh Sơ thứ ba truy phong thụy Củ là Phạm Dương Mẫn Công. Năm thứ năm, đổi phong Mẫn làm Phạm Dương Vương. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Câu Dương. Năm Thái Hòa thứ sáu, truy tiến hiệu Củ là Phạm Dương Mẫn Vương, đổi phong Mẫn làm Lang Da Vương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước. Mẫn hoăng, thụy là Nguyên Vương, con là Hồn nối tự.

Triệu Vương là Cán, năm Kiến An thứ hai mươi được phong Cao Bình Đình Hầu. Năm thứ hai mươi hai phong Lại Đình Hầu; năm đó đổi phong làm Hoàng Nông Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Yên Công.

Ngụy lược chép: Cán còn có tên là Lương. Lương vốn là con của người thiếp là Trần thị, Lương sinh thì Trần thị chết, Thái Tổ sai Vương phu nhân nuôi Lương. Lương năm tuổi thì Thái Tổ bệnh nặng, truyền lệnh lại bảo Thái tử rằng: “Thằng bé ấy ba tuổi mất mẹ, năm tuổi mất cha, gửi cho mi vậy”. Do đó Thái tử thân thiết hơn các em. Lương thừa nhỏ thường gọi Văn Đế là A Ông, Đế bảo Lương rằng: “Ta là anh mi vậy”. Văn Đế lại thương Lương như thế, thường lại rơi lệ.

Thần là Tùng Chi xét: Truyện này cho rằng mẹ quý hay hèn là thứ yếu, không kể tuổi của anh em, cho nên Sở Vương là Bru tuổi dẫu lớn nhưng truyện chép ở sau Cán. Lại xét Chu Kiến Bình truyện, biết rằng Bru hơn Cán hai mươi tuổi.

Năm thứ ba, làm Hà Gian Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Lạc Thành. Năm thứ bảy, chuyển phong ở quận Cự Lộc. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong làm Triệu Vương. Mẹ Cán được Thái Tổ sủng ái, kịp lúc Văn Đế làm người nối tự, mẹ Cán có công giúp. Văn Đế sắp băng, có chiếu truyền lại, cho nên Minh Đế thường ban thêm ân. Năm Thanh Long thứ hai, qua lại riêng với tân khách, bị quan coi việc tấu xét, ban ấn thư cho Cán để khuyên răn, nói: “Kinh Dịch chép: ‘Mở nước lập nhà, chớ dùng tiểu nhân’; kinh Thi chép lời răn rằng: ‘Xe lớn, bụi bặm’⁽⁴⁾. Từ buổi Thái Tổ vâng lệnh dựng nghiệp, xét rõ nguồn gốc của thịnh loạn, soi lí lẽ của được mất, mới đầu phong chư hầu, lấy lời rất thận trọng để dạy bảo, chọn kẻ sĩ đoan chính để giúp, thường khen lời răn của Mã Viện⁽⁵⁾, trọng điều cấm chư hầu giao du với tân khách, không khiến cho tốt xấu cùng nhau. Há vì thế mà bạc bẽo với anh em sao? Chỉ muốn con em không có lỗi sai sót, dân chúng không bị nạn họa hại mà thôi. Cao Tổ lên ngôi, cẩn thận vạn bề, xét soạn lệnh chư hầu không được vào châu. Trẫm cảm nhà thơ làm bài Thường lệ, khen ý của bài Thái thực, cũng soạn lời chiếu rằng: ‘Nếu có chiếu thì đến kinh đô’. Cho nên lệnh các Vương hầu giữ lễ châu gập. Vậy mà Sở-Trung Sơn⁽⁶⁾ phạm điều cấm giao du, Triệu Tông-Đái Tiệp đều phải chịu tội vạ. Gần đây Đông Bình Vương lại sai quan thuộc đánh quan lại của huyện Thọ Trương, bị quan coi việc tấu xét, trẫm phải cắt huyện. Quan coi việc tấu là bọn Tào Toàn, Vương Kiêu cậy mình là họ hàng tông thất, tụ hội ở nhà Vương, có khi không đúng lúc, đều làm trái lệnh cấm. Trẫm nghĩ Vương vốn có tính kính thuận, lại nhận lệnh truyền lại của Tiên đế, muốn chuộng ân lễ kéo dài đến đời sau, huống chi chỉ có ở đời Vương sao? Vả lại không là thánh nhân, ai mà không có lỗi? Đã hạ chiếu quan coi việc tha cho lỗi của Vương. Người xưa có nói: ‘Quân tử thận trọng đối với điều mà mình chưa được xem, sợ hãi đối với việc mà mình chưa được nghe. Không thấy ở chỗ ẩn, không rõ ở chỗ tối. Cho nên quân tử thận trọng ở hành động’. Chú học theo kinh điển của thánh nhân, lại đã nhận lệnh truyền của Tiên đế, phải run run rẩy kính vâng ngôi

vị, làm đẹp ý trẫm”. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm áp, gộp cả năm nghìn hộ lúc trước. Lâm Ấp Thương Công tử là Thượng, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Sở Vương là Bru, tự Chu Hồ. Năm Kiến An thứ hai mươi mốt, phong Thọ Xuân Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước, chuyển phong làm Nhữ Dương Công. Năm thứ ba, phong Đặc Dương Vương; năm đó chuyển phong làm Ngô Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Thọ Xuân. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Bạch Mã. Mùa đông năm Thái Hòa thứ năm, châu ở kinh đô. Năm thứ sáu, chuyển phong ở quận Sở. Lúc trước, Bru đến châu, phạm cấm; năm Thanh Long thứ nhất, bị quan coi việc tầu hạch, hạ chiếu cắt ba huyện, một nghìn năm trăm hộ. Năm Gia Bình thứ nhất, Duyệt Châu Thứ sử Lệnh Hồ Ngu cùng Thái úy Vương Lăng mưu đón Bru đến đóng đô ở Hứa Xương, chép tại Vương Lăng truyện. Bèn sai Thái phó cùng Ngự sử đại phu đến nước xem xét, bắt những người liên quan với nhau. Đình úy xin gọi Bru về trị tội. Do đó noi theo việc cũ của Yên Vương là Đán thời nhà Hán⁽⁷⁾, sai Đình úy Đại hồng lư mang cờ tiết đến trao ấn thư trách hỏi Bru, sai phải tự xử.

Hán Ngụy xuân thu của Khổng Diễn chép chiếu thư rằng: “Đế vương thời xưa phong thưởng không hiềm thù hận, phạt tội không nề thân thích, đây là nghĩa rất công bằng vậy. Cho nên Chu Công roi lệ xử tội của hai người chú, Hiếu Vũ đau xót mà xét tội ngục của Chiêu Bình⁽⁸⁾, đây là phép thường xưa nay vậy. Nghĩ Vương là người rất thân cận của nhà nước, làm phen dậu ở ngoài, vậy mà không chịu vâng phép vua làm gương cho tông thất, mà lại mưu với kẻ gian tà, lại kết thông mưu nghịch với Thái úy Vương Lăng, Duyệt Châu Thứ sử Lệnh Hồ Ngu, muốn lấy xã tắc, có ý phản bội, không có lòng trung hiếu. Tông miếu có linh, Vương còn mặt mũi nào mà nhìn Tiên đế? Trẫm xét kỹ Vương tự giã vào tội vạ, đã biết ý của Vương, rất lấy làm kinh ngạc. Quan coi viện tầu Vương, đáng phải bắt đến sở quan Đại lí, nhưng trẫm theo nghĩa xét xử tông thất, không nỡ bắt Vương bỏ ở chợ, cho nên sai sứ giả đem thư, Vương tự gây tội, chẳng phải do kia khác, việc cũ của Yên Thích cũng đủ để xem. Vương hãy tự xử đi”!

Bru bèn tự sát. Vợ cùng các con đều tha làm dân thường, chuyển đến quận Bình Nguyên. Quan thuộc trở xuống và Giám quốc yết giả của Bru bị khép tội biết việc mà không có nghĩa khuyên giúp, đều bắt giết. Nước trừ lập thành quận Hoài Nam. Năm Chính Nguyên thứ nhất, hạ chiếu rằng: “Sở Vương là Bru phản quốc theo gian, thân chết con bỏ, dẫu tự chuộc lấy nhưng vẫn nên thương xót. Ngâm bản giấu bệnh là cái đạo thương người thân vậy. Nay phong Thê tử của Bru là Gia làm Thường Sơn Chân Định Vương”. Năm Cảnh Nguyên thứ nhất, tăng áp, gộp cả hai nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Thần là Tùng Chi xét: Gia vào nhà Tấn, phong làm Cao Áp Công. Giữa năm Nguyên Khang, cùng với Thạch Sùng làm Quốc tử bác sĩ. Sau đó Gia làm Đông Hoãn Thái thú, Sùng làm Chinh lỗ tướng quân, coi xét việc quân ở miền Thanh-Từ, đóng đồn ở Hạ Bì; Gia gửi thơ cho Sùng rằng:

“Văn võ dùng đúng lúc, đã tài lại sáng suốt.

Đấy là Thạch tiên sinh, hào kiệt của nhà nước.

Vào thì hầu cạnh vua, ra thì lên chín bậc.

Oai trùm miền Thanh-Từ, đức võ miền Ngô-Việt.

Ngày xưa can đồng liêu, tình hơn cả Lỗ-Vệ. Chia li hơn mười năm, nghĩ kĩ lòng gắn kết.

Mong ngài giữ lòng thành, nóng lạnh đừng chuyển tiết”.

Sùng đáp rằng:

“Xưa thường gặp tiên sinh, cùng chơi giữa mây xanh,

Dốc lòng dạy Thái tử, đạo hóa đã tốt lành.

Cùng tiếng chảng khác âm, cho nên được vinh sủng.

Há chỉ có hữu hảo, giữ phận đến cuối cùng.

Không chẳng chê Đông Di, Lão hướng về Tây Nhung.

Tiêu dao ở góc biển, cũng giữ được dòng Vương.

Việc đời chẳng ngó ngang, mong chi làm Chu Công.

Tĩnh lặng mà sâu xa, cho nên vẻ ung dung”.

Tấn thư của Vương Ấn chép sơ của Lại bộ thị lang Lí Trọng rằng: “Tông thất nhà Ngụy thần phục là nhờ ân huệ của triều đình còn. Đông Hoãn Thái thú Tào Gia có tài văn học dẫu không bằng Chi-Ông⁽⁹⁾ nhưng tính cách trong sạch tốt đẹp lại hơn; lại đã trải hai quận. Thần cho là nên tiến cử dòng dõi của triều trước, nên lấy Gia làm Viên ngoại tán kị thị lang”.

Cương Thương công tử là Cản, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Cốc Thành Thương công tử là Thặng, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Mi Đái công tử là Chính, làm dòng dõi của chú ruột là Lang trung Thiệu. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Mi Hầu. Năm thứ hai mươi ba, hoẵng. Không có con. Năm Hoàng Sơ thứ hai truy phong tước, thụy là Đái Công. Lấy con của Bành Thành Vương là Cứ tên là Phạm nối dõi Chính. Năm thứ ba, phong Bình Thị Hầu. Năm thứ tư, phong ở huyện Thành Vũ. Năm Thái Hòa thứ ba, tiến tước làm Công. Năm Thanh Long thứ ba, hoẵng, thụy là Trác Công, không có con. Năm thứ tư, hạ chiếu lấy em Phạm là Đông An Hương Công tên là Xiển làm Đái Công, nối dõi Chính. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn tám trăm hộ

lúc trước.

Linh Thương công tử là Kinh, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Phàn An Công là Quân, làm dòng dõi của chú ruột là Kế Cung Công tên là Bân. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Phàn Hầu. Năm thứ hai mươi tư, hoăng. Con là Kháng nối tự. Năm Hoàng Sơ thứ hai, truy tiến tước Công, thụy là An Công. Năm thứ ba, chuyển phong Kháng làm Kế Công. Năm thứ tư, chuyển phong làm Đôn Lưu Công. Năm Cảnh Sơ thứ nhất, hoăng, thụy là Định Công. Con là Kham nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ, Chính Nguyên, Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả một nghìn chín trăm hộ lúc trước.

Quảng Tông Thương công tử là Cức, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy. Không có con.

Đông Bình Linh Vương là Huy, làm dòng dõi của chú là Lãng Lãng Ai Hầu tên là Ngọc. Năm Kiến An thứ hai mươi hai, phong Lịch Thành Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ hai, tiến tước làm Công. Năm thứ ba, làm Lư Giang Vương. Năm thứ tư, chuyển phong làm Thọ Trưng Vương. Năm thứ năm, đổi phong ở huyện Thọ Trưng. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở huyện Đông Bình. Năm Thanh Long thứ hai, Huy sai quan thuộc đánh quan lại của huyện Thọ Trưng, bị quan coi việc tấu hạch, hạ chiếu cắt một huyện, năm trăm hộ; năm đó trả lại huyện bị cắt. Năm Chính Thủy thứ ba, hoăng. Con là Ông nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên- Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Thần là Tùng Chi xét: Ông vào nhà Tấn, phong làm Lâm Khâu Công. Trong tông thất của nhà Ngụy, nổi danh sau Quyên Thành Công⁽¹⁰⁾. Đến năm Thái Thủy thứ hai, Ông sai Thế tử là Côn mang biểu đến châu. Hạ chiếu rằng: “Ông giữ đức tu đạo, là người tài của nhà Ngụy; nay Côn từ xa đến, trao cho ấn thao Thế tử, bái thêm làm Kị đô úy, ban một cái áo, mười vạn tiền, các đồ khác đủ dùng”. Ông soạn sách Giải hàn thực tán phương, cùng các sách mà Hoàng Phủ Mật soạn đều truyền ở đời.

Lạc Lãng Vương là Mậu, năm Kiến An thứ hai mươi hai được phong làm Vạn Tuế Đình Hầu. Năm thứ hai mươi ba, đổi phong làm Bình Dur Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, tiến tước, chuyển phong làm Thặng Chi Công. Năm thứ bảy, chuyển phong ở huyện Trung Khâu. Mậu tính ngang bướng, thua nhỏ không được Thái Tổ sủng ái. Kịp đến thời Văn Đế, riêng không phong Vương. Năm Thái Hòa thứ nhất, chuyển phong làm Liễu Thành Công; năm đó phong Vương. Hạ chiếu nói: “Ngày xưa Tạng rất ngỗ ngược, nhưng Đại Thuần vẫn cho làm Hầu ở ấp Hữu Bí⁽¹¹⁾. Gần đây Hoài Nam-Phụ Lãng của nhà Hán đều là tôi phản con nghịch mà có người vẫn được dựng lại nước⁽¹²⁾, hoặc đến đời con thì được phong đất. Họ Hữu Ngụ phong đất ở thời xa xưa,

các vua Văn-Minh-Chương của nhà Hán chỉ mới trước đây thôi, họ đều chăm tỏ nghĩa với người thân thích vậy. Liễu Thành Công là Mậu thừa nhỏ không chăm lễ giáo, lớn lên không lo tu đạo. Tiên đế cho rằng người xưa phong tước chừa hầu đều trao cho người hiền, trong những người họ Cơ ngày xưa không hẳn là đều được phong Hầu, cho nên riêng Mậu không được phong Vương. Thái hoàng thái hậu⁽¹³⁾ nhiều lần đã nói xin. Nghe nói Mậu vừa rồi biết hối lỗi trước đây, muốn tu thiện sau này. Quân tử đối với người thì tiến cử không hiềm lỗi trước vậy. Nay phong Mậu làm Liễu Thành Vương để an ủi Thái hoàng thái hậu ở chín tuổi”. Năm thứ sáu, chuyển phong làm Khúc Dương Vương. Năm Chính Thủy thứ ba, Đông Bình Linh Vương hoẵng, Mậu xung bệnh đau họng, không chịu phát tang, ăn ở ra vào tự nhiên. Quan coi việc tấu xin trừ đất phong, hạ chiếu cắt một huyện, năm trăm hộ. Năm thứ năm, chuyển phong ở huyện Lạc Lãng, hạ chiếu rằng phụng ấp của Mậu ít mà các con lại nhiều, trả lại huyện bị cắt, lại tăng bảy trăm hộ. Giữa năm Gia Bình-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả năm nghìn hộ lúc trước.

PHẦN 2

Văn Hoàng Đế có chín con trai: Chân thị Hoàng hậu sinh Minh Đế; Lí quý nhân sinh Tán Ai Vương là Hiệp; Phan thực viện sinh Bắc Hải Trác Vương là Nhuy; Chu thực viện sinh Đông Vũ Dương Hoài Vương là Giám; Cừ chiêu nghi sinh Đông Hải Định Vương là Lâm; Từ cơ sinh Nguyên Thành Ai Vương là Lễ; Tô cơ sinh Hàm Đan Hoài Vương là Ung; Trương cơ sinh Thanh Hà Trác Vương là Công; Tống cơ sinh Quảng Bình Ai Vương là Nghiễm.

Tán Ai Vương là Hiệp, chết sớm. Năm Thái Hòa thứ năm, truy phong thụy là Kinh Thương Công. Năm Thanh Long thứ hai, lại truy đổi thụy hiệu. Năm thứ ba, con là Thương Vương tên là Tầm nối tự. Năm Cảnh Sơ thứ ba, tăng năm trăm hộ, gộp cả ba nghìn hộ lúc trước. Năm Chính Thủy thứ chín, hoǎng, không có con. Nước trừ.

Bắc Hải Trác Vương là Nhuy, năm Hoàng Sơ thứ bảy Minh Đế lên ngôi, lập làm Bình Dương Huyện Vương. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở quận Bắc Hải. Năm Thanh Long thứ nhất, hoǎng. Năm thứ hai, lấy con của Lang Da Vương tên là Tán làm dòng dõi của Nhuy, phong Xương Hương Công. Năm Cảnh Sơ thứ hai, lập làm Nhiêu An Vương. Năm Chính Thủy thứ bảy, chuyển phong ở huyện Văn An. Giữa năm Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả ba nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Đông Vũ Dương Hoài Vương là Giám, năm Hoàng Sơ thứ sáu được phong; năm đó hoǎng. Năm Thanh Long thứ ba, ban thụy. Không có con. Nước trừ.

Đông Hải Định Vương là Lâm, năm Hoàng Sơ thứ ba phong làm Hà Đông Vương. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Quán Đào. Minh Đế lên ngôi, theo ý truyền lại của Tiên đế, sủng ái Lâm hơn các chư hầu khác, nhưng Lâm tính thô bạo, ở trong phòng the, các tì thiếp phần nhiều bị tàn hại. Năm Thái Hòa thứ sáu, đổi phong ở quận Đông Hải. Năm Gia Bình thứ nhất, hoǎng. Con là Khải nối tự. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả sáu nghìn hai trăm hộ lúc trước. Cao Quý Hương Công tên là Mao là con của Lâm vậy, vào nối dòng cả.

Nguyên Thành Ai Vương là Lễ, năm Hoàng Sơ thứ hai được phong làm Tân Công, lấy quận Kinh Triệu làm nước. Năm thứ ba, đổi phong làm Nguyên Thành Vương. Năm Thái Hòa thứ ba, hoǎng. Năm thứ năm, lấy con của Nhâm Thành Vương là Khải tên là Đế nối dõi Lễ. Năm thứ sáu, đổi phong làm Lương Vương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn năm trăm hộ lúc trước.

Hàm Đan Hoài Vương là Ung, năm Hoàng Sơ thứ hai được phong làm

Hoài Nam Công, lấy quận Cửu Giang làm nước. Năm thứ ba, tiến làm Hoài Nam Vương. Năm thứ tư, đổi phong ở quận Trần. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Hàm Đan. Năm Thái Hòa thứ ba, hoăng. Năm thứ năm, lấy con của Nhân Thành Vương là Khải tên là Ôn nối dõi Ung. Năm thứ sáu, đổi phong ở huyện Lỗ Dương. Giữa năm Cảnh Sơ-Chính Nguyên-Cảnh Nguyên, tăng thêm ấp, gộp cả bốn nghìn bốn trăm hộ lúc trước.

Thanh Hà Trác Vương là Cống, năm Hoàng Sơ thứ ba được phong. Năm thứ tư, hoăng, không có con. Nước trừ.

Quảng Bình Ai Vương là Nghiễm, năm Hoàng Sơ thứ ba được phong. Năm thứ tư, hoăng, không có con. Nước trừ.

Bình rằng: Vương hầu của nhà Ngụy dẫu đã có danh là có tước ấp mà không có xã tắc thực, lại ngăn cấm xa cách, giống với tù ngục; vị hiệu chẳng định, lớn nhỏ thay đổi hằng năm; cái ân cốt nhục đã dỡ, cái nghĩa anh em lại bỏ. Lập phép tắc xấu tệ nên dẫn đến như thế chẳng!

Viên Tử nói: “Nhà Ngụy nổi dậy nối sau thời đại loạn, dân chúng giảm tòn, không noi theo được phép cũ. Do đó phân phong vương chư hầu, đều sai đến ở nước, chỉ có danh hão mà không có thực. Vương hầu chỉ có hơn trăm quân già để giữ gìn nước mình. Dẫu có hiệu Vương hầu nhưng chỉ ngang kẻ thất phu. Cách trở ở ngoài cõi nghìn dặm, không có lễ châu gập, nước bên không có phép hội họp. Chư hầu đi săn không được quá ba mươi dặm, lại sắp đặt quan Phòng phụ giám quốc để dò xét họ. Vương hầu đều mong làm kẻ áo vải mà cũng chẳng được. Đã trái với nghĩa lấy tông thất làm phen dậu, lại phá hỏng cái ân họ hàng cốt nhục”.

Ngụy thị xuân thu chép thư của tông thất là Tào Quýnh dâng rằng: “Thần nghe nói bậc Đế vương thời xưa phải phong cho người cùng họ để tỏ rõ thân thích, phải lập người khác họ để nêu rõ người hiền, cho nên kinh truyện chép: ‘Phong thưởng người thân, gần gũi người hiền’; kinh Thư chép: ‘Nêu rõ đức cao để thân họ hàng; kinh Thi chép: ‘Có đức thì yên, họ hàng làm thành’. Do đó mà xét, nếu không có người hiền thì không lập được công, không có họ hàng thì không được giúp đỡ. Nếu theo cái đạo chỉ gần gũi người thân thì dần dần cũng suy yếu, nếu theo cái đạo chỉ chọn dùng người hiền thì sẽ bị cướp đoạt. Bậc thánh hiền thời xưa biết như thế cho nên tìm cầu rộng rãi cả người thân cả kẻ xa mà cùng dùng họ; gần thì có cái vững của tông thất làm phen dậu, xa thì có cái giúp của người hiền làm phụ tá, thời thịnh thì cùng với họ coi việc, thời suy thì cùng với họ giữ đất, lúc yên thì cùng với họ hưởng phúc, lúc nguy thì cùng với họ chung họa. Do đó mới có được nhà nước, giữ được xã tắc, lịch số lâu dài, gốc cành trăm đời vậy. Nay phép gần người hiền của nhà Ngụy dẫu rõ nhưng đạo gần người thân chưa đủ. Kinh Thi chẳng chép: ‘Tích linh ở đồng, anh em cứu nạn’⁽¹⁴⁾ sao? Do đó mà nói, nêu rõ anh em cứu nhau ở lúc tang loạn, cùng lòng ở giữa

buổi họa phúc, đâu có khi tranh giành nhưng không quên cái việc chống người ngoài bức hiếp. Vì sao? Vì cùng hoạn nạn vậy. Nay thì không thể, hoặc dùng nhưng không coi trọng, hoặc bỏ mà không dùng, một sớm biên giới báo việc, đóng cửa chống lại, đôi tay không giúp, tim bụng không giữ. Thần trộm nghĩ như thế, ngủ không yên giấc, mưu tỏ lòng son, dâng lên cử khuyết. Xin soạn tập những điều mà thân nghe, luận bàn thành bại, luận rằng:

Ngày xưa nhà Hạ-Thương-Chu trải qua mấy chục đời, vậy mà nhà Tần chỉ hai đời là mất. Sao thế? Vua của ba nhà cùng với chư hầu trị dân, cho nên chư hầu cùng coi việc. Vua của nhà Tần chỉ trị dân của mình, cho nên nguy khốn mà chẳng ai cứu. Nhà nào cùng vui với dân thì người khác tất cùng lo nỗi lo của mình; cùng yên với dân thì người khác tất cứu cái nạn của mình vậy. Đế vương thời xưa biết trị riêng thì không lâu dài được, cho nên cùng trị với người ta; biết giữ riêng thì không giữ vững được, cho nên cùng giữ với người vậy. Chọn người thân kẻ xa mà dùng cả hai, coi cả khác giống mà cùng lập. Cho nên nặng nhẹ đủ để đối nhau, thân xa đủ để giữ nhau, con đường cướp chiếm bị nghẽn, tính phản nghịch không sinh. Đến lúc suy kém, Hoàn-Văn⁽¹⁵⁾ dùng lễ; nước Sở không cống tui cỏ thì vua Tề đánh nước Sở. Vua Tống không phục nhà Chu thì vua Tấn đánh vua của họ. Phép vua chùng mà lại căng, chư hầu kiêu ngạo mà phải nghiêm túc. Sau thời hai vị vua ấy, dần dần suy bại. Nước Ngô-Sở cậy sông Giang, dựa thành lớn, dầu ý mong chín đỉnh⁽¹⁶⁾ nhưng vẫn lo sợ họ Cơ, tính gian võ ở trong bụng, mưu nghịch tiêu ở miệng lưỡi; đày há chẳng phải vì (nhà Chu) coi trọng tông thất, tin dùng người hiền, cành lá sum suê, gốc rễ được vững sao? Từ đó về sau, quay sang đánh nhau; nước Ngô bị nước Việt chiếm, nước Tấn chia làm ba⁽¹⁷⁾, nước Lỗ bị nước Sở diệt, nước Trịnh gộp vào nước Hàn; trải đến thời Chiến quốc, họ Cơ bèn suy, riêng vua Yên-Vệ vẫn còn, nhưng đều nhỏ yếu; vì bá chủ miền tây là nước Tần mạnh, phía nam hiếp Tề-Sở, cho nên lo sợ diệt vong, không rồi cứu nhau. Đến thời vua là Noãn, dầu giáng làm dân thường nhưng cành nhánh giữ nhau, dầu ngồi ở ngôi hão như trong nước không có chủ mà vẫn được hơn bốn mươi năm. Nước Tần ngồi ở đất thẳng thế, dùng phép tắc trá quyết, đánh dẹp miền Quan Đông, ăn nuốt chín cõi, đến thời Thủy Hoàng bèn định ngôi trời. Ngày dài như thế, dùng sức thế kia, há chẳng phải vì cái đạo rễ sâu gốc bền thì không nhỏ được sao? Kinh Dịch chép: 'Nguy nan đã trờ, treo ở cây dâu'. Đức của nhà Chu có thể nói là như thế. Nhà Tần thấy cái nạn của nhà Chu, cho là nhỏ yếu sẽ bị cướp, cho nên bỏ tước ngũ đẳng⁽¹⁸⁾, đặt quan lại ở quận huyện, bỏ dạy lễ nhạc, dùng hình hà khắc; con em không một tác thước đất phong, công thần không một mảnh đất cắm dùi, trong không có họ hàng để giúp đỡ, ngoài không có chư hầu để làm phen dậu, ý lòng không gần gũi thân thích, ân trạch không ban cho anh

em; lại còn cắt xén đùi cổ, chỉ dùng tim bụng, cưỡi thuyền vượt biển mà còn vớt tay chèo; người đứng xem mà đau lòng; vậy mà Thủy Hoàng điềm nhiên tự cho là có cái vũng của miền Quan Trung, có thành vàng nghìn dặm, cho là con cháu có cái rặng rờ của Đế vương vạn đời; há chẳng làm sao! Bấy giờ Thuần Vu Việt⁽¹⁹⁾ can rằng: ‘Thần nghe nói vua của nhà Ân-Chu phong con em công thần có hơn nghìn thành. Nay bệ hạ làm vua của bốn cõi mà con em như thất phu, nếu chợt có bọn tôi thân như Điền Thường⁽²⁰⁾ và bọn ‘lục khanh’⁽²¹⁾ mà không có ai giúp đỡ thì lấy gì cứu nhau? Thần chưa nghe nói việc mà không theo phép xưa mà được lâu dài vậy’. Thủy Hoàng nghe lời lệch lạc của Lí Tư mà bỏ lời bàn ấy, kịp đến ngày thân chết, chẳng cứu vớt được nữa, gửi thiên hạ vào tay của của thất phu, trao việc phé lập vào miệng của gian thần, khiến cho bọn Triệu Cao giết chóc tông thất. Hồ Hợi thừa nhỏ đã quen cái thói hà khắc, lớn lên nối nghiệp của cha, không đổi thay được phép tắc, không sủng ái anh em, mà lại bắt chước Thân-Thương⁽²²⁾, nghe mưu Triệu Cao; tự ở cung cấm, giao việc cho bọn siểm nịnh, thân mật ở cung Vọng Di, dẫu xin làm kẻ dân đen còn được nữa sao? Rút cuộc quận huyện vỡ tan, dân chúng phản loạn, bọn Thảng-Quảng⁽²³⁾ nổi lên ở trước, lũ Lưu-Hạng⁽²⁴⁾ nổi theo ở sau. Nếu Thủy Hoàng nghe kế của Thuần Vu Việt, bỏ lời bàn của Lí Tư mà chia cắt đất đai phong cho con em, noi theo phép tắc của ba nhà, trả đền công lao của tôi thân, khiến cho kẻ sĩ biết vua trên, dân chúng có chúa tể, anh em giúp nhau, đầu đuôi cứu được, dẫu là con cháu có lỗi hồng đạo hạnh, nhưng thời ấy không có người hiền như Thang-Vũ⁽²⁵⁾; mưu gian chưa phát thì thân đã chết gục, lũ Lưu-Hạng nhỏ nòi kia há còn bắt tay nhau được sao? Do đó Hán Cao Tổ giương thanh kiếm ba thước mà xua dân chúng ô hợp, trong khoảng năm năm bèn lập nên nghiệp Đế. Từ thừa mở nước đến nay, lập công tạo thế chưa có ai dễ như nhà Hán vậy. Chặt cây rễ sâu thì khó dùng sức, bẻ cây khô mục thì dễ ra sức, đấy là lí lẽ đương nhiên vậy. Nhà Hán xét cái sai của nhà Tần, phong cho con em, kịp lúc họ Lữ chuyên quyền, mưu phé nhà Hán, nhưng thiên hạ không dao động, trăm họ chẳng thay lòng là vì chư hầu lớn mạnh như bàn đá vững chắc, cũng là vì Đông Mâu-Chu Hu⁽²⁶⁾ vâng mệnh ở trong, Tề-Đại-Ngô-Sơ⁽²⁷⁾ làm phen dậu ở ngoài vậy. Nếu Hán Cao Tổ nối theo cái phép tắc của nhà Tần mất thì thiên hạ đã truyền không phải của nhà Hán vậy. Nhưng Cao Tổ phân phong, quyền vị hơn cả phép cũ, kẻ lớn thì chiếm châu cắt quận, kẻ nhỏ thì có mấy chục thành trì; trên dưới không biết, quyền ngang nhà vua, cho nên có cái loạn của bảy nước. Giả Nghị nói: ‘Chư hầu lớn mạnh, lâu ngày sẽ gây loạn. Muốn thiên hạ yên ổn, chẳng bằng phong nhiều chư hầu mà giảm bớt sức của họ, khiến cho thế của cả nước như cánh tay của thân thể, như ngón tay của cánh tay, vậy thì thiên hạ chẳng còn lòng

phản bội, vua trên chẳng phải nghĩ mưu đánh dẹp'. Văn Đế không nghe. Đến thời Hiếu Cảnh, chỉ dùng kế của Triệu Thố⁽²⁸⁾, cắt xén chư hầu, khiến cho người thân oán giận, kẻ xa lo lắng, do đó Ngô-Sở bày mưu, năm nước theo gió⁽²⁹⁾. Bắt đầu từ thời Cao Đế, kịp đến thời Văn-Cảnh⁽³⁰⁾ mắc nạn, là do phép tắc hơi lỏng lẻo, không được nghiêm ngặt vậy. Đấy gọi là ngọn lớn thì tắt gãy, đuôi lớn thì khó vây. Đuôi cùng với thân vẫn có lúc không vây được, huống chi là đuôi không thuộc thân, nó mà vây được sao? Vũ Đế theo kế của Chủ Phụ⁽³¹⁾, hạ lệnh ban ân, từ đó về sau, nước Tề chia làm bảy, nước Triệu phân làm sáu, nước Hoài Nam cắt làm ba, nước Lương-Đại xẻ làm năm, bèn bị lấn ép, con cháu suy yếu, chỉ thu tô thuế cơm áo, không được nắm chính sự, hoặc bị giam vàng bỏ phong, hoặc vì không có nói dối mà bỏ tước. Đến thời Thành Đế, họ Vương nắm quyền⁽³²⁾. Lưu Hưởng can rằng: 'Thần nghe nói tông thất là cành nhánh của nhà nước; cành nhánh rụng thì gốc rễ không còn được che chắn. Ngày nay người cùng họ bị xua đuổi, họ ngoại chuyên quyền, rũ bỏ tông thất, họ hàng suy yếu, đấy chẳng phải là giữ gìn xã tắc, dựng vững dòng dõi của nhà nước vậy'. Lời nói khẩn thiết, nhiều chỗ trích dẫn, Thành Đế dẫu bùi ngùi than thở nhưng không nghe theo. Đến thời Ai-Bình⁽³³⁾, họ khác nắm quyền, mượn việc của Chu Công mà làm cái loạn của Điền Thường, ngôi cao mà nắm ngôi trời, một sớm thì có được bốn cõi, Vương hầu tông thất của nhà Hán bỏ ấn cởi thao, dâng cống xã tắc, còn sợ không được làm tôi thần, hoặc thì cho là hợp mệnh, khen tụng ân đức của Mãng, há chẳng xót sao! Do đó mà nói, nếu chẳng có tông thất trung hiếu ở thời Huệ-Văn⁽³⁴⁾ dẫu có phản nghịch ở buổi Ai-Bình thì quyền suy thế yếu, không thể định được vậy. Cậy vào cái tài hơn đời của Quang Vũ Hoàng Đế, bắt Vương Mãng đã xong, nói lại dòng dõi của nhà Hán ở lúc đã đứt, đấy há chẳng phải là công của tông thất sao? Vậy mà vẫn không xét cái phép sai của nhà Tần, không theo phép cũ của nhà Chu, không đi theo đường lối phân phong, lại mong chờ ở điều may mắn không cùng. Đến thời Hoàn-Linh⁽³⁵⁾, hoạn quan nắm quyền, trong không có tôi thần liêu chết cứu nạn, ngoài không có chư hầu cùng lo việc nước, vua lẻ loi ở trên, tôi phóng túng ở dưới, gốc ngọn không cứu được nhau, đầu đuôi không qua lại được. Do đó thiên hạ vỡ lở, kẻ gian tranh giành, tông miếu cháy thành tro than, cung thất hóa thành bụi cỏ. Vua ngồi ở trên chín cõi mà thân không được yên ổn, thương thay! Thái Tổ Vũ Hoàng Đế của nhà Ngụy ta tỏ đức thánh minh, gồm cả tài lược văn võ, thẹn vì phép vua cắt đứt, thương vì nhà Hán nghiêng lật, cho nên rồng bay ở Tiêu-Bái, phượng vỗ ở Duyệt-Dự, quét trừ hung nghịch, cắt diệt kinh nghệ, ngưỡng nhìn vua ở tây kinh⁽³⁶⁾ định đô ở ấp Dĩnh⁽³⁷⁾, đức cảm trời đất, nghĩa động thân người. Nhà Hán vâng mệnh trời, trao ngôi cho nhà Đại Ngụy. Nhà Đại Ngụy nổi lên đến nay đã hai

mười tư năm rồi, xem cái đờc máy của năm nhà mà không dùng đờc kè hay, thấy cái nghiêng lật của xe trước mà không đổi xét xe; con em Vương hầu năm ngôi hão, chỉ có dân không dùng đờc, tông thất tránh vào thôn ấp, không đờc bàn chính sự của nhà nước, quyền ngang thất phu, thế như dân thường; trong không không có cái vững khó lay của rễ sâu, ngoài không có cái giúp bàn đá của họ hàng, đây chẳng phải là để giữ yên xã tắc, mưu nghiệp cho vạn đời vậy. Và lại Châu mục, Quận thú ngày nay là phương bá thời xưa mà đều có đất đai nghìn dặm, có nhà có máy người coi cả việc quân lữ, có kẻ anh em cùng nắm việc; vậy mà con em tông thất từng chưa có một người tham dự ở trong đó để tự giữ chống lẫn nhau, đây chẳng phải làm cứng thân yếu cành, phòng ngừa nạn chột đến vậy. Ngày nay dùng người hiền, hoặc chọn làm chủ của quận lớn, hoặc làm tướng của quân mạnh, vậy mà tông thất có người tài văn chỉ làm chủ của huyện nhỏ, người có tài võ chỉ đặt trên trăm người. Nếu kẻ sĩ có đức cao thì tất để ý ở trong xe lớn, người có tài năng then vì cùng bậc với bọn không cùng hàng. Đây chẳng phải là lựa chọn người tài và khen thưởng tông thất vậy. Suốt cạn thì sông khô, rễ mục thì lá héo; cành rậm thì che rẽ; lá rụng thì thân lẻ vậy. Cho nên có câu rằng: ‘Con sâu có trăm cái chân thì đến chết vẫn không nát’. Đây là đông để giúp vậy. Lời ấy dẫu nhỏ nhưng sánh ý lại lớn. Và lại tường cao không phải chóc lát mà dựng xong, tiếng nổi không phải một sớm mà có, đều phải dần dần mới thành, dựng có phép thường. Ví như trồng cây, lâu ngày thì gốc rễ của nó cắm sâu, cành lá của nó sum suê, nếu có dòi từ giữ rừng núi đến trông ở dưới cửa cung, dẫu lấy đất đen để vun đắp, lấy nắng xuân để tỏa ấm, vẫn không cứu đờc khô héo, nói chi đến làm cho sum suê đây? Cây vẫn có thân thích, đất vẫn có dân chúng, dựng lập không lâu thì khinh dưới lán trên, thời bình yên vẫn sợ bị bội phản, huống chi là lúc nguy cấp đây? Cho nên bậc Đế vương hiền thánh dẫu yên mà vẫn không nghĩ để ngừa nạn vậy, đờc mà vẫn phòng bị để tránh mất vậy. Cho nên gió lớn chột thổi đến mà không lo bị gãy nhỏ, thiên hạ có biến mà không sợ nguy khốn vậy”.

Quýnh là dòng dõi của Trung thường thị Thúc Hưng, là bác họ của Thiếu Đế vậy. Bấy giờ thiên tử nhỏ dại, Quýnh mong dùng lời bàn này để khuyên dụ Tào Sảng, nhưng Sảng không nghe theo.

[CHÚ THÍCH]

(1) Tuổi ‘nhược quán’: thời Hán-Ngụy, trẻ con đến tuổi hai mươi thì bắt đầu đội mũ để tỏ là người trưởng thành gọi là tuổi ‘nhược quán’.

(2) Ngày xưa Hi-Văn soạn kinh Dịch: Hi chỉ Phục Hi, Văn chỉ Chu Văn Vương. Theo truyền thuyết Phục Hi tạo ra hình vẽ tám quẻ của kinh Dịch, còn Chu Văn Vương soạn lời diễn giải từng quẻ.

(3) Ngày xưa Đường Thúc dâng lúa, Đông Bình hiến tưng: Đường Thúc là chú của Chu Thành Vương, ở ấp Đường có cây lúa tốt mọc bên đê đem dâng cho nhà Chu, cho là vì đức của Chu Công nên mới thế. Đông Bình chỉ Đông Bình Vương là Lưu Thương của nhà Hán, dâng bài tưng khen đức của Quang Vũ Đế, rất được khen ngợi.

(4) Kinh Thi chép lời răn rằng: ‘Xe lớn, bụi bân’: trọn câu chép là: ‘Đừng đem xe lớn đến chỗ bụi bân’. Ý nói đừng đem xe lớn đến đón kẻ tiểu nhân.

(5) Lời răn của Mã Viện: chỉ việc tướng của nhà Hán là Mã Viện răn bảo cháu họ không được kết giao với tân khách khinh bạc mà nên học theo người thân trọng tiết kiệm.

(6) Sở-Trung Sơn: Sở chỉ Sở Vương là Bưu, Trung Sơn chỉ Trung Sơn Cung Vương là Côn, đều vì phạm cấm giao du ở kinh đô mà bị tâu hạch, cắt giảm hộ ấp, quan lại giao du là bọn Triệu Tông, Đái Tiệp cũng bị khép tội.

(7) Việc cũ của Yên Vương là Đán thời nhà Hán: chỉ việc sau khi Hán Chiêu Đế lên ngôi, Yên Vương là Lưu Đán mưu phản, phải tự sát.

(8) Chu Công rơi lệ xử tội của hai người chú, Hiếu Vũ đau xót mà xét tội ngục của Chiêu Bình: Chu Thành Vương nối ngôi, Chu Công phụ chính, hai người chú của Thành Vương là Sái Thúc và Quản Thúc làm phản, Chu Công đánh bại họ, giết Sái Quản Thúc và đày Sái Thúc. Thời Hán Vũ Đế, con của Long Lự công chúa là Chiêu Bình Quán hung bạo, giết cả vú nuôi của mẹ, bị bắt giam ngục, theo phép tắc mà xử tội chết.

(9) Chí-Ông: Chí chỉ Tào Chí là con của Trần Tư Vương là Tào Thực, xem ở phần chú Trần Tư Vương truyện; Ông chỉ Tào Ông là con của Đông Bình Vương là Tào Huy, xem ở phần Đông Bình Linh Vương truyện.

(10) Quyên Thành Công: chỉ Tào Chí là con của Trần Tư Vương là Tào Thực, sau khi nhà Tấn lập, phong làm Quyên Thành Công.

(11) Ngày xưa Tượng rất ngỗ ngược, nhưng Đại Thuấn vẫn cho làm Hầu ở ấp Hữu Bí: Tượng là em của Thuấn, tính ngang ngược từng mưu giết Thuấn, sau khi Thuấn nối thay vua Nghiêu vẫn phong cho ở ấp Hữu Bí. Cũng vì tình anh em nên mới thế.

(12) Gân đây Hoài Nam-Phụ Lăng của nhà Hán đều là tội phản con nghịch mà có người vẫn được dựng lại nước: Hoài Nam chỉ Hoài Nam Vương là Lưu Trường, là con út của Hán Cao Tổ, vào thời Hán Văn Đế nhiều lần không theo phép tắc nhưng Văn Đế tha cho không giết, sau khi chết thì Văn Đế lại phong cho con là Lưu An làm Phụ Lăng Hầu rồi phong làm Hoài Nam Vương.

(13) Thái hoàng thái hậu: chỉ Biện thị, là vợ cả của Ngụy Thái Tổ là Tào Tháo, mẹ của Ngụy Văn Đế là Tào Phi, bà nội của Ngụy Minh Đế là Tào Duệ vậy. Bây giờ Ngụy Minh Đế tôn Biện thị là Thái hoàng thái hậu.

(14) Kinh Thi chẳng chép: 'Tích linh ở đồng, anh em cứu nạn': tích linh là một loài chim thường sống ở ven nước bắt cá nhỏ. Ý nói vốn quen ở ven nước mà lại ở trên đồng thì không quen, phải kêu đồng loại cứu nạn. Mượn ý này nói anh em giúp nhau trong lúc hoạn nạn vậy.

(15) Hoàn-Văn: chỉ Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công thời Xuân thu, đều là thân thích của nhà Chu.

(16) Chín đỉnh: tương truyền vua Hạ Vũ dùng vàng đúc thành chín cái đỉnh (còn gọi là vạc) có khắc hình vẽ sông núi của chín châu, truyền qua nhà Thương rồi truyền cho nhà Chu. Kịp lúc nhà Chu suy mà nước Sở mạnh lên, có cầu chín đỉnh nhưng không được.

(17) Nước Tấn chia làm ba: chỉ cuối thời Xuân thu, nước Tấn chia làm nước Hàn, Triệu, Ngụy.

(18) Ngũ đẳng: chỉ năm tước Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

(19) Thuần Vu Việt: thời Chiến quốc làm Bác sĩ của nước Tề, sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất sáu nước được làm Bộc xạ, khuyên Thủy Hoàng bỏ chế độ quận huyện mà theo chế độ phân phong chư hầu như thời nhà Chu, nhưng bị Thừa tướng Lí Tư phản bác, rồi bị bãi quan về quê, lại can gián Thủy Hoàng đừng đốt sách chôn Nho mà bị giết.

(20) Điền Thường: là đại thần của nước Tề thời Xuân thu, giết Tề Giản Công mà lập Tề Bình Công, tự làm Tướng quốc, thu quyền binh vào họ Điền.

(21) Bọn 'lục khanh': chỉ sáu đại thần của nước Tấn thời Xuân thu là họ Phạm, họ Trung Hàng, họ Trí, họ Hàn, họ Triệu, họ Ngụy tranh giành lẫn nhau, cuối cùng chỉ có ba họ là Hàn, Triệu, Ngụy còn, chia nước Tấn làm ba nước.

(22) Thân-Thương: Thân chỉ Thân Bất Hại, Thương chỉ Thương Ưởng, theo thuyết pháp gia, cho rằng thống trị đất nước phải coi trọng hình pháp, đây là phép tắc chủ yếu của nhà Tần.

(23) Thăng-Quảng: chỉ Trần Thăng và Ngô Quảng.

(24) Lưu-Hạng: chỉ Lưu Bang (tức Hán Cao Tổ) và Hạng Vũ.

(25) Thang-Vũ: chỉ vua Thang của nhà Ân và vua Vũ Vương của nhà Chu.

(26) Đông Mâu-Chu Hư: Đông Mâu chỉ Đông Mâu Hầu là Lưu Chương, Chu Hư chỉ Chu Hư Hầu là Lưu Hưng, đều là tông thất của nhà Hán giữ gìn ở thành Tráng An, khi họ Lữ chuyên quyền bèn chống đối, rút cuộc cùng các đại thần là Trần Bình, Chu Bột đánh bại được họ Lữ, giữ nghiệp của họ Lưu.

(27) Tề-Đại-Ngô-Sở: sau khi Hán Cao Tổ dựng nhà Hán, phong Vương cho các con và anh em. Phong em là Lưu Giao làm Sở Vương; phong cháu họ là Lưu Tị làm Ngô Vương; phong con là Lưu Hằng làm Đại Vương, con là Lưu Phì làm Tề Vương.

(28) Triệu Thố: người quận Dĩnh Xuyên, thời Hán Cảnh Đế thế lực của chư hầu rất lớn, bèn bày kế sách trừ bỏ chư hầu để ngừa mưu phản, cho rằng từ từ trừ bỏ không bằng nhanh chóng trừ bỏ chư hầu.

(29) Ngô-Sở bày mưu, năm nước theo gió: thời Hán Cảnh Đế, các chư hầu mưu phản, khởi từ Ngô Vương là Lưu Tị và Sở Vương là Lưu Mậu rồi liên kết với năm vị khác là Triệu Vương, Giao Tây Vương, Giao Đông Vương, Truy Xuyên Vương, Tế Nam Vương chia đường hướng về phía tây đến thành Tráng An.

(30) Văn-Cảnh: chỉ vua Văn Đế và Cảnh Đế của nhà Hán.

(31) Chủ Phụ: tức Phủ Phụ Yến, người quận Lâm Truy, vào thời Hán Vũ Đế bày kế chia nhỏ ấp phong của chư hầu để giảm bớt thế lực của họ.

(32) Họ Vương nắm quyền: chỉ thân thích họ ngoại là Vương Mãng soán ngôi vị.

(33) Ai-Bình: chỉ vua Ai Đế và Bình Đế của nhà Hán.

(34) Huệ-Văn: chỉ vua Huệ Đế và Văn Đế của nhà Hán.

(35) Hoàn-Linh: chỉ vua Hoàn Đế và Linh Đế của nhà Hán.

(36) Tây kinh: chỉ thành Tráng An ở phía tây là kinh đô cũ nhà Hán, đối với thành Lạc Dương là kinh đô phía đông.

(37) Định đô ở ấp Dĩnh: Tào Tháo đón Hán Hiến Đế đóng đô ở Hứa Xương thuộc quận Dĩnh Xuyên, ở bên sông Dĩnh, cho nên gọi thế.

QUYỂN 22 - HOÀN NHI TRẦN TỬ VỆ LƯ TRUYỆN

Hoàn Giai, Trần Quân, Trần Thái, Tử Tuyên, Vệ Trăn, Lư Dục.

TRẦN THÁI TRUYỆN

Thái tự là Huyền Bá. Năm Thanh Long trung, được làm Tán kỵ Thị lang. Năm Chính Thủy trung lại được đổi sang làm Kịch tướng quân, Tinh châu thứ sử, gia thêm Chấn uy tướng quân, được cầm cờ tiết, lĩnh chức hộ Hung Nô Trung lang tướng, Thái lấy sự nhu thuận đối xử với người Di ở đây, rất có ân uy. Có bậc quý nhân ở đất Kinh Ấp gửi biếu Thái rất nhiều tiền bạc của cải, bởi thế lúc mua nô tì, Thái treo hết những của cải ấy ở trên vách, không hề đụng đến, khi được vời về làm Thượng thư, Thái lại đem hết những của cải đó mang trả lại người ấy.

Năm Gia Bình sơ, Thái được cử thay Quách Hoài làm Ung châu thứ sử, gia thêm Phấn uy tướng quân. Thục đại tướng quân Khương Duy xuất binh men lối Khúc sơn đắp hai toà thành, sai Nha môn tướng là Câu An, Lý Hâm cố thủ ở đó, lại hẹn rợ Khương Hồ ước thệ cùng vào cướp bóc các quận quanh đó.

Chinh tây tướng quân Quách Hoài cùng với Thái bàn kế chống giữ. Thái nói: “Khúc thành tuy vững chắc, nhưng đường từ Thục đến đó xa xôi hiểm trở, việc vận lương tất chậm trễ. Quân rợ Khương sợ Duy khó khăn việc lao dịch, ắt chưa dễ giúp đỡ hết lòng. Nay ta cần vây hãm quân ấy, có thể không cần phải hết sức phá thành; dầu họ có quân cứu viện, nhưng đường núi hiểm trở, đâu dễ hành binh như trên đất bằng được”. Hoài bèn theo kế của Thái, sai Thái lĩnh binh vây đánh quân Thục. Hộ quân Từ Chất, Nam An thái thú Đặng Ngải cùng tiến binh vây hãm Khúc thành, cắt đứt đường lấy nước. Bọn Câu An phải ra đánh, Ngải không ứng chiến, quân Thục khôn quẩn, bóc tuyết nấu ăn cho qua ngày tháng chờ cứu viện.

Duy quả nhiên dẫn quân đến cứu giúp, tiến binh ra hướng Ngưu đầu sơn, cùng với Thái đối trận. Thái nói với chư tướng rằng: “ Binh pháp quý ở chỗ không cần đánh mà khuất phục được địch. Nay ta chẹn đường ở Ngưu đầu sơn, Duy không có đường tiến, sẽ bị ta cầm giữ ở đây.” Rồi lệnh cho các tướng cố sức giữ chắc thành lũy không được giao chiến, lại phái sứ đến bầm với Hoài, muôn từ phía Nam vượt qua Bạch Thủy, men sông tiến về hướng Đông, đề nghị Hoài đến thẳng Ngưu Đầu sơn, cắt đứt đường về của quân Thục, có thể bắt được Duy, như thế chẳng cần lo đến bọn Câu An nữa. Hoài khen kế ấy, dẫn ba quân đến Thao Thủy. Duy kinh hãi, phải bỏ chạy. Bọn Câu An cô thế, bèn ra hàng.

Hoài chết, Thái được cử lên thay làm Chinh tây tướng quân, được ban giả tiết, kiêm quản mọi việc quân sự ở Ung, Lương. Năm sau, Ung châu thứ sử Vương Kinh bầm với Thái rằng, Khương Duy và Hạ Hầu Bá sắp chia quân làm ba đạo nhằm các hướng Kỳ Sơn, Thạch Doanh, Kim Thành, xin tiến

binh làm vây cánh, điều quân ở Lương châu tiến đến Bào Hãn đánh vào quân Thục để giảm áp lực cho quân ở Kỳ Sơn. Thái liệu thế địch thấy không thể đương nổi cả ba đường, vả lại chia rẽ binh lực là việc rất không hay, mà quân Lương châu lại chưa ra khỏi cõi, liền bảo Kinh rằng: “Cần phải xét kỹ việc này, để định rõ phương lược, lại phải từ hai phía Đông Tây hợp binh lại mà tiến mới được”.

Bấy giờ Duy dẫn mấy vạn quân tiến đến Bào Hãn, nhằm hướng Địch Đạo. Thái lệnh cho Vương Kinh tiến lên đóng quân ở Địch Đạo, đợi quân các nơi đến đủ, sẽ tùy cơ đánh giữ. Còn Thái tiến quân đến Trần Thương. Kinh lại thống lĩnh ba quân tiến đến Cố Quan cùng với địch đánh nhau ở đó, gặp bất lợi, Kinh vội chạy về Thao Thủy. Thái thấy Kinh không chiếm đóng Địch Đạo, sợ có biến, bèn sai đóng năm dinh quân ngay trước trận, Thái đốc ba quân đóng ở phía sau. Kinh cùng Duy đại chiến ở Thao Thủy, bị thua lớn, mới dẫn hơn vạn quân lui về giữ thành Địch Đạo, binh sĩ còn lại đều thua chạy tan tác cả. Duy thừa thắng vây hãm Địch Đạo. Thái đóng quân ở Thượng Nhai, chia binh đóng giữ nơi hiểm yếu, sớm tối canh giữ nghiêm ngặt. Đặng Ngải, Hồ Phấn, Vương Bí cũng đến nơi, Thái liền cùng với Ngải, Bí chia quân làm ba đạo, tiến đến Lũng Tây.

Ngải cho rằng “Vương Kinh cậy quân mạnh giao chiến nên bị thua lớn ở phía Tây, nay kẻ địch đông mà sỹ khí đang hăng, lại đang thừa thắng nên quân ta khó mà đương nổi, quân lính của ta vốn là quân ô hợp, nếu bị thua thêm một trận nữa, ắt tướng sỹ đều mất vía cả, mà vùng Lũng Hữu sẽ nguy mất. Cổ nhân có câu rằng: ‘Bị rắn độc cắn vào tay, trảng sỹ phải cắt bỏ cánh tay mình’. Tôn Tử lại nói: ‘Việc binh có lúc không cần đánh, đất đai có lúc chẳng cần phải giữ.’ Chính là bỏ cái nhỏ để bảo toàn lấy cái lớn vậy. Nay Lũng Hữu gặp nguy hiểm, cái hại còn hơn cả độc xà, Địch Đạo bị vây hãm, chẳng cần phải cố giữ. Khương Duy tiến binh, ta hãy tạm tránh mũi nhọn của địch. Lại chẹn giữ những nơi hiểm yếu, chờ kẻ địch mệt mỏi, rồi sau mới tiến binh cứu, kế ấy mới là hay vậy.”

Thái nói: “Khương Duy cất tinh binh thâm nhập, chính là muốn cùng với ta tranh chiến, cần đánh một trận mà được lợi. Vương Kinh nếu cậy thành cao hào sâu cố thủ, sẽ bề gãy được nhuệ khí của địch. Nay lại cùng giao chiến, khiến cho quân địch đặc kế, đại phá quân của Vương Kinh, lại vây hãm Địch Đạo. Nếu như Duy thắng được sẽ điều võ dương oai, tiến binh về phía Đông, chiếm giữ Lịch Dương là nơi chứa lương của ta, thu nhật hàng binh, liên kết với rợ Khương-Hồ, ngoảnh về Đông tranh tranh chiếm vùng Quan-Lũng, truyền hịch ra bốn quận, như thế thì quân ta sẽ bị rầy rà to. Mà Duy thừa thắng tiến binh, thành cao cũng bị hạ, nhuệ khí đã mất, có hết sức cũng khó mà giữ được, cái thế đánh giữ khác nhau, khách chủ bất đồng là vậy. Binh thư nói rằng: ‘Sửa cái thuyền, ba tháng thì xong, làm cái mái chèo

lại mất quá ba tháng thì vớt đi cả'. Ta tin rằng quân kia ở xa mới tới, Duy sẽ dùng mưu mẹo trí trá để cướp lương thảo. Quân địch ở xa đến chỉ đóng tạm ở đó ít bữa, lương thực ắt không mang đủ, như vậy theo ý ta thì bây giờ cần phải gấp rút tiến lên phá địch, nếu bảo rằng nóng nảy vội vàng mà không theo, tự nhiên bỏ phí mất thời cơ. Thao Thuỷ hình thể như cái dải áo, bọn Duy đang ở sâu phía trong, nay quân ta đóng ở trên cao, chỉ cần dàn binh ở núi Hạng Lĩnh, thì chẳng cần đánh quân kia ắt phải bỏ chạy. Quân địch đến chớ nên buông thả, quân ta bị vây không thể chờ lâu, sao người có thể nói như thế được?"

Rồi ngầm tiến quân đến núi Hạng Lĩnh, ngay trong đêm đến phía Đông Nam thành Địch Đạo đóng quân trên đỉnh núi, sai đốt lửa làm hiệu, ngày thì thúc trống. Tướng sĩ trong thành Địch Đạo thấy quân cứu viện đã đến, đều lấy làm phấn chấn. Thục tướng Khương Duy cho rằng cứu binh còn đang tụ tập bèn phát động tấn công, sĩ tốt nghe tin địch đến, ngỡ rằng đóng quân lại ắt có biên, trên dưới đều kinh hoảng. Thái bèn dẫn quân tiến binh đến Lũng Tây, nhân thấy sơn đạo hiểm trở, dò rằng địch tất đặt phục binh ở đó. Vì thế Thái liền rẽ về con đường phía Nam, quả nhiên Duy đặt quân mai phục binh ở đó đã ba ngày.

Bởi việc hành quân được suôn sẻ, sĩ tốt tiến được xuống phía Nam. Duy thấy thế liền vượt núi đuổi theo, Thái cùng Duy giao chiến, Duy gặp bất lợi phải lui binh. Quân Lương Châu cũng vừa tới phía nam Kim Thành chiếm giữ nơi sườn núi. Thái mật hẹn với Kinh, cùng tiến binh ra đường lớn, Duy hay được tin ấy, bèn bỏ chạy, tướng sĩ trong thành Địch Đạo được giải vây. Kinh than rằng: "Lương thảo trong thành còn chẳng đủ dùng mười ngày, sắp sửa chẳng giữ được nơi then chốt, phải bỏ thành mà chạy, làm mất đi một châu quận của quốc gia rồi". Thái uỷ lạo tướng sĩ, cho ba quân lần lượt kéo về, lại đổi quân khác trấn giữ thành trì, sửa sang chiến lũy, rồi lui binh đóng giữ Thượng Nhai.

Lúc trước, Thái nghe tin Kinh bị vây hãm, quân binh tướng sĩ ở đây đồng lòng, cố sức bảo vệ thành, Duy cùng sĩ tốt đánh phá hết sức nguy cấp. Thái dâng biểu về triều rồi hoả tốc đêm ngày hành binh đến đó. Trong triều chúng tướng bàn rằng nếu Kinh bỏ chạy về phía Bắc, thành sẽ không thể giữ nổi, Duy ví bằng cắt đứt đường đi Lương châu, hiệu triệu dân Di ở bốn quận, chiếm cứ chỗ hiểm vùng Quan – Lũng, không những sẽ tan mất cánh quân của Vương Kinh mà Lũng Hữu cũng bị uy hiếp nặng. Nên đợi đại binh ở bốn phương tụ tập đầy đủ, rồi kéo đến đánh dẹp. Đại tướng quân Tư mã Văn vương cho rằng: "Xưa Gia Cát Lượng thường tiên ra đó, mà đến chết chẳng làm được việc ấy. Mưu việc lớn ở phương xa, ắt Duy chẳng thể không gắng hết sức. Vả lại trong thành không chứa sẵn lương thảo mà sĩ tốt ở đó bị vây, lương thiếu lại đang nguy cấp, phải nhanh chóng Tây chinh để cứu giúp, đó

là thượng sách”.

Một mình Thái trông coi việc một phương, thường hay phô trương thanh thế để trấn áp thiên hạ, ít khi tâu bày công việc lên bề trên, dẫu đường đất đi lại bất quá chỉ chừng 600 dặm. Tư mã Văn vương nói riêng với Tuân Ý rằng: “Huyền Bá thâm trầm dũng mãnh mà quyết đoán, gánh vác việc nặng nhọc ở một phương, cứu tướng bị vây hãm trong thành, mà chẳng xin thêm binh, lại hiếm khi tâu bẩm việc lên bề trên, ắt hẳn đủ tài dẹp địch. Những bậc Đô đốc Đại tướng, cũng chẳng hơn được nào!”

Sau này Thái được vời về làm Thượng thư hữu Phó xạ, Điện tuyền cử (1), gia thêm Thị trung Quang lộc đại phu. Đại tướng nước Ngô là Tôn Tuấn xâm phạm vùng Hoài Tứ. Triều đình lấy Thái làm Trần quân tướng quân, ban cho Giả tiết đô đốc mọi việc quân sự ở Hoài Bắc, lại xuống chiếu cho phép Thái được điều động toàn bộ quân lính ở Từ Châu. Tuấn lui binh, ba quân kéo về, Thái được chuyển làm tả Phó xạ. Gia Cát Đản dấy loạn ở Thọ Xuân, Tư mã Văn vương đốc xuất sáu lộ quân đóng ở Khâu Đầu, Thái được xếp đứng đầu một lộ. Tư mã Cảnh vương, Văn vương đều chơi thân với Thái, cả Vũ Cai ở đất Bái cũng thân thiện với Thái. Văn Vương hỏi Cai rằng: “Huyền Bá sao bằng cha ông ấy là Tư không được?” Cai nói: “Hiểu hết lẽ sách Nhĩ Nhã thì sớng ý, có thể khiến thiên hạ dốc lòng theo mình, chẳng phải thế sao; minh thống kiêm quản ngôi cao, lập công lập sự, còn hơn thế nữa.” Thái trước sau nhờ công lao mà được ăn lộc thêm hai vạn sáu ngàn hộ, con em thì một người được làm Đình hầu, hai người được làm quan nội hầu. Năm Cảnh Nguyên nguyên niên chết, được truy tặng chức Tư không, thụy hiệu là Mục hầu.

Tân Ký của Kiên Bảo chép rằng: Cao Quý hương công bị giết (2), Tư mã Văn vương hội triều thần bàn việc. Trần Thái không chịu đến, Vương sai cậu là Tuân Khải triệu gọi. Khải đến, Thái nói: “Người ta vẫn bàn rằng, Thái tôi so được với cậu, nay xem ra cậu chẳng bằng Thái này được vậy”. Con em nội ngoại Thái đều bị bức đến cả, mọi người đều phục xuống rỏ nước mắt. Vương đợi một lát rồi bảo rằng: “Huyền Bá, Khanh xem ta nên xử thế nào?” Đáp rằng: “Nên giết Giả Sung để tạ lỗi với thiên hạ.” Văn Vương nói: “Ta nghĩ nên giảm xuống một bậc”. Thái nói: “Thái tôi chỉ biết nghĩ đến bậc ấy, chứ chẳng biết thứ bậc nào nữa cả”. Văn vương không chịu đổi ý.

Ngụy thị Xuân thu chép: Đế đã băng hà, Thái phó Tư Mã Phu, Thượng thư Hữu phó xạ Trần Thái gói đầu vào đùi thi thể của Đế, khóc lóc rất bi thương. Bấy giờ Đại tướng quân vào đến trong cung, Thái thấy thế rất đau lòng, Đại tướng quân cũng đứng sánh vai với Thái mà khóc, rồi nói rằng: “Huyền Bá, việc này ta nên xử thế nào?” Thái nói: “Chỉ có giết Giả Sung, mới có thể tạ lỗi với thiên hạ một chút.” Hồi lâu Đại tướng quân mới nói:

“Khanh hãy nghĩ mà đổi xuống cho người khác”. Thái nói: “Há nên để cho Thái nói thêm lời nữa”. Rồi thổ huyết mà chết.

Con Thái là Tuân nối tự, Tuân chết, không có con. Em Tuân là Ôn nối tước. Năm Hàm Hi trung mới lập được chức Ngũ đẳng, bởi Thái có công lao với tiền triều, mới đổi phong tước cho con của Ôn là Thận.

TRẦN KIỀU TRUYỆN

Trần Kiều tự Quý Bất, người quận Quảng Lăng huyện Đông Dương. Lúc đi tránh loạn ở Giang Đông đến Đông Thành, từ chối theo mệnh của Tôn Sách và Viên Thuật, quay về bản quận. Thái thú Trần Đăng mời làm Công tào, sai Kiều đến huyện Hứa, bảo rằng: “Người ở huyện Hứa luận bàn, bình phẩm về ta không được tốt lắm; tức hạ hầy vì ta đến đó xem xét, rồi quay về chỉ giáo cho ta biết.” Kiều đi rồi quay về nói: “Tôi nghe ngôn luận xa gần, hầu hết nói rằng minh phủ kiêu căng tự đại.” Đăng nói: “Nói đến gia môn hòa mục, đức hạnh vẹn toàn, ta kính trọng anh em Trần Nguyên Phương; nói tới sự băng thanh ngọc khiết, khuôn phép lễ nghĩa, ta kính trọng Hoa Tử Ngư; nói về sự hiểu biết chính trực, ghét cái ác như thù, ta kính trọng Triệu Nguyên Đạt; nói về nghe rộng nhớ dai, tài hoa lỗi lạc, ta kính trọng Không Văn Cử; nói tới anh hùng kiệt xuất, có mưu lược bá vương, ta kính trọng Lưu Huyền Đức⁽³⁾. Ta tôn kính người khác như thế, sao ta lại là người kiêu ngạo được! Ngoài ra những việc nhỏ nhặt tầm thường ta đối xử với các vị, vậy có biên chép hết cả lại mà đánh giá được hay chăng?” Đăng nhã nhặn ý tứ đến như thế, mà đối với Kiều lại rất đổi kính trọng.

Vì quận trị bị Tôn Quyền phái Khuông Kỳ vây hãm, Đăng ra lệnh cho Kiều cầu cứu với Thái tổ. Kiều thuyết Thái tổ rằng: “Bỉ quận tuy nhỏ, nhưng về hình thế đối với quốc gia là trọng yếu, nếu ngài ra ân cứu viện, lấy nơi đó làm phen đậu, thì mưu đồ của người Ngô sẽ dứt, vùng Từ Châu được yên ổn lâu dài, thanh danh uy vũ chấn động nơi xa, sự nhân ái được lưu truyền, những kẻ chưa phục tùng quốc gia, theo gió kéo đến mà nương tựa, rồi tôn sùng đức hạnh nuôi dưỡng uy thế, đó là sự nghiệp của bậc bá vương vậy.” Thái tổ cho Kiều là bậc kỳ tài, muốn lưu lại. Kiều từ chối nói: “Bản quốc có mối nguy treo ngược, tôi chạy vội đến cáo cấp, dù cho không học đòi được Thân Tư, há dám quên cái nghĩa của Hoàng Diễn được chăng⁽⁴⁾?”

Sách Tân tự của Lưu Hưởng chép: Tề Hoàn công cầu hôn với nước Vệ, nước Vệ không nghe, mà gả con cho nước Hứa. Nước Vệ bị nước Địch đánh, Hoàn công không cứu. Thi thể của Vệ Ý công bị người nước Địch ăn mất, duy có buồng gan là còn. Ý công có người bày tội là Hoàng Diễn, vừa mới đi sứ trở về, hủy hoại thân mình ở chỗ buồng gan nói: “Vua ở bên trong, thì bày tội ở bên ngoài.” Rồi mổ bụng mình bỏ buồng gan vào trong bụng mà chết. Tề Hoàn công nói: “Nước Vệ có bày tội như thế mà còn bị diệt, quả nhân không có được người như vậy, chết không biết ngày nào đây!” Bèn cứu nước Vệ, yên định ngôi quân vương nước ấy.

Thái tổ bèn phái quân tới cứu. Quân Ngô đã lui về, Đăng đặt rất nhiều quân mai phục, ngầm dẫn binh đuổi theo, đại phá chúng.

Thái tổ cho vời Kiêu làm Tư không duyện thuộc, phong cho làm Tương lệnh, Chinh nam Trưởng sử⁽⁵⁾, Thái thú Bành Thành, Lạc lăng, Tây bộ đô úy Ngụy Quận. Có người dân ở Khúc Chu vì cha bị bệnh, dùng trâu để cầu cúng, huyện kết tội phải chém ở giữa chợ⁽⁶⁾. Kiêu nói: “Người ấy là hiếu tử vậy.” Bèn dâng biểu xin tha người ấy. Kiêu được thăng làm Thái thú Ngụy Quận. Bảy giờ trong nhà giam có mấy nghìn người, bị giam giữ đến mấy năm trời, Kiêu cho rằng pháp chế của nhà Chu có ba điển, pháp luật của nhà Hán có ba chương, nay tham cái đạo lý nặng nhẹ, mà giam giữ tù phạm lâu là tai họa, có thể nói là sai lầm vậy. Kiêu tự mình xem xét hết tội trạng của phạm nhân, trong một lúc bàn bạc rồi quyết định. Đại quân đông chinh, Kiêu về triều làm Thừa tướng trưởng sử. Quân quay về, Kiêu lại làm Thái thú Ngụy Quận, rồi chuyển sang làm Tây tào duyện.

Kiêu theo đi đánh Hán Trung, rồi quay về triều làm Thượng thư. Đi chưa đến huyện Nghiệp, Thái tổ băng ở Lạc Dương, quần thần câu nệ đạo thường, cho rằng Thái tử lên tức vị, phải đợi chiếu mệnh. Kiêu nói: “Vương mất ở bên ngoài, thiên hạ sợ hãi. Thái tử nên nén đau thương lên tức vị, để ủy lạo và ràng buộc lòng trông ngóng xa gần. Và lại các con của đại vương ở ngay bên cạnh, ví như người này người kia sinh biến, thì xã tắc nguy mất.” Rồi lập tức bố trí quan viên và bày biện đủ lễ nghi, xong xuôi hết trong ngày. Hôm sau, dùng lệnh của Vương hậu⁽⁷⁾, sách mệnh cho Thái tử lên tức vị, đại xá thiên hạ. Văn Đế nói: “Trần Quý Bật vào lúc quan trọng khẩn yếu, mưu lược sáng suốt hơn người, đích thực là kẻ tuấn kiệt một thời vậy.” Đế dâng cơ, chuyển Kiêu sang tạm nhận chức Lại bộ, phong tước Cao Lăng đình hầu, thăng làm Thượng thư lệnh.

Minh đế lên tức vị, Kiêu được tiến tước Đông hương hầu, hưởng thực ấp sáu trăm hộ. Có lần xa giá thốt nhiên đến cửa Thượng thư, Kiêu quỳ xuống hỏi Đế rằng: “Bệ hạ đến đây là mong muốn điều gì vậy?” Đế nói: “Ta muốn đến xem người coi xét văn thư mà thôi.” Kiêu nói: “Việc đây là chức phận của thần, chẳng phải là thứ Bệ hạ nên xem. Nếu thần không xứng với chức phận đó, thì xin Bệ hạ hãy phế truất thần. Bệ hạ nên về đi thôi.” Minh Đế rất xấu hổ, lên xe ra về. Kiêu thành thực và chính trực đến như thế.

Thế Ngữ chép: Lưu Diệp lúc trước diện kiến Đế, nhân đó dèm pha Kiêu là chuyên quyền. Kiêu sợ, đem hỏi con trưởng là Bản, Bản không biết làm thế nào. Con thứ là Khiên nói: “Chủ thượng là bậc thánh minh thông đạt sự lý, đại nhân là bậc đại thần, nay nếu không hợp nhau, bất quá chẳng làm tước công nữa.” Mấy ngày sau, Đế cho triệu kiến Kiêu, Kiêu lại hỏi hai con, Khiên nói: “Bệ hạ có ý nguôi, cho nên mới gặp đại nhân vậy.” Kiêu gặp Đế, cuối ngày, Đế nói: “Lưu Diệp tố cáo người, trẫm có cho xem xét người; trong lòng trẫm đã rõ rồi.” Rồi đem năm nậm rượu bằng vàng trao cho Kiêu, Kiêu từ chối. Đế hỏi: “Người cho là ân huệ quá ít chăng? Người đã

biết tâm lòng của trẫm, song vợ con người chưa biết được nguyên do vậy.” Để lo lắng cho xã tắc, hỏi Kiều: “Tur Mã Công là kẻ trung chính, có thể nói là kẻ bày tôi giỏi của xã tắc được chăng?” Kiều nói: “Ý là chỗ triều đình trông vào; việc xã tắc, thì chưa biết được.”

Kiều được gia thêm chức Quang lộc đại phu, rồi thăng làm Tư đồ. Năm Cảnh Sơ nguyên niên thì chết, được ban thụy là Trinh hầu.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Kiều vốn là con của họ Lưu, sinh ra bởi người cậu hôn phối với người trong dòng tộc. Từ Tuyên thường chê bai việc ấy, lúc nghị sự ở triều đình cho đó là thiếu sót. Thái tổ tiếc Kiều là người tài trí độ lượng, muốn giữ toàn vẹn cho Kiều, bèn hạ lệnh rằng: “Từ khi tang loạn đến nay, phong tục và giáo hoá điêu bạc, lời bàn luận báng bổ, khó mà dùng để chê bai được. Chuyện từ năm Kiến An thứ năm về trước, nhất thiết chớ có bàn luận. Dem chuyện từ giai đoạn trước mà luận bàn phi báng, sẽ vì tội đó mà trị tội.”

Con của Kiều là Bản nổi tự, trải các chức Quận thú, Cửu khanh. Ở đâu cũng giữ kỷ cương, được khen ngợi là có cương lĩnh, có thể khiến cho quần hạ hết lòng. Có tài làm thống soái, không quen với việc nhỏ, chẳng đọc sách về pháp luật mà được Đình úy khen ngợi, hơn hẳn bọn Tư Mã Kỳ, tinh luyện về đạo lý văn vẻ. Sau được thăng làm Trấn bắc tướng quân, được ban Giả tiết đô đốc các việc quân sự ở Hà Bắc. Rồi chết, con là Sán nổi tự. Em của Bản là Khiên, năm Hàm Hi trung là Xa kỵ tướng quân.

Xét Tấn thư chép: Khiên tự Hưu Uyên, là công thần sáng nghiệp nhà Tấn, ngôi vị đến Thái phó, được phong làm Cao Bình quận công.

Khi trước, Kiều làm Công tào ở quận, đi sứ qua địa giới huyện Thái Sơn. Thái thú Thái Sơn người Đông Quận là Tiết Đế, kết làm thân hữu. Lúc đùa bỡn bảo Kiều rằng: “Làm quận lại mà giao du với quan Nhị thiên thạch, được vua của nước láng giềng khuất thân theo làm bồi thân đi du ngoạn, chẳng cũng đúng sao?” Đế sau làm Thái thú Ngụy Quận, rồi làm Thượng thư lệnh, ngôi vị đều kém hơn so với Kiều.

Thế Ngữ chép: Đế tự Hiếu Uy. Năm hai mươi hai tuổi, làm Tòng sự ở Duyện châu, rồi làm Thái thú Thái Sơn. Khi trước, Thái tổ bình định Ký Châu, lấy Đế và người ở Đông Bình là Vương Quốc làm tả hữu Trưởng sử, sau làm đến chức Trung lĩnh quân, đều hết sức trung trinh chuyên cần với công việc, là quan lại tiêu biểu ở đời.

TRẦN QUẦN TRUYỆN

Trần Quần tự Trường Văn, người quận Dĩnh Xuyên huyện Hứa Xương. Tổ phụ là Thật, cha là Kỳ, chú là Kham, đều là những người nổi tiếng.

Thật tự Trọng Cung, Kỳ tự Nguyên Phương, Kham tự Quý Phương.

Ngụy thư chép: Đương thời, Thật là vị quan có đức, Kỳ-Kham đều có danh vọng lớn ở đời. Thật làm trưởng huyện Thái Khâu, gặp tai họa bè đảng, đi ẩn cư ở Kinh Sơn, xa gần coi là bậc tông sư⁽⁸⁾. Linh đế băng hà, Hà Tiến làm phụ chính, tiến dụng kẻ sĩ trong thiên hạ, cho vời Thật, muốn lấy làm Tham quân, vì Thật già cả bệnh tật, quyết không khuất tiết theo lệnh, Kham làm Tư không duyệt, chết sớm. Kỳ làm quan trải các chức Bình Nguyên tướng, Thị trung, Đại hồng lư, soạn được mấy chục thiên sách, người đời gọi Kỳ là Trần tử⁽⁹⁾. Thật mất rồi, Tư không Tuân Sảng, Thái phó lệnh Hàn Dung đều để tang ba năm, bắt con cháu phải theo lễ. Ở bốn phương có mấy nghìn cỗ xe đến viếng, bọn Quách Thái ở Thái Nguyên chẳng ai không đến dự.

Phó tử chép: Thật mất, người khắp thiên hạ đến phúng điếu, lúc an táng Thật có ba nghìn người dự, lại có mấy trăm người mặc áo xô gai để tang.

Tiên hiền hành trạng chép: Đại tướng quân Hà Tiến phái thuộc hạ đến phúng viếng, đặt cho thụy hiệu là Văn Phạm tiên sinh. Vì thế, Thật, Kỳ đều nổi tiếng là bậc cao danh, mà Kham cũng được dự vào đó, người đời gọi họ làm Tam quân. Mỗi khi quan phủ hạ lệnh trưng triệu, tất cả ba người đều đến cùng lúc, lễ vật của công khanh, đại phu chất thành đống, bọn thừa, duyệt lần lượt qua lại ba nhà⁽¹⁰⁾. Trăm họ ở Dự châu đều vẽ hình Thật, Kỳ, Kham treo ở trong nhà.

Lúc Quần còn nhỏ, Thật thường cho rằng Quần là người kỳ dị, bảo với các vị phụ lão ở trong họ rằng: “Thằng nhỏ ấy tất làm rạng rỡ tổ tông nhà ta.” Không Dung ở nước Lỗ kiêu ngạo là có tài cao, ở vào giữa độ tuổi của Kỳ và Quần, trước đây cùng với Kỳ là bạn hữu, về sau kết giao cùng với Quần, lại được Kỳ bái phong, vì thế nổi danh. Khi Lưu Bị đến Dự châu, cho vời Quần đến làm Biệt giá. Lúc Đào Khiêm bị bệnh chết, Từ châu nghênh đón Bị, Bị muốn qua đó, Quần thuyết Bị rằng: “Viên Thuật còn đang mạnh, nay ta về Đông, tất phải giao chiến với họ. Lã Bố nếu như tập kích ở phía sau tướng quân, tướng quân đâu có được Từ châu, đại nghiệp tất không thành được.” Bị sau cứ đi, cùng Viên Thuật giao chiến. Bố quả nhiên tập kích Hạ Bi, phái binh đến giúp Thuật, đại phá quân của Bị, Bị hận đã không dùng lời của Quần. Quần được tiến cử Mậu tài, rồi đổi làm Chá lệnh⁽¹¹⁾, không chịu đi, theo Kỳ đến lánh nạn ở Từ châu. Vừa lúc Lã Bố bị phá, Thái tổ cho vời Quần tới làm Tư không Tây tào duyệt chúc. Bấy giờ có người tiến cử

Vương Mô ở Lạc An, Chu Quý ở Hạ Bi, Thái tổ cho vời họ đến. Quân yêu cầu chỉ cho họ làm giáo chức⁽¹²⁾, cho rằng Mô, Quý đức xấu, Thái tổ không nghe. Về sau Mô, Quý phạm tội trộm cướp bị giết, Thái tổ bèn tạ lỗi với Quân. Quân tiến cử người ở Quảng Lăng là Trần Kiều, người ở Đan Dương là Đái Kiên, Thái tổ đều dùng họ. Sau này người Ngô làm phản, Kiên vì trung nghĩa tử nạn, Kiều về sau là danh thần, người đời cho là Quân biết xét người. Quân được đổi làm chức lệnh ở các huyện Tiêu, Tán, Trường Bình, lúc cha mất Quân bỏ chức quan. Về sau vì Tư không duyệt đề cử cao đệ, Quân được làm Trì thư Thị ngự sử, rồi chuyển sang làm tham mưu việc quân cho Thừa tướng. Ngụy quốc kiến lập, Quân được thăng làm Ngự sử Trung thừa.

Thời ấy Thái tổ thương nghị việc khôi phục lại nhục hình, từng xuống lệnh rằng: “Làm sao có được người tài thấu hiểu chuyện cổ kim mà thông tỏ được cái đạo lý quyền biến của bậc quân tử, để có thể giúp ta quyết định việc này đây! Trước đây Trần Hồng Lu⁽¹³⁾ cho rằng tử hình là cái cách ban ơn nhân đạo nhất, chính là nói về việc ấy vậy. Ngự sử Trung thừa có thể bày tỏ rõ cái nghị luận của phụ thân khanh được chăng?” Quân thưa rằng: “Cha thần là Kỷ cho rằng nhà Hán loại bỏ nhục hình mà tăng hình phạt đánh roi, vốn xuất phát từ sự trắc ẩn nhân tâm nhưng số người chết lại nhiều thêm, việc đó nếu về danh nghĩa thì là nhẹ mà thực chất lại là nặng vậy. Danh nghĩa nhẹ thì dễ phạm tội, thực chất nặng thì hại đến dân. Thư Kinh viết: ‘Chỉ có kính sợ ngũ hình, mới thành tam đức⁽¹⁴⁾.’ Dịch đặt ra các phép, xẻo mũi, chặt cẳng, cắt ngón chân, là dùng để phụ giúp việc chính trị, giáo dục người dân, trừng trị kẻ xấu khiến người phạm tội giảm đi. Và lại giết người đến mạng, là hợp với phép xưa; đến như kẻ làm hại người ta, hoặc tàn huỷ thân thể họ mà chỉ cắt râu tóc của kẻ ấy, là trái với đạo lý ấy vậy. Nếu dùng lại hình phạt thời xưa, khiến cho kẻ phạm tội dâm phải vào tù thất⁽¹⁵⁾, kẻ phạm tội trộm cắp phải bị chặt chân, như thế thì vĩnh viễn không có kẻ dâm ô phóng đảng, đào tường khoét ngạch làm chuyện gian tà vậy. Trong ba nghìn thứ tội, dầu chưa thể trừ bỏ hết, nếu người ta nghĩ đến mấy hình phạt ấy, thì đó chính là mối lo lắng của họ vậy, ta nên sớm cho thi hành. Theo pháp luật của nhà Hán thì giết người chưa hẳn là tội chết, lòng nhân thế là chưa đúng mức, nên ngoài cái tội chết, ta có thể dùng hình. Như thế, thì dùng hình là giúp cho người ta được sống, đủ để thay cho cái chết vậy. Nay dùng phép đánh roi để chết thay cho hình phạt không chết người, ấy là trọng thân thể mà coi thường tính mệnh của người ta vậy.” Bấy giờ Chung Do cùng với Trần Quân bàn định cùng ý kiến, Vương Lăng cùng với những người khác cho rằng việc ấy chưa thể thi hành. Thái tổ rất khen lời của Do và Quân, song lấy có việc quân chưa dứt được, để bàn định thêm, cho nên việc đó tạm dừng.

Quần được chuyển sang làm Thị trung, lĩnh chức Thừa tướng Đông Tây tào duệ(16). Ở chốn triều đường, cứ việc hợp đạo lý thì làm(17), rất quý trọng danh nghĩa, chẳng làm việc trái đạo với người. Thời Văn đế còn ở ngôi Đông cung, rất kính trọng tài năng của Quần, lấy lễ bạn hữu mà tiếp đãi, thường khen rằng: “Từ khi ta có Hôi, các học trò ngày càng thân thiết với ta(18).”

Tào Phi tức vương vị(19), phong Quần làm Xương Vũ đình hầu, rồi chuyển sang làm Thượng thư. Việc định ra cử phẩm pháp điển cho người làm quan, đó là ý kiến của Quần vậy. Lúc Tào Phi lên ngôi, Quần được thăng làm Thượng thư Bộc xạ, gia thêm chức Thị trung, rồi đổi làm Thượng thư lệnh, tiến tước Dĩnh hương hầu. Đế đi đánh Tôn Quyền, đến Quảng Lăng, sai Quần lĩnh chức Trung lĩnh quân. Đế quay về, ban cho Quần Giả tiết, đô đốc thuỷ quân. Lúc về Hứa Xương, lấy Quần làm Trấn quân Đại tướng quân, lĩnh Trung hộ quân, Lục thượng thư sự. Đế ốm nặng, Quần cùng với bọn Tào Chân, Tư mã Tuyên vương đều nhận dị chiếu làm phụ chính. Minh đế lên tức vị, tiến phong Quần làm Dĩnh Âm hầu, tăng thực ấp lên năm trăm hộ, cộng cả lúc trước là một nghìn ba trăm hộ, cùng với Chinh đông Đại tướng quân Tào Hưu, Trung quân Đại tướng quân Tào Chân, Phủ quân Đại tướng quân Tư mã Tuyên vương đều được mở phủ riêng. Ít lâu sau, được làm Tư không, giữ chức Lục thượng thư sự như trước.

Thời ấy, Đế mới bắt đầu gánh vác chính sự, Quần dâng sớ rằng: “Kinh Thi chép ‘Lấy gương của Văn vương làm khuôn mẫu, muôn dân thấy mà tin theo(20)’. Lại nói ‘Hãy làm gương cho vợ của mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà(21)’. Đạo lý từ đó mới găn gũi, mà người trong thiên hạ được cảm hoá dần. Từ khi tang loạn đến nay, gươm đao giáo mác chưa ngừng nghỉ, trăm họ không biết đến cội rễ của vương giáo, sợ hãi loạn lạc thái quá. Bệ hạ nhận lấy ngôi cao nhà Nguy, gánh vác cơ nghiệp của nhi tử(22), thiên hạ hi vọng thời trị đã đến, chỉ nên dùng đức để cảm hoá người ta, ban ơn thương xót đến lê dân, thì trăm vạn dân may mắn. Nếu thần cạn ý như mọi người, để thị phi lẫn lộn, ấy là đại hoạ cho quốc gia vậy. Mà để quần thần chẳng hoà mục thì sẽ sinh ra đảng thù, có đảng thù thì vô có huỷ hoại sự yên vui, sự yên vui bị huỷ hoại thì chân thật giả dối mất đi thật, chẳng thể không phòng bị kỹ lưỡng, lấy đó để dứt tuyệt mầm móng việc ấy.”

Năm Thái Hoà trung, Tào Chân dâng biểu muốn theo mấy đường phật Thục, từ Tà Cốc tiến vào. Quần cho rằng “Ngày trước Thái tổ đến Dương Bình tấn công Trương Lỗ, thu được nhiều lúa, đậu để bổ sung quân lương, Lỗ chưa hạ được mà lương thực đã thiếu thốn. Nay đã không xét nguyên do ấy, vả lại Tà Cốc hiểm trở, khó bề tiến lui, việc vận chuyển tất sẽ bị giặc cướp đánh chặn, nếu để nhiều binh để giữ nơi trọng yếu, tất sẽ hao tổn quân

sĩ, chẳng thể không suy tính kỹ được.” Đế theo lời bàn của Quân. Chân lại dâng biểu xin từ Tỳ Ngộ tiến quân. Quân lại bày tỏ rằng hướng ấy ra quân rất bất tiện, cho rằng việc quân cần phải dụng kế. Đế hạ chiếu để Quân nghị bàn cùng với Chân, Chân được toại nguyện xuất quân. Bây giờ là lúc mưa dầm liên miên, Quân lại cho rằng nên hạ chiếu gọi Chân về, Đế nghe theo.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Coi xét việc tiến cử.*

(2) *Tào Mao bị Tư mã Chiêu giết.*

(3) *Tức là Trần Kỳ (chú của Trần Quân); Hoa Hâm; Triệu Dục (danh sĩ Từ Châu, có nói đến ở Đào Khiêm truyện); Khổng Dung; và Lưu Bị.*

(4) *Nước nhà bị nguy khốn, Thân Bao Tư cầu viện nước Tần, khóc bảy ngày liền ở trước sân, vua Tần phát binh cứu viện, Thân Bao Tư mới chịu trở về; còn về Hoàng Diễn, phần chú của Bùi Tùng Chi đã nói rõ.*

(5) *Tức là quan Trưởng sử của Chinh nam tướng quân Tào Nhân.*

(6) *Thời xưa đặc biệt chú trọng nông nghiệp, trâu cày là vật nuôi rất quan trọng với nghề nông. Vô cớ giết trâu, dùng để cúng tế là tội rất nặng.*

(7) *Tức Biện thái hậu.*

(8) *Giai đoạn lịch sử này có nguyên nhân là vì hoạn quan lộng hành, giới trí thức đa phần ủng hộ ngoại thích diệt trừ hoạn quan, việc bại lộ nên rất nhiều trí thức thanh lưu bị bắt, giết, bị cấm đoán, lịch sử gọi sự kiện này là tai họa bè đảng. Trần Thật là trí thức, tránh họa bè đảng nên phải lánh đi ở ẩn, vì tài năng khác thường, được người ta gọi là ‘tông sư’, bậc thầy.*

(9) *Người đời khen ngợi Kỳ, coi Kỳ như những người soạn các trước tác, đưa ra luận thuyết, nổi tiếng ở đời như Trang tử, Lão tử, Phó tử... Tức là đánh giá Trần Kỳ rất cao vậy.*

(10) *Nguyên văn đoạn này là ‘mỗi tế phủ tịch mệnh, suất giai đồng thì, cao nhận thành quân, thừa duyên giao chí’. Hai chữ ‘tịch mệnh’ theo zdic giảng là ‘trung triệu, nhận mệnh’; hai chữ ‘suất giai’ thì được giảng là ‘tất cả đều’, hai chữ ‘cao nhận’ được giảng là ‘lễ vật của quan khanh, đại phu’. Theo sách Chu lễ, Xuân Quan - Đại Tông Bá thì quan khanh dùng lễ vật là con dê con, đại phu dùng lễ vật là chim nhận. Xin dịch thoát ý cả câu như trên.*

(11) *Chức lệnh ở huyện Chá.*

(12) *Chức quan nhỏ, chỉ lo việc dạy học.*

(13) *Trần Hồng Lư tức là Trần Kỳ, cha Trần Quân, từng làm chức Đại Hồng Lư nên được gọi một cách kính trọng là Trần Hồng Lư.*

(14) *Ngũ hình là năm thứ hình phạt nặng thời cổ, mỗi loại lại chia ra nhiều cấp bậc khác nhau; tam đức là ba đức tính tốt của người ta.*

(15) *Tàm thất là cái nhà ngục để thiến người, kẻ bị thiến phải ở buồng kín*

như buông tầm nên gọi là tầm thất.

(16) Cai quản việc ở cả Đông tào duyên và Tây tào duyên của phủ Thừa tướng.

(17) Câu này xuất xứ từ sách Luận Ngữ, nguyên cả câu trong Luận Ngữ là: ‘Tử viết: Quân tử chi ư thiên hạ dã, vô thích dã, vô mặc dã, nghĩa chi dữ tị.’ Có nghĩa là ‘Bậc quân tử với việc đời, không

có gì là không có ý làm, không có gì là không có ý bỏ, cứ hợp nghĩa là làm.’

(18) Nguyên văn: ‘Tự ngô hữu Hôi, môn nhân nhật dĩ thân’, đây vốn là câu nói của Khổng tử khen trò giỏi của mình là Nhan Hôi. Tào Phi nói câu ấy cũng là có ngụ ý rằng ‘từ khi mình có Trần Quân, thì người thân thiết với mình ngày càng nhiều’.

(19) Lên nối ngôi vương của Tào Tháo.

(20) Đây là một câu trong Kinh Thi. Nguyên văn trong sách là ‘Thượng thiên chi tải, vô thanh vô xú, nghi hình Văn Vương, vạn bang tác phụ’, có nghĩa là ‘Trời ở trên cao, không mùi không vị, tấm gương của Văn Vương là khuôn mẫu, muôn dân thấy mà tin.’. Chữ ‘hình’ ở đây được giải nghĩa như là ‘nêu gương, tấm gương’.

(21) Đây cũng là một câu lấy từ kinh Thi. Nguyên văn là: ‘Văn Vương hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang’. Chữ ‘quả thê’ là chữ mà Văn Vương gọi vợ mình, sau này các vua chúa hay xưng là quả nhân, có lẽ lấy ý từ đây. Câu này hiểu là ‘Văn Vương làm gương cho vợ của mình, rồi đến anh em, cho đến khắp cả nước nhà’.

(22) Tào Phi, Tào Tháo.

QUYỂN 24 - HÀN THÔI CAO TÔN VƯƠNG TRUYỆN

Hàn Ky, Thôi Lâm, Cao Nhu, Tôn Lễ, Vương Quán

TÔN LỄ TRUYỆN

Tôn Lễ tự Đức Đạt, người Trác quận huyện Dung Thành. Thái tổ bình định U châu, cho triệu Lễ làm Tư không quân mưu duyện. Lúc mới xảy tang loạn, Lễ cùng với mẹ lạc nhau, người đồng quận là Mã Đài tìm được mẹ của Lễ, Lễ đem cả gia tài chu cấp cho Đài. Về sau Đài phạm tội bị xử tử hình, Lễ ngầm chỉ dẫn cho Đài vượt ngục rồi ra đầu thú, xong việc, Đài nói: “Thần theo đạo nghĩa không thể bỏ tròn.” Rồi đến ngay chỗ quan Thứ gian Chủ bộ là Ôn Khôi nhận tội. Khôi khen ngợi, bạch rõ với Thái tổ, Thái tổ hạ lệnh giảm tội cho cả hai người xuống một bậc.

Sau Lễ được đổi sang chức Quận thừa ở Hà Gian, rồi thăng làm Đô úy Huỳnh Dương. Bọn đạo tặc ở Sơn Trung có mấy trăm tên, giữ vững nơi đất hiểm, làm hại dân chúng; triều đình bèn cho Lễ làm Lỗ tướng⁽¹⁾. Lễ đến nhậm chức, mở kho lương, phát chẩn cho dân, tuyển mộ quân binh, chiêu nạp kẻ ra hàng, khiến bọn đạo tặc bị chia rẽ, vùng ấy lập tức yên bình. Lễ lần lượt làm Thái thú các quận Sơn Dương, Bình Nguyên, Bình Xương, Lang Nha. Rồi theo Đại tư mã Tào Hưu đi đánh Ngô ở Giáp Thạch, Lễ đưa lời can gián cho rằng không nên vào sâu trong đất địch, Hưu không nghe nên bại trận. Lễ được thăng làm Thái thú Dương Bình, sau về triều làm Thượng thư.

Minh đế đang sửa sang cung thất, nhưng thời tiết không thuận, thiên hạ thiếu lương thực. Lễ cố can ngăn, việc sai dịch được bãi bỏ, có chiếu rằng: “Cung kính thu nhận lời nói thẳng, sẽ khiến cho dân chúng làm theo.” Bấy giờ Lý Huệ làm Giám tác, lại tâu xin đợi một tháng, việc xây dựng sẽ xong hẳn. Lễ đi đến công trường, không dâng chiếu lại lần nữa, phao lên rằng có chiếu giải tán dân, Đế lạ về ý ấy nhưng không trách tội.

Đế đi săn ở núi Đại Thạch, có con hổ vọt đến bên xe, Lễ liền quăng roi nhảy xuống ngựa, định vung kiếm phạt con hổ, Đế chiếu lệnh cho Lễ lên ngựa. Lúc Minh đế sắp băng hà, lấy Tào Sảng làm Đại tướng quân, nên Sảng được tin tưởng, ở bên giường nhận di chiếu, bái Lễ làm Trưởng sử cho Đại tướng quân, thêm chức Tán kỵ thường thị. Lễ thành thật chính trực, Sảng chẳng thấy tiện, mới dùng Sảng làm Thứ sử Dương châu, thêm chức Phục ba tướng quân, ban cho tước Quan nội hầu. Đại tướng quân nước Ngô là Toàn Tông thống suất mấy vạn binh lính đến xâm lấn cướp bóc, bấy giờ binh lính ở trong châu đang kỳ nghỉ, ở đó không có bao nhiêu. Lễ thân dẫn vệ binh đến ngăn chúng, giao chiến ở Thục Pha, từ sáng đến chiều tối, tướng sĩ tử thương quá nửa. Lễ xông pha giẫm đạp đao gươm, ngựa bị mấy vết thương, tay vẫn cầm dùi trống, hăng hái chẳng đoái hoài đến thân mình, bọn giặc phải lui. Có chiếu thư úy lạo, ban cho bảy trăm xấp lụa. Lễ vì những quân sĩ bị chết bầy cổ tế tự khóc lóc, thương gào xé ruột, lấy hết số lụa giao cho gia

quyền người chết, không lấy chút gì cho mình.

Lễ được vời về triều bái làm Thiếu phủ, sau ra ngoài làm Thứ sử Kinh châu, rồi thăng làm Ký châu mục. Thái phó Tư Mã Tuyên Vương bảo Lễ rằng: “Nay có việc tranh chấp địa giới giữa Thanh Hà và Bình Nguyên đã tám năm, trải qua hai đời Thứ sử, không thể giải quyết được tranh chấp; việc của Ngu, Nhuế đợi đến Văn Vương mới xong⁽²⁾, người nên khéo léo giải quyết sao cho phân minh rõ ràng.” Lễ nói: “Việc kiện tụng đất đai thì có chứng cứ là khu mộ địa để chứng nghiệm, xét xử thì lấy chính kiến của các vị bô lão già cả, mà người già thì chẳng thể dùng roi đánh đập, lại nữa là khu mộ địa hoặc là đã di chuyển tới nơi cao ráo phẳng phiu, hoặc là bị dời đi vì cừ thù. Như những điều nghe được hiện nay, dù là Cao Đào⁽³⁾ cũng còn khó giải quyết. Nếu muốn làm cho không có kiện tụng, nên dùng địa đồ trước đây của Liệt tổ⁽⁴⁾ thời phong đất ở Bình Nguyên mà quyết định. Hà tất phải suy tìm điền cố thời xưa, để thêm chương từ kiện tụng? Trước kia Thành Vương lấy lá ngô đồng đưa bốn Thúc Ngu⁽⁵⁾, Chu công liền phong đất cho Thúc Ngu. Nay địa đồ tàng trữ ở thiên phủ, căn bản có thể ngồi một chỗ mà quyết đoán, há phải đợi chờ người đến tận châu quận ấy phân xử sao?” Tuyên vương nói: “Phải đấy. Nên phân chia theo địa đồ.” Lễ đến nơi, án theo địa đồ chia các vùng thuộc huyện Bình Nguyên. Nhưng Tào Sảng tin lời của người ở Thanh Hà, hạ chiếu thư rằng: “Địa đồ chẳng nên dùng, nên tham chiếu những điểm khác biệt.” Lễ dẫu sợ rằng: “Quản Trọng giúp đỡ kẻ làm bá, khí độ của ông ấy lại nhỏ, mà còn có thể tước đoạt Biền Ấp của họ Bá, mà khiến cho không ai có lời oán thán. Thần nhận trách nhiệm làm Mục bá⁽⁶⁾, vâng lệnh thánh triều minh xét địa đồ, chứng nghiệm làm rõ bờ cõi địa giới, địa giới huyện Thật lấy sông Vương Ông làm mốc; còn huyện Phụ lấy Mã Đan Hậu để thăm hạch, huyện Trá lấy sông Minh Độc làm mốc. Ví như không có kiện tụng, ngờ là phủ quan làm lẫn. Thần trộm nghe được rằng lời của số đông thì nấu chảy được vàng, khiến đá nổi gỗ chìm, ba người nói dối thì lời như hồ dữ, từ mẫu quăng thoi⁽⁷⁾. Nay hai quận tranh bờ cõi đã tám năm, một sớm quyết xong, duyên do từ việc phân tích rõ bức địa đồ, mới có thể tìm xét mà đính chính được. Quận Bình Nguyên ở giữa hai con sông, theo hướng đông đi lên, ở giữa có đê Tước, đê Tước ở phía tây nam huyện Cao Đường, vùng đất tranh chấp ở phía tây bắc Cao Đường, cách xa hơn hai mươi dặm, như thế có thể khiến người ta thở dài sa nước mắt. Phân tích rõ địa đồ mà tấu lên thì huyện Phụ không vâng chiếu lệnh, thế là thần hèn nhất vô dụng chẳng làm nổi chức trách của mình, thần còn mặt mũi nào hưởng tước lộc hư hao đây.” Xong lập tức mặc áo đi giày, gióng xe đợi triều đình bãi chức. Sảng thấy bản tấu của Lễ, cả giận. Bèn hặc tội Lễ có ý oán vọng, kết tội phạt năm năm. Ở nhà hết hạn phạt, chúng nhân đa phần vì Lễ đưa lời xin, triều đình phong cho Lễ làm Thành môn hiệu úy.

Bấy giờ vua Hung Nô là Lưu Tĩnh có binh lính thuộc hạ cường thịnh, còn người Tiên Ti mấy lần vào cướp ở biên giới, triều đình bèn dùng Lễ làm Thứ sử Tinh Châu, gia thêm chức Chấn vũ tướng quân, cho cầm cờ tiết, hộ Hung Nô trung lang tướng. Lễ qua gặp Thái phó Tư Mã Tuyên Vương, sắc mặt có ý giận dữ mà không nói. Tuyên Vương hỏi: “Người được Tinh Châu, còn chê bai gì? Hay tức giận về việc phân chia địa giới mà mất danh phận chăng? Nay sắp chia biệt đi xa, sao chẳng vui mừng?” Lễ nói: “Minh công sao nói ra cái điều vụn vặt quái gở vậy! Lễ đâu bắt đức, há vì chức vị hay việc đã qua mà có ý giận sao? Ta vốn cho là Minh công noi được vết chân Y, Lã⁽⁸⁾, không phò Ngụy thất, trên báo sự phó thác của Minh đế, dưới gây dựng công huân cho vạn đời. Nay xã tắc sắp nguy nan, thiên hạ binh biến, Lễ này vì thế mà không vui vậy.” Liền đó chảy nước mắt ròng ròng. Tuyên Vương nói: “Ngài hãy thôi khóc, nên tạm nhẫn nhịn cái không thể nhẫn vậy.” Sáng về sau bị giết, Lễ về triều làm Tư lệ hiệu úy, trước sau coi xét việc ở bảy quận trong năm châu, đều có uy tín. Lễ được thăng làm Tư không, phong tước Đại Lợi đình hầu, thực ấp trăm hộ. Lễ thời ấy cùng người đồng quận là Lô Dục cùng một bọn, nhưng tình cảm hay có bất hoà. Hai người dù đấp đôi vẫn dài, nhưng danh vị tựa tựa như nhau. Năm Gia Bình nguyên niên Lễ chết, được ban thụy là Cảnh hầu. Cháu là Nguyên nối tự.

[CHÚ THÍCH]

(1) Tướng quốc nước Lỗ.

(2) Nước Ngu và nước Nhuế là chư hầu ở phía Tây nhà Thương thời vua Trụ, vì biên giới ở Điền Dã sinh ra tranh chấp, họ tới xin Văn Vương phân định. Văn Vương mời họ tới nước Chu, thấy dân chúng và trăm quan sống theo lễ nghĩa, trên kính dưới hoà, nhường nhịn giúp đỡ nhau, hai vua Ngu, Nhuế đều xấu hổ, nói với nhau rằng: “Tiêu nhân như chúng ta, sao dám lên diện diện kiến bậc quân tử để nhờ phân xử?”. Hai người không gặp Văn Vương nữa, đã đều chủ động nhường vùng đất vốn đang tranh giành nhau ấy cho nhau, thế là vùng đất đó bị để không, người đời sau gọi đó là “Nhàn điền” hay là “Nhàn nguyên”. Chư hầu xung quanh nghe chuyện ấy, kéo nhau tới xin quy thuận nhà Chu, thế là thiên hạ ba phân, nhà Chu có hai phân.”

(3) Là đại thân của vua Nghiêu, một trong năm bầy tôi giỏi nhất.

(4) Tức là Tào Tháo.

(5) Chu Thành Vương thời nhỏ cùng em trai là Thúc Ngu chơi ở vườn sau hoàng cung, Thành Vương cắt chiếc lá ngô đồng thành hình viên ngọc, đưa cho em, nói: “Anh dùng cái này phong cho em là chư hầu.” Chu Công biết chuyện, xin Thành Vương chọn ngày tốt phong Thúc Ngu làm chư hầu. Thành Vương cười nói: “Chỉ là đùa thôi.” Chu Công nói: “Thiên Tử không thể nói đùa, vì đã nói gì, sử quan ghi lại lời ấy, đại thân truyền bá điều ấy.” Thành Vương bèn phong đất Đường cho Thúc Ngu. Đó là câu chuyện “Tiễn đồng phong đệ” nổi tiếng trong cổ sử Trung Hoa.

(6) Tôn Lễ là Ký châu mục, toàn quyền cai quản cả văn và võ ở Ký châu, nên nhận mình là làm chức Mục bá.

(7) Chỗ này Tôn Lễ có ý nói rằng lời nói của nhiều người thì có sức mạnh của tin đồn, thị phi điên đảo, có thể làm người ta tin rằng đá nổi được mà gỗ thì chìm, ba người nói dối thì có sức mạnh như hổ dữ, đến bà mẹ của người hiền như Tăng Sâm cũng tin là con trai bà giết người.

(8) Y Doãn, đại thân nhà Thương; Lã Vọng, đại thân nhà Chu.

QUYỂN 25 - TÂN BÌ DƯƠNG PHỤ CAO ĐƯỜNG LONG TRUYỆN

Tân Bì, Dương Phụ, Cao Đường Long

DƯƠNG PHỤ TRUYỆN

Dương Phụ tự Nghĩa Sơn. Người huyện Kí quận Thiên Thủy. Ngụy lược viết: “Phụ thuở nhỏ với người cùng quận là Y Phụng tự Thứ Hội, Triệu Ngang tự Vĩ Chương đều nổi tiếng, Vĩ Chương, Thứ Hội và Phụ đều làm Lương Châu Tòng sự”. Làm Lương Châu Tòng sự được Châu mục là Vi Đoan sai đến đất Hứa, bái làm An Định Trưởng sử. Phụ về, các tướng vùng Quan Hữu hỏi Viên, Tào xem ai thắng thua, Phụ nói: “Viên Công khoan hòa mà không quyết đoán, có mưu mà không nhanh nhẹn; không quyết đoán thì không có uy, không nhanh nhẹn thì làm lỡ việc sau này, nay dầu mạnh nhưng rút cuộc không làm nên được việc lớn. Tào Công có hùng tài mưu xa, nhanh nhẹn không do dự, hình pháp chắc chắn mà quân mạnh, dùng được người ở ngoài, người mà được dùng thì dốc hết sức, là người làm nên việc lớn được”. Trưởng sử là chức mà Phụ không thích, bèn bỏ quan. Rồi Đoan gọi làm Thái bộc, con Phụ là Khang thay làm Thứ sử, bái Phụ làm Biệt giá. Xét làm Hiếu liêm, gọi đến phủ Thừa tướng, châu cử làm Tham quân sự.

Mã Siêu thua trận ở bờ nam sông Vị, chạy đến giữ các đất của người Khương. Thái Tổ đuổi đến huyện An Định, lại có Tô Bá phản ở Hà Gian, sắp dẫn quân về miền đông. Phụ bấy giờ nhận đi sứ, bảo với Thái Tổ nói: “Siêu có cái dũng của Hàn Tín, Anh Bô, rất được lòng người Khương, người Hồ, miền tây đều kính sợ hấn. Nếu đại quân về, không nhanh phòng bị thì các quận miền Lũng Thượng nhà nước không lấy được nữa”. Thái Tổ cho là phải, nhưng quân về vội vã, phòng bị không chắc chắn. Siêu đem cừ sủy của người Khương đến đánh các quận huyện miền Lũng Thượng, các quận huyện miền Lũng Thượng đều hướng theo Siêu, chỉ có thành huyện Kí là vâng lệnh của châu quận là giữ vững. Siêu thu hết quân của miền Lũng Hữu, mà Trương Lỗ lại sai Đại tướng Dương Ngang đến giúp Siêu, đem hơn vạn quân đến đánh thành. Phụ lĩnh hơn nghìn quân là kẻ sĩ đại phu và em em họ hàng, sai em họ là Nhạc ở trên thành làm trại yểm nguyệt, ⁽¹⁾ đón đánh với Siêu, từ tháng giêng đến tháng tám chống giữ mà quân cứu không đến. Châu sai Biệt giá Diễm Ôn men theo sông ngầm ra xin cứu, bị Siêu giết, do đó Thứ sử, Thái thú biến sắc mặt, bắt đầu có ý hàng Siêu. Phụ khóc lóc can nói: “Bọn Phụ đem anh em họ hàng vì nghĩa mà đến giúp nhau, có chết cũng không hai lòng; cái tiết tháo của Điền Đan cũng không chắc hơn thế. Bỏ cái công sắp thành, vui cái tiếng là không có nghĩa, Pạu dầu chết cũng xin giữ”. Lại kêu khóc. Thứ sử, Thái thú rút cuộc sai người xin hòa, mở cửa thành đón Siêu. Siêu vào, bắt Nhạc ở huyện Kí, sai Dương Ngang giết Thứ sử, Thái thú.

Phụ trong lòng có chí trả thù Siêu, nhưng không gặp lúc tiện. Chốc lát, Phụ mượn có có tang vợ xin đi táng, anh họ ngoại vợ của Phụ là Tự đóng

đồn ở thành huyện Lịch. Phụ lúc nhỏ lớn lên ở nhà Tụ, lúc gặp mẹ Tụ và Tụ, kể việc trong huyện Kí lúc trước, than thở rất là đau xót. Tụ nói: “Làm gì bây giờ”? Phụ nói: “Giữ thành không được, chủ mất mà không chết được, há còn mặt mũi nào mà ngược nhìn ở thiên hạ nữa! Mã Siêu trái cha phản vua, giết bừa tướng của châu, há chỉ là nỗi lo của Phụ, mà còn là nỗi nhục của kẻ sĩ đại phu của một châu. Chủ giữ quân nắm lệnh mà không có lòng đánh giặc, đây là nguyên nhân sử sách có chép việc Triệu Thuần giết vua vậy. Siêu mạnh nhưng không có nghĩa, nhiều lỗi, dễ đánh hấn thôi”. Mẹ Tụ cho phải, lệnh Tụ theo Phụ tính kế. Tính kế xong, ngoài cùng người làng là Khương Ân, Triệu Ngang, Y Phụng, Diêu Quỳnh, Khổng Tín, người quận Vũ Đô là Lí Tuấn, Vương Linh kết mưu, giao hẹn đánh Siêu, sai em họ là Mô đến huyện Kí báo với Nhạc, cùng liên kết với người huyện An Định là Lương Khoan, người huyện Nam An là bọn Triệu Cù, Bàn Cung. Hẹn thề đã rõ, tháng chín năm thứ mười bảy, cùng Tụ dấy binh ở thành huyện Tín. Siêu nghe tin bọn Phụ dấy binh, tự đi ra. Rồi bọn Cù, Khoan cởi trói cho Nhạc, đóng cửa thành huyện Kí, đánh vợ con của Siêu. Siêu đánh úp thành huyện Lịch, bắt được mẹ Tụ. Mẹ Tụ mắng Siêu nói: “Người là con nghịch phản cha, giặc ác giết chủ, trời đất há chứa người được lâu, sao không chết sớm đi, còn có mặt mũi nào nhìn người ta nữa”? Siêu giận, giết mẹ Tụ. Phụ đánh với Siêu, thân bị năm vết thương, anh em họ hàng chết đến bảy người. Siêu bèn chạy về phía nam đến chỗ Trương Lỗ.

Lũng Hữu Bình xong, Thái Tổ phong tước hầu cho mười một người có công đánh Siêu. Ban Phụ tước Quan Nội Hầu. Phụ nhường nói: “Phụ lúc chủ còn mà không có công cứu nạn, lúc chủ mất mà không có tiết tháo chết theo, về nghĩa là đáng trách, về pháp là đáng phạt; Siêu lại không chết, không đáng nhận lấy tước lộc”. Thái Tổ báo nói: “Ông và bọn người hiền cùng lập nên công lớn, người miền tây bàn khen là hay, Tử Cống chối thưởng thì Trọng Ni cho là ngăn việc tốt ⁽²⁾. Ông nên mở lòng nhận lấy mệnh lệnh của nhà nước. Còn mẹ của Khương Tụ khuyên tự dấy binh sớm, trí sáng như thế, dầu là vợ của Dương Xương cũng không hơn được. Hiền thay! Hiền thay! Sử sách ghi chép, tất không rơi xuống đất”.

⁽³⁾Liệt nữ truyện của Hoàng Phủ Mật viết: “Mẹ của Khương Tụ là mẹ của Khương Bá Biền. ⁽⁴⁾

Giữa năm Kiến An, Mã Siêu đánh huyện Kí, giết Lương Châu Thứ sử Vi Khang, người trong châu thương xót, chẳng ai không căm giận. Tụ làm Phủ Di Tướng quân, đem quân đóng đồn ở huyện Lịch. Con cô của Tụ là Dương Phụ trước làm Tòng sự của Khang, cùng hơn mười người khác đều lệ thuộc vào Siêu, ngầm mưu với nhau để trả thù cho Khang, chưa có cơ hội. Gặp lúc vợ Phụ chết, xin Siêu về phía tây thăm hỏi, nhân đó qua huyện Lịch, thăm mẹ Tụ, kể việc Khang bị hại và cái nạn trong huyện Kí, đối mặt mà khóc hỏi

lâu. Cả nhà Khương Tự xót xa, mẹ Tự nói: ‘Ôi! Bá Biễn, Vi sứ quân gặp nạn, há chỉ là cái nhục của một châu, mà cũng là trách nhiệm của người, há chỉ có Nghĩa Sơn thôi sao? Người không báo cho ta, việc để lâu tất sinh biến. Người ta ai không chết? Chết vì nước là cái chết lớn của người trung nghĩa vậy. Nay việc đã gấp, ta tự vì người mà gánh vác lấy, không vì tám thân đàn bà tuổi già này’. Do đó lệnh Tự cùng Phụ bàn mưu, ứng theo, chia sai người đi báo cho người làng xóm là Y Phụng, Triệu Ngang cùng người huyện An Định là bọn Lương Khoan được biết, sai Tự đem quân phản Siêu trước, Siêu giận, liền tự đến đánh Tự, bọn Khoan nhân đó theo sau đóng cửa thành. Ước đã xong, Tự bèn đem quân vào huyện Tín, bọn Ngang, Phụng giữ huyện Kì Sơn. Siêu nghe tin, bèn tự ra đánh Tự, bọn Khoan theo sau đóng cửa thành huyện Kì, Siêu không chiếm được, liền qua huyện Tín, Tự giữ huyện Tín. Siêu do đó đi đến huyện Lịch, người trong huyện Lịch thấy Siêu đến, cho là quân Tự về. Lại truyền nhau là Siêu đã bỏ chạy đến quận Hán Trung, cho nên huyện Lịch không phòng bị. Lúc Siêu vào huyện Lịch, bắt mẹ Tự, mẹ Tự giận mắng Siêu. Siêu bị mắng thì cả giận, liền giết mẹ Tự và con Tự, đốt thành rồi đi. Bọn Phụ kể tình trạng, Thái Tổ rất khen họ, tự ra lệnh khen ngợi. Lời như truyện gốc”. Thần Tùng Chi xét: Mật nói Phụ là con cô của Tự, mà truyện gốc nói Tự là anh họ ngoại của Phụ, so với trong ngoài tên ngày nay là không giống. Mật nói về vợ của Triệu Ngang rằng: “Vợ của Triệu Ngang tên là Dị, tức vợ của Ích Châu Thứ sử Triệu Vĩ Chương (5) người quận Thiên Thủy, là con gái họ Vương. Ngang làm Khương Đạo Lệnh. Để Dị ở tại miền tây. Gặp lúc người cùng quận là Lương Song phản, đánh phá huyện Tây Thành, giết hai con trai của Dị. Con gái Dị là Anh, mới sáu tuổi, ở một mình với Dị ở trong thành. Dị thấy hai con trai đã chết, lại sợ bị Song đến giết, dẫn đao muốn tự sát, ngoảnh nhìn Anh mà than nói: ‘Thân ta chết ở đây, người nương dựa vào ai! Ta nghe nói Tây Thi mặc áo không sạch thì người ta bịt mũi, huống chi dáng vẻ ta không bằng Tây Thi?’ Bèn lấy phân trong nhà xí bôi lên vải gai mà mặc, ăn ít để cho người gầy đi, từ mùa xuân đến mùa đông đều như thế. Song hòa với châu quận, Dị do đó mà thoát được nạn. Ngang sai quan đến đón Dị, chưa đến ba mươi dặm, dừng lại bảo Anh nói: ‘Đàn bà không có phù tín và bảo phó (6) thì không ra phòng trong. Chiêu Khương chìm sông, (7) Bá Cơ cháy lửa, (8) hãy đọc truyện về họ lòng ta cho đó là trảng. Nay ta gặp loạn mà không chết đi, còn muốn được gặp lại các cô sao? Ta tạm sống không chết là vì thương người thôi. Nay phủ quan đã gần, ta phải bỏ người mà chết đây’. Bèn nuốt thuốc độc mà chết. Bấy giờ vừa có thang thuốc tốt giải thuốc độc, vén miệng cho thuốc vào, hồi lâu lại tỉnh. Giữa năm Kiến An, Ngang chuyển làm Tham quân sự, dời đến ở huyện Kì. Gặp lúc Mã Siêu đánh huyện Kì, Dị tự thân mang bao tên, giúp Ngang phòng giữ, lại đem hết vòng ngọc, áo thêu mà mình đeo mặc để

thường cho quân sĩ. Lúc Siêu đánh gấp, trong thành đói khổ, Thứ sử Vi Khang vốn là người nhân hậu, thương quân dân bị tàn hại, muốn hòa với Siêu. Ngang can nhưng không nghe, về báo với Dị, Dị nói: ‘Chủ có bày tôi tranh bàn, đại phu có cái nghĩa giữ lợi; giữ lợi là không sai. Biết sao được quân cứu không đến miền Quan Lũng? Nên cùng gắng sức để lập công to, giữ vẹn tiết tháo đến chết, không nên theo hòa’. Vừa lúc Ngang quay lại thì Khang đã hòa với Siêu. Siêu bèn trái ước giết Khang, lại bắt Ngang, bắt con đầu của Ngang là Nguyệt làm tin ở huyện Nam Trịnh. Muốn đòi Ngang dốc sức giúp mình, nhưng lòng chưa tin lắm. Vợ Siêu là Dương nghe nói Dị có tiết hạnh, xin cùng vui chơi suốt ngày. Dị muốn Ngang được Siêu tin để giúp mưu của mình, bảo Dương nói: ‘Xưa Quản Trọng vào nước Tề, lập nên công khắp chín cõi; Do Dư theo nước Tấn, do đó Mục Công làm Bá. Nay lúc xã tắc mới định, trị loạn cốt ở được lòng người, quân mã của Lương Châu có thể tranh mạnh với Trung Hạ, không nên không xét rõ’. Dương rất cảm kích, cho là có lòng trung hơn mình, bèn cùng Dị kết mưu với nhau. Ngang được Siêu tin, lập công lại tránh được họa, cũng vì có công của Dị vậy. Đến lúc Ngang cùng bọn Dương Phụ kết mưu đánh Siêu, báo cho Dị nói: ‘Ta mưu như thế, việc tất trọn vẹn, còn Nguyệt thì sao?’ Dị lớn tiếng đáp nói: ‘Đem thân vì trung nghĩa, rửa nỗi nhục lớn cho chủ cha, vui thân mình còn chẳng cho là trọng, huống chi là một đứa con? Như bọn Hạng Thác, Nhan Uyên, há sống trăm tuổi, nhưng nghĩa lớn vẫn còn’. Ngang nói: ‘Được’. Bèn mở cửa thành đuổi Siêu, Siêu chạy đến quận Hán Trung, theo Trương Lỗ lại đem quân về. Dị lại cùng Ngang giữ huyện Kì Sơn, bị Siêu vây. Ba mươi ngày thì quân cứu đến mới giải vây. Siêu bèn giết con của Dị là Nguyệt. Từ lúc gặp nạn ở thành huyện Kì đến lúc đến ở huyện Kì Sơn, Ngang nhiều lần lập công lạ, Dị có tham gia.

Thái Tổ đánh quận Hán Trung, lấy Phụ làm Ích Châu Thứ sử. Về, bái làm Kim Thành Thái thú, chưa đi, chuyển làm Vũ Đô Thái thú. Quận gần đất Thục Hán, Phụ xin noi theo việc cũ của Cung Toại, ⁽⁹⁾vỗ về quận ấy mà thôi. Lúc Lưu Bị sai bọn Trương Phi, Mã Siêu từ đường huyện Thục đến huyện Hạ Biện thì hơn vạn người thuộc bảy bộ lạc của bọn Lôi Định người Đê phản theo bọn Siêu. Thái Tổ sai Đô hộ Tào Hồng chống bọn Siêu, bọn Siêu rút về. Hồng bày rượu mở hội lớn, sai con gái hát mặc áo lụa mịn, đập trống, người ngồi đều cười. Phụ lớn tiếng trách Hồng nói: “Trai gái phân biệt là lễ tiết của nhà nước, sao lại có gái cởi trần thân thể ở giữa chôn đông người! Dẫu Kiệt, Trụ làm loạn cũng không hơn thế”. Bèn giơ áo đi ra. Hồng đứng dậy bỏ hát nhạc, xin Phụ vào ngồi, về mặt nghiêm túc.

Đến lúc Lưu Bị lấy quận Hán Trung đến gần huyện Hạ Biện, Thái Tổ thấy quận Vũ Đô xa lẻ, muốn dời đi nhưng sợ quan dân vương vấn đất đai. Phụ có uy tín rõ ràng, trước sau dời hơn vạn hộ dân, người Đê đến ở quận Kinh

Triệu, quận Phù Phong, quận Thiên Thủy, dời quận đến huyện Hòe Lí, trăm họ cũng đi mà đi theo. Làm việc chỉ làm căn bản mà thôi, không nỡ ép kẻ dưới. Văn Đế hỏi bọn Thị trung Hoa Hâm rằng: “Vũ Đô Thái thú là người thế nào”? Đều khen Phụ có tiết tháo của quan giúp đỡ. Chưa kịp dùng thì Đế hoăng. Ở tại quận hơn mười năm, gọi về bái làm Thành môn Hiệu úy.

Phụ thường thấy Minh Đế đội mũ gấm, mặc áo lụa mỏng nửa tay áo, Phụ hỏi Đế nói: “Áo này là áo gì trong lễ nghi vậy”? Đế im im không đáp, từ đó không mặc áo thường để gặp Phụ.

Chuyển làm Tương tác Đại tượng. (10) Bảy giờ mới sửa cung điện, phát gái đẹp cho vào ở nhà sau, nhiều lần ra vào săn bắt. Mùa thu, có sấm sét mưa to, giết nhiều chim tước. Phụ dâng sớ nói: “Thần nghe nói rằng vua sáng ở trên, bày tội dốt hết lời bàn bạc ở dưới. Vua Nghiêu, vua Thuấn có đức thánh, chẳng cầu lời can lẽ; vua Đại Vũ chăm chỉ nhưng làm cung điện nhỏ; vua Thành Thang gặp hạn, đổi lỗi cho mình; Chu Văn Vương lập phép tắc cho vợ cả để trông coi trong nhà; Hán Văn Đế làm việc tiết kiệm, thân mặc áo đen; đây đều là bậc có thể làm rõ hiệu lệnh, mưu truyền lộc cho con cháu vậy. Cúi mong Bệ hạ nhận lấy nghiệp lớn của Vũ Đế mở mang, giữ lấy công to của Văn Hoàng Đế thu được, nên nghĩ đến chính trị hay đẹp của các bậc Đế Vương thời xưa gây dựng, xem rõ cái chính trị xấu xa của mấy đời cuối buông thả. Gọi là chính trị hay đẹp cốt ở tiết kiệm, coi trọng sức dân; gọi là chính trị xấu xa, đó là lòng muốn buông thả, theo cảm xúc mà phát ra vậy. Mong Bệ hạ xét kỹ đời đầu vì sao lại sáng rõ, đến đời cuối vì sao lại suy kém, dẫn đến bị tiêu diệt, gần đây thì xem ở cuộc biến loạn cuối thời Hán cũng đủ làm cho lòng người lo sợ mà đề phòng rồi. Nếu trước đây Hoàn Đế, Linh Đế không bỏ phép tắc của Cao Tổ, không bỏ cái tiết kiệm của Văn Đế, Cảnh Đế thì Thái Tổ đâu có sức thần, có thể thi thố tài năng của mình được sao? Mà Bệ hạ do đâu mà có được ngôi quý ấy? Nay Ngô, Thục chưa định, quân sĩ ở ngoài, mong Bệ hạ làm thì nghĩ ba lần, tính kỹ rồi mới làm, ra vào phải cẩn thận, lấy việc xưa mà soi xét việc ngày nay. Lời này dầu nhẹ nhàng, nhưng quan hệ trọng đại đến được mất. Gần đây trời mưa, lại có sấm sét dữ dội khác thường, giết nhiều chim tước. Trời đất thần minh xem Đế Vương như con, nếu chính trị không hay thì bị phạt vạ. Tu thân nghĩ kỹ là cái mà thánh nhân ghi nhớ. Mong Bệ hạ lo nghĩ đến giặc bên ngoài không có hình, cẩn thận với cái điềm báo mở đầu đang nảy mầm, noi theo Hán Hiếu Văn thả người đẹp của Huệ Đế, lệnh họ tự lấy chồng; những cô gái nhỏ mới chở về, ở xa không cần sai đến, nên lo cho đời sau. Các chỗ nên sửa chính trị, làm việc tiết kiệm. Kinh Thư viết: ‘Chín họ đã yên, hòa hợp muôn nước’. Việc nên như thế, để theo đạo thẳng, mưu tính hay tốt, giảm bớt tổn phí. Ngô, Thục đã định mới trên yên dưới vui, chín họ sáng rõ. Như thế về sau, tổ tiên vui lòng, vua Nghiêu, vua Thuấn còn lo gì nữa? Nay nên tỏ tín với thiên hạ

để làm yên lòng dân chúng, để vỗ về phương xa”. Bấy giờ Ung Khâu Vương Thục [\(11\)](#) giận vì không được nói đến, nước phiên đến châu, pháp cấm nghiêm ngặt, cho nên Phụ lại bày tỏ nghĩa của chín họ. Hạ chiếu nói: “Nghe được số biểu, kể rõ các bậc vua thánh chủ sáng thời xưa để chê bai chính trị u tối ngày nay, lời lẽ rất khẩn thiết, thật thà trong sáng. Lui nghĩ sửa sai, theo việc tốt chữa cái xấu, rất là đầy đủ. Xem nghĩ lời trung, trăm rất khen ngợi”.

Sau chuyển làm Thiếu phủ. Bấy giờ Đại Tư mã Tào Chân đánh Thục, gặp mưa không đi được. Phụ dâng sớ nói: “Xưa Văn Vương có điềm báo của quả đỏ mà vẫn lúc xế chiều không ăn nghỉ; Vũ Vương có điềm cá trắng nhảy lên thuyền thì bày tội biến sắc mặt. Mà lúc làm có điềm lành, vẫn còn lo sợ, huống chi ngày nay có tai vạ mà không sợ việc đánh trận sao? Nay Ngô, Thục chưa bình mà trời thường giáng tai biến, Bệ hạ nên nên nghĩ kỹ để có kế hay ứng đáp, ngồi ở bên chiếu, lấy đức để vỗ về phương xa, lấy tiết kiệm để an ủi trong nước. Gần đây các quân mới đi, lại có cái hại trời mưa, thêm có núi hiểm, đã lâu ngày rồi. Chuyên chở khó nhọc, gánh vác khổ sở, phí tổn rất nhiều, nếu không nối liền đường vận lương tất làm trái mưu trước. Truyện viết: ‘Thấy lợi thì đi, biết khó thì lui, đây là phép hay của việc dùng binh vậy’. Sai chuyên sáu quân vào chỗ khôn khó ở giữa hang núi, đi không đánh được, lui lại chẳng xong, đây không phải là cái đạo cầm quân vậy. Xưa Vũ Vương đem quân về, nhà Ân bèn bị diệt, đây là biết cơ trời vậy. Nay mùa mất dân đói, nên hạ chiếu bớt ăn ngon, giảm mặc áo đẹp, đều vứt bỏ các vật quý ngọc bảo. Xưa Thiệu Tán Thần làm Thiếu phủ ở thời không có việc mà vẫn tâu xin vứt bỏ món ăn ngon; nay các quân không có lương dùng đủ, càng nên tiết kiệm”. Để liền hạ chiếu sai các quân về.

Sau có chiếu bàn về chính trị không có lợi cho dân, Phụ bàn cho rằng: “Chính trị cốt ở dùng người hiền, dựng nước cốt ở chăm cày cấy. Nếu bỏ người hiền mà dùng người vì thân quen, đây là rất bỏ bê chính trị vậy. Mở rộng cung điện, làm lâu đài cao, ngăn trở nghiệp dân, đây là rất tổn hại việc cày cấy vậy. Trăm thợ không được cầm đồ nghề, lại thay làm đồ xa xỉ để hợp ý vua, đây là rất làm hại bản thân vậy. Khổng Tử nói: ‘Chính trị tàn ác hơn cả thú dữ’. Nay giữ quan lại tâm thường, coi chính trị không lo sửa bản thân, bừa bãi phiên nhiễu, đây là rất làm loạn dân vậy. Việc gấp của ngày nay là nên bỏ bốn cái ‘rất’ kia, cùng hạ chiếu cho công khanh, quận quốc cử kẻ sĩ hiền lương ngay thẳng chất phác mà chọn dùng họ, đây cũng là một cách tìm người hiền vậy”.

Phụ lại dâng sớ muốn giảm các cung nữ không được sủng ái, lại hạ chiếu cho quan lại trong cung vua hỏi xem số cung nữ trong hậu cung. Quan lại giữ phép cũ, đáp nói: “Cung cấm kín đáo, không nên để lộ ra”. Phụ giận, đánh một viên quan một trăm đòn, mắng hấn nói: “Nhà nước không kín đáo với các quan Cừu khanh, [\(12\)](#) lại kín đáo với các quan nhỏ sao”? Để nghe nói

mà càng kính trọng Phụ.

Phụ lại dâng sớ muốn giảm các cung nữ không được sủng ái, lại hạ chiếu cho quan lại trong cung vua hỏi xem sớ cung nữ trong hậu cung. Quan lại giữ phép cũ, đáp nói: “Cung cấm kín đáo, không nên để lộ ra”. Phụ giận, đánh một viên quan một trăm đòn, mắng hấn nói: “Nhà nước không kín đáo với các quan Cừu khanh, lại kín đáo với các quan nhỏ sao”? Để nghe nói mà càng kính trọng Phụ.

Để vừa làm cung ở đất Hứa, lại xây dựng cung điện quán gác ở thành Lạc Dương. Phụ dâng sớ nói: “Vua Nghiêu ưa nhà cỏ tranh mà muốn nước được ở yên, vua Hạ Vũ làm cung điện nhỏ mà thiên hạ được vui nghiệp; cho đến nhà Ân, nhà Chu cũng làm miếu thờ cao ba thước, chỉ đủ trải chín cái chiếu tre mà thôi. Vua sáng chủ hiền thời xưa chưa có ai làm cung điện cao đẹp để làm tổn hại tiền sức của trăm họ vậy. Vua Kiệt làm nhà bằng ngọc, hiên bằng ngà voi, vua Trụ làm cung Khoảnh, ⁽¹³⁾ đài Lộc ⁽¹⁴⁾ mà vui xã tắc của mình; Sở Linh Vương vì đắp đài Chương Hoa mà thân bị tai họa; Tần Thủy Hoàng làm cung A Phòng mà gây vạ cho con của mình, thiên hạ phản lại, chỉ hai đời là diệt. Ôi, không nghĩ đến sức của muôn dân, mà chỉ theo ham muốn của tai mắt mình, chưa có ai không bị diệt cả. Bệ hạ nên lấy vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Hạ Vũ, vua Thang, Văn Vương, Vũ Vương làm phép tắc, vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân, Sở Linh Vương, Tần Thủy Hoàng làm răn giới. Bậc vua ở trên, phải có đức dày. Cần thận giữ ngôi vị để vâng mệnh tổ tiên, nghiệp lớn lòng rộng phải sợ có ngày làm mất. Ngày đêm chẳng nghĩ, không lo giúp dân mà lại tự rồi rãi tự buông thả, chỉ lo xây dựng cung điện xa xỉ, đẩy tất chuốc họa nguy vong lật đổ. Kinh Dịch viết: ‘Xây nhà cao, làm cửa rộng, nhìn qua cửa, chẳng thấy người đâu’. Người làm vua xem thiên hạ là nhà, cho rằng cái họa của việc xây nhà cao là dẫn đến nhà cửa không có người vậy. Nay hai tên giặc đang liên hợp, mưu làm nguy xã tắc, quân có mười vạn xông xáo đông tây, biên giới không yên một ngày; người cày cấy bỏ nghiệp, dân có vẻ đói. Bệ hạ không cho đây là nỗi lo, lại xây dựng cung điện không có lúc ngừng. Nếu nước mất mà thần có thể còn thì thần lại không nói ra; Thần Tùng Chi cho rằng: Cái đạo trung nhất là quên mình để nói lí. Cho nên sửa chữa lỗi sai, không nghĩ cho mình. Mà sớ Phụ nói: ‘Nếu nước mất mà thần có thể còn thì thần lại không nói ra’. Đây là quyết ý vì mình, há lại vì nước sao? Như lời này, há không làm tổn hại đến cái nghĩa nói thẳng, không phải là một chỗ kém của tờ sớ sao! Vua làm đầu đình, thần làm đuôi tay, cùng thân còn mất, cùng chung được mất. Hiếu kinh viết: ‘Thiên tử có bảy bảy tôi tranh bàn bạc, dầu là không có đạo lí cũng không làm mất thiên hạ’. Thần dầu yếu kém, dám quên cái nghĩa tranh bàn luận sao? Lời không tha thiết thì không đủ để Bệ hạ cảm kích. Nếu Bệ hạ không xét lời thần, sợ rằng lộc to lớn của tổ tiên sẽ rơi xuống đất. Nếu mình thần chết đi

mà giúp được một cái ấy thì một ngày chết cũng như một năm sống. Kinh xin sấm quan quách, tắm rửa, cúi đọi tội chết”. Tấu lên, Thiên tử cảm kích lòng trung ấy, tự tay viết chiếu. Hễ triều đình hội bàn, Phụ thường thẳng thắn cho là giúp thiên hạ là trách nhiệm của mình. Nhiều lần bàn can, Đế không nghe, bèn thường xin nhường chức, không cho. Lúc chết, nhà không có của thừa, cháu là Báo thay.

...

Bàn nói: Tân Bì, Dương Phụ ngay thẳng sáng suốt, can gián quên thân, có phong thái sánh với Cấp Âm [\(15\)](#) vậy...

TÂN BÌ TRUYỆN

Tân Bì (16) tự Tá Trị, người huyện Dương Trạch (17) quận Dĩnh Xuyên. Tổ tiên của Bì vào giữa năm Kiến Vũ từ quận Lũng Tây dời đến miền đông. Bì theo anh là Bình đi theo Viên Thiệu. Thái Tổ làm Tư không, gọi Bì, Bì không đến nghe lệnh được. Đến lúc Viên Thượng đánh anh là Đàm ở quận Bình Nguyên, Đàm sai Bì đến chỗ Thái Tổ xin hòa.

Anh hùng kí viết: “Đàm, Thượng đánh ở cửa ngoài, quân Đàm thua chạy về miền bắc. Quách Đồ khuyên Đàm nói: ‘Nay Tướng quân nước nhỏ binh ít, lương hết thế yếu, Hiễn Phủ (18) đến đánh, lâu ngày khó mà chống nổi. Kẻ ngu này cho rằng nên gọi Tào Công đến đánh Hiễn Phủ. Tào Công đến, tất đánh đất Nghiệp trước, Hiễn Phủ phải về cứu. Tướng quân dẫn quân về phía tây, từ đất Nghiệp lên phía bắc đều có thể đánh lấy được. Nếu quân của Hiễn Phủ phá, quân của hãn chạy trốn, thì có thể thu lấy để chống Tào Công. Tào Công từ xa lại ở trợ, lương thảo không liên, tất tự bỏ chạy. Nếu đến lúc đó, từ nước Triệu lên phía bắc đều bị ta chiếm lấy, cũng đủ để chống với Tào Công vậy. Nếu không thì không xong’. Đàm lúc đầu không nghe, sau lại nghe theo. Hối Đồ nói: ‘Sai ai đi?’ Đồ đáp nói: ‘Tân Tá Trị đi được’. Đàm bèn sai Bì đến chỗ Thái Tổ”.

Thái Tổ sắp đánh Kinh Châu, đến ở quận Tây Bình. Bì gặp Thái Tổ báo ý của Đàm. Thái Tổ cả mừng. Mấy ngày sau, lại muốn bình Kinh Châu trước, khiến cho Đàm, Thượng tự đánh nhau. Ngày sau bày rượu, Bì nhìn mặt Thái Tổ, biết có đổi, nói với Quách Gia. Gia nói với Thái Tổ, Thái Tổ bảo Bì nói: “Đàm đáng tin không? Thượng chắc thắng được không?” Bì đáp nói: “Minh công không cần hỏi tin hay giả vậy, chỉ nên bàn về thế lực của họ thôi. Họ Viên vốn là anh em đánh nhau, không phải người khác xen được vào giữa họ mà là thiên hạ có thể định được ở tại mình vậy. Nay một sớm xin cứu với minh công, xem thế là biết được. Hiễn Phủ thấy Hiễn Tư (19)

khốn mà không đánh lấy được, sức hãn đã kiệt rồi. Quân sĩ bị thua ở ngoài, mưu sĩ bị giết ở trong, anh em hiềm nghi, nước chia thành hai; nhiều năm đánh nhau, lại giáp trụ sinh chấy rận, có thêm châu chấu, đói kém vừa đến, nước không có kho lúa, đi không mang lương, họa đến từ trên trời, khốn đến từ dưới người, dân dẫu là kẻ ngu dốt cũng đều biết đất đai vỡ lở, đây là lúc trời diệt Thượng vậy. Binh pháp có nói: ‘Có thành đá ao lầy trăm vạn quân mặc giáp mà không có lương thì không giữ được’. Nay đến đánh đất Nghiệp, nếu Thượng không về cứu, tức không tự giữ được. Về cứu, tức Đàm chặn ở sau. Dem cái uy của minh công để chống kẻ địch khốn cùng, phá quan giặc mỗi một, không cần gió giạt mạnh để cuốn lá mùa thu vậy. Trời đem Viên Thượng cho minh công, minh công không lấy mà đánh Kinh Châu.

Kinh Châu đầy đủ, nước không có loạn. Trọng Hôi có nói: ‘Nhân loạn mà đánh nước sắp mất’. Nay đang lúc hai Viên ⁽²⁰⁾ không lo việc xa mà bên trong tự đánh nhau, có thể nói là loạn vậy; người ở không có ăn, người đi không có lương, có thể nói là sắp mất vậy. Buổi sớm không mưu lúc tối, mạng dân chẳng sống yên, mà chẳng vô về, muốn đợi đến năm khác; nếu năm khác được mùa, lại tự biết sắp mất mà tu sửa đức hạnh, làm mất cái cốt yếu của việc dùng binh. Nay nhân lúc Đàm xin cứu mà vô về hẳn, lợi nào lớn hơn? Và lại giặc của bốn phương, chẳng ai lớn hơn giặc vùng Hà Bắc; nếu vùng Hà Bắc bình thì sáu quân thịnh mà thiên hạ rúng động vậy”. Thái Tổ nói: “Hay”. Bèn hứa hòa với Đàm, đến ở huyện Lê Dương. Năm sau đánh đất Nghiệp, chiếm lấy được, bãi Bì làm Nghị lang.

Lâu sau, Thái Tổ sai Đô hộ Tào Hồng bình huyện Hạ Biện, sai Bì cùng Tào Hưu đi theo, lệnh nói: “Xưa Cao Tổ tham tiền ham gái mà bọn Trương Lương, Trần Bình uốn nắn cái lỗi của Cao Tổ. Nay Tá Trị, Văn Liệt là người giỏi không được coi thường vậy. Quân về, làm Thừa tướng Trương sử.

Văn Đế lên ngôi, chuyển làm Thị trung, ban tước Quan Nội Hầu. Bấy giờ bàn đổi chính sóc ⁽²¹⁾. Bì cho rằng: “Nhà Ngụy nói dòng của vua Thuấn, vua Vũ, thuận trời theo dân; đến như vua Thang, vua Vũ ⁽²²⁾ lấy can qua mà định thiên hạ còn đổi chính sóc. Khổng Tử nói: ‘Lịch của nhà Hạ’. Tả thị truyện viết: ‘Lịch nhà Hạ đúng với lịch của trời’. Sao phải làm trái nhau”. Đế mừng mà nghe theo.

Đế muốn dời mười vạn hộ nhà kẻ sĩ vùng Kí Châu đến ở vùng Hà Nam. Bấy giờ có châu cháu liên tiếp, dân đói, bầy tôi cho là không nên, nhưng ý Đế rất quyết. Bì và bầy tôi cùng xin gặp, Đế biết họ muốn can, nghiêm mặt để gặp họ, chẳng ai dám nói. Bì nói: “Vệ hạ muốn dời nhà kẻ sĩ, kế này thế nào”? Đế nói: “Khanh bảo ta dời là sai sao”? Bì nói: “Đúng cho là sai vậy”. Đế nói: “Ta không thể cùng khanh bàn bạc”. Bì nói: “Bệ hạ không cho thần là kẻ không có tài, cho làm tả hữu, ở bên làm quan bày mưu, há lại không cùng thần bàn việc được sao! Lời mà thần nói không phải là vì việc riêng, mà là lo nghĩ cho xã tắc vậy, sao lại giận thần”? Đế không đáp, dậy vào trong; Tỉ đi theo mà dẫn vạt áo của Đế, Đế lại giơ áo không quay lại, rất lâu sau mới ra, nói: “Tá Trị, sao khanh đợi ta lâu vậy”? Bì nói: “Nay dời là làm mất lòng dân, lại không có gì được”. Đế bèn dời một nửa trong số đó. Từng theo Đế đi bắn chim trĩ, Đế nói: “Bắn chim trĩ vui thay”? Bì nói: “Đối với Bệ hạ thì rất vui, đối với bầy tôi thì rất khổ”. Đế ngấm ngấm, sau đó bèn ít ra đi săn.

Thượng Đại Tướng quân Tào Chân đánh Chu Nhiên ở Giang Lăng, Bì làm Quân sư. Về, phong Quảng Bình Đình Hầu. Đế muốn đem đại quân đánh Ngô, Bì can nói: “Dân vùng Ngô, Sở, trặc trở mà khó trị, đạo hưng thì phục sau, đạo suy thì phản trước, từ xưa đã có rồi, không phải đến nay. Nay

Bệ hạ đã có Trung Nguyên, những kẻ không thân phục, há được lâu sao? Xưa Ủy Đà xưng Đế, Tử Dương tiếm hiệu, năm tháng chẳng mấy, có kẻ thân phục có kẻ bị diệt. Vì sao? Đạo trái ngược thì không yên lâu mà đức lớn thì không có chỗ nào là không phục vậy. Nay thiên hạ mới định, đất rộng dân thưa. Mưu tính nơi triều đình rồi mới đem quan đi, khi vào trận còn sợ, huống chi mưu tính nơi triều đình lại ít mà muốn dùng quân thì thân thực chưa thấy được cái lợi. Tiên đế thường đem quân mạnh, đến sông Giang mà quay về. Nay sáu quân không mạnh hơn trước, nếu lại theo việc cũ, đây không dễ vậy. Tính kế ngày nay, chẳng bằng sửa kế nuôi dân của Phạm Lãi, học kế hay của Quản Trọng, theo kế đóng quân làm ruộng của Triệu Doãn Quốc, làm rõ chính sách võ về phương xa của Trọng Ni; trong vòng mười năm, khỏe mạnh chưa già, tuổi trẻ hăng hái, triệu dân biết nghĩa, tướng sĩ dũng mãnh, rồi mới dùng quân, thì sai đi không cần cân nhắc vậy”. Đế nói: “Nhu ý khanh, lại đem giặc cho con cháu sao”? Bì đáp nói: “Xưa Chu Văn Vương đem vua Trụ cho Vũ Vương, đây là biết thời vậy. Nếu thời chưa được, nên dừng đi chẳng”! Đế cuối cùng đánh Ngô, đến sông Giang mà về.

Minh Đế lên ngôi, tiến phong Dĩnh Hương Hầu, thực ấp ba trăm hộ. Bấy giờ Trung thư giám Lưu Phóng, Trung thư lệnh Tôn Tư được vua tin dùng, xử đoán chính trị, đại thần chẳng ai không kết giao, nhưng Bì không cùng qua lại. Con Bì là Xưởng can nói: “Nay Lưu, Tôn xét việc, mọi người đều hòa theo, đại nhân nên tỏ ý nhún nhường, ngôi cùng hòa hợp; nếu không tất có lời chê bai”. Bì nghiêm mặt nói: “Vua trên đầu chưa gọi là sáng suốt nhưng không u tối. Ta lập thân tự có gốc ngọn. Nếu không cùng yên với Lưu, Tôn, chẳng qua cũng khiến ta không làm đến bậc Tam công mà thôi, có gì nguy hại đâu? Há là đại trượng phu muốn làm Tam công mà làm hồng tiết tháo cao đẹp sao”. Cùng theo quan Bộc xạ đều cầm biểu nói: “Thượng thư Bộc xạ Vương Tư là quan cũ chăm chỉ, nhưng sự trung thành và mưu kế không bằng Bì, Bì nên thay Tư”. Đế cho là có ý chê bai bọn Phóng, Tư, bọn Phóng, Tư đáp nói: “Bệ hạ dùng Tư, đây là muốn lấy được tài năng của hắn, không quý ở tiếng tăm sáo rỗng vậy. Bì đúng là tốt đẹp nhưng tính cứng cỏi mà chuyên chú, nay thánh thượng nên xét kỹ vậy”. Cuối cùng không dùng. Ra làm Vệ úy.

Đế đang sửa cung điện, trăm họ khổ sở, Bì dâng sớ nói: “Nghe trộm rằng Gia Cát Lượng giảng vũ luyện quân, mà Tôn Quyền lại mua ngựa ở Liêu Đông, xét ý của chúng, có lẽ muốn giúp đỡ nhau. Phòng bị thì không lo gì, đây là kế hay của thời trước. Vậy mà nay dựng cung điện lớn, lại thêm nhiều năm lúa gạo không thu gặt được. Kinh Thi viết: ‘Dân đã khổ sở, nên cho yên vui, ban ân Trung Quốc, võ về bốn phương’. Mong Bệ hạ nghĩ kế cho xã tắc”. Đế báo nói: “Hai tên giặc chưa diệt mà sửa cung thất, đây là lúc kẻ can thẳng lập danh. Như đô của Đế Vương phải để dân cùng xây dựng,

khiến cho đời sau không cần phải xây lại, đây là bắt chước kế lớn của Tiêu Hà giúp nhà Hán vậy. Nay khanh là bầy tôi trọng yếu của nhà Ngụy, cũng nên tỏ ý nghe theo”. Đế lại muốn san bằng đồng cỏ miền bắc, lệnh ở trên đó làm đài quán, muốn làm bến Mạnh Tân. Bì can nói: “Tình của trời đất là cao thấp thấp, nay lại muốn làm trái, đã sai lý lẽ, lại tổn phí sức người, dân không gánh nổi. Và lại chín sông chảy xiết, nước lớn gây hại, vậy mà đều dẹp bằng gò đồng, lấy gì mà ngăn được”? Đế mới thôi.

Ngụy lược viết: “Gia Cát Lượng vây Kỳ Sơn, không thắng, dẫn quân về. Trương Cáp đuổi theo, bị trúng tên lạc mà chết. Đế tiếc Cáp, lên triều mà than nói: ‘Thực chưa bình mà Cáp chết, các tướng còn ai như thế’! Tư không Trần Quần nói: ‘Cáp thực là tướng giỏi, là người mà nhà nước nương dựa vậy’. Ý của Bì cho rằng Cáp đầu đáng tiếc, nhưng đã chết, không nên làm kém ý chí của vua mà tỏ cái không mạnh ra bên ngoài. Bèn chống Quần nói: ‘Trần Công sao lại nói thế! Vào cuối năm Kiến An, thiên hạ không thể một ngày không có Vũ Hoàng Đế, đến lúc trao việc nước, mà Văn Đế nhận lệnh, vào năm Hoàng Sơ, cũng là không thể không có Văn Hoàng Đế, đến lúc trao gửi thiên hạ, mà Bệ hạ lên ngôi. Nay cái mà trong nước thiếu, há chỉ có Trương Cáp thôi’? Trần Quần nói: ‘Cũng đúng như lời Tân Bì; Đế cười nói: ‘Trần Công có thể nói là giỏi ứng đáp’. Thân là Tòng Chi cho rằng: Xét người cốt ở đạo lý của người, giữ ước nên dựa vào điều ấy, cho nên quân tử đối với lời nói của mình thì không có chỗ nào nói vội vã mà thôi vậy. Bì muốn mở rộng ý vua, nên cất nhắc như bọn Trương Liêu, sao lại vì cái chết của một tướng mà đem tỏ tông ra nói ví được? Lời mà không nói, chẳng gì sai bằng lời ấy, tiến thì trái với mọi người, lui thì như nịnh hót, Tá Trị một thân ngay thẳng, không nên như thế. Ngụy lược viết đã khó tin, họ Tập lại theo đó mà chép vào, trộm nghĩ người này bị vu không không ít điều.

Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng đem quân ra bờ nam sông Vị. Lúc đầu, Đại Tướng quân Tư Mã Tuyên Vương [\(23\)](#) mấy lần xin đánh với Lượng, nhưng Minh Đế cuối cùng không nghe. Năm đó sợ không cầm được, bèn dùng Bì làm Đại Tướng quân Quân sư, sai cầm cờ tiết; sáu quân đều kính theo Bì sai khiến, chẳng ai dám trái.

Ngụy lược viết: “Tuyên Vương nhiều lần muốn ra đánh, Bì cấm không nghe. Tuyên Vương dầu có thể theo ý mình, nhưng thường chịu theo Bì”. *Lượng chết, lại về làm Vệ úy. Hoǎng, thụy là Túc Hậu. Con là Xưởng thay, giữa năm Hàm Hi làm Hà Nội Thái thú.*

Thế ngữ viết: “Xưởng tự Thái Ung, làm đến Vệ úy. Con gái của Bì là Hiến Anh, gả cho Thái thường Dương Đàm người quận Thái Sơn”. Cháu ngoại là Hạ Hậu Kham viết truyện về Hiến Anh nói: “Hiến Anh thông minh có tài năng. Trước đây Văn Đế cùng Trần Tư Vương tranh làm Thái tử, rồi đến lúc Văn Đế được lập, ôm cổ Bì mà mừng nói: ‘Tân Quân biết ta vui

không’? Bì báo cho Hiến Anh, Hiến Anh than nói: ‘Thái tử là người thay vua làm chủ xã tắc tông miếu vậy. Thay vua không thể không gân gũ, làm chủ nước không thể không sợ, nên gân gũ mà vui mừng, lấy gì được dài lâu? Nhà Ngụy há không tốt sao!’ Em Xưởng làm Tham quân của Đại Tướng quân Tào Sảng. Tư Mã Tuyên Vương sắp giết Sảng, do đó Sảng đi ra, đóng cửa thành. Đại Tướng quân Tư Mã Lỗ Chi đem quân trong phủ của Sảng phá cửa chặt then, ra thành báo cho Sảng biết, đến gọi Xưởng cùng bỏ ra. Xưởng sợ, hỏi Hiến Anh nói: ‘Thiên tử ở ngoài, Thái phó đóng cửa thành, người ta nói sắp có việc không có lợi cho nhà nước, việc này nên làm thế nào?’ Hiến Anh nói: ‘Thiên hạ có kẻ không biết được, nhưng theo ta xét thấy Thái phó chỉ là không thể không làm thế! Minh Hoàng hậu sắp băng, cầm tay Thái phó, giao việc sau này cho Thái phó, lời này vẫn còn vang bên tai của bấy tôi trong triều. Vả lại Tào Sảng cùng Thái phó đều được nhận lệnh gửi gắm, vậy mà chỉ quen chuyên quyền, làm việc ngạo mạn, với nhà vua thì không có lòng trung, với người ta thì không ngay thẳng. Lần đem quân này chẳng qua là để giết Tào Sảng thôi’. Xưởng nói: ‘Vậy thì việc xong chẳng?’ Hiến Anh nói: ‘Chỉ e không đợi được! Cái tài của Sảng không sánh được với Thái phó’. Xưởng nói: ‘Vậy thì Xưởng không nên đi ra chẳng?’ Hiến Anh nói: ‘Sao lại không ra được. Giữ chức phận là nghĩa lớn của người. Hễ người ta khó khăn vẫn có kẻ cứu giúp; vì người ta cầm roi mà bỏ mất việc của mình là không hay, không nên vậy. Vả lại vì người mà chết, vì người mà nhận, là chức phận của người thân cận vậy, nên theo mọi người mà thôi’. Xưởng bèn ra. Tuyên Vương quả đúng giết Sảng. Sau khi việc xong, Xưởng than nói: ‘Ta không có mưu bằng chị, lại không có nghĩa bằng’. Đến lúc Chung Hội làm Trấn tây Tướng quân, Hiến Anh bảo con thứ là Dương Hổ nói: ‘Chung Sĩ Quý sao lại đến phương tây?’ Hổ nói: ‘Sắp đến diệt Thục vậy’. Hiến Anh nói: ‘Hội làm việc tùy tiện, không có đạo coi việc lâu dài ở chỗ khác, ta e là hẳn có chí khác’. Hổ nói: ‘Mẹ út chớ nói nhiều’. Sau đó Hội xin con là Tú làm Tham quân, Hiến Anh lo nói: ‘Ngày trước thấy Chung Hội đi ra, ta đã lo cho nhà nước. Ngày nay nạn đến nhà ta, đây là việc lớn của nhà nước, tất không ngăn được vậy’. Tú cố xin Tư Mã Văn Vương, Văn Vương không nghe. Hiến Anh bảo Tú nói: ‘Đi rồi phải đề phòng mới được! Quân tử thời xưa vào phải giữ đạo hiếu với người thân, ra phải giữ tiết tháo với nhà nước, về chức phận phải nghĩ đến việc mà mình trông coi, về nghĩa phải nghĩ đến cái mà mình làm, chỉ cần không để lại lo lắng cho cha mẹ mà thôi. Giữa chốn quân đội, nên làm người giúp đỡ, há chỉ có lòng nhân từ sao! Người phải cẩn thận!’ Tú cuối cùng vì vậy mà giữ toàn thân. Hiến Anh thọ đến bảy mươi chín tuổi, năm Thái Thủy thứ năm chết”.

[CHÚ THÍCH]

Cao Đường Long: nhân vật này không mấy tiếng tăm, chỉ có viết số biểu dài cho nên dịch giả tạm không dịch. Mời các vị

(1) Trại yển nguyệt (偃月营): là trại hình nửa Mặt trăng.

(2) Ngăn việc tốt: ý nói khiến cho người khác không làm việc tốt mà nhận thưởng.

(3) Không rơi xuống đất: ý nói tên tuổi không mất đi, còn lưu trong sách sử.

(4) Khương Bá Biền: tức Khương Tự tự Bá Biền.

(5) Triệu Vĩ Chương: tức Triệu Ngang tự Vĩ Chương.

(6) Phù tín và bảo phó: Phù tín là tiết lệnh làm tin của Đế vương hoặc tướng lại; bảo phó là vú nuôi, thời xưa thường ở trong cung nuôi dưỡng trẻ con hoặc chăm sóc người vợ của quan lại, Đế vương.

(7) Chiêu Khương chìm sông: vợ của Sở Chiêu Vương là người con gái của Tề Hầu, họ Khương cho nên gọi là Chiêu Khương (昭姜). Sở Chiêu Vương đi chơi để Chiêu Khương ở lại trên đài Tiềm rồi đi. Chợt nghe nói nước sông sắp dâng bèn sai sứ giả đến đón nhưng không có phù tín, Chiêu Khương cho rằng muốn mời phu nhân phải có phù tín làm chứng, do đó không chịu đi, nước lớn dâng lên làm đài vỡ đổ, bị nước cuốn trôi mà chết.

(8) Bá Cơ cháy lửa: vợ của Tống Công Công là con gái của Lô Tuyên Công, tên là Bá Cơ (伯姬), sống rất thọ. Vào thời Tống Cảnh Công, vào buổi đêm cung điện có lửa cháy, người trong cung muốn cứu Bá Cơ ra, nhưng Bá Cơ cho là không có bảo phó đến cùng thì không chịu ra, do đó chịu chết cháy ở trong cung.

(9) Cung Toại: bấy giờ thời Hán Tuyên Đế. Bấy giờ quận Bột Hải mất mùa, trộm giặc nổi lên, quan lại không cấp chẩn. Nhà vua lo lắng, bàn bạc chọn Toại làm Bột Hải Thái thú, Toại đến vỗ về yên quận ấy.

(10) Tương tác Đại tượng: chức quan trông coi việc xây dựng cung điện.

(11) Ung Khâu Vương Thực: tức Tào Thực tự Tử Kiến, coi trai thứ của Tào Tháo, phong làm Ung Khâu Vương.

(12) Cứu khanh: quan đứng đầu chín phủ của triều đình, nắm giữ công việc quan trọng, mỗi thời lại khác nhau. Thời Hán là: Thái thường, Quang lộc huân, Vệ úy, Đình úy, Thái phó, Đại Hồng lư, Tông chính, Đại Tư nông, Thiếu phủ.

(13) Cung Khoảnh (倾宫): cung điện cao lớn, đứng trên điện nhìn xuống

mà choáng ngợp muốn ngã xuống.

(14) Đài Lộc (鹿台): cái đài xưa do vua Trụ của nhà Thương xây, đem các vật lạ, châu bảo cất chứa ở đây.

(15) Cáp Âm: bày tôi thời Hán Vũ Đế, nổi tiếng thẳng thắn can gián.

(16) Chữ bì (毗), bản dịch Tam quốc diễn nghĩa của Phan Kế Bính đọc là tỉ. Theo Đường vận đọc âm là ‘bàng chi thiết’, tức đọc là ‘bì’, nên đọc là ‘bì’.

(17) Chữ trạch (翟), một âm đọc nữa là ‘địch’, thông với chữ địch (狄) chỉ người thiểu số phương bắc Trung Quốc thời xưa.

(18) Hiển Phủ tức Viên Thượng tự Hiển Phủ.

(19) Hiển Tư tức Viên Đàm tự Hiển Tư.

(20) Hai Viên tức Viên Đàm và Viên Thượng.

(21) Chính sóc (正朔) là ngày đầu trong một năm. Ý nói Ngụy Văn Đế đổi chính sóc như thời nhà Hạ.

(22) Vua Vũ tức Vũ Vương của nhà Chu.

(23) Tư Mã Tuyên Vương tức Tư Mã Ý, thời nhà Ngụy có công lớn nên được phong làm Tuyên Vương, do đó gọi là Tư Mã Tuyên Vương.

QUYỂN 26 - MÃN ĐIỀN KHIÊN QUÁCH TRUYỆN

Mãn Sủng, Điền Dự, Khiên Chiêu, Quách Hoài

TRUYỆN MÃN SÙNG

Mãn Sùng tự Bá Ninh, người huyện Xương Ấp quận Sơn Dương. Mười tám tuổi làm Đốc bưu trong quận. Bảy giờ người trong quận là bọn Lí Sóc đều đem bộ khúc đi làm hại đến dân thường, Thái thú sai Sùng xét trị chúng. Bọn Sóc nhận tội, không cướp bóc nữa. Giữ chức Cao Bình Lệnh, người trong huyện là Trương Bao làm Đốc Bưu của quận, tại chức tham lam, làm nhiều loạn việc quan, Sùng nhân lúc hấn đang ở nhà nghỉ, đem quan quân ra bắt hấn, tránh mắng lỗi mà hấn phạm phải, liền hôm đó xét hỏi, rồi bỏ quan về quê.

Thái Tổ đến Duyện Châu, gọi làm Tòng sự. Đến lúc làm Đại tướng quân, chuyên làm Tây tào thuộc, làm Hứa Lệnh. Bảy giờ Tào Hồng là họ hàng thân cận, có tân khách ở ngoài nhiều lần phạm pháp, Sùng bèn bắt trị tội chúng. Hồng gửi thư xin Sùng, Sùng không nghe. Hồng báo cho Thái Tổ, Thái Tổ gọi người coi việc ở huyện Hứa đến. Sùng biết Thái Tổ muốn tha, liền nhanh giết bọn ấy. Thái Tổ mừng nói: “Việc này không đáng như thế chẳng”? Thái úy Dương Bưu trước đây bị bắt giam vào tù trong huyện, bọn Thượng thư lệnh Tuân Úc, Thiếu phủ Khổng Dung đều khuyên Sùng nói: “Chỉ nên dùng lời, chớ dùng hình bức”. Sùng đều không đáp một người nào, xét hỏi đúng theo hình pháp. Mấy ngày sau, xin gặp Thái Tổ, nói với Thái Tổ rằng: “Dương Bưu bị xét hỏi mà không có lời cãi khác. Kẻ đáng giết thì phải nêu rõ tội của kẻ đó trước, nhưng người này nổi tiếng trong nước, nếu không làm rõ tội trạng tất làm mất lòng trông mong của dân chúng, làm cho mình công nuôi tiếc”. Thái Tổ liền hôm đó thả Bưu ra. Lúc đầu, bọn Úc, Dung nghe nói Sùng dùng hình bức Bưu, đều giận, đến lúc Bưu được tha lại khen Sùng.

Thần là Tòng Chi cho rằng: Dương Công ở nhà tu đức, thân là danh thần, dẫu có lúc phóng túng lỗi lầm thì vẫn nên khoan thứ, huống chi dùng hình pháp nặng nề mà lại xét hỏi được vậy? Nếu về lý đáng xét hỏi thì hai vị Tuân, Khổng há lại tùy tiện cùng nhau xin khoan thứ sao? Sùng làm việc ấy là có tấm lòng của quan lại tàn khốc vậy. Dẫu sau đó được khen, nhưng sao cỏi bỏ được tiếng xấu tàn khốc lúc trước?

Bảy giờ Viên Thiệu nổi mạnh ở phía bắc sông Hà⁽¹⁾, mà quận Nhữ Nam là quận gốc của Thiệu, bọn tân khách bạn bè rải khắp các huyện, đem quân tự giữ, Thái Tổ vì vậy mà lo lắng, lấy Sùng làm Nhữ Nam Thái thú. Sùng chiêu mộ được năm trăm người thân phục, đem quân đánh chiếm hơn hai mươi đồn, dụ bọn cừ súy chưa hàng trong số bọn chúng, giết hơn mười người ở trên ghế, một lúc đều yên. Thu được hai vạn hộ dân, hai nghìn quân, sai đến làm ruộng.

Năm Kiến An thứ mười ba, theo Thái Tổ đánh Kinh Châu. Đại quân về, giữ Sùng ở lại làm Phấn uy Tướng quân, đóng quân ở huyện Đương Dương. Tôn Quyền nhiều lần quấy nhiễu miền đông, lại gọi Sùng về làm Nhữ Nam Thái thú, ban tước Quan Nội Hầu. Quan Vũ vây thành Tương Dương, Sùng giúp Chinh nam Tướng quân Tào Nhân đóng quân ở Phàn Thành chống Vũ, mà quân của bọn Tả Tướng quân Vu Cẩm vì mưa dầm lâu ngày nước sông dâng cao, bị Vũ diệt. Vũ đánh Phàn Thành gấp, Phàn Thành bị ngập nước, các chỗ vỡ lở, quân sĩ đều mất sắc mặt. Có người báo Nhân nói: “Ngày nay nguy khốn, không có sức giúp. Nên nhân lúc Vũ vây chưa gấp, buổi đêm chèo thuyền nhẹ mà chạy, dẫu mất thành nhưng vẫn còn thân”. Sùng nói: “Nước sông chảy xiết nhưng sẽ không lâu. Nghe nói Vũ đã sai tướng khác đóng quân ở dưới huyện Giáp, từ huyện Hứa về phía nam, trăm họ rối loạn, mà Vũ không dám đến đuổi là vì sợ quân ta chặn mặt sau của hắn thôi. Nay nếu bỏ trốn thì vùng sông Hồng về phía nam không còn thuộc nhà nước nữa; ông nên giữ đợi”. Nhân nói: “Hay”. Sùng bèn giết ngựa trắng, thề ước cùng quân sĩ. Vừa lúc bọn Từ Hoảng đến cứu, Sùng gắng đánh có công, Vũ bèn rút. Tiến phong An Dương Đình Hầu. Văn Đế lên ngôi Vương, chuyển làm Dương vũ Tướng quân. Có công phá quân Ngô ở Giang Lăng, lại bái làm Phục ba Tướng quân, đóng quân ở Tân Dã. Đại quân đánh phương nam, đến hồ Tinh, Sùng đem các quân đi trước, đối trận cách sông với giặc. Sùng răn các tướng nói: “Đêm nay gió rất mạnh, giặc tất đến đốt quân ta, nên phòng bị chúng”. Các quân đều cảnh giác. Nửa đêm, giặc quả đúng sai mười cánh quân lên buổi đêm đến đốt lửa. Sùng ém quân đánh phá giặc, tiến phong Nam Hương Hầu. Năm Hoàng Sơ thứ ba, ban tiết việt cho Sùng. Năm thứ năm, bái làm Tiền Tướng quân. Minh Đế lên ngôi Đế, tiến phong Xương Ấp Hầu. Năm Thái Hòa thứ hai, lĩnh chức Dự Châu Thứ sử. Mùa xuân năm thứ ba, người huyện Giáng nói là Ngô phòng giữ nghiêm ngặt, nói phao là muốn đến phía bắc sông Giang săn bắn, Tôn Quyền muốn tự đi. Sùng tính Quyền tất đánh úp huyện Tây Dương, bèn phòng bị chỗ ấy, Quyền nghe tin, rút về. Mùa thu, sai Tào Hưu từ phía nam Lư Giang vào Hợp Phì, sai Sùng đến Hạ Khẩu. Sùng dâng sớ nói: “Tào Hưu dẫu sáng suốt nhưng ít khi dùng binh, nay con đường mà Hưu đi dựa lưng vào hồ, lại bên cạnh sông, dễ đi mà khó rút, đây là đất lồi của cánh quân ấy. Nếu vào cửa Vô Cường, nên phòng bị cẩn thận”. Biểu của Sùng chưa đến, Hưu đã vào sâu. Giặc quả đúng từ cửa Vô Cường cắt đứt hang Giáp Thạch, chặn đường về của Hưu. Hưu đánh không được lợi, rút chạy. Vừa lúc bọn Chu Linh từ phía sau đến chặn đường, gặp nhau với giặc, giặc kinh hãi rút chạy, quân của Hưu mới về được. Năm đó Hưu hoẵng, Sùng từ chức Tiền Tướng quân thay Hưu trông coi việc quân của các quận Dương Châu. Quân dân quận Nhữ Nam luyện tiệp, lớn nhỏ dất nhau đi theo trên đường, không ngăn cấm được. Quân hộ vệ dâng biểu lên muốn giết kẻ đứng đầu trong bọn ấy. Hạ chiếu sai Sùng đem nghìn quân thân

cận đi theo, quân còn lại một tên cũng không hỏi tới. Năm thứ tư, báii Sùng làm Chinh đông Tướng quân. Mùa đông năm đó, Tôn Quyền phao tin muốn đến Hợp Phì, Sùng lệnh gọi các quân Duyện Châu, Dự Châu đều tụ tập. Giặc bèn dần dần lui về, hạ chiếu bãi binh. Sùng cho rằng nay giặc phát binh lớn mà lại rút, đây không phải là ý gốc vậy, tất muốn giả rút để cho quân ta bãi rồi quay lại thừa cơ lúc trống trải, đánh lúc quân ta không phòng bị vậy, do đó lệnh không bãi binh. Hơn mười ngày sau, Quyền quả nhiên quay lại, đến thành Hợp Phì, không thắng mà về. Năm sau đó, tướng Ngô là Tôn Bố sai người đến Dương Châu xin hàng, nói rằng: “Đường xa không tự thân đến được, xin đem quân đến đón”. Thứ sử Vương Lãng tin thư của Bố, xin quân mã đón Bố. Sùng cho là tất giả, không cho quân, lại sai Lãng viết thư gửi nói: “Biết được phải trái, muốn tránh họa đón thuận, bỏ ngược bạo theo chính đạo, thật đáng khen ngợi. Nay muốn sai quân đến đón, nhưng vì quân ít thì không đủ để phòng bị, quân nhiều thì việc tất truyền xa. Vả lại giữ kín kế trước để ý muốn được làm xong, tùy lúc mà làm cho vừa hợp”. Gặp lúc Sùng nhận thư phải về châu, răn bảo quan Trưởng sử ở lại nói: “Nếu Lãng muốn đến đón, không được cho quân”. Lãng sau đó nhiều lần xin quân không được, bèn tự sai một Đô đốc đem bảy trăm quân kị bộ đến đón Bố. Bố nhân buổi đêm lên đánh, quan Đô đốc đều chạy, chết hại quá nửa. Lúc trước, Sùng làm việc không hợp với Lãng, bè đảng của Lãng gièm pha Sùng già bệnh làm lẫn, cho nên Minh Đế mới gọi Sùng về. Đã đến, thấy chí khí cứng cỏi, bèn sai quay lại.

Thế ngữ viết: Vương Lãng dâng biểu nói Sùng tuổi già lại ham rượu, không nên coi việc nơi xa. Để muốn gọi Sùng về, Cấp sự trung là Quách Mưu nói: “Sùng làm Nhữ Nam Thái thú, Dự Châu Thứ sử hơn hai mươi năm có công to lớn. Đến lúc giữ Hoài Nam, người Ngô sợ Sùng. Nếu không đúng như biểu của Lãng, đây là bị gièm vậy. Cũng nên lệnh về châu, hỏi việc ở địa phương để xem xét”. Để nghe theo. Sùng đã đến, vào gặp, uống đến một thạch rượu mà không say. Để vỗ về Sùng, sai quay lại.

Sùng nhiều lần dâng biểu xin ở lại, hạ chiếu lệnh nói: “Xưa Liêm Pha ăn khỏe, Mã Viện ngồi yên⁽²⁾, nay ông chưa già mà tự nói là đã già, sao lại làm trái với Liêm, Mã vậy? Lòng trung của người giữ yên được biên giới, đây là cái ân cho Trung Quốc vậy”.

Năm sau, tướng Ngô là Lục Tốn đến Lư Giang, người bàn cho là nên nhanh đến phòng bị. Sùng nói: “Lư Giang dẫu nhỏ nhưng tướng khỏe binh mạnh, giữ được lâu dài. Lại nữa giặc bỏ thuyền cách hai trăm dặm đến đây, phía sau để trống, vẫn muốn dụ quân ta, nay nên nhân lúc này mà đi đánh, chỉ e chạy không kịp được thôi”. Đem quân đến cửa Dương Nghi, giặc nghe tin đại quân xuống phía đông, liền nhân buổi đêm chạy trốn. Bấy giờ Quyền có kế đánh lại. Năm Thanh Long thứ nhất, Sùng dâng sớ nói: “Phía nam

thành Hợp Phì liền với sông hồ, phía bắc xa thành Thọ Xuân, nếu giặc đến vây chỗ ấy, nên dựa vào sông mà chống giữ; nếu quân đến cứu, phải phá sau lưng giặc rồi mới giải được vây. Giặc đến rất dễ, mà quân ta đến cứu lại rất khó, nên đem quân vào trong thành, phía tây thành ba mươi dặm có chỗ hiểm nên dựa được, lại đắp thành đề giữ vững, đây là dẫn giặc vào đất bằng mà chặn đường về của chúng vậy, kế ấy là hay hơn”. Hộ quân Tưởng Tế bàn cho rằng: “Đã tỏ vẻ yếu trước thiên hạ, lại đứng xem giặc đốt lửa mà phá thành, đây là chưa đánh mà tự thua vậy. Còn hơn như thế, bị cướp bóc không kể hết, tất phải về phía bắc sông Hoài mà giữ thôi”. Để chưa theo. Sùng dâng biểu dôn dập nói: “Tôn Tử nói: ‘Dùng binh phải lừa dối’. Cho nên có sức mà tỏ vẻ yếu không sức. Lấy lợi để làm địch kiêng căng, tự mình tỏ vẻ sợ hãi. Đây là tỏ vẻ ngoài như thế mà không phải như thế vậy. Lại nói: ‘Người giỏi dẫn dụ địch, phải tỏ vẻ ngoài’. Nay giặc chưa đến mà dời rút vào thành, đây gọi là tỏ vẻ ngoài để dụ địch vậy. Dẫn giặc rời sông, chọn lúc lợi mà đánh, ở ngoài đánh được thì ở trong tất được giúp vậy”. Thượng thư Triệu Tư cho rằng kế của Sùng là hay, bèn hạ chiếu nghe theo. Năm đó, Quyền tự đi, muốn vây thành mới, vì chỗ ấy xa sông, đợi hai mươi ngày không dám xuống thuyền. Sùng bảo các tướng nói: “Quyền thấy ta dời thành, trong quân tất có kẻ nói lời kiêu ngạo, nay phát quân lớn đến muốn đánh một trận mà lập công, dầu không dám đến, nhưng tất đem quân lên bờ để điều oai mạnh”. Bèn ngầm sai sáu nghìn quân bộ kỵ nấp phục ở ngoài thành Hợp Phì để đợi giặc. Quyền quả đúng đem quân lên bờ điều oai, quân sĩ nấp phục của Sùng cùng xông ra đánh, chém mấy trăm thủ cấp, có kẻ rơi xuống nước chết. Năm sau, Quyền tự đem mười vạn quân đến Tân Thành của thành Hợp Phì. Sùng đi nhanh đến cứu, chiêu mộ mấy chục tráng sĩ, chặt gỗ thông làm đuốc, lấy dầu bôi lên, từ đầu nguồn gió phóng lửa, đốt chiến cụ của giặc, bắn chết con em của Quyền là Tôn Thái. Do đó giặc rút về. Mùa xuân năm thứ ba, Quyền sai mấy nghìn nhà quân làm ruộng ở phía bắc sông. Đến tháng tám, Sùng cho rằng lúa ruộng sắp chín, trai gái ra đồng, quân phòng vệ của giặc có kẻ rời thành mấy trăm dặm, đánh lén được vậy. Sai Trương sử đem ba quân men theo phía đông sông mà xuống, đánh phá các trại, đốt cháy thóc lúa rồi về. Hạ chiếu khen Sùng, nhân đó đem hết các đồ thu được của giặc thưởng cho tướng sĩ.

Năm Cảnh Sơ thứ hai, thấy Sùng tuổi già bèn gọi về, chuyên làm Thái úy. Sùng không vun vén tiền của, trong nhà không có của thừa. Hạ chiếu nói: “Ông coi việc quân ở ngoài, dốc lòng nghĩ việc công, có phong thái của Hành Phủ, Sái Tôn⁽³⁾. Ban cho mười khoảnh ruộng, năm trăm斛 gạo, hai mươi vạn đồng tiền, để biểu dương tiết tháo trung thành tiết kiệm”. Sùng trước sau được tặng ấp, cả thảy có chín nghìn sáu trăm hộ, phong hai người con cháu làm Đình hầu. Năm Chính Thủy thứ ba thì hoẵng, thụy là Cảnh

Hầu. Con là Vĩ nổi tự. Vĩ có đức hạnh mà nổi tiếng, làm quan đến chức Vệ úy.

Thế ngữ viết: Vĩ tự Công Hoành, có phong thái của Sùng, hai mươi tư tuổi làm Đại Tướng quân duyện. Vào thời nạn Cao Quý Hương Công⁽⁴⁾, theo chức phận giữ cửa cung điện của Nhà vua, em của Tư Mã Văn Vương là An Dương Đình Hầu tên là Hàn muốn vào. Vợ của Hàn là em gái của Vĩ vậy. Trường Vũ bảo Hàn nói: “Cửa ấy gần, Công sắp đến, không có người vào, nên theo cửa phía đông”. Hàn bèn nghe theo. Văn Vương hỏi Hàn vào sao chậm vậy, Hàn nói nguyên nhân. Tham quân Vương Tiện không vào được, giận lắm. Rồi Tiện vì tả hữu của Văn Vương là Khải Vương, Mãn Duyện chặn cửa không cho người vào trong, bị xét tội. Ở trận Thọ Xuân, Vĩ theo Văn Vương đến đất Hứa, bị bệnh không đi, cho con đi theo, xin về nhà chữa bệnh, việc xong lại theo về, do đó bị Văn Vương giận. Bắt Trường Vũ xét hỏi đánh đến chết, Vĩ được tha, giáng làm dân thường. Bảy giờ người đời cho là oan uổng. Con em của Vĩ là Phấn, giữa năm Nguyên Khang thời nhà Tấn làm đến chức Thượng thư lệnh, Tư lệ Hiệu úy. Sùng, Vĩ, Trường Vũ, Phấn đều có thân cao tám thước. Kí Châu kí của Tuân Xước viết: Tính Phấn điềm tĩnh, tiết kiệm. Tấn chư công tán viết: Tính Phấn rộng rãi nhã nhặn, có phong thái của Sùng vậy.

TRUYỆN ĐIỀN DỰ

Điền Dự tự Quốc Nhượng, người huyện Ung Nô quận Ngự Dương. Lúc Lưu Bị đến nương nhờ Công Tôn Toàn thì Dự còn nhỏ tuổi, tự gửi thân nơi Bị, Bị rất coi trọng. Lúc Bị làm Dự Châu Thứ sử, Dự vì mẹ già mà xin về, Bị khóc lóc cùng chia tay, nói: “Chỉ hận không được cùng ông làm nên nghiệp lớn”.

Công Tôn Toàn sai Dự làm Đông Châu Lệnh, tướng của Toàn là Vương Mân phản Toàn, giúp Viên Thiệu đem hơn vạn quân đến đánh. Quân sợ, muốn hàng, Dự lên mặt thành bảo Mân nói: “Ông được họ Công Tôn coi trọng mà lại bỏ đi, trong lòng chắc là bất đắc dĩ thôi; vậy mà nay lại làm giặc, biết ông là kẻ làm loạn rồi. Người có trí nông cạn như cái bình nhỏ mà vẫn biết giữ lòng trung không đổi, ta đã nhận lệnh, sao người đánh gấp vậy”? Mân thẹn mà rút quân. Toàn dẫu biết Dự có mưu lược nhưng lại không dùng vậy. Toàn thua, rồi Tiên Vu Phụ được người trong quận bầu chọn, coi việc quan Thái thú, vốn khen tài Dự, dùng làm Trưởng sử. Bấy giờ hào kiệt cùng nổi dậy, Phụ chẳng biết theo về ai, Dự bảo Phụ nói: “Người cuối cùng định được thiên hạ tất là họ Tào vậy, nên nhanh theo về thì sau này không rước họa”. Phụ theo kế của Dự, bèn được phong thưởng. Thái Tổ gọi Dự đến làm Thừa tướng Quân mưu duyện, làm Dĩnh Âm, Lang Lăng Lệnh, chuyển làm Dặc Dương Thái thú, các chỗ đến nhậm chức đều được sửa trị.

Yên Lăng Hầu Chương⁽⁵⁾ đánh Đại Quận, lấy Dự làm Tướng. Đem quân đến phía bắc huyện Dịch, giặc ém quân kị chặn đánh, quân sĩ rối loạn, chẳng biết làm sao, Dự dựa vào thế đất, đem quân về lập thế trận vòng tròn, đặt cung nỏ dày đặc ở trong trận, làm nghi binh để che giấu chỗ kém của mình. Quân Hồ không tiến được, tan chạy. Đuổi đánh, đại phá chúng, cuối cùng đi đến bình Đại Quận, đều là kế của Dự vậy.

Chuyển làm Nam Dương Thái thú. Lúc trước, người trong quận là Hầu Âm phản, tụ tập mấy nghìn người trong núi làm bọn cướp, gây hại lớn cho quận. Thái thú lúc trước bắt được phe đảng và hơn năm trăm người của chúng, dâng tấu xin xử tội chết, Dự đến gặp hết bọn tội tù, an ủi, mở con đường tự sửa mới cho chúng, cùng lúc cởi trói ra mà sai khiến. Bọn tội tù đều cúi đầu, xin tự chuộc tội, liền tự bảo nhau, bọn cướp một sớm đều tan rã, trong quận được yên ổn. Đem việc tấu lên, Thái Tổ khen Dự.

Đầu thời Văn Đế, người Dịch miền bắc cường mạnh, xâm nhiễu biên ải phía bắc, bèn sai Dự lĩnh chức Trì tiết Hộ Ô Hoàn Hiệu úy, Khiên Chiêu, Giải Tuấn cùng làm Hộ Tiên Ti Hiệu úy. Từ huyện Cao Liễu đến phía đông, từ chỗ của người Uế Mạch về phía tây, mấy chục bộ lạc Tỉ Năng, Di Gia, Tổ Lợi người Tiên Ti cắt đất chiếm giữ, đều có chia ranh giới, lại cùng thề ước,

đều không muốn đem ngựa trao đổi với Trung Quốc. Dự cho rằng người Di Địch hợp làm một thì không phải là điều lợi của Trung Quốc, bèn li gián chúng trước, khiến cho chúng tự thù ghét, đánh giết lẫn nhau. Bộ lạc Tô Lợi làm trái lời thề, đem nghìn con ngựa trao cho quan quân, bị bộ lạc Tỉ Năng đánh, xin cứu với Dự. Dự lo chúng tự hợp lại với nhau, sẽ gây hại nhiều thêm, bèn cứu kẻ thiện, đánh kẻ ác, tỏ ân tín với người Địch, tự đem quân tinh nhuệ đi sâu vào trại giặc, người Hồ đông nhiều, đem quân vây trước sau, chặn ngang đường về. Dự bèn tiến quân, lập đồn trại cách giặc hơn mười dặm, tự nhiều phân trâu ngựa khô lại mà đốt, rồi từ đường khác dẫn quân đi. Người Hồ thấy khói lửa không dứt, cho rằng Dự vẫn ở đó, bèn bỏ đi, được mấy chục dặm mới biết, lại đuổi theo Dự đến Mã Thành, vây đến mười vòng, Dự phòng giữ nghiêm ngặt, sai quan Tư mã dựng cờ tinh, đánh gõ trống, đem quân bộ kỵ ra từ cửa nam, người Hồ đều đổi mắt đến đuổi theo. Dự đem quân tinh nhuệ ra từ cửa bắc, đánh trống hò reo mà ra, hai đầu cùng ập đến, ra chỗ giặc không ngờ, quân giặc rối loạn, đều tự dẫn dắt ngựa mà chạy, đuổi đánh đến hơn hai mươi dặm, thây chết đầy đất. Lại có vua của người Ô Hoàn là Cốt Tiên ương ngạnh không thần phục, do đó Dự ra biên ải xem xét, tự đem hơn trăm quân kỵ thuộc hạ vào trại, Tiên đón bái, bèn sai tả hữu chém Tiên, kể rõ tội lỗi của hắn để ban lệnh cho quân dân, quân dân đều sợ hãi không dám động đậy, lại lấy em của Tiên thay Tiên. Từ đây, người Hồ vỡ mật, oai lừng sa mạc. Bọn giặc trên núi là Cao Ngải có mấy nghìn người cướp bóc, gây hại ở miền U, Kì, do đó Dự dụ bộ lạc Tô Lợi người Tiên Ti chém Ngải, đưa đầu đến kinh đô, phong Dự làm Trường Lạc Đình Hầu. Làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy được chín năm, ngăn ngừa người Di Địch, thường bề gãy ra mà chiếm lấy, chia rẽ bọn cường mạnh. Như những kẻ trốn tránh gian xảo giúp người Hồ tính kế gây việc không có lợi cho quan quân, Dự đều quấy phá chia rẽ, khiến cho mưu ác xấu của chúng không thành, những bộ lạc tự hợp không được yên ổn. Việc còn chưa xong, mà bè đảng của U Châu Thứ sử Vương Hùng muốn Hùng lĩnh chức Ô Hoàn Hiệu úy, phá kế của quấy biên của Dự⁽⁶⁾, gây khó cho nhà nước, bèn chuyển Dự làm Nhữ Nam Thái thú, thêm chức Điền Di Tướng quân.

Cuối năm Thái Hòa, Công Tôn Uyên đem quận Liêu Đông phản, Đế muốn đánh Uyên nhưng khó chọn người, Trung lĩnh quân Dương Kị cử Dự nên dùng.

Thần là Tùng Chi xét: Kị tự Hưu Tiên, người huyện Huỳnh Dương, việc này thấy ở truyện Lưu Diệp. Con Kị là Triệu, làm Kinh Châu Thứ sử thời Tân. Khải sự của Sơn Đào khen Triệu có tài năng. Con Triệu là Đàm, tự Đạo Nguyên, con thứ là Hâm, tự Công Tự, con Đàm là Úc, tự Trường Văn, con thứ là Kinh, tự Trọng Vũ, đều thấy ở trong Phan Nhạc tập.

Bèn sai Dự giữ chức cũ, đô đốc các quân của vùng Thanh Châu, cầm cờ

tiết đến đánh Uyên. Gặp lúc giặc Ngô sai sứ đến liên kết với Uyên. Để cho là giặc đông nhiều, lại đã vượt biển, hạ chiếu Dục phải bãi binh. Dục tính thuyền giặc sẽ quay về, cuối năm gió to, tắt sợ trôi dạt, mà đi về phía đông lại không có bờ, phải đến Thành Sơn. Thành Sơn không phải là chỗ chứa thuyền, phải men theo bờ biển, xem xét thế đất và các núi đảo, ngăn chặn nơi hiểm yếu, bày binh đóng giữ. Dục tự vào Thành Sơn, trèo lên đài Hán Vũ mà trông. Giặc về, quả đúng gặp gió to, thuyền đều va vào núi đá chìm ngấm, sóng xô ngập bờ, không có chiếc thuyền nào được thoát, rút cuộc bắt hết quân giặc. Lúc đầu, các tướng đều cười Dục đợi giặc ở chỗ trống vắng, đến lúc giặc phá, mới chịu cùng mưu tính, xin vào biển vớt lấy thuyền trôi, Dục sợ giặc thế cùng liều chết mà đánh, đều không nghe. Lúc trước, Dục làm Thái thú, đô đốc các quân của Thanh Châu, Thanh Châu Thứ sử Trình Nhất trong lòng không phục, lúc có việc quân, nhiều lần làm sai lầm. Nhất biết Đế thích ngọc châu, bèn ngậm dâng biểu nói: “Dục dẫu có công đánh trận nhưng hiệu lệnh buông trễ, bắt được đồ khí giới vàng ngọc rất nhiều mà lại chia ra, đều không nạp vào sở quan”. Do đó không được xét công.

Sau đó, Tôn Quyền đem mười vạn quân đánh Tân Thành, Chinh đông Tướng quân Mãn Sùng muốn đem các quân đến cứu. Dục nói: “Giặc phát hết quân lớn, không những tìm lấy cái lợi nhỏ mà còn muốn đánh Tân Thành để dụ đại quân ta đến đánh thôi. Nên nghe theo đến đánh, bẻ gãy khí mạnh của giặc, không cần tranh thắng với giặc, nếu thành không vỡ, giặc tắt rút về; sau khi rút về mới đuổi đánh mới thắng lớn được vậy. Nếu giặc biết kế ấy, tắt không đánh thành, như thế cũng phải tự rút chạy. Nếu tiến binh ngay, tắt trúng kế giặc. Lại nữa, đại quân chọn hướng đi phải khiến cho giặc khó biết, không để giặc tự mưu tính trước”. Dục liền tâu lên, Thiên tử theo kế ấy. Đúng là giặc rút chạy. Sau đó quân Ngô lại đến cướp, Dục đến chống chúng, giặc lại rút. Các quân buổi đêm kinh hãi, nói: “Giặc lại đến”! Dục nằm không dậy, lệnh ba quân rằng: “Ai dám đánh thì chém”. Chốc lát, rút cuộc không có giặc đến.

Cuối năm Cảnh Sơ, tăng ba trăm hộ ấp, cùng năm trăm hộ trước. Đầu năm Chính Thủy, chuyển làm Sứ trì tiết, Hộ Hung Nô Trung lang tướng, thêm chức Chấn uy Tướng quân, lĩnh chức Tinh Châu Thứ sử. Người Hồ ngoài biên giới nghe uy danh của Dục, cùng nhau đến cống nạp. Biên giới yên tĩnh, trăm hộ nhờ ơn ấy. Gọi về làm Vệ úy, thường xin nhường chức, Thái bảo Tư Mã Tuyên Vương cho rằng Dục cứng cỏi, hạ chiếu dụ không nghe. Dục gửi thư đáp nói: “Qua bảy mươi tuổi mà vẫn nhậm chức, ví như chuông kêu hồi kết, lại đi đêm không được nghỉ, đây là kẻ có tội vậy”. Lại cố xưng bệnh nặng, rồi bãi làm Thái trung Đại phu, ăn lộc quan Khanh. Tám mươi hai tuổi thì hoẵng. Con là Bành Tổ nối tự.

Ngụy lược viết: Dục từ quan về nhà, trú ở huyện Ngụy. Gặp lúc quận Nhữ

Nam sai Kiện Bộ đi đánh phương bắc, cảm kích ân đức của Dự, qua bài tạ Dự. Dự bèn giết gà nấu com, đi tiễn đến đầu bờ ruộng, bảo Kiện Bộ nói: “Ta đã già, người vất vả qua đây mà ta không có gì giúp, vất vả không”? Kiện Bộ thương cái nghèo khổ của Dự, khóc lóc mà đi, trở về được quan dân khen ngợi. Người quận Nhữ Nam góp mấy nghìn đồng tiền, sai người đến tặng Dự, Dự chẳng lấy một đồ gì. Gặp lúc bệnh chết, răn vợ con mình nói: “Phải táng ta ở bên cạnh mộ Tây Môn Báo”⁽⁷⁾. Vợ gạn hỏi nói: “Tây Môn Báo là người thần thời xưa, sao lại phải táng bên người này”? Dự nói: “Việc mà Báo làm giống ngang với ta vậy, cho nên lúc chết vẫn có linh, tất làm bạn với ta”. Vợ con nghe theo. Người quận Nhữ Nam nghe tin Dự chết, bùi ngùi, rồi vẽ tranh hình Dự, lại làm bia khắc công.

Dự trong sạch tiết kiệm, có ban thưởng đều chia cho tướng sĩ. Mỗi khi người Hồ, người Địch tặng riêng, đều cất vào sở quan, không giấu ở nhà riêng; nhà thường nghèo túng. Dầu là người khác, đều khen tiết tháo cao đẹp của Dự.

Ngụy lược viết: Bọn Tố Lợi người Tiên Ti nhiều lần đến làm khách, nhiều lần đem trâu ngựa đến tặng Dự; Dự chuyển hết vào sở quan. Người Hồ cho rằng các vật tặng Dự lúc trước rất quý báu, nhưng không bằng đem tặng vàng, bèn ngậm đem ba mươi cân vàng đến, bảo Dự rằng: “Nguyện làm tử hữu, ta muốn có cái đạo của tử hữu”. Dự nghe theo, người Hồ nhân đó quỳ bái, nói: “Ta thấy ông nghèo, cho nên trước sau tặng trâu ngựa cho ông, ông lại cho vào sở quan, nay ngậm đem vàng dâng cho ông, nên lấy làm tiên của trong nhà mình”. Dự đưa túi ra nhận lấy, đối đáp ý tốt ấy. Sau khi người Hồ đi, đều đem hết ra ngoài, lấy việc này tấu lên. Do đó hạ chiếu khen Dự nói: “Ngày xưa Ngụy Giáng⁽⁸⁾ võ về để thu nạp người Khương, ngày nay khanh nâng túi để nhận vàng của người Địch, trẫm rất khen ngợi”. Lại liền bàn cho năm trăm thất lụa. Dự được ban, chia một nửa cất trong nhà mình, sau đó người Hồ lại đến, đem một nửa tặng cho họ.

Năm Gia Bình thứ sáu, hạ chiếu khen thưởng, ban tiền gạo cho nhà Dự. Lời này tại truyện Từ Mạc.

TRUYỆN KHIÊN CHIÊU

Khiên Chiêu tự Tử Kinh, người huyện Quan Tân quận An Bình. Năm hơn mười tuổi, đến nhà người cùng huyện là Nhạc Ân theo học. Sau đó Ân làm Trưởng sử của Xa kị Tướng quân Hà Miêu, Chiêu đi theo làm lính. Đến thời kinh đô loạn, Miêu, Ân bị hại, Chiêu và học trò của Ân là bọn Sử Lộ xông vào nơi đao nhọn, cùng tấn liệm thầy Ân, chở về quê chôn táng, trên đường đi bị cướp bóc, bọn Lộ đều tan chạy cả, bọn cướp muốn phá quách lấy đỉnh, Chiêu rơi nước mắt xin tha. Bọn cướp khen là có nghĩa, bèn tha bỏ đi. Do đó mà nổi tiếng.

Kí Châu Mục là Viên Thiệu mời làm Đốc quân Tòng sự, trông coi quân đột kị Ô Hoàn. Người nhà của Thiệu trái lệnh, Chiêu chém trước rồi báo sau, Thiệu cho là lạ mà không phạt tội vậy. Thiệu chết, lại thờ con Thiệu là Thượng. Năm Kiến An thứ chín, Thái Tổ vây huyện Nghiệp. Thượng sai Chiêu đến Thượng Đảng, coi việc chở lương quân. Chưa về, Thượng thua chạy đến Trung Sơn. Bây giờ anh họ bên ngoài của Thượng là Cao Hàn làm Tinh Châu Thứ sử, Chiêu cho rằng bên trái Tinh Châu có cái hiểm của núi Hằng Sơn, bên phải có cái vững của sông lớn, có năm vạn quân mặc giáp, phía bắc liền với người Hồ mạnh, khuyên Hàn đón Thượng, dựa vào đất Tinh Châu mà xem sự biến, nhưng Hàn không nghe, lại muốn hại Chiêu. Chiêu nghe tin, đi lên mà bỏ trốn, đường nghẽn không theo kịp Thượng, bèn đi về phía đông đến chỗ Thái Tổ. Lúc Thái Tổ lĩnh cả Kí Châu, cho làm Tòng sự.

Thái Tổ sắp đánh Viên Đàm, nhưng người Ô Hoàn huyện Liễu Thành muốn đem quân kị giúp Đàm. Thái Tổ cho rằng Chiêu từng trông coi quân Ô Hoàn, bèn sai đến Liễu Thành. Đến nơi, vừa lúc Tiểu Vương Nghiêm đang đem năm nghìn quân kị đến tặng Đàm. Lại có Liêu Đông Thái thú Công Tôn Khanh tự xưng Bình Châu Mục, sai sứ giả là Hàn Trung đem ấn Thiên vu ban cho Tiểu Vương, Tiểu Vương tụ họp bày tiệc, Trung cũng ngồi trong hội. Tiểu Vương hỏi Chiêu nói: “Lúc trước Viên Công nhận lệnh của Thiên tử, phong ta làm Thiên vu; nay Tào Công lại nói sẽ báo cho Thiên tử, phong ta làm Thiên vu thật; sứ giả quận Liêu Đông lại cầm ấn thao đến. Như thế, ai mới là chính”? Chiêu đáp nói: “Ngày trước Viên Công thừa lệnh, được tự ý bái phong, nhưng bên trong là trái lệnh, cho nên Thiên tử sai Tào Công đến đánh, nói là sẽ báo cho Thiên tử, phong làm Thiên vu thật, là đúng vậy. Liêu Đông là quận dưới, há được tự ý phong bái sao”? Trung nói: “Liêu Đông ta tại phía đông của biển lớn, có trăm vạn quân, lại có các đồ dung của người Phù Dư, Uế Mạch; xét thế ngày nay, kẻ mạnh làm chủ, há chỉ Tào Tháo làm được sao”? Chiêu cười Trung nói: “Tào Công kính thuận sát hết, giúp đỡ Thiên tử, đánh đổ kẻ phản, vỗ về kẻ phục, vỗ yên bốn cõi, vua tôi nhà người

ngang bướng, nay dựa vào nơi xa hiểm, làm trái lệnh vua, muốn tự tiện phong bá, coi thường Thiên tử, sắp diệt vong đến nơi, há dám kiêu căng lấn lướt bậc người trên sao”? Liền nắm đầu Trung ghì xuống nền nhà, rút đao muốn chém đi. Tiểu Vương sợ hãi, đi nhanh ôm lấy Chiêu để xin tha cho Trung, tả hữu đều biến sắc mặt, Chiêu mới về chỗ ngồi, nói rõ thành bại, họa phúc giúp bọn Tiểu Vương, đều xuống chiếu quỳ bái, kính theo lệnh vua, lại biện bác sứ giả Liêu Đông, bãi quân kị của họ.

Thái Tổ diệt Đàm ở Nam Bì, cho Khiên làm Quân mưu duyên, theo đi đánh người Ô Hoàn, đến Liễu Thành, bái làm Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Về huyện Nghiệp, sứ giả Liêu Đông đem đầu Viên Thượng đến, treo đầu ở chợ ngựa, Chiêu nhìn mà thương cảm, đến tế dưới đầu, Thái Tổ khen là có nghĩa, cử làm Mậu tài. Đi theo bình Hán Trung, giữ Chiêu lại làm Trung hộ quân. Việc bỏ, về huyện Nghiệp, bái Bình lỗ Hiệu úy, Tướng quân, trong coi việc quân của các quận Từ Châu, Thanh Châu, đánh giặc Đông Lai, chém cừ sụy của chúng, miền đông yên ổn.

Văn Đế lên ngôi, bái Chiêu làm Sứ trì tiết, Hộ Tiên Ti Hiệu úy, đóng quân ở Xương Bình. Bấy giờ dân chúng nơi biên giới lưu tán nơi đầm núi, lại có kẻ phản trốn trong chỗ người Tiên Ti, mỗi chỗ có đến hàng nghìn người, Chiêu ban bố ân tín, chiêu dụ họ hàng phục, bọn Kiến nghĩa Trung lang tướng Công Tôn Tập đem lĩnh bộ khúc đến đều nghe lệnh, sai về quận cũ. Lại vỗ về mấy chục vạn người Tiên Ti của bộ lạc Tối Lợi, Di Gia, đều lệnh phải ở yên nơi biên ải.

Đại quân muốn đánh Ngô, gọi Chiêu về, lúc đến, lại bãi binh, bái làm Hữu Trung lang tướng, ra làm Nhận Môn Thái thú. Quận này tại biên giới, dẫu có phòng bị dò xét nhưng bị cướp bóc không thôi, Chiêu bèn dạy dân đánh trận, lại dâng biểu lập lại việc thu tô thuế hơn năm trăm nhà người Ô Hoàn, sai phải sửa sắm yên ngựa, đi ra dò ngóng. Hễ giặc đến xâm phạm biên ải thì đem quân chặn đánh, kẻ đến liền bị đánh phá, do đó khí thế của dân nơi biên giới ngày càng hăng hái, nơi đồng hoang không còn lo sợ nữa. Lại gài người vào li gián, khiến cho giặc tự nghi ngờ nhau. Bọn Đại phu Bộ Độ Căn, Tiết Quy Nê của người Tiên Ti gây hiềm khích với Tỉ Năng, đem hơn ba vạn nhà của bộ lạc mình đến quận nương dựa, hạ lệnh quay về đánh Tỉ Năng, giết em của Tỉ Năng là Tư La Hầu, đến lúc bọn phản phản người Ô Hoàn là Quy Nghĩa Hầu Vương Đồng, Vương Kí, kết thù oán với nhau, do đó Chiêu tự ra, đem theo bọn Tiết Quy Nê đánh Tỉ Năng ở quận cũ Vân Trung, đại phá Tỉ Năng. Chiêu qua lại với hơn mười vạn nhà của bọn Phụ Đầu người Tiên Ti ở phía tây sông Hà, sửa đắp thành quán ở huyện cũ Hình Bắc, đặt quân đồn đóng để ngăn chặn trong ngoài, người Di lớn nhỏ chẳng ai không theo về, bọn trốn phản dẫu là gần gũi cũng không dám giầu giếm, đều bắt hết chở đến. Do đó ngoài đồng bình yên, giặc cướp ngừng nghỉ. Chiêu lại chọn lựa người có tài

năng, đưa đến trường học dạy cho, sai trở về tự dạy bảo nhau, trong vòng mấy năm, nhiều trường học được dựng lên. Sở trị của quận ở huyện Quảng Vũ, các giếng nước khô khan, dân đều gánh thùng đi xa mà múc lấy nước, qua lại đến bảy dặm, Chiêu dò xét thế đất, dựa vào mạch của gò núi mà đục bờ đào kênh, dẫn nước vào trong thành, dân được nhờ cái lợi ấy.

Minh Đế lên ngôi, ban tước Quan nội hầu. Năm Thái Hòa thứ hai, Hộ Hoàn Hiệu úy Điền Dự ra biên ải, bị Kha Tỉ Năng vây ở thành cũ Mã Ấp, hạ chiếu sai Chiêu đến cứu, Chiêu liền sắm sửa binh mã, muốn nhanh đến cứu Dự. Người Tinh Châu dựa theo phép thường để ngăn Chiêu, Chiêu cho là tướng cầm cờ tiết bị vây, không nên cố chấp theo phép quan, tự đem quân đi ngay. Lại cùng gửi hịch đến, kể rõ thế trận, nói là nên đến phía tây bắc bắt lấy nhà giặc rồi mới đi về phía đông, hợp lại đánh giặc. Hịch đến, quân Dự hăng hái, lại đem một tờ hịch đến dụ gọi giặc, giặc liền sợ hãi, phe đảng tan rã. Đem quân đến huyện Bình Thành cũ, giặc lại tan chạy. Tỉ Năng thu nhặt quân kị lại, đến phía bắc biên ải Bình Châu, Chiêu bèn đi lên đến đánh, chém nhiều đầu giặc. Chiêu cho rằng giặc Thục là Gia Cát Lượng nhiều lần ra đánh, mà Tỉ Năng lại giao hoạt, có thể qua lại với nhau, bèn dâng biểu xin phòng bị, người bàn cho là huyện ở xa, chưa ai tin vậy. Gặp lúc Lượng ra tại Kì Sơn, quả đúng sai sứ đến liên kết với Tỉ Năng. Tỉ Năng đến Thạch Thành quận Bắc Địa cũ, đầu đuôi qua lại nhau. Đế bèn hạ chiếu gọi Chiêu, sai tùy theo tình thế thích hợp mà đánh giặc. Bảy giờ Tỉ Năng đã về phía nam sa mạc, Chiêu bàn với Thứ sử Tất Chấp nói: “Giặc Hồ dời chuyển vô thường, nếu đem quân đuổi xa thì rút về không theo kịp. Nếu muốn đánh lên lại gặp khe núi hiểm trở, vận chuyển lương thực lại vất vả, nên sai quân giữ hai cửa ải Tân Hưng, Nhạn Môn, ra đóng quân ở Hình Bắc, ngoài thì vỗ về, trong thì cho quân làm ruộng, cất chứa lương thực, đợi đến thu đông ngựa béo thì hợp binh của châu quận, thừa lúc giặc khó khăn mà đánh dẹp, đánh tất thắng lớn. Chưa kịp thi hành, bị bệnh chết. Chiêu ở tại quân mười hai năm, oai phong lừng cỗi xa. Cái tài thống trị dân biên giới chỉ đứng sau Điền Dự, trăm họ nhớ ơn Chiêu. Lại có người quận Ngư Dương là Phó Dung cũng có tiếng tăm ở quận Nhạn Môn, nối nghiệp sau Chiêu, có công lao ở Liêu Đông vậy.

Con Chiêu là Gia nối tự. Con thứ là Hoằng, cũng dũng mãnh có phong thái của Chiêu, làm Lũng Tây Thái thú, theo Đặng Ngải đánh Thục có công, giữa năm Hàm Hi làm Chấn uy Tướng quân. Gia là người cùng mẹ với Tư đồ Lí Dận của nhà Tấn, chết sớm.

Xét Tân thư viết: Hoằng sau này làm Dương Châu, Lương Châu Thứ sử, cứng cỏi mà chết vì việc nước ở biên giới. Con Gia là Tú, tự Thành Thúc.

Kí Châu Kí của Tuân Xước viết: Tú có tài năng, tính lại hào hiệp, tuổi trẻ đã có tiếng tốt, vào giữa năm Thái Khang được bọn Vệ Quán, Thôi Hồng, Thạch Sùng tiến cử, từ chức Tân An Lệnh Bác sĩ làm Tư không Tòng sự

Trung lang, khinh ghét nhau với cậu của Đế là Hoàng môn Thị lang Vương Khải. Khải sai Tư lệ Tuân Khải lệnh Đô quan tâu vu không Tú buổi đêm thông dâm với vợ của Cao Bình Quốc Thúc sĩ Điền Hưng. Tú liền dâng biểu kể rõ nguyên nhân mình bị vu không, nói rằng Khải làm việc như bản, lời lẽ rất hay đẹp. Bảy giờ đầu có nhiều bày tỏ chứng minh, nhưng tiếng tăm của Tú do đó cũng bị tổn hại. Sau đó Trương Hoa xin làm Trưởng sử, dần dần làm đến Thượng thư. Hà Gian Vương lấy Tú làm Bình bắc Tướng quân, Giả tiết, bị hại tại quận Phùng Dục. Người đời khen thơ phú của Tú, tiếc tài cán của Tú.

TRUYỆN QUÁCH HOÀI

Quách Hoài tự Bá Tế, người huyện Dương Khúc quận Thái Nguyên.

Xét Quách thị phả viết: Ông tổ của Hoài là Toàn, làm Đại Tư nông; cha là Ôn, làm Nhạn Môn Thái thú.

Giữa năm Kiến An cử Hiếu liêm, cho làm Bình Nguyên Phủ thừa. Lúc Văn Đế làm Ngũ quan tướng, làm Môn hạ Tặc tào⁽⁹⁾, lại chuyên làm Thừa tướng Binh tào nghị Lệnh sử, theo đi đánh Hán Trung. Thái Tổ về, giữ Chinh tây Tướng quân Hạ Hầu Uyên ở lại chống Lưu Bị, lấy Hoài làm Tư mã của Uyên. Uyên đánh với Bị, bấy giờ Hoài mắc bệnh không đi. Uyên bị hại, trong quân rối loạn, Hoài thu gom quân sĩ tản mát, bầu Đãng khấu Tướng quân Trương Cáp làm tướng quân, các trại mới yên. Ngày hôm sau, Bị muốn vượt sông Hán đến đánh. Các tướng bàn rằng quân mình ít khó địch, vả lại Bị đang thừa thắng, bèn muốn dựa vào sông bày trận để chống. Hoài nói: “Đây là chỗ yếu và không đủ sức để chống địch, kế sai vậy. Không bằng rời xa sông bày trận, dụ địch đi đến, nửa quân qua sông rồi quay lại đánh, mới phá được Bị”. Bày trận xong, Bị nghi ngờ, không vượt sông, Hoài bèn giữ vững, tỏ ý không muốn rút quân về. Kể tình trạng báo lên, Thái Tổ khen kế ấy, ban Giả tiết cho Cáp, lại lấy Hoài làm Tư mã. Văn Đế lên ngôi Vương, ban tước Quan nội hầu, chuyên làm Trấn tây Tướng quân, lại giữ chức Chinh Khương Hộ quân, giúp Tả Tướng quân Trương Cáp, Quán quân Tướng quân Dương Thu đánh giặc núi là bọn người Hồ làm phản ở Trịnh Cam, Lô Thủy, đều phá bình chúng. Quan Trung mới định, dân được yên ổn làm việc.

Năm Hoàng Sơ thứ nhất, vâng lệnh về chúc mừng Văn Đế lên ngôi, mà trên đường bị bệnh, cho nên gần xa phải chờ đợi. Lúc bấy giờ dự hội vui vẻ, Đế nghiêm mặt trách Hoài nói: “Ngày xưa vua Vũ hội chư hầu ở Đồi Sơn, Phòng Phong đến muộn, bị xử tội chết. Nay thiên hạ cùng đến chúc mừng mà khanh đến muộn nhất, sao vậy”? Hoài đáp nói: “Thần nghe nói Ngũ Đế lấy đức để dạy dỗ dân, chính sự của nhà Hạ Hậu⁽¹⁰⁾ suy kém mới dùng hình phạt. Nay thần gặp được thời Đường Ngu⁽¹¹⁾, cho nên tự biết rằng được tha tội chết của Phòng Phong vậy”. Đế khen lời này, cho làm Ung Châu Thứ sử, phong Xạ Dương Đình Hầu. Giữ chức năm năm, cử sủng người Khương huyện An Định là Tích Phiếm làm phản, đánh phá bắt hàng hắn. Hễ người Khương, người Hồ đến hàng, Hoài liền sai người thăm hỏi người thân, bao nhiêu trai gái, năm tuổi già trẻ của họ trước; cho nên lúc gặp, nói một hai điều ấy cho họ nghe, hỏi han cẩn kẽ, họ đều khen là thần minh.

Năm Thái Hòa thứ hai, Thừa tướng Thục là Gia Cát Lượng ra Kỳ Sơn, sai Tướng quân Mã Tắc đến Nhai Đình, sai Cao Tường đóng quân ở thành Liệt

Liều. Trương Cáp đánh Tắc, Hoài đánh trại của Tường, đều phá được. Lại phá thủ lĩnh người Khương quận Lũng Tây là Đường Phiếm ở Bào Hãn, bái thêm chức Kiên uy Tướng quân. Năm thứ năm, quân Thục lại ra Lỗ Thành, bấy giờ miền Lũng Hữu không có lúa, mọi người bàn muốn chở lương từ miền Quan Trung đến, Hoài lấy ân uy vỗ về người Khương, Hồ, khiến cho họ đem lúa ra, giúp việc chuyên chở được yên, lương quân đủ dùng, chuyên làm Dương vũ Tướng quân. Năm Thanh Long thứ hai, Gia Cát Lượng ra hang Tà Cốc, lại làm ruộng ở vùng Lan Khanh, bấy giờ Tư Mã Tuyên Vương đóng quân ở bờ nam sông Vị; Hoài tính Lượng tất tranh bãi Bắc Nguyên, nên chiếm lấy trước, nhiều người bàn là không nên. Hoài nói: “Nếu Lượng vượt sông Vị lên bãi, đóng quân liên tiếp ở Bắc Sơn, chặn ngang đường Lũng Đạo, vỗ về người Di, đây không phải là điều lợi của nhà nước vậy”. Tuyên Vương khen lời ấy, Hoài bèn đóng quân ở bãi Bắc Nguyên, đắp lũy chưa xong, đại quân Thục đã kéo đến, Hoài đón đánh chúng. Mấy ngày sau, Lượng đem nhiều quân đi về phía tây, các tướng đều cho rằng Lượng muốn đánh lũy phía tây, riêng Hoài cho rằng Lượng tỏ vẻ đến phía tây, muốn khiến cho quan quân kéo đến ứng cứu chỗ ấy, tất muốn đánh bờ bắc sông mà thôi. Buổi đêm ấy, quả đúng Lượng đánh bờ bắc sông, nhưng có phòng bị nên không lên bờ được.

Năm Chính Thủy thứ nhất, tướng Thục là Khương Duy ra Lũng Tây. Hoài liền tiến quân, đuổi đến Cường Trung, Duy rút chạy, bèn đánh người Khương là bọn Mê Đương, vỗ về hơn ba nghìn người Đê ở huyện Nhu, dời đến mở mang miền Quan Trung. Chuyên làm Tả Tướng quân. Người Hồ theo đạo Hưu Đồ⁽¹²⁾ ở Lương Châu là bọn Lương Nguyên Bích đem hơn hai nghìn nhà của bộ lạc mình đến nương nhờ ở Ung Châu, Hoài tâu xin sai họ đến ở tại ấp An Bình của huyện An Định, làm dân giữ biên ải, sau nhân đó đặt chức Tây Châu Đô úy. Chuyên làm Tiền Tướng quân, trông coi châu như cũ.

Năm thứ năm, Hạ Hầu Huyền đánh Thục, Hoài đem các quân làm tiên phong. Hoài tính thế không được lợi, liền rút quân về, cho nên không bị thua to. Về, ban Giả tiết cho Hoài. Năm thứ tám, người Khương ở Lũng Tây, Nam An, Kim Thành, Tây Bình là bọn Nga Hà, Thiệu Qua, Nga Già liên kết với nhau làm phản, vây đánh thành ấp, phía nam mời gọi quân Thục, thủ lĩnh người Hồ ở Lương Châu là Trị Vô Đái cùng ứng theo chúng. Thảo Thục Hộ quân Hạ Hầu Bá đem các quân đóng trại ở Vi Sí. Hoài đem quân vừa đến Dịch Đạo, các tướng bàn rằng nên đánh chiếm Bào Hãn trước, trong dịp người Khương ác, ngoài bề gây mưu của giặc. Hoài tính Duy tất đến đánh Bá, bèn vào Phong Trung, về phía nam để đón Bá. Quả đúng Duy đánh Vi Sí, kịp lúc quân của Hoài vừa đến, Duy rút về. Đến đánh người Khương phản loạn, chém Nga Hà, Thiệu Qua, hơn vạn nhà hàng phục. Năm thứ chín,

bọn Già Tắc đóng quân ở thành cũ Hà Quan, Bạch Thổ, dựa vào sông để chống quan quân. Hoài vờ đến đầu nguồn, ngầm đem quân xuôi xuống chiếm thành Bạch Thổ, đánh, đại phá chúng. Trị Vô Đái vây Vũ Uy, để người nhà ở tại Tây Hải. Hoài đem quân hãm Tây Hải, muốn bắt lấy người nhà của hắn, vừa gặp Trị Vô Đái quay về, đánh với nhau ở phía bắc huyện Long Di, phá đuổi hắn. Sai đem hết giặc ác đến ở tại phía tây núi Thạch Đầu, đang trên đường đi thì dừng lại, ngăn chặn sứ giả của Nhà vua, Hoài quay về đánh, đại phá chúng. Khương Duy ra Thạch Doanh, từ Cường Xuyên đi về phía tây đón Trị Vô Đái, để Âm Bình Thái thú Liêu Hóa đắp thành ở núi Thành Trùng, thu nạp quân Khương bị phá về giữ ở đấy. Hoài muốn chia quân đi đánh lấy. Các tướng cho rằng quân của Duy đến phía tây liên kết với người Hồ mạnh, mà quân của Hóa lại giữ chỗ hiểm, nếu chia quân giữ hai bên, thế quân sẽ bị yếu, đi không ngăn được Duy, lui không chống được Hóa, là kẻ sai vậy, không bằng hợp lại cùng đi về phía tây, nhân lúc người Hồ, Thục chưa liên kết, ngăn chặn trong ngoài của chúng, đây là phá thế giao kết của giặc vậy. Hoài nói: “Nay đến đánh lấy quân của Hóa, ra chỗ giặc không ngờ, Duy tất ngoảnh lại cứu. Nếu Duy tự đến, đủ để dẹp được quân của Hóa, lại khiến cho Duy chạy đi vất vả. Như thế quân ta không cần phải đi xa về phía tây mà thế giao kết với người Hồ của giặc tự phá, là kế một lần đánh mà vẹn toàn hai việc”. Rồi sai riêng bọn Hạ Hầu Bá đuổi Duy ở Đạp Trung, Hoài tự đem các quân đến đánh bọn Hóa. Duy quả nhiên đi nhanh về cứu Hóa, đều như kế của Hoài. Tiến phong Đô Hương Hầu.

Năm Gia Bình thứ nhất, chuyên làm Chinh tây Tướng quân, đô đốc việc quân của miền Ung, Lương. Năm đó, cùng bày kế với Ung Châu Thứ sử Trần Thái, bắt hàng bọn Nha môn tướng Câu An của Thục ở Sí Thượng. Năm thứ hai, hạ chiếu nói: “Xưa có trận Hán Xuyên, gần như bị nghiêng lật. Hoài xông vào nơi nguy khốn để cứu nạn, ghi công vào Vương phủ⁽¹³⁾. Ở tại Quan Hữ hơn ba mươi năm, ngoài đánh dẹp giặc cướp, trong vỗ về người Di. Từ đó đến nay, đập tan Liêu Hóa, bắt giữ Câu An, công lao sáng rõ, trăm rất khen ngợi. Nay lấy Hoài làm Xa kị Tướng quân, Nghi đồng Tam ti, Trì tiết, Đô đốc như cũ”. Tiến phong Dương Khúc Hầu, thực ấp có hai nghìn bảy trăm tám mươi hộ, chia ba trăm hộ phong một người con làm Đình Hầu.

Thế ngữ viết: Vợ Hoài là em gái Vương Lăng. Lăng bị giết, em gái phải bị tội theo, quan Ngự sử đến bắt, quan Đốc tướng cùng mấy nghìn cừ súy người Khương, Hồ rập đầu xin Hoài dâng biểu xin giữ vợ ở lại, Hoài không nghe. Vợ bị bắt đi trên đường, chẳng ai không khóc lóc, người người níu tay, muốn cướp giữ lại. Năm con của Hoài rập đầu chảy máu xin Hoài, Hoài không nỡ đứng nhìn, bèn sai tả hữu theo vợ. Do đó mấy nghìn quân kị đuổi theo, mấy ngày sau mới đưa về. Hoài gửi thư cho Tư Mã Tuyên Vương nói: “Năm người con thương mẹ, chẳng ai tiếc thân mình; nếu không còn mẹ thì

không còn năm người con, cũng không còn Hoài nữa. Nay liền đuổi theo đem về, nếu chẳng hợp với luật pháp thì đáng bị chủ phạt tội, sẽ đến hầu đợi phạt tội”. Thư đến, Tuyên Vương cũng tha cho.

Năm Chính Nguyên thứ hai, hoẵng, truy tặng chức Đại Tướng quân, thụy là Trinh Hâu. Con là Thống nổi tự. Thống làm đến Kinh Châu Thứ sử, hoẵng, con là Chính nổi tự. Giữa năm Hàm Hi, lập ra năm bậc tước⁽¹⁴⁾, vì Hoài có công với triều trước, đổi phong làm Phần Dương Tử.

Tấn chư công tán viết: Em Hoài là Phối, tự Trọng Nam, có tiếng tăm, làm đến Thành Dương Thái thú. Bùi Tú, Giả Sung đều làm rể của Phối. Con là Triễn, tự Thái Thư, có chí khí tài năng, làm qua các chức có công lao sáng rõ, cuối cùng làm Thái phó. Em thứ là Dự, tự Thái Ninh, làm Tướng quốc Tham quân, cũng nổi tiếng, chết sớm. Con gái gả cho Vương Diễn. Em Phối là Trấn, tự Quý Nam, làm Yết giả Bộc xạ. Con Trấn là Dịch, tự Thái Nghiệp. Khải sự của Sơn Đào khen Dịch trong sạch cao thượng, làm qua các chức Ung Châu Thứ sử, Thượng thư.

Bình nói: Mãn Sủng thẳng thẳng cứng cỏi, dũng mà có mưu. Điền Dự giữ thân trong sạch, mưu lược sáng suốt. Khiên Chiêu mạnh mẽ giữ nghĩa, uy phong hiện rõ. Quách Hoài bày kế tinh tường, bao trùm miền Tần, Ung. Nhưng Dự làm quan chỉ ở châu nhỏ, Chiêu cuối cùng làm chức Quận thú, chưa dùng hết tài của họ vậy.

[CHÚ THÍCH]

(1) Sông Hà: tức sông Hoàng Hà.

(2) Liêm Pha ăn khỏe, Mã Viện ngồi yên: Liêm Pha là tướng nước Triệu thời Chiến quốc, vua Triệu muốn dùng làm tướng chống quân Tần, vì lo Liêm Pha tuổi già nên sai sứ đến thử xem, Liêm Pha bèn ăn một đấu gạo, mười cân thịt trong một bữa, rồi mặc áo giáp lên ngựa chạy mấy vòng để tỏ rõ còn khỏe mạnh. Mã Viện là tướng nhà Hán, người Man ở Ngũ Khê làm loạn, Mã Viện bảy giờ đã già nhưng vẫn xin đi đánh, vua Hán sai thử, bèn lấy ngồi yên ngựa nắm cương mà cười để tỏ rõ mình còn khỏe mạnh. Đều là những tướng già ham đánh trận lập công thời xưa.

(3) Hành Phủ, Sái Tôn: Hành Phủ tức Quý Văn Tử, đại thần nước Lỗ thời Xuân thu, cẩn thận tiết kiệm. Sái Tôn là đại tướng thời Hán, lập nhiều công lao, cẩn thận tiết kiệm, nhà không có cửa thừa.

(4) Cao Quý Hương Công: tức Tào Mao, bảy giờ Tư Mã Văn Vương nắm chính sự, Tào Mao mưu diệt thế lực của họ Tư Mã, việc lộ, bị giết.

(5) Yên Lăng Hầu Chương: tức Tào Chương, con thứ của Tào Tháo, được phong tước Yên Lăng Hầu.

(6) Kế của quấy biên của Dự: là kế li gián, quấy rối sự liên kết của người Hồ của Điền Dự.

(7) Tây Môn Báo: người nước Ngụy thời Chiến quốc, có tài năng chính trị.

(8) Ngụy Giáng: người nước Tấn thời Xuân thu, đề ra chủ trương hòa thân với người Sơn Nhung phía bắc.

(9) Môn hạ Tặc tào: chức quan đặt ra từ thời Tây Hán, đến thời Tam quốc vẫn dùng, trông coi bọn giặc cướp.

(10) Hạ Hậu: chỉ vua Vũ lập ra nhà Hạ, còn gọi là họ Hạ Hậu.

(11) Đường Ngu: Đường tức Đào Đường, họ vua Nghiêu; Ngu tức Hữu Ngu, họ của vua Thuấn. Thời Đường Ngu là thời thiên hạ yên ổn.

(12) Đạo Hưu Đồ: sách xưa nói là đạo Phù Đồ, tức đạo Phật.

(13) Ghi công vào Vương phủ: ý nói ghi công vào sử sách trong phủ của Nhà vua.

(14) Năm bậc tước: tức năm bậc tước là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam.

QUYỂN 28 - VƯƠNG VÔ KHÂU GIA CÁT ĐẶNG CHUNG TRUYỆN

Vương Lăng, Vô Khâu Kiệm, Gia Cát Đản, Đường Tư, Đặng Ngải, Chung Hội

CHUNG HỘI LIỆT TRUYỆN

Chung Hội tự Sỹ Quý, người ở quận Dĩnh Xuyên huyện Trường Xã, là con út của quan Thái phó Chung Do. Vốn thông minh lanh lợi từ thừa nhỏ.

Hội vi kỳ mẫu truyện viết: “Phu nhân Trương thị, tự Xương Bô, là con một họ lớn ở Thái Nguyên, Thái phó Định Lăng là Thành Hầu lấy làm vợ. Phu nhân mất cả cha mẹ từ nhỏ, đến ở với gia đình Thành Hầu, tu thân đứng đắn, điều trái lẽ không theo, người trên kẻ dưới đều khen ngợi. Có người quý thiếp là Tôn thị, chuyên quyền lấn áp vợ cả, có ý muốn hại người hiền, mấy lần mỉa mai gièm pha không được. Tôn thị biện bác xảo trá, ngôn từ giáo hoạt biến không thành có, khiến mọi người chẳng ai thương. Đến khi có mang, tật ghen ghét đố kỵ còn hơn nữa, mới để thuốc vào đồ ăn, phu nhân bị trúng độc, ăn xong thổ hết ra, say lừ đừ đến mấy ngày. Có người nói rằng: ‘Sao chẳng nói việc ấy với tướng công?’ Đáp rằng: ‘Vợ lẽ tác quái, phá gia nguy quốc, xưa nay vẫn lấy đó làm tấm gương răn dạy. Ví như tướng công tin ta, trong các người ai biết rõ việc này? Kẻ kia trong bụng đã liệu được ta, rằng ta ắt hẳn sẽ nói ra, chắc chắn sẽ làm việc ấy trước ta; việc do kẻ kia nói ra, yên lặng mà xem chẳng khoái ý ư!’ Bèn phao tin rằng bị ốm không biết gì cả. Tôn thị quả nhiên nói với Thành Hầu rằng: ‘Thiếp mong sẽ có con trai, vì thế mới uống thuốc để sinh con trai, có kẻ để thuốc vào đồ ăn bảo rằng ấy là thuốc độc!’ Thành Hầu nói: ‘Uống thuốc sinh con trai là việc tốt, kẻ để thuốc vào đồ ăn là làm việc ám muội, chẳng có tính người vậy!’ Bèn tra hỏi người hầu, Tôn thị bởi lộ chuyện đắc tội bị đuổi ra ngoài. Thành Hầu hỏi phu nhân sao chẳng nói gì, phu nhân mới nói rõ việc ấy, Thành Hầu cả kinh, lại càng quý mến hơn. Năm Hoàng sơ thứ sáu, sinh được Hội, ân tình càng sâu nặng. Bởi Thành Hầu đã đuổi Tôn thị, mới lấy phu nhân thay vào ngôi chính thất của Giả thị.

Trung hộ quân Trương Tế từng luận xét rằng: “Cứ xem con mắt, đủ để biết người”. Năm Hội 5 tuổi, Do sai Hội đến hầu Tế, Tế thấy Hội rất kinh ngạc, nói: “Thật là người phi thường vậy.” Đến lúc Hội 30 tuổi, kiêm tài kỹ nghệ, mà học vấn uyên bác lịch duyệt thông tỏ điều lý, lại chuyên cần học tập suốt đêm ngày, bởi thế được thiên hạ khen ngợi. Năm Chính thủy trung, được lấy làm Bí thư lang, rồi đổi làm Thượng thư Trung thư thị lang.

Sách Thế Ngữ chép: Tư mã Cảnh vương sai Trung thư lệnh Ngưu Tùng làm tờ biểu, lúc trình lên lại không vừa ý, mới sai Tùng sửa lại. Để sửa theo ý Cảnh vương lúc bấy giờ, Tùng nghĩ hết lẽ cũng không sao làm nổi, trong bụng lo lắng, lộ ra nét mặt. Hội thấy Tùng có vẻ ưu tư, liền hỏi, Tùng cứ tình thật nói ra. Hội coi xem việc ấy, rồi sửa có 5 chữ. Tùng vui lòng ưng theo, đem trình Cảnh Vương, Vương nói: “Chẳng phải là người làm nổi, ai đã làm việc đó?” Tùng thưa: “Là Chung Hội. Thần cũng đã muốn sớm bẩm việc

này, bởi Hội hỏi thần rồi thẳng thần giúp cho, thần chẳng dám tham lam nhận lấy cái tài ấy”. Vương nói: “Ra thế, người này cần phải dùng vào việc lớn, có thể sai khiến được về sau đây.” Hội hỏi Tùng xem Vương có thuận theo không, Tùng nói: “Ngài học rộng uyên thâm, hiểu cùng mọi lẽ, chẳng chỗ nào không thấu đáo.” Hội bèn bỏ hết tân khách, nghỉ ngơi 10 ngày, mỗi sớm vào hầu, đến trống canh hai mới trở ra. Sau này, Vương có lần vỗ tay than rằng: “Áy mới thật là người có tài vương tá vậy!”

Tùng tự Thúc Mậu, người ở Trần Lưu, là cháu ngoại của Cửu Giang thái thú Biên Nhung. Tùng thuở nhỏ cũng có tài danh, Tư mã Tuyên vương đi chinh chiến ở Liêu Đông, Tuyên vương sai Tùng làm tờ hịch, lúc phá được giặc, cất nhắc lên làm Lộ Bố. Tùng theo về, Tuyên vương cho vời đến làm chức Duyệt, năm ấy Tùng 24 tuổi, sau lại thăng lên làm Trung thư lang, rồi làm đến chức Thái thú. Con Tùng là Tuấn, tự Hiền Hoằng, đời Tấn làm đến chức Đình Uý.

Thần Tùng Chi thấy Chung Hội danh là con nhà công hầu, lời ngợi khen rõ ràng từ rất sớm, trẻ tuổi đã được vào triều, trải ngôi vị quý hiền, Cảnh vương đứng đầu trăm quan, sao chẳng biết rõ, lại vì Ngu Tùng dâng biểu rồi sau mới nhờ đó mà biết đến hay sao? Ví thử việc lúc trước chẳng biết ai giúp, chỉ thấy năm chữ kia mà lại đoán rằng có thể dùng người ấy vào việc lớn, dẫn đến bậc thánh nhân cũng còn do dự, huống chi là Cảnh vương vậy?

Cao quý Hương công lên tức vị, Hội được ban tước Quan nội hầu.

Quán Khâu Kiệm dấy loạn, Đại tướng quân Tư mã Cảnh vương đông chinh, Hội theo trong quân, trông coi việc cơ mật, Vệ tướng quân Tư mã Văn vương cầm đại quân đi sau. Cảnh vương chết ở Hứa Xương, Văn Vương cầm đầu sáu lộ quân, Hội định mưu kế nơi màn trướng. Bấy giờ ở trên sai Thượng thư Phó Hồ đem sắc lệnh tới Đông Nam huyện Tân Định, yêu cầu Vệ tướng quân đóng binh tại Hứa Xương để chi viện trong ngoài, lệnh cho Hồ xuất lĩnh chư quân quay về. Hội cùng với Hồ bàn mưu, sai Hồ dâng biểu lên chúa thượng, rồi với Vệ tướng quân cùng khởi hành, lui về đến phía Nam sông Lạc đóng binh ở đó. Bởi thế triều đình phải bãi Văn Vương làm Đại tướng quân, cầm quyền phụ chính, Hội được thăng lên làm Hoàng môn Thị lang, tấn phong Đông vũ Đình hầu, được ăn lộc 300 hộ.

Năm Cam Lộ thứ hai, triều đình cho gọi Gia Cát Đản từ Thọ Xuân về triều làm Tư không, bấy giờ Hội đang chịu tang tại gia, liền gửi thư bạch với Văn Vương rằng Đản ắt hẳn không chịu phụng mệnh. Văn Vương bởi việc đã cho thi hành, không chịu đổi lại.

Kỳ mẫu truyện chép rằng: “Phụ nhân tính tình nhân ái mà nghiêm cẩn, chỉ lấy điều sáng suốt dạy con, Hội dầu còn bé, vẫn khuyên bảo rất ân cần. Năm Hội bốn tuổi đã dạy những điều hiểu thuận trong kinh sách, bảy tuổi cho đọc sách Luận Ngữ, lúc tám tuổi dạy đọc Kinh Thi, khi mười tuổi dạy xem Kinh

Thương thư, mười một tuổi học Kinh Dịch, mười hai tuổi đọc các sách Xuân thu Tả truyện-Quốc Ngữ, mười ba tuổi đọc Kinh Lễ-Lễ Ký, mười bốn tuổi đọc sách của Thành Hầu soạn ra, mười lăm tuổi cho vào nhà Thái học để được học hỏi những lời văn lạ cùng những điều giáo huấn ở khắp bốn phương. Lại bảo với Hội rằng: ‘Học nhiều một lúc ắt mỗi một, mỗi một sẽ sinh lười biếng; ta sợ mày sẽ lười biếng, nên giáo huấn mày dần dần, nay mày có thể tự học được rồi vậy.’

Hội rất thích đọc thư tịch, đã đọc hết Kinh thư, đặc biệt thích các sách Kinh Dịch, Lão tử, mỗi khi đọc kỹ đoạn Dịch mà đức Khổng Tử đã luận rằng: (nghe) tiếng chim kêu trong bóng râm, bậc quân tử khó nhọc mà nhún nhường, lễ vật dâng dùng cỏ trắng, chẳng nên ra khỏi cửa vườn, thường khiến Hội phải đọc đi đọc lại, nghĩ rằng: Dịch có hơn 300 hào, Trọng Ni giảng giải như thế, ấy là lấy sự nhún nhường để răn mình phải cẩn thận, đó là điều then chốt ban đầu, đã làm phải đến được chỗ cốt yếu, vinh thân chính từ đó mà ra, theo được đường lối ấy là đã vượt người ta, đủ để làm bậc quân tử vậy’.

Năm Chính Thủy thứ tám, Hội làm Thượng thư lang, phu nhân cầm tay Hội dạy rằng: ‘Mày mới 20 tuổi đã được xếp hàng vào châu, con người ta không biết thế nào cho đủ, phải cố suy xét kỹ để răn mình!’ Khi ấy Đại tướng quân Tào Sảng nắm quyền triều chính, suốt ngày đắm chìm trong men rượu, anh trai Hội là Dục làm Thị Trung vừa đi ăn yến về, nói việc ấy ra. Phu nhân bảo: ‘Tiếng nhạc vui mà nghe mãi, như thế khó được lâu bền. Ở ngôi cao mà không kiêu, biết kiềm chế cẩn thận, sau này mới không phải lo việc nguy nan. Nay xa xỉ quá độ lấn áp kẻ trên như thế, chẳng phải là con đường giữ ngôi phú quý lâu dài’.

Năm Gia Bình nguyên niên, xa giá đến Cao Bình lǎng, Hội làm Trung thư lang, cũng đi theo. Tướng quốc truyền cho Văn hầu khởi binh, mọi người lo sợ, mà phu nhân vẫn tự nhiên như không. Trung thư lệnh Lưu Phóng, Thị lang Vệ Quán, Hạ Hầu Hoà đang ở đó đều lấy làm lạ hỏi rằng: ‘Phu nhân cùng với con ở giữa chỗ nguy nan, sao lại không lo lắng gì cả?’ Đáp rằng: ‘Đại tướng quân xa xỉ vô độ, ta thường ngờ rằng sẽ chẳng được an lành. Thái phó vì nghĩa chẳng để quốc gia gặp nguy nan, ắt hẳn vì Đại tướng quân mà khởi binh vậy. Ta ở cạnh vua sao phải lo lắng? Và nghe tướng quân ra ngoài không mang theo nhiều quân, như thế chắc chắn không đánh nhau lâu được.’ Quả đúng như lời ấy, chúng đều khen là sáng suốt.

Hội coi việc cơ mật hơn chục năm, tham dự vào việc chính sự. Phu nhân nói rằng: ‘Khi trước con nhỏ của Phạm thị là Triệu Giản Tử bày kế đánh các nước để phù nhà Chu, việc ấy được lòng dân, có thể nói là khéo vậy. Nhưng bởi bà mẹ nhân việc ấy làm nhiều điều dối trá, nên hỏng cơ nghiệp vì việc mọn, vì thế chẳng thể tồn tại được lâu dài. Đã hiểu biết đến lẽ sâu xa, thì đâu

cần người bên cạnh phải nói ra, ta thường vui vì biết lẽ làm người. Mà y giữ lòng chính trực, thì ta khỏi phải lo lắng vậy. Những muốn mà y tu chí dần dần để giúp ích cho đời, chẳng nhọc với các bậc tiền nhân. Người ta thường nói rằng mọi sự đều theo lẽ tự nhiên, chỉ cốt gắng sức làm việc không mỗi mệt, bị người khác đè nén cũng cho là việc nhỏ. Dầu tiếp kẻ hèn mọn, cũng phải nói lời thủ tín. Biết giữ lấy lẽ phải, cần minh bạch rõ ràng'. Hỏi rằng: 'Thế không phải là tầm thường ư?' Đáp: 'Quân tử liệu việc, đều là gom nhặt cái nhỏ thành đại sự, xem việc thiện nhỏ vô ích mà chẳng làm, ấy mới là tiểu nhân vậy. Muốn tất cả mọi người phải tôn trọng và ngưỡng mộ mình, ta cho rằng chẳng phải là hay'.

Hội từ lúc nhỏ, y phục bất quá chỉ một màu, luôn làm việc nhà, tự biết cần kiệm. Biết việc phải quấy, ở chốn giàu sang mà nhún nhường. Hội trước sau được ban vàng lụa kể mấy trăm vạn, đều bỏ vào kho chung của gia đình để chi dụng, một chút cũng không lấy. Năm phu nhân 59 tuổi, nhằm năm Cam Lộ thứ hai tháng hai bị bạo bệnh chết. Khi an táng, thiên tử tự tay thảo chiếu, sai Đại tướng quân Cao Đô Hầu phúng tặng rất hậu, mọi việc tang lễ bất kể lớn nhỏ, đều chu cấp cho cả. Lại yêu cầu phu nhân của các bậc Công hầu, vợ các vương hầu, thê thiếp, đều phải gọi phu nhân là bậc mệnh phụ. Chiếu theo việc Thành Phong-Định Tự thời Xuân Thu, nên trọng điển lễ, không được gọi thẳng tên ra, mọi người đều phải gọi là Thành Hầu mệnh phụ. Việc chôn cất đã xong, lại theo phép xưa, đưa tặng đồ tế lễ."

Đến khi Đản làm phản, xa giá đóng ở Hạng Thành, Văn Vương đến Thọ Xuân, Hội lại đi theo.

Lúc trước, Đại tướng nước Ngô là Toàn Tông, được Tôn Quyền gả con gái cho nên nắm ngôi trọng thần, Con Tông là Dịch, cùng với bọn Toàn Doan, Toàn Phiên, Toàn Tập đều tiến binh lại để cứu Đản. Con của anh trai Dịch là Toàn Huy, Toàn Nghi đều ở lại Kiến Nghiệp, người trong nhà tranh giành kiện tụng nhau, dặt dứ mẹ già cùng bộ khúc mấy chục nhà vượt Trường Giang, đến theo hàng Văn Vương. Hội lập kế sách, bí mật giúp Nghi, Huy soạn một bức thư, sai Huy, Nghi cho người thân tín mang vào thành cho bọn Dịch, nói rằng chúa Ngô rất tức giận vì bọn Dịch không lấy nổi Thọ Xuân, đang muốn tru lục toàn gia tướng sĩ, chi bằng nên bỏ trốn. Bọn Dịch rất kinh hãi, bèn mở cửa thành phía Đông ra hàng, đều được phong thưởng rất hậu, bởi thế lòng người trong thành đều li tán cả. Thọ Xuân phá được, phần nhiều ở mưu của Hội, do vậy mà sự yêu mến của Chiêu với Hội ngày càng lớn, người bấy giờ đều gọi Hội là Trương Tử Phòng.

Quân lui về, thăng Hội làm Thái phó, Hội cố từ không nhận. Lại lấy Hội làm Trung lang ở phủ Đại tướng quân cai quản công việc, Hội dốc lòng gánh vác mọi sự. Bởi có công đánh dẹp Gia Cát Đản, Hội được tiến tước Trần hầu, lại nhún nhường không chịu nhận. Chiếu viết rằng: "Hội giữ việc binh

cơ, cùng tham dự vào kế sách, liệu địch chế thắng, có mưu lược mà nên công, được ân sủng lại nhún nhường, thành khẩn chối từ, chí bất khả đoạt. Người có công lại chẳng bận lòng, cô nhân cũng phải lấy làm kính trọng, thật đáng khen ngợi.” Rồi thăng Hội lên làm Tư mã Thái úy. Dầu Hội ở bên ngoài, thường vẫn giúp việc chính sự. Bọn Kê Khang bị giết, cũng đều là mưu của Hội cả.

Văn vương nhân vì Thục Đại tướng tướng quân Khương Duy luôn quấy nhiễu biên thủy, liệu rằng nước nhỏ dân nghèo, quân lực kiệt quệ, muốn cử đại binh đồ Thục. Chỉ có Hội cho rằng Thục có thể lấy được, đã sớm trù liệu địa hình, khảo luận thế sự.

Năm Cảnh Nguyên tam niên, mùa Đông, lấy Hội làm Trấn tây tướng quân, ban cho Giả tiết, đô đốc các việc quân sự ở Quan Trung. Văn vương ban sắc lệnh cho các châu Thanh, Từ, Duyện, Dự, Kinh, Dương đều phải chuẩn bị thuyền bè, lại hạ lệnh cho Đường Tư đóng các chiến thuyền cực lớn, bè ngoài làm bộ sẽ đánh nước Ngô.

Năm Cảnh Nguyên thứ tư, mùa Thu, hạ chiếu sai Đặng Ngải, Gia Cát Tự đều thống lĩnh chư quân ba vạn người, Ngải đến Cam Tùng, Đạp Trung cầm chân Duy, Tự tiến đến Vũ Nhai chặn đầu cầu cắt đứt đường về của Duy.

Hội thống lĩnh hơn chục vạn quân, chia đường theo lối Tà Cốc, Lạc Cốc xâm nhập. Trước tiên sai Nha môn tướng Hứa Nghi đi trước mở đường, Hội dẫn quân theo phía sau, tới Kiêu Xuyên, ngựa của Hội bị sa xuống hố, liền chém chết Nghi. Hứa Nghi là con trai Hứa Trử, có công với vương thất, tuy vậy vẫn không được tha. Ba quân nghe thấy thế, chẳng ai không kinh sợ. Thục lệnh cho ba quân giữ chắc thành trì, không được ra ứng chiến, lại lui về hai thành Hán, Lạc cố thủ.

Ngụy Hưng thái thú Lưu Khâm tiến đến Ngộ Cốc, chư quân mấy đạo cùng tiến, đến Hán Trung. Giám quân nước Thục là Vương Hàm giữ Lạc Thành, Hộ quân Trương Bản giữ Hán Thành, binh mã đều có 5.000 người. Hội sai Hộ quân Tuân Khải, Tiền tướng quân Lý Phụ mỗi người lĩnh một vạn quân, Khải vây hãm Hán Thành, Phụ vây Lạc Thành. Hội tiến theo lối tắt, tiến tới phía Tây cửa Dương An, sai người đến tế mộ Gia Cát Lượng. Lại sai Hộ quân Hồ Liệt tiến lên, công phá cửa quan, lấy được kho lương.

Khương Duy từ Đạp Trung quay về, đến Âm Bình, tập hợp quân sỹ, chạy tới cửa quan. Tới nơi, nghe tin cửa quan đã bị phá, liền lui binh về Bạch Thủy, cùng với Thục tướng Trương Dực, Liêu Hoá hợp binh giữ chặt cửa Kiếm Các chống cự Hội.

Hội gửi hịch cho tướng sỹ và dân chúng nước Thục rằng: “Từ khi nhà Hán suy vi, quốc gia tan vỡ, muôn dân lầm than, kỷ cương đứt mối. Thái tổ Vũ Hoàng đế thân võ thánh minh, ra tay dẹp loạn, cứu vớt sinh linh, gây dựng lại Hoa Hạ. Cao Tổ Văn Hoàng đế ứng mệnh trời thuận lòng người, nhận

mệnh lên ngôi đế. Liệt tổ Minh Hoàng đế sáng suốt lấy quốc gia làm trọng, kế thừa hồng nghiệp. Nhưng giang sơn biên ngoại, bỏ đường chính theo lối tục, chiếm đất thu dân không theo về vương hoá, vì thế ba tiên vương vẫn mang lòng di hận. Nay chủ thượng thánh đức cao vời, nối đức lớn của tiên nhân, dốc hết lòng trung giúp chúa, có công với vương thất, bày ra khuôn phép mà nghĩ đến việc ban ơn huệ với cư dân chốn biên thuỳ để giúp đỡ muôn bang, cảm hoá trăm họ người man khiến họ phải cung kính triều cống.

Tiếc cho Ba Thục, chẳng vì muôn dân, xót thương cho trăm họ nơi ấy, phải nhọc nhằn lao dịch không ngừng. Ta chịu mệnh cầm sáu quân, kính mệnh trời đánh dẹp, quân mã Chinh Tây, Ung Châu, Trấn Tây năm đạo cùng tiến. Việc hành quân từ xưa, vốn lấy nhân làm gốc, lấy nghĩa để trị; Bậc vương giả cầm quân, dẫn quân đi không cần phải đánh; Đời nhà Ngu, Thuần Vũ chỉ múa kiêu thích ⁽¹⁾ mà thu phục được người Miêu, Chu Vũ vương ban phát của cải, mở kho lương, dựng biểu văn để nêu tỏ việc nghĩa. Nay ta vâng mệnh trên đi đánh dẹp phương Tây, thống suất việc binh nhưng, bố cáo hịch văn này để nêu cao đạo nghĩa, lấy việc cứu giúp trăm họ mà truyền mệnh, chẳng muốn dùng võ lực để đánh đến cùng, mong chỉ một ngày nên chính đạo, bày tỏ mấy lời báo rõ sự an nguy, mong các người nghe rõ điều ta nói.

Tiên chủ ở Ích châu là bậc anh kiệt trên đời, sớm hưng binh nơi thảo dã, bị vấp ngã khôn cùng ở Từ-Ký, phải chịu mệnh làm tay chân của Lã Bố-Viên Thiệu, được Thái tổ giang tay cứu vớt, giúp cho ở ngôi tôn quý. Song giữa đường chia lìa, bởi không cùng chí hướng, sau này Gia Cát Khổng Minh luôn mưu toan lấy đất Tân Xuyên, Khương Bá Ước thường tiến ra Lũng Hữu, khuấy động vùng biên cảnh nước ta, ngấm ngấm nhiều loạn các tộc Đê-Khương, nhưng quốc gia đang có nhiều việc, chưa rảnh rỗi hội họp chư quân đi chinh phạt. Nay vùng biên cảnh đã thanh bình, bên trong không có việc, bây giờ chính là lúc phải dụng sức, muôn binh trông về một hướng, mà Ba Thục chỉ có một châu, lại phải chia binh chống giữ, nghĩ rằng khó ngăn nổi muôn quân thiên hạ.

Kể từ trận Đoạn Cốc-Hầu Hà bại binh thua lớn, nguyên khí bị tổn thương, không còn có thể dàn trận công nhiên đối địch. Lại từ bấy đến nay, trong nước chưa năm nào được yên ổn, khiến cho kẻ chinh chiến ở nơi xa mỗi mệ, khó có thể yên uỷ được lòng dân. Những điều ấy hầu hết các bậc hiền tài đều biết rõ vậy. Những việc Thục tướng bị cầm giữ ở đất Tân, Công Tôn Thuật ⁽²⁾ mất đầu về tay Hán, chín châu nối liền, giang sơn một họ. Các việc ấy những bậc hiền tài đều đã nghe vậy. Người sáng suốt biết được cái nguy lúc nó chưa thành hình, bậc trí giả tính được cái hoạ khi nó chưa xảy ra, ấy là việc Vi Tử bỏ nhà Thương, làm tân khách ở nhà Chu, Trần Bình phản Hạng Vũ, lập công cho nhà Hán. Há như thế chẳng thái bình vô sự hay sao, nhận bổng lộc chẳng chính đáng hay sao?

Nay quốc triều ân đức lớn lao như trời bể, ta vì đức lớn mà giúp chúa mở lòng khoan thứ, người sớm quy thuận sẽ được ra ơn, kẻ ngoan cố phải giết bỏ, người tốt thì được sống, kẻ ác ắt phải chết. Khi trước Ngô tướng là Tôn Nhất dẫn binh đến nương nhờ, nhận ngôi vị Thượng ti, phẩm trật khác thường. Văn Khâm-Đường Tư làm hại lớn cho nước, phản chúa làm kẻ cừu địch, lúc quay về vẫn được giữ việc binh nhung. Tư bị bức bách khôn cùng phải theo về, hai con Khâm quy hàng, đều được làm tướng quân, phong hầu cả; Tư còn được dự nghe việc quốc sự. Bọn Nhất đã khôn cùng phải theo mệnh, còn được ban ân sủng, hưởng chi những bậc hiền tài Ba Thục biết được cơ hội mà theo về! Tin rằng mọi người có thể lấy đó làm tấm gương soi rõ việc mất còn, bậc cao đạo nghĩ xa xôi, hãy nên theo lời xưa Vi Tử, thác thân theo con đường của Trần Bình, tất được hưởng phúc như cỏ nhân, ấy là điều đáng mừng cho con cháu, bách tính sỹ dân, nghiệp cũ được yên, kẻ làm ruộng chẳng lo mất ruộng, kẻ làm quan chẳng sợ mất ngôi, dứt bỏ mọi nguy như trứng chông, được mãi mãi yên lành hưởng phúc, há chẳng tốt đẹp hay sao! Còn như những kẻ sớm khuya rình rập, u mê làm lạc chẳng chịu hôi cải, khi đại binh tiến đến, ngọc đá nát tan, dầu có hôi hận, cũng không kịp nữa. Lợi hại bày tỏ đã rõ ràng, các người hãy tự tìm lấy phúc cho mình, mấy lời tuyên ra, khắp nơi đều đã biết.”

Đặng Ngải đuổi theo Khương Duy đến Âm Bình, kén chọn tinh binh, muốn theo lối Đức Dương Đình xâm nhập Giang Du, tiến về phía đông Đam Đạo đến thẳng Miên Trúc, sẽ nhanh chóng đến Thành Đô, đề nghị Gia Cát Tự cùng đi. Tự vốn dĩ đã nhận việc đón chặn Khương Duy, cho rằng đi về phía Tây không phải là chiếu mệnh ban đầu, bèn tiến quân lên phía trước nhằm hướng Bạch Thủy, hợp quân cùng với Hội. Hội sai Tướng quân Điền Chương từ Kiếm Các đi về phía Tây, nhằm thẳng hướng Giang Du. Đi chưa được trăm dặm, Chương phá được phục binh Thục ở Tam Giáo, Ngải liền thúc Chương tiến lên. Chương dẫn quân ruổi dài về phía trước. Quân của Hội và Tự đóng ở Kiếm Các, Hội muốn riêng nắm quyền quân chính, mật tâu lên trên rằng Tự hèn nhất không chịu tiến quân, bắt nhốt Tự vào xe tù đưa về (3). Quân lính đều thuộc quyền Hội, Hội tấn công Kiếm Các, không đánh được, phải lui binh, quân Thục cậy hiểm yếu chống giữ.

Ngải đến được Miên Trúc, đại chiến ở đây, chém được Gia Cát Chiêm. Bọn Duy hay tin Chiêm thua trận, liền khởi hết ba quân nhằm hướng Đông tiến về Ba quận. Hội bèn tiến quân đến Phù Thành, sai Hồ Liệt, Điền Tục, Bàng Hội cùng đuổi theo Duy. Ngải tiến quân về Thành Đô, Lưu Thiện đến tận chỗ Ngải xin hàng, phái sứ giả đến hạ sắc lệnh cho bọn Duy phải hàng Hội. Duy đến Thê huyện thuộc Quảng Hán, lệnh cho binh sỹ đều phải buông khí giới, theo thứ tự đi đến trạm quân của Hồ Liệt, lại theo con đường phía Đông đến hàng Hội.

Hội tâu lên bề trên rằng: “Bọn địch Khương Duy, Liêu Hoá, Trương Dực, Đông Quyết tránh cái chết trốn chạy, muốn đến Thành Đô. Thần lập tức sai Tư mã Hạ Hầu Hàm, Hộ quân Hồ Liệt vượt qua Kiếm Các, tiến ra Tân Đô, Đại Độ cắt đứt đường ở phía trước, lại cử Tham quân Viên Thanh Sam, tướng quân Cầu An đuổi theo ở phía sau, Tham quân Hoàng Phủ Khải, Tướng quân Vương Mãi từ phía nam Phù Thành tiến ra phía tả, thần đóng ở Phù Thành tạo thế đông tây tương hổ lẫn nhau. Bọn Duy còn nắm giữ quân kỵ bộ đến bốn năm vạn người, giáp đầy binh sắc, chiếm giữ những nơi hiểm yếu ở đất Xuyên, trong vòng mấy trăm dặm đầu đuôi nối tiếp nhau, chúng nương tựa vào đây, hướng cả về Tây. Thần đã sắc mệnh cho bọn Hàm, Khải sai chia binh đóng giữ các nơi, chằng lưới ở Quảng Hán, chặn đường chạy trốn ở phía Nam, cắt đường phía Tây đi Thành Đô, tuyệt lối xông về phương Bắc, bốn mặt tụ lại, đầu đuôi cùng tiến, mọi đường chạy đều đã bị cắt đứt, địch muốn trốn cũng không có đất. Thần lại chính tay viết thư đến dụ, mở con đường sống, bọn địch bị bức bách khôn khổ, mệnh cùng số tận, phải cởi giáp quăng đao, cúi mặt ra hàng, ấn thụ ⁽⁴⁾ kể hàng mấy vạn, của cải đồ dùng chất cao như núi.

Khi xưa Thuấn Vũ chỉ múa kiêu thích ⁽⁵⁾, mà người Miêu chịu phục tùng; đi chinh phạt mà không phải đánh, thì thịnh nghiệp đế vương. Lấy được vẹn nước địch là tối thượng, phá tan nước địch là thứ yếu; lấy được vẹn toàn quân đội của giặc là tối thượng, đánh tan quân địch là thứ yếu, dụng binh phải có phép tắc rõ ràng.

Bệ hạ ⁽⁶⁾ là bậc thánh đức, theo kịp những bậc vua hiền thuở trước, người phụ chính ⁽⁷⁾ sáng suốt trung trinh, sáng ngang với Chu Công Đán thừa xưa, mở đạo hiếu sinh, nên đánh dẹp kẻ có tội mà chẳng sát phạt, khác hẳn lẽ thường, với kẻ không chịu phục tùng thì dạy dỗ kịp thời, binh khí không cần vấy máu, khiến người ở xa vạn dặm đều phải ngợi ca, chín châu liền một cõi. Thần phụng thánh ý tuyên chiếu mệnh, nêu cao ân điển, tạm bỏ việc phu phen, khiến nhà nhà được yên vui, điều hoà thuế khoá, khiến việc sưu dịch được nới lỏng, thuận đức lễ để thu lấy rộng rãi lời khen, cũng là đường lối đổi thay thói tục, mà trăm họ hơn hờ, người người mừng vui, sau lại thêm phần chán, về nghĩa chẳng phải là trái lẽ.”

Hội lại cảm sỹ chúng không được cướp bóc ở trong cõi, muốn thừa hư dẫn dụ mọi người, lại làm nơi đón tiếp tướng sỹ xứ Thục, cùng với Duy tình nghĩa thăm thiết vô cùng.

Sách Thế Ngữ chép: Hạ Hầu Bá chạy vào Thục, Thục chúa hỏi: “Tư mã công có ý thế nào?” Phách thưa: “Vì đương thu xếp việc trong nhà, chưa lo gì đến việc ngoài.” Hỏi: “Tuấn sỹ ở kinh sư có ai?” Đáp rằng: “Có Chung Sỹ Quý, người ấy quản việc triều chính, là người mà Ngô-Thục phải lo lắng

vậy.”

Hán Tấn Xuân Thu chép: Khi trước, Hạ Hầu Bá hàng Thục, Khương Duy hỏi Bá rằng: “Tur Mã Ý nắm việc nước ở bên ấy, liệu có ý chinh phạt nơi nào chẳng?” Phách đáp: “Kẻ kia đương mưu gây dựng việc gia môn, chưa kịp lo việc bên ngoài. Có Chung Suỹ Quý là bậc trí giả, tuổi dầu còn trẻ, sau này sẽ làm Ngô-Thục phải lo lắng, nhưng nếu chẳng có người phi thường cũng chẳng thể dùng được vậy.” Sau đấy 15 năm Hội quả nhiên diệt Thục.

Xét lời Tập Tạc Xi nói về việc ấy, cũng chẳng khác những gì đã ghi chép lại, việc chọn dùng lời ở Thế Ngữ để phụ thêm vào ý vậy.

Tháng 12, chiếu viết rằng: “Hội đến đất giặc bẻ gãy địch quân, tiến lên không sợ địch mạnh, giam hãm thành trì, giăng lưới bủa vây. Khiến hào kiệt xứ Thục phải cúi mặt đầu hàng, mưu kế không thiếu sót điều gì, cất binh không cần bỏ nhiều công sức. Làm việc đây mưu toan, đi không cần phải đánh, một lần đánh toàn thắng, cõi ấy phải quy hàng. Bày kế định phương Tây, khiến đất biên ngoài được thanh bình. Nay lấy Hội là Tur đồ, tiến phong Huyện hầu, tăng thực ấp vạn hộ. Phong cho hai con làm Đình hầu, đều được hưởng thực ấp một ngàn hộ.”

Hội trong lòng có chí khác, nhân chuyện Đặng Ngải thừa chế chuyên quyền, mới mặt bạch lên trên rằng Ngải có ý làm phản, sách Thế Ngữ chép rằng: Hội tìm người khéo viết, ở Kiếm Các đòi Ngải chương biểu trình bày mọi việc, rồi thay đổi những lời ấy, thành những lời kiêu căng trái lẽ, hơn nữa lại tự khoe khoang công trạng. Lại huỷ những thư từ của Văn Vương hồi đáp, tự làm nên mối ngờ của Văn Vương về việc ấy. Vương liền hạ chiếu thư sai bắt Ngải nhốt vào tù xa. Tur mã Văn Vương sợ Ngải có thể không theo mệnh, sắc mệnh cho Hội tiến binh vào Thành Đô, Giám quân Vệ Quán đi ở phía trước Hội, lấy thủ bút của Văn Vương tuyên lệnh bảo rõ với quân của Ngải, quân của Ngải đều buông bỏ khí giới, Quán liền bắt Ngải nhốt vào xe tù.

Hội vốn chỉ kiêng dè có Ngải, Ngải đã bị cầm tù nên Hội rất thoả chí, một mình thống lĩnh đại quân, uy danh vang động phương Tây. Bởi Hội công danh cái thế, tự nghĩ chẳng thể dưới người khác, hơn nữa tướng khoẻ binh mạnh đều ở trong tay, bèn mưu phản. Muốn sai Khương Duy cùng các tướng Thục tiến binh ra Tà Cốc, Hội tự cầm đại quân theo ở phía sau. Khi đến Tràng An, sẽ hạ lệnh cho kỵ binh tiến theo đường bộ, bộ binh theo đường thuỷ xuôi dòng sông Vị tiến đến, chừng 5 ngày sẽ đến Mạnh Tân, cùng với quân kỵ hợp binh ở Lạc Dương, một sớm có thể yên định thiên hạ.

Hội nhận được thư của Văn Vương nói rằng: “Ta sợ rằng Đặng Ngải nghi ngờ không theo mệnh, nay sai Trung Hộ quân Giả Sung cầm vạn quân kỵ bộ theo lối tắt đến Tà Cốc, đóng binh ở Lạc Thành, ta thân cầm 10 vạn quân đóng ở Tràng An, sẽ tương kiến một ngày gần đây”. Hội được thư, lấy làm

kinh sợ gọi tả hữu đến nói nhỏ rằng: “Chỉ bắt Đặng Ngải, tướng quốc biết chỉ mình ta làm là đủ; nay cầm đại quân lại, tất đã biết ta có ý khác, nên phải nhanh chóng khởi binh. Việc nếu thành, ta có thể được cả thiên hạ; nếu việc chẳng nên, lui về giữ Thục Hán, cũng đủ làm Lưu Bị rồi. Ta từ ngày ở Hoài Nam tới đây, vạch kế sách không sai sót, bốn bề đều đã biết cả. Ta muốn chủ trì việc yên định như thế, được chăng!”

Hội lấy ngày hôm sau là rằm tháng giêng năm Cảnh Nguyên thứ năm, mời tất cả các quan tướng từ Hộ quân, Quận thú, Nha môn kỵ đốc trở lên cùng với các quan lại cũ nước Thục, làm lễ phát tang Thái hậu ở triều đường nước Thục. Nói thác ra rằng Thái hậu có di chiếu, sai Hội khởi binh phế bỏ Văn Vương, bảo với hết thầy mọi người ngồi đó, rồi sai mọi người bàn định, xong xuôi cùng biên tên và ký vào đó, lại đổi hết những tướng thân tín của mình cho thống lĩnh chư quân. Sau khi thỉnh ý bá quan, Hội bắt các tướng đều phải ở lại trong cung, cửa thành cung môn đều khoá hết cả, cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt. Bộ hạ dưới trướng của Hội là Khâu Kiến vốn là gia thuộc cũ của Hồ Liệt, được Liệt tiến cử với Văn vương, Hội xin cho đi theo bên mình, rất lấy làm quý mến. Kiến thương Liệt bị buộc tội, bầm với Hội, nên cho một thân binh được ra vào trong cung để mang đồ ăn thức thức uống cho các tướng, các nha môn theo phép đều do một người ấy mà thôi.

Liệt ngầm bảo với người thân binh nói giúp cho con mình ở ngoài được biết rằng: “Khâu Kiến mật nói với ta rằng các tướng bị giữ ở trong cung sẽ bị giết hết, Hội đã sai đào một cái hố lớn, để sẵn những vò cùng gậy lớn ở đó. Lại gọi mấy nghìn binh ở ngoài vào trong cung, tra vấn mọi người, bắt làm phản, người nào không theo sẽ dùng vò đập chết quăng xuống hố.” Ở các nha môn thân binh cũng đều nói lại như thế, trong một đêm mọi người truyền nhau tin ấy, khắp nơi sinh biến hết cả. Có người bảo Hội rằng: “Nên giết hết những người từ Nha môn kỵ đốc trở lên.” Hội do dự chưa quyết.

Đến trưa ngày mười tám, quân binh của Liệt gõ trống âm ỹ ngoài cửa cung, quân binh các nơi chẳng hẹn mà đều khua trống náo loạn ở bên ngoài, không cần thúc giục đều tới hết cả, tranh nhau xông lên trước hướng đến cổng thành. Bấy giờ Khương Duy đang phân phát những gậy lớn cho quân sỹ, có người thưa rằng ở bên ngoài có tiếng la rầm rĩ, lại có cả lửa cháy, chốc lát, lại nói rằng có nhiều binh sỹ đang chạy đến cửa thành. Hội cả kinh, bảo Duy rằng: “Binh sỹ kéo lại hẳn có ý muốn làm việc ác, làm sao bây giờ?” Duy nói: “Chỉ còn cách đánh mà thôi.” Hội liền sai lấy binh khí định giết hết các Nha môn Quận thú, mọi người ở trong cung lấy những chốt lớn để chống giữ các cửa, quân binh ra sức phá cửa, không phá được. Vụt chốc, quân ở ngoài cửa cung bắc thang trèo lên thành, có kẻ châm lửa đốt cháy mấy nhà trong cung, bọn sâu kiến [\(8\)](#) bên trong náo loạn hết cả lên, tên bắn ra xối xả như mưa rào, các Nha môn Quận thú đều phải dỡ mái leo lên nóc nhà trốn ra

ngoài, được binh tốt cứu thoát. Khương Duy dẫn Hội cùng tả hữu xông pha đánh giết, tự tay giết được năm sáu người, quân sỹ đánh nhau lộn bậy chém được Duy, rồi tranh nhau chạy đến giết Hội. Bấy giờ Hội mới có bốn mươi tuổi, tướng sỹ đánh nhau loạn xạ chết mất mấy trăm người.

Lúc trước, Ngải làm Thái úy, Hội làm Tư đồ, đều được cầm cờ tiết, đô đốc chư quân như nhau, đều chưa được thụ phong mà đã chết. Anh trai Hội là Dục, chết vào mùa Đông năm Cảnh Nguyên thứ tư, Hội thủy chung vẫn chưa biết mà hỏi đến. Con trai của anh Hội là Ung, cũng chết theo cùng với Hội, Hội lại nhận nuôi dưỡng mấy con nữa của anh mình là Nghị và Tuấn, bởi Hội làm phản, nên bọn ấy bị bắt hạ ngục, đương nằm chờ bị mang ra giết.

Tư mã Văn Vương dâng biểu lên Thiên tử, Thiên tử hạ chiếu rằng: “Tổ phụ bọn Tuấn là Do có công to, nối nhau ba đời, ngôi vị cực cao đến chức Thái ti ⁽⁹⁾, giúp chúa lập nhiều công lao, hưởng lộc miếu đình. Cha là Dục, đã trải các chức vụ trong ngoài, làm việc có tài năng dành được nhiều thành tích. Xưa kia nước Sở trị tội Tử Văn, mà chẳng giết chết Đâu thị để có người nối dõi. Nhà Tấn chép lại việc Thành Tuyên có lòng trung, nên còn dùng Triệu thị về sau. Bọn Hội, Ung có tội, mà đem diệt hết dòng dõi Diêu, Dục, ta rất lấy làm xót thương! Huynh đệ Tuấn riêng một người được tha thứ, được giữ quan tước như cũ. Chỉ có Nghị và Ung phải chịu tội chết.

Có người nói: Dục từng mật bẩm với Tư mã Văn Vương, nói rằng Hội cậy tài khó gánh được trách nhiệm lớn lao, chẳng nên chuyên dụng, vì thế mới rộng lòng tha thứ cho Tuấn. Hán Tấn Xuân Thu chép rằng: Văn vương khen lời ấy sáng suốt mà tỏ rõ lòng trung, cười bảo Dục rằng: “Theo như lời khanh nói, hẳn chẳng thể dùng đến cả người trong họ nữa hay sao!”

Khi trước, Văn vương muốn sai Hội đánh Thục, Tây tào chức Thiệu Đễ vào yết kiến vương, nói rằng: “Nay sai Chung Hội đốc xuất hơn chục vạn quân đánh Thục, Ngu thần cho rằng không nên để Hội một mình gánh vác việc lớn, chẳng bằng sai thêm mấy người cùng đi.” Văn vương cười nói: “Ta há lại chẳng biết hay sao? Nước Thục làm thiên hạ khốn khổ, khiến người dân chẳng được yên nghỉ, nay ta dẹp được là việc đã nắm chắc trong lòng bàn tay, mà chúng nhân đều nói là Thục không thể dẹp được. Người mà trong lòng nhút nhát ngờ sợ trí dũng suy kiệt, trí dũng suy kiệt mà miễn cưỡng sai khiến, đi cũng sẽ bị địch cầm giữ mà thôi. Chỉ có Chung Hội cùng đồng ý kiến, nay sai Hội phạt Thục, tất sẽ diệt xong Thục. Sau khi Thục bị diệt, tựa như điều khanh nghĩ đến, sao ta cần phải lo lắng nhỉ? Phạm đã thua quân thì tướng chẳng thể nói dũng, quốc gia bại vong thì đại phu chẳng thể nghĩ khôn, ruột gan đã tan nát ⁽¹⁰⁾ cố gắng sao được đây. Thục đã bị phá, dân còn sót lại tất kinh sợ, chẳng đủ để mưu toan việc; tướng sỹ Trung Quốc cũng đều nghĩ đến chuyện quay về, chẳng bằng lòng giúp Hội. Ví bằng làm

việc xấu, là tự rước lấy hoạ diệt tộc vậy. Khanh chẳng nên lo nghĩ như thế, người cũng chớ có để ai nghe được việc này nhé.”

Đến khi Hội bạch rằng Đặng Ngải không tuân theo phép nước, Văn Vương mới dẫn binh về phía Tây, Để lại nói: “Chung Hội làm thống soái, năm sáu lần vu tội cho Đặng Ngải, chỉ nên ra sắc mệnh cho Hội bắt Ngải, mình công chẳng cần phải thân chinh làm gì.” Văn Vương nói: “Khanh quên lời khanh đã nói lúc trước rồi sao, mà bảo rằng ta chẳng nên đi nhỉ? Dù có như vậy, việc ấy cũng chẳng nên tuyên bố rộng rãi. Ta những muốn lấy tín nghĩa đãi người, những người chẳng phụ ta, ta há nên sinh lòng kia khác trước họ! Một ngày gần đây, Giả hộ quân [\(11\)](#) đã hỏi ta rằng: ‘Minh công chẳng nghi ngờ Chung Hội sao?’ Ta đáp rằng: ‘Nếu ta sai người đi, ta cũng nghi ngờ người hay sao?’ Giả Sung cũng không thay đổi được lời ta đã nói. Khi ta tới Tràng An, tự khắc người sẽ biết cả.” Khi quân đến Tràng An, Hội quả nhiên đã chết, đều đúng như kế sách đã vạch lúc trước.

ĐẶNG NGẢI TRUYỆN

Đặng Ngải tự Sĩ Tái, người huyện Cức Dương quận Nghĩa Dương. Mồ côi cha từ nhỏ, lúc Thái tổ đánh Kinh Châu, Ngải chạy đến Nhữ Nam, tự làm ruộng nuôi thân. Năm 12 tuổi, Ngải theo mẹ đến Dĩnh Xuyên, có đọc một tấm văn bia cổ trên cái gò lớn, có câu rằng: “Văn tự có khuôn phép, ấy là hành vi của kẻ sỹ vậy”, (văn vi thể phạm, hành vi sĩ tắc) Ngải rất thích thú bèn lấy danh là Phạm, tự là Sĩ Tắc. Về sau họ hàng đều dùng tên ấy, việc đổi danh là vậy. Lúc Ngải làm Đô úy học sỹ, bởi tật nói lắp, không được cất nhắc lên làm cán tá (12), chỉ giữ chức trông coi đám nông dân cấy cây phạt cỏ. Có ông lão làm Đề lại là người đồng quận thương Ngải gia cảnh bần hàn, chu cấp cho rất hậu, Ngải cũng chẳng chịu cảm tạ. Mỗi khi đi đâu nhìn thấy núi cao đầm rộng, Ngải thường lấy tay đo vẽ chia thành bờ lũy lập quân doanh, người bấy giờ thấy thế đều cười chế nhạo. Sau này Ngải được làm chức Điền nông cương kỷ, rồi làm Thượng kế lại, bởi thế mới được tham kiến Thái úy Tư mã Tuyên Vương. Tuyên Vương lấy làm lạ, cho vời đến làm duýện (13), sau lại đổi cho làm Thượng thư lang.

Sách Thế ngữ chép: Lúc còn trẻ Đặng Ngải làm người giúp việc cho quan Điền Nông coi sóc việc chăn dân cùng với Thạch Bao khi ấy mới chừng 12, 13 tuổi. Bấy giờ quan Yết giả ở Dương Dịch là Quách Huyền Tín, có con là Quách Đản Nguyên được Vũ Đế dùng làm Giám quân. Vào giữa những năm Kiến An, bởi con nhỏ là Cát khởi binh làm loạn ở Hứa Đô, Huyền Tín phải chịu hình tại gia, vì thế Điền nông Tư mã mới cần tìm một người đánh xe, Ngải-Bao được chọn làm việc ấy, đánh xe đi được chừng hơn 10 dặm, thấy thành thực lắm, tỏ ý hài lòng, mới cho cả hai người cùng đi theo để giúp việc. Ngải sau này làm Điền nông Công tào, phụng mệnh đến chỗ Tuyên Vương, vì thế mới được Tuyên Vương biết đến, rồi sau này mới được cất nhắc lên.

Thời bấy giờ mùa màng tốt tươi, các loại sâu có hại chẳng có, triều đình phái Ngải đi qua đất Trần-Hạng về phía Đông đến Thọ Xuân. Ngải coi xem rồi nói: “Đất đai ở đây rất tốt mà thiếu nước, không tận dụng hết được địa lợi, nên cho đào một con kênh lớn, để dẫn nước về tưới tiêu cho đồng ruộng, như thế có thể tăng thêm được lương để nuôi quân, lại có thể lưu thông được theo đường thủy đạo”. Bèn đem việc khai sông ra bàn bạc với các quan và xin chỉ dụ về việc ấy. Lại dâng biểu rằng: “Xưa kia vì phá giặc Hoàng cân, nên mới lập ra đồn điền, tích trữ lương thực ở Hứa Đô hòng khống chế bốn phương. Nay tam phương đã định, việc binh lương chính là ở xứ Hoài Nam, mỗi khi cất đại quân chinh phạt ở nơi xa, quân sỹ vận chuyển binh lương chiếm đến quá nửa, công sức hao phí ỨC VẠN, cần phải lấy rất nhiều quân

dịch. Hai xứ Trần - Thái ở giữa thiên hạ, là đất tốt để cày cấy lấy lương thực nuôi quân, lại xét rằng xung quanh vùng Hứa Xương đều là ruộng cấy, cần phải khai thông thủy đạo để có thể xuôi được về Đông. Nay lệnh cho các xứ Hoài Bắc lấy 2 vạn lính thú, Hoài Nam 3 vạn lính, cứ hết 12 tháng quân dịch thì được nghỉ ngơi, luôn luôn phải có 4 vạn người, vừa cấy cày vừa tham gia khai thủy đạo. Đường thủy thông được thì mùa màng thu nhiều gấp ba lần lúc trước, tính trừ hết các phí tổn, mỗi năm thu về được hơn 500 vạn hộ lương để nuôi quân. Lấy số thừa ra ấy để tính việc nước Ngô, lo gì chẳng thắng được.” Tuyên Vương khen hay, liền cho thi hành việc ấy. Năm Chính Thủy thứ hai, cho khai rộng thủy đạo, mỗi khi các xứ phía Đông và Nam có việc, lại cất đại quân, cưỡi thuyền xuôi dòng mà xuống, khắp vùng Giang Hoài, nhờ có lương thực tích trữ ấy mà phần chân lên được, ấy là Ngải có sở kiến vậy.

Đến khi Ngải tham gia việc quân ở phía Tây, được thăng làm Nam An thái thú. Năm Gia Bình nguyên niên, cùng với Chinh Tây tướng quân Quách Hoài chống cự Thục tướng Khương Duy. Duy lui binh, Hoài muốn theo hướng Tây đánh vào đất của rợ Khương. Ngải nói: “Giặc lui về chưa xa, sợ rằng sẽ quay trở lại, ta nên chia quân chống giữ để phòng bị đánh bất ngờ”. Hoài bèn để Ngải đóng quân ở phía bắc Bạch thủy. Ba ngày sau, Duy sai Liêu Hoá tới đánh vào phía nam quân doanh của Ngải ở Bạch thủy. Ngải bảo với chư tướng rằng: “Binh sỹ của Duy nay mới quay lại, quân ta ít hơn địch, thế mà họ lại không vượt sông hoặc bắc cầu. Ấy là Duy sai Hoá cầm giữ ta ở đây, để ta không dám lui về. Duy ắt sẽ dẫn quân từ phía Đông lại để đánh úp lấy Thao Thành của ta vậy.” Thao Thành ở phía bờ Bắc sông, cách nơi Ngải đóng binh chừng 60 dặm. Ngay đêm ấy, Ngải ngầm thúc binh theo lối tắt đến đó, Duy quả nhiên vượt sông, còn Ngải đến được Thao Thành trước chống giữ ở đây, nên mới giữ được. Bởi công ấy mà Ngải được ban tước Quan nội hầu, thăng làm Thảo khấu tướng quân, sau lại đổi làm Thành Dương thái thú.

Lúc bấy giờ ở Tinh châu có Hữu hiền vương Lưu Báo gây việc can qua, Ngải tâu lên bèn trên rằng: “Nhưng Địch [\(14\)](#) là loại sài lang, chẳng thể lấy nghĩa mà thân gần được, khi mạnh họ tất xâm lấn gây hại, khi yếu sẽ nhờ vả nương tựa, từ trước tới nay giống Hiểm Duẫn [\(15\)](#) vốn là quân thảo khấu, Hán Cao tổ xưa đã phải xây thành để cự chúng. Mỗi khi quân Hung Nô cường thịnh, lại gây mối lo ghê gớm. Bởi lẽ Hiền Vu [\(16\)](#) ở ngoài biên trấn, không thuận theo thể chế của vương triều. Cần dẫn dụ họ đến tận cùng, khiến họ phải theo về. Như thế sẽ khiến người Khương Di quên mất gốc gác, hợp tan vô chủ. Được vậy thì Thiên Vu sẽ thuộc về Trung Quốc, vạn dặm nơi xa đều phục tùng vương pháp cả. Nay giúp cho Thiên Vu được tôn kính, đất biên ngoài ắt sợ uy mà dần dần phải coi trọng, như thế ắt quân Hồ Lỗ

chẳng thể không kinh hãi được. Thần nghe thấy tin Lưu Báo muốn chống đối với rợ Hồ, có thể sẽ tổn hại đến cả hai bên, làm chia rẽ hình thế trước đây. Vứt bỏ hết công quả rõ ràng của tiền triều, con cháu chẳng thể kế nghiệp, thiết nghĩ nên ban cho họ danh hiệu cao quý hơn nữa, khiến họ ở yên Nhận Môn quan. Chia rẽ địch quốc sẽ khiến họ bị suy yếu đi, đó là duy trì được công lao cũ, ấy mới là kế giữ vững biên cương lâu dài vậy.” Lại bày kế rằng: “Người dân Khương Hồ cũng như dân bản quốc, nên thay đổi cách đối xử với họ, khiến cho dân ấy biết trọng giáo hoá liêm sỉ, ắt sẽ dứt bỏ được đạo gian tà vậy”. Đại tướng quân Tư mã Cảnh vương mới lên giúp việc chính sự, rất khen ngợi và dùng kế sách ấy.

Khi Ngải được đổi chức làm Nhữ Nam thái thú, rất muốn tìm kiếm viên Đề lại đã hậu đãi mình lúc trước, thì người ấy chết đã lâu rồi, Ngải sai kẻ lại dưới quyền làm lễ cúng tế, lại cung phụng mẹ già người ấy và giúp cho con trai ông lão được làm chức lại. Ngải ở đó, cho khai khẩn ruộng hoang, quân dân vùng ấy đều phần chần.

Gia Cát Khác vây Hạp Phi-Tân Thành, không đánh được, phải lui về. Ngải nói với Cảnh vương rằng: “Tôn Quyền đã chết, Đại thần chưa đủ sức phụ chính, người Ngô vốn là danh tông đại tộc, mỗi người đều có đội quân riêng, nhờ cậy vào binh ấy mà tạo thế lực, đủ để sai dụng. Khác mới nắm việc quốc chính, mà bên trong không có người chủ trương, chẳng nghĩ đến việc phủ dụ người trên, giúp đỡ kẻ dưới để gây dựng căn cơ, lại ganh đua với bên ngoài, ngược đãi bá tánh, vắt kiệt sức dân, dốc sức đánh thành cướp đất, người chết kẻ hàng mấy vạn, rước lấy hoạ vào thân, ấy là Khác tự gây hoạ cho mình vậy. Xưa Tử Tư-Ngô Khởi-Thương Ưởng-Nhạc Nghị đều biết dốc lòng thờ chúa, thế mà lúc chủ chết vẫn phải vong thân. Huống chi Khác tài chẳng được như bốn người ấy, lại chẳng biết nghĩ đến hoạ lớn, việc vong bại có thể ngồi mà đợi được vậy”. Khác về nước, quả nhiên bị giết.

Ngải được đổi làm Duyện châu thứ sử, thêm chức Chấn uy tướng quân. Ngải dâng biểu lên bề trên rằng: “Quốc gia có biến, nghĩ rằng kẻ đi cây phải biết lo lắng, quốc phú ắt binh cường, binh cường ắt chiến thắng. Như thế thì người dân, chính là gốc của sự thành bại vậy. Đức Khổng Tử nói rằng: ‘Lương đủ nuôi quân, quân đủ để bảo vệ dân’ như thế thì lương thực chính là mối lo đầu tiên của binh gia vậy. Nếu như người trên không biết khuyến khích, ắt kẻ dưới chẳng khéo lo toan. Nay nếu xét công mà khen thưởng, sẽ khiến cho dân tích trữ được nhiều lương thực mà giàu có, ắt việc rong chơi sẽ dứt, sự phù phiếm sẽ phải tuyệt đường vậy”.

Cao Quý hương công ⁽¹⁷⁾ lên tức vị, Ngải được tiến phong làm Nghi thành Đình hầu. Vô Kỳ Kiệm (Khâu Kiệm) dấy loạn, sai lính mang thư tới chỗ Ngải, khiến binh sĩ xôn xao, Ngải chém sứ giả, thúc quân tiến lên, trước tiên

đến thành Nhạc Gia, cho bắc cầu để vượt sông. Tư mã Cảnh vương đến, đóng quân ở đó. Văn Khâm sau bị đại quân đánh bại ở Hạng Thành, Ngải đuổi theo đến tận Khâu Đầu. Khâm chạy sang Ngô. Đại tướng quân nước Ngô là Tôn Tuấn đốc xuất hơn chục vạn quân, vượt Đại Giang, Trấn Đông tướng quân Gia Cát Đản sai Ngải đóng quân ở Phì Dương, Ngải sớm liệu thế địch, xét thấy đất ấy chẳng phải nơi trọng yếu, liền dời đến đóng quân ở Phụ Đình, sai Thái thú Thái Sơn là Gia Cát Tự đến Lê Tương đánh địch, địch phải bỏ chạy. Năm ấy Ngải được bái làm Trường thủy Thái úy. Bởi có công lao trong việc phá được Văn Khâm, Ngải được tiến phong làm Thành Hương hầu, hành An Tây tướng quân (18). Triều đình sai đến giúp Ung Châu thứ sử Vương Kinh đang bị vây hãm ở Địch Đạo, Khương Duy phải lui binh về đóng ở Chung Đê, triều đình lại lấy Ngải làm An Tây tướng quân, ban cho Giả Tiết, lĩnh chức Đông Khương Thái Úy.

Bấy giờ đa phần đều bàn rằng Duy binh lực đã kiệt, không thể ra quân được nữa. Ngải nói rằng: “Ta thua trận ở Thao Tây, tổn hại không phải nhỏ, quân tan tướng chết, kho đụn rỗng không, trăm họ li tán, quốc gia nguy nan. Nay xét kỹ thì thấy rằng, họ vẫn ở thế thắng, ta kỳ thực đang ở thế thua, đó là lẽ thứ nhất. Bên kia quân tướng luyện tập cùng nhau đã lâu, ngũ binh bền sắc, bên ta đổi tướng thay binh liên tục, khí trượng chưa thuần thực, ấy là lẽ thứ hai. Họ đi thuyền, ta đi bộ, sự khó nhọc nhàn nhã khác nhau, là lẽ thứ ba. Các xứ Địch Đạo, Lũng Tây, Nam An, Kỳ Sơn đều là đất chiến thủ, bên kia chỉ cần tiến ra một mặt, ta phải chia binh giữ cả bốn phía, ấy là lẽ thứ tư. Địch ra các xứ Nam An, Lũng Tây, có sẵn thóc gạo của người Khương mà ăn, nếu ra Kỳ Sơn, có cả nghìn thửa lúa mạch vừa chín tới, lấy lương đó để mà chi dụng, ấy là năm lẽ. Kẻ địch tất sáng suốt tất tính được như thế, ắt sẽ lại ra nữa vậy.” Không bao lâu, Duy quả nhiên lại tiến ra Kỳ Sơn, nghe tin Ngải đã có phòng bị rồi, bèn đi tắt theo lối Đông Đình tới Nam An, Ngải đóng binh chống giữ ở Vũ Thành Sơn. Duy đầu quân với Ngải tranh chiếm nơi đất hiểm, không hạ được, ngay đêm ấy, Duy vượt sông Vị hướng về Đông, men núi tiến đến Thượng Nhai, Ngải đại chiến với Duy ở Đoạn Cốc, thắng lớn ở đấy.

Năm Cam Lộ nguyên niên, triều đình gửi chiếu khen Ngải rằng: “Nghịch tặc Khương Duy cậy tài nông công liền năm đánh phá, khiến người Di bị quấy nhiễu, đất phương Tây chẳng được yên bình. Ngải trừ liệu lo toan giữ được nơi ấy, trung dũng hơn người, chém được mười tướng địch, dâng hơn nghìn đầu giặc; khiến oai danh bản quốc chấn động khắp xứ Ba Thục, tiếng tăm vang dậy khắp từ Đại Giang đến vùng Mân Triết. Nay lấy Ngải làm Trấn Tây tướng quân, đô đốc nắm giữ việc quân sự ở Lũng Hữu, tiến phong tước là Đặng hầu. Cho được ăn lộc 500 hộ, ban cho con Ngải là Trung tước Đình hầu”.

Năm Cam Lộ thứ hai, Ngải chống đánh Khương Duy ở Trường Thành, Duy phải lui binh. Ngải lại được đổi làm Chinh Tây tướng quân, trước sau được ban thêm sáu ấp ăn lộc 6.600 hộ. Năm Cảnh Nguyên thứ ba, Ngải lại phá được Duy ở thành Hầu Hà, Duy lui về giữ Đạp Trung.

Mùa thu năm Cảnh Nguyên thứ tư, triều đình xuống chiếu lệnh cho ba quân phạt Thục, Đại tướng quân Tư mã Văn vương nhận chỉ dụ điều tiết mọi mặt, Chiêu sai Ngải cầm giữ quân của Duy; Ung châu thứ sử Gia Cát Tự đón bắt Duy. Ngải phái Thiên Thủy thái thú Vương Kỳ đánh trực diện vào doanh lũy của Duy, Lũng Tây thái thú Khiêm Hoảng đón lõng Duy ở mặt trước, còn Kim Thành thái thú Dương Hân tiến thẳng đến Cam Tùng. Duy nghe tin đại quân của Chung Hội đã xâm nhập vào Hán Trung, mới dẫn quân lui về giữ. Bọn Hân gấp rút đuổi theo Duy đến Xuyên khẩu, đại chiến ở đấy, Duy thua trận bỏ chạy. Lại nghe đồn rằng quân Ung Châu đã đóng giữ chiếm đầu cầu, Duy mới theo cửa Hàm Cốc tiến thẳng về Bắc, có ý tiến ra lấy Ung Châu. Gia Cát Tự thấy thế, vội vã lui về 30 dặm. Duy tiến về Bắc được 30 dặm, nghe tin Tự đã lui quân, liền quay lại, vượt qua bên kia cầu Âm Bình, Tự đuổi theo đánh Duy, hết ngày vẫn không đuổi kịp. Duy kéo quân về phía Đông, lui giữ cửa Kiếm Các. Chung Hội tấn công Duy không sao thắng được.

Ngải dâng biểu lên bệ trên rằng: “Nay quân giặc đã bị bẻ gãy, nên nhân cơ hội này, dẫn quân theo lối Âm Bình men đường hẻm vượt qua Đức Dương Đình tiến tới Phù Thành, nơi đó cách Kiếm Các về phía Tây chừng 100 dặm, tiến về Thành Đô cũng có 300 dặm. Kỳ binh của ta đã đóng ở đó, quân địch đang giữ ở Kiếm Các tất phải lui về cứu Phù Thành, ắt Hội sẽ rộng đường mà tiến; bằng như quân ở Kiếm Các chẳng lui về, ắt quân giữ ở Phù Thành sẽ đơn độc. Ở Binh pháp, thiên Quân Chí có nói rằng: ‘Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý’. Nay nên giấu kín ngay việc ấy, phá địch ắt chỉ có như thế thôi vậy.”

Mùa Đông tháng 10, Ngải từ Âm Bình tiến sâu vào đất không dấu chân người đến hơn 700 dặm, đào núi mở đường, xây cầu bắc ván. Núi cao vực sâu, tận cùng gian hiểm, lại còn lương thực mang theo chẳng đủ dùng, mỗi nguy nan luôn rình rập. Ngải quân chặn khắp mình, lăn từ trên cao xuống. Tướng sĩ đều vin cây bám chặt vào vách núi, dính liền nhau như xâu cá, cứ thế mà tiến. Khi Ngải tiến quân đến Giang Du, Thục tướng là Mã Mặc ra hàng. Vệ tướng quân nhà Thục là Gia Cát Chiêm từ Phù Thành lui về Miên Trúc, bày trận đợi Ngải ở đó. Ngải phái con yêu là Đình hầu Đặng Trung tiến ra mé hữu, Tư mã Sư Toản tiến ra mé tả đón đánh Chiêm. Trung, Toản đánh nhau không được lợi, đều phải lui binh về, bảm với Ngải rằng: “Giặc chưa thể đánh được trong lúc này”. Ngải nổi giận mắng: “Cái lẽ được mất đã rõ ràng rồi, chỉ một lần này là xong việc, sao không biết gắng hết sức?” Lại

quát mắng bọn Trung-Toản, muốn chém. Trung-Toản vội quay lại đánh tiếp, phá được quân Thục, chém chết Chiêm và quan Thượng thư Trương Tuân (19) cắt lấy đầu, rồi tiến quân đến lấy Lạc Thành. Lưu Thiện phái sứ giả đem dâng nộp tử thụ Hoàng đế cho Ngải và xin hàng.

Ngải đến Thành Đô, Thiện đem Thái tử và các vương hầu cùng quần thần hơn sáu chục người cúi mặt khiêng áo quan đến quân môn chịu tội, Ngải cởi trói dỡ dây, lại sai đốt bỏ áo quan, nhận cho hàng. Rồi kiểm xét danh sách các tướng sĩ trong cung, không bỏ sót người nào, vỗ về kẻ ra hàng, cho giữ nguyên công việc như trước, vì thế người Thục đều yên bụng cả.

Ngải riêng ý chiếu theo việc của Đặng Vũ ngày trước, thừa mệnh phong cho Thiện chức Hành Phiêu kỵ tướng quân, cho Thái tử giữ chức Phụng xa, các vương hầu được ban chức Phụ mã Đô úy. Quần thần nước Thục tùy theo thứ bậc cao thấp đều được cho làm quan cả, hoặc nhận các chức tước phụ thuộc trong quân doanh của Ngải. Ngải lại lấy Sư Toản làm Ích châu thứ sử, Lũng Tây thái thú Khiêm Hoàng đốc xuất các quận ở Thục trung. Lại sai đắp một đài lớn ở Miên Trúc làm sở quan, nhằm ca tụng chiến công của mình. Những binh sĩ bị chết vì việc nước, kể cả Thục binh đều được mai táng như nhau cả. Ngải có ý khoe công của mình, bảo với các đại phu nước Thục rằng: “Các người may gặp được ta, mới có được ngày hôm nay vậy, ví bằng gặp phải bọn tướng khác, ắt là chết cả rồi”. Lại nói: “Khương Duy tự cho chỉ có mình là anh hùng, cùng với ta tương tranh, giờ đã có cùng rồi vậy”. Bậc thức giả đều cười chê lời ấy.

Tháng 12, chiếu gửi Ngải viết rằng: “Ngải điều võ trở oai, thâm nhập vào sâu nơi phủ đình, chém tướng cướp cờ, mạnh như kinh nghệ (20), khiến cho chúa tiếm hiệu phải kê đầu giờ cổ chịu hàng, một sớm bình định được hết cả. Trong lúc binh không đầy đủ, đánh chẳng trọn ngày, thế mà như cuốn chiếu xua mây, dẹp yên Ba Thục. Dẫu Bạch Khởi phá cường Sở, Hàn Tín đánh quân Triệu dũng mãnh, Ngô Hán lấy Tử Dương, Á Chu diệt thất quốc, tính công mà luận xét, cũng chẳng thể hơn được công quả ấy. Vậy phong cho Ngải làm Thái úy, tăng thêm lộc hai vạn hộ nữa, phong cho hai con được làm Đình hầu, đều được ăn lộc một ấp có ngàn hộ.

Viên Tử viết: Gia Cát Lượng, dùng người cẩn trọng, dụng binh bất ngờ, ấy là biết nước nhỏ dân ít khó có thể giữ được lâu dài. Nay quốc gia một lần cắt quân diệt được nước Thục, chinh phạt nên công, cũng chưa phải dụng binh thần tốc như vậy. Mà Đặng Ngải dùng có vạn người thâm nhập Giang Du đến cùng gian hiểm, còn Chung Hội dụng 20 vạn quân lại bị chặn ở cửa Kiếm Các mà chẳng tiến được, ba quân tướng sĩ sắp thiếu ăn, Ngải tuy thắng trận khắc địch, khiến Lưu Thiện trong mấy ngày phải ra hàng, mà hai tướng ấy ra đi đều khó bề quay lại được. Nên công nghiệp như thế là nguy hiểm vậy. Quốc gia lúc trước lấy quân ở Thọ Xuân để sai khiến, sau này diệt

được nước Thục nên công, trăm họ nghèo khó mà ruộng đầy rỗng không. Ở việc nước nhỏ phải lo lắng, ở chỗ gây dựng để tự bảo tồn, nước lớn phải lo toan, ở chỗ thăng địch mà kiệt lực, thành công là việc về sau, biết lo sợ mà phòng bị là việc lúc bấy giờ vậy.

Ngải gửi thư cho Tư mã Văn vương nói rằng: “Việc binh trước hết là phô trương thanh thế sau mới đến việc thực, nay nhân lúc mới bình được Thục nên thừa thế đồ nước Ngô, người Ngô tất rung động kinh hoàng, thế cuốn chiếu là như vậy. Nhưng cất đại quân thiết nghĩ nên để sau này, bởi tướng sĩ mới lao khó nhọc mệt, không nên dùng ngay, hãy tạm hoãn việc ấy lại; nên để hai vạn quân ở lại Lũng Hữu, cùng hai vạn quân Thục, để nấu muối khai mỏ, làm các binh cụ yếu dụng, cho đóng thuyền bè, chuẩn bị sẵn sàng để xuôi dòng mà xuống, rồi sau sai sứ đến nói rõ lợi hại, người Ngô ắt phải quy phục, có thể không cần phải đánh mà cũng bình định được vậy. Nay nên hậu đãi Lưu Thiện lấy đó để như Tôn Hưu, yên kẻ sỹ cùng muôn dân để thu lấy bụng người ở xa, nhược bằng đưa ngay Thiện về kinh đô, người Ngô thấy thế, ắt chẳng yên bụng mà đổi tâm chuyển ý. Nên quyền biến mà cho Lưu Thiện ở lại Thục, đợi đến mùa đông năm sau sẽ tính, như thế người Ngô cũng yên lòng. Nay hãy tạm phong cho Lưu Thiện làm Phù phong vương, cho của cải để nuôi đầy tớ, ban cho tả hữu để hầu hạ bên mình. Cho đất riêng để ở như Đông Trác ở My Ô khi trước, cho làm cung xá tá túc. Con cái được ở ngôi công hầu, ăn lộc một quận trong huyện, để sáng tỏ ân sủng của quốc gia. Mở rộng cửa nơi Quảng Lăng, Thành Dương nhằm hậu đãi người Ngô, tất họ sẽ phục uy mến đức, ắt trông xa theo gió mà quy hàng cả”.

Văn Vương liền sai Giám quân Vệ Quán bảo Ngải rằng: “Làm việc nên bẩm báo rõ, chẳng nên tự ý thi hành.” Ngải mới nặng lời rằng: “Ta vâng mệnh đi chinh phạt, phụng chỉ nhận kế sách, kẻ đầu sỏ đã phải phục tùng; rất nên được thừa chế mà hành xử, có thể sẽ an lòng kẻ mới theo về, thế mới là hợp lẽ quyền biến. Nay cả nước Thục đã theo vương mệnh, đất đai kéo đến tận Nam Hải, phía Đông tiếp giáp với Ngô Hội, nên sớm vỗ yên. Ví như đợi quốc mệnh, theo đạo lý thông thường, sẽ phải dây dưa ngày tháng. Kinh Xuân Thu có câu rằng, quan đại phu ra ngoài cõi, nếu có thể yên xã tắc, làm lợi cho quốc gia, thì chuyên quyền cũng được. Nay nước Ngô chưa thần phục; thế tất liên kết với Thục, chẳng nên câu nệ đạo thường đánh mất cơ hội. Theo binh pháp, tiến không cầu danh, lui không tránh tội, Ngải này tuy không bằng được người xưa, nhưng chẳng thể nhún mình để thiệt cho nước vậy.”

Bọn Chung Hội, Hồ Liệt, Sư Toản đều thưa rằng Ngải có ý phản nghịch, cố tình làm trái. Chiêu liền gửi thư sai bắt Ngải nhốt vào xe tù.

Ngụy thị Xuân Thu chép: Ngải ngửa mặt lên trời than rằng: “Ngải này là bậc trung thần, cũng có lúc như thế này ư! Bạch Khởi xưa phải ăn năn, cũng

như ta ngày nay vậy.”

Cha con Ngải đã bị bắt tội, Chung Hội vào Thành Đô, trước hết cho áp tải Ngải về kinh, rồi sau dấy loạn. Lúc Hội chết, tướng sĩ trong doanh của Ngải đuổi theo thả Ngải ra khỏi xe tù, rồi đón về. Vệ Quán sai Điền Tục đến giết Ngải, gặp ở phía Tây thành Miên Trúc, chém được. Con Ngải là Trung cũng chết cùng với cha, người con khác ở Lạc Dương cũng bị giết, vợ Ngải cùng cháu đích tôn bị đẩy đi tận xứ Tây Vực.

Hán Tấn Xuân Thu chép: Khi trước Ngải xuống đến Giang Du, nhân vì Điền Tục không chịu tiến binh, Ngải muốn chém, may được tha tội. Đến khi Quán sai Tục giết Ngải, mới bảo rằng: “Ta để người báo thù cái nhục ở Giang Du lúc trước”. Đỗ Dự nói với mọi người rằng: “Bá Ngọc kia chẳng đã được thoát tội rồi đấy sao! Thân làm danh sĩ, ngôi vị quá cao, đã chẳng biết làm việc ân đức, lại không biết ngăn kẻ dưới để làm điều ngay thẳng, ấy là tiểu nhân mượn khí độ người quân tử mà thôi, sao có thể gánh vác việc mai sau?” Quán nghe thế, chẳng đợi xa giá tới nơi đã vội vàng tạ lỗi.

Sách Thế ngữ viết: Sư Toản cũng bị chết cùng với Ngải ngày hôm ấy. Toản nóng nảy mà thiếu ân, chết không toàn thân.

Lúc trước, Ngải đương phạt Thục, mộng thấy mình ngồi trên đỉnh núi mà lại thấy nước chảy, mới đem hỏi Diên lỗ Hộ quân là Viên Thiệu. Thiệu nói rằng: “Kinh Dịch có quẻ rằng, trên núi có nước chảy là Kiển. Quẻ Kiển nói rằng: ‘lợi về mặt Tây Nam, bất lợi về mặt Đông Bắc’. Khổng Tử giảng rằng: “Quẻ Kiển lợi mặt Tây Nam, nghĩa là đi thì có công; Bất lợi ở mặt Đông Bắc, nghĩa là đến đó là đường cùng.” E rằng đi chuyến này tất đánh được Thục, nhưng sợ chẳng trở về được nữa!” Ngải nghe nói rất không vui, tâm trạng bùi ngùi.

Sách Ký châu ký sự của Tuân Xước chép rằng: Thiệu bắt đầu từ chức cán lại, rồi làm đến tận chức Vệ úy. Con trưởng là Hàn, làm Thái thú Hà Đông. Con thứ là Sương, làm Đại tư nông. Con út là Thiển, tự là Quân Ấu, tính tình khoan hậu mà có khí phách, có tiếng lúc bấy giờ, từng làm Ký châu Thứ sử, sau Thái tử lấy làm túc vệ luôn mang theo bên mình. Con Hàn là Du, tự Thế Đô, thanh bạch kiên trinh mà cao khiết, có tài bàn xét nghị luận, cùng với Công Tôn Long đàm luận về đạo lý. Lúc còn nhỏ đã nổi danh, được vời vào phủ Thái úy, làm đến chức Thị trung trung thư lệnh, sau đổi làm chức Giám ti.

Thần Tùng Chi xét rằng: Thoán từ quẻ Kiển [\(21\)](#) nói rằng: “Kiển lợi về mặt Tây Nam, đi phải đúng chính đạo”, không nói rằng: “có công”; dưới lại nói rằng: “Gặp được đại nhân giúp cho mới có lợi, đi thì có công vậy’.

Năm Thái thủy nguyên niên, Tấn thất lên ngôi đế, chiếu viết rằng: “Xưa

Thái úy Vương Lăng mưu phé Tề vương, mà Vương sau cùng chẳng đủ sức giữ ngôi vị. Chinh Tây tướng quân Đặng Ngải, kiêu căng cậy công mà thất tiết, trọng tội rõ ràng. Đã bị chiếu thư bắt tội, tức bỏ quân quyền, phải bó tay chịu chết, ấy là bởi muốn sinh lòng làm việc ác, mà việc chẳng thành. Nay đại xá xoá bỏ tội trạng, nhược bằng tử tôn không còn nữa sẽ phải tìm người trong họ để tạo lập về sau, lệnh cho phải làm lễ tế tự không để dòng tộc bị tuyệt diệt”.

Năm Thái Thủy thứ ba, quan Nghị lang dâng sớ lên bề trên nói rõ việc làm của Ngải rằng: “Ngải mang lòng trung nghĩa mà lại phải gánh tội phản nghịch, có công bình định Ba Thục mà lại bị tru diệt, thần lấy làm thương tiếc lắm. Thương thay, nói rằng Ngải làm phản ư! Ngải vốn tính cương cường nóng nảy, coi rẻ kẻ mạo phạm mà nhã nhặn với người phạm tục, không hoà mình với đồng liêu, vì thế khiến người ta chẳng hài lòng. Thần mạo muội nói rằng Ngải chẳng phải làm phản vậy. Xưa Khương Duy đánh phá tan tành ở Lũng Hữu, Ngải sửa sang việc phòng bị, khiến lương đủ binh cường. Gặp năm hung hạn, Ngải chia thóc lúa cho dân, thân mặc áo thô, tay cầm cây cuốc, làm gương cho tướng sỹ. Khiến cho trên dưới đều cảm kích, chẳng ai dám không tận lực. Ngải nắm quyền trấn thủ biên cương, thống lĩnh mấy vạn binh, mà không ngã lòng vì gian khó nhọc nhằn, kẻ sĩ dân đi lao dịch, chẳng câu chấp lễ trung cần, đã mấy ai được như vậy? Việc chiến trận ở Lạc Môn, Đoạn Cốc, lấy ít địch nhiều, mà phá tan được cường địch. Tiên đế biết việc ấy càng tin tưởng, mới uỷ thác cho Ngải kế sách, trao cho việc lớn. Ngải vâng mệnh quên thân, thúc ngựa ruổi xe, xông pha nơi tử địa, dững khí xung mây, sĩ chúng thừa thế xông lên, khiến vua tôi Lưu Thiện phải cúi mặt, trói tay quỳ gối xin hàng. Ngải công trạng đã thành, danh ấy đáng ghi vào tre lụa, lưu truyền đến vạn đời. Ông già 70 tuổi, sao còn muốn làm phản đây! Tin rằng Ngải chịu ơn mẹ già dưỡng dục chu đáo, tâm ấy chẳng nên ngờ, tuy có lỗi thừa chế (*), nhưng là quyền biến để an xã tắc; dầu trái đạo thường, nhưng hợp nghĩa xưa, nếu suy cho cùng mà định tội, thật chẳng nên vậy. Chung Hội vốn ghen ghét uy danh của Ngải, mới dựng lên chuyện ấy. Khiến kẻ trung mà bị giết, tín mà bị nghi ngờ, đầu phải treo trên lưng ngựa, con cái đều bị giết thảm, ai nhìn thấy cũng phải cúi đầu, tai nghe thấy đều buông lời than thở. Bệ hạ mới lên ngôi, nên mở lòng đại lượng, cởi bỏ mọi nỗi hiềm kỵ, chẳng nên câu nệ việc trước. Xưa dân Tần thương Bạch Khởi vô tội mà chết, người Ngô thương Tử Tư bị oan khuất mà khóc, đều lập đền thờ. Nay người trong thiên hạ vì Ngải mà thương tâm oán giận, cũng giống như vậy. Thần coi Ngải chết chẳng toàn thân, thân thể vứt bỏ nơi bãi cỏ, nên cho thu nhặt để an táng, trả lại tất cả ruộng vườn. Lấy việc bình Thục làm công lao, cho cháu chắt được nối nghiệp cha ông, sai đóng áo quan mà ban cho thụy hiệu, khiến người chết không còn oán hận. Xá tội cho một oan hồn ở dưới hoàng tuyền, lấy được tín nghĩa nơi hậu thế, táng cho một người đã

chết mà thu lấy lòng ái mộ của thiên hạ, chôn cất một linh hồn khiến thiên hạ thấy nghĩa mà theo về, mà người vợ goá của Ngải cũng vui lòng, ấy là việc rất nên vậy.”

Năm Thái thủy thứ chín, chiếu rằng: “Ngải có công huân, chịu tội mà chẳng bỏ trốn, mà con cháu bị bắt làm dân thường, trầm vẫn lấy làm thương xót. Nay lấy cháu đích tôn là Lãng làm Lang trung”.

Thời Ngải ở phía Tây, đã cho sửa sang nơi đất hiểm, xây cất thành quách thôn xóm. Năm Thái Thủy trung, người Khương dấy loạn lớn, giết chết quan Thứ sử ở đây, xứ Lương châu bị chia cắt. Riêng dân chúng ở những nơi Ngải xây cất thành quách khi trước, thôn xóm đều được yên bình cả.

Sách Thế ngữ chép: Năm Hàm Ninh trung, triều đình lấy Tích xạ tướng quân Phàn Chấn giữ cửa ngõ phía Tây cự người Nhung, Chấn từ chối, Vũ Đế hỏi Chấn vì sao lại không đi, Chấn tâu trình rằng bởi cháu của Đặng Ngải phạt Thục khi trước bấy giờ đang làm môn hạ dưới trướng ở đó, Đế bèn hỏi về Ngải, Chấn cho rằng Ngải là bậc trung thần, nói rồi nước mắt chảy giàn giụa. Bởi khi trước đã lấy cháu Ngải là Lãng làm lệnh ở huyện Đan Thủy, vì thế liền đổi Lãng đến làm lệnh ở đất Định Lãng. Một người cháu khác của Ngải là Thiên Thu bấy giờ cũng là người có danh vọng, được Quang lộc đại phu Vương Nhung lấy làm Duyệt. Năm Vĩnh Gia trung, Lãng được cử làm Tân Đô thái thú, chưa kịp đến nhậm chức thì ở Tương Dương xảy ra hoả hoạn lớn, Lãng cùng mẹ già, vợ con bị chết cháy, chỉ có hai con là Thao và Hành thoát nạn. Thiên Thu đã chết trước đó, hai người con của Thu cũng bị chết cháy.

Người cùng làng với Ngải thời ở Nam Dương là Chu Thái, cũng lập nên công nghiệp rõ ràng, rất khéo việc dụng binh, làm quan đến chức Chinh Lô tướng quân, được ban Giả tiết, kiêm quản mọi việc quân sự, làm Đô Đô đốc Giang Nam. Năm Cảnh Nguyên thứ hai chết, được truy tặng chức Vệ tướng quân, thụy hiệu là Tráng hầu.

Sách Thế Ngữ chép: Khi trước, Thứ sử Kinh châu là Bùi Tiềm lấy Thái làm Tòng sự, Tư mã Tuyên vương đang trấn giữ Uyển thành, Tiềm mấy lần sai Thái đến chỗ Tuyên Vương, bởi thế Tuyên vương mới biết đến Thái. Đến lúc đánh Mạnh Đạt, Thái lại làm hướng đạo, Vương mới cho gọi Thái. Thái từng phải để trùng tang bố, mẹ và ông, liền chín năm cư tang, Tuyên Vương cho giữ lại một chức quan còn khuyết để chờ bổ nhiệm cho Thái, bổ nhiệm được 36 ngày, lại cất Thái lên làm Thái thú Tân thành. Tuyên Vương thường ví Thái với Hội, khiến Thượng thư Chung Do đưa Thái rằng: “Người rữ áo vải lên nhận việc nơi tế phủ, có 36 ngày mà nắm quyền chỉ huy, cai quản binh mã trong quận; ta xin làm đũa nhỏ theo hầu bên xe, để một lần rong ngựa cho người được chẵn?” Thái nói: “Nếu được như thế còn gì hơn nữa. Nhưng ngài là bậc công hầu, chí ít cũng lựa chọn người văn nhã, có gì mà

*theo viên lại, chỉ như con khỉ cưỡi trâu mà thôi, sao mà chậm chạp vậy!”
Hết thấy tâm khách đều cười rộ. Sau này Thái chuyển qua các chức Thứ sử
Duyệt châu, Dự châu, công việc ở những nơi đó đều được trù liệu chu đáo
cả.*

TRUYỆN QUÁN KHÂU

Quán Khâu Kiệm tự Trọng Cung, người huyện Văn Hỉ quận Hà Đông. Cha là Hưng, giữa năm Hoàng Sơ làm Vũ Uy Thái thú, đánh dẹp kẻ phản, võ về kẻ phục, mở thông miền Hà Hữu⁽²²⁾, nổi tiếng sau Kim Thành Thái thú Tô Tắc. Đánh giặc là Trương Tiến và đánh người Hồ phản có công, phong Cao Dương Hương Hầu.

«*Nguy danh thân tấu*» chép biểu của Ung Châu Thứ sử Trương Kí nói: “Miền Hà Hữu xa xôi, nhiễu loạn đã lâu, quận Vũ Uy là đường lối cổ họng của các quận, lại thêm người rợ ở lẫn, nhiều lần có nạn binh đao. Từ khi Thái thú Quán Khâu Hưng đến làm quan, trong an ủi quan dân, ngoài võ về Khương, Hồ, khiến cho họ theo phục, làm quan có tài. Hoàng Hoa, Trương Tiến vừa mưu làm loạn, lay động tả hữu, chỉ Hưng trung liệt, gặp nạn không lùi, vì các quan tướng người rợ mà bày rõ họa phúc, nghe nói thì khóc lóc. Bấy giờ vạn người trai gái đều mang lòng cảm kích, bỏ ý gây loạn, thề vâng lệnh. Rồi đem quân mạnh đến thẳng Trương Dịch, giúp cứu được Thái thú Đỗ Thông, Tây Hải Thái thú Trương Mục. Quan dân hai huyện Phiên Hòa, Li Kiên quận Trương Dịch và người rợ trong quận bỏ kẻ ác mà đến theo Hưng, Hưng đều võ yên, sai dân chăm chỉ làm ruộng. Hưng hề đi qua đâu, đều dốc hết tâm sức, thực là quan giỏi của nhà nước vậy. Điện hạ lên ngôi, lo nghĩ vạn bề. Nếu có việc hay xấu nhỏ, cũng có ban thưởng, thần vâng theo ý chỉ, bày kể việc này”.

Vào làm Tướng tác Đại tượng, Kiệm nối tước của cha, làm Bình Nguyên Hầu Văn học. Minh Đế lên ngôi, làm Thượng thư lang, chuyển làm Vũ lâm giám. Vì là bạn của Đông cung⁽²³⁾ nên rất được sủng ái. Ra làm Lạc Dương Điện nông. Bấy giờ lấy người cày ruộng đi dựng cung điện, Kiệm dâng sớ nói: “Thần ngu dốt cho rằng việc thiên hạ gấp diệt trừ là hai tên giặc, việc cần trước là cơm áo. Nếu hai tên giặc không diệt, quân dân lại đói rét, dấu cung điện to đẹp cũng chẳng ích gì vậy”. Chuyển làm Kinh Châu Thứ sử.

Giữa năm Thanh Long, Đế mưu đánh quận Liêu Đông, vì Kiệm có mưu lược, chuyển làm U Châu Thứ sử, thêm chức Độ Liêu Tướng quân, Sứ tri tiết, Hộ Ô Hoàn Hiệu úy. Đem các quân U Châu đến Tương Bình, đóng đồn ở Liêu Toại. Bọn Thiên vu Ô Hoàn ở quận Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Quách, Đô đốc Ô Hoàn ở quận Liêu Tây là Suất Chúng Vương Hộ Lưu ngày trước theo Viên Thượng đến Liêu Đông liền đem hơn năm nghìn người đến hàng. Khấu Lâu Quách sai em là bọn A La Bàn đến cửa khuyết châu công, phong hơn hai mươi tù trưởng của họ làm Hầu, Vương, ban các đồ xe ngựa, lụa gấm. Công Tôn Uyên đón đánh với Kiệm, không được lợi, dẫn quân về. Năm sau, Đế sai Thái úy Tư Mã Tuyên Vương lĩnh mấy vạn người trung

quân cùng bọn Kiệm đánh Uyên, bình Liêu Đông. Vì Kiệm có công nên được tiến phong An Ấp Hầu, thực ấp ba nghìn chín trăm hộ.

Giữa năm Chính Thủy, Kiệm thấy người Cao Câu Li nhiều lần xâm lấn, lĩnh các quân có vạn bộ kị ra quận Huyền Thố, theo các đường đánh chúng. Vua Cao Câu Li là Cung lĩnh hai vạn kị bộ, đem quân đến trên sông Phất Lưu, đánh lớn ở cửa Lương Khẩu, *Lương, đọc là 'khát'*. Cung thua chạy liên tiếp. Kiệm bèn buộc ngựa dừng xe để lên Hoàn Đô, phá kinh đô của nước Câu Li, bắt chém đến mấy nghìn thủ cấp. Quan Phái giả của nước Câu Li tên là Đắc Lai nhiều lần can gián Cung,

Thần là Tùng Chi xét: «Đông Di truyện» viết: 'Phái giả' là tên chức quan của nước Câu Li.

nhưng Cung không theo lời. Đắc Lai than rằng: “Đừng xem nước này sắp mọc cỏ lau”. Rồi không ăn mà chết, cả nước khen là hiền. Kiệm sai các quân không bới mộ, không chặt cây bên mộ, bắt được vợ con của hắn, đều cho thả ra. Cung một mình đem vợ con chạy trốn, Kiệm dẫn quân về. Năm thứ sáu, lại đi đánh, Cung bèn đến Mãi Câu. Kiệm sai Huyền Thố Thái thú Vương Kỳ đuổi theo,

«Thế ngữ» viết: Kỳ tự Khổng Thạc, người quận Đông Lai, giữa năm Vĩnh Gia thời nhà Tấn có tên giặc Vương Di là cháu của Kỳ vậy.

qua nước Ốc Trở hơn nghìn dặm, đến đất phía nam của nước Túc Thận, khắc bia đá ghi công, san núi ở Hoàn Đô, khắc chữ ở thành Bất Nại. Bắt giết và thu nạp hơn tám nghìn người, luận công ban thưởng, hơn tám trăm người được phong Hầu. Đào núi dẫn nước, dân được nhờ cái lợi ấy.

Chuyển làm Tả Tướng quân, Giả tiết, trông coi các quân Dự Châu, lĩnh chức Dự Châu Thứ sử, lại chuyển làm Trấn nam Tướng quân. Gia Cát Đản đánh ở Đông Quan, không lợi, bèn sai Đản, Kiệm thay nhau. Đản làm Trấn nam Tướng quân, trông coi các quân Dự Châu, Kiệm làm Trấn đông Tướng quân, trông coi các quân Dương Châu. Thái phó của nước Ngô là Gia Cát Khác vây Tân Thành ở Hợp Phì, Kiệm cùng Văn Khâm chống lại, Thái úy Tư Mã Phu đem trung quân đến phía đông giải vây, Khác rút về.

Trước đây, Kiệm thân thiện với bọn Hạ Hầu Huyền, Lí Phong. Dương Châu Thứ sử Tiền Tướng quân Văn Khâm là người cùng ấp của Tào Sảng vậy, dũng mãnh cứng cỏi, nhiều trận lập công, bắt nhiều quân địch, hạ chiếu ban thưởng mà nhiều lần không thấy đến, do đó ngày càng oán giận. Kiệm bày kế dối đãi Khâm hậu hĩnh, kết thân vui vẻ, Khâm cũng cảm kích, dốc lòng không đổi.

Tháng giêng năm Chính Nguyên thứ hai, có sao chổi dài mấy chục trượng rực trời ở phía tây bắc, nổi lên từ đất Ngô, Sở. Kiệm, Khâm mừng, cho là điềm lành, bèn giả viết chiếu của Thái hậu, kể tội Đại Tướng quân Tư Mã Cảnh Vương, gửi thư đến các châu quận, dấy binh làm phản. Ép buộc các

tướng đóng đồn cùng quan dân lớn nhỏ của miền Hoài Nam đều vào thành Thọ Xuân, dựng đàn ở phía tây thành, mở hội thề uống máu dấy binh, chia người già yếu giữ thành, Kiệm, Khâm tự đem năm, sáu vạn quân vượt sông Hoài đi về phía tây đến huyện Hạng. Kiệm giữ vững, Khâm ở ngoài đem quân đi tuần tra.

Kiệm, Khâm viết biểu rằng: “Tướng quốc Ý⁽²⁴⁾ ngày trước giúp đỡ nhà Ngụy, giữ lòng trung trinh, cho nên Liệt Tổ Minh Hoàng Đế trao việc gửi gắm. Ý dốc sức hết lòng, vỗ yên Hoa Hạ. Lại nữa Tề Vương⁽²⁵⁾ thông minh, không có đức xấu, bèn chăm chỉ gắng sức giúp vua, thiên hạ được nhờ. Ý muốn đánh hai tên giặc⁽²⁶⁾ để dẹp yên Trung Quốc, bắt đầu chia lương quân, chọn ngày cùng dấy binh, chưa xong thì hoǎng. Tề Vương thấy Ý có công lớn giúp vua, cho nên sai Sư nói thay tước của Ý, trao cho việc lớn. Vậy mà Sư nhiều năm giữ chức, không có tật lại giả bệnh, ngồi nắm quân lớn, không có lễ phép của tôi thân, trẫm quan cho là sai, kẻ sĩ chê cười hǎn, thiên hạ đều đều biết, đây là một tội. Ý bày kế đánh giặc, tốn nhiều lương quân, đã có hẹn ngày. Sư là đại thân, nên trừ nạn nước, lại là người con nên nối nghiệp cha. Tiếng khóc chưa dứt mà lại ngừng bãi, làm tôi bất trung, làm con bất hiếu, đây là hai tội. Giặc rút qua Đông Quan, ngồi tự sai quân, ba phía cùng đi, quân vỡ công mất, nhiều năm quân mạnh, một sớm mà hết, vờ dẫn giặc đến, thiên hạ nhiều động, chết chóc lìa tan, đây là ba tội. Giặc đem hết cả nước, kêu có năm mươi vạn, hướng về Thọ Xuân, mưu đến Lạc Dương, gặp lúc Thái úy Phu⁽²⁷⁾ bày kế với bầy tôi, bèn ngăn ngăn nơi hiểm yếu, không cùng giao tranh, giữ vững Tân Thành. Tướng sĩ miền Hoài Nam xông vào đao nhọn, ngày đêm tự giữ, vất vả trăm ngày, người chết đầy đất, từ khi nhà Ngụy dấy binh đến nay, gặp nạn rất nhiều mà cũng không hơn thế. Vậy mà Sư mặc ý phóng túng, không luận ban thưởng, tự mình chuyên quyền, không cho ghi công, đây là bốn tội. Bọn Trung thư lệnh Lí Phong ngày trước thấy Sư không có lễ tiết của tôi thân, muốn bàn phé hǎn. Sư biết thì mời Phong đến, buổi đêm bắt giết, chớ thầy chôn quan. Bọn Phong là đại thân, là tim bụng của Đế Vương, vậy mà tự ý lập hình tàn khốc, chết mà không có tội, Sư không có ý giúp vua, đây là năm tội. Ý thường khen ngợi Tề Vương tự giữ lễ của người làm vua, vua tôi đã lập nghĩa. Từ lúc đó đến nay đã mười lăm năm, vừa nắm lại chính trị, dùng người tài năng, hạ chiếu sai quân vệ không được ra ngoài làm bừa. Sư tự biết mình xấu xa, thần người không ai giúp, do đó phé vua, lại gán thêm tội. Phu là chủ của Sư, tính rất nhân hòa, đưa tiễn Tề Vương còn thương cảm không thôi. Bầy tôi đều giận mà Sư vẫn nở làm, không nghĩ đến nghĩa lớn, đây là sáu tội. Quang lộc Đại phu Trương Tập ngày trước không có tội mà bị giết, giết cả vợ con, rồi lại phé Hoàng hậu, ép bức bậc chí tôn, đùn đẩy sai khiến, bấy giờ thương khóc, chẳng ai không đau lòng; vậy mà Sư khen hay, tự mình vui vẻ, đây là bảy tội. Bệ hạ lên ngôi,

thông minh thân vũ, làm việc hay đẹp, muốn tự tiết kiệm, thiên hạ nghe biết, chẳng ai không vui mừng. Vậy mà Sư không tự sửa lỗi, không lập lại lễ tiết của tôi thân, vẫn lo chiêu binh chọn quân, phá vỡ cung điện, sắp đặt quân vệ. Bệ hạ mới lên ngôi mà không châu đợi. Bệ hạ muốn tự đến nhà Sư để hỏi thăm bệnh lại từ chối không cho, không theo phép tắc, đây là tám tội. Gần đây Lĩnh quân Hứa Doãn sắp làm Trấn bắc Tướng quân, đem tiền phủ cấp cho, vậy mà Sư dâng tấu xin bãi chức, dẫu cho đi đày, nhưng trên đường bỏ đói cho chết, thiên hạ nghe tin, chẳng ai không thương khóc, đây là chín tội. Quân giữ ba miền, một sớm thiếu vắng, chọn nhiều quân mạnh, cho làm quân vệ, năm doanh lĩnh quân, thiếu mà không thêm, chớ nhiều khí giới tụ đầy ở doanh của mình, thiên hạ nghe tin, lòng người giận oán, kêu than đầy đường, trong nước nghi ngờ, đây là mười tội. Rút nhiều quân phòng giữ về để xét chọn dùng, để làm bốn phía trống rỗng, muốn tự ý chuyên quyền mặc sức phóng túng. Chọn người lập đồn làm ruộng, lại thêm thưởng tặng, dựa quân gây ác, làm loạn phép cũ. Tự hợp các vương hầu phiên thuộc để làm phen dậu, lại muốn giết hết họ, một sớm dấy quân phé vua. Thiên hạ gặp ác lâu ngày, khiến cho mắt sưng không nhìn thấy, đây là mười một tội. Cha anh bọn thân đều đi theo Thái Tổ Vũ Hoàng Đế đánh dẹp kẻ hung bạo, lập nên công lớn, cùng Cao Tổ Văn Hoàng Đế chịu nhận ngôi nhà Hán, mở nước dựng nhà, vẫn mong được lưu danh như Nghiêu, Thuấn vậy. Thân cùng bọn An phong Hộ quân Trịnh Dực, Lư Giang Hộ quân Lữ Tuyên, Thái thú Trương Hưu, Hoài Nam Thái thú Đinh Tôn, Độc thủ Hợp Phì Hộ quân Vương Hưu bàn mưu, đều cho rằng nhiều đời chịu ân, nghìn năm gió bụi, vẫn dốc hết sức để lập công giữ trọn xã tắc cho vua. Nghĩa ấy nếu thành, dẫu đốt cả vợ con, nuốt bùn bôi thân, chết cũng không tiếc vậy. Xét tội của Sư, nên phạt tội nặng để nêu rõ tội ác. Theo nghĩa «Xuân thu», một đời làm việc tốt thì một đời được tha. Ý có công lớn, trong nước đều nhớ, dựa theo phép cũ, phé Sư thì phong Hầu cho em, em là Chiêu, trung trinh sáng suốt, vui thân kẻ sĩ, có khí độ của quân tử trên đời, trung thành giúp nước, không giống với Sư. Bọn thân rạp đầu tiến cử, nên dùng người thay Sư giúp dẫn Nhà vua. Thái úy Phu, cẩn thận trung hiếu, nên được ban sủng, cho làm Bảo phó⁽²⁸⁾. Hộ quân Tán kị Thường thị Vọng, gắng giúp việc công, làm quan tài năng, người xa đón xem, có công hộ vệ, nên cho làm Trung lĩnh quân. Theo nghĩa «Xuân thu», vì nghĩa lớn mà diệt người thân, cho nên Chu Công giết em, Thạch Thác bầm con, Quý Hữu hại anh, giúp nước trên hết, giữ họ hàng là thứ dưới. Giết Cỗ dùng Vũ⁽²⁹⁾ là phép cũ của thánh nhân, được xưa nay khen ngợi. Xin Bệ hạ nghe lời tấu của bọn thân, triều đình xét kỹ. Thân nói đúng đạo, nếu Sư nhường chức cho người hiền, bãi binh ngừng giữ như phép cũ của thời Tam Hoàng thì thiên hạ cùng hợp. Nếu Sư dựa vào quyền thế không tự rút lui thì bọn thân đem tướng thuộc hạ, ngày

đêm cùng đi, tự lệnh đến đánh. Bọn thân ngày nay dâng tấu, chỉ mong cho Đại Ngụy còn mãi, cho Bệ hạ được làm vua thật, cắt đứt cái họa diệt vong, trăm họ an toàn, sáu cõi hợp một, khiến cho trung thần liệt sĩ không thẹn với Tam Hoàng, Ngũ Đế vậy. Thân sợ một khi dấy binh thì thiên hạ nhiễu loạn, cho nên thân bày việc lên, gửi thư đến Tam công cùng các quan Điện nông châu quận, đều vỗ về quân dân các nơi ấy, không được làm bừa, cẩn thận để báo tin. Mong Bệ hạ nuôi dưỡng chí lớn, xét rõ nguy hại. Sự chuyên quyền tạo thế, phóng túng thưởng phạt, nghe tin bọn thân dấy binh, tất hạ chiếu ngăn chặn các cửa ải bên sông, khiến cho thư tấu không gửi đến được, tự ý điều động, sai người tìm bắt. Đây là chiếu thư của Sư mà không phải là chiếu thư của Bệ hạ, ở đó đều không được vâng theo vậy. Bọn thân ở xa, sợ tấu biểu đều không được gửi đến, liền tạm thời thưởng phạt, tùy lúc mà làm việc, chốc lát sẽ dâng biểu lên”.

Đại Tướng quân đem quân trong ngoài đánh Kiệm, sai riêng Gia Cát Đản đem các quân Dự Châu từ bến An Phong hướng đến Thọ Xuân, Chinh đông Tướng quân Hồ Tôn đem các quân Thanh Châu, Từ Châu ra đến miền Tiêu, Tống, ngăn chặn đường về của Kiệm. Đại Tướng quân đóng đồn ở Nhữ Dương, sai Giám quân Vương Cơ đem các quân tiên phong chiếm miền nam Dĩnh Xuyên để đợi Kiệm. Sai các quân đều giữ lũy không được ra đánh. Kiệm, Khâm đến không đánh được, rút thì sợ Thọ Xuân bị đánh úp không về được, kế cùng không biết làm thế nào. Nhà tướng sĩ miền Hoài Nam đều tại miền bắc, lòng người lìa tan, theo nhau xin hàng, chỉ có người dân vừa mới theo về ở Hoài Nam là theo lệnh. Đại Tướng quân sai Duyệt Châu Thứ sử Đặng Ngải đem hơn vạn quân của quận Thái Sơn đến Lạc Gia, tỏ vẻ yếu kém để dụ Khâm, Đại Tướng quân ngầm đi từ huyện Chu đến. Khâm không biết, quả nhiên buổi đêm đến muốn đánh úp bọn Ngải, vừa sáng, thấy quân mã của Đại Tướng quân đông, bèn rút về.

«Ngụy thị Xuân thu» viết: Con giữa của Khâm là Thục, còn có tên là Ương. Tuổi còn nhỏ nhưng sức khỏe hơn người, bảo Khâm rằng: “Lúc giặc chưa ổn nên đánh chúng mới phá được”. Do đó chia làm hai đội, đuổi đêm đến đánh. Thục đem tráng sĩ đến trước, gọi lớn Đại Tướng quân, trong quân chấn động. Khâm ở sau không đáp. Vừa sáng, Thục rút, Khâm cũng dẫn quân về.

«Ngụy mạt truyện» viết: Trong điện có người họ Y, tự Đại Mục, thuở nhỏ làm nô của nhà họ Tào, thường hầu ở bên vua, Đại Tướng quân muốn đi cùng. Đại mục biết một mắt Đại Tướng quân đã lòi ra, bâm rằng: “Văn Khâm vốn là người tim bụng của mình công, chỉ bị người ta mê hoặc mà thôi, lại là người cùng thôn ấp của Thiên tử. Đại Mục ngày trước được Văn Khâm tin cậy, xin được đến khuyên dụ hấn, sai kết thân lại với mình công”. Đại Tướng quân nghe theo sai Đại Mục một mình đến, cười ngựa lớn, mặc

áo giáp, tìm Văn Khâm cùng nhau nói chuyện. Trong lòng Đại Mục muốn giúp họ Tào, nói khơi rằng: “Quân hầu sao lại khổ sở không chịu nhịn được mấy ngày vậy”! Muốn khiến cho Khâm hiểu ý mình. Khâm vẫn không biết, lại còn lớn tiếng mắng Đại Mục nói: “Mi là người nhà của Tiên đế, không nghĩ cách đền ân mà lại giúp Tư Mã Sư làm phản; không nghĩ đến Thiên tử, trời chẳng tha mi”! Bèn lấp tên giương cung muốn bắn Đại Mục, Đại Mục khóc lóc nói: “Việc lớn hỏng rồi, hay cho còn tự gắng sức”.

Đại Tướng quân xua quân kị khỏe đuổi đánh, đại phá Khâm, Khâm chạy trốn. Hôm ấy, Kiệm nghe tin Khâm thua trận, sợ hãi buổi đêm cũng chạy, quân vỡ. Kịp đến huyện Thận, quân sĩ tả hữu dần dần bỏ Kiệm mà đi, Kiệm một mình cùng em út là Tú và cháu là Trọng nấp ở trong bãi cỏ ven sông. Dân của An Phong tân Đô úy Trương Thuộc liền bắn chết Kiệm, chuyển đầu về kinh đô. Thuộc được phong Hầu. Tú, Trọng chạy vào nước Ngô. Các tướng sĩ bị Kiệm, Khâm ép bức đều hàng cả.

Khâm gửi thư cho Quách Hoài nói: “Đại Tướng quân Chiêu Bá và Thái phó⁽³⁰⁾ cùng nhận mệnh vua, gọi đến giường nắm tay, trao gửi thiên hạ, đây là điều mà người gần xa đều biết. Sau lại vì thế lợi bèn dứt lòng thờ vua, cho nên họ hàng của mình đều là bọn anh tuấn một đời cũng vì thế mà đau lòng. Sao thế, sao thế! Công hầu cây có ân gần gũi Tư Mã Công, nghĩa như vàng đá, nhưng vào thời bấy giờ bị mắc bệnh nặng cho nên chỗ không gánh vác được. Vương Thái úy⁽³¹⁾ ghét sự chuyên quyền của Thái phó, ngầm muốn dấy binh, việc chẳng thành công, lại bị giết cả, gây hại đến Sở Vương⁽³²⁾, nghĩ thật là tiếc giận. Thái phó đã mất, nhưng con là Sư thay nối nghiệp cha, bạo ngược phóng túng, ngày càng nhiều thêm, đuổi vua giết Hậu, giết hại tôi trung, mang chứa lòng ác, rồi lại giết vua. Việc ấy còn nỡ làm thì việc gì không nỡ làm đây? Khâm lấy có là tôi cũ, thờ vua có nghĩa, mang giữ lòng trung, quên ăn quên ngủ, không gì hối tiếc vậy. Lúc Quán Khâu Tử Bang⁽³³⁾ tự gửi thư cho cha, khuyên nên Công hầu, dốc hết trung nghĩa thờ vua, tóc trắng dựng đứng thật như Thái Công. Mong nghĩ về miền đông, bóng hình giúp nhau. Ngày ấy nghe tin, không gì cảm kích bằng! Cho nên nghĩ đến bệnh tật của vợ con, liền cùng Quán Khâu Trán đông Tướng quân dấy hơn ba vạn nghĩa binh, đi về phía tây đến kinh sư, muốn giúp đỡ Nhà vua, tẩy trừ kẻ gian nghịch, kiễng chân về phía tây, không được nghe tiếng vọng, dẫu người Lỗ trông Cao Tử⁽³⁴⁾ cũng không đủ sánh vậy. Làm việc nhân không từ chối, hướng chi là cứu nạn cho vua, vì thấy đường đi xa trở cho nên chưa hẹn đúng mà thôi. Cùng thuyền cùng vượt sông, cùng nhận an nguy, đã vướng họa hại, không lời gì giải bỏ được, tự Công hầu biết rõ vậy. Cùng thờ họ Tào, tin cây nhà Ngụy, đến người đi đường đều biết như vậy. Như kẻ sĩ ở triều đình, mưu lợi sống tạm, tráng sĩ bị coi khinh, Công hầu bị xem thường, bọn nhà buôn cũng không nỡ làm vậy, hướng chi là kẻ sĩ làm quan đây?

Quân đã đến huyện Hạng, ta hẹn đến ngày mười sáu tháng nhuận sẽ tiến quân đi riêng, đến ở thành Lạc Gia đánh Sư. Nếu quân của Sư lúc ấy bị vỡ lở, sẽ bị chặt giáo, không còn lập lại thế, rồi ruổi dài đến thẳng kinh sư vậy. Nhưng chuyển lời đến trước, Quán Khâu Tướng quân còn chưa hiểu rõ, lại nói là ta bị làm, các quân do đó mà tan vỡ. Quán Khâu Tướng quân chạy về, rồi dần cởi giải, nhưng không kịp nữa. Ta phải về huyện Hạng, lại gặp mười hai tên quân của bọn Vương Cơ, tìm gặp Quán Khâu Tướng quân, đem quân đánh Sư, liền đánh phá được, đến đâu thắng đấy, bị chặn ở sau không nối tiếp sao? Quân lẻ lộn xộn, chẳng còn chỗ tiến lui, bèn về giữ Thọ Xuân, lại bỏ Thọ Xuân, toàn quân lìa tan, chẳng còn kể gì, chỉ còn biết theo về nước Ngô, mượn quân xin lương, bắt chức Ngũ Viên⁽³⁵⁾ mà thôi. Nếu không theo về, nếu còn dốc lòng, trả thù cho vua, mãi thờ cúng ân sủng của họ Tào, đấy cũng cái mà nước lớn ghi nhớ vậy. Há Công hầu không khiến cho Trình Anh, Xử Cửu⁽³⁶⁾ bị tiếng xấu ở thời xưa, mà khiến cho riêng Đại Ngụy không còn kẻ sĩ trung nghĩa chăng? Nay nước Đại Ngô vâng theo nghĩa lớn, thương cảm sâu sắc. Vẫn nghĩ đến giúp đỡ nước liền kề, có chung một thế, muốn cùng dấy binh, làm móng vuốt cho Trung Quốc, không muốn giúp cho riêng mình mà thôi. Công hầu hẳn muốn mang lòng bụng cùng dấy binh, mở rộng thế lớn, chỉ sợ quân lính miền Tàn Xuyên không thể nổi dậy riêng lẻ vậy. Kế của ngày nay, nên cúi mình theo người, trao thân theo nhà Hán⁽³⁷⁾, đông tây cùng nổi dậy mới có thể đánh thắng quân của Sư vậy. Mong xét kỹ lời này, nếu kế ngu này làm được, nên sai quân đất Hán chiếm giữ chỗ hiểm, khiến cho sáu cõi lướt theo để được cùng ban thưởng như Chu, Thiệu, nghĩ kế cho con cháu. Đấy cũng không phải là việc dễ, nhưng đại trượng phu nên ở vào thời nhiễu loạn để được tỏ rõ lòng trung. Đang mong tin lành”. Bấy giờ Quách Hoài đã chết, Khâm còn chưa biết cho nên viết thư này.

«Thế ngữ» viết: Quán Khâu Kiệm bị giết, bắt phe đảng hơn bảy trăm người, sai Thị ngự sử Đỗ Hữu xét tội, chỉ kẻ tội mười người đứng đầu, còn lại đều thả ra. Hữu tự Quý Tử, người Đông Quận, làm quan Kí Châu Thứ sử, Hà Nam Doãn của nhà Tấn. Con là Mặc, tự Thế Huyền, làm qua chức Lại bộ lang, Vệ úy.

Con Kiệm là Điện, làm Trị thư thị Ngự sử, lúc trước biết Kiệm mưu sắp nổi dậy, tự mình đem người nhà chạy trốn trên núi Linh Sơn huyện Tân An. Sai quân đi riêng đánh hạ được, giết ba họ của Kiệm.

«Thế ngữ» viết: Điện tự Tử Bang, có tiếng ở kinh kì. Lúc Tề Vương bị phế, Điện bảo Kiệm nói: “Đại nhân gánh vác việc lớn ở đất rợ, nước nghiêng lật mà vẫn vui vẻ tự giữ, chịu bị người bốn biển chê trách sao”? Kiệm cho là phải. Đại Tướng quân ghét Kiệm giúp người khác vậy. Lúc Kiệm dấy binh, xét hỏi những người ở đấy, nói là không theo người không làm được vậy. Kiệm mới dấy binh, sai bốn con là bọn Tông vào nước Ngô.

Giữa năm Thái Khang, nước Ngô bình, anh em Tông đều về Trung Quốc. Tông tự Tử Nhân, có phong thái của Kiệt, làm đến chức Linh Lăng Thái thú. Con Tông là Áo, làm Ba Đông Giám quân, Ích Châu Thứ sử. Tập Tạc Xỉ nói: “Quán Khâu Kiệt cảm kích mệnh lệnh của Minh Đế cho nên dấy binh ấy. Người quân tử cho rằng việc của Quán Khâu Kiệt không thành nhưng đáng gọi là tội trung. Dốc hết khí tiết mà giữ nghĩa là do mình vậy, thành hay bại là do thời vậy. Nếu mình không gặp thời, sao mà thành công được đây? Quên mình mà không tự cho là như thế, đây vốn gọi là trung vậy. Người xưa có nói: ‘Chết mà lại sống, sống thì chẳng thẹn’. Như Quán Khâu Kiệt có thể nói là không thẹn vậy”.

Khâm trốn vào nước Ngô, vua Ngô lấy Khâm làm Đô hộ, Giả tiết, Trấn bắc Tướng quân, U Châu Mục, Tiêu Hầu.

Khâm dâng biểu hàng Ngô nói: “Chịu mệnh không may, thường giúp nước Ngụy, hai lần bị trời ngăn chặn. Dầu nép bên góc đô vẫn tự biết không có đường đến vậy. Tư Mã Sư tội ác đầy trời, phế bỏ hai vua, dẫu Tân, Quý, Cao, Mãng⁽³⁸⁾, tội ác cũng không đủ sánh. Khâm nhiều đời chịu ân của nhà Ngụy, cái tình quạ mớm, mang chứa trong lòng, cái nghĩa ba vị, vẫn hẹn báo đáp. Khâm cùng bọn Quán Khâu Kiệt, Quách Hoài cùng dấy nghĩa binh, sắp cùng đánh Sư, tẩy trừ hung ác, thực là thần còn lo lắng vì ngu dốt. Mưu trí nông cạn, khí tiết không vững, đi không có chỗ dựa, thực là đau lòng. Trộm nghĩ không thể giúp đỡ bản triều nhưng vẫn mang lòng ngưỡng trông, không chỗ tự đặt. Liều theo phép xưa, gửi thân theo về, dựa vào oai trời, được nhờ gì chẳng? Nếu một ngày chết đi cũng không hối tiếc. Liền dâng tướng sĩ theo về giáo hóa, tạm xin được sống, không biết nói gì hơn. Kính dâng ấn thao Sư trì tiết, Tiên Tướng quân, Sơn Tang Hầu mà nhà Ngụy trao. Dâng biểu hổ thẹn, chịu nhận tội chết”. «Ngụy thư» viết: Khâm tự Trọng Nhược, người Tiêu Quận. Cha là Tắc, giữa năm Kiến An làm Kị tướng, có sức khỏe. Khâm thuở trẻ đã có tiếng là con nhà tướng, có tài võ được khen. Ngụy Phung làm phản, Khâm bị khép tội nói chuyện qua lại với Phung, lúc bắt vào ngục, bị đánh mấy trăm roi, sắp chết, Thái Tổ vì Tắc mà tha cho. Giữa năm Thái Hòa làm Ngũ doanh Hiệu đốc, ra làm Nha môn tướng. Tính Khâm cứng cỏi không có lễ phép, ở đây nghênh ngang phạm quan trên, không vâng phép cấm, liền bị trách phạt, Minh Đế giáng chức. Sau lại cho làm Hoài Nam Nha môn tướng, chuyển làm Lư Giang Thái thú, Ứng dương Tướng quân. Vương Lăng tâu kể Khâm tham bạo, không nên cho vô về biên giới, xin bãi quan trị tội, do đó gọi Khâm về. Tào Sảng thấy Khâm là người cùng thôn ấp, đối đãi hậu hĩnh, không nghĩ đến việc cũ của Khâm, lại sai về Lư Giang, bãi thêm chức Quán quân Tướng quân, ban sủng hơn trước. Khâm do đó thêm kiêu ngạo, ưa tự đánh dẹp, cậy mình vũ dũng hơn người, bèn ngày càng có tiếng hã ở ba quân. Sau khi Tào Sảng bị giết, bãi Khâm

làm Tiên Tướng quân để Khâm yên lòng, sau lại thay Gia Cát Đản làm Dương Châu Thứ sử. Từ khi Tào Sảng bị giết, Khâm thường sợ trong lòng, ghét nhau với Gia Cát Đản, không cùng mưu tính. Lúc Đản bỏ quân, Quán Khâu Kiệm đến, bèn ngầm cùng kết mưu. Thua trận chạy, ngày đêm đi gấp, quân đuổi theo không kịp, bèn vào được nước Ngô, được Tôn Tuấn đãi hậu. Khâm dẫu tại nước khác cũng không biết cúi mình dưới người, từ bọn Lữ Cừ, Chu Dị đến các Đại tướng đều ghét bỏ Khâm, chỉ có Tuấn là thường giúp đỡ Khâm.

TRUYỆN GIA CÁT ĐẢN

Gia Cát Đản tự Công Huru, người huyện Dương Đô quận Lang Nha, là dòng dõi của Gia Cát Phong⁽³⁹⁾ vậy. Lúc đầu vì làm Thượng thư lang mà được bái làm Huỳnh Dương Lệnh.

«*Ngụy thị Xuân thu*» viết: Đản làm Lang, cùng Bộc xạ Đổ Kì chèo thuyền trên sông Đào, gặp gió lật chìm, Đản cũng cùng bị đắm. Lính hộ bôn bơi sông cứu Đản, Đản nói: “Cứu Đổ Hầu trước đi”. Đản trôi vào bờ, chết rồi sống lại.

Vào làm Lại bộ lang, có người trao gửi người thân, liền xét rõ lời ấy mà cho dùng, sau làm việc sai trái, liền bị bàn xét lỗi đúng sai mà khen phạt, từ đấy quan lại chẳng ai không cẩn thận tiến cử. Dần dần chuyển làm Ngự sử Trung thặng Thượng thư, kết thân với bọn Hạ Hầu Huyền, Đặng Dương, nổi tiếng ở triều đình, người kinh đô cho là phải. Có người bàn nói Đản, Dương làm việc xa xỉ, chỉ có danh hão, dần dần không nên dùng lâu. Minh Đế ghét việc này, bãi chức Đản.

«*Thế ngữ*» viết: Bảy giờ kể sĩ anh tuấn thời ấy là bọn Tán kị Thường thị Hạ Hầu Huyền, Thượng thư Gia Cát Đản, Đặng Dương cùng qua lại với nhau, cho rằng bốn người bọn Huyền là ‘tứ thông’⁽⁴⁰⁾, tám người bọn Đản là ‘bát đạt’⁽⁴¹⁾, ba người là con của Trung thư giám Lưu Phóng là Hi, con của Tôn Tư là Mật, con của Lại bộ Thượng thư Vệ Trăn là Liệt đều không bằng được, nhưng vì dựa vào vị thế của cha mà xếp ba người vào bọn, cả thảy mười lăm người. Đế thấy họ xa xỉ lâu ngày, đều bãi quan ngăn cấm.

Gặp lúc Đế băng, đầu năm Chính Thủy bọn Huyền còn làm quan, lại lấy Đản làm Ngự sử Trung thặng Thượng thư, ra làm Dương Châu Thứ sử, thêm chức Chiêu vũ Tướng quân.

Lúc Vương Lăng ngầm mưu phản, Thái phó Tư Mã Tuyên Vương ngầm đem quân đánh miền đông, lấy Đản làm Trấn đông Tướng quân, Giả tiết, trông coi các quân Dương Châu, phong Sơn Dương Đình Hầu. Gia Cát Khác đem quân đến Đông Quan, sai Đản đem các quân đánh Khác, đánh với nhau, không lợi. Về, chuyển làm Trấn nam Tướng quân.

Sau đó Quán Khâu Kiệm, Văn Khâm phản, sai sứ giả đến chỗ Đản, kêu gọi quân quân Dự Châu. Đản chém sứ giả của chúng, cáo thị thiên hạ, cho biết bọn Kiệm, Khâm hung nghịch. Đại Tướng quân Tư Mã Cảnh Vương đánh miền đông, sai Đản đem các quân Dự Châu vượt bến An Phong hướng đến Thọ Xuân. Lúc Kiệm, Khâm bị phá, Đản đến Thọ Xuân trước. Hơn mười vạn người trong thành Thọ Xuân nghe tin Kiệm, Khâm thua, sợ bị giết, đều phá cửa thành ra ngoài, tản mát nơi đầm núi, có người chạy trốn vào nước Ngô. Vì Đản lâu ngày ở tại miền Hoài Nam, bèn lại cho làm Trấn đông

Tướng quân, Nghi đồng Tam ti, trông coi Dương Châu. Đại tướng Ngô là bọn Tôn Tuấn, Lữ Cự, Lưu Tán nghe tin miền Hoài Nam loạn, vừa lúc Văn Khâm đến, bèn đem quân tướng đến thẳng Thọ Xuân; bấy giờ các quân của Đản đã đến, không đánh được thành, liền rút. Đản sai Tướng quân Tưởng Ban đuổi đánh chúng, chém Tán, gửi đầu về, thu lấy ấn thao, tiến phong Cao Bình Hầu, thực ấp ba nghìn năm trăm hộ, chuyển làm Chinh đông Tướng quân.

Đản đã thân thiết với bọn Huyền, Dương, lại nữa bọn Vương Lăng, Quán Khâu Kiệm thay nhau bị giết sạch, sợ hãi không yên, dóc hết kho tàng cấp chẩn để gắn kết lòng người, nuôi dưỡng mấy nghìn người thân cùng bọn hiệp khách làm kẻ sĩ liều chết.

«Nguy lược» viết: Đản ban thưởng quá mức, có kẻ phạm cấm đáng chết cũng phá lệ mà tha cho được sống.

Mùa đông năm Cam Lộ thứ nhất, giặc Ngô muốn đến Từ Yết đánh bộ tướng của Đản là Mã Túc để đợi Đản, rồi lại xin mười vạn quân giữ Thọ Xuân, lại xin quận Lâm Hoài đắp thành để phòng giữ giặc cướp, trong lòng muốn giữ lấy miền Hoài Nam. Triều đình ngầm biết Đản có ý nghi ngờ, nhưng vì Đản là tôi cũ, muốn gọi về để ngăn ngừa. Tháng năm năm thứ hai, gọi về làm Tư không, Đản nhận chiếu thư, thêm sợ, bèn làm phản. Gọi họp các tướng, tự ra đánh Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm, giết Sâm.

«Thế ngữ» viết: Tư Mã Văn Vương đã nắm việc triều đình, Trương sư Giả Sung cho rằng nên sai giúp đỡ võ về bốn phương, do đó sai Sung đến Thọ Xuân. Sung về báo Văn Vương rằng: “Đản lại về Dương Châu, có oai danh, lòng dân theo về. Nay gọi về, tất không đến, đấy là họa nhỏ việc nhỏ; không gọi về, việc gấp họa lớn vậy”. Bèn bái làm Tư không. Thư đến, Đản nói: “Ta làm Công khanh đáng được đứng sau Văn Vương, nay lại làm Tư không sao! Không sai sứ giả mà mang thư đi nhanh, lại sai đem quân cho Nhạc Sâm, đấy tất là việc mà Sâm làm”. Liền đem mấy trăm tá hữu đến thành Dương Châu, người Dương Châu muốn đóng cửa, Đản quát rằng: “Người không phải là quan thuộc cũ của ta chớ!” Đi vào, Sâm chạy lên lầu, liền chém Sâm.

«Nguy mặt truyện» viết: Giả Sung gặp nhau với Đản, nói chuyện việc thời ấy, nhân đó bảo Đản nói: “Những người hiền ở Lạc Dương đều muốn nói ngói, đấy là điều mà ông biết vậy. Ông cho là thế nào”? Đản nghiêm mặt nói: “Người không phải là con của Giả Dị Châu⁽⁴²⁾ chớ? Nói đời nhận ân của nhà Ngụy, sao lại phản nước, muốn đem nhà Ngụy trao cho người khác thế? Ta không nỡ nghe thế. Nếu Lạc Dương có nạn, ta đành liều chết thôi”. Sung im lặng. Đản đã bị gọi về, mời các Nha môn tướng đến bày rượu hội yến, gọi các quân của Nha môn tướng đến, đều ban cho uống rượu, bảo mọi người rằng: “Lúc trước lập nghìn quân mang giáp vừa xong, muốn

đem đi đánh giặc. Nay sắp về Lạc Dương, không được dùng nữa, nay tạm đem ra, sẽ cùng mọi người đi vui chơi, chốc lát lại về; các ông tạm dùng”. Liền đánh trống sai bảy trăm người đi ra. Nhạc Sâm nghe tin, đóng cửa thành. Đản đi qua cửa nam truyền lệnh nói: “Sắp về Lạc Dương, tạm đi vui chơi, thành Dương Châu sao lại đóng cửa phòng giữ”? Đi đến cửa đông, cửa đông lại đóng, lại sai quân trèo thành phá cửa, người phủ chạy cả, thuận chiều gió phóng lửa, đốt kho phủ của châu, bèn giết Sâm. Đản dâng biểu nói: “Thần nhận việc nặng nề của nhà nước, trông coi quân sĩ ở miền đông, Dương Châu Thứ sử Nhạc Sâm lừa dối, nói là thần qua lại với giặc Ngô, lại nói là nhận chiếu thư nên thay chức của thần, không có phép tắc lâu rồi. Thần chịu mệnh vua, đem cái chết mà báo đền, rút cuộc không có lòng khác. Giận Sâm bất trung, liền đem bảy trăm quân kỵ bộ đến ngày sáu tháng này đánh Sâm, liền hôm đó chém đầu, treo đầu trên ngựa chuyển đến. Nếu triều đình xét rõ thì thần là tôi của nhà Ngụy; nếu không xét rõ thì thần là tôi của nước Ngô. Không kìm nổi tức giận đã lâu, kính dâng biểu bày tỏ ý ngu, đau xót khóc ra máu, nước nở sụt sùi, không biết làm sao, xin triều đình xét lòng thành của thần”.

Thần là Tùng Chi cho rằng: Lời mà Ngụy mạt truyện viết đều là thô tục. Ngờ rằng Đản dâng biểu kể lên không đến nỗi như thế.

Thu hơn mười vạn quân đóng đồn làm ruộng ở các quận huyện miền Hoài Nam và Hoài Bắc, bốn năm vạn quân Dương Châu vừa nương dựa, chứa thóc đủ dùng một năm, đóng thành tự giữ. Sai Trương sử Ngô Cương đem con nhỏ là Tịnh đến Ngô xin giúp.

«Thế ngữ» viết: Cuối năm Hoàng Sơ, người Ngô đào mộ của Trường Sa Vương Ngô Nhuế⁽⁴³⁾, đem gạch trong mộ đến Lâm Tương xây miếu thờ Tôn Kiên. Về mặt Nhuế như lúc sống, áo quần không mục. Sau có thầy xem tướng gặp Ngô Cương nói: “Ông giống gì với Trường Sa Vương Ngô Nhuế, hay là cháu nhỏ thôi”? Cương kinh ngạc nói: “Là tổ tiên vậy, ông sao lại biết được”? Người đó nói nguyên nhân, Cương nói: “Nên táng lại chằng”? Đáp nói: “Mau táng lại đi”. Từ năm Nhuế chết đến lúc đào mộ đã hơn bốn trăm năm, Cương là cháu đời thứ mười sáu của Nhuế vậy.

Người Ngô rất mừng, sai tướng là bọn Toàn Dịch, Toàn Đoan, Đường Tư, Vương Tô đem ba vạn quân ngầm cùng với Văn Khâm đến cứu Đản. Lấy Đản làm Tả Đô hộ, Giả tiết, Đại Tư đồ, Phiếu kỵ Tướng quân, Thanh Châu Mục, Thọ Xuân Hầu. Bấy giờ Trần nam Tướng quân Vương Cơ vừa đến, đem các quân vây Thọ Xuân, không thắng. Bọn Tư, Khâm từ phía đông bắc thành men theo núi đến chỗ hiểm, liền đem quân phá vây vào thành.

Tháng sáu, Nhà vua đánh miền đông, đến huyện Hạng. Đại Tướng quân Tư Mã Văn Vương đem hai mươi sáu vạn quân trong ngoài đến miền sông Hoài đánh chúng. Đại Tướng quân đóng đồn ở Khâu Đầu, sai Cơ cùng bọn

An đông Tướng quân Trần Khiên hợp vây bốn mặt, tròn ngoài nhiều lớp, đắp lũy rất cao, lại sai bọn Giám quân Thạch Bao, Duyệt Châu Thứ sử Trần Thái chọn quân khỏe làm quân đi tuần tra phòng bị giặc ở ngoài vào cướp. Bọn Khâm mấy lần ra phá vây, đón đánh đuổi chúng. Tướng Ngô là Chu Di lại đem đại quân đến đón bọn Đản, vượt sông Lê Tương, bọn Trần Thái cùng đón đánh, thường bẻ gãy thế mạnh của chúng. Tôn Sâm thấy Di không tiến được, giận mà giết Di. Trong thành lương càng thiếu, quân cứu ở ngoài lại không đến, quân không biết nhờ ai. Tướng quân Trương Ban, Tiêu Di đều là người nhanh vuốt bày mưu cho Đản bèn bỏ Đản trèo thành ra theo Đại Tướng quân.

«Hán Tấn Xuân thu» viết: *Tướng Ban, Tiêu Di nói với Gia Cát Đản rằng: “Bọn Chu Di đem đại quân đến mà không tiến được, Tôn Sâm giết Di mà về Giang Đông, ngoài mượn tiếng là phát binh nhưng trong thực là ngồi mà xem thành bại, ý họ muốn về đã rõ vậy. Nay nên nhân lúc lòng quân còn vững, quân sĩ dùng được, dốc sức liều chết đánh vào một phía, dầu không thắng cả được nhưng vẫn có chỗ vẹn toàn”. Văn Khâm nói: “Người Giang Đông dựa vào oai thắng trận lâu rồi, chưa có cái nạn ở miền bắc. Huống chi ngày nay ông đem hơn mười vạn quân theo về, mà Khâm và bọn Toàn Đaoan đều cùng ở nơi đất chết, cha con anh em ở cả tại Giang Đông, nếu Tôn Sâm không muốn cứu, vua trên cùng họ hàng há chịu nghe theo sao? Vả lại Trung Quốc không năm nào không có việc quân, quân dân đều mệt mỏi, nay chống ta một năm, sức lực đã khôn, chỉ mưu nghĩ đường sống, sắp có sinh biến, xét việc cũ mà chuẩn bị việc ngày nay thì có thể tính ngày mà đợi vậy”. Ban, Di cố khuyên Đản, Khâm giận, rồi Đản muốn giết Ban. Hai người sợ, lại biết Đản tất thua, đến tháng mười một bèn cùng dắt nhau ra hàng.*

Đại Tướng quân lại sau về li gián, đem việc này khuyên bọn Toàn Đaoan, bọn Đaoan bèn đem mấy nghìn quân mở cửa ra ngoài. Người trong thành sợ hãi, không biết làm gì.

Tháng giêng năm thứ ba, bọn Đản, Khâm, Tư làm chiến cụ lớn, năm sáu ngày đêm phá vòng vây ở phía nam, muốn quyết đánh mà ra.

«Hán Tấn Xuân thu» viết: Văn Khâm nói: “Tướng Ban, Tiêu Di nói rằng quân ta không ra mà chạy thoát được, Toàn Đaoan, Toàn Dịch lại đem quân ra hàng, đây là lúc địch không phòng bị, nên ra đánh thôi”. Đản và bọn Đường Tư cho là phải, bèn cùng đem hết quân ra đánh.

Các quân ở trên vòng vây đến chỗ cao để bắn tên lửa ném tảng đá đốt phá chiến cụ của chúng, tên nổ cùng tảng đá bay như mưa rơi, người chết trùm đất, máu chảy đầy lũy. Lại về vào thành, trong thành lương sắp hết, mấy vạn người ra hàng. Khâm muốn xua hết người miền bắc ra ngoài, giảm ăn, cùng người Ngô giữ vững, Đản không nghe, do đó tranh cãi. Khâm vốn có hiềm khích với Đản, dầu cùng mưu kế nhưng việc gấp thì ngờ nhau. Khâm gặp

Đản bày kế, Đản bèn giết Khâm. Con Khâm là Ương và Hồ lĩnh quân ở trong thành nhỏ, nghe tin Khâm chết, đem quân đi nhanh đến xem, quân không theo lệnh. Ương, Hồ chạy riêng, trèo thành ra ngoài theo về Đại Tướng quân. Quan tướng xin giết họ, Đại Tướng quân hạ lệnh rằng: “Tội của Khâm không đáng giết, con hắn đáng ra phải giết nhưng Ương, Hồ vì thế cùng mà theo hàng, vả lại thành chưa phá, giết họ là làm cho lòng người trong thành thêm vững vậy”. Bèn tha Ương, Hồ, sai đem mấy trăm quân kỵ đi quanh thành, kêu gọi người trong thành rằng: “Con của Văn Khâm còn không bị giết, người khác sợ gì”? Cho Ương, Hồ làm Tướng quân, ban tước Quan Nội Hầu. Trong thành vừa mừng vừa lo, lại ngày càng đói khổ, trí lực của bọn Đản, Tư đã cùng. Đại Tướng quân lại tự đến vòng vây, phát quân bốn phía, cùng lúc đánh trống trèo lên thành, người trong thành không dám động. Đản vội vàng một mình cưỡi ngựa đem người dưới cờ phá cửa thành nhỏ ra ngoài. Quân bản bộ của quan Tư mã Hồ Phấn của Đại Tướng quân đón đánh, chém Đản, chuyển đầu đến, giết ba họ. Mấy trăm người dưới cờ của Đản không chịu hàng bị bắt chém, đều nói: “Vì Gia Cát Công mà chết cũng không tiếc”. Đản được lòng người như thế.

«Tán kỉ» của Can Bảo viết: Mấy trăm người bị trói tay xếp thành hàng, hễ chém người nào liền khuyên hàng, đến hết nhưng chẳng đổi ý, người thời ấy sánh họ với Điền Hoàn⁽⁴⁴⁾. Tướng Ngô là Vu Thuyên nói: “Đại trượng phu chịu mệnh của vua, đem quân cứu người, đã không thắng được, lại trói tay hàng địch, ta chẳng làm vậy”. Liền cởi mũ xông vào trận mà chết.

Đường Tư, Vương Tộ và các bộ tướng đều trói tay hàng, quân Ngô có đến vạn người, đồ vũ khí nhiều chất thành đống.

Lúc đầu vây Thọ Xuân, nhiều người bàn muốn đánh nhanh đi, Đại Tướng quân cho rằng: “Thành vững lại quân đông, đánh gấp tất sức mỏi, nếu lại có giặc ngoài, trong ngoài cùng gặp địch, đấy là nguy vậy. Nay ba tên giặc phản tự nhau ở trong thành lẻ, đấy là trời giúp ta sai chúng cùng bị giết, ta nên dùng kế vẹn toàn mà bắt trói chúng, có thể ngồi mà chống vậy”. Đản làm phản từ tháng năm năm thứ hai đến tháng hai năm thứ ba thì bị phá diệt. Sáu quân bỏ giáp, hào sâu lũy cao mà Đản tự khôn, rút cuộc không đánh nhiều mà thắng.

«Tán kỉ» của Can Bảo viết: Lúc trước, thành Thọ Xuân mỗi năm mưa to, nước sông Hoài dâng lên tràn ngập thành áp, cho nên Văn Vương đắp lũy vây, Đản cười việc ấy nói: “Lũy ấy không cần đánh mà tự vỡ vậy”. Lúc Đại Tướng quân đánh, lại nhiều năm khô hạn. Thành đã hãm, ngày đó mưa to, lũy vây đều vỡ. Con Đản là Tịnh, tự Trọng Tư, sau khi Ngô bình thì theo nhà Tấn. Con Tĩnh là Khôi, tự Đạo Minh, làm đến Thượng thư lệnh, truy tặng chức Tả quang lộc Đại phu Khai phủ.

Lúc phá Thọ Xuân, người bàn lại cho rằng người miền Hoài Nam vẫn hay

phản nghịch, người nhà của quân Ngô ở tại Giang Nam, không nên tha, nên chôn sống hết chúng. Đại Tướng quân cho rằng: “Người xưa dùng binh, giữ vững đất nước là trên hết, chỉ giết kẻ đầu sỏ gây ác mà thôi. Nếu quân Ngô được thả về thì được dịp tỏ rõ cái rộng lượng của Trung Quốc vậy”. Bèn không giết người nào, chia họ ra tại ba quận miền Tam Hà để ở yên.

Đường Tư vốn là người quận Lợi Thành. Giữa năm Hoàng Sơ, người quận Lợi Thành phản, giết Thái thú Từ Cơ, bầu Tư làm chủ. Văn Đế sai các quân đến đánh phá Tư, Tư chạy vào biển, rồi trốn đến Ngô, làm đến chức Tả Tướng quân, phong tước Hầu, ban Giả tiết. Đản, Khâm bị giết, Tư cũng bị bắt sống, ba tên giặc phản đều bắt được, thiên hạ vui mừng.

Phó Tử nói: “Tống Kiến giết trâu cầu đảo, cuối cùng tự phá diệt. Văn Khâm hằng ngày cúng tế thờ trời, bị người khác chém. Vợ chồng Gia Cát Đản tụ họp thầy mo, cúng tế xin phúc, bị phơi thây ở miền Hoài Nam, đấy là việc mà thiên hạ cùng thấy, đủ để soi rõ vậy”.

Bái Tư làm An viễn Tướng quân, các bộ tướng khác đều ban chức vị, người Ngô theo phục. Người Giang Đông cảm kích, đều không giết người nhà của Tư. Các quân dân quan tướng miền Hoài Nam bị Đản bắt ép, chỉ giết kẻ đứng đầu, còn lại đều tha. Nghe nói Ương, Hồ thu liệm thây Khâm, cấp cho xe ngựa, đến táng ở mộ cũ.

Tập Tạc Xỉ nói: “Từ đấy thiên hạ sợ oai nhớ đức vậy. Người quân tử nói Tư Mã Đại Tướng quân ở trận ấy có thể nói là giỏi dùng đức mà đánh vậy. Người dựng nghiệp tài lạ, đều có chỗ giỏi, nhưng không được giỏi hết cả. Cho nên bậc anh hùng rất thận vũ bị diệt bởi không có lòng nhân, kẻ có nghĩa giữ nước lại thua vì nhu nhược. Nay một trận mà phá được ba kẻ phản, bắt được nhiều quân Ngô, thu cuốn miền Hoài Nam, bắt trời mười vạn người, có thể nói là tráng vậy. Vậy mà không trọn vẹn, gạt bỏ công của Vương Cơ, ban huệ cho người Ngô, kết tình với nước khác, cho Ương táng Khâm, quên hiềm khích ngày trước, không bắt lỗi quân của Đản, khiến cho kẻ sĩ Dương Châu mang thẹn, công cao mà người dân vui theo nghiệp, nghiệp lớn mà địch nhớ đức, oai võ đã lan rộng, tài văn lại thấm sâu, xem đạo ấy của ông, thiên hạ có ai sánh được ông đây”? Gạt công của Vương Cơ, lời nói tại «Vương Cơ truyện». Ương còn có tên là Thục. «Tán chư công tán» viết: Sau đó Thục làm Tướng quân, phá giặc ở Lương Châu, tiếng nổi thiên hạ. Giữa năm Thái Khang làm Đông Di Hiệu úy, Giả tiết. Đang làm quan, vào từ biệt Vũ Đế, Đế gặp mà ghét Thục, mượn việc khác mà bãi chức Thục. Đông An Công Do là cháu ngoại của Gia Cát Đản muốn giết Thục, nhân lúc giết Dương Tuấn, gièm Thục mưu phản, bèn giết ba họ.

VƯƠNG LĂNG TRUYỆN

Vương Lăng tự Ngạn Vân, người quận Thái Nguyên huyện Kỳ. Chú ruột là Doãn, làm quan Tư Đồ nhà Hán, từng tru diệt Đông Trác. Bọn tướng của Trác là Lý Thôi, Quách Dĩ vì Trác báo cừu, vào Trường An, giết Doãn, giết sạch gia quyến. Lăng cùng với anh là Thần, bấy giờ còn ít tuổi, trèo thành chạy thoát, bỏ trốn về quê. Lăng được tiến cử làm Hiếu liêm, làm trưởng huyện Phát Kiên, ít lâu sau được thăng làm Thái thú Trung Sơn, tại chức được một thời gian, Thái Tổ cho vời Lăng về làm Thừa tướng duyện chức.

[Ngụy lược chép: Lăng làm Trưởng huyện, lỡ mắc tội, phải chịu hình phạt cắt tóc năm năm, đi quét rác ở trên đường. Lúc xe của Thái Tổ qua đó, hỏi Lăng mắc tội gì, tả hữu đem tội trạng thưa lại. Thái Tổ nói: “Con của ông ấy cũng là con của sư huynh ta⁽⁴⁵⁾, có tội thì bị buộc tội cũng là công bằng thôi.” Rồi cho viên Chủ giả tuyển Lăng làm Kiêu kỵ chủ bộ.]

Văn Đế lên ngôi, bái Lăng làm Tán kỵ thường thị, rồi cho ra ngoài làm Thứ sử Duyện Châu, cùng với bọn Trương Liêu đến Quảng Lăng đánh dẹp Tôn Quyền. Sắp đến đại giang, ban đêm có gió lớn, bọn tướng Ngô là Lã Phạm bơi thuyền đến bờ Bắc. Lăng cùng chư tướng đón đánh, lòng bắt chém đầu bọn giặc, bắt được thuyền địch, có công, Lăng được phong làm Nghi Thành đình hầu, gia thêm chức Kiến vũ tướng quân, chuyển về Thanh Châu. Lúc bấy giờ ở Hải Tân vì mới sau cơn tang loạn, luật pháp chưa nghiêm chỉnh. Lăng ban bố chính giáo để thi hành, thường thiện phạt ác, rất có kỷ cương, được bách tính ngợi khen, chẳng kể hết lời. Sau Lăng theo Tào Hưu đi đánh Ngô, cùng với quân giặc gặp nhau ở Giáp Thạch, quân của Hưu thất lợi, Lăng ra sức chiến đấu phá vỡ vòng vây, Hưu được thoát nạn. Lăng vẫn bị chuyển đi làm Thứ sử Dương Châu, Dự Châu, Lăng ở đâu đều khiến cho quân dân ở đó được vui lòng. Lúc Lăng mới đến Dự Châu, cho treo biển biểu dương con cháu của các bậc tiên hiền, cầu lấy những kẻ sĩ chưa được hiển danh, mọi việc đều có khuôn phép, ý nghĩa rất cao đẹp. Trước đó, Lăng cùng với Tư Mã Lăng, Giả Quỳ là bạn hữu, lúc đến Duyện, Dự, Lăng kể thừa được công tích của bọn họ. Năm Chính Thủy sơ, Lăng làm Chinh đông tướng quân, được ban Giả tiết đô đốc các việc quân sự ở Dương Châu. Năm thứ hai, đại tướng nước Ngô là Toàn Tông đem mấy vạn quân vào cướp phá Thục Pha, Lăng thống suất chư quân đón đánh, cùng với giặc tranh chiếm con đê, hết sức giao chiến liên tiếp nhiều ngày, quân giặc rút lui. Lăng được tấn phong tước Nam Hương hầu, hưởng thực ấp một ngàn ba trăm năm mươi hộ, thăng chức Xa kỵ tướng quân, Nghi đồng tam ti.

Bấy giờ cháu ngoại của Lăng là Lệnh Hồ Ngu vì có tài năng được làm Thứ sử Duyện Châu, đóng trị sở ở Bình A. Các cậu của Ngu đều giữ binh

quyền, chuyên trách công việc ở Hoài Nam. Lãng đã được thăng làm Tư Không. Tư Mã Tuyên Vương giết xong Tào Sảng, tiến cử Lãng làm Thái úy, ban cho Giả tiết việt. Lãng, Ngu bí mật cùng tính kế, nói rằng Tề vương⁽⁴⁶⁾ chẳng qua vì được thiên vị, Sở vương Bru lớn tuổi mà có tài, muốn nghênh đón lập Bru đóng đô ở Hứa Xương. Năm Gia Bình nguyên niên tháng chín, Ngu phái tướng là Trương Thức đến Bạch Mã, cùng với Bru qua lại thăm hỏi nhau⁽⁴⁷⁾. Lãng lại phái xá nhân là Lao Tinh đến Lạc Dương, nói chuyện với con mình là Quảng. Quảng nói: “Phế lập là chuyện đại sự, chớ gây hoạ cho tổ tiên.”

[Hán Tấn Xuân Thu chép: Lãng, Ngu bàn mưu, vì đế còn nhỏ bị áp chế bởi cường thần, chẳng kham nổi cương vị làm chúa, Sở vương Bru lớn tuổi mà có tài, muốn đón về lập làm đế, để hưng Tào thị. Lãng sai người đến bảo với Quảng, Quảng nói: “Phàm làm chuyện đại sự, phải ứng theo nhân tình. Nay Tào Sảng kêu xa mất lòng dân, Hà Bình Thức rộng tuếch mà chẳng sửa mình, Tất, Hoàn, Đặng, Dương dù gồm đủ có danh vọng, song hết thay đều ganh đua với đời⁽⁴⁸⁾. Thêm nữa là thay đổi phép tắc triều đình, thì phải cân nhắc cải biến chính lệnh, dù giữ được ngôi cao mà kẻ làm việc ở dưới chẳng tiếp nhận nổi, dân quen với lối cũ, mọi người chẳng ai theo. Dẫu cho thế lực có nghiêng bốn bề, danh tiếng chấn động thiên hạ, cùng một ngày chém giết, các danh sĩ giảm đi một nửa, mà bách tính yên lặng, tuyệt chẳng có ai ngờ vực hay xót thương, ấy là mất lòng dân vậy. Nay chí nguyện của Ý dẫu khó lường, song làm việc chưa có gì sai trái, mà đế bạt dùng kẻ hiền năng, mở mang gây dựng điều tốt cho mình, trước tiên là sửa sang chính lệnh triều đình, xứng với thịnh cầu của chúng nhân. Sảng đối với việc đó thì cho là xấu, mà bên kia chẳng ai không mong thay đổi, sớm tối làm việc cẩn trọng, chuyên cần gắng sức chẳng lười biếng, lấy thương dân làm đầu. Cha con anh em ông ấy, đều nắm giữ binh quyền trọng yếu, chưa dễ vong bại được” Lãng không theo.]

[Thần Tùng Chi cho rằng những lời giống như thế, sử sách thời trước đều không chép lại, mà xuất hiện ở Tập thị. Và lại đặt ra những lời về khuôn phép thể chế chẳng giống như sự tích, ngờ là đều do Tạc Xi tự tạo ra vậy⁽⁴⁹⁾.]

Tháng mười một năm ấy, Ngu lại phái Thức đến chỗ Bru, còn chưa quay về, vừa lúc Ngu bị ốm chết.

[Ngụy thư chép: Ngu tự Công Trì, vốn có tên là Tuấn, năm Hoàng Sơ trung, làm Hoà nhung hộ quân. Quan hiệu úy ở quận ô Hoàn là Đoàn Dự đánh dẹp rợ Hồ lập công, song có lỗi nhỏ trái là lệnh điều động, Ngu lấy phép tắc bó buộc Dự. Để giận, bắt trói Ngu, bãi miễn chức quan trị tội, chiếu viết “Tuấn gì mà ngu dốt vậy!” Bởi thế mới có cái tên ấy⁽⁵⁰⁾. Năm

Chính Thủy trung, Ngu được làm Trưởng sử cho Tào Sảng, sau ra ngoài làm Thứ sử Duyên Châu.]

[Ngụy lược chép: Ngu nghe nói Sở Vương Bưu có trí dũng. Ngày trước ở Đông quận có kẻ nói xằng bậy rằng: “Có con ngựa bạch ở Hoàng Hà biến thành Yêu mã, ban đêm đi qua chỗ quan coi ngựa ở ven sông hí vang, các con ngựa khác đều hưởng ứng, sáng hôm sau thấy ở bờ sông có dấu vết, lớn như cái học, kéo dài mấy dặm, rồi quay về chui xuống dòng sông.” Lại có lời đồng dao rằng: “Ngựa bạch vốn ở xứ người, nay rong ruổi xuống tây nam, ai cười được nó, thì là Chu hổ ky.” Vì Sở vương tiểu tự là Chu Hồ, cho nên Ngu và Vương Lãng có âm mưu lập Sở vương⁽⁵¹⁾. Ngu bèn phái người chuyển ý đến Vương, nói “Sứ quân⁽⁵²⁾ gửi ý tới Vương, việc trong thiên hạ chẳng thể biết được, xin Vương hãy tự quan tâm đến bản thân mình!” Bưu cũng ngầm hiểu ý ấy, đáp lời rằng “Người bảo với sứ quân, là ta biết hậu ý của sứ quân rồi.”]

Năm thứ hai, sao Huỳnh hoặc phạm vào Nam đầu, Lãng bảo: “Ở giữa chòm Nam đầu có ngôi sao, là đang có việc quý hiển bất ngờ vậy.”

[Ngụy lược chép: Lãng nghe nói có người dân ở Đông Bình là Hạo Tường hiểu thiên văn, cho gọi người đến hỏi Tường. Tường ngờ là Lãng ngầm có ý riêng tây, muốn làm Lãng hài lòng, không nói rằng nước Ngô đang có tang sự, mà nói việc ở địa phận Hoài Nam nước Sở, nay Ngô, Sở là cùng một quê, đang là lúc vượng khí hưng thịnh. Cho nên kế của Lãng mới định.]

Năm thứ ba mùa xuân, giặc Ngô phong tỏa đường thủy. Lãng muốn nhân đó cử sự, bèn nghiêm lệnh chinh đốn ba quân, dâng biểu xin ra đánh dẹp giặc; có chiếu chỉ trả lời là triều đình không đồng ý. Âm mưu của Lãng quá lớn, liền phái tướng quân Dương Hoảng đem việc phế lập bảo với Thứ sử Duyên châu là Hoàng Hoa, Hoa và Hoảng liên danh đem chuyện bẩm với Thái phó Tư Mã Tuyên Vương. Tuyên Vương đem trung quân xuôi đường thủy đánh Lãng, trước tiên xuống lệnh xá tội cho Lãng, lại gọi quan Thượng thư Quảng Đông, sai viết thư dụ Lãng, đại quân âm thầm tiến đến Bách Xích uy bức Lãng. Lãng tự biết thế cùng, bèn cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra nghênh đón Tuyên Vương, phái phó quan là Vương Úc đến tạ tội, mang theo ấn thụ, tiết việt. Quân đến Khâu Đầu, Lãng tự trói mình ở trên sông. Tuyên Vương thừa chiếu phái quan Chủ bộ cởi trói cho kẻ làm phản đã phục tùng, rồi diện kiến Lãng, úy lạo, trao trả ấn thụ, tiết việt, phái sáu trăm quân bộ kỵ đưa Lãng về kinh đô. Lãng đến huyện Hạng, uống thuốc độc mà chết.

[Ngụy lược chép bức thư của Lãng gửi Thái phó rằng: “Chợt nghe được tin thần quân bí mật tiến phát, giờ Tỵ đã ở Bách Xích, đâu biết số mệnh mình cùng tận, vẫn đợi ngài để được tương kiến, thân thủ có phân li, cũng chẳng lấy thể làm ân hận, trước sau đã sai phái sứ giả gửi thư đi, mà chưa có tin báo về, nhón gót chân trông về tây, không rõ vì sao. Hôm qua sau khi kẻ hèn

này phái người đưa thư đi, đã lập tức cười thuyên tới nghênh đón, nghỉ đêm ở Khâu Đầu, sớm nay tiến phát từ Phò Khẩu, kính nhận cáo thư xá tội, lại được gia ân thêm hai mươi ba ngày nữa, rồi liên tiếp nhận được thư tín, dạy bảo khuyên răn cho hiểu rõ, kẻ này nghe mệnh mà kinh ngạc, cõi lòng tan nát, chẳng biết nên tự xử mình ở chỗ nào? Kẻ hèn này lâu nay làm nhục đến ân huệ của triều đình, thường được tin dùng mà không công hiệu, cho thống quản binh nhung, đi chinh phạt nhất thống miền đông, việc làm có chỗ khiếm khuyết, lúc cốt yếu lại vi phạm phép tắc, mắc tội hay thay đổi⁽⁵³⁾, vợ con ở cùng huyện, không có chỗ để trông mong vậy. Chẳng ngờ trời che đất chở được nhận thánh ân, vượt quá với cái ân huệ là bảo toàn mệnh sống, còn được thấy nhật nguyệt. Ngờ rằng vì lời của bọn tiểu nhân của đũa cháu ngoại đã chết là Lệnh Hồ Ngu, mà kẻ hèn này lập tức bị oan ức, khiến cho chẳng được nói rõ hết sự tình. Điều người ta đã biết, có thần minh chứng giám, ấy là việc sai trái không tỏ tường, đến nay thốt nhiên bùng phát ra ngoài, kẻ hèn này biết rằng đó là tội bị giết bêu đầu. Ôi, sinh ra ta là cha mẹ, cứu sống ta là người vậy.” Lại viết thêm: “Thân này bị hãm vào hình tội, được tha thứ cho việc làm xằng bậy. Nay phái phó quan đưa án thụ sang, lát sau xin đến, sẽ làm như chiếu thư tự trói mình theo mệnh. Dù tức hạ thiên vị cho ta, nhưng phép tắc của nhà nước có phân biệt.” Khi đến nơi, làm đúng như thư đã viết. Thái phó sai người cởi trói cho Lãng. Lãng đã được tha, thêm nữa cạy vào giao tình cũ, không còn nghi ngờ gì, bèn cưỡi một chiếc thuyền nhỏ ra tự thú với Thái phó. Thái phó sai người chặn Lãng lại, cắm thuyền ở giữa sông, còn cách hơn mười trượng. Lãng biết mình bị coi là người ngoài, bèn ở đằng xa bảo Thái phó rằng: “Khanh trực tiếp viết thư cho người triệu ta, ta há dám không đến chẳng? Sao còn phải dẫn quân đến đây nữa!” Thái phó nói: “Vì khanh viết thư không nhận là mình có lỗi nên như vậy thôi.” Lãng nói: “Khanh phụ ta!” Thái phó nói: “Ta thà phụ khanh, chứ chẳng thể phụ quốc gia được.” Bèn sai người hộ tống Lãng về phương tây. Lãng tự biết mình tội nặng, dò tìm cái đình đóng quan tài, để xem xét ý tứ của Thái phó, thấy Thái phó đã cung cấp đủ. Lãng đến huyện Hạng, đang đêm gọi phó quan thuộc hạ rồi vĩnh biệt rằng: “Ta tuổi gần đến tám mươi, thân danh đều bị diệt sao!” Rồi tự sát.]

[Tán ký của Can Bảo chép: Lãng đến huyện Hạng, thấy đền thờ của Giả Quỳ ở bên sông, Lãng kêu to rằng: “Giả Lương Đạo, Vương Lãng hết mực trung thành với xã tắc nhà Ngụy, chỉ có thần minh mới biết được tấm lòng của Lãng thôi.” Tháng tám năm ấy, Thái phó có bệnh, mộng thấy Lãng và Quỳ khắp mình lở loét, rất căm ghét bọn ấy, sau chết.]

Tuyên Vương bèn đến Thọ Xuân. Bọn Trương Thức đều ra tự thú, Vương bèn tra xét đến cùng việc ấy. Bưu được ban cho tự xử, chư tướng liên quan tất cả đều bị tru di tam tộc.

Triều đình bàn luận hết thảy cho rằng theo nghĩa lý của kinh Xuân Thu, Thôi Trữ, Trịnh Quy ở nước Tề tội còn hơn cả mức truy lục, bị phá quan tài phơi bày thi thể, tội trạng chép vào điển tịch⁽⁵⁴⁾. Cái tội của Lãng và Ngu nên xét theo như phép cũ. Để bèn cho đào bới mộ của Lãng và Ngu, phá quan tài, phơi thi thể ở gần chỗ chợ búa ba ngày, thiêu hủy ân thụ và triều phục của hai người, rồi vùi thân xuống đất.

Lại tiến cử ban cho Hoảng, Hoa tước vị là Hương hầu. Quảng có chí hướng ưa chuộng việc học hành, lúc chết mới ngoài bốn mươi tuổi.

(Hết Vương Lãng truyện)

[CHÚ THÍCH]

(1) *Kiều - là cái mộc che tên, Thích - là cái búa. Tích xưa kể rằng, rợ Miêu không phục vua Nghiêu, tướng đi đánh dẹp, không đánh được. Vua Nghiêu cho múa kiêu thích thị oai ở cung đình, bảy ngày sau rợ Miêu đến hàng phục.*

(2) *Công Tôn Thuật là người cuối thời Tây Hán, sau loạn Vương Mãng, Thuật chiếm cứ đất Thục xưng đế, thủ phủ đóng ở Thành Đô. Quang Vũ Đế khôi phục nhà Hán, chiêu dụ, Thuật cự tuyệt rồi bị Quang Vũ Đế bắt giết. Trước sau Thuật xưng đế được 12 năm.*

(3) *Có lẽ Hội lấy lý do Tự không chịu đi cùng Ngải nên bắt tội đưa về Ngụy để mình được chuyên quyền.*

(4) *Ấn thụ là con dấu và dây thao đở, chỉ đám tướng lĩnh quân binh đến hàng, phải nộp ấn tín, dây đai.*

(5) *Kiều thích: Xem chú thích ở trên.*

(6) *Trở Tào Mao.*

(7) *Trở Tư Mã Chiêu, cũng ngầm khoe công mình.*

(8) *Quân sỹ của Hội.*

(9) *Thai tức là sao Tam Thai, theo sách Thiên văn nói thì ngôi sao ấy như ngôi Tam Công vậy. Ý ở đây nói dòng dõi nhà Hội ba đời là Tam công*

(10) *Nguyên văn là ‘tâm đảm dĩ phá’, dịch thoát.*

(11) *Giả Sung, bảy giờ làm Hộ quân.*

(12) *Cán tá: Giúp việc.*

(13) *Duyện: Tức là người phụ tá chuyên giúp việc.*

(14) *Nhung Địch là những bộ tộc Rợ ở phía Bắc và Tây Bắc vùng Hoa Hạ.*

(15) *Hiểm Duẫn là chỉ các tộc người rợ phương Bắc.*

(16) *Hiền Vu tức là vua tộc Hung Nô, cũng là một bộ tộc lớn phương Bắc, sau này là Mông Cổ.*

(17) *Tức Tào Mao.*

(18) *Hành tức là trông coi việc.*

(19) *Trương Tuân là con Trương Bào, cháu Trương Phi.*

(20) *Kinh ngê tức là cá voi cá kình.*

(21) *Nguyên văn lời thoán trong Kinh dịch về quẻ Kiển là ‘lợi Tây Nam, bất lợi Đông Bắc, lợi kiến đại nhân, trinh cát’. Tức là Đi về Tây Nam thì lợi,*

đi về Đông Bắc sẽ bất lợi. Gặp đại nhân giúp mới được lợi, bèn giữa chính đạo thì mới tốt. Ở đây cụ Bùi Tùng lý giải rõ quẻ Kiển khác với lời mà cụ Trần Thọ dẫn qua lời nhân vật Viên Thiệu nói về quẻ Kiển với Đặng Ngải.

(22) Miền Hà Hữu: tức vùng đất phía tây sông Hoàng Hà. Sông Hoàng Hà có chỗ chảy từ phía nam lên phía bắc, phía tây sông gọi là vùng Hà Tây, hoặc vùng Hà Hữu.

(23) Đông cung: thời xưa Thái tử ở cung phía đông cho nên Thái tử cũng gọi là 'Đông cung'. Ý nói lúc Ngụy Minh Đế còn làm Thái tử rất gần gũi với Kiệm.

(24) Tướng quốc Ý: tức Thái phó Tư Mã Ý.

(25) Tề Vương: tức Tào Phương.

(26) Hai tên giặc: chỉ hai nước Ngô và Thục

(27) Thái úy Phu: tức Thái úy Tư Mã Phu.

(28) Bảo phó: tức tên gọi chung cho chức quan dạy dỗ con em quý tộc trong cung.

(29) Giết Côn dùng Vũ: thời vua Thuần, nước sông tràn ngập, vua Thuần sai Côn đi trị thủy, mười năm không xong, giết Côn, dùng con Côn là Vũ thay đi trị thủy, bèn xong, tức vua Vũ của nhà Hạ.

(30) Đại Tướng quân Chiêu Bá và Thái phó: tức Đại Tướng quân Tào Sảng, tự Chiêu Bá và Thái phó Tư Mã Ý. Bấy giờ được Ngụy Minh Đế trao gửi con nhỏ là Tào Phương.

(31) Vương Thái úy: tức Thái úy Vương Lăng.

(32) Sở Vương: tức Tào Bru, con thứ của Tào Tháo.

(33) Quán Khâu Tử Bang: tức Quán Khâu Điện, tự Tử Bang, con của Quán Khâu Kiệm

(34) Người Lô trông Cao Tử: Cao Tử là Cao Hê, lúc nước Lô nhiều loạn không yên, Tề Hoàn Công sai Cao Tử sang giúp nước Lô dẹp loạn, do đó người nước Lô nhớ ơn, vẫn trông mong Cao Tử.

(35) Ngũ Viên: tức Ngũ Tử Tư, người nước Sở, cha là Ngũ Xa bị giết, bèn trốn sang nước Ngô.

(36) Trình Anh, Xử Cữu: Trình Anh là bạn của Đại phu nước Tấn là Triệu Thuần và con của Triệu Thuần là Triệu Sóc. Xử Cữu cũng là tân khách của Triệu Thuần. Vào thời Tấn Cảnh Công, Đại phu Đồ Ngạn Cổ giết Triệu Thuần, diệt cả họ hàng. Hai người Trình Anh, Xử Cữu cùng mưu đem con nhỏ của Triệu Sóc ẩn nấp tránh nạn ở trong núi, do đó mà họ Triệu vẫn còn người nối dõi.

(37) Nhà Hán: ý chỉ nước Thục.

(38) Tân, Quý, Cao, Mãng: Tân là vua Kiệt cuối thời nhà Hạ, Quý là vua Trụ cuối thời nhà Ân, Cao tức Cao Hậu Lữ Trĩ đầu thời nhà Tây Hán, Mãng là Vương Mãng cuối thời nhà Tây Hán, đều là những người bạo ngược, làm loạn chính trị thời xưa.

(39) Gia Cát Phong: người huyện Gia quận Lang Nha, thời Hán Nguyên Đế làm Tư lệ Hiệu úy, tính thẳng thắn không xu nịnh.

(40) ‘Tứ thông’: tức ‘bốn người thông minh’, chỉ bốn người là bọn Hạ Hầu Huyền.

(41) ‘Bát đạt’: tức ‘tám người thông đạt’, chỉ tám người là bọn Gia Cát Đản.

(42) Giả Dục Châu: tức Giả Quy, thời Ngụy Văn Đế làm Dục Châu Thứ sử, cho nên gọi là Giả Dục Châu.

(43) Trường Sa Vương Ngô Nhuế: tức Ngô Nhuế, thời Tần làm Bà Dương Lệnh, rất được lòng dân ở vùng hồ Bà Dương và sông Trường Giang. Lúc chư hầu nổi dậy chống nhà Tần, đem người Bách Việt giúp chư hầu, Hán Cao Tổ xét công phong làm Trường Sa Vương, đóng đô ở thành Lâm Tương.

(44) Điền Hoành: là dòng dõi quý tộc nước Tề cuối thời Chiến quốc, cuối thời Tần, cùng anh em Điền Đam, Điền Vinh nổi dậy chống nhà Tần. Sau khi Lưu Bang thống nhất chư hầu, Hoành không chịu theo nhà Hán, tự sát, hơn năm trăm tráng sĩ thuộc hạ cũng tự sát theo.

(45) Vương Lăng là con của Vương Doãn, Tào Tháo trước đây ở triều đình cũng có quen biết Vương Doãn, nên mới nói là con của Vương Doãn thì cũng như con của anh (thầy) mình.

(46) Tức Tào Phương, được nối ngôi đế của Tào Duệ (Tuấn).

(47) Chứng cứ không thực sự rõ ràng, song theo luật pháp nước Ngụy thì chư hầu không được đi lại thăm hỏi nhau, chỉ được ở đất phong của mình, nói có tội thì cũng đúng.

(48) Hà Yến, tự Thúc Bình, cháu của Hà Tiến, đại tướng quân thời Hán Thiếu đế; Đặng Dương, tự Huyền Mậu, dòng dõi Đặng Vũ thời Hán Quang đế Lưu Tú; Đinh Bạt tự Nghiện Tĩnh; Tất Phạm tự Chiêu Tiên; Hoàn Phạm tự Nguyên Tắc, mấy người này là bộ hạ của Tào Sảng.

(49) Tập thị tức là sách của họ Tập, tức Tập Tạc Xi. Ông này còn là tác giả cuốn sách nổi tiếng là Tương Dương kỳ cựu ký. Bùi Tùng Chi chú giải Tam quốc chí, ngờ là những điều này không thấy ghi trong các sử sách trước đó, những điều ghi chép không đúng với sự tích, đó là do Tập Tạc Xi bịa đặt ra.

(50) *Tuấn tức là sâu xa, Ngu tức là ngu dốt. Để xỉ vả Lệnh Hồ Tuấn làm việc ngu dốt. Theo Ngụy thư dẫn thì cái tên Lệnh Hồ Ngu có xuất xứ như vậy.*

(51) *Sở Vương Tào Bưu được ở đất phong tại huyện Bạch Mã, phía tây nam huyện Bạch Mã là kinh đô Lạc Dương, nói ngựa bạch (Bạch mã) rong ruổi xuống tây nam tức là ám chỉ rằng Tào Bưu vào làm chủ Lạc Dương.*

(52) *Sứ quân ở đây là trở vào Lệnh Hồ Ngu, Ngu làm Thứ sử Duyện châu nên được gọi là Sứ quân.*

(53) *Câu này nguyên văn là ‘tội tại tam bách’. Hai chữ tam bách trở sự thay đổi, nguyên là khi xưa sách Mao Thi có ba trăm mười một thiên, sáu thiên bị mất, còn lại ba trăm linh năm thiên, người sau chỉ nói rằng Mao thi có ba trăm (tam bách) thiên, vì có mấy thiên bị thay đổi. Về sau hai chữ ‘tam b*

(54) *Trịnh Quy, chưa rõ là ai; còn Thôi Trữ, là quan đại phu nước Tề thời Xuân Thu, có tội giết vua, sau khi chết, bị phá quan tài phơi thây ngoài chợ, tội bị chép vào thư tịch của nước nhà. Kinh Xuân Thu chép việc ấy.*

QUYÊN 29 - PHƯƠNG KỸ TRUYỆN

Hoa Đà, Đỗ Quy, Chu Kiến Bình, Chu Tuyên, Quán Lộ

TRUYỆN HOA ĐÀ

Hoa Đà tự Nguyên Hóa, người huyện Tiêu nước Bái, còn có tên là Phu.

Thân là Tùng Chi xét: Chữ ‘phu’ cổ giống nhau với chữ ‘chuyên’, nhiều người viết chữ không phân biệt được. Mà Đà tự Nguyên Hóa thì tên của Đà phải là Phu vậy.

Du học ở Từ Châu, thuộc lâu mấy quyền kinh. Bái Tướng là Trần Khuê cử Hiếu liêm, Thái úy Hoàng Uyển mời, đều không đến. Hiếu thuật dưỡng tính⁽¹⁾, người bấy giờ cho rằng Đà sống trăm tuổi mà dáng vẻ vẫn khỏe mạnh. Lại giỏi làm thuốc, cách trị bệnh của Đà là dùng thang⁽²⁾ thuốc không trộn hơn vài loại thuốc, phân tích trong đầu, không cần tự tay tính đếm, nấu sôi rồi cho uống, nói rõ công hiệu và cấm kị khi dùng thuốc, uống xong sẽ khỏi. Nếu phải cứu⁽³⁾ thì không quá một hai chỗ, mỗi chỗ không quá bảy, tám tráng⁽⁴⁾, bệnh cũng trừ được. Nếu phải châm⁽⁵⁾ thì không quá một hai chỗ, lúc châm nói: “Cảm ứng kéo đến chỗ đấy, nếu đến, nói ta biết”. Người bệnh nói: “Đã đến”. Mới liền nhổ châm, bệnh cũng chữa khỏi. Nếu màng bệnh tụ ở trong, là chỗ mà thuốc châm không đến được thì phải mổ xẻ, lại cho người bệnh uống bột ‘ma phát tán’⁽⁶⁾, chốc lát người bệnh lại như ngủ say không biết cái gì, nhân đó mổ xẻ. Nếu bệnh ở trong ruột, lại mổ ruột mà tẩy rửa rồi khâu bụng mà bôi cao⁽⁷⁾ lên bụng; bốn, năm ngày say sẽ khỏi, không đau, người bệnh cũng không tự thức dậy được, trong vòng một tháng liền khỏe lại vậy.

Phu nhân⁽⁸⁾ của Cam Lăng Tướng ngày trước có thai sáu tháng, bụng đau không yên, Đà xem mạch⁽⁹⁾, nói: “Thai đã chết rồi”. Sai người dùng tay mò để biết ở chỗ nào, nếu ở bên trái là con trai, ở bên phải là con gái. Người ta nói: “Ở bên trái”. Do đó làm thang thuốc cho uống, quả đúng sinh ra một con trai, rồi khỏi.

Huyện lại⁽¹⁰⁾ là Doãn Thế khổ vì tứ chi⁽¹¹⁾ mỗi mệ, trong miệng khô, không muốn nghe tiếng người, tiểu tiện⁽¹²⁾ không lợi. Đà nói: “Thử ăn món ăn nóng, nếu mồ hôi ra thì sống; nếu không có mồ hôi ra thì ba ngày sau sẽ chết”. Liền ăn món ăn nóng nhưng không có mồ hôi ra, Đà nói: “Tạng khí⁽¹³⁾ đã hết ở trong, nếu kêu khóc sẽ chết”. Đúng như Đà nói.

Phủ lại⁽¹⁴⁾ là Nghê Tầm, Lí Diên cùng đến, đều đau đầu, nóng thân, bị đau giống nhau. Đà nói: “Tầm phải tháo dạ, Diên phải phát mồ hôi.”. Có người hỏi sao lạ vậy, Đà nói: “Tầm bị bệnh ở ngoài thân, Diên bị bệnh trong thân, cho nên trị phải khác”. Liền đều cho thuốc, ngày sau cùng khỏe dậy.

Người huyện Diêm Độc là Nghiêm Hân và mấy người cùng đến đợi Đà,

vừa đến, Đà bảo Hân nói: “Trong người ông khỏe không”? Hân nói: “Vẫn như thường”. Đà nói: “Ông có bệnh nặng thấy ở mặt, không nên uống nhiều rượu”. Ngồi xong đi về, đi được mấy dặm, Hân bỗng đau đầu hoa mắt rơi xuống xe, người ta chở đưa về nhà, giữa đêm thì chết.

Viên Đốc bưu ngày trước là Đồn Tử Hiến mắc bệnh đã khỏi, đến chỗ Đà xem mạch, nói: “Vẫn yếu, chưa khỏe lại, chớ làm việc vất vả, giao hợp tất chết. Nếu sắp chết phải lè lưỡi ra mấy tấc”. Vợ hắn nghe tin hắn bệnh khỏi, đem theo hoãn trăm người nhà đến xem, giữa đêm giao hợp, trong vòng ba ngày sau phát bệnh, đều như Đà nói.

Viên Đốc bưu là Từ Nghị mắc bệnh, Đà đến xem bệnh. Nghị bảo Đà nói: “Hôm trước sai Y tào lại Lưu Tổ châm vị quản⁽¹⁵⁾ xong, lại càng ho khan, muốn nằm mà chẳng yên”. Đà nói: “Châm không đúng vị quản, châm nhằm phải gan vậy. Nay nên ăn ít, nếu không năm ngày sau không cứu được”. Rút cuộc như Đà nói.

Người huyện Sơn Dương là Trần Thúc Sơn có con trai nhỏ hai tuổi bị bệnh, lúc tiểu tiện thường khóc, càng ngày thêm khốn. Hỏi Đà, Đà nói: “Mẹ nó lúc mang thai có chứa khí âm, trong vú lạnh rỗng, do đó con bị nhiễm khí lạnh của mẹ, cho nên khiến cho bệnh không khỏi ngay được”. Đà cho bốn viên ‘vật nữ uyển hoàn’⁽¹⁶⁾, uống mười ngày liền khỏi.

Phu nhân của Bành Thành⁽¹⁷⁾ buổi đêm đi nhà xí bị con bọ cắn vào tay, rên rỉ không thôi. Đà làm thang thuốc ấm gân sôi, ngâm tay vào trong đó, cuối cùng được khỏe, nhưng vẫn sai người thân nhiều lần nấu thang thuốc làm cho tay ấm, một sớm liền khỏi.

Quân lại⁽¹⁸⁾ là Mai Bình bị bệnh, bỏ quan về nhà, nhà ở quận Quảng Lăng nhưng đi chưa đến hai trăm dặm, sai người thân dừng lại. Chốc lát, Đà tình cờ đến chỗ của chủ nhân, chủ nhân⁽¹⁹⁾ sai Đà xem bệnh cho Bình, Đà bảo Bình nói: “Nếu ông gặp ta sớm thì bệnh không thể đến thế này. Nay bệnh đã nặng, đi về nhanh mới gặp được người nhà, năm ngày sau tất chết”. Liền đi về, như lời mà Đà nói.

Đà đi đường, thấy một người bị bệnh nghẽn họng, ăn uống mà không tháo dạ⁽²⁰⁾ được, người nhà đang dùng xe muốn chở đến chỗ thầy thuốc. Đà nghe tiếng người bệnh rên rỉ, dừng xe đến xem, bảo người bệnh nói: “Vừa đi qua bên đường có một chum giấm tỏi lớn, đến lấy ba thăng mà uống, bệnh tất tự khỏi”. Liền theo lời Đà, đứng thỏ ra một con trùng⁽²¹⁾, rồi treo bên xe, muốn đến báo cho Đà. Đà vẫn chưa về, con nhỏ đang chơi ngoài cửa, ngẩng mặt lên nhìn, tự bảo nhau nói: “Người này giống với người bệnh bên xe đã gặp cha ta”. Người bệnh đi vào ngôi, thấy trên vách nhà phía bắc có treo mấy chục con trùng.

Lại có một viên Quận thú⁽²²⁾ mắc bệnh, Đà cho rằng phải làm cho người này phát giận mới khỏi, bèn nhận nhiều tiền của của người này mà không chữa trị, không lâu lại bỏ đi, để thư lại mắng người này. Quận thú quả đúng cả giận, sai người đuổi bắt giết Đà. Con của Quận thú biết được, sai thuộc quan không đuổi nữa. Quận thú đã quá tức giận, thổ máu thăng máu đen mà tự khỏi.

Lại có một Sĩ đại phu⁽²³⁾ không khỏe, Đà nói: “Ông bệnh nặng, nên mổ bụng ra lấy mầm bệnh. Nhưng ông thọ cũng không quá mười năm nữa, bệnh không giết được ông. Nếu ử bệnh mười năm nữa, tuổi thọ cũng hết, không bằng để ta mổ xẻ”. Sĩ đại phu không chịu đau bệnh, muốn phải trừ đau. Đà bèn ra tay, bệnh đau dần đỡ, được mười năm thì chết.

Quảng Lăng Thái thú Trần Đăng mắc bệnh, trong ngực nhức nhối, mặt đỏ, không ăn. Đà xem mạch nói: “Trong dạ dày của Phủ quân⁽²⁴⁾ có mấy thăng con trùng sắp gây thành ung nhọt, là do ăn thịt sống gây ra vậy”. Liên làm hai thăng thang thuốc, cho uống một thăng trước rồi dần dần cho uống hết. Uống xong, thổ ra hơn ba thăng con trùng, đầu đỏ mà đều cử động, nửa thân như mang cá sống, bệnh đau lại khỏi. Đà nói: “Bệnh này sau ba năm lại phát, nếu gặp thầy thuốc giỏi mới cứu giúp được”. Đến kì quả đúng phát bệnh, bấy giờ Đà không ở đó, như lời Đà mà chết.

Thái Tổ nghe nói liền gọi Đà, Đà thường ở bên tả hữu. Thái Tổ khổ vì đầu trúng gió, hễ phát bệnh thì tim loạn, mắt hoa, Đà châm huyết cách⁽²⁵⁾, châm đến đâu đỡ đến đó.

Đà biệt truyện viết: “Có người mắc bệnh hai chân què không đi được, ngồi kiệu đến chỗ Đà, Đà từ xa thấy, nói: ‘Ta đã châm cứu làm thuốc nhiều rồi, không cần phải xem mạch’. Liên sai người cởi áo, cứu mấy chục chỗ trên lưng, mỗi chỗ cách nhau một tấc, có chỗ năm tấc, lộn xộn không giống nhau. Nói là mỗi cứu đều có mười trảng, cứu xong thì khỏe liền đi được. Sau lại cứu ở gần gáy một tấc, các chỗ trên dưới ngay ngắn thẳng đều như hình sợi kẻ vậy”.

Vợ của Lí Tướng quân bệnh nặng, gọi Đà xem mạch, nói: “Sinh non mà thai không ra được”. Tướng quân nói: “Nghe nói là sinh non nhưng thai đã ra rồi”. Đà nói: “Xem mạch, thai chưa ra vậy”. Tướng quân cho là không đúng. Đà bỏ đi, người vợ có vẻ đỡ chút ít. Hơn trăm ngày sau lại phát bệnh, lại gọi Đà, Đà nói: “Lúc trước xem mạch có thai. Lúc trước đáng sinh hai con, một con ra trước, máu ra rất nhiều, con sau không sinh kịp. Mẹ không tự biết, người bên cạnh cũng chẳng hay, không đón ra, bèn không sinh được. Thai chết, mạch máu không về được, tắt khô cục ở gáy, cho nên khiến cho nhiều lần đau gáy. Nay làm cho thang thuốc cùng châm một chỗ, cái thai chết ấy tắt ra”. Cho uống thang thuốc rồi châm, người vợ đau đón như muốn

sinh. Đà nói: “Cái thai chết này lâu ngày đã khô, không tự ra được, phải sai người móc ra”. Quả đúng có một cái thai con trai chết, tay chân đầy đủ, màu đen, dài đến một thước.

Kĩ thuật cao siêu của Đà đại loại như thế. Nhưng vốn là kẻ sĩ mà lấy việc làm thuốc lập nghiệp, ý thường tự hời, sau Thái Tổ nắm chính sự, bị bệnh thêm nặng, sai Đà đến xem. Đà nói: “Bệnh này khó chữa, chăm lo chữa trị, có thể kéo dài năm tháng”. Đà xa nhà lâu ngày có ý về, nhân đó nói: “Nay nhận được thư nhà, đang muốn xin về”. Đến nhà, lại lấy có vợ bệnh mà từ chối, nhiều lần hẹn mà không quay lại. Thái Tổ gửi thư gọi, lại sai quận huyện điều lệnh. Đà cậy vào tài năng mà khinh ghét việc hầu hạ, vẫn không lên đường. Thái Tổ cả giận, sai người đến xem xét. Nếu vợ bệnh thật thì ban cho bốn mươi học đậu, tha cho tội hoãn lâu ngày; nếu có lừa dối thì bắt chờ đến. Do đó chờ đến đất Hứa giam vào ngục. Xét hỏi mà nhận tội. Tuân Úc xin nói: “Đà có thuật giỏi, cứu được mạng người, nên tha cho hắn”. Thái Tổ nói: “Không lo, thiên hạ ngày nay không có bọn chuột này chằng”? Rồi xét hỏi Đà đến chết, Đà sắp chết, lấy một quyển sách trao cho quan coi ngục, nói: “Nó có thể cứu người”. Quan coi ngục sợ phạm pháp không nhận, Đà cũng không ép, lấy lửa đốt sách. Sau khi Đà chết, bệnh đau đầu của Thái Tổ chưa khỏi, Thái Tổ nói: “Đà có thể trị khỏi bệnh này, nhưng hắn là kẻ tiểu nhân có ý kéo dài bệnh để được trọng được dùng nhiều, nếu ta không giết kẻ này, cuối cùng hắn cũng không giúp ta cắt trừ cái gốc rễ của bệnh”. Sau đó con yêu là Thương Thư mắc bệnh, Thái Tổ than nói: “Ta giết bừa Hoa Đà, khiến cho con nhỏ bị chết vậy”.

Trước đây, Quân lại là Lí Thành khỏe vì ho khan, ngày đêm không ngủ được, có lúc thổ ra máu mủ, đến hỏi Đà. Đà nói: “Ông bị bệnh trúng độc trong ruột, đây là nguyên nhân gây ho; không phải từ phổi vậy. Nay cho ông hai tiền thuốc tán, nếu thổ ra hơn ha thăng máu mủ thì ngừng uống, tự chăm sóc, một tháng có thể đỡ vừa, phải tự giữ gìn, một năm sẽ khỏi. Sau mười tám năm sẽ có một lần phát lại, lại uống thuốc tán này, cũng khỏe lại được. Nếu không dùng thuốc này, sẽ phải chết”. Lại cho hai tiền thuốc tán nữa, Thành lấy thuốc rồi đi. Năm, sáu năm sau, trong người thân có người mắc bệnh giống Thành, bảo Thành nói: “Ông nay khỏe mạnh, ta sắp chết, sao lại nữ không nhanh cho ta uống thuốc ấy mà lại giấu đi,

Thân là Tùng Chi xét: Tiếng cô, nói giấu là khừ.

để đợi điều không lành? Hãy cho ta mượn dùng trước, ta khỏi rồi sẽ vì ông mà đến chỗ Hoa Đà xin thêm thuốc”. Thành cho người đó. Rồi đến huyện Tiêu, vừa lúc Đà bị bắt, vội vàng không chịu đi xin. Mười tám năm sau, bệnh của Thành lại phát, không có thuốc chữa, do đó mà chết.

Đà biệt truyện viết: “Có người vào giữa năm Thanh Long gặp Sơn Dương Thái thú người quận Quảng Lăng là Lưu Cảnh Tông, Cảnh Tông nói là giữa

năm Trung Bình mấy lần gặp Hoa Đà, cách trị bệnh của Đà là dùng tay bắt mạch, hiệu nghiệm như thần, người quận Lang Nha là Lưu Huân làm Hà Nội Thái thú có con gái gần hai mươi tuổi, trên đầu gối chân trái có vết thương, có vết mà không đau. Vết thương lành mấy chục ngày sau lại phát, cứ như thế bảy, tám năm, đón Đà đến xem, Đà nói: ‘Nó dễ trị thôi. Phải lấy được bã gạo, một con chó lông vàng, hai con ngựa khỏe đến đây’. Lấy dây thừng buộc cổ chó, xua ngựa chạy kéo chó đi, ngựa chạy hết cỡ, tính ra ngựa chạy được hơn ba mươi dặm, nhưng khó không đi được, lại sai người đi bộ dẫn đi, tính ra đến năm mươi dặm. Lại lấy thuốc cho người con gái đó uống, người con gái liền nằm ngủ không biết gì nữa, rồi lấy dao lớn cắt phần trước của chân ở sau gần bẹn chó, lấy chỗ mà mình cắt hướng vào vết thương, chỉ cách hai, ba tấc. Dùng lại chóc lát, nếu có con trùng từ vết thương chảy ra lại lấy cái dùi sắt đâm ngang xuyên đầu trùng. Trùng ở trong da vậy động hồi lâu, chóc lát không động nữa, lại kéo ra, dài đến ba thước, thân giống rắn, chỉ có chỗ mắt mà không có con người, lại có vảy ngược. Lấy cao tán bôi vào vết thương, sau bảy ngày liền khỏi. Lại có người mắc bệnh đau đầu, đầu không cử động được, mắt cũng không nhìn được, đã nhiều năm rồi. Đà sai cởi hết áo rồi treo người ngược lại, khiến cho đầu cách mặt đất một hai tấc, lấy vải thấm nước lau rửa thân thể, lau quanh người, đợi xem các mạch, đều lộ ra năm màu, Đà sai mấy học trò lấy dao sắc rạch mạch, máu năm màu chảy ra hết, chỉ thấy máu màu đỏ, rồi cho người xuống, lấy cao xoa khắp bẹn, mồ hôi ra quanh người, lấy bột ‘đình lịch khuyến huyết tán’⁽²⁶⁾ cho uống, bèn khỏi. Lại có một người đàn bà mắc bệnh nhiều năm, người ta gọi là người bệnh nóng lạnh. Giữa tháng mười một mùa đông, Đà sai người bệnh ngồi trong máng đá, giữa buổi sáng rót nước lạnh chảy vào máng, nói là phải rót nước đủ trăm lần. Mới bảy, tám lần rót, vừa lúc người bệnh run rẩy sắp chết, người rót nước sợ hãi, muốn dừng. Đà lệnh phải rót đủ. Sắp đến lần rót thứ tám mươi, khí nói lại bay ra, cao vùn vụt đến hai, ba thước. Rót đủ trăm lần, Đà lại sai người đốt lửa sưởi ấm giường, cho nằm xuống, hồi lâu sau mồ hôi chảy ra, xoa bột, mồ hôi khô ráo mới khỏi. Lại có người bệnh nửa trong bụng rất đau, trong hơn mười ngày, tóc mai rơi rụng, Đà nói: ‘Đây là do lá lách bị vỡ nửa rồi, phải mổ bụng chữa trị vậy’. Cho uống thuốc nằm ngủ, mổ bụng ra xem, quả đúng lá lách đã bị vỡ nát hơn nửa. Lấy dao cắt ra, xẻo bỏ thịt thối, lấy cao bôi vào vết thương, lấy thuốc cho uống, trăm ngày sau khỏe lại”.

Người huyện Quảng Lăng là Ngô Phở, người huyện Bành Thành là Phàn A đều theo học Đà. Phở dựa theo thuật trị bệnh của Đà, cứu chữa được nhiều người. Đà bảo Phở nói: “Thân người phải được lao động, nhưng không nên quá sức. Lao động thì cốc khí⁽²⁷⁾ được tan hóa, mạch máu được chảy suốt, bệnh không sinh được, tựa như then cửa không mục vậy. Cho nên người tiên

thời xưa bày ra cách luyện tập như con gấu nghển cổ, con cú quay đầu, kéo dãn thân eo, hoạt động các đốt xương để được khỏi già. Ta có một thuật gọi là ‘trò diễn của năm loài vật’, một là hổ, hai là hươu, ba là gấu, bốn là vượn, năm chim, cũng để trừ bệnh, lại làm lợi cho bàn chân, nay truyền lại cho người. Nếu trong người không khỏe thì diễn trò của một con vật ấy, đến khi mồ hôi thấm đầm ra thì bôi phân lên, lúc đó thân thể sẽ khỏe khoắn, trong bụng cũng muốn ăn”.

Phổ làm theo trò ấy, sống đến hơn chín mươi tuổi, tai mắt sáng suốt, răng xương chắc chắn. A giỏi thuật châm, bọn thầy thuốc đều nói rằng trong phần lưng và bụng ngực không được châm bừa, chỉ châm không quá bốn phân, nhưng A lại châm vào lưng sâu đến một, hai tấc, có khi châm vào huyết cự khuyết⁽²⁸⁾ nơi bụng ngực sâu đến năm, sáu tấc, mà bệnh liền đều khỏi. A theo Đà xin thuốc có thể giúp ích cho người, Đà lấy bột ‘tất diệp tán’⁽²⁹⁾, bột ‘thanh niêm tán’⁽³⁰⁾ cho A. Một thăng bột ‘tất diệp tán’, mười bốn lượng bột ‘thanh niêm tán’, lấy đó mà trộn, nói rằng uống nhiều có thể diệt trùng, làm lợi cho ngũ tạng⁽³¹⁾, thân thể nhanh nhẹn, khiến cho tóc đầu không trắng. A theo lời ấy, thọ hơn trăm tuổi. Tất diệp có ở nhiều chỗ, thanh niêm có ở ấp Phong, nước Bái, huyện Bành Thành và huyện Triều Ca thôi.

Đà biệt truyện viết: “Thanh niêm còn có tên là ‘địa tiết’, lại có tên là ‘hoàng chi’, chủ trị ngũ tạng, làm lợi tinh khí⁽³²⁾. Vốn có từ người đi lâm vào núi, được người tiên cho uống, về báo cho Đà. Đà cho là hay, liền bảo với A, A lại giữ kín. Người gần đây thấy A sống lâu mà khí lực khỏe mạnh thì lấy làm lạ, bèn đòi A cho uống, tìm cách chuốc rượu say rồi bày nói ra. Thế là thuốc được dùng, nhiều người được uống, đều có công hiệu lớn”.

Văn Đế luận bàn việc bọn Khích Kiệm viết: ‘Người quận Dĩnh Xuyên là Khích Kiệm có tài bỏ ăn gạo, chỉ ăn phục linh⁽³³⁾. Người huyện Cam Lăng là Cam Thủy cũng giỏi vận khí, già mà có dáng trẻ. Người quận Lư Giang là Tả Từ biết thuật phác đạo⁽³⁴⁾. Đều làm quân lại. Trước đây, Kiệm đi đến, mua phục linh lại càng thêm nhiều. Nghị lang người huyện An Bình là Lí Đàm học bỏ ăn gạo, ăn phục linh ấy, uống nước lạnh, tháo dạ lợi nhưng nguy hiểm mất mạng. Sau khi Thủy đến, mọi người không ai là không ngưỡng mặt trông mong, kêu gọi xin học, Quân mưu Tế tửu người quận Hoàng Nông là Đông Phân học theo nhưng làm sai cách, khí tắc không thông, lâu sau mới thông. Tả Từ đến, lại liền trao dạy thuật phác đạo, người đến phủ là Nghiêm Tuấn, đến theo hỏi học. Người bị thiên hoạn thực là không thể học thuật ấy vậy, người ta đưa đòi mới đến như thế. Giữa năm Quang Hòa, Bắc Hải Vương là Hòa Bình cũng ưa học đạo thuật, tự muốn thành tiên. Người quận Tế Nam là Tôn Ung thuở nhỏ cũng học Hòa Bình, theo đến kinh sư. Gặp lúc Hòa Bình bệnh chết, Ung nhân đó táng Hòa Bình

ở huyện Đông Đào, lấy được hơn trăm quyển sách, mấy túi thuốc đều tâng theo Hòa Bình. Sau đó học trò là Hạ Vinh nói là thầy Hòa Bình đã mục rữa. Ung đến nay vẫn tiếc vì không lấy được sách quý thuốc tiên. Luru Hường⁽³⁵⁾ bị lời văn của sách Bảo kê⁽³⁶⁾ mê hoặc, Quân Du⁽³⁷⁾ bị lời nói của Tử Chính⁽³⁸⁾ cảm dụ. Người mê lầm thời xưa, há chỉ có một người thôi!”.

Đông A Vương⁽³⁹⁾ làm bài Tử đạo luận viết: “Người đời có phương sĩ⁽⁴⁰⁾, bậc Vương ta gọi họ đến xem hết, huyện Cầm Lăng có Cam Thủy, quận Lu Giang có Tả Tử, huyện Dương Thành có Khích Kiệm. Thủy có tài vận khí đạo dẫn, Tử hiểu thuật phòng trung⁽⁴¹⁾, Kiệm giỏi bỏ ăn gạo, đều nói là sống đến ba trăm tuổi. Cuối cùng mời hợp vào cả ở nước Ngụy, thực là sợ rằng bọn người này bày trò gian xảo để lừa dối người, làm việc yêu tà để mê hoặc dân, há lại muốn thấy thần tiên ở Doanh Châu⁽⁴²⁾ mà cầu yên ở biển đảo, bỏ xe vàng mà ngồi kiệu mây⁽⁴³⁾, vớt sáu con ngựa ki⁽⁴⁴⁾ mà cưỡi rồng bay sao? Tử Nhà vua và Thái tử cho đến các anh em đều cho là đáng cười, không tin được vậy. Nhưng bọn Thủy biết Nhà vua đối đãi chúng chỉ một lúc, không cấp bổng nhiều cho quan lại, không thưởng thêm cho người không có công, biển đảo khó mà đi đến được, sáu phát⁽⁴⁵⁾ khó mà đeo được, rút cuộc không dám dâng câu trống rỗng, không dám gửi lời văn khác thường nữa. Ta từng thử Khích Kiệm bỏ ăn gạo trăm ngày, tự thân cùng hấn ngủ nghỉ, chỉ được đi lại trong nhà thoải mái thôi. Phu nhân của hấn không ăn bảy ngày thì chết nhưng Kiệm vẫn như thường. Mà lại không bị tổn tuổi thọ, có thể tránh bệnh mà không sợ bị đói khát vậy. Tả Tử giỏi tu thuật phòng trung, dấu sai lầm nhỏ thôi cũng mất mạng rồi, nếu tự thân không có chí trong trắng lắm thì chẳng ai làm được. Cam Thủy già mà có dáng trẻ, các thuật sĩ⁽⁴⁶⁾ đều cùng theo học hấn. Nhưng Thủy nói nhiều làm ít, lại hay nói lời quái lạ. Ta thường gọi đến làm tả hữu, chỉ nói chuyện với hấn, hỏi việc mà hấn làm, nói lời mềm mỏng để dụ dỗ hấn, dùng lời đẹp để dạy bảo hấn, Thủy bảo ta nói: ‘Thầy ta vốn là họ Hàn, tự Thê Hùng, ta từng cùng thầy luyện vàng ở biển Nam Hải, trước sau được mấy chục vạn cân, có ném mấy vạn cân vàng xuống biển’. Lại nói: ‘Vào thời Chư Lương⁽⁴⁷⁾, người Hồ miền tây đến cống len thom, đai buộc eo, đao cắt ngọc, bảy giờ tiếc vì không lấy’. Lại nói: ‘Có nước ở phía tây của nước Xa Su⁽⁴⁸⁾, có đứa trẻ sinh ra thì trên bàn tay lộ ra lá lách, muốn ăn ít mà chạy lại nhanh’. Lại nói: ‘Bắt lấy một đôi cá chép dài năm tấc trộn nấu cùng với thuốc, cho vào trong cao nấu sôi, có con cá chép vẩy đuôi mở mang, bơi lặn chìm nổi tựa như ở vực nước, một con cá chép trong đó đã chín thì ăn được’. Bảy giờ ta hỏi nói: ‘Ta thử làm theo được không?’ Thủy nói: “Thuốc này cách xa đây hơn vạn dặm, chỉ có ở biên giới; Thủy không tự đi nên không có được vậy’. Lời nói không cùng⁽⁴⁹⁾ như thế, còn nhiều nữa khó mà chép hết, cho nên tạm chép những chuyện lạ nhất

*trong đó ra đây. Thủy mà gặp được Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế thì lại như
bọn Từ Thị, Loan Đại⁽⁵⁰⁾
vậy”.*

TRUYỆN ĐỒ QUỲ

Đồ Quỳ tự Công Lương, người quận Hà Nam. Vì biết âm nhạc nên được làm Nhã nhạc lang⁽⁵¹⁾. Năm Trung Bình thứ năm⁽⁵²⁾, mắc bệnh mà bỏ quan. Châu, quận, quan Tư đồ bỏ lễ, lại vì thời loạn nên tránh đến Kinh Châu. Kinh Châu Mục là Lưu Biểu sai Quỳ cùng Mạnh Diệu giúp vua Hán làm nhã nhạc⁽⁵³⁾, nhạc làm xong, Biểu muốn đặt ở sân đình tấu xem, Quỳ can nói: “Nay Tướng quân không có lệnh làm nhạc giúp Thiên tử mà đem ra bày ra ở sân đình, chẳng phải không nên sao”! Biểu nghe lời này mà dừng lại. Sau con Biểu là Tông hàng Thái Tổ, Thái Tổ lấy Quỳ làm Quân mưu Tế tửu, tham dự việc của quan Thái nhạc lệnh⁽⁵⁴⁾, nhân đó sai làm ra nhã nhạc.

Quỳ giỏi chung luật⁽⁵⁵⁾, sáng suốt hơn người, tám âm tơ tre⁽⁵⁶⁾, không gì không giỏi, chỉ có múa hát không giỏi lắm. Bấy giờ Tán lang Đặng Tĩnh, Y Tề giỏi ngâm nhã nhạc, thầy hát là Y Hồ hát được khúc hát lúc cúng tế tông miếu, thầy múa là Phùng Túc, Phục Dưỡng hiểu biết các điệu múa thời trước, Quỳ tổng hợp các tinh hoa, xét sâu các sách, chọn lấy các việc cũ, giảng dạy học tập, làm đủ các nhạc khí⁽⁵⁷⁾, soạn lại âm nhạc thời trước, đều bắt đầu từ Quỳ vậy.

Giữa năm Hoàng Sơ, làm Thái nhạc lệnh, Hiệp luật Đô úy⁽⁵⁸⁾. Thợ đúc chuông thời Hán là Sài Ngọc có tài khéo léo, đều chế tạo nhiều đồ trong các loại nhạc khí, cũng là người tôn quý được biết tên tuổi. Quỳ sai Ngọc đúc chuông đồng, tiếng trong và đục của tiếng chuông đều không đúng phép tắc, nhiều lần phải hủy đi làm lại. Ngọc rất chán ghét, nói là Quỳ chỉ theo ý riêng, có vẻ chống đối Quỳ. Quỳ, Ngọc bèn cùng nhau bảo với Thái Tổ, Thái Tổ lấy chuông mà Ngọc đúc ra thử, tiếng vang lẫn lộn, bèn biết Quỳ là đúng mà Ngọc là xằng vậy, do đó giáng tội cho Ngọc và các con, đều sai làm người nuôi ngựa. Văn Đế yêu đãi Ngọc, lại từng sai Quỳ cùng bọn Tả Nguyên thổi sáo gảy đàn trong lúc tiếp tân khách, Quỳ có vẻ khó chịu, do đó ý Đế không vui. Sau nhân có việc khác mà ép buộc Quỳ, sai bọn Nguyên đến học, Quỳ tự nói là người học nhạc phải trong sạch, làm quan phải ngay thẳng, ý vẫn không thỏa, bèn xin bãi quan về nghỉ.

Học trò người quận Hà Nam là Thiệu Đăng, Trương Thái, Tang Phúc đều làm đến chức Thái nhạc thừa, người quận Hạ Bi là Trần Hàng làm Tư luật Trung lang tướng. Từ bọn Tả Diên Niên đầu có âm nhạc hay, đều giỏi âm nhạc của họ Trịnh, nhưng ưa nhạc cổ chính thống thì chẳng ai bằng Quỳ.

Bấy giờ có người quận Phù Phong là Mã Quân, khéo léo hơn người. Phó Huyền làm bài tựa nói rằng: “Mã tiên sinh⁽⁵⁹⁾ là người khéo léo trong thiên hạ, thuở nhỏ thì vui vẻ, không tự biết mình khéo léo vậy. Vào thời ấy, không

nói đến cái khéo léo của mình thì người đời há không biết được sao? Làm Bác sĩ, nhà cửa nghèo hèn, lại nghĩ cách sửa đổi khung dệt vải, không nói mà người đời biết được cái khéo léo của mình. Khung dệt vải cũ thì cứ năm mươi lần đan lại năm mươi lần dệt, tiên sinh ghét việc này tốn công phí buổi, bèn đều đổi thành mười hai lần dệt. Hoa văn tinh tế biến đổi theo ý muốn của người dệt, vẫn tạo thành hình tự nhiên, không cùng như âm dương. Nói chuyện với người dệt vải lại không nói ra được, lại há có thể nói được hiệu nghiệm sao? Tiên sinh làm Cấp sự trung⁽⁶⁰⁾, cùng Thường thị Cao Đường Long, Kiêu kị Tướng quân Tần Lang tranh luận ở triều đình, nói về xe chỉ nam⁽⁶¹⁾, hai người⁽⁶²⁾ cho rằng thời xưa không có xe chỉ nam, đây là cái sai của sách vở. Tiên sinh nói: ‘Thời cổ có nó, thời nay chưa nghĩ ra thôi, sao lại cho nó là xa vời’. Hai người cười tiên sinh nói: “Tên tiên sinh là Quân, tự Đức Hành. Quân⁽⁶³⁾ là khuôn làm gốm mà hành⁽⁶⁴⁾ là vật dùng để xác định vật nặng hay nhẹ, không có gì không dùng khuôn mà xác định vật nặng hay nhẹ không đúng sao!’ Tiên sinh nói: ‘Tranh luận sáo rỗng, không bằng thử làm sẽ biết thôi’. Do đó hai người bèn đến báo cho Minh Đế, hạ chiếu tiên sinh làm, rồi làm thành xe chỉ nam. Đây là một cái lạ vậy, lại không nói ra được vậy. Từ đó thiên hạ phục cái khéo léo của tiên sinh. Ở tại kinh đô, trong thành có đất có thể dùng làm vườn, lo không có nước để tưới vườn, bèn làm xe chở, sai bọn trẻ con kéo xe, mà nước lại từ rót xuống, vào rồi lại ra, cái khéo léo hơn người như thế. Đây là hai cái lạ vậy. Sau này có người dâng đồ có kỹ thuật rồi tạp hơn, nhưng đặt ra nhưng không động được. Đế đem hỏi tiên sinh nói: “Động được không”? Đáp nói: ‘Động được’. Đế nói: ‘Làm nó khéo hơn được không’. Đáp nói: ‘Khéo hơn được’. Vâng lệnh làm nó, lấy gỗ lớn để đồ, làm thành hình như bánh xe, đặt trên đất bằng, dưới làm phân dẫn nước, trên để tượng người con gái múa hát, lại có tượng người gõ đánh trống thổ sáo; làm núi lớn, làm tượng người gõ cầm quả cầu, vung kiếm, xếp thành hàng dài, ra vào tự nhiên; lại có tượng gỗ trăm quan xử án, cối giã gạo, gà chọi, biến ảo trăm mối. Đây là ba cái lạ vậy. Tiên sinh thấy nỗ bắn tên liên tiếp của Gia Cát Lượng, nói: ‘Khéo thì khéo rồi, nhưng chưa tốt cả’. Nói rằng có thể làm bắn tên thêm năm lần. Lại lo rằng lúc bắn đá thì quân địch ở trên lầu treo da trâu ướt, nếu bắn trúng thì lại rơi xuống, đá không thể bắn liền đến được. Muốn làm một cái bánh xe, treo mấy chục viên đá lên, dùng phép tắc lấy máy khua bánh xe để treo đá bắn bay vào thành địch, khiến cho bắn từ đầu đến cuối được đến nhanh. Từng lấy bánh xe tre treo mấy chục viên gạch đá để thử, bắn xa được mấy trăm bước. Có Bùi Tử là kẻ sĩ ở kinh đô, hiểu biết sâu rộng, nghe nói mà cười nhạo tiên sinh. Lại đến hỏi tiên sinh, tiên sinh ngậm miệng không đáp. Bùi Tử tự cho rằng đã bắt khó được chỗ yếu của tiên sinh, lại cười nhạo không thôi. Phó Tử bảo Bùi Tử nói: ‘Cái mà ông giỏi là lời nói, cái mà ông kém là khéo léo

vậy. Cái mà Mã tiên sinh giỏi là khéo léo, cái kém là lời nói vậy. Lấy cái mà ông giỏi để tranh với cái mà người ấy kém, thì người ấy không thể không phục ông. Lấy cái mà ông kém để hỏi vặn cái mà người ấy giỏi thì tất có chỗ không giải được. Kỹ thuật là việc khéo léo trong thiên hạ, cái mà ông không giải được hỏi vặn người ấy không thôi, đây là tranh cãi với nhau, tất tự xa rời vậy. Đây là trong lòng cho là sai mà ngoài miệng cho chịu phục, đây là nguyên nhân họ Mã không đáp vậy'. Phó Tử gặp An Hương Hầu, nói đến lời bàn của Bùi Tử, An Hương Hầu lại nói giống với Bùi Tử. Phó Tử nói: 'Thánh nhân dùng người chọn vật, dùng người không theo một phép tắc nào cả; có người có vẻ thân mà dùng, có người vì khéo nói mà dùng, có người giỏi việc mà dùng. Có người có vẻ thân mà dùng, đây là người không nói nhưng trong lòng thành thật đã tỏ ra rồi, có đức hành như Nhan Uyên⁽⁶⁵⁾ vậy. Người khéo nói mà chọn, là người khéo bàn chuyện đúng sai, lời nói như Tế Ngã, Tử Cống⁽⁶⁶⁾ vậy. Người vì được việc mà dùng, giỏi chính trị như Nhiễm Hữu, Quý Lộ⁽⁶⁷⁾, giỏi văn học như Tử Du, Tử Hạ⁽⁶⁸⁾ vậy. Dầu là thánh nhân biết rõ muôn vật, nếu có chỗ dùng, tất phải thử trước. Do đó lấy việc chính trị để thử Nhiễm Hữu, Quý Lộ, lấy việc văn học để thử Tử Du, Tử Hạ vậy. Bọn Tử Du, Tử Hạ còn phải thế, huống chi là người từ họ về sau! Sao vậy? Đạo lý treo lừng, không thể dùng lời mà nói hết. cốt ở việc làm thôi, nói thì khó rõ mà thử làm thì dễ biết vậy. Như cái mà họ Mã muốn làm đều là những vật tinh xảo của nhà nước, đồ cốt yếu của quân sĩ vậy. Hao phí gổ mưòi trượng, làm mệt sức của hai người, không cần nhiều buổi mà biết được đúng sai. Như việc hỏi vặn việc dễ làm và dùng lời khinh rẻ để chiêm chọc tài lạ của người khác, đây cũng như việc tự cho mình đã biết gánh vác việc thiên hạ, không đời đạo lý của mình để ngồi trên muôn vật khó hiểu hết, do đó mà tự vớt bỏ vậy. Cái mà họ Mã làm, dựa theo sự biến ảo mà làm nên, vậy thì lời nói lúc trước đều là không đúng. Lời ấy không đúng mà không dùng người ấy, đây là cái khéo léo trên đời không có chỗ được dùng vậy. Người cùng được yêu thì ghen ghét nhau, người cùng làm việc thì làm hại nhau, người trong cuộc không tránh khỏi được. Cho nên quân tử không dùng người để hại người, tất lấy việc thử xét làm cân đo; nếu bỏ cân đo mà không dùng thì đây là ngọc đẹp bị gièm vu là đá xấu, đây là nguyên nhân Kinh Hòa ôm ngọc mà khóc⁽⁶⁹⁾ vậy'. Do đó An Hương Hầu hiểu ra, rồi nói với Vũ An Hầu, Vũ An Hầu coi thường tiên sinh, không dùng thử. Đây là việc dễ thử, lại nữa tiếng tăm khéo léo của họ Mã đã có rồi, mà vẫn coi thường không xét, huống chi là cái tài sâu xa, viên ngọc không tên đây? Vậy thì để quân tử đời sau soi xét thôi! Cái khéo léo của Mã tiên sinh, dầu Công Du Ban, Mặc Địch, Vương Nhi⁽⁷⁰⁾ thời xưa, Trương Bình Tử⁽⁷¹⁾ thời Hán gần đây cũng không hơn được vậy. Công Du Ban, Mặc Địch đều được dùng ở thời trước, lại có ích cho đời. Bình Tử dầu là Thị trung, Mã Tiên sinh dầu là quan Cấp

sự trung, nhưng đều không được làm Công quan, sự khéo léo không được giúp ích cho đời. Dùng người không đúng với cái tài năng của người ấy, tài giỏi không được dùng thử, thật đáng tiếc thay”. Bùi Tử là Bùi Tú. An Hương Hầu là Tào Tiễn. Vũ An Hầu là Tào Sáng.

TRUYỆN CHU KIẾN BÌNH

Chu Kiến Bình, người nước Bái. Giỏi xem tướng, ở vùng thôn ấp, hiệu nghiệm không chỉ có một lần. Thái Tổ làm Ngụy Công, nghe nói vậy, gọi đến làm quan Lang⁽⁷²⁾ Văn Đế làm Ngũ quan tướng, khách ngồi trong hội có hơn ba mươi người, Văn Đế hỏi tuổi thọ của mình, lại sai xem tướng bọn khách. Kiến Bình nói: “Tướng quân đáng thọ đến tám mươi tuổi, đến lúc bốn mươi tuổi có một mối nguy nhỏ, mong hãy cẩn thận giữ gìn”. Bảo Hạ Hầu Uy nói: “Ông đến bốn mươi chín tuổi làm Châu mục⁽⁷³⁾ nhưng phải có mối nguy, nếu qua được nguy, có thể thọ đến bảy mươi tuổi, làm đến bậc Công phụ⁽⁷⁴⁾. Bảo Ứng Cừ nói: “Ông sáu mươi hai tuổi làm đến bậc Thường bá⁽⁷⁵⁾, nhưng có mối nguy, trước đó một năm một mình thấy một con chó trắng nhưng người bên cạnh không thấy”. Bảo Tào Bưu nói: “Ông giữ nước phiên, đến năm năm mươi bảy tuổi sẽ có mối nguy vì việc binh, nên đề phòng trước”.

Trước đây, người quận Dĩnh Xuyên là Tuân Du, Chung Do thân thiện với nhau. Du mất trước, con còn nhỏ. Do trông coi nhà cửa của Du, muốn lấy vợ của Du. Gửi thư cho người khác nói: “Ta với Công Đạt⁽⁷⁶⁾ từng cùng sai Chu Kiến Bình xem tướng, Kiến Bình nói: ‘Tuân Quân dẫu nhỏ hơn, nhưng phải đem việc sau này giao cho Chung Quân’. Ta bấy giờ chợt hấn nói: ‘Chỉ nên gả A Vu⁽⁷⁷⁾ cho người thôi’. Nào ngờ thằng ấy⁽⁷⁸⁾ lại chết mất sớm, lời nói đùa trở thành thật vậy! Nay muốn lấy A Vu, để cho ở yên. Nghĩ ngợi lời đúng của Kiến Bình, dẫu Đường Cử, Hứa Phụ⁽⁷⁹⁾ lấy gì hơn được”!

Năm Hoàng Sơ thứ bảy⁽⁸⁰⁾ thời Văn Đế, vừa bốn mươi tuổi, bệnh khốn, bảo tả hữu nói: “Lời mà Kiến Bình nói là thọ tám mươi tuổi, đây là qua loa, ta phải chết rồi”. Chốc lát, đúng là băng. Hạ Hầu Uy làm Duyệt Châu Thứ sử, năm bốn chín tuổi, vào đầu tuần tháng mười hai bị bệnh, nhớ đến lời Kiến Bình, tự cho là tất chết, chuẩn bị làm lệnh truyền lại và các đồ tống táng, đều sai làm đầy đủ. Đến cuối tuần lại đỡ, rồi dần khỏe lại, xé chiếu ngày thứ ba mươi, sai Kỉ cương đại lại⁽⁸¹⁾ bày rượu, nói: “Cái bệnh đau của ta dần dần đỡ, hôm sau gà gáy sẽ sang năm mươi tuổi, lời răn giới của Kiến Bình, tất sai thật rồi”. Sau khi Uy bãi khách, hoa mắt bệnh phát, nửa đêm bèn chết. Cừ đến sáu mươi một tuổi làm Thị trung, đi vào trong phủ, chợt thấy một con chó trắng, hỏi với mọi người, đều nói không thấy. Do đó nhiều lần mở hội, cùng đi chơi xem nơi ruộng vườn, ăn uống làm vui, qua được một năm, sáu mươi ba tuổi thì chết. Tào Bưu được phong làm Sở Vương, đến năm năm mươi bảy tuổi, bị kết tội thông mưu với Vương Lăng, ban cho chết. Như nói về bọn này, không gì là không như Kiến Bình nói. Không rõ

hết được, cho nên ghi chép sơ qua mấy việc trên. Chỉ có xem tướng về Tư không Vương Sưởng, Chinh bắc Tướng quân Trình Nhất, Trung lĩnh quân Vương Túc là có sai lầm mà thôi. Túc đến sáu mươi hai tuổi bệnh nặng, bọn thầy thuốc đều cho là không khỏi. Phu nhân của Túc dùng lời cố hỏi, Túc nói: “Kiến Bình xem tướng nói ta thọ hơn bảy mươi tuổi, làm đến bậc Tam công⁽⁸²⁾ nay đều chưa đến, còn lo gì chẳng”! Rồi Túc bèn chết.

Kiến Bình lại giỏi xem tướng cho ngựa. Văn Đế sắp đi, lấy ngựa ở ngoài vào, Kiến Bình trên đường gặp ngựa, bảo nói: “Tướng của con ngựa này, ngày nay tất chết”. Đế sắp cưỡi ngựa, ngựa ghét mùi thơm trên áo, hí lộn căn vào đầu gối của Đế, Đế cả giận, bèn liền giết ngựa. Giữa năm Hoàng Sơ thì Kiến Bình chết.

Chu Tuyên tự Khổng Hòa, người huyện An Lạc. Làm quan trong quận. Thái thú Dương Phái nằm mơ có người nói: “Ngày mừng một tháng tám Tào Công sẽ đến, tất đem gậy cho ông, cho uống rượu thuốc”. Sai Tuyên bói xem. Bấy giờ giấc Khấn vàng nổi dậy, Tuyên đáp nói: “Gậy để người yếu tựa dậy, thuốc để trị bệnh cho người, ngày mừng một tháng tám, tất trừ diệt giấc”. Đến kì, giấc đúng bị phá.

Sau này người quận Đông Bình là Lưu Trinh nằm mơ thấy một con rắn mọc bốn chân, đào hang ở trong nhà, sai Tuyên bói xem, Tuyên nói: “Đấy là nằm mơ vì việc nước, không phải vì việc nhà ông. Là điềm giết con gái và kẻ làm giặc”. Chốc lát, bọn giặc đàn bà là Trịnh, Khương bèn cùng bị đánh dẹp, con rắn là điềm về đàn bà, bốn chân không phải là nguồn gốc của rắn vậy.

Văn Đế hỏi Tuyên nói: “Ta nằm mơ có hai viên ngói trên cung điện rơi xuống đất hóa thành một đôi chim uyên ương⁽⁸³⁾ đấy là điềm gì”? Tuyên đáp nói: “Chón cung sau sắp có kẻ giết nhau”. Đế nói: “Ta lìa khanh thôi”! Tuyên đáp nói: “Nằm mơ là điềm báo vậy, tạm theo hình trong giấc mơ mà nói, lại bói được tốt xấu”. Nói chưa xong thì quan Hoàng môn lệnh tấu rằng cung nhân⁽⁸⁴⁾ giết nhau. Không lâu, Đế lại hỏi nói: “Ta tới qua nằm mơ thấy một luồng khí xanh từ đất bốc lên trời”. Tuyên đáp nói: “Thiên hạ sắp có một người con gái tôn quý bị chết oan”. Bấy giờ, Đế đã sai sứ giả ban ân thư cho Chân Hậu⁽⁸⁵⁾ nghe Tuyên nói mà hối hận, sai người đuổi theo sứ giả không kịp. Đế lại hỏi nói: “Ta nằm mơ mài xóa chữ trên đồng tiền, muốn sai vứt mất nhưng sáng hơn, đấy là điềm gì”? Tuyên im im không đáp. Đế gắng hỏi, Tuyên đáp nói: “Đấy là việc nhà của Bệ hạ, dấu điềm này như thế nhưng Thái hậu không theo, cho nên chữ sắp mất mà tự sáng thôi”. Bấy giờ Đế muốn trị tội của em là Thực, bị Thái hậu ép, nhưng vẫn giảm tước. Lấy Tuyên làm Trung lang, thuộc quan Thái sử.

Từng có người hỏi Tuyên rằng: “Ta hôm qua nằm mơ thấy chó rom⁽⁸⁶⁾

ông bói thế nào”? Tuyên đáp nói: “Ông muốn có món ăn ngon thôi”! Chốc lát, đi ra, quả đúng gặp món ngon. Sau lại hỏi Tuyên nói: “Hôm qua cũng nằm mơ thấy chó rom, là sao”? Tuyên nói: “Ông sắp bị rơi xuống xe gãy chân, nên cẩn thận đề phòng”. Chốc lát, đúng như Tuyên nói. Sau lại hỏi Tuyên: “Tối qua lại nằm mơ thấy chó rom, là sao”? Tuyên nói: “Nhà ông bị lửa cháy, nên nhanh giữ gìn”. Chốc lát bèn có lửa cháy. Bảo Tuyên nói: “Trước sau là ba lần đều không mơ như vậy, sao bói lại đều đúng thế”? Tuyên đáp nói: “Đây là thần minh báo cho ông thôi, cho nên không khác với giấc mơ thật”. Lại hỏi Tuyên nói: “Ba lần mơ thấy chó rom mà ông bói khác nhau, sao vậy”? Tuyên nói: “Chó rom là vật tế thần, cho nên giấc mơ đầu của ông đúng điềm báo có thức ăn vậy. Cúng tế đã xong thì chó rom bị xe nghiêng qua, cho nên giấc mơ giữa đúng điềm báo rơi xuống xe gãy chân vậy. Sau khi chó rom đã bị xe nghiêng qua, tắt chỏ đi để đốt, cho nên giấc mơ sau đúng điềm báo lửa cháy vậy”. Tuyên bói giấc mơ, đại loại như thế, mười việc đúng đến tám, chín việc, người đời sánh với cái tài xem tướng của Kiến Bình. Các lần bói khác không chép ra đây. Cuối thời Minh Đế thì chết.

TRUYỆN QUẢN LỘ

Quản Lộ tự Công Minh, người quận Bình Nguyên. Dáng vẻ xấu xí, không có uy nghi lại thích uống rượu, không chơi với người có chí khác, cho nên nhiều người yêu nhưng không kính vậy.

Lộ biệt truyện viết: Lộ năm tám, chín tuổi lại thích ngưỡng xem thiên văn, gặp người nào liền hỏi tên sao, đêm không chịu ngủ. Cha mẹ thường cấm Lộ nhưng không ngăn được. Tự nói: “Tuổi ta dẫu nhỏ, nhưng trong mắt thích xem thiên văn”. Thường nói: “Gà nhà chim đồng vẫn còn biết mùa tiết, huống chi là người”? Cùng chơi với bọn trẻ xung quanh ở giữa bãi đất, liền vẽ hình vòm trời cùng Mặt trời, Mặt trăng, vì sao trên mặt đất. Hễ đối đáp bàn việc, đều nói những việc không tầm thường, những kẻ học vãng không bắt bẻ được, đều biết Lộ đang có tài lạ. Lúc thành người lớn, quả đúng hiểu rõ cái đạo lí của Chu dịch, thiên văn, phong giác, bói đoán, xem tướng, không gì không tinh thông. Tính vốn rộng rãi, được nhiều người ưa, ghét mà không thù, yêu mà không khen, thường muốn lấy đức báo oán. Thường nói: “Trung, hiếu, tín, nghĩa là gốc rễ của con người, không thể không xem trọng; trong sạch, thẳng thắn chỉ là vẻ ngoài hão rỗng của kẻ sĩ, không đủ để xem trọng”. Tự nói: “Ít người biết ta thì ta thích, há ngăn được dòng sông Giang, sông Hán, ngăn được việc nước chảy làm mòn đá sao? Cùng Quý Chủ vui vẻ luận đạo, không muốn ngồi cùng thuyền với người đánh cá, đấy là chí của ta vậy”. Lộ thờ cha mẹ có hiếu, thật thà với anh em, tin yêu bạn bè, đều tỏ rõ lòng nhân hòa, cả đời không có chỗ thiếu sót. Kẻ sĩ bình luận, kẻ già cũng chịu phục. Cha làm Túc Khâu Trưởng thuộc quận Lang Nha, bảy giờ mười lăm tuổi, đi đến phủ quan đọc sách. Lúc đầu đọc kinh Thi, Luận ngữ và sách Dịch, lại hiểu sâu viết bút, lời lẽ rõ ràng. Bảy giờ trong trường học có hơn bốn trăm học trò trong nước và phương xa đều phục tài của Lộ. Lang Nha Thái thú Đan Tử Xuân nhã nhận có tài, nghe nói Lộ là người tài của một trường, muốn được gặp, cha Lộ liền sai Lộ đến báo. Hội lớn có hơn trăm tân khách, người ngồi trong hội là những kẻ sĩ giỏi ăn nói, Lộ hỏi Tử Xuân nói: “Phủ quân là kẻ sĩ nổi tiếng, lại có vẻ tôn quý, Lộ còn tuổi nhỏ, mặt chưa cứng cõi, nếu muốn nhìn nhau, sợ mất phách vía, xin uống ba thăng rượu ngon trước, rồi mới nói chuyện”. Tử Xuân cả mừng, bèn rót ba thăng rượu ngon, sai Lộ uống một mình. Sau khi uống rượu xong, hỏi Tử Xuân nói: “Nay muốn đối đáp với Lộ, giống kẻ sĩ ngồi bốn phía của phủ quân chẳng”? Tử Xuân nói: “Ta muốn tự mình cầm cờ đánh trống ngang nhau với ngươi”. Lộ nói: “Lúc đầu đọc kinh Thi, Luận ngữ, sách Dịch, sức học nông cạn, chưa dẫn giải được cái đạo thánh nhân, chưa bày được việc của thời Tần, thời Hán, chỉ muốn bàn về việc quý thân, kim mộc thủy hỏa thổ thôi”. Tử Xuân nói: “Đấy là những đạo lí khó nhất, mà ngươi cho là dễ

sao”? Do đó bắt đầu bàn luận rôm rả, lại bàn qua thuật số âm dương, lời lẽ như cánh hoa trôi, như cành lá mọc, dần ít sách vở của thánh nhân nhưng chọn nhiều việc thực của thiên nhiên. Từ Xuân và bọn kẻ sĩ cùng bắt bẻ, lời lẽ sắc bén, nhưng Lộ đối đáp từng người một, nói đều có khác. Từ sáng đến tối, không kịp ăn uống. Từ Xuân bảo mọi người nói: “Người này tuổi nhỏ mà có tài lớn, nghe lời bàn của hắn, thật giống bài phú Thiên tử đi săn của họ Tư Mã, thế nhưng có khí hùng tráng cao lớn, chất anh hào tốt đẹp, tất biết rõ được cái biến hóa của thế đất hình trời, không chỉ giỏi lí lẽ thôi đâu”. Do đó lững lẫ ở Từ Châu, gọi là thần đồng.

Cha làm Lợi Tào Trưởng, dân huyện Lợi Tào là ba anh em Quách Ân đều mắc bệnh què chân, sai Lộ bói cỏ thi xem nguyên nhân. Lộ nói: “Trong què có cho biết mộ gốc của nhà ông, trong mộ có quỷ nữ, không phải là bá mẫu của ông, thì là thúc mẫu vậy. Thời xưa đói khổ, lúc ấy tham lợi mấy thăng gạo mà xô đẩy người ấy xuống giếng, kêu cứu the thé, rồi đẩy một tảng đá lớn xuống làm vỡ đầu người ta, quỷ nữ đau oán, tự kêu với trời”. Do đó Ân khóc lóc nhận tội.

Lộ biệt truyện viết: Dân huyện Lợi Tào là Quách Ân tự Nghĩa Bác, có tài học, giỏi đọc sách Chu dịch, giải nghĩa sách Xuân thu, lại biết xem thiên văn. Lộ đến chỗ Nghĩa Bác đọc sách Dịch, trong mấy chục ngày bèn hiểu rõ được, lí lẽ hơn cả thầy. Do đó bói cỏ thi lập què, suy nghĩ sâu xa, bói xem việc tang ma, giàu nghèo, chết mất, bệnh tật của bọn học trò trong trường học, vốn không sai khác, chẳng ai không kinh ngạc, gọi là người thần vậy. Lại theo Nghĩa Bác học xem thiên văn, trong vòng ba mươi ngày thâu đêm không ngủ, bảo Nghĩa Bác nói: “Ông chỉ nói được những chỗ sơ qua thôi, đến như những việc vận hội, tai họa, tự có trời bảo cho ta biết”. Học chưa được một năm, Nghĩa Bác lại phải theo Lộ hỏi các đạo lí quan trọng của kinh Dịch và thiên văn. Nghĩa Bác hề nghe lời Lộ nói, chưa từng không cảm khái chịu phục, tự nói: “Lúc trông nghe lời bàn phải của ông, quên cả bệnh nặng của ta, sáng tối không thể đuổi kịp được ông, có lẽ càng xa hơn”! Bác Nghĩa bày lễ chủ khách, chỉ mời Lộ, nói hết cay đắng, tự nói: ‘Ba người anh em ta bị bệnh què chân, không biết vì sao? Thử giúp ta lập què, để biết được từ đâu. Nếu có tai họa gì, thì đạo trời cũng tha cho người, nay ta cầu phúc với thần minh là vì không được thần minh yêu quý vậy. Nếu anh em ta gặp may thì như được sống lại”. Lộ liền lập què, biết rằng chẳng lành. Đến chiều tối, nhân đó nghỉ lại, đến giữa đêm, bảo Nghĩa Bác rằng: “Ta đã bói được rồi”. Nói xong việc ấy, Nghĩa Bác buồn rầu khóc ướt áo, nói: ‘Cuối thời nhà Hán, đúng có việc ấy. Ông không nói với ta là vì ngại. Ta không nói được là vì lẽ. Anh em ta què chân đã hơn ba mươi năm, chân như có cây gai, không thể chữa được, chỉ mong con cháu không bị thôi”. Lộ nói rằng hành hỏa không dứt, hành thủy không thừa, không lan đến đời sau.

Vợ của Lưu Phụng Lâm người huyện Quảng Bình mắc bệnh nặng, đã mua quan quách. Bấy giờ là tháng giêng, sai Lộ bói, nói: “Mất lúc giữa buổi vào ngày tân mao tháng tám”. Lâm nói là không đúng, rồi vợ dần đỡ, đến mùa thu lại phát bệnh, đúng như Lộ nói.

Lộ biệt truyện viết: Bào Tử Xuân làm Liệt Nhân Lệnh, có tài sáng suốt, gặp nhau với Lộ, nói: “Nghe nói ông giúp Lưu Phụng Lâm bói xem ngày mất của vợ, hay sâu như thế, thử bàn ý nghĩa của nó không”? Lộ nói ý của hào tượng, bàn nghĩa của biến hóa, như khuôn tròn khuôn vuông, không gì không hợp. Tử Xuân tự nói: “Ta thuở nhỏ thích bàn về Dịch, lại ưa bói cỏ thi, có thể nói là thằng mù muốn nhìn trắng đen, kẻ điếc muốn nghe trong đục, văt vắ mà không được gì. Sau khi nghe ông nói, tự biết được thân mình, thật là kẻ ngu mê”.

Lộ đến gặp An Bình Thái thú Vương Cơ, Cơ sai Lộ lập quẻ, Lộ nói: “Sắp có người vợ lẽ sinh một bé trai, rơi xuống đất lại chạy vào trong bếp mà chết. Lại trên giường sắp có một con rắn lớn ngậm cái bút, người lớn nhỏ cùng đứng xem, chốc lát lại bỏ đi. Lại có một con quạ bay vào trong nhà, cùng đánh với con én, con én chết, con quạ bay đi. Đây là ba việc lạ”. Cơ cả sợ, hỏi lành dữ của việc ấy. Lộ nói: “Chỉ là ở phòng khách do ông ở xa lâu ngày, bọn quý si mi, võng lượng gây việc lạ này. Trẻ con sinh ra lại chạy, nhưng không tự chạy được, chỉ là con yêu quý Tống Vô Kị đem đứa trẻ vào bếp vậy. Con rắn lớn ngậm cái bút, chỉ là viên Thư tá già vậy. Con quạ đánh với con én, chỉ là viên Linh hạ vậy. Nay trong quẻ thấy tượng mà không thấy cái xấu, biết rằng không có điềm yêu quý gây xấu, không phải tự lo lắng”. Sau đúng là không có hại.

Lộ biệt truyện viết: Cơ và Lộ cùng bàn Dịch, trong mấy ngày, đều cho là vui mừng, bảo Lộ nói: “Cùng nghe biết ông giỏi bói mai rùa, cùng bàn cái hay đẹp của nó, ông có tài lạ trên đời, đáng ghi vào thẻ tre dải lụa vậy”. Lộ giúp Cơ lập quẻ, biết là không có việc xấu, nhân đó bảo Cơ nói: “Cái vạc của Cao Tông thời xưa, không phải là cái mà chim trĩ đậu, sân đình của nhà Ân, không phải là chỗ mà cây mọc, vậy mà quạ hoang đến đậu, Vũ Đinh là Cao Tông, lúa dâu liền mọc, là điềm Thái Mậu hưng khởi vậy. Biết rằng ba việc dấu không phải là điềm lành, nhưng cũng mong phủ quân yên thân tu đức, rộng rãi sáng suốt, chớ vì nghĩ về quý gian mà bôi xấu cho tính chân thật”.

Bấy giờ đàn bà nhà Tín Đô Lệnh kinh hãi, lại thay nhau mắc bệnh tật, sai Lộ bói cỏ thi. Lộ nói: “Góc tây nhà phía bắc của ông có hai cái cây đàn ông chết, một cây cầm mâu, một cây cầm cung tên, đầu ở trong vách, chân ở ngoài vách. Cây cầm mâu thì đâm vào đầu, cho nên đầu đau nặng không cử động được; cây cầm cung tên thì bắn vào bụng ngực, cho nên trong tim ngực đau nhức không ăn uống được. Ngày thì bay dạt, đêm thì gây bệnh cho

người, cho nên làm cho đàn bà kinh hãi vậy”. Do đó đào lên dờn xương cốt đi, người trong nhà đều khỏi.

Lộ biệt truyện viết: Vương Cơ liền sai Tín Đô Lệnh đào trong nhà mình, đào đất sâu tám thước, quả có hai quan tài, trong một quan tài có mâu, trong một quan tài có cung sừng và cây tên, cây tên đã lâu ngày, gỗ đều mục nát, chỉ có mũi sắt và sừng còn thối. Lúc dờn xương cốt, rời thành mười dặm mà chôn, bèn không bị bệnh nữa. Cơ nói: “Ta thuở nhỏ ham đọc kinh Dịch, nhưng trẻ nhác đã lâu, không ngờ cái số của thân mình lại kì diệu như thế”. Lại theo Lộ học Dịch, bàn thêm thiên văn. Lộ hề lập mở tượng biến hóa, giải thích điềm lành dữ, chưa từng không kĩ càng chu đáo, nói hết ý nghĩa của nó. Cơ nói: “Lúc đầu nghe ông nói, làm sao biết được ý nghĩa thường là rối rắm, đấy là tự trời giúp cho, không phải tự người biết được vậy”. Do đó cất sách Chu dịch, thôi suy nghĩ, không theo học bói mai rùa, cỗ thi nữa. Người làng ấp của Lộ là Nãi Thái Nguyên hỏi Lộ rằng: “Ông ngày trước giúp Vương phủ quân bàn việc lạ, nói viên Thụ tá già là con rắn, tên Linh hạ già là con quạ, đấy vốn đều là người, sao lại hóa thành kẻ hèn được? Chỉ thấy ở hào tượng, sao ông lại biết ý ấy”? Lộ nói: “Nếu không có tính gốc và đạo trời, sao lại vì trái hào tượng mà dùng người tìm bụng vậy? Cái biến hóa của muôn vật là không có hình thường, cái đổi lạ của người là không có thân thường, hoặc lớn thành bé, hoặc bé thành lớn, vốn là không có tốt hay xấu. Cái biến hóa của muôn vật là cái đạo thường có vậy. Cho nên Hạ Côn là cha của Thiên tử, Triệu Vương Như Ý là con của Hán Cao Tổ, vậy mà Côn hóa thành gấu vàng, Như Ý hóa thành chó đen, họ đều là giữ ngôi rất tôn quý mà biến thành loài mồm đen. Huống chi con rắn hợp ở ngôi thìn tị, con quạ đậu ở giữa Mặt trời, đấy là hình rõ trong các vật đen tối, như ánh sáng giữa ban ngày. Như Thụ tá, Linh hạ đều là cái thân nhỏ mọn hóa thành con rắn, con quạ, cũng chẳng quá đâu”.

Người huyện Thanh Hà là Vương Kinh bỏ quan về nhà, gặp nhau với Lộ. Kinh nói: “Gần đây có một việc lạ, lòng rất không vui, muốn phiền ông lập quẻ giúp”. Quẻ thành, Lộ nói: “Hào tốt, không phải là lạ. Ông buổi đêm ở trước cửa phòng có một tia sáng như cái chén én bay vào trong người ông, có tiếng râm ran, trong lòng không yên, cởi áo ngập ngừng, vậy gọi đàn bà đến tìm kiếm tia sáng thừa”. Kinh cười to nói: “Đúng như ông nói”. Lộ nói: “Hào tốt, là điềm chuyển quan vật, ứng nghiệm may lắm”. Chót sau, Kinh làm Giang Hạ Thái thú.

Lộ biệt truyện viết: Kinh muốn sai Lộ bói mai rùa, nhưng có lời nghi ngờ, Lộ cười mà trách Kinh nói: “Quân hầu là người thành đạt trong châu, sao lại nói lời hèn mọn! Xưa Tư Mã Quý Chủ có nói rằng người bói mai rùa phải học theo thói thường của trời đất, noi theo phép tắc của bốn mùa, thuận theo nhân nghĩa. Phục Hi lập tám quẻ, Chu Văn Vương lập ba trăm tám

mười tư hào thì thiên hạ được trị. Có kẻ mắc bệnh thì chữa khỏi, có kẻ sắp chết thì cứu sống, có kẻ mắc họa thì giúp tránh, việc làm thì phải xong, cưới vợ hỏi thiếp thì giúp sinh con nhiều, há chỉ vì mấy nghìn đồng tiền sao? Lấy đó mà suy, đây mới là việc quan trọng. Nếu đạo sáng thì người thánh hiền không từ bỏ, huống chi ta là kẻ tiểu nhân, ta dám cho là khó làm sao"! Ngạn Vĩ chấp tay tạ lỗi với Lộ nói: "Lời trước là đùa thôi". Do đó Lộ bèn lập quẻ, lời bói đều ứng nghiệm. Kinh hễ bàn về Lộ, cho rằng Lộ là thần của rồng mây, người biết giữ lòng yên ổn, biết giao tiếp với quý thân, không chỉ có tài tổng hợp mà thôi.

Lộ lại đến nhà Quách Ân, có con chim câu bay đến đậu trên cột, kêu rất buồn. Lộ nói: "Sắp có ông già từ phương đông đến, mang theo một đầu lợn, một bầu rượu, chủ nhà nấu rượu, nhưng có việc liên quan đến con nhỏ". Ngày sau đúng có khách, như Lộ bói. Ân sai khách bớt uống rượu, kiêng thịt, cẩn thận với đồ nóng, lại bắt gà nấu thịt, mũi tên từ giữa cây bay nhanh trúng vào tay của con nhỏ mới vài tuổi, máu chảy vung vãi.

Lộ biệt truyện viết: Nghĩa Bác sau khi theo Lộ học bói tiếng kêu của chim, Lộ nói: "Ông dẫu ham học đạo, tài năng đã ít, lại không giỏi âm luật, e rằng khó làm thầy được". Lộ giảng về cái biến hóa của gió bốn phương, trong số năm tiếng âm, dựa theo âm luật lấy tiếng của các loài chim là tiếng thương, lấy sáu giáp là đầu mối của ngày mùa, trái ngược đan xen, ra vào không cùng. Nghĩa Bác yên lặng nghĩ sâu, trải qua mấy ngày, rút cuộc chẳng học được gì. Nghĩa Bác nói: "Tài chẳng hơn gì, khó mà nghĩ bói điềm báo ở thứ này". Bèn thôi.

Lộ đến nhà An Đức Lệnh là Lưu Trường Nhân, có con chim khách bay đến trên cửa nhà mà kêu. Lộ nói: "Chim khách kêu ở phía đông bắc có điềm báo người vợ tôi nay giết chồng, mượn cơ chồng mình vướng víu với người nhà phía tây, đợi không quá ngày vào lúc mặt trời lặn, người báo tin tất đến vậy". Đến lúc, đúng có dân huyện Đồng Ngũ từ phía đông bắc đến báo, có người đàn bà bên cạnh giết chồng mình, nói dối là chồng mình có hiềm khích với người nhà phía tây, đến giết chồng mình.

Lộ biệt truyện viết: Người quận Bột Hải là Lưu Trường Nhân có tài biện luận, lúc đầu dẫu nghe nói Lộ hiểu được tiếng chim kêu, sau thường gặp Lộ hỏi nói: "Âm tiếng của người sống gọi là nói, âm tiếng của chim thú gọi là kêu, cho nên người nói thì biết được thần thái, chim thú kêu thì biết được tên hèn, sao lại cho rằng tiếng chim kêu là lời nói, làm loạn cái khác nhau mà thần minh sắp đặt vậy? Khổng Tử nói 'người ta không cùng bày với chim thú', làm rõ cái hèn mọn của chim thú rồi vậy". Lộ đáp nói: "Trời dẫu có hình tượng lớn nhưng không tự nói ra được, cho nên sao dờn ở trên, thần minh chuyển ở dưới, bày điềm báo cho mây gió để tỏ rõ điềm báo tai vạ, đặt chim thú để giao tiếp với thần minh. Kẻ tỏ rõ tai vạ tất có lúc chìm lúc nổi,

kẻ giao tiếp với thần minh tất có điềm ứng của tiếng cung tiếng thương, cho nên Tống Tương Công mất đức thì có điềm báo sáu con chim cốc cùng chết, Bá Cơ sắp bị cháy thì có điềm con chim kêu báo trước tai họa, bốn nước chưa cháy mà gió nóng đã nổi dậy, chim đỏ đến trong ngày, gây vạ xảy ra tại miền Kinh Sở. Đây là con vật mà trời cao sai đi báo tin, là đầu mối rõ ràng của tự nhiên. Xét âm luật thì âm tiếng có tiếng của gỗ, tìm bói về việc người thì việc lành dữ không sai. Ngày xưa tổ tiên của nhà Tần có công mà được phong, ở thành Cát Lư nghe âm tiếng chim kêu, được chép tại sách Xuân thu, những việc này đều là có thật trong sách vở, không phải là lời hão của bậc thánh hiền. Nhà Thương sắp nổi lên, cũng có điềm báo từ một quả trứng của chim én. Văn Vương nhận ngôi, có điềm con chim đỏ ngậm sách, đây là điềm lành của thánh nhân, lộc tốt của nhà Chu, sao lại là hèn mọn được? Nghe tiếng chim kêu, thần minh ở tại sao Thuận hóa, điều lành báo ở tám quẻ, tự nó không tự nói ra được, nhưng vẫn biết được việc sống chết của Tử Lộ vậy”. Trương Nhân nói: “Ông nói dẫu nhiều, hay mà không thật, ta chưa dám tin”. Chốc lát có hiệu nghiệm của tiếng chim khách kêu, Trương Nhân mới chịu phục.

Lộ đến chỗ của người huyện Liệt Nhân là Điền nông Vương Hoàng Trục, có gió lốc cao đến hơn ba thước, từ hướng thân thổi đến, cuộn xoáy vòng quanh, dừng rồi lại thổi, hồi lâu mới thôi. Trục do đó hỏi Lộ, Lộ nói: “Phía đông sắp có quan coi ngựa đến, sợ rằng có điềm báo cha khóc con, vậy sao”! Ngày sau có quan từ huyện Giao Đông đến, con Trục quả đúng chết. Trục hỏi nguyên nhân, Lộ nói: “Ngày ấy là ngày át mảo, lại ứng với con trướng. Gỗ rụng ở hướng thân, sao Đâu ở hướng thân, mà thân phá dần là điềm ứng chết tang vậy. Thêm nữa ngày đến giờ Ngọ mà gió lại nổi thì ứng với điềm về con ngựa. Quẻ li là văn chương, ứng với quan lại. Thân mùi là hổ, hổ là đại nhân, thì ứng với điềm người cha vậy”. Có con chim trĩ trông bay đến, đậu trên đầu cột chuông trong nhà Trục, Trục rất lấy làm không yên, sai Lộ lập quẻ, Lộ nói: “Đến tháng năm tất nhận chức”. Bảy giờ là tháng ba, đến kì, Trục quả đúng làm Bột Hải Thái thú.

Lộ biệt truyện viết: Lộ lại nói: “Gió thổi theo từng lúc, hào ứng với tượng, bảy giờ thần mới sai sứ đi, tượng là hình dạng của lúc ấy, cũng chỉ là một lúc, không đủ xem là điềm nạn”. Vương Hoàng Trục cũng là người có học thức, có thuật đạo, nhưng đều không giỏi. Hỏi Lộ rằng: “Gió thổi thay đổi, là như thế chẳng”? Lộ nói: “Đây chỉ là gió thổi nhẹ, sao đủ xem là tai vạ? Nếu mà các vì sao không sáng thì các vị thần làm loạn, gió tám phương thổi to, khí mạnh bay giạt, núi lở đá rơi, cây cỏ gãy ngã, bụi bay vạn dặm, nhìn chẳng thấy trời, chim thú trốn nấp, triệu dân kinh sợ, do đó sai bọn như Tử Thận, trèo lên đài cao, ngóng khí gió, xét tai họa, đoán ngày ứng, rồi mới biết nghĩ sâu về cõi xa xăm, gió lạ như thế mới đáng sợ”.

Quán Đào Lệnh là Gia Cát Nguyên chuyên làm Tân Hưng Thái thú, Lộ đến tông tiền Nguyên, tân khách cùng dự hội. Nguyên tự đứng dậy lấy trứng én, tổ ong, con nhện để trong hộp, sai đoán mở. Quẻ thành, Lộ nói: “Vật thứ nhất, chứa khí rời đôi, dựa vào hiên nhà, thành hình trống mái, dương cánh duỗi bay, đáy là trứng én vậy. Vật thứ hai, nhà cửa đảo ngược, cánh cửa lăm nhiều, chứa tinh nuôi độc, mùa thu mới hóa, đáy là tổ ong vậy. Vật thứ ba, chân dài lập cập, nhả tơ thành lưới, giăng mạngi tìm ăn, chiều tối mới lợi, đáy là con nhện vậy”. Mọi người ngòi đều kinh ngạc.

Lộ biệt truyện viết: Gia Cát Nguyên tự Cảnh Xuân, cũng là một kẻ sĩ có học thức. Ưa bói đoán, nhiều lần đoán mở với Lộ, nhưng không bằng Lộ. Cảnh Xuân muốn phân chia cao thấp với Lộ, nhân lúc Lộ đến tiền mình, có rất nhiều khách giỏi bàn chuyện ở đấy. Mọi người nghe nói Lộ gỏi bói mai rùa, xem thiên văn, nhưng không biết Lộ có tài cao lạ, do đó cùng bàn về nguồn gốc các sách vở nổi tiếng của thánh nhân, lại kể về điềm báo Ngũ Đế, Tam Vương nhận ngôi. Lộ giải thích sâu xa cho Cảnh Xuân, rồi mở ra trận đánh, có ý làm cho không vững, ẩn náu nơi trống trải để đợi đến đánh. Cuối cùng Cảnh Xuân chạy về phía bắc, quân sĩ thua vỡ, tự nói rằng mình thấy Lộ ở dưới cờ tinh, mà thành lũy đã đổ. Quân muốn đánh của Lộ ở dưới gỗ trống thổi tù và, treo thang mây, bắn cung nổ hỗn loạn, tụ tập cờ ngà. Sau đó trèo lên thành ra oai, mở cửa ra đánh. Ở trên bàn về Ngũ Đế trôi chảy như sông Giang sông Hán, dưới nói đến Tam Vương rộn ràng như bay như vũ, bọn anh tài của Lộ như hoa mùa xuân cùng nở, người đánh trận của Lộ như gió mùa thu thổi lá. Người nghe ngơ ngác, không hiểu nghĩa gì, người nói im tiếng, chẳng ai không phục, dẫu Bạch Khởi chôn sống quân Triệu, Hạng Vũ ngăn nước sông Tuy, chẳng gì hơn thế. Bấy giờ khách đều muốn trói tay ngậm ngọc, xin buộc tay ở dưới trống quân. Lộ vẫn đứng chỉ huy ở trên gò, chưa chịu hứa cho. Đến hôm sau, vào lúc chia tay, rồi mới có ý muốn đầu cuối. Lúc ấy có tám, chín người là kẻ sĩ tuấn kiệt trong nước vậy. Thái Nguyên Tài ở trong nhóm bạn ấy là có tài năng nhất, ở giữa nhóm bạn ấy nói: “Vốn nghe nói ông vẽ chó sao lại là rồng”? Lộ nói: “Dương ẩn chưa đổi, không phải là cái mà các ông biết, há chỉ có chó mới được nghe tiếng rồng chẳng”? Cảnh Xuân nói: “Nay sắp chia xa, biết lúc nào gặp? Lại được cùng một lần đoán mở nữa”? Lộ đoán đã đều đúng, Cảnh Xuân cười to, nói: “Ông giúp ta nói ý của quẻ, khiến lòng ta mới chịu phục”. Lộ bèn mở hào giải nghĩa, phân bố hình tượng, lời nói sâu xa mà thuận hợp, kì diệu không thể nói hết. Cảnh Xuân cùng bọn khách sau khi nghe nói chẳng ai không khen hay, còn vui hơn cả lúc đoán mở. Cảnh Xuân chia tay với Lộ, lấy hai việc để răn bảo Lộ, nói: “Tính ông ham rượu, dẫu uống được nhiều, nhưng không nên nữa, phải giảm bớt đi. Ông có tài như kính sáng, người soi đều là kì diệu, xem thiên văn dẫu là giỏi, nhưng họa như lửa ngầm, không thể không cẩn thận. Dựa vào cái tài lạ của ông, có thể dạo khắp dải sông ngân,

không lo không được giàu có”. Lộ nói: “Không uống hết rượu được thì không trở tài hết được, ta muốn lấy rượu làm lễ nghi, xem tài năng là đốt nát, còn lo gì nữa”?

Có người anh họ của Lộ là Hiếu Quốc, ở tại huyện Xích Khâu, Lộ đến theo người ấy, hội với hai người khách. Sau khi khách đi, Lộ bảo Hiếu Quốc nói: “Giữa trán và tai miệng của hai người ấy đều có khí xấu, tai vạ tất đến, như hai cái hồn không có mộ,

Lộ biệt truyện viết: Lộ lại nói: “Mùi nồng độc hại, thần thái tối tăm, lấy hố làm quách, đổi làm xe tang”.

hồn bay vào sông, xương về ở nhà, ít lúc nữa sẽ cùng chết vậy”. Mấy chục ngày sau, hai người uống rượu say, buổi đêm cùng ngồi xe, trâu sọ đi đường mà rơi xuống sông Chương, đều bị chết đuối.

Lúc bấy giờ, ở làng ấp của Lộ, nhà không cần đóng cửa ngoài, không có kẻ trộm cắp nhau, Thanh Hà Thái thú Hoa Biểu gọi Lộ làm Văn học huyện. Người huyện An Bình là Triệu Khổng Diệu tiên cử Lộ với Kí Châu Thứ sử Bùi Huy nói: “Lộ rộng rãi hòa nhã, không hiềm với người đời, ngẩng xem thiên văn thì tài như Cam Công, Thạch Thân, cúi nhìn Chu dịch thì sâu xa như Quý Chủ. Nay sứ quân đang muốn rửa lòng nơi đồng cỏ, chú ý chôn đầm sâu, Lộ lại ứng điềm nhu hòa, gặp lúc được làm vây cánh vậy”. Do đó Huy gọi làm Văn học Tòng sự, dẫn đến gặp nhau, cả mừng mà kết bạn. Dời nhà đến quận Cự Lộc, chuyên làm Trị trung Biệt giá.

Vừa vâng lời châu gọi, cùng ngồi xe với em là Quý Nho đến phía tây huyện Vũ Thành, tự gieo quẻ đoán tốt xấu, bảo Nho nói: “Sắp thấy ba con cáo ở trong thành cũ, đến đây mới rõ”. Đi đến góc thành cũ phía tây sông, đúng là thấy ba con cáo cùng ngồi bên thành, anh em đều mừng. Năm Chính Thủy thứ chín, cử Tú tài.

Lộ biệt truyện viết: Lộ được Hoa Thanh Hà gọi, làm Bắc huỳnh Văn học, lúc ấy bạn bè chẳng ai không ngưỡng mộ. Người huyện An Bình là Triệu Khổng Diệu sáng suốt có học thức, có tình bạn Quán, Bão với Lộ, bèn từ huyện Phát Can đến ở giữa trường quận gặp nhau với Lộ, nói: “Trong bụng anh rộng rãi, thời xưa người chết người xưa đã mất chỉ bằng nửa của anh, người ở thời nay chẳng ai sánh kịp anh, nay sắp bỏ chỗ thấp mà bay cao, lượn lơ trên trời xanh, có mây ở đó không? Nghe tin về anh, khiến ta ăn không ngon miệng. Bùi sứ quân của Kí Châu tài giỏi trong sáng, giải thích sâu xa, thường bàn về kinh Dịch và đạo Lão, Trang chưa từng không chăm chú bằng Nghiêm, Cù vậy. Lại xem ý ta tha thiết, cũng là người tin cậy nhau. Nay sắp rời đi, vì anh mà bày tỏ lòng thành cảm hô chẻ đá”. Lộ nói: “Ta không phải là con rồng nơi vực sâu, sao làm Mặt trời ban ngày, Mặt trăng buổi đêm được? Nếu anh quạt được gió đông, thổi mây buổi sớm thì chỉ ta

không chối”. Do đó bèn đến Kì Châu gặp Bùi sứ quân. Sứ quân nói: “Cái mặt của ta sao lại gầy sút vậy”? Khổng Diệu nói: “Trong người không có bệnh vì uống thuốc đá, nhưng thấy trong quận Thanh Hà có một con ngựa kì kì, sau nhiều năm bị bó buộc ở chuồng đã chạy cách xa Vương Lang, Bá Nhạc một trăm tám mươi dặm, nhưng không được ruổi trên đình trời, rong giữa gió bụi”. Sứ quân nói: “Ngựa kì kì nay ở đâu vậy”? Khổng Diệu nói: “Người quận Bình Nguyên là Quản Lộ tự Công Minh, vừa ba mươi sáu tuổi, rộng rãi nhã nhặn, không hiểm với người đời, có thể nói là bậc anh hùng trong bọn kẻ sĩ. Ngưỡng xem thiên văn thì tinh thông như Cam Công, Thạch Thân, cúi đọc Chu Dịch thì nghĩ sâu như Quý Chủ. Đạo chơi học thuật đạo, đoán ý thần không có chỗ cùng, có thể nói là bậc anh tài trong bọn kẻ sĩ. Ôm ngọc núi Kinh, mang châu đêm sáng, vậy mà chỉ được quận Thanh Hà cho làm Bắc huỳnh Văn học, có thể nói là đau lòng đau đầu vậy. Sứ quân đang muốn để lòng nơi vực sâu, thả ý nơi cõi lặng, muốn khiến cho bậc chủ hiền không coi việc một mình, người tài không bị ứ lâu, gió mạnh được thổi xa, chẳng ai không cúi rạp, vậy nên khiến cho Lộ được ứng hợp với âm nhu, gặp thời được tin dùng, tất dương cao giáo hóa, vang vọng khắp chín cõi”. Bùi sứ quân nghe nói thì cảm khái nói: “Có như thế sao! Dẫu tại châu lớn nhưng chưa được thấy người cái tài lạ cõi bỏ nổi buồn rầu, ta có ý về kinh sư, muốn cùng bàn về thuật đạo thôi, huống chi giữa chốn đồng ruộng có người tài kì lạ như thế? Nếu vì thế mà chọn dùng, chẳng phải là làm cho ngựa kì kì lại thành ngựa quèn, ngọc núi Kinh trở thành đá thường sao”? Liên viết hịch gọi Lộ đến làm Văn học Tông sự. Lúc gặp nhau, nói chuyện cả ngày, không biết chán mệt. Bấy giờ trời nóng, dời giường đến dưới cây trước sân, lại đến lúc gà gáy báo sáng rồi mới đứng dậy. Lần gặp sau, chuyển làm Cự Lộc Tông sự. Lần gặp thứ ba, chuyển làm Thị trung, lần gặp thứ tư, chuyển làm Biệt giá. Đến tháng mười, cử làm Tú tài. Lộ từ chối Bùi sứ quân, sứ quân nói: “Hai vị Thượng thư họ Hà, họ Đặng dẫu có tài năng giúp nước nhưng không giỏi về đạo lí của muôn vật. Hà Thượng thư có ý nghĩ kĩ càng, lời nói khéo léo, e rằng một sợi lông cũng chú ý đến, ông nên cẩn thận! Ông tự nói không thể giải thích chín việc của đạo Dịch, họ tất đến hỏi xem. Nếu đến Lạc Dương, nên hiểu rõ cái đạo lí ấy”. Lộ nói: “Nếu Hà Thượng thư khéo léo, lấy cái tài ấy mà gây khó, chỉ lộ vẻ bề ngoài, chưa vào trong lòng ý vậy. Nếu vào lòng ý thì ta phải nhìn thiên văn, xét âm dương, khảo cái huyền ảo, nghĩ đến cùng cõi thần cõi người, rồi mới xem đến cái đạo không cùng, không dễ nói kĩ hết. Như muốn phân chia đạo Lão Trang mà hỏi đến hào, tượng, ưa biện bác xét nét mà nói lời văn vẻ, sáo rỗng, đấy chỉ là cái khéo đợi bản tĩa, không có cái tài xét nét từng sợi lông đâu. Nếu chín việc của ta đều rất phải, thì không cần phải lo xa. Nếu hỏi về âm dương, cái này ta giỏi đã lâu. Sau khi Lộ đi, đầu năm sẽ có gió nổi, gió nổi tất bẻ gãy cây gỗ. Nếu phát từ hướng càn, tất có oai trời, họ không đủ cùng

nói chuyện”.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai, Lại bộ Thượng thư Hà Yển gọi Lộ, mà Đặng Dương cũng ở chỗ Yển, Yển bảo Lộ nói: “Nghe nói ông gieo quẻ rất thần kì, thử giúp ta gieo một quẻ, có làm đến ngôi Tam công không”? Lại hỏi: “Nhiều lần nằm mơ thấy con ruồi xanh có mấy chục cái đầu bay đến đậu trên mũi, xua chúng mà không chịu bay đi, có điềm gì không”? Lộ nói: “Chim cú bay là chim hèn dưới vòm trời, đến khi nó đến trên cành cây ăn quả dâu thì kêu tiếng hay làm người ta cảm động, huống chi lòng Lộ chẳng phải là cây cỏ, dám không dốc hết lòng trung? Xưa nguyên khai giúp đỡ Trọng Hoa, ban ân hòa thuận, Chu Công che chở Thành Vương, ngôi mà đợi sáng, cho nên sáng rõ khắp sáu cõi, muôn nước đều yên. Đây là điềm ứng đạo được sửa ngay, không phải do bói đoán làm rõ vậy. Nay quân hầu giữ chức nặng như núi lớn, thể như sấm điện, mà người trông mong thì ít, kẻ sợ oai thì nhiều, e rằng không phải là lòng nhân cận thận có nhiều phúc lành. Lại nữa mũi là quẻ cần, đây là núi giữa trời,

Thần là Tùng Chi xét: Sách xem tướng nói rằng chỗ của mũi là giữa trời, mũi có tượng núi, cho nên nói là “núi giữa trời” vậy.

dầu cao mà không đổ, đây mới giữ tôn quý được lâu dài vậy. Nay ruồi xanh xấu xí bay đến đậu ở đó. Ở chỗ cao là đỉnh đầu, kẻ ngang ngược thì dễ ngã chết, không thể không nghĩ đến cái số hại lớn, kì hạn của thịnh và suy. Cho nên núi ở giữa đất gọi là khiêm, sấm ở trên trời gọi là tráng; khiêm thì tồn nhiều thêm ít, tráng thì không có lẽ không làm được. Chưa bị tổn thân thì không sáng lớn, không làm thì không bị thương hại. Mong quân hầu trên nghĩ về cái hay của sáu hào Văn Vương, dưới xét cái nghĩa của duyên tượng Ni Phủ, sau đó mong làm ngôi Tam công, mới đuổi được ruồi xanh”. Dương nói: “Đây là lời tâm thường của ông trẻ”. Lộ đáp nói: “Ông trẻ nhưng thấy được người không trẻ, kẻ nói lời tâm thường thì thấy được kẻ không nói”. Yển nói: “Năm sau sẽ lại gặp nhau”.

Lộ biệt truyện viết: Lộ được Hà Yển gọi, rồi cùng bàn chín việc của Dịch, chín việc đều rõ. Yển nói: “Ông bàn về âm dương, trên đời này không có hai người”. Bấy giờ Đặng Dương cùng ngồi với Yển. Dương nói: “Ông có thể nói là giỏi đạo Dịch, mà ta sơ sài không hiểu kịp ý nghĩa trong đạo Dịch, vì sao thế”? Lộ lựa lời đáp nói: “Người giỏi đạo Dịch thì không bàn về đạo Dịch”. Yển ngậm cười mà khen Lộ rằng: “Có thể nói là chọn lời mà nói không làm buồn lòng người khác”. Nhân đó xin Lộ lập quẻ. Lộ đã dẫn gương cũ để răn, Yển tạ Lộ nói: “Biết được bao nhiêu về sự thần kì của đạo Dịch đâu? Người xưa đã cho là khó; quẻ sơ qua mà tỏ rõ được sự thật, người nay cũng cho là khó biết. Nay ông một mặt mà biết hết hai cái đạo khó ấy, có thể nói là đức sáng lâu dài. Kinh Thi chẳng nói là ‘trong lòng đã khắc ghi thì ngày nào cho quên’ sao”!

Lộ về nhà quê, đem lời ấy để nói cho người cậu, người cậu mắng Lộ nói xằng quá. Lộ nói: “Nói với người chết, còn sợ gì sao”? Người cậu cả giận, nói là Lộ xằng bậy. Đầu năm, phía tây bắc nổi gió to, bụi bay đầy trời, hơn mười ngày sau, nghe tin Yên, Dương đều bị giết, sau đó người cậu mới phục.

Lộ biệt truyện viết: Cậu là Hạ Đại phu hỏi Lộ rằng: “Ngày trước gặp họ Hà, họ Đặng, đã thấy có khí xấu chưa vậy”? Lộ nói: “Cùng gặp với người mang họa, sau đó biết thần minh giao loạn; giống nhau với người lành, lại biết bậc thánh hiền tìm cái thần kì. Bước đi của họ Đặng thì gân không bó được xương, mạch không giữ được thịt, ngồi đứng nghiêng đảo như không có chân tay, gọi quỷ xiêu. Lúc họ Hà hỏi han thì hồn không giữ xác, mặt không có màu tươi, tinh thần vật vờ, dáng như cây khô, tướng ấy gọi là quỷ tối. Cho nên quỷ xiêu thì dễ bị gió thổi, quỷ tối thì dễ bị lửa đốt, đây là điềm báo tự nhiên, không che được vậy”. Sau Lộ vì thế mà được yên, Bùi sứ quân hỏi rằng: “Hà Bình Thúc là người tài một thời, sự thật thế nào”? Lộ nói: “Cái tài của người ấy như nước trong hộp thùng, thấy được thì trong, không thấy được thì đục. Lòng muốn biết rộng, nhưng chí không ở tại cái học không cùng, như thế chẳng thành người tài được. Muốn lấy nước trong hộp thùng để tìm cái hiểu biết có hình to như quả núi, thì không tìm hiểu hình được, vậy thì trí do đó mà mê hoặc. Cho nên bàn về đạo Lão Trang khéo léo mà sáo rỗng, nói về đạo Dịch thì đẹp mà giả dối; sáo rỗng thì đạo rỗng, giả dối thì lòng rỗng; được tài cao thì nông cạn mà dòng đứt, được tài vừa thì dối ý mà cô lẻ, Lộ cho rằng đây chỉ là cái tài vừa nhỏ thôi”. Bùi sứ quân nói: “Đúng như ông nói. Ta mấy lần bàn đạo Lão Trang cùng đạo Dịch với Bình Thúc, thường thấy lời lẽ của hắn có tinh diệu, không bắt bẻ được. Lại nữa người thời nay hòa theo, đều tin phục hắn, ta càng thêm không rõ. Nay gặp nhau được nghe lời phải, mới được hiểu rõ”.

Lúc trước Lộ qua chỗ Ngụy Quận Thái thú Chung Do, cùng bèn về đạo Dịch, Lộ nhân đó nói: “Bói biết được ngày sinh ngày chết của ông”. Do sai bói ngày tháng sinh của mình, như Lộ nói không sai khác. Do rất kinh ngạc, nói: “Ông đáng sợ thật. Chết phó mặc cho trời, không phó mặc cho ông”. Bèn không bói nữa. Do hỏi Lộ rằng: “Thiên hạ sắp yên ổn không”? Lộ nói: “Nay bốn phương chín cõi nổi vận, đại nhân được lợi, thần minh dựng lập, đạo vua sáng rõ, lo gì không yên”? Do chưa hiểu lời Lộ, không lâu, bọn Tào Sảng bị giết, mới biết được vậy.

Lộ biệt truyện viết: Ngụy Quận Thái thú Chung Do, trong sạch tài giỏi, hỏi hơn hai mươi việc về kinh Dịch, tự cho rằng câu hỏi rất sâu sắc. Lộ lựa lời mà đối đáp, nói chẳng ngưng tắc, phân chia hào tượng, nghĩa đều thần kì. Do bèn tạ Lộ, Lộ bói biết ngày sinh của Do, Do kinh ngạc nói: “Thánh nhân hiểu biết thần minh, liền nói với muôn vật, sao lại sáng rõ như thế”? Lộ nói: “Cõi người và cõi thần cùng biến hóa, cùng một đường sống chết, thái

cực mệnh mông, về cuối lại về đầu. Văn Vương tôn thọ vẫn không cho là lo, Trọng Ni chống gậy vẫn không cho là sợ. Gieo quẻ đoán bói, nên xét hết ý”. Do nói: “Sống là việc lành, chết là việc xấu, vui buồn phân biệt, ta chẳng giúp được gì, đành phó mặc cho trời thôi”. Thạch Bao làm Điền nông của huyện Nghiệp, gặp nhau với Lộ, hỏi nói: “Nghe nói người làng ông là Trạch Văn Diệu biết thuật ẩn thân, việc ấy tin được chăng”? Lộ nói: “Đấy chỉ là thuật số âm dương che dấu thôi, nếu có thuật ấy thì bốn ngọn núi lớn cũng che được, sông biển cũng giấu xong. Huống gì là thân người bảy thước. Trong cõi biến hóa, tán sương mây để che thân, bày kim thủy để xóa dấu vết, biết thuật vừa đủ, không đủ xem là khó”. Bao nói: “Muốn được thấy cái thần kì của nó, ông hãy bàn về thuật số này được không”? Lộ nói: “Vật không trong sạch thì không phải là thần, thuật số không tinh tế thì không phải là đạo thuật, cho nên vật trong sạch là nơi mà thần tụ hội, thuật tinh tế là đạo mà người có trí hiểu biết, thần minh tụ hội rất ít, có thể dùng tâm lòng mà hiểu thấu, khó để nói thành lời được. Cho nên Lỗ Ban không nói được về tay mình, chu li không nói được về mắt mình. Lời nói không khó, Khổng Tử nói ‘sách không nói hết’, là lời kĩ vậy, ‘nói không hết ý’, là ý sâu vậy, đấy đều là nói về cái thần kì. Để ta nêu qua loa để làm chứng: Mặt trời buổi ngày thì mọc lên trời, chuyển qua vạn dặm, không vật gì không được chiếu sáng, đến lúc lặn xuống đất, còn ánh sáng lửa than, rồi không thấy được. Đêm mười lăm trăng tròn, trong sáng như đuốc đêm, có thể nhìn xa, lúc trăng giữa buổi ngày, sáng không bằng gương. Nay kể ẩn Mặt trời Mặt trăng tất có phép âm dương, số của âm dương thông với muôn vật, chim thú còn biến hoá, huống chi là người! Biết số thì diệu, biết thần thì tinh, không chỉ đúng nghiệm với người sống, người chết cũng có điềm báo. Cho nên Đổ Bá ngồi trên khí lửa để rèn chí, Bành Sinh ngâm vào nước để lập hình. Người sống ra được cũng vào được, người chết hiện được cũng ẩn được, đấy là khí thần của vật, hoá thành hồn bay, người và quỷ cảm ứng nhau, số âm dương khiến nên như thế”. Bao nói: “Mắt thấy số âm dương, nhưng không hơn ông, sao ông không ẩn thân”? Lộ nói: “Chim đỗ nơi gò đống, thích nơi cao ráo của nó, không muốn như cá bơi nơi sông Giang, sông Hán; cá ở đầm ao, vui chỗ ẩm ướt của nó, không đòi lên chỗ chim lướt gió; vì tính khác mà thân không giống vậy. Thật thà giữ thân để làm rõ đạo thuật, nắm thẳng mình để gần lẽ phải, biết đạo mà không cho là lạ, biết thuật mà không cho là kì, ngày đêm ngẫm xét cái thần kì của thuật

[CHÚ THÍCH]

- (1) *Thuật dưỡng tính: thuật tu dưỡng tâm tính.*
- (2) *Thang: thuốc nấu với nước cho sôi rồi uống.*
- (3) *Cứu: là một phương pháp trị bệnh dùng lá ngải làm thành nén hoặc cuộn rồi đốt hơi vào huyết trên người.*
- (4) *Tráng: mỗi lần đốt ngải để cứu là một tráng.*
- (5) *Châm: là phương pháp trị bệnh dùng kim chích vào huyết trên người.*
- (6) *Bột 'ma phát tán': là một loại thuốc bột do Hoa Đà pha chế dùng để gây mê.*
- (7) *Cao: tức thuốc mỡ dầu để bôi lên vết thương.*
- (8) *Phu nhân: tên gọi tôn trọng đối với vợ của quan lại hoặc quý tộc.*
- (9) *Mạch: máu chảy trong các mạch, ý nói nhịp đập của tim đẩy máu đi khắp thân thể.*
- (10) *Huyện lại: quan lại của huyện.*
- (11) *Tứ chi: chỉ hai tay và hai chân.*
- (12) *Tiểu tiện: hoạt động của khí bỏ chất bã ra khỏi cơ thể, tức đại.*
- (13) *Tạng khí: khí trong ngũ tạng.*
- (14) *Phủ lại: quan lại trong phủ quan.*
- (15) *Vị quản: ống dẫn vào dạ dày.*
- (16) *Viên 'vật nữ uyển hoàn': một loại thuốc viên của Hoa Đà*
- (17) *Phu nhân của Bành Thành: vợ của quan lại của huyện Bành Thành.*
- (18) *Quân lại: quan lại làm việc trong quân đội.*
- (19) *Chủ nhân: người thay chủ trông coi việc nhà.*
- (20) *Tháo dạ: tức đại tiện, khí chất bã khỏi cơ thể qua hậu môn.*
- (21) *Con trùng: chỉ con vật thân dài như hình con rắn. Có lẽ chỉ con giun, con sán.*
- (22) *Quận thú: tức quan Thái thú đứng đầu quận.*
- (23) *Sĩ đại phu: chỉ người có chức vị quan tước hoặc người đọc sách có tiếng tăm.*
- (24) *Phủ quân: tên gọi tôn trọng đối với quan Thái thú đứng đầu quận, hoặc Tướng quốc của một quận.*

(25) *Huyệt cách: huyệt ở đốt thứ bảy trên xương sống, ở giữa ngực và bụng.*

(26) *Bột ‘đình lịch khuyển huyết tán’: một loại thuốc bột do Hoa Đà chế ra.*

(27) *Cốc khí: khí trong dạ dày.*

(28) *Huyệt cự khuyết: huyệt trên phần bụng, gần phần ngực.*

(29) *Bột ‘tất diệp tán’: một loại thuốc bột làm từ lá cây sơn.*

(30) *Bột ‘thanh niêm tán’: một loại thuốc bột, có lẽ có màu xanh.*

(31) *Ngũ tạng: tức năm bộ phận trong bụng là: tim, gan, phổi, lá lách, thận.*

(32) *Tinh khí: khí gốc trong người.*

(33) *Phục linh: một loại nấm mọc trên gốc cây.*

(34) *Thuật phác đạo: thuật dưỡng sinh.*

(35) *Lưu Hương: tự Tử Chính, học giả thời Tây Hán.*

(36) *Bảo kê: chỉ sách ‘Bảo kê vạn tất thuật’ mà Lưu Hương từng sửa chữa.*

(37) *Quân Du: có lẽ chỉ Trương Kham tự Quân Du, một nho sĩ thời Đông Hán.*

(38) *Tử Chính: có lẽ chỉ Lưu Hương.*

(39) *Đông A Vương: tức Tào Thực, được phong làm Đông A Vương.*

(40) *Phương sĩ: người luyện thuốc muốn để thành tiên.*

(41) *Thuật phòng trung: thuật dưỡng sinh giữ khí.*

(42) *Doanh Châu: chỉ các đảo ngoài biển phía đông, tương truyền phương sĩ là Tử Phục thời Tần trốn đến đây.*

(43) *Kiếp mây: thần tiên lấy mây làm xe kiệu.*

(44) *Ngựa kí: ngựa khỏe dùng để kéo xe.*

(45) *Phất: áo của quan lại và quý tộc có hoa văn.*

(46) *Thuật sĩ: chỉ chung những người có kỹ thuật nào đó như thầy thuốc, thầy bói, nhà Nho, nhà luyện đan...*

(47) *Thời Chư Lương: không rõ.*

(48) *Nước Xa Sư: một nước ở phía tây Trung Quốc thời xưa.*

(49) *Không cùng: ý nói lí lẽ xa vời, không có thực.*

(50) *Từ Thị, Loan Đại: Từ Thị còn gọi là Tử Phục là một phương sĩ thời Tần Thủy Hoàng, đi tìm thuốc trường sinh rồi trốn ra Doanh Châu. Loan*

Đại phương sĩ thời Hán Vũ Đế, bày chuyện thần tiên để mê hoặc Vũ Đế, cuối cùng bị Vũ Đế giết.

(51) Nhã nhạc lang: chức quan trông coi về âm nhạc trong cung.

(52) Năm Trung Bình thứ năm: tức năm 188 Công nguyên thời Hán Linh Đế.

(53) Nhã nhạc: âm nhạc dùng trong nghi lễ chúc mừng hoặc trong hội yến và cúng tế trời đất.

(54) Thái nhạc lệnh: chức quan trông coi việc sắp đặt âm nhạc của nhà nước.

(55) Chung luật: phép tắc âm nhạc của chuông.

(56) Tám âm tơ tre: chỉ tám loại âm thanh phát ra từ đàn và sáo làm bằng tám vật liệu là tơ, tre, vàng, đá, vỏ quả bầu, da thú, gỗ, đất.

(57) Nhạc khí: dụng cụ dùng để phát ra âm nhạc.

(58) Hiệp luật Đô úy: chức quan có từ thời Hán trông coi về âm nhạc.

(59) Tiên sinh: tên gọi tôn trong đối với người có học thức thời xưa.

(60) Cấp sự trung: chức quan có từ thời Tần, thường ở bên Nhà vua, tham mưu các công việc.

(61) Xe chỉ nam: xe chỉ về hướng nam, tương truyền do Chu Công làm ra.

(62) Hai người: chỉ Thường thị Cao Đường Long, Kiêu kị Tướng quân Tân Lang

(63) Quân: là tên của Mã Quân, nghĩa gốc là cái bàn xoay để làm đồ gốm.

(64) Hành: là tên chữ của Mã Quân, nghĩa gốc là cái cân để cân đo nặng nhẹ của vật.

(65) Nhan Uyên: là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có đức hạnh.

(66) Tể Ngã, Tử Cống: Tể Ngã, Tử Cống đều là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài biện bác.

(67) Nhiễm Hữu, Quý Lộ: Nhiễm Hữu, Quý Lộ đều là người nước Lỗ thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài chính trị

(68) Tử Du, Tử Hạ: Tử Du là người nước Ngô, Tử Hạ là người nước Tấn thời Xuân thu được Khổng Tử khen là có tài văn học.

(69) Kinh Hòa ôm ngọc mà khóc: chỉ Biện Hòa người nước Sở (còn gọi là nước Kinh) nhặt được một viên ngọc dưới núi Kinh, đem dâng cho Sở Vũ Vương, hai lần dâng đều bị cho là ngọc giả, bị phạt tội chặt cả hai chân. Lúc Sở Thành Vương lên ngôi, Biện Hòa ôm ngọc đến dưới núi Kinh mà khóc.

Thành Vương nghe tin, sai người đến xem thì đúng là ngọc đẹp thật.

(70) Công Du Ban, Mặc Dịch, Vương Nhĩ: Công Du Ban là người nước Lỗ thời Xuân thu, còn gọi là Lỗ Ban, là một thợ mộc giỏi nổi tiếng chư hầu. Mặc Dịch là người nước Lỗ thời Xuân thu, tức Mặc Tử, được xem là ông tổ của phái Mặc gia. Vương Nhĩ là một người thợ giỏi thời xưa, không rõ thời nào, có lẽ trước thời Hán.

(71) Trương Bình Tử: tức Trương Hành tự Bình Tử, người thời Đông Hán, là nhà thiên văn học giỏi.

(72) Lang: tức quan Thị lang, thường coi việc sách vở trong cung, phủ.

(73) Châu mục: tức quan Thứ sử đứng đầu một châu. Cuối thời Hán loạn lạc, Châu mục nắm hết việc binh của một châu.

(74) Công phụ: Chỉ Tam công và Tứ phụ, giống Thừa tướng.

(75) Thường bá: chức quan trông coi một vùng.

(76) Công Đạt: tức Tuân Du tự Công Đạt.

(77) A Vụ: tức tên vợ của Tuân Du

(78) Thằng ấy: tiếng gọi gần gũi mà Chung Do nói về Tuân Du.

(79) Đường Cử, Hứa Phụ: Đường Cử là người nước Lương thời Chiến quốc, Hứa Phụ là người đàn bà thời Tần, đều là người giỏi xem tướng.

(80) Năm Hoàng Sơ thứ bảy: tức năm 226 Công nguyên thời Ngụy Văn Đế.

(81) Kỉ cương đại lại: có lẽ nói về quan lại nhỏ của quận huyện.

(82) Tam công: thời Tam quốc chỉ ba vị quan là Tư đồ, Tư không, Thái úy.

(83) Chim uyên ương: tức một loài chim thường bơi trên mặt ao hồ, dáng giống con vịt nhưng nhỏ, con trống gọi là uyên, con mái gọi ương, thường bơi thành đôi.

(84) Cung nhân: vợ của vua hoặc người hầu gái trong cung.

(85) Chân Hậu: tức Chân Mật, nổi tiếng xinh đẹp vùng Kí Châu, lúc đầu là vợ của Viên Hi, sau thành vợ của Ngụy Văn Đế, bị Quách Hậu gièm pha, bắt phải tự sát. Ngụy Minh Đế lên ngôi truy phong làm Hoàng hậu.

(86) Chó rom: tức con chó giả được đan bằng rom cỏ, dùng để cúng tế tông miếu thời xưa.

QUYỂN 30 - Ô HOÀN TIÊN TI ĐÔNG DI TRUYỆN

Ô Hoàn, Tiên Ti, Phù Dư, Cao Câu Ly, Ốc Trở, Ấp Lâu, Uế, Hàn, Nuy

TRUYỆN VỀ CÁC TỘC NGƯỜI Ô HOÀN TIÊN TI

Kinh Thư chép: “Man Di lấn Hạ”, kinh Thi chép: “Hiêm Duẫn⁽¹⁾ ngang ngược”, đã từ lâu họ là cái hại của Trung Quốc vậy. Từ thời Tần, Hán đến nay, người Hung Nô lâu ngày gây hại ở biên giới. Hiếu Vũ Đế dẫu ngoài theo đuổi ‘tứ Di’, phía đông bình hai nước Việt⁽²⁾, Triều Tiên, phía tây đánh nước Nhị Sư, Đại Uyển, mở đường đến các nước Cung, Tạc, Dạ Lang, nhưng các nước ấy đều ở tại ngoài cõi hoang vắng, không gây hại nặng nhẹ cho Trung Quốc. Vậy mà người Hung Nô lại gây ép bức lớn nhất đối với Hoa Hạ, quân kị của rợ Hồ xuống lấn phía nam thì ba nơi biên giới đều bị địch, do đó thường sai các tướng Vệ, Hoắc đi sâu vào miền bắc mà đánh, đuổi Thiên vu đến nơi tận cùng, cướp lấy đất sinh sôi của chúng. Sau đó bèn giữ biên ải xung thân, ngày càng suy yếu. Giữa năm Kiến An, Hô Hàn Tuyên làm Thiên vu của Nam Hung Nô⁽³⁾ vào châu, bèn ở lại làm nội thị, sai Hữu hiền vương⁽⁴⁾ võ về nước ấy, từ đây người Hung Nô cúi phục hơn đầu thời nhà Hán. Nhưng người Ô Hoàn, Tiên Ti lại dần dần lớn mạnh, cũng nhân đó gây loạn vào cuối thời nhà Hán. Vừa lúc Trung Quốc có nhiều việc mà không rỗi ra ngoài đánh dẹp, cho nên tự ý xuống phía nam chiếm đất của nhà Hán, cướp phá thành ấp, giết cướp người dân, miền biên giới phía bắc bị gây khốn. Kịp lúc Viên Thiệu chiếm cả miền Hà Bắc, bèn võ về người Ô Hoàn ở ba quận⁽⁵⁾, ban ân sủng cho những cừ súy lớn mà thu lấy quân kị tinh nhuệ cứng khỏe của họ. Sau đó Thượng, Hi lại trốn đến chỗ Đạp Đôn. Đạp Đôn là kẻ kiêu căng, những cừ súy miền biên giới đều sánh hẵn với Mặc Đôn, cậy vào nơi xa trở, dám thu nhận kẻ trốn tránh để xưng hùng ở đất rợ. Thái Tổ ngầm sai quân lên phía bắc đánh dẹp, ra chỗ họ không ngờ, một trận là định được, do đó người Di Địch chịu phục, oai lừng cõi bắc. Rồi dẫn người Ô Hoàn đi theo đánh dẹp, từ đó dân biên giới được yên ổn. Sau đó cừ súy của người Tiên Ti là Kha Tỉ Năng lại ép phục bọn rợ, thu hết đất cũ của người Hung Nô, từ quận Vân Trung, Ngũ Nguyên về phía đông đến sông Liêu đều thành đất của người Tiên Ti; nhiều lần lấn cướp biên ải, miền U, Tinh bị khổ; Điền Dự vị vây ở Mã Ấp, Tất Cháp bị thua ở Hình Bắc. Giữa năm Thanh Long, Đế bèn nghe lời của Dương Hùng, sai kiếm khách đi đâm giết cừ súy của họ. Rồi đó bộ lạc chia rẽ, đánh lẫn phá nhau, kẻ mạnh thì trốn xa, kẻ yếu thì xin hàng. Do đó biên thù lại yên, miền biên ải ít việc, dẫu có lúc cướp bóc nhưng không còn gây rối loạn được nữa. Người Ô Hoàn, Tiên Ti là rợ Đông Hồ⁽⁶⁾ mà người xưa nói đến vậy. Tập tục, việc thời trước đều đã ghi chép ở sách sử của nhà Hán rồi, cho nên chỉ kể những việc cuối thời Hán đầu thời Ngụy đến nay để chép bù những việc xảy ra của ‘tứ Di’ vậy.

Ngụy lược chép: Ô Hoàn là rợ Đông Hồ vậy. Đầu thời Hán, vua Hung Nô

là Mặc Đốn diệt nước ấy, những người còn sót lại giữ núi Tiên Ti, nhân đó đặt tên ấy. Tục giời cưỡi ngựa bắn tên, men theo các bãi cỏ ven sông mà chăn thả, không ở một chỗ lâu dài, lấy lán rạp làm nhà, đều để cửa về phía đông. Ngày ngày săn bắt cầm thú, ăn thịt uống sữa, lấy lông da làm áo. Không kể sang hèn già trẻ, tính khí đều hung bạo, giận thì giết cả cha anh, nhưng lại không giết mẹ của mình, lấy mẹ làm dòng họ, cha anh cũng lấy mẹ làm dòng giống, cho nên không phạm hại vậy. Thường bầu kẻ dũng mãnh dũng cảm mà thi đấu để chọn làm cừ sủy, các ấp lạc đều có 'tiểu sủy', không được nối thay. Cừ mấy trăm lạc lại tự lập thành một bộ, nếu cừ sủy kêu gọi thì khắc gỗ làm tin để truyền lệnh cho ấp lạc, không có chữ viết nhưng người trong bộ chẳng ai dám trái lệnh. Họ tộc không có phép thường, lấy tên gọi của cừ sủy khỏe mạnh làm họ. Dưới bậc cừ sủy đều tự coi việc chăn nuôi, không phải tự lao dịch. Phép cưới hỏi thì đều thông dâm với nhau trước, rồi bắt cướp đàn bà con gái đi, hoặc trăm ngày, có khi nửa năm, rồi mới sai người mai mối đem trâu ngựa dê đến để làm lễ cưới hỏi. Chàng rể theo vợ về nhà, gặp nhà vợ mà chẳng có phép trên dưới, chỉ đứng mà bái, lại không tự bái lạy cha mẹ của mình. Làm lao dịch hai năm cho nhà vợ, lúc ấy nhà vợ mới cho đem con gái về nhà rể, các tiền vật nhà ở đều để lại nhà vợ. Do đó tục của họ là theo kế của đàn bà, đến lúc đánh trận thì được tự quyết. Không kể cha con trai gái đều ngồi xổm đối mặt nhau, cắt hết tóc để cho nhẹ nhõm. Đàn bà đến lúc lấy chồng mới để tóc dài, chia ra mà búi, cài trâm cong làm bằng vàng ngọc giống mũ đeo lục lạc của người Trung Quốc vậy. Cha anh chết thì lấy lấy mẹ và chị dâu của mình; nếu không lấy chị dâu thì đem họ của mình gả cho chú bác, lúc chú bác chết lại về nhà chồng cũ. Tục biết lúc cầm thú sinh nở để phân biệt bốn mùa, lúc trông trọt thường dùng tiếng kêu của chim 'bồ cóc' để canh chừng. Đất hợp với lúa tấc xanh, cỏ đông tường, cỏ đông tường như cỏ bông, quả như cây quỳ, đến tháng mười thì chín. Làm được rượu trắng, biết làm hèm rượu. Gạo ăn thường trông vào Trung Quốc. Cừ sủy biết làm cung yên yên lạc, rèn vàng sắt để làm binh khí. Biết khắc da thú để làm hoa văn, dệt sợi len. Có bệnh cũng biết ngải cứu, hoặc đốt nóng đá mà tự chườm vào người, đốt nóng đất mà nằm lên, hoặc tùy vào chỗ đau bệnh mà lấy đao rạch mạch mà tiết máu ra, rồi cầu cúng thần trời đất sông núi. Không biết uống thang thuốc, châm huyết. Người tôn quý chết thì liệm thây bỏ vào quan, vừa chêt thì khóc, lúc táng thì múa hát đi tiễn. Dem con chó béo ra, buộc dây lục lạc để kéo đi; lại lấy ngựa cưỡi, áo quần, trang sức của người chết đều đốt mà táng theo. Lấy riêng một con chó gầy ra tế, ý nói là sai đưa linh hồn người chết về ở núi Xích Sơn. Núi Xích Sơn tại phía tây bắc quận Liêu Đông mấy nghìn dặm, như người Trung Quốc cho rằng chêt thì linh hồn về ở núi Thái Sơn vậy. Đến ngày táng, buổi đêm họp họ hàng bè bạn cùng ngồi, dắt các con ngựa, chó ra theo vị thứ, có kẻ khóc, có kẻ hát, ném thịt cho chó ăn. Sai hai người ngâm văn điệu, ý muốn cho linh hồn

người chết được đi thẳng qua chỗ hiểm trở, không bị ma quỷ ngăn chặn để đến được núi Xích Sơn, sau đó lại giết ngựa, chó, quần áo, tiền vật rồi đốt. Kính quý thần, thờ trời đất, Mặt trăng, Mặt trời, sao sáng, sông núi lớn cùng những vị cừu sủy khỏe mạnh thời trước, cũng lấy trâu dê để cúng tế, xong rồi đều đốt đi. Lúc ăn uống phải cúng tế trước. Phép tắc của họ là làm trái lời cừu sủy thì giết chết; trộm cắp cũng không tránh khỏi tội chết. Đánh giết lẫn nhau, các bộ lạc tự báo thù nhau, nếu báo thù nhau không dứt thì đến chỗ cừu sủy xin xét xử, kẻ có tội thì đem trâu ngựa của mình để đền mạng của người chết, lúc ấy mới dứt. Nhưng tự giết cha anh của mình lại không bị xét tội. Những kẻ trốn tránh bị cừu sủy đuổi bắt thì các ấp lạc không được thu nhận, đều xua đuổi đến chỗ hoang vắng, tại đây không có núi, có bãi cát, dòng nước, cây cỏ, nhiều rắn hổ mang. Người Tiên Ti ở tại phía tây nam của nước Đinh Linh, phía đông bắc của nước Ô Tôn, do đó mà bị khốn cùng. Từ lúc trước sau khi bị người Hung Nô đánh phá, dân chúng suy yếu, lại chịu phục vào người Hung Nô, thường mỗi năm chuyển trâu, ngựa, dê đến dâng, nếu quá hẹn mà không dâng đủ thì liền bị bắt vợ con. Đến thời Thiên vu Nhất Diên Đê của Hung Nô, người Ô Hoàn lại mạnh lên, đào bới mộ của Thiên vu của Hung Nô để báo thù cái thẹn từng bị Mặc Đốn đánh phá. Thiên vu Nhất Diễn Đê cả giận, phát hai vạn quân kỵ đến đánh người Ô Hoàn. Đại tướng quân Hoắc Quang nghe tin, sai Độ liêu Tướng quân Phạm Minh Hữu đem ba vạn quân kỵ ra quận Liêu Đông đuổi đánh người Hung Nô, vừa lúc Minh Hữu đến thì người Hung Nô đã bỏ đi. Người Ô Hoàn mới bị họa binh đao của người Hung Nô, nhân sự suy yếu ấy mà đến đánh người Ô Hoàn, chém hơn sáu nghìn thủ cấp, chém được đầu ba cừu sủy của họ đem về. Sau lại nhiều lần lấn biên ải, Minh Hữu liền đánh phá chúng. Đến cuối thời Vương Mãng, cùng với người Hung Nô vào cướp. Vào lúc Quang Vũ Đế định thiên hạ, sai Phục ba Tướng quân Mã Viện đem ba nghìn quân kỵ từ cửa Ngũ Nguyên ra biên ải đánh chúng, không được lợi, bị giết mất hơn bốn nghìn con ngựa. Từ đây người Ô Hoàn bèn mạnh, đánh cướp người Hung Nô, người Hung Nô phải dời lùi nghìn dặm, phía nam sa mạc bèn trở thành đất trống. Năm Kiến Vũ thứ hai mươi lăm, cừu sủy của người Ô Hoàn là bọn Hách Đán đem hơn chín nghìn người đến cửa khuyết, bèn phong hơn tám mươi cừu sủy của họ làm Vương, Hầu, sai ở lại trong biên ải, chia ra ở tại các xứ Liêu Đông thuộc quốc, quận Liêu Tây, quận Hữu Bắc Bình, quận Ngư Dương, quận Quảng Dương, quận Thượng Cốc, quận Đại, quận Nhạn Môn, quận Thái Nguyên, quận Sóc Phương, kêu gọi người của bộ lạc đến, cấp cho cơm áo, đặt quan Hiệu úy để trông coi, do đó trở thành người phòng giữ của nhà Hán, sai ra đánh người Hung Nô, Tiên Ti. Đến giữa năm Vĩnh Bình, cừu sủy của người Ô Hoàn ở quận Ngư Dương là Khâm Chí Bôn lĩnh bộ lạc làm phản, người Tiên Ti lại gây hại; Liêu Đông Thái thú Sái Dung đánh giết Chí Bôn, rồi phá quân ấy. Đến thời An Đế, Suất Chúng Vương của

người Ô Hoàn ở các quận Ngự Dương, Hữu Bắc Bình, Nhạn Môn là bọn Vô Hà lại cùng hợp sức với người Tiên Ti, Hung Nô đánh cướp các quận Đại, Thượng Cốc, Trác Quận, Ngũ Nguyên; bèn lấy Đại tư nông Hà Hi làm Xạ kị Tướng quân, đem năm doanh quân tả hữu vũ lâm, phát hai vạn quân ở các doanh Lê Dương của bảy quận đi đánh chúng. Do đó người Hung Nô hàng phục, người Tiên Ti, Ô Hoàn đều chạy ra ngoài biên ải. Từ đấy về sau, người Ô Hoàn dần dần lại theo phục, bái cừ súy của họ là Nhung Mạt Ngôi làm Đô úy. Đến thời Thuận Đế, Nhung Mạt Ngôi đem các Vương, Hầu là bọn Đốt Quy, Khử Diên theo Ô Hoàn Hiệu úy Cảnh Diệp ra biên ải đánh người Tiên Ti, có công, trở về đều được phong làm Suất Chúng Vương, ban lụa bố.

Cuối thời Hán, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Liêu Tây là Khâu Lục Cư có hơn năm nghìn lạc, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Thượng Cốc là Nan Lâu có hơn chín nghìn lạc, đều xưng Vương; còn cừ súy của người Ô Hoàn tại Liêu Đông thuộc quốc là Tô Bộc Diên có hơn nghìn lạc lại tự xưng là Tiểu Vương, cừ súy của người Ô Hoàn tại quận Hữu Bắc Bình là Ô Diên có hơn tám trăm lạc, tự xưng là Hãn Lô Vương, đều là kẻ trí mưu dũng mãnh. Trưng Sơn Thái thú Trương Thuần làm phản, theo vào quân của Khâu Lục Cư, tự xưng là Di Thiên An Định Vương, làm nguyên súy của người Ô Hoàn tại ba quận, cướp bóc bốn châu Thanh, Từ, U, Kí, giết cướp quan dân. Cuối thời Linh Đế, lấy Lưu Ngụ làm Châu mục, chiêu mộ rợ Hồ chém đầu Thuần, do đó các châu miền bắc mới yên. Sau đó Khâu Lục Cư chết, con là Lâu Ban còn nhỏ tuổi, con trong họ là Đạp Đốn có vũ lược, thay lập, thống lĩnh các bộ lạc của ba quận, quân đều theo phép lệnh của hắn. Viên Thiệu đánh Công Tôn Toản nhiều lần mà không thắng, Đạp Đốn sai sứ đến chỗ Thiệu xin hòa cầu thân, giúp Thiệu đánh Toản, phá được Toản. Thiệu tự ý ban ấn thao Tiểu Vương, Hãn Lô Vương cho bọn Đạp Đốn, đều lấy làm Thiên vu.

Anh hùng kí chép: Thiệu sai sứ đến bái ba vị vua của người Ô Hoàn làm Thiên vu, đều được cưỡi xe êm, treo lọng hoa, dựng cờ mao, đi xe màu vàng, cầm cờ tiết bên trái. Hạ lệnh rằng: “Sứ trì tiết, Đại tướng quân, đô đốc việc quân miền U, Thanh, Tinh, lĩnh Kí Châu Mục, Nguyễn Hương Hầu là Thiệu, thừa lệnh hạ chiếu sai Suất Chúng Vương ở Liêu Đông thuộc quốc là Ban Hạ, Suất Chúng Vương của người Ô Hoàn ở quận Liêu Tây là Đạp Đốn, Suất Chúng Vương ở quận Hữu Bắc Bình là Hãn Lô Duy rằng: Tổ tiên các người mộ nghĩa giữ thiện, theo phục nơi biên ải, phía bắc ngăn rợ Hiểm Duãn, phía đông chống rợ Uế Mạch, nối đời giữ biên thù, làm phen dậu của trăm họ, dầu có lúc phạm lẩn bờ cõi, cho nên sai tướng đi đánh chặn tội, cũng có lúc không theo phục nhưng hối tiếc sửa lỗi, so với các dân rợ ngoài cõi khác thì thông minh hơn cả. Lúc đầu lấy cừ súy của nghìn người,

cừ súy của trăm người để thay nhau thống lĩnh, dốc hết lòng dạ, tỏ rõ công lao với nhà nước, dần dần được phong tước Vương, Hầu. Từ thời nhà vua ta mắc nhiều việc, Công Tôn Toản gây nạn, đem cái sức của dân ít đất vắng để đối trời lán chủ, do đó người ở trong bốn cõi đều cảm can qua để giữ xã tắc. Ba vị vua các nơi dốc lòng ở nơi biên giới, ghét kẻ gian, lo việc nước, dần thân làm vây cánh của quân Hán, thực là rất trung hiếu, được triều đình khen ngợi. Vậy nhưng rắn dài hổ lớn vẫn lúc nhúc đầy đường, do đó quan tước chiếu phong chưa được ban đến. Nếu kẻ có công mà không được thưởng thì người giúp đỡ lười biếng vậy. Nay sai Yết giả Dương Lâm đem áo thao xe áo Thiên vu đến để an ủi các nơi. Các nơi đều phải vỗ yên các bộ lạc, kính theo giáo hóa, chớ được gây ra nạn hại. Cho các nơi nối đời nhận tước vị, làm vua của các bộ lạc. Bên ấy có lỗi sai thì không che giấu, là không trù bỏ bổng lộc của các nơi vậy. Nên dẹp nạn mà lập công, chẳng đáng cố gắng sao! Vẫn cho làm Thiên vu của người Ô Hoàn, thống lĩnh bộ lạc. Thiên vu tả hữu vâng phép lệnh, những việc khác đều như cũ”.

Sau đó Lâu Ban lớn lên, Tiểu Vương lĩnh bộ lạc bầu Lâu Ban làm Thiên vu, chọn Đạp Đốn làm Vương. Đạp Đốn lại bày nhiều kế sách. Người quận Quảng Dương là Diêm Nhu thừa nhỏ trốn vào vào giữa người Ô Hoàn, Tiên Ti, được các bộ lạc tin theo. Nhu bèn lĩnh quân Tiên Ti giết Ô Hoàn Hiệu úy Hình Cử để thay chức ấy, Thiệu nhân đó ban súng để vỗ yên miền biên giới phía bắc. Sau đó Viên Thượng thua trận trốn đến chỗ Đạp Đốn, cậy vào thế của hắn, lại mưu đánh Kí Châu. Gặp lúc Thái Tổ bình miền Hà Bắc, Nhu lĩnh người Tiên Ti, Ô Hoàn theo phục, nhân đó bèn lấy Nhu làm Hiệu úy, vẫn cầm cờ tiết của nhà Hán, trị ở huyện Quảng Ninh như cũ. Năm Kiến An thứ mười một, Thái Tổ tự đi đánh Đạp Đốn ở Liễu Thành, ngầm đem quân đi đường khác, chưa đến hơn trăm dặm, giặc phát hiện. Thượng cùng Đạp Đốn đem quân đón đánh ở Phàm Thành, quân mã rất đông. Thái Tổ trèo lên chỗ cao để nhìn trận giặc, lúc ấy quân ở Liễu Thành chưa đến, thấy quân ấy ít động, bèn đánh phá được quân ấy, lại vào trận chém đầu Đạp Đốn, người chết đầy bãi. Bọn Túc Phụ Hoàn, Lâu Ban, Ô Diên chạy đến quận Liêu Đông, người quận Liêu Đông chém hết chúng, đem đầu đến dâng. Bọn còn lại đều đến hàng. Hơn vạn lạc Ô Hoàn ở Tinh Châu mà Nhu lĩnh đều dời hết đến ở tại Trung Quốc, đem quân sĩ của bọn cừ súy Vương, hầu của họ cùng đi theo đánh dẹp. Do đó người Ô Hoàn của ba quận trở thành quân kị nổi danh trong thiên hạ.

Ngụy lược chép: Năm Cảnh Sơ thứ nhất, mùa thu, sai U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đem quân sĩ đánh quận Liêu Đông. Thiên vu của người Ô Hoàn ở quận Hữu Bắc Bình là Khấu Lâu Quách, viên Đô đốc Suất Chúng Vương của người Ô Hoàn tại ở quận Liêu Tây là Hộ Lưu Diệp ngày xưa theo Viên Thượng trốn đến quận Liêu Tây, nghe tin quân của Kiệm đến, bèn

lĩnh hơn năm nghìn quân ra hàng. Khâu Lâu Quách sai em là bọn A La Bàn đến cửa khuyết châu cống, phong hơn ba mươi cừ súy của họ làm Vương, ban cho xe ngựa, gấm vóc đều theo thứ bậc.

Bộ Độ Căn của người Tiên Ti đã lập,

Ngụy thư chép: Tiên Ti cũng là nhóm còn lại của rợ Đông Hồ, giữ riêng ở núi Tiên Ti, nhân đó lấy hiệu ấy. Tiếng nói phong tục giống người Ô Hoàn. Đất ấy phía đông liền sông Liêu, phía tây đến Tây Thành. Thường đến cuối mùa xuân thì tụ hội, hát nhạc ở bên sông, cưới vợ gả chồng, cắt tóc ăn uống. Thú vật khắc với Trung Quốc, có ngựa hoang, dê sừng lớn, trâu đোন. Lây sừng của trâu đোন làm cung, người đời gọi là cung giác đোন. Lại có chồn, nạc, chuột nhỏ, da lông mềm mịn, cho nên thiên hạ cho là lông tốt. Người Tiên Ti từ khi bị Mặc Đốn đánh phá, trốn xa ở ngoài biên ải quận Liêu Đông mà không tranh hơn với các nước, do đó danh tiếng chưa truyền đến nhà Hán, nhưng gần nhau với Ô Hoàn. Đến thời Quang Vũ Đế, Thiên vu của hai miền nam bắc lại đánh phá nhau, người Hung Nô tổn hao mà Tiên Ti lại mạnh. Năm Kiến Vũ thứ ba mươi, cừ súy của người Tiên Ti là U Cừ Bôn đem quân dân đến cửa khuyết châu cống, phong U Cừ Bôn làm Vương. Giữa năm Vĩnh Bình, Sái Dung làm Liêu Đông Thái thú, dụ dỗ người Tiên Ti, sai chém đầu người Ô Hoàn phản bội là bọn Khâm Chí Bôn, do đó cừ súy của người Tiên Ti từ các quận Đôn Hoàng, Tỉu Tuyền về phía đông đều đến quận Liêu Đông nhận ban thưởng, hai châu Thanh, Tỉu cấp cho tiền, năm đó lấy hai ức bảy nghìn vạn tiền để thưởng. Vào thời Hòa Đế, Đại đô hộ Hiệu úy Ngôi của người Tiên Ti đem quân bản bộ theo Ô Hoàn Hiệu úy Nhâm Thương đánh kẻ làm phản, phong Hiệu úy Ngôi làm Suất Chúng Vương. Giữa năm Diên Bình thời Thương Đế, người Tiên Ti lại về phía đông vào biên ải, giết Ngư Dương Thái thú Trương Hiến. Vào thời An Đế, cừ súy của người Tiên Ti là Yên Lệ Dương vào châu, nhà Hán ban cho ấn thao Tiên Ti Vương, xe ngựa mui đỏ, đến ở dưới sở trị của Ô Hoàn Hiệu úy. Mở chợ trao đổi với rợ Hồ, đắp sở quan ở hai bộ nam bắc, nhận con tin của hai mươi bộ lạc. Từ đó lúc hàng lúc phản, có lúc lại đánh phá nhau với người Hung Nô, Ô Hoàn. Cuối thời An Đế, phát hơn hai vạn quân bộ kỵ ở biên giới ra đóng đồn ở nơi trọng yếu. Sau đó có tám nghìn quân kỵ đánh quận Đại và ải Mã Thành vào giết trưởng lại, nhà Hán sai Độ liêu Tướng quân Đặng Tuân, Trung lang tướng Mã Tục ra biên ải đuổi đánh phá được chúng. Cừ súy của người Tiên Ti là bọn Ô Luân, Kì Chí Kiện đem hơn bảy nghìn người đến chỗ Tuân xin hàng, phong Ô Luân làm Vương, Kì Chí Kiện làm Hầu, ban tặng lụa mịn. Sau khi Tuân đi, Kì Chí Kiện lại phản, vây Ô Hoàn Hiệu úy ở Mã Thành, Độ liêu Tướng quân Cảnh Quý và quan U Châu Thứ sử đến cứu giải vây. Kì Chí Kiện mạnh lên, xua lĩnh mấy vạn quân kỵ đi theo mấy đường vào biên ải, đến huyện Ninh Mạch, đánh Thiên vu của nam Hung Nô,

giết Tả Áo Kiện Nhật Trục Vương. Vào thời Thuận Đế, lại vào biên ải, giết Đại Quận Thái thú. Nhà Hán sai quân tại doanh Lê Dương đóng đồn ở quận Trung Sơn, đem quân tại các quận biên giới đóng đồn ở dưới cửa ải, sai quan Nỗ sư lệnh của năm doanh dạy đánh trận bản tên, Thiên vu của Nam Hung Nô cũng đem hơn vạn quân kị đến giúp quân Hán đánh lùi quân giặc. Sau đó Ô Hoàn Hiệu úy Cảnh Diệp đem Suất Chúng Vương ra biên ải đánh người Tiên Ti, chém nhiều đầu giặc, do đó hơn ba vạn lạc Tiên Ti đến quận Liêu Đông xin hàng. Sau khi người Hung Nô và Thiên vu của Bắc Hung Nô chạy trốn, hơn mười vạn bộ lạc Hung Nô còn lại đến ở lẫn tại quận Liêu Đông, đều tự hiệu là quân Tiên Ti. Đâu Lộc Hầu theo quân Hung Nô được ba năm, vợ hắn ở nhà, có con. Đâu Lộc Hầu về, ngờ mà muốn giết vợ. Vợ nói: “Ta từng đi ngày nghe tiếng sấm sét, ngẩng lên trời xem thì luồng điện xẹt vào trong miệng, nhân đó mà nuốt, rồi có thai, được mười tháng thì sinh, đứa con này chắc có kì lạ, nên nuôi hắn lớn”. Đâu Lộc Hầu vốn không tin. Vợ bèn khuyên bảo, lại lấy đem nuôi, hiệu là Đàn Thạch Hòe, lớn lên thì dũng mãnh, mưu trí hơn người. Vào lúc mười bốn, mười lăm tuổi, cừ sùỵ của bộ khác là Bộc Bôn Ấp cướp lấy trâu dê của nhà họ ngoại mình, Đàn Thạch Hòe sai quân kị đuổi đánh, đến đâu thì đó không địch nổi, lấy hết các con vật bị mất đem về. Do đó bộ lạc sợ phục, liền đặt phép cấm, phép phân biệt đúng sai, chẳng ai dám phạm, bèn được bầu làm cừ sùỵ. Đàn Thạch Hòe đã lập, lại dựng đình ở trên sông Xuyết Cừu bên núi Đàn Hãn tại phía bắc thành Cao Liễu hơn ba mươi dặm, các cừ sùỵ của các bộ lạc đông tây đều theo phục, quân mã rất đông, bèn phía nam cướp biên giới của nhà Hán, phía bắc chống người Đinh Linh, phía đông đánh lui người Phù Dư, phía tây đánh người Ô Tôn, chiếm cả đất cũ của người Hung Nô, đông tây hơn một vạn hai nghìn dặm, nam bắc hơn bảy nghìn dặm, bao trùm sông núi, rãnh nước, mỏ muối rất rộng. Nhà Hán lo lắng, vào thời Hoàn Đế sai Hung Nô Trung lang tướng Trương Hoán đánh hắn, không thắng. Lại bèn sai sứ giả đem ân thao đến, phong Đàn Thạch Hòe làm Vương, muốn cùng hòa thân. Đàn Thạch Hòe chống lại không chịu, lại càng cướp bóc thêm. Rồi chia đất của mình thành ba bộ giữa, đông, tây: từ quận Hữu Bắc Bình về phía đông đến quận Liêu Đông, kể đến nước Phù Dư, Uế Mạch là bộ đông, có hơn hai mươi ấp, cừ sùỵ của bộ ấy là Di Gia, Khuyết Cơ, Tố Lợi, Hòe Đầu; từ quận Hữu Bắc Bình về phía tây đến quận Thượng Cốc là bộ giữa, có hơn mười ấp, cừ sùỵ của bộ ấy là bọn Kha Tồi, Khuyết Cư, Mộ Dung, làm đại sùỵ; từ quận Thượng Cốc về phía tây đến quận Đôn Hoàng, phía tây tiếp nước Ô Tôn là bộ tây, có hơn hai mươi ấp, cừ sùỵ của bộ ấy là bọn Trí Kiện Lạc La, Nhật Luật Suy Diễn, Yển Lệ Du, đều làm cừ sùỵ, đều thần thuộc vào Đàn Thạch Hòe. Đến thời Linh Đế, cướp bóc hai châu U, Tinh; các quận biên giới không năm năm không bị gây hại. Năm Gia Bình thứ sáu, sai Hộ Ô Hoàn Hiệu úy Hạ Dục, Phá Tiên Ti Trung lang tướng Điền Yển, Hung Nô

Trung lang tướng Tang Mân cùng Thiên vu của Nam Hung Nô ra ải Nhạn Môn, ba đường cùng đi, qua hơn hai nghìn dặm đánh chúng. Đàn Thạch Hòe đem quân sĩ đón đánh, bọn Mân thua chạy, quân mã quay về chỗ còn một phần mòi mà thôi. Do đó người Tiên Ti ngày càng đông, săn bắn chần thả không đủ để ăn. Sau đó Đàn Thạch Hòe lại ngăn nước sông Ô Hầu Tàn, mở rộng mấy trăm dặm, ngăn nước không cho chảy, trong nước có cá nhưng không bắt được. Nghe nói người nước Hãn giỏi bắt cá, do đó Đàn Thạch Hòe sang đông đánh nước Hãn, bắt được hơn nghìn nhà, dời đến trên sông Ô Hầu Tàn, sai bắt cá để cấp thức ăn. Đến ngày nay, trên sông Ô Hầu Tàn còn có mấy trăm hộ người nước Hãn. Đàn Thạch Hòe vào năm bốn mươi lăm tuổi thì chết, con là Hòa Liên thay lập, tài lực của Hòa Liên không bằng cha, lại tham dâm, dẹp bỏ phép tắc, hơn nửa quân sĩ phản loạn. Những năm cuối thời Linh Đế thường ra cướp bóc, đánh quận Bắc Địa, dân thường của quận Bắc Địa có kẻ giỏi bắn tên bắn trúng Hòa Liên, Hòa Liên bèn chết. Con là Khiên Mạn còn nhỏ, con của anh là Khôi đầu thay lập. Sau khi Khôi Đầu đã lập, Khiên Mạn lớn lên, tranh đất với Khôi Đầu, quân sĩ bèn tan loạn. Khôi Đầu chết, em là Bộ Độ Căn thay lập. Từ sau khi Đàn Thạch Hòe chết, các cừu sớ bèn nổi đời thay nhau mà lập.

quân ngày càng suy yếu, anh giữa là Phù La Hàn cũng lĩnh mấy vạn quân mà làm cừu sớ. Giữa năm Kiến An, Thái Tổ định U Châu, Bộ Độ Căn cùng bọn Kha Tỉ Năng nhờ Ô Hoàn Hiệu úy Diêm Nhu đến dâng cống. Sau đó người Ô Hoàn ở Đại Quận là bọn Năng Thần Đê làm phản, xin theo về Phù La Hàn, Phù La Hàn đem hơn vạn quân kị đón chúng. Đến huyện Tang Can, bọn Đê bàn nghị cho rằng phép cấm của Phù La Hà lỏng lẻo, sợ không giúp được, lại sau người gọi Kha Tỉ Năng. Tỉ Năng liền đem hơn vạn quân kị đến đón, cùng lập hội thề. Tỉ Năng lại giết Phù La Hàn ở trong hội, con của Phù La Hàn là Tiết Quy Nê cùng quân bản bộ đều theo về Tỉ Năng. Tỉ Năng tự thấy mình giết cha của Quy Nê, bèn đổi dãi Quy Nê rất nồng hậu. Từ đấy Bộ Độ Căn giận Tỉ Năng. Vào lúc Văn Đế lên ngôi, báí Điền Dự làm Ô Hoàn Hiệu úy, Trì tiết, Hộ Tiên Ti, đóng đồn ở Xương Bình. Bộ Độ Căn sai sứ dâng ngựa, Đế bèn báí hấn làm Vương. Sau đó nhiều lần đánh phá nhau với Kha Tỉ Năng, dân chúng của Bộ Độ Căn ngày càng suy giảm, bèn đem hơn vạn lạc về giữ ở quận Thái Nguyên, quận Nhạn Môn. Bộ Độ Căn lại sai người gọi Tiết Quy Nê rằng: “Cha mi bị Tỉ Năng giết chết, đã không nghĩ báo thù mà lại theo nhà hấn. Nay hấn dẫu dãi hậu mi, đây là kế muốn giết mi đây. Không bằng về theo ta, ta với mi là người thân ruột thịt, há theo kẻ thù”? Do đó Tiết Quy Nê đem bộ lạc của mình trốn về chỗ Bộ Độ Căn, Tỉ Năng đuổi theo nhưng không kịp. Đến năm Hoàng Sơ thứ năm, Bộ Độ Căn đến cửa khuyết cống nạp, ban thưởng hậu hĩnh, từ đấy dộc lòng giữ biên ải, không còn cướp hại nhưng bộ lạc của Kha Tỉ Năng ngày càng lớn mạnh. Minh Đế lên ngôi, theo đuổi việc hòa thân với người Nhung Địch để ngừng

đánh dẹp, chỉ ràng buộc lỏng lẻo hai bộ lạc ấy mà thôi. Đến năm Thanh Long thứ nhất, Tỉ Năng dụ Bộ Độ Căn liên kết hòa thân, do đó Bộ Độ Căn đem Tiết Quy Nê cùng bộ lạc đến theo Tỉ Năng, lại đánh phá Tinh Châu, giết cướp quan dân. Đế sai Phiếu kị Tướng quân Tần Lang đánh chúng, Quy Nê bèn phản Tỉ Năng, đem bộ lạc đến hàng, phong làm Quy Nghĩa Vương, ban cho màn trướng, lọng cong, trống sáo, trú ở Tinh Châu như cũ. Bộ Độ Căn bèn bị Tỉ Năng giết chết.

Kha Tỉ Năng vốn là thủ lĩnh của bộ lạc nhỏ người Tiên Ti, nhưng dũng mãnh, vượt vớ phép tắc, không tham tiền của, mọi người bầu làm cừ sớ. Bộ lạc ấy gần biên ải, từ thời Viên Thiệu chiếm miền Hà Bắc, người Trung Quốc trốn tránh phần lớn theo về hãn, bày cho hãn làm binh khí khô giáp, lại học viết chữ, do đó hãn chăm chỉ dạy quân dân, học theo Trung Quốc, ra vào săn bắn, dựng lập cờ trướng, lấy tiếng trống làm lệnh tiến lùi. Giữa năm Kiến An, nhờ Diêm Nhu đến dâng công. Thái Tổ sang tây đánh miền Quan Trung, vừa lúc Điền Ngân làm phản ở giữa miền sông Hoàng Hà, do đó Tỉ Năng đem hơn ba vạn quân kị theo Diêm Nhu đánh Ngân. Sau đó người Ô Hoàn ở Đại Quận làm phản, Tỉ Năng lại giúp chúng cướp hại; Thái Tổ lấy Yên Lăng Hầu là Chương làm Phiếu kị Tướng quân, lên bắc mà đánh, đại phá chúng. Tỉ Năng chạy khỏi biên ải, sau đó lại đến cống nạp. Đầu năm Diên Khang, Tỉ Năng sai sứ dâng ngựa, Văn Đế cũng phong Tỉ Năng làm Phụ Nghĩa Vương. Năm Hoàng Sơ thứ hai, Tỉ Năng đem hơn năm trăm nhà người Ngụy ở tại trong người Tiên Ti về trú ở Đại Quận. Năm sau, Tỉ Năng lĩnh các cừ sớ lớn nhỏ của bộ lạc mình, đem hơn ba nghìn quân kị người Ô Hoàn ở Đại Quận của bọn Tu Vũ Lô, xua hơn bảy nghìn con trâu ngựa đến trao đổi, lại sai hơn nghìn nhà người Ngụy đến trú ở quận Thượng Cốc. Sau tranh giành với cừ sớ của người Tiên Ti ở phía đông là Tố Lợi và ba bộ lạc của Bộ Độ Căn, lại đánh phá lẫn nhau. Điền Dụ sai phải hòa thuận, không được xâm lấn nhau. Năm thứ năm, Tỉ Năng lại đánh Tố Lợi, do đó Dụ đem quân kị nhẹ đi thẳng đến chặn phía sau. Tỉ Năng sai tiểu sớ là Tỏa Nô đi riêng chống Dụ, Dụ đến đánh, đuổi phá được, do đó Tỉ Năng sinh lòng nghi ngờ, bèn gửi thư cho Phụ quốc Tướng quân Tiên Vu Phụ rằng: “Người Di Địch không biết chữ viết, lúc trước Hiệu úy Diêm Nhu tiến cử ta lên Thiên tử. Ta gây thù với Tố Lợi, năm ngoái đánh phá hãn, nhưng Điền Hiệu úy lại giúp Tố Lợi. Ta vào trận sai Tỏa Nô đánh chặn, nghe tin Điền Hiệu úy đến thì liền dẫn quân rút lui. Bộ Độ Căn nhiều lần cướp bóc, lại giết mất em ta, vậy mà vu cho ta cướp bóc. Ta là người Di Địch dẫu không biết lễ nghĩa nhưng anh em con cháu ta lại nhận ân thao của Thiên tử, trâu ngựa còn biết cỏ bên sông tươi tốt mà gặm, huống chi ta là người có tâm lòng! Tướng quân nên xét rõ lòng ta báo lên Thiên tử”! Phụ nhận thư rồi gửi lên, Đế lại sai Dụ vỗ về an ủi hãn. Bộ lạc của Tỉ Năng lại lớn mạnh, thống lĩnh hơn mười vạn quân kị. Hễ cướp lấy được tiền của liền chia đều cho mọi người, một cái

trước mắt cũng chẳng lấy riêng, cho nên được lòng quân sĩ, cừ sủy của các bộ lạc đều sợ phục hấn, nhưng vẫn không bằng Đản Thạch Hòe vậy.

Năm Thái Hòa thứ hai, Dự sai người phiên dịch là Hạ Xá đến chỗ con rể của Kha Tỉ Năng là Uất Trúc Kiện, Xá bị Kiện giết. Mùa thu năm ấy, Dự đem người Tiên Ti ở phía tây là bọn Bồ Đầu, Tiết Quy Nê ra cửa ải đánh Uất Kiện Bộ, đại phá hấn. Về đến Mã Thành, Tỉ Năng tự đem ba vạn quân kị vây Dự trong bảy ngày. Thượng Cốc Thái thú Diên Chí là em của Nhu vậy, vốn được người Tiên Ti tin theo, Chí liền đến khuyên dụ, liền giải vây bỏ đi. Sau đó U Châu Thứ sử Vương Hùng lĩnh chức Hiệu úy, dùng ân tín mà vỗ về. Tỉ Năng nhiều lần đến cửa ải, vào châu quận cống nạp. Đến năm Thanh Long thứ nhất, Tỉ Năng dụ nạp Bộ Độ Căn, sai hấn phản ở Tinh Châu, cùng kết thân với hấn, lại tự xua vạn quân kị đón quân của hấn ở Hình Bắc. Tinh Châu Thứ sử Tất Chấp sai bọn Tướng quân Tô Thượng, Đồng Bất đánh chúng, Tỉ Năng sai con đem quân kị đến đánh với bọn Thượng ở Lâu Phiền, vào trận giết Thượng, Bất. Đến giữa năm thứ ba, Hùng sai dũng sĩ là Hàn Long đâm chết Tỉ Năng, người Tiên Ti lại lập em của hấn.

Tổ Lợi, Di Gia, Khuyết Cơ đều làm cứ sủy ở ngoài biên ải các quận Liêu Tây, Hữu Bắc Bình, Ngự Dương, nhưng vì đường lối xa xôi nên không gây hại nơi biên giới, nhưng dân chúng của họ phần nhiều lại theo Tỉ Năng. Giữa năm Kiến An, nhờ Diêm Nhu dâng công, thông chợ, Thái Tổ đều tiến phong làm Vương. Khuyết Cơ chết, lại lập con hấn là Sa Mạt Hãn làm Thân Hán Vương. Đầu năm Diên Khang, lại đều sai sứ dâng ngựa. Văn Đế phong Tổ Lợi, Di Gia làm Quy Nghĩa Vương. Tổ Lợi lại đánh phá nhau với Kha Tỉ Năng. Năm Thái Hòa thứ hai, Tổ Lợi chết. Con còn nhỏ, lấy em là Thành Luật Quy làm Vương, thay lĩnh dân chúng.

TRUYỆN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG

Kinh Thư chép: “Phía đông tới bờ biển, phía tây đến tại Lưu Sa”⁽⁷⁾. Theo phép phân chia chín cõi thì có thể biết mà chép vậy. Nhưng ở ngoài miền nơi xa lánh, phải trải dài mà đến, không có vết chân xe đến được, chưa có ai biết được phong tục của các nước lạ. Từ thời nhà Ngu đến thời nhà Chu, người Tây Nhung đến dâng ngọc trắng, người Đông Di có nước Túc Thận đến cống, đều cách nhiều đời mới đến, cũng vì xa xôi nên như thế. Đến lúc nhà Hán sai Trương Khiên đi sứ Tây Vực, đến cùng nguồn của sông Hoàng Hà, đi qua các nước, bèn đặt chức Đô hộ để trông coi xứ ấy, sau đó những việc về Tây Vực đều còn, cho nên quan chép sử đã chép rõ được vậy. Nhà Ngụy nổi dậy, người Tây Vực dẫu không đến cả nhưng các nước lớn như Quy Từ, Vu Trí, Khang Cư, Ô Tôn, Sơ Cản, Nguyệt Chi, Thiện Thiện, Xa Sư không năm nào không đến châu cống, đại khái cũng như việc cũ thời nhà Hán. Lại còn Công Tôn Uyên cậy vào ba đời tổ tiên chiếm lấy miền Liêu Đông, Thiên tử cho là hấn ngăn bờ cõi, bèn giao cho các việc giao tiếp với các nước ở ngoài biển, do đó ngăn cách Đông Di, không qua lại được với Hoa Hạ. Giữa năm Cảnh Sơ, đại phá quân sĩ, đánh Uyên, lại ngầm đem quân vượt biển, thu lấy các quận Lạc Lãng, Đái Phương, từ đó miền ngoài biển yên ổn, người Đông Di chịu phục. Sau đó nước Cao Câu Li phản bội, lại sai quân mạnh đến đánh, đuổi đến chôn cùng, qua các xứ Ô Hoàn, Hoàn Đô, qua nước Ốc Trử, giẫm vào đình của nước Túc Thận, phía đông đến biển lớn. Người già nói rằng có người mặt lạ ở gần chỗ mà Mặt trời mọc, rồi đi xung quanh các nước, chọn chép phong tục của các nước, lớn nhỏ khác biệt, đều có tiên gọi, có thể chép rõ. Dẫu là nước Di Địch nhưng vẫn biết giữ gìn lễ nghi cúng tế. Một khi Trung Quốc bỏ lễ nghi thì tìm ở ‘tứ di’, cũng đúng. Cho nên chép các nước theo thứ tự, nêu rõ giống khác để bù điều mà sử sách ngày trước chưa chép.

Nước Phù Du tại phía bắc trường thành, cách quận Huyền Thố nghìn dặm, phía nam tiếp với nước Cao Câu Li, phía đông tiếp với nước Ấp Lô, phía tây tiếp đất Tiên Ti, phía bắc có sông Nhược, đất rộng khoảng hai nghìn dặm. Có tám vạn hộ, dân tụ thành thôn ấp, có cung thất, kho tàng, nhà ngục. Nhiều gò núi, đầm rộng, là đất bằng phẳng nhất so với các nước Đông Di khác. Đất đai hợp với ngũ cốc⁽⁸⁾, không mọc ngũ quả⁽⁹⁾. Người nước này to khỏe, tính cứng cõi nồng hậu, không ưa cướp bóc. Nước này có vua, đều đặt tên quan lại theo tên lục súc⁽¹⁰⁾, có quan Mã gia, Ngưu gia, Trư gia, Cẩu gia, Đại sứ, Đại sứ giả, Sứ giả. Thôn ấp có người giàu, các nhà dưới quyền đều là nô bộc. Các quan lại chia ra làm chủ các miền, quan lớn thì làm chủ nghìn nhà, quan nhỏ thì làm chủ mấy trăm nhà. Ăn uống đều dùng mâm chén,

những lúc hội họp, phong tước, nhận tước, đều nhường nhau lên xuống. Hẹn vào tháng giêng thì tế trời, người trong nước tụ hội, suốt ngày ăn uống múa hát, đặt tên là ‘ngheeh cổ’, do đó phá nhà giam, cởi trói tù ngục. Ở nước này người ta ưa mặc áo màu trắng, vải trắng làm tay áo lớn, áo choàng, quần khố, đi dày da. Ra khỏi nước thì ưa mặc gấm lụa len dạ, quan lớn thì mặc áo lông cáo, lông khi đen, chôn đen, lấy vàng bạc gắn lên mũ. Người phiên dịch đều quỳ, tay dựa vào đất mà nói. Dùng hình pháp nghiêm ngặt, kẻ nào giết người thì tội chết, thu người nhà làm nô tì. Nếu cướp trộm thì trộm một thì đền mười. Nếu trai gái gian dâm, đàn bà hay ghen thì đều bị giết. Rất ghét kẻ hay ghen tị, đã giết rồi còn ném lên núi phía nam của nước này mặc cho thối rữa. Muốn được lấy vợ thì chuyên trâu ngựa mà trao cho. Anh chết thì em lấy chị dâu, giống tục với người Hung Nô. Người nước này giỏi chăn nuôi, xuất ngựa tốt, ngọc đỏ, chôn khi, ngọc trai; ngọc trai to như quả táo chua. Lấy cung, tên, đao, mâu làm binh khí, nhà nhà đều có áo giáp. Người già của nước này tự nói rằng dân mình trốn tránh đến đây từ thời xưa. Đắp thành lũy đều hình tròn, có chỗ tựa như nhà ngục. Người đi đường ngày đêm không kẻ già trẻ đều hát, suốt ngày tiếng hát không dứt. Có việc quân thì cũng tế trời, giết trâu xem móng chân để đoán tốt xấu, móng chân nứt nẻ là xấu, móng chân lành lặn là tốt. Có giặc thì các ‘gia’⁽¹¹⁾ cũng tự đánh trận, người các nhà đều mang đồ ăn uống mà cấp cho các ‘gia’. Nếu chết thì vào các tháng mùa hạ dùng băng mà táng, giết người để táng theo, lớn thì mấy trăm người. Táng trọng hậu, có quách mà chẳng có quan.

Ngụy lược chép: Tục nước này táng trong năm tháng, để lâu cho là vinh hạnh. Cúng tế người chết có khi sơ sài có khi kĩ càng. Chủ tang không muốn nhanh mà người khác lại ép thì thường tranh luận cho rằng đây là giữ tiết tháo. Lúc để tang, trai gái đều mặc áo trắng, đàn bà lấy áo vải che mặt, bỏ vòng đeo, đại khái cũng hơi giống người Trung Quốc.

Nước Phù Dư vốn thuộc quận Huyền Thổ. Cuối thời Hán, Công Tôn Độ xưng hùng ở miền đông ven biển, lấn phục người Di ngoài cõi, do đó vua Phù Dư là Úy Cừ Đài liền thân phục vào quận Liêu Đông. Bây giờ các nước Cao Câu Li, Tiên Ti lớn mạnh, Độ thấy nước Phù Dư ở giữa hai nước giặc ấy, bèn đem con gái trong họ gả cho vua Phù Dư. Úy Cừ Đài chết, Giản Vị Cư lập, không có con cả, có con vợ thứ là Ma Dư. Vị Cư chết, các ‘gia’ cùng lập Ma Dư. Con anh của quan ‘Ngu gia’ mượn tiếng của Vị Cư mà tự làm Đại sứ, khinh tiền của ưa bố thí, người trong nước đều dựa theo, hằng năm sai sứ giả đến kinh đô⁽¹²⁾ dâng cống. Giữa năm Chính Thủy, U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiệm đánh nước Cao Câu Li, sai Huyền Thổ Thái thú Vương Kì đến nước Phù Dư, Vị Cư sai các quan ‘gia’ ra ngoài thành đón, cấp cho lương quân. Ngu gia Quý Phủ có hai lòng, Vị Cư giết cha con Quý Phủ, thu hết tiền của, sai sứ nhật lấy đem vào sở quan. Theo tục của của

nước Phù Dư, gặp lúc nước khô hạn thì không thu thuế, nếu ngũ cốc không chín thì đều đổ lỗi cho vua, có kẻ nói là nên đoi ngôi vua, có kẻ nói là nên giết vua. Ma Dư chết, con là Y Lự mới sáu tuổi, được lập làm vua. Vào thời Hán, vua Phù Dư táng dùng rương ngọc, thường sắm sẵn để ở quận Huyện Thố, lúc vua chết thì đón lấy mà táng. Công Tôn Uyên bị giết, ở kho quận Huyện Thố còn có một cái rương ngọc. Ngày nay kho tàng của nước Phù Dư có mấy tấm ngọc bích, ngọc khuê, ngọc toản, nhiều đời cho là vật báu, người già cả nói là vật ban cho tổ tiên vậy.

Ngụy lược chép: Nước này giàu có, từ đời trước đến nay chưa từng bị phá hoại.

Ấn của vua nước này khắc chữ ‘ấn của Uế Vương’. nước này có thành cũ là thành Uế, có lẽ vốn là đất của rợ Uế Mạch, mà vua Phù Dư ở trong ấy, lại tự gọi là ‘người Vong’, hoặc là giống thê.

Ngụy lược chép: Sách cũ có chép rằng ngày xưa phương bắc có người nước Cao Li, người hầu gái của vua nước ấy có thai, vua muốn giết đi, người hầu gái nói: “Có luồng khí như quả trứng gà bay xuống, cho nên ta có thai”. Sau đó sinh con, vu vút con ở trong chuồng heo, heo đến bú mớm cho, lại dời đến chuồng ngựa, ngựa lại thở hít cho, không chết. Vua ngỡ là con của trời, bèn sau mẹ thu lấy mà nuôi, đặt tên là Đông Minh, thường sai chặn ngựa. Đông Minh giỏi bắn cung, vua sợ hấn đoạt lấy nước mình, muốn giết đi. Đông Minh chạy về phía nam đến sông Thi Yểm, giương cung bắn xuống nước, thê là cá rùa nổi lên làm thành cầu, Đông Minh vượt xong, cá rùa lại giải tán, quân đuổi theo không qua được. Đông Minh nhân đó làm vua ở nước Phù Dư.

Cao Câu Li tại phía đông quận Liêu Đông nghìn dặm, phía nam tiếp với nước Triều Tiên, Uế Mạch, phía đông tiếp với nước Ốc Trở, phía bắc tiếp với nước Phù Dư. Đóng đô ở dưới Hoàn Đô, đất vuông khoảng hai nghìn dặm; có ba vạn hộ. Nhiều đằm núi hang hốc lớn, không đủ làm đầy bụng miệng⁽¹³⁾, do đó tục nước này tiết kiệm, ưa dựng cung thất, ở bên trái phải của nhà mình ở có dựng một ngôi miếu lớn để tế quỷ thần, lại tế sao linh, xã tắc⁽¹⁴⁾. Người nước này hung hăng, giỏi cướp bóc. Nước này có vua, quan lại có ‘Tương gia’, ‘Đối lô’, ‘Phái giả’, ‘Cổ sô gia’, ‘Chủ bạ’, ‘Ưu đài thừa’, ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’, lớn nhỏ đều có cấp bậc. Người Đông Di lúc trước cho rằng họ là một chủng khác của người Phù Dư, các việc tiếng nói phần nhiều giống với người Phù Dư nhưng tính tình và áo quần có khác. Vốn có năm bộ, có bộ Quyên Nô, Tuyệt Nô, Thuận Nô, Quán Nô, Quế Lâu. Lúc đầu bộ Quyên Nô làm vua, sau đó suy yếu, ngày nay bộ Quế Nô nổi lập. Thời Hán ban cho ca kĩ, trống sáo, thường đến quận Huyện Thố nhận khăn mũ quần áo của triều đình ban phát, sai vua Cao Câu Li làm chủ hộ tịch của mình. Sau lại kiêu ngạo, không còn đến quận, đắp tòa thành nhỏ ở phía đông,

đặt khăn mũ quần áo của triều đình ở đây, hằng năm thì đến lấy. Ngày nay người Hồ vẫn gọi thành ấy là ‘Trách câu lâu’. Từ ‘câu lâu’ có nghĩa là ‘tòa thành’ trong tiếng Cao Câu Li vậy. Cách sắp đặt quan lại: có quan ‘Đôi lô’ thì không đặt quan ‘Phái giả’, có quan ‘Phái giả’ thì không đặt quan ‘Đôi lô’. Hộ hàng của vua, quan lớn thì đều gọi là ‘Cổ sò gia’, cũng được dựng tông miếu, tế sao linh, xã tắc. Bộ Tuyệt Nô nhiều đời có hôn nhân với vua, cũng ban hiệu là ‘Cổ sò gia’. Các quan lớn cũng được đặt chức ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’, phải đề tên lên cho vua xem. Còn như bày tôi là khanh đại phu thì cùng ngồi năm, cùng được cùng hàng với ‘Sứ giả’, ‘Tạo y tiên nhân’ của nhà vua. Trong nước này, nhà quan lớn không làm ruộng, kẻ chỉ ngồi mà ăn có hơn vạn người, những nhà dưới phải gánh gạo, cá, muối từ xa đến cung cấp. Dân nước này ưa múa hát, trai gái các thôn ấp trong nước ngày đêm tụ nhóm, cùng nhau hát đờ. Không có kho tàng lớn, nhà nhà đều tự có kho nhỏ, gọi tên là ‘phù kinh’. Người nước này sạch sẽ vui vẻ, ưa cất giấu rượu, quỳ bái chỉ bó một chân, khác với người Phù Du, đi bộ mà như chạy. Đến tháng mười thì tế trời, người trong nước tụ hội, gọi là hội ‘đông minh’. Lúc hội họp, đều tự mặc áo gấm vàng bạc gấm lụa. Quan lớn chủ tế đầu đội khăn, chỉ đội khăn mà không có gấm vật khác, quan nhỏ chủ tế thì đội khăn ‘chiết phong’⁽¹⁵⁾, hình như mũ ‘biện’. Phía đông nước này có cái hồ lớn, gọi là ‘toại huyệt’⁽¹⁶⁾. Tháng mười thì người trong nước tụ hội, đón thần chòi về phía đông của nước ấy mà tế, đặt chòi gỗ ở chỗ ghé thuyền. Không có nhà ngục, kẻ có tội thì các ‘gia’ bàn nghị, tội nặng thì giết, thu lấy vợ con làm nô tì. Tục nước này cưới hỏi, đã bàn bạc xong thì nhà gái làm một gian nhà nhỏ ở sau gian nhà lớn, gọi là ‘nhà rẻ’, chàng rể đến tối thì đến ngoài nhà gái, tự nói là đến đón dâu, xin được đem dâu về nhà, cứ như thế nói ba lần, cha mẹ nhà gái nghe theo mới dõng đem dâu về trong gian nhà nhỏ, bên cạnh đặt tiền lụa, đến lúc sinh con đã lớn khôn mới đem vợ về nhà. Tục nước này say mê, trai gái đã thành vợ chồng rồi liền làm áo cho lúc mất. Táng hậu, dùng vàng bạc tiền của chôn hết theo người chết, chất đá làm năm mộ, trồng từng bách xung quanh. Ngựa của nước này đều nhỏ, nhưng leo núi nhanh. Người nước này có sức khỏe, luyện tập chiến đấu, nước Ốc Trở, Đông Uế đều thần phục. Lại có người ‘tiểu thủy Mạch’. Vào lúc người Cao Câu Li dựng nước từng dựa vào đất của người ‘tiểu thủy Mạch’ mà ở; phía bắc huyện Tây An Bình có con sông nhỏ, chảy về phía nam đổ vào biển, một nhóm người khác của người Cao Câu Li dựa vào con sông ấy mà dựng nước, nhân đó đặt tên là ‘tiểu thủy Mạch’, xuất cung tốt, gọi là ‘cung Mạch’ vậy.

Vào đầu thời Vương Mãng, điều quân của nước Cao Câu Li để đánh rợ Hồ, nhưng không muốn đi, ép bắt họ đi, do đó đều trốn ra biên ải làm giặc cướp. Liêu Tây Đại doãn Điền Đan đuổi đánh chúng, bị giết chết. Châu quận đổ lỗi cho vua Cao Câu Li là Đào, nhưng Nghiêm Ưu tấu rằng: “Người

Mạch phạm pháp, tội chẳng do từ Đào, tạm nên vỗ về. Nay hấn bị khép tội lớn, sợ hấn tất phản”. Mãng không nghe, sai Ưu đánh Đào. Ưu dụ hẹn vua Cao Câu Li là Đào đến mà chém đi, chuyển chở đầu Đào đến Trường An. Mãng cả mừng, bỏ cáo thiên hạ, lại đổi tên Cao Câu Li là ‘Hạ Câu Li’. Thời bấy giờ là nước phong tước Hầu. Năm thứ tám thời Quang Vũ Đế của nhà Hán, vua Cao Câu Li sai sứ châu công, bắt đầu được xưng Vương.

Đến giữa thời Thương, An⁽¹⁷⁾, vua Cao Câu Li là Cung nhiều lần cướp quận Liêu Đông, lại vào cướp quận Huyền Thố. Liêu Đông Thái thú, Sái Phong, Huyền Thố Thái thú Diêu Quang thấy Cung gây hại cho hai quận, bèn dấy binh đánh Cung. Cung giả hàng xin hòa, do đó quân của hai quận không đánh. Cung ngầm sai quân đánh quận Huyền Thố, đốt huyện Hầu Thành, vào thành Liêu Toại, giết quan dân. Sau đó Cung lại vào lấn quận Liêu Đông, Sái Phong lại đem quân đuổi đánh Cung, quân thua mà chết.

Cung chết, con là Bá Cố lập. Giữa thời Thuận, Hoàn⁽¹⁸⁾, lại vào lấn quận Liêu Đông, cướp các huyện Tân An, Cư Hương, lại đánh huyện Tây An Bình, giết Đái Phương Lệnh ở trên đường, cướp được vợ con của Lạc Lãng Thái thú. Năm Kiến Ninh thứ hai thời Linh Đế, Huyền Thố Thái thú Cảnh Lâm đánh nước ấy, bắt chém được mấy trăm đầu giặc, Bá Cố xin hàng, nội thuộc vào quận Liêu Đông. Giữa năm Gia Bình, Bá Cố xin nội thuộc vào quận Huyền Thố. Vào thời Công Tôn Độ xưng hùng miền đông ven biển, Bá Cố sai bọn ‘gia’ Ưu Cư, Chủ bạ Nhiên Nhân giúp Độ đánh giặc ở núi Phú Sơn, phá được chúng.

Bá Cố chết, có hai con trai, con cả là Bạt Kì, con út là Y Di Mô. Bạt Kì chẳng giỏi, người trong nước lại lập Y Di Mô làm vua. Từ thời Bá Cố về sau nhiều lần cướp quận Liêu Đông, lại thu nhận hơn năm trăm nhà rợ Hồ trốn tránh đến ở. Giữa năm Kiến An, Công Tôn Độ đem quân ra đánh phá được nước ấy, đốt cháy thôn ấp. Bạt Kì oán vì là anh mà chẳng được lập, cùng hơn ba vạn người và các quan tướng của bộ Quyên Nô đến chỗ Khang xin hàng, sai về đóng quân ở sông Phát Lưu. Rợ Hồ ở nhờ cũng phản Y Di Mô, do đó Y Di Mô lại lập nước mới, đây là nước ngày nay Cao Câu Li ngày nay vậy. Bạt Kì bèn đến quận Liêu Đông, có con ở lại nước Cao Câu Li, nay là quan ‘Cổ sò gia’ Bác Vị Cư vậy. Sau đó lại đánh quận Huyền Thố, quận Huyền Thố cùng quận Liêu Đông hợp sức đánh, đại phá quân nước ấy.

Y Di Mô không có con, thông dâm với người của bộ Quán Nô, sinh con là Vị Cung. Y Di Mô chết, lập Vị Cung làm vua. Nay vua Cao Câu Li là Cung vậy. Vì ông nội tên là Cung, sinh mà đã sáng mắt, người trong nước ghét Cung, lúc lớn lên, quả nhiên hung ngược, nhiều lần cướp bóc, nước bị tàn phá. Nay vua sinh ra đã bò dưới đất, cũng trợn mắt nhìn người. Người Cao Câu Li cho là tướng người tựa như ông nội, cho nên đặt tên là Vị Cung. Vị Cung có sức khỏe, cưỡi ngựa nhanh, săn bắn giỏi. Năm Cảnh Sơ thứ hai,

Thái úy Tư Mã Tuyên Vương đem quân đánh Công Tôn Uyên, Cung sai Chủ bạ Đại Gia đem mấy nghìn người đến giúp quân. Năm Chính Thủy thứ hai, Cung cướp huyện Tây An Bình. Năm thứ năm, bị U Châu Thứ sử Quán Khâu Kiêm đánh phá. Chép tại Quán Khâu Kiêm truyện.

Đông Ốc Trở tại phía đông núi lớn Cái Mã của nước Cao Câu Li, gần biển lớn mà ở. Thế đất hẹp ở phía đông bắc mà rộng rãi ở phía tây nam, dài khoảng nghìn dặm, phía bắc tiếp với nước Ấp Lô, Phù Dư, phía nam tiếp với nước Uế Mạch. Có năm nghìn hộ, không có quân trưởng lớn, nổi đời ở thôn ấp đều có cừ súy. Tiếng nói đại khái giống người Cao Câu Li, chỉ khác chút ít. Đầu thời Hán, kẻ trốn tránh người nước Yên là Vệ Mãn làm vua Triều Tiên, bấy giờ nước Ốc Trở cũng thần phục theo. Năm Nguyên Phong thứ hai thời Vũ Đế của nhà Hán, đánh nước Triều Tiên, giết cháu của Mãn là Hữu Cừ, chia nước ấy lập thành bốn quận⁽¹⁹⁾, lấy thành Ốc Trở lập ra quận Huyền Thổ. Sau lại bị người Di Mạch xâm lấn, dời quận đến phía tây bắc nước Cao Câu Li, nay gọi là phủ cũ của quận Huyền Thổ vậy. Nước Ốc Trở lại thuộc vào quận Lạc Lãng. Nhà Hán thấy đất đai xa rộng, ở tại phía đông núi lớn Đan Đan, bèn chia đặt quan Đông bộ Đô úy, trị ở thành Bất Nại, trông coi bảy huyện ở phía đông núi. Bấy giờ nước Ốc Trở cũng đều lập thành huyện. Năm thứ sáu thời Quang Vũ Đế của nhà Hán, bớt các quận biên giới, đó đó quan Đông bộ Đô úy bị bãi. Sau đó đều lấy cừ súy trong các huyện ấy phong làm Huyện hầu, các huyện Bất Nại, Hoa Lệ, Ốc Trở đều nước phong tước Hầu. Người Di Địch lại đánh phá lẫn nhau, riêng Bất Nại Hầu đến nay vẫn đặt các quan Công tào, Chủ bạ, đều là người Uế làm quan ấy. Các cừ súy của thôn ấp ở nước Ốc Trở đều tự xưng là ‘tam lão’, đây là pháp tắc của quận huyện vậy. Nước nhỏ thì bị ép vào giữa nước lớn, rút cuộc thần thuộc nước Cao Câu Li. Người Cao Câu Li lại đặt quan lớn trong đấy làm sứ giả, sai chọn thủ lĩnh, lại sai quan Đại gia coi xét việc thu tô thuế, vải Mạch, cá, muối, các vật trong biển, gán từ nơi vạn dặm mà đem đến, lại chở gái đẹp đến làm nô tì, xem họ như nô bộc.

Đất đai nước ấy màu mỡ, dựa vào núi hướng ra biển, hợp với ngũ cốc, giỏi làm ruộng. Tính người thẳng thắn cứng cỏi, ít đi xe ngựa, giỏi cầm mâu đánh bộ. Ăn uống, chỗ ở, quân áo, lễ tiết có giống người Cao Câu Li. Ngụy lược chép: Phép tắc cưới hỏi ở nước ấy là con gái đến mười tuổi đã được hứa gả. Nhà rể đến đón về, nuôi lớn thì trở thành vợ. Đến lúc lớn, lại về nhà gái. Nhà gái đòi tiền, đem tiền xong mới cho về lại nhà rể. Phép táng thì làm quách bằng gỗ lớn, dài hơn mười trượng, mở một đầu làm hộ. Người vừa chết thì đều táng trước, đợi lúc thân rửa, da thịt mất hết mới lấy xương đem vào quách, cả nhà đều cùng một quách, đẽo gỗ như hình người sống, mấy người táng chết theo. Lại có cái hũ sứ, đặt gạo ở trong, treo hũ ấy ở bên quách.

Quán Khâu Kiệt đánh nước Cao Câu Li, vua Cao Câu Li là Cung trốn đến nước Ốc Trử, bèn đem quân đến đánh. Các thôn ấp ở Ốc Trử đều bị phá, bắt chém hơn mấy trăm đầu giặc, Cung lại trốn đến đất Bắc Ốc Trử. Bắc Ốc Trử còn có tên là Trí Câu Lô, cách Nam Ốc Trử hơn tám trăm dặm, phong tục nam bắc đều giống nhau, tiếp với nước Ấp Lô. Người Ấp Lô ưa cưỡi thuyền đi cướp bóc, người Bắc Ốc Trử sợ họ; vào mùa hạ thường ở trong hang sâu trên vách núi mà giữ gìn, đến mùa đông băng đóng thuyền không đi được lại xuống ở tại thôn ấp. Vương Kì sai quân đi riêng đuổi đánh Cung, đến cùng phía đông. Hỏi người già nước ấy rằng: “Miền đông ven biển này có người khác không”? Người già nói là người trong nước từng cưỡi thuyền đi bắt cá, gặp gió thổi mây chục ngày, dạt về phía đông đến một hòn đảo, trên ấy có người, tiếng nói không hiểu nhau, phong tục thì thường đến tháng bảy lại lấy con gái trinh ném xuống biển. Lại nói là có một nước cũng ở tại giữa biển, chỉ có gái mà chẳng có trai. Lại nói là lấy được một cái áo vải, từ giữa biển trôi đến, thân áo như áo của người Trung Quốc, hai tay áo dài ba thước. Lại nói là lấy được một con thuyền vỡ theo sóng mà trôi vào bên bờ biển, trên thuyền có một người mà giữa cổ lại có mặt, bắt sống được người đó, nói chuyện chẳng hiểu được nhau, rồi không ăn mà chết. Đất ấy đều ở giữa biển phía đông của nước Ốc Trử.

Nước Ấp Lô tại phía đông bắc nước Phù Du hơn nghìn dặm, kề bờ biển lớn, phía nam tiếp với nước Bắc Ốc Trử, chưa biết phía bắc nước ấy đến tận chỗ nào. Đất đai nhiều núi hiểm, dáng người như người Phù Du, tiếng nói lại không giống với người Phù Du, Cao Câu Li. Có ngũ cốc, trâu, ngựa, vải gai. Người phần nhiều khỏe mạnh. Không có quân trưởng lớn, thôn ấp đều có cừ súy. Ở giữa rừng núi, thường đào hang mà ở. Nhà lớn sâu đến chín tầng, cho rằng càng sâu càng tốt. Khí hậu lạnh, khác với nước Phù Du. Phong tục ưa nuôi heo, ăn thịt heo, lấy da làm áo. Mùa đông lấy mỡ heo bôi lên người, dày đến mấy phân để chống gió lạnh. Mùa hạ thì cởi trần, lấy một thước vải ẩn trước sau để che thân thể. Người nước này không sạch sẽ, làm nhà xí ở chính giữa, dân vây quanh mà ở. Cây cung dài bốn thước, chắc như nỏ, cây tên làm bằng gỗ cây hộ, dài một thước tám tấc, lấy đá xanh làm mũi tên, tức nước Túc Thận thời xưa vậy. Giỏi bắn tên, người bắn tất trúng. Mũi tên tẩm độc, người trúng đều chết. Xuất ngọc đỏ, chôn tốt, nay gọi là chôn Ấp Lô vậy. Từ thời Hán đến nay, thuộc vào nước Phù Du, người Phù Du đòi tô thuế rất nặng, cho nên giữa năm Hoàng Sơ làm phản lại. Người Phù Du mấy lần đánh, nhưng người Ấp Lô dẫu ít nhưng ở tại núi hiểm, người xung quanh đều sợ cung tên của họ, rút cuộc chẳng phục được. Người nước này lại cưỡi thuyền đi cướp bóc, nước bên cạnh cũng lo lắng. Người Đông Di ăn uống đều dùng mâm chén, riêng Ấp Lô thì không, phong tục rất không có kỉ cương như vậy.

Nước Uế phía nam tiếp với nước Thân Hàn, phía bắc tiếp với nước Cao Câu Li, Ốc Trở, phía đông liền bờ biển lớn, nay phía đông của đất Triều Tiên đều là đất của nước ấy vậy. Hai vạn hộ. Ngày xưa Cơ Tử đã đến Triều Tiên, chép ra tám điều giáo hóa để dạy dân ấy, do đó nhà không đóng cửa mà dân cũng không bị cướp. Hơn bốn mươi đời sau, vua Triều Tiên là Chuẩn tiêm hiệu xưng Vương. Bọn Trần Thắng nổi dậy, thiên hạ phản nhà Tần, do đó mấy vạn người dân các nước Yên, Tề, Triệu tránh loạn mà đến đất Triều Tiên. Người nước Yên là Vệ Mãn bèn búi tóc mặc áo của người Di, lại đến làm vua ở nước ấy. Vũ Đế của nhà Hán đánh diệt nước Triều Tiên, chia nước ấy lập thành bốn quận. Từ đó về sau, người Hồ, người Hán phân biệt. Không có quân trưởng lớn, từ thời Hán đến nay, quan lại có chúa áp được phong tước Hầu, quan ‘Tam lão’ trông coi các nhà dưới. Người già cả của nước ấy tự bảo rằng dân mình cùng chủng với người Cao Câu Li. Tính người thật thà, biết hổ thẹn, không phục người Cao Câu Li. Tiếng nói, phong tục đại khái giống với người Cao Câu Li, nhưng quần áo có khác. Trai gái đều mặc áo có cúc, con trai tán bạc thành tấm rộng mấy thước để làm trang sức. Từ núi lớn Đan Đan đến phía tây thuộc quận Lạc Lãng, bảy huyện từ núi đến phía đông thì do quan Đô úy trông coi, đều lấy người Uế làm dân hộ. Sau đó bỏ quan Đô úy, phong tước Hầu cho cừ súy của dân ấy, nay người Uế ở thành Bất Nại đều là chủng người ấy. Cuối thời Hán lại thuộc vào nước Cao Câu Li. Phong tục coi trọng sông núi, sông núi đều có bộ phận, không được tự ý dẫm chân vào. Người cùng họ không lấy nhau. Nhiều kị húy, nếu bệnh tật chết chóc đều ném vút ở nhà cũ, rồi làm nhà mới. Có vải gai, tầm dâu để làm gấm. Hiểu cách xem sao, biết trước được năm nào đầy đủ hoặc thiếu thốn. Không dùng ngọc làm vật báu. Thường đến tháng mười thì tế trời, ngày đêm uống rượu múa hát, đặt tên là ‘vũ thiên’. Lại tế hổ cho là thần. Nếu thôn ấp đánh lẫn nhau liền đòi phạt trâu ngựa, nhân khẩu, gọi tên là ‘trách họa’. Kẻ giết người thì đền mạng. Ít cướp bóc. Làm cây mâu dài ba trượng, có cây phải dùng mấy người cùng nắm để đánh trên bộ. Cây cung làm bằng gỗ đàn của quận Lạc Lãng là xuất từ đất của người Uế. Biển xuất ra da cá, đất này có nhiều báo lông vằn, lại xuất ngựa ‘quả hạ’, vào thời Hiến Đế của nhà Hán từng dâng ngựa ấy.

Thần là Tùng Chi xét: Ngựa ‘quả hạ’ cao ba thước, cưỡi ngựa này mà đến dưới cây quả thì không đi, cho nên gọi là ngựa ‘quả hạ’. Thấy chép trong Bách vật chí, Ngụy đô phú.

Năm Chính Thủy thứ sáu, Lạc Lãng Thái thú Lưu Mậu, Đái Phương Thái thú Cung Tuân lĩnh dân Đông Uế thuộc vào nước Cao Câu Li, lại đem quân đánh người Uế, bọn Bất Nại Hầu đem cả ấp xin hàng. Năm thứ tám, đến cửa khuyết châu công, hạ chiếu bái làm Bất Nại Vương. Làm nhà ở lẫn trong dân, bốn mùa đến quận châu gặt. Hai quận sai người đưa xe đi đòi tô thuế,

cung cấp lao dịch, đĩi như dân thường.

TRUYỆN VỀ CÁC DÂN TỘC SÔNG PHÍA ĐÔNG (TIẾP)

Nước Hàn tại phía nam quận Đái Phương, đông tây lấy biển làm giới hạn, phía nam tiếp với nước Oa, đất rộng bốn nghìn dặm. Có ba chủng, một là Mã Hàn, hai là Thần Hàn, ba là Biện Hàn.

Thần Hàn là nước Hàn thời xưa vậy. Mã Hàn ở tại phía tây, Dân nước này tụ thành thôn ấp, trồng trọt, biết tầm dâu, làm vải gấm. Đều có cừ sậy, lớn thì tự gọi là ‘Thần trí’, thứ nữa là ‘Áp tá’, tản mát ở giữa sông núi, không có thành quách. Có nước Viên Tương, nước Mâu Thủy, nước Tang Ngoại, nước Tiểu Thạch Sách, nước Đại Thạch Sách, nước Ưu Hưu Mâu Trác, nước Thần Phần Cô, nước Bách Tế, nước Tốc Lô Bất Tư, nước Nhật Hoa, nước Cổ Đản Giả, nước Cổ Li, nước Nộ Lam, nước Nguyệt Chi, nước Tư Li Mâu Lô, nước Sách Vị Can, nước Cổ Viên, nước Mạc Lô, nước Ti Li, nước Chiêm Li Ti, nước Thần Hấn, nước Chi Xâm, nước Cầu Lô, nước Ti Di, nước Giám Hề Ti Li, nước Cổ Bồ, nước Trí Lợi Cúc, nước Nhiễm Lộ, nước Nghệ Lâm, nước Tứ Lô, nước Nội Ti Li, nước Cảm Hề, nước Vạn Lô, nước Tích Ti Li, nước Cửu Tư Ô Đán, nước Nhất Li, nước Bất Di, nước Chi Bán, nước Cầu Sách, nước Tiệp Lô, nước Mâu Lô Ti Li, nước Thần Tô Đồ, nước Bá Lô, nước Cổ Lạp, nước Giám Sách Bán, nước Thần Vân Tư, nước Như Lai Ti Li, nước Sở Sơn Đồ Ti Li, nước Nhất Nan, nước Cầu Hề, nước Bất Vân, nước Bất Tư Phần Tà, nước Viên Trì, nước Càn Mã, nước Sở Li, cả thảy hơn năm mươi nước. Nước lớn thì có hơn vạn nhà, nước nhỏ thì có mấy nghìn nhà, cả thảy là hơn mười vạn nhà. Thần Vương [\(20\)](#) trị ở nước Nguyệt Chi. ‘Thần trí’ đặt hiệu là Hoặc Gia Ưu Hô Thần Vân Khiển Chi Báo An Tà Địch Chi Phần Thần Li Nghệ Bất Liệt Câu Tà Tân Chi Liêm. Quan lại có ‘Nguy suất thiện’, ‘Áp quân’, ‘Quy nghĩa hầu’, ‘Trung lang tướng’, ‘Đô úy’, ‘Bá trưởng’.

Vua là Chuẩn đã tiếm hiệu xưng Vương, bị kẻ trốn tránh người nước Yên là Vệ Mãn đánh lấy,

Ngụy lược chép: Ngày xưa dòng dõi của Cơ Tử làm vua Triều Tiên, thấy nhà Chu suy, nước Yên tự xưng Vương muốn sang đông chiếm đất, do đó vua Triều Tiên cũng tự xưng làm Vương, muốn dấy binh đón đánh quân Yên để tôn nhà Chu. Quan Đại phu tên là Lễ can ngăn, mới thôi. Sai Lễ sang tây khuyên vua Yên, vua Yên dừng mà không đánh. Sau đó con cháu kiêu ngược, vua Yên bèn sai tướng là Tân Khai đánh biên giới phía tây của nước ấy, chiếm đất hơn hai nghìn dặm, đến bến Mãn Phiên làm ranh giới, do đó nước Triều Tiên bèn suy. Đến lúc nhà Tấn chiếm cả thiên hạ, sai Mông Diêm đắp trường thành, đến quận Liêu Đông. Bấy giờ vua Triều Tiên là Phủ lập, sợ

quân Tần đánh úp, bèn xin thần phục nhà Tần nhưng không chịu châu gập. Phủ chết, con là Chuẩn lập, được hơn hai mươi năm thì vừa lúc Trần, Hạng⁽²¹⁾ nổi dậy, thiên hạ loạn, dân Yên, Tề, Triệu sầu khổ, dần dần trốn đến chỗ Chuẩn, Chuẩn bèn đặt họ ở tại biên giới phía tây. Đến lúc nhà Hán phong Lô Oản làm Yên Vương, Triều Tiên cách nước Yên ở sông Phối. Đến lúc Oản phản, vào đất Hung Nô, vừa lúc người nước Yên là Vệ Mãn trốn tránh, mặc áo Hồ, sang đông vượt sông Phối đến chỗ Chuẩn hàng, xin Chuẩn cho ở tại biên giới phía tây, do đó người trốn tránh Trung Quốc làm phen dậu của nước Triều Tiên. Chuẩn tin dùng Mãn, bái làm Bác sĩ, ban cho ngọc khuê, phong ấp rộng trăm dặm, sai giữ biên giới. Mãn bèn dụ người trốn tránh, quân ngày càng đông, rồi sai người lừa báo cho Chuẩn, nói là mười cánh quân Hán sắp đến, xin vào làm Túc vệ, do đó về đánh Chuẩn. Chuẩn đánh với Mãn, không địch được.

đem tả hữu cung nhân chạy vào biển, trú ở đất Hàn, tự hiệu là Hàn Vương.

Ngụy lược chép: Con và người thân của Chuẩn ở tại nước ấy, nhân đó đổi họ là Hàn. Chuẩn làm vua ở giữa đất ấy, không qua lại với nước Triều Tiên.

Sau đó diệt vong, ngày nay người Hàn vẫn có người cúng tế Chuẩn. Vào thời Hán thuộc quận Lạc Lãng, bốn mùa châu gập.

Ngụy lược chép: Lúc đầu vào lúc Hữu Cừ chưa bị phá, Thừa tướng của nước Triều Tiên là Lịch Khê Khanh can ngăn Hữu Cừ nhưng không nghe, bèn sang đông đến nước Hàn, bấy giờ dân đi theo ra ở đến hơn hai nghìn nhà, cũng không qua lại cống nạp với nước Triều Tiên. Đến những năm Địa Hoàng thời Vương Mãng, có người là Liêm Tư Trác làm cừ sủng của nước Thần Hàn, nghe nói Lạc Lãng đất đai đẹp, người dân vui vẻ, muốn trốn đến hàng. Vừa ra khỏi thôn ấp, thấy một chàng trai đang đuổi bắt chim trĩ ở trong ruộng, tiếng nói của anh ta không phải tiếng Hàn. Hỏi anh ta, anh ta đáp: “Ta là người Hán, tên là Hộ Lai, bọn ta có một nghìn năm trăm người chặt cây trong thôn, bị người Hàn đánh bắt được, đều cắt tóc làm nô, đã ba năm rồi”. Trác nói: “Ta sắp đến hàng quận Lạc Lãng của nhà Hán; các người muốn đi không”? Hộ Lai nói: “Được”. Trác nhân đó đem Hộ Lai ra đến huyện Hàm Tư, quan huyện báo cho quận, quận liền lấy Trác làm người phiên dịch, lại từ huyện Sâm Trung cưỡi thuyền lớn vào đất Thần Hàn, đón lấy Hộ Lai, bọn đi theo chỉ được nghìn người, năm trăm người trong số đó đã chết. Bấy giờ Trác bèn bảo người Thần Hàn rằng: “Các người mau trả năm trăm người kia, nếu không thì quận Lạc Lãng sẽ đem vạn quân cưỡi thuyền đến đánh các người”. Người Thần Hàn nói: “Năm trăm người kia đã chết, bọn ta sẽ đến đền bù vậy”. Bèn đem một vạn năm nghìn người Thần Hàn, một vạn năm nghìn thớt vải Biện Hàn để đền, Trác thu lấy rồi về. Quận khen Trác có công nghĩa, ban cho khăn mũ, ruộng vườn, con cháu mấy đời sau đến năm Diên Quang thứ tư thời An Đế lại bị tước bỏ.

Cuối thời Hoàn, Linh⁽²²⁾ người Hàn, Uế lớn mạnh, quận huyện không ngăn được, dân chúng phần nhiều trốn vào nước Hàn. Giữa năm Kiến An, Công Tôn Khang chia đất từ huyện Đồn Hữu đến cõi hoang phía nam mà lập ra quận Đái Phương, sai bọn Công Tôn Mô, Trương Xưởng thu tập dân lưu tán, đem quân đánh người Hàn, Uế, do đó dân ấy ra hàng, từ đó người Oa, Hàn bèn thần thuộc vào quận Đái Phương. Giữa năm Cảnh Sơ, Minh Đế ngầm sai Đái Phương Thái thú Lưu Hân, Lạc Lãng Thái thú Tiên Vu Tự vượt biển bình hai quận, ban ấn thao cho ‘Áp quân’, ‘Thần trí’ các ấp của nước Hàn, sau đó ban cho ‘Áp trưởng’. Phong tục ưa mặc áo đội mũ, các nhà đến quận châu gập đều mặc áo mũ, tự đeo ấn thao mặc áo mũ đến hơn nghìn người. Bộ tòng sự là Ngô Lâm thấy quận Lạc Lãng vốn trông coi cả nước Hàn, bèn chia cắt tám nước của người Hàn nhập vào quận Lạc Lãng, quan lại dịch tiếng có giống khác, ‘Thần trí’ khích động dân Hàn oán giận, đánh trại Kì Li của quận Đái Phương. Bảy giờ Thái thú Cung Tuân, Lạc Lãng Thái thú Lưu Mậu đem quân đánh người Hàn, Tuân chết trận, quân của hai quận bèn phá nước Hàn.

Phong tục ít kỉ cương, nước dẫu có chủ sủng nhưng ở lẫn trong thôn ấp, không thể ngăn chế lẫn nhau, không có lễ quỳ bái. Nhà ở làm vách đất mái cỏ, hình như nấm mồ, làm cửa ở trên, cả nhà cùng ở trong ấy, không phân biệt già trẻ trai gái. Phép táng có quách nhưng không có quan, không biết cưỡi trâu ngựa, trâu ngựa chết đầy trên đường. Lấy ngọc trai làm vật báu, hoặc lấy áo làm bằng lông chim trĩ làm trang sức, hoặc đeo ngọc ở cổ, đeo vòng tai, không lấy vàng bạc găm lụa làm vật quý. Tính người cứng cỏi, đầu trần lộ chòm, mặc áo choàng, chân đi giày dép da. Trong nước có thành quách mà nhà quan sai đắp, những kẻ khỏe mạnh trẻ tuổi đều đục da thịt, lấy dây lớn khâu qua, lại lấy cái kim gỗ dài khoảng một trượng để khâu qua, suốt ngày hô hoán trở sức, không cho là đau, mà lại còn khuyến khích làm, lại cho rằng thế là khỏe. Thường đến cuối tháng năm thì cày trồng xong, bèn tế quỷ thần, tụ hội múa hát, ngày đêm uống rượu không nghỉ. Lúc múa, mấy chục người cùng nối theo nhau, dẫm đất cúi ngựa, tay chân ứng nhịp, tiết tấu có lúc tựa múa chuông. Tháng mười thì việc cày trồng xong, lại cúng tế uống rượu múa hát như trước. Tin thờ quỷ thần, trong mỗi nước đều lập một người chủ tế thần trời, gọi là ‘thiên quân’. Lại nữa các nước đều có ấp riêng gọi là ‘tô đồ’. Dựng một cây gỗ lớn, treo chuông trống lên đấy để thờ quỷ thần. Những người trốn tránh đến chỗ ấy đều không cho quay về. Ưa làm giặc, lập nghĩa ‘tô đồ’, có chỗ giống đạo Phù Đồ⁽²³⁾ nhưng việc làm thiện ác có khác. Phía bắc gần các quận huyện⁽²⁴⁾ lại hiểu biết lễ tục, nơi xa xôi lại như bọn tù ngục nô tì tụ tập. Không có các vật báu khác. Cầm thú cây cỏ đại khái giống với Trung Quốc. Xuất cây giẻ lớn, lớn như cây lê. Lại xuất gà đuôi nhỏ, đuôi đều dài hơn năm thước. Đàn ông nước này đều xăm mình. Lại có người Hồ

của chân quận ở tại trên đảo lớn giữa biển tây của nước Mã Hàn, người này hơi thấp bé, tiếng nói không giống với người Hàn, đầu tóc đều giống người Tiên Ti nhưng áo lại khác, ưa nuôi trâu và heo. Mặc áo phần trên mà không che dưới thân, qua loa như cởi trần. Cưỡi thuyền qua lại mua bán giữa nước Hàn.

Thần Hàn tại phía đông Mã Hàn, người già cả truyền đời tự nói rằng dân mình là người trốn tránh việc lao dịch của nhà Tần mà đến nước Hàn, người Mã Hàn cắt đất phía đông mà trao cho. Có thành rào. Tiếng nói không giống với người Mã Hàn, gọi nước là ‘bang’, gọi cung là ‘hồ’, gọi giặc là ‘khẩu’, uống rượu gọi là ‘hành thương’, có giống người Tần, không chỉ giống tiếng nói của người Yên, Tề mà thôi. Gọi người quận Lạc Lãng là ‘a tàn’; người phương đông gọi người ta là ‘a’, tức gọi người quận Lạc Lãng vốn là ‘kẻ rời rạc’ vậy. Nay có người lại gọi họ là người Tần Hàn. Lúc đầu có sáu nước, dần dần chia thành mười hai nước.

Biện Hàn cũng có mười hai nước, lại có các ấp nhỏ khác, đều có cừ sù, lớn thì gọi là ‘Thần trí’, nhỏ hơn là ‘Sát hề’, thứ nữa là ‘Áp tá’. Có nước Dĩ Đê, nước Bất Tư, nước Biện Thần Di Li Di Đổng, nước Biện Thần Tiếp Đồ, nước Càn Kì, nước Nan Di Li Di Đổng, nước Biện Thần Cổ Tư Di Đổng, nước Biện Thần Cổ Thuần Thị, nước Nhiễm Hề, nước Biện Thần Bán Lộ, nước Biện Nhạc Nô, nước Biện Quân Di, nước Biện Thần Di Ô Tà Mã, nước Như Trạm, nước Biện Thần Cam Lộ, nước Lô Lộ, nước Châu Tiên, nước Biện Thần Cầu Tà, nước Biện Thần Tẩu Tào Mã, nước Biện Thần An Tà, nước Biện Thần Độc Lô, nước Tư Lô, nước Ưu Do. Biện Hàn, Thần Hàn hợp lại là hai mươi tư nước, nước lớn thì có bốn, năm nghìn nhà, nước nhỏ thì có sáu, bảy trăm nhà, cả thảy bốn, năm vạn hộ. Trong đó có mười hai nước thuộc Thần Vương. Thần Vương thường dùng người Mã Hàn làm vua, nói đời thay nhau. Thần Vương không được tự lập làm Vương.

Ngụy lược chép: Rõ ràng Thần Vương là dân lưu tán vậy, cho nên bị người Mã Hàn ngăn chế.

Đất đai màu mỡ, hợp ngũ cốc và lúa nước, biết dâu tằm, làm vải mịn, cưỡi xe trâu ngựa. Lễ tục cưới hỏi, trai gái có chia biệt. Lấy lông chim lớn để táng theo người chết, ý là muốn cho người chết được bay cao.

Ngụy lược chép: Người nước này làm nhà lấy nhiều cây gỗ xếp liền, có giống nhà ngục vậy.

Nước này có sắt, người Hàn, Uế, Oa đều đến thu lấy. Đồ trao đổi mua bán đều dùng sắt, như Trung Quốc dùng tiền, lại lấy sắt cung cấp cho hai quận. Tục ưa múa hát uống rượu. Có đàn tì, hình giống đàn trúc, gảy thì cũng có âm khúc. Sinh con liền lấy đá ép đầu trẻ, muốn cho đầu nhỏ. Nay người Thần Hàn đều đầu nhỏ. Trai gái giống người Oa, cũng xăm mình. Giỏi đánh trên bộ, binh khí giống với người Mã Hàn. Phong tục lúc đi mà gặp nhau thì

đều như rồng đường.

Người Biện Hàn ở lẫn với người Thần Hàn, cũng có thành quách. Áo quần, nhà ở cũng giống với người Thần Hàn. Tiếng nói luật tục cũng giống nhau nhưng cúng tế quỷ thần có khác. Nhà bếp đều đặt ở phía tây nhà. Nước Độc Lô tiếp với người Oa. Mười hai nước cũng có vua, dáng người đều to lớn, áo quần sạch đẹp, để tóc dài. Cũng làm khăn rộng bằng vải mịn. Phép tắc rất nghiêm ngặt.

Người Oa tại giữa biển lớn phía đông nam của quận Đái Phương, dựa vào núi đảo mà lập nước ấp. Lúc trước có hơn trăm nước, vào thời Hán có nước đến châu gập, ngày nay chỉ có ba mươi nước sai sứ giả qua lại. Từ châu quận đến nước Oa phải men theo bờ vượt biển mà đi, qua nước Hàn, sang đông sang nam, đến nước Cầu Tà Hàn ở bờ bắc, qua hơn bảy nghìn dặm, lại bắt đầu vượt một vùng biển, đi hơn nghìn dặm đến thì nước Đồi Mã. Quan lớn của họ gọi là ‘Ti cầu’, phó là ‘Ti nô mẫu li’. Ở nơi đảo xa, đất rộng hơn bốn trăm dặm, đất đai hiểm trở, nhiều rừng sâu, đường lối nhỏ bé gập ghềnh. Có hơn nghìn hộ, không có ruộng tốt, ăn vật biển mà sống, cưỡi thuyền đi lại nam bắc trao đổi. Lại về phía nam qua một vùng biển dài hơn nghìn dặm, gọi là ‘biển rộng’, đến một nước lớn, quan lại cũng gọi là ‘Ti cầu’, phó là ‘Ti nô mẫu li’. Đất rộng ba trăm dặm, nhiều rừng rậm tre gỗ, có khoảng ba nghìn nhà, đều có ruộng đất, nhưng làm ruộng vẫn không đủ ăn, cũng qua lại nam bắc trao đổi. Lại qua một vùng biển nữa, hơn nghìn dặm thì đến nước Mạt Lô, có hơn bốn nghìn nhà, ở gần núi biển, cây cỏ sum suê, đi lại chẳng thấy người. Ưa bắt sò cá, nước chẳng kể sâu nông, đều ngụp lặn mà bắt lấy. Đi bộ về phía đông năm năm trăm dặm thì đến nước Y Đô, quan lại gọi là ‘Nhĩ chi’, phó là ‘Tiết mô cô’, ‘Bính cừ cô’. Có hơn nghìn nhà, nhiều đời có vua, đều thần thuộc vào nước Nữ Vương, quan lại của châu quận qua đây thường trú ở đây. Đi về phía đông nam trăm dặm thì đến nước Nô, quan lại gọi là ‘Hủy mã cô’, phó là ‘Ti nô mẫu li’, có hơn hai vạn nhà. Đi về phía đông trăm dặm thì đến nước Bất Nhĩ, quan lại gọi là ‘Đa mô’, phó là ‘Ti nô mẫu li’ có hơn nghìn nhà. Phía nam đi đường thủy hai mươi ngày thì đến nước Đầu Mã, quan lại gọi là ‘Di di’, phó là ‘Di di na lợi’, có khoảng hơn năm vạn nhà. Phía nam đi đường thủy mười ngày, đi đường bộ một tháng thì đến nước Tà Mã Nhất, là kinh đô của nước Nữ Vương vậy. Quan lại có ‘Y chi mã’, thứ là ‘Di mã thặng’, thứ là ‘Di mã hoạch chi’, thứ nữa là ‘Nô khuê đê’, có khoảng hơn bảy vạn hộ. Từ nước Nữ Vương lên phía bắc, số hộ nhà và đường lối không chép qua được, các nước bên cạnh còn lại thì xa lánh, không được biết rõ. Lại có nước Tư Mã, lại có nước Dĩ Bách Chi, lại có nước Y Tà, lại có nước Đô Chi, lại có nước Di Nô, lại có nước Hảo Cổ, lại có nước Bất Hồ, lại có nước Thư Nô, lại có nước Đồi Tô, lại có nước Tô Nô, lại có nước Hồ Ấp, lại có nước Hoa Tô Nô, lại có nước Quỷ, lại có nước Vi Ngô, lại có

nước Quỷ Nô, lại có nước Tà Mã, lại có nước Cung Thần, lại có nước Ba Lợi, lại có nước Chi Duy, lại có nước Ô Nô, lại có nước Nô, đây là các nước xa nhất của nước Nữ Vương vậy. Phía nam có nước Cầu Nô, đàn ông làm vua, quan lại có ‘Cầu cổ trí ti cầu’, không thần thuộc nước Nữ Vương. Từ châu quận đi hơn một vạn hai nghìn dặm mới đến nước Nữ Vương.

Đàn ông không kể lớn bé đều vẽ mặt xăm mình. Từ xưa đến nay, sứ giả của họ đến Trung Quốc đều tự xưng là ‘Đại phu’. Con của vua Thiếu Khang nhà Hạ Hậu⁽²⁵⁾ được phong ở đất Côi Kê, cắt tóc xăm mình để tránh cái hại của giao long⁽²⁶⁾. Nay người Oa ven sông ngụy lặn bắt cá hến, xăm mình cũng là để ngăn cá lớn dưới nước, sau đó dần dần để trang sức. Các nước xăm mình đều khác nhau, có nước xăm bên trái, có nước xăm bên phải, hoặc hình lớn hoặc hình nhỏ, sang hèn đều có khác. Xét vị trí của nước ấy thì ứng tại phía đông của huyện Đông Dã quận Côi Kê vậy. Tục nước này không dâm dật, con trai đều để chỏm, lấy vải gấm quấn đầu. Mặc áo khăn ngang, nhưng bó buộc liền nhau, qua loa không may vá. Đàn bà búi tóc bó chỏm, làm áo như áo cọc, xuyên lỗ ở giữa, xỏ đầu mà mặc. Trồng lúa nếp, gai sợi, dâu tằm, cây sợi. Xuất sợi gai mịn, gấm mềm. Đất này không có trâu, ngựa, hổ, báo, dê, chim khách. Quân dùng mâu, khiên, cung gỗ. Cung gỗ dưới ngắn trên dài, lấy tre nứa hoặc sắt thép, xung thú làm mũi tên, không giống với người quận Đam Nhĩ, Chu Nhại. Khí hậu nước Oa ấm áp, mùa đông mùa hạ thì ăn rau sống, đều đi chân trần. Có nhà ở, cha mẹ anh em ngồi năm khác chỗ, lấy nước sơn đỏ sơn bôi lên thân như người Trung Quốc dùng sơn phấn vậy. Ăn uống dùng chén đĩa, lấy tay bốc mà ăn. Lúc chết, táng dùng quách mà không có quan, đắp đất làm nấm mồ. Vừa chết thì để tang hơn mười ngày, lúc ấy không ăn thịt, chủ tang khóc lóc, người khác lại múa hát uống rượu. Đã táng xong, cả nhà lại xuống giữa sông tắm rửa để cho sạch sẽ.

Có người qua lại vượt biển đến Trung Quốc, thường sai một người không được chải đầu, không được bắt chấy rận, quần áo dơ bẩn, không được ăn thịt, không được gàn gửi đàn bà như người để tang vậy, gọi là ‘Trì suy’. Nếu người đi yên lành thì cấp tiền của cho người nhà; nếu người đi bệnh tật, bị nạn hại thì muốn giết người đó, gọi là ‘Trì suy bất cần’. Xuất ngọc trai, ngọc xanh. Núi ở đây có quặng đất đỏ, có cây là cây nam, cây thữ, cây dự chương, cây nhự lịch, cây đầu cương, cây ô hiệu, cây phong hương, có cây tre nhỏ, cành đào. Có cây khương, cây quất, cây tiêu, cây nương hà, không biết mùi vị ra sao. Có vượn khỉ, chim trĩ đen. Phong tục làm việc đi lại liền bàn luận, đốt xương thú mà bói để đoán tốt xấu, báo cho người muốn bói trước, cách bói như bói mai rùa, xem vết cháy để đoán điềm. Lúc hội họp thì cùng ngồi, cha con trai gái không phân biệt. Tính người ưa uống rượu,

Ngụy lược chép: Tục nước này không biết năm tháng mùa tiết, chỉ biết mùa xuân thì trồng tọt, mùa thu thì gặt hái mà ghi năm tháng.

gặp quan lớn đáng kính thì chỉ chắp tay để thay cho quỳ bái. Người nước này sống lâu, có kẻ đến trăm tuổi, hoặc tám, chín mươi tuổi. Phong tục thì quan lớn của nhà nước đều có bốn, năm vợ, nhà dưới chỉ có hai, ba vợ. Đàn bà không dâm dật, không ghen tị. Không trộm cướp, ít tranh tụng. Người phạm pháp, nhẹ thì bắt thu vợ con, nặng thì giết cả nhà. Còn họ hàng cao thấp đều có thứ bậc, đủ để thân phục nhau, thu tô thuế. Có nước Đê Các, nước này có chợ, có lúc trao đổi có lúc không, sai quan lớn người Oa coi xét. Từ nước Nữ Vương lên phía bắc, đặt riêng một quan lớn để xem xét các nước, các nước đều e sợ viên quân ấy. Thường trị ở nước Y Đô, ở trong nước giống quan Thứ sử vậy. Vua sai sứ đến kinh đô, quận Đái Phương, các nước Hàn. Đến lúc châu quận sai sứ đến nước Oa, đều đến bờ biển truyền báo, đem thư từ và các vật ban tặng đến Nữ vương, không được sai lạc. Nếu nhà dưới gặp với quan lớn trên đường thì nhường bước vào bãi cỏ ven đường. Lúc truyền lời tâu việc, hoặc ngồi xôm hoặc quỳ bái, hai tay chống xuống đất để tỏ ý cung kính. Đối đáp thì nói là ‘ôi’, ý như vừa lòng vậy.

Nước này vốn cũng lấy đàn ông làm vua, lập được bảy, tám mươi năm thì nước Oa loạn, đánh dẹp nhau nhiều năm, bèn lập một người con gái làm vua, tên là Tì Di Hô, thờ đạo quỷ, có thể mê hoặc dân chúng, tuổi đã già lớn mà không lấy chồng, có em trai giúp trị nước. Từ khi làm vua đến nay ít có người thấy. Lấy nghìn người hầu gái để tự hộ vệ, chỉ có một người đàn ông được hầu cấp ăn uống, truyền lời ra vào. Chỗ ở có cung thất lầu quán, thành rào rất chặt chẽ, thường có người cầm binh khí phòng giữ.

Từ nước Nữ Vương vượt biển hơn nghìn dặm lại có nước khác, đều thuộc người Oa. Lại có nước Chu Nho tại phía nam, người chỉ cao ba, bốn thước, cách nước Nữ Vương hơn bốn nghìn dặm. Lại có nước Khỏa, nước Hắc Xi cũng tại phía đông nam, đi thuyền một năm thì đến được. Thử hỏi về đất Oa, nói là cách trở ở trên bãi đảo giữa biển lớn, hoặc cách hoặc liền, vòng quanh khoảng hơn năm nghìn dặm.

Năm Cảnh Sơ thứ hai, tháng sáu, Nữ vương của nước Oa sai bọn Đại phu Nan Thăng Mễ đến châu quận, xin được dâng công cho Thiên tử, Thái thú Lưu Hạ sai quan tướng chở đến kinh đô. Tháng mười một năm ấy, hạ chiếu đáp Nữ vương của nước Oa rằng: “Hạ chiếu cho người thân nhà Ngụy là nữ vương của nước Oa là Tì Di Hô biết rằng: Đái Phương Thái thú Lưu Hạ đã sai sứ đến nhận bốn người con trai, sáu người con gái, hai trượng hai thất vải gấm mà Đại phu Nan Thăng Mễ, Đô Thị Ngưu Lợi của các người đến dâng. Các người ở nơi xa xôi mà vẫn sai sứ dâng công, đây là lòng trung hiếu của các người vậy. Ta rất cảm kích các người. Nay cho các người làm nữ vương của nước Oa thân với nhà Ngụy, ban cho ấn vàng thao đồ, đóng gói lại giao cho Đái Phương Thái thú cấp cho các người. Các người phải về dòng giống, khuyên bảo hiếu thuận. Sứ giả các người là Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi

vượt đường xa, đi lại vất vả, nay lấy Nan Thăng Mễ làm Suất thiện Trung lang tướng, Ngưu Lợi làm Suất thiện Hiệu úy, ban cho ân bạc thao xanh, đem đồ ban tặng quay về. Nay lấy năm thất gấm giao long giáng địa,

Thần là Tùng Chi cho rằng: ‘Địa’ phải là ‘đề’, vua Văn Đế của nhà Hán mặc áo đen gọi là ‘dặc đề’ vậy. Chữ này này không theo quy tắc, nếu không phải là cái sai của nhà Ngụy thì cũng là người viết chữ nhầm lẫn vậy.

mười tấm len giáng địa trứ túc, năm thất vải đỏ, năm thất xanh sẫm để báo đáp vật mà các người cống. Lại ban riêng ba thất cám địa, năm tấm len ban hoa, năm mươi thất lụa trắng, tám lạng vàng, hai cái đao dài năm thước, trăm tấm gương đồng, năm mươi cân ngọc trai, quặng chì, đều bọc lại giao cho Nan Thăng Mễ, Ngưu Lợi đem về dùng. Phải đem hết ra cho người trong nước các người được biết, tỏ rõ ý nhà nước thương các người. Do đó coi trọng ban vật tốt cho các người vậy”.

Năm Chính Thủy thứ nhất, Thái thú Cung Tuân sai bọn Kiến trung Hiệu úy Thê Tuấn mang chiếu thư ân thao đến nước Oa, bái gặp vua của nước Oa, lại hạ chiếu ban cho vàng, lụa, gấm len, đao, gương, lá rau, vua của nước Oa nhân đó sai sứ dâng biểu báo đáp tạ ân. Năm thứ tư, vua Oa lại sai tám người bọn Đại phu Y Thanh Kỳ, Dịch Tà Cầu dâng tặng người sống, gấm Oa, vải mịn xanh, áo gấm, gỗ đỏ, con phụ, cung tên ngắn. Bọn Dịch Tà Cầu đều nhận ân thao Suất thiện Trung lang tướng. Năm thứ sáu, hạ chiếu ban khăn vàng cho bọn Nan Thăng Mễ của nước Oa, giao cho châu quận cung cấp. Năm thứ tám, Thái thú Vương Kỳ đến làm quan. Nữ vương của nước Oa là Tì Di Hô vốn không hòa thuận với vua nam của nước Cầu Nô là Tì Di Cung Hô, sai bọn Oa Đái Tư, Ô Việt đến châu quận nói rõ tình trạng đánh phá lẫn nhau của nước mình. Sai bọn Tái tào Duyệt lại Trương Chính nhân đó đem chiếu thư, cờ vàng đến, sai bảo Nan Thăng Mễ làm hịch cáo dụ chúng. Tì Di Hô đã chết, làm mộ lớn, rộng hơn trăm bước, hơn một trăm nô tì bị táng theo. Lại lập đàn ông làm vua, người trong nước không chịu, bèn đánh giết nhau, bấy giờ giết hơn nghìn người. Lại lập người con gái trong họ của Tì Di Hô là Nhật Dư làm vua, trong nước mới yên. Bọn Chính đem thư hịch dụ Nhật Dư, Nhật Dư sai hai mươi người bọn Đại phu Suất thiện Trung lang tướng Dịch Tà Cầu hộ tống bọn Chính quay về, nhân đó lên bờ, dâng ba mươi người trai gái, cống năm nghìn viên ngọc trai trắng, hai tấm ngọc râu lỗ màu xanh, hai mươi tư thất gấm sọc văn.

Bình rằng: Sử kí, Hán thư chép về Triều Tiên, hai nước Việt, Đông kinh ghi chép về Tây Khương. Thời nhà Ngụy, người Hung Nô đã suy, lại có Ô Hoàn, Tiên Ti và cả Đông Di sai sứ qua lại, cho nên ghi chép các việc, đấy là việc thường vậy!

Ngụy lược - Tây Nhung truyện chép: Người Đê có vua đã từ lâu rồi. Từ thời nhà Hán mở Ích Châu, đặt quận Vũ Đô, xếp dân ấy ở đấy, chia ra ở

giữa hang núi, hoặc tại huyện Phúc Lộc, hoặc tại vùng sông Khiên, hoặc tại hai bên tả hữu núi Lũng. Dân ấy không chỉ có một chủng, tự xưng là dòng dõi của Bàn Hồ⁽²⁷⁾, hoặc gọi là Thanh Đê, hoặc gọi là Bạch Đê, hoặc gọi là Nhiêm Đê, đây đại khái là dân rợ đến ở tại Trung Quốc, người ta liền dựa theo màu áo mà đặt tên vậy. Dân ấy tự gọi nhau là Hạp Trĩ, đều có Vương, Hầu, phần nhiều chịu Trung Quốc phong bá. Gần đây vào giữa năm Kiến An, vua người Đê ở huyện Hưng Quốc là A Quý, vua Đê ở huyện Bạch Hạng là Thiên Vạn đều có hơn vạn bộ lạc. Đến năm thứ mười sáu, theo Mã Siêu phản. Sau khi Siêu bị phá, A Quý bị Hạ Hầu Uyên đánh diệt, Thiên Vạn sang phía tây nam vào đất Thục, bộ lạc của hắn không chịu đi, đều hàng. Nhà nước chia đời họ trước sau ở hai đầu, cho ở tại quận Phù Phong, huyện Mĩ Dương, là hai bộ mà An Di, Phủ Di hộ quân trông coi vậy. Quan Thái thú lại chia ra ở tại quận Thiên Thủy, quận Nam An, là Quảng Ngụy Thái thú ngày nay vậy. Phong tục tiếng nói không giống với người Trung Quốc, giống với người Khương và người Hồ, đều tự có họ như họ của người Trung Quốc. Quần áo ưa màu xanh sẫm. Tục biết dệt vải, giỏi làm ruộng, chăn nuôi heo, trâu, ngựa, lừa, la. Đàn bà lấy chồng mặc váy áo lộ, cách trang sức thì giống người Khương, váy áo để lộ lại giống áo choàng của người Trung Quốc. Dân này kết tóc. Nhiều người biết tiếng Trung Quốc vì ở lẫn với người Trung Quốc vậy, lúc về giữa bộ lạc thì tự nói tiếng Đê. Phép cưới hỏi có giống với người Khương, có lẽ là dân Tây Nhung tại đất Nhai, Kì, Hoàn thời xưa vậy. Nay đều thuộc vào châu quận nhưng dân ấy tự có Vương, Hầu ở tại trong bộ lạc. Lại nữa đất quận Vũ Đô hai bên tả hữu đường lối bằng phẳng, cũng có hơn vạn bộ lạc. Người Ti Lô gốc là người Hung Nô, người Hung Nô gọi nô tì là 'tì'. Lúc trước vào năm Kiến Vũ, người Hung Nô suy yếu, phân chia nô tì của mình, trốn náu tại quận Kim Thành, quận Vũ Uy, vùng sông Hắc ở phía bắc quận Tỉu Tuyên, phía đông tây miền Tây Hà, chăn nuôi heo ở bãi cỏ ven sông, thường cướp bóc miền Lương Châu, do đó bộ lạc càng đông, có đến mấy vạn, không giống với người Tiên Ti ở phía đông vậy. Dân này không chỉ có một chủng, có người Đại Hồ, có người Đinh Linh, cũng có dân ở lẫn với người Khương, vốn là nô tì trốn tránh vậy. Vào giữa thời Hán, Ngụy, cừ súy của họ có Đàn Chá, sau khi chết thì cừ súy trong bộ ở tại phía nam gần quận Quảng Ngụy, huyện Linh Cư có Thốc Khôi Lai nhiều lần làm phản, bị người miền Lương Châu giết. Nay có Thiệu Đê khi hàng lúc phản, hoặc bỏ trốn, thường gây hại trên đường ở miền tây. Giữa núi phía nam vùng Tây Vực, quận Đôn Hoàng, từ nước Nhi Khương về phía tây đến đỉnh Thông Lĩnh mấy nghìn dặm có chủng khác ở nước Nguyệt Chi là người Thông Sại Khương, Bạch Mã Khương, Hoàng Ngưu Khương, đều có tù trưởng, phía bắc tiếp với các nước, không biết đường lối rộng hẹp ra sao. Nghe nói người Hoàng Ngưu Khương lại có nhánh chủng, đàn bà mang thai sáu tháng thì sinh, phía nam kề với người Bạch Mã Khương. Các

nước Tây Vực, đầu thời nhà Hán mở đường đến đây, có ba mươi sáu nước, sau đó chia thành hơn năm mươi nước. Từ năm Kiến Vũ về sau lại đánh chiếm lẫn nhau, đến nay có hai mươi nước. Từ cửa Ngọc Môn quận Đôn Hoàng vào miền Tây Vực, xưa có hai con đường, nay có ba con đường. Từ phía tây cửa Ngọc Môn mà ra, qua nước Nhi Khương mà sang phía tây, qua đỉnh Thông Lĩnh, vượt núi Huyền Độ, vào nước Đại Nguyệt Chi, là con đường phía nam. Từ phía tây cửa Ngọc Môn mà ra, phát từ giếng Đô Hộ, vòng qua đầu bắc bãi Tam Lũng, qua kho Cư Lô, từ giếng Sa Tây sang phía đông bắc, qua gò Long Đồi đến nước Lâu Lan cũ, chuyển sang phía tây đến nước Quy Từ mà đến đỉnh Thông Lĩnh, là con đường giữa. Từ phía tây bắc cửa Ngọc Môn mà ra, qua hang Hành Khanh, tránh bãi Tam Lũng và gò Long Đồi, từ phía bắc đường Ngũ Thuyền mà đi, đến sở trị của Thành ki Hiệu úy ở nước Xa Sư là huyện Cao Xương, lại chuyển về phía tây đi con đường giữa mà đến nước Quy Từ, là con đường mới mở. Những vật xuất từ miền Tây Vực thì sử cũ đã có chép đủ rõ, cho nên nay chỉ chép qua. Từ con đường phía nam đi về phía tây, có nước Thục Chí, Tiểu Uyển, Tinh Tuyết, Lâu Lan đều thuộc vào nước Thiên Thiên vậy. Nước Nhung Lô, nước Hãn Di, nước Cừ Lạc, nước Huyệt Sơn, nước Bì Sơn đều thuộc vào nước Trí. Nước Kế Tân, nước Đại Hạ, nước Cao Phụ, nước Thiên Trúc đều thuộc vào nước Đại Nguyệt Chi. Nước Lâm Nghê, theo kinh Phù Đồ chép rằng vua của nước ấy sinh Phù Đồ. Phù Đồ là Thái tử vậy. Cha là Tiết Đầu Tà, mẹ là Mạc Da. Phù Đồ mặc áo màu vàng, tóc xanh như tơ xanh, vú có lông xanh, môi đỏ như đồng. Lúc đầu Mạc Da nằm mơ gặp con voi trắng mà có thai, lúc sinh, từ nách trái mẹ mà chui ra, sinh ra đã kết tóc, xuống đất đã biết đi bảy bước. Nước ấy tại giữa thành Thiên Trúc. Trong thành Thiên Trúc lại có người thần, tên là Sa Luật. Ngày xưa vào năm Nguyên Thọ thứ nhất thời Hán Ai Đế, Bác sĩ Đệ tử Cảnh Lô tiếp nhận kinh Phù Đồ từ lời truyền miệng của sứ giả nước Nguyệt Chi là Y Tôn, nói: “Người truyền được đạo này là người này vậy”. Kinh Phù Đồ chép có chép về Bồ tát, Tang môn, Bá văn, Sơ văn, Bạch sơ văn, Tì khuru, Thần môn, đều là hiệu của học trò vậy. Kinh Phù Đồ cũng chép là kinh này đem ra vào cùng với kinh Lão Tử của Trung Quốc, có lẽ cho rằng Lão Tử đi về phía tây ra khỏi cửa ải, qua nước Thiên Trúc của miền Tây Vực mà dạy người Hồ. Phù Đồ đặt hiệu riêng cho học trò, cả thầy có hai mươi tám người, ở đây không thể chép rõ, cho nên nói qua như thế. Nước Xa Li còn có tên là Lễ Duy Đặc, còn có tên là Bái Lệ Vương, tại phía đông nam nước Thiên Trúc hơn ba nghìn dặm, đất này nóng nực ẩm ướt, vua nước này trị ở thành Sa Kì, có mấy chục thành khác, người dân yếu đuối, bị người Nguyệt Chi, Thiên Trúc đánh phục. Đất ấy đông tây nam bắc rộng mấy nghìn dặm, người dân trai gái đều cao một trượng hoặc tám thước, cưỡi voi, đứng trong bao che để đánh, ngày nay bị người Nguyệt Chi bắt nạp thuế lao dịch. Nước Bàn Việt còn có tên là Hán Việt Vương, tại phía

đông nam nước Thiên Trúc mấy nghìn dặm, gần nhau với miền Ích Châu, người nước này nhỏ ngang với người Trung Quốc, nhà buôn đất Thục thường đến đây. Từ con đường phía nam mà sang phương tây, về phía đông nam thì đó tận cùng rồi. Từ con đường giữa đi về phía tây, có nước Úy Lê, nước Ngụy Tu, nước Sơn Vương, đều thuộc vào nước Yên Kỳ; nước Cô Mặc, nước Ôn Túc, nước Úy Đầu đều thuộc vào nước Quy Từ; nước Trinh Trung, nước Sa Xa, nước Kiệt Thạch, nước Cừ Sa, nước Tây Dạ, nước Y Nại, nước Mãn Lê, nước Úc Khổ, nước Du Linh, nước Tôn Độc, nước Huru Tu, nước Cầm đều thuộc vào nước Sơ Lặc. Từ đây về phía tây, có nước Đại Uyển, nước An Túc, nước Điều Chi, nước Ô Dặc. Nước Ô Dặc còn có tên là nước Bài Đặc, đây là nước thứ tư ở phía tây, có nước này không thêm bớt gì cả. Người đời trước lầm lẫn cho rằng nước Điều Chi tại phía tây nước Đại Tần, nay xét rõ thật là tại phía đông. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng nước Điều Chi bị nước An Túc bức ép, ngày nay lại bắt nước An Túc thần phục, hiệu là 'cối tây An Túc'. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng sông Nhược tại phía tây nước Điều Chi, nay xét rõ sông Nhược tại phía tây nước Đại Tần. Người đời trước lại nhầm lẫn cho rằng từ nước Điều Chi đi về phía tây hơn hai mươi ngày thì đến chỗ mà Mặt trời lặn, nay xét lại cho rằng phía tây nước Đại Tần mới là chỗ mà Mặt trời lặn. Nước Đại Tần còn gọi là Lê Gian, tại phía tây biển lớn ở phía tây nước An Túc, Điều Chi, từ thành An Cốc của nước An Túc đi thuyền thì thẳng đến nước Hải Tây, nếu gặp gió thuận thì hai tháng sẽ đến, nếu gặp gió ngược thì một năm, nếu không có gió thì mất ba năm. Nước ấy tại phía tây biên cho nên gọi là nước Hải Tây vậy. Có sông chảy từ nước ấy, phía tây nước ấy lại có biển lớn. Nước Hải Tây có thành Trì Tán, từ miền nam nước ấy đi thẳng lên phía bắc thì đến thành Ô Đan, về phía tây nam lại vượt một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Về phía tây nam lại vượt một con sông nữa, cũng một ngày mới qua được. Cả thảy có ba kinh đô lớn, tức từ thành An Cốc đi bộ lên phía bắc đến phía bắc nước, lại đi thẳng về phía tây đến phía tây nước, lại đi thẳng về phía nam đến thành Ô Trì Tán, qua một con sông, cưỡi thuyền một ngày mới qua được. Đi vòng quanh biển, cả thảy sáu ngày mới qua được biển lớn mới đến được nước ấy. Nước ấy có cả thảy hơn bốn trăm thành ấp nhỏ, đông tây nam bắc rộng mấy nghìn dặm. Vua của nước ấy trị ở gần vùng bờ sông bờ biển, lấy đá làm thành quách. Đất đai mọc tùng, bách, hòe, tẻ, tre, cỏ lau, dương liễu, ngô đồng, nhiều loài cỏ. Dân làm ruộng trồng ngũ cốc, chăn nuôi có ngựa, la, lừa, lạc đà, tầm dâu. Tục người nước này ưa huyền ảo, trong miệng thổ ra lửa, tự trói rồi tự cởi, nhảy lộn mười hai vòng rất khéo léo. Nước này không có vua thường lập, nếu trong nước có tai họa thì liền lập người hiền khác lên làm vua mà bãi bỏ vua cũ, vua cũ cũng không dám oán. Người nước này cao lớn thẳng thắn như người Trung Quốc nhưng lại mặc áo Hồ. Tự nói là vốn là một chủng khác của người Trung Quốc, thường

muốn sai sứ qua lại với Trung Quốc, nhưng bị người nước An Tức mưu thu lợi cho nên không qua được. Người nước này biết chữ Hồ. Theo phép chế, cung thất công tư đều làm nhà nhiều tầng, dựng cờ gỗ trống, ngói xe nhỏ treo lọng trắng, có đặt trạm dịch như Trung Quốc. Từ nước An Tức qua biển lớn lên phía bắc thì đến nước ấy, người dân tụ cư, cứ mười dặm lại có một ngôi đình, ba mươi dặm lại có một tòa trạm, do đó chẳng có giặc cướp, chỉ có hổ dữ, sư tử gây hại, nếu đi đường mà không hợp thành nhóm thì không được qua. Nước ấy đặt mấy chục vua nhỏ, những vua nhỏ này trị ở tòa thành rộng mấy trăm dặm, có cung thất văn thư. Vua này có năm cung, mỗi cung cách nhau mười dặm, vua này mỗi sớm thì đến một cung để nghe tâu việc, đến chiều tối lại nghỉ, hôm sau lại đến một cung khác, cứ năm ngày là xong một vòng. Đặt ba mươi sáu viên tướng; hễ bàn việc, dầu có một viên tướng không đến thì cũng không bàn việc. Vua đi ra thường sai người đi theo cầm một cái túi da, có người tâu việc thì chép lời mà bỏ vào túi, về cung lại mở ra xem xét. Lấy thủy tinh làm cột cung và các vật. Làm cung tên. Có nhiều nước nhỏ khác, gọi là nước Trạch Tân, nước Lư Phân, nước Thư Lan, nước Hiền Đốc, nước Dĩ Phục, nước Vu La, các nước nhỏ còn lại rất nhiều, không thể chép rõ hết được. Nước này xuất vải mịn. Làm tiền vàng bạc, mỗi đồng tiền vàng ngang mười đồng tiền bạc. Có dệt thành vải mịn, nói là dùng lông của dê, gọi là vải Hải Tây. Lục súc của nước này đều xuất lông, có người nói là không chỉ dùng lông dê mà thôi, cũng dùng vỏ cây hoặc sợ kén tằm mà làm, dệt thành đồ thảm lông, chiếu lông, màn len đều bền, màu sắc lại sáng hơn đồ mà các nước phía đông biển làm. Lại thường mua tơ lụa của Trung Quốc, xẻ ra mà làm lụa Hồ, cho nên thường mua bán với các nước An Tức ở trên biển. Nước biển mặn không uống được, cho nên người qua lại ít đến nước này. Trong núi xuất đá ngọc có chín màu, một là màu xanh, hai là màu đỏ, ba là màu vàng, bốn là màu trắng, năm là màu đen, sáu là màu lục, bảy là màu tía, tám là màu hồng, chín là màu sẫm. Ngày nay trong núi Y Ngô có đá chín màu, tức loại đá ấy. Vào năm Dương Gia thứ ba, vua của nước Sơ Càn là Thần Bàn dâng một hòn đá xanh, một dải vàng Hải Tây. Ngày nay lại có sách Tây Vực cựu đồ chép: Các nước Kế Tân, Điều Chi xuất đá lạ, là một loại đá ngọc vậy. Nước Đại Tần có nhiều vàng, bạc, đồng, sắt, chì, thiếc, rùa thần, ngựa trắng, lông đỏ, hải kê tê, đồi mồi, gấu đen, con li đỏ, chuột trĩ độc, sò lớn, xà cừ, mã não, vàng ròng, thủy tước, cuống lông chim, ngà voi, ngọc khắc phù, ngọc trai sáng, ngọc trai sáng vào đêm, ngọc trai trắng, hổ phách, san hô, ngọc lưu li có mười màu đỏ, trắng, lục, vàng, xanh, sẫm, hồng, tía, ngọc cầu lâm, lang can, thủy tinh, mai cối, hùng hoàng, thư hoàng, ngọc bích, ngọc năm màu, thảm lông mười màu vàng, trắng đen, lục, tía, hồng, sẫm, biếc, bạc, vàng sánh, chiếu lông năm màu, chiếu lông có năm màu chín màu trên dưới, gấm thêu vàng, lụa màu tạp, vải dạt vàng, vải Phi Trì, vải Phát Lục, vải Phi Trì Cừ, vải chóng lửa, vải A La Đắc, vải Ba Tắc,

vải Độ Đại, vải Ôn Túc, vải đào năm màu, màn thêu vàng giáng địa, màn đầu năm màu, nhất vi mộc, nhị tô hợp, địch đề, mê mê, đầu nạp, bạch phụ tử, huân lục, vàng sẫm, vân giao, mười hai loại gỗ cây cỏ thơm. Đường vào nước Đại Tàn đã từ phía bắc biển đi bộ đã thông, lại men theo biển mà xuống phía nam mà trao đổi với các nước rợ ở ngoài bảy quận Giao Chỉ, lại có đường sông thông với quận Ích Châu, quận Vĩnh Xương, cho nên quận Vĩnh Xương xuất vật lạ. Người thời trước nói là chỉ có đường thủy mà không có đường bộ. Nay biết qua như thế, còn số hộ dân không thể biết rõ vậy. Từ đỉnh Thông Lĩnh về phía, nước Đại Tàn là lớn nhất, đặt các nước nhỏ có vua rất nhiều, cho nên chỉ chép những nước lớn phụ thuộc vào nước ấy mà thôi. Nước Trạch Tán thuộc nước Đại Tàn, trị ở vùng giữa cõi, phía bắc đến nước Lư Phân, đi đường thủy nửa năm, nếu gặp gió mạnh thì một tháng sẽ đến, là nước gần nhất với thành An Cốc của nước An Túc, về phía tây nam đến kinh đô của nước Đại Tàn, không biết mấy dặm. Nước Lư Phân thuộc nước Đại Tàn, sở trị cách kinh đô của nước Đại Tàn hai nghìn dặm. Từ phía tây thành của nước Lư Phân đến nước Đại Tàn phải vượt biển băng qua hai trăm ba mươi dặm, đi đường biển về phía tây nam, rồi qua biển đi thẳng về phía tây. Nước Thư Lan thuộc nước Đại Tàn, từ nước Tư Đào thẳng về phía nam vượt sông, lại đi thẳng về phía tây mà đến nước Thư Lan chỉ ba nghìn dặm. Đi đường từ phía nam sông, rồi đi về phía tây, từ nước Thư Lan đi thẳng về phía tây đến nước Dĩ Phục chỉ sáu trăm dặm. Con đường phía nam đến ở nước Dĩ Phục, lại đi về phía tây nam đến nước Hiền Đốc. Từ nước Thư Lan, Dĩ Phục đi thẳng về phía nam lại có một bãi đá, phía nam bãi đá có biển lớn, xuất san hô, ngọc trai. Ở phía nam nước Thư Lan, Dĩ Phục, Tư Tân A Man có một dải núi, trải từ đông sang tây. Ở phía đông của nước Đại Tàn, Hải Tây đều có một dãy núi, đều trải từ nam sang bắc. Nước Hiền Đốc thuộc nước Đại Tàn, trị tại phía đông bắc cách nước Dĩ Phục sáu trăm dặm. Nước Dĩ Phục thuộc nước Đại Tàn, trị ở phía đông bắc cách nước Vu La ba trăm bốn mươi dặm vượt biển. Nước Vu La thuộc nước Đại Tàn, trị tại phía đông bắc nước Dĩ Phục, vượt sông, từ phía đông bắc nước Vu La lại vượt sông, đến phía đông bắc nước Tư La lại vượt sông. Nước Tư La thuộc nước An Túc, tiếp với nước Đại Tàn vậy. Phía tây nước Đại Tàn có sông Hải, phía tây sông Hải có sông Hà, từ phía tây nam sông Hà đi về phía bắc có một trái núi lớn, phía tây núi có sông Xích, phía tây sông Xích có núi Bạch Vương, núi Bạch Vương có gò Tây Vương Mẫu, phía tây gò Tây Vương Mẫu có bãi Tu Lưu, phía tây bãi Tu Lưu có nước Đại Hạ, nước Kiên Sa, nước Chúc Dao, nước Nguyệt Chi, phía tây bốn nước này có sông Hắc, người ta nói rằng đây là chỗ tận cùng của miền tây rồi. Từ con đường mới đi về phía tây, đến nước Đông Thư Di, nước Tây Thư Di, nước Đan Hoàn, nước Tát Lục, nước Bồ Lục, nước Ô Tham, đều thuộc vào các nước phía sau của nước Xa Sư. Vua trị ở thành Lại. Nhà Ngụy bái vua nước ấy là Nhất Đa Tạt làm Thủ

Ngụy Thị trung, hiệu là Đại đô úy, nhận ấn Ngụy Vương. Sang phía tây bắc thì đến nước Ô Tôn, Khang Cư, nước này chẳng thêm bớt. Nước Bắc Ô Y Biệt tại phía bắc nước Khang Cư; lại có nước Liễu; lại có nước Nham; lại có nước Yểm Sái, một tên nữa là nước A Lan, đều giống phong tục với nước Khang Cư, phía tây tiếp với miền đông nam nước Đại Tần, tiếp với nước Khang Cư. Nước này nhiều chồn đẹp, chăn nuôi thả nơi bãi cỏ ven sông, gần đầm lớn, lúc trước thuộc vào nước Khang Cư, ngày nay không thuộc vào. Nước Hồ Đắc tại phía bắc đỉnh Thông Lĩnh, ở phía bắc nước Ô Tôn, phía đông bắc nước Khang Cư, có hơn vạn quân khỏe, đi chăn thả, xuất ngựa tốt, có chồn. Nước Kiên Côn tại phía tây bắc nước Khang Cư, có ba vạn quân khỏe, đi chăn thả, cũng có nhiều chồn, có ngựa tốt. Nước Đinh Linh tại phía bắc nước Khang Cư, có sáu vạn quân khỏe, đi chăn thả, xuất da chuột tốt, da chột đồng trắng, da chột đồng xanh. Đây là ba nước lớn, nước Kiên Côn ở giữa, đều cách sông Tập bên triều đình Thiên vua của người Hung Nô bảy nghìn dặm, phía nam cách nước Xa Sư năm nghìn dặm, phía tây nam cách nước Khang Cư ba nghìn dặm, phía tây cách sở trị của vua nước Khang Cư tám nghìn dặm. Có người cho rằng nước Đinh Linh ấy là nước Đinh Linh phía bắc đất Hung Nô, nhưng nước Đinh Linh bắc tại phía tây nước Ô Tôn có lẽ là chủng khác của họ vậy. Lại phía bắc đất Hung Nô có nước Hồn Dũ, có nước Khuất Xạ, có nước Đinh Linh, có nước Cách Côn, có nước Tân Lê, như thế rõ ràng phía nam của miền bắc tự có nước Đinh Linh, không chỉ phía tây nước Ô Tôn mới có nước Đinh Linh vậy. Người già cả của nước Ô Tôn nói rằng nước Đinh Linh phía bắc có nước Mã Hĩnh, tiếng nói của người nước này như tiếng chim nhạn, từ đầu gối trở lên thân đầu thì giống người, từ đầu gối trở xuống thì mọc lông như vó ngựa chân ngựa, không cưỡi ngựa nhưng chạy nhanh như ngựa, người nước này khỏe mạnh đánh trận giỏi. Nước Đoản Nhân tại phía tây bắc nước Khang Cư, trai gái đều cao chỉ ba thước, dân chúng rất đông, cách các nước Yểm Sái rất xa. Bậc già cả của nước Khang Cư nói rằng thường có nhà buôn đến nước ấy, cách nước Khang Cư khoảng hơn vạn dặm. Ngự Hoạn luận rằng: “Người đời cho rằng cá ở ao nhà không biết đến cái rộng lớn của sông biển, vật trôi nổi chẳng biết khí hậu của bốn mùa, là sao thế? Chỉ vì chỗ mà các vật ấy sinh sống nhỏ hẹp vậy. Ngày nay ta xem qua các nước Đại Tần là những nước rợ ở ngoài mà vẫn còn rộng lớn bao trùm như thế, huống chi là cái mà Trâu Diễn suy đoán, điều mà kinh Dịch, kinh Thái huyền đo lường đây! Đây là ép mình tại vũng nước của vết chân trâu, lại chẳng có cái tuổi thọ của Bành Tổ cho nên không mượn được gió lành để thổi đi chơi, không ngồi được ngựa tốt để ruổi đi xem, chỉ là liếc nhìn tam thân⁽²⁸⁾ mà suy đoán về tám cõi vậy”.

[CHÚ THÍCH]

(1) *Hiểm Duãn*: Hiểm Duãn, còn chép là Huân Dục, tương truyền thời xưa bị Hoàng Đế xưa đuổi về phía bắc. Vào thời Tây Chu dân dần lớn mạnh từng uy hiếp Trung Quốc. Thời Xuân thu gọi là Nhung, Địch, chỉ dân du mục miền bắc.

(2) *Hai nước Việt*: chỉ hai nước Nam Việt và Mân Việt thời nhà Hán, bị Vũ Đế sai quân đánh diệt, xem ở Hán thư - Lưỡng Việt truyện.

(3) *Nam Hung Nô*: từ sau khi bị hai tướng Hoắc, Vệ thời Tây Hán đánh phá, người Hung Nô ngày càng suy yếu. Đến thời Quang Vũ Đế thời Đông Hán, cừ súy của người Hung Nô phân chia thành hai miền nam bắc. Bắc Hung Nô chạy về phía bắc và phía tây, còn Nam Hung Nô thần phục vào nhà Hán.

(4) *Hữu hiền vương*: Hữu hiền vương là chức quan lớn của Thiên vu của người Hung Nô, xem ở Sử kí - Hung Nô liệt truyện.

(5) *Người Ô Hoàn ở ba quận*: chỉ người Ô Hoàn ở ba quận Liêu Tây, Liêu Đông, Hữu Bắc Bình. Ba quận này ở biên giới phía đông bắc Trung Quốc, kẻ đất người Ô Hoàn, người Ô Hoàn cũng đến sinh sống ở ba quận ấy.

(6) *Đông Hồ*: người Trung Quốc xưa gọi những bộ lạc du mục miền bắc như Hung Nô, Tiên Ti, Ô Hoàn, Đỉnh Linh là Hồ, những bộ lạc ở phía đông như Ô Hoàn, Tiên Ti thì gọi là Đông Hồ.

(7) *Lưu Sa*: chỉ bãi đất bồi của ven sông suối.

(8) *Ngũ cốc*: tức năm loại lúa hạt, thời xưa các sách chép khác nhau; Trịnh Huyền chú Chu lễ cho rằng ngũ cốc là cây gai, lúa nếp, lúa tẻ, lúa mạch, hạt đậu. Triệu Kì chú Sở từ cho rằng ngũ cốc là lúa nước, lúa nếp, lúa tẻ, lúa mạch, hạt đậu.

(9) *Ngũ quả*: thời xưa chỉ năm loại cây quả là đào, hạnh, mận, táo, giẻ.

(10) *Lục súc*: thời xưa chỉ sáu con vật được con người chăn nuôi là ngựa, trâu, dê, heo, chó, gà.

(11) *Các 'gia'*: chỉ các quan theo tên lục súc như Mã gia, Ngưu gia, Tru gia, Cẩu gia.

(12) *Kinh đô*: chỉ thành Trường An, Lạc Dương.

(13) *Không đủ làm đầy bụng miệng*: ý nói thiếu đói, không no đủ.

(14) *Sao linh, xã tắc*: sao linh, còn gọi là sao thiên điện, sao long được xem là biểu tượng của thần của nghề nông. Xã tắc chỉ thần đất và thần lúa.

(15) Mũ 'chiết phong': một loại mũ của người Cao Câu Li, giống mũ biện, không rõ hình dạng.

(16) 'Toại huyết': chỉ cái hố lớn tự nhiên hay được đào, có lẽ là có nguồn gốc từ lối sống trong hang động và đào hầm để tránh gió lạnh thời xưa.

(17) Thương, An: chỉ Thương Đế, An Đế của nhà Hán.

(18) Thuận, Hoàn: chỉ Thuận Đế, Hoàn Đế của nhà Hán.

(19) Bốn quận: chỉ bốn quận sau khi nhà Hán diệt nước Triệu Tiên lập ra là Huyền Thố, quận Lạc Lãng, quận Lâm Đôn, quận Chân Phiên.

(20) Thần Vương: tức của vua của các nước Hàn. Bây giờ có ba nhóm lớn là Thần Hàn, Mã Hàn, Biện Hàn, nhóm Thần Hàn là lớn hơn cả, thủ lĩnh của Thần Hàn làm vua lớn.

(21) Trần, Hạng: chỉ Trần Thắng, Hạng Vũ cuối thời Tần.

(22) Hoàn, Linh: chỉ Hoàn Đế, Linh Đế của nhà Hán.

(23) Phù Đồ: tức Phật Đà, phiên âm của từ 'Buddha' trong tiếng Phạn cổ, nghĩa là 'đấng giác ngộ'.

(24) Quận huyện: chỉ quận Lạc Lãng, Đái Phương, tiếp với các nước Hàn.

(25) Con của vua Thiếu Khang nhà Hạ Hậu: theo sách Ngô Việt xuân thu của Triệu Diệp thời Đông Hán chép: vua Thiếu Khang phong cho con thứ là Ư Việt, hiệu là Vô Dư ở núi Cối Kê để trông coi việc cúng tế vua Vũ.

(26) Giao long: chỉ cá sấu và các con cá to ở sông nước.

(27) Bàn Hồ: Bàn Hồ, theo Hậu Hán thư - Nam Man liệt truyện chép rằng: Vào thời Cao Tân thị (vua Khố) có giặc Khuyển Nhung gây hại, đánh dẹp không được, bèn mời gọi thiên hạ, nếu ai chém được đầu giặc thì ban cho nghìn vàng, thực ấp vạn hộ, lại gả con gái út cho. Bây giờ có một con chó nuôi lông năm màu tên là Bàn Hồ ngậm đầu giặc đem về dưới cửa khuyết, vua cả mừng, bèn phong thưởng, gả con gái như đã hứa. Bàn Hồ cũng con gái của vua vào núi Nam Sơn, dừng lại ở trong hang đá, là nơi hiểm vắng, dấu chân người không đến được, về sau sinh mười hai người con, sáu trai, sáu gái, tự lấy nhau, trở thành tổ tiên của người Man Di phía nam. Do đó nhiều bộ lạc miền núi Ngũ Khê, Ích Châu xem Bàn Hồ là tổ tiên vậy.

(28) Tam thần: chỉ Mặt trời, Mặt trăng và sao, thiên văn nói chung.